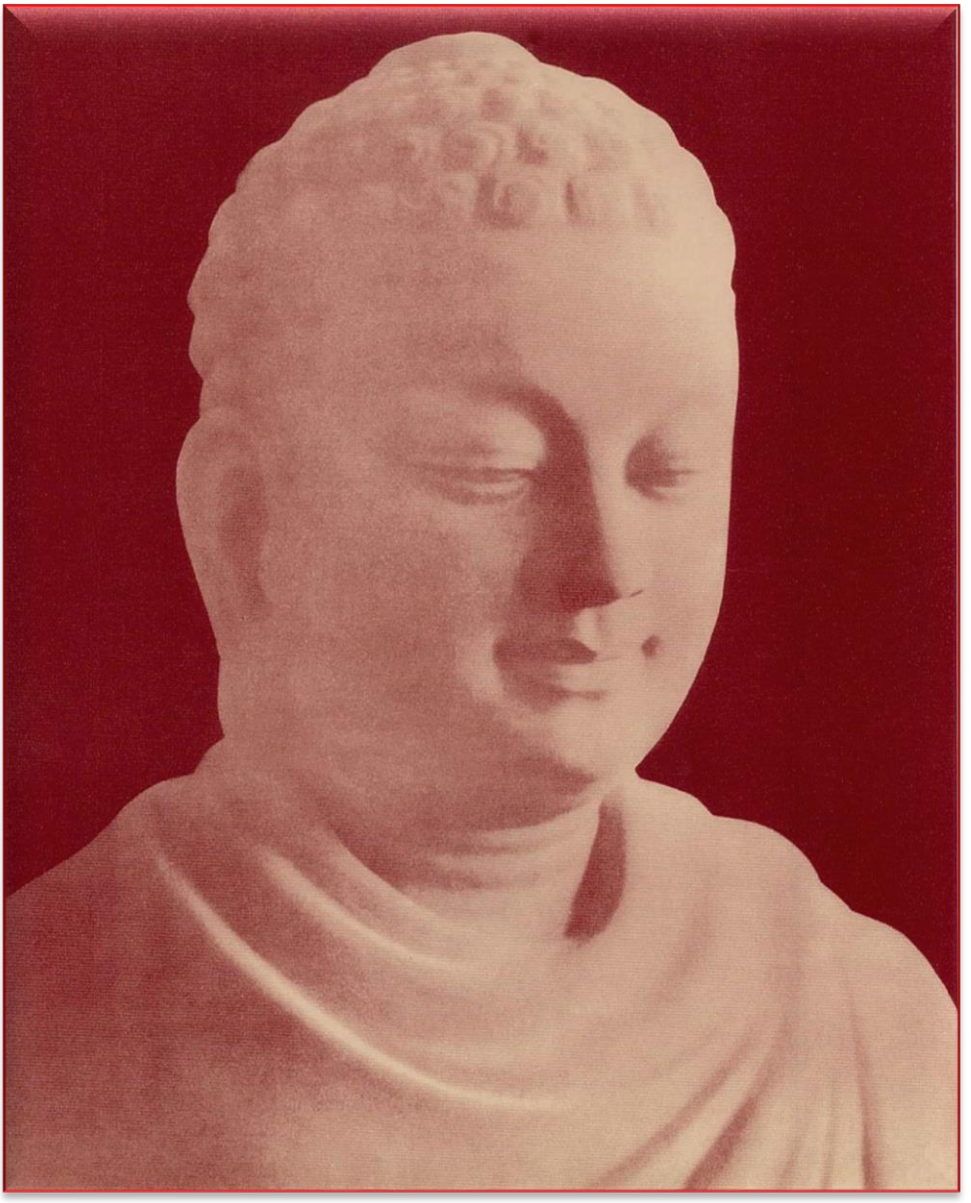


NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 68

BỘ KINH TẬP XV

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 68

BỘ KINH TẬP XV

SỐ 729 → 804

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ KINH TẬP 15 – T068

SỐ 729 3

PHẬT THUYẾT PHÂN BIỆT THIỆN ÁC SỞ KHỞI KINH 3

SỐ 730 32

PHẬT THUYẾT XỨ XỨ KINH 32

SỐ 731 49

PHẬT THUYẾT THẬP BÁT NÊ-LÊ KINH 49

SỐ 732 56

PHẬT THUYẾT MẠ Ý KINH 56

SỐ 733 75

PHẬT THUYẾT KIÊN Ý KINH 75

SỐ 734 77

PHẬT THUYẾT QUỶ VẤN MỤC-LIÊN KINH 77

SỐ 735 82

PHẬT THUYẾT TỨ NGUYỆN KINH 82

SỐ 736 87

PHẬT THUYẾT TỨ TỰ XÂM KINH 87

SỐ 737 92

KINH SỞ DỤC TRÍ HOẠN 92

SỐ 738 98

PHẬT THUYẾT PHÂN BIỆT KINH 98

SỐ 739 105

PHẬT THUYẾT MẠN PHÁP KINH 105

SỐ 740 107

PHẬT THUYẾT ÁT-ĐA-HÒA-ĐA-KỲ KINH 107

SỐ 741 109

KINH NGŨ KHỔ CHƯƠNG CÚ 109

SỐ 742 127

PHẬT THUYẾT TỰ ÁI KINH 127

SỐ 743 134

PHẬT THUYẾT TRUNG TÂM KINH 134

SỐ 744 141

PHẬT THUYẾT TRỪ KHỦNG TAI HOẠN KINH 141

SỐ 745 163

PHẬT THUYẾT TẠP TẠNG KINH 163

SỐ 746 175

KINH NGẠ QUỶ BÁO ỨNG 175

SỐ 747 (A) **184**
PHẬT THUYẾT TỘI PHƯỚC BÁO ỨNG KINH **184**
SỐ 747 (B) **189**
PHẬT THUYẾT LUÂN CHUYỂN NGŨ ĐẠO TỘI PHƯỚC BÁO ỨNG KINH **189**
SỐ 748 ..... **195**
PHẬT THUYẾT HỘ TỊNH KINH **195**
SỐ 749 ..... **198**
PHẬT THUYẾT NHÂN DUYÊN TĂNG HỘ KINH **198**
SỐ 750 ..... **222**
KINH SA-DI-LA **222**
SỐ 751 ..... **224**
PHẬT THUYẾT NGŨ VÔ PHẢN PHỤC KINH **224**
SỐ 752 ..... **228**
PHẬT THUYẾT NGŨ VÔ PHẢN PHỤC KINH **228**
SỐ 753 ..... **232**
KINH THẬP NHỊ PHẨM SINH TỬ **232**
SỐ 754 ..... **234**
PHẬT THUYẾT VỊ TẰNG HỮU NHÂN DUYÊN KINH **234**
QUYỂN THƯỢNG **234**
QUYỂN HẠ **257**
SỐ 755 ..... **282**
PHẬT THUYẾT TỊNH Ý ƯU-BÀ-TẮC SỞ VẤN KINH **282**
SỐ 756 ..... **287**
PHẬT THUYẾT BÁT VÔ HẠ HỮU HẠ KINH **287**
SỐ 757 ..... **292**
PHẬT THUYẾT THÂN MAO HỶ THỤ KINH **292**
QUYỂN THƯỢNG **292**
QUYỂN TRUNG **300**
QUYỂN HẠ **309**
SỐ 758 ..... **317**
PHẬT THUYẾT CHƯ HÀNH HỮU VI KINH **317**
SỐ 759 ..... **319**
PHẬT THUYẾT GIẢO LƯỢNG THỌ MẠNG KINH **319**
SỐ 760 ..... **331**
KINH DUY NHẬT TẠP NAN **331**
SỐ 761 ..... **348**
PHẬT THUYẾT PHÁP TẬP KINH **348**
QUYỂN 1 ..... **348**

QUYỂN 2 366
QUYỂN 3 381
QUYỂN 4 399
QUYỂN 5 419
QUYỂN 6 436
SỐ 762 457
PHẬT THUYẾT QUYẾT ĐỊNH NGHĨA KINH 457
SỐ 763 466
PHẬT THUYẾT PHÁP THỪA NGHĨA QUYẾT ĐỊNH KINH 466
QUYỂN THƯỢNG 466
QUYỂN TRUNG 475
QUYỂN HẠ 484
SỐ 764 489
PHẬT THUYẾT PHÁP TẬP DANH SỐ KINH 489
SỐ 765 496
KINH BẢN SỰ 496
QUYỂN 1 496
Phẩm 1: MỘT PHÁP (PHẦN 1) 496
QUYỂN 2 518
Phẩm 1: MỘT PHÁP (PHẦN 2) 518
QUYỂN 3 537
Phẩm 2: HAI PHÁP (PHẦN 1) 537
QUYỂN 4 555
Phẩm 2: HAI PHÁP (PHẦN 2) 555
QUYỂN 5 573
Phẩm 2: HAI PHÁP (PHẦN 3) 573
QUYỂN 6 591
Phẩm 3: BA PHÁP (PHẦN 1) 591
QUYỂN 7 609
Phẩm 3: BA PHÁP (PHẦN 2) 609
SỐ 766 628
PHẬT THUYẾT PHÁP THÂN KINH 628
SỐ 767 633
PHẬT THUYẾT TAM PHẨM ĐỆ TỬ KINH 633
SỐ 768 637
KINH TAM TUỆ 637
SỐ 769 654
PHẬT THUYẾT TỨ BỐI KINH 654
SỐ 770 658

PHẬT THUYẾT TỨ BẤT KHẢ ĐẮC KINH **658**
(BỐN ĐIỀU KHÔNG THỂ ĐƯỢC) **658**
SỐ 771 ..... **663**
KINH TỨ PHẨM HỌC PHÁP **663**
SỐ 772 ..... **666**
KINH ĐẠI THỪA TỨ PHÁP **666**
SỐ 773 ..... **668**
PHẬT THUYẾT BỒ-TÁT TU HÀNH TỨ PHÁP KINH **668**
SỐ 774 ..... **670**
KINH ĐẠI THỪA TỨ PHÁP **670**
SỐ 775 ..... **683**
PHẬT THUYẾT TỨ VÔ SỞ ÚY KINH **683**
SỐ 776 ..... **686**
PHẬT THUYẾT TỨ PHẨM PHÁP MÔN KINH **686**
SỐ 777 ..... **692**
PHẬT THUYẾT HIỀN GIẢ NGŨ PHƯỚC ĐỨC KINH **692**
SỐ 778 ..... **694**
PHẬT THUYẾT BỒ-TÁT NỘI TẬP LỤC BA-LA-MẬT KINH **694**
SỐ 779 ..... **698**
PHẬT THUYẾT BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC KINH **698**
SỐ 780 ..... **700**
PHẬT THUYẾT THẬP LỰC KINH **700**
SỐ 781 ..... **704**
PHẬT THUYẾT PHẬT THẬP LỰC KINH **704**
SỐ 782 ..... **707**
PHẬT THUYẾT THẬP HIỆU KINH **707**
SỐ 783 ..... **710**
PHẬT THUYẾT THẬP NHỊ ĐẦU-ĐÀ KINH **710**
SỐ 784 ..... **716**
KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG **716**
SỐ 785 ..... **722**
KINH ĐẮC ĐẠO THÊ ĐĂNG TÍCH TRƯỢNG **722**
PHÁP TRÌ TÍCH TRƯỢNG 728
SỐ 786 ..... **730**
PHẬT THUYẾT MỘC HOẠN TỬ KINH **730**
SỐ 787 ..... **732**
KINH MẠN-THÙ-THẤT-LỢI CHÚ TẠNG TRUNG GIẢO LƯỢNG SỐ CHÂU CÔNG ĐỨC **732**
SỐ 788 ..... **735**

PHẬT THUYẾT GIẢO LƯỢNG SỐ CHÂU CÔNG ĐỨC KINH 735
SỐ 789 738
KINH KIM CANG ĐẢNH DU-GIÀ NIỆM CHÂU 738
SỐ 790 740
PHẬT THUYẾT BỘT KINH SAO 740
SỐ 791 773
PHẬT THUYẾT XUẤT GIA DUYÊN KINH 773
SỐ 792 777
PHẬT THUYẾT PHÁP THỌ TRẦN KINH 777
SỐ 793 779
PHẬT THUYẾT PHẬT Y KINH 779
SỐ 794 (A) 785
PHẬT THUYẾT THỜI PHI THỜI KINH 785
SỐ 794 (B) 788
PHẬT THUYẾT THỜI PHI THỜI KINH 788
SỐ 795 791
PHẬT TRỊ THÂN KINH 791
SỐ 796 793
PHẬT THUYẾT KIẾN CHÁNH KINH 793
SỐ 797 (A) 802
PHẬT THUYẾT BẦN CÙNG LÃO CÔNG KINH 802
SỐ 797 (B) 806
PHẬT THUYẾT BẦN CÙNG LÃO CÔNG KINH 806
SỐ 798 809
PHẬT THUYẾT TẤN HỌC KINH 809
SỐ 799 811
PHẬT THUYẾT LƯỢC GIÁO GIỚI KINH 811
SỐ 800 813
PHẬT THUYẾT VÔ THƯỢNG XỨ KINH 813
SỐ 801 815
PHẬT THUYẾT VÔ THƯỜNG KINH 815
SỐ 802 822
PHẬT THUYẾT TÍN GIẢI TRÍ LỰC KINH 822
SỐ 803 828
PHẬT THUYẾT THANH TỊNH TÂM KINH 828
SỐ 804 829
PHẬT THUYẾT GIẢI ƯU KINH 829

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 68

BỘ KINH TẬP

15

SỐ 729 → 804

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 729

PHẬT THUYẾT
PHÂN BIỆT THIỆN ÁC SỞ KHỞI KINH

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao, người nước An Tức.

Một thời, Đức Phật ngụ tại tinh xá Kỳ hoàn A-nan-phần-để A-lam thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, vì thương chúng sinh đang khổ đau trong sinh tử, nên Đức Phật phương tiện nói ra những điều cốt yếu để phân biệt thiện ác, đặc trưng cho năm đường *(ngũ thú)*. Người gây tạo thiện, ác có nhiều ít, sân hận có dày mỏng, cõi trời không thân gần, thường cùng với người làm thiện. Những gì gọi là năm đường?

1. Cõi trời.

2. Loài người.

3. Cảnh giới ngạ quỷ.

4. Cảnh giới súc sinh.

5. Nê-lê Thái sơn địa ngục.

Con người không cầu con đường cứu độ thế gian, sự ưu khổ của sinh tử không đoạn tuyệt, nên qua lại ở năm đường, không được giải thoát, bậc Hiền giả là người thông minh, chán ghét ở lo ưu khổ não gặp Thầy tức phụng thờ, không gặp tức nhớ Thầy, nhớ những lời Thầy dạy để chỉ cho người khác bỏ ác làm điều lành, phụng dưỡng cha mẹ, chỉ rõ cho chúng sinh con đường độ thế, già bệnh, chết trong một đời thôi. Đức Phật độ người trải qua vạn kiếp không cùng tận. Bởi vậy, người có trí tuệ sáng suốt nên suy nghĩ chín chắn điều này. Phật dạy các đệ tử: "Hãy nghe ta vì các ngươi mà kể về họa phước của thiện và ác." Các đệ tử, đều quỳ xuống chắp tay phát nguyện thọ giáo.

Phật bảo: Người ở thế gian vì lòng từ nên không sát sinh. Do không sát sinh nên mới được năm phước đức. Những gì là năm?

1. Thọ mạng tăng trưởng.

2. Thân được an ổn.

3. Không bị binh đao, hổ, báo hay các loại có nọc độc như rắn, rít... gây tổn thương.

4. Được sinh lên cõi trời, lên cõi trời thọ mạng vô tận.

5. Từ trên trời hạ sinh ở thế gian tức trường thọ.

Nay thấy có người trăm tuổi, đều do đời trước không sát sinh. Vui mà chết còn hơn sống mà khổ, đã rõ ràng như vậy, cẩn thận chớ phạm vào giới sát.

Phật bảo: Người thế gian không lấy tài vật của người khác, không nhặt của rơi ở trên đường, tâm không tham lợi. Từ đó được năm việc thiện. Những gì là năm?

1. Tài vật ngày một nhiều.

2. Không bị mất mát.

3. Không sợ hãi.

4. Được sinh lên cõi trời, ở trên cõi trời có nhiều châu báu.

5. Từ cõi trời hạ sinh xuống thế gian, những tài vật đó cũng còn giữ lại, quan lại, đạo tặc cũng không dám xâm phạm lấy đi tài sản đó.

Nay những tài sản ấy được giữ gìn đến già, đều do đời trước không dám lấy cắp tài sản của kẻ khác. Mất đi không nhiều nhưng khiến người ta (đau buồn) sầu khổ. Rõ ràng như vậy, cẩn thận chớ lấy đi tài sản của người khác.

Đức Phật bảo: Người ở thế gian không phạm vào phụ nữ của người khác, lòng không nghĩ đến chuyện không chính đáng, từ đó được năm việc thiện. Những gì là năm?

1. Không bị hao phí.

2. Không sợ quan lại.

3. Không sợ người.

4. Được sinh lên cõi trời, rồi được lấy ngọc nữ ở trên trời làm vợ.

5. Từ trên cõi trời hạ sinh được nhiều người phụ nữ đoan chánh ở trong thế gian làm vợ.

Nay Tôn giả thấy có một số người vợ đoan chánh, đẹp nết đẹp người là trước không phạm đến vợ của người khác vậy. Thật rõ như vậy, cẩn thận chớ phạm vào vợ người.

Phật bảo: Người ở trong thế gian không nên nói hai lời gièm pha người khác. Không nói lời thô ác mắng chửi người khác không nói láo và

dùng lời hoa mỹ thêu dệt. Từ đó được năm điều thiện. Những gì là năm?

1. Lời nói đều được người ta tin.

2. Được sự yêu thương của người.

3. Miệng nói ra có mùi thơm.

4. Được lên cõi trời, được sự kính trọng của chư Thiên.

5. Từ cõi trời hạ sinh ở thế gian làm người ăn nói sắc sảo, người khác không dám dùng những từ ác độc, ô uế xúc phạm.

Nay thấy được từ nhỏ đến lớn không bị kẻ khác phỉ báng, đều do đời trước giữ gìn lời nói tốt đẹp, mà có được như vậy. Rõ ràng như vậy, cẩn thận chớ vọng ngôn gièm pha người khác.

Đức Phật bảo: Người ở thế gian không nên uống rượu say, từ việc không uống rượu say thì được năm điều lành. Những gì là năm?

1. Sự hiểu biết được tăng trưởng, làm quan được tăng chức, lời nói không lầm lẫn; cũng làm quan như ý.

2. Tề chỉnh việc nhà, thường dư của cải.

3. Nhờ danh nghĩa, cầu lợi nhanh chóng được, cũng được sự yêu kính của mọi người.

4. Được sinh lên cõi trời và được chư Thiên kính trọng.

5. Từ cõi trời hạ sinh xuống trần gian được sự tinh khiết, lòng đầy vui vẻ, trí tuệ thông suốt hiểu rõ mọi việc.

Sở dĩ được như vậy là do đời trước không uống rượu. Vì thế, các ông nên cẩn thận, chớ có uống rượu.

Phật bảo: Người ở thế gian, không được cầm dao, gậy làm cho người ta sợ hãi, không được dùng tay chân làm tổn hại người. Đối với người không được đánh nhau, để rồi mỗi người mỗi ngã. Việc mà mình không muốn, đừng bày ra cho người khác. Từ đó được năm điều thiện. Những gì là năm?

1. Thân thể được khỏe mạnh.

2. Đứng, nằm thường an ổn.

3. Là được chư Thiên, Long thần, Quỷ thần hộ vệ.

4. Được sinh lên cõi trời, được hưởng niềm vui của cõi trời không bao giờ hết.

5. Từ cõi trời hạ sinh ở thế gian, thân thể hoàn toàn không tật bệnh.

Nay thấy được người từ trẻ đến già không có bệnh tật đã rõ như vậy, cẩn thận chớ gây điều ác đối với người.

Phật bảo: Người ở thế gian với lòng không sân hận, đối với người hiền sinh lòng kính trọng, đối với người ngu sinh lòng nhẫn nhịn, từ đó sẽ được năm điều thiện. Những gì là năm?

1. Được sự khen ngợi của mọi người.

2. Mọi người thấy thì sinh lòng hoan hỷ.

3. Thân tự an ổn, bóng đẹp.

4. Được sinh lên cõi trời, ở cõi trời thân được đoan chánh, sạch sẽ.

5. Từ cõi trời hạ sinh vào thế gian, làm người thường có đức tánh đoan chánh, hiền lương.

Nay thấy có người tốt được tuyển chọn và trong vạn người đều do đời trước người đó với tấm lòng lương thiện, với đức tánh nhẫn nhục mới được như vậy. Không sân hận nó rõ ràng như vậy, cẩn thận chớ đem lòng sân hận đối với người.

Phật bảo: Người ở thế gian hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính bậc Trưởng lão, biết cung kính khiêm nhường, trước quỳ sau đứng, dừng đã mới thưa. Phải dạy người ác làm điều thiện, từ đó mới được năm điều lành. Những gì là năm?

1. Được người ta kính yêu.

2. Khiến mọi người hướng đến điều thiện đó.

3. Trong lòng mình sinh hoan hỷ.

4. Được sinh lên cõi trời, được sự kính yêu của chư Thiên.

5. Từ trên cõi trời hạ sinh vào thế gian được mọi người chiều chuộng yêu mến.

Nay thấy có người có lòng hiếu thuận, được mọi người ưa thích là đều do đời trước biết hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính bậc Trưởng lão. Đã rõ như vậy, nên phải thể hiện lòng hiếu thuận, tôn thờ bậc Trưởng lão.

Phật bảo: Người ở thế gian hiểu biết khuyên răn người, rõ biết mọi việc, có lòng tốt ý hay; tôn kính Trưởng lão, lễ tiết vẹn toàn. Từ đó mới được năm điều lành. Những gì là năm?

1. Làm quan được chức tốt.

2. Thăng chức quan rất nhanh, buôn bán đắc lợi.

3. Trăm họ nhìn thấy đều sinh hoan hỷ.

4. Được sinh lên cõi trời, chư Thiên thấy đều hoan hỷ.

5. Từ trên cõi trời hạ sinh vào thế gian làm con của vương hầu công khanh, đều do đời trước làm được việc phước.

Đã rõ như vậy, cẩn thận chớ có kiêu ngạo đối với người.

Phật bảo: Người ở trong thế gian không ích kỷ, vui vẻ bố thí, yêu thương đối xử với những gia đình bà con thân thuộc nghèo khổ, những đứa trẻ ăn xin, khiến họ ăn uống thường phải no đủ, áo quần phải đầy đủ. Từ đó được năm điều lành. Những gì là năm?

1. Tài sản ngày một tăng.

2. Được lời ca tụng của mọi người trong thiên hạ.

3. Được sự tôn (trọng) kính của bà con trong làng, quận và trong nước.

4. Được sinh lên cõi trời, rồi được sự hầu hạ của cõi trời.

5. Từ cõi trời hạ sinh vào thế gian, được sung túc vui sướng và được sự tôn kính của mọi người.

Đã rõ như vậy đều do đời trước bố thí, hành thiện. Do đó, các ông nên thực hành đức hạnh bố thí.

Phật bảo: Người ở thế gian, có hiền giả am hiểu kinh điển. Nếu những Sa-môn đạo sĩ nào muốn đến hỏi phương pháp cứu độ thế gian, với tâm không đố kỵ, tham ái, từ đó họ sẽ được năm điều lành. Những gì là năm?

1. Được thông minh.

2. Đa văn, cũng đa trí, đa kiến *(thấy nhiều, biết nhiều)*.

3. Nhiều người kính trọng và khen ngợi.

4. Được sinh lên cõi trời, để học cái biết ở trên cõi trời.

5. Từ cõi trời hạ sinh vào thế gian tức rõ kinh hiểu đạo, được sự kính trọng của quốc gia, được sự quy ngưỡng của mọi người.

Nay thấy có người khác thông hiểu kinh điển, đạo lý là vì đời trước vun trồng đạo hạnh mới đạt được. Như vậy họa phước đã rõ ràng như thế, nên các ông phải tu chỉnh đạo đức.

Đức Phật thuyết kinh xong. Các đệ tử đều sinh lòng hoan hỷ, hướng về Đức Phật đảnh lễ.

-oOo-

Đức Phật bảo: "Các ông phải lắng nghe! Làm ác thì nhân quả báo ác." Các đệ tử đều chắp tay vâng nhận lời dạy của Đức Phật.

Đức Phật bảo: Người ở thế gian thường ưa thích sát sinh, không có lòng từ, từ đó gặp năm điều ác. Những gì là năm?

1. Mạng sống ngắn.

2. Nhiều sợ hãi.

3. Nhiều thù oán.

4. Sau này muôn phần làm cô hồn đọa vào ở trong địa ngục Thái sơn, chịu những thống khổ độc hại trừng trị, như thiêu, nướng, chưng, hấp, chặt, đâm, mổ, lột, ép ruột, chẻ xương, muốn sống cũng không được, phạm vào tội sát lớn, rất lâu mới ra được.

5. Từ trong địa ngục, thoát sinh làm người thường phải đoản mệnh, hoặc thai hỏng mà chết, hoặc rơi xuống đất mà chết, hoặc vào trăm ngày mà chết, hoặc mười năm mà chết.

Nay gặp được thân đoản mệnh. Nếu thân hình đầy mụn nhọt, thân thể không hoàn hảo, què, đi cà nhắc, lưng gù; hoặc miệng câm, tai điếc, mũi trịt, hoặc cụt tay, cụt chân, các lỗ trong cơ thể không thông (chín lỗ), đều do đời trước mổ giết, săn bắn, buông lưới bắt cá, giết hại ruồi muỗi, rùa, ba ba, bò chét, rận. Rõ ràng như vậy, cẩn thận chớ phạm vào giới sát.

Phật bảo: Người ở trong thế gian, làm kiếp người trộm cắp, dùng sức mạnh để lấy tài vật của kẻ khác, cầu lợi không kể cả đạo lý, lừa dối để lấy tài sản; cân nhẹ, đấu nhỏ, thước ngắn để lừa người; dùng cân nặng, đấu lớn, thước dài để xâm lấn người. Trên đường đi lượm nhặt những tài vật của người, đó là nợ mượn dùng mà không hoàn trả; cùng chống đối với mọi người. Từ đó rơi vào năm điều ác. Những gì là năm?

1. Tài vật ngày càng một hao giảm.

2. Bị vua pháp giam giữ, không ai giúp đỡ khó mà thoát được.

3. Thân chưa được an ổn, thường ôm lòng sợ hãi.

4. Sau khi chết, hồn phất vào trong địa ngục Thái sơn. Ở trong địa ngục Thái sơn bị ngàn vạn độc hại trừng trị, tùy theo việc làm của mình mà nhận tội.

5. Sau khi thoát ra khỏi địa ngục, tùy nợ nặng nhẹ mà trả. Hoặc làm kẻ đày tớ để trả, hoặc làm trâu, ngựa, la, lừa, lạc đà để trả. Hoặc làm heo, dê, ngỗng, vịt, gà, chó để trả nợ. Những loài thuộc cầm thú, cá, ba ba, đều là mắc nợ.

Trong kinh dạy rằng: Mắc nợ không thể gọi là lạc hậu. Nay gặp phải thuộc vào hạng hạ tiện, súc sinh, đều do đời trước ham lợi, cậy thế sức mạnh lấy tài vật của người khác. Thấy được rõ ràng những nỗi khổ trong loài súc sinh như vậy. Cẩn thận chớ lấy tài sản của người khác.

Phật bảo: Người ở thế gian dâm dật phạm vào vợ của người khác, từ đó bị năm tội ác. Những gì là năm?

1. Gia thất bất hòa, vợ chồng gây ra tranh cãi, gây mất tiền tài.

2. Sợ huyện quan thường dùng gậy đánh đập giải quyết mọi việc, bị pháp vua trói buộc, thân phải bị tội sống không bằng chết.

3. Tự lừa dối chính mình, thường sợ người.

4. Đọa vào trong địa ngục Thái sơn. Ở trong địa ngục Thái sơn, cột sắt đỏ rực, thân phải ôm choàng cột sắt đó. Do phạm vào vợ của người nên bị ương họa. Như vậy, gây ra ngàn, vạn năm, thân hình mới thoát tội.

5. Thoát ra khỏi địa ngục sinh làm gà, le le, chim, vịt. Hồn phất mang cái tên mà không có hình.

Nay gặp phải kiếp gà, le le dâm dật không phân biệt nào là mẹ, con, đều hành dâm không có tiết độ, thuộc trong hàng súc sinh. Tuy nhiên, cũng có những loại như chó khôn lanh, ngựa hiểu biết có đủ lòng tin. Nếu là gà, le le thì sự dâm dục không hề dừng. Đều do đời trước dâm dật phạm vào vợ của người, thọ làm thân gà, le le, để làm thức ăn cho người. Thống khổ triền miên như vậy, không thể kể hết. Rõ ràng như vậy, cẩn thận chớ phạm vào vợ của người.

Phật bảo: Người ở thế gian, thích nói lời thêu dệt, thích nói lời ác, nói lời xiên xẹo... Tự cống cao phỉ báng các Thánh đạo, ghen ghét người hiền, cao giọng lấn át mắng nhiếc. Từ những việc ấy bị năm tội ác. Những gì là năm?

1. Nhiều người oán ghét.

2. Tự lừa dối bản thân mình, khiến từ đó mọi người không tin.

3. Gặp nhiều lỗi lầm, tai họa.

4. Đọa vào trong địa ngục Thái sơn. Có những hồn bị kéo lưỡi từ cổ họng ra. Lại bị dùng liềm sắt nóng chích vào trong yết hầu, muốn chết cũng không được, muốn sống cũng chẳng xong, không thể nói được, chịu khổ ngàn vạn năm như vậy.

5. Thoát ra khỏi địa ngục, làm người răng miệng hôi thối, hay các căn thiếu hụt, chân đi cà thọt, miệng nói lập cập, hoặc bị câm không nói được.

Nay làm kiếp người như vậy, là do đời trước gây ra những lời nói thêu dệt phỉ báng các bậc Thánh đạo. Hiểu rõ như vậy cẩn thận chớ nói lời ác.

Phật bảo: Người ở thế gian thích uống rượu say, sẽ có ba mươi sáu lỗi. Những gì là ba mươi sáu lỗi?

1. Uống rượu say, khiến con cái không kính cha mẹ, quần thần không kính với vua. Đạo nghĩa vua tôi, cha con không có trên dưới.

2. Lời nói nhiều sai lầm.

3. Miệng nói nhiều lời ly gián.

4. Uống rượu say thường nói ra những việc bí mật, riêng tư.

5. Uống say khiến chửi bới trời, làng xã không kể cả kỵ húy.

6. Uống say khiến nằm lăn giữa đường không thể trở về được, hoặc mất hết các đồ lặt vặt.

7. Uống say khiến không thể chấn chỉnh bản thân.

8. Ngang ngược với trên, dưới, hoặc bị rơi xuống hào, hố.

9. Uống say khiến ngã xuống, phá nát mặt mày.

10. Buôn bán thua lỗ, chống đối ngông cuồng.

11. Uống say khiến (hỏng việc) thất nghiệp, không lo liệu cuộc sống.

12. Uống say khiến hao giảm tài vật.

13. Uống say khiến không nhớ tưởng đến sự đói khát của vợ con.

14. Gọi chửi không kể cả pháp nước.

15. Uống say khiến cởi áo trần truồng, khỏa thân mà đi.

16. Uống say khiến tự ý xông vào nhà người, liền nói lời can loạn với người phụ nữ, tội lỗi đó không kể kiết.

17. Thấy người đi qua liền mắng chửi họ, cùng đánh đập họ.

18. Giẫm đất, la hét làm kinh động cả láng giềng.

19. Uống say khiến ngông cuồng sát hại các loài côn trùng, bò sát.

20. Đập phá nhà cửa, đổ vỡ đồ đạc.

21. Gia đình coi như là người phạm tội say, thốt ra những lời hỗn láo.

22. Bè đảng với người ác.

23. Xa lìa người thiện.

24. Khi nằm ngủ, thân thể như bệnh tật.

25. Nôn mửa, khiến các thứ nhơ bẩn chảy ra, vợ con tự chán ghét tình trạng đó.

26. Uống say khiến dục ý buông thả; như lang sói không biết phòng ngừa.

27. Không tôn trọng kinh điển, người hiền, không kính đạo sĩ, không kính Sa-môn.

28. Uống say khiến dâm dật, không chỗ lo sợ để tránh.

29. Uống say như người điên, khiến người thấy đều bỏ đi.

30. Uống say vào, như người chết không còn hay biết gì nữa.

31. Uống say khiến trên mặt nổi mụt, hoặc ốm đau do rượu hoặc suy sụp, tiều tụy.

32. Trời, rồng , quỷ thần đều cho rượu là ác.

33. Chỗ quen biết sâu nặng của người thân ngày càng xa.

34. Uống say khiến thấy ngồi rồi xoạc chân ra hoặc bị người ta đánh bầm cả hai mắt.

35. Mãi về sau phải đọa vào trong địa ngục Thái sơn, thường bị nước đồng sôi đổ vào miệng, chảy thiêu xuống trong bụng, thế là cầu sống cũng khó được, cầu chết cũng khó xong, kéo dài cả ngàn vạn năm.

36. Thoát ra khỏi địa ngục, sinh làm người thường ngu si, không chỗ hiểu biết đều do đời trước thèm uống rượu.

Rõ ràng như vậy, cẩn thật chớ uống rượu. Việc uống rượu có ba mươi sáu lỗi lầm, nếu người uống rượu thì phạm vào ba mươi sáu lỗi ấy.

Phật bảo: Người ở thế gian hay cầm gậy dọa người, dùng tay chân đánh người, thích đánh đập tán loạn khiến cho mỗi người đi mỗi ngã. Điều mà mình không muốn lại ép bức người, từ đó sẽ nhận chịu năm điều ác. Những gì gọi là năm?

1. Tự lừa dối thân mình và bị người khác gieo rắc tai họ cho bản thân.

2. Hai bản thân sợ hãi.

3. Lại mắc nhiều bệnh tật.

4. Đọa vào địa ngục Thái sơn, tùy chỗ mình làm mà thọ nhận tội, kéo dài cả vạn năm.

5. Khi thoát ra khỏi địa ngục sinh làm người nhiều tật bệnh và luận bị người dùng gậy đánh đập lại.

Do vậy, bệnh tật liên miên không được mạnh khỏe. Rõ ràng như vậy, cẩn thận chớ gây điều ác cho người.

Phật bảo: Người ở thế gian thích sân hận không chịu ôn hòa. Gặp người hiền cũng sân, gặp người ngu cũng sân, không phân biệt được kẻ ác người thiện. Chỉ muốn sân hận với người ta mà thôi. Từ đó bị năm điều ác. Những gì là năm?

1. Tự thiêu thân.

2. Tự rối loạn tâm ý.

3. Nằm, đứng không được yên hoặc ưu sầu, sân hận mà tự sát.

4. Đọa vào trong địa ngục Thái sơn chịu thống khổ và bị trừng trị trải qua hàng ngàn vạn năm.

5. Khi ra khỏi địa ngục được sinh làm người, bộ mặt thường độc ác, thần sắc khô héo tiều tụy.

Nay có được thân người hung ác như vậy đều do đời trước thích tạo ra nhân sân hận. Sắc mặt xấu xa không giống như đoan chánh, đẹp đẽ. Rõ ràng như vậy, cẩn thận chớ có sân hận.

Phật bảo: Người ở thế gian bất hiếu với cha mẹ, không kính các bậc Trưởng lão, thấy người khác có hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính các bậc Trưởng lão, thường hay sân hận, không ưa làm thiện, từ đó bị năm tội ác. Những gì là năm?

1. Thường bị ác mộng.

2. Làm cho người ta oán ghét.

3. Tiếng ác truyền xa.

4. Đọa vào trong địa ngục Thái sơn, bị tra tấn cả ngàn vạn năm.

5. Khi ra khỏi địa ngục sinh làm người thường có tánh dối trá, không tốt đẹp, bị mọi người oán ghét.

Nay làm được thân người tuy không có tánh dua nịnh, ích kỷ, nhưng bị sự căm ghét của mọi người, đều do đời trước không hiếu kính với cha mẹ, không tôn kính các bậc Trưởng lão. Rõ ràng như vậy, cẩn thận chớ có kiêu mạn, nên hiếu thuận và tôn thờ Trưởng lão.

Phật bảo: Người ở thế gian không hiếu kính, không tôn trọng người già, không có lễ tiết, kiêu mạn, tự cao tự đại, từ đó có năm điều ác. Những gì là năm?

1. Mất hết tước vị.

2. Tự xem nhẹ mình.

3. Không được sự kính trọng của người.

4. Bị đọa vào địa ngục Thái sơn, chịu sự tra khảo kéo dài cả ngàn vạn năm.

5. Thoát ra khỏi địa ngục sinh làm thân người hạ tiện, bẩn thỉu, bị người ta khinh rẻ.

Nay làm thân người hạ tiện, đều do đời trước không biết tôn kính các bậc Trưởng lão. Rõ ràng như vậy cẩn thận chớ kiêu mạn.

Phật bảo: Người ở thế gian được tài sản nhưng lại tham lam keo kiệt không chịu bố thí, không yêu thương những gia đình nghèo khổ, không cho họ, không cúng dường Sa-môn, Hiền thánh, đạo sĩ, không cho những trẻ ăn xin. Hoặc bị bệnh cũng không dám ăn uống đầy đủ, không dám mặc y phục lành lặn, từ đó bị năm tội. Những gì là năm?

1. Coi thường thân của mình, cũng làm cho người ta không kính trọng mình.

2. Người ta đều gọi mình là hạng người keo kiệt.

3. Mãi mãi xấu hổ.

4. Đọa ngạ quỷ, chịu khó chịu khổ không thể nói, hoặc trăm năm ngàn năm không có nước để uống. Nhìn xa thì thấy sông, hồ, khe nước từ trong núi, đi đến gần để uống, nước liền biến thành nước đồng, mủ, máu không thể uống được, chịu cực chịu khổ như vậy không thể nói ra được.

5. Thoát ra khỏi cảnh ngạ quỷ, sinh làm người bần cùng, đói lạnh, chống gậy theo người xin ăn, nhưng xin cũng không ai cho, lại còn bị người ta mắng nhiếc.

Nay làm người bần cùng ăn xin đều do đời trước tham lam ích kỷ không dám bố thí. Rõ ràng như vậy, cẩn thận chớ có tham lam ích kỷ.

Phật bảo: Ở thế gian có những bậc Thánh minh, hiền giả hoặc Sa-môn, đạo nhân không vui vẻ đến hỏi con đường cứu nhân độ thế, mà lại lớn tiếng hiềm khích, phỉ báng Hiền giả, từ đó sẽ bị năm tội. Những gì là năm?

1. Không có trí tuệ.

2. Biết ít.

3. Không được sự kính trọng của người.

4. Đọa vào địa ngục Thái sơn. Vào ở trong địa ngục Thái sơn, chịu sự tra khảo gây ra cả ngàn vạn năm.

5. Thoát ra khỏi cảnh địa ngục sinh làm người ngu si không có chỗ hiểu biết, không khác gì loài súc sinh.

Nay làm thân người ngu si không phân biệt được trắng đen, đều do đời trước, không thích những người đạo đức, học cao, hiểu rộng. Rõ ràng như vậy, cẩn thận chớ có phạm.

Phật bảo: Người cầu sống lâu được sống lâu; cầu được đẹp, đoan chánh thì được đẹp, đoan chánh; cầu xấu xa được xấu xa; cầu tươi đẹp được tươi đẹp; cầu hạ tiện được hạ tiện; cầu giàu sang được giàu sang, cầu bần cùng được bần cùng; cầu thông minh hiểu đạo được thông minh hiểu đạo; cầu ngu si được ngu si. Người làm lành được điều lành, nếu làm phước được thăng Thiên, nếu làm người được tôn quý, cũng được đoan chánh. Nếu người làm ác bị quả ác hay can tội, hoặc đọa vào trong địa ngục Thái sơn hoặc đọa vào trong loài ngạ quỷ, hoặc đọa vào trong loài súc sinh. Nếu như được làm thân người phải làm người nghèo khổ, hạ tiện, không có sự hiểu biết, lại bị hình hài xấu xa. Như người trồng đắng được quả đắng, trồng

ngọt được quả ngọt. Ví như trồng ngũ cốc, trồng lúa được lúa, trồng đậu được đậu. Như người gieo nhân lành được quả lành, gieo nhân ác gặp quả ác vậy.

Truyền sâu lan rộng giới bao la
Giữ vững lòng tin giới cao xa
Dũng mãnh cương nghị ngăn bạo loạn
Nhân từ hòa dịu ngăn không dứt
Tâm rộng mênh mông hết hồ nghi
Trầm tỉnh thong dong rồi sẽ đạt
Khắc phục hiểm nguy được nhanh chóng
Nhiều người chẳng tin cho không thật.
Người hiền thường giữ giới
Giữ giới được ba thiện
Được kính không cầu nhiều
Mạng hết thọ thân trời.
Trú giới hành đã xong
Dùng tuệ chế ý hành
Đi đến chắc phải đến
Dứt hết chỗ thọ nhận.
Theo giới diệt hết khổ
Ba đời, giới trên hết.
Khiến các loài rồng độc
Không phạm người giữ giới.
Lành thay có giới Phật
Lấy chữ tín làm bạn
Là đạo, chẳng lời tà
Nên gọi giới trên hết
Khéo nương nhờ giới Phật
Chết đâu thấy lửa đồng
Đêm nằm thấy an ổn
Lại được giấc mộng lành
Được mọi người tôn kính
Sức thiện trang nghiêm thân
Tự thân cao quý nhất.
Đời sau làm vua Trời
Ta là người duy nhất
Đã thoát khổ trần thế
Cả cõi trời, cõi người.

Còn đâu so với ma.
Đức Phật vượt các khổ
Lụy kiếp không kể hết
Qua lại trong năm đường
Chưa từng bị trói buộc.
Gian ác đều ẩn núp
Sao gọi điều ác hiện!
Ngày nay người lễ Phật
Đều một lòng chắp tay.
Lễ Phật được sinh Thiên
Sống lâu trong cõi người.
Phật bậc tôn quý nhất
Đã hiện đủ trí tuệ
Đang lễ trước Pháp chúng
Ân đức tựa biển sông
Vì chúng tôi diễn pháp
Thánh điển tích của Phật
Từ đó khởi nhân duyên
Việc làm có thiện ác
Rộng suy tầm viết ra
Tùy theo yếu nghĩa kinh
Thuật ghi ý chỉ Phật.
Từ việc tạo họa phước
Phật đã rõ các pháp
Phạm thiên đến thỉnh cầu
Thế Tôn bèn thuyết kinh
Chí yếu khó nghe thấy
Khổ tùng nhân duyên khổ
Khổ hết mới là quý
Tu theo tám Thánh đạo
Khổ diệt ấy mới tịnh
Từ hành có quả khổ.
Như Đức Phật đã nói
Phát xuất từ nguồn tâm
Gian khổ từ đó có.
Người diệt các khổ não
Là thực hành pháp yếu
Cho nên lần lượt thuyết.

Như các bậc Thánh tôn.
Vì chấp vào kinh điển
Nên người đời thấy pháp
Rõ ràng không còn nghi.
Chỗ thích ứng kẻ trí
Chẳng phải thần hóa phép
Khiến tội phước vô duyên
Cũng chẳng phải tự nhiên
Không đúng thời cũng truyền.
Tại trời đâu vô duyên.
Thời và tánh cũng vậy
Thù thắng không thù thắng
Thực ra chẳng không tạo
Do nghi lao khổ sinh.
Lao khổ kia theo đuổi
Thoát rồi lại vướng mắc
Nghe đây chẳng phải nhiều.
Sao chép yếu nghĩa kinh.
Và tinh túy của luật
Kẻ trí ở cõi đời
Tất cả đều rõ biết.
Hóa hiện giải nghi hoặc
Nương kinh hiện thế gian
Làm thiện có phước báo
Việc này đâu không biết.
Đã tạo việc bất nghĩa
Lúc chết đọa đường ác
Tức thời gặp Diêm vương
Diêm vương lại trói buộc
Già trẻ đều bệnh chết
Dùng hình phạt ngăn cản.
Biết rõ có năm đường
Vì sao không tu đức?
Hành trì thân, miệng, ý
Giới bố thí cao cả,
Vậy sao không nghĩ tới
Mà hay làm điều ác.
Lúc đó có tội nhân

Nghe vua dùng phép răn
Xét mình làm không tốt
Lòng sợ hãi thưa rằng,
Do thân gần bạn xấu
Nghe lời nói phi pháp
Đắm chìm trong tham đắm
Nên không thể tu thiện.
Vua bảo làm người khó
Hạnh phúc sao không thiện?
Thể tánh đâu dễ ngộ
Oan nghiệp tạo địa ngục
Ngươi: Vốn thích việc ác
Tức chẳng vì cha mẹ
Chẳng Sa-môn, đạo sĩ
Chẳng vua chẳng ta dạy
Ngu si khoái tâm ý
Tạo nghiệp bất thiện ấy
Nên việc làm tự thân
Nay sẽ thọ quả báo.
Năm sứ giả đi đến
Lòng ân cần dạy bảo
Về sau vua Diêm-la
Im lặng không nói ra
Bèn sao chép tội lỗi
Để trong cõi Diêm-la
Bị dẫn vào địa ngục
Thấy ác rất sợ hãi
Vào địa ngục tối tăm
Lớn nhỏ đều kêu la
Thứ đến A-tỉ-ma
Lửa thiêu đốt thân hình
Đau đớn chân nhầy nhụa
Qua hình phạt nước sôi
Tầng ngục sát mười sáu
Tự nằm trên rừng dao.
Làm người phàm quả ác
Khiến có địa ngục này
Nên xét nghiệp đã tạo

Rồi lần lượt thọ lấy
Trải qua ngàn ức năm
Sinh rồi lại bị giết
Bởi do kết oán nhiều
Hãm hại bậc Hiền nhân
Sống ngông cuồng như thế
Rồi xa lánh bạn bè
Thích khen ngợi người ác
Chết đọa vào địa ngục
Đối kháng và lừa dối
Chỉ trị người hung ác,
Về sau chẹt trong núi,
Bị chày sắt nghiền nát.
Làm người thích sát sinh
Ngựa, trâu, nai, dê, heo
Gà, chó và côn trùng
Cũng bị chẹt trong núi.
Ngu tham lam khiếp nhược
Tùy ý giết hại người
Cầu tài không đúng pháp,
Bánh xe sắt nghiền thân
Nhờ vã người giúp đỡ
Khuất phục kẻ yếu đuối
Thích gây người phiền lòng
Thường giẫm lên mình người,
Nay làm phiền cha mẹ,
Sa-môn, Bà-la-môn
Quấy nhiễu khiến đau thương.
Đời sau bị thiêu nướng.
Hoặc đánh đuổi cha mẹ,
Người phụng đạo Thánh hiền
Người mà ta đáng kính,
Đời sau bị nấu luộc,
Ức kiếp phải thọ lấy.
Cho rằng không tội lỗi
Rồi sau thiêu cháy thân
La van, đau rên rỉ.
Xâm phạm của cải người

Nhận lấy quá ngắn ngủi
Rồi sau nhà cửa cháy
Gọi to không ai cứu.
Chẳng phải nói là pháp
Là pháp nói chẳng pháp
Hủy báng chẳng kính ai
Sau sinh ngục A-tỳ
Ở chỗ quá yên tĩnh
Mà tạo điều tội lỗi
Do hủy báng Thánh hiền
Khiến đọa vào ngục sâu
Bỏ bê hành thiện nghiệp
Vui sống theo hạnh tà
Sinh ở trong nhà xí
Làm côn trùng ăn phẩn.
Phóng lửa đốt cỏ cây
Hại côn trùng bò sát
Sau đọa vào địa ngục
Bị thiêu như đốt cỏ.
Người thân thích ngầm cướp
Lấy dao sắc đâm người.
Chim sắt móc tai ăn
Uyển chuyển cùng đến ăn
Hoặc phá hoại giáo pháp
Nói khóe người đức hạnh
Đọa địa ngục đao tiển
Đi trên đường dao sắc.
Phạm đến vợ của người
Đọa hình người trăm chân.
Dung mạo tựa mỹ nữ
Ôm choàng lấy người bạn
Ưa thích sự dâm dật
Ý dễu cợt vợ người
Bèn phải chịu các khổ
Thân ôm chầm vào cây
Nếu dùng những xảo trá
Giết hại trùng trong nước
Chết, đọa vào nước sôi

Sống trong dòng sông nhơ,
Vay mượn mà không trả
Thân bị lưỡi câu móc
Sắt cứng đốt đỏ rực
Phải uống nước đồng sôi
Lòng giận ý bực tức
Quả nhiên chẳng đúng pháp
Thấy người khổ vui mừng
Chết làm quỷ Diêm vương,
Sống làm việc bất thiện
Chết tức vào địa ngục
Thống khổ chẳng kể hết
Tất cả chỉ có khổ.
Như vậy đã nói đủ
Tạo tác ở địa ngục
Nghe hiểu việc súc sinh
Ngạ quỷ và quỷ thần.
Thân ba nghiệp, ý ba
Miệng bốn, là bất thiện
Quấy nhiễu tâm dao động
Chết đọa trong súc sinh.
Nếu tình trạng đa dâm
Chết làm loại trùng ngu
Nhạn, cáp, cua, uyên ương
Khổng tước và thiêu thân.
Thích trói giẫm đạp người
Đời sau nhiều khổ não
Tự làm voi, ngựa, trâu
Sân hận chết thành rắn.
Kiêu căng thường khinh người
Sau sinh làm thú dữ
Khinh rẻ người, đời sau
Làm heo, chó, hổ, lừa.
Thường trong lòng ghen ghét
Tâm thường không yên ổn
Đời sau làm con khỉ
Mặt lớn mắt lại nhỏ.
Tham lam và gian trá

Gây nên chuyện cướp bóc
Sau chết làm thân mèo
Ăn thịt thú hổ, lang.
Bố thí nhiều sân hận
Giữ tâm không chân thật
Đời sau đọa làm rồng
Bèn có đại thần lực.
Rộng thí có tâm giận
Khinh người và tự đại
Sau làm chim Ca-lưu
Có sức mạnh ghê gớm.
Thân tự ăn vị ngọt
Đem việc ác đến người
Chết làm quỷ hầm xí
Thường ăn loài trùng thối.
Thích quấy rối già trẻ
Trẻ ăn xin, người bệnh
Đời sau làm quỷ đói
Ăn thứ nhơ người để.
Chỉ đem lòng tham lam
Cứ sợ là không đủ
Sau làm quỷ ăn đêm
Đi từng đàn để ăn.
Nói bố thí không phước
Chớ nên bố thí nhiều
Sau làm quỷ tham lam
Ăn của người, ọc ra.
Không cho lại hủy báng
Tự lấy đồ thô ăn
Sau làm quỷ trong đất
Luôn ăn đàm của người.
Tự có mà không cho
Thường mong cầu người khác
Sau làm quỷ bần cùng
Ưa muốn cũng không được.
Thích biết lỗi người khác
Ép người tham tài sản
Sau làm quỷ xấu xa

Ăn gan ruột người chết.
Nói lời thô giận người
Hại nói lỗi của người
Sau làm quỷ cháy bỏng
Thường ăn, nuốt khói lửa.
Thích kiện tụng, tranh đấu
Hung ác dọa thiêu người
Kiếp sau làm quỷ lửa
Ăn sâu con thiêu thân.
Ngăn cản người bố thí
Mình cũng không giúp người
Sau làm quỷ thân lớn
Bị kim châm mũi, miệng.
Chôn của cải cho con
Không ăn, không bố thí
Khi chết thuộc Diêm giới
Con cúng mới được ăn.
Sinh ở chỗ hẹp hòi
Ngăn cản người bố thí
Làm quỷ hình hung ác
Ham muốn rồi chẳng được.
Lời nói thường cao ngạo
Không bố thí, trì giới
Thích hẹp hòi, nóng nảy
Chết sinh trong quỷ thần.
Giết sâu làm mồi dụ
Dẫn dắt tới chỗ tối
Rồi giết chết mà ăn
Đời sau làm yêu ma.
Mong cầu người bố thí
Lòng chứa đầy bực tức
Sau làm ma ban ngày
Nhan sắc rất xấu ác.
Đã nóng giận lại tham
Thích người giúp, thích rượu
Thích múa nơi có nhạc
Chết làm thần giữ đất.
Người thân trong ngoài nhà

Không ác, không bệnh tật
Sau lại có thần lực
Cỡi mây gió mà bay.
Bố thí xe, nhà cửa
Cùng với thức ăn ngon
Chư Thần ở chỗ ấy
Nhà trông tùy ý bay.
Ham muốn mà lười biếng
Thích bố thí hoa hương
Đó là việc súc sinh
Ngạ quỷ và quỷ thần.
Đã vì đó nói rõ
Lại được nghe nhân lành
Đến ngay cả việc làm
Chỉ có sánh ngần ấy,
Chúng đâu phải một loài
Nay nói rõ việc này.
Trời, người, A-tu-la
Muốn cầu được trường thọ
Nội ý phải tự xét
Không hại những chúng sinh.
Nếu không thí công lao
Không được trói, đánh người
Luôn an ổn quần sinh
Làm người không mắc bệnh.
Ân đức không giết hại
Ý vững chắc không động
Suốt đời không giết hại
Làm người thường nhân hiền.
Chẳng nên bố thí ít
Nếu được một chút ít
Về sau thân cực khổ
Cầu ít có hoặc không.
Ưa lấy tài sản người
Để rồi đem bố thí
Đời sau tuy giàu có
Nhưng lại mau mất đi.
Không được lấy phi pháp

Không lấy của không cho
Mình phải chịu khổ cầu
Đời sau mới đắc tài.
Đã không lấy của người
Thường tự vui bố thí
Nhiều kiếp được giàu có
Được tài vật vô kể.
Ưa giữ gìn giới luật
Đời sau được trí tuệ
Thích pháp được an ổn
Hiền lành, lại đoan chánh.
Con hiếu nuôi dưỡng cha
Đã mất, luôn thờ cúng
Cũng cung kính lễ trời
Đời sau sẽ có ăn.
Người bố thí thức ăn
Đời sau có tướng đẹp
Có năng lực, giàu có
Không bệnh thường an ổn.
Người bố thí quần áo
Hết xấu hổ, tướng đẹp
Lòng thiện, người thấy vui
Được niềm vui mong muốn.
Giúp người nhà cửa ở
Đời sau chỗ ở an
Ở trong các cung điện
Tất cả được đầy đủ.
Bố thí giếng, nước uống
Tắm gội ao hoa sen
Đời sau được, không được
Mong cầu được giàu có.
Đời này thích bố thí
Giày, guốc, thuyền, xe, kiệu
Voi, ngựa, các cỗ xe
Đời sau được lên trời.
Thấy người thương, không oán
Tất cả đều quy ngưỡng
Sau làm con nhà giàu

Bố thí người vườn tược.
Năng giúp đỡ nô tỳ
Tăng thêm sự cung kính
Sau được bà con khen
Khiến không ai không phục.
Tổ tiên hay bố thí
Con cháu tiếp tục làm
Đời sau thật giàu có
Thường được của hồi môn.
Xưng công đức bố thí
Lòng không muốn bố thí
Đời sau tuy làm người
Sinh trong gia đình nghèo.
Nói bố thí vô ích
Chỉ vì thương mà giúp
Tuy ý không bố thí
Sinh trong nhà giàu có
Tâm thường thích trí tuệ
Nhưng mà không bố thí
Sau thường được thông minh
Sinh trong nhà nghèo túng.
Thường hay thích bố thí
Mà không học trí tuệ
Có trí, không nhanh nhẹn
Sinh trong nhà giàu có.
Học tuệ và bố thí
Cũng thâu nhận phước trí
Nếu không làm cả hai
Không được phước trọn vẹn.
Bố thí muốn người khen
Chưa thí, hay đã thí
Sau này muốn bố thí
Riêng mình nhận buồn khổ.
Bố thí tuy không tin
Đời sau được tài sản
Nếu vui, giúp người của
Người ấy mới có vui.
Bố thí có niềm tin

Đời sau thường giàu có
Giàu có được kính trọng
Trong lòng rất vui sướng.
Như kính người có đức
Khéo lòng dâng cúng dường
Sau này được giàu có
Thù thắng đến tột cùng.
Nếu đem lòng khinh miệt
Bố thí người có đức
Tuy sau này giàu có
Nhưng chẳng được an lành.
Bố thí muốn người an
Không lừa bịp mọi người
Tất được bao yêu kính
Thân thuộc cũng nể phục.
Bố thí không tư lợi
Tu đức vì cầu an
Sau này được vui sống
Pháp, đức, lợi vẹn toàn.
Bố thí có trí tuệ
Mà không cầu lợi gì
Thì phước truyền con cháu
Muôn đời được giàu sang.
Người trí hành bố thí
Đúng thời, chẳng mệt người
Tuy ít nhưng đúng giờ
Người nhận được vừa ý.
Tu tập biết giữ gìn
Không quấy nhiễu vợ người
Sau này mới yên vui
Giới đức được trong sạch.
Vợ người vốn không hợp
Kẻ trí tự giữ mình
Sau không ai gây oán
Lại được tánh thanh tịnh.
Nếu tu hạnh thanh tịnh
Hành động chẳng trái sai
Đời sau thơm danh tiếng

Được chư Thiên cúng dường.
Nếu trừ bỏ được rượu
Chuyên trong sạch tu hành
Sau không có hôn trầm
Được trí tuệ, thông minh.
Nếu được làm thân người
Suốt đời không nói bậy
Sau được người tin cậy
Không ai nói lỗi mình.
Thấy tranh chấp liền giải
Không thích nói lời dối
Sau quyến thuộc đoàn tụ
Thân giống như người hùng.
Luôn nói lời nhu nhuyến
Sẽ dễ phục nhân tâm
Được vừa lòng đại chúng
Khiến người nghe quý trọng.
Cùng nhau ngồi luận đàm
Như luận đúng mọi việc
Đời sau được lợi ích
Lúc nói người thích nghe.
Người kia có tất cả
Lòng không hề nghĩ đến
Đời sau tâm an vui
Chẳng để lại ưu sầu.
Suy nghĩ biết mọi việc
Quả báo các điều thiện
Làm người gần điều thiện
Được phước đức rất nhiều.
Muốn lợi lộc thành tựu
Danh tiếng vang đến trời
Biết mạng sống vô thường
Lòng nghĩ đến tu đức.
Tốt xấu do mình tạo
Là lợi lớn cõi người
Trồng tạp được quả tạp
Tại trắng, chẳng phải trắng.
Thiếu niên hay người già

Do nghiệp mình tạo tác
Sau đúng thời nhận lấy
Khổ vui có nguồn gốc.
Tạo ngắn hay tạo dài
Chỗ thiện hay không thiện
Làm vừa được quả vừa
Làm nhiều được quả nhiều.
Lời thầy, bạn tha thứ
Nặng đời nay, đời sau
Vội khinh miệt không nghe
Đời sau thường ngu muội.
Dối trá khinh mạn người
Đời sau gù, xấu xí
Câm ngọng, hoặc ố sắc
Bà con chẳng muốn nhìn.
Không kính lão tức ngu
Việc có đạo tức trí
Không mạn, sau tôn quý
Kiêu mạn tức kẻ hèn.
Bố thí sau giàu có
Không bố thí tức nghèo
Sân hận chịu tướng xấu
Không giận được sắc đẹp.
Gian díu với nam, nữ
Dâm loạn không kể xiết
Ngay cả loài súc sinh
Đời sau làm huỳnh môn (bán nam bán nữ)
Nghĩ dâm, hoặc phóng lửa
Căn thân, tâm, khẩu phạm
Hằng mong cầu nữ nhân
Sau sinh làm huỳnh môn.
Dạy hành thiện bố thí
Lại khuyên theo mình vui
Ghét, thương đều bình đẳng
Đời sau được ba mắt.
Thích dùng áo quần đẹp
Bố thí người có đức
Đời sau thường cao đẹp

Thần sắc sáng tợ vàng.
Coi người như con mình
Giúp đỡ người già bệnh
Sau thường gặp Thánh nhân
Sáng tợ trăng trong sao.
Không giữ gìn trai giới
Luôn thích vú vợ người
Sau làm thân kỹ nữ
Người phạm bị hủy báng.
Lễ kính yêu mọi người
Sau chân tay mềm mại
Giàu có và an ổn
Được kính như Thái sơn.
Chưa hỏi mà đã biết
Không cầu, chỉ bố thí
Sau ấm no đầy đủ
Của cải nhiều như biển.
Đức cao sánh ngang trời
Pháp thiện ai cũng mộ
Đời sau vui được kính
Được sinh vào dòng vua.
Thân, khẩu thường tu thiện
Bố thí mà vui vẻ
Sau giàu chẳng tật nguyền
Vui được sinh phương Bắc.
Ngầm làm thiện được thiện
Chớ đừng quên bố thí
Lớn tiếng lòng nhu nhuyến
Sau làm A-tu-la.
Như có thấy đường thiện
Thấy đủ các điều chánh
Được sinh lên cõi trời
Sáng như ánh mặt trời.
Khéo hiếu thảo cha mẹ
Sau sinh nhà quyền quý
Không tranh, không phẫn nộ
Hưởng phước trời Đao-lợi.
Không còn chỗ tranh luận

Không tham gia lễ tụng
Giữ thiện tâm tu đức
Sau sinh cõi Diễm thiên.
Đa văn định tư duy
Lợi tốt mà cầu thoát
Dùng thiện, niệm thiện đức
Sau sinh trời Đâu-thuật.
Giữ giới thường định ý
Chỉ nương nhờ vào pháp
Khuyên mọi người cũng thế
Sinh cõi trời Kiêu lạc.
Tự giữ giới, bố thí
Không ngạo, không tự xưng
Yêu mến đạo bình đẳng
Sinh cõi trời Ni-mật.
Chấp nhận khổ roi vọt
Không hại đến quần sinh
An ủi đến mọi người
Hưởng phước ở Phạm thiên.
Lòng từ, miệng nói hay
Cầu người yên như mình
Có cầu thì có ứng
Sau ở trời Ca-di.
Niệm hành thường chuyên tâm
Không cầu vui ở đời
Ý định được an tịnh
Sinh trời A-ba-tô.
Định tâm trừ ái nữ
Trừ ba độc, diệu lạc
Luôn luôn tập thiền định
Sinh cõi trời Biến tịnh.
Xét khổ vui chẳng thường
Là việc làm kẻ trí
Thấy biết rất thanh tịnh
Sinh vào trời Hà-pha.
Hiểu rõ tưởng bất tịnh
Thường đến chỗ có vua
Có tập khí không tưởng

Sinh cõi trời Vô tưởng.
Không ỷ mình, ỷ người
Tạo bốn nghiệp to tác
Niệm thiền tự vắng lặng
Sinh trong trời Ngũ tịnh.
Ý nhu nhuyến thù thắng
Tâm chánh tánh trung hòa
Tu pháp trời rộng lớn
Sinh trời A-ca-nhị.
Rõ sắc là vô thường
Ưa cầu chí vô biên
Chỗ biết không giới hạn
Tư duy được ra khỏi,
Đã lìa các tình thức
Không còn lệ thuộc sinh
Có niệm cũng đã qua
Muốn không nghĩ mà nghĩ.
Tuy quyết là sinh lại
Đều nhờ việc mình làm
Kẻ trí tự quán sát
Biết thiện để hành thiện.
Pháp ấy thật đặc biệt
Nên vì người mới nói
Chẳng trời, chẳng loài khác
Tự làm, tự gánh chịu.
Sống mà quán vô thường
Tuệ không nương vọng niệm
Nếu sinh ở cõi thiện
Đều do việc mình tạo.
Nếu đã hiểu không thân
Vô vi, sinh tử, không
Tịch diệt hết khổ não
Là Niết-bàn đệ nhất.

-oOo-

SỐ 730

PHẬT THUYẾT XỨ XỨ KINH

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao, người nước An Tức.

Phật nói: Người hành đạo, nếu lòng sân hận khởi lên, nên phải chế ngự bản thân mình. Chế ngự được bản thân mới nghĩ đến điều thiện, ấy gọi là người hành đạo. Nếu người bố thí tài vật thì người ấy đã liễu được đạo lý vô thường. Những việc không phạm do thân, có nghĩa là thân không phạm vào giới sát sinh, giới trộm cắp và giới tà hạnh, thì gọi là không phạm do thân. Lòng sân hận phát ra mà miệng cũng không nói, ý cũng không nghĩ, đó mới là thật tánh sâu sắc to lớn phát ra từ trong lòng sân hận. Ví như người ăn trộm nói rằng, thực hiện một vụ cướp lớn mà không để lại dấu vết thì đó gọi là thật tánh (âm thanh) sâu sắc to lớn từ trong ý.

Phật nói: Những thực vật bên ngoài mà đưa vào bên trong cần phải phân biệt rõ các mùi vị của nó khiến không bị nhầm lẫn, thì gọi là thứ tự nhận biết các mùi vị. Sở dĩ các vị Bồ-tát biết được là do đời trước, trước khi ăn cơm đều dâng lên cho cha mẹ ăn trước, sau đó mới ăn. Cho nên các vị mới có ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp.

Phật nói: Bồ-tát làm bốn việc được bốn pháp không sợ:

1. Biết rõ tự thân và dạy cho người khác biết.

2. Dạy mọi người không có sự chán ghét.

3. Đem tâm bình đẳng đến với mọi loài, không có sự che giấu.

4. Vì mọi người mà diễn bày kinh điển, về sau không hối tiếc.

Đó gọi là bốn việc.

Phật nói: Cũng làm bốn việc, được bốn pháp không sợ:

1. Nói năng như chánh pháp.

2. Không lạm dụng vật của người khác.

3. Thể hiện tâm bình đẳng.

4. Đầy đủ giới pháp.

Phật nói: Lại có bốn pháp không sợ:

1. Nói đúng như sự việc.

2. Không có chỗ luyến tiếc.

3. Đầy đủ thần thông.

4. Không tranh chấp cùng với người.

Đức Phật có ánh sáng phát ra từ đỉnh đầu, lại có ba nhân duyên:

1. Cúng đèn dầu ở chùa.

2. Do yêu thích và hiểu rõ kinh điển.

3. Hiểu được sự nghi hoặc của mọi người.

Đức Phật đưa cánh tay phải lên, cũng có bốn nhân duyên:

1. Khiến kẻ ác không chống phá.

2. Khiến cho người thiện có thêm nhiều điều lành.

3. Thể hiện sự giáo hóa.

4. Dạy người không làm việc ác.

Đức Phật đưa cánh tay trái lên lại có bốn nhân duyên:

1. Khiến người ở trong mười phương đều tùy ý đến học đạo.

2. Vì muốn biểu thị việc hành phước của Phật, mà nay được tướng tốt như vậy.

3. Khuyên mọi người đều phải trì giới.

4. Có được uy nghi như vậy, cũng vì không muốn thấy thái độ ác của người cho nên Đức Phật đưa cánh tay trái lên.

Đức Phật không mang giày, có ba nhân duyên:

1. Khiến hành giả ít ham muốn, biết đủ.

2. Vì dưới chân Phật có hiện bánh xe.

3. Khiến mọi người thấy sinh tâm hoan hỷ.

Đức Phật đi cách mặt đất bốn tấc, có ba nhân duyên:

1. Thấy trên đất có sâu kiến.

2. Trên mặt đất có mọc loài cỏ non.

3. Là hiện thần túc, cũng khiến mọi người ý nghĩ về bước chân của Phật đang đi.

Đức Phật đi, đất cao thấp đều bằng phẳng, có ba nhân duyên:

1. Vốn thực hiện tâm bình đẳng, khiến tất cả chúng sinh đều an ổn, trên đất, trên nước, trong nước đều có thần, sâu bọ, kiến tất cả ở dưới chân của Phật đều một lòng yên ổn. Cho nên thấp là cao, cao là thấp.

2. Chư Thiên, quỷ thành tâm làm phước, vì Đức Phật mà san bằng

đất, nên cao thấp đều bằng.

3. Đức Phật khi làm Bồ-tát vì làm thông thương cầu, đường đưa mọi người đi qua, từ đó mà được phước, cao thấp đều bằng, muốn khiến mọi người nhớ đến việc đó vậy.

Đức Phật không bay, có bốn nhân duyên:

1. Khuyên các đệ tử phải siêng năng tu tập.

2. Muốn các đệ tử nghe kinh.

3. Báo ân đời trước.

4. Vì thị hiện tướng, cho nên Đức Phật không bay.

Lúc Phật còn tại thế, chư Thiên, Quỷ thần, Rồng và người đều đến chỗ Phật nghe kinh, có tới trăm ngàn loại ngồi trước ngồi sau đều thấy diện mạo của Phật. Tại sao lại như vậy? Vì trước mắt Đức Phật, lời nói không có trước có sau, cho nên thấy được diện mạo của Phật. Mọi người khi nằm đều hướng đầu về Đức Phật vì thể hiện sự tôn kính đối với Phật.

Lúc mới thành đạo, bảy ngày không ăn, Đức Phật có bốn nhân duyên:

1. Nhớ nghĩ về đạo mà quên ăn.

2. Vì Phật trụ ở trạng thái nhất tâm nên không đói.

3. Vui mừng quên sự khát.

4. Không suy nghĩ về sự đau khổ của sinh tử.

Cho nên gọi là bốn. Muốn mọi người nghe kinh cũng vậy.

Trong chiếc ác ca-sa của Phật, bụi, nước không bám vào, những nhơ nhuốc bên ngoài cũng không bám vào. Có hai nhân duyên:

1. Không nghĩ đến tất cả những người ác.

2. Thấy tất cả mọi người có lòng ham muốn, muốn diệt trừ những sự đắm trước ấy.

Phật lại giặt áo ca-sa, những nhơ nhuốc bên ngoài không bám vào, bên trong thì bám, vì có thân nên có bám? Tại sao như vậy, bên ngoài đã (làm) đoạn tận, cho nên nhơ nhuốc không bám ở bên ngoài, bên trong chưa đoạn tận cho nên nhơ nhuốc bám vào. Vì có thân nên bên trong chưa tận đã có thân thì tạo tội, cho nên không luyến tiếc thân mạng. Vì sao lại thương tiếc thân mạng, vì có thân mạng mới có thể tu hành đắc đạo.

Phật thuyết kinh "Tám Mươi Vạn Ức Nhân Duyên" trị được ba bệnh của chúng sinh: Thứ nhất là tham dâm; thứ hai là nóng giận. Thứ ba là ngu si. Ba việc phân thành sáu, cho nên sáu trần *(sắc...)* trị ba bệnh. Sở dĩ kinh điển nhiều, ví như người uống thuốc vào mà bệnh không khỏi, bèn uống

thuốc khác. Phật bảo: "Ý người đa đoan, bệnh tật chuyển biến liên tục cho nên ta mới nói nhiều kinh cũng như dùng nhiều phương thuốc, tùy theo bệnh của mỗi người mà chữa trị để bệnh mau khỏi."

Đức Phật đã thành đạo lại có ba bệnh, sáu việc lo lắng. Sáu việc lo lắng gọi là lục nhập, ba bệnh gọi là tâm, ý thức, nhận chịu sự lo lắng. Phật đã thành đạo còn có bệnh lo lắng, huống là người khác, các tội chướng chưa đoạn tận thì không thể chết được. Đức Phật nghiệp chưa dứt, không thể chết được.

Đức Phật nhập diệt trước hai mươi năm. Có ba nhân duyên:

1. Vì người ở trong thế gian thường tham đắm cái thân.

2. Việc giáo hóa Phật đã giáo hóa xong.

3. Sợ kẻ ác phỉ báng Phật, tội càng nặng thêm, nên Phật liền nhập Niết-bàn.

Phật qua đời, cũng không giữ cái thân, cũng không giữ cái ý, vì đã diệt khổ. Các đại như địa, thủy, hỏa, phong không ở mãi thế gian không có lúc nào tận.

Đức Phật qua đời, nhục thân của Phật được hỏa táng, có ba nhân duyên:

1. Vì hôi thối.

2. Côn trùng sinh sản.

3. Mọi người dùng hương hoa đưa tiễn lại được phước.

Đức Phật cười trong miệng có năm ánh sáng phóng ra, có năm nhân duyên:

1. Khiến mọi người có chỗ để hỏi, nhân chỗ hỏi ấy mà có lợi ích vậy.

2. Sợ người đời nói rằng Phật không biết cười.

3. Hiện ánh sáng ở trong miệng.

4. Cười mọi người không chí thành.

5. Cười A-la-hán chấp vào pháp "không" nên không đắc Bồ-tát đạo; ánh sáng bay vào ở trên đỉnh đầu sẽ nói rõ cho người đời sau được hiểu rõ tường tận.

Đức Phật muốn nhập Niết-bàn, các Tỳ-kheo bạch Phật rằng: "Mọi người ở trong thế gian đều nhờ Phật mà được phước, nay Phật qua đời, mọi người trong thế gian sẽ nương vào ai để đắc phước."

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Ta tuy nhập diệt nhưng kinh pháp đang còn ở đời. Lại có bốn nhân duyên, có thể từ đó mà đắc phước: Thứ nhất

loại súc sinh không có chỗ để ăn, phải chăn nuôi chúng khiến chúng được sống; thứ hai là thấy người bị bệnh tật không người chăm sóc; phải cung cấp, cúng dường khiến họ được an ổn; thứ ba là gặp người bần cùng, cô đơn phải chăm sóc giúp đỡ. Thứ tư là gặp người một mình ngồi thiền niệm đạo không có y thực phải hộ trì họ. Đây là bốn việc bố thí để giữ gìn thiện nghiệp tạo nên phước báu. Phước báu ấy, cũng như phước báu cúng dường cho Như Lai, không khác."

Lúc bấy giờ nhục thân của Phật đau nhức, Phật liền diệt độ, nên bảo Xá-lợi-phất thuyết giảng kinh điển. Có ba nhân duyên:

1. Sợ sau khi diệt độ mọi người không tin lời của các Tỳ-kheo khác.

2. Khuyên các đệ tử phải chú ý và hiểu rõ: Phật còn bảo các Tỳ-kheo thuyết kinh huống hồ là người khác.

3. Nói về công đức của Xá-lợi-phất, sợ các Tỳ-kheo khác tự cống cao, muốn được thuyết kinh, cho nên Phật bảo Xá-lợi-phất thuyết kinh.

Sau khi Đức Phật diệt độ, các bậc A-la-hán quở trách Tôn giả A-nan: Khi Phật còn tại thế muốn uống nước, tại sao ông không dâng nước lên để Phật uống? Tất cả mười phương chúng sinh đều nương theo Phật mà được giải thoát, tại sao ông không xin Phật hoãn nhập Niết-bàn? Phật muốn hành bốn Thần túc để kéo dài tuổi thọ một kiếp, cũng có thể ở trăm kiếp, cũng có thể ngàn kiếp. Tại sao ông không khuyên Phật hành bốn Thần túc?

A-nan nói: Các vị nói vậy là vì Đức Phật không tự tại sao? Nên vì lời nói của tôi, khiến Đức Phật ở lại thế gian một kiếp. Đức Di-lặc lúc nào sẽ làm Phật? Kiếp trước, Đức Phật cùng với mọi người học đạo, trong đó có tám mươi ức vạn người đều cầu Bồ-tát đạo. Tuy nhiên chỉ có hai người đắc đạo: Một có Đức Thích-ca Văn Phật, hai là Đức Di-lặc, còn những người khác chỉ đắc quả vị A-la-hán và quả vị Bích-chi-phật. Hạnh nhẫn nhục của Đức Thích-ca là hơn đất, tâm của Đức Thích-ca mềm hơn trước, ý của Đức Thích-ca kiên cố hơn núi Tu-di, công đức của Đức Thích-ca rộng hơn biển, trí tuệ của Đức Thích-ca rộng hơn cả hư không, cho nên được làm Phật trước.

Phật bảo: Đức Di-lặc chưa thành Phật vì có bốn nhân duyên:

1. Phước tương ưng với đời quá khứ.

2. Người đời thuở ấy thô tháo không thể lĩnh hội được kinh điển.

3. Công đức chưa đầy đủ.

4. Người ở trong thế gian có khả năng thuyết kinh, cho nên Đức Di-lặc chưa hạ sinh.

Trong tương lai Đức Di-lặc sẽ hạ sinh. Ngoài năm ức bảy ngàn sáu mươi vạn năm, ở thời Đức Di-lặc con mắt của người đời đều nhìn thấy bốn vạn dặm. Hạnh cốt yếu của Đức Di-lặc có mười duyên:

1. Không ngăn được con mắt sáng của người.
2. Không bỏ được con mắt của người.
3. Không che được con mắt của người.
4. Không giấu được thiện của người.
5. Không thấy sát sinh.
6. Không thấy trộm cắp.
7. Không thấy tà dâm.
8. Không thấy có người tội lỗi và yếu kém.
9. Không thấy các việc ác.
10. Thắp đèn ở chùa.

Đó gọi là mười việc.

Phật, Bích-chi-phật và A-la-hán, cả ba vị cùng pháp môn nhưng cách hành trì lại khác nhau. Đức Phật là giác ý; Bích-chi-phật là thấy biết được nhân duyên, A-la-hán tọa thiền mới biết. Bích-chi-phật vì nhân duyên mà thấy được các tướng của sinh tử, rồi tự mình cố giữ không xa lìa, vì thấy nhân duyên mà chứng đắc đạo quả, nên gọi là Bích-chi-phật. Phật vì muốn đi hoằng hóa độ thoát chúng sinh nên cầu Bích-chi-phật. Bích-chi-phật cắt thân mình nuôi sống năm trăm người, rồi dùng que đâm vào sau cổ của mình để thấy và so sánh các nhân duyên. Như bới đất để thấy máu, Bích-chi-phật còn thấy được vạn vật ở trong nước đều là vô thường nên chứng đắc đạo. Có vị Bích-chi-phật trải qua năm trăm kiếp làm Bồ-tát, đã có ba mươi tướng tốt, thua Đức Phật Thích-ca hai tướng. Không bằng Đức Phật là vì không có phương tiện quyền xảo.

Phật nói: Nỗi khổ sinh tử trong ba đường ác, nếu người thông minh hiểu rõ được việc ấy liền chứng đắc quả vị A-la-hán. Tuy, chứng quả A-la-hán bậc nhất trong bốn quả Thanh văn nhưng vẫn còn chấp thủ. Vì sao? Vì vị đó đời trước năm trăm kiếp hành Bồ-tát đạo, có tâm Từ bi muốn độ thoát chúng sinh trong cả mười phương. Tuy nhiên, dù đạt được trí tuệ A-la-hán, có thể hiểu được tiếng của các địa phương, nhưng lúc mới chứng đắc A-la-hán, không thể tụ biết được đời trước làm Bồ-tát. Phật liền thuyết về công đức của Phật, lại thuyết về công đức của vị A-la-hán để cho các vị A-la-hán biết được công đức của Phật là tối thắng, khiến tự mình ăn năn muốn chuyển ý làm Phật.

Phật nói: Đã chứng đắc A-la-hán, thì không thể thay đổi, liền tự mình ăn năn mà nói rằng: "Tôi sao lại ngu si giữ lấy quả vị A-la-hán." Phật liền vì đó mà giải bày rõ, ông trí tuệ hơn trí tuệ của A-la-hán khác nhưng không sánh được trí tuệ Phật, A-la-hán tự đoạn khổ, nhưng không đoạn được khổ của người khác, còn Phật vốn tự đoạn khổ mà cũng đoạn khổ của người khác, cho nên không thể sánh với Phật.

Phật bảo:

–Này Xá-lợi-phất! Có ba lời nói ắt biết được ý người. Thứ nhất lời nói thô tháo; thứ hai lời sâu sắc; thứ ba lời nói trau chuốt.

Nếu đạt được ba cách nói này thì có thiện ý tức thấy, có ác ý cũng thấy, có nhẫn ý cũng thấy, nếu (hiểu) suy nghĩ ba lời nói ấy tức hiểu được ý của người.

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

–Trong khoảng khảy móng tay, cái ý của con người có sáu mươi lần sinh diệt.

Phật dạy:

–Có chín trăm sáu mươi lần biến đổi cũng không nhiều. Cần có ba ý: Có ý thiện, có ác ý và có ý ham muốn. Thiện ý có ba trăm hai mươi; ác ý có ba trăm hai mươi và ý ham muốn có ba trăm hai mươi. Trong khoảng khảy móng tay ý thường đi đôi với nhau, hợp thành chín trăm sáu mươi lần sinh diệt, ngoài ba trăm hai mươi thiện ý ra còn có sáu trăm bốn mươi lần ý sinh diệt. Phật và Xá-lợi-phất, cùng hành trì ba mươi bảy phẩm kinh, nhưng trí tuệ lại không như nhau. Ví như hơi thở từ các lỗ chân lông ra vào đều có thể biết; hơi thở ra vào từ lỗ mũi cũng biết. Nhưng cái biết của Phật là biết tất cả hơi thở ra vào từ các lỗ chân lông, còn cái biết của Xá-lợi-phất là biết hơi thở ra vào từ lỗ mũi.

Đem cái biết của Xá-lợi-phất phân ra thành mười sáu phần, thì cái biết của người thông minh ở trong tam thiên đại thiên thế giới của cõi Phật, cũng không bằng một phần biết của Xá-lợi-phất. Đem cái biết của Phật chia ra thành mười sáu phần, thì cái biết của Xá-lợi-phất ở trong cõi Phật cũng không bằng một phần biết của Đức Phật.

Trong ba mươi bảy phẩm hành có ba bậc: Lớn có ba mươi bảy phẩm, trung có ba mươi bảy phẩm, nhỏ có ba mươi bảy phẩm. Ý đại coi như đại ý, ý trung coi như trung ý và ý tiểu coi như tiểu ý. Nếu thực hành một cách sâu sắc và đầy đủ ba mươi bảy phẩm thì hiểu rõ. Vì sao? Vì ở phần chính phân làm mười sáu phần, con người vốn có mười sáu ý, Phật đã phân rõ, hết thảy không giống nhau.

Xá-lợi-phất biết tất cả lời nói đúng pháp là phải nói đúng lúc, biết giữ gìn lời nói, bảo vệ lời nói.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Những lời nói phi thời là không thể dạy cho mọi người. Xá-lợi-phất vốn tên là Ưu-ba-thế. Này Xá-lợi-phất! Trước khi Phật Niết-bàn có ba nhân duyên: Thứ nhất mạng đời trước đã tận; thứ hai vì không muốn thấy Phật diệt độ; thứ ba vì không còn chỗ để độ thoát.

Xá-lợi-phất sau khi đi khất thực xong, trở về trong tinh xá, nói rằng phải trả nợ. Xá-lợi-phất nói phải ngồi thiền quán tưởng là để trả nợ, nếu không quán tưởng là mắc nợ người đã cúng dường. Nếu như nợ trả chưa xong, lại tội ngày trước chưa dứt, nay lại tạo tội. Phật nói: Ăn của đàn-na tín thí phải quán tưởng, để tăng thêm nhiều lợi ích, cho nên phải trả nợ.

Phật bảo: Xá-lợi-phất là thông minh đệ nhất, Mục-kiền-liên là thần thông đệ nhất, A-nan đa văn đệ nhất, La-hầu-la trì giới đệ nhất, A-na-luật thấy rõ đệ nhất.

Đức Phật sai Mục-kiền-liên đến mời Xá-lợi-phất, Xá-lợi-phất nói: Mở sợi dây cho tôi. Sợ không thể thắng Mục-kiền-liên. Mục-kiền-liên liền mở dây thì tam thiên đại thiên thế giới hết thảy đều chấn động. Xá-lợi-phất liền nghĩ: Ta nên đến chỗ Đức Phật trước, Mục-kiền-liên đi sau Xá-lợi-phất nhưng đến trước. Khi Xá-lợi-phất đến, Đức Phật biết hai vị này đều là đệ nhất của tất cả các Tỳ-kheo trong mười phương.

Không có ai trì giới như La-hầu-la, La-hầu-la trì giới có bốn nhân duyên:

1. Tự nghĩ ta là con của Phật.

2. Vì thọ mạng mà trì giới nhiều.

3. Thường tự nghĩ ta là Sa-môn.

4. Trì giới là vì muốn hơn các Tỳ-kheo khác.

Xá-lợi-phất lấy một chai nước thả trong biển, thì nước trong biển quấy động, sáng ngày mai đến lấy chai nước ra thì nước biển yên lặng. Xá-lợi-phất còn có thể có năng lực như vậy, huống là Đức Phật.

Mục-kiền-liên bị người ta đánh, không thể bay được, không thể sử dụng thần thông. Vì sao lại không thể sử dụng thần thông? Vì tội lỗi chưa đoạn.

Phật nói: Vua Phất-ca-sa đi đến mười hai cửa, lại trở về không biết sáu phần ở trong thân mình. Giữ ý có thể vì đạo, không biết thân sinh ý hay ý sinh thân, vua không thể phân biệt. Phật thấy rằng vua có thể độ được,

liền đến ở phòng vua, vua không biết đó là Phật. Phật hỏi không biết vua hành pháp môn nào, thích đạo nào, mà y áo và lông trở nên cứng vậy? Phật vì vua mà giải rõ cái không ở trong thân. Lúc đó liền đắc đạo. Nếu không đoạn tận là không đắc A-la-hán.

Phật bảo: Này các hành giả! Các ông nên biết, ý có thể đắc đạo.

Phật nói: Xưa kia, có ông Mạt-lợi-mãn-đài, học kinh hai mươi bốn năm chỉ thuộc năm chữ "giải cấu hạ khí ly" *(hiểu được cái nhơ nhuốc để loại trừ)* nhưng ông cũng không buồn. Vì sao? Vốn đời trước ông gặp được năm trăm vị Phật, thông hiểu tất cả các kinh điển, nhưng ông che giấu quyết không dạy cho người nào. Sau đó ông bị bệnh hai mươi bốn ngày, trước khi chết ông hối hận liền gọi người và dạy. Nhờ có phước đó nên hôm nay biết được năm chữ, ông dạy hết cho mọi người liền được phước đức không thể đo lường *(Tri-lợi-mãn-đài vốn là Châu-lợi-bàn-đặc)*.

Phật bảo:

–Ngày xưa có Tỳ-kheo Chiên-na bị bệnh, Phật sai Xá-lợi-phất, đem phần cơm xin được chia cho Chiên-na, Xá-lợi-phất nhân đó mà hỏi người bệnh. Mắt của ngươi có thể hiểu biết chăng?

Chiên-na đáp:

–Mắt không có hiểu biết nhưng thấy sắc, thức sinh, thân sinh bệnh, đến khi có bệnh nhân cũng không biết chết. Giả sử thân chết thì đất, nước, lửa, gió và không, đều phải diệt. Nhưng ý thứ không diệt mà vẫn biến đổi.

Phật bảo Xá-lợi-phất đi qua nhà dâm nữ khất thực, dâm nữ liền đóng của chặn đường gọi Xá-lợi-phất nói:

–Nếu ông không cùng dâm với tôi thì sẽ rơi vào trong lò lửa này.

Xá-lợi-phất đáp:

–Thà vào trong lửa lớn chứ không cùng người thông dâm. Vì dục dâm khiến con người đọa vào con đường ác, không có lúc nào ra được. Lúc ấy, trời liền đến cứu giúp Xá-lợi-phất.

Phật nói: Con người thường không chịu giữ giới. Nếu người hay giữ giới thì cuối cùng họ cũng không lo lắng bị rơi vào trong con đường tà đạo đó.

Phật bảo: Xưa có một vị Tỳ-kheo tọa thiền hành đạo, Nan-đà em của Phật uống rượu say rời thường đi đến bên vị Tỳ-kheo đang tọa thiền ca hát. Vị Tỳ-kheo kia bạch với Đức Phật: "Con muốn tránh người đó." Phật bảo: "Không nên, Na-đà nay sẽ đắc đạo." Phật liền bảo A-nan đến nhà người đó. Ma-ha Ca-diếp đi theo sau, Xá-lợi-phất nhân đó thuyết kinh. Mục-kiền-

liên biểu hiện thần thông. Nan-đà liền sinh hoan hỷ, tức đắc đạo. Phật bảo: Tỳ-kheo hành đạo nên phải kiên tâm, sao lại lo sợ không đắc đạo, các Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói lời như vậy, trong lòng sinh hoan hỷ liền đắc A-la-hán.

Cô của Đức Phật tên là Tu-na-sát-đa theo hầu Phật tám năm, liền khởi ý: "Ta cùng đi với huynh đệ, tại sao chỉ có Phật mới đủ ba mươi hai tướng trang nghiêm." Do vậy ác ý liền sinh. Rồi bà đi sau Phật xóa đi những dấu tích của Phật khiến mọi người không nhìn thấy tướng của Phật. Và lại ở trong mọi người nói Phật vô đạo, nhưng chỉ bày tỏ thái độ ở trong mọi người. Xá-lợi-phất và A-nan nghe thấy đều buồn bã.

Phật nói rằng: Tu-na-sát-đa không phải nói ta ác mà khen ngợi công đức của Tăng, ý người ở trong ngôn ngữ là ý người nhiều bệnh. Phật bảo Xá-lợi-phất: Tu-na-sát-đa không phải so bì nhưng mà sân. Vì sao không so bì? Phật có ba mươi hai tướng, hào quang, thần thông, nhưng chỉ hàng phục tà đạo. Phật khuyên Tu-na-sát-đa, bằng lời chân thật, đừng cầu cúng với tà đạo vậy, cho nên Tu-na-sát-đa bực mình.

Phật có dì tuổi già, tự tay đan từng sợi vải thành áo ca-sa dâng lên cúng Phật, Phật không nhận. Lại nói như vầy: Phật nên thương xót con, nên thọ chiếc áo này khiến con được phước.

A-nan bạch Phật: "Xin Phật có thể vì con mà nhận." Đức Phật nói với A-nan: "Cùng với các Tỳ-kheo Tăng, ta cũng là Tỳ-kheo Tăng, không bằng với mọi người." Đời sau nên vì nhân duyên này, đời nay gặp nhau hoan hỷ, đều do đời trước thân cận với Thiện tri thức. Vì sao lại biết được? Vì gặp nhau đã hiểu ý. Phật nói: Người trong thế gian thường đối đãi qua lại với nhau, nhưng khổ ít không khổ nhiều.

Phật bảo: Người đầu tiên hầu Phật là Di-hỷ, tiếp đến là Tu-na-sát-đa, rồi đến A-nan. Phật nói với các Tỳ-kheo: Ta nay tuổi già, muốn có một người hầu ta. Xá-lợi-phất, ngài Ma-ha Ca-diếp và Mục-kiền-liên... nhân vì thiền tư duy mới biết Phật muốn A-nan thị giả, liền gọi A-nan nói: "Người nên hầu Phật." A-nan nói: "Tôi không dám hầu Phật, tôi không thể hầu Phật." Mục-kiền-liên nói: "Ngươi không thể không hầu Phật." A-nan nói: "Phải đồng ý bốn việc của tôi: Thứ nhất là Phật thừa y tôi không muốn nhận; thứ hai Phật dùng còn cơm, tôi không ăn; thứ ba nếu có người mời Phật, các Tỳ-kheo không đi, tôi cũng không đi; thứ tư khi Đức Phật tọa thiền, tôi có quyền ra vào." Đức Phật nói: "Rất hay! Ta chấp nhận yêu cầu của ông." Thế là A-nan nhân đó mới hầu Đức Phật, cho nên chỉ có A-nan là người có thể một mình hỏi Phật.

Đệ tử của Phật là A-na-luật, Nan-đề và Kim-tỳ-la cả ba vị cùng ngồi suy nghĩ bảy việc:

1. Ít ham muốn thì đắc đạo, nhiều ham muốn thì không đắc đạo.

2. Biết đủ thì đắc đạo, không biết đủ là không đắc đạo.

3. Chuyên cần thì đắc đạo, không chuyên cần là không đắc đạo.

4. Giữ lấy sáu trần mà không sinh khởi tâm thì đắc đạo, không bám vào sáu trần, vất bỏ nó đi nhưng khởi sinh ý thì không đắc đạo.

5. Tự bảo hộ thì đắc đạo, không tự bảo hộ không đắc đạo.

6. Giữ gìn ý chí thì đắc đạo, không giữ gìn ý chí thì không đắc đạo.

7. Có trí tuệ đắc đạo, không có trí tuệ không đắc đạo.

Cùng ngồi tư duy bảy việc. Lúc đó, Đức Phật cách xa ba vị này sáu mươi dặm, lúc Phật tọa thiền, biết được suy nghĩ của ba vị đệ tử, liền có ý đến ngồi trước ba vị Tỳ-kheo và nói rằng: Lành thay! Lành thay! Ta sẽ nói với các ông một việc: Không niệm gia tục đắc đạo, thế là ba vị Tỳ-kheo sinh lòng hoan hỷ, liền chứng đắc quả vị Bồ-tát.

Đức Phật nói với A-nan rằng: Mắt con người có thể nhìn thấy bốn mươi hai vạn do-tuần, sao lại biết? Vì mặt trời, mặt trăng cách mặt đất bốn mươi hai vạn do-tuần, mắt con người lại nhìn thấy mặt trời, mặt trăng, nên biết được tầm nhìn của con mắt. Những nơi rộng và xa ở trong mười phương, cách mặt trời, mặt trăng ức ức vạn lần. Ví như những hạt cát ở trong đại dương, ức ức vạn lần, cũng không thể đem so sánh biết được sự tạo ác, tạo thiện, tạo họa, tạo phước của con người, những việc làm họa, phước trước và sau của con người, ức ức vạn lần cũng không thể tính được. Tạo tất cả thiện ác đó, nếu đến lúc mạng chung, thì tạo ác sẽ gặp chỗ ác, tạo thiện sẽ được chỗ thiện. Họa phước đều có nơi có chốn rõ ràng, có cha mẹ, anh em, vợ con. Người đắc đạo liền kết thúc, còn không đắc đạo thì không thể nào đoạn tuyệt vậy.

Phật nói: Điều-đạt chỉ dạy người làm phước, không dạy người hành đạo. Phật dạy người làm phước, trì giới, giữ ý, đến khi đắc đạo thì ngưng tạo tác. Điều-đạt trong lòng khởi lên ý nghĩ: Ta nên hiện thần thông ở nơi nước của vua A-xà-thế, vua theo ta, những người khác cũng đều theo ta, ta liền hóa phép làm một con voi trắng đi vào trong cung, lại hóa làm một tiểu nhi đứng đắn không ai sánh bằng, liền đi đến ngồi lên chân của vua, vua hết mực yêu thương. Vua thấy Điều-đạt làm như vậy, vua nghĩ rằng Điều-đạt hơn Phật, vua sai bảo nhân dân và những Sa-môn chưa đắc đạo tất cả đều theo vua đến chỗ của Điều-đạt hỏi chuyện. Điều-đạt liền đến thưa với Phật rằng: Ngài tuổi đã cao, không thể dạy dỗ các đệ tử rồi liền gọi Xá-lợi-

phất và các Sa-môn cùng đi.

Điều-đạt vì ngu muội, tham lam, có ác ý, nhân đó mà mất thần túc. Phật bảo: Người ngu muội làm những việc điên đảo không phải là Phật pháp. Điều-đạt nói từ trong ý nghĩ của mình: Ta phải bay đi, mọi người thấy ta bay ắt phải theo ta. Điều-đạt vì muốn bay, không thể bay được, Điều-đạt không thể biết mình đã mất thần túc, liền có Bà-la-môn thực hành tâm bình đẳng, liền từ cõi trời thứ nhất xuống nói với Xá-lợi-phất rằng: Điều-đạt đã mất thần túc. Đức Phật nói với Xá-lợi-phất: Điều-đạt muốn lớn tiếng gọi ông nên mắc tội lớn.

Đức Phật nói với vị trời: Điều-đạt chưa đắc thần thông, ta biết sẽ mất, huống gì đến bây giờ. Phật bảo: Người không nên tham, Điều-đạt chỉ vì tham lam mà mất thần túc.

Phật nói: La-hán có hai bậc. Một gọi là Xá-mạt nghĩa là vì tự chán ghét thân mình mà đắc đạo nên muốn diệt độ. Hai là tùy theo sự gìn giữ giới luật mà được độ thoát. Phật cùng với các vị A-la-hán hành trì ba mươi bảy phẩm kinh, ví như đèn với lửa. Phật nhờ so sánh mới biết mấy việc, biết được ngọn và gốc để giữ giới, A-la-hán không so sánh ngọn và gốc, nhưng mà trì giới.

Phật nói: Ví như thuận theo cây từ gốc đến ngọn, phân biệt để biết rõ ngọn gốc, A-la-hán thực hành, ví như từ ngọn đến gốc, từ gốc đến ngọn, xem xét vốn là "không", nhưng không thấy pháp "không" nên không đắc đạo.

Phật nói: A-la-hán có đầy đủ các ấm nhưng không có năm ấm, tất cả đều hiện nhưng không vướng mắc, có tai, có sắc, có đau khổ, có tư tưởng và có thức nhưng mà không sinh diệt. Phật nói: A-la-hán, vì sự tĩnh lặng, nên đạt được ba tướng của A-la-hán: Thứ nhất không phạm vào thân, khẩu, ý; thứ hai là ba độc diệt; thứ ba ăn mặc không làm đẹp. Diệt hết ý tưởng nóng, đói, lạnh. Nhờ có ba nhân duyên khiến cho tản ý có thể biến hóa tự tại. Tuy nhiên, nếu không thâm nhập vào sáu trần thì không thể gọi tự tại.

Phật nói: Ý chỉ là phân biệt sáu trần, không nên đắm vào sáu trần, đắm vào sáu trần thì không đắc đạo.

Phật nói: A-la-hán phi hành có hai nhân duyên, nên khiến mọi người không nhìn thấy. Thứ nhất sợ mọi người nhìn thấy liền cúng dường nhiều; thứ hai sợ người ác đố kỵ.

Phật nói: Hiện thần thông có hai phước: Thứ nhất mọi người thấy bay, liền siêng năng tu đạo; thứ hai thì thọ sự cúng dường ở người, khiến người được phước lớn, cho nên hiện thần thông, lòng sinh vui nên liền được

phước lớn.

Phật bảo: Có một vị A-la-hán, tên là Kiều-phạm-bát, đã chứng đắc A-la-hán, nhưng lại đi chăn trâu. Đệ tử hỏi Phật: Sao lại thế? Phật dạy: Kiếp trước vị Tỳ-kheo đó bảy trăm đời làm trâu, đời nay đắc đạo, tập khí năm xưa chưa hết vậy.

Phật dạy các Tỳ-kheo: Nên niệm thân vô thường. Có một Tỳ-kheo bạch Phật: Con nghĩ là phi thường, người ở thế gian có thể thọ năm mươi năm. Phật bảo: Chớ nói lời như vậy. Lại có một Tỳ-kheo nói: Có thể ba mươi năm. Phật lại bảo: Chớ nói vậy. Lại có một Tỳ-kheo nói: Có thể mười năm. Phật bảo: Chớ nói như vậy. Lại có Tỳ-kheo nói: Có thể một năm. Phật bảo: Chớ nói như vậy. Lại có một Tỳ-kheo nói: Có thể một tháng. Phật lại bảo: Chớ nói như vậy. Lại có Tỳ-kheo nói: Có thể một ngày. Phật lại bảo: Chớ nói như vậy. Lại có một Tỳ-kheo nói: Có thể một giờ. Phật lại bảo: Chớ nói như vậy. Lại có một Tỳ-kheo nói: Có thể trong một hơi thở. Phật bảo: Đúng vậy!

Phật nói: Nếu hơi thở ra mà không thở vào được tức qua đời khác. Mạng người chỉ trong khoảng hơi thở.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Tất cả nên ngồi lại với nhau để nói pháp ngữ, không thể chỉ ngồi nhắm mắt mà nghe, giữ thiện ý để nghe mới có thể đắc đạo. Các Tỳ-kheo nghe Phật dạy như vậy, lòng sinh hoan hỷ, liền chứng đắc quả vị A-la-hán.

Phật nói: Tỳ-kheo vào trong nhà người, nên như cánh tay ở trong không trung, thì không chỗ trở ngại, khiến cho ý không bị vướng mắc. Tai nghe mà tác ý là bị vướng mắc. Tai nghe mà không tác ý cũng bị vướng mắc. Có một Tỳ-kheo bạch Phật rằng: Có tác ý hay không tác ý đều bị vướng mắc, vậy sao có thể đắc đạo.

Phật bảo: Tỳ-kheo hiểu rõ pháp "không" thì đều không có chỗ vướng mắc, thì đúng là Bồ-tát hạnh, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy như vậy, đều hết đổi vui mừng tức đắc Pháp nhẫn vô sở tùy sinh".

Phật nói: Có một Tỳ-kheo ngồi ở trong núi than thở, có một người đến hỏi vị Tỳ-kheo: Ông tu đạo, sao lại than thở, vị Tỳ-kheo đáp rằng: Tôi lúc ở trong địa ngục, chịu năm nỗi thống khổ, nay được làm thân người, (nay) được gặp Phật, gặp kinh điển, gặp giới luật mà lại không đắc đạo, sợ lúc chết lại vào trong đường ác, cho nên tôi than thở vậy. Làm một vị Tỳ-kheo cũng lo buồn về người phàm tục, cũng lo buồn về kinh, giới, cũng lo buồn chính bản thân mình. Cho nên có ý tốt cũng không giữ được thường hằng. Hoặc khi nhân duyên đến, liền nhớ đến vợ, con, tiền tài,

cho nên đọa vào con đường ác.

Phật nói: Có một vị Tỳ-kheo đến nhà của Ưu-bà-di khất thực, nhân đó thuyết kinh, Ưu-bà-di liền quỳ xuống khóc, Tỳ-kheo thuyết kinh đến nửa đêm. Ưu-bà-di quỳ mãi không đứng lên, chưa thấy ai siêng năng như vậy. Vị Tỳ-kheo nói: Tôi đi giảng kinh, chưa thấy ai siêng năng như vậy. Ưu-bà-di đáp: Nhà con có một con lừa, kêu đến nửa đêm rồi chết, cho nên khóc lóc. Phật bảo: Người thuyết kinh không phải nói nhiều, chỉ hỏi để khai mở trí tuệ chứ không nên như vậy. Có một vị Tỳ-kheo nghe Phật nói việc đó, liền đến hỏi Phật: Xin Phật vì con thuyết giảng pháp yếu khiến cho con được chứng đạo. Phật bảo: Chẳng phải vật của ngươi thì chớ lấy, nếu là vật của ngươi thì lấy, lúc đó Tỳ-kheo liền tự suy nghĩ thế gian vạn vật đều chẳng phải của ta, chỉ có sống thánh thiện là vật của ta. Thế là Tỳ-kheo nhân đó bạch Phật rằng: Con đã hiểu rõ. Phật nói: Hiểu là đắc đạo. Lúc đó có một Tỳ-kheo nghe Phật dạy như vậy, liền đến hỏi Phật, Xá-lợi-phất đã chứng hay chưa? Phật trả lời: Xá-lợi-phất đã chứng rồi. Tỳ-kheo nói: Tại sao Xá-lợi-phất mắng con, cầm áo ca-sa phất vào mặt con? Phật bảo: Gọi Xá-lợi-phất đến hỏi. Xá-lợi-phất trả lời: Con không phải ác ý, sở dĩ mắng là muốn người ấy nhẫn nhục, sở dĩ cầm ca-sa phất vào mặt, là muốn mắt, tai, mũi, miệng thanh tịnh vậy. Phật bảo các Tỳ-kheo: Đó là Xá-lợi-phất khéo léo dùng các phương tiện để giáo hóa, thế rồi Tỳ-kheo sinh hoan hỷ liền chứng đắc A-la-hán.

Phật nói: Ngày xưa có một người đến vấn nạn một Tỳ-kheo: Người chết thì thức, niệm, tư tưởng, hiểu biết đều diệt, người hành đạo được định thì sự hiểu biết của tâm ý cũng diệt. Cả hai có gì khác? Vị Tỳ-kheo đáp: Đều diệt! Tuy nhiên, thân mạng người chết thì diệt, nhưng thần thức thì không diệt, tùy theo nghiệp của người ấy gây tạo mà đi đầu thai, nhưng vì sự chênh lệnh quá sát sao nên mắt thường không thể thấy được. Làm thiện thì được sinh lên cõi trời, làm ác thì xuống địa ngục. Do vậy, nên có sự khác biệt.

Phật nói: Có một vị Tỳ-kheo đến khách thực tại nhà Ưu-bà-di. Thấy vị Tỳ-kheo tướng đẹp, vị thí chủ nhân đó tà niệm khởi lên, liền lấy cơm dâng đầy bát, vị Tỳ-kheo liền không nhận: Tôi không đáng nhận phẩm vật của thí chủ. Ưu-bà-di liền nói rằng: "Con đã có ý tâm thành sám hối, xin thầy hãy nhận cho." Do Ưu-bà-di nói vậy nên Tỳ-kheo liền thọ nhận tặng phẩm.

Phật bảo: Ví như người có tâm ác tức biết tội liền diệt, tương lai nhận tặng phẩm của thí chủ không có tội. Đức Phật dạy các đệ tử, có thể xét cái

"không" để chế ngự ý, trong khoảnh khắc ngắn, liền có thể đắc đạo.

Phật nói: Có một Tỳ-kheo, ngồi nhập định, có một Ưu-bà-tắc thấy chỗ ngồi của vị Tỳ-kheo không bằng phẳng, liền đưa Tỳ-kheo đến chỗ bằng phẳng, vị Ưu-bà-tắc đó sau này năm trăm kiếp không được an ổn. Tại sao? Vì cắt đứt sự chánh niệm của Tỳ-kheo.

Phật bảo các đệ tử: Nếu thuyết kinh, cẩn thận chớ gián đoạn buổi thuyết kinh. Làm gián đoạn buổi thuyết kinh tội nặng không thể kể hết.

Phật nói: Có Tỳ-kheo hành đạo chứng Sơ thiền, tự nói rằng ta đã chứng được Đệ nhất thiền, được sinh lên tầng trời thứ bảy, thọ một kiếp. Đắc Nhị thiền, tự cho rằng chứng quả Tư-đà-hàm. Đắc Tam thiền, được sinh lên cõi trời tầng thứ mười lăm, thọ tám kiếp. Đắc Tứ thiền, tự cho rằng ta chứng quả A-la-hán. Nay ta tại sao không được sinh lên cõi trời thứ mười chín, thọ mười sáu kiếp? Nói như vậy xong liền bảo: Hay là Phật nói hai lưỡi. Tức thì vị đó từ cõi trời đọa xuống trong địa ngục, không biết mất thọ mạng ở cõi trời, liền thọ nhận tội ở trong địa ngục. Ví như người đời được trân báu, một ngày bị lửa thiêu cháy hết; như người sinh ác ý, liền bị thiêu đốt hết thiện ý.

(Tư-đà-hàm sinh ở cõi trời thọ kiếp, các tội chướng liền hết, tức chứng Tam thiền).

Phật nói: Thiện, ác của con người cứ theo mãi, không thoát ra được. Chỉ có đắc đạo mới mong ra khỏi tục lụy.

Phật bảo: Sau giữ ngày không ăn, có năm điều phước: Thứ nhất ít dâm; thứ hai là ít nằm; thứ ba là được nhất tâm; thứ tư không đánh rắm; thứ năm thân được an ổn, cũng không sinh bệnh. Cho nên, Sa-môn, đạo sĩ biết điều phước mà nhịn ăn. Tắm rửa, súc miệng có ba nhân duyên: Thứ nhất vì sợ đất dơ bám dưới móng tay; thứ hai là tùy ý gãi những chỗ ngứa ngáy trên thân, đuổi bò chét, muỗi mòng. Cũng vì muốn ý được thanh tịnh không nhiễm. Lại không làm nhơ kinh điển, vừa có thể loại trên những bụi bặm bám vào. Tâm nghĩ điều ác, không thể trừ được. Người học đạo, thứ nhất nên giữ tâm thanh tịnh làm gốc. Tâm là gốc của pháp. Tâm chánh tức hành sự đúng đắn; hành sự đúng đắn tức ứng với đạo.

Phật nói: Xưa có một Sa-di cùng đi với thầy, thấy ở trên đất có vàng liền lặng lẽ nhặt lấy. Sau đó, thưa với thầy rằng: Xin thầy đi nhanh một tí, chứ nơi đây hoang vắng, không có người rất đáng sợ. Thầy nói: Chắc nhặt được vàng nên khiến ngươi sợ hãi? Hãy bỏ vàng đi khiến người không còn sợ nữa. Đệ tử liền tác lễ thưa với thầy: Con ngu si không biết, vàng đã bỏ đi, khiến không còn lo sợ. Thế rồi Đức Phật bảo: Người học đạo ưa thích

tu tập, tham vàng kia sao lo không đắc đạo!

Phật nói: Có Tỳ-kheo học đạo, theo thầy nghe kinh nhưng không tinh tấn. Thầy bảo đem phân trâu, phân ngựa đốt lên, cháy đến đêm vẫn không hết, thầy lấy một tảng đá lớn chặn ở trong địa ngục, lửa thiêu cháy các phân ấy ra tro. Các đệ tử rất sợ hãi quỳ xuống hỏi thầy: Là thứ lửa gì? Thầy đáp: Các con không đọc kinh hành đạo, sau khi chết phải vào địa ngục, lúc đó lửa thiêu đốt các con không trở ra được, thế rồi Tỳ-kheo sợ hãi càng chuyên cần, ngày đêm không rời, khiến chứng đắc quả vị A-la-hán.

Phật bảo: Các ông nên dùng phương tiện quyền xảo như vậy để độ thoát mọi người.

Phật nói: A-na-hàm có ba kết: Thứ nhất là si mê; thứ hai là còn yêu mến thế gian; thứ ba là thấy chưa đúng nên chưa sạch kết sử. A-na-hàm ví như khói ở trên ngọn lửa không thể đốt cháy được. Tu-đà-hoàn đã diệt trừ tám mươi tám kết sử Tu-đà-hoàn đã đoạn trừ bảy kết sử. A-na-hàm đoạn trừ ba kết sử. A-la-hán không có kết sử. Tu-đà-hoàn được dấu đạo. Tu-đà-hoàn là qua lại một kiếp mà đắc đạo, A-na-hàm là không trở lại thế gian, A-la-hán là không còn vướng mắc. Sao gọi là biết được dấu đạo?

Nghĩa là biết khổ. Người thế gian đều không biết khổ, Tu-đà-hoàn biết khổ. Tư-đà-hàm là bỏ tập, A-na-hàm là biết cùng khắp, A-la-hán hành đạo đã rốt ráo.

Đắc Tu-đà-hoàn cách trăm kiếp mới đắc A-la-hán. Tại sao? Chỉ một trăm kiếp Tu-đà-hoàn mà chưa đoạn kết mười kết sử nên không đắc A-la-hán. Tu-đà-hoàn chỉ buồn cái thân sợ cái tội, không dám dự vào việc của thế gian, còn có mười nghi kết sử không hiểu, không hiểu nên liền dừng lại.

Tu-đà-hoàn chừa bỏ thường có năm kết sử dưới đây:

Thứ nhất tham dục; thứ hai là sân hận; thứ ba là còn thấy và làm; thứ tư là còn tham phước đức; thứ năm là tâm ý còn nghi ngờ. Cũng gọi là từ dưới sau cõi trời, cho đến (thế gian) tham dục, sân hận, tham thân, mong muốn ngờ vực của thế gian là những hạ phần kết sử.

Tu-đà-hoàn thấy nhân duyên, nói không phạm năm giới thời nên tử biệt, tử biệt là không phạm. Số người còn lại nếu thấy mà vội vàng ắt phạm vào năm nhân duyên. Tu-đà-hoàn nếu đoạn, thì thọ Tân A-la-hán. Tân A-la-hán đã đoạn hết phiền não thô. Bồ-tát không còn gốc tội, tội tiêu thì đắc đạo, cho nên biết được vô thường, khổ và không, chẳng có thân cùng chẳng có đạo. Ngay cả đạo và người hành đạo đều không có chỗ vướng mắc. Hành Tu-đà-hoàn là chứng đắc Tu-đà-hoàn, hành Tư-đà-hàm là

chứng đắc Tư-đà-hàm, hành A-na-hàm là đắc A-na-hàm, hành A-la-hán là đắc A-la-hán, hành Bích-chi-phật là đắc Bích-chi-phật, hành Bồ-tát là đắc Bồ-tát.

Phật bảo: Người học đạo, nếu tạo nhân nào, thì gặp quả đó. Như bóng theo hình.

Phật dạy: Bát-đa-la có bốn tên: Một là không cung cấp thức ăn; hai là giới; ba là thọ nhận; bốn là nhờ đó mà đắc phước, không có tỳ vết, khiến được nhận phước, bưng bình bát thiết lập giới. Trong ý không có (niệm) nghĩ ác.

Phật nói: A-la-hán không ăn thịt, xét các loài súc sinh từ đầu đến chân, mỗi mỗi đều có chữ mà không có tên thịt. Bích-chi-phật xét việc làm của bản tánh không tịnh nên không ăn thịt. Đức Phật xét mọi vật đều là "không", không có lại có, sinh diệt tương tục rồi trở về với cái "không" nên rốt cuộc không có. Các đệ tử nghe kinh lòng sinh hoan hỷ, rồi làm lễ Phật mà lui ra.

-oOo-

SỐ 731

PHẬT THUYẾT THẬP BÁT NÊ-LÊ KINH

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao, người nước An Tức.

Đức Phật dạy:

–Người đời thấy được phần ít của mặt trời, không thấy được phần nhiều. Sự biến chuyển của thiện ác cũng không giống nhau. Kẻ khinh khi cha mẹ, phạm tội với Thiên tử, sau khi chết đọa vào địa ngục Nê-lê. Trong địa ngục cũng có sâu cạn, có tám ngục Nê-lê lửa, có mười ngục Nê-lê lạnh. Có người vào ngục nửa bên dưới là Nê-lê lửa nửa cõi trên là Nê-lê lạnh. Có người trước làm ác, sau làm thiện thì không vào ngục Nê-lê. Những kẻ giết hại, trộm cướp, xâm phạm vợ người, cầu mong cho người chết để hy vọng chiếm được tài vật, bọn giặc trộm cướp, kẻ thích làm việc bất thiện, kẻ phỉnh nộ nhục mạ người, đánh đập trói buộc người, thích tạo văn chương bày lỗi của người, luôn ganh tỵ nói lời giận dữ khiến người khác phát sinh sân giận, trái nghịch với các loài quỷ thần trong trời đất, những hạng người này sau khi chết đi, rơi vào địa ngục Nê-lê ác, về sau lại hối cải làm việc thiện thì không còn đọa vào trong ngục Nê-lê nữa. Nên biết đạo Phật có sự chuyển hóa, tuy có kẻ đọa vào ngục Nê-lê nhưng nếu sửa đổi ắt sẽ được lên cõi trời. Người vốn đã làm thiện sẽ đến được Niết-bàn. Cho nên nói rằng: Đạo Phật không thể không biết. Người trí kém không biết sửa đổi làm thiện, đọa vào địa ngục không vui, vào trong ngục rồi lại không làm thiện nên càng vào sâu trong ngục Nê-lê. Những hạng người này cũng được làm người, tuy vừa tạo nghiệp ác, nhưng không thích sát sinh vì người mang bệnh tật, không thích ăn thịt vì càng tăng thêm tật bệnh, người ấy âm thầm tạo công đức sẽ tăng thêm tuổi thọ và dứt hết bệnh tật.

Địa ngục thứ nhất gọi là Quang tựu cư, người ta còn gọi là sinh không chết. Người ở trong ngục ngày, vừa thấy nhau liền muốn đánh nhau. Ở trong ngục ấy không có binh khí mà tự phát sinh binh khí, sát hại nhau trải qua vô số năm mà vẫn không chết, nên người ta gọi là sinh không chết, nhờ ngọn gió thổi đến lại càng không chết qua vô số năm như vậy, lại dùng kiếm sắt nóng sát hại nhau, dùng chùy sắt đánh nhau, dùng tay đánh vật

nhau, trải qua nhiều năm như vậy. Người ở trong ngục này thân hình rộng lớn, tuổi thọ của họ lấy số ba ngàn bảy trăm năm mươi năm ở nhân gian là một ngày ở trong địa ngục, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Như vậy họ sống một vạn tuổi tức là một trăm ba mươi lăm ức năm của nhân gian.

Địa ngục thứ hai gọi là Cư-lô-thốt-lược. Nỗi khổ trong địa ngục này gấp hai mươi lần ở địa ngục Quang tựu cư. Người ta gọi là dùng dây đánh nhau. Người ở trong ngục này bị vứt bỏ vào trong lửa lớn, khi trở ra thân liền đỏ lòm rồi khởi đánh nhau. Cứ ở trong lửa rồi trở ra đánh nhau như vậy trải qua vô số năm. Do cứ xoay vòng như vậy nên không thể chết, mà ngược lại sống lâu vô số tuổi. Lại có người đi vào trong lửa vô số năm. Những hạng người vào địa ngục này thân hình to lớn, tuổi thọ của họ, cứ lấy số bảy ngàn năm trăm năm ở thế gian làm một ngày ở địa ngục, ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm. Như vậy họ sống hai vạn tuổi, tức là hai trăm bảy mươi ngàn ức năm của thế gian.

Địa ngục thứ ba là Tang-cư-đô. Nỗi khổ nơi địa ngục ngày gấp hai mươi lần khổ nơi địa ngục Cư-lô-thốt-lược, người ta còn gọi là địa ngục đánh giết. Người ở trong ngục này bị lửa thiêu đốt, không thể nói hết, nhìn hai bên đều thấy núi, ở giữa núi giống như có hiện tượng ưa thích, khi đi vào trong núi liền bị núi đè ép nhưng mà không chết, trải qua vô số năm như vậy. Lại bị vứt bỏ trong lửa, khi trở ra thân hình nóng đỏ qua vô số năm. Người ở trong ngục này thân thể to lớn. Tuổi thọ của họ, cứ lấy một vạn năm ngàn năm ở thế gian làm một ngày ở địa ngục đó, ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm. Như vậy tuổi thọ của họ bốn vạn tuổi, tức là năm trăm bốn mươi ức năm của thế gian.

Thứ tư là ngục Lâu. Nỗi khổ trong ngục này gấp hai mươi lần địa ngục Tang-cư-đô. Người ta còn gọi là địa ngục ưa thích. Trong ngục này có thành rất lớn, trong mỗi thành lớn lại có các thành nhỏ. Trong thành có rất nhiều hàng trời người. Người vào thành này bị thiêu đỏ như sắt lại ở trong thành có lửa lớn không thể tả nổi. Toàn thân họ bị nấu nhừ, trải qua vô số năm không được dừng nghỉ. Cơ thể bị cháy bỏng nhưng vẫn sống đến vô số năm. Người ở trong ngục này thân hình to lớn. Tuổi thọ của họ, cứ lấy ba vạn năm ở thế gian làm một ngày ở địa ngục đó, ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm. Như vậy tuổi thọ của họ là tám vạn tuổi, tức là một ngàn tám trăm ức năm của thế gian.

Địa ngục thứ năm là Bàng tốt. Nỗi thống khổ trong địa ngục này gấp hai mươi lần địa ngục Lâu, người ta còn gọi là địa ngục nấu nhừ. Người

đọa trong ngục này như vào trong hầm lớn, hang sâu, có lửa đầy cả trong ấy, có người giữ ngục dùng gậy sắt đánh đập. Lại người vào ngục này toàn thân bị thiêu đốt, trải qua vô số năm mà vẫn không chết. Lại có người bị lửa bao bọc xung quanh thân, bị chết ở hầm này lại sinh vào hầm khác, cứ như thế đến vô số lần. Người đọa vào ngục này thân thể to lớn. Tuổi thọ của họ, cứ lấy sáu vạn năm của nhân gian làm một ngày, ba mươi ngày thành một tháng, mười hai tháng làm một năm. Như vậy, họ sống đến mười sáu vạn tuổi, tức là hai ngàn một trăm sáu mươi ức năm của nhân gian.

Địa ngục thứ sáu gọi là Thảo-ô-ti-thứ. Nỗi khổ trong địa ngục này gấp hai mươi lần địa ngục Bàng tốt. Người ta gọi là địa ngục nướng đốt. Trong địa ngục này có thành cao hai ngàn dặm, rộng bốn ngàn dặm có lửa đầy khắp trong thành. Người bị tội bỏ vào đó, lại dùng sắt phủ quanh trải qua vô số năm như vậy không thể nói được, không thể nằm được, lại bị thiêu đốt trải qua vô số năm. Người ở địa ngục này thân hình to lớn, tuổi thọ của họ, cứ lấy mười hai vạn năm của thế gian làm một ngày của địa ngục, ba mươi ngày thành một tháng, mười hai tháng làm một năm. Như vậy, họ sống đến ba mươi hai vạn tuổi, tức là bốn ngàn ba trăm hai mươi ức năm của thế gian.

Địa ngục thứ bảy gọi là Đô-ý-nan-thả. Nỗi thống khổ trong địa ngục này gấp hai mươi lần địa ngục Thảo-ô-ti-thứ. Người ta còn gọi là địa ngục thiêu nướng cùng với những côn trùng. Người đọa vào địa ngục này bị cây sắt lửa lớn đâm suốt dọc người họ trải qua vô số năm. Một khi cửa ngục mở, mọi người đều muốn ra nhưng cửa liền đóng, trở lại rơi vào lửa qua vô số năm. Lại có người thấy cửa mở, muốn đi ra và được ra khỏi đó, nhưng lại rơi vào bùn nhơ, trong bùn nhơ có trùng cắn rứt, không thể ra khỏi được, trải qua vô số năm. Người đọa trong địa ngục này thân hình to lớn. Tuổi thọ của họ, cứ lấy hai mươi bốn vạn năm của thế gian làm một ngày trong địa ngục, ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm. Như vậy, họ sống đến sáu mươi bốn vạn tuổi, tức là tám ngàn sáu trăm bốn mươi ức năm của thế gian.

Địa ngục thứ tám gọi là Bất-lư-bàn-hô. Nỗi khổ trong địa ngục này gấp hai mươi lần địa ngục Đô-ý-nan-thả. Người ta còn gọi là địa ngục khổ lớn chín mùi. Ở trong ngục này đất toàn bằng lửa. Lính ngục đem tội nhân xâu lại rồi nướng cháy, hoặc nằm, hoặc đứng trên giường nhưng không đi được, không được thở, cứ thiêu nướng mãi như vậy mà vẫn sống vô số năm. Nỗi khổ trong ngục này gấp vạn lần nỗi khổ các ngục khác, những nỗi khổ ấy không tả hết được. Người đọa ngục này thân hình to lớn, tuổi

thọ của họ, cứ lấy bốn mươi tám vạn năm của thế gian làm một ngày của địa ngục, ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm. Như vậy họ sống lâu đến một trăm hai mươi tám vạn tuổi, tức là mười bảy ngàn hai trăm tám mươi ức năm của thế gian.

Đức Phật dạy:

–Người vào địa ngục lửa, do nghiệp ác càng sâu dày thì lại càng kéo dài lâu, nghiệp ác càng mỏng thì càng mau được thay đổi. Người đọa địa ngục, ví như người phạm tù, bị đày đi xa, chết nơi hoang dã, gia cảnh đôi đường. Hoặc rơi xuống nước, được sống trở lại nhưng không có đường thoát cho đến khi chết. Vào trong địa ngục tức chịu khổ sở, nỗi khổ không thể diễn tả bằng lời, trải qua thời gian rất lâu mới được thoát khỏi. Gọi là địa ngục lạnh là vì ở giữa cõi trời có ngọn núi cao hai ngàn dặm, sinh ra luồng gió che phủ ngọn núi Tước-lư sơn, núi tối tăm, mặt trời mặt trăng không chiếu đến được. Núi lớn bị che khuất nên tối tăm, ngoài ra còn có rất nhiều vua Nhật, Nguyệt ở trong địa ngục lạnh ấy.

Địa ngục thứ chín gọi là Ô-cánh-đô. Nỗi khổ trong địa ngục này gấp hai mươi lần địa ngục Bất-lư-bàn-hô. Người ta gọi là địa ngục phát sinh mạnh mẽ. Người rơi vào địa ngục này chịu rét buốt không thể tả hết, toàn thân rét cóng trải qua vô số năm, luôn luôn phát mạnh mẽ để chịu đựng. Ở trong lửa lại phát ra tiếng, làm cho tội nhân bị gãy làm đôi như chặt gãy cái cung tên, rồi đem nối lại từng phần, dùng đá lớn đánh ném, làm cho đau đớn không thể nói hết, nhưng vẫn không chết. Lại bắt tội nhân đem mài nghiền như nghiền sắt hoặc mài từ chân cho đến khắp toàn thân mới dừng. Cứ như vậy, trải qua vô số năm, những nỗi thống khổ không thể nói hết. Người đọa trong ngục này thân hình rất to lớn. Thọ mạng của họ lấy số hạt cải làm ví dụ, cứ một trăm hai mươi tám hộc hạt cải, cứ một trăm năm gieo trồng một hạt, lần lượt số hạt cải kia hết nhưng thọ mạng vẫn chưa cùng tận. Như vậy, vẫn chưa được một phần của vạn lần như thế. Hạng người ở ngục này biết được Phật đạo, muốn ra khỏi khổ đau loài người, ban ngày tạo ác nghiệp, đêm không phạm tội, người ấy đọa vào địa ngục, cả ngày lẫn đêm chịu đau khổ vì làm ác. Hoặc có người ngày không tạo ác mà đêm không được vui thì không thể nói hết. Như vậy đạo Phật không thể không nghe biết.

Địa ngục thứ mười gọi là Nê-lư-đô. Nỗi khổ trong ngục này gấp hai mươi lần ngục Ô-cánh-đô. Người đọa địa ngục này thân hình to lớn. Thọ mạng của họ ví như số hạt cải có trong hai trăm năm mươi sáu hộc, cứ một trăm năm gieo trồng một hạt, hết số hạt cải ấy mà thọ mạng trong ngục vẫn

chưa hết.

Địa ngục thứ mười một gọi là Ô-lược. Nỗi khổ trong ngục này gấp hai mươi lần ở ngục Nê-lư. Người đọa ngục này thân hình to lớn. Thọ mạng của họ ví như số hạt cải có trong năm trăm mười hai hộc, cứ một trăm năm gieo trồng một hạt, lần lượt hết số hạt cải ấy mà thọ mạng trong ngục vẫn cùng tận.

Địa ngục thứ mười hai gọi là Ô-mãn. Nỗi khổ trong ngục này gấp hai mươi lần ở ngục Ô-lược. Người đọa trong ngục ấy thân hình to lớn. Thọ mạng của họ ví như số hạt cải có trong một ngàn không trăm hai mươi bốn hộc, cứ một trăm năm gieo trồng một hạt, lần lượt hết số hạt cải ấy mà thọ mạng vẫn chưa cùng tận.

Địa ngục thứ mười ba gọi là Ô-tịch. Nỗi khổ trong ngục này gấp hai mươi lần ngục Ô-mãn. Người đọa ngục này thân hình to lớn. Thọ mạng của họ ví như số hạt cải có trong hai ngàn không trăm bốn mươi tám hộc, cứ một trăm năm gieo trồng một hạt, lần lượt đến hết số hạt cải ấy mà thọ mạng vẫn chưa cùng tận.

Địa ngục thứ mười bốn gọi là Ô-hô. Nỗi khổ trong ngục này gấp hai mươi lần ngục Ô-tịch. Người đọa ngục này thân hình to lớn. Thọ mạng của họ, ví như số hạt cải có trong bốn ngàn không trăm chín mươi sáu hộc, cứ một trăm năm gieo trồng một hạt, lần lượt hết số hạt cải ấy mà thọ mạng vẫn chưa cùng tận.

Địa ngục thứ mười lăm gọi là Tu-kiện-cự. Nỗi khổ trong địa ngục này gấp hai mươi lần ở ngục Ô-hô. Người đọa ngục này thân hình to lớn. Thọ mạng của họ, ví như số hạt cải có trong tám ngàn một trăm chín mươi hai hộc, cứ một trăm năm gieo trồng một hạt, lần lượt đến hết số hạt cải ấy mà thọ mạng vẫn chưa cùng tận.

Địa ngục thứ mười sáu gọi là Mạc-đầu-càn-trực-hô. Nỗi khổ trong địa ngục này gấp hai mươi lần ở địa ngục ở địa ngục Tu-kiện-cự. Người đọa ngục này thân hình to lớn. Thọ mạng của họ, ví như số hạt cải có trong một vạn sáu ngàn ba trăm tám mươi bốn hộc, cứ một trăm năm gieo trồng một hạt, lần lượt hết số hạt cải ấy mà thọ mạng vẫn chưa cùng tận.

Địa ngục thứ mười bảy gọi là Khu-bộ-đồ. Nỗi khổ trong địa ngục này gấp hai mươi lần ở địa ngục Mạc-đầu-càn-trực-hô. Người đọa ngục này thân hình to lớn. Thọ mạng của họ, ví như số hạt cải có trong ba vạn hai ngàn bảy trăm sáu mươi tám hộc, cứ một trăm năm gieo trồng một hạt, lần lượt hết số hạt cải ấy mà thọ mạng vẫn chưa cùng tận.

Địa ngục thứ mười tám gọi là Trầm-mạc. Nỗi khổ trong địa ngục này

gấp hai mươi lần ở địa ngục Khu-bộ-đồ. Người đọa ngục này thân hình to lớn. Thọ mạng của họ, ví như số hạt cải có trong sáu vạn năm ngàn năm trăm ba mươi sáu hộc, cứ một trăm năm gieo trồng một hạt, lần lượt hết số hạt cải ấy mà thọ mạng vẫn chưa cùng tận. Trong ngục lạnh rét càng khổ sở, không thể dùng ngôn từ để diễn tả. Ở ngục này, sự thống khổ không cùng cực.

Đức Phật dạy:

–Mười tám địa ngục này nếu người phạm tội dù làm việc thiện hay ác nặng hay nhẹ cũng đọa vào địa ngục.

Đức Phật dạy:

–Mười tám địa ngục này, kể từ loài rồng phụng cho đến vi trùng nhỏ bé, nếu đã vào mười tám ngục rồi, thì kẻ nào làm việc thiện nhiều, làm việc ác ít mới mau chóng thoát khỏi địa ngục, kẻ nào làm việc ác nhiều, làm việc thiện ít thì rất lâu xa mới ra khỏi địa ngục được.

Đức Phật dạy:

–Mười tám địa ngục là nơi tối tăm, tất sẽ được chúng quỷ trông coi. Khi Đức Phật đản sinh, trên từ cõi trời ba mươi hai dưới xuống đến địa ngục thứ mười tám đều có ánh sáng rực rỡ. Khi Đức Phật mới thành đạo cũng có một luồng sáng rực rỡ. Khi Đức Phật tu tập phạm hạnh buổi sớm, khi Đức Phật hành đạo, giáo hóa chúng sinh, cho đến khi Đức Phật nhập Niết-bàn cũng đều có ánh sáng rực rỡ từ cõi trời ba mươi hai cho đến tận địa ngục thứ mười tám. Vì vậy nên biết Phật đạo không thể không biết. Người làm nhiều việc thiện được sinh cõi trời, làm nhiều điều ác đọa vào địa ngục, hoặc làm súc sinh, vì vậy nên biết đạo Phật bất tử. Hạng tiểu nhân ắt sống lâu, chỉ một vài lần nghe đến đạo Phật, mà không chịu học hỏi, không gần gũi bạn lành, không chịu nghe việc tốt để xa lìa các khổ não, kẻ ấy lại chê cười đạo Phật, sẽ bị đọa sâu trong địa ngục, dù là Phật chẳng thể cứu được họ. Người làm ác thường ưa thích chửi mắng ác khẩu, đến lúc già cũng không dừng thì bị trời thần ghét bỏ, khiến làm cầm thú súc sinh ăn máu thịt lẫn nhau, con cháu sử dụng quanh năm trong nhà.

Đức Phật dạy:

–Người không làm việc thiện, khi bỏ thân người, làm súc sinh bị đem dâng cúng cho quỷ thần, nhưng làm sao quỷ thần ăn được.

Đức Phật dạy:

–Người làm việc thiện sẽ được sinh lên cõi trời, sau lại được sinh làm người.

-oOo-

SỐ 732

PHẬT THUYẾT MẠ Ý KINH

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao, người nước An Tức.

Đức Phật thuyết giảng kinh Mạ Ý:

Tất cả loài côn trùng sâu kiến trong mười phương đều ăn thịt lẫn nhau, tất cả sâu kiến trong mười phương cũng đều ăn thịt ta, vậy sao ta không biết tủi thẹn. Tất cả sâu kiến trong mười phương đều làm vợ con của ta, ta cũng nhận tất cả sâu kiến trong mười phương làm vợ con, tại sao ta không tự xấu hổ, vì vậy nên cứ mãi mãi trôi lăn trong sinh tử. Phải nên tích tập chủng tử đạo, không nên tích tập chủng tử nghiệp súc sinh. Người phạm dâm dục có năm tội:

1. Quên mất tiền tài.
2. Luôn hoang man lo sợ.
3. Sợ đến quan huyện.
4. Gặp tai họa oán thù.
5. Sau khi chết đọa vào địa ngục xấu ác.

Người từ nơi sắc dục ăn uống, được làm thân người không còn lo sợ, nhưng e rằng sẽ bị làm súc sinh, hoặc rơi vào trong địa ngục hay loài ngạ quỷ. Người học đạo, cạo bỏ râu tóc, khất thực để ăn, nhẫn chịu đói khát, xuất gia từ bỏ tài sản, mắt không nhìn bậy, giữ gìn sáu căn, xa lánh nhân duyên xấu ác, vì muốn thoát khỏi khổ đau nên phát khởi tâm ý đến trăm số kiếp. Ví như trồng lúa gấp trăm gấp vạn lần, số lượng lúa ấy không thể đếm được. Nhưng với người có tâm hiểu biết thì dù gấp vạn lần, cũng chẳng có gì lo sợ.

Người tọa thiền hành đạo, nếu thấy trùng trong nước biển thì nên biết đời trước làm trùng trong nước. Nếu thấy cầm thú hoặc loài cầm thú thì nên biết đời trước làm cầm thú. Đời nay gặp nhân duyên, cho nên tội hiện ra theo sự thấy biết, hãy nên biết mình đời trước đã từng bị đọa trong địa ngục.

Tội quá khứ suy giảm, tội hiện tại chưa sinh. Điều ác có cha mẹ, ngu si là cha ác, tham ái là mẹ ác. Điều thiện cũng có cha mẹ. Ba mươi bảy

phẩm kinh là cha lành, sáu pháp Ba-la-mật là mẹ hiền. Lại có cha mẹ khác, Phật là cha, Pháp là mẹ. Tùy theo lời dạy dỗ của Phật mà thực hành đúng pháp, tức là tuân hành theo cha mẹ. Người đọa vào địa ngục, các quỷ muốn cầm gậy uy hiếp người ấy. Tâm người ấy liền niệm nghĩ: "Chẳng bao lâu quỷ cũng sẽ bị diệt." Suy nghĩ như vậy liền được giải thoát, sinh lên cõi trời.

Có sáu việc làm mất pháp:

1. Không tôn thờ Phật.

2. Không thừa sự pháp.

3. Không thân cận Tỳ-kheo Tăng.

4. Không phục vụ người thông tuệ.

5. Không giáo hóa người tinh tấn hành đạo.

6. Hý luận đối với bậc Hiền thánh.

Rời xa sáu việc này thì tăng trưởng pháp.

Không nên ở trong phước mà tạo tội, thà ở trong tội mà tạo phước. Người đang theo học các trường lớp mà không tụng kinh hành đạo, đó là người ở trong phước mà tạo tội. Người bị bệnh nặng, hoặc bị nạn quan huyện, nước lửa, mất tiền của nhưng không lo buồn, đó là người trong tội mà tạo phước. Không nên ở trong phước mà tạo tội, đốt hương, rải hoa, lại quát mắng người đánh xe, người hầu cận, đó là ở trong phước mà tạo tội.

Sát hại có chín bậc, tội lỗi có nặng nhẹ thà giết một ngàn con kiến, không bằng giết một con ruồi. Như vậy, trên hết đến loài người, giết hại loài vật lớn tội càng nặng hơn. Tạo dựng một trăm ngôi chùa Phật, không bằng cứu sống một mạng người, không bằng giữ gìn tâm ý trong một ngày. Người được tâm ý tốt thì phước của người ấy khó lường.

Bố thí vật cho người ác, sau sẽ cùng với người ác kết nhân duyên, đó là chịu khổ não. Bố thí vật cho người thiện, đó là phước đức đi theo. Cũng không nên nhận lấy vật của người ác, về sau sẽ cùng với họ gặp nhau, đó là khổ não lại càng khổ não. Thà thọ nhận vật của người thiện, bố thí vật cho người thiện. Không nên thọ nhận vật của người ác, bố thí của người ác. Thà bố thí vật cho người ác không nhận vật của người thiện. Thà nhận vật của người thiện không thọ nhận vật của người ác. Người có tâm ác sẽ chết, mà người có tâm thiện cũng sẽ chết. Người tâm ý ác sẽ đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Người có tâm ý thiện sẽ sinh trong chốn trời, người. Nhưng tất cả cũng đều chấm dứt.

Có năm loại ma làm nhiễu loạn lòng người, khiến cho người không

được chứng đạo:

1. Thiên ma.

2. Tội ma.

3. Nghiệp ma.

4. Não ma.

5. Tử ma.

Người thực hành đạo nên nhận biết năm loại ma này.

Có năm việc mà chư Phật trong mười phương không thể ngăn được:

1. Mạng sống đời trước sẽ quên.

2. Mạng sống sẽ được sinh ra.

3. Mạng sống sẽ bị hoại diệt.

4. Mạng sống sẽ già.

5. Mạng sống sẽ chết.

Đó là năm việc không thể ngăn được.

Người đời có bốn việc:

1. Có tâm thiện suy tính việc thiện theo nhau.

2. Có tâm ác suy tính việc ác theo nhau.

3. Có tâm thiện suy tính việc ác theo nhau.

4. Có tâm ác suy tính việc thiện theo nhau.

Những ý niệm hiện có của con người, ý cũng diệt, thân cũng diệt, nhân duyên của sự nhận thức cũng diệt. Tai họa hay phước đức phải nhận chịu đời sau cũng ví như trồng quả, năm nay quả đã chín rơi xuống đất, năm sau lại sinh ra quả khác. Tội ví như cây, nhân duyên của ý ví như quả. Những tạo tác thiện hay ác của con người, có bốn vị thần biết đến:

1. Thần đất biết.

2. Thần trời biết.

3. Người bên cạnh biết.

4. Tự mình biết.

Có ba nhân duyên để giữ đạo: Một là hành; hai là thọ; ba là ương. Người làm việc ác là hành *(tạo nghiệp)* đã sinh ra tức là thọ; đã thọ tức là có tai ương *(tội báo)*. Có năm kẻ đồ tể, khi về già liền nghĩ đến đạo, biết sau khi chết đọa vào địa ngục, ngày đêm dùng năm thứ dục lạc để vui chơi cho thỏa thích, rồi dùng năm thứ độc để đối trị.

Có hai hạng người lãnh hội lời dạy của Phật. Một là hạng người thông

tuệ; hai là hạng người ngu si. Đó là hai hạng người, ba là việc không nên thấy. Thí như trì giới thì các ác không nên thấy.

Người tu đạo, truyền giảng kinh điển, thực hành đạo, được nhận bốn phước đức:

1. Nhất tâm hành đạo, không vì sự ăn uống, nên được mọi người kính lễ.

2. Đời sống thanh bần, không có sở hữu nên được mọi người kính lễ.

3. Chỗ ở tự mình biết đủ, không nhận sự kính lễ của người.

4. Tự thân hành đạo, nhận vừa đủ ăn, không nhận nhiều.

Lời nói của người ứng thuận với kinh pháp thì nên lãnh hội, không ứng thuận thì không nên lãnh hội. Nghe kinh cũng vậy, nghe rồi vì người khác thuyết giảng kinh pháp, tuy có làm loạn tâm người nhưng không có tội. Vì sao? Do vì khi thuyết giảng kinh pháp không muốn làm loạn động tâm người. Thuyết giảng kinh nếu làm cho tâm người loạn động. Cũng ví như uống phải thuốc độc sẽ bị chết. Nhờ vào sự giảng dạy kinh pháp, cũng như thuốc ngăn các độc hại thì sẽ không bị chết. Kinh điển của Phật ví như thuốc giải mọi độc hại. Người tu học có bốn việc mà lửa không thể thiêu đốt, binh khí không thể làm hại:

1. Ở chỗ Phật thì không bị hại.

2. Chứng quả diệt tận.

3. Đạt đến bốn thiền.

4. Chứng đắc đạo tâm, không rơi vào đường sinh tử.

Khi Đức Phật còn tại thế, nếu đi đến nhà người, người chủ nhà liền đóng cửa không muốn cho người khác thấy Phật, thì đời sau hai mắt của họ sẽ bị mù. Do vậy cho nên người đem kinh điển của Phật khiến phát khởi lan truyền mạnh mẽ như ngọn đèn thì được Thiên nhãn nhìn xa trông rộng, cũng được ánh sáng cho sáng rỡ, được mí mắt đẹp như tô điểm, được con ngươi mắt long lanh như lửa sáng, được thấy rõ chắc chắn. Từ những nhân duyên này mà có được đôi mắt sáng như đèn, đời sau sẽ được vật quý báu như vàng, bạc, châu báu.

Người nói ra những lời ác làm mê hoặc lòng người, đó là những việc làm, nhận thức của ma. Nếu có người tốt được cha mẹ ác, đó là ma gây tội lỗi, người đến chửi mắng, chỉ xem như gió thoảng, tai nên tránh nghe những ngọn gió ác đó. Ngược lại, nếu không tránh nghe, trở ngại làm người ác, hành năm dục sẽ bị đọa vào năm đường ác.

Người vào trong chúng hội, có bốn việc phải kéo họ ra.

1. Thuyết giảng những điều phi pháp làm rối loạn tâm người thì nên kéo họ ra.

2. Người nói lời nói sai lầm mà không ngăn được nên lôi họ ra.

3. Người nhận biết về điều sai lầm nhưng không cần sự giảng dạy thì nên kéo họ ra.

4. Người hỏi những câu hỏi không đúng như Pháp thì không được trả lời và nên lôi họ ra, rồi gom những người ấy lại cho gần bậc Đạo nhân.

Làm côn trùng có bốn lý do:

1. Hành nghiệp đời trước đi theo để chịu tội.

2. Ma chướng phá hoại, không muốn người được chứng đạo.

3. Không ưa tìm chỗ nhàn tịnh.

4. Không có tâm bình đẳng.

Có tám hạng người không thể tin hiểu:

1. Người tham lam.

2. Người tật đố.

3. Người sân giận.

4. Người hời hợt.

5. Những quan lại.

6. Người tâm thay đổi.

7. Người oán thù.

8. Người nữ.

Những quan quyền, nước lửa, rắn rít, dao bén đều là những thứ không thể gần gũi, nếu gần gũi sẽ khiến xảy ra hại người.

Tham muốn nơi kinh điển có bốn việc:

1. Muốn khiến người ta biết được mình có nhiều kinh điển, muốn được nổi tiếng để kiêu căng ngã mạn.

2. Muốn cầm kinh đi với người thua kém mình, người không hiểu biết mình.

3. Muốn nương vào kinh điển để nhận sự kính lễ của người.

4. Muốn cho tất cả mọi người theo mình lãnh hội kinh giáo, mình làm thầy của họ. Ngược lại, người cầu đạo nơi kinh điển, mong tìm giải thoát khỏi sinh tử, vượt khỏi thế gian, cùng đi trên đường đạo.

Người học kinh điển có năm việc:

1. Muốn được nghe nhiều kinh.

2. Muốn thực hành nhiều phước.

3. Muốn hiểu rõ kinh.

4. Thuyết giảng kinh cho người khác.

5. Muốn đoạn dứt sinh tử.

Năm sự ganh tỵ:

1. Ví như những người cùng một thầy mà muốn chỉ yêu thương riêng mình, không muốn người khác được yêu thương đó là ganh tị về nơi ở.

2. Tự mình suy nghĩ chỉ riêng mình sinh vào nhà ít họ hàng đó là ganh tị về sự sinh.

3. Thấy người khác giàu có mình muốn được bằng người đó là ganh tị về tài sản.

4. Kinh pháp thâm sâu của Phật chỉ muốn riêng mình có, không muốn người khác có được; đó là ganh tị về kinh pháp.

5. Thấy người khác đẹp đẽ, tự mình nghĩ mình không được như vậy, đó là ganh tị về sắc đẹp.

Người phạm vào năm thứ ganh tị này thì không được chứng đạo.

Người học đạo, chớ rơi vào năm điều tranh cãi:

1. Tranh cãi về Phật.

2. Tranh cãi về Pháp.

3. Tranh cãi về Giới.

4. Tranh cãi về Kinh giáo.

5. Tranh cãi với Thánh hiền.

Người học đạo chớ nên tranh cãi như vậy.

Có năm sự sai lầm kiên cố:

1. Sai lầm kiên cố về thân.

2. Sai lầm kiên cố về pháp chính yếu.

3. Sai lầm kiên cố về nẻo tà.

4. Sai lầm kiên cố về tham dục.

5. Sai lầm kiên cố về giới cấm.

Có bảy thứ dâm dật:

1. Ưa nhìn màu sắc của y phục.

2. Ưa nghe tiếng của vòng ngọc.

3. Ưa nghe tiếng nói của người nữ.

4. Tâm ý nhớ nghĩ nói chuyện với người nữ.

5. Mắt ưa xem ngắm.

6. Nhớ nghĩ việc vợ chồng.

7. Tâm nghĩ tưởng phạm giới.

Đó là bảy thứ dâm dật không thể chứng đạo.

Có năm nhân duyên mà người đời thích quên bỏ:

1. Quên thân.

2. Quên nhớ nghĩ nhiều.

3. Tham chấp.

4. Chấp sự nhận thức.

5. Do nguồn gốc đời trước.

Nghĩa là những điều đã nói làm cho người đời khổ não, lo sợ, nên ưa thích quên bỏ sự khổ nhọc. Ý niệm về khổ nhọc như uống rượu bị trúng độc. Bốn phần nước uống có được khí của cõi trời. Bốn phần nghỉ ngơi sẽ dẫn đến sự chết. Bốn phần nói ra những lời thiện sẽ được lên cõi trời. Bốn phần nói việc ác sẽ bị đọa địa ngục.

Nhà vua có người em vợ chết sắp đọa vào địa ngục. Vợ của vua nói với vua: "Đừng để cho em tôi phải vào địa ngục." Nhà vua nói: "Nàng hãy thay ta ngăn nó lại." Khi người em sắp vào địa ngục, vợ của vua nói: "Cửa địa ngục không thể vào." Người em nói: "Trong ấy có rất nhiều thứ", rồi chạy vào trong ngục. Người tạo tội cũng như vậy.

Có người đến lấy cái cày của người khác mà không báo cho chủ nhân của nó. Người ấy dùng mà không muốn trả lại.

Đức Phật nói:

–Không nên như vậy.

Người ăn trộm nói:

–Vì tôi muốn làm cái cày bằng vàng để đền trả cho người ấy.

Đức Phật bảo:

–Người ấy vẫn mắc tội ăn trộm.

Người trì giới mới là người hiếu thuận, báo đáp ân đức cha mẹ. Vì sao? Vì không giết hại vạn vật nên được sống lâu. Không trộm lấy vật nên được giàu có. Không dâm dục, không loạn động, không dối trá, nên được lòng tin. Không uống rượu, nên được thanh tịnh. Cha mẹ có khi rơi vào những tình huống ấy, liền làm cho họ được an ổn, ở trong chùa Phật, phải tề chỉnh nghiêm túc, không được nằm trên giường dây, ghế, sập và mặc y phục của Sa-môn, nếu vậy đều là phạm giới.

Có người thỉnh mời người hành đạo, người hành đạo chưa thọ thực thì không nên hỏi kinh pháp. Nếu người hành đạo vì thế mà thuyết giảng kinh sẽ mắc tội, để vị ấy thọ thực xong mới được thưa hỏi kinh pháp.

Không trì giới là không hành đạo. Ở trong chùa Phật, chẳng khác như đem thân ném vào trong chảo, chảo nóng thiêu hủy thân này. Người không trì giới tức không hành đạo, mà ở trong chùa lâu ngày mạng sống bị thiêu hủy.

Người hành đạo cũng nên thuyết giảng kinh điển. Có người đến hỏi kinh không nên trái ý họ. Khi đem vật đến cúng cho người hành đạo, không nên hỏi kinh trước, sau đó mới cúng. Nhận vật của người cũng không nên thuyết giảng kinh sẽ mắc tội.

Người hành đạo có năm nhân duyên thỉnh mời mà không nên đi:

1. Thỉnh người A không bằng thỉnh người B, không nên đi.

2. Thỉnh người B không bằng thỉnh người A, thì không nên đi.

3. Nếu thỉnh người A, người A nói làm thế này, lại thỉnh người B, người B không nên đi.

4. Nói: "Tôi từ phương xa đến", ngay khi đó không thỉnh, sau đó mới thỉnh thì không nên đi.

5. Nếu có mối oan gia không gặp nhau liền cho cùng gặp nhau, ngồi gần nhau, thì không nên đi.

Vì sao như vậy? Vì ngủ nghỉ dùng để ngăn chặn tâm ý. Ngăn chận có ba hạng:

1. Ngăn những hành nghiệp vào sinh tử.

2. Hành đạo, ý không dừng lại nơi các nhân duyên sinh tử.

3. (*)

Lại người thích ngủ nghỉ có ba nhân duyên:

1. Ăn nhiều.

2. Uống.

3. Lo buồn.

Lại có ba nhân duyên:

1. Thân an nghỉ.

2. Ngoài những tâm ý khác.

(*) Bản Hán thiếu.

3. Muốn nhận mới ở lại.

Người nằm ngủ có ý thức, có thọ mạng, có hơi thở. Thông thường, một ngày có ba vạn sáu ngàn năm trăm hơi thở.

Có tám việc để trừ ngủ nghỉ:

1. Ăn ít.

2. Ngồi.

3. Đứng.

4. Kinh hành.

5. Tụng kinh.

6. Ngắm sao.

7. Rửa mặt.

8. Quán xương cốt.

Nếu không trừ được nữa thì nên niệm các việc thiện. Khi ý đã chuyển đổi thì nên tự hoàn trả những vật ham muốn mong được phước nơi thiền định, được niệm rồi thì các việc khác tự mình giải trừ.

Có thân được phước, có miệng, ý được phước, có "không" được phước. Lại cũng có thân mắc tội, cũng có miệng, ý mắc tội, cũng có "không" mắc tội. "Không" được phước, nghĩa là trong giấc mộng được vàng bạc châu báu, phú quý giàu sang, đó là "không" được phước. "Không" mắc tội, nghĩa là trong mộng thấy có người đến giết hại hoặc xâm chiếm người, đó là "không" mắc tội. Miệng dạy bảo người làm ác, hoặc khuyến khích người giết người, sau đó tạo lý do sai lầm để người khác bị đánh đập, đó là miệng tạo tội. Ý tự tạo tác các duyên, làm cho người bị tổn thương, đó là ý tạo tội.

Con người sở dĩ có những giấc mộng thiện hoặc ác, bởi lẽ muốn ăn uống, không có vật, chỉ có ý, nhân khi mộng thấy ăn uống ngon. Ý muốn giết người nhân vào mộng thấy người đến giết. Tất cả đều có nhân duyên cả, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại. Ban đêm nằm mộng do ban ngày không thấy các việc.

Trong mộng có thiện, có ác đều do ý tạo tác, đối tượng trong mộng cũng đều do ý. Ví như có người lấy một vật, quan sát xong liền cất đi, tuy không thấy vật nữa, nhưng trong ý niệm hiện ra cũng như khi thấy vật không khác. Những việc làm đời trước, liền theo yêu cùng những đối tượng của ý trong đời này.

Người chết rồi, sau đó lại ngồi dậy được là do lúc còn sống thường hay làm ma (quỷ) dọa người, hoặc trong khi mắc bệnh nói với người bên

cạnh: "Gọi ta thức dậy" do vậy cho nên khi đã chết, lại khởi thân ngồi dậy.

Người đọa làm rồng có bốn nhân duyên:

1. Bố thí cho nhiều.

2. Sân giận nhiều.

3. Khinh dễ người khách.

4. Tự cao ngã mạn.

Đó là bốn việc làm phải đọa loài rồng. Một việc đầu tiên thì được phước, còn ba việc sau đọa làm thân rồng.

Trong Kinh luật dạy:

Các loài súc sinh có sừng là do đời trước thích lấy tay bắt chéo ngang làm sừng, vì ưa thích nên được thân súc sinh có sừng. Hoặc làm thân súc sinh có nhiều màu sắc khác là do thích mặc y phục sặc sỡ có tâm xấu ưa dùng đồ tốt, cho nên phải mắc tội như vậy.

Chim anh vũ có cái mỏ màu đỏ, đôi chân màu đỏ là do vì đời trước thích mặc y phục sặc sỡ, môi đỏ như người nữ. Nếu thích mặc quần dài, đời sau đọa làm chim trĩ có lông dài. Tất cả đều do đời trước ưa thích gì thì đời nay có được như vậy.

Loài người hay súc sinh, thân thể có nhiều ghẻ nhọt, đều do đời trước dùng tre gỗ đâm giết cá sống, đâm vào miệng súc sinh, nên đời nay mắc tội như vậy.

Hoặc người hoặc súc sinh, vừa trông thấy nhau thì có người vui vẻ, có người sân giận, ấy là do đời trước cùng nhau làm thiện nên đời này vừa thấy nhau liền vui vẻ, còn đời trước không thể làm thiện với nhau thì đời nay thấy nhau liền sinh giận dữ.

Làm thân súc sinh vì tạo tội ác, có phước được thức ăn liền vui mừng, đó là cái vui xấu ác. Vì đời trước người này làm việc ác, nay được vui vẻ đó là phước. Làm súc sinh không được thức ăn ngon, có ba lý do:

1. Không tu tập.

2. Phước lành đã hết.

3. Tội lỗi sai khiến một cách tự nhiên.

Súc sinh cũng ham muốn về sắc, thanh, hương, vị, xúc, cũng cùng nhau nói chuyện nhưng không thể nói như người được. Người nữ có râu là do đời trước từ trong loài dê, loài vịt mà đến nên có râu.

Loài cá, ba ba không có âm thanh. Vì đời trước hay đoạn đứt lời nói của người. Loài cá sinh ra không sống liền, mà phải trải qua bảy ngày mới sống, hoặc vướng vào cỏ cây ở nơi cạn đến bốn năm chục năm mới được

sinh ra. Sở dĩ cá có nhiều con là do người làm nhiều điều ác. Tội cùng sinh theo sự ưa thích sân giận, tật đố, si mê, dâm dục, do bốn hành nghiệp này mà đọa trong loài khỉ, vượn; làm các việc không an ổn chắc chắn, cũng đọa làm vượn, khỉ. Người thích ca hát âm nhạc thì đời sau đọa làm chim, sâu, vượn, khỉ. Người ưa thích giết vật để cúng tế, thì đời sau đọa làm loài dê. Vì sao? Vì hay chặt đầu lột da lóc thịt sinh vật. Hoặc đời trước ưa thích cướp hiếp người, cởi lấy y phục của người, sẽ bị đọa làm côn trùng, cũng do đời trước ăn hiếp người, cởi lấy y phục của người, đời nay bị đọa phải chịu lạnh rét, hướng tìm đến lửa, trước phải chịu tội, tự nhả tơ làm ấm hoặc quá lạnh nên nhảy vào lửa nóng mà chết. Người ngu si ưa thích sát hại, đời sau sẽ làm heo; hoặc ưa uy hiếp người, đời sau sẽ làm hươu nai; ham thích vị ngon, đời sau sẽ làm con ruồi; ưa thích đánh đập người, đời sau sẽ làm con lừa, sở dĩ lừa có tai dài, vì đời trước ưa thích kéo tai người và tai súc sinh. Nếu thích tát tai người thì đời nay phải làm lính. Vì sao? Vì một người lính bị đánh tát thì các lính khác đều lên tiếng, một con lừa kêu lên các con lừa khác cũng kêu lên. Kẻ mắc nợ mà không trả sẽ làm trâu bò. Sở dĩ bị phá móng chân, vì có hai lý do: Một là mang nợ; hai là ưa thích mang guốc gỗ để làm đẹp. Con ngựa có hai móng chân cũng có hai lý do: Một là mắc nợ; hai là ưa thích mang giày gỗ để làm đẹp.

Có sáu người cùng kết bạn với nhau, sau đều đọa vào địa ngục, cùng vào trong một cái chảo, đều muốn nói lên tội của mình. Người thứ nhất nói ra: Sa. Người thứ hai nói: Na. Người thứ ba nói: Trì. Người thứ tư nói: Thiệp. Người thứ năm nói: Cô. Người thứ sáu nói: Đà-la.

Đức Phật thấy vậy liền mỉm cười. Tôn giả Mục-liên hỏi:

–Vì sao Đức Phật cười?

Đức Phật nói:

–Có sáu người kết bạn bè, đang cùng ở trong chảo dầu nơi địa ngục. Mỗi người đều muốn nói về mình, nhưng bị chảo dầu sôi sùng sục, nên không thể nói được. Họ đều chỉ cùng một chữ và chịu chìm chết. Người thứ nhất nói: "Sa", tức là "Ở thế gian có sáu ngàn ức vạn năm bằng ở trong địa ngục một ngày, biết đến khi nào mới hết". Người thứ hai nói: "Na", nghĩa là "Không có kỳ hạn ra khỏi, cũng không biết đến khi nào được thoát khỏi". Người thứ ba nói: "Trì", tức là nói: "Ôi thôi, ta thường lấy mưu sinh để duy trì sinh mạng, cứ như vậy không thể tự mình kiềm chế được tâm ý, do đời trước mình đã bao nhiêu lần không biết nhàm chán biết đủ." Người thứ tư nói: "Thiệp", tức là "Ta mê mải làm ăn nhưng tài sản của ta cũng thuộc về người khác, vì thế ta phải chịu khổ đau". Người thứ năm nói: "Cô"

tức là nói: "Ai có thể giúp cho ta khi thoát ra khỏi địa ngục rồi, không trở lại phạm phải cấm giới và được sinh cõi trời hoặc hưởng vui của cõi người." Người thứ sáu nói: "Đà-la", tức là "Những việc nói trên đây vốn không xảy ra theo ý muốn. Ví như xe ngựa quên đường lớn, đi vào đường tà bị gãy trục nhíp, có hối hận cũng không kịp nữa".

Đức Phật dạy có bốn cửa ải. Từ thế gian lên đến cõi trời thứ sáu là cửa ải "chết". Từ cõi trời thứ bảy lên đến cõi trời thứ mười tám là cửa ải "trống rỗng". Từ cõi trời thứ mười chín lên đến cõi trời thứ hai mươi ba là cửa ải "vô thường". Từ cõi trời thứ hai mươi lăm đến cõi trời hai mươi tám là cửa ải "xuất". Xuất là cửa chính trong bốn cửa ải. Phước đức tột cùng không vượt quá cõi trời thứ hai mươi tám, tội ác tột cùng không qua khỏi địa ngục A-tỳ. Ngoài ra, các tội khác đều có nhiều ít khác nhau. Từ một việc liền có ba độc, từ ba độc liền có ba đường ác. Nếu không có ba đường ác thì mọi người đều được chứng đạo. Từ địa ngục Đại A-tỳ lên đến cõi trời thứ sáu đồng làm một cõi.

Từ cõi trời thứ bảy lên đến trời thứ mười chín đều thực hành bốn Tâm vô lượng, lại làm một cõi. Từ trời thứ hai mươi lăm lên đến trời thứ hai mươi tám, đều hành trì vô thường, khổ, không, vô ngã, cũng đều làm một cõi. Không vượt qua hai mươi tám cõi trời thì ba độc chưa dứt, trở xuống làm người, luân hồi trong ba cõi, muốn mong cầu giải thoát, cần phải diệt trừ tư tưởng.

Từ địa ngục Đại A-tỳ lên đến cõi trời thứ sáu là cõi Dục, từ cõi trời thứ bảy lên đến cõi thứ mười chín là cõi Sắc. Từ cõi hai mươi lăm lên đến cõi hai mươi tám là cõi Vô sắc, không có tư tưởng mà cũng có tư tưởng. Từ địa ngục A-tỳ cho đến cõi trời hai mươi tám là cõi sinh tử, hai mươi tám vượt qua cõi là cõi Vô vi.

Đoạn tham dục mới đến cõi Sắc, đoạn được sân giận mới đến cõi không có tư tưởng, đoạn trừ ngu si mới đạt đến giải thoát. Trong ba cõi đó có ba xứ:

1. Từ địa ngục A-tỳ lên đến cõi trời thứ sáu là cõi tham dục.

2. Từ cõi trời thứ bảy lên đến cõi trời thứ mười chín gọi là hành chấp vào sắc.

3. Từ cõi trời hai mươi lăm lên đến cõi trời hai mươi tám, bốn cõi này đạt đến quả A-na-hàm, không có tư tưởng cũng có tư tưởng, gọi là hành động không có sắc.

Đó là ba xứ. Nếu đọa vào địa ngục sẽ chuyển thành hành chấp vào sắc. Ví dụ như ngọn lửa, chỉ có thể thấy chứ không thể nắm bắt. Ở nơi xứ

tham dục hoặc ở nơi xứ hành có sắc cũng vậy, đó là ba xứ. Từ địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ do còn tham muốn sắc nên trong đời sống phát sinh ba ý muốn của mình.

Thế nào là đạo? Có ba hành căn bản. Căn bản ác, căn bản thiện, căn bản đạo. Địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ là căn bản ác. Từ trong loài người lên đến cõi trời thứ sáu là căn bản thiện. Từ cõi trời thứ bảy vì ra khỏi mười hai cửa là căn bản của đạo, đã đến được cõi trời hai mươi tám. Người không được giải thoát có ba lý do:

1. Do tham.

2. Do ngu si.

3. Do có ý.

Cho nên đã không được giải thoát phải thoát khỏi mười hai cửa nên nguyện không có ý, người ba độc không đoạn trừ, thì không được giải thoát lên trên, vì chưa cõi trời thứ hai mươi tám. Vì sao? Vì trước thân vốn còn ở thế gian, không tham thân loạn ý, đoạn trừ ba việc bên ngoài, được sinh lên cõi trời thứ sáu, thọ hưởng phước đức, đoạn ba việc bên trong được sinh lên cõi trời thứ mười tám. Từ cõi trời hai mươi mốt làm bốn xứ, chứng quả vị A-na-hàm.

Thực hành mười điều thiện, có người được sinh lên cõi trời thứ nhất, có người được sinh lên cõi trời thứ sáu, vì làm thiện có nhiều hay ít khác nhau cho nên chỗ sinh về cũng không đồng nhau. Thực hành mười điều ác, có người vào địa ngục, có người làm súc sinh hay ngạ quỷ, vì làm điều ác cũng có nặng hay nhẹ khác nhau cho nên chỗ sinh về cũng không đồng nhau. Thực hành thiện lại bị quả ác, thực hành ác lại được quả thiện vì trong thiện có ác nhỏ, trong ác có thiện nhỏ, nhỏ vi tế không thể thấy. Trong thiện không có ác nhỏ nào, cũng không đọa trong ác. Trong ác không có thiện nhỏ nào, cũng không thoát khỏi cực ác. Cực ác không vượt quá địa ngục A-tỳ, cực thiện không vượt quá cõi trời hai mươi tám. Nếu không nhận thức rõ tâm vi tế như vậy thì không thể giải thoát. Chúng sinh thực hành mười điều thiện sẽ được sinh lên trời. Các vị trời sở dĩ được hóa sinh là do khi còn ở thế gian, không hướng đến sắc, hiểu rõ đường ác bất tịnh, từ đó được hóa sinh. Có ý hướng đến liền vào thai người nữ. Chư Thiên được hóa sinh, có năm lý do:

1. Không gần với người nữ.

2. Ý không khởi.

3. Không mong có con trẻ.

4. Thích sống một mình.

5. Không cần thế gian, không tham đắm thân, nên được hóa sinh.

Khi mạng sống của con người sắp chấm dứt, nên họ trì tâm ý, quán niệm hơi thở, buộc tâm vào hơi thở, có khi từ cõi trời thứ nhất trở lên là dứt tâm, rồi quán thân có ba mươi hai vật. Tóc, lông, răng, móng, xương, da thịt, năm tạng, gồm mười một thứ thuộc về đất. Nước mắt nước dãi, máu mủ, mỡ tùy, tiểu tiện, gồm bảy thứ thuộc về nước. Hơi thở, nhiệt độ tiêu hóa thức ăn, gồm hai thứ thuộc về lửa. Có mười hai thứ thuộc về gió. Đó là ba mươi hai vật đều từ đất, nước, lửa, gió phát sinh ra.

Những gì làm đất? Con người sinh ra từ tinh khí *(tinh thần)* và vật chất. Vật chất làm đất, ý làm hạt giống, tinh khí làm nước, cả hai hòa hợp sinh ra thân, tìm cầu sự ăn mặc, đó là dưỡng khí để bảo vệ thân người. Vì vốn thân là không, là diệt tận, vô thường, nếu chứng đạo liền biết rõ thân chăng phải thân, quán niệm thân chẳng bao lâu sẽ bị hủy hoại chết đi. Chỉ có ý là hạt giống của người, nên một lòng hộ trì tâm ý. Người ngu si không thể giữ gìn tinh thần, hồn phách, chỉ nuôi dưỡng bốn thứ làm màu sắc mùi vị cho riêng mình. Nghĩa là chấp thân này là của ta, không biết rằng tất cả các ác đều từ thân mà sinh ra, vì ăn, uống, tham đắm mùi vị mà rơi vào khổ đau, luân hồi sinh tử, không thoát khỏi những ác nghiệp căn bản, hồn phách đi vào hư không. Thân thể chôn vào trong đất, trải qua thời gian bị tiêu hủy, vốn không thật có, chỉ có ý mới hành nghiệp chuyển hóa, thân chết trở về đất, vạn vật cũng như vậy, đều là vô thường, con người không thể mưu tính được. Suy nghĩ trăm phương nghìn kế nhưng cuối cùng chẳng được gì cả. Thân chết đi, mong cầu từ bỏ được trăm điều lo nghĩ nhưng cũng vậy, đã diệt rồi lại sinh, sinh rồi lại khổ, lại tạo tác các nghiệp thiện, ác, cứ gieo trồng mà chưa biết nẻo về, đó là chẳng phải thân. Người hành đạo, nên đoạn dứt thân này mà không biết rõ bốn sự vô thường, thì hoàn toàn không được chứng đạo. Tự mình quán sát thân, thấy rõ các thây chết bị tan hủy thì biết thân người và vạn vật đều không, không có sở hữu, ý liền dừng lại, thực hành hạnh hoan hỷ, khi đã được tâm hành, thì luôn luôn được an ổn, tâm chuyên nhất gọi là Đạo.

Đã tự quán sát thân, biết rõ thân không thật có, tức đó là Thân niệm xứ; Thọ, Tâm, Pháp cũng vậy. "Chỉ" có nghĩa là ba việc thọ cũng dừng, ý về thọ cũng dừng, bốn việc tham dục cũng dừng, ba việc tư tưởng bên trong cũng dừng, tác ý cũng dừng, gọi là thức diệt và dừng pháp bên ngoài. Đó là bốn Niệm xứ. Đã giữ gìn bảo hộ thì Chỉ, đã Chỉ thì Quán. Kinh dạy: Chỉ quán cùng đi đôi để thực hành là chứng được bốn Đế.

Đức Phật dạy:

–Một mình ngồi thiền, quán xét tự tâm, nghĩa là tư duy về sắc, thọ, tư tưởng hành *(sinh tử)*, thức. Người tự quán, diệt trừ các duyên bên ngoài, quán ý chỉ thường thực hành như thật, thấy đạo cũng như thật, người hành thiền sẽ tự thấy. Kinh dạy: Tỳ-kheo có thể ngăn giữ ý bên trong, sau mới dừng, tức là trước hết phải tư duy quán sát diệt vọng niệm các niệm đối đãi bên trong liền ngăn giữ ý, ý không rời khỏi thân. Đối với người hành đạo, các đối đãi bên ngoài tức là vạn vật; các ý niệm bên trong tức là tư duy nhận thức. Muốn diệt trừ các niệm đối đãi thì luôn niệm các vật là vô thường dễ hủy hoại, đều chẳng phải là vật sở hữu của ta, ta cũng chẳng phải vật, lập tức niệm nghĩ đến cái chết nhanh chóng, ta có đem được gì. Giữ việc thiện, duy trì nhất tâm, duy trì tụng kinh được nhiều an lạc.

Đức Phật dạy:

–Đó là những thứ mà ông đem đi được, ngoài những thứ ấy ra, còn tất cả đều chẳng phải của ta, ý nên nhận thức rằng: Những gì thuộc về ân ái phải bị biệt ly, đều tự tiêu hủy, nhớ nghĩ đến nó chỉ rối loạn tâm ý, tùy theo tội ác của người mà có quả báo nơi thân, cần duy trì sự thanh tịnh để hướng đến đạo Niết-bàn.

Đức Phật từ thiền định vào đến đạo thứ chín, quán niệm bốn màu sắc nơi thân bị tiêu diệt. Nghĩa là khi người chết được bốn đến năm ngày sẽ có mùi hôi xông lên, sắc màu chuyển thành tái xanh. Từ năm đến sáu ngày, máu mủ từ trong miệng mũi, tai, mắt chảy ra mà đỏ bầm, sau đó, da thịt bị hủy hoại, trong ruột, dạ dày sinh ra vi trùng, chúng trở lại rúc rỉa thịt ấy. Khi da bị tiêu hủy, xương cốt trở thành màu trắng, lâu ngày chuyển thành màu đen rồi tan thành tro đất. Quán bốn đại đất, nước, lửa, gió và không đều chẳng phải sở hữu của ta. Từ vô số kiếp đến nay, cũng đã từng làm vợ con nô bộc của người, cũng từng bị làm súc sinh, trâu, ngựa, trùng, khổ nhọc mang nợ nặng nề, cũng từng bị giết hại, mổ xẻ, bóc da thiêu nướng, bằm chặt. Ngày nay làm người, ta trở lại lấy người làm vợ con tôi tớ cho mình, cũng lại đem súc sinh, trâu, ngựa, sinh vật để giết hại, mổ xẻ, bóc da, thiêu nướng, đâm chặt một cách tự do. Khi thân chết đi, đều phải trở lại chịu hành nghiệp. Người hành đạo thà rằng thấy người chết chấm dứt hơi thở, thì không còn nhận biết được nữa, thân thể nằm thẳng cứng, mùi hôi từ sự hủy hoại xông lên, nên quán sát kỹ thì thật ghê sợ, không còn gì để muốn thấy nữa. Vì sao? Vì nếu không lo sợ nữa sẽ khiến được sinh cõi trời và chứng Niết-bàn.

Đức Phật biết rõ chín đường đều là không, không sở hữu, nên trở lại hành thiền định. Người hành đạo nên mau chóng diệt trừ vọng niệm, không

còn niệm khác, như thế liền đạt đến nẻo hành thâm sâu nơi vạn vật, ở nơi đối tượng thấy biết sâu xa ấy, do nhờ chúng không tồn tại, cho nên không thấy được. Khi tâm ý khởi tham dục nên niệm vô thường, tan hoại, đối trị với tâm sân hận nên niệm bốn Tâm bình đẳng *(bốn Tâm vô lượng)*; đối trị với ngu si nên niệm nguồn gốc các hành là vô thường, vô vi, an ổn. Người không hiểu rõ sự vô thường thì hoàn toàn không từ bỏ tham dục, cũng không thoát khỏi đường ngạ quỷ. Vật sở hữu của thế gian như mộng ảo. Trong mộng thấy được ăn ngon, thức dậy thì không thấy nữa. Vật sở hữu thế gian như thế, sinh ra rồi chết đi, thành tựu rồi tan hoại, cuối cùng trở về "không", có gì phải tham đắm? Nếu người có cả vợ con, tài sản cũng như vậy. Vì sao? Vì con người muốn duy trì sự sống phải có được tiền tài danh vọng. Nếu khi gia đình hòa hợp thì vui vẻ hạnh phúc, cũng ví như bầy chim tụ hội bay về. Nhưng mọi sự đều vô thường, một ngày kia sẽ xa cách biệt ly thì không thấy được nữa. Giả sử như có thường đi chăng nữa, thì cũng vạn mối sầu lo, tâm ý ở trong sinh tử, mỗi ngày tích chứa tội lỗi. Nếu người thông minh sáng suốt thì tự mình kiểm thúc, tu hạnh thiểu dục, hướng cầu hạnh mặc một y, ăn ngày một bữa, theo hạnh thiền định không chút nghỉ ngơi, thường giữ thân thanh tịnh, đoạn trừ tham dục, quán niệm pháp "không".

Hỏi:

–Hành đạo giữ tâm vốn từ đâu sinh ra?

Đáp:

–Tánh của trời đất hình thành con người. Từ cõi trời thứ mười lăm trở lên thọ mạng con người không yểu, dứt trừ năm đường sinh tử theo sáu trần phát sinh ra. Con người sinh ra, tâm ý vốn thiện, không có tham ái, thọ, tưởng, hành *(sinh tử)*, thức, nhưng bị mắt, tai, mũi, miệng lừa dối, như mắt nhìn thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi biết hương, miệng biết vị, tâm khởi niệm, tạo mười việc thành năm ấm, ý hợp với pháp trần tạo thành ý thức, nhân đó tạo tác các hành nghiệp thiện ác, hình thành bản ngã theo quá trình sinh, già, bệnh, chết. Ở trong năm đường cầu đạo giải thoát vì muốn đoạn diệt sinh tử, phải giữ thân dừng ý. Tức là mắt dừng tiếp xúc với sắc, tai dừng tiếp xúc với âm thanh, mũi dừng tiếp xúc với hương, miệng dừng tiếp xúc mùi vị, thân ưa thích không tiếp xúc sáu trần, thực hành thiền quán, một lòng nhớ nghĩ thiền định, diệt trừ các nhận thức của ý, người chứng đạo thì năm ấm thảy đều diệt mất, biết rõ tất cả đều vốn không thật, nên nhớ nghĩ về "không" và luôn quán tưởng "không", hướng đến cửa Niết-bàn. Đối với người giữ gìn tâm ý, ý thức làm chủ mọi hành động, xét thấy sáu trần là tai

họa gây nên các hành nghiệp căn bản trong năm đường. Người hành đạo phải tinh chuyên tư duy, tự mình duy trì pháp quán bốn Niệm xứ không sai lệch thì các ý niệm nhận thức, tư duy phải đi đường nào? Người muốn diệt trừ ý niệm, nhận thức, tư tưởng, phải thực hành tất cả không gián đoạn mười việc thiện của thân khẩu ý. Xét rõ năm ấm, sáu trần, cho đến ba định là: Khẩu không còn đối tượng nhận thức là khẩu định, thân không còn đối tượng nhận thức là thân định, ý không còn đối tượng để niệm nghĩ là ý định.

Ý có bốn bệnh, người ngu si nhiều thì các phiền não che nhiều, phiền não ngăn che nhiều thì không được tu tập, không tu tập thì sân giận tham ái khởi lên không thể kiềm chế được, do đó bị rơi vào vô minh. Người hành đạo cần phải đoạn trừ năm ấm *(phiền não ngăn che)*. Người nhiều tham dục.

Đức Phật dạy:

–Đó là người không muốn làm việc, do nhiều mệt mỏi, ý không muốn tu hành, không muốn quán niệm, sau khi chết chịu mọi khổ đau.

Hỏi:

–Thế nào là sự sống căn bản.

Đáp:

–Không nghi hoặc là sự sống căn bản.

Hỏi:

–Thế nào là hướng? Thế nào là đối? Thế nào là hành?

Đáp:

–Không chuyển ý là hướng, không chuyển niệm là đổi, đáng để ý là hành.

Hỏi:

–Thế nào là ruộng đất?

–Ý của ông là có ý còn ruộng đất nhà cửa vô tri nên không có ý chăng? Ruộng đất nhà cửa không có tri giác còn ông là người có tri giác, nhà cửa ruộng đất không có ý nên không có tri giác chăng? Có thể nói ý hiểu biết về vị ngọt của dục cũng là ý. Vì sao? Vì người không hiểu biết gần gũi với người không ruộng đất nhà cửa. Như vậy, tức là hỏi trong nhà Phật có ý hay không ý? Nếu thân không có ý làm gốc thì tự tạo tác tự chứng được. Ví dụ như năm thứ giống căn bản, cũng không trồng mà lại sinh ra. Con người cũng vậy, vốn không trồng mà có, giống như đốt lửa cháy rực, bỏ củi đi thì lửa tắt. Người hành đạo nên quán sát thân chẳng phải thân, vạn

vật cũng như vậy.

Hỏi:

–Vốn dĩ không có ý niệm thì lấy gì mà gìn giữ?

Đạo có bốn điều:

1. Giữ gìn các căn môn.

2. Biết rõ thân chẳng phải thật có nên hủy hoại thân không luyến tiếc, đó là hạng người được ra khỏi cửa cõi trời thứ sáu.

3. Biết rõ vô thường, tâm không còn hướng đến đó là người vượt khỏi cửa cõi trời thứ mười tám.

4. Như không diệt không, đó là người vượt khỏi cửa trời thứ hai mươi tám, tức là diệt không và đạt đạo.

Kinh dạy: Người hành đạo, giác ngộ, được giải thoát, tức là giác ngộ về khổ, không, vô thường, vô ngã; được giải thoát tức là vượt khỏi bốn cõi, chứng thiền thứ nhất lên cõi trời thứ bảy, có thân nhưng chỉ có hình. Vì sao? Vì người hành đạo muốn hủy hoại thân. Quán niệm đầu, tóc, não nơi thân, tóc vốn không có nguồn gốc, đều do huyễn hóa tạo thành, sẽ bị hủy hoại, rơi rụng, quán não như cháo đặc đều bị thối rữa, quán mắt chỉ có lỗ chứa nước, bên trong tiết ra nước nhờn, tai có lỗ rỉ ra nước bẩn, mũi miệng luôn xuất ra đàm dãi, tất cả đều tiêu hủy, lưỡi yết hầu, phổi cuốn lấy tim gan. Trong tim có máu xấu. Mật, ngực, lá lách dính với dạ dày. Thận liền với xương sống, trong dạ dày có dịch vị làm tiêu hóa thức ăn; ruột già có phân, ruột non có lỗ thông nước tiểu, tất cả đều phình trướng hôi thối, được tiêu tán vào nơi dơ bẩn bên dưới mông, máu dồn vào hai cẳng chân, dần dần da thịt bị tiêu hết, gân mạch tan hoại, các đốt xương bị phân chia từng đoạn, cẳng chân khớp với xương đùi như bánh xe, xương khu cùng với xương sống liền nhau, xương vai cùng với xương khủy tay liền nhau khi máu thịt tan rã, đều trở thành tro đất làm mồi cho các loài côn trùng. Một khi hơi thở ra mà không thở vào thì bước sang đời khác. Quán thân này nằm ngay đơ không chút cử động, hỏa đại hết thì thân lạnh cóng, phong đại hết thì hơi thở dứt, chất nhờn từ chín lỗ chảy ra thì hết thủy đại, không còn ăn uống thì địa đại chấm dứt. Sau ba bốn ngày, sắc thân chuyển sang xanh bầm, máu mủ từ miệng, mũi, mắt, tai, chín lỗ chảy ra, màu đỏ của da thịt xương cốt đều hủy hoại, ruột, dạ dày năm tạng và tây chân, tất cả đều thành tro đất. Quán sát vạn vật như vậy, tự quán thân mình cũng như vậy, tự quán thân mình cũng như vậy, tất cả đều diệt tận, đều là "không", hơi thở ra vào cũng biết rõ là "không", như vậy có thể gần với đạo.

-oOo-

SỐ 733

PHẬT THUYẾT KIÊN Ý KINH

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao, người nước An Tức.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Hôm nay ta vào thiền định, thương xót chúng sinh không biết rõ về đạo Phật Chánh chân thâm sâu, nên đã dùng lời lẽ thô thiển hư ngụy khinh bạc, muốn đem tâm ganh ghét để hủy báng tận nguồn gốc của đạo, giả dối tạo ra các nạn cùng cực để chất vấn đệ tử của ta. Ông nên dùng tâm ngay thẳng để nhận biết người tạo tội này, hoặc là thấy ác tà ma yêu thuật, hoặc là người gian ác không hiểu thế gian, hoặc các vị Bồ-tát, Tỳ-kheo Tăng, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hiểu rõ kinh điển cao siêu thuần khiết rồi chỉ bày giảng giải cho kẻ mê muội tối tăm, thuyết giảng cho họ về sự tích tập của tội phước trong sinh tử. Giả sử có người hiểu biết về đạo chánh chân giải thoát, thì đây là người tội được diệt phước được sinh. Nếu người hiểu biết thì nên chỉ cho họ hướng tu hành. Còn người loạn tâm ý không mở bày, tuy có gắng gượng lắng nghe nhưng tâm nhiều mê loạn, hoặc hủy hoại chánh pháp, khinh hủy Sa-môn và Ưu-bà-tắc, miệng nói lời ác, lời nói hư dối, nên biết người này sẽ mắc lấy tội báo. Sa-môn Hiền giả nên lấy nhẫn nhục làm đầu, sẽ như nước sạch trong, không chút cấu bẩn, người chết, chó chết, rắn chết, phân dãi thảy đều dùng nước để rửa nhưng không hủy hoại đến sự trong sạch của nước. Cũng nên giữ gìn tâm; giống như cái chổi quét đất, không chỗ nào mà không sạch, người chết, chó chết, rắn chết, phân dãi cũng đều được quét sạch, nhưng không làm hư chổi. Cũng lại giống như sức của gió, sức nóng của lửa người chết, chó chết, rắn chết, phân dãi cũng có thể bị thổi đi, cũng có thể thiêu đốt nhưng không hủy hoại sức của gió, cũng không hủy hoại sức nóng của lửa. Nếu có người muốn đến giết hại mình, mình cũng không sân giận, có người muốn đến vu khống mình, mình cũng không sân giận; muốn đến phá hoại mình khiến cho mình không thực hành pháp Phật, mình cũng không sân giận, chỉ dùng lòng Từ

bi tâm ý chân chánh thì tội diệt phước sinh, mọi thứ tà vạy không vào đường chân chánh. Mọi điều xấu ác đều bị tiêu hủy.

Đức Phật bảo A-nan:

–Người có tâm tốt ý thiện, nghe được giáo pháp sáng suốt của Phật, một lòng lắng nghe hoặc có thể chỉ trong một ngày, hoặc không được một ngày, hoặc nửa ngày hay không quá nửa ngày, hoặc một lúc hoặc không quá nửa lúc, hoặc chỉ trong một khoảng sát-na thôi, thì phước đức của người ấy không thể suy lường được, không thể chê trách vào đâu được. Vì vậy, các ông nên thuyết giảng rộng rãi kinh này cho các hàng Tỳ-kheo Tăng, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, bạch y và dân chúng; cũng nên thuyết giảng cho họ về việc bố thí các thứ thực phẩm trong đời sống. Nếu có ngày trai giới, nên đặt bày thức ăn, thỉnh mời đủ bốn chúng, các bậc Cao tăng Hiền giả, Sa-môn hành đạo, thiết lập tòa cao luận giảng kinh Phật, xông hương đốt đèn ánh sáng tỏa khắp đến tận cõi trời, làm cho các vị trời vui mừng, đều xuống cõi hư không ghé tai để lắng nghe pháp, không ai mà không vui vẻ, các vị thần thiện cũng xuống bảo vệ chung quanh cửa ngõ, trừ tai họa, diệt yêu ma, phát sinh lợi lạc, có lợi lạc tức được an vui, hoàn toàn không có các việc oán thù xấu ác. Ví như trồng lúa, tùy theo giống mà sinh ra lúa, giống tốt được quả phước, giống xấu bị tai ương, chưa bao giờ không gieo giống mà được quả thật. Tâm chân chánh cũng lại như vậy, thì phước đức luôn trở về với tự thân. Hãy cẩn thận không nên phán đoán, bị tà tâm làm vướng mắc, ôm lòng hoài nghi, các thần thiện sẽ rời xa, làm cho rơi vào tội lỗi, việc làm không thành đạt, không biết rằng phá hủy giới cấm, đối nghịch với pháp Phật, việc làm không có lợi ích theo với tâm không chân chánh. Nếu người nam, người nữ nào nghe được kinh này, phụng trì, đọc tụng kinh này thì không ai mà không được phước đức.

Khi Đức Phật thuyết giảng kinh này xong Tôn giả A-nan hoan hỷ, đứng dậy đảnh lễ Đức Thế Tôn.

-oOo-

SỐ 734

PHẬT THUYẾT QUỶ VẤN MỤC-LIÊN KINH

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao, người nước An Tức.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở vườn trúc Ca-lan-đà thành Vương xá, lúc bấy giờ vào buổi chiều, Mục-kiền-liên xuất hiện đi dạo bên bờ sông Hằng, thấy các ngạ quỷ chịu tội không giống nhau. Lúc đó ngạ quỷ nhìn thấy Tôn giả Mục-kiền-liên đều sinh tâm cung kính, đến hỏi nhân duyên.

Một quỷ hỏi:

–Từ khi sinh đến nay, tôi thường bị tai họa đau đầu. Tôi mắc tội gì mà chịu quả báo như vậy?

Mục-kiền-liên đáp:

–Ông lúc làm người thích dùng gậy đánh lên đầu chúng sinh, nay chịu họa báo phải vào địa ngục.

Một quỷ hỏi:

–Từ khi sinh đến nay, tiền của vô kể nhưng lại thích ăn mặt rách rưới. Tôi mắc tội gì mà chịu quả báo như vậy?

Mục-liên đáp:

–Ông lúc làm người, bố thí làm phước mà trở lại hối tiếc, nay chịu họa báo phải vào địa ngục.

Một quỷ hỏi:

–Từ khi sinh đến nay không có chỗ ngủ đêm nhất định, thường ở nhờ vào đường hẻm, tôi mắc tội gì mà chịu quả báo như vậy?

Mục-liên đáp:

–Ông lúc làm người, khách đến xin nghỉ, không cho ở yên, thấy khách khác mới đến nghỉ, lại nổi sân giận, nay chịu họa báo phải vào địa ngục.

Một quỷ hỏi:

–Tôi ăn không kịp nhai, cả hộc lớn mà không no. Tôi mắc tội gì mà chịu quả báo như vậy?

Mục-liên đáp:

–Ông lúc làm người, dọn cơm cho chúng sinh làm cho họ không được no đủ, nay chịu họa báo phải vào địa ngục.

Một quỷ hỏi:

–Từ khi sinh đến nay, bụng to như cái vò, cổ nhỏ như lỗ kim, ăn nuốt không được. Tôi mắc tội gì mà chịu quả báo như vậy?

Mục-liên đáp:

–Ông lúc làm người, làm chủ làng xóm, tự mình cậy vào thế lực, xem thường mọi người, luôn đánh đập bức bách để đòi thức ăn ngon, nay chịu họa báo phải vào địa ngục.

Một quỷ hỏi:

–Từ khi sinh đến nay, tôi thường bị bệnh nhọt thối nát ở nam căn, đau không thể nói. Tôi mắc tội gì mà chịu quả báo như vậy?

Mục-liên đáp:

–Ông lúc làm người, nơi tháp Phật nơi tịnh xá thanh tịnh, thường làm việc dâm dục, nay chịu họa báo phải vào địa ngục.

Một quỷ hỏi:

–Từ khi sinh đến nay, có nhiều con xinh đẹp dễ thương mà lại chết sớm, nhớ đến sự xa lìa đó, đau đớn không thể nói được. Tôi mắc tội gì mà chịu quả báo như vậy?

Mục-liên đáp:

–Ông lúc làm người, thấy trẻ con sát sinh, ăn thịt thì vui theo. Sát sinh cho nên chết yểu, vui theo cho nên đau buồn, nay chịu họa báo phải vào địa ngục.

Một quỷ hỏi:

–Từ khi sinh đến nay, có một con chó rất lớn, răng bén nhọn, hai mắt đỏ như lửa, thường đến cắn tôi. Tôi mắc tội gì mà chịu quả báo như vậy?

Mục-liên đáp:

–Lúc ông làm người, đem chó đi săn, giết hại chúng sinh, không có chút Từ tâm, nay chịu họa báo phải vào địa ngục.

Một quỷ hỏi:

–Từ khi sinh đến nay, thân thể luôn bị bệnh, đau đớn khắp nơi, không chịu đựng được. Tôi mắc tội gì mà chịu quả báo như vậy?

Mục-liên đáp:

–Ông lúc làm người, thích giăng lưới bắt cá, mỗi khi bắt được cá luôn

ném lên cát, đất khiến chúng bị chết đau đớn, nay chịu họa báo phải vào địa ngục.

Một quỷ hỏi:

–Từ khi sinh đến nay, có một người luôn cầm dao cắt thịt tôi, cắt hết rồi bỏ đi, chốc lát thịt mọc ra, lại đến cắt, đau không thể nói. Tôi mắc tội gì mà chịu quả báo như vậy?

Mục-liên đáp:

–Ông lúc làm người, thích mổ mắt chúng sinh, không có một chút lòng từ, cho nên nay chịu họa báo phải vào địa ngục.

Một quỷ hỏi:

–Từ khi sinh đến nay, ngu muội không biết gì cả. Tôi mắc tội gì mà chịu quả báo như vậy?

Mục-liên đáp:

–Ông lúc làm người, cố ép người khác uống rượu, khiến họ điên đảo nên nay chịu họa báo phải vào địa ngục.

Một quỷ hỏi:

–Từ khi sinh đến nay, tôi thường bị khát bức bách, đi thấy sông Hằng, muốn xuống uống để trừ khát khô cổ ấy, mới xuống sông, thân thể liền bị thiêu đốt gân thịt lìa xương, khát quá muốn uống như mọi người, nhưng từ miệng đến bụng, ngũ tạng đều bị thiêu đốt đau đớn, không thể chịu nổi. Tôi mắc tội gì mà chịu quả báo như vậy?

Mục-liên đáp:

–Ông lúc làm người, thích thiêu đốt núi rừng, tàn hại chúng sinh, cho nên nay chịu họa báo bị đọa vào địa ngục.

Một quỷ hỏi:

–Từ khi sinh đến nay, tôi thường bị đói khát, muốn tới chỗ nhà xí lấy phân mà ăn, nhưng ở đấy có một con quỷ rất mạnh, dùng gậy đánh tôi, nên tôi không thể đến gần được. Tôi mắc tội gì mà phải chịu quả báo như vậy?

Mục-liên đáp:

–Ông lúc làm người, làm chủ ngôi chùa, có Tỳ-kheo khách đến, thì keo kiệt tham tiếc không cho họ ăn uống, đợi khách đi rồi, bèn cho Tăng trong chùa. Keo kiệt, tham tiếc vật chùa Tăng cho nên chịu họa báo bị đọa vào địa ngục.

Một quỷ hỏi:

–Từ khi sinh đến nay, thường ở chỗ bất tịnh, khắp thân hôi thối không

thể lìa nổi, lúc đói lại ăn đồ bất tịnh ấy. Tôi mắc tội gì mà chịu quả báo như vậy?

Mục-liên đáp:

–Ông lúc làm người, là con của nhà Bà-la-môn, có một đạo nhân sau buổi trưa đến nhà ông xin ăn. Ông lúc đó làm phương tiện như thế này, khiến đạo nhân nọ không dám đến xin nữa, ông lấy bình bát, bỏ đầy phân ở dưới rồi lấy cơm phủ lên trên. Đạo nhân nhận được bình bát trở về chỗ cũ, đặt qua một bên, rửa tay súc miệng xong, lấy bình bát muốn ăn, trong bình bát xông lên mùi hôi thối không thể đến gần. Vì lý do đó phải đọa địa ngục, đời vị lai của ông lại bị đọa vào ngục Phẩn thỉ di-lê.

Một quỷ hỏi:

–Từ khi sinh đến nay, trên vai có bình đồng, chứa đầy nước đồng sôi, một tay thì cầm vá múc nước đồng sôi ấy tưới lên đầu, đau đớn không thể nói hết. Tôi mắc tội gì mà chịu quả báo như vậy?

Mục-liên đáp:

–Ông lúc làm người, làm Duy-na trông coi việc Tăng chúng trong chùa, có một bình mỡ sữa đem giấu nơi khác, không dọn cho khách Tăng, đợi họ đi rồi dọn cho Tăng chúng trong chùa, bình mỡ sữa ấy là vật của Tăng Chiêu-đề, tất cả nên đều có phần, vì keo kiệt, tham tiếc vật của Tăng chiêu-đề nên nay chịu họa báo bị đọa vào địa ngục.

Một quỷ hỏi:

–Từ khi sinh đến nay, hoặc lên núi đao, hoặc vào rừng kiếm, hoặc rơi vào lửa dữ hay trong vạch nước sôi ở địa ngục, chịu khổ nhiều cách không chút dừng nghỉ. Tôi mắc tội gì mà phải chịu quả báo như vậy?

Mục-liên đáp:

–Ông lúc làm người, làm chủ công việc tế lễ trời, nấu giết tam sinh, cúng tế Thiên thần, máu thịt rơi vãi khắp chốn, lại nói với mọi người: Các ông cúng tế như vậy sẽ được nhiều điều lợi lạc tốt đẹp. Ông nói lời tà vạy này là lời yêu nghiệt, khinh dối mọi người, dối trá mê hoặc cả cha mẹ. Vì thế nên bị đọa vào địa ngục.

Lại có một con quỷ hỏi:

–Từ khi sinh ra, thường phải nuốt hòn sắt nóng. Tôi mắc tội gì mà phải chịu quả báo như vậy?

Mục-liên đáp:

–Ông lúc làm người, làm Sa-di, dùng nước sạch pha đường phèn. Đường phèn thì lớn và cứng, ông trộm đập lấy một ít. Vì chúng Tăng chưa

ăn mà trộm ăn trước. Vì nhân duyên đó cho nên bị đọa vào địa ngục, đời vị lai của ông cũng thường bị nuốt hòn sắt nóng.

Lúc đó, Tôn giả Mục-liên cùng với các ngạ quỷ giảng nói về nhân duyên từ kiếp trước của chúng xong, bèn trở lại núi Kỳ-xà-quật.

Tất cả đại hội nghe Phật giảng nói pháp đều đảnh lễ, phụng hành.

-oOo-

SỐ 735

PHẬT THUYẾT TỨ NGUYỆN KINH

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, tại nước Câu-di-na-kiệt, cùng với năm trăm Tỳ-kheo Tăng, an tọa quanh cội cây Ni-diên, Đức Phật nói pháp cho ngàn vạn người. Lúc đó, trong thành có một trưởng giả hào quý, tài sản vô số, tên là Thuần-đà.

Thuần-đà có người con mới mười bốn tuổi bị bệnh nặng không chữa khỏi nên đã chết, cha mẹ anh em, tôn thân nội ngoại không ai là không yêu chuộng nên đều khóc lóc, buồn rầu không thể kể xiết.

Bấy giờ, Thuần-đà nghe Phật đến giáo hóa, tâm rất vui vẻ, bảo với vợ:

–Nay Phật ở đây, nên đến gặp Phật. Người nghe Phật nói kinh pháp, không ai là không giải thoát, trừ bỏ lo lắng, hoạn nạn.

Ông ta cùng với vợ con thân tộc và người hầu, cùng đi đến gặp Đức Phật, làm lễ rồi lui ra ngồi qua một bên.

Trưởng giả Thuần-đà quỳ thẳng, chắp tay trước mặt, thưa Phật:

–Người ở nhân gian tích chứa tiền của, suy nghĩ lo lắng, siêng năng khổ sở, không dám ăn mặc, không biết bố thí, không biết phụng trì kinh giới, không có tôn ti, người nào được như ý muốn? Hoặc lúc mạng sống chấm dứt, cha mẹ, anh em, vợ con, thân thuộc khóc than, sầu khổ, người ấy liệm vào hòm, bỏ theo của báu quần áo, thức ăn uống, như vậy có ích đối với người chết chăng?

Phật bảo Thuần-đà và các đệ tử:

–Hãy lắng nghe ta giảng nói, khéo suy nghĩ về việc đó.

Thuần-đà và đám quyến thuộc cùng với đệ tử trong hội, đều chắp tay một lòng lắng nghe, ghi nhận lời dạy bảo.

Phật nói:

–Người ta có bốn điều mong muốn không thể bảo vệ được, những gì

là bốn?

Mong muốn thứ nhất: Thân người tắm gội, trang sức, ăn uống, thọ hưởng năm dục, trước đây thường được đáp ứng. Sau, bệnh tật ập đến không thể kéo lại được, mạng sống chấm dứt, thân thể bị chôn vùi dưới đất, thần thức không còn trong người, yêu chuộng mãi nào có ích gì?

Mong muốn thứ hai: Nghĩa là có tài sản, chức tước, bổng lộc, người được chúng thì rất vui, không có thì sầu lo, bệnh tật, mạng sống chấm dứt, cái chết đến, tất cả tải sản vật báu, chức tước, bổng lộc còn lại ở thế gian, thần hồn bỏ đi, sầu khổ chỉ uổng công!

Mong muốn thứ ba: Nghĩa là có cha mẹ, anh em, vợ con, nội ngoại thân thuộc, bằng hữu, trí thức, ân trọng vinh hoa, tật bệnh ùa đến, mạng sống chết đi, tất cả những thứ kia đều không thể cứu mạng ta được, cũng không thể đi theo thần hồn ta chỉ có khóc lóc đưa ta đến mộ sâu ngoài thành rồi bỏ ta, mau chóng trở về. Tuy có nhớ đến ta, sầu khổ ưu tư không quá mười ngày. Cả nhà thân tộc, trai gái tụ họp, cùng nhau ca múa vui vẻ, ăn uống cười đùa, quên mất người chết. Dầu có cha mẹ anh em vợ con nội ngoại thân thuộc, bằng hữu tri thức cũng không thể kéo thân mạng ta trở lại, sầu thương mãi nào có ích gì.

Mong muốn thứ tư: Người trong thiên hạ ít có kẻ giữ được tâm ý mình, đều phóng túng tâm ý, đắm mình nơi năm dục, tham lợi, ganh ghét, giận dữ, tranh giành không tin đạo đức. Đến khi thân chết, hết tuổi thọ, thần hồn đi rồi mà nghiệp vẫn luôn theo đuổi, không thể xa rời được. Cũng như chim bay, ý theo hai cánh, ý là phần tinh thần của thân, hai cánh là hồn phách của người, do không kìm giữ tâm ý của mình nên làm theo niệm ác, tạo những tội sát sinh, trộm cắp, đạo, dâm tà, khi chết bị vào địa ngục Thái sơn, làm quỷ đói khát, tội hết đầu thai làm súc sinh, bị người giết hại mổ xẻ. Làm người mà phóng túng tâm ý thì bị đọa vào ba đường ác.

Phật bảo trưởng giả Thuần-đà và các đệ tử:

–Các ông nên giữ gìn tâm ý ngay thẳng, tự mình suy nghĩ, biết thân chẳng phải của ta, mọi thứ tài sản hiện có cũng chẳng phải là của ta. Nên suy xét cho kỹ: Tất cả cha mẹ, anh em, vợ con, năm loại thân tộc, bạn hữu, tri thức, quan tước, bổng lộc, luôn mong muốn đạt được, không biết đủ, chúng có ích cho thân ta. Một khi già, bệnh, chết đến, chúng không còn có ích cho thân ta, cũng không thể làm ta bỏ được già, bệnh, chết. Người không thể tự cứu để hành đạo. Như chim oanh vũ vì yêu mến bộ lông đuôi của mình, nên bị thợ săn bắt được.

Hiền giả nên nhận biết kỹ đó là bốn điều mong muốn, không đi theo

thần hồn của ta, luôn làm ta khốn khổ mãi. Nếu nhổ được nguồn gốc của ân ái thì dứt ba đường ác, được ba đường thiện: Một là không già; hai là không bệnh; ba là không chết. Giữ gìn tâm ý mình vững chắc mới có thể vượt qua được. Các đệ tử nghe kinh đều hoan hỷ làm lễ Phật.

Phật suy niệm về khắp cả mười phương trong trời đất, muôn vật đều phải thọ nhận sầu khổ, dân chúng đau thương, các loài chúng sinh kể cả loài nhỏ bé nhất cũng bị vô thường không được tự tại, thọ mạng theo tuổi trời, cuối cùng cũng quy về cái chết, hài cốt tiêu tan, vùi chôn đất sâu, tinh thần mờ mịt, lên xuống nơi năm đường, làm thiện lên cõi trời, làm ác xuống vực sâu. Phàm làm người lúc sống gây tạo những việc thiện ác, tinh thần hồn phách theo đấy mà chịu tai ương hoặc phục thiện.

Lúc sống làm người hiếu thuận với cha mẹ, trung tín thờ vua, chết được sinh lên cõi trời. Như người thế gian, chứa đức làm thiện. Người làm quan cầu chức vị quan, đến hàng công hầu, phú quý phước vui, bần tiện khốn ách, đều do tạo nghiệp thiện ác từ đời trước. Làm việc chém giết, tàn khốc, bạo ngược, sống tạo nghiệp ác như vậy, chết phải nhận lấy tội báo rất nặng. Làm theo sự dẫn dắt của tâm mình ắt phải rước lấy trăm điều ác! Thỏa thích, theo tâm về sau tất bị tai họa. Đế vương, dân chúng đều không hiểu về đạo đức: Phụng dưỡng cha mẹ, làm phước thì được sống lâu, làm ác thì nghèo khổ. Trộm cướp, dối gạt người, mắc nợ không trả, vay mượn rồi quỵt luôn, sau khi chết phải làm nô tỳ, trâu ngựa hoặc làm heo lớn, bị mổ xẻ lột da, cân bán để trả nợ người. Làm người mà tham lam, keo kiệt không chịu bố thí, chết làm ngạ quỷ, không được ăn mặc như kẻ đi xin. Dùng dao cắt thịt nên nay phải cúi đầu xin ăn, đây đều do nghiệp đã tạo từ đời trước. Làm người tham lam, tàn ác, ngang ngược, không tin điều thiện, sát hại, trộm cướp; làm người nữ thì gièm pha, nói hai lưỡi; hoặc kẻ uống rượu tâm loạn, chết bị đọa vào địa ngục, bị đánh đập, thiêu đốt, thân làm con mọi độc, thống khổ vô cùng. Người có sáu điều lo, ba đường khổ, bốn điều đau đớn. Phật muốn chuyển hóa, chấm dứt nẻo sinh tử không ngừng, nên bỏ nước bỏ vua, tìm đạo giải thoát, chứa đức nhiều năm mới được chân đạo, trí tuệ sáng tỏ thấy thông suốt khắp cả trời đất, biết tiếng nói và ý nghĩ của muôn người, muôn loài cầm thú, côn trùng. Phật suy niệm về sự chết của con người như gió lớn thổi ập đến, không hẹn trước, nên cái chết ấy, không biết xảy ra vào lúc nào, vậy phải cải hóa tâm quyết chí làm thiện, chớ nghi ngờ. Phật dùng kinh đạo khuyên răn. Người hiền, mắt không chịu thấy, tai không chịu nghe, chỉ dốc tìm cầu ngọc lạ, báu kỳ, có ích gì cho thân? Các người vì đạo nên tin kinh, giới, giữ điều thiện, dù chết cũng không làm ác, sống đạo không mất, đức không lìa, xa đạo là mất đức, như

đứa trẻ sống không có mẹ, cá ra khỏi vực sâu. Người chết lại tái sinh, như tằm bị bọc trong kén, phải xuyên qua tơ mới thoát ra ngoài. Cho nên thần thức một khi biến hình là đổi xác đạo thành nơi vi tế, năm giới làm căn bản. Đệ tử nghe kinh, hoan hỷ, ghi nhận lời dạy bảo.

Đó là thọ, cần phải biết đúng như thật. Thế nào là nhận biết về tưởng? Là sáu tưởng của thân, nhãn, xúc sinh ra tưởng. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, xúc sinh ra tưởng. Như vậy là sáu tưởng.

Thế nào là nhận biết về tập của tưởng? Tập của xúc là tập của tưởng, như vậy nhận biết là tập của tưởng.

Thế nào là nhận biết sự chấm dứt của tưởng? Biết xúc chấm dứt là biết tưởng chấm dứt, như vậy là nhận biết về sự chấm dứt của tưởng.

Thế nào là nhận biết con đường tu tập để chấm dứt tưởng? Đó là biết về tám con đường, biết rõ từ Chánh kiến đến Chánh định, đó là tám. Như vậy là biết con đường tu tập để chấm dứt tưởng.

Thế nào là nhận biết về vị của tưởng. Nghĩa là tưởng làm nhân duyên phát sinh ra vui thích. Như vậy là nhận biết về vị của tưởng.

Thế nào là nhận biết về sự vận hành tưởng? Nghĩa là nhận biết về các pháp, là vô thường, chấm dứt, khổ, lưu chuyển. Như vậy là nhận biết về sự vận hành của tưởng.

Thế nào là nhận biết về con đường xa lìa của tưởng. Đó là dục tham của tưởng, có thể giải trừ dục tham của tưởng có thể đoạn dứt dục tham của tưởng có thể vượt qua. Như vậy là nhận biết về con đường xa lìa của tưởng.

Thế nào là nhận biết về hành *(sinh tử)*? Đó là nhận biết sáu hành, nơi thân, nhãn xúc sinh ra hành; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh ra hành. Như vậy là nhận biết về hành.

Thế nào là nhật biết về tập của hành? Tập của xúc là tập của hành.

Thế nào là nhận biết về sự chấm dứt của hành? Biết xúc chấm dứt là biết hành chấm dứt.

Thế nào là nhận biết con đường tu tập để chấm dứt hành? Đó là tám hành *(tám Chánh đạo)*, từ Chánh kiến đến Chánh định là tám. Như vậy là biết con đường tu tập để chấm dứt hành.

Thế nào là nhận biết về vị của hành? Đó là nhận biết nghĩa là hành làm nhân duyên, sinh ra vui thích. Như vậy là nhận biết về vị của hành.

Thế nào là nhận biết về sự vận hành của hành? Tất cả pháp hành là vô thường, hoại diệt, khổ, lưu chuyển. Như vậy là nhận biết về sự vận hành của hành.

Thế nào là biết xa lìa khỏi hành? Nghĩa là đoạn trừ tham dục của hành, vượt qua tham dục của hành. Như vậy là nhận biết con đường xa lìa của hành.

Thế nào là nhận biết sáu thức thuộc thân? Nhãn xúc sinh ra thức; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, xúc sinh ra thức. Như vậy là nhận biết về thức.

Thế nào là tập của thức tập? Tập của mạng tự *(danh sắc)* là tập của thức. Như vậy là nhận biết về tập của thức

Thế nào là nhận biết về sự chấm dứt thức? Biết sự chấm dứt mạng tự là chấm dứt thức. Đó là sự tận diệt của thức.

Thế nào là nhận biết con đường tu tập để chấm dứt thức. Đó là tám hành, từ Chánh kiến đến Chánh định là tám. Như vậy là biết rõ như thật về con đường tu tập chấm dứt thức.

Thế nào là nhận biết vị của thức? Biết thức là nhân duyên, sinh ra hỷ lạc. Như vậy là nhận biết về vị của thức.

Thế nào là nhận biết về sự vận hành của thức? Nhận biết về thức là chấm dứt, là khổ, là lưu chuyển. Như vậy là nhận biết về sự vận chuyển của thức.

Thế nào là nhận biết con đường xa lìa của thức? Dục tham có thể thay đổi, dục tham có thể đoạn trừ, có thể vượt qua. Như vậy là nhận biết con đường xuất ly của thức.

Như vậy, Tỳ-kheo phải nhận biết rõ về bảy xứ. Thế nào là bảy? Một là sắc; hai là tập của sắc; ba là tận của sắc; bốn là đạo *(con đường tu tập để chấm dứt)*; năm là vị; sáu là khổ; bảy là yếu *(con đường xuất ly)*. Thế nào là biết ba quán? Cũng có bảy việc. Từ năm ấm, thành sáu nhập. Một là quán Thân, là sắc; hai là quán năm ấm; ba là quán sáu nhập, cho nên gọi là ba quán. Tỳ-kheo hiểu rõ bảy xứ, quán rõ theo ba cách, không lâu sẽ đi sâu vào đạo, đoạn trừ được kết sử, không có kết sử, ý được giải thoát, phát sinh trí tuệ, thấy đạo giải thoát, chứng đắc tất cả, chấm dứt các lậu, đã đoạn sinh tử, hành động tự tại, không trở lại sinh tử chứng đắc đạo quả.

Phật giảng nói như vậy, các Tỳ-kheo đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 736

PHẬT THUYẾT TỨ TỰ XÂM KINH

Hán dịch: Đời Tây Tấn,
Tam tạng Trúc Pháp Hộ.

Đức Phật dạy:

–Sớm tối không học, già không dứt bỏ dâm. Được của cải không bố thí, không thọ nhận giáo pháp của Phật. Bốn điều này do tâm tạo nên, trở lại làm hư hoại chính mình. Từ xưa, giàu sang bao kẻ tự cao, phóng đãng, như những vua chúa, cho đến hàng phàm phu ngu dốt, chỉ biết ngày tháng qua mau, không nhận thức được mạng sống đã hết, nên cứ tham, sân, si, tự dâm loạn, kiêu căng, làm giàu, còn hiện đang sống thì không thích kinh pháp, ghét nghe những việc tự hại, tâm ý cứ giong ruổi, buông lung, không kiềm chế. Bây giờ, đói khát ập đến, tự mình không thể suy nghĩ về những thứ nhơ bẩn, hôi thối, bất tịnh của chín lỗ thải ra. Đi, đứng, nằm, ngồi… trăm mối việc đều do gốc khổ não, vậy mà khinh thường pháp lớn, không hiểu rõ, cứ luôn tham đắm thân này. Đến lúc già bệnh, dung mạo thay đổi, có ham muốn năm dục lạc cũng không được nữa. Khi nằm trên giường bệnh, tâm rối loạn không an, tử thần bỗng ập đến thì thân thể bại hoại, đâu còn được lâu, chết sống luôn tiếp nối nên đường ác cũng không dứt. Mạng sống của ta luôn đi với chết sống, khổ não, ưu sầu. Lúc đó mà quán xét, thì người nào còn ham sắc, vui chơi, ca múa, xướng hát, thời gian kéo dài được bao lâu? Nếu trong từng hơi thở mà trí tuệ sáng suốt thì có thể sửa đổi được ý chí của mình. Giữ thân hoàn toàn trong sạch, biết rõ tất cả mọi vật nơi thế gian này đều hư hoại. Giả sử ca nhạc mà mọi người không ưa thích, không cho đó là vui, thì người ca hát ấy rất xấu hổ. Còn như mọi người mê say ưa thích thì đến khi bệnh hoạn mới thấy buồn khổ. Lúc an ổn trăm mỗi vạn sự thì không chịu lo nghĩ, để rồi thân chuốc lấy bao thứ nghiệp tội, tai họa ứng theo, không thể tránh khỏi. Thân như cái bình được vẽ vời bên ngoài, nhưng bên trong chứa đầy các thứ cấu uế, máu mủ hôi thối, giống như túi da chứa đầy các thứ bất tịnh máu mủ hôi thối, giống như túi da chứa đầy đồ cấu uế. Không biết trong ngoài thân rồi đây sẽ hư hoại, vậy mà cứ luôn dùng nhan sắc, phấn son để trang sức, tự cho mình là xinh đẹp không ai sánh bằng,

không biết xem xét những thứ nhơ nhớp tiết ra từ chín lỗ. Hạng người này bị quấn trong lưới ái thì làm sao có thể quán xét thân như huyễn, như hóa, biến mất trong chốc lát? Chỉ có bậc Đạo sĩ mới thấy rõ sự mê lầm của người thế tục. Những người thế tục chỉ luôn nghĩ đế bản thân, để ý những việc rối rắm và tranh cãi những việc không quan trọng. Họa từ miệng mà ra, để rồi ngàn tai ương vạn tội lỗi lại buộc trói lấy thân, hoặc làm tổn hại nhau, giận dữ thành oán thù. Tất cả đều do tâm gây ra để tranh giành lợi lạc. Hạng ngu si không biết cái nhân của đạo nghĩa, sự mê lầm của thế tục giả nên già chết ùa đến không chút tự tại. Những bậc nhân hiền, trí thức mới có thể hiểu sâu về của cải vô thường, nhanh như mưa gió ập đến, như ánh chớp, như mộng, như thường, như huyễn hóa, như dợn nắng. Khi vô thường đến, ai cũng lo buồn, giống như dây móc xích, đầu đuôi quấn dính với nhau, không thể xa lìa ngục sáu suy *(sáu trần)*, năm ấm.

Lại bất hiếu với sư phụ, tránh xa đạo tuệ, tham thân cốt nhục, dâm dục không ngừng. Tai, mắt, mũi, miệng, thân và tâm chỉ trong các tai họa, còn nhiều hơn cây cỏ mọc trong trời đất. Tâm gắn với ân ái đã rộng lại dài, dụ như sông biển. Từ khi sinh ra cho đến già, trải qua bao nhiêu sự việc. Tuy có dung mạo đẹp đẽ, nhưng quán xét thật kỹ chỉ là vô thường, khổ, không, vô ngã, thế mà ta lại mê lầm về nó. Do bị tà lợi mà chìm đắm nơi năm thứ âm thanh, giấu kín bên trong không thể thâu giữ tâm nên cứ giong ruổi khắp nơi, tạo ra những nghiệp thế tục. Mỗi một niệm trong thời khắc, trong mỗi bước đi, không một chút an lành. Phải quyết chí điều phục tâm, diệt trừ các nguy hoạn, bằng không, giống như trẻ con không phân biệt được tốt xấu, phân dơ uế tạp. Cho nên phải siêng năng, tinh tấn, dứt bỏ điều xấu ác, không ích lợi, thì mới lìa bỏ các khổ não hủ bại nơi sinh, già, bệnh, chết. Tự mình cần phải tư duy, từ cõi trời Tam thập tam, Vô tư tưởng, đều ở trong cái nạn luân hồi nơi ba cõi. Người phát tâm học đạo nếu hiểu đạo không vững chắc, trở lại tham quyến thân thể, để tâm ý tán loạn thì trở lại bị đọa trong sáu tình. Cho nên phải tư duy thật kỹ, dù sống hay chết phải chánh niệm để không còn luân hồi.

Người ham ưa sắc vị nên không dứt được các tình, ngược lại còn sợ giới cấm, không diệt trừ các thứ nghi ngờ, luôn chạy theo những việc trước mắt, cho đó là thường còn, nên cứ mãi luân hồi trong năm đường để chịu quả báo. Nên cắt bỏ sáu tình, diệt trừ năm ấm thì tu hành mới được an ổn. Nếu thấy những gì khiến khởi tâm ưa thích thì nên cảnh tỉnh, không tiếp nhận sáu nhập thì không lo sợ, đã không lo sợ tức là đã nhập vào đạo tràng, đến được cửa trí tuệ.

Người tu học tâm còn do dự, không chuyên nhất, nửa tiến nửa lui cho nên bị mê lầm, cứ luân hồi mãi mãi. Giả dụ mà nói, trước đây từng là thù oán nhau, về sau hòa thuận, đưa đến thân mật. Trước đây là người dũng cảm mà về sau thành kẻ nhút nhát, sợ hãi, dù một lòng hướng đến đạo nhưng nửa chừng trái phạm thì trở lại rơi vào sáu nhập. Khi trở lại trong năm đường thì chịu khổ não của sinh tử, ăn khổ uống độc, nhai nuốt lẫn nhau, không biết thân thích, không nhận ra tông môn, tự mình chẳng biết rõ, chỉ có Phật thánh cao vời mới nhận thấy sự đau đớn của đám người bị lạc đường mà rủ lòng Từ, Bi, Hỷ, Xả, thương xót mọi loài. Vô số hữu tình không chịu hòa thuận, cứ ôm chặt theo kiến chấp riêng của mình, không chịu chuyển đổi.

Giả sử có người một lòng muốn được giải thoát, thì phải tư duy cho kỹ, nhất tâm hành đạo. Chớ cho thân tộc, dòng họ, nhà cửa của ta, chớ tham luyến ân ái. Phải biết tất cả những thứ ấy đều là vô thường, nhờ vay mượn mà có thân này, hòa hợp với nhau nhưng rồi cũng phải biệt ly, đau buồn. Tất cả chỉ nhờ vào nhân duyên nhưng rồi vạn vật đều hư hoại, không có cái gì là của ta. Nếu hiểu rõ tất cả là hư hoại thì mới có thể hóa độ muôn loài trong mười phương thiên hạ. Những người biết rõ nghiệp đạo nên ban cho, không một nghi ngờ, nhưng có lòng sân giận, xả bỏ tham ái và đoạn tận các nhân duyên. Đạo nhân quán sát được điều đó hay không? Bên trong phải tự quán sát thân mình giống như mộng huyễn, giống như binh lính, dù có đông cả trăm vạn nhưng cũng đều nhờ cậy và danh tướng để diệt trừ quân địch. Đạo nhân điều phục tâm phải chế ngự tâm ý, tu hành theo chánh pháp, phụng hành Thánh đạo, thực hiện giới cấm, giữ thân tâm được thanh tịnh, ban bố các ân đức, trừ bỏ lòng kiêu mạn, sân giận, tránh xa kiện tụng, tranh cãi, phải chuyên tinh hành đạo, không bị chướng ngại, phải quyết đi đúng quy cũ. Giống như danh tướng thống lãnh quân binh, trước tiên tự sửa tâm mình cho chánh trực. Nếu việc làm và tâm ý đều chánh trực thì không bị thua. Đã không bị thua thì bạn bè không lìa bỏ và trở nên hùng mạnh không ai bằng, lúc đó mới biết sự tôn quý của đạo. Giống như việc làm của người thế gian khác nhau: Người thì thờ Thiên thần, đất, nước, lửa, gió, mặt trời, mặt trăng, sông, núi, quỷ thần, nhưng hoàn toàn không có lợi ích, cho nên cứ quay tròn trong đường sinh tử, không làm sao thoát khỏi màn lưới của lao ngục. Họ chỉ mong muốn được sống lâu, vui chơi buông lung dù sống đến trăm tuổi, ngàn tuổi thì có gì đáng nói. Hội họp rồi tất có chia ly. Thà hành đạo một ngày có giá trị còn hơn là sống trăm năm mà không nghĩ đến vô thường, ngược lại còn nặng trĩu tham ái. Nói có cha mẹ, anh em, thân tộc, nội ngoại, nhưng đến khi

bệnh tật ập tới, nằm liệt trên giường, dù thân quyến có hiểu biết hay muốn gánh lấy cái đau khổ ấy cũng không thể được, chỉ có người bệnh mới thấy rõ nỗi khổ đó thôi. Thân thích năm dòng nói là lợi ích nhưng thường ràng buộc khiến cho bao người phải chịu khổ cực. Họ mưu sống tùy thời cấp cho đủ để rồi chìm đắm trong tham lam, tự trói, tự hại, lo nghĩ về dòng họ gây trở ngại và phế bỏ việc làm thiện, làm loạn đạo tâm. Đến khi già, bệnh, chết thì thiện ác, khổ vui riêng mình gánh lấy, không ai thay thế được. Những ai chưa hiểu đạo đều có tâm niệm này nên không bố thí, người giữ đạo tạo đức hay bố thí nên đời này, đời sau luôn được an ổn, làm hành trang trong sinh tử, đời đời được giàu sang, xe cộ, voi ngựa, nhà cửa, vàng bạc… nhiều không thể nói hết. Cha mẹ, anh em, vợ con, bè bạn đều nhờ đó mà được an vui. Ai bố thí mà người bên cạnh hoan hỷ, giúp đỡ thì người giúp đỡ ấy được phước đức vô lượng, huống chi là người chủ tự tay mình đem cho. Đời sau sinh ra chỗ nào cũng được phước báo như bóng theo hình, như tiếng vang vọng lại.

Không có ấm cái *(ngăn che)* thì gọi là Nê-hoàn, Nê-hoàn ấy là nơi không có năm ấm, mặt trời, mặt trăng, sao, gió, mưa, sáng, tối, bất hư, bất thực, không có năm tháng, không già, bệnh, chết, không có ảnh hưởng của tiếng vang, không trở lại thân năm ấm này nữa. Do hợp với đạo nên sống lâu, an ổn, mãi mãi trường tồn, hưởng diệu lạc không lường. Điều này người đời không thể tường tận được, chỉ người có trí tuệ mới hiểu rõ mà thôi. Nói một cách khác là có thể thành Phật. Đạo của bậc Chân nhân thì kẻ ngu tối không chịu thực hành, chỉ nghĩ đến thân thể để rồi phải chịu nghiệp già, bệnh, chết, đau đớn, với bao nhiêu là thống khổ. Giống như ta gieo trồng ngũ cốc rồi lại ăn chúng. Thiện, ác cũng như vậy, đều do mình tạo ra nhận lấy. Vốn đã gieo trồng khổ não đã không biết sợ, nhưng lại không sợ già, bệnh, chết? Thân bốn đại không thể tránh khỏi nạn ấy. Nước, lửa, giặc cướp, oan gia, chủ nợ, quan quyền, tất cả việc ấy đều phải sợ. Không biết khổ ấy vốn do đâu sinh, ngược lại còn tham dục. Con người sống trên đời luôn tạo ra sầu ưu, đâu phải do trời đem đến, chẳng phải đạo khiến như thế, tất cả đều do đời trước mình tạo ra các nghiệp nên bây giờ tự mình gánh lấy. Người học đạo muốn cầu giải thoát rất dễ, không khó, cũng không khổ cực, chỉ có điều là tâm ý phải tinh tấn, chuyên tâm cầu đạo, tin tưởng vào lời dạy của Đức Phật, điều phục tâm một cách mạnh mẽ để được trí tuệ sáng suốt như quả báo tốt đẹp. Giống như sư tử ra oai thì các loài thú khác đều phải hàng phục. Ví như người đời không hiểu biết khổ là khổ, như con heo ở trong chuồng đầy phân nhơ hôi thối, nhưng nó đâu biết hôi thối. Lại như con thiêu thân đâm đầu vào lửa, hạng ngu si xằng

bậy cứ chạy theo chỗ ham thích của tâm. Nếu thấy tà dâm là lao thân vào ngục ái, tham đắm sinh tử mà không biết khổ não trong sinh tử, tự cho là thỏa mãn vui thích bậc nhất. Dù có thông suốt thiên văn, địa lý nhưng không rõ hết sự thật về sự biểu hiện của mặt trời, mặt trăng, trời, đất, mà lại cầu số thuật trường sinh bất tử, chỉ ham những việc rối rắm, tranh nhau xưng là tôn quý. Tham đắm vinh hiển, danh tiếng, kiêu sa, phóng dật, muốn bao kẻ hàng phục mình, ra oai với trời đất nhằm khiến mọi người sợ hãi mà kính thờ, tự cho là đầy đủ nhất đương thời.

Đức Phật thấy muôn ngàn sự ngu tối của chúng sinh nên dùng chánh pháp để hóa độ. Những điều mà Tiên, Thánh trừ bỏ thì người đời thương tiếc, cầu lợi, muốn được càng nhiều, muốn được hoan lạc giàu có, năm dục tràn đầy, mãi mê theo đường tục không thể nào ra khỏi. Giống như bị tù trong lao ngục, bị gông cùm trong ngũ mộc thì làm sao tự mình có thể thoát được? Khổ thay! Hạng người ấy cứ luân hồi trong sinh tử, giống như bánh xe lăn, vô cùng vô cực không dừng nghỉ. Ai muốn trừ bỏ các dục thì giống như mở cửa ngục, như chim thoát khỏi lưới.

Người học đạo cứ quyến luyến thân thuộc, vợ con, cho nên tự mình luôn mê muội, không đạt đến Nê-hoàn. Các vị đến trong pháp hội nghe Đức Phật thuyết pháp như vậy đều nhất tâm rời tục, xa lìa sự đắm chấp, liền dũng mãnh tinh tấn, làm lễ lui ra.

-oOo-

SỐ 737

KINH SỞ DỤC TRÍ HOẠN

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng
Trúc Pháp Hộ, người nước Nhục Chi.

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo du hóa tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Sáng sớm, các vị Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Thấy chư Tăng, các ngoại đạo dị học, hỏi:

–Sa-môn Cù-đàm dựa đâu mà có trí tuệ để phân biệt sắc, thọ, tưởng, hành, thức và chấm dứt các khổ? Với pháp như vậy có đặc biệt gì? Có chí nguyện gì? Nhờ đâu mà thành tựu? Giáo pháp Sa-môn Cù-đàm thế nào? Dựa vào đâu để mở bày giáo hóa và thuyết giảng ra sao?

Nghe các ngoại đạo hỏi, các vị Tỳ-kheo đều không trả lời, chỉ đứng dậy yên lặng bỏ đi. Các vị tự nghĩ: "Họ hỏi như vậy, ta nên đến thưa hỏi Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn sẽ phân giải rõ ràng cho ta, rồi theo đó mà phụng hành."

Khất thực xong, các vị Tỳ-kheo trở về để thọ trai. Sau khi thọ trai, các vị sửa sang pháp phục, đến gặp Đức Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ sát dưới chân, rồi lui qua một bên, sau đó tuần tự bạch lên Đức Thế Tôn những câu hỏi của các ngoại đạo dị học.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Khi các ngoại đạo hỏi, các ông hỏi lại: Ái dục có an lạc gì? Nó đưa đến ưu họa gì? Do đâu phát sinh? Nhân đâu mà diệt? Nếu các ông hỏi như vậy thì các ngoại đạo sẽ im lặng, không sao trả lời được.

Phật nói:

–Ta không thấy ai có thể phân giải các ý nghĩa trên. Vì sao? Vì họ không đạt nổi, hơn nữa, không phải là cảnh giới của họ. Ta quán xét các ma, Phạm thiên, Phạm chí, thần và người trong trời đất thường đưa ra câu hỏi này nhằm tạo sự vui vẻ, thích thú, cho nên bị ái dục cấu nhiễm. Tai ưa nghe tiếng hay, mũi đắm hương thơm, lưỡi ham vị ngon, thân ưa tiếp xúc,

tâm tham chấp các pháp. Năm điều ưa thích này đều do nhân duyên sinh khởi rồi tâm lấy làm vui.

Phật nói:

–Những nguy hại nào do ái dục gây ra? Ví như có Tộc tánh tử theo những nghề nghiệp khéo léo của mình, nên có nhiều kiến thức, như làm kỹ thuật, làm quan trưởng sử, hoa sĩ, bói toán, chạm khắc, thợ hồ, nói về hình sắc, hoặc gặp lạnh buốt, hoặc gặp nóng bức, đói khát, gió mưa và ruồi muỗi, các căn biến loạn. Ông ta luôn chạy theo những sự việc như thế để có quyền lực, kiếm nhiều của báu, do cố giữ theo đấy nên đưa đến khổ não, uất ức. Những kẻ ngu tối nên bị quả báo không hợp, nhưng họ vẫn quyết chí không bỏ nghiệp ấy. Lại xây cất nhà cửa và tìm kiếm của cải để mong được giàu có. Giả sử tìm không được thì xảy ra bao nhiêu khổ não, âu sầu, có ca múa cũng không vui. Hoặc được thì bị quan quyền, nước, lửa, giặc cướp, oan gia, chủ nợ đoạt lấy tiêu sạch, rồi sầu não, khóc lóc, không kiềm chế được. Trước đây luôn bàn việc cất chứa của cải, ngày nay lại trống không, không nơi nương tựa. Đó là những khổ do lòng ham muốn, do dục đưa đến ái, buông lung tâm ý nên dẫn tới khổ não ấy.

Phật nói:

–Do dục, tham ái, buông thả tâm ý mà cha nói con xấu, con nói cha xấu; mẹ nói con xấu, con nói mẹ xấu; anh nói em xấu, em nói anh xấu; chị nói em xấu, em nói chị xấu, gia đình dòng họ chống báng lẫn nhau. Đó là khổ sở của tham dục. Nguyên nhân đưa đến khổ não vì tham cầu nhiều, buông thả tâm ý, nên bị dục nhận chìm.

Phật nói:

–Lại nữa, tai họa của ái dục là do ái làm gốc, buông thả tâm ý, vì tham lam danh lợi mà đem binh trượng, cung tên xông vào trận chiến, thống lãnh bốn bộ binh: voi, ngựa, xe, bộ để đánh nhau. Vì ái dục mà tự làm mất mạng. Thân thuộc cùng với thân thuộc tranh giành, do tham lam mà phạm tội rồi rong ruổi, nhưng không thể nào an ổn để cầu tài sản. Có người được của cải mà bị mất thì âu sầu, khổ não, uất ức, nói: "Xưa kia ta có nhiều của cải mà nay đã hết sạch!" Đó là hoạn nạn của tham dục, khổ não của ân ái, do buông thả tâm ý mà bị đắm chìm như vậy.

Phật nói:

–Tai họa là do tham dục, buông thả tâm ý. Như cha con oán nhau, mẹ con ghét nhau, vợ chồng bỏ nhau, chị em hận nhau, anh em thù nhau, dòng họ gia đình chê bai nhau. Đó là tai họa của tham dục, là khổ não của ân ái, do phóng thả tâm ý mà bị đắm chìm như thế.

Phật nói:

–Tai họa của dục là do ái làm gốc, buông thả tâm ý. Như tay cầm kiếm bén, hoặc dùng dao, gậy ở trong chốn sa mạc, trong rừng, giữa vùng gò mả, bờ đê với tâm uất ức, giết hại lẫn nhau, quăng ném vào vòng lửa, dùng nước dầu sôi tưới vào nhau. Do tâm ác mà đưa đến khốn khổ, hoặc bỏ mạng. Đó là tai họa của tham dục, khổ não của ân ái, do buông thả tâm ý mà bị đắm chìm như vậy.

Phật bảo:

–Này các Tỳ-kheo! Tai họa của dục là do ái làm gốc, buông thả tâm ý. Như phá nhà của người, cướp giật vật ký gởi của người, đào tường vách của người. Ban đêm đi ăn trộm, núp trong chỗ kín hoặc trốn chạy, vì tranh cãi mà phóng lửa. Lúc đó vua biết được, bắt trói bỏ tù, hoặc cắt tai, mũi, tay chân, trừng phạt, đánh đập, hoặc bị chém đầu, hoặc bị cột chặt đứng ngoài trời, hoặc bỏ trong vạc nóng để nấu, lấy nước dầu sôi rưới lên thân. Đó là khổ não của ân ái, hoạn nạn của tham dục, buông thả tâm ý nên bị đắm chìm.

Phật nói:

–Tai họa của dục do ái làm gốc, buông thả tâm ý. Như thân thích làm điều ác, miệng mắng chửi, còn tâm niệm thì độc xấu, không giữ gìn thân, miệng, không biết đến đời sau, khi chết thần hồn liền bị đọa vào đường ác, chịu khổ, ngày đêm bị đánh đập trải qua vô số năm. Đó là hoạn nạn của tham dục, khổ não của ái dục. Do phóng thả tâm ý nên bị đắm chìm.

Phật nói:

–Làm sao bỏ xả dục? Là luôn thích đoạn trừ điều ác và những sự ham muốn, cắt bỏ mọi tham cầu, chặt đứt các nẻo tình, đó là xả dục. Nếu có Sa-môn hay Phạm chí bị lỗi ái dục, gây nhiều khổ nạn, vị ấy biết rõ do ái dục rồi khuyến khích, giúp đỡ mọi người vượt bỏ các dục. Nếu khuyến hóa họ đạt đến giải thoát mà họ cứ ôm chặt ái dục thì muốn vượt qua bờ bên kia cũng không thể được. Hoặc có Sa-môn, Phạm chí thích ái dục mà không thấy lỗi của ái dục. Nếu có thể nhận thức rõ về dục tình mà không tham đắm, mở bày giáo hóa mọi người để vượt đến bờ giải thoát, tự độ mình rồi cứu người thì việc này có thể làm được, theo ý không nghi ngờ. Hoặc mắt thấy những gì mà người ấy ham thích như là vợ của trưởng giả, con gái của Phạm chí, mười bốn, mười lăm, mười sáu, hai mươi tuổi, không cao không thấp, không mập không ốm, không trắng không đen, nhan sắc đẹp đẽ như hoa.

Phật bảo:

–Này các Tỳ-kheo! Khi mới gặp nhau là nhân duyên khởi ý ham thích. Đó là chỗ ưa thích của dục. Những gì là nguy họa do sắc làm nhân duyên? Nghĩa là thấy tuổi của người đàn bà già cả khoảng tám mươi, chín mươi, một trăm hai mươi tuổi, đầu bạc, răng long, mặt nhăn, da đùn, thân nặng nề, hơi thở yếu kém, phải chống gậy đi, hơi thở gấp gáp, thân thể run rẩy, đi đứng rất khổ sở. Ý các ông thế nào? Cuối cùng thì nhan sắc đẹp đẽ đã hiện ra những nguy họa rõ ràng, phải không?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đó là nguy họa của sắc.

Phật bảo:

–Ta thấy sau khi người nữ qua đời một ngày, hai ngày cho đến năm, sáu ngày thì thân thể biến thành màu xanh, sình trướng, hôi thối, nát rữa, những thứ bất tịnh từ chín lỗ chảy ra, trong thân sinh trùng, giòi, rồi chúng lại ăn thịt của họ. Ý các ông thế nào? Lúc trước thì đẹp đẽ, nhan sắc tươi xinh, nhưng bây giờ không còn nữa, đã thay đổi rõ ràng trong hiện tại, phải không?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.

Phật nói:

–Đó là chứng minh về chỗ nguy họa của sắc.

Đức Phật dạy:

–Ta thấy người nữ khi thân nát rữa, hôi thối trên đất, bị chim quạ, kên kên kéo đến mổ rỉa, còn hổ, sói, chồn thì tìm đến cắn xé. Thân người chết sinh vô số giòi, trùng và chúng trở lại rúc rỉa thịt người chết đó. Ý các ông thế nào? Lúc trước đẹp đẽ, chết rồi thay đổi rõ ràng trong hiện tại, phải không?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.

Phật nói:

–Đó là chứng minh về chỗ nguy họa của dục.

Đức Phật dạy:

–Ta thấy khi da người nữ rã nát thì chỉ còn xương trắng. Khi sống thì đẹp đẽ, chết rồi thì đâu có gì! Ý các ông thế nào? Sự thay đổi đã rõ ràng trong hiện tại, phải không?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.

Phật nói:

–Đó là chứng minh sự nguy họa của ái dục.

Phật nói:

–Ta thấy thân người nữ khi xương rã từng đốt, tay chân, đầu gối, ống chân, mắt, mũi, lưng, không, cánh tay, khuỷu tay, đầu cổ đều ở mỗi nơi. Ý các ông thế nào? Khi sống thì đẹp đẽ, lúc chết thì mất hết, không còn nguyên vẹn, nguy họa đã rõ ràng trong hiện tại phải không?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.

Phật nói:

–Đó là chứng minh cho sự nguy họa do ái dục.

Phật nói:

–Ta thấy người nữ kia bị quăng bỏ trong gò mả, trải qua vô số năm, gân cốt tan rã, xanh trắng như đá, nát vụn như bột. Ý các ông thế nào? Trước kia đẹp đẽ, bây giờ chết rồi, không còn nguyên vẹn. Nguy họa này đã rõ ràng trong hiện tại phải không?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.

Phật nói:

–Đó là chứng minh cho sự nguy họa do tham dục.

Đức Phật dạy:

–Ai có thể lìa dục, có thể dứt bỏ sắc dục, diệt trừ tình sắc, nhổ bỏ tham ái, không huân tập chúng? Đó là người không tham đắm sắc. Vậy mà có những Sa-môn, Phạm chí ưa thích sắc ấy nên lấy đó làm vui thú. Khi thấy ưu hoạn ấy hiện bày rõ ràng rồi thì bèn sinh khổ não. Đã nhận biết rõ như thế thì đối với sắc, tâm không còn tham luyến, nên khuyến hóa mọi người nhằm vượt đến bờ giải thoát. Nếu có người đắm theo sắc rồi dựa vào sắc để nhằm giải thoát thì không thể nào có được. Có Sa-môn, Phạm chí ưa thích theo sắc, tăng thêm các tình dục, đến khi thấy chỗ nguy họa của sắc thì lại muốn xa lìa sắc, nhổ các tình dục, thấy như có thể làm được. Khi thấy các pháp bình đẳng như nhau rồi thì khuyến hóa mọi người để họ dốc vượt đến bờ giải thoát. Biết sắc không phải là chỗ dựa thì nên xả ly các sắc, điều này có thể tạo được.

Phật nói:

–Những gì là xúc được thọ nhận? Phải xa lìa các tập chăng?

Khi ấy các Tỳ-kheo đã xa lánh các dục, được tịch tĩnh, lìa bỏ các pháp ác, bất thiện, có tưởng, niệm một mình nơi thanh vắng, đi vào Thiền thứ nhất.

Nếu Tỳ-kheo đạt được Thiền thứ nhất thì không còn tham luyến thân mình, không vướng vào các thứ khác. Bấy giờ không có tâm hơn thua, không giận dữ. Đó là Tỳ-kheo thọ lạc, không sân giận. Ta không có gì oán giận vì cảm thọ lạc. Đó là huân tập về lạc mà quán lạc.

Nếu vị ấy diệt các tưởng về lạc, những nhớ nghĩ luôn trong vắng lặng, tâm vị ấy chuyên nhất, không niệm, không hành, ý chí thuần tịnh. Đó là Thiền thứ hai. Nếu Tỳ-kheo đi vào Thiền thứ hai thì còn không tham luyến thân mình, không vướng vào người khác, ưa thích quán hạnh vô dục, thường nhờ định nơi thân nghiệp nên được an ổn, theo những lời Đức Phật thuyết giảng mà quán định ý đi vào Thiền thứ ba. Tỳ-kheo đi vào Thiền thứ ba tức là thọ lạc.

Vị ấy trừ khổ, đạt được an vui. Những việc làm trước đây đã trải qua có việc vừa ý, có việc không vừa ý, không khổ không vui, quán ý chí yên định, thanh tịnh hoàn toàn. Nếu Tỳ-kheo đi vào Thiền thứ tư, đó là thọ lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Do thọ sinh lạc mà dục hợp với ý. Đó là được thọ lạc. Thế nào là thọ nguy họa? Thọ sinh nguy họa là tập của nguy họa, đó là thọ nguy họa. Lại nữa, thọ là khổ, vô thường, là pháp biệt ly, các pháp ấy đều là thọ. Vì khổ, vô thường nên đưa đến pháp biệt ly. Đó là nguy họa của thọ.

Sao gọi là lìa thọ? Vì đối với thọ, ai đoạn trừ mọi tham dục thì đó là lìa dục. Sa-môn, Phạm chí hiểu rõ thọ, dù là thọ vui đều đưa đến nguy họa. Nếu không bỏ các ái dục, biết rõ nó là hữu, nương vào thọ mà khuyến hóa chúng sinh vượt đến bờ giải thoát, tự mình được thành tựu và cứu vớt người bi đắm chìm thì không thể được. Nếu là Sa-môn, Phạm chí thấy thọ lạc, từ lạc đưa đến nguy họa mà xa lìa ái dục, biết rõ như hữu, bình đẳng quán thọ mà không chấp trước, khuyến hóa người khác vượt đến bờ giải thoát, tự độ mình rồi độ người, việc này có thể được. Đó là xả lạc.

Các Tỳ-kheo trong pháp hội, nghe kinh xong đều hoan hỷ.

-oOo-

SỐ 738

PHẬT THUYẾT PHÂN BIỆT KINH

Hán dịch: Đời Tây Tấn,
Tam tạng Trúc Pháp Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Một hôm vào sáng sớm, Đức Phật sửa pháp phục ngồi nghiêm trang bảo Tôn giả A-nan:

–Này Tôn giả A-nan! Hãy bảo các Tỳ-kheo im lặng lắng nghe. Nay ta sẽ giảng nói cho các ông nghe về các khổ của con người hiện đang chịu.

Tôn giả A-nan đứng dậy sửa pháp phục, lạy Đức Phật rồi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con xin muốn nghe.

Phật nói:

–Con người có sáu điều ác tự lừa gạt chính mình:

1. Mắt bị sắc lừa gạt.

2. Tai bị âm thanh lừa gạt.

3. Mũi bị hương thơm lừa gạt.

4. Miệng bị mùi vị lừa gạt.

5. Thân bị xúc lừa gạt.

6. Ý theo tà niệm, bị tà niệm lừa gạt.

Đó là sáu cái lừa gạt làm cho con người phải bị đọa trong đường ác, không có thời hạn thoát khỏi. Chỉ có người trí tuệ mới hiểu biết điều ấy mà thôi.

Phật nói:

–Con người do hay làm ba việc mà chịu ba khổ:

1. Thân hay sát sinh, trộm cắp, tà dâm.

2. Miệng nói lời hai lưỡi, nói lời độc ác, nói dối và nói lời thêu dệt.

3. Ý hay tham, sân, si.

Vì hay tạo ba nghiệp mà bị đọa trong ba đường địa ngục, ngạ quỷ,

súc sinh. Ba khổ này chỉ có người trí mới biết được.

Phật nói:

–Con người có sáu việc phóng túng nên bị đọa vào mười tám nơi khổ sở:

1. Mắt phóng túng theo nhan sắc.

2. Tai phóng túng theo âm thanh.

3. Mũi phóng túng theo hương.

4. Miệng phóng túng theo mùi vị.

5. Thân phóng túng theo xúc.

6. Ý phóng túng theo tà niệm.

Sáu phóng túng này vừa là thọ vừa là suy *(trần)*, do phóng túng theo chung mà bị đọa vào mười tám cảnh địa ngục, chịu thống khổ lâu dài không biết khi nào mới ra khỏi.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người theo Phật thọ giới có thể thoát khỏi thống khổ ấy không?

Phật bảo:

–Có người theo Phật thọ giới được phước vô lượng, không thể ví dụ được, nhưng cũng có người theo Phật thọ giới mà mắc tội rất nặng.

Tôn giả A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao người theo Phật thọ giới thì được phước đức, nhưng lại có người cũng theo Phật thọ giới mà bị tội nặng? Con xin được hiểu ý này.

Phật bảo:

–Có người theo Phật phụng trì giới kinh, tinh tấn không phạm thì được phước vô lượng, không thể ví dụ hết. Còn người theo Phật thọ giới mà không giữ giới, không tinh tấn thiền định, tư duy, trá danh là theo Phật để chuyên tạo nghiệp tà, tham cầu không biết chán, không biết đủ, dâm loạn ham sắc, ưa thích ca múa xướng hát, uống rượu say sưa, tự do phóng túng. Tuy nói là theo Phật nhưng tội ấy khó lường. Do đó mà bị đọa mãi trong ba đường, chịu muôn ngàn khổ đau khó thoát ra được.

Phật bảo:

–Có ba hạng người theo Phật:

1. Đệ tử ma theo Phật.

2. Trời, người theo Phật.

3. Đệ tử Phật theo Phật.

Sao gọi là đệ tử ma theo Phật? Nghĩa là tuy thọ giới của Phật mà tâm ưa thích nghiệp tà, tôn sùng việc bói toán cầu đảo, tin nơi người thân nhiều quyền lực, không tin việc chân chánh, không biết quả báo của tội ác, giả danh theo Phật để hành cùng với đạo tà. Khi chết, kẻ này bị đọa trong địa ngục Vô gián, luôn luôn chịu khổ, lâu sau mới ra khỏi, làm dòng họ với ma, dua nịnh yêu quái, khó có thể hóa độ được. Do có chút phước còn lại ở đời trước, người này trong nhất thời được thấy chánh pháp nhưng tâm ý mê mờ khó hiểu rõ, thế nên cuối cùng lại bị rơi vào tà kiến. Đó là đệ tử ma theo Phật.

Thế nào là trời, người theo Phật? Nghĩa là người thọ trì năm giới, hành mười nghiệp thiện đến chết cũng không phạm, tin có tội phước, có nhân quả. Sau khi qua đời người này được sinh lên cõi trời. Đó là trời, người theo Phật.

Thế nào là đệ tử Phật theo Phật? Nghĩa là người thọ trì chánh giới, học rộng giới kinh, tu tập thượng tuệ, biết rõ khổ của ba cõi, tâm không đắm chấp, muốn được giải thoát, hành bốn vô lượng tâm và sáu Độ, thương xót tất cả chúng sinh, luôn muốn họ được an ổn, luôn cứu giúp người nghèo đói, không tham tiếc thân mạng, biết tử có sinh, luôn siêng cầu làm tăng trưởng phước đức, không hành theo nghiệp tà. Đó là đệ tử Phật theo Phật.

Phật nói:

–Sau khi ta Niết-bàn một ngàn năm, quân ma sẽ nổi lên. Đời bấy giờ rất xấu ác, nước không có vua, dân chúng không có chỗ ở cố định người phương xa sẽ vào đô thị tàn sát lẫn nhau, không có phép tắc, trong khoảng thời gian này Tượng pháp sẽ hưng thịnh.

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Tượng pháp?

Phật nói:

–Trong đời vị lai, Tỳ-kheo không giữ chánh pháp, nuôi dưỡng vợ con, không có tâm xấu hổ, cày ruộng trồng lúa để làm sự nghiệp. Lại không chịu học hỏi cách ngồi thiền, ham thích theo thế tục, cho đó là tôn quý, giương mắt ra nhìn nhau, không tôn ti trên dưới, bác bỏ những điều cơ bản dạy nhau để giải thoát, mê muội vào sắc dục, không sợ tội lỗi. Khi ấy có người biết pháp, nói những lời chân thật dạy bảo theo chánh pháp thì lại oán ghét, muốn hại họ. Người vì mình đứng ra bàn luận thì mình lại chê bai, phỉ báng, đuổi đi, khiến họ đau khổ. Vì lý do đó mà pháp lớn bị giảm dần.

Tôn giả A-nan thưa:

–Bấy giờ có ai vâng giữ giáo pháp?

Phật nói:

–Phần nhiều có theo Phật và cũng xuất gia nhưng không giữ giới, ganh ghét lẫn nhau. Người biết đạo nghĩa thì ít mà người không am hiểu thì nhiều.

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Khi đó nước nào xấu ác nhất không tin chánh pháp?

Phật bảo:

–Lãnh thổ Chân Đơn có hàng ngàn Tỳ-kheo ở chung trong một nước lớn nhưng rơi vào lãnh vực của ma, chỉ chừng một, hai người có trí tuệ là đệ tử của Phật. Người sinh lên sáu tầng trời cõi Dục cũng bị giảm dần, người thuộc quân ma thì càng ngày càng nhiều.

Phật bảo:

–Sau khi ta nhập Niết-bàn cũng có nhiều ngoại đạo đến cầu đạo của ta. Muốn hóa độ thì nên ngấm ngầm tìm hiểu họ, xét đủ ba tháng. Khi nào biết ý chí của họ có thể làm và quen theo hạnh thanh tịnh, yên lặng, thiểu dục, không làm sai lạc phạm hạnh thì mới cho họ thọ giới. Đầu tiên trao cho họ pháp mười thiện, sau đó cho học tập ý đạo đủ ba năm, không phạm điều ác mới cho thọ hai trăm bốn mươi giới. Nếu họ có oai nghi, tinh tấn tu hành thì đều hướng đến giải thoát. Trong tương lai, vị này sẽ dự vào pháp hội của Đức Phật Di-lặc, họ được độ, gọi là Ứng đạo.

Tôn giả A-nan thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Con xin vâng lời dạy bảo. Con sẽ giảng nói rộng pháp này cho người đời sau, khiến pháp Phật được truyền bá rộng rãi lâu dài không bị gián đoạn.

Phật bảo A-nan:

–Những điều ông đã nghe nhận, hãy ghi sâu trong lòng. Ta biết ông có lòng tin và ủng hộ Phật pháp.

Tôn giả A-nan thưa:

–Đời sau, như có người tin thích chánh pháp mà chí tâm cầu đạo, muốn đoạn trừ thế tục để theo chánh đạo, nếu lúc bấy giờ không có minh sư để truyền trao giới pháp, mà chỉ có người viết giới luật để trao cho thì có thể độ được không?

Phật nói:

–Đều có thể được. Người nào biết giới luật mới trao giới. Nếu không

được như vậy thì dùng văn tự, đó là Ứng pháp. Vì sao? Vì Phật là Bậc Đại Trí, Đại Độ, Đại Minh trong trời đất, không thể vọng truyền mà làm mất đi yếu chỉ. Đối với giới luật, mỗi việc phải sáng suốt chọn lựa để trao cho nhau. Nếu không sáng suốt đối với những việc quan trọng trong giới luật mà vọng trao giới pháp cho người tức là không hợp với lòng tin nơi lời Phật dạy. Trái lại, nếu làm như thế thì mắc tội rất nặng, nên phải suy xét cho thật kỹ.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vào đời sau, có người chí tâm dốc lòng nhàm chán đau khổ, muốn cầu giải thoát, nhưng gặp thời không có Phật thì làm sao giúp họ đạt được ý nguyện?

Phật bảo:

–Nên hướng dẫn họ hiểu biết về giới pháp, học oai nghi, học giới cấm, được như vậy thì nên hóa độ. Nếu chính mình không hiểu về giới luật mà lại trao truyền thì cả hai đều bị mê muội, mất đạo, đần độn như vậy thì làm sao được giải thoát?

Phật nói:

–Đời vị lai có Tỳ-kheo không thanh tịnh, nuôi vợ con, làm những việc sai phạm, tham cầu lợi dưỡng, không tin tội phước, luôn trông mong sự an vui thì người ấy khó mà đạt được. Thật đáng thương thay!

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Đời sau nếu có người theo đạo, mặc pháp phục đều nhờ oai thần của Phật. Người ấy nhờ nhân duyên nơi chánh đạo sẽ từ đấy mà được giải thoát. Cớ gì không tin mà lại trái với lời dạy sáng suốt của Đức Phật, để rồi phải chịu đau khổ trải qua vô lượng kiếp?

Phật bảo:

–Những người ấy do vô số kiếp trước bị đọa mãi trong khổ não, trong chỗ đau đớn đó, người ấy tự ăn năn hối tiếc, muốn được làm thiện thì sẽ được giải thoát. Một khi tự biết ăn năn sám hối thì liền được phước. Đời sau sinh ra làm người được thấy kinh Phật, cạo bỏ râu tóc làm Tỳ-kheo. Vì bản thức chưa diệt nên tâm ý còn do dự, mờ mịt, không sáng suốt, nên bị cấu nhiễm, phần nhiều không lìa bỏ được thế tục, không gặp minh sư, nên đời sau lại bị đọa vào chỗ cực khổ, chịu tội vô số kiếp.

Phật bảo:

–Này các Tỳ-kheo! Các ông xuất gia bỏ vợ con, xa lìa thế tục làm Sa-môn, các ông phải siêng năng tu giới hạnh như pháp của A-la-hán. Thà lấy

nước đồng sôi rót vào miệng cho cháy nát ruột gan, chứ trọn đời không nên, không có đức hạnh mà ăn của tín thí. Thà dùng dao cắt thân thể ra từng mảnh, không vì vô đức mà thọ nhận của tín thí. Người không có đức mà thọ nhận của tín thí thì muôn kiếp bị đọa vào tội khổ, không biết bao giờ ra khỏi được. Do có chút phước còn sót nên được làm người, phải quay trở lại đền trả nợ cũ. Có người làm nô tỳ để trả nợ, có người làm con để trả nợ, có người làm cha mẹ để trả nợ.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Thế nào là trả nợ?

Phật bảo:

–Có người phải làm nô tỳ bị chủ đánh đập không đúng với đạo lý, nhưng kẻ nô tỳ đó phải chịu, không có tâm oán hận mà lại siêng năng làm, không kể gì mệt mỏi, lại thường tiếc giữ của cải của chủ, không dám phí phạm. Đó là làm nô tỳ để trả nợ nơi đời hiện tại, vì đời trước thọ dụng của đàn-việt mà không chịu hành trì công đức, tội ấy cuối cùng phải đến lúc đền trả. Do vẫn còn bổn thức nên không có lòng oán hận, chỉ cam chịu mà thôi.

Thế nào gọi là làm con để trả nợ? Nghĩa là người con thì gom góp của cải, còn cha mẹ sử dụng thì phung phí vô độ nhưng người con không bao giờ tiếc rẻ. Đó là làm con để trả nợ.

Thế nào gọi là làm cha mẹ để trả nợ? Nghĩa là cha mẹ gom góp tài sản lại bị con tiêu xài phung phí bất kể, nhưng cha mẹ không tiếc, miễn cho con thỏa ý là được.

Tất cả những điều trên đây đều do nhân tạo từ kiếp trước phải trả nợ cho nhau nên không có lòng tiếc rẻ. Các sự đền trả này do nhân duyên hội hợp, đến khi hết thì lại ly tán, không có lâu dài. Người sáng suốt mới biết rõ được việc này cho nên họ không làm. Chỉ có đạo đức mới có thể tồn tại lâu bền.

Trải qua bao kiếp trước, ta cũng đã từng làm cha mẹ, con cái, nô tỳ để đền trả cho người, không thể kể hết. Tất cả nhân duyên ấy chỉ trong một lúc nào đó thôi, khó mà tránh khỏi. Nay ta đắc đạo, cha mẹ hiện tiền đều là nhờ nhân duyên đạo đức của đời trước chứ không phải do sự đền trả. Cha mẹ đời đời luôn buông xả để cho ta học đạo. Trải qua bao kiếp ta luôn tinh tấn Phật, nay mới được thành Phật, đều là nhờ ân của cha mẹ. Con người muốn học đạo không thể không tinh tấn, hiếu thuận. Một khi bị rơi rớt mất hạt giống con người thì muôn kiếp không trở lại được. Cho nên cẩn thận thuận theo tu hành, được gặp kinh đạo, không thể không tinh tấn. Gặp Phật

ra đời không thể không có lòng tin kiên cố. Gặp được bậc minh sư không thể không gắng công tu học, vâng làm. Vì sao? Vì thân người khó được, sáu căn khó đủ tài cán thông minh khó đạt, Phật khó được gặp, kinh pháp khó được nghe, cho nên phải luôn siêng năng hành trì.

Phật bảo:

–Sau khi ta nhập Niết-bàn, ở đời xấu ác sẽ có năm tội nghịch. Vào thời này nơi nước Chân Đơn, ma sự dấy khởi mạnh, làm bít lấp chánh đạo. Tuy có kinh pháp nhưng ít người tu học. Giả sử có người học hỏi nhưng ít kẻ hành trì. Bấy giờ có những Tỳ-kheo ít giữ mình thanh tịnh, phần nhiều bị cấu uế, tập theo hạnh của thế gian, kiêu sa, phóng túng giống như người đời không khác, chỉ chạy theo y phục đẹp đẽ, học theo cách thức của thế tục, về với đời, phế bỏ lễ nghĩa, theo bè đảng, tâm ý cầu dục lạc, ham chuộng tiếng khen rồi dạy người vào pháp của mình và độ làm đệ tử. Đã không đem chánh pháp giảng dạy mà còn ủng hộ thêm cho quân ma, không nương vào chánh đạo. Sự nghiệp thế gian cũng không gắng học hỏi, không tìm cầu trí sáng suốt mà tự cho mình là có đức lớn, không gìn giữ các căn môn. Tuy được làm người không chỉ tạm thời, lại tự cho là lâu dài, không biết các đại luôn chống đối nhau, chịu khổ vô cùng, trôi lăn mãi trong đám ma, khổ biết chừng nào!

Này các Tỳ-kheo! Đã được làm thân người rồi, sáu căn lại đầy đủ, thấy giới kinh của Phật phải dốc cầu, siêng năng hành trì đọc tụng. Một khi thân này mất đi khó mà trở lại được, Đức Phật ra đời khó gặp, kinh pháp lại khó nghe. Các ông nên tự tư duy thật kỹ.

Đức Phật giảng nói kinh xong, các Tỳ-kheo ngồi ngay thẳng, tự tư duy, liền chứng đắc quả vị La-hán.

-oOo-

SỐ 739

PHẬT THUYẾT MẠN PHÁP KINH

Hán dịch: Đời Tây Tấn,
Sa-môn Pháp Cự.

Phật bảo A-nan:

–Có người theo Phật đời sau được phú quý, có người theo Phật đời sau bị suy kém, không lợi ích.

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao cả hai hạng người cùng theo Phật mà bị suy và được lợi khác nhau?

Phật bảo:

–Có người theo Phật luôn cầu minh sư nên được sáng suốt và theo vị ấy thọ giới pháp, diệt trừ các vọng tưởng, tương ứng với kinh, tinh tấn phụng hành, không làm mất giáo pháp đã thọ và cũng không sai phạm dù là một mảy trần. Người ấy không phạm giới cấm, thường được chư Thiên, thiện thần ủng hộ, được nhiều điều may mắn, tài lợi gấp trăm lần, được mọi người kính mến, sau này sẽ được thành Phật, huống chi là giàu có. Hạng người này theo Phật chính là đệ tử của Phật.

Lại có người theo Phật nhưng không gặp minh sư, cũng không có kinh tượng, lại không lễ kính, không hiểu, không biết mà cãi lại người dạy giới pháp, không có lòng tin. Sau khi thọ giới lại cố tình phạm các giới cấm, tâm ý mờ mịt, do dự không chịu đọc kinh, hành đạo, làm phước, khi tin khi không, không nhớ ngày trai giới để đốt hương, thắp đèn lễ lạy. Lại sân giận, quát la, mắng chửi, ra vào nguyền rủa, mở miệng ra là không hợp ý với nghĩa, luôn luôn ganh ghét hại người, giết vật. Thấy kinh tượng không có tâm lễ kính. Nếu có kinh tượng thì treo trên vách hoặc quăng nơi giường chiếu, hoặc bỏ trong rương hòm chứa mùng mền, quần áo, hoặc đưa cho vợ con tay nhơ bẩn cầm chơi, hoặc để trong phòng đầy khói, không khi nào dòm ngó tới, cũng không đốt hương thắp đèn, hướng đến lễ lạy. Thật không khác gì với kinh sách thế tục. Thần thiện xa lìa người ấy, quỷ ác gặp được chỗ sơ hở liền đi theo, do đó mà bị suy, bệnh. Đến khi gặp phải bệnh hoạn

thì lại do dự, sợ hãi nói rằng: "Trước đây ta theo Phật, vì sao lại bệnh hoạn thế này?" Vì không tự tin nên kêu mời thầy thuốc, thầy bói đến để giải trừ, trấn áp nhưng đều vô ích. Lại cúng tế thần tà nhưng bệnh càng ngày càng nặng. Yêu mị, quỷ ác đứng chực bên ngoài đến khi nào người đó chết chứ không chịu lìa khỏi cửa. Tài sản bị tiêu hao, gia đình nối tiếp nhau bị bệnh tật, nằm liệt nơi giường chiếu. Khi qua đời bị đọa vào địa ngục, bị đánh đập trừng phạt trải qua vô số năm tháng. Vì không chuyên nhất, ý chí lưỡng lự không dứt khoát, không tin pháp Phật, cho nên người ấy bị tội tai ương, suy hao như vậy.

Người trong thế gian không biết Phật pháp, cho rằng theo Phật bị tai ương, suy hại. Người ấy đâu biết rằng việc mình làm là điều bất chính, trái phạm với giới, kinh Phật, tâm luôn làm điều ác, tạo đủ các hình thái nên tự thân phải chịu lấy quả báo khổ chứ chẳng ai đem đến.

Nghe Đức Phật giảng nói như vậy, A-nan đầu mặt đảnh đất lễ sát hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 740

PHẬT THUYẾT ÁT-ĐA-HÒA-ĐA-KỲ KINH

Hán dịch: Mất tên người dịch,
phụ vào dịch phẩm đời Tây Tấn.

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật cùng đại chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị, ở trong khu rừng thuộc nước Vi-da. Vào một ngày rằm bấy giờ là nửa đêm yên tĩnh, khi các vị Tỳ-kheo đang cùng nhau luận bàn hỏi đáp thì trời Chiên-đàn Điều Phất với hình tướng, oai thần sáng chói rực rỡ, đến chỗ Đức Phật.

Chiên-đàn Điều Phất cởi hết châu ngọc quý báu trên thân thể để qua một bên, chỉ khoác một tấm y cung kính lạy sát chân Đức Phật, rồi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Về thời quá khứ, đệ tử của Phật Chánh Giác có kinh tên là Át-đa-hòa-đa-kỳ. Ngày nay, đệ tử của Phật cũng nói đến kinh Át-đa-hòa-đa-kỳ. Con xin Đức Thế Tôn giảng nói cho con nghe về kinh ấy để phụng hành.

Đức Phật im lặng không trả lời. Chiên-đàn Điều Phất cúi đầu rồi ngồi xuống.

Đức Phật vì các Tỳ-kheo mà nói rằng:

–Ta sẽ giảng nói kinh Át-đa-hòa-đa-kỳ. Các ông hãy lắng nghe, nhớ nghĩ đừng quên.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn giảng nói, chúng con xin thọ trì giới kinh.

Phật nói:

–Bố thí có tám việc:

1. Người ngu bố thí, chỉ bố thí mà không biết về ân thiện hiện có.

2. Bố thí rồi nhưng không thông đạt về thế gian là vô thường.

3. Người ngu si luôn chấp thế gian là thường, thực sự thì khổ vô cùng.

4. Người ngu si chấp thế gian là vui.

5. Người ngu nói: Đó là những điều mà ta luôn làm được.

6. Người thế gian đều điên đảo, bất tịnh, bày ra việc hung ác, mà kẻ ngu cho là tốt đẹp.

7. Người ngu làm việc tốt, nhưng không biết rằng làm thiện được quả báo thiện, làm ác đưa đến quả báo ác.

8. Người ngu bố thí cho người, nhưng không biết người mình cho đức nhiều hay ít, đem tâm thiện bố thí để được chứng đạo, được phước vô lượng.

Phật nói:

–Làm sao biết được là người ngu không nhận biết? Vì bố thí có mười nhân duyên:

1. Người ngu bố thí không biết vì tôn trọng mà tự cho để được phước thiện.

2. Người ngu không dốc lòng cho.

3. Người ngu trong lúc cho không có tâm kính trọng.

4. Không tự tay cho.

5. Bảo người khác cho.

6. Người cho không mong muốn được phước báo.

7. Được phước thì tự dùng hết.

8. Người ngu bố thí Phật, Bích-chi-phật, La-hán mà không biết phước ấy rất lớn.

9. Người ngu bố thí mà không có lòng tin, bác bỏ Phật, Bích-chi-phật, La-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn và nói chung không có đời sau.

10. Người ngu bố thí chỉ muốn được cái tên, muốn được mọi người khen ngợi.

Đó là người ngu bố thí.

Đức Phật giảng nói kinh xong, Chiên-đàn Điều Phất và các Tỳ-kheo đều hoan hỷ, làm lễ rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 741

KINH NGŨ KHỔ CHƯƠNG CÚ

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn
Trúc Đàm-vô-lan, người xứ Tây Vực.

Đức Thế Tôn nói:

–Trong năm đường nơi ba cõi bị sinh tử không ngừng. Có năm khổ:

1. Khổ của chư Thiên.
2. Khổ của cõi người.
3. Khổ của súc sinh.
4. Khổ của ngạ quỷ.
5. Khổ của địa ngục.

–Khổ của cõi trời: Từ cõi trời thứ nhất cho đến cõi trời thứ hai mươi tám, ngoại trừ trời Tứ A-na-hàm giữ năm giới, tu tập mười nghiệp thiện, chứng được Thiền thứ tư nên sinh lên cõi trời này. Các cõi trời khác, vì không có tâm đạo tuệ nên bị sinh, già, bệnh, chết. Cũng có cõi trời sống rất lâu, tùy theo nghiệp tạo từ đời trước, nên tuổi thọ có dài có ngắn. Chư Thiên có hai tai họa lớn: Mạng hết và kiếp hết.

Có ba nhân duyên làm cho kiếp hết:

1. Đại hỏa.
2. Đại phong.
3. Đại thủy.

Có bảy hiện tượng làm cho mạng hết:

1. Ánh sáng trên đỉnh đầu tắt.
2. Hoa trên đầu héo.
3. Sắc diện thay đổi.
4. Bụi đất dính trên áo.
5. Dưới nách tiết ra mồ hôi.
6. Thân hình gầy ốm.
7. Ruồi dính trên thân, tự nhiên lìa khỏi chỗ ngồi.

Khi gặp thủy tai với cơn đại hồng thủy, cả mười lăm cõi trời đều bị tiêu sạch.

Khi gặp phong tai thì gió lớn Tùy-lam từ bốn phương nổi lên, thổi bay cả núi Tu-di và các núi đá khác. Những ngọn núi ấy va chạm vào nhau nát tan như bụi phấn, không còn gì cả.

Khi gặp hỏa tai thì cả bảy mặt trời xuất hiện cùng một lúc và đứng yên. Do không chuyển động nên thiêu đốt trụi tất cả trời đất, giống như vàng nung chảy. Toàn bộ Dục giới đều bị tiêu sạch. Tứ Thiên là trên hết, tuy sống tám mươi ức bốn ngàn vạn kiếp cũng phải chết, rơi vào tám nẻo ác.

Đó là một khổ.

– Khổ của loài người: Có hàng trăm ngàn thứ khổ. Con người thật là khổ cực. Từ hạng nô tỳ cho đến kẻ xin ăn, bần cùng ti tiện. Còn những bậc phú quý tột bậc như Đế vương, Chuyển luân thánh vương đều bị sinh, già, bệnh, chết. Rồi nào đói khát, lạnh nóng, thống khổ, ưu sầu, tai họa hoặc bị lao tù phạt hình lửa thiêu đốt, nước nhấn chìm, rơi xuống hầm hố hoặc bị đá, dao, gậy, ngựa kéo, oan gia, giặc cướp giết hại lẫn nhau. Có rất nhiều cách chết. Vì chưa ra khỏi ba cõi nên tất cả chúng sinh đều có những thứ khổ ấy.

–Khổ của súc sinh: Dưới từ loài sâu bọ, côn trùng bò ngoằn ngoèo, nhỏ bé, chim bay, thú chạy; trên đất các loài voi, rồng, chim cánh vàng… đều là súc sinh. Chúng cũng biết lạnh, nóng, đói khát, lo buồn, đau khổ, con mạnh hiếp con yếu, ăn nuốt lẫn nhau. Hoặc có loài bị kẻ đồ tể săn lùng, đặt bẫy, lưới để bắt rồi lấy thịt cung cấp cho người. Hoặc có kẻ dùng trăm ngàn mưu kế để bắt giết, không thể nói hết.

–Khổ của ngạ quỷ: Ngạ quỷ có chín loại. Có loại quỷ thân dài một do-tuần, cổ nhỏ như lỗ kim. Khi đi có từng đốt khúc như năm trăm chiếc xe. Một khi phát ra tiếng thì lửa nơi cổ họng phát ra tự thiêu cháy thân. Nếu thấy dòng nước mà chạy đến thì nước liền khô cạn, không được một hớp. Nếu có được thì nước hóa thành máu mủ hoặc là phân dơ, hoặc nước đồng, khi vào cổ thì cháy rát, xuống dưới thì tiêu rụi không còn gì cả, vậy mà tội lỗi vẫn chưa hết, thân tự nhiên trở lại như cũ. Bị quả báo như vậy đều do đời trước làm người sống đời bạo ngược, khủng bố, hiếp đáp bức bách người, không theo đạo lý, tham lam, keo kiệt, không biết bố thí nên phải thọ nhận những tai ương như thế.

–Khổ của địa ngục: Thành vây bằng sắt, rồi nào vạc dầu, núi đao, rừng kiếm, trụ sắt, nước đồng sôi, máu mủ, băng lạnh, phân dơ, nước mặn,

mũi nhọn, xe bằng lửa, lò than, đinh lửa, mười sáu mũi tên độc, quạ, diều, kên kên, chồn cáo, những loài chim mỏ cứng bằng sắt bay vào miệng người rồi xuyên thấu bên trong, ăn cả ngũ tạng, người ấy không thể trốn tránh ở chỗ nào được. Ngục tội cực khổ ác gồm có mười tám chỗ. Những kẻ bị tội không kể lớn, nhỏ, chỉ theo nghiệp nặng hay nhẹ mà tự nhận lấy quả báo một kiếp hay nửa kiếp mới hết. Có tội nhân không có khả năng thay đổi. Đến khi tội hết thì sinh trở lại thế gian, chịu các tai ương còn sót.

Phật nói có tám chỗ ác:

1. Địa ngục.

2. Ngạ quỷ.

3. Súc sinh.

4. Biên địa.

5. Cõi trời Trường thọ.

6. Tuy làm người nhưng bị mù, điếc, câm, ngọng, tay chân tê liệt, không có khả năng nghe và nhận.

7. Tuy làm người, sáu căn đầy đủ, thế trí biện thông, nhưng học kinh điển của thế tục, tin theo tà kiến, cúng tế yêu quỷ, hoặc làm đồ tể săn bắt, tâm ý phóng túng, khinh khi, lừa gạt trăm điều, không tin Tam bảo. Sau khi qua đời, bị đọa trở lại vào địa ngục. Từ chỗ tối tăm vào tối tăm, không biết bao giờ thoát khỏi. Nay được làm người mà không tin chánh pháp, không phụng thờ Tam bảo, chê bai Thánh đạo.

8. Sinh ra không gặp Phật.

Tám ác này cũng gọi là tám nạn.

Phật nói:

–Ba đường ác là nhà chung của tất cả chúng sinh, khi làm người, khi làm trời, giống như làm khách vài ngày rồi trở về nhà. Học giả phải suy nghĩa điều này, cần phải tinh tấn nỗ lực mới có thể thoát khỏi khổ. Thân người khó được, sáu căn lại khó đủ, lời nói khó trúng, tài năng thông minh khó đạt được, thọ mạng khó lâu dài, người sáng suốt khó gặp, lòng tin chân chánh khó có, tâm thiện khó sinh, kinh pháp khó nghe và Như Lai càng rất khó gặp. Thế gian có cây Ưu-đàm-bát, chỉ kết trái mà không có hoa, khi nào Đức Như Lai xuất hiện trên thế gian thì cây ấy mới ra hoa. Đã được làm thân người, sáu căn khó đầy đủ, lại khéo giỏi về biện luận, tài năng thông tuệ, sống lâu, được gặp bậc minh sư, học hỏi, phát tâm Bồ-đề, chánh tín không thoái chuyển, được nghe đầy đủ kinh pháp và ra đời được gặp Như Lai. Đây là do phước ở đời trước. Theo dấu chân người phước đức,

giống như đi từ sáng vào chỗ sáng. Nếu theo dấu chân của Như Lai đi mãi không dừng thì sẽ gặp nhau, hội họp ở đạo tràng. Không nên làm hư hoại cội gốc ấy mà quên đi công tu hành ở kiếp trước. Một khi mất ý đạo thì phải bị đau khổ trong nhiều kiếp, cho nên phải hết sức cẩn thận.

Tất cả chúng sinh luôn bị giam hãm trong địa ngục.

Lại nữa, ngục ấy có mười hai lớp thành, được bao quanh với ba lớp gai rào, có sáu tên giặc cầm đao đứng canh giữ. Những tội nhân trong đó rất khó thoát ra được.

Sao gọi là luôn bị giam hãm trong địa ngục? Nghĩa là nói về ba cõi.

Mười hai lớp thành là gì? Là mười hai nhân duyên.

Ba lớp gai rào là gì? Là ba độc.

Sáu tên giặc cầm dao là gì? Là sáu tình *(sáu căn)*.

Ai đã phát tâm Bồ-đề thì nên giữ trọn vẹn giới cấm, thường hành Tứ đẳng tâm đại Bi *(bốn Tâm vô lượng)*, sáu pháp Ba-la-mật, hành pháp quán Sổ tức, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, các Thiền, Tam-muội, tất cả ý pháp nơi các môn Tổng trì, không cao không thấp, vô tưởng, vô nguyện, theo ba cửa giải thoát, chứng được pháp Tam trị, phân biệt được ba hướng, thông tỏ về Tam đạt trí, không buộc, không mở, không cầu ngôi vị Chuyển luân thánh vương, là bậc tôn quý trong hàng trời, người, không làm lay động tâm, không sợ tội khổ, không kể lao nhọc, luôn nghĩ về chúng sinh. Hiểu rõ ba cõi là không, không tập theo ba nghiệp. Như vậy mới gọi là được ra khỏi chốn tù ngục lâu dài. Biết sự khởi diệt của mười hai nhân duyên thì có thể đoạn trừ căn bản si, gọi đó là ra khỏi mười hai lớp thành. Biết ba độc tham, sân, si nên không bị trói buộc, ý không vướng mắc. Đó gọi là nhổ được ba lớp gai rào. Hiểu rõ sáu tình *(căn)* đều không có gốc ngọn, giống như cây chuối. Ý không bị ái trói buộc, như vậy gọi là thoát được sáu giặc cầm dao. Người học đạo trước tiên phải hiểu rõ ràng: không có ta, không có người, không ai làm ra cả mà tất cả đều do duyên sinh. Không có pháp nào mà không từ duyên sinh. Nên tạo ra những công đức ức kiếp không mỏi mệt. Giống như chim bay trên hư không, không để dấu vết. Cũng vậy, người làm phước không để dấu vết, không ai thấy cả. Cho nên không tạo ra các nhân ác, dù nhỏ như mảy lông. Đó gọi là phát tâm Bồ-tát, có thể vượt qua khổ ách. Xem nhà cửa như lao ngục, vợ con, tài sản, của cải quý báu là gông cùm. Đắm đuối nơi ân ái chính là gánh nặng.

Phật bảo chúng đệ tử:

–Này thiện nam, thiện nữ! Các vị đã xuất gia là lìa được lao ngục, từ

bỏ vợ con là cởi được gông cùm. Như vậy sao các ông không buông xả gánh nặng xuống?

Các Sa-môn thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con không có gánh nặng gì cả.

Phật nói:

–Tham đắm vào cái ta và người, tham sống lâu, đó là gánh nặng của các ông.

Muốn cầu được cúng dường, chất chứa của riêng tư, đó là gánh nặng của các ông.

Bạn đồng học thì không hòa thuận, để đi thân với cư sĩ, đó là gánh nặng của các ông.

Ỷ mình dòng họ cao quý mà cao ngạo, ngã mạn, đó là gánh nặng của các ông.

Ỷ mình thông minh mà khinh khi người ít học, đó là gánh nặng của các ông.

Phóng túng ngang ngược, không nghe nhận lời can gián của ai, đó là gánh nặng của các ông.

Ăn uống không chừng mực, uống rượu, tham vị ngon, đó là gánh nặng của các ông.

Không dùng pháp phục lại mặc xiêm y của thế gian, đó là gánh nặng của các ông.

Bên ngoài làm bộ giống như theo chánh pháp mà bên trong luôn dối trá, đó là gánh nặng của các ông.

Không kiềm chế sáu căn, pháp hủy giới pháp, đó là gánh nặng của các ông.

Gom góp của cải nơi dân chúng để xây dựng chùa miếu, đó là gánh nặng của các ông.

Cúng tế quỷ thần để cầu phước, đó là gánh nặng của các ông.

Mượn pháp Phật để làm chú thuật trị bệnh, đó là gánh nặng của các ông.

Ngược lại lời Phật dạy, phạm bốn giới trọng, đó là gánh nặng của các ông.

Nghỉ ngơi không chừng mực, không trở lại Tăng phòng, đó là gánh nặng của các ông.

Ai không trút bỏ những gánh nặng ấy xuống thì sau sẽ bị đọa vào địa

ngục.

Phật nói:

–Có con voi trắng lớn, rất mạnh. Nó có thể dời núi, phá đất thành khe suối, nhổ cây, nghiền đá. Sức mạnh của voi không gì sánh bằng. Có người dùng sợi tóc buộc vào chân nó, con voi ấy tưởng là chân bị què nên không đám cử động.

Phật nói:

–Các ông nên hiểu rõ ví dụ này, tư duy cho thật kỹ. Nếu có Hiền giả sống ở gia đình mà hành đạo, nhàm chán tất cả sự vật nơi thế gian, biết rằng tất cả đều khổ, không, vô ngã nên muốn xuất gia. Vì đạo mà từ bỏ vợ con, nhà cửa, tìm minh sư để thọ trì pháp phục. Gần ngày ra đi, vợ con quyến luyến, than khóc, buồn thương ai oán. Thấy sự biệt ly đau khổ này, Hiền giả buồn bã liền thay đổi ý chí. Vì bị vợ con làm mê hoặc, nên không còn ý chí xuất gia. Giống như con voi bị sợi tóc quấn chân, không thể cử động được, do đó luôn đau khổ.

Phật nói:

–Tất cả sức mạnh không gì bằng tâm. Tâm là oan gia, nó luôn lừa gạt người. Tâm dẫn vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người, hình tướng ra sao đều do tâm làm ra. Nếu chiến thắng được tâm để hành đạo thì sức mạnh ấy rất lớn. Ta chiến đấu với tâm phải trải qua vô số kiếp, nay mới được thành Phật. Một mình đi trong ba cõi đều do tâm dẫn lối.

Tất cả mùi thơm không gì bằng mùi thơm Chiên-đàn. Mùi thơm của nó giá trị như vàng ròng trong cõi Diêm-phù-đề, lại trị được bệnh. Nếu ai bị trúng độc, đau đầu, nóng sốt thì mài vụn Chiên-đàn thoa lên thân hoặc uống sẽ hết bệnh ngay. Tất cả chúng sinh đều mãn nguyện. Có người được cây Chiên-đàn rồi, bó làm củi để bán nhưng không ai mua.

Khi còn tại thế, Đức Phật nói kinh pháp để người đắc đạo, ai cũng đều được độ thoát. Sau khi Ngài nhập Niết-bàn, trong thế gian còn lưu lại mười hai bộ kinh với số lượng nhiều vô kể nhưng không có ai xem. Cũng như cây Chiên-đàn bó lại thành củi đem bán mà không ai mua.

Trong tất cả cây hôi thối không cây nào bằng cây Y-lan. Nó hôi thối ghê gớm, ai cũng ghét và sợ mùi của nó. Cây Y-lan và cây Chiên-đàn sinh ra có bốn loại:

1. Cây Chiên-đàn bị cây Y-lan bao quanh.

2. Cây Y-lan được cây Chiên-đàn bao quanh.

3. Cây Chiên-đàn mọc thành rừng.

4. Cây Y-lan bao quanh nhau.

–Sao gọi là cây Chiên-đàn bị cây Y-lan bao quanh? Như trưởng giả có lòng tin chánh pháp, hành theo nẻo đạo nhưng vợ con ông ta không ai nghe theo. Ngược lại, họ phụng thờ tà kiến ngoại đạo, cúng tế yêu quỷ, không chịu nghe lời ông. Đây là cây Chiên-đàn bị cây Y-lan bao quanh.

–Sao gọi là cây Y-lan được cây Chiên-đàn bao quanh? Như có trưởng giả tin theo tà đạo, cúng tế quỷ thần, nhưng vợ con lớn nhỏ trong nhà đều sùng tín Tam bảo, không bỏ Bát quan trai giới, bố thí, làm phước, không lìa sáu Độ. Dù trưởng giả quở trách nhưng họ vẫn cứ lén hành trì. Đây là cây Y-lan được cây Chiên-đàn bao quanh.

–Sao gọi là cây Chiên-đàn mọc thành rừng? Như có trưởng giả, dòng họ trong nhà đều nghe theo lời của ông ta không dám trái lời. Họ sùng tín Tam bảo, tâm ý hợp nhau. Đây là cây Chiên-đàn mọc thành rừng.

–Sao gọi là cây Y-lan bao quanh nhau? Như có gia đình trưởng giả tin theo tà kiến, làm mười điều ác, cúng tế yêu quỷ, đóng cửa sát sinh, rồi cùng nhau vui thích. Đây là cây Y-lan bao quanh nhau.

Bốn hạng người này đều do tâm ý và hành động từ đời trước khác nhau cho nên không hòa hợp. Điều này trong Kinh luật nói rất rõ về chuyện tội phước. Nếu cúng tế, sát sinh cho quỷ ăn thì không theo thờ và không ăn những thức ăn ấy. Nếu vào trong núi, đầm thấy loài chim bay, thú chạy xúm ăn thì không được làm chúng kinh sợ rồi giật thức ăn của chúng. Nếu thấy đồ tể giết heo, dê, đặt lưới săn bắt hoặc giết tội nhân thì không được đứng nhìn mà phải tránh bỏ đi. Nếu tránh không được thì khởi lòng đại Bi, nguyện rằng: "Khi ta thành Phật, trong cõi nước của ta ăn uống tự nhiên, không có các điều ác này."

Ngày xưa, phu nhân của vua cấp cho mọi người hương thơm nhưng không cho vợ của tên đồ tể, do đó tạo nhân duyên oán đối nhau. Có khi tội duyên với phước, có khi phước duyên với tội, tội phước hợp nhau có hai quả. Tâm do tưởng sinh mà gây các hành rồi mọc rễ, đâm chồi, sau chịu quả báo. Người vợ của người đồ tể này bị tội duyên với phước, rồi phải nhiều đời đền trả nhau, luôn luôn chịu các khổ. Đó là do không cho hương thơm.

Cha con, vợ chồng, anh em trong nhà, bạn bè, đầy tớ đều có năm nhân duyên:

1. Oan gia.

2. Mắc nợ.

3. Đền trả.

4. Nguyện cũ.

5. Thân thiết.

–Sao gọi là oan gia? Như cha con, vợ chồng, anh em, dòng họ, bạn bè, đầy tớ sống gần gũi bên nhau nhưng giết hại nhau. Đó là oan gia.

–Sao gọi là mắc nợ? Như cha mẹ gom góp tài sản, bị con tiêu dùng phung phí. Đó là mắc nợ.

–Sao gọi là đền trả? Như con cái gom góp tài sản đem cung cấp cho cha mẹ. Đó là đền trả.

–Sao gọi là nguyện cũ? Đời trước phát nguyện muốn làm cho gia đình có tâm thiện, hoan hỷ, cung kính hòa thuận nhau. Đó là nguyện cũ.

–Sao gọi là thân thiết? Đời trước lấy đạo pháp làm nhân duyên, thờ kính lẫn nhau, sau này cùng nhau ở trong pháp sáng suốt, tinh tấn, ý chí hòa thuận. Đó là thân thiết.

Phật nói:

–Trước kia trưởng giả A-nan-bân-để có năm phước đức:

1. Giờ giấc.

2. Thân giáo.

3. Nói năng.

4. Thuần nhất.

5. Hòa thuận.

–Sao gọi là giờ giấc? Nghĩa là ngày đêm sáu thời không quên lễ kính. Đó là giờ giấc.

–Sao gọi là thân giáo? Nghĩa là khi trưởng giả làm gì thì lớn nhỏ trong nhà đều làm theo. Đây gọi là thân giáo.

–Sao gọi là nói năng? Nghĩa là trưởng giả muốn làm gì cũng được. Khi làm phước, ông nói trước với người trong nhà thì họ đều nghe theo. Đây gọi là nói năng.

–Sao gọi là thuần nhất? Nghĩa là mọi người ăn mặc bình đẳng, cho đến nô tỳ cũng vậy. Đây gọi là thuần nhất.

–Sao gọi là hòa thuận? Nghĩa là trên dưới thuận hợp, không chống trái nhau. Đây gọi là hòa thuận.

Do năm phước này mà hàng nô tỳ, trâu ngựa, gia súc, cả loài côn trùng trong nhà ông sau khi chết đều được sinh lên cõi trời.

Nếu mọi người trong nhà, người ngủ lại đêm, đi ngang nhà hoặc chim bay, thú chạy ngang nhà ông, khi chết cũng đều được sinh lên cõi trời.

Nhà trưởng giả bên trong cửa đóng, giảng nói, tụng kinh pháp mà tiếng kinh ngân vang không dứt. Nếu ai nghe âm thanh ấy đều vui mừng. Vì tâm làm gốc cho nên được sinh lên cõi trời. Trưởng giả được nguyện xưa là do vô số kiếp đến nay nói năng thành tín, không khinh khi, dối gạt người, không tạo các điều ác, công đức thuần thục. Nhờ năng lực của đại thệ nguyện mà ông ta đạt được như thế.

Trong cõi trời đất, khi gặp ba tai họa thì tất cả đều bị huỷ diệt, nhưng chỗ của ông trưởng giả thì không sao cả. Khi đại kiếp hết, cảnh giới của Phật gồm có trăm ức núi Tu-di, trăm ức núi Thiết-vi đều tiêu sạch nhưng cõi Phật thì không sao. Như vậy, mười phương các cõi Phật, hư không vô tận, chúng sinh vô cùng, cõi Phật vô số, hư không vô biên, chúng sinh vô biên, vô số đại thiên quốc độ, Như Lai đều ở khắp trong đó. Vì thọ mạng là ức kiếp nên không nói chúng sinh có thuỷ có chung. Trí của Như Lai thấu rõ tất cả chúng sinh không cùng tận. Nói Bát-nhã ba-la-mật là không cùng tận, chúng sinh cũng không cùng tận.

Đức Phật lại nói có bốn loại sinh:

1. Thai sinh.

2. Noãn sinh.

3. Thấp sinh.

4. Hóa sinh.

Đây là phân biệt để nêu bày thôi, nếu nói rõ thì nhận biết từng chủng loại. Chúng sinh trong năm đường nơi ba cõi, tất cả sở hữu đều do hóa sinh. Cho nên nói như huyễn, như hóa, như mộng, như ảnh, như tiếng vang, như bóng trăng trong nước không có tác giả. Trước tiên phải thấu đạt ý nghĩa này thì mới có thể hành đạo được. Đạo cũng như hóa, tất cả đều vô nguyện, vô tạo, vô tác, vô thủy, vô chung. Nếu nói như vậy thì người mới học sẽ kinh hãi, nghi ngờ.

Người kinh nghi có ba nhân duyên:

1. Có ít công đức.

2. Không gặp được minh sư.

3. Không siêng năng học kinh, hành động theo ý của mình, vướng vào cái ta, chạy theo sinh sắc, tham cầu danh tiếng, lợi dưỡng, dua nịnh, không thành tín.

Những nhân duyên như vạy không thể nào gần gũi, để đi sâu vào pháp nhẫn. Tất cả hư hoại, không có sở hữu, là vô tướng, vô nguyện, đó là yếu chỉ của đạo. Trí tuệ của đạo lấy không làm trên hết. Học đạo lấy vô vi

(Niết-bàn) làm tối thượng. Ba câu này không thể nói cho người mới học đạo biết, vì họ nghe "vô sở hữu" thì sẽ buông thả tâm ý, không tu giới hạnh, không lấy gì để bảo vệ. Với sáu đức thì lại phế bỏ, nói: Tất cả đều là không thì cần phải làm gì nữa. Miệng tuy nói "không" mà làm thì trông "có". Vì rơi vào chốn điên đảo nên nói "không có công đức". Bồ-tát không ứng với pháp Nhẫn vô sinh.

Tri thức thiện muốn dạy bảo người mới học thì phải dạy từ từ. Nói những việc để họ tự gìn giữ, nói tội khổ của sinh tử, giải thích rõ ràng về năm đường để họ tin nơi tội phước. Mọi việc đều phải hiểu rõ mới có thể giảng nói về đạo được.

Ngày xưa, vua Phần-hòa-đàn so sánh trí với Phật. Đức Phật bảo vua:

–Lấy nước biển để mài mực, vót cây làm bút viết những gì ta nhận biết làm thành quyển kinh, dù nước biển khô cạn, cây cối chết sạch, nhưng kinh của ta thì không hết. Vì sao? Vì Phật có trí Tam đạt nên tất cả sự việc từ xưa đến nay đều thông rõ. Kinh Phật rất nhiều, sánh với hư không. Trí Phật rộng sâu, không có đầu mối. Những điều giảng nói trong kinh thì không thể nghĩ lường. Hoặc khi lặp đi lặp lại, khó hiểu rõ. Nếu tóm lược thì có sáu việc mới có thể nhận biết được cốt lõi của nó:

1. Chánh đạo.
2. Thiện quyền.
3. Chí giáo.
4. Dụ đạo.
5. Phước đức.
6. Cấm giới.

–Sao gọi là Chánh đạo? Nghĩa là nói không có đầu mối, không tạo không tác, tất cả đều rỗng lặng, không có sở hữu, không từ đâu sinh, không hành, không đắc, tự nhiên như vậy. Đó là Chánh đạo.

–Sao gọi là Thiện quyền? Nghĩa là biến hóa đủ cách, hoặc đi, hoặc ở tùy loại mà sinh vào để làm nhân duyên. Hợp thời thì nói ngay, không cần chương cú, mục đích là để hóa độ thôi. Đó là Thiện quyền.

–Sao gọi là Chí giáo? Nghĩa là chỉ rõ tội, phước, làm như vậy, được như vậy, tất cả đều do nghiệp, không ai đem đến cả, việc ấy rõ ràng. Đó là Chí giáo.

–Sao gọi là Dụ đạo? Nghĩa là khai mở cho người chưa học, được trời bảo họ, có phước đức, được sống lâu, lợi ích, được kết quả trong đời hiện tại. Đó là Dụ đạo.

–Sao gọi là Phước đức? Nghĩa là tu sáu Độ rốt ráo, làm chủ trị sáu căn, giữ gìn các căn môn thì có thể được sinh lên cõi trời, làm Chuyển luân thánh vương, luôn luôn được vui sướng. Đó là Phước đức.

–Sao gọi là Cấm giới? Nghĩa là giữ gìn thân miệng, nhiếp tâm, thân không sát sinh, trộm cắp, tà dâm, uống rượu, không ở lâu trong ba đường ác. Đó là Cấm giới.

Trước tiên hiểu rõ về ý này thì mới có thể hành theo đạo. Ví như kéo lưới, trước phải nắm lấy các giềng mối để cho các mắt lưới chính. Nếu không hiểu điều đó mà sửa các mắt lưới trước thì lưới sẽ bị rối ren, quấn lấy nhau không tháo ra được. Học cũng như vậy, nếu không thông đạt điều cốt yếu, không hiểu rõ những phương tiện giảng nói trong kinh thì không thể phân biệt được, cho nên chê bai nhau, luôn chấp ý riêng của mình rồi nổi sân giận, làm mất đi ý nghĩa căn bản, bỏ điều đúng, theo điều sai. Người học cũng vậy, không sửa đổi mình cho chánh. Hiểu đúng thì ít mà sai lầm thì nhiều. Hạng người như vậy chỉ mang tiếng là học mà thôi.

Đức Phật dạy bốn Đế:

1. Khổ đế.

2. Tập đế.

3. Diệt đế.

4. Đạo đế.

Tất cả chúng sinh không biết rõ về khổ mà cứ cho là vui, ở trong tội khổ mà lại muốn được an vui. Làm giặc mà dối trá nói là người hiền để mê hoặc lòng người. Nói và hành động được kết quả ngay nơi đời hiện tại. Người học nghe như vậy đều thích thú lãnh hội. Lời nói đúng thì nghịch lỗ tai, không chịu chấp nhận, cho nên nói chân chánh còn mình thì ngược lại thì ai có thể nghe theo!

Không biết Tập đế. Người biết Tập đế là biết về sự chết. Do biết về sự chết nên không dám làm.

Không biết Diệt đế. Người biết Diệt đế là biết về sự chết. Do biết về sự chết nên không dám làm.

Không biết Đạo đế. Người biết Đạo đế là nghe về đạo nên làm theo đạo.

Tất cả mọi người trong thế gian tạo tội thì dễ mà làm phước thì khó. Học sĩ làm phước thì dễ mà làm theo đạo thì khó. Người làm theo đạo thì dễ mà hiểu đạo lại khó. Người nói về đạo thì dễ mà hành trì đúng với đạo thì khó. Nên nói là rất khó, rất khó.

Phật nói:

–Kinh luật của Như Lai gồm có tám ức bốn ngàn vạn quyển để làm lương thực chữa trị các bệnh về thân, khẩu, ý cùng sinh, già, bệnh, chết cho tất cả chúng sinh. Tất cả kinh điển ấy đều dạy chúng sinh hai điều:

1. Ai tạo nghiệp thì phải nhận lấy quả báo.

2. Ai không tạo nghiệp thì không nhận lấy quả báo.

Phật nói:

–Tội khổ não trong năm đường nơi ba cõi đều do ta tạo ra, không phải trời giáng xuống, cũng chẳng phải quỷ thần, vua chúa, cha mẹ, Sa-môn hay Bà-la-môn, Phạm chí đem đến. Làm tội hay phước giống như bóng theo hình, như tiếng vang dội lại, không mất một mảy may nào cả.

Phật nói:

–Vua Diêm-la có lòng Từ bi rộng lớn. Những tội nhân bị đọa trong địa ngục, vua đều thấy tất cả.

Vua hỏi:

–Vì sao các ngươi ở trong đây?

Các tội nhân trả lời:

–Lúc chết chúng con không biết đi đâu. Tự nhiên các thứ xấu ác xua đuổi chúng con đến nơi đây. Xin vua hãy thương xót cứu vớt tội lỗi cho chúng con.

Vua hỏi:

–Các ngươi đã làm điều ác gì chăng?

Tội nhân trả lời:

–Khi còn sống chúng con bất hiếu với cha mẹ, sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu, tranh giành, cầm dao bức bách cướp lấy của người lương thiện, phỉ báng bậc Thánh hiền. Chúng con đã gây ra các việc ác không thể nói hết. Lại tin theo thầy tà, cúng tế quỷ thần để cầu phước, giết nấu sinh vật để tế lễ thần linh. Ngày nay chúng con tự nhận tội, sám hối việc ác đã tạo ra.

Vua hỏi:

–Khi các ngươi còn sống, ta đã sai năm sứ giả đi xem xét tình hình trong thiên hạ để chỉ bày, nhưng vì sao các ngươi không vâng theo?

Các tội nhân thưa:

–Khi còn sống chúng con thật ra không thấy nghe gì cả.

Vua nói:

–Hãy nghe cho kỹ! Ta sẽ nói về năm sứ giả cho các ngươi:

1. Người mẹ trên thế gian mang thai mười tháng. Do đó làm cho thân bệnh hoạn. Đến ngày gần sinh sản thì cha mẹ lo sợ. Khi đã được sinh rồi giống như từ cõi chết được cứu sống lại, rồi cho bú mớm, ôm ấp, chỗ ráo cho con nằm mẹ giành chỗ ướt, luôn mong con mau được trưởng thành với trăm mối lo âu.

Các ngươi thấy không?

Các tội nhân trả lời:

–Dạ thấy!

Vua nói:

–Đó là sứ giả thứ nhất của ta.

2. Người già trên thế gian sắc diện tiều tụy, tóc bạc, răng rụng, mắt mờ, tai điếc, thịt nhăn da đùn, đi lòm khòm. Các ngươi thấy không?

Các tội nhân thưa:

–Dạ thấy!

Vua nói:

–Đây là sứ giả thứ hai của ta.

3. Người bệnh ở thế gian nằm liệt giường liệt chiếu. Trăm đau đớn cùng nhau kéo đến. Thức ăn ngon cho là dở. Các ngươi có thấy không?

Các tội nhân thưa:

–Dạ thấy!

Vua nói:

–Đây là sứ giả thứ ba của ta.

4. Người chết trên thế gian như gió đao cắt từng mạch máu, nhổ mạng căn của họ. Thân thể đẹp đẽ như vậy mà chết chưa đến mười ngày thì thịt thối, máu chảy ra, sình trướng, rữa nát, hôi thối, không ai dám đụng đến. Khi sống thì yêu thương nhau, đến khi chết lại nhàm gớm nhau. Các ngươi thấy không?

Các tội nhân thưa:

–Dạ thấy!

Vua nói:

–Đây là sứ giả thứ tư của ta.

5. Kẻ phạm tội trên thế gian bị trói cột, tống vào lao ngục, bị gông cùm, đánh đập, chịu năm độc, dắt ra chợ để giết hoặc cắt tay, chặt chân, chúm đầu, thiêu đốt và dùng năm thứ hình phạt. Các ngươi thấy không?

Các tội nhân thưa:

–Dạ thấy!

Vua nói:

–Đây là sứ giả thứ năm của ta.

Vua nói tiếp:

–Các ngươi đã thấy rồi thì nên tự suy nghĩ. Thân của các ngươi cũng sinh, già, bệnh, chết. Nếu các ngươi phạm tội thì cũng như họ, hiện tại chịu tai ương. Sao các ngươi không hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính các bậc trưởng lão, lấy Từ bi làm đầu? Những gì mình không thích thì đừng đem cho người. Ở đời có bậc Hiền minh thì phải theo học hỏi, quy y Tam bảo, đem tâm phụng thờ đạo, hạn chế, trừ bỏ các dục tình thì mới vượt qua các khổ. Những gì các ngươi đã làm thì bây giờ phải gánh lấy. Ta không thể gánh vác thay các ngươi được.

Các tội nhân thưa:

–Khi còn sống chúng con đã tạo những tội lỗi tày trời, không có thời gian để tu sửa việc ấy.

Vua bảo người giữ ngục:

–Ngươi hãy dẫn đám người này đi đến chỗ khổ sở nhất.

Tên giữ ngục ấy đầu trâu mà tay người. Hai chân với móng trâu. Hắn rất mạnh, có thể bứng núi, cầm xoa chỉa ba bằng sắt rất cứng. Cái xoa ấy là để xúc cả trăm ngàn vạn tội nhân vào trong vạc lớn. Vạc ấy cao rộng khoảng bốn mươi dặm. Xoa kia giữ chặt không cho một tội nhân nào rớt xuống. Vì tội lỗi chưa hết nên các tội nhân ấy không chết. Từ miệng vạc đến đấy vạc một trăm năm. Từ đáy vạc mà đi lên cũng một trăm năm. Đó gọi là chỗ khổ sở nhất.

Các tôi nhân chịu tội lại càng khổ sở phải trải qua hết mười tám chốn như vậy. Trong đó nếu tội nhân nào trả hết tội mới ra khỏi.

Vua hiện lên nói:

–Các ngươi nay hãy đi đi. Nếu làm con thì phải luôn nghĩ đến bao ân, hiếu thuận với cha mẹ. Khi còn nhỏ phải bỏ ác làm lành, dốc lòng tin Tam bảo, luôn giữ giới, làm theo đạo, tu hành nhiều công đức, đừng có làm ác nữa mà phải vào lại nơi đây. Những kẻ ở địa ngục không kêu ai được đâu, phải khéo tự suy nghĩ.

Nghe vậy, các tội nhân hoan hỷ, cùng hô:

–Vạn tuế!

Đức Phật dạy:

–Có người nghe pháp nửa tin nửa ngờ, còn hồ nghi lưỡng lự, tiến thoái trở lại vào đường tà thì đều từ cõi địa ngục ra. Người thọ giáo với Diêm vương vì tín căn mỏng cho nên khiến họ như thế. Dù họ có làm công đức nhưng cuối cùng không khỏi tội xưa.

Lòng Từ bi rộng lớn của Đức Phật không quên sót một ai. Dù kiếp số lâu xa nhưng sau này cũng sẽ được giải thoát.

Lúc bấy giờ, Phật bảo A-nan:

–Ông nên đọc tụng, thọ trì kinh này và hãy rộng nói cho người người để họ mau thông đạt và lưu truyền rộng cho đời sau.

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con xin thọ trì. Nay kinh này đặt tên là gì và thọ trì như thế nào?

Phật bảo:

–Kinh này đặt tên là Tịnh Trừ Tội Cái Ngu Lạc Phật Pháp. Một tên nữa là Thọ Vô Tư Nghì Quang Bồ-tát Đạo Quyết. Nếu thiện nam, thiện nữ nào phụng trì, trọn đời cúng dường Như Lai thì ở chỗ nào cũng được an lạc. Nếu ai dùng hoa trời như núi Tu-di, dùng các hương thơm nổi tiếng và dùng cờ phướn lụa gấm để cung kính cúng dường Phật. Cứ như thế tinh tấn không bê trễ cũng không bằng thiện nam, thiện nữ thọ trì kinh pháp này, phụng hành, đọc tụng, rộng nói giảng giải cho người khác tuân theo cùng hành trì chánh pháp. Ai làm như vậy thì công đức phước lợi nhiều hơn sự cúng dường kia gấp ức vạn lần.

Phật bảo:

–Này A-nan! Thường nên lấy pháp cúng dường Như Lai. Muốn phụng thờ Đại Thánh Vô Thượng thì nên thọ trì, đọc tụng kinh này để thuyết giảng cho người và biên chép thành quyển.

Đức Phật giảng nói như vậy, Bồ-tát Vô Tư Nghị Quang, Hiền giả A-nan, tất cả chúng hội, A-tu-luân, dân chúng trong thế gian, nghe Phật giảng nói hoan hỷ, làm lễ lui ra.

Khi phước trời đã hết
Đọa làm trùng cổ bò
Giống như ông điền chủ
Thâu vào bồ đầy tràn.
Nếu ăn mà không trồng
Lúa hết sẽ bị đói
Hưởng phước cũng như vậy
Phước hết, đọa đường khổ.

Thân người rất khó được
Đủ căn lại khó hơn
Trăm kiếp lại trăm kiếp
Thì mới được làm người.
Mất giới là mất thân
Nhưng còn vướng nhân duyên
Ví không biết nhàm chán
Mà chịu khổ liên miên.
Loài bò, bay, máy, cựa
Đều cùng một thần thức
Tội không cho mà lấy
Vay mượn rồi không trả.
Chống cự người dạy bảo
Đánh đập xúc chạm người
Qua lại trong súc sinh
Khổ ấy khó nói hết.
Phật nói khổ ngạ quỷ
Không gì bằng quỷ đói
Tìm ăn uống khắp nơi
Nhưng không nghe cơm nước.
Thân cao một do-tuần
Lõa hình, tóc phủ thân
Xan tham, ăn một mình
Nên đọa thành dây đen.
Giữa hai núi Thiết vi
Sâu kín lại tối tăm
Thần thức đọa trong đó
Không thấy mặt trời, trăng.
Qua lại không thấy nhau
Chỉ nghe tiếng kêu gào
Tất cả tiếng xấu ác
Đau thương cho tình người.
Đã được làm thân người
Phải chịu các khổ não
Đui, mù, điếc, ngọng, câm
Què quặt đi không được.
Dù có pháp giải thoát
Nhưng không thể vào nghe

Luôn luôn chịu khổ ấy
Lưu chuyển như bánh xe.
Làm người tuy đủ căn
Đẹp đẽ, giỏi, thông minh
Mà tà kiến điên đảo
Không tin có kinh Phật.
Hoặc làm kẻ đồ tể
Ham rượu, đắm dục tình
Khi chết gặp Diêm vương
Tội rất là đáng sợ.
Biên địa không đạo đức
Cha con cùng giết hại
Gia đình bán lẫn nhau
Người thân làm tôi tớ.
Nuôi để mà sai khiến
Động tịnh thì đánh đập
Tuy được làm thân người
Nhưng không khác súc sinh.
Thế gian chuyên làm thiện
Mà không thầy và pháp
Sẽ sinh Trường thọ thiên
Không hình nhưng có thức.
Tuổi thọ tuy kéo dài
Lại gần cạnh ba đường
Sau làm trùng, loài lươn
Ăn uống bằng bùn, cát.
Ở trong tám chỗ nạn
Khó trở lại làm người
Như rùa mù trong biển
Muốn gặp bộng cây nổi.
Sống chết đọa A-tỳ
Mới tới lại đi rồi
Gặp pháp đã diệt tận
Sinh vào chỗ không Phật.
Khi thuyền pháp sắp diệt
Tư duy như cam lồ
Tinh tấn và nỗ lực
Tri thức thiện làm thầy.

Tinh tấn là sức mạnh
Tuệ sáng như mặt trời
Cam lồ trừ các độc
Cũng diệt trừ năm ấm.
Nếu ai có lòng tin
Sống trong giáo, giới Phật
Liền có được đạo thông
Để mở cửa cam lồ.
Tiếng cam lồ vang ra
Thông suốt cả pháp giới
Đã mở cửa giải thoát
Nhưng phải chánh ý hành.
Nhất tâm nơi hiện tại
Hành đạo chớ gián đoạn
Ý người như cái cân
Thường giữ cho cân bằng.
Tư duy Chỉ và Quán
Là ánh sáng thế gian
Chắp tay và cúi đầu
Ba cõi cùng lễ Phật.

-oOo-

SỐ 742

PHẬT THUYẾT TỰ ÁI KINH

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Tam tạng Trúc Đàm-vô-lan, người xứ Thiên Trúc.

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Một hôm, vua đến chỗ Đức Phật, nhìn thấy tinh xá, vua liền xuống xe, bỏ lọng, tháo kiếm, cởi giày, chắp tay, đến lạy sát chân Đức Thế Tôn, rồi lui ra quỳ thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ngày mai con có tổ chức bữa cúng dường ngọ trai đơn giản tại ngã tư đường. Con xin thỉnh Thế Tôn cùng chư Tăng đến dự để cho hết thảy dân chúng biết Phật Thế Tôn và được thấy nghi thức ấy mà truyền lại cho đời, lấy đó làm phép tắc. Nguyện cho chúng sinh xa lìa yêu quỷ, tuân giữ năm giới, ngõ hầu tiêu trừ các hoạn nạn cho đất nước.

Đức Thế Tôn nói:

–Lành thay! Lành thay! Làm vua trong một nước là người hướng dẫn sáng suốt để thống lãnh dân chúng cầu phước bằng đạo đức. Thuở xưa Ta làm vua cũng đã phụng thờ chư Phật, Sa-môn, Phạm chí thường thực hành bốn Đẳng tâm, sáu Độ, dốc cầu để đạt quả vị Phật vô thượng.

Vua nói:

–Bạch Thế Tôn! Lời Thế Tôn dạy rất đúng. Nếu không gieo hạt thì làm sao có trái. Con thọ ân Phật mà sinh ra làm người, bỏ thân nữ liền được thân nam, lại sáu căn đầy đủ, hưởng phước gặp Phật ra đời, đem giáo pháp sáng suốt giáo hóa nước con. Con xin lui về để lo bữa cúng dường.

–Lành thay! Lành thay!

Trở về cung điện, vua cho sửa sang lại đường sá bằng phẳng, treo cờ, dựng phướn, lọng từ ngã tư đến cửa tinh xá, hai bên đường treo đèn sáng như sao, mỗi bước có một lư hương, các nhạc trời ca hát mừng Phật Chí Tôn và đức thanh khiết của các Sa-môn. Vua cho người rải hoa báu đủ loại nhiều như mưa, rưới nước thơm trên đất và trải vải mịn. Suốt đêm, vua tự mình làm thức ăn và đích thân đến nghênh đón Đức Phật, cúi đầu sát đất,

quỳ thưa:

–Cúi xin Thế Tôn rủ lòng đại bi, hiện thân để cứu giúp chúng sinh.

Đức Phật mặc pháp phục rồi cùng các Tỳ-kheo đi đến ngã tư. Vua và các quần thần theo hai bên. Đến nơi, Đức Phật ngồi trên tòa. Phu nhân và thái tử bỏ trang sức, đi chân đất, đến cúi lạy sát chân Phật. Sau khi lấy nước rửa, vua tự tay đi sớt thức ăn. Phật và chúng tăng ngọ trai xong, vua cúi đầu thưa:

–Nguyện đem bữa ngọ đơn giản hôm nay cầu cho trời, người đến loài bò, bay, máy, cựa đời đời được gặp Phật, Pháp, Tăng trừ bỏ đời sống ô trược của thế gian, học tập theo pháp Phật.

Phật nói:

–Lành thay! Vua là cha mẹ của muôn dân, lấy Từ bi để tu sửa họ, lấy sự sáng suốt cao thượng để hướng dẫn họ thì nguyện gì đều được nấy.

Vua nói:

–Dân chúng khắp mọi nơi đều nói là tự yêu mình, nghĩa của tự yêu mình có quan trọng chăng?

Đức Thế Tôn khen:

–Điều ông hỏi hay lắm! Con người ở đời tâm niệm rất độc ác, miệng buông lời độc ác, thân làm việc độc ác. Ba độc ác này xuất phát từ thân, miệng và ý khiến cho chúng sinh bị đau khổ. Chúng sinh bị ác độc tức kết lấy oán hận, tâm niệm luôn muốn báo thù. Có khi báo thù nơi đời hiện tại hoặc sau khi chết, thần thức đã lên cõi trời rồi còn trở xuống báo thù. Có khi làm người, súc sinh, quỷ thần Thái sơn giết hại lẫn nhau. Tất cả đều do nghiệp tạo từ đời trước chứ chẳng phải tự nhiên sinh như vậy. Thân ba, miệng bốn, ý ba không xấu, mà vì người ngu buông thả, bất hiếu với cha mẹ, kính thờ yêu quỷ, dâm loạn, say sưa… thành hạng bần tiện, để đưa đến cái họa làm nguy thân diệt tộc, chết bị đọa vào chỗ đường dữ, lửa nước nơi ngục tối, khó làm được thân người trở lại. Đã cách Phật quá xa, lại không ưa thích giới thanh tịnh của Sa-môn mà lại ưa hội họp với kẻ ngu. Đây gọi là thích họa nguy vong, là người không tự yêu mình.

Vua hỏi:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Con xin Thế Tôn dạy bảo về pháp tự yêu mình. Nghĩa nó như thế nào?

Phật bảo:

–Pháp tự yêu mình là: Trước tiên phải quy y Tam bảo, lấy giáo pháp để nuôi chính bản thân, đem lòng Từ bi thương xót người và vật, thương

xót kẻ ngu lầm, phải vui thích học hỏi, tâm bình đẳng cứu giúp tất cả, đem an vui ban bố cho muôn loài, nguyện đền trả bốn ân, bố thí cho người bần cùng, đói khổ. Có thế chúng sinh không oán thù, chư Thiên theo giúp đỡ, không có các tai họa hoành hành. Lao ngục, kiếm bén, các thứ ác độc đều tiêu trừ, dòng họ luôn được an vui, sống không gặp hoạn nạn, chết được sinh lên cõi trời, gặp chỗ sáng suốt. Đây gọi là tự yêu mình.

Vua nói:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Những lời Thế Tôn dạy thật là chí lý.

Phật bảo:

–Những bậc hành giả hạnh cao thượng, thanh khiết, chân chánh, đối với uế lợi, tà lạc không để nhiễm vào tâm, miệng không bao giờ nói bốn điều ác, thân xa lìa ba sự hung dữ. Dù cho mạng sống bị nguy nan, trọn đời vẫn giữ những lời vàng ngọc của Phật để cho chính mình được an lạc và thân tộc luôn được bình an, qua đời sinh lên cõi trời, hưởng phước lợi. Đây gọi là tự yêu mình.

Vua nói:

–Lành thay! Xin Phật chỉ dạy.

Phật nói:

–Dù có ai độc ác hoành hành nhưng phải nhẫn nhịn, đừng nói. Hãy đem lòng Từ bi thương xót người ấy, luôn luôn cứu giúp họ, tinh tấn không biếng trễ, với một lòng nối theo Tam Tôn, trong ngoài tĩnh lặng, luôn trồng gốc đạo và quán sâu vào đường Thánh, sáng suốt hóa độ với những lời chân thành, hiếu thuận với cha mẹ, cứu giúp mọi người, hướng dẫn họ làm các việc như vậy sẽ thường gặp phước đức. Đây gọi là tự yêu mình.

Vua nói:

–Lời Thế Tôn giảng dạy rất đúng.

Bấy giờ có hai người đi buôn, một người nghĩ rằng: “Thân Phật cao một trượng sáu, màu vàng ròng, đẹp như hoa, trên đảnh có nhục kế, trán phóng hào quang uy nghiêm khó tả. Đức Phật như vua, Sa-môn như trung thần. Đức Phật lập ra các phép tắt sáng suốt, Sa-môn thì giảng nói, đấy là ông vua sáng suốt. Người ấy nhận biết Đức Phật là bậc đáng tôn kính.”

Đức Phật biết ý nghĩ của người ấy thuần thục và thấy rõ sự vui mừng như được của báu. Người thứ hai nghĩ: “Ông vua này ngu muội, làm chủ một nước còn mong cầu gì nữa? Phật như con bò, đệ tử như chiếc xe. Con bò kéo chiếc xe chạy khắp nơi. Phật cũng giống như vậy, ông ta đâu có đạo đức mà mình tuân phục để phụng thờ?”

Phật biết người này có niệm ác, chắc chắn bị khổ báo, nên Phật cảm thấy thương xót họ.

Người thứ hai trong lòng lo sợ như có chỗ vướng mắc. Hai người cùng lên đường khoảng ba mươi dặm và dừng lại quán để uống rượu, rồi bàn luận, tranh cãi lung tung. Người có ý nghĩ thiện được Tứ thiên vương sai thiện thần đến ủng hộ. Còn kẻ có tâm ác phỉ báng Phật thì quỷ của địa ngục làm cho rượu vào ruột giống như lửa đốt thân rồi dần dần ra ngoài đường nằm giữa vết bánh xe. Sáng sớm, có người lái buôn đưa năm trăm chiếc xe đi qua nghiến chết kẻ ấy. Người bạn tìm thấy, nói: "Ta gặp nguy rồi." Nếu lấy vật đi là bất nghĩa, mà trở về nước thì bị nghi ngờ. Nói như vậy rồi ông ta xem thường thân thể, vứt bỏ của cải mà đi thẳng. Một đoạn xa, cách thành Xá-vệ khoảng vạn dặm, có một nước vua nước ấy đã qua đời mà không có thái tử.

Sấm thư nói: "Trong vùng đất này có người tài giỏi, xứng đáng được làm vua."

Quần thần bàn:

–Nước không có vua, giống như người không đầu khó mà đứng vững được. Tiên vương có con ngựa luôn kính lễ vua. Nếu người nào làm vua được thì ngựa quỳ xuống trước mặt người đó.

Mọi người đều nói:

–Hay lắm!

Thế rồi họ sửa soạn xa giá, lấy ấn vua buộc lên xe. Người ngựa chật cả đường, kẻ nào trông thấy cũng đều chảy nước mắt. Người buôn kia cũng ra nhìn đám đông.

Thái sử nói:

–Người kia có đám mây vàng che trên đầu như chiếc lọng, chính là vương khí.

Bỗng nhiên con ngựa thần tiến thẳng đến, quỳ xuống liếm chân người đi buôn. Quần thần vui mừng chuẩn bị hương hoa, nước nóng tắm rửa, lễ bái ông ta là vua và xưng mình là thần.

Vua nói:

–Tôi vốn là kẻ đi buôn, không có công đức gì với dân chúng. tôi không thể gánh vác lấy ngôi vua.

Quần thần nói:

–Trời đã trao cho người có đức nên được con ngựa thần quỳ gối.

Thế rồi người buôn kia về ở cung vua, cho phép sửa lại chính trị của

đất nước. Vua suy nghĩ: "Ta không có chút phước đức nào cả mà sao nay lại được làm vua? Chắc chắn là nhờ ân Phật nên mới được như vậy."

Vào sáng sớm, vua ngự triều, ca ngợi Phật là bậc Thánh vô thượng, rồi thống lãnh quần thần đến nước Xá-vệ, cúi đầu bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kẻ tầm thường này nhờ đức của Thế Tôn thấm nhuần nên được làm vua. Quốc độ này truyền đời không biết có Phật, sách vở lưu hành cũng không ghi chép. Xin Thế Tôn đem ánh sáng rực rỡ để khai mở cho dân chúng đui điếc trong nước này. Ngày mai, con thỉnh Thế Tôn và chúng Tăng rủ lòng thương xót, đồng ý cho con cúng dường ba tháng một lần.

Đức Phật dạy Tôn giả A-nan:

–Ông hãy thông báo cho các Tỳ-kheo ngày mai nhận lời mời của vua ấy các ông nên từ từ hiển bày thần thông để cho dân chúng nước này đều được chứng kiến.

Chư Thiên nghe Phật đến đó giáo hóa nên cũng cùng nhau đi theo, trỗi lên đủ loại kỹ nhạc, treo cờ phướn, lọng báu, rải hoa xuống, ánh sáng rực rỡ.

Thế Tôn và chúng Tăng đều ngồi trên chánh điện. Vua theo phép tắc của vua nước Xá-vệ mà cúng dường đúng pháp. Vua đích thân đi sớt thức ăn. Sau khi ngọ trai xong, vua lấy ghế nhỏ ngồi trước mặt Phật, nghe thuyết pháp.

Vua nói:

–Trước đây con là kẻ hèn mọn, hoàn toàn không có chút đức. Vì sao nay được làm vua như vậy?

Phật nói:

–Thuở xưa, vua cúng dường cơm cho Phật, vua nghĩ rằng: "Đức Phật như vua một nước, Sa-môn như quần thần." Do vua trồng nhân như thế mà nay được phước báo ấy. Còn người kia nói: "Phật giống như con bò, đệ tử như chiếc xe." Người kia do gieo trồng hạt xấu ác nên bị xe nghiến chết, nay còn bị xe bằng lửa nghiến trong ngục Thái sơn, tự mình gánh chịu quả báo như vậy. Không phải vì sức mạnh và quyền lực mà vua có thể đạt được, mà là do phước đức từ chỗ làm điều thiện. Hễ giẫm theo ác thì họa tìm đến, giống như tiếng vang dội lại. Thiện ác như âm thanh, không phải trời, rồng, quỷ thần làm ra, cũng chẳng phải tiên linh làm. Tâm thì dẫn đầu mà thành tựu do thân, khẩu.

Đức Phật nói kệ:

Tâm là gốc pháp

Tâm sai, tâm khiến
Trong tâm nghĩ ác
Nói làm đều ác.
Tội khổ đi theo
Như xe theo rãnh
Tâm là gốc pháp
Tâm sai, tâm khiến.
Trong tâm nghĩ thiện
Nói làm đều thiện
Phước lạc tự đến
Như bóng theo hình.

Đức Thế Tôn lại bảo vua:

–Trong các tội, tội nặng nhất có năm: Bất hiếu, bất trung, giết người thân, giết vua, làm tan nhà, nước loạn. Đó là một tội nặng.

La-hán tu hành chứng được định không, vô tướng, vô nguyện mà ý tưởng như Phật cứu giúp chúng sinh, lại hướng đến hại những vị này thì mắc tội gấp đôi.

Phật đã dứt trừ các tội, được phước tướng tốt, mười Lực, chỉ dạy hướng dẫn chúng sinh, có tâm Từ bi hoan hỷ, tâm ấy quá hơn mẹ hiền mà lại ngu si phỉ báng, ghét bỏ, nên mắc tội gấp ba lần.

Sa-môn thanh khiết, ý chí trong sạch, đức hạnh rất cao thượng, đem kinh pháp để giúp Phật hóa độ kẻ ngu si, nối tiếp kế thừa chư Phật. Chúng sinh được độ đều nhờ chúng Tăng, vậy mà dua nịnh, gièm pha, câu kết để đưa đến bất hòa. Nếu Tăng không hòa thì chánh pháp suy tàn, muôn dân bỏ chánh pháp, khiến ba đường ác hưng thịnh, làm não loạn Tỳ-kheo Tăng, do đó mắc tội nặng gấp bốn lần.

Đất nước, của báu trong chùa, chúng Tăng hết lòng đem cúng dường Tam bảo, còn người ngu si thì pháp hủy hoặc trộm cắp, nên mắc tội này nặng gấp năm lần.

Ai phạm năm tội ấy thì gọi là tự giết thân mình, tự tàn hại dòng họ, tự gieo mình vào lửa Thái sơn. Năm tội này nặng hơn núi Tu-di, cho nên phải cẩn thận, chớ trái phạm.

Đức Phật giảng nói kinh này xong, vua và các quần thần đều chứng quả Tu-đà-hoàn, vâng giữ năm giới làm Thanh tín sĩ. Nhân dân trong nước có người làm Sa-môn giữ giới, hoặc làm Thanh tín sĩ. Vua lấy năm giới, mười nghiệp thiện làm pháp luật cho quốc gia. Chư Thiên đến giúp đỡ, ủng hộ, khiến cho đất nước hưng thịnh.

Chư Thiên, trời, rồng, vua, quần thần, lê dân đều hoan hỷ.

-oOo-

SỐ 743

PHẬT THUYẾT TRUNG TÂM KINH

Hán dịch: Đời Đông Tấn,
Tam tạng Trúc Đàm-vô-lan.

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ các vị Bồ-tát, bốn hàng đệ tử, các chúng trời, rồng, quỷ, thần, các vị Đế vương và thần dân hội họp để nghe pháp. Bên phải Đức Phật là Tỳ-kheo Mục-kiền-liên, thần thông đệ nhất, trí như hư không, biến hóa tùy thời. Mục-liên dùng trí và hạnh là để cứu giúp chúng sinh nhiều như cát sông Hằng. Chư Thiên cúi đầu cung kính tôn làm thầy.

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Cách đây tám ngàn dặm có một nước lớn, dưới sự cai trị của một vị vua. Dân chúng nơi biên giới không thấy điều linh cảm nơi Tam bảo, ít được nghe pháp vi diệu của Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Chánh Giác, làm theo hạnh của tà đạo điên đảo mà cho là Chân đế. Vua và thần dân phụng thờ năm trăm vị Phạm chí, mỗi vị đều có năm thần thông, có thể dời núi lấp sông, phân thân biến hóa. Trong nước có ngọn núi rất lớn, ngăn lấp đường đi của dân chúng, làm khốn khổ cả vùng. Vua nói: "Vì núi đó khiến cho dân chúng phải gian khó!" Rồi đem việc này nói với Phạm chí. Phạm chí tâu: "Chúng tôi sẽ trừ tai họa cho dân chúng, vua đừng lo nữa." Phạm chí liền đi quanh ngọn núi. Họ đồng lòng dùng định lực của đạo, sẽ làm cho núi di chuyển.

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Ông hãy đến nước đó hiển bày thần thông biến hóa, vượt qua các Phạm chí để cứu vua và dân ở đấy giúp họ xa lìa ba đường dữ, vĩnh viễn được ở nơi ngôi nhà phước.

Tôn giả Mục-liên vâng lời, nương oai thần của Phật, phóng quang theo đường đi, ngăn che cả ánh sáng của mặt trời, lại tỏa lơ lửng trên hư không, ngay tại đỉnh núi ấy, khiến núi không thể lay động được. Phạm chí kinh ngạc nói:

–Núi này đã chuyển động rồi! Ai làm cho nó phải quay lại? Còn mặt trời thì không tỏa sáng. Đây chắc là có nguyên do hay bị tà thuật gì đấy!

Thế là Phạm chí dùng định ý quán sát tâm của các đệ tử có ai bị ô uế không, mà núi lại không lay động. Ông ta thấy tâm đệ tử đều thanh tịnh. Đất nước phồn vinh, của báu, sắc đẹp không làm tâm họ cấu nhiễm. Ông ta ngẩng đầu lên thì thấy một Sa-môn đang ở trên núi ấy.

Phạm chí hỏi:

–Đây là hành động của đệ tử ông Cù-đàm.

Phạm chí kêu to:

–Vua sai chúng tôi trừ hoạn nạn cho dân chúng. Sao ông đến cản trở?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Tôi tự lơ lửng trên không chứ đâu có ngăn cản trở núi của các ông.

Phạm chí dùng hết sức lực nhưng ba lần núi sắp di chuyển thì đều rớt cả ba, nát thành đất bằng phẳng. Các Phạm chí quay lại nói với nhau:

–Người nào sáng suốt, đạo đức sâu dày tức là thầy của chúng ta.

Rồi họ sửa y phục, cúi đầu cung kính thưa với Tôn giả Mục-liên:

–Xin được làm đệ tử, hãy chỉ dạy Thánh giáo cho chúng tôi.

Tôn giả Mục-liên đáp:

–Các ông muốn bỏ chỗ tối tăm để đạt đến chốn sáng suốt. Được lắm, ta có tôn sư hiệu là Vô Thượng Chánh Chân, là bậc trời trong cõi trời, là Bậc Nhất Thiết Trí. Các ông phải theo ta để đến gặp Phật.

Phạm chí hỏi:

–Đức Phật giáo hóa có khác lạ hơn ông không?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Đức Phật xem núi Tu-di như hạt cải, còn ta thấy hạt cải là Tu-di.

Ca ngợi Đức Phật xong, Tôn giả Mục-liên nói:

–Bây giờ các ông hãy theo sau tôi.

Tôn giả Mục-liên đưa các Phạm chí nhanh như thời gian của lực sĩ duỗi cánh tay, họ liền đến trước Đức Phật, bày tỏ hết sự việc, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con nương theo sự biến hóa từ thần lực của Bậc Vô Thượng Chánh Chân, đã giáo hóa các Phạm chí. Những vị này trong ngoài đều thanh tịnh, giống như vải còn mới, dễ nhuộm thành màu. Xin Thế Tôn rửa sạch mọi cấu uế để họ thành chân tịnh.

Phạm chí thấy Phật, tâm liền khai mở, vui vẻ xin làm Sa-môn.

Phật nói:

–Nay ta sẽ giảng nói kinh cho các ông. Lời nói đầu, giữa, cuối đều thiện. Những lời ta dạy trung thực với đạo giải thoát, lấy tâm chân chánh làm gốc. Các ông hãy lắng nghe để truyền lại cho đời sau tu hành.

Các Tỳ-kheo chắp tay thọ giáo.

Phật bảo:

–Trong thân người có năm tên giặc hay lôi kéo người vào đường ác:

1. Sắc.

2. Thống dương *(Thọ)*.

3. Tư tưởng *(Tưởng)*.

4. Sinh tử *(Hành)*.

5. Thức.

Làm người phải luôn suy niệm về năm thứ ấy.

Phật nói:

–Con người bị mắt lừa gạt, bị tai lừa gạt, bị mũi lừa gạt, bị lưỡi lừa gạt, bị thân lừa gạt. Mắt chỉ thấy nhưng không thể nghe. Tai chỉ nghe nhưng không thể thấy. Mũi chỉ biết hương thơm, thối, nhưng không thể biết mùi vị. Miệng chỉ biết mùi vị nhưng không biết hương thơm, thối. Thân chỉ biết lạnh, nóng nhưng không thể biết mùi vị. Năm pháp này thuộc về tâm. Tâm làm gốc.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Người nào muốn cầu đạo thì phải giữ tâm theo nẻo chánh. Con người vì ngu si mà bị cuốn theo mười hai nhân duyên nên có sinh tử. Mười hai nhân duyên là:

1. Si *(Vô minh)*.

2. Hành.

3. Thức.

4. Danh sắc.

5. Lục nhập.

6. Tài *(Xúc)*.

7. Thống *(Thọ)*.

8. Ái.

9. Thọ *(Thủ)*.

10. Hữu.

11. Sinh.

12. Lão tử.

Ai làm thiện thì được làm người. Ai làm ác thì bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, quỷ thần.

Phật tư duy: Con người vì ngu si nên mới có sinh tử. Những gì là gốc của si? Nó từ trong si mà ra. Nay được làm người, trở lại ngu si, không sáng suốt, mắt không mở, không biết chết sẽ đi về đâu, gặp Phật không chịu học hỏi, thấy kinh không thèm đọc, thấy Sa-môn không phụng thờ, không tin đạo đức, không kính thờ cha mẹ, không niệm các khổ trong thế gian, không biết cái khổ bị đánh đập trong địa ngục. Đó gọi là si. Cho nên không bao giờ dừng sinh tử. Người chết trong từng hơi thở, yếu ớt không gì bằng thân mạng. Trong thân con người có ba thứ. Nghĩa là khi thân trút hơi thở rồi thì thức đi, tâm đi, ý đi. Chúng luôn tìm kiếm theo nhau. Ai tạo ác thì bị đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Ai làm việc thiện thì ba thứ đó cũng đi theo nhau hoặc sinh lên cõi trời, hoặc sinh làm người. Còn ai bị đọa vào năm đường ác là đều do tâm bất chánh.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Mắt, mũi, tai, miệng, thân và ý của các thầy phải giữ cho chân chánh, ngay thẳng. Nên đoạn trừ những gì cấu nhiễm thì không bao giờ bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Thấy nhà ai có con cái hung ác, bị quan bắt, đó là tội do tâm bất chánh. Trong thân con người có một trăm danh từ, giống như chiếc xe có một trăm tên. Con người nhiều tham lam, thích sân giận, không tư duy về thân để rồi chết bị đọa trong địa ngục, về sau hối hận đâu có kịp. Ta đã bỏ nước, bỏ ngôi Chuyển luân thánh vương, lo đoạn trừ sinh tử, muốn cứu độ chúng sinh để chứng được đạo Niết-bàn. Ai tinh tấn bậc nhất thì chứng A-la-hán. Ai tinh tấn bậc nhì thì chứng A-na-hàm. Ai tinh tấn bậc ba thì chứng Tư-đà-hàm và ai tinh tấn bậc bốn thì chứng Tu-đà-hoàn. Tuy không đạt được đại tinh tấn nhưng phải giữ năm giới: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu.

Phật nói:

–Con người mỗi khi đi, đứng, nằm, ngồi đều phải có tư duy bốn điều:

1. Tự quán thân mình và quán thân người.

2. Tự quán thọ và quán thọ của người.

3. Tự quán ý và quán ý của người.

4. Tự quán pháp và quán pháp của người.

Khi tâm muốn loạn thì phải tự thấy một cách chân chánh: Nếu thân

thể đói thì cũng khổ, mà no quá thì cũng khổ, đi cũng khổ mà đứng cũng khổ, ngồi cũng khổ. Lạnh cũng khổ, nóng cũng khổ. Khi nằm mà dục nổi lên thì ngồi dậy, giữ tâm cho chân chánh. Nếu tâm bất chánh thì đứng dậy. Đứng dậy mà bất chánh nữa thì nên đi kinh hành. Hoặc giả tâm bất chánh thì nên tự giữ mình. Giống như vua đem quân binh ra trận chiến đấu, người nào mạnh đi trước. Đã được đi trước thì lập mưu đẩy lùi quân địch. Muốn đẩy lùi quân địch là để giữ cho người đi sau. Tỳ-kheo đã từ bỏ vợ con, cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn, tuy khổ một đời nhưng về sau mãi mãi được giải thoát. Đã được đắc đạo rồi thì tự tâm hoan hỷ, thấy vợ như thấy chị, thấy con như bạn bè, không có tâm tham ái, luôn rủ lòng Từ bi thương xót mọi hàng trời, người trong mười phương và các loài ngạ quỷ, súc sinh cho đến những loài bò, bay, máy cựa nhỏ bé, đều mong cho tất cả luôn được an lạn, yên ổn và được độ thoát, chứng được Niết-bàn. Nếu thấy trùng, sâu, thú… nên có tâm từ thương xót chúng, cầu sinh đời sau không còn ngu si nữa.

Phải có ý này: Thường nhớ ân sư trưởng, phụng thờ chư Phật như người nhớ cha mẹ, như kẻ tội tử ở tù được Hiền giả đến xin cho ra khỏi. Người trí tuệ luôn nghĩ nhớ ân của Hiền giả ấy. Tỳ-kheo đã đắc đạo nên nghĩ đến Phật. Như vậy, nhớ nghĩ đến kinh pháp giống như người đói nghĩ đến ăn uống. Các Tỳ-kheo phải tôn kính lẫn nhau như em kính thờ anh. Nếu trong đó có ai ngu si thì nên hỏi vị có trí tuệ để lần lượt dạy bảo nhau. Học hỏi vị có trí tuệ giống như trong bóng tối mà có đèn sáng. Không được mưu tính làm những việc xấu ác, không được tranh cãi, kiện tụng. Thấy vàng bạc như thấy đất, không được làm chứng một cách dối trá để người bị tù tội. Nói năng không được lừa gạt, làm tổn thương tâm người. Không nghe, chớ nói nghe. Không thấy, chớ nói thấy. Khi đi phải cúi xuống nhìn sâu, trùng dưới đất, không được thấy mà giẫm đạp, giết hại chúng. Mắt không được tham đắm vợ người, không được nhìn hình tướng phụ nữ. Khi ngồi phải tự tư duy dứt trừ tâm tham ái. Có vậy mới đắc đạo.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Người nào muốn cầu đạo nên giữ tâm chân chánh. Ngồi nơi thanh vắng, tự điều hòa hơi thở của mình, biết rõ mình đang thở dài, ngắn. Nếu thở hơi dài quá thì thân thể cũng cực mà hơi thở ngắn quá cũng cực. Hãy phân biệt, tư duy, thân thể này do đâu mà có. Tâm phải quán xét bên trong lẫn bên ngoài. Tự tư duy, hoan hỷ với những ai có tâm xấu với mình, trong lúc này thì không cần châu báu của thiên hạ. Khi tâm vừa muốn theo đường chánh mà ý hơi loạn động thì phải trở về tự giữ ý của mình, lúc đó ý trở về ngay. Giống như cái gương, nếu gương không sáng thì không thể thấy được

hình ảnh, phải lau chùi bụi bặm cho sạch thì mới thấy thân hình mình được. Như vậy trừ bỏ tham, sân, si cũng giống như chùi gương. Tự mình tư duy cho kỹ: Tất cả sự vật trong thế gian không có gì lâu bền, tất cả đều là vô thường.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Giữ tâm giống như đá cứng chắc ở bốn mặt. Dù bị mưa to cũng không thể hư hoại, dù trời nóng như đốt cũng không tiêu mòn, gió thổi cũng không lay động. Giữ tâm như đá.

Phật nói:

–Tâm người như cây cối trôi theo dòng nước. Chúng tự trôi đi không nhìn nhau. Cái trước không nhìn lại cái sau, cái sau cũng không thấy cái trước. Tâm người cũng như vậy, một niệm đến, một niệm đi cũng như cây cối, trước sau không nhìn thấy nhau. Đối với trời đất không có chỗ nào vui thích hai lần. Giữa trời đất đã chết rồi thì không chết lần thứ hai. Cho nên đến khi thành đạo rồi biết rõ ân của thầy. Gặp thầy nên hết lòng phụng thờ. Nếu không gặp thì tư duy về những gì thầy chỉ dạy, như con có hiếu luôn nghĩ về cha mẹ. Khi nào ý định rồi mới được nhất tâm. Phải thương xót mọi người cho đến loài côn trùng. Ngồi một mình phải mừng cho mình đã thoát khỏi thế gian và năm đường. Năm đường là: Trời, người, ngạ quỷ, súc sinh và địa ngục. Đã chứng được đạo A-la-hán thì có thể biến hóa bay hoặc đi tùy ý, trong thân phát ra lửa, nước, có thể ra khỏi chỗ kín bưng hay vào chỗ không có kẽ hở. Muốn lìa bỏ thế gian nhập vào Niết-bàn thì có thể được.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Đạo không thể không học, kinh không thể không đọc.

Đức Phật giảng nói kinh xong, năm trăm vị Sa-môn đều chứng đắc đạo A-la-hán.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các vị Sa-môn này nghe kinh sao tâm ý thông suốt nhanh thế?

Phật nói:

–Các vị Tỳ-kheo ấy trước đây ở thời Phật Ca-diếp đã thọ tụng kinh này, trong thời gian không có Phật, tùy theo nhân duyên của thế gian nên phế bỏ không chịu nghe, mãi đến hôm nay ta vừa nói ra họ đều nghe và đều đắc đạo.

Đức Phật giảng nói kinh xong, các Bồ-tát, bốn hàng đệ tử, vua, dân,

trời, rồng, quỷ thần đều hoan hỷ lễ Phật.

-oOo-

SỐ 744

PHẬT THUYẾT TRỪ KHỦNG TAI HOẠN KINH

Hán dịch: Đời Tần, Sa-môn Thích Thánh Kiên.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng với bốn bộ chúng đệ tử du hóa ở tinh xá Trúc lâm, thuộc thành Vương xá thuyết giảng về diệu pháp tối thượng.

Bấy giờ, nước Tỳ-xá-ly bị hung khí, dịch bệnh lan tràn mạnh mẽ như lửa cháy hừng hực gây nên cảnh chết chóc vô số, không chỗ quay về, không còn cách cứu chữa. Quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn, tập họp luận bàn: "Đất nước gặp tai họa phải chăng do yêu tà phá hoại, dịch hỏa thiêu cháy, chết chóc vô số phải bàn luận thế nào, tìm phương pháp gì để trừ tai họa?"

Bà-la-môn tấu trình:

–Nên lập đàn chẩn cúng tế ở các cửa thành.

Có người bàn:

–Nên lập đàn cúng tế lớn ở đầu các ngã tư đường trong thành để tống khứ các độc khí.

Hoặc có người nói:

–Nên dùng ngựa trắng, lạc đà trắng, trâu trắng, dê trắng, gà trắng, chó trắng… tất cả phải đủ số một trăm con để cúng tế nhằm trấn áp, giải trừ và tống khứ tai họa này đi.

Lúc ấy, ở trong chúng hội có trưởng giả Tài Minh, giữ gìn năm giới cấm của Phật, thực hành mười điều thiện, là vị Ưu-bà-tắc đã chứng đến bậc Tu-đà-hoàn, kiến nghị:

–Xin nghe lời tôi nói: "Đất nước gặp tai họa chết chóc vô số. Theo như lời các ông bàn: Giết hại sinh vật để cứu mạng sống đâu được như thế! Bởi vì đời trước làm việc bất thiện, nay mới gặp tai ách này. Vậy phải dùng phương cách: Lấy thiện trừ ác thì vĩnh viễn không còn chịu khổ nữa. Nếu như ngược lại, làm hại để cầu an thì suốt đời chịu khổ, không có lúc nào thoát khỏi.

Bấy giờ chúng hội hỏi Tài Minh phải làm bằng cách nào?

Tài Minh đáp:

–Ở đời có Đấng Tôn Sư làm Thầy của trời, người trong ba ngàn thế giới, thương yêu chúng sinh che chở tất cả, được xưng danh hiệu là Phật, vượt thoát ba cõi. Nếu có thể thỉnh Ngài quang lâm đến nước ta thì tai họa này có thể giải trừ.

Đại chúng nghe nói đều đồng ý với kiến nghị ấy, ai cũng khen hay.

Tài Minh lại nói:

–Trong vô số kiếp, Đức Phật đã tu sáu pháp Ba-la-mật: Bố thí vô hạn như quốc thành, tài bảo, voi, ngựa, xe cộ, đầu, mắt, tủy, não, thân thể, vợ, con; Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, mỗi lần sinh ra là tự rèn luyện mình không thể tính kể được; vì mong cầu Phật đạo không vì thân mình, chỉ vì chúng sinh cứu tế nguy ách, tiêu trừ các tai họa sinh, già, bệnh, chết và các khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nay đã thành Phật, Đức Phật thuận theo bản nguyện cứu tế khắp nơi, trao thuốc cam lồ tiêu trừ các tai họa khổ độc của chúng sinh trong đời nay, đời sau được an ổn lâu dài.

Chúng hội đều nói:

–Như ông đã nói thật là điều rất vui mừng.

Đức Phật ở tại thành Vương xá, vua A-xà-thế cùng nước ấy đều hiềm nghi, đâu muốn thỉnh Phật đi đến nơi này?

Hoặc có người nói:

–Phải thỉnh Phật đến.

Lúc ấy, Tài Minh nói:

–Đức Phật xuất hiện ở đời cứu khổ cho chúng sinh giống như hư không, không có chướng ngại, vậy ai có thể ngăn cản? Lại giống như ánh sáng mặt trời nuôi dưỡng mầm sống của vạn vật. Đức Phật thương xót, nước nào gặp phải tai ách quyết chắc sẽ đến không có nghi ngờ. Tuy nhiên, phải sai sứ giả hiến cúng trân bảo, dùng lời nói hòa nhã đến chỗ vua A-xà-thế. Đặc biệt người ấy phải y quy Phật, tuy tâm hiềm nghi nhưng bỏ mạng sống thì đau khổ nên phải tin sứ, trọng hiền, hiến dâng châu báu, nói lời nhu nhuyến thì mọi việc đều bình yên. Từ xưa đến nay, nước láng giềng bất hòa trở lại xâm lăng, đều nhờ sứ giả sáng suốt đem châu báu hiến cúng, dùng lời nói từ tốn, kính nhường mà được hòa giải. Mọi người đều cùng bàn luận, suy nghĩ xem ai đảm nhiệm làm sứ giả?

Bấy giờ, trong đại chúng, quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ đều đồng ý nói:

–Chỉ có thiện nam, trưởng giả Tài Minh là đệ tử Phật có thể làm sứ giả đi thỉnh Phật. Vì sao? Vì ở trước chúng hội, ông đã đưa ra sáng kiến bàn luận thỉnh Phật.

Họ liền bảo Tài Minh:

–Chỉ có ông mới có thể đi đến nước Vương xá bàn luận với vua, cầu thỉnh Phật đến.

Bấy giờ, Tài Minh lãnh lấy sứ mạng lên đường. Lúc ấy, đại chúng đều trở về chỗ ngồi hướng về phía Phật, chắp tay quỳ lạy, năm vóc sát đất đảnh lễ Thế Tôn, rồi bảo Tài Minh:

–Phật Thiên Trung Thiên Từ, Bi, Hỷ, Xả gia hộ cho chúng sinh. Xin Phật thương xót, đất nước đang gặp tai họa lớn, bệnh tật chết chóc, như lửa cháy dữ dội ở đồng trống thiêu cháy cỏ cây. Khắp nơi đang gặp nguy hiểm, may mắn thay gặp Đức Thế Tôn, như tối tăm cầu ánh sáng, lạnh gặp ánh mặt trời, khát nóng uống nước mát, bệnh tật gặp thầy thuốc hay, như người mê tìm cầu đạo. Nguyện xin Đức Thế Tôn rủ lòng thương cứu độ, trao pháp cam lồ cứu sống muôn loài.

Bấy giờ, Tài Minh vâng lệnh làm sứ giả đến La-duyệt-kỳ, vượt qua các nẻo đường đến thành Vương xá. Đến nơi, Tài Minh nhờ người dâng thư. Nhà vua xuất hiện, Tài Minh thưa:

–Tâu đại vương! Khanh phụng mệnh làm sứ giả đến nước này, trước đây vì bất hòa có nhiều sự hiềm khích nên trước tiên đến đây mong trừ bỏ sự bất hòa để cho muôn dân đều được yên ổn. Đức Phật xuất hiện ở đời với lòng Từ bi bao trùm khắp tất cả. Đất nước chúng tôi đang có tai họa lớn, do đó khanh phụng mệnh đến thỉnh Phật. Xin nguyện đại vương khuyên Phật quang lâm đến nước hèn này cứu lấy tai nạn, trông mong ngài giúp đỡ.

Nhà vua im lặng suy nghĩ: "Ta muốn giữ Đức Phật ở lại không đi khỏi nước ta, không có lý nào như vậy, chẳng phải dựa vào sức ta mà có thể ngăn cản được. Đức Phật đem tâm Đại bi bao trùm khắp mười phương, xem sự thương, ghét đều bình đẳng, dùng sự cứu độ làm sự nghiệp, vì thế nên không thể giữ ở lại được." Do vậy, vua liền bảo Tài Minh:

–Khanh có thể đến chỗ Phật trình bày vận mệnh của đất nước mình.

Lúc ấy, Tài Minh tạ từ rồi đi đến tinh xá Trúc lâm gặp Phật. Vừa đến nơi, ông cúi đầu đảnh lễ, năm vóc sát đất, đi vòng quanh bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ nước Tỳ-xá-ly đều hướng đến lễ Phật, xin nguyện Đấng Thiên Trung Thiên rải lòng Từ

bi khắp cho chúng sinh đều được cứu độ. Đất nước chúng con gặp phải tai ách, xin nguyện Thế Tôn từ bi, thương xót phóng quang cứu độ chúng sinh thoát khỏi tai ách.

Đức Phật im lặng nhận lời.

Tài Minh thấy Đức Phật nhận lời thỉnh cầu hoan hỷ vô cùng.

Bấy giờ, các vị thiện thần, trời, rồng, quỷ thần ở thành Vương xá biết Đức Phật nhận lời thỉnh cầu sẽ đến nước kia, đều rất xao động, đau buồn không vui, liền hiện thân khắp chốn bảo vua A-xà-thế:

–Vì sao đại vương an nhiên không sầu? Không bao lâu nữa chúng ta sẽ lìa xa Phật giống như trẻ nhỏ mất cha, mất mẹ, giống như đi trên đường trống mênh mông mất hết nước uống, ví như giá rét mất hết xiêm y. Nay Đức Phật ra đi, đất nước mất chỗ cậy nhờ cũng giống như vậy.

Vua nghe các vị thần giáng xuống nói lời này rồi, lòng rất đau xót, sầu khổ vô cùng nên im lặng suy nghĩ: "Chúng sinh ngu muội, tâm tánh ô trược. Nay lìa xa Thế Tôn, làm sao lại có được trí tuệ sáng suốt, mài giũa tâm tánh thuần thiện thanh cao, ai sẽ giải tỏa các phiền não, lầm lỗi? Nghiệp đời trước đã gây tạo, ai chỉ dạy diệt trừ? Tất cả chúng sinh, xem thường tội lỗi. Chúng ta từ lâu đã ở trong lao ngục sinh tử, đóng bít cửa ngõ, ai sẽ dùng chìa khóa chánh pháp mở lao ngục sinh tử? Chúng ta đã phủ đầy lớp bụi bặm phiền não như sức nóng của mặt trời rang nướng thì làm sao lại được giáo pháp mát mẽ, thuần túy như minh châu của Đức Thế Tôn soi sáng, để tiêu trừ ngọn lửa đang bốc cháy." Vua liền ra lệnh chuẩn bị xa giá, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, đi vòng quanh bên phải ba vòng rồi lui về chỗ ngồi. Lúc ấy, Đức Phật thuyết pháp để giáo hóa nhà vua. Đức Phật nói về ba giai đoạn: Ban đầu, ở giữa và sau cùng đều là thánh thiện. Nhờ vậy, ba nghiệp thân, miệng, ý của nhà vua trở nên thanh tịnh vi diệu, tâm vô cùng hoan hỷ nên chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nước Tỳ-xá-ly sai sứ giả thỉnh Phật, Thế Tôn đã nhận lời đến đó, lòng con rất đau buồn, không có cách gì giữ Thế Tôn lại. Xin Thế Tôn rủ lòng thương xót nhận lời thỉnh cầu của kẻ hèn này ở lại trong cung ba tháng.

Phật bảo:

–Chúng sinh đau khổ đáng thương, nếu ở đây ba tháng thì lúc nào sẽ cứu khổ cùng khắp cho chúng sinh? Đã vô số kiếp, ta chịu khổ để cầu đạo là vì các chúng sinh. Nguyện cầu thành Phật, dùng thuốc cam lồ ban cho chúng sinh, nay nguyện đã thành. Ví như có người điều chế thuốc hay muốn cứu chữa mọi bệnh tật. Nhưng khi gặp phải người bệnh lại làm trái bản

nguyện, không chịu cho thuốc tức chẳng phải lương y. Nếu bên bờ sông, thấy người bị trôi, mà không cứu vớt thì chẳng phải hiền nhân. Nếu ở đồng trống thấy người lạc đường, không chỉ dẫn đường thì chẳng phải người hiền. Ta dùng đại Bi thương xót tất cả chúng sinh nên du hóa khắp các nước, huyện, ấp, thôn, xóm để cứu chúng sinh đau khổ, trao thuốc cam lồ làm cho người không nương tựa thì được nương tựa, người không quy y thì được quy y.

Nhà vua lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn thương xót nhận lời ở lại hai tháng.

Đức Phật vẫn không nhận lời.

Nhà vua lại quỳ gối chắp tay, rơi lệ, tha thiết cầu khẩn bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Mạng người khó bảo tồn, giống như thắp đèn ngoài đồng trống, gặp gió vô thường chốc lát liền tắt. Nay cách xa Phật, thì lúc nào chúng con sẽ được chiêm ngưỡng tôn nhan. Hạnh phúc thay cho chúng con xin Ngài hứa ở lại hai tháng.

Đức Phật không nhận lời.

Nhà vua liền lạy xuống dưới chân Phật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn mở lòng đại Từ bi cùng với chúng đệ tử hứa ở lại một tháng.

Đức Thế Tôn không đành lòng, liền nhận lời.

Vua liền đứng dậy, vui lòng cung kỉnh đi nhiễu Phật ba vòng rồi đảnh lễ tạ từ. Trở về cung, nhà vua ra lệnh nhà bếp làm đủ trăm món thức ăn thơm ngon hảo hạng, hương vị ít có. Trong cung luôn bố thí tràng phan, bảo cái, lụa là năm màu, giường ghế bảy báu, đồ nằm mềm mại, quét dọn sửa soạn, dùng nước hương rưới trên mặt đất, hoàn tất mọi việc. Sáng sớm ngày mai đúng giờ, nhà vua đến chánh điện đảnh lễ Đức Thế Tôn, xông hương quỳ lạy bạch Phật:

–Xin Đấng Thiên Trung Thiên biết thời, nguyện cùng đại chúng xoay chuyển thần quang đến trong cung dùng bữa cơm thô sơ.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bảo các đệ tử đắp y ôm bát đến nơi vua thỉnh. Khi Phật và Thánh chúng vừa mới đến, nhà vua ra tận ngoài cửa cung với hương hoa âm nhạc nghênh đón Phật cùng Thánh chúng vào đúng chỗ ngồi. Vua tự dâng nước và trăm món thức ăn thơm ngon tinh khiết, khắp đại chúng đều bình đẳng như nhau. Ngày ngày cúng dường các thứ cần dùng ăn uống, đồ nằm, thuốc men, nhà vua ra lệnh cho ngoài cung sửa sang đường sá, trồng bảy hàng cây từ đường lộ cho đến sông nước, sắm sửa màn

che, giường nằm, tòa ngồi đều được trang trí cờ, lọng giống như con đường ở cõi trời, lại làm năm trăm lọng bằng bảy báu.

Nước Tỳ-xá-ly nghe Phật sắp đến cũng san bằng các đường, trồng bảy hàng cây, dùng màn che trên giường tòa. Quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ đều theo đại chúng đi sang Vương xá nghênh đón Phật.

Một tháng đã qua, Đức Phật cùng Thánh chúng ra khỏi cung lên đường. Vua cùng dân chúng dùng hương hoa tung rải cúng dường Phật. Hoa rải phủ khắp mặt đất. Đại chúng vân tập như nước mùa thu mênh mông giữa biển cả. Nhà vua đem ngọc minh nguyệt, lọng bảy báu dâng lên cúng dường che mát Thế Tôn. Đức Phật cùng đại chúng theo hướng mà đi đến bên bờ sông, vua cúng dường Phật năm trăm lọng bảy báu. Long vương ở biển cũng cúng dường Phật năm trăm lọng bảy báu. Các loài rồng cũng đều cúng dường Phật năm trăm lọng bảy báu. Lúc ấy, trời Đế Thích cũng dẫn chúng chư Thiên cúng dường Phật năm trăm lọng bảy báu. Dân chúng Tỳ-xá-ly nghênh đón Phật với đồ trang sức rất đẹp đẽ: Ngựa xanh, xe xanh, lọng xanh, phướn xanh, đồ trang sức đều xanh; ngựa đỏ, xe đỏ… đồ trang sức đều đỏ; ngựa vàng, xe vàng… đồ trang sức đều vàng; ngựa trắng, xe trắng… đồ trang sức đều trắng; ngựa đen, xe đen… đồ trang sức đều đen. Các màu sắc rất đặc biệt nối tiếp nhau vô số. Nhìn thấy từ xa, Đức Phật bảo các đệ tử:

Muốn biết Thiên đế du hành thì xem oai nghi như vậy.

Nước Tỳ-xá-ly đem năm trăm lọng bảy báu đến chỗ Phật để nghênh đón. Khi đến nơi, họ liền bạch Phật:

–Phật Thiên Trung Thiên dùng lọng báu che mát thế gian. Xin Thế Tôn nhận vật cúng dường này.

Đức Phật nhận lấy rồi lưu lại một cái.

Lúc ấy, đại chúng thắc mắc không hiểu đời trước Thế Tôn hành thiện tích đức gì mà này được phước báu này? Rồng biển, rồng sông, trời Đao-lợi, nước Tỳ-xá-ly, vua La-duyệt-kỳ đều cúng dường lọng bảy báu cùng lúc đến vân tập? Và lại không hiểu vì sao Đức Phật lưu lại một cái lọng báu?

Biết chúng hoài nghi, Tôn giả A-nan quỳ gối chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại chúng đều hoài nghi: "Hôm nay do đâu mà có hai ngàn năm trăm lọng bảy báu cùng lúc đem đến cúng dường Thế Tôn? Là do phước báu làm việc thiện ở đời trước chăng? Hay là do phước đức hiện tại?" Xin nguyện Thế Tôn giải quyết lòng nghi cho đại chúng.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Này A-nan! Hãy lắng lòng nghe! Bây giờ Thế Tôn sẽ giải quyết sự thắc mắc của đại chúng.

Vô số kiếp về quá khứ có Chuyển luân thánh vương tên là Ma Điều làm chủ bốn cõi. Vua có ngàn người con và bảy báu luôn theo bên mình. Người con út thấy lọng bảy báu hầu bên vua, trở về hỏi mẹ:

–Lúc nào con sẽ được lọng báu hầu bên mình?

Mẹ đáp:

–Này hài nhi, trong ngàn người con của vua, con là người nhỏ nhất. Nếu không có đại vương thì thái tử thừa tự. Nếu thái tử băng hà thì người kế tiếp sẽ thừa tự, lần lượt một ngàn người nối dõi như vậy, đến lúc con già yếu cũng chưa mong được lọng báu.

Lại hỏi:

–Không có mong được lọng báu chăng? Con nghe chết rồi hình hài sẽ hư hoại song phước nghiệp đời trước luôn theo mình nên lòng rất lo sợ. Tuy nhiên con người sinh ra ở đời tất phải có chết. Vậy xin mẹ cho phép con xuất gia học đạo.

Người mẹ rất thương con nên không muốn làm trái ý nguyện của con, liền bảo:

–Mẹ cho phép con xuất gia nhưng với một điều kiện: Sau khi thành đạo rồi, con phải trở về thăm mẹ.

Đáp:

–Con xin vâng theo lời mẹ, lúc thành đạo con sẽ trở về.

Người con đi vào rừng rậm, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, ở chỗ thanh vắng tu hành, tinh tấn không lười biếng, dứt hết phiền não thành bậc Duyên giác. Sau đó, vị này du hành các nước, huyện, ấp, thôn, xóm, cứu độ chúng sinh, gieo trồng căn lành, chợt nhớ lời mẹ dạy, liền bay lên hư không giống như chim nhạn chúa, trở về nước mình vào cung gặp mẹ. Khi ấy, mọi người lớn, nhỏ trong cung thấy thần thông của đạo sĩ đều rất vui mừng. Tám vạn bốn ngàn thể nữ ở cung vua thỉnh ngài ở lại. Đạo sĩ nhân từ không làm trái sự thỉnh cầu, liền nhận lời của họ. Các thể nữ làm nhà tranh ở vườn sau cung rồi ở trong đó, đem cung điện cúng dường cùng với y phục, giường nệm, thuốc thang cần dùng và sớm tối lễ bái.

Tất cả thế gian, trai tráng rồi cũng già đi, khỏe mạnh rồi cũng bệnh tật, sinh đều phải chết. Lúc ấy, ở vườn cung vua, Bích-chi-phật xả bỏ thân mạng. Các thể nữ trong cung dùng củi, dầu, hương, hoa để trà tỳ, làm lễ cúng dường, thâu lấy xá-lợi, xây tháp, sớm tối lễ bái và thường xuyên đốt

đèn xông hương.

Bấy giờ, Đại thiên vương tuần du khắp bốn cõi trở về đến sau vườn thấy có tháp này liền quay lại hỏi cận thần:

–Do đâu có tháp này?

Thể nữ đáp:

–Đây là người con nhỏ nhất của Thánh vương xuất gia học đạo, viên tịch ở đây nên xây tháp này.

Nhà vua hỏi:

–Là con của ai? Vì sao xuất gia?

Liền gọi người mẹ đến rồi hỏi:

–Là con của ái khanh?

Đáp:

–Tâu đại vương! Đúng là con của thần thiếp.

–Vì sao xuất gia học đạo?

–Trước đây, hài nhi thấy đại vương đi tuần du liền về hỏi: "Lọng bảy báu của phụ vương không biết lúc nào con có được nó." Thần thiếp trả lời: "Thái tử là người nối dõi, thừa tự Thánh vương, lần lượt truyền qua một ngàn người kế vị. Đến lúc con già yếu cũng không có hy vọng được lọng báu." Hài nhi thưa với thần thiếp: "Đau buồn thay, con rất sợ chết, xin mẹ cho con xuất gia." Thiếp liền cho phép. Đến khi thành đạo, thần thiếp và mọi người thỉnh ở trong cung cúng dường đến lúc qua đời mới xây tháp này.

Nhà vua hỏi:

–Vì lọng báu nên hài nhi xuất gia hành đạo?

Đáp:

–Tâu đại vương! Đúng vậy.

Nhà vua thương xót người con mình không có được lọng báu nên xuất gia học đạo đến lúc mạng chung. Lúc sống, không có được lọng báu nên nay vua liền dùng lọng báu đem che trên tháp. Do đó, nhà vua phát nguyện: "Nay đem lọng báu này che tháp bậc đắc đạo, do phước báu ấy nguyện thành Phật đạo cứu độ chúng sinh thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết. Nhà vua lo sợ, khi biết rõ thế gian vô thường, không sao thoát khỏi cái chết. Nên liền lập thái tử kế tự. Vua bỏ lại bốn cõi nước, bảy báu, ngàn người con, tám vạn bốn ngàn hậu cung thể nữ rồi cạo bỏ râu tóc, làm bậc Sa-môn, ở chỗ thanh vắng học đạo, tu bốn tịnh hạnh Từ, Bi, Hỷ, Xả. Nhờ vậy, sau khi băng hà, nhà vua được sinh lên cõi trời.

Bấy giờ, Đức Phật bảo đại chúng:

–Ý các ông nghĩ sao? Vị vua ấy là người khác chăng? Vị vua ấy không phải người nào khác mà chính là thân ta hiện nay. Lúc ấy, ta dùng một cái lọng báu che trên tháp bậc Duyên giác. Do phước báu này bây giờ được làm Chuyển luân vương. Trong vô số kiếp được làm Thiên vương hơn hết thế gian, thọ phước vô lượng. Nhờ phước của một cái lọng còn lại Ta được làm Chuyển luân vương trong hai ngàn năm trăm năm và làm chủ bốn châu thiên hạ.

A-nan lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Thế Tôn không thọ nhận một cái lọng báu?

Phật bảo:

–Do trong một đời ta được phước báu làm Chuyển luân vương cho nên xả bỏ một cái lọng báu. Nhờ phước báo bố thí này nên đời sau những người đệ tử, học sĩ, học nữ, nghe pháp của ta đều được đầy đủ y phục, ẩm thực, giường nệm, thuốc thang.

Quá khứ chư Phật, lúc pháp diệt tận có người học đạo nào hoặc vì sợ hãi, hoặc vì nghèo khó không được học đạo trong thời mạt pháp, mạt thế đó thì nên ở trong giáo pháp của ta xuất gia học đạo, mặc pháp phục, tôn xưng Đức Phật làm Thầy. Những người nuôi dưỡng vợ con này còn được người đời cúng dường huống nữa là người tinh tấn tu tập, phụng trì cấm giới, giữ gìn tịnh hạnh cho đến lúc pháp của ta diệt tận mà không được cúng dường chăng?

Khi ấy, vua nước La-duyệt-kỳ truyền lệnh cho dân chúng làm cầu trên sông để Đức Phật và Thánh chúng vượt cầu sang sông.

Vua nước Tỳ-xá-ly cũng làm cầu muốn Phật đi qua.

Các loài rồng ở dưới nước theo thứ tự nối đuôi nhau làm thành cầu, thỉnh Phật qua sông.

Bấy giờ, Đức Phật suy nghĩ: "Nếu ta sang sông bằng chiếc cầu của nước La-duyệt-kỳ làm thì sợ nước Tỳ-xá-ly và các loài rồng buồn lòng; nếu Ta sang sông bằng chiếc cầu của nước Tỳ-xá-ly làm thì sợ vua A-xà-thế và các loài rồng buồn lòng. Nếu đi qua bằng cầu rồng thì sợ hai vua đều buồn." Đức Phật lại suy nghĩ: "Nay Ta sẽ phân thân làm cho ba chiếc cầu đều có Phật đi qua."

Đức Phật bước sang cầu. Vua A-xà-thế cùng với muôn ức chúng sinh tùy tùng đều dùng hương hoa, trân bảo, âm nhạc cúng dường Đức Phật và Thánh chúng. Vua cùng các quần thần và tất cả đại chúng nhiều đến muôn

ức đều đảnh lễ Phật, năm vóc sát đất, sám hối lỗi lầm, bùi ngùi tiễn Phật.

Đức Phật hiện thần thông làm cho ở trên hai chiếc cầu của vua Tỳ-xá-ly và của loài rồng đều có Phật cùng Thánh chúng, trời, rồng, quỷ thần vượt qua sông. Vua nước Vương xá, vua Tỳ-xá-ly và các loài rồng đều tự thấy trên chiếc cầu mình làm có Đức Phật cùng đại chúng đi qua. Mọi người đều không biết được Đức Phật lại ở trên chiếc cầu khác chỉ thấy Phật lên cầu mình sang sông.

Đức Phật vừa sang đến bờ bên kia liền thấy trong thân của tám vạn bốn ngàn ngạ quỷ bốc ra khói lửa. Bấy giờ, trong chúng có vị chưa đắc đạo thấy ngọn lửa này đều khiếp hãi: "Lửa gì mà dữ dội vậy? Giống như một núi lửa." Họ thấy ngọn lửa lớn này, có người đến gần lửa, có người tránh xa lửa. Tôn giả A-nan biết được tâm niệm của mọi người liền quỳ gối, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Thiên Trung Thiên, chí tôn chí kính! Từ cõi trời cho đến thế gian, Thế Tôn là bậc tôn quý nhất, tất cả chúng sinh thấy ngọn lửa này đều rất sợ hãi. Đây là lửa gì? Xin Phật nói rõ những ngọn lửa này cho chúng sinh biết.

Phật bảo A-nan:

–Những loài ngạ quỷ này, đời trước không gặp Phật, không nghe Pháp, không gặp Tỳ-kheo Tăng cũng không biết thế gian có tội, phước nên sinh làm ngạ quỷ.

Bởi vậy, nay gặp Thế Tôn chúng đều vội chạy đến lạy sát xuống đất, quỳ gối, chắp tay bạch Phật:

–Phật Thiên Trung Thiên! Đấng chí tôn chí kính trong thế gian này. Phật thương yêu tất cả chúng sinh từ lớn chí bé, thậm chí ngay cả loài côn trùng. Phật là bậc cha mẹ của tất cả chúng sinh. Nay con đọa làm ngạ quỷ, xin Phật độ thoát cho con, vì con cũng như tất cả các loài chúng sinh khác.

Đức Phật biết rõ nghiệp đời trước ngạ quỷ đã gieo trồng nhưng vì tất cả chúng sinh nên hỏi ngạ quỷ:

–Đời trước ngươi đã làm gì mà nay đọa vào loài ngạ quỷ?

Ngạ quỷ thưa:

–Trước đây, tuy con gặp Phật nhưng không biết có Phật, tuy gặp Pháp mà không biết có Pháp, tuy gặp Tỳ-kheo Tăng mà không biết có Tỳ-kheo Tăng. Con cũng không tạo phước và bảo người khác đừng làm phước con thường nói: "Làm phước có được phước gì? Không làm phước mắc phải tội gì?" Thấy người khác làm phước, con thường cười chê. Ngược lại, thấy

ai tạo tội, con thường sinh tâm vui mừng.

Phật hỏi ngạ quỷ:

–Từ khi sinh làm ngạ quỷ đến nay đã trải qua bao nhiêu trăm năm?

Ngạ quỷ đáp:

–Con sinh trong loài ngạ quỷ đã bảy vạn năm.

Phật hỏi ngạ quỷ:

–Sống trong bảy vạn năm, ngươi ăn uống những gì? Và làm gì để ăn uống?

Ngạ quỷ thưa:

–Đời trước, con đã gieo trồng việc ác nên nay gặp được ít nước liền không thấy được. Con đến sông ngòi, biển cả, thì bị quỷ thần, rồng, La-sát đuổi đi và nói: "Đời trước ngươi làm việc ác, nay vì sao đến gần sông, biển này?" Dù gặp lúc rồng phun mưa khắp trời đất, nước mưa vừa được thấm trên thân thì thành sỏi, đá, cát nóng. Hoặc gặp hầm lửa liền bị rơi vào.

Phật hỏi ngạ quỷ:

–Trong bảy vạn năm, thức ăn uống từ đâu đem đến?

Ngạ quỷ đáp:

–Hoặc có cha mẹ bà con ở đời gọi tên chúng con: Kẻ có tạo phước liền được một ít thức ăn, còn kẻ không tạo phước thì không được ăn uống.

Ngạ quỷ chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Xưa nay con đói khát, cúi xin Đức Phật Thiên Trung Thiên thương xót tất cả chúng sinh, bây giờ ban cho ngạ quỷ một ít thức ăn uống.

Phật bảo A-nan lấy bát múc nước đem cho ngạ quỷ. A-nan liền cầm bát múc nước đem cho ngạ quỷ.

Ngạ quỷ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Một bát nước này không no đủ cho một người huống chi chúng con có đủ tám vạn bốn ngàn.

Phật liền bảo ngạ quỷ:

–Tám vạn bốn ngàn ngạ quỷ hãy đem bát nước ấy thành tâm dâng cúng Đức Phật cùng các đệ tử.

Tám vạn bốn ngàn ngạ quỷ liền nhận lấy bát nước quỳ xuống dâng cúng và cùng nhau thưa:

–Do đời trước con không bố thí nên phải sinh vào loài ngạ quỷ. Nay con không có gì chỉ đem bát nước này dâng cúng Đức Phật và các đệ tử,

khiến cho ngạ quỷ chúng con nhờ công đức này mà được xa lìa ba đường ác, đời sau sinh ra được gặp Thế Tôn.

Ngạ quỷ dâng nước cho Tôn giả A-nan, A-nan dâng nước lên Đức Phật. Đức Phật thưởng thức một hớp rồi chuyển sang cho một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử, mỗi vị đều thưởng thức một hớp. Khi ấy, Đức Phật bảo ngạ quỷ:

–Bây giờ, các ngươi có thể đi vào sông, biển để uống nước và tắm rửa.

Tuy nhiên khi các ngạ quỷ đến thì loài rồng và quỷ thần đều ngăn cản, không cho uống nước và tắm rửa. Đức Phật hỏi các quỷ thần và loài rồng:

–Nước nhiều vô cực, vì sao luyến tiếc?

Loài rồng và quỷ thần thưa:

–Chúng con không tiếc nước này, chỉ vì ngạ quỷ không sạch.

Phật bảo:

–Từ vô số kiếp đến nay, các ngươi cũng đã làm thân ngạ quỷ. Nước thì nhiều vô cực mà các ngươi luyến tiếc nên đời sau phải làm thân này. Bọn chúng do keo kiệt nên sinh làm ngạ quỷ.

Loài rồng cùng quỷ thần nghe lời Phật dạy đều trở về biển cho phép các ngạ quỷ tự do uống nước tắm rửa. Ngạ quỷ uống nước no đủ, tắm rửa xong trở về đi vòng quanh Phật ba vòng rồi đảnh lễ, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Đấng Thiên Trung Thiên! Phật là Bậc Tôn Sư biết rõ quá khứ và tương lai. Vậy cúi xin Phật bảo cho chúng con biết, khi nào chúng con mới thoát khỏi thân ngạ quỷ này?

Phật dạy:

–Đời sau, lúc Phật Di-lặc xuất hiện, con người sống đến tám vạn bốn ngàn năm, sau khi mạng sống đã tận, các ngạ quỷ này nhờ cúng dường một bát nước nên được làm thân người, đều đắc quả A-la-hán.

Đại chúng nghe Đức Phật dạy về công đức của người bố thí đều đắc đạo chánh chân. Tất cả ngạ quỷ đi vòng quanh Đức Phật ba vòng, đảnh lễ rồi lui ra.

Vua cùng quần thần, trưởng giả, cư sĩ và vô số dân chúng nước Tỳ-xá-ly đảnh lễ dưới chân Phật, năm vóc sát đất xin quy y Tam bảo rồi dùng hương hoa, âm nhạc, bảo cái, tràng phan nghênh đón Phật. Những người ấy rãi hoa phủ khắp mặt đất. Ngày ngày họ đều đi đến cung thành để cúng dường Đức Phật cùng Thánh chúng. Khi ấy trời, rồng, quỷ thần cũng đều

đi đến cửa thành. Phật dùng tay phước tướng kim sắc chạm vào chốt cửa thành, dùng tám loại tiếng Phạm âm thanh tịnh mà nói kệ:

Tất cả loài chúng sinh
Ở trong cõi giới này
Đi, đứng trên mặt đất
Và ở trong hư không
Từ bi với chúng sinh
Khiến chúng được an lạc
Ngày đêm thường tinh tấn
Phụng hành các thiện pháp.

Đức Phật nói kệ xong, sáu cõi đều chấn động mạnh. Phật liền đi vào thành. Quỷ thần trên không trung bay lên hư không rồi giải tán. Quỷ thần ở mặt đất, tranh nhau vượt thành ra ngoài. Lúc ấy, trong thành các thứ bất tịnh, ô uế ẩn xuống mặt đất. Hầm hố, sông ngòi, các chỗ cao thấp đều bằng phẳng. Người đui được thấy, kẻ điếc được nghe, người câm nói được, người què đi được, người điên được tỉnh táo, người bệnh được lành mạnh. Các loài súc vật như voi, ngựa, bò,… đều trở nên thương yêu lẫn nhau. Các loại nhạc cụ không đánh tự vang âm thanh hòa hợp. Các thứ chuỗi ngọc của phụ nữ chạm nhau vang lên âm thanh vi diệu. Các loại bình, lọ tự nhiên phát ra âm thanh nhu nhuyến, hài hòa, diễn pháp âm vi diệu. Của báu ẩn trong mặt đất tự nhiên xuất hiện. Tất cả chúng sinh giống như gặp thời nóng khát được nước mát mẻ, tắm rửa, uống nước, an ổn nghỉ ngơi. Cũng như vậy, tất cả các bệnh tật trong thành đều được thoát khỏi.

Phật cùng đại chúng đi ra ngoài thành rủ lòng đại bi muốn cho chúng sinh được sự ủng hộ lớn liền đi vòng quanh thành, qua mỗi cửa thành đều chú nguyện, diễn thuyết diệu pháp, trừ diệt tai ách đạt được sự an lành, trừ diệt tai hoạn, bệnh dịch cả nước đều được bình an.

Bấy giờ, Tài Minh đảnh lễ dưới chân Phật rồi quỳ gối chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn rủ lòng Từ bi vì tất cả chúng sinh, sáng ngày mai cùng với đại chúng quang lâm đến nhà con dùng bữa cơm đạm bạc.

Đức Phật im lặng nhận lời. Tài Minh vô cùng vui mừng, đi quanh bên phải ba vòng đảnh lễ Phật rồi lui ra. Sau khi trở về nhà, ông bày biện trăm món ăn nước uống thơm ngon, tinh khiết, sắc đẹp, vị ngon. Trong nhà được trang trí lọng lụa, tràng phan, giường, tòa đẹp đẽ, rải nước hương trên mặt đất, đốt trầm, tung hoa, bày biện để cúng dường. Tài Minh liền đến chỗ Đức Phật, xông hương quỳ gối thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đã đến giờ xin Thế Tôn giáng thần quang lâm.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy các đệ tử đắp y, ôm bát đi đến nhà trưởng giả Tài Minh thọ thực. Đến nơi, Tài Minh cung kính đón rước, rải hương hoa, tấu nhạc thỉnh Phật vào nhà. Đức Phật cùng Thánh chúng theo thứ tự vào chỗ ngồi.

Lúc ấy, Tài Minh cầm bình vàng, cúi mình dâng nước rửa rồi tự tay dâng cúng thức ăn theo thứ tự trên dưới đều bình đẳng. Sau khi Đức Tôn Sư và Tăng chúng thọ thực xong, Tài Minh lại bưng nước ra cho chư vị tráng bát và uống rồi ông chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn rủ lòng Từ bi nhận lời thỉnh cầu ở lại nhà con thọ thực ba ngày nữa.

Đức Phật im lặng nhận lời.

Lúc ấy Tài Minh cúng dường Phật và chúng Tăng các món ăn thơm ngon, tinh khiết như ngày đầu. Bốn ngày đã trôi qua, Tài Minh đem tấm dạ kim sắc giá trị mười vạn tiền dâng cúng Thế Tôn, dùng tấm dạ giá trị chín tiền vạn dâng cúng thượng tọa kế tiếp, lần lượt như vậy cho đến vị nhỏ nhất được dâng cúng tấm dạ giá trị một vạn.

Phu nhân trưởng giả liền đứng dậy đảnh lễ, quỳ gối, chắp tay bạch Phật:

–Xin nguyện Đấng Thiên Trung Thiên Từ bi thương xót chúng sinh, lưu lại thần quang nhận lời thỉnh cầu của tiện nữ ở đây thêm bốn ngày.

Đức Phật im lặng nhận lời.

Phu nhân cúng dường các món ăn thơm ngon, tinh khiết từ ngày đầu cho đến ngày cuối đều như nhau. Trải qua bốn ngày, lại dùng tấm dạ giá trị mười vạn tiền dâng cúng Thế Tôn, kế đến là tấm dạ chín vạn, vị nhỏ nhất được dâng cúng tấm dạ giá trị một vạn.

Khi ấy, con của Tài Minh đi đến chỗ Phật, quỳ gối, chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nhận lời cha mẹ con ở lại thọ thực mỗi vị bốn ngày, xin Thế Tôn rủ lòng Từ bi thương xót nhận lời thỉnh của con ở lại bốn ngày.

Đức Phật cũng nhận lời.

Trong bốn ngày, con của trưởng giả cung kính cúng dường các món ăn hảo hạng. Giống như cha mẹ, người con dùng tấm dạ giá trị mười vạn dâng cúng Thế Tôn, vị kế tiếp được cúng tấm dạ giá trị chín vạn, vị nhỏ nhất được dâng cúng tấm dạ giá trị một vạn.

Vợ của người con lại quỳ gối bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã mở rộng lòng Từ bi thọ nhận sự cúng dường của cha mẹ chồng và chồng con. Xin Thế Tôn cũng chấp nhận cho con được cúng dường bốn ngày như vậy.

Đức Phật cũng nhận lời.

Con dâu trưởng giả cũng bày biện các món ăn hảo hạng như trước cho đến bốn ngày, cũng dùng tấm dạ kim sắc giá trị mười vạn tiền dâng cúng Đức Phật, vị kế đến được cúng tấm dạ giá trị chín vạn tiền, vị nhỏ nhất được dâng cúng tấm dạ giá trị một vạn.

Cúng dường xong, cả nhà từ lớn đến nhỏ đều ngồi trước Đức Phật lãnh thọ lời dạy bảo. Đức Phật trùng tuyên, diễn giảng về bốn Đế (*Khổ, Tập, Diệt, Đạo)* và tám Thánh đạo khiến cho cả nhà, đoạn trừ phiền não và hai mươi hai kết sử và đều chứng quả Tu-đà-hoàn.

Nhà vua, đại thần, trưởng giả, cư sĩ cùng toàn thể dân chúng nước Tỳ-xá-ly đều suy nghĩ: "Đức Phật đến nước này chỉ vì một gia đình Tài Minh chăng?" Do đó họ sinh tâm bực bội liền dùng các phương tiện voi, ngựa, xe… hoặc đi bộ đến nhà Tài Minh. Đến nơi họ muốn xông thẳng vào nhà để gặp Thế Tôn. Lúc ấy, dân chúng hô hào, âm thanh vang dội. Đức Phật biết rõ sự việc mà vẫn cố hỏi A-nan:

–Bên ngoài vì sao ồn náo?

A-nan thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vua Tỳ-xá-ly cùng đại thần, trưởng giả và mọi người từ trẻ đến già ở trong nước đều buồn lòng vì Đức Thế Tôn đến nước này, Tài Minh thỉnh Thế Tôn ở mãi nhà ông ta đến mười sáu ngày, ngoài ra chẳng ở nhà nào khác. Do đó họ buồn giận nên tập trung đến đây muốn gặp Thế Tôn.

Phật bảo:

–A-nan! Ông ra ngoài an ủi mọi người: "Chớ có buồn giận, muốn gặp Thế Tôn thì xin mời vào."

A-nan vâng lệnh đi ra ngoài an ủi họ rồi mời tất cả vào nhà.

Nhà vua, đại thần cùng mọi người nghe lời Phật chỉ dạy, dứt sạch tâm buồn giận như mưa lâu thấm ướt đất, liền vào gặp Phật, năm vóc gieo xuống đất, đảnh lễ dưới chân Phật. Đại chúng nhiều vô số, nhà của trưởng giả không dung chứa hết nên phải đứng bên ngoài. Vì lòng Từ bi thương xót họ, Đức Phật hóa nhà Tài Minh làm bằng lưu ly thông suốt trong ngoài đều được nhìn thấy.

Lúc ấy, Tài Minh sắp đặt giường tòa trải đệm dệt bằng lông, soạn đủ

các món thức ăn: Ông lấy thủy tinh, lưu ly và các thứ báu bằng vàng, bạc dùng làm đồ dùng.

Đại chúng ăn xong, Tài Minh thưa:

–Phật và các khách quý vất vả đến đây, con nguyện dâng cúng bữa cơm đạm bạc và các vật dụng giường tòa…

Bấy giờ, đại chúng ai nấy đều kinh ngạc và cùng khen ngợi trưởng giả Tài Minh có danh tiếng thật không hổ danh, có phước tương xứng, mở hội bố thí, dâng cúng vật báu cùng khắp. Của báu trong nhà nhiều vô số kể. Bốn bộ đệ tử cùng đại chúng đều thắc mắc trong lòng: "Không biết trưởng giả Tài Minh đã có công đức gì mà thỉnh Phật cùng đại chúng để cúng dường đến mười sáu ngày và còn dâng hiến cho vua, quan, dân chúng khắp cả một nước đều được vật báu và thức ăn ngon lành. Đó là do phước đời trước hay là đức đời nay?"

Tôn giả A-nan biết được tâm thắc mắc của chúng hội liền đứng dậy, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trưởng giả Tài Minh đã gieo trồng đức gì ở trong ruộng phước nào? Gặp được bậc minh sư nào để thọ nhận lời giáo huấn mà ngày nay được phước báu như bóng theo hình, giàu có vô cùng, tâm sáng suốt, hạnh thanh tịnh như nước cam lồ? Xin nguyện Thế Tôn giảng thuyết về hạnh nguyện ấy để trừ sạch lòng nghi của hội chúng.

Đức Phật bảo A-nan và đại chúng:

–Các ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, nay ta sẽ giải trừ lòng nghi của các ông.

Xưa kia, có môt thành tên là Ba-la-nại. Cách thành này không xa có một ngọn núi tên là Tiên cư *(nơi của các bậc Thánh nhân).* Ao nước, rừng cây, hoa quả trong núi ấy xanh tươi, mát mẻ vô cùng, gặp lúc có Phật thì Phật cùng các đệ tử ở trong đó. Gặp thời không có Phật thì Duyên giác ở trong núi đó. Nếu không có Duyên giác thì thần tiên ngoại đạo ở trong đó. Ban đầu không có ai ở nên núi ấy gọi là Tiên cư.

Bấy giờ, có bậc Duyên giác đang ở trong núi. Sáng sớm thức dậy, đánh răng, rửa mặt, tắm rửa mặc y ôm bát ra khỏi núi đi khất thực. Trên đường đi chưa đến xóm làng, vị Duyên giác gặp phải trận mưa gió lớn. Cách đường không xa, có vườn cây ăn trái của triều đình. Trong vườn cây có người coi giữ. Bấy giờ, đạo sĩ trông thấy khói liền đi đến vườn cây, nói với người chủ vườn rằng mình đi giữa đường gặp phải mưa gió, xin phép được vào nhà để xin lửa hong y. Người giữ vườn liền mời vào, lấy củi đốt lửa để ngài hong y. Y khô, thân thể ấm áp, mưa gió đã tạnh, ngài liền đắp

y muốn đi thì người giữ vườn hỏi:

–Thưa đạo sĩ! Ngài muốn đến đâu?

Đáp:

–Tất cả chúng sinh đều nhờ cơm áo để nuôi thân mạng. Ta ở nhà học đạo tự đi khất thực để sinh sống. Nếu không được thức ăn thì thân thể suy yếu các căn không định, không thể tư duy về đạo.

Quan giữ vườn thưa:

–Nhà con nghèo khó, ăn uống thô sơ đạm bạc. Nếu ngài chịu thọ nhận thì xin ngài ở lại đây chớ đi đâu nữa.

Vị Duyên giác đáp:

–Người học đạo xin ăn không đắm trước vào hương sắc, mùi vị chỉ dùng để nuôi thân mạng mà thôi. Nếu tướng công đã hứa cúng dường thức ăn thì tôi xin ở lại.

Lúc đó, quan giữ vườn liền trở về nhà lấy thức ăn. Đến nhà, liền hỏi vợ:

–Cơm nước đã soạn xong chưa?

Đáp:

–Đã xong rồi.

Theo tục lệ trong nước của ông, mỗi khi dùng bữa, người ta thường phân thức ăn riêng dù là vợ chồng trong một nhà.

Do vậy, quan giữ vườn bảo vợ:

–Hãy đem phần ăn của ta đến đây. Hôm nay ta gặp một người khách quý. Ta muốn đem thức ăn này cúng cho ông ta.

Người vợ nói:

–Chàng là nam tử, làm việc cực nhọc, chịu đựng mưa nắng. Nếu như chàng không ăn thì không thể làm việc. Thiếp là phận đàn bà, ở nhà nhàn hạ nên có thể đem phần ăn của thiếp đến cho người khách kia.

Người con trai của ông ta lại nói:

–Cha mẹ tuổi đã già nên cứ ăn phần cơm của mình, còn phần cơm của con thì đem cho khách.

Người con dâu nói:

–Cha mẹ và chồng con đã hứa cho khách phần cơm. Con còn trẻ khỏe, chịu đựng được sự đói khát, xin lấy phần cơm của con đem cho khách dùng.

Quan giữ vườn liền nói:

–Các người đều có tâm tốt muốn bố thí. Vậy chúng ta có thể sớt bớt

phần cơm của từng người thì đủ để người khách dùng.

Sớt lấy phần cơm xong, ông ta lại nghĩ: "Y phục của đạo sĩ kia đã bị rách." Do đó ông hỏi vợ:

–Trong nhà có còn tấm y nào lành không?

Đáp:

–Trong nhà chỉ có một tấm y, phòng khi có khách để tiếp đón. Nếu đem cúng dường thì không còn tấm y nào nữa.

Ông ta liền nói:

–Do đời trước chẳng chịu bố thí nên đời nay chúng ta phải sống nghèo khổ không sung sướng bằng người. Nếu đời nay không biết bố thí thì lúc nào mới thoát khỏi cảnh bần cùng hạ tiện để được giàu sang. Phải biết cơm áo tự nhiên có được là đều do phước bố thí đời trước. Bởi thế ngày nay tiếp tục bố thí không có ngừng nghỉ. Hơn nữa, ta cũng không dùng tấm y đó để tiếp đón khách nữa.

Ông liền sửa sang y phục, đem cơm và tấm dạ ra. Cả nhà cùng đi đến chỗ đạo sĩ dâng cơm cúng dường. Đạo sĩ dùng xong, súc miệng, rửa bát sạch sẽ. Bốn người dâng y cúng dường Duyên giác. Nhận y xong, Duyên giác không thuyết pháp giáo hóa mà hiện thần thông làm cho mọi người an vui tỉnh thức, làm cho họ phát đạo tâm, rồi dạy bảo quan giữ vườn:

–Nhờ việc cúng dường đạo sĩ với tâm kiên cường dũng mãnh nên ông có thể phát nguyện rộng lớn.

Nói xong Duyên giác vụt lên không trung ngồi kết già, đi kinh hành, hiện hình Duyên giác khắp cả hư không rồi hiện các thứ thần biến, trên thân xuất ra nước, lửa; nước không dập tắt lửa, lửa không vượt qua nước. Làm đủ các việc biến hóa như vậy xong rồi nương theo hư không bay trở về núi Tiên cư.

Cả nhà quan giữ vườn đều hoan hỷ vui mừng, chắp tay làm lễ, tha thiết cầu nguyện, lạy sát xuống đất phát nguyện sâu rộng:

–Hôm nay, con đem phẩm vật bố thí đạo sĩ thần thánh, mong nhờ phước báu này mà được lìa ba đường ác: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nguyện sinh ra chỗ nào thường được gặp nhau, trời người đều được an vui, giàu có, đạo lực sáng suốt, được tiếp nhận vị cam lồ của bậc Thánh minh sư, hoặc gặp được bậc Minh sư có thần đức thù thắng.

Bấy giờ, Phật bảo đại chúng:

–Quan giữ vườn thời ấy, tức là Tài Minh. Vợ, dâu, con trai đều là những người này. Lúc ấy, họ một lòng tôn kính cúng dường Duyên giác.

Từ đó đến nay, trải qua chín mươi mốt kiếp, họ không sinh vào ba đường ác, được phước báo lớn trong cõi trời và thế gian, gia đình đoàn tụ không hề lìa nhau. Thuở đó, họ phát thệ nguyện: "Nguyện được vị cam lồ, đắc đạo giải thoát, gặp được minh sư". Nhờ vậy, cho nên hôm nay được gặp ta, thông hiểu tất cả và được pháp cam lồ vô hạn lượng như gặp minh sư đời trước.

Bấy giờ, đại chúng nghe Phật tuyên thuyết về công đức báo ứng đều rất hoan hỷ, tâm vui vẻ, ý thanh tịnh, xin quy y Tam bảo: Phật, Pháp, Thánh chúng dứt trừ phiền não hoặc thọ trì năm giới, hoặc xuất gia học đạo.

Lúc ấy trong hội chúng có bốn ngàn người chứng đắc các quả vị Đạo thích, Vãng lai, Bất hoàn, Vô trước. Vô số người, phát tâm Đại thừa, không còn thoái lui nữa.

Bấy giờ, Thế Tôn ra khỏi nhà ông ta, tất cả đại chúng đảnh lễ rồi lui ra. Phật cùng đại chúng đi đến tinh xá vườn cây của Nại nữ. Nại nữ nghe Phật cùng đại chúng đi đến vườn cây của mình nên rất vui mừng liền chuẩn bị xa giá cùng với người hầu đi đến vườn cây để diện kiến Phật. Đến nơi, đi ra khỏi xe báu như mây nổi sấm, cô ta vội bước vào vườn. Phục sức dung mạo của cô gái này đẹp đẽ lộng lẫy như chúa nữ ở cõi trời Cát-lợi, chư Thiên trong vườn đều quay lại nhìn.

Đức Phật thấy sự việc như vậy cho là ma sai đến phá hoại tịnh giới, định tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến nên liền dùng tiếng Phạm âm bảo các Sa-môn:

–Cô gái chủ vườn cây nại đi đến, các ông phải tự kiểm thúc tâm ý, cầm cung tinh tấn, cài sẵn mũi tên trí tuệ, mặc áo giáp thiền định, ngồi xe cấm giới chiến đấu với phiền não.

Các ông phải xét kỹ sự luống dối của nữ nhân như mạ một lớp vàng mỏng trên da, như ruồi nhặng che kín sự dơ dáy nhờ xương tủy nối liền với da thịt máu mủ; mắt chảy nước ghèn, thân thể chảy mồ hôi không được lau sạch.

Lại suy nghĩ: "Quán thân người nữ do ý mê hoặc sắc dục tạo nên. Quán sát bộ xương do gân nối lại với nhau nhờ vào máu thịt được che đậy bởi y phục, được trang sức bởi lụa là đủ màu. Giống như người họa sĩ dùng bùn đất dơ dáy đắp lên tương thân hình người nữ rồi tô vẽ đủ màu sắc *(cũng như vậy)*."

Phải nên hết lòng suy nghĩ để trừ diệt tâm dâm dục. Người muốn học đạo trước tiên phải điều phục tâm ý, sau đó mới được an lạc; nếu trước hết không biết điều phục tâm ý thì sau ăn năn không kịp, giống như bầy ngựa

lâm trận phải mất mạng. Nguyện và ý trái nhau quyết chắc không dược giải thoát. Cũng như người nhìn thấy sắc, tâm bị mê hoặc: Vô thường cho là thường, khổ nghĩ là vui, vô ngã chấp là ngã, bất tịnh tưởng là tịnh.

Người có tuệ giác đã hiểu rõ vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh nên thoát khỏi nạn sinh tử.

Đức Phật dạy các đệ tử phải cùng nhau thọ trì, nhất tâm phụng hành.

Nại nữ thấy Phật cũng như mặt trời ra khỏi đám mây mù, hào quang chiếu soi, cô ta liền phát tâm thanh tịnh, năm vóc gieo sát đất, đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên. Đức Phật dạy cô ta:

–Người nữ tâm ý buông lung hoặc đắm trước năm dục lạc. Ngươi có thể chế ngự tâm, quay đầu đến chỗ Phật, thọ nhận diệu pháp. Các ông là nam tử sao chẳng bỏ bớt phiền thọ nhận giáo pháp. Đây không phải là việc kỳ lạ.

Người nữ yếu ớt bị lưới trần phiền bao quanh, không nhận biết được pháp trọng yếu; tất cả thế gian, khổ, không, vô thường không thể nương tựa. Mạnh khỏe bị bệnh dần dần yếu đi, già rồi mất hết nhan sắc, chết cướp đi mạng sống, nguy hiểm xâm chiếm sự an ổn. Muốn xa lìa các hoạn nạn ấy phải chuyên tinh thọ trì giáo pháp, siêng năng tu tập, mới tránh khỏi khổ nạn ấy.

Người nữ hay ganh ghét, thích làm điều ác, cũng rất ưa chuộng việc ân ái. Phàm làm người nữ thường không xa lìa hai sự việc này. Vì vậy, người nữ phải siêng năng phụng hành theo giáo pháp mới có thể xa lìa sự oán ghét, biệt ly ân ái, không còn gặp phải sinh, già, bệnh, chết, các khổ não đều diệt tận.

Dâm nữ nghe Phật chỉ dạy những việc xấu xa, ô uế của người nữ rồi, lòng rất hổ thẹn liền đứng dậy quỳ gối, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn thương xót, cùng với Thánh chúng đến nhà con thọ thực.

Đức Phật im lặng nhận lời.

Lúc ấy, Nại nữ đảnh lễ rồi lui ra. Cô ta về nhà sắm đủ trăm món thức ăn thơm ngon tinh khiết, giăng lọng treo phướn, sắp đặt giường tòa, rải nước hương trên mặt đất, xông hương, tung hoa rồi đến chỗ quỳ gối thỉnh Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đã đến giờ, xin thỉnh Phật cùng đại chúng thương xót quang lâm.

Đức Phật cùng đệ tử đắp y, ôm bát đến nhà Nại nữ. Cô dùng hương

hoa, âm nhạc thỉnh Phật vào nhà. Phật cùng đại chúng theo thứ tự vào chỗ ngồi, rồi tự tay bưng nước, dâng thức ăn. Thọ thực, súc miệng xong, Đức Phật giảng dạy về phước báo của sự bố thí được trời người hoan hỷ. Phước báo đó chẳng bền lâu, khó tránh nguy hiểm, không thể nương tựa, chỉ có bốn Thánh đế, tám Thánh đạo mới đạt được an lạc lớn, mãi mãi không sầu lo, tâm luôn hoan hỷ, diệt trừ nghi ngờ, giải tỏa oán kết, đắc quả Tu-đà-hoàn.

Đại chúng thắc mắc không hiểu kiếp trước cô gái này tạo công đức gì mà nay được sinh ra với thân thể đoan chánh xinh đẹp cùng với vườn cây.

Biết được tâm nghi ngờ của đại chúng, Tôn giả A-nan quỳ gối bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại chúng ngồi ở đây đều thắc mắc "Cô gái này trước đây gieo trồng công đức gì, ở ruộng phước nào mà nay được gặp Thế Tôn, lãnh thọ giáo pháp vi diệu?"

Phật bảo A-nan:

–Đời quá khứ, vào thời Phật Ca-diếp, tuổi thọ của con người đến hai vạn tuổi. Lúc việc làm đã hoàn tất, Phật xả bỏ thân mạng. Bấy giờ, có vua Thiện Cảnh xây tháp bảy báu, cao một dặm để cúng dường xá-lợi. Tất cả chúng sinh đốt đèn, xông hương, lọng hoa đẹp đẽ cúng dường buổi lễ. Có một nhóm người nữ muốn cúng dường tháp nên cùng nhau quét dọn đất trên tháp. Bấy giờ có phân chó làm ô uế đất tháp, có một người nữ dùng tay bốc phân bỏ đi. Lại có một người nữ thấy cô ta dùng tay bốc phân chó liền khạc nhổ, cười chê: "Tay ngươi cầm đồ dơ không ai có thể gần gũi."

Cô gái kia mắng lại: "Người xấu xa như ngươi mới cầm dâm vật, còn tay ta dùng nước rửa liền được sạch sẽ." Phật là Bậc Đạo Sư của trời người, luôn tôn trọng tâm ý của muôn loài. Cô gái dùng tay trừ sạch bất tịnh, rồi liền rửa tay đi nhiễu quanh tháp cầu nguyện: "Ngày nay con quét dọn tháp, dọn dẹp các thứ ô uế, nguyện cho con đời sau được trừ sạch mọi sự khổ nhọc, được thanh tịnh không nhơ bẩn."

Những người nữ quét dọn tháp thời ấy, nay chính là những người nữ đang ở trong hội này. Cô gái quét dọn tháp cầu nguyện dứt sạch mọi sự khổ nhọc, được tiếp nhận vị cam lồ đã dùng tay bốc bỏ phân chó, nay chính là Nại nữ. Lúc ấy, cô ta cầu nguyện sinh ra được thanh tịnh, không tiếp xúc với ô uế, do phước báo này nên thường được hóa sinh chứ không nương vào bào thai dơ dáy để sinh ra.

Lúc ấy, cô ta đã dùng một lời ác mắng người kia là dâm nữ nên nay

mang danh là dâm nữ.

Đức Phật giảng rộng sự báo ứng về thiện ác, trời, người thế gian đều rất vui mừng. Chúng sinh trong ba đường ác lại được ăn uống, buồn rầu rơi lệ. Bấy giờ, hội chúng nghe lời Phật dạy đều quay về nương tựa Tam bảo: Phật, Pháp, Thánh chúng; diệt trừ ba nghiệp thân, miệng, ý; hành trì mười điều thiện, có vô số người đều ở nơi ba thừa, phát tâm Bồ-đề. Tất cả chúng sinh đều hoan hỷ, đi quanh Đức Phật ba vòng rồi làm lễ lui ra.

Bấy giờ Đức Thế Tôn quay trở về tinh xá.

-oOo-

SỐ 745

PHẬT THUYẾT TẠP TẠNG KINH

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn Pháp Hiển, người đất Bình Dương.

Các vị A-la-hán đệ tử Đức Phật mỗi vị đều có hạnh đệ nhất. Như Tôn giả Xá-lợi-phất là bậc trí tuệ đệ nhất, ưa thích giảng nói pháp vi diệu. Tôn giả Mục-kiền-liên là bậc thần thông đệ nhất, thường dùng thần thông đi đến sáu cõi xem xét chúng sinh đang chịu quả báo thiện ác để về kể lại cho mọi người cùng nghe.

Một lần đứng bên bờ sông Hằng, Tôn giả Mục-kiền-liên thấy năm trăm ngạ quỷ đang kéo nhau về phía sông, có con quỷ đứng giữa sông cầm gậy sắt xua đuổi khiến lũ quỷ kia không tới gần sông được. Khi ấy, lũ quỷ kia vội vàng chạy đến lạy sát chân Tôn giả Mục-kiền-liên để hỏi vì sao mắc tội như vậy.

Một con quỷ thưa:

–Bạch Đại đức! Từ khi mang thân này, con luôn luôn bị nóng bức, khát nước. Trước đây nghe nước sông Hằng trong mát và ngọt, con rất vui mừng liền tìm đến. Nhưng khi xuống tắm rửa thì sông hóa thành nước sôi khiến thân thể con bị nát nhừ. Nếu uống vào một hớp thì ngũ tạng con nóng rực, nát rã, hôi thối không chịu nổi. Vì nguyên do gì con mắc tội như vậy?

Tôn giả Mục-kiền-liên bảo:

–Do đời trước ngươi làm thầy xem tướng tốt xấu, ngươi ít chân thật lại nhiều dối trá, lúc khen lúc chê, tự cho mình bói đúng để làm xao động lòng người, còn dùng lời dối trá, mê hoặc mọi người để cầu lợi dưỡng, làm cho họ mất đi sự việc như ý. Vì nguyên do đó, nay dù nghe nước sông Hằng trong mát, ngọt nhưng ngươi không thể nào đến hưởng được. Đây là quả báo của việc làm ác, sau này sẽ bị khổ báo trong địa ngục.

Một con quỷ khác thưa:

–Bạch Đại đức! Con thường bị con chó to lớn nhe răng nanh, trợn đôi mắt đỏ ngầu chụp lấy ăn hết thịt chỉ còn lại bộ xương. Khi gió thổi đến, da thịt con trở lại như cũ rồi bị chó đến ăn tiếp. Vì lý do gì, con luôn chịu đau

khổ như vậy?

Tôn giả Mục-kiền-liên dạy:

–Người đời trước làm người cúng tế trời, thần, ngươi thường dạy bảo mọi người đến giết trâu bò lấy máu cúng tế, còn thịt thì ngươi ăn. Thế nên ngày nay, ngươi phải lấy thịt mình để đền trả. Đây là quả báo của việc ác, về sau sẽ bị khổ báo nơi địa ngục khổ gấp trăm ngàn lần như vậy.

Lại có một con quỷ đến thưa:

–Bạch Đại đức! Trên thân con dính đầy phân nhơ và con phải liếm ăn những thứ ấy. Vì lý do gì con mắc tội như vậy?

Tôn giả Mục-kiền-liên bảo:

–Đời trước, ngươi là Bà-la-môn theo tà kiến không tin tội phước, có người hành đạo đến khất thực, trong lòng không muốn vị ấy đến nữa nên ngươi lấy bình bát bỏ đầy phân nhơ, rồi dùng một ít cơm rải lên mặt, đưa cho vị ấy. Trở về chỗ cũ, đạo nhân bóc cơm ăn thì phân nhơ dính đầy cả tay. Vì nguyên do ấy, nay ngươi mắc tội như vậy. Đây là quả báo của việc làm ác, về sau sẽ bị khổ báo trong địa ngục.

Lại có một con quỷ khác đến thưa:

–Bạch Đại đức! Vì sao bụng con lớn như cái vò, tay chân, cổ họng thì nhỏ như cây kim, không sao ăn uống được?

Tôn giả Mục-kiền-liên bảo:

–Đời trước làm chủ trong một ngôi làng, tự ỷ mình sang giàu, tôn quý, nên ngươi mặc sức chè rượu ngang ngược, khinh thường mọi người. Ngươi cướp giật các thức ăn uống của họ, làm họ phải chịu đói khát. Vì nguyên do đó, nay ngươi phải mắc tội như vậy. Đây là hoa báo, về sau sẽ bị khổ báo trong địa ngục.

Một con quỷ khác thưa:

–Bạch Đại đức! Con thường chạy đến hố xí ăn phân nhơ nhưng bị lũ quỷ ngăn bắt, đánh đuổi không cho tới gần, trong miệng con lỡ loét hôi thối, đói khổ không chịu nổi. Vì nhân duyên nào con mắc tội như vậy?

Tôn giả Mục-kiền-liên bảo:

–Đời trước ngươi trụ trì một ngôi chùa, có các cư sĩ, Hiền giả đến cúng dường thức ăn cho chúng Tăng, gặp lúc có khách Tăng đến, ngươi chỉ dọn thức ăn sơ sài, chờ họ đi rồi ngươi mới đem món ngon ngọt ra ăn. Vì nguyên do đó nên nay phân nhơ ngươi hãy còn không được ăn huống chi là các thức ăn ngon ngọt. Đây là quả báo mà thôi, về sau sẽ bị khổ báo trong địa ngục.

Lại có một con quỷ tới thưa:

–Bạch Đại đức! Trên thân con lưỡi mọc khắp nơi, bị dao cắt nhưng cứ mọc ra mãi. Vì lý do gì như vậy?

Tôn giả Mục-kiền-liên bảo:

–Đời trước, ngươi là người tu. Chúng Tăng sai làm nước đường, nước mật, vì cục lớn khó tan phải lấy búa chặt, lúc ấy ngươi lén lấy ngậm một miệng to. Vì thế, nên nay lưỡi của ngươi luôn bị cắt mãi.

Một con quỷ khác tới thưa:

–Bạch Đại đức! Con thường bị bảy hòn sắt nóng rơi thẳng vào miệng, khiến ngũ tạng con cháy nát và bảy hòn sắt nóng kia cứ ra vào miệng như vậy không thôi. Vì lý do gì con mắc tội như vậy?

Tôn giả Mục-kiền-liên bảo:

–Đời trước làm Sa-di giữ vườn, ngươi hái trái cây, khi đến chỗ thầy mình, vì thương kính thầy, ngươi đem tâm thiên vị dâng bảy quả thật lớn, vì thế nên nay ngươi mắc tội như vậy. Đây là quả báo, sau này sẽ bị khổ báo trong địa ngục.

Lại có một con quỷ khác thưa:

–Bạch Đại đức! Vì lý do gì hai bánh xe sắt nóng cứ quay tròn dưới nách, làm thân thể con bị cháy nát nhừ?

Tôn giả Mục-kiền-liên bảo:

–Đời trước làm bánh cho chúng Tăng, ngươi lấy trộm hai cái giấu kẹp dưới nách, cho nên nay phải chịu tội như vậy. Đây là quả báo, về sau sẽ bị khổ báo trong địa ngục.

Một con quỷ khác thưa:

–Bạch Đại đức! Ngoại thân con rất lớn giống như cái vò, khi đi thì phải mang lên vai, ngồi phải ngồi lên trên, đi đứng rất là khốn khổ. Vì lý do gì con phải mắc tội như vậy?

Tôn giả Mục-kiền-liên bảo:

–Đời trước làm người điều hành trong chợ, khi giao hàng, ngươi dùng cân nhẹ đấu nhỏ, đến khi nhận lại dùng cân nặng đấu lớn, luôn muốn chiếm đoạt của cải người khác để làm giàu cho mình, do đó, nay phải chịu tội như vậy. Đây là quả báo, về sau sẽ bị khổ báo trong địa ngục.

Lại có một con quỷ khác thưa:

–Bạch Đại đức! Hai vai con có mắt, ngực có miệng nhưng lại không đầu. Vì sao như vậy?

Tôn giả Mục-kiền-liên bảo:

–Đời trước ngươi làm tay chân cho một tên đao phủ, tội nhân bị giết, ngươi thường sinh tâm thích thú, lấy dây cột tóc họ kéo đi. Vì nguyên do đó, nay ngươi phải chịu tội như vậy. Đây là quả báo của việc làm ác, về sau sẽ bị khổ báo trong địa ngục.

Một con quỷ khác đến thưa:

–Bạch Đại đức! Cây kim sắt cứ đâm xuyên qua thân, làm cho con đau đớn vô cùng. Vì sao như vậy?

Tôn giả Mục-kiền-liên bảo:

–Đời trước làm người huấn luyện voi ngựa, vì voi ngựa khó điều khiển, ngươi đã lấy kim chích vào chân chúng, hoặc trâu bò đi chậm ngươi cũng dùng kim đâm, do đó, nay ngươi phải chịu tội như vậy. Đây là quả báo của việc làm ác, về sau sẽ bị khổ báo trong địa ngục.

Lại có một con quỷ khác thưa:

–Bạch Đại đức! Lửa luôn luôn phát ra trên thân, đốt cháy con đau đớn vô cùng. Vì sao như vậy?

Tôn giả Mục-kiền-liên bảo:

–Đời trước ngươi là đại phu nhân trong một vương quốc. Vua đem lòng yêu thương một phu nhân khác, nên ngươi thường sinh lòng ganh ghét và rình rập muốn ám hại. Một hôm vua thức dậy ra khỏi phòng, phu nhân được vua sủng ái vẫn còn ngủ, chưa dậy mặc áo, đang lúc làm bánh ngươi lấy dầu mè nóng tạt vào bụng người đàn bà kia khiến bị phỏng bụng mà chết. Vì lý do ấy, nay ngươi phải chịu tội như vậy.

Một con quỷ khác đến bảo:

–Bạch Đại đức! Gió luôn cuốn tròn rồi xoay ngược lại trên thân làm con quay cuồng, không được yên ổn, đau đớn không kể xiết. Vì sao như vậy?

Tôn giả Mục-kiền-liên bảo:

–Đời trước làm thầy bói, ngươi có khi nói thật, lúc nói dối, làm mê hoặc lòng người, khiến họ không được vừa ý. Vì thế, ngươi nay mắc tội như vậy. Đây là quả báo, về sau sẽ bị khổ báo trong địa ngục.

Lại có một con quỷ thưa:

Bạch Đại đức! Vì sao thân con như một khối thịt, không có chân tay. Mắt tai mũi… luôn bị chim, trùng đến rỉa ăn, con đau đớn không thể chịu nổi?

Tôn giả Mục-kiền-liên bảo:

–Đời trước, ngươi cho người khác uống thuốc phá thai, do đó mà mắc tội như vậy. Đây là quả báo, về sau sẽ bị khổ báo trong địa ngục.

Một con quỷ khác đến thưa:

–Bạch Đại đức! Có lồng sắt nóng, chụp siết vào thân làm con nóng cháy rất đau đớn. Vì sao vậy?

Tôn giả Mục-kiền-liên bảo:

–Đời trước ngươi luôn dùng lưới giăng bắt chim cá, nên nay mắc tội như vậy. Đây là quả báo của việc làm ác, về sau sẽ bị khổ báo trong địa ngục.

Lại có một con quỷ khác thưa:

–Bạch Đại đức! Vì sao con luôn sợ hãi, đến nỗi lấy vật che lên đầu mà vẫn sợ người đến giết?

Tôn giả Mục-kiền-liên bảo:

–Đời trước ngươi thường dâm loạn, lấy vợ người khác. Vì sợ mọi người thấy, sợ chồng họ bắt được đánh giết, hoặc sợ pháp quan hành hình nơi chỗ đông đảo, nên ngươi luôn luôn ôm lòng lo sợ. Vì nguyên do đó nay ngươi phải chịu tội như vậy. Đây là quả báo của việc làm ác, về sau sẽ bị khổ báo trong địa ngục.

Một con quỷ khác đến thưa:

–Bạch Đại đức! Từ khi mang thân này, con luôn vác trên vai bình đựng nước đồng sôi tay lấy muỗng múc nước đồng xối lên đầu, làm thân thể nóng nát nhừ. Vì sao con bị đau đớn cùng tận như vậy?

Tôn giả Mục-kiền-liên bảo:

–Đời trước xuất gia làm đạo nhân, khi chia thức ăn cho chúng Tăng, ngươi lấy hộp bơ cất riêng chỗ khác, không chia cho khách Tăng mới đến, đợi khi vị ấy đi rồi ngươi mới lấy chia cho chư Tăng cựu trú. Bơ này là vật của Tăng chiêu-đề, tất cả đều có phần, vậy mà ngươi cất giấu không chia đồng nhau. Vì lý do ấy, nay ngươi phải mắc tội như vậy.

Tôn giả Mục-kiền-liên lại thấy một Thiên nữ ngồi trên hoa sen rộng lớn khoảng một trăm do-tuần, tốt đẹp lạ thường. Tất cả các thức ăn xuống, vật dụng cần thiết, cung diện… đều từ trong hoa sen mà ra, muốn gì được nấy. Tôn giả Mục-kiền-liên hỏi:

–Nhờ làm việc lành gì mà cô được phước báo như vậy?

Thiên nữ trả lời:

–Thưa Tôn giả, sau khi Phật Ca-diếp diệt độ, hàng đệ tử lấy xá-lợi, xây tháp bằng bảy báu, cao rộng khoảng bốn mươi dặm. Lúc đó, tôi là cô

gái đi ngang qua, nhìn thấy trong tháp có tượng Phật tốt đẹp, liền sinh lòng tin cung kính, tưởng niệm công đức Phật, rồi gỡ hoa trên đầu dâng cúng nơi tượng Phật. Do đó mà nay tôi được phước báo như vầy.

Vào một ngày mùa hè oi ả, Tôn giả Xá-lợi-phất du hành đến vườn xoài. Ở đó có một người làm thuê đang múc nước giếng tưới cây. Ông ta không có lòng tin lớn đối với Phật, thấy Tôn giả Xá-lợi-phất thì phát chút lòng tin, ông thưa:

–Bạch Đại đức! Hãy cởi y đến ngồi bên gốc cây này, tôi sẽ xối nước tắm cho, không mất công tưới mà cả Tôn giả và cây đều được lợi ích.

Tôn giả Xá-lợi-phất đồng ý, bèn cởi y đến ngồi bên gốc cây để người làm thuê xối nước. Cảm thấy mát mẻ, Tôn giả Xá-lợi-phất tiếp tục lên đường. Tối hôm ấy, người làm thuê qua đời được sinh lên cõi trời Đao-lợi, có oai lực rất lớn, chỉ đứng sau Thích Đề-hoàn Nhân. Ông ta nghĩ: "Vì nhân duyên gì ta được sinh vào cõi này?" Ông ta nhớ lại: "Kiếp trước mình là người làm thuê, đem lòng tin cạn cợt lấy nước tắm Tôn giả Xá-lợi-phất. Nếu biết làm như thế chắc chắn có phước báo, ta sẽ đem lòng tin thuần thành, sắp đặt vật dụng để cúng dường." Ông ta lại nghĩ: "Làm công đức ít ỏi mà được ruộng tốt nên gặt hái được nhiều phước báo như vậy." Nghĩ như thế rồi, ông liền đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất rải hoa cúng dường. Thấy ông ta có lòng tin thanh tịnh, Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp và ông ta chứng quả Tu-đà-hoàn.

Một lần nọ, Tôn giả Mục-kiền-liên thấy một vị Thiên thần thân thể cao lớn, cánh tay màu vàng ròng, năm ngón thường tiết ra nước cam lồ, nếu có ai cần thức ăn hay đồ vật để sinh sống thì từ ngón tay của vị ấy hiện ra, muốn gì được nấy.

Tôn giả Mục-kiền-liên hỏi:

–Ông là vị trời nào mà được phước báo với công đức kỳ diệu như vậy?

Thiên vương trả lời:

–Tôi không phải Thiên vương cõi trời Đao-lợi, chẳng phải là Đệ lục thiên vương, cũng không phải là Phạm thiên vương. Tôi chính là Đại quỷ thần sống ở đại thành của nước kia, vì du ngoạn nên tôi đến đây.

Tôn giả Mục-kiền-liên hỏi:

–Nhờ gây tạo những việc lành gì mà nay ông được phước báo như thế?

Đại quỷ thần trả lời:

–Đời trước, ở đại thành La-lâu thuộc nước kia, tôi là một cô gái nghèo sống trong thành ấy, làm nghề bện lông, đan túi để sinh sống, nhưng vẫn cứ nghèo khổ, nhà cửa tồi tàn. Sau đấy tôi đến ở bên bờ ruộng gần nhà ông trưởng giả giàu có ưa thích bố thí, ông ta cũng sinh sống bằng nghề đan túi. Hằng ngày, gần tới trưa, khi có một vị Sa-môn ôm bát đi khất thực đến hỏi tôi:

–Nhà ông trưởng giả… ở đâu?

Không dối gạt, tôi thật thà, vui vẻ chỉ:

–Nhà ông trưởng giả ở kia kìa.

Hằng ngày trôi qua tôi chỉ làm như thế, chẳng cầu mong gì cả. Nhờ nhân duyên ấy nay tôi được phước báo như vậy.

Nhờ có tâm tùy hỷ, giúp đỡ người làm việc bố thí mà cô gái nghèo khổ đạt được phước báo như vậy, huống chi là người làm việc bố thí.

Khi Đức Phật còn tại thế, có năm vị đại quốc vương. vào thời Phật Ca-diếp, họ là những bậc Thiện tri thức xuất gia hành đạo. Khi Phật Thích-ca Văn ra đời, họ đều trực ngộ được đạo. Nay nói về nhân duyên chứng quả của vị vua thứ nhất:

Vua tên Ưu-đạt-đa thuộc nước Bàn-đề. Nước ấy giàu có, dân chúng sống yên vui hạnh phúc. Vua có hai vạn phu nhân, người thứ nhất tên là Nguyệt Minh, vóc dáng xinh đẹp, oai nghi gồm đủ, được vua yêu mến. Mỗi khi trong cung có tiệc hội, bày các kỹ nhạc thì vua cho Nguyệt Minh ra múa. Nàng mặc toàn đồ thượng hạng đắt giá, trên thân trang sức đủ các loại vàng bạc, anh lạc quý báu. Nàng múa rất hay, dịu dàng, khiến cho ai nấy cũng đều vui thích. Có tài xem tướng, vua thấy vợ mình hiện tướng sắp chết, không quá nửa năm nàng đột ngột qua đời. Ân ái xa lìa sẽ khổ đau, vua buồn rầu không muốn nhìn. Nguyệt Minh thấy lạ liền hỏi, vua cho cái chết là việc quan trọng và sợ nàng đau buồn nên giấu không nói. Nguyệt Minh năn nỉ hỏi, vua liền bảo:

–Thọ mạng của nàng ngắn ngủi, không còn bao lâu nữa nàng sẽ qua đời, vì sợ xa nàng nên ta sầu khổ.

Nguyệt Minh thưa:

–Có sống phải có chết, đó là quy luật ở trên đời, sao bệ hạ phải lo buồn? Nếu có ý niệm tốt đẹp để chỉ bày nhau, hãy cho thiếp xuất gia.

Thấy lời nói Nguyệt Minh có lý, vua liền cho nàng xuất gia. Và muốn chứng minh về quả báo để làm tăng trưởng lòng tin, vua bèn kết giao hẹn với Nguyệt Minh:

–Nếu nàng xuất gia giữ giới tu thiền định mà chưa chứng quả, phải sinh lên cõi trời, sinh lên cõi trời rồi hãy trở về gặp ta. Như vậy ta chấp thuận cho nàng xuất gia.

Nguyệt Minh đồng ý lời hẹn của vua. Thế rồi, vua mời các Tỳ-kheo-ni đến độ nàng.

Vì Nguyệt Minh là hàng tôn quý mà từ bỏ năm dục nên nhiều người thường đến thăm hỏi, cung kính cúng dường. Sợ làm trở ngại đạo nghiệp của mình, nên nàng du hành đến các nước. Từ ngày xuất gia, trải qua sáu tháng, nàng luôn trì giới thanh tịnh, siêng năng, nỗ lực tu tập, nhàm chán thế gian chứng A-na-hàm. Sau đó, nàng qua đời trong một ngôi làng nọ và sinh vào cõi trời tầng cao thuộc Sắc giới, nhớ lại nhân duyên xưa có giao hẹn với vua. Mặc dù vua bị chìm đắm trong năm thứ dục lạc, ngang tàn, khó giáo hóa, nàng vẫn cứ đến. Nàng nghĩ, nếu không làm cho vua cảm kích thì phải tạo mọi khủng bố khiến vua sợ hãi, có như thế mới hàng phục được ông ta. Nguyệt Minh hóa thành một quỷ La-sát lớn, lông lá đầy thân, tay cầm ngọn đao năm thước. Nhân đêm tối, khi vua còn ngủ say, nàng đứng trên hư không cách đó không xa. Chợt vua thức dậy, trông thấy rất kinh hãi.

La-sát nói:

–Hiện nay tuy ngươi có muôn ngàn quân sĩ nhưng đều thuộc về ta, ngươi không còn uy quyền. Sắp chết rồi nhờ ai cứu được?

Vua trả lời:

–Không nhờ vào đâu cả, chỉ do đời trước ta làm điều thiện, tu tâm thanh tịnh, nên chết tất sinh vào cõi lành.

La-sát nói:

–Như vậy, nhân nơi thiện duyên đúng là chỗ nương tựa, chứ không có đạo lý nào khác.

Vua liền hỏi:

–Ngươi là vị thần nào mà làm ta phải kinh hồn mất vía đến thế?

La-sát trả lời:

–Ta là phu nhân Nguyệt Minh, người mà vua cho đi xuất gia lúc trước, nhờ chuyên tu thiền định, xa lìa thế tục nên chết ta được sinh vào cõi trời tầng trên thuộc Sắc giới. Nay ta về nhắc lại lời hẹn ước xưa.

Vua nói:

–Dù ngươi có nói như vậy nhưng ta vẫn không tin, ngươi hãy hiện nguyên hình cũ thì ta mới tin.

La-sát liền hiện ra một Nguyệt Minh ngày xưa, xiêm áo, trang sức giống y như ngày nào, đứng bên vua. Vua sinh tâm dục vọng muốn đến bắt. Nàng nghĩ: "Tư cách, thái độ của vua này không chân chánh, làm sao ta có thể đến gần." Thế rồi nàng bay lên hư không, thuyết giảng pháp cho vua:

–Thân này vô thường, nhanh như khảy móng tay không thể giữ lâu! Nó giống như sương mai, mặt trời lên sẽ tan mất, sao không nghĩ đến vô thường mà cứ tham đắm? Vua không thấy ư! Tuổi trẻ khỏe mạnh, đẹp đẽ như hoa, đến già thì dung nhan tàn úa, các căn hư hoại, tai điếc mắt lờ, thân hình khô héo, ốm yếu chẳng có giá trị gì. Ví như người làm rượu, kẻ mua chỉ lấy nước rượu nguyên chất còn hèm thì chẳng quý giá gì! Thân này đến già không còn gì để ham thích, chỉ có cái chết là đang chờ. Thân này sinh ra thì tử thần cũng đi kèm một bên, vua không thấy sao? Có kẻ chết trong thai, có kẻ chết mới vừa lọt lòng, có người chết vào tuổi thanh xuân, hoặc tới già mới qua đời. Thân này nguy ách, thần chết luôn rình rập một bên mà ta không hề nhìn lại. Thân tâm đốt cháy chỉ là các thứ khổ não. Tâm có ba độc luôn tạo sầu phiền. Thân luôn bị các thứ hoạn nạn, nóng lạnh, đói khát, nhưng ta không biết nhàm chán mà cứ tham đắm! Cung điện, kỹ nữ, hoa đẹp, năm dục, ngôi vị, thành trì, vợ con, tất cả đều chẳng phải là của ta. Khi chết không mang theo được một vật gì, thân xác này còn vứt bỏ huống chi là những thứ khác. Sống chết, vui buồn, chẳng có gì đáng xem là tốt đẹp cả. Người nào ngu muội chìm đắm trong năm bị dục sẽ luân hồi sinh tử, không biết đường thoát ra. Là người có trí, nhưng sao vua không nhàm chán, để đi xuất gia cầu đạo.

Lúc ấy vua liền phát tâm thiện hứa đi xuất gia, Nguyệt Minh lại nói:

–Nếu xuất gia, vua phải tìm bậc minh sư để nghe diệu pháp. Nghe diệu pháp rồi phải luôn luôn thọ trì tu tập, sớm tối có tinh tấn chớ có buông lung.

Nói thế xong, Nguyệt Minh liền biến mất. Sáng mai, vua nhường ngôi cho thái tử, từ bỏ năm dục, xuất gia học đạo, làm đệ tử ngài Ca-thi-diên. Bấy giờ, dân chúng thấy vua lìa phú quý danh lợi để cầu đạo chánh chân, nên thường kéo đến cung kính, cúng dường, thăm hỏi. Sợ làm trở ngại đạo nghiệp của mình, vua bèn du hành tới nước Ma-kiệt-đà và được Đức Phật thuyết pháp, chứng đạo quả A-la-hán. Đến đây, các căn vua vắng lặng, không còn ham muốn tìm cầu dục lạc. Vị A-la-hán này ôm bát vào thành Vương xá khất thực, xin thức ăn rồi trở về ngồi ăn trên cỏ.

Du hành đến rừng, tình cờ gặp vị A-la-hán ấy, vua Bình-sa chào hỏi:

–Nhân giả vốn là một vị vua tự tại ra vào nơi cung điện, có người hầu

hạ, gõ chuông đánh trống, có cả dân chúng, xóm làng, xe cộ, kho báu, cuộc sống an nhiên. Nay làm người ăn xin, đi khất thực một mình, mà vui hay sao? Nhà vua hãy hoàn tục bỏ đạo, tôi sẽ cắt một nửa giang sơn cho ông trị vì.

Vị A-la-hán trả lời:

–Ta vốn là một đại quốc vương, đất đai, xóm làng rộng lớn, nay cớ gì lại bỏ cái lớn để nhận cái nhỏ. Đó chẳng phải điều ta nên làm.

Vua Bình-sa lại hỏi:

–Trước đây, vua dùng cao lương mỹ vị đựng trong đồ quý, nay ôm bình bát đi xin thức ăn dư thừa, lẽ nào không khó khăn sao? Vua vốn có nhiều tướng sĩ uy dũng luôn đứng bên để bảo vệ, nay một thân đơn chiếc, không kinh sợ sao? Vua đã từng sống trong thâm cung, vui chơi với hoàng hậu, thứ phi và các kỹ nhạc, có tiếng hay, sắc đẹp, làm êm tai vui mắt, ngồi trên giường báu toàn lụa gấm. Nay phải một mình lui tới ngủ nơi hang sâu, đồng vắng, nằm trên cỏ, lẽ nào chẳng cực khổ sao?

Vị A-la-hán trả lời:

–Vì biết đủ nên tôi chẳng ham thích gì cả.

Vua Bình-sa nói:

–Vua thật là một người đáng thương!

Vị La-hán trả lời:

–Người đáng thương chính là ông, chứ nào phải là tôi. Vì sao? Vì ông bị năm dục trói buộc, bị ân ái sai khiến không được tự tại. Nay tâm ý tôi yên vui, không còn ham muốn những điều đó nữa, lúc nào cũng an nhàn.

Sau khi được vị La-hán thuyết pháp, lúc gần ra về, vua Bình-sa hỏi:

–Bốn chúng ấy đều ưa thích Phật đạo, muốn thực hành ba việc của Bồ-tát, như vậy nếu có người thực hành trong một ngày đêm, có người thực hành trong bảy ngày hoặc trọn đời, thì người ấy được bao nhiêu phước đức?

Vị A-la-hán trả lời:

–Câu hỏi của ông thật sâu xa, tôi không thể trả lời được. Chỉ có Đức Thế Tôn mới biết rõ công đức ấy là bao nhiêu. Ngoài Đức Phật, không ai có thể hiểu biết được điều ấy. Như vua nước Nguyệt Chi vì muốn tìm cầu Phật đạo nên xây ba mươi hai ngôi tháp để cúng dường tượng Phật. Xây lần lượt đến ngôi thứ ba mươi mốt thì có kẻ ác đến gièm pha làm vua thoái tâm. Người ác như vậy làm sao có thể hóa độ được? Tức thì vua hồi tâm dứt bỏ sinh tử hướng đến Niết-bàn và xây tiếp ngôi tháp thứ ba mươi hai để cầu giải thoát. Do nhân duyên ấy vua chứng đắc

quả vị A-la-hán. Cho nên ngôi tháp Phật ấy tên là Ba-la-đề-mộc-xoa *(Tần dịch: Giải thoát sinh tử).*

Từ đó đến nay, trải qua gần hai trăm năm tháp Phật ấy vẫn còn. Chính tôi thấy chùa nào cũng đều có thờ hình tượng Phật tốt đẹp.

Qua đời sau, vua là người được một hoa Yêm-la màu như vàng ròng. Thấy hoa tốt đẹp, người ấy định cài lên đầu nhưng lại nghĩ: "Đầu này là vô thường, khi chết, chó sói đến giành xé thịt ăn, máu mủ hòa chung với bùn đất, thế thì sửa soạn đẹp đẽ để làm gì." Nghĩ như vậy rồi bèn cầm cành hoa đi vào tháp Phật, thấy tượng Phật có tướng tốt đẹp, ông ta tự nghĩ: "Đây là tướng tốt đẹp của Phật Thích-ca Mâu-ni" và niệm công đức Phật: "Đức Phật là Bậc Nhất Thiết Trí, đại Từ, đại Bi, đủ mười Lực, bốn Vô úy." Niệm công đức Phật xong, thân ông ta rung động, liền cầm hoa dâng cúng Phật. Cúng Phật xong, ông ta nghĩ: "Mặc dầu nghe Đức Phật dạy cúng dường một bông hoa ắt được nhiều phước đức, nhưng không biết nhiều bao nhiêu." Khi ông ta đi ra, gặp một vị đạo nhân đang trên đường giáo hóa, ông ta hỏi:

–Thưa Tôn giả! Cúng dường Đức Phật một bông hoa thì được bao nhiêu phước đức?

Vị đạo nhân trả lời:

–Vì nhàm chán cuộc đời đau khổ, nên tôi từ bỏ năm dục, xuất gia thọ giới mà thôi, chứ tôi không đọc kinh điển. Câu hỏi của ông vừa rồi thật cao xa, tôi không biết, ông nên đến hỏi vị thông suốt kinh điển.

Lúc này, ông ta tìm đến hỏi vị thông suốt kinh điển, vị ấy trả lời:

–Giống như họa sĩ, tôi chỉ biết những gì mình nghe thấy, không có Thiên nhãn thông nên không thể nào biết được quả báo thiện ác.

Vị ấy bảo ông ta tìm đến hỏi vị Sa-môn tu thiền định. Vị Sa-môn đó là bậc Thượng tọa, tu chứng A-la-hán đạt được sáu thông, chắc chắn là biết rõ việc này. ông ta đến hỏi vị A-la-hán về việc tưởng niệm công đức Phật, nếu thân tâm chí thành, cung kính cúng dường Đức Phật một bông hoa thì được bao nhiêu phước đức. Vị A-la-hán quán sát, rồi nói:

–Khi bỏ xác thân này rồi, lần lượt đến phước đức nơi cõi Trời, cõi người, trong một đời đến ngàn vạn đời, từ một đại kiếp đến tám vạn đại kiếp, phước đức ấy vẫn còn, vượt qua hơn đó nữa thì tôi không biết.

Vị A-la-hán dùng hết sức mình để quán sát về quả báo phước đức của một bông hoa, nhưng không sao biết được, liền nói:

–Hãy im lặng một chút.

Rồi vị A-la-hán hóa thân lên trời Đâu-suất đến chỗ Bồ-tát Di-lặc, đem hết những điều Hiền giả đã hỏi thưa lại với Bồ-tát Di-lặc. Bồ-tát Di-lặc nói:

–Tôi không thể biết! Dù có hằng hà sa Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ còn không thể biết được, huống chi là một mình tôi. Vì sao? Vì Đức Phật có vô lượng ruộng phước với công đức hết sức tốt tươi, ở đấy, gieo vô tận hạt giống phước báo. Hãy chờ vào đời vị lai tôi thành Phật, mới có thể biết được.

-oOo-

SỐ 746

KINH NGẠ QUỶ BÁO ỨNG

Hán dịch: Mất tên người dịch, nay trích lục nơi dịch phẩm đời Đông Tấn.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên theo Đức Phật ngụ tại núi Kỳ-xà-quật, rồi du hóa đến bên bờ sông Hằng. Tôn giả Mục-kiền-liên thấy có rất nhiều ngạ quỷ bị những tội khác nhau. Thấy Tôn giả, chúng rất cung kính và đi tới thưa hỏi nguyên do.

Một quỷ hỏi:

–Con luôn luôn bị đau đầu, rất là khổ não. Không biết tội gì mà như vậy?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi không tu thiện, lấy gậy đánh đập vào đầu chúng sinh. Nay phải chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa vào địa ngục.

Một con quỷ hỏi:

–Con luôn bị đau nhức vì mụt nhọt là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Khi làm người, ngươi không có lòng từ, thiêu đốt núi rừng, tàn hại chúng sinh, nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa vào địa ngục.

Một quỷ khác thưa:

–Toàn thân con luôn có mụt nhọt, lở lói, nát rữa ra, đau đớn không chịu nổi, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi thích thiêu đốt heo dê. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ khác thưa:

–Con ăn không khi nào được no đủ cả, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, tuy cho chúng sinh ăn nhưng không bao giờ ngươi cho họ ăn đủ. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ tiếp theo thưa:

–Con luôn bị đau đầu, chữa trị mãi nhưng không lành, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi không kính trọng những bậc có đạo đức, lại còn mắng chửi. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ khác thưa:

–Con sinh trai hay gái đều rất đẹp đẽ, đáng yêu nhưng chúng đều chết sớm. Con nhớ nó quá, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi thấy kẻ sát sinh thì lại giúp đỡ họ, thích thú ngồi ăn uống với họ. Do giết hại cho nên chết yểu, vui mừng cho nên bị đau đớn. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ tiếp theo thưa:

–Con có người chồng rất nhiều vợ, riêng con chờ suốt cả đêm mà không được vào, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi không tôn kính chồng, lại tà dâm vô đạo. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ khác thưa:

–Con luôn bị đau đầu, nam căn lại bị mụt nhọt lở loét, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi đã hành dâm ở chỗ tháp miếu thanh tịnh. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ tiếp theo thưa:

–Con mang thân này luôn sần sùi, không sạch sẽ, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi không tôn trọng các bậc có đức, khinh chê hạng hiền thiện, lấy đất cát quăng vào người Sa-môn. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ khác thưa:

–Con ăn chẳng những một hộc mà vẫn không đủ, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi là một Tỳ-kheo xin thức ăn cho Tăng, nhưng khi được rồi thì ngươi đem ăn một mình. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ tiếp theo thưa:

–Con mang thân hình này, chân bị thủng, cổ bị ung bướu, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi bắt người và súc sinh gánh vác nặng nề không chút xót thương. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ khác thưa:

–Con mang thân này luôn bị khát nóng giày vò là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi ưa thích săn bắt. Bắt được cá, ngươi quăng lên bờ để cho nó chết một cách đau đớn. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ khác thưa:

–Con mang thân này luôn si cuồng, không có trí, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi thường lấy rượu cho người khác uống. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ tiếp theo thưa:

–Con sinh con ra, chúng đều trở lại ăn nuốt con, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi không hiếu dưỡng cha mẹ. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ khác thưa:

–Con luôn ăn các thứ ói mửa, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, có người đến xin ăn, ngươi nổi giận mắng chửi họ rồi mới cho. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ khác thưa:

–Cuộc sống của con có nhiều tài sản không thiếu thứ gì, nhưng chỉ ưa thích mặc quần áo xấu, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, tuy bố thí nhưng bố thí rồi ngươi lại hối tiếc. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ tiếp theo thưa:

–Thọ thân này, con luôn sống ở các ngõ hẻm, bờ ruộng không có chỗ

ngủ, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, khách đến xin nghỉ trọ, thấy họ thì ngươi lại sân giận, mắng nhiếc. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ khác thưa:

–Con mang thân này không phải nam cũng không phải nữ, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi không có lòng Từ bi, thích thiến gia súc. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ tiếp theo thưa:

–Con thọ thân này, chân bị què không đi được, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi thích làm việc phi đạo, trói cột người và vật lại để chúng không đi đâu được. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ tiếp theo thưa:

–Mang thân người con luôn bị nóng khát bức bách, thấy nước sông Hằng trong mát, đến khi vào nơi đó tắm rửa thì thân nát rã. Còn uống một hớp thì làm cho ngũ tạng bị cháy nát, xương rã rời, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi là thầy tướng xem tốt xấu, nói thật thì ít, hư vọng thì nhiều. Lúc khen, lúc chê, tự xưng mình có đức để kích động lòng người mong cầu lợi dưỡng. Còn đối với cha mẹ, anh em quyến thuộc thì lừa gạt, dối trá, không chân thật. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục, đau đớn không thể nói được.

Một quỷ khác thưa:

–Khi mang thân này cho đến nay, con luôn bị con chó hung ác, to lớn, răng nhọn bén, hai mắt đỏ ngầu, ngày đêm cứ đến cắn ăn thân con. Mạng chưa hết thì thịt lại liền sinh ra, rồi chịu khổ như vậy tiếp, đớn đau không thể nói hết, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi làm chủ tế trời đất, trong lúc cúng tế, ngươi lấy máu dê, bò để tế trời, rồi ăn thịt và nói với mọi người: "Các ông cúng tế trời thì được may mắn lớn." Ngươi làm những việc tà ác để mê hoặc dân

chúng. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ tiếp theo thưa:

–Mang thân này con luôn ở trong chỗ bất tịnh, cả thân dính đầy các thứ uế tạp, ăn uống toàn là đồ dơ nhớp, luôn chịu khổ não như vậy, không thể lìa được là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi là Bà-la-môn không tin Phật pháp, không thích cúng dường Sa-môn và người hành đạo. Nếu có vị nào đến khất thực ngươi không muốn gặp. Một hôm có một đạo nhân đến nhà ngươi khất thực, ngươi nghĩ: "Mình phải làm thế nào để ông ta không còn tới đây nữa." Ngươi bèn lấy bát bỏ phân dơ phía dưới, rồi lấy thức ăn phủ lên, đưa cho đạo nhân. Đạo nhân mang bát về, để qua một bên, đi rửa tay thật sạch sẽ rồi bưng bình bát. Tay bốc thức ăn định ăn, nhưng trong bát toàn là đồ bất tịnh, hôi thối quá nên không thể gần được. Vì lý do đó mà ngươi phải chịu khổ não như vậy. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục, thường nuốt hòn sắt nóng, làm cho thân thể nát tan, thọ khổ không thể nói hết.

Một quỷ khác thưa:

–Thọ thân này con luôn thè lưỡi ra, tự nhiên có cây búa chặt đứt lưỡi, cứ như vậy mãi là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi làm ông tiểu đạo được vị Tăng sai lấy nước sạch để hòa với đường phèn chia cho chúng Tăng. Đường phèn cứng, ngươi chặt trộm lấy một ít bỏ vào miệng. Vì ăn trộm vật của Tăng nên nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục, nuốt nước đồng sôi, khổ não không thể nói hết.

Một quỷ tiếp theo thưa:

–Mang thân này, con luôn khổ não vì bị đói khát, phải chạy đến nhà xí tìm ăn phân dơ, nhưng nơi ấy có một con quỷ rất lớn và mạnh, dùng gậy đánh con không cho lại gần, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi từng là đạo nhân, làm trụ trì một ngôi chùa, giữ gìn vật dụng của Tăng chúng. Ngươi không lấy thức ăn ngon để cúng dường mà lại lấy tức ăn dở để dọn. Hoặc có lúc đang làm thức ăn ngon, nhưng thấy có khách là các Tỳ-kheo đến thì ngươi dừng lại, đợi khách đi mới đem ra làm tiếp. Vì tâm xấu tham lam, keo kiệt nên nay chịu hoa báo,

còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ khác thưa:

–Mang thân này, bụng con lớn như cái lu, các phần còn lại thì nhỏ, cổ chỉ nhỏ như lỗ kim, nuốt không xuống, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi làm tộc trưởng trong một xóm làng. Ỷ mình giàu sang, quyền thế, nên ngươi khinh khi mọi người, thường lấy thức ăn của những người khác một cách vô đạo, làm cho họ đau khổ, nên nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ tiếp theo thưa:

–Thọ thân này, trên vai con luôn có bình nước đồng sôi, tay cầm gáo múc nước đồng ấy rưới lên đầu, khiến thân bị cháy tan nát. Cứ như vậy mãi, đau đớn vô cùng, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi đã xuất gia tu đạo, biết thức ăn uống của Tăng rồi mà ngươi lại lấy một bình mỡ sữa đem giấu ở chỗ khác. Khách đạo nhân đến, ngươi không cho ăn, đợi khi khách đi, ngươi lấy mỡ sữa ra chia cho Tăng cựu trú. Mỡ sữa này là vật của Tăng Chiêu-đề, tất cả đều có phần, vậy mà ngươi lại lấy giấu đi, chia không bình đẳng. Vì thế nay chịu hoa báo, còn quả báo thì chịu khổ trong địa ngục, không thể nào nói hết được.

Một quỷ khác thưa:

–Mang thân này, luôn có người cầm cưa, dao đến cắt đứt thân con, rồi mổ bụng móc ngũ tạng ra, gân thịt đứt hết, đau đớn vô cùng. Trong chốc lát, thịt sinh lại như cũ rồi bị khổ tiếp như trên, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi là Bà-la-môn không tin chánh pháp, luôn sinh tà kiến, phụng thờ Thiên thần, cứ dùng bò, dê để cúng tế. Vì tội ấy nên nay chịu họa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ tiếp theo thưa:

–Thọ thân này, luôn có người cầm dao, cưa đến lột cắt thân con, rồi lại mổ bụng rút hết ngũ tạng ra làm cho gân thịt đứt hết, khổ não không thể chịu nổi. Trong chốc lát, thịt lại sinh trở lại, rồi bị lột cắt tiếp, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi làm chủ đám đồ tể. Biết chúng giết người mà ngươi không có lòng Từ bi lại thích thú nữa. Bị tội như vậy, nay ngươi phải chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ tiếp theo thưa:

–Mang thân này dưới hai nách con luôn có bánh xe nóng đỏ, cháy rực, khiến hai nơi ấy luôn bị cháy nát, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi xuất gia học đạo, một hôm làm bánh cho chúng Tăng ăn, Tăng chưa ăn mà ngươi đã tham lam lấy trộm bánh kẹp dưới nách rồi đến chỗ vắng vẻ để ăn. Vì thế mà nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục, chịu khổ vô lượng.

Một quỷ tiếp theo thưa:

–Thọ thân này, luôn có thỏi sắt nóng tự nhiên từ trên không trung rơi vào miệng con, rồi chạy xuống bụng hoặc ra bên trái rồi vào bên mặt, hoặc ra bên mặt rồi vào bên trái, khiến thân con bị cháy tan nát, đau đớn vô cùng, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi xuất gia làm Sa-di giữ vườn cho Tăng. Một hôm, hái xoài đi ngang qua Tăng chúng, ngươi dâng lên thầy mình bảy quả thật tốt. Vì lý do đó mà phải chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ tiếp theo thưa:

–Thọ thân này, khi con muốn đi nhưng mới bắt đầu khởi động thì quay trở lại giống như gió cuốn tròn, không thể tiến tới, đau buồn khổ não, không thể nói hết, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi làm thầy bói toán, dối gạt người khác khiến tâm họ hoang mang, mê hoặc, hoặc mừng hoặc sợ đều không chân thật. Do nhân duyên này mà mắc tội như vậy. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ tiếp theo thưa:

–Thọ thân này, trong thân con luôn nóng bức giống như nước sôi đang đốt nung, đau đớn vô cùng tận, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi là phu nhân đệ nhất của môt quốc vương. Bấy giờ vua lại yêu quý tiểu phu nhân nên ngươi mang tâm ganh ghét, bày đủ cách để hại kẻ kia. Ngươi rình lúc kẻ ấy đang ngủ rồi lấy dầu sôi rưới lên bụng làm bà ta đau đớn đến chết. Do đó mà bị khổ như vậy. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ khác thưa:

–Con thọ thân này, tánh tình nhiều lo sợ, luôn sợ người đến bắt bớ, trói, cột, gông cùm, đánh đập, không bao giờ được yên ổn, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi thích hành tà dâm, xâm phạm vợ người, rồi sợ bị phát giác nên tâm không an ổn. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục, nằm trên giường sắt nóng, hoặc ôm trụ đồng lửa chịu khổ, không thể nói hết.

Một quỷ tiếp theo thưa:

–Con thọ thân này tự nhiên có lưới sắt nóng quấn chặt lấy thân thiêu đốt, làm cho tan nát, đau đớn không thể nói hết, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi đặt lưới, bẫy để bắt cá, bắt thú, lấy lồng nhốt chim, do đó bị khổ đau như vậy. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ khác thưa:

–Con mang thân này không có tay chân giống như một khúc thịt, sống nơi hoang dã bị các loài cáo, hổ, lang, chim điêu, thứu… tranh nhau đến cắn xé, đau đớn không thể chịu nổi, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, ngươi bày ra những trò độc tự mình làm, hoặc bảo người khác lúc mang thai uống thuốc để phá thai, do đó mà bị khổ như vậy. Nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Lại có ba con quỷ cùng thưa hỏi một lượt:

–Chúng con mang thân này luôn có đinh sắt từ trên không trung rơi xuống đóng vào thân rồi xuyên qua da thủng tới xương, đau đớn tới tủy, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, một người làm kẻ huấn luyện ngựa, một người là huấn luyện bò, một người là huấn luyện voi. Vì tham của cải nơi người khác mà các ngươi đã đâm, chích vô đạo, khiến chúng đau đớn không sao chịu nổi, do đó mà nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Một quỷ khác thưa:

–Con thọ thân này không có đầu, còn mắt, tai, mũi, miệng đều ở trước ngực, là vì tội gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

–Lúc làm người, thấy người sát sinh ngươi cùng họ nắm đầu kéo đi với tâm thích thú, không có chút lòng Từ bi, do đó mà nay chịu hoa báo, còn quả báo thì bị đọa trong địa ngục.

Mục-kiền-liên trả lời các ngạ quỷ rồi, chúng đều cung kính cùng đến trước mặt Tôn giả xin sám hối. Thấy chúng hoan hỷ, Tôn giả Tôn giả Mục-liên bèn thuyết pháp cho chúng nghe. Nghe xong, các ngạ quỷ đều rất vui mừng.

-oOo-

SỐ 747 (A)

PHẬT THUYẾT TỘI PHƯỚC BÁO ỨNG KINH

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-đà-la, người nước Vu Điền.

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo ngụ tại tinh xá Thích thị, thuộc nước Ca-duy-la-vệ. Vào ngày rằm tháng chín, sau khi an cư xong, Đức Phật ra khỏi nhà thiền đi đến khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Giữa hai nước này có cây đại thọ tên Ni-câu-loại, cao hai mươi lý, cành xòe rộng, vuông tròn, che cả sáu mươi dặm. Trái trên cây rất nhiều, cả mấy ngàn vạn hộc, ăn vào thơm ngon, vị ngọt như đường. Quả ngọt chín rụng xuống, dân chúng nhặt ăn thì trừ hết các bệnh, được mắt sáng rõ.

Đức Phật ngồi bên gốc cây, còn các Tỳ-kheo thì lấy quả Ni-câu-loại ăn. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ta quán xét muôn vật trong trời đất đều có túc duyên.

Tôn giả A-nan liền đảnh lễ Phật rồi quỳ thưa:

–Bạch Thế Tôn! Túc duyên là gì? Chúng con muốn được nghe, cúi xin Thế Tôn hãy diễn nói để mở bày giáo hóa chúng sinh những ai chưa nghe.

Phật bảo:

–Hay lắm! Hay lắm! Ai muốn nghe thì hãy nhất tâm lắng nghe.

Phật nói:

–Con người tạo phước giống như cây này, chỉ trồng một hạt mà từ lớn lên, đưa đến nhiều lợi ích không thể nói hết.

Làm người được phú quý, làm các bậc vua chúa, trưởng giả là nhờ lễ lạy, phụng thờ Tam bảo.

Làm người giàu có, của cải không lường là nhờ bố thí.

Làm người sống lâu, không bệnh hoạn, thân thể cường tráng là do trì giới.

Làm người đoan nghiêm, nhan sắc đẹp đẽ, sáng rỡ bậc nhất thân thể mềm mại, miệng thơm sạch, ai thấy cũng đều hoan hỷ, nhìn không chán mắt là do nhẫn nhục.

Làm người tinh tấn, tu hành không biếng trễ, thích làm phước là do tinh tấn.

Làm người an vui, nói làm đều suy xét kỹ, đó là do thiền định.

Làm người có tài năng, thông minh, thấu đạt kinh pháp, thuyết giảng diệu nghĩa, khai ngộ cho kẻ ngu si, ai nghe cũng đều lãnh thọ, cho những lời vàng ngọc, là nhờ trí tuệ.

Làm người có tiếng trong trẻo là nhờ ca ngợi Tam bảo.

Làm người trong sạch, không có bệnh tật là nhờ ở đời trước sống có tâm Từ bi, không đánh đập ai.

Làm người cao đẹp vì cung kính người.

Làm người thấp nhỏ vì khinh mạn người.

Làm người xấu xí vì hay sân giận.

Sinh ra ngu si vì không chịu học hỏi.

Làm người ngu muội vì không dạy người.

Làm người câm, ngọng vì chê bai, hủy nhục người.

Làm người đui điếc vì không chịu nghe kinh pháp.

Làm người nô tỳ vì vay mượn không trả.

Làm người ti tiện vì không lễ lạy Tam bảo.

Làm người đen xấu vì ngăn che ánh sáng trước Phật.

Sinh ra trong nước lõa hình vì mặc áo mỏng đường đột xông vào tinh xá Phật.

Sinh ra trong nước người móng ngựa vì mang giày bước trước Phật.

Sinh ra trong nước người ngực lõm vì bố thí làm phước lại hối tiếc.

Sinh trong loài hươu nai vì thích gây khủng bố người.

Sinh trong loài rồng vì thích bỡn cợt.

Thân sinh mụt nhọt đau đớn, chữa trị không lành vì ưa thích đánh đập chúng sinh.

Người thấy mình hoan hỷ, do đời trước mình thấy người, sinh tâm hoan hỷ. Người thấy mình không hoan hỷ vì đời trước thấy người mà mình không có tâm hoan hỷ.

Hay bị quan quyền bắt trói, gông cùm, bỏ vào lao ngục vì đời trước làm người thường dùng lồng nhốt hoặc cột chúng sinh, không cho chúng

tự do.

Làm người sứt miệng vì đời trước câu cá, làm cá bị sứt miệng.

Ai không thích nghe lời hay tiếng tốt, ngược lại, làm náo loạn người đang nghe kinh pháp thì đời sau làm chó cụp tai.

Nghe nói pháp, tâm không lãnh thọ, đời sau làm ngựa tai dài.

Tham lam, keo kiệt ăn một mình thì bị đọa trong loài ngạ quỷ. Nếu sinh làm người thì bần cùng, đói khổ, áo không đủ che thân. Vật ngon thì ăn mọt mình, vật dở thì đem cho người, đời sau sinh trong loài heo, bọ hung.

Cướp giật của cải người, đời sau bị đọa trong loài dê, bị người lột da. Ai thích sát sinh, đời sau sinh làm loài phù du bay trên mặt nước, sáng sinh ra chiều chết đi.

Ai thích trộm cắp tài sản của người, đời sau sinh làm bò, ngựa, nô tỳ đền trả cho nợ cũ.

Ai ưa thích tà dâm vợ người chết bị đọa vào địa ngục, nam thì ôm cột đồng lửa, nữ thì nằm trên giường sắt nóng. Khi bỏ thân người đọa làm gà vịt.

Ai ưa thích vọng ngữ, nói xấu người, chết bị đọa địa ngục, bị rót nước đồng sôi vào miệng, rồi rút lưỡi ra cho trâu cày trên đó. Ra khỏi địa ngục, sinh trong loài chim cú mèo, kên kên, tiếng kêu rất ghê sợ, ai nghe cũng đều kinh hãi, đều cho là quái lạ, nên trù rủa cho nó chết.

Ai ưa thích uống rượu say sưa, phạm ba mươi sáu lỗi, đời sau bị đọa trong địa ngục phân dơ. Ra khỏi địa ngục sinh trong loài ly tinh tinh, sau đó làm người thì ngu si đần độn không biết chi cả.

Vợ chồng ai không hòa thuận nhau, luôn đánh lộn, đuổi nhau đi, đời sau sinh vào loài chim bồ câu, tu hú.

Ai tham lam nơi sức người, đời sau sinh vào loài voi. Ai làm trưởng quan thâu thuế nơi núi cao, ở châu huyện, hoặc tư quyền xâm đoạt, lấy roi đánh đập người vô tội, cưỡng bức đem tố cáo mà không có căn cớ khiến họ bị gông cùm cột trói không cho tự do, sau bị đọa vào địa ngục, thần thức chịu khổ mấy ngàn ức năm, khi ra khỏi địa ngục bị đọa làm trâu, bị xỏ mũi, khớp miệng để kéo xe, bị đánh đập để đền nợ xưa.

Làm người không sạch sẽ là từ loài heo sinh ra.

Làm người tham lam không chừng độ là từ loài chó sinh ra.

Người ngang ngược theo ý riêng của mình là từ loài dê sinh ra.

Người không ổn định, không chấp nhận việc gì cả là từ loài khỉ, vượn

sinh ra.

Người với thân tanh hôi là từ cá sinh ra.

Làm người hung ác, trong lòng luôn ngậm giữ điều xấu ác là từ loài rắn sinh ra.

Làm người vì thích ăn ngon mà giết hại chúng sinh, không có lòng Từ bi là từ loài chó sói, ly tinh, chim ưng sinh ra. Khi sinh ra đời bào thai bị chết yểu hoặc bị rơi hoặc sinh ra chưa bao lâu liền chết, rồi bị đọa trong ba đường dữ, trải qua mấy ngàn vạn kiếp cũng không hết.

Phật nói:

–Hạng người này do đời trước làm người ưa thích săn bắn, thiêu đốt núi rừng, phá ổ đập trứng, đặt lưới bắt cá, giết tất cả chúng sinh rồi lấy da thịt của chúng để ăn nên bị quả báo chết yểu. Lâu lắm mới thoát khỏi nạn ấy. Nên cẩn thận!

Phật nói:

–Phàm tạo công đức thì không bao giờ mất. Đốt hương bố thí và giảng kinh, không được mời người, rồi lại không đem cho ăn, giống như cho người khác ăn thì mình lẽ nào được tự no mà không đói?! Đốt hương tinh khiết, đạt được Nhất thiết trí, thâu tóm tất cả các tưởng. Đốt đèn sáng liên tục, được không minh, chứng được trí Tam đạt không bị trở. Đốt hương giữ ngày trai giới, đọc kinh, bố thí, cho là thường pháp. Bố thí thì được phước, chư Thiên gia hộ, đẩy lùi vạn ác, làm cho chúng ma đều bị tiêu diệt, không kẻ nào dám chống lại. Những người biếng trễ, rong chơi, không có tâm tinh tấn, một mai bệnh hoạn gặp những điều không tốt lành thì lại đốt hương nói làm phước, chư Thiên chưa hiện ra thì chúng ma đã bày rõ trước mặt, cùng nhau nắm kéo, tạo ra các biến đổi quái lạ, do đó phải thường tinh tấn. Tội phước theo người giống như bóng theo hình. Cây trồng nơi ruộng phước giống như cây Ni-câu-loại, khi mới trồng tốn bao nhiêu hạt?

Tôn giả A-nan quỳ chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chỉ trồng một hạt, cây lớn lần lần, thu hoạch được nhiều quả?

Phật nói:

–Bố thí một mà thu hoạch được gấp vạn lần. Đây không phải là lời nói hư vọng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Người hiền thích bố thí
Được chư Thiên phù hộ

Cho một, thu vạn lần
An vui, sống lâu dài.
Bố thí cho người thiện
Phước ấy không thể lường
Đều chứng được Phật đạo
Độ thoát khắp mười phương.

Phật bảo A-nan:

–Người thế gian không biết sinh tử, với mắt thịt họ không biết được tội phước. Ta dùng mắt pháp thấy rõ từ vô số kiếp đến nay, những tội phước báo ứng giống như thấy viên lưu ly báu trong lòng bàn tay, trong ngoài đều trong suốt, không chút hồ nghi.

A-nan liền sửa lại Pháp phục, đến trước Phật làm lễ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Ngài thuyết giảng kinh này nên đặt tên là gì?

Phật bảo:

–Kinh này tên là Ngũ Đạo Luân Chuyển Tội Phước Báo Ứng *(Tội phước báo ứng trong năm đường luân hồi)*. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đọc tụng, giảng nói rộng cho nhiều người nghe thì công đức vô lượng. Nên biết rằng chư Phật dạy: Ở Hiền kiếp, ai phụng thờ, cúng dường kinh này thì không bị đọa vào ba đường ác và tám nạn, chứng được định Vô thức.

Đức Phật giảng nói kinh này xong, có năm trăm Tỳ-kheo dứt sạch các lậu, tâm ý thông tỏ; chư Thiên, Long thần hội hợp nơi gốc cây, một vạn hai ngàn Thanh tín sĩ, sáu ngàn Thanh tính nữ đều chứng đạt Đạo tích *(Tu-đà-hoàn)*, đồng đến trước Phật làm lễ, rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 747 (B)

PHẬT THUYẾT LUÂN CHUYỂN NGŨ ĐẠO TỘI PHƯỚC BÁO ỨNG KINH

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Tam tạng
Pháp sư Cầu-na-bạt-đà-la.

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo ngụ tại tinh xá Thích thị của nước Ca-duy-la-vệ. Vào ngày rằm trăng tròn tháng chín, sau khi an cư xong, Đức Phật ra khỏi thiền thất đi đến khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Giữa hai nước này có cây đại thọ tên Ni-câu-loại, cao một trăm hai mươi dặm, cành lá tạo thành tàn cây vuông tròn che khắp sáu mươi dặm, cây có nhiều trái hàng mấy ngàn vạn hộc, ăn vào thơm ngọt, vị như mật. Trái ấy chín rụng xuống, dân chúng lượm ăn dứt trừ hết mọi bệnh hoạn, mắt sáng, trí tỏ. Đức Phật ngồi bên gốc cây, các Tỳ-kheo lấy trái ăn. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ta quán xét muôn vật trong trời đất thảy đều có túc duyên.

Tôn giả A-nan liền lễ Phật, quỳ dài, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Túc duyên là gì? Chúng con muốn được nghe, cúi xin Thế Tôn hãy thuyết giảng rõ để khai thị cho những ai chưa nghe biết.

Phật bảo:

–Hay lắm! Hay lắm! Nếu muốn nghe thì các vị hãy lắng nghe cho kỹ.

Phật bảo:

–Phàm người làm phước giống như cây này, vốn trồng chỉ một hạt, rồi cây lớn lần lần, thu đạt được trái nhiều vô lượng. Người được phú quý, làm quốc vương, trưởng giả là do lạy Phật, thờ Tam bảo mà được. Làm người giàu có lớn, của cải vô hạn là do Bố thí. Làm người sống lâu, không bệnh tật, thân thể cường tráng là nhờ Trì giới. Làm người đoan nghiêm, dung mạo xinh đẹp, rạng rỡ bậc nhất, thân hình mềm mại, hơi miệng thơm sạch, thùy mị, ai thấy cũng hoan hỷ, nhìn không biết chán, đó là nhờ Nhẫn nhục. Làm người tu tập không biếng trễ, ưa thích làm phước đức là nhờ Tinh tấn. Làm người an vui, lời nói và việc làm luôn suy xét kỹ lưỡng, đó

là nhờ Thiền định. Làm người nhiều tài cán, thông minh, thấu đạt pháp sâu, khen ngợi nghĩa diệu, khai ngộ cho người ngu si, người nghe lời nói của mình đều tuân, nhận, quý như châu báu, đó là do Trí tuệ. Làm người có tiếng nói trong trẻo là do ca vịnh Tam bảo. Làm người thanh khiết, không có bệnh tât là do có tâm Từ.

A-nan bạch Phật:

–Sao gọi là Từ?

Phật bảo A-nan:

1. Thương chúng sinh như mẹ yêu thương con.

2. Thương thế gian muốn cho họ được đạo giải thoát.

3. Tâm luôn hoan hỷ.

4. Luôn có tâm niệm cứu giúp họ để cho tất cả mọi người không phạm một tội nào.

Đó là tâm Từ.

Phật bảo A-nan:

–Làm người cao lớn là do cung kính người.

–Làm người bé thấp là vì khinh mạn người.

–Làm người xấu xí là vì hay sân giận.

–Sống mà không biết chi cả là vì không chịu học hỏi.

–Làm người ngu tối là vì không khuyên dạy người.

–Làm người câm, ngọng vì hủy báng người.

–Làm người đui điếc vì không thích nghe thọ kinh pháp.

–Làm người nô tỳ vì vay mượn không trả.

–Làm người ti tiện vì không lễ kính Tam bảo.

–Làm người đen xấu vì ngăn che ánh sáng Phật.

–Làm người sinh trong nước lõa hình vì mặc áo mỏng đường đột xông vào chùa, tháp, tinh xá.

–Làm người sinh trong nước móng ngựa vì thích mang giày đi trước Phật.

–Làm người sinh trong nước "người ngực lõm", vì đã bố thí, làm phước mà còn hối tiếc.

–Sinh trong loài hươu nai vì thích làm người sợ hãi.

–Sinh trong loài rồng vì thích rong chơi, bỡn cợt.

–Thân mọc mụt nhọt ác, chữa trị khó lành vì thích đánh quất chúng

sinh không có duyên cớ.

–Người thấy đều hoan hỷ vì đời trước thấy người liền hoan hỷ.

–Người thấy mình không hoan hỷ vì đời trước thấy người mình không vui vẻ.

–Bị quan quyền trói nhốt trong lao ngục, gông cùm cả thân vì đời trước làm người hay bắt trói, nhốt giam chúng sinh không có nguyên do.

–Làm người sứt miệng vì đời trước câu cá, làm cá sứt miệng.

–Lời hay ý đẹp thì tâm không muốn nghe, luôn nói lời hai lưỡi, làm loạn tâm người nghe thọ kinh pháp về sau bị đọa vào loài chó cụp tai.

Phật bảo A-nan:

–Trên đời có những người ngu si nghe giảng nói kinh pháp tâm không thu nạp sau bị đọa vào trong loài ngựa, lừa tai dài.

–Ai tham lam, keo kiệt ăn một mình, không bố thí cho những người đói khát, sau bị đọa trong loài ngạ quỷ. Ra khỏi ngạ quỷ sinh làm người thì bần cùng, đói khổ, áo không đủ che thân, cơm ăn không đủ bữa.

–Thức ăn ngon thì ăn một mình, còn cho người thức ăn dở, sau sinh trong loài heo, bọ hung.

–Ai thích cướp đoạt của cải người khác sau bị đọa trong loài dê, sống bị lọt da, đều trả tội kiếp trước.

–Ai ưa thích sát sinh, sau làm loài phù du sống trên mặt nước, sáng sinh chiều chết.

–Ai thích trộm cắp tài vật của người, sau đọa làm nô tỳ, làm trâu ngựa, để đền trả nợ cũ.

–Ai thích dâm loạn vợ người, chết bị đọa vào địa ngục. Người nam thì ôm cột đồng lửa, nữ thì nằm trên giường sắt nóng. Ra khỏi địa ngục thường sinh nơi chỗ thấp kém đọa vào loài gà, vịt.

–Ai thích vọng ngữ, rêu rao chuyện xấu của người, chết bị đọa vào địa ngục, nước đồng sôi rót vào miệng, rút lưỡi ra cho trâu cày. Ra khỏi địa ngục, lại sinh trong loài cú mèo, loài chim dữ như chim kiêu…, nghe tiếng của chúng ai nấy đều kinh hãi cho là loài yêu quái, đều mong cho chúng mau chết.

–Người nào thích uống rượu đến nỗi say sưa, phạm ba mươi sáu lỗi, chết bị đọa trong địa ngục bùn lầy phân dơ. Ra khỏi địa ngục, bị đạo vào loài tinh tinh, sau làm người thì ngu tối, sống mà không biết gì cả.

–Vợ chồng không hòa thuận, cứ đánh lộn, tranh cãi, đuổi nhau đi, sau bị đọa trong loài tu hú, bồ câu.

–Ai lợi dụng bóc lột sức người, sau bị đọa làm loài voi.

Phật bảo A-nan:

–Ai làm quan châu huyện mà ăn chận tước lộc của các quan, hoặc của người vô tội, hoặc tư quyền cướp đoạt của cải nơi dân chúng, trói cột đánh đập người, cưỡng bức bắt họ đi làm thuê, hoặc tố cáo không có bằng chứng, tra khảo, giam giữ nơi lao ngục…, về sau bị đọa vào địa ngục, chịu thống khổ trải qua trăm ngàn ức năm, khi nào tội hết mới ra khỏi, lại phải bị đọa trong loài trâu bò, xỏ mũi, kéo xe cộ, đánh đập khổ não để đền trả tội ngày trước.

Phật bảo A-nan:

–Làm người nhơ nhớp là từ loài heo sinh ra.

–Làm người tham lam, keo kiệt không chút liêm khiết là từ loài chó sinh ra.

–Làm người cố chấp, tự dụng ngang ngược là từ loài dê sinh ra.

–Làm người tanh hôi là từ loài cá, ba ba sinh ra.

–Làm người hung ác, ngậm độc, tâm khó giải trừ là từ loài rắn sinh ra.

–Ai thích ăn ngon, hay sát sinh làm tổn hại chúng sinh, không có lòng từ, là từ loài sài, lang, tinh tinh, chim ưng sinh ra. Nếu được làm người thì chết yểu, thai bị sẩy hư sinh ra đời chưa bao lâu lại chết sớm, rồi bị đọa vào ba đường dữ, trải qua ngàn vạn năm.

Phật nói:

–Những hạng người ấy do đời trước làm người, ưa thích săn bắn, thiêu đốt núi rừng, phá tổ đập trứng các loài chim bày lưới bắt cá, giết hại chúng, lấy da thịt để ăn uống thỏa thích nên mắc quả báo chết yểu, đời đời kiếp kiếp không có lúc nào rời khỏi ba đường ác. Hãy cẩn thận! Thống khổ không thể nói hết được.

Phật bảo A-nan:

–Hễ ai tạo công đức đều được ứng hợp nơi thân.

–Ai đốt hương làm phước, giảng kinh hành đạo, không được mời nhờ người, chỉ chú nguyện như hư không, giống như nhờ người khác ăn mà mình há được no, không đói? Nếu đốt hương tinh khiết đạt được Nhất thiết trí vì hương thơm thâu giữ tất cả tướng. Đốt đèn sáng liên tục chứng được trí Tam đạt, không hề bị chướng ngại. Dùng hương thơm giữ ngày trai giới, đọc kinh, bố thí để làm pháp thường. Bố thí thì được phước, được chư Thiên hộ trì, bao nhiêu việc ác được tiêu trừ, chúng ma diệt tận, không dám tùy

tiện. Người biếng nhác hay lẫn tránh ham vui chơi, không có tâm tinh tấn, một mai bệnh tật ập đến không được an lành thì mới đốt hương nói là làm phước, chư Thiên chưa kịp hiện ra thì chúng ma đã có đủ trước mặt, tranh giành nắm kéo, tạo ra các biến chuyển quái lạ. Vì vậy nên luôn tinh tấn, vì tội phước theo bên mình như hình với bóng. Người gieo trồng phước, giống như cây Ni-câu-loại, chỉ gieo một hạt mà thu đạt được quả nhiều vô lượng. Cũng vậy, bố thí chỉ một, được phước gấp vạn lần. Đây là lời nói không hư dối.

Bấy giờ, Đức Phật nói kệ:

Hiền giả thích bố thí
Được Thiên thần hộ trì
Cho một, được phước vạn
An vui lại sống lâu.
Nay ai bố thí lớn
Phước ấy không thể lường
Và đều chứng Phật đạo
Độ thoát cả mười phương.
Nhân duyên hội hợp ai là thân,
Năm giới, mươi thiện trừ bỏ sân
Không mong người cho mình thân mình
Vinh, lạc thế gian như mây nổi.
Lần lữa năm đường như bánh xe
Chớ nghĩ sống lâu, tiếc vàng bạc
Trời đất còn hoại huống chi thân
Phụng trì kinh giới là quý nhất.
Chớ tham của, sắc nhục mạ người
Chúng sinh ba cõi như đàn dê
Qua lại năm đường thân hư hoại
Mạng nhanh nước chảy đâu có thường.
Tạo ác không lâu chịu tội báo
Địa ngục Nê-lê nước đồng sôi
Giữ tâm vững ý lìa ương họa
Phạm tội, thọ khổ khó được vui.

Phật bảo A-nan:

–Người đời không biết rõ về sinh tử, chỉ với mắt thịt nên không thể nhận biết tội phước. Ta dùng mắt pháp nên thấy từ vô số kiếp cho đến ngày nay, tội phước báo ứng giống như xem viên ngọc lưu ly nơi lòng

bàn tay, trong ngoài sáng tỏ thấu suốt, không chút hồ nghi.

Tôn giả A-nan sửa lại y phục, đến trước Phật làm lễ, bạch Phật:

–Phật thuyết giảng kinh này, nên đặt tên là gì?

Phật bảo:

–Kinh này đặt tên là Luân Chuyển Ngũ Đạo cũng tên là Tội Phước Báo Ứng. Nếu có thiện nam, thiện nữ tụng, đọc kinh truyền bá rộng khắp thì công đức vô lượng, sẽ gặp lễ lạy ngàn vị Phật nơi Hiền kiếp, phụng trì, cúng dường thì không bị đọa vào ba đường ác, tám nạn đạt được Giới, Định, Tuệ.

Đức Phật giảng nói kinh này xong, có năm trăm vị Tỳ-kheo dứt sạch các lậu, tâm ý thông đạt; bảy trăm Tỳ-kheo-ni chứng đạo quả Tu-đà-hoàn; tám trăm La-hán chứng đạo Bồ-tát; chư Thiên, Long, Thần, cùng một vạn hai ngàn Thanh tín sĩ, sáu ngàn Thanh tín nữ, đều chứng đạt Đạo tích *(Tu-đà-hoàn)*. Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều chứng đạo A-na-hàm; Trời, Rồng, Quỷ, Thần, dân chúng nơi thế gian nghe Phật thuyết pháp, đều nói:

–Lành thay!

Rồi đứng dậy làm lễ, nhiễu quanh chỗ Phật ba vòng, hoan hỷ lui ra.

-oOo-

SỐ 748

PHẬT THUYẾT HỘ TỊNH KINH

Hán dịch: Mất tên người dịch, trích lục nơi dịch phẩm đời Đông Tấn.

Một thuở nọ, Đức Phật cùng Tôn giả A-nan trên đường du hành gặp một cái ao lớn, từ Đông qua Tây dài bốn mươi dặm, từ Nam qua Bắc cũng dài bốn mươi dặm, sâu bốn mươi dặm, trong ao có trùng, hình dạng giống như con nòng nọc đen như mực.

Đức Phật hỏi Tôn giả A-nan:

–Ông biết loài trùng trong ao này chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Dạ thưa, con không biết.

Đức Phật nói:

–Loài trùng nơi ao này vốn là những kẻ trong mười phương thế giới, ngày xưa cho chúng Tăng ăn đồ ăn bất tịnh, nên bị đọa sống nơi ao đầy những thứ nhơ thối ô uế này, luôn ăn đồ uế tạp. Trong năm trăm đời thọ khổ như thế mới hết, sau đó trải qua năm trăm đời sinh vào loài chó đói, cũng luôn ăn đồ bất tịnh, tiếp đến là năm trăm đời làm heo cũng thường xuyên ăn đồ uế tạp, rồi cũng trải qua năm trăm đời đọa làm loài bọ hung ăn đồ dơ nhớp. Khi thoát khỏi những khổ nạn trên, được làm người thì sinh vào nhà bần cùng, áo không đủ che thân, ăn không đủ bữa, thường ăn cơm hẩm nát mà vẫn không no.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu các ông mà như vậy thì thọ nhận tội càng khổ, vô lượng vô biên! Hãy răn dạy các Tỳ-kheo trong thời mạt pháp, sau này không thể không cẩn thận! Tất cả chúng Tăng, đối với những nơi chốn dừng trú có các thứ thức ăn bất tịnh, thì không được tìm đến ăn. Nếu muốn thức ăn thanh tịnh thì đúng như pháp, đắp y, ôm bát, thâu giữ oai nghi, lần lượt đến các nhà bạch y khất thực. Đó là Tỳ-kheo chân chánh, trừ bỏ tà mạng, nuôi mạng sống đúng pháp. Đức Phật không hề nói dối. Phước báo như bóng theo hình, như âm thanh vọng lai. Về thời xưa, có Tỳ-kheo mới chứng được

quả A-la-hán, do thân có những nối kết từ tiền nghiệp nên bị bệnh kiết lỵ, vào ban đêm vị ấy lên nhà xí, thấy một Tỳ-kheo đang rên rỉ cạnh đấy. Vị A-la-hán hỏi Tỳ-kheo kia:

–Trước đây ông vốn là người tốt, sao lại bị đọa trong hàng quỷ đói phải rên rỉ như vậy?

Tỳ-kheo quỷ đói trả lời:

–Tôi bị đói khát đã lâu rồi, trải qua hơn năm trăm năm không hề thấy một giọt nước, định tới nhà xí để ăn thứ bất tịnh, nhưng có quỷ giữ nhà xí cầm gậy sắt đến đánh tôi không cho lại gần. Tôi nhớ lúc xưa vốn từng làm Tỳ-kheo. Khi giữ chức tri sự cho Tăng chúng, đã tráo giấu thức ăn thanh tịnh, đem thức ăn bất tịnh cho chúng Tăng ăn, vì thế ngày nay phải chịu khổ báo này! Được gặp Tỳ-kheo, A-la-hán là bậc Thiện tri thức. Vị ấy đã vì Tỳ-kheo ngạ quỷ này mà đốt hương chú nguyện, nhờ đó nên thoát khỏi kiếp quỷ đói, sinh lại làm người.

Đức Phật nói với các Tỳ-kheo:

–Các ông không thể không cẩn thận. Tất cả đều không được xúc chạm vào thức ăn thanh tịnh của chúng Tăng. Lời nói của Đức Phật không hề hư dối. Phước báo như bóng theo hình, như âm thanh vọng lại. Trải qua nơi mười tám địa ngục tội phước đã hiện rõ. Ngạ quỷ này vốn từ trong loài người sinh ra, vì dùng tay không thanh tịnh xúc chạm vào đồ đựng thanh tịnh của chúng Tăng, dùng tay dơ chạm vào thức ăn sạch của các Sa-môn, đem thức ăn bất tịnh đổ lộn vào thức ăn thanh tịnh của các Sa-môn. Vì đem đồ ăn dơ cho chúng Tăng ăn, nên về sau trải qua năm trăm đời bị đọa làm ngạ quỷ, luôn phải ăn các thứ ô uế nên muốn đến nhà xí để ăn phân dơ, bị quỷ giữ nhà xí cầm gậy sắt đánh không cho lại gần. Quỷ này thì ăn các thứ máu mủ, đờm dãi, mồ hôi, các loại hôi thối của những người sinh sản. Lại phải trải đủ năm trăm đời bị đọa làm chó, heo, bọ hung cũng thường ăn phân hôi bất tịnh, chịu khổ báo dữ dội như thế hàng trăm, ngàn kiếp không biết khi nào mới ra khỏi, khó mà giải thoát, sự thống khổ không thể nói hết. Do dùng tay bẩn chạm vào nam căn, hoặc nữ căn, rồi chạm vào đồ đựng sạch của Sa-môn, lại xúc chạm vào thức ăn sạch của Sa-môn, đem thức ăn bất tịnh ấy bỏ trong thức ăn sạch của các Sa-môn, hoặc đem đồ ăn bất tịnh cho chúng Tăng ăn, vì vậy mà phải nhận chịu các khổ báo như thế.

Mắt thịt của tất cả mọi người thì không thể biết được tội phước. Từ nay trở về sau, muốn được phước đức, giúp đỡ chúng Tăng làm thức ăn, phải dùng tay sạch mới được cầm nắm các vật đựng sạch của chúng Tăng.

Tay sạch vo gạo thì gạo mới sạch. Ai đem đồ ăn thanh tịnh cho chúng Tăng dùng thì người ấy được phước nhiều vô lượng. Từ nay về sau phải y theo đấy mà làm.

Mọi người nên nghe biết để phổ biến cho khắp thảy. Tất cả hàng đàn-việt tổ chức pháp hội, trai giới cúng dường đều phải thích hợp. Giữ trai giới thì mới được ăn còn không thì không được ăn. Giữ trai giới một ngày thì cơm ăn ấy được phước báo về lương thực trong hơn sáu mươi vạn đời. Không giữ trai giới mà ăn thì sáu mươi đời bị đọa làm ngạ quỷ. Vì sao? Vì của tín thí rất khó tiêu! Cho nên, thà nuốt hòn sắt nóng chứ không ăn cơm ấy. Nuốt hòn sắt nóng chỉ khổ trong chốc lát, còn ăn đồ ăn tín thí ấy thì chịu đại khổ muôn đời, như trong năm trăm vạn đời chịu khổ nơi loài quỷ đói.

Nếu có chỗ nào tổ chức trai giới, tất cả làm đúng như pháp thì không được lén lấy thức ăn dư đem về cho vợ con ăn. Nếu ăn thức ăn này hoặc kẹp giấu dưới nách thì về sau, trải qua năm trăm đời, luôn kẹp bánh xe sắt nóng vào dưới nách bên phải, rồi lại kẹp dưới nách bên trái. Tất cả thức ăn dùng để trai tăng không thể không cẩn thận. Mỗi một hạt gạo đều biến thành một hòn sắt nóng. Tất cả các bậc Hiền giả thiết bày trai hội để tạo phước, thức ăn mà nếm trước đều trở thành thức ăn dư. Nếu làm trai hội như vậy chi bằng đừng làm. Vì sao? Vì chư Thiên không hoan hỷ, quỷ thần không vui. Người nào nếm trước thức ăn cũng trải qua năm trăm đời đọa làm quỷ đói. Từ nay về sau, muốn được phước thì nên đúng như pháp mà làm trai hội, như vậy mới được phước đức, chư Thiên hoan hỷ, trăm thần vui vẻ, trời, thần ủng hộ. Kinh không nói điều hư vọng, phước báo giống như hình với bóng, như âm thanh vọng lại.

-oOo-

SỐ 749

PHẬT THUYẾT NHÂN DUYÊN TĂNG HỘ KINH

Hán dịch: Mất tên người dịch, nay trích lục nơi dịch phẩm đời Đông Tấn.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có một Long vương nơi biển lớn, mới phát khởi lòng tin, biến làm người, đến chỗ Đức Phật đang cư trú, cầu xin các vị Tỳ-kheo cho mình xuất gia. Các vị Tỳ-kheo không biết người này vốn là rồng nên liền độ cho xuất gia, lại sắp ở chung phòng với một Tỳ-kheo tuổi nhỏ, trải qua một đêm. Sáng sớm hôm sau, cả hai đều giữ gìn oai nghi, đi vào thành khất thực. Bấy giờ, Tỳ-kheo rồng nhờ có phước đức nơi quả báo nên khất thực được trước, dùng cơm xong thì về sớm, pháp của Tỳ-kheo là sau khi ăn xong, phải vào phòng nhiếp tâm tọa thiền. Khi ấy Tỳ-kheo rồng quên không khép cửa, tánh rồng lại ưa ngủ, trời thì nóng bức. Loài rồng có năm trường hợp không thể ẩn thân, đó là:

1. Khi sinh.

2. Khi chết.

3. Khi hành dâm.

4. Khi sân giận.

5. Khi ngủ.

Lúc này, Tỳ-kheo rồng vì đang ngủ nên không thể ẩn thân, tướng hiện ra thân đầy cả phòng. Vị Tỳ-kheo tuổi nhỏ trở về vào phòng thấy thân thể rồng đầy cả gian nên rất kinh hãi, chạy kêu thất thanh, gọi các Tỳ-kheo, Đại đức trưởng lão: "Ở đây có Long vương! Ở đây có Long vương." Rồng nghe to tiếng, liền tỉnh dậy, biến trở lại thành vị Tỳ-kheo, ngồi kiết già tọa thiền. Do tiếng gọi, kêu lớn nên đại chúng tụ tập lại hỏi vị Tỳ-kheo nhỏ tuổi:

–Vì sao ông la dữ thế?

Tỳ-kheo nhỏ tuổi đáp:

–Trong phòng tôi có con rồng.

Đại chúng đã tập hợp đông đủ bèn vào phòng tìm rồng, nhưng không có, chỉ thấy vị Tỳ-kheo đang kiết già tọa thiền. Các Tỳ-kheo tỏ ra kinh ngạc, không biết nguyên nhân vì sao, nên đến chỗ Phật. Các vị thưa đầy đủ sự việc trên, xin Phật giải nghi.

Đức Thế Tôn bảo:

–Vị ấy không phải là người, mà chính là Long vương. Các ông hãy đến gọi vị ấy lại đây.

Các Tỳ-kheo vâng lời đến kêu Long vương. Tỳ-kheo rồng liền đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ Phật rồi lui ra đứng qua một bên. Đức Phật thuyết pháp, chỉ dạy, tạo lợi ích khiến rồng vui vẻ, rồi Phật im lặng. Lúc này, Long vương tư duy liền sinh hoan hỷ.

Đức Phật an ủi nói:

–Ngươi có thể trở về cung mình.

Nghe vậy, Long vương buồn khóc rơi lệ, đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh chỗ Phật ba vòng rồi trở về cung. Giữa đường, Long vương tự suy nghĩ: "Ta nay tuy không được xuất gia, nhưng ở trong Phật pháp có thể làm đại đàn-việt tạo lập phòng Tăng, bốn sự cúng dường đầy đủ." Suy nghĩ vậy xong, liền ở nơi đường trống biến hóa thành phòng Tăng, có ao suối, vườn cây, mát mẻ yên tĩnh, không có nhiều người lui tới, đêm ngày ung dung. Khu vườn cũng không có loài trùng, kiến, ruồi, muỗi, không lạnh, không nóng, ôn hòa thích hợp, khỏi phải lo nghĩ buồn phiền. Long vương mời chúng Tăng đến ở, tất cả vật cần dùng như y phục, thức ăn uống, đồ nằm ngồi, thuốc thang đều cung cấp đầy đủ. Long vương do có nhiều sai sót nên bị Tỳ-kheo trì luật luôn quở trách.

Tỳ-kheo rồng vì không hiểu giới kinh, mỗi khi buồn phiền thì tự suy nghĩ: "Ta nay cúng dường các việc đầy đủ mà Tỳ-kheo ấy cứ hay quở trách. Hay ta làm mất cái chùa biến hóa này đi".

Rồi Long vương tìm đến chỗ đất rộng khác, hóa ra một ngôi chùa, có chánh điện, phòng ốc, vườn cây, suối mát, giống như trước, thỉnh chúng Tăng đến ở và cung cấp, cúng dường đầy đủ như cũ.

Khi ấy, chúng Tăng nói:

–Trong nhà bếp, kho của chúng Tăng, số lượng người thì rất nhiều, theo pháp của chùa nên tính toàn bộ số lượng người nơi chúng Tăng để cung cấp.

Rồng đáp:

–Vốn không có một vật nào là của Tăng chúng cả, nay đòi ghi chép thì làm sao được? Hết thảy vật là của tôi!

Rồng nghĩ: "Nay các vị Tỳ-kheo này thật khó có thể cung cấp! Nếu như vầy thì không thể chịu nổi." Thế rồi vào giữa đêm Long vương phá bỏ chùa biến hóa và trở về cung mình.

Bấy giờ trong nước Xá-vệ có năm trăm người đi buôn, cùng lập thề nguyện:

–Nếu muốn vào biển lớn thì những người đi buôn phải cùng nhau bàn luận, tìm cầu Pháp sư dẫn đường, chỉ dạy công việc.

Các người đi buôn sẽ luôn thưa hỏi pháp, do nghe lợi ích của pháp nên có thể đi, về thuận hợp.

Trong số những người đi buôn, có một trưởng giả, bảo:

–Tôi có một vị thầy, tên là Tăng Hộ, nên thỉnh vị ấy làm thầy. Vị ấy gồm đủ biện tài, đa trí, có thể thuyết pháp được.

Các người đi buôn đồng ý, nên cùng nhau đến chỗ thầy Tăng Hộ, đầu mặt làm lễ, thưa:

–Chúng con muốn vào biển lớn, nay xin thỉnh Đại đức làm thầy thuyết pháp. Vì chúng con nghe pháp lãnh hội, thì công việc đi về mới thuận lợi.

Tăng Hộ nói:

–Các người hãy đến thưa với Hòa thượng, nếu Hòa thượng cho phép thì tôi nhận lời.

Tỳ-kheo Tăng Hộ dẫn các người buôn đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất đầu mặt làm lễ dưới chân Tôn giả. Các người buôn thưa:

–Đám chúng con muốn vào biển lớn, nay thỉnh Tỳ-kheo Tăng Hộ làm thầy thuyết pháp. Cúi xin Tôn giả đồng ý cho.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Các người hãy đến thưa hỏi Đức Phật.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng Tỳ-kheo Tăng Hộ dẫn những người buôn đến làm lễ Đức Phật, chắp tay quỳ thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đám chúng con muốn vào biển lớn, xin thỉnh Tôn giả Tăng Hộ làm thầy thuyết pháp để luôn luôn được hỏi pháp, nhờ năng lực của việc nghe pháp mà được trở về toàn vẹn.

Biết Tỳ-kheo Tăng Hộ có thể hóa độ chúng sinh nên Đức Thế Tôn đã chấp thuận. Các người buôn hết sức vui mừng sung sướng, rồi cùng Pháp sư Tăng Hộ đi vào biển lớn, nhưng khi chưa đến chỗ chứa vật báu thì bị

Long vương kéo thuyền lại, không cho đi. Các người đi buôn rất kinh hãi, chắp tay quỳ ngước mặt, thưa:

–Vị thần nào đã giữ thuyền lại. Nếu muốn gì nên hiện nguyên hình?

Bấy giờ, Long vương bỗng nhiên hiện thân hình. Các người buôn hỏi:

–Ngươi muốn xin gì?

Long vương đáp:

–Hãy đem Tỳ-kheo Tăng Hộ cho ta.

Các người buôn nói:

–Tỳ-kheo Tăng Hộ từ chỗ Đức Thế Tôn và Tôn giả Xá-lợi-phất đã đồng ý nên thỉnh đến đây, làm sao cho ngươi được.

Long vương nói:

–Nếu không đưa cho ta thì tất cả các người sẽ bị nhận chìm chết sạch.

Lúc này các người đi buôn vô cùng sợ hãi, tự suy nghĩ: Chúng ta từng ở chỗ Đức Phật nghe kệ như vầy:

Thà bỏ một người
Để giữ một nhà
Thà bỏ một nhà
Để giữ mọt thôn.
Thà bỏ một thôn
Để giữ một nước
Thà bỏ của nước
Để giữ thân mạng.

Bấy giờ, các người buôn không còn cách nào khác, bèn đem Tỳ-kheo Tăng Hộ ra giao cho Long vương. Long vương vui mừng đưa về trong cung. Long vương có bốn rồng thông minh trí tuệ xin làm đệ tử Tăng Hộ.

Long vương thưa:

–Thưa Tôn giả! Hãy vì tôi mà giảng dạy cho bốn rồng này, mỗi con đều được trao cho một bộ A-hàm. Rồng thứ nhất dạy bộ Tăng nhất A-hàm. Rồng thứ hai dạy bộ Trung A-hàm. Rồng thứ ba dạy bộ Tạp A-hàm. Rồng thứ tư dạy bộ Trường A-hàm.

Tăng Hộ trả lời:

–Được rồi, tôi sẽ dạy chúng.

Tỳ-kheo Tăng Hộ liền giảng dạy cho chúng. Rồng thứ nhất yên lặng lắng nghe. Rồng thứ hai miệng tụng mà lại nhắm mắt. Rồng thứ ba quay cổ ra sau lắng nghe, còn rồng thứ tư thì ở đằng xa lắng nghe.

Bốn rồng này vốn thông minh trí tuệ. Trong vòng sáu tháng đã tụng

hết bốn bộ A-hàm, ghi nhớ kỹ trong lòng không sót điều gì.

Khi ấy, Đại Long vương đến chỗ Tăng Hộ quỳ lạy, thăm hỏi vấn an thầy có điều gì sầu muộn không?

Tăng Hộ trả lời:

–Tôi rất sầu muộn.

Long vương hỏi:

–Vì sao?

Tăng Hộ đáp:

–Người thọ trì pháp, chủ yếu phải có quy tắc. Các rồng này ở trong loài súc sinh, không có tâm tôn trọng phép tắc, không biết pháp Phật mà lại phụng trì, tụng đọc.

Long vương thưa:

–Thưa Đại đức! Đại đức không nên quở trách các rồng ấy. Vì sao? Vì chúng đang giữ tánh mạng thầy đó. Rồng có bốn chất độc nên không thể theo đúng như pháp để thọ trì, đọc tụng. Vì sao? Vì rồng im lặng thọ trì là do nó có chất độc nơi âm thanh, nên không thể theo như pháp, nếu nó phát ra tiếng ắt hại đến tánh mạng của thầy, do đó nó đã im lặng để lắng nghe. Còn rồng nhắm mắt thọ trì vì mắt nó có chất độc nên không thể theo như pháp, nếu nó nhìn thẳng vào thầy thì ắt hại đến tánh mạng thầy, vì thế mà phải nhắm mắt. Con quay đầu ra sau để thọ trì vì có chất độc nơi khí nên không thể theo như pháp, nếu nó hà hơi ắt thầy sẽ bị hại, do đấy nó quay đầu ra sau để nghe giảng. Rồng ở xa để thọ trì vì nó có chất độc nơi xúc chạm nên không thể theo như pháp, nếu thân nó xúc chạm vào thầy ắt sẽ hại thầy, vì vậy mà nó phải đứng ở xa.

Bấy giờ, các người đi buôn đã lấy được của báu cùng trở về đến chỗ mất thầy, họ bàn với nhau:

–Trước đây chúng ta đã bị mất thầy tại chỗ này. Nếu nay trở về Đức Thế Tôn, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Mục-kiền-liên và các Tôn giả hỏi chúng ta Pháp sư Tăng Hộ đâu thì sẽ thưa nói như thế nào?

Khi ấy, biết các người buôn đang trở về, Long vương bèn đem Pháp sư Tăng Hộ giao cho họ và nói:

–Đây là Tỳ-kheo Tăng Hộ, thầy của các ông.

Các người buôn gặp lại thầy nên vui mừng khôn xiết, tất cả đều bình an trở về đất liền.

Tăng Hộ hỏi các người buôn:

–Đường thủy và đường bộ, nên đi đường nào?

Các người buôn trả lời:

–Đường thủy rất xa, phải mất sáu tháng, mà lương thực sắp hết, không thể về kịp được, nên chọn cách thuận tiện là đi đường bộ.

Trên đường đi họ dừng lại nghỉ, Tỳ-kheo Tăng Hộ nói với các người buôn:

–Tôi sẽ ngủ riêng. Khi các ông lên đường trời còn tối thì hãy kêu tôi thật to.

Các người buôn vâng dạ.

Tỳ-kheo Tăng hộ bèn rời chúng ngủ riêng bên ngoài. Đầu đêm tọa thiền, giữa đêm thì ngủ. Các người buôn vào lúc giữa đêm thì thức dậy, sửa soạn lên đường cùng nhau nói là để gọi thầy Tăng Hộ, nhưng cuối cùng đều quên nên không ai gọi cả. Càng về sáng, mưa gió lại nổi lên, Tỳ-kheo Tăng Hộ tỉnh dậy, gọi lớn nhưng chẳng có ai trả lời, bèn nghĩ: "Như vậy là tội rất lớn, các bạn đã bỏ ta mà đi".

Tỳ-kheo Tăng Hộ lạc mất bạn đường nên đi một mình. Đi chưa xa, Tỳ-kheo Tăng Hộ nghe tiếng kiền chùy nên lần theo tiếng ấy mà hướng đến chùa. Trên đường đi, Tăng Hộ gặp một người, liền hỏi:

–Vì sao mà phải có đánh kiền chùy?

Người kia trả lời:

–Là để cùng đi vào nhà tắm.

Tăng Hộ nghĩ: "Ta từ xa tới đây, có thể đến phòng tắm của chúng Tăng." Nghĩ vậy rồi, Tăng Hộ vào phòng tắm Tăng trông thấy rất nhiều người hình tướng giống chúng Tăng và cùng nhau vào căn phòng thấp ẩm, thấy các dụng cụ để tắm rửa nào y tắm, bình, lu đựng nước, cả nhà tắm đều cháy đỏ rực. Tỳ-kheo Tăng Hộ thấy các Tỳ-kheo kia vào trong phòng tắm với lửa đang cháy khiến cho gân thịt tiêu tan, cả xương đều như tim đèn cháy. Tăng Hộ kinh hãi, hỏi các Tỳ-kheo kia:

–Các ông là người gì thế?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Là người cõi Diêm-phù-đề, vì tánh khó có lòng tin. Ông hãy đến chỗ Phật hỏi.

Tăng Hộ sợ quá nên bỏ chạy, chưa xa lắm lại gặp một ngôi chùa, trang nghiêm, rộng lớn, đẹp và sạch, lại cũng nghe tiếng kiền chùy. Thấy Tỳ-kheo, Tăng Hộ hỏi:

–Vì sao mà đánh kiền chùy?

Tỳ-kheo đáp:

–Vì chúng Tăng ăn cơm.

Tăng Hộ suy nghĩ: "Ta nay từ xa đến đây rất đói khát cũng cần có chút gì để ăn." Vào chùa, Tăng Hộ thấy Tăng chúng tập họp, còn đồ đựng thức ăn và tọa cụ trải ra đều cháy đỏ rực. Mọi người vào phòng ăn cũng đều cháy bùng lên, giống như trước không khác. Tăng Hộ hỏi:

–Các ông là người gì?

Họ cũng trả lời như trước, Tăng Hộ kinh hãi liền bỏ đi thật nhanh. Đi chưa được bao xa, Tăng Hộ lại gặp một ngôi chùa trang nghiêm như trước. Vào phòng Tăng, Tăng Hộ thấy các Tỳ-kheo ngồi trên giường lửa cùng nhau đánh đập cho thịt nát, gân rớt, ngũ tạng, cốt, tủy cũng cháy như tim đèn. Tăng Hộ hỏi:

–Các ông là người gì?

Các Tỳ-kheo trả lời:

–Người cõi Diêm-phù-đề, vì tánh khó tin, hãy về hỏi Đức Phật sẽ rõ.

Tăng Hộ cũng sợ quá nên lại bỏ đi thật nhanh. Chưa bao xa, lại gặp một ngôi chùa cũng giống như trước. Vào chùa, Tăng Hộ thấy chúng Tăng đang cùng nhau ngồi ăn. Các Tỳ-kheo đó bảo:

–Ông hãy đi đi.

Tăng Hộ còn chần chừ chưa kịp đi, thì thấy trong bát của các Tỳ-kheo kia chỉ là phân người, nước sôi bắn tung ra. Khi ấy, các Tỳ-kheo đều cùng ăn nuốt, ăn rồi, bị lửa thiêu đốt làm cho cổ họng và ngũ tạng thành tan khói chảy xuống rồi ra ngoài. Thấy vậy, Tăng Hộ kinh hãi vội bỏ đi thật nhanh. Đi chưa được xa, Tăng Hộ lại thấy một ngôi chùa cũng trang nghiêm giống như trước. Tăng Hộ liền vào phòng Tăng, thấy các Tỳ-kheo cầm chùy sắt đánh đập lẫn nhau khiến thịt xương nát vụn như bụi. Thấy vậy, Tăng Hộ càng sợ quá nên bỏ đi. Chưa được xa, Tăng Hộ lại thấy một ngôi chùa trang nghiêm, đẹp đẽ cũng giống như trên, Tăng Hộ liền vào phòng Tăng, nghe tiếng kiền chùy, nên hỏi:

–Vì sao đánh kiền chùy?

Các Tỳ-kheo trả lời:

–Vì sắp sửa uống nước ngọt.

Tỳ-kheo Tăng Hộ tự nghĩ: "Ta nay đói khát quá cần phải uống nước ngọt." Nghĩ xong, Tăng Hộ vào phòng chúng Tăng, thấy các đồ đựng thức ăn, giường nằm tọa cụ, còn các Tỳ-kheo thì mắng nhiếc, sỉ nhục nhau. Trong các đồ đựng thức ăn thì chứa đầy nước đồng sôi. Các thầy Tỳ-kheo đều cùng bưng uống, uống xong thì lửa cháy khiến cổ họng và ngũ tạng

đều biến thành than lửa, chảy xuống bên dưới. Thấy vậy, Tăng Hộ rất kinh hãi nên vội bỏ đi. Lát sau Tăng Hộ thấy một vùng thịt lớn, lửa cháy hừng hực, tiếng kêu la đau đớn thống khổ không thể chịu nổi. Thấy vây, Tăng Hộ càng hoảng sợ, vội vã bỏ đi. Chưa bao xa, lại thấy một khoảng đất rộng giống như trên, Tăng Hộ tiến đến phía trước, thấy một vò thịt lớn đều bị thiêu cháy đỏ, đau nhức không thể chịu nổi, như trên không khác. Tiến thêm nữa, Tăng Hộ cũng gặp một cái vò thịt, đều bị lửa cháy, giống như trên. Đi nữa, Tăng Hộ lại thấy một bình thịt bị lửa đốt cháy, có tiếng kêu là rùng rợn. Đi nữa, Tăng Hộ cũng gặp một bình thịt bị lửa thiêu cháy hừng hực giống như trên. Tiến tới tiếp, Tăng Hộ lại thấy một con suối toàn là da, lửa cháy đỏ rực làm cho da tan nát với tiếng, la hét kinh hồn cũng giống như trên. Thấy vậy, Tăng Hộ càng thêm sợ hãi bỏ đi. Chặp sau lại thấy một khối thịt lớn bị lửa đốt cháy đỏ rực, khổ não như trên. Tăng Hộ bỏ đi tiếp, lại thấy một Tỳ-kheo tay cầm dao bén tự cắt mũi mình, cắt xong lại mọc ra, mọc ra lại cắt tiếp, cứ như vậy không dứt. Tăng Hộ bỏ đi tiếp, lại thấy một Tỳ-kheo tay cầm búa bén tự chặt lưỡi mình, chặt rồi lại mọc ra, lại chặt như trước không khác, Tăng Hộ đi tiếp, thấy một Tỳ-kheo đứng một mình trong nước, tự xướng lên không dứt: "Nước, nước", chịu đủ thứ đau đớn, khổ sở.

Tăng Hộ bỏ đi tiếp, thấy một Tỳ-kheo ở trong vườn gai sắt, đứng trên gai sắt nhọn kêu gào, khổ não giống như trước. Tăng Hộ đi tiếp, thấy một tòa nhà bằng thịt bị lửa cháy đỏ, kêu gào thống khổ, giống như trên. Tăng Hộ đi tiếp, thấy một cây cọc thịt, hình như ngà voi, lửa thiêu cháy đỏ rực, đau đớn như trước. Tăng Hộ lại tiến tới nữa, gặp con lạc đà, thân thể bị lửa đốt, kêu gào khổ sở. Tăng Hộ bỏ đi tiếp, thấy một con ngựa, thân thể cũng bị lửa đốt, kêu gào rùng rợn. Đi nữa, Tăng Hộ gặp một con voi trắng, thân thể cũng bị thiêu đốt khổ não như trên. Tăng Hộ bỏ đi, lại gặp một con lừa cũng bị lửa thiêu đốt dữ dội. Bỏ đi, Tăng Hộ lại gặp một con dê cũng bị lửa đốt thân, khổ não tột bực. Tăng Hộ đi tiếp, lại gặp một đài thịt, lửa bốc cháy hừng hực. Tăng Hộ đi nữa, lại gặp một đài thịt giống như trên. Đi nữa, Tăng Hộ thấy một phòng thịt, lửa dữ đốt thân, kêu gào đau đớn. Tăng Hộ đi tiếp, gặp một rừng thịt, cũng có tiếng kêu gào đau khổ. Tăng Hộ bỏ đi tiếp, lại gặp một giường thịt, bị lửa đốt thân, cũng như trên không khác. Tăng Hộ đi nữa, gặp một cân thịt lửa đốt co giãn khổ não như trước. Tăng Hộ đi nữa, gặp một giường dây thịt lửa đốt rất khổ não, cũng như trước không khác. Tăng Hộ tiến tới, gặp một vách thịt, lửa đốt lay động, khổ não giống như trước. Tiến tới, Tăng Hộ gặp một sợi dây thịt, lửa đốt cứ mãi co giãn, giống

như trên. Tăng Hộ đi tiếp, gặp một hầm xí phân dơ lình bình. Tăng Hộ đi nữa, gặp một tòa cao, trên có Tỳ-kheo nhiếp tâm ngồi thẳng, bị lửa dữ thiêu đốt, đau khổ cũng như trên. Tăng Hộ lại đi nữa, cũng gặp một tòa cao có Tỳ-kheo chịu khổ giống như trước. Đi nữa, Tăng Hộ gặp kiền chùy bằng thịt, bị thiêu đốt dữ dội giống như trước. Tăng Hộ đi tiếp, gặp một Hồ-kỳ-chi thịt tên là Câu-tu-la bị lửa đốt thân, chịu khổ như trước. Lại tiến lên, Tăng Hộ lại gặp một Câu-tu-la thịt khổ như trên. Tăng Hộ đi nữa, gặp một núi thịt lớn, lửa dữ đốt cháy tan nát, kêu la chấn động, khổ cực như trước. Tăng Hộ lại gặp cây Tu-mạn-na hoa bị lửa đốt chịu khổ cũng như trên. Tăng Hộ đi nữa, gặp cây Tu-mạn-na hoa lửa đốt, phát tiếng kêu thống khổ như trên không khác. Đi tiếp, Tăng Hộ gặp cây trái thịt, lửa đốt phát ra tiếng kêu khổ não như trên. Tăng Hộ lại đi nữa, gặp cây trái toàn là thịt, lửa đốt cháy đỏ, khổ não cũng như trên. Đi mọt đoạn, Tăng Hộ gặp một cây bị lửa đốt dữ dội, như trước. Tăng Hộ đi tiếp, gặp một trụ thịt bị lửa dữ thiêu đốt. Đi tiếp, Tăng Hộ gặp một trụ thịt bị ngục tốt chặt phá, khổ não như trước. Tăng Hộ đi tiếp, gặp một trụ thịt lửa đốt chịu khổ cũng như trước. Tăng Hộ đi tiếp, gặp một trụ thịt, lửa đốt cháy rực khổ cũng như trước. Tăng Hộ đi tiếp, gặp mười bốn cây thịt, lửa đốt dữ dội chịu khổ như trên. Đi tiếp, Tăng Hộ thấy hai vị Tỳ-kheo dùng gậy đánh nhau, làm cho đầu bể não tan, máu mủ chảy ra, tiêu nát, rồi sinh trở lại, cuối cùng lại như ban đầu, khổ không dừng nghỉ. Tỳ-kheo Tăng Hộ đi một chút nữa, thấy hai vị Sa-di ôm nhau ngủ, lửa dữ đốt thân, khổ không dừng nghỉ. Thấy vậy Tỳ-kheo Tăng Hộ kinh hãi hỏi Sa-di:

–Ông là người thế nào mà chịu khổ như vậy?

Sa-di trả lời:

–Người cõi Diêm-phù-đề, bị tánh khó tin, thầy đến chỗ Đức Thế Tôn để hỏi.

Thấy vậy, Tỳ-kheo Tăng Hộ sợ hãi bỏ đi. Từ xa, trông thấy rừng cây tươi tốt, sum suê nên liền đi đến. Tới nơi, Tăng Hộ thấy năm trăm vị Tiên đang dạo chơi trong rừng thấy Tăng Hộ, Tiên nhân đuổi bảo tránh ra. Họ nói với nhau:

–Đệ tử của Thích-ca làm uế tạp khu vườn chúng ta.

Tỳ-kheo Tăng Hộ xin các vị Tiên nhân cho tá túc một đêm rồi mai sẽ đi sớm. Trong số các Tiên nhân, vị thượng tọa có lòng Từ bi, ra lệnh các Tiên nhỏ cho Sa-môn mượn một gốc cây. Tỳ-kheo Tăng Hộ liền được một gốc cây, trải tọa cụ bên cạnh gốc cây, rồi ngồi kiết già. Đầu đêm,

Tăng Hộ diệt trừ năm thứ ngăn che, làm chướng ngại, giữa đêm thì ngủ nghỉ, cuối đêm lại ngồi thẳng, cao tiếng tụng kệ.

Bấy giờ, các Tiên nhân nghe tiếng kệ liền giác ngộ về tánh không, chứng quả Bất hoàn *(A-na-hàm)* thấy pháp hoan hỷ nên đến chỗ Sa-môn, đầu mặt làm lễ, xin lễ bái Sa-môn thọ ba quy y, ở trong pháp Phật xin được xuất gia. Khi ấy, Tỳ-kheo Tăng Hộ liền độ cho các Tiên nhân theo đúng như pháp mà xuất gia, dạy pháp tu thiền, không bao lâu đắc định, chứng quả A-la-hán. Như cây chiên-đàn bao quanh cây chiên-đàn Tỳ-kheo đắc đạo, Hiền thánh làm chúng.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Tăng Hộ cùng các đệ tử đi đến tinh xá Kỳ hoàn trong nước Xá-vệ, tới chỗ Phật, mọi người đầu mặt đảnh lễ dưới chân rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, Đức Thế Tôn ân cần hỏi:

–Trên đường đi các vị có mỏi mệt không? Khất thực có dễ không?

Tỳ-kheo Tăng Hộ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con đi đường rất khỏe, không mệt, khất thực dễ dàng, không khổ cực, nay được diện kiến Thế Tôn.

Lúc này, Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp mầu cho đại chúng, Tỳ-kheo Tăng Hộ bèn đến trước Đức Thế Tôn, giữa chúng Tăng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trên đường đi con đã thấy những sự việc nơi địa ngục, cúi xin Thế Tôn hãy nói rõ về nhân duyên từ kiếp trước cho con và đại chúng được biết.

Đức Phật bảo Tăng Hộ:

–Những gì ông thấy trước đây về các Tỳ-kheo nơi phòng tắm, đó không phải là Tỳ-kheo, cũng không phải là phòng tắm. Đấy là những người ở địa ngục. Các tội nhân này vào thời Phật Ca-diếp đều xuất gia làm Tỳ-kheo, nhưng không nương vào giới luật, chỉ thuận theo tình lý ngu tối của riêng mình, lấy đồ tắm và các vật dùng khác của Tăng chúng tùy ý sử dụng. Tỳ-kheo trì luật luôn nêu dạy quy tắc nhưng họ không chịu nghe. Từ khi Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn đến nay, những kẻ ấy phải chịu khổ báo trong địa ngục, đến giờ vẫn chưa hết.

Ông thấy ngôi chùa thứ hai cũng không phải chùa Tăng, lại chẳng phải là Tỳ-kheo, đó cũng là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, họ đều là người xuất gia, năm đức không đủ. Các nhà đàn-việt tạo lập chùa tháp đều cúng dường đầy đủ lý sự. Đàn-việt mới phát tâm khi xây chùa cốt yếu là đánh kiền chùy với ý nguyện để giúp đỡ rộng rãi, nhưng các Tỳ-kheo đó không đánh kiền chùy, chỉ im lặng thọ dụng, khách Tỳ-kheo đến chùa không được thức ăn uống nên trở về với bình bát không. Vì nhân

duyên ấy nên bị khổ báo nơi giường lửa, đánh đập nhau, gân thịt tan nát, xương như tim đèn cháy. Từ khi Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn đến nay, mãi chịu khổ báo như vậy nơi địa ngục đến giờ vẫn chưa hết.

Ông gặp chùa thứ ba, không phải là chùa Tăng, cũng không phải là chúng Tỳ-kheo, đó cũng là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp họ đều làm người xuất gia nhưng bê trễ, ở chung với nhiều người, cùng nói với nhau: "Bây giờ chúng ta có thể cùng thỉnh một Tỳ-kheo trì luật và làm pháp sự để có thể theo như pháp." Tức thì tìm kiếm và được một Tỳ-kheo trì luật đảm nhận các công việc kể trên. Tỳ-kheo tịnh hạnh trì luật này lại tìm được các Tỳ-kheo đồng hành. Bấy giờ, số Tỳ-kheo tịnh hạnh dần dần tăng lên bèn đuổi những kẻ phá giới ra khỏi chùa. Khi ấy, các kẻ phá giới vào nửa đêm đã dùng lửa đốt chùa, tiêu diệt các Tỳ-kheo tịnh hạnh kia. Vì nhân duyên đó nên phải bị quả báo tay cầm chùy sắt đánh đập giết nhau. Từ khi Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn đến nay phải chịu vô số khổ não nơi địa ngục đến giờ vẫn chưa hết.

Ngôi chùa ông thấy thứ tư, chẳng phải là chùa Tăng, cũng chẳng phải là Tỳ-kheo, đó cũng là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp họ đều làm người xuất gia luôn sống trong chùa. Một hôm có các thí chủ đem thịt mỡ đến cúng dường, nên chia cho Tăng chúng hiện tiền. Bấy giờ, có khách Tăng đến, Tỳ-kheo sống ở đó lâu hơn vì tâm tham lận nên đợi khách Tăng đi rồi mới đem ra chia, chưa kịp chia thì thấy giòi bò ra, hôi thối rữa nát, phải quăng ra ngoài. Vì nhân duyên đó mà bị đọa vào địa ngục, phải ăn uống phân dơ. Từ khi Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn đến nay chịu khổ không ngừng.

Ngôi chùa thứ năm mà ông thấy thì chẳng phải là chùa Tăng, cũng chẳng phải là Tỳ-kheo, đó cũng là người nơi địa ngục. Vào thời Ca-diếp họ đều là người xuất gia, vào giờ thọ thực đều không ăn đúng như pháp, lại ác khẩu, mắng nhiếc nhau. Vì nhân duyên đó mà bị khổ báo nơi giường sắt nóng trong các đồ đựng những thức ăn bất tịnh thì nước sôi tung tóe tràn lan, gân thịt tiêu tan, xương như bó đuốc. Từ khi Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn đến nay phải chịu khổ báo không ngừng.

Ngôi chùa thứ sáu mà ông gặp đó chẳng phải là chùa Tăng, cũng chẳng phải là các Tỳ-kheo, đó cũng là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp họ đều là người xuất gia, không đánh kiền chùy, mà lại im lặng cùng nhau uống nước ngọt, sợ Tăng bên ngoài đến. Do tham lam, bỏn sẻn như thế nên bị đọa vào địa ngục, uống nước đồng sôi. Từ khi Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn đến nay mãi bị khổ báo không ngừng.

Đức Phật lại bảo Tỳ-kheo Tăng Hộ:

–Vùng đất thứ nhất ông gặp chẳng phải là mặt đất, đó cũng là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp họ đều là người xuất gia, ruộng của chúng Tăng mà tự ý trồng trọt, không chia hoa lợi cho chúng Tăng. Lúc đó, vị Tỳ-kheo trì luật y vào giới pháp quở trách: "Vì sao thầy không trả hoa lợi cho Tăng chúng?"

Tỳ-kheo ấy ỷ vào thế của quan quyền không chịu nghe, lại trả lời: "Tôi là người ở của thầy chăng? Nếu thầy có sức mạnh sao không tự gieo trồng?" Vì nhân duyên đó mà bị đại khổ báo trong địa ngục. Từ khi Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn đến nay mãi chịu khổ không ngừng.

Vùng đất thứ hai mà ông gặp chẳng phải là mặt đất, mà chính là tội nhân. Vào thời Phật Ca-diếp họ là người bạch y, trồng trọt nơi ruộng của Tăng chúng mà không chia hoa lợi cho Tăng. Vì nhân duyên đó mà bị đọa vào địa ngục làm đất thịt lớn, chịu các khổ báo đến nay chưa hết.

Bình thịt thứ nhất mà ông thấy, chẳng phải là bình thịt mà chính là tội nhân. Vào thời Phật Ca-diếp, đó là hàng thượng tọa trong chúng Tăng, nhưng không ngồi thiền, tụng kinh, không hiểu giới luật, chỉ biết ăn no ngủ kỹ, bàn luận về những điều không ích lợi, luôn ăn trước những món cúng dường ngon. Vì nhân duyên đó mà bị đọa vào địa ngục, làm bình thịt lớn bị lửa thiêu đốt, khổ não, cho đến nay vẫn chưa hết.

Bình thịt thứ hai mà ông gặp, chẳng phải là cái bình mà là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, là người xuất gia nhưng năm đức không đủ, lo phần nhà bếp cho Tăng chúng, những đồ cúng dường ngon ngọt thì ăn trước, còn dọn cho Tăng chúng những món dở. Vì nhân duyên đó mà bị đọa vào địa ngục, làm bình thịt lớn bị lửa thiêu đốt, chịu khổ báo đến nay vẫn chưa hết.

Bình thịt thứ ba mà ông gặp, chẳng phải là cái bình mà là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, là người cung cấp thức ăn uống cho Tăng chúng. Lúc làm công việc ấy những món ngon ngọt thì tự ăn trước, hoặc đem cho vợ con, còn món dở thì dọn cho chúng Tăng dùng. Vì nhân duyên đó mà bị đọa vào địa ngục làm bình thịt lớn, bị lửa đốt khổ não, đến nay vẫn không hết tội.

Đức Phật lại bảo Tỳ-kheo Tăng Hộ:

–Cái bình thứ nhất ông trông thấy đó chẳng phải là bình mà là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, làm người xuất gia, giữ nhà bếp cho Tăng chúng, cái đáng ăn vào buổi sáng thì cất lại qua ngày sau, thức ăn ngày sau thì để đến ngày kia. Vì nhân duyên đó mà bị đọa vào địa ngục làm

bình thịt lớn, chịu khổ báo bị lửa đốt, đến nay vẫn chưa dứt.

Cái bình thứ hai ông thấy đó chẳng phải là cái bình mà là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp là người xuất gia, thường sống trong chùa. Có đàn-việt đem đến một bình bơ để cúng dường cho Tăng hiện tiền, ai cũng được phần. Người tri sự này thấy có khách Tăng đến, liền lấy bơ giấu đi. Đợi khách Tăng ra về sau đó mới đem chia. Vì nhân duyên ấy mà bị đọa vào địa ngục, làm bình thịt lớn, chịu khổ báo bị lửa đốt, đến nay vẫn không hết.

Ông gặp người đứng yên trong nước đó, chẳng phải là Tỳ-kheo mà là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp kẻ ấy là người xuất gia gánh nước cho Tăng chúng. Thấy Tăng chúng dùng nước ban đầu thì ít, sau thì quá nhiều nên vừa ý vị nào thì cho đủ nước, còn các vị khác thì không cung cấp. Do nhân duyên đó mà bị đọa vào địa ngục, đứng một mình trong nước, kêu "nước, nước" chịu đại khổ báo như vậy, đến nay vẫn chưa hết.

Cái vò lớn ông đã gặp, chẳng phải là cái vò lớn, mà chính là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ đó là người xuất gia, vì Tăng chúng làm Tri sự, những thứ trái cây ngon, thơm thì ăn trước, còn dọn trái chua, dở cho chúng Tăng. Thấy hợp ý với ai thì lựa cho trái ngon. Vì không bình đẳng mà bị đọa vào địa ngục, làm vò thịt lớn, chịu khổ báo bị lửa đến nay vẫn chưa hết.

Ông thấy vị Tỳ-kheo cầm dao xẻo mũi, đó không phải là Tỳ-kheo mà là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp kẻ ấy làm người xuất gia, hỷ mũi làm ô uế khu đất sạch của chúng Tăng. Vì nhân duyên này mà bị đọa vào địa ngục, tự cầm dao xẻo mũi mình, chịu khổ báo bị lửa đốt đến nay vẫn còn.

Ông thấy vị Tỳ-kheo cầm búa bén chặt lưỡi của mình, đó không phải là Tỳ-kheo, mà là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp kẻ đó xuất gia làm Sa-di, nhận công việc phân chia đường phèn cho chúng Tăng, khi dùng dao chặt đường ra từng cục nhỏ trên dao còn dính chút ít đường phèn, Sa-di bèn liếm ăn. Vì nhân duyên đó mà bị khổ báo tự chặt lưỡi, đến nay vẫn chưa dứt.

Đức Thế Tôn lại bảo Tỳ-kheo Tăng Hộ:

–Con suối ông đã trông thấy đó chẳng phải là nước suối, mà là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp người đó xuất gia làm Sa-di, chia đường phèn cho Tăng rồi tự lấy nếm trước, sau còn dư lại đem đưa cho chúng Tăng, nên bị thiếu chia khắp không đủ. Vì nhân duyên đó mà bị đọa vào địa ngục làm suối thịt lớn, bị lửa thiêu đốt cháy tan rã, chịu đại khổ

báo, đến giờ vẫn cõi Phật chưa hết.

Ông thấy vị Tỳ-kheo đứng trên gai nhọn, đó chẳng phải là Tỳ-kheo, mà là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ ấy là người xuất gia, luôn ác khẩu, mắng nhiếc các Tỳ-kheo. Vì nhân duyên đó mà bị đọa vào địa ngục, đứng trên gai nhọn sắt, chịu khổ báo bị lửa thiêu đốt, đến nay vẫn chưa dứt.

Ông thấy chiếc xe thịt, đó chẳng phải xe thịt, mà cũng là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ đó là người xuất gia, sống trong chùa mà không đủ năm đức, giữ coi việc nhà bếp cho Tăng chúng, những thức ăn ngon ngọt thì ăn trước, hoặc lấy đem cho nhà bạch y, lại dọn chúng Tăng ăn không bình đẳng. Vì nhân duyên ấy mà chịu khổ báo trong địa ngục, đến nay vẫn còn.

Ông thấy cái cọc thịt, thật ra không phải là cái cọc, mà là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ ấy là người xuất gia, thường trụ trong chùa, trên tường vách của Tăng chúng đóng đầy các cọc, đó chẳng phải là việc làm của Tăng, rồi treo y bát của mình lên. Vì nhân duyên đó mà bị đọa vào địa ngục làm cái cọc thịt, bị lửa đốt chịu khổ báo đến nay vẫn chưa hết.

Đức Phật lại nói với Tỳ-kheo Tăng Hộ:

–Con lạc đà ông đã gặp thật ra chẳng phải là lạc đà mà là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ đó là người xuất gia làm Thượng tọa trong chùa, luôn giữ lấy phần thức ăn của một, hai người. Có vị Tỳ-kheo trì luật theo như pháp mà chỉ dẫn, nói: "Pháp của Thượng tọa không nên làm như vậy." Khi ấy, Tỳ-kheo kia đó trả lời: "Thầy không biết gì cả! Tiếng nói giống như lạc đà. Trong chúng Tăng này tôi là Thượng tọa, chú nguyện thuyết pháp có khi đọc kệ tụng, công sức khổ nhọc đáng nhận phần nhiều hơn, vì sao thầy lại quở trách tôi." Vì nhân duyên đó mà bị đọa trong địa ngục, làm thân lạc đà, bị lửa đốt phải kêu gào, khổ não, đến nay vẫn chưa hết.

Ông thấy con ngựa, thật ra không phải là ngựa mà cũng là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ ấy là một vị Tăng luôn lấy đồ cúng dường của Tăng ăn uống quá phần, hoặc đem cho quyến thuộc, hay các cư sĩ quen biết. Có các Tỳ-kheo biết được trách cứ: "Thầy không nên làm như vậy!" Tỳ-kheo kia ác khẩu cự lại: "Các thầy giống như loài ngựa, ăn mãi không no! Tôi đã vì Tăng chúng làm nhiều việc khổ cực, công lao đáng được thọ lãnh nhiều hơn chứ", vì nhân duyên đó mà bị đọa vào địa ngục làm thân ngựa, bị lửa thiêu đốt chịu đại khổ báo, đến nay vẫn còn.

Ông thấy con voi ấy, thật ra không phải là voi mà chính là người nơi

địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ đó là người xuất gia, giữ nhà bếp cho Tăng chúng. Có các đàn-việt đem những vật cúng dường đến cúng cho chúng Tăng. Sau khi ăn, đàn-việt hỏi: "Thưa Đại đức! Lúc này vẫn còn có thể đánh kiền chùy tập hợp, để cúng dường nữa không?" Tỳ-kheo ấy lại ác khẩu trả lời: "Các Tỳ-kheo đó khác gì loài voi trắng, ăn rồi mà không no hay sao, vừa ăn xong lại còn đòi đánh kiền chùy để ăn nữa?"

Nói xong, ông bèn giữ thức ăn lại để ngày hôm sau. Vì nhân duyên ấy mà bị đọa trong địa ngục làm thân voi trắng, bị lửa thiêu đốt không thể chịu đại khổ não, đến nay vẫn còn.

Ông thấy con lừa đó, thật ra chẳng phải là lừa, mà cũng là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ đó là người xuất gia giữ nhà bếp cho Tăng, nhưng không đủ năm đức, những lúc phân chia thức ăn uống, tự mình luôn nhận phần của hai, ba người. Tỳ-kheo trì luật quở trách. Tỳ-kheo này trả lời: "Tôi giữ nhà bếp và vườn cây ăn trái cho Tăng chúng, công lao khổ nhọc, ông và các Tỳ-kheo không biết công ơn của tôi gì cả! Thật chẳng khác gì con lừa, chỉ lo bản thân mình, sao không im lặng đi?" Do nhân duyên đó mà bị đọa vào địa ngục làm thân lừa chịu khổ báo đến nay vẫn chưa hết.

Ông thấy con dê đực, thật ra đó là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ ấy là người xuất gia làm chủ một ngôi chùa, mọi việc trong ngoài đều kiểm soát nhưng không dạy dỗ các đệ tử. Các Tỳ-kheo nhỏ không theo đúng như pháp trong những lúc đánh kiền chùy. Các thầy Tỳ-kheo trì luật nói: "Thủ tọa chùa sao đánh kiền chùy mời chúng Tăng tập hợp không đúng giờ giấc?" Tỳ-kheo trụ trì trả lời: "Tôi gánh vác công việc của chúng Tăng rất là khổ nhọc. Tỳ-kheo các ông giống như con dê đực chỉ biết mỗi việc ăn uống, sao không tự mình đánh đi?" Vì nhân duyên đó mà bị đọa vào địa ngục, làm thân dê đực bị lửa thiêu đốt đau khổ dữ dội, đến nay vẫn chưa hết.

Bấy giờ Đức Phật lại nói với Tỳ-kheo Tăng Hộ:

–Cái đài thịt mà ông đã gặp thật ra chính là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ ấy là người xuất gia giữ công việc trải tọa cụ cho Tăng chúng, lại đóng cửa phòng, gài kỹ cửa sổ rồi bỏ đi chơi khắp nơi, khiến chúng Tăng không thể vào phòng để trải tọa cụ được. Vì nhân duyên này mà bị đọa vào địa ngục làm cái đài thịt lớn, bị lửa thiêu đốt khổ não, đến nay vẫn chưa hết.

Cái đài thịt ông thấy thứ hai không phải là đài mà chính là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ đó là người xuất gia làm chủ một ngôi

chùa, chọn phòng xá tốt đẹp để tự dùng riêng và cho những người quen biết, hoàn toàn không theo giới luật, tùy tiện chia phòng không bình đẳng. Vì nhân duyên này nên bị đọa trong địa ngục làm cái đài thịt lớn, chịu khổ trăm bề, đến nay vẫn còn.

Ông thấy cái phòng thịt ấy thật ra đó chính là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ ấy là người xuất gia, ở trong phòng của Tăng chúng cho là của mình nhất định không chịu dời chỗ, cũng không dựa theo giới luật để phân chia phòng theo thứ lớp. Do đó mà bị đọa vào địa ngục làm cái phòng thịt, bị lửa thiêu đốt khổ não, đến nay vẫn chưa hết.

Đức Phật nói tiếp:

–Ông thấy cái giường dây đó, thật ra không phải là giường mà chính là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ đó là người xuất gia, lấy giường dây của Tăng chúng. Không theo giới luật tự ý sử dụng riêng như đồ của chính mình, không chịu phân chia. Vì nhân duyên này mà bị đọa trong địa ngục làm giường dây thịt, chịu khổ lửa đốt, đến nay vẫn chưa hết tội.

Ông gặp cái giường dây thứ hai, thật ra ấy là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ đó là người xuất gia, phá giường dây của Tăng, rồi tự đem thiêu đốt. Vì nhân duyên này mà bị đọa vào địa ngục làm giường dây thịt, bị lửa thiêu đốt rất khổ não, đến nay mà vẫn chưa hết.

Ông thấy cái tọa cụ bằng thịt đó, thật không phải là tọa cụ mà cũng là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ ấy là người xuất gia, dùng tọa cụ của Tăng chúng, giống như của chính mình có, hay lấy chân giẫm đạp lên, không y theo giới luật. Vì nhân duyên đó mà bị đọa trong địa ngục, làm tọa cụ thịt, bị lửa đốt co giãn, chịu khổ trăm mối, đến nay vẫn chưa hết.

Ông thấy cây móc thịt đó, thật ra không phải là cây móc, mà chính là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ ấy là người xuất gia, lấy móc cầm tay của Tăng chúng xem như của chính mình, không sống theo giới luật, hoặc có khi đem hủy hoại đi. Vì nhân duyên ấy mà bị đọa trong địa ngục làm cây móc thịt bị lửa đốt khổ não, đến nay vẫn chưa hết.

Ông thấy cái giường dây thịt đó, thật ra không phải là giường dây, mà cũng là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ kia là người xuất gia, ỷ cậy vào thế lực của vua chúa, xem mình tựa như là bậc Thánh đức, bốn hàng đệ tử đều cùng lời khen ngợi. Bấy giờ vị Tỳ-kheo ấy im lặng nhận lời tán dương kia, khi được dâng giường dây tốt và các thức ăn uống thì vị Tỳ-kheo đó tiếp nhận với tâm xem mình như bậc Thánh. Vì nhân duyên ấy mà bị đọa vào địa ngục làm giường dây thịt, bị lửa thiêu đốt khổ não, đến

nay vẫn chưa hết.

Ông thấy cái vách thịt đó, thật ra chẳng phải là vách, mà chính là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ kia là người xuất gia, đóng cọc trên tường của chúng Tăng để treo các thứ y, bát của mình. Vì nhân duyên này mà bị đọa trong địa ngục làm vách thịt lớn, bị lửa thiêu đốt khổ não, đến nay vẫn chưa hết.

Sợi dây thịt ông đã gặp, thật ra không phải sợi dây mà chính là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, là người xuất gia lấy dây dùng của chúng Tăng tự sử dụng riêng. Vì nhân duyên này mà bị đọa trong địa ngục làm dây thịt lớn, bị lửa thiêu đốt rất khổ não, đến nay vẫn chưa hết.

Ông thấy hầm xí, thật ra không phải là hầm xí mà là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ kia là người xuất gia, đến chùa của Tỳ-kheo, đi đại tiểu tiện vào đất sạch của Phật, Tăng. Có Tỳ-kheo trì luật theo như pháp quở trách, nhưng không chịu nghe khiến mùi hôi thối bay vào chỗ ở của chúng tăng. Vì thế mà bị đọa trong địa ngục, làm hầm xí thịt, thọ khổ báo bị lửa thiêu đốt, đến nay vẫn chưa hết.

Ông thấy Pháp sư ngồi nơi tòa cao, thật ra không phải là Pháp sư, mà là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ kia là người xuất gia, không rành luật của Tăng, tội trọng nói khinh, tội khinh nói trọng. Người tội không có căn cứ lại nói có căn cứ, người có căn cứ lại nói không có căn cứ. Đáng sám hối nói không nên sám hối, không đáng sám hối thì bắt buộc phải sám. Vì nhân duyên ấy mà bị đọa trong địa ngục ngồi trên chỗ cao bị lửa thiêu đốt khổ não, đến nay vẫn chưa hết.

Ông thấy Pháp sư ngồi tòa cao thứ hai, đó cũng chính là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ ấy là Đại pháp sư, giảng nói pháp tà để được nhiều lợi dưỡng, nếu theo lý mà nói thì chẳng được bao nhiêu. Chánh pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là chánh pháp. Vì nhân duyên này mà bị đọa trong địa ngục ngồi trên cao chỗ bằng sắt, bị lửa thiêu đốt khổ não, đến nay vẫn chưa hết.

Ông thấy cái kiền chùy thịt kêu la, đó chẳng phải là kiền chùy mà chính là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ ấy là người xuất gia, lấy vật của Tam bảo, đánh kiền chùy phi pháp, dối trá làm pháp Yết-ma để lấy vật của chúng Tăng, tự mình thọ dụng. Vì lý do đó mà bị đọa trong địa ngục, làm kiền chùy bằng thịt, bị lửa thiêu đốt rất đau đớn, đến nay vẫn chưa hết.

Ông thấy Câu-tu-la, thật ra đó là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ kia là người xuất gia, làm chủ chùa Tăng, lấy thức ăn trong nhà

bếp của Tăng đem bán, lấy vật dùng làm y áo, làm mất phần cúng dường của Tăng. Vì nhân duyên đó mà bị đọa vào địa ngục làm Câu-tu-la bằng thịt, bị lửa thiêu đốt rất đau khổ, đến nay vẫn còn.

Ông thấy Câu-tu-la thứ hai, thật ra không phải Câu-tu-la mà chính là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ đó là người xuất gia, giữ chức Duy-na, phân phát vật dụng cho Tăng chúng, lấy vật của mùa xuân mà đổi thành mùa hạ, y áo vật dụng cho mùa hạ đem đến phần giữa mùa đông. Vì nhân duyên ấy mà bị đọa trong địa ngục làm Câu-tu-la thịt, bị lửa thiêu đốt rất khổ não, đến nay vẫn chưa hết.

Ông thấy núi thịt lớn ấy, thật ra đó cũng là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ kia là người xuất gia, làm Điển tọa của Tăng chúng mà không đủ năm đức, ít có uy lực nên hay trộm cắp vật của Tăng, làm mất y áo của Tăng chúng. Vì nhân duyên đó mà bị đọa trong địa ngục, làm núi thịt lớn, bị lửa thiêu đốt rất đau khổ, đến nay vẫn chưa dứt.

Đức Thế Tôn lại nói:

–Cây cột Tu-mạn-na ông thấy đầu tiên đó, thật ra không phải là một cây cột, mà chính là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ kia là người xuất gia, giữ pháp Phật. Bốn hàng đệ tử và các đàn-việt lấy hoa Tu-mạn-na rải cúng dường Phật. Hoa khô rồi, Tỳ-kheo ấy bèn quét lấy bán để dùng riêng cho mình. Vì nhân duyên đó nên bị đọa trong địa ngục, làm cây cột Tu-mạn-na, bị lửa thiêu đốt dữ dội, đến nay vẫn chưa dứt.

Cây cột Tu-mạn-na ông thấy tiếp theo, chẳng phải là cây cột mà chính là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ kia là người xuất gia, coi giữ việc cúng dường tháp. Bốn hàng đệ tử và các đàn-việt dùng dầu Tu-mạn-na, hoa đem cúng dường Phật, Tỳ-kheo bèn lấy bớt để dùng riêng cho mình. Vì nhân duyên này mà bị đọa vào địa ngục, làm cột Tu-mạn-na, bị lửa thiêu đốt chịu khổ báo, đến nay vẫn chưa hết.

Ông thấy cây hoa, thật ra cây đó là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ kia là người xuất gia, giữ vườn cây ăn trái cho Tăng chúng. Có hoa trái tốt thì lấy dùng riêng cho mình, hoặc cho người bạch y. Vì nhân duyên này mà bị đọa vào địa ngục làm cây hoa lớn, bị thiêu đốt khổ não, đến nay vẫn chưa dứt.

Ông thấy cây ăn quả ấy, thật ra không phải là cây ăn quả mà chính là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ ấy là người xuất gia, giữ vườn cho Tăng chúng, lấy trái thơm tươi tốt ăn một mình, hoặc đem cho hàng bạch y. Vì nhân duyên đó mà bị đọa trong địa ngục làm cây hoa thịt, chịu khổ báo bị lửa thiêu đốt, đến nay vẫn chưa dứt.

Ông thấy cây thịt, thật ra chẳng phải, cây ấy là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ kia là người xuất gia, làm việc gánh củi cho Tăng chúng, lấy củi của chúng Tăng đem vào phòng mình để dùng riêng, hoặc lấy cho người quen biết. Vì nhân duyên đó mà bị đọa trong địa ngục làm cây thịt lớn, chịu khổ báo bị lửa thiêu đốt, đến nay vẫn còn.

Đức Phật lại bảo Tỳ-kheo Tăng Hộ:

–Ông thấy cột thịt thứ nhất, thật ra trụ đó là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ kia là người xuất gia, thường trú trong chùa, đã phá trụ cột nơi tháp của Phật để dùng riêng cho mình. Vì nhân duyên đó mà bị đọa trong địa ngục làm cái cột thịt lớn, chịu khổ báo bị lửa thiêu đốt, đến nay vẫn còn.

Ông thấy cây cột thịt thứ hai, thật ra chẳng phải là cây cột mà là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ ấy là người bạch y, dùng dao lấy vàng thếp trên tượng Phật. Vì nhân duyên đó mà bị đọa vào địa ngục làm cây cột thịt, bị bọn ngục tốt cầm búa chặt thân, chịu khổ báo lửa dữ thiêu đốt, đến nay vẫn chưa dứt.

Ông thấy cây cột thịt thứ ba, thật ra cây cột ấy là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, kẻ kia là người xuất gia, làm việc cho Tăng chúng, dùng kèo cột của chùa đem cho bạch y. Vì nhân duyên đó mà bị đọa trong địa ngục làm cây cột thịt lớn, thọ khổ báo bị lửa thiêu đốt, đến nay chưa dứt.

Ông gặp bốn cây trụ, thật ra đó chính là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, họ là người xuất gia, năm đức không đủ, làm chủ trong đại chúng, vì chúng Tăng mà xử đoán sự việc, chỉ theo ý thích thương hay ghét, luôn sân, si, xử đoán các việc không công bằng. Vì nhân duyên đó mà bị đọa vào địa ngục làm bốn cây cột, chịu khổ báo bị lửa thiêu đốt, đến nay chưa dứt.

Ông gặp mười bốn cây đó, thật ra không phải là cây mà chính là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, họ đều là người xuất gia, thường trú trong chùa giữ việc phân chia tọa cụ, không y theo giới luật, cái tốt lấy cho mình, tùy tiện yêu ghét mà phân chia xấu tốt sai khác. Trong pháp Phật, Tỳ-kheo rất nhiều thì phải theo thứ lớp mà nhận. Vì không công bằng nên mười bốn người này bị đọa vào địa ngục làm cây thịt lớn, chịu khổ báo bị lửa thiêu đốt, đến nay vẫn chưa dứt.

Ông thấy hai vị Tỳ-kheo, thật ra không phải là Tỳ-kheo mà là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, họ đều là người xuất gia, ở trong đại chúng nhưng hay tranh cãi, đánh nhau. Vì nhân duyên đó mà bị đọa trong

địa ngục, bị lửa dữ thiêu đốt thân, bị khổ vì đánh nhau, đến nay chưa ngừng.

Ông thấy hai vị Sa-di, thật ra đó chính là người nơi địa ngục. Vào thời Phật Ca-diếp, cả hai đều là người xuất gia làm Sa-di, hai người luôn ôm nhau trong một tấm mền mà ngủ. Vì nhân duyên đó mà bị đọa vào địa ngục, bị lửa thiêu đốt, chịu khổ báo ôm nhau trong mền mùng, đến nay vẫn còn.

Đức Thế Tôn nói tiếp:

–Vì sao nay ta nói với ông những kẻ bị đọa vào địa ngục, người xuất gia thì nhiều mà hàng bạch y lại rất ít? Vì người xuất gia thường hay phạm giới, không thuận theo Tỳ-ni, khinh khi, mắng nhiếc nhau, lấy vật của chúng Tăng dùng riêng cho mình, phân chia thức ăn thì không công bằng, do đó mà nay Ta giảng nói rõ lại cho ông, để ông siêng năng trì giới, tôn trọng mà phụng trì.

Đức Thế Tôn lại bảo Tỳ-kheo Tăng Hộ:

–Ta nay nói với ông về những Tỳ-kheo ấy vào thời quá khứ làm người xuất gia mà phá giới, dù không tinh tấn nhưng bốn hàng đàn-việt thấy các Tỳ-kheo đó oai nghi giống như Tăng nên luôn cung kính Tăng bảo, cúng dường đầy đủ bốn thứ cần dùng cho họ. Hàng đàn-việt ấy còn có thể đạt được phước báo lớn vô lượng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn. Ta lại nói với ông về những tội nhân đã nêu. Đời trước xuất gia vì phạm vào vật của Tăng chúng mà bị đọa nơi đại địa ngục. Trong đời vị lai, nếu có các bạch y lấy vật dụng của chúng Tăng thì tội nặng hơn người xuất gia trước trăm ngàn vạn lần không thể nói hết. Ta lại nói với ông biết rằng, một Tỳ-kheo thuận theo giới luật ở trong Già-lam đúng như pháp mà hành đạo, đánh kiền chùy đúng giờ, nếu ai cúng dường cho vị ấy thì được phước vô lượng nói không thể hết, huống chi là cúng dường cho Tăng chúng khắp bốn phương.

Đức Thế Tôn lại bảo Tỳ-kheo Tăng Hộ:

–Hoặc người xuất gia, làm việc cho Tăng chúng mà khó hành trì tịnh giới. Xét các Tỳ-kheo ấy khi mới xuất gia ưa thích hành trì tịnh giới, có tâm cầu Niết-bàn, vậy những khi bốn hàng đàn-việt đưa đồ cúng thì các Tỳ-kheo đó nên thọ nhận các vật cúng dường ấy để kiên trì tịnh giới, về sau không sinh phiền não.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại những ý nghĩa đã nêu nên nói kệ:

Trì giới vui đệ nhất
Thân không bị phiền não
Ngủ nghỉ được an ổn
Tỉnh dậy tâm hoan hỷ.

Đức Thế Tôn lại bảo Tỳ-kheo Tăng Hộ:

–Có chín hạng người luôn bị đọa trong đại địa ngục A-tỳ:

1. Ăn dùng vật của chúng Tăng.

2. Ăn dùng vật của Phật.

3. Giết cha.

4. Giết mẹ.

5. Giết A-la-hán.

6. Phá hòa hợp Tăng.

7. Phá Tỳ-kheo hành tịnh giới.

8. Xâm phạm tịnh hạnh nơi Tỳ-kheo-ni.

9. Làm hàng Nhất xiển đề.

Đó là chín hạng người luôn ở trong địa ngục A-tỳ.

Có năm hạng người và hai chỗ thọ báo. Hai chỗ thọ báo là:

1. Ở địa ngục.

2. Ở ngạ quỷ.

Ở địa ngục thì như ông đã thấy, đó là các địa ngục. Hạng ở ngạ quỷ thì thân hình cao lớn.

Những gì là năm hạng người:

1. Ngăn cản việc bố thí vật cho chúng Tăng.

2. Dứt bỏ sự bố thí thức ăn cho chúng Tăng.

3. Cướp giựt đồ cúng dường của Tăng chúng.

4. Người đáng được bố thí thì làm cho họ không được nhận.

5. Chánh pháp thì nói là phi pháp. Phi pháp thì nói chánh pháp.

Năm hạng người này thọ nhận hai quả báo kia, nghiệp còn lại thì chịu khổ trong năm đường.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa trên nên nói kệ:

Gây ác đọa địa ngục
Tạo thiện thọ vui trời
Ai thường tu không định
Lậu diệt chứng Niết-bàn.

Đức Phật lại bảo Tỳ-kheo Tăng Hộ:

–Ông đã thấy Long vương nơi biển lớn thọ thân rồng như vậy, răng, giáp, vảy, sừng, tướng trạng rất đáng sợ, hôi thối không thể lại gần, vì ở trong loài súc sinh nên bị chướng ngại đối với pháp xuất gia, cũng chướng

ngại cho việc tu thiền, không có tám quả giải thoát, tuy được sống lâu, nhưng vẫn không thể tránh khỏi việc bị chim cánh vàng ăn nuốt. Sau khi qua đời, nó được sinh lên cõi trời Đâu-suất, hết tuổi thọ ở đấy thì được làm thân người, khi Đức Phật Di-lặc ra đời thì làm vị đại trưởng giả, giàu có, của cải vô số, cũng làm đại đàn-việt, cúng dường, cung cấp cho Đức Thế Tôn Di-lặc và các Tỳ-kheo đầy đủ bốn thứ cần dùng. Các trưởng giả ấy có đến năm trăm người xuất gia cùng một lúc, chứng được quả A-la-hán, công đức đồn xa, được nhiều người biết. Các Long vương đó hãy còn có thể đạt được công đức như vậy, huống chi là đệ tử của Ta, đúng như pháp xuất gia ngồi thiền, tụng kinh, ba nghiệp giữ trọn vẹn, thanh tịnh, chắc chắn chứng được Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn tự nói kệ:

Người quy y Phật
Được lợi lành lớn
Ngày đêm trong tâm
Luôn luôn niệm Phật.
Người quy y Pháp
Được lợi lành lớn
Ngày đêm trong tâm
Luôn luôn niệm Pháp.
Người quy y Tăng
Được lợi lành lớn
Ngày đêm trong tâm
Luôn luôn niệm Tăng.

Lúc này đệ tử của Pháp sư Tăng Hộ và năm trăm người đi buôn, ở trong đại chúng, nghe Phật giảng nói pháp bỗng nhiên kinh hãi, tỏ ngộ về sự vô thường, cùng nói với nhau:

–Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, trải qua mọi nơi chốn, thọ nhận khổ não theo sinh tử, đều do vô minh, tham ái tạo ra.

Nói vậy xong họ cùng nhau đứng dậy, quỳ dài chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Từ hôm nay, chúng con xin quy y Tam bảo, thọ trì năm giới, trọn đời không phạm.

Đức Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Tăng Hộ:

–Cúng dường chúng Tăng, trong đó có vị đáng được cúng dường, có vị không được cúng dường. Vị nào đáng được? Đó là người trì giới đầy đủ, ra vào luôn chánh niệm, giữ tất cả giới trọng cũng như giới khinh, sợ hãi không dám phạm. Những người như vậy đáng thọ nhận sự cúng dường.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Hoan hỷ nhận người cho
Ba y luôn biết đủ
Định tuệ tu ba nghiệp
An lạc nơi hang núi.

Đức Thế Tôn lại bảo Tỳ-kheo Tăng Hộ:

–Người nào không đáng được nhận cúng dường? Người trì giới không trọn vẹn, ra vào không chánh niệm, không sợ giới khinh trọng. Người như vậy đáng được nhận cúng dường.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Thà nuốt thỏi sắt lớn
Thiêu đốt như lửa cháy
Phá giới, không nên nhận
Thức ăn của tín thí.

Đức Phật bảo:

–Thiện nam, thiện nữ nào nghe bài kệ này, có thể phát sinh tâm tin tưởng, ưa thích xuất gia thì luôn trì giới thanh tịnh, tôn trọng vâng giữ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy thì năm trăm vị Tiên nhân, nơi đời quá khứ, ở trong pháp nào mà vun trồng được các căn lành, vào những thời gian nào để tu hành đạo nghiệp, nhờ nghiệp duyên gì mà nay được xuất gia, phiền não, các lâu đều dứt sạch chứng quả A-la-hán? Như Lai là Bậc Biến Chánh Tri, thông suốt ba đời, biết các Tiên nhân từng tu tập nghiệp lành, ở giữa đại chúng xin Thế Tôn giảng nói về bản duyên cho chúng con được rõ.

Đức Thế Tôn nói:

–Trong Hiền kiếp này, về đời quá khứ, vào thời Phật Ca-diếp xuất thế, con người sống hai vạn tuổi. Khi ấy, có một đại trưởng giả tên là Cung Ý, giàu có vô lượng, có lòng hiếu hạnh, chỉ phạm một lỗi nhỏ với cha mẹ thì liền xấu hổ, sám hối. Ông liền đến chỗ Phật xin xuất gia tu tập, học đạo chưa bao lâu thì làm Đại pháp sư. Tỳ-kheo Cung Ý thuyết pháp, hóa độ cho năm trăm người đệ tử, rồi vào núi rừng, ở nơi vắng vẻ tịch tĩnh, tu tập, thiền định, sinh tâm hoan hỷ và cũng chỉ dạy các đệ tử cùng tu thiền định, trở thành những bậc pháp khí chứng đắc thiền định. Đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm, luôn tinh tấn không dừng nghỉ mà chưa thể quán được tuệ, nên thầy trò cùng đốc suất nhau phát thệ nguyện: "Ngày nay thầy trò chúng con theo nhau ở trong chánh pháp của Đức Như Lai Ca-diếp xuất gia tu đạo, trì giới tu tập định tuệ, xin đem căn lành này, nguyện vào đời vị lai được gặp Phật

Thích-ca đầy đủ mười tôn hiệu là Bậc Thế Tôn, hoàn toàn chân thật không hư dối trở lại gặp Hòa thượng, độ chúng con xuất gia dứt hết các lậu chứng đắc đạo quả.”

Đức Phật nói với các Tỳ-kheo:

–Trưởng giả Cung Ý thời đó đâu phải là người nào xa lạ mà chính là Tỳ-kheo Tăng Hộ. Còn năm trăm người đệ tử chính là năm trăm vị Tiên nhân kia. Nhờ đời quá khứ thời Phật Ca-diếp, đã gieo trồng các căn lành, nhờ phát nguyện mà nay được chánh kiến, trở lại gặp Hòa thượng chánh tín xuất gia, các lậu dứt sạch chứng đắc đạo quả.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở giữa đại chúng giảng nói về các nhân duyên xong, bốn bộ chúng đều hoan hỷ phụng hành.

Nhà tắm và sáu chùa
Hai đất cùng ba bình
Hai bình và suối thịt
Một vò, đao xẻo mũi.
Chặt lưỡi, đứng trong nước
Đứng trên gai, chuồng thịt
Lạc đà, voi trắng, lừa
Dê đực, hai đài thịt.
Phòng thịt, hai giường dây
Cân thịt, móc cầm tay
Giường, vách và dây thịt
Hố xí, hai tòa cao.
Chày, hai núi Câu-tu
Hai cột Tu-ma thịt
Hoa, trái, một cây thịt
Một cây, ba cột thịt.
Hai đôi, mười bốn cây
Hai Tăng, hai Sa-di
Hợp thành năm mươi sáu
Thuyết pháp nhân duyên xưa
Phật nhân Tăng Hộ nêu.

-oOo-

SỐ 750

KINH SA-DI-LA

Hán dịch: Mất tên người dịch, nay trích lục nơi dịch phẩm đời Tam Tần.

Xưa có một em bé tên là Sa-di-la, mới bảy tuổi mà tâm ưa thích đạo đức, làm đệ tử một vị Sa-môn ở trong núi. Sa-di-la luôn làm theo lời thầy chỉ dạy, đọc tụng kinh pháp, không hề biếng nhác. Đến tám tuổi, chứng đắc A-la-hán, đạo nhãn thanh tịnh, có thể thấy thấu suốt vô tận, tai có thể nghe khắp vô cùng, những việc làm thiện ác nơi khắp đất trời đều nghe biết cả. Thân có thể bay đi đâu tùy ý lại có thể phân thân, một thân biến làm vạn thân, hiện hóa tự tại, không gì là không làm được. Tự biết về đời trước từ đâu sinh ra, hết thảy người và vật cho đến loài bò sát, các loài côn trùng, Sa-di-la đều biết.

Một hôm, Sa-di-la ngồi thấy lại đời trước của mình làm con của năm bà mẹ, liền tự cười. Bấy giờ thầy quay lại, hỏi:

–Vì sao con cười? Ở trong núi này không có ca múa, vậy con cười thầy chăng?

Sa-di-la thưa:

–Bạch thầy! Con không dám cười thầy, con chỉ cười về chính bản thân mình. Con nhớ lại về kiếp trước chỉ một thần hồn thọ thân mà làm con của năm bà mẹ. Năm bà mẹ ấy vì con mà ngày đêm khóc lóc, sầu khổ, không thể chịu nổi, cứ luôn nói là thương nhớ con chẳng bao giờ quên. Con tự nghĩ: Một thân mình mà làm sầu khổ cho những năm nhà, do đó mà con tự cười, chứ không dám cười thầy! Con làm con của bà mẹ thứ nhất, khi ấy người nhà bên cạnh cũng sinh một đứa bé cùng ngày với con. Sau khi con chết, đứa bé sinh cùng ngày ấy trong lúc ra vào, lui tới. Mẹ con trông thấy liền nói: "Tôi thương nhớ con tôi quá, nếu nó còn sống thì cũng sẽ đi lui đi tới như vầy." Vì thương nhớ sầu khổ mà mẹ con khóc lóc như mưa.

Con làm con của bà mẹ thứ hai: Khi ấy, con yểu mạng, chết sớm, mẹ con thấy người cho con họ bú liền nhớ tới việc cho con mình bú ngày trước

mà buồn nhớ, cảm thương.

Con làm con của bà mẹ thứ ba: Lúc đó, mới mười tuổi, sau khi con chết, mỗi khi ăn cơm, mẹ con cứ buồn khóc, nói: "Nếu con tôi còn sống thì sẽ cùng ăn cơm với tôi. Nay nó bỏ tôi đi rồi, để tôi chỉ ăn một mình!", rồi bà tức tưởi kêu trời, ai oán nói là vô cùng nhớ thương con.

Con làm con của bà mẹ thứ tư: Vì con thọ mạng mỏng, chết trước, mẹ con thấy những đứa cùng tuổi con đi cưới vợ mà buồn nhớ, nói: "Nếu bây giờ con tôi còn sống thì cũng sẽ đi cưới vợ. Tôi đã phạm tội gì, sao lại giết con tôi?"

Con làm con của bà mẹ thứ năm: Khi mới bảy tuổi, do ưa thích đạo nên từ bỏ gia đình, bỏ mẹ theo thầy vào núi cầu đạo, nhất tâm tư duy, chứng quả A-la-hán. Ngày ngày, mẹ con khóc lóc, nhớ thương nói: "Tôi sinh chỉ có một đứa con mà nó lại theo thầy học đạo, không biết ở đâu, đói khát, nóng lạnh thế nào, bây giờ còn sống hay đã chết?" Thế rồi năm người mẹ cùng họp tại một chỗ, đều buồn bã nói luôn thương nhớ đến con mình, khóc lóc liên tục không dừng nghỉ. Con chỉ một thần hồn mà lần lượt làm con do năm bà mẹ sinh ra, nhờ vào song thân mà thọ hình thành người, khiến cho năm bà mẹ khóc lóc, sầu khổ hết mực, vì quá nhớ thương con mà họ không còn muốn sống. Vì những lý do ấy mà con cười. Con nghĩ: Thế gian vì lưới dục mà gây ra sống chết, tội phước, tạo nên nguồn gốc của các hành. Ác thì bị đọa vào địa ngục, làm thiện thì được sinh lên cõi trời. Con sợ khổ ở đời mà từ bỏ gia đình, vào núi, tinh tấn tu thiền định, được đạo, chứng quả. Thấy các sự thống khổ trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nên rất sợ hãi. Con thương xót năm bà mẹ, không thể tự mình thoát được, con lại âu lo về thân mình. Con xin nguyện: Việc làm đúng như lời nói vĩnh viễn xa lìa sinh tử, đoạn tuyệt thân căn, giống như người không gieo tạo nghiệp nữa thì hướng đến Niết-bàn.

Nói cho thầy nghe xong, Sa-di-la liền bay lên hư không.

-oOo-

SỐ 751

PHẬT THUYẾT
NGŨ VÔ PHẢN PHỤC KINH

Hán dịch: Đời Tống, cư sĩ
Tự Cừ Kinh Thanh

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ, cùng với đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo. Bấy giờ, có một vị Phạm chí người nước La-duyệt-kỳ đã từng nghe: Dân chúng trong nước Xá-vệ hiền từ, hiếu thuận, phụng trì kinh pháp, tu tập đạo hạnh, cung kính thừa sự ngôi Tam bảo nên ông liền đi đến nước Xá-vệ, thấy có hai cha con đang cày ruộng, nọc độc của rắn sát hại người con, người cha vẫn cứ cày ruộng, không để ý đến con của mình, cũng không một chút khóc than. Phạm chí liền hỏi:

–Người này con của ai?

Người cày đất trả lời:

–Nó là con của tôi.

Phạm chí hỏi:

–Con của ông, sao ông không than khóc mà vẫn cứ cày như vậy.

Người kia đáp:

–Con người sống thì phải có chết, sự vận thành rồi cũng có hoại. Người hiền lành có quả báo tốt, người hung ác có quả đối nghịch, lo buồn không vui khóc than áo não thì có lợi ích gì cho người chết. Hôm nay ông vào thành, nhà của tôi ở chỗ nọ, xin ông chuyển lời giùm con tôi đã chết, chỉ cần đem một phần ăn thôi.

Vị Phạm chí suy nghĩ: "Người này là thế nào mà sao lại chẳng biết suy nghĩ gì cả. Đứa con chết còn chưa chôn cất đã không lo buồn, mà ngược lại còn mong cầu ăn uống, người này không có lòng từ, không có ai mà như vậy cả."

Sau đó, Phạm chí đi vào thành, đến nhà của người cày ruộng, gặp người mẹ của đứa con chết kia, liền nói với bà ấy:

–Con của bà đã chết, cha của nó nhắn tin rằng: "Chỉ còn lo liệu một người ăn", vì sao mà không thương nhớ con mình?

Người mẹ của đứa con liền lấy ví dụ để nói chuyện với Phạm chí:

Con trẻ thác sinh đến đây, tôi cũng không kêu gọi, hôm nay nó tự bỏ đi, chẳng phải tôi có thể giữ lại, cũng ví như người khách đến thăm viếng chủ nhà, hôm nay khách ra về, đâu có thể nào giữ lại được. Mẹ con của tôi cũng lại như vậy, đi hay ở, tới hay dừng, đều chẳng phải là sức của tôi, tùy theo hành nghiệp căn bản của nó, không thể nào giữ lại được, ưu buồn khóc than thì nào có lợi ích gì cho người chết.

Phạm chí lại hỏi với người chị của người chết:

–Em của cô chết, sao cô không khóc?

Người chị cũng ví dụ để trả lời Phạm chí:

–Em trai của tôi giống như người thợ khéo vào núi đốn cây, kết làm chiếc bè lớn đặt vào trong nước, bỗng gặp gió lớn thổi đến làm chiếc bè tan hoại, theo dòng nước trôi đi, trước sau cũng phân lìa, không nhìn thấy nhau, em tôi cũng vậy, do nhân duyên hòa hợp cùng sinh vào một nhà, tùy theo mạng sống dài hay ngắn, sống chết vô thường, có hòa hợp tức có chia lìa, mạng em tôi đã hết, tùy theo hành nghiệp của nó, làm sao giữ lại được, ưu buồn khóc than, thì người chết nào có lợi ích gì?

Phạm chí lại nói với người vợ của người chết:

–Chồng của bà đã chết, sao bà không than khóc?

Người vợ lấy ví dụ nói với Phạm chí:

–Vợ chồng chúng tôi, ví như bầy chim, đêm về đậu ở cây cao, cùng nhau nghỉ ngơi, thời gian chốc lát, sáng sớm thức dậy, đều tự bay đi, tìm cầu ăn uống, có duyên thì tụ hợp, không có duyên thì chia lìa. Vợ chồng chúng tôi cũng lại như vậy, đi hay ở vào hay ra chẳng phải là sức của tôi, mà tùy theo hành nghiệp của anh ấy, không thể nào giữ lại được, ưu buồn khóc than thì người chết nào có ích lợi gì?

Phạm chí lại nói với người giúp việc của người chết:

Đại gia *(chủ nhà)* của ông đã chết, sao ông không than khóc?

Người giúp việc lấy ví dụ nói với Phạm chí:

–Chủ nhà của tôi, do nhân duyên hòa hợp nên tôi giống như con trâu nghé, theo sau con trâu lớn. Người ta giết con trâu lớn, con trâu nghé ở bên cạnh không thể nào cứu giúp được mạng sống cho con lớn, ưu sầu không vui, khóc than áo não, cũng không có ích gì cho người chết.

Phạm chí nghe những lời nói như vậy, mặt mũi tối tăm, tinh thần mê

loạn, không còn nhận biết gì nữa, liền nghĩ: "Ta từng nghe nước này dân chúng hiếu thuận, phụng sự, cung kính Tam bảo, cho nên từ xa đến đây, nhằm muốn học hỏi, nhưng khi đến đây rồi thì không được tích sự gì cả." Phạm chí bèn hỏi người đi đường:

–Đức Phật đang ở đâu, tôi muốn được đến đó thưa hỏi.

Người đi đường đáp:

–Đức Phật đang ở gần tinh xá Kỳ hoàn.

Phạm chí liền đi đến chỗ của Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi đứng qua một bên, ưu buồn im lặng không nói lời nào.

Đức Phật biết được ý nghĩ của ông ta, liền gọi Phạm chí và nói:

–Vì sao lại cúi đầu buồn bã không vui?

Phạm chí bạch với Đức Phật:

–Không như sở nguyện, trái với bản tâm của con, nên con không được vui.

Đức Phật hỏi:

–Có điều gì khiến cho ông ưu sầu không vui?

Phạm Chí thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con từ nước La-duyệt-kỳ đến đây, muốn được học hỏi, nào ngờ khi đã đến đây rồi chứng kiến năm chuyện ngược đời.

Đức Phật hỏi:

–Những gì là năm chuyện ngược đời?

Phạm chí thưa:

–Con thấy hai cha con người cày ruộng gieo trồng, người con chết nằm trên đất mà cha cũng không chút lo buồn, ngược lại còn mong cầu ăn uống. Mọi người lớn nhỏ trong nhà cũng không buồn rầu, như vậy là đại nghịch.

Đức Phật bảo:

–Không đúng như lời ông nói đâu, năm người này rất biết suy xét. Biết rõ thân vô thường, tài vật chẳng phải của mình có được, ngay đến Thánh nhân còn không thoát khỏi khổ não này, huống gì kẻ phàm phu, gào thét khóc la có lợi ích gì cho người chết. Người đời trong thế gian, từ vô số kiếp đến nay, lưu chuyển trong sinh tử, biến đổi không dừng, chết rồi lại sinh như bánh xe vận chuyển không lúc nào dừng nghỉ, sau sự chết hướng đến sự sinh, chẳng phải lo buồn mà được.

Phạm chí nghe được điều này, tâm ý được khai mở, không còn lo

buồn nữa:

–Con nghe Phật thuyết giảng, như bệnh được khỏi, như mù được thấy, như đêm tối được ánh sáng. Ngay khi ấy, Phạm chí chứng được quả Dự lưu. Đối với tất cả sự chết không còn gì đáng để than khóc, muốn vì người chết thỉnh cầu Đức Phật và chúng Tăng, xông hương cúng dường, đọc tụng kinh điển, hằng ngày có thể đảnh lễ, chí tâm cúng dường Tam bảo là điều cốt yếu nhất.

Bấy giờ, Phạm chí cúi đầu đảnh lễ Phật lãnh hội giáo pháp rồi ra về.

-oOo-

SỐ 752

PHẬT THUYẾT
NGŨ VÔ PHẢN PHỤC KINH

Hán dịch: Đời Tống, Cư sĩ
Tự Cừ Kinh Thanh.

Một thời, Đức Phật ở tại tịnh xá Kỳ thọ, cùng với đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo.

Bấy giờ, tại nước La-duyệt-kỳ có một vị Phạm chí nghe rằng nhân dân ở nước Xá-vệ nhiều lòng từ, hiếu thuận, phụng trì kinh pháp, tu tập đạo hạnh, cúng dường phụng sự ba ngôi Tam bảo. Ông liền đi đến nước Xá-vệ, thấy có hai cha con người cày ruộng, rắn độc cắn chết người con, người cha vẫn cứ cày ruộng, không đoái hoài gì đến người con, cũng không kêu khóc. Phạm chí bèn hỏi:

–Trẻ này con ai?

Người kia đáp:

–Nó là con của tôi.

Phạm chí nói:

–Là con của ông, sao không than khóc mà vẫn cày ruộng như vậy?

Người kia đáp:

–Con người sinh ra thì phải có chết, vật tạo thành rồi cũng có hủy hoại, người thiện có quả báo, người ác có đối ứng, buồn rầu than khóc thay đổi được gì cho người chết. Hôm nay ông vào thành, nhà của tôi ở chỗ nọ, xin ông chuyển lời giùm tôi rằng: Con tôi đã chết, không cần phải đem hai phần ăn.

Phạm chí tự nghĩ: "Người này thật chẳng biết suy nghĩ gì cả, con trẻ chết còn trên đất, vậy mà tâm tánh không buồn rầu, ngược lại còn mong cầu ăn uống, người này không có lòng từ, không có loại người nào như vậy cả."

Phạm chí đi vào thành, đến nhà của người cày ruộng, thấy mẹ của người con đã chết, bèn nói với bà ấy:

–Con của bà đã chết, cha nó bảo chỉ cần lo một phần ăn thôi. Vì sao không nhớ nghĩ đến con mình?

Người mẹ của người chết ấy đem ví dụ nói với Phạm chí:

–Con tôi như là khách, đến nương nhờ người để dừng nghỉ, có đến cũng không từ chối, có đi cũng không lưu giữ. Người con này vốn dĩ tôi cũng không kêu gọi đến, tự nó đến qua cuộc đời, chết cũng tự nó bỏ đi, chẳng phải sức tôi làm cho nó tới lui được, tùy theo hành nghiệp căn bản của nó mà theo với mạng sống.

Phạm chí nói với người chị của người chết:

–Em của cô chết, sao không khóc?

Người chị hướng về Phạm chí lấy ví dụ mà nói:

–Em của tôi giống như người thợ, vào núi đốn cây, kết làm chiếc bè lớn thả vào trong nước, bỗng gặp gió lớn thổi đến phá tan chiếc bè, theo dòng nước mà cuốn đi, trước sau cũng phân lìa, không hy vọng gặp nhau nữa. Em tôi cũng vậy, vì nhân duyên đời trước, một lúc cùng hòa hợp, sinh ra trong một nhà, nhưng tùy theo mạng sống dài ngắn mà cái chết đến vô thường, có hòa hợp thì có chia lìa, mạng sống em tôi đã hết, tùy theo hành nghiệp căn bản của nó, không thể cứu giúp nhau được.

Phạm chí nói với người vợ của người chết:

–Chồng của bà đã chết, sao không than khóc?

Người vợ dùng ví dụ nói với Phạm chí:

–Vợ chồng chúng tôi nhân duyên hòa hợp thời gian chốc lát. Ví như bầy chim, đêm về đậu trên cây cao, quần quýt hót vang, sáng ra đều tự bay đi tìm cầu thức ăn, có duyên thì hợp, không duyên thì lìa. Vợ chồng cũng vậy, vô thường đã đến, tùy theo thọ mạng căn bản của người ấy, không ai có thể cứu giúp được.

Phạm chí lại nói với người giúp việc của người chết:

–Chủ nhà của ông đã chết, sao ông không than khóc?

Người giúp việc lại nói ví dụ:

–Chủ nhà của tôi nhân duyên hòa hợp. Tôi ví như con trâu nghé, đi theo con trâu già, người ta giết con trâu già, con trâu nghé ở bên cạnh không thể cứu được trâu già. Mạng sống vô thường, không ai có thể cứu được buồn rầu than khóc thế nào cũng không được ích lợi gì cho người chết.

Phạm chí nghe những lời nói như vậy, tâm hồn mê loạn, mặt mũi tối tăm, không còn nhận biết gì nữa. Tự nghĩ nghe nói người dân nước này hiếu thuận, phụng hành tu đạo, cúng dường Tam bảo cho nên từ xa đến đây

muốn được học hỏi, nhưng chưa có cảm ứng tốt đẹp nào, mà chỉ thấy năm người làm điều ngược đời như vậy, thật là mệt mỏi cả thân, hoàn toàn không được lợi ích gì.

Phạm chí bèn hỏi người đi đường:

–Đức Phật đang ở đâu, tôi muốn đến thưa hỏi Ngài.

Người đi đường đáp:

–Ngài ở gần tinh xá Kỳ hoàn.

Phạm chí liền đi đến chỗ Phật, đảnh lễ ngang chân Phật rồi ngồi qua một bên, buồn bã cuối đầu im lặng.

Đức Phật biết rõ tâm ý của ông ta, liền gọi Phạm chí và nói:

–Vì sao phải cúi đầu buồn bã không vui?

Phạm chí bạch với Phật:

–Sở nguyện không thành, trái với bản tâm của con, cho nên con buồn rầu.

Đức Phật hỏi:

–Có gì đã mất?

Phạm chí thưa:

–Con từ nước La-duyệt-kỳ đến đây. Con được nghe rằng người dân nước này hiếu thuận, phụng kính Tam bảo muốn được học hỏi, nhưng khi đã đến đây rồi, chứng kiến năm điều không thuận lòng người, cho nên con buồn bã không vui.

Đức Phật hỏi:

–Thế nào là năm điều không thuận lòng người?

Phạm chí thưa:

–Con thấy hai cha con người cày ruộng gieo giống, người con chết nằm trên đất, người cha cũng không buồn rầu, ngược lại còn mong cầu ăn uống, hơn nữa còn nói với con về sự vô thường. Đến cả mẹ, vợ, chị, người giúp việc cũng đều không buồn rầu gì cả, đó là điều đại nghịch không thuận lòng người.

Đức Phật bảo:

–Không đúng như lời ông nói, năm người này rất có sự suy xét, biết rõ mạng sống vô thường, chẳng phải lo buồn mà được. Cho nên phải tự quyết định, không có lo buồn. Người trong thế gian, không nhận thức được sự vô thường, áo não than khóc, không thể tự mình chiến thắng. Ví như người bị bệnh nhiệt *(nóng sốt)*, không còn nhận biết mình nữa, hoảng hốt

nói lời xằng bậy. Thầy thuốc cho uống thuốc, bệnh sốt liền khỏi, không còn nói xằng bậy nữa. Người đời mê muội, buồn rầu than khóc, không thể tự giải thoát. Nếu có thể hiểu rõ vô thường, không còn buồn rầu, cũng như vừa khỏi bệnh sốt. Năm người này đều đã chứng đạo.

Phạm chí nghe lời Phật dạy, liền tự trách mình: Ta vì ngu si mê muội, không hiểu rõ nghĩa của đạo. Ngày nay, nghe được lời dạy của Phật như người mù được mắt, trong tối tăm được thấy ánh sáng vậy.

-oOo-

SỐ 753

KINH THẬP NHỊ PHẨM SINH TỬ

Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng Cầu-na-bạt-đà-ta, người nước Vu Điền.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật đang trú tại tinh xá Kỳ thọ Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Phật bảo với các Tỳ-kheo:

–Vì các ông mà ta giảng thuyết kinh này các ông nên lắng nghe.

–Dạ vâng, kính bạch Thế Tôn! Chúng con xin nguyện lãnh hội lời giáo huấn.

Phật bảo:

–Cái chết của con người có mười hai trường hợp. Những gì là mười hai?

1. Vô dư tử *(chết không còn gì)* nghĩa là bậc A-la-hán không còn chấp trước.

2. Độ ư tử *(vượt qua sự chết)* nghĩa là chứng A-na-hàm không còn sinh trở lại cõi Dục.

3. Hữu dư tử *(chết mà còn)* nghĩa là bậc Tư-đà-hàm còn phải sinh trở lại cõi Dục.

4. Học độ tử *(cái chết của người học đạo giải thoát)* nghĩa là bậc Tu-đà-hoàn, chứng Dự lưu.

5. Vô khi tử *(chết không dối trá)* nghĩa là bậc chứng bát đẳng.

6. Hoan hỷ tử *(chết hoan hỷ)* nghĩa là người thực hành thiền định.

7. Sát sát tử *(chết nhiều lần)* nghĩa là người trì giới xấu ác.

8. Hối tử *(chết hối tiếc)* tức là kẻ phàm phu.

9. Hoạnh tử *(chết bất đắc kì tử)* tức là những kẻ khổ cô độc.

10. Phược trước tử *(chết bị trói buộc)* tức là hạng súc sinh.

11. Thiêu chước tử *(chết thiêu đốt)* tức là kẻ địa ngục.

12. Cơ khát tử *(chết đói khát)* tức là loài ngạ quỷ.

Các Tỳ-kheo nên biết rõ như vậy, nên phải tu học, đừng để buông

lung, đừng tham đắm dục, xa lìa các việc hung dữ, để tâm thanh tịnh, những người chưa chứng được, phải khiến cho họ thành tựu. Vì sao? Vì hạng người bị chết nhiều lần rất khổ, bị chết hối tiếc cũng rất khổ, bị chết bất đắc càng đau khổ kịch liệt, chết trói buộc cũng đau khổ kịch liệt, chết thiêu đốt rất đau khổ, chết đói khát càng đau khổ hơn. Như vậy, các Tỳ-kheo phải nên học tập, tu hạnh ở chốn thanh nhàn, hoặc dưới gốc cây, thực hành thiền định, không được khinh lờn, sẽ không còn hối hận về sau. Đó là lời dạy của Phật, là Pháp của Phật.

Khi Đức Phật thuyết giảng xong, các Tỳ-kheo hoan hỷ cúi đầu đảnh lễ mà lui ra.

-oOo-

SỐ 754

PHẬT THUYẾT
VỊ TẰNG HỮU NHÂN DUYÊN KINH

Hán dịch: Đời Tiêu Tề,
Sa-môn Thích Đàm Cảnh.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Mục-kiền-liên:

–Ông hãy đến thành Ca-tỳ-la vấn an sức khỏe phụ thân ta là Duyệt-đầu-đàn vương, dì mẫu Ba-xà-ba-đề cùng thúc phụ thứ ba là Hộc Phạn vương… Nhân đó ông an ủi, khuyến dụ Da-thâu-đà-la, mẹ của La-hầu-la để bà dứt bỏ sự yêu thương quyến luyến cho La-hầu-la làm Sa-di tu tập Thánh đạo. Vì sao? Vì mẹ con yêu thương vui sướng chỉ trong chốc lát, đến khi chết bị đọa vào địa ngục, mẹ con không thể biết được nhau, tối tăm mù mịt, vĩnh viễn ly biệt, chịu muôn ngàn khổ não, sau hối hận cũng không kịp. Khi nào La-hầu-la tu đắc đạo sẽ trở về độ mẹ, dứt hẳn nguồn gốc sinh, già, bệnh, chết, đạt đến Niết-bàn, giống như ta ngày nay.

Tôn giả Mục-liên vâng lệnh liền nhập thiền định. Giống như lực sĩ duỗi cánh tay, chỉ trong khoảnh khắc đã đến thành Ca-tỳ-la. Gặp Tịnh Phạn vương, Tôn giả Mục-liên thưa:

–Thế Tôn ân cần hỏi thăm vua đi đứng có nhẹ nhàng không? Khí lực có an ổn không? Và Thế Tôn hỏi thăm đại phu nhân Ba-xà-ba-đề cùng thúc phụ thứ ba là Hộc Phạn vương… cũng như vậy.

Khi ấy, nghe Phật sai sứ đến chỗ vua cha, chưa biết ý gì, Da-thâu-đà-la sai tỳ nữ đến dò la tin tức. Tỳ nữ trở về thưa:

–Thế Tôn sai sứ đến xin cho La-hầu-la được độ làm Sa-di.

Nghe tin này, Da-thâu-đà-la dắt La-hầu-la lên lầu cao, ra lệnh tất cả giám quan đóng chặt các cửa lại thật chắc chắn. Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên đã đến cửa cung, nhưng không thể vào được, lại không có người dẫn lối,

Tôn giả liền dùng thần lực bay lên lầu cao, đến trước chỗ Da-thâu-đà-la ngồi. Thấy Tôn giả Mục-liên đến, Da-thâu-đà-la vui buồn lẫn lộn, bất đắc dĩ mới đứng dậy, cung kính lễ bái thăm hỏi:

–Lặn lội đường xa đến đây, Tôn giả có mệt nhọc không?

Bà ra lệnh trải tòa, thỉnh Tôn giả Mục-liên ngồi và hỏi:

–Thế Tôn ra sao? Giáo hóa chúng sinh có khổ nhọc cho tinh thần không? Thế Tôn sai thượng nhân đến, chắc là có việc gì?

Tôn giả Mục-liên thưa:

–Thái tử La-hầu-la đã chín tuổi rồi, xin công chúa hãy nên cho xuất gia tu học Thánh đạo. Vì sao? Vì mẹ con yêu thương vui vẻ chỉ trong thời gian ngắn, một mai qua đời bị đọa vào ba đường ác, ân ái biệt ly, tối tăm mù mịt, mẹ không biết con, con không biết mẹ. La-hầu-la đắc đạo sẽ về độ mẹ, vĩnh viễn xa lìa ưu hoạn nơi sinh, già, bệnh, chết, chứng được Niết-bàn, giống như Đức Phật ngày này.

Da-thâu-đà-la trả lời:

–Như Lai Thích-ca khi còn Thái tử đã cưới tôi làm vợ, tôi phụng thờ Thái tử giống như thờ Thiên thần, chẳng có lỗi gì cả. Vơ chồng ở với nhau chưa đầy ba năm, Thái tử lại lìa bỏ năm dục, vượt cung thành, trốn đến Vương điền. Vua đích thân tới đón về nhưng Thái tử trái lệnh, không chịu theo. Ngược lại, sai Xa-nặc cỡi ngựa trắng trở về. Tự quyết định thề tu đắc đạo sẽ trở về. Mặc áo da nai giống như người không trí, ẩn trong núi rừng khổ hạnh sáu năm, khi thành Phật trở về nước đều không muốn gặp người thân. Thái tử quên đi ân cũ, quá hơn người đi đường. Xa lìa cha mẹ, ký thác nơi quê người để cho mẹ con tôi cô quạnh khổ đau, không còn muốn sống, chỉ muốn chết mà thôi. Mạng người rất quý, không thể tự hủy hoại, ôm trong lòng bao oán hận, ráng giữ tánh mạng, tuy sống với loài người nhưng không bằng loài vật, là họa trong họa, lẽ đâu có điều như thế sao? Nay lại sai sứ muốn xin con tôi để làm quyến thuộc cho mình, sao ác như thế? Thái tử thành đạo, tự nói là Từ bi, đạo Từ bi phải làm cho chúng sinh an lạc, nay lại khiến ly biệt mẹ con người ta. Khổ nhất trong các khổ không gì bằng khổ vì ân ái biệt ly. Như vậy, xét cho cùng là có Từ bi không?

Da-thâu-đà-la nói với Tôn giả Mục-liên:

–Tôn giả hãy trở về trình bày tất cả những gì tôi đã nói.

Bấy giờ Tôn giả Mục-liên dùng mọi cách, mọi nhân duyên để khuyên gián, nói đi nói lại ba lần nhưng Da-thâu-đà-la nhất định không nghe. Tôn giả Mục-liên xin cáo lui, rồi trở về chỗ vua Tịnh Phạn kể hết việc như trên. Nghe như vậy, vua kêu phu nhân Ba-xà-ba-đề nói:

–Tất-đạt con ta sai Tôn giả Mục-liên đến đón La-vân để xuất gia tu học Thánh pháp. Nhưng Da-thâu-đà-la, người đàn bà ngu tối chưa hiểu được pháp yếu, tâm cứ cố chấp, trói chặt trong ân ái, không chịu buông xả. Khanh có thể đến khuyên can cô ấy lần nữa để cô ta được tỉnh ngộ.

Phu nhân liền dẫn theo năm trăm thanh y đến cung của Da-thâu-đà-la, dùng mọi phương tiện tùy nghi khuyên bảo ba lần như vậy, nhưng Da-thâu-đà-la vẫn cứ không nghe, lại thưa với phu nhân:

–Khi con còn ở nhà, vua tám nước đều tranh nhau đến để cầu kiến, nhưng cha mẹ không chịu. Vì sao? Vì Thái tử Tất-đạt tài nghệ hơn người, cho nên cha mẹ đem con gả cho Thái tử. Lúc đó, nếu Thái tử biết mình không ở thế gian, muốn xuất gia học đạo, tại sao ân cần khổ nhọc tìm con làm gì? Phu nhân cưới dâu chính là ân tốt, tụ tập vui mừng, muôn đời tương thừa, con cháu nối tiếp nhau để nối dõi tông đường là chánh lễ ở đời. Thái tử đã đi rồi, lại muốn xin La-hầu-la được xuất gia, đoạn tuyệt dòng dõi của đất nước là nghĩa lý gì?

Nghe nói như vậy, Hoàng hậu im lặng không biết nêu bày gì nữa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền sai hóa nhân ở trên không nói xuống:

–Này Da-thâu-đà-la! Nàng hãy nhớ tưởng lại đời quá khứ có thệ nguyện gì không? Như Lai Thích-ca lúc đó hành đạo Bồ-tát, nàng dùng năm trăm tiền vàng để mua năm cành hoa sen dâng lên Phật Định Quang, thời ấy, nàng xin ta đời đời sinh ra cùng làm vợ chồng. Ta không muốn nhận nên nói với nàng: "Ta là Bồ-tát, trải qua nhiều đời nguyện bố thí tất cả không nghịch ý người. Nếu nàng có thể thực hành được như vậy thì sẽ làm vợ ta." Nàng lập thệ nguyện: "Đời đời sinh đến đâu, vợ con, cõi nước và cả thân của tôi đều có thể đem bố thí tùy chỗ thích hợp, thề không có tâm hối tiếc." Nay vì sao lại thương tiếc La-hầu-la không cho xuất gia học Thánh đạo?

Nghe như vậy, Da-thâu-đà-la hốt nhiên nhớ lại nhân duyên của hành nghiệp thời quá khứ, mọi việc đều rõ ràng như vừa thấy hôm qua. Tình luyến ái con tự nhiên tiêu mất. Da-thâu-đà-la sai người gọi Tôn giả Mục-liên đến, xin sám hối xin lỗi, nắm tay La-hầu-la giao cho Tôn giả Mục-liên. Từ biệt con, Da-thâu-đà-la nước mắt đầm đìa. Thấy mẹ buồn khổ, La-hầu-la quỳ, chắp tay từ tạ mẹ:

–Xin mẹ chớ có buồn đau, La-hầu-la nay đến hầu hạ Thế Tôn rồi sẽ trở về, mẹ con mình lại gặp nhau.

Bấy giờ, vua Tịnh Phạn muốn an ủi Da-thâu-đà-la để nàng vui vẻ, tức thời cho triệu tập các hào tộc trong nước đến cung vua bảo ban:

–Con của Kim luân vương nay sẽ đến nước Xá-bà-đề để theo Phật Thế Tôn xuất gia học đạo. Phiền các khanh mỗi vị hãy cho một đứa con để theo cháu ta.

Mọi người đều vâng lệnh, phụng mạng đại vương. Trong chốc lát đã có năm mươi người tập họp, đi theo La-hầu-la đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt đảnh lễ.

Đức Phật sai Tôn giả A-nan cạo tóc cho La-hầu-la và năm mươi người theo La-hầu-la. Các công tôn, vương tử đều xuất gia cả. Đức Phật ra lệnh: Tôn giả Xá-lợi-phất làm Hòa thượng, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên làm A-xà-lê, trao cho mười giới pháp làm Sa-di.

La-hầu-la còn thơ dại, thích vui chơi kiêu ngạo, ham chuyện đùa giỡn, không muốn nghe pháp, Đức Phật luôn dạy bảo nhưng La-hầu-la không tuân theo, không biết làm thế nào được. Lúc đó, vua Ba-tư-nặc nước Xá-vệ nghe La-hầu-la, con của Phật, xuất gia làm Sa-di, liền cùng với các quần thần, phu nhân, thái tử, hậu cung, thể nữ, Bà-la-môn, cư sĩ… cung kính vây quanh, vừa sáng sớm cả đoàn đi đến chỗ Phật lễ bái, thăm hỏi và thăm Sa-di La-hầu-la, con của Phật. Mọi người ngồi qua một bên nghe Phật thuyết pháp. Vua và quần thần kiêu ngạo, quen cuộc sống sung sướng nên ngồi không chịu nổi để nghe Phật thuyết pháp, họ muốn xin lui trở về. Biết vua mới ngộ, tín căn chưa vững, Đức Thế Tôn muốn mở bày dẫn dắt cho vua và đám quần thần nhằm đem lại lợi ích nên bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy đến mời Sa-di La-hầu-la cùng quyến thuộc của chú ta hãy lại đây để nghe Phật thuyết pháp.

Tôn giả A-nan đi mời, trong chốc lát tất cả đều vân tập đầy đủ. Đức Phật nói với vua:

–Hãy đợi một chốc lát để nghe Như Lai thuyết pháp.

Vua chắp tay thưa:

–Nay thân này của con đã tập theo sự sung sướng lâu rồi nên không thể ngồi nổi. Xin Thế Tôn rủ lòng thương lượng thứ.

Phật nói:

–Đây không phải là khổ. Vì sao? Vì thân vua đời trước đã gieo trồng phước đức nên nay được làm vua, luôn ở nơi cung sâu buông thả theo năm dục, ra vào có tùy tùng, chân không chạm đất, sao gọi là khổ? Khổ trong ba cõi không gì bằng các khổ nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Các khổ như thế trước đã từng nói rồi.

Đức Phật dạy La-vân:

–Phật ra đời khó gặp, pháp Phật khó được nghe. Mạng người khó bảo tồn. Chứng đạo cũng khó. Con nay đã được làm thân người, lại gặp Phật, cớ gì lại buông lung không chịu nghe pháp?

La-vân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp Phật sâu xa mầu nhiệm, con còn nhỏ, ý thô, làm sao có thể nghe, thọ pháp của Thế Tôn! Trước đây con đã nghe nhiều lần nhưng lại quên mất hết, khổ nhọc tinh thần mà không nắm được một điều gì. Hơn nữa, nay con tuổi nhỏ, hãy để tâm ý tự do, đến khi nào tuổi lớn, con sẽ tự mình thọ nhận giáo pháp.

Phật dạy La-vân:

–Vạn vật vô thường, thân cũng khó bảo tồn. Con có thể giữ thân mạng mình đến khi tuổi lớn chăng?

La-vân thưa:

–Bạch Thế Tôn! La Vân không thể giữ được, nhưng Phật lẽ nào không thể bảo tồn thân mạng cho con sao?

Đức Phật bảo La-vân:

–Ta hãy còn không thể tự giữ mạng mình, thì làm sao giữ được mạng của con!

La-vân bạch Phật:

–Nghe pháp đã khổ nhọc, lại không được đắc đạo, thì công sức nghe pháp có ích lợi gì?

Đức Phật bảo:

–Công lao nghe pháp, dù thân đời này không đắc đạo, nhưng có thọ thân trong năm đường cũng được nhiều lợi ích. Như ta đã nói ở trước, trí tuệ Bát-nhã cũng gọi là cam lồ, cũng gọi là liều thuốc hay, cũng gọi là cầu cống, cũng gọi là thuyền lớn, con không nghe sao?

La-vân thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có nghe.

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc quỳ, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói, trí tuệ Bát-nhã có bốn tên gọi, nghĩa của nó như thế nào? Xin Phật thương xót nói cho con nghe.

Đức Phật nói với vua:

–Nếu muốn nghe thì vua hãy dốc tâm nghe cho kỹ, ta nay sẽ giảng nói.

Đức Phật nói:

–Ta nhớ lại vô số kiếp về đời quá khứ, trong núi Đồ-đà, ở nước Tỳ-ma-đại có con chồn hoang bị sư tử đuổi bắt muốn ăn thịt. Chồn hoang hoảng hồn chạy trốn, rớt xuống một cái giếng lớn không thể ra được. Trải qua ba ngày, tâm khai mở về sự chết, mà nói kệ:

Họa thay, nay bị khổ bức bách
Nên sẽ bỏ mạng nơi giếng này
Tất cả vạn vật đều vô thường
Hận không đem thân giao sư tử.
Kêu gào làm chi tội nguy thân
Tham tiếc thân mạng chết vô ích
Vô ích mà chết còn đáng hận
Huống chi để thân nhơ bẩn nước.
Nam-mô sám hối thập phương Phật
Chứng tri tâm con tịnh vô cùng
Đời trước đã tạo tội ba nghiệp
Nguyện đời này thân trả cho xong.
Tiêu trừ các tội, tịnh ba nghiệp
Chuyên tâm bất động nghĩ chân chánh
Ra đời luôn gặp bậc minh sư
Như pháp tu hành mau thành Phật.
Trời Đế Thích được nghe tên Phật
Bỗng nhiên lông dựng nhớ Phật xưa
Tự nghĩ thân cô không thầy dẫn
Tham đắm năm dục tự nhận chìm.
Không thể thoát ra ngục ân ái
Tư duy xót xa lệ tuôn rơi
Tức thời chư Thiên tám vạn chúng
Bay xuống đến giếng muốn hỏi thăm.
Bèn thấy chồn hoang ở đáy giếng
Hai tay níu đất không ra được
Vua Trời lại tự suy nghĩ, nói:
Thánh nhân ứng hiện đủ mọi cách.
Ta nay tuy thấy tướng chồn hoang
Chắc chắn Bồ-tát chẳng phải thường
Ta nên hỏi rõ để quyết nghi
Và khiến chư Thiên được nghe pháp.

Thiên đế Thích nói:

Từ lâu không được nghe Thánh giáo
Luôn ở tối tăm không thầy dẫn
Lời Ngài vừa nêu chẳng phải thường
Xin vì chư Thiên nói giáo pháp.
Khi ấy, chồn hoang ngẩng đầu nói:
"Ông là Thiên đế không học thức
Không biết lễ nghi, rất kiêu si
Pháp sư ở dưới, mình đứng trên.
Hỏi giáo pháp không biết cung kính
Nước pháp thanh tịnh cứu được người
Muốn nghe giáo pháp sao cao ngạo?"
Nghe vậy Đế Thích rất hổ thẹn.
Chư Thiên đi theo ngạc nhiên cười
Thiên vương ra lệnh không tội chết
Nhưng bị xấu hổ rất đáng thương
Tức thời Đế Thích bảo chư Thiên:
Việc này chớ lấy làm kinh ngạc
Vì ta ngu tối làm không hợp
Ắt phải cần nghe pháp giải thoát
Tức thời đưa áo trời quỳ xuống.
Đón lấy chồn hoang lên khỏi giếng
Chắp tay xin lỗi, làm không đúng
Cúi đầu sám hối xin chỉ dạy
Chư Thiên đúng như lời thầy dạy.
Bị năm dục trói rất hoang mê
Do không gặp minh sư dẫn dắt
Chỉ dạy khổ, lạc, thường, vô thường
Chư Thiên bày thức ăn cam lồ.
Chồn hoang được ăn tiếp tục sống
Trong họa được phước ngoài ý muốn
Lòng sung sướng an vui vô lượng.

Khi đó, chồn hoang tự nghĩ: "Trong đường súc sinh không loài gì xấu xí, khốn khổ bằng loài chồn hoang, nhưng nhờ năng lực của trí tuệ mà được như vậy."

Lại nghĩ: "Thân mạng tàn phế vốn không có gì đáng yêu mến để nói là vui sướng. Còn vui mừng là nhờ khuyến hóa thông suốt mà thôi. Chư Thiên ngu tối này đều nhờ vào Đế Thích trước kia đã có chút vi trần trí tuệ nên cùng nhau đến đây để muốn nghe pháp."

Chồn hoang lại tự khen:

–Kỳ lạ thay! Kỳ lạ thay, có sự an ủi nào bằng, nay nhờ giáo hóa thông suốt nên trở thành công đức của mình.

Chồn hoang lại nghĩ: "Ân ngày nay đều do tôn sư Hòa thượng của ta từ bi thương xót dạy trao trí tuệ phương tiện, công đức. Nam-mô diệu lực nơi thầy ta. Nam-mô thầy ta. Nam-mô Bát-nhã. Nam-mô Bát-nhã. Dù lại mất hạnh, sinh trong đường ác, vẫn biết thân mạng kiếp trước, biết về nghiệp duyên của mình. Lực của Bát-nhã có thể tạo cảm ứng khiến chư Thiên giáng thần xuống tiếp tế, cúng dường, lại được thần thông biến hóa mở rộng tâm nhỏ nhoi của ta."

Khi ấy, Thiên đế Thích nói với chư Thiên:

–Như thầy nói, nhất định sẽ thuyết pháp. Nay chúng tôi đến đây thích đạt được lợi ích. Xin mọi người hãy cúi đầu đảnh lễ, chân thành thỉnh thầy thuyết pháp.

Mọi người đều vâng dạ rồi cung kính trịch áo vai bên phải, vây quanh chồn hoang, quỳ dài chắp tay, đồng nói kệ:

Lành thay! May thay!
Hòa thượng dã can
Xin thầy thuyết pháp
Khai hóa trời, người.
Trời, người tối tăm
Bị năm dục trói
Luôn sợ hết phước
Vô thường biến đổi.
Chết đọa đường ác
Muốn nhổ nạn sâu
Từ xưa đến nay
Mấy vạn ức năm.
Nay mới được gặp
Ruộng phước tốt tươi
Xin vui lòng thương
Nên chỉ giáo pháp.
Trời, người được phước
Chúng sinh cũng vậy
Nguyện cùng Hòa thượng
Mãi mãi gặp nhau.
Để thành Phật đạo

Thường tạo nhân duyên
Người sáng khó gặp
Nên lập thệ nguyện.

Lúc ấy, chồn hoang thấy các vị trời, ân cần khuyến thỉnh, ưa thích nghe pháp nên càng thêm vui mừng, liền nói với vua Trời:

–Ta nhớ lại thuở xưa từng thấy người đời, ai muốn nghe pháp thì trước hết phải trải tòa cao, trang nghiêm thanh tịnh mới thỉnh Pháp sư lên tòa thuyết pháp. Vì sao? Vì kinh pháp luôn được quý trọng, ai cung kính thì được phước, không nên khinh thường làm mất phước lớn.

Nghe vậy, chư Thiên đều xin vâng dạ, cởi áo trời quý giá chất thành tòa cao, chỉ trong chốc lát nơi chốn được trang nghiêm đẹp đẽ, thanh tịnh bậc nhất. Chồn hoang lên tòa nói với vua Trời:

–Nay ta thuyết pháp chính là vì hai nhân duyên:

1. Thuyết pháp để mở bày dẫn dắt hàng trời, người được phước vô lượng.

2. Vì báo ân đã cho ăn, lẽ nào lại không nói pháp?

Thiên Đế thưa:

–Thoát khỏi giếng nguy nan để bảo toàn thân mạng, công báo đáp phải lớn lao. Tôn giả vì sao nói thuyết pháp để báo ân mà không đề cập tới thân mạng. Vì sao? Vì tất cả hàng trời, người ai nấy đều thích sống bình an, không muốn chết. Vì nhân duyên đó mà công lao bảo toàn thân mạng làm sao không lớn?

Chồn hoang nói:

–Chết sống thích hợp là đều tùy người. Có người ham sống, có người thích chết. Ai tham sống? Là người đó sống trên thế gian ngu si tối tăm, không biết chết rồi đời sau sinh trở lại, trái Phật xa pháp, không gặp minh sư, sát sinh, trộm cắp, tà dâm, chỉ theo bạn ác. Người như vậy là tham sống sợ chết. Người nào thích chết, là người gặp được minh sư, phụng thờ Tam bảo, cải ác tu thiện, hiếu dưỡng với cha mẹ, kính thờ sư trưởng, hòa thuận với vợ con, nô tỳ và quyến thuộc, khiêm nhường, tôn trọng mọi người. Người như vậy ghét sống thích chết. Vì sao? Vì người thiện chết, phước ứng, được sinh lên cõi trời thọ hưởng năm dục lạc, còn người ác chết thì sẽ bị đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Người thiện thích chết, như tù nhân thoát khỏi ngục. Người ác sợ chết như kẻ tội bị bắt vào ngục.

Vua Trời hỏi:

–Như lời Tôn giả dạy: Bảo toàn thân mạng là không có công lao. Như

vậy, ngoài hai công đức là thí cho ăn, thí cho pháp đó ra thì còn có công đức gì? Xin Tôn giả hãy nói rõ để mở bày chỉ dẫn kẻ tối tăm.

Chồn hoang nói:

–Bố thí thức ăn uống chỉ cứu mạng sống trong một ngày. Bố thí các vật báu thì phước đức cứu giúp là trong một đời, nhưng tăng thêm sự sinh tử, bị trói buộc vào nhân duyên. Thuyết pháp giáo hóa thì gọi là pháp thí, có thể khiến cho chúng sinh đạt được đạo xuất thế gian. Đạo xuất thế gian gồm có ba hạng: Một là La-hán; hai là Bích-chi-phật và ba là Phật đạo. Người của ba thừa này đều do nghe pháp, tu hành đúng với lời nói. Lại có các chúng sinh thoát khỏi ba đường ác, hưởng phước lạc nơi cõi trời, người. Tất cả đều do nghe pháp, cho nên Đức Phật dạy: "Ai đem pháp bố thí thì được công đức vô lượng."

Vua Trời nghe vậy, thưa:

–Thân của thầy ngày nay là do nghiệp báo hay là ứng hóa thân?

Chồn hoang trả lời:

–Đó là tội theo nghiệp báo chứ chẳng phải là thân ứng hóa.

Nghe vậy, vua Trời bỗng nhiên sợ hãi, bi ai, nước mắt đầm đìa, liền tỏ lòng tôn kính, thưa với chồn hoang:

–Ý của tôi nói là Bồ-tát Thánh nhân ứng hiện để cứu vật, nhưng nay chỉ mới nghe nói về tội theo nghiệp báo, chưa biết nguyên do, xin hãy thương xót nêu bày nhân duyên.

Chồn hoang đáp:

–Muốn nghe ư, tốt lắm, nay ta sẽ nói. Ta nhớ lại thuở xưa sống ở thành vua Ba-đầu-ma, nước Ba-la-nại, làm con trong gia đình nghèo, tên A-dật-đa, dòng Sát-đế-lợi. Thuở nhỏ rất thông minh, hiếu học, đến năm mười hai tuổi theo minh sư sống trong núi sâu, khổ cực nhưng vẫn phụng thờ thầy, siêng năng nghiên cứu học tập, tinh tấn không biếng nhác. Sớm tối thầy luôn dạy bảo không để phí một thời gian nào. Trải qua năm mươi năm, tất cả chín mươi sáu thứ, nào kinh, sách, lý luận, chế thuốc, chú thuật, xem tướng tốt xấu, tai ương biến đổi, họa phước, không gì mà không thấu đạt, tài cao, trí đức, danh tiếng đồn khắp phương xa. Bấy giờ, A-dật-đa ngầm suy nghĩ: "Được cứu độ ngày nay đều nhờ ân dạy dỗ, hóa độ của Hòa thượng ta. Công ơn ấy khó báo đền. Nhà ta nghèo thiếu, không lấy gì để cúng dường, chỉ có bán thân để báo ơn thầy." Nghĩ vậy rồi liền quỳ bạch thầy:

–Bạch thầy! Ngày nay đệ tử muốn tự đem bán thân để báo ân thầy.

Thầy nói:

–Đạo sĩ sống trong núi xin ăn để sống, thật không có đói, nay vì sao con hủy bỏ bản thân quý này để cúng dường thầy? Giờ đây con đã thành tựu được trí tuệ và biện tài, cần phải chuyển hóa cho muôn dân trong cõi trời, người, làm cho đèn chánh pháp được sáng suốt. Công đức giáo hóa ấy lẽ nào không đủ để báo ân thầy chăng? Con không cần hành động nào khác.

Lúc này A-dật-đa đã là người có trí, không trái lời thầy dạy nên lưu lại trong núi xin ăn để sống. Như vậy không bao lâu vua băng hà, quần thần tụ hội bàn luận, ban lệnh cả cõi nước: Các học sĩ nổi tiếng đều triệu tập đầy đủ cùng nhau bàn luận, ai thắng sẽ được làm vua.

Khi ấy, A-dật-đa được mời tập hợp với năm trăm học sĩ khác, trong bảy ngày cùng nhau thi đấu, bàn luận nhưng không có ai hơn mình. Quần thần hoan hỷ mời Bà-la-môn bái lễ A-dật-đa lên ngôi vua. Bấy giờ, thấy việc đã rồi, A-dật-đa vui buồn lẫn lộn suy nghĩ: "Nếu làm vua thì sợ bị kiêu căng, ngạo mạn, tham cầu để thỏa ý muốn, khiến muôn dân khổ sở, chết bị đọa vào địa ngục, thọ khổ. Còn nếu không làm vua thì nhà khổ nghèo, không có bổng lộc, không lấy gì để cúng dường, báo trọng ân của thầy."

Nghĩ đi nghĩ lại, A-dật-đa phải chấp thuận làm vua để báo ân thầy và nuôi cha mẹ. Suy nghĩ xong, A-dật-đa chịu nhận ngôi vị, chính thức làm vua rồi A-dật-đa sai trung thần sửa soạn xe báu, cờ phướn, lọng báu, hương hoa, kỹ nhạc, trăm món ăn uống, lên núi đón thầy đem về nước để cúng dường. Vua A-dật-đa xây riêng cung xá đầy đủ, nào bảy báu khắc chạm nhiều kiểu, trang trí đủ cách, giường chiếu mền mùng, ăn uống thuốc thang, vườn cây hoa quả, có suối chảy, ao tắm trang trí thích hợp đẹp đẽ để cúng dường thầy. Vua A-dật-đa cùng quần thần, dân chúng, phu nhân, thể nữ trong nước ngày ngày gần gũi thầy, thọ mười pháp thiện, trải qua một trăm năm.

Bấy giờ, nơi biên giới có hai nước nhỏ. Vua hai nước nhỏ ấy vốn oán thù, lập binh mã riêng, đánh giết nhau. Trải qua đã nhiều năm mà không ai thắng. Một nước tên là An-đà-la, một nước tên Ma-la-bà-da. Vua An-đà-la cho mời các quần thần tụ tập cùng nhau bàn luận: Phải làm thế nào để thắng được nước kia. Quần thần tâu:

–Vua A-dật-đa xuất thân là kẻ hàn vi, tuy sống trong địa vị ngôi vua nhưng vẫn giữ ý hàn vi ngày cũ. Từ xưa đến nay vua phụng trì mười pháp thiện, không phạm ngoại sắc, tuy có cung nữ nhưng không nghĩ đến. Theo kế của thần, tìm kiếm trong nước, bất cứ giàu nghèo tuyển chọn các danh nữ đủ một trăm người, tuổi nhỏ, đoan chánh rất là vừa ý, cho trang sức

hương hoa thơm khiết rồi sai trung thần chở những vật báu và các thể nữ đến dâng cống vua. Nếu vua A-dật-đa nhận thì xin vua cho một trăm vạn binh hùng mạnh để giúp đỡ đến đánh nước Ma-la-bà-da. Nếu không làm như vậy thì không diệt được bên kia.

Liền theo kế của ông ta, các danh nữ và vật báu tức khắc đã chuẩn bị xong, sai trung thần qua dâng cống. Được các kỹ nữ và nhiều châu báu, vua A-dật-đa rất vui thích hỏi sứ giả:

–Vua của ông dâng cống cho ta những thứ tốt đẹp quý giá như vậy là mong muốn điều gì?

Sứ giả thưa:

–Nước Ma-la-bà-da là do đại vương thống lãnh. Vua ấy ngoan cố không biết lễ nghĩa, dâm loạn vô đạo, không sửa chính sách quốc gia, dân chúng bị khổ cực, nhìn vua ấy như oán thù. Chỉ xin đại vương cho một trăm vạn binh giúp đỡ đến đánh. Lòng thành thật dâng cống chính là điều ấy.

Vua A-dật-đa nói:

–Hay lắm! Hay lắm!

Rồi vua chọn một trăm vạn binh tinh nhuệ, dũng mãnh để giao cho sứ giả. Vua An-đà-la tự chọn trong nước mình được một trăm vạn người, đồng thời trợ chiến, đánh trống đến chinh phạt. Trong một trăm ngày chiến đấu ác liệt, người chết hơn một nửa mới thắng được nước kia. Vua nước Ma-la-bà-da cuối cùng bị chém và tông tộc của vua cả mấy ngàn vạn người đều chết sạch.

Từ khi được các mỹ nữ, vua A-dật-đa bị tình dục mê loạn, tâm quên mất tất cả chí nguyện xưa, bị chìm đắm trong dâm lạc, không đoái hoài đến chính sự quốc gia. Các quần thần cùng nhau làm loạn, con của lương dân bị bắt làm nô tỳ. Gió mưa không đúng mùa, người đói khổ đầy đường, bị nước khác thù oán đến xâm chiếm. Vua A-dật-đa từ đó bị mất nước rồi chết. Sau khi chết, bị đọa trong địa ngục chịu khổ sở vô lượng. Nhờ đời trước được học vấn có trí tuệ nên biết thân mạng kiếp trước, tâm tự hối hận, cải ác tu thiện. Trong chốc lát ở địa ngục qua đời, rồi sinh vào cõi ngạ quỷ. Lại nhớ lại thân mạng đời trước, liền hối hận những tội lỗi đã qua, tu niệm mười thiện, ở nơi ngạ quỷ thời gian không lâu rồi qua đời, sinh vào loài súc sinh làm thân chồn hoang. Nhờ lực của trí tuệ, lại biết thân mạng đời trước, cải xưa tu nay, phụng trì mười thiện, lại giáo hóa cho các chúng sinh cùng hành mười thiện. Vừa rồi gặp sư tử, lúc đó sợ hãi mà rớt trong giếng, tâm bừng mở, biết sắp chết, mong muốn được sinh lên cõi trời, lìa khổ được vui. Các ngươi cứu vớt ta lên là trái mất bản nguyện, vì vừa trải qua bao

thứ đau khổ, không biết khi nào mới thoát khỏi, cho nên ta nói: Các ngươi cứu mạng ta là không có công đức.

Vua Trời hỏi:

–Tôn giả nói: Người thiện muốn chết, việc đó không đúng. Vì sao? Vì thầy ở đáy giếng nếu không thòng áo xuống thì thầy lên không được, tự mình không thể sống. Nay được sống là do thầy nắm áo, cho nên biết rằng thầy muốn sống, vì sao nói là không ham sống?

Chồn hoang trả lời:

–Sở dĩ ta nắm áo chính là có ba nhân duyên lớn:

1. Nắm áo là vì không trái chí nguyện gốc của vua Trời. Người làm trái với ý chí lời nguyện thì không đạt được kết quả, sẽ đưa đến đại khổ. Đem khổ cho người thì đời hiện tại sinh ra chỗ nào cũng không đạt ý nguyện, cầu gì cũng không toại, đi đâu cũng không gặp được gì, tự mình đi tới khổ não. Vì các nhân duyên đó chứ chẳng phải vì ham sống.

2. Nắm áo vì thấy ý của chư Thiên muốn được nghe pháp, vì chư Thiên mà ta nêu giảng chánh pháp, không tiếc rẻ pháp. Nếu như lúc đó không nói thì ta là kẻ tiếc rẻ pháp. Tội tiếc rẻ pháp đời đời sinh ra bị đui mù, câm ngọng, các căn bị bít lấp, sinh ở nơi biên địa ngu si không có trí. Dù sinh ra có đẹp, lành, nhưng lòng vẫn ám độn, học tập không thành. Vì học không thành nên phải đi đến khổ não. Vì các nhân đó, chẳng phải vì ham sống. Giống như người nơi thế gian nhờ đời trước bố thí, tu thiện được phước đức, nay sinh làm người, nguyện gì được nấy, của cải giàu có. Người nghèo đến xin lại tham lam keo kiệt không chịu đem cho. Quả báo tham lam keo kiệt bị đọa trong cõi ngạ quỷ, luôn đói khát, trần truồng không quần áo. Mùa đông lạnh rét, thân thể như cắt xé, mùa nóng thì nóng bức không có chỗ mát mẻ để ẩn núp. Khổ não như vậy trải qua mấy ngàn vạn năm. Tội nơi ngạ quỷ hết, lại sinh vào loài súc sinh, ăn cỏ uống nước, ngu si không biết gì cả, hoặc ăn bùn đất dơ nhớp bất tịnh. Vì tội tham keo kiệt mà thọ quả báo như thế. Tội tiếc rẻ pháp cũng như vậy.

3. Nắm áo chính là để truyền tiếp thần thông biến hóa, làm lợi ích cho hàng trời, người, khiến được mở bày tỏ ngộ. Đó gọi là pháp thí, công đức đó vô lượng. Vì nhân đó chứ không phải vì muốn sống.

Vua Trời hỏi:

–Công đức giáo hóa phước ấy ra sao? Xin Tôn giả hãy nói cho.

Chồn hoang trả lời:

–Giảng nói về chánh pháp có thể làm cho chúng sinh biết chết có

sinh trở lại. Ai làm thiện được phước báo, làm ác chịu tai ương, tu đạo được chứng đạo. Nhờ công đức ấy mà đời sau được trí tuệ sáng suốt, biết được thân mạng kiếp trước. Nếu sinh lên cõi trời thì làm thầy của chư Thiên. Nếu sinh trong thế gian, làm Kim luân vương, thường lấy mười thiện để giáo hóa thiên hạ. Nếu làm vua thì lấy chánh pháp để trị, thường biết túc mạng. Vì biết túc mạng nên tâm không buông lung, mọi người tôn kính, hưởng năm thứ dục lạc. Có nhiều Ma vương đến cản trở, phá hoại, làm cho tâm ý người đó mê hoặc, gây ra các nghiệp ác. Dù bất hạnh nhưng khi thọ báo ác nhờ lực của trí tuệ nên mau thoát được khổ, sinh lên cõi trời, hưởng phước lạc, có trí tuệ sáng suốt, tăng trưởng dần dần, thành tựu hạnh Bồ-tát, đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Cho nên Đức Phật dạy: "Công đức giáo hóa phước ấy là vô lượng."

Vua Trời vui mừng nói:

–Hay thay! Theo lời Tôn giả dạy chư Thiên chúng con hôm nay mới biết tướng sai khác về nhân duyên của công đức nơi tài thí, pháp thí. Tài thí giống như cây đèn một tấc sáng trong phòng nhỏ. Còn pháp thí giống như ánh sáng của mặt trời, chiếu sáng khắp bốn thiên hạ, đi đến chỗ nào cũng trừ bỏ sự tối tăm. Vì sao? Vì tánh của mặt trời vốn sáng cho nên có thể chiếu soi mọi vật. Hòa thượng nay cũng như vậy, vì vốn tu tập được trí tuệ sáng suốt, rồi đem trí tuệ ấy trừ diệt các tối tăm của chúng sinh.

Khi vua Trời nói như vậy xong, tám vạn chúng trời đều đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ dài, chắp tay thưa:

–Xin Tôn giả rủ lòng thương xót trao cho pháp mười thiện để được nhiều lợi ích, đem lợi lạc an vui cho chúng sinh, cũng khiến cho công đức của Hòa thượng được tăng trưởng.

Chồn hoang nói:

–Hay lắm! Đã đúng thời.

Rồi chồn hoang nói với vua Trời:

–Cách thức thọ giới trước tiên phải sám hối, thanh lọc thân, khẩu, ý. Thân nghiệp là gì? Là sát sinh, trộm cắp và tà dâm. Khẩu nghiệp là gì? Là nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác và nói lời thêu dệt. Ý nghiệp là gì? Là ganh ghét, sân giận, kiêu mạn và tà kiến. Mười việc ấy cấm thân, khẩu, ý không phạm các việc ác gọi là mười thiện. Còn như buông thả thân, khẩu, ý gây ra các nghiệp ác, đó gọi là mười ác. Một lòng chí thành sám hối để tiêu trừ mười ác, do mười ác tiêu diệt cho nên thân, khẩu, ý được thanh tịnh. Vì ba nghiệp thanh tịnh nên gọi là mười thiện.

Vua Trời hỏi:

–Công đức của mười thiện, quả báo như thế nào?

Chồn hoang đáp:

–Ta từng nghe Đức Phật nói: Người hành mười thiện được quả báo sinh lên sáu tầng trời cõi Dục, có cung điện bảy báu, tự tại thọ hưởng năm dục, có một trăm vị ngon vật lạ, sống lâu vô lượng, cha mẹ vợ con, lục thân quyến thuộc đẹp đẽ, trong sạch, hoan hỷ thọ lạc. Giả sử chư Thiên giữ đủ mười thiện, khi phước trời đã hết thì sinh trở lại trong cõi trời, phước báo thù thắng hơn quả báo mười thiện nơi cõi người. Vì sao? Vì người đời tu mười thiện đạo đối với ba giới thuộc tâm đạo khó có thể hộ trì được. Giới không sân, đầu tiên phải cần phương tiện để hành trì lòng Từ bi, sau đó mới có thể thành tựu giới không sân. Người đời tu hành lòng từ khó được lâu, giống như lấy dao chém nước, ngay lúc chém thì nước tức thì liền lại. Giữ giới không sân cũng lại như vậy. Giới ganh ghét thì nổi lên có lúc. Thế nào gọi là có lúc? Nghĩa là thấy người khác được lợi lộc, thấy người khác an lạc, thấy người khác đẹp đẽ, thấy người khác mạnh mẽ, thấy người khác thông minh… Vì thế nên biết, tâm ganh ghét phát khởi có lúc, tâm kiêu mạn cũng khởi lên có lúc. Thấy người ngu si thì tâm sinh kiêu mạn. Thấy người xấu xí, thấy người dơ dáy, thấy người nghèo khổ, với những người đui, điếc, què quặt, các căn không đủ, dân mọi rợ tâm kiêu mạn khi thấy mới dấy khởi. Thế nên biết, giới không kiêu mạn phát khởi có lúc. Cho nên người đời tâm giới khó giữ. Dù cố gắng giữ nhưng được đó rồi quên mất ngay. Nên người thế gian được quả báo nơi mười thiện dù hưởng phước trời nhưng không bằng công đức nơi mười thiện của chư Thiên, thần lực ánh sáng, hưởng lợi về tướng tốt, oai nghiêm bậc nhất, biết được sự việc đời trước. Tất cả chư Thiên đều như vậy, cho nên biết rằng quả báo của chư Thiên tu hành mười thiện vượt hơn người ở thế gian.

Vua Trời thưa:

–Như Tôn giả đã nói, con người hành mười thiện, ba giới thuộc tâm đạo khó mà hộ trì. Cõi trời cũng thế, cũng có các tâm ganh ghét, sân giận, kiêu mạn, tà kiến. Vì sao Tôn giả nói phước báo của cõi trời hơn hẳn nơi con người?

Chồn hoang nói:

–Cõi trời tuy có như thế nhưng vẫn khác với cõi người. Vì sao? Vì phước đức của cõi trời khổ ít vui nhiều, tâm phiền não nhẹ. Người đời thì phước mỏng, vui ít mà khổ nhiều, tâm phiền não nặng nề.

Vua Trời thưa:

–Xưa nay chư Thiên quen theo vui sướng, tâm thô tháo giống như khỉ vượn. Nay giữ mười thiện sau quên mất, vậy khi phạm như vậy thì phải làm thế nào?

Chồn hoang trả lời:

–Ta từng nghe thầy dạy: Người hành mười thiện nếu có phạm lỗi lầm gây ra nghiệp ác thì nên đến chỗ bậc Hiền minh, có phước đức, tùy theo tội phạm mà phát lồ sám hối, nghe theo lời dạy của vị ấy. Làm được như vậy thì không mất giới. Vì sao? Vì giới nơi mười thiện giống như cây lúa mạ, phiền não như cỏ. Cỏ với lúa mạ làm cản trở nhau. Vì muốn mạ lớn thì phải trừ bỏ cỏ xấu. Vì lúa mạ sạch sẽ nên thu hoạch được nhiều. Nhờ thu hoạch được nhiều nên không đói khổ.

Bấy giờ, vua Trời và tám vạn chúng trời nghe như vậy rất vui mừng, không còn ưu lo phước hết bị chết, chịu quả báo trong cõi ác. Các vị lại suy nghĩ: Công đức hành thiện tuy không có khổ báo nhưng có sinh tử, không tránh khỏi vô thường, kể cả Thiên vương Tha hóa tự tại, thấy người tu phước thì tâm sinh ganh ghét tạo các chướng nạn, quên mất nẻo thiện, gây ra các nghiệp ác. Do tạo nghiệp ác nên bị khổ báo.

Vua Trời lại thưa:

–Nhờ tu công đức gì mà được không chết, không bị Ma vương quấy nhiễu?

Chồn hoang trả lời:

–Ta từng nghe Đức Phật nói: Người nào phát tâm Bồ-đề, tu hạnh của Bồ-tát thì Ma vương không thể nào phá hoại được. Vì tâm không mê hoặc mà đời đời sinh ra được trí tuệ sáng suốt. Nhờ có trí tuệ sáng suốt nên biết được thân mạng kiếp trước. Nhờ biết thân mạng kiếp trước nên không tạo nghiệp ác. Nhờ tâm thanh tịnh nên đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Nhờ đắc pháp Nhẫn vô sinh nên đối với đạo không thoái chuyển, xa lìa sinh tử, ưu não, khổ hoạn.

Vua Trời thưa:

–Tu đạo Bồ-tát nên hành pháp gì?

Chồn hoang nói:

–Tôi từng nghe Phật dạy: Người cầu Phật đạo xuất phát từ ban đầu. Trước tiên phải học rộng về nhân duyên của các pháp. Nhờ hiểu rõ các nhân duyên mà sinh lòng tin kiên cố. Nhờ tín căn vững chắc mà khởi tinh tấn. Nhờ sức mạnh của tinh tấn nên không tạo tất cả nhân duyên của nghiệp ác, làm cho tâm thuần thiện. Nhờ tâm không buông lung nên trí tuệ được

thành tựu. Nhờ diệu lực nơi trí tuệ mà thâu giữ hết thảy ba mươi bảy phẩm Trợ đạo Bồ-đề.

Vua Trời hỏi:

–Như lời Tôn giả dạy về ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, nghĩa của chúng sâu rộng, không phải kẻ thô cạn có thể hiểu được, vậy làm sao đi vào hạnh của đạo Bồ-tát?

Chồn hoang nói:

–Ta từng nghe Đức Phật dạy: Người tu đạo Bồ-tát trước tiên phải dùng phương tiện để điều phục các căn. Phương tiện là gì? Là sáu pháp Ba-la-mật, bốn tâm vô lượng. Đó gọi là phương tiện để điều phục các căn.

Vua Trời hỏi:

–Ý nghĩa của sáu pháp Ba-la-mật là gì? Xin Tôn giả dạy cho.

Chồn hoang nói:

–Sáu pháp Ba-la-mật là:

1. Bố thí để phá trừ tâm tham lam keo kiệt, không còn tiếc rẻ.

2. Giữ điều thiện, không làm điều ác.

3. Gặp việc ác, tâm nhẫn chịu, không ôm lòng trả thù.

4. Tinh tấn tu hành đạo nghiệp, không biếng trễ, thoái lui.

5. Thâu giữ tâm mình, không có tà niệm.

6. Tu tập trí tuệ được chiếu sáng để diệt trừ phiền não, vô minh tối tăm chướng ngại.

Nhờ sức mạnh của sáu pháp Ba-la-mật này để điều phục các căn. Lại có bốn pháp để điều phục các căn:

1. Tâm Từ.

2. Tâm Bi.

3. Tâm Hỷ.

4. Tâm Xả.

Đó là bốn việc, còn gọi là bốn Tâm vô lượng.

Vua Trời hỏi:

–Hành Từ là thế nào?

Chồn hoang nói:

–Nếu thấy người bị khổ ách, nên sinh lòng thương xót để cứu độ, khiến cho họ được an vui.

–Sao gọi là Bi?

–Là thấy các chúng sinh vì do vô minh, tham ái mà tạo ra nghiệp sinh tử, chịu khổ trong năm đường, tự mình không thể thoát được, cho nên ta nay không biếng nhác mà siêng năng tinh tấn tu tập trí tuệ mau thành Phật đạo. Chứng được Phật đạo rồi, nên dùng trí tuệ sáng suốt để chiếu rọi, diệt trừ vô minh tăm tối cho chúng sinh, khiến họ thấy được ánh sáng rực rỡ, thoát khỏi các dây khổ. Tuy chưa thành Phật nhưng phàm làm ra những nghiệp thiện gì đều hồi hướng cho chúng sinh khiến họ đều được an lạc. Chúng sinh có tội, ta sẽ chịu thay thế họ. Đó gọi là tâm Bi.

–Sao gọi là Hỷ?

–Nếu thấy người đời tu hành nghiệp thiện, cầu quả nơi ba thừa thì khuyến khích, trợ duyên và tùy hỷ. Thấy người được an vui, tâm mình cũng tùy hỷ. Thấy người xinh đẹp, thấy người mạnh mẽ, thấy người giàu sang, thấy người có trí tuệ, thấy người có tâm Từ, thấy người hiếu thuận, nói chung tất cả người thiện nào cũng phải khuyến khích giúp đỡ, tùy hỷ. Đó là tâm Hỷ.

–Sao gọi là tâm Xả?

–Phàm làm được việc gì, tất cả công đức đều ban ơn cho người, không mong đền trả. Không trông mong đền trả đó là Xả.

Thành tựu được bốn việc trên gọi là bốn Tâm vô lượng. Vì chúng sinh vô lượng nên tâm Từ cũng vô lượng. Vì chúng sinh vô lượng nên tâm Bi cũng vô lượng. Vì chúng sinh vô lượng nên tâm Hỷ cũng vô lượng. Vì chúng sinh vô lượng nên tâm Xả cũng vô lượng. Do đấy gọi là bốn Tâm vô lượng. Tiếp với sáu Độ trước, gọi là mười pháp Ba-la-mật. Mười pháp Ba-la-mật bao trùm tất cả hạnh của đạo Bồ-tát.

Bấy giờ, Thiên đế Thích nghe chồn hoang nói về nhân duyên công đức của mười pháp hạnh thiện, lại nghe nghĩa nơi nhân duyên của Bồ-tát hành đạo Bồ-tát, lưới si liền được tháo mở, vui mừng sung sướng, động cả toàn thân. Thế rồi vua Trời cùng tám vạn chúng Trời tùy tùng đứng dậy cung kính chắp tay thưa:

–Hôm nay đệ tử cùng tám vạn chúng Trời đồng một lòng phát tâm Bồ-đề. Như Hòa thượng đã nói về hành đạo Bồ-tát, đệ tử xin phụng trì, cúi xin Hòa thượng tùy hỷ ấn chứng.

Chồn hoang nói:

–Nên biết đúng thời! Như vậy đã đúng với ý nguyện xưa của các ngươi đã trông mong.

Vua Trời thưa:

–Hòa thượng ăn uống, pháp dùng như thế nào? Cúi xin được chỉ giáo để cúng dường.

Chồn hoang đáp:

–Thức ăn không giống như người thế gian. Vì sao? Vì nhân duyên của nghiệp tội nên vật dụng để ăn uống rất là cấu uế. Thân hình tợ súc sinh nhưng không khác gì ngạ quỷ. Các ngươi không cần hỏi về vật dụng ăn uống của ta.

Vua Trời thưa:

–Hòa thượng ăn uống ngon cũng nên chỉ vẽ, dở cũng phải nói ra để đệ tử theo đó mà làm những món thích hợp cúng dường.

Chồn hoang đáp:

–Ta thường ăn phân của sư tử, hổ lang và xương cốt người chết ở nơi gò mả. Áo rách da nát cũng không được ăn. Những thức ăn như vậy nhưng gặp lúc đói khát bức bách cũng phải ăn bùn đất. Quả báo của ta khổ từ sinh đến chết. Dù ăn đồ bất tịnh nhưng cũng không được no đủ.

Khi ấy Thiên đế Thích và chư Thiên nghe tướng ăn uống của chồn hoang mà buồn bã thương xót, khóc lóc, thưa với chồn hoang:

–Ý của đệ tử muốn thiết bày cúng dường. Như lời thầy dạy thì những ý nguyện của đệ tử không thành, không biết làm sao, nay trở lại Thiên cung, đệ tử phải làm cách nào để báo ân nặng của thầy?

Dã can nói:

–Hôm nay các ngươi theo ta nghe pháp. Hãy trở về Thiên cung lần lượt giáo hóa để khai ngộ cho chư Thiên. Bất cứ nam, nữ, cho đến một người, khiến họ tin thọ và làm như vậy, không những báo ân ta mà còn báo ân nơi tất cả chư Phật. Tùy theo sự thích nghi mà giáo hóa để làm tăng trưởng công đức cho chư Thiên, huống gì là giáo hóa khai ngộ cho nhiều người, công đức ấy là vô lượng.

Chư Thiên nghe vậy liền đứng dậy thưa:

–Đệ tử chúng con nay trở về Thiên cung, chưa biết khi nào Hòa thượng xả thân tội báo này để sinh lên cõi trời được gặp nhau.

Chồn hoang đáp:

–Thời gian còn bảy ngày nữa ta sẽ xả thân tội lỗi này, sinh lên cõi trời Đâu-suất. Các ngươi có thể nguyện sinh vào cõi trời ấy. Vì sao? Vì nơi cõi trời Đâu-suất có nhiều Bồ-tát thuyết pháp giáo hóa, vì chư Thiên mà dốc cầu Phật đạo.

Vua Trời thưa:

–Như lời Tôn giả dạy, quyến thuộc của đệ tử ở cõi trời Đao-lợi phước hết, qua đời đều được sinh vào cõi trời Đâu-suất ấy thầy trò cùng gặp nhau để phụng trì giáo pháp, giống như ngày nay.

Nói xong, Đế Thích cùng chúng trời dùng hoa hương trời tung rải lên chỗ chồn hoang rồi từ biệt ra đi.

Chư Thiên đi rồi, chồn hoang không rời chỗ cũ, nhất tâm chuyên niệm về pháp mười hạnh thiện, không đi kiếm ăn. Sau bảy ngày liền qua đời, sinh lên cõi trời Đâu-suất, làm con của Thiên vương. Lại biết thân mạng kiếp trước, lại dùng pháp mười thiện giáo hóa chư Thiên.

Đức Phật nói với vua:

–Chồn hoang khi ấy chính là thân ta. Còn Thiên đế Thích nay là Tôn giả Xá-lợi-phất. A-dật-đa khi ấy là Đại sư giáo thọ. Ưu-ba-đạt chính là Di-lặc. Tám vạn chư Thiên nay là tám vạn Bồ-tát đạt quả vị không thoái chuyển ở cõi Ta-bà.

Đức Phật nói:

–Đại vương! Nhớ lại về thời xa xưa, lúc mới phát tâm tu hạnh Bồ-đề cho đến chứng được vô sinh. Trong thời gian ấy thường cùng với Di-lặc, Xá-lợi-phất… vì cầu pháp mà luôn siêng năng, không nghĩ đến thân mạng, tìm kiếm minh sư để gần gũi phụng trì, nghiên cứu, tinh tấn học hỏi nên thành tựu được trí tuệ. Nhờ diệu lực của trí tuệ nên trong năm đường sinh vào nơi chốn nào cũng giáo hóa được thành tựu, khiến cho vô lượng chúng sinh vượt qua biển khổ, đến nay mới được thành Phật, đều do phương tiện nơi trí tuệ Bát-nhã đoạn trừ tất cả nhân duyên ràng buộc chứng đắc đạo quả Đẳng chánh giác. Lại dùng trí tuệ giáo hóa chúng sinh trong cõi Ta-bà, vượt qua khổ của ba cõi. Cho nên ta nói trí tuệ Bát-nhã có bốn danh nghĩa.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc và các quyến thuộc nghe Phật nói vậy, tâm ý khai mở cùng đứng dậy làm lễ, vui mừng sung sướng đứng qua một bên, chắp tay, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con nay đến gặp Thế Tôn thật là sung sướng, được lợi ích hoàn toàn, được nghe thuyết pháp, không còn biết mệt mỏi, biếng trễ. Vì sao? Vì trước đây Thế Tôn nói về bốn pháp Chân đế, mười hai Nhân duyên, đạo xuất thế gian, mà chúng con thì tâm ám độn, mờ mịt không hiểu được. Vì không hiểu nên thân thể mệt mỏi. Nay được nghe Thế Tôn nói về pháp của hạnh Bồ-tát, tuy chưa hiểu được hoàn toàn nhưng tâm rất ưa thích, khao khát muốn được nghe, không nhàm chán. Đệ tử nay muốn phát tâm Bồ-đề, cầu đạo Vô thượng. Cúi xin Đức Thế Tôn thương xót chấp

thuận để chỉ dạy các pháp Ba-la-mật mà Bồ-tát thực hành, chúng con cũng sẽ thực hành theo Ngài dạy.

Đức Phật nói:

–Đại vương! Pháp của hạnh Bồ-tát như trên đã nói về thân, khẩu, ý nghiệp, hành của mười thiện đạo, mười pháp Ba-la-mật, thâu tóm chung tất cả pháp trợ đạo. Đại vương hãy nên thực hành.

Vua hỏi:

–Như lời Thế Tôn dạy, hành pháp mười thiện, ba pháp thuộc tâm khó có thể hộ trì. Như vậy, thọ như thế nào để không rơi mất?

Đức Phật nói:

–Đại vương! Tâm của người thế gian thô tháo giống như khỉ vượn bị gió phiền não làm lay động. Cho nên ai muốn hành đạo mười thiện thì không nên chậm trễ. Muốn tu mười thiện phải giới hạn nơi ba thời:

1. Từ sáng sớm đến khi ăn gọi là thượng thời.

2. Quá bữa, ăn một chút xíu gọi là trung thời.

3. Khi đi bộ một trăm bước, gọi là hạ thời.

Thọ pháp mười thiện tùy theo khả năng của mình, ở trong mỗi một thời phải giữ gìn ý của mình, kiên trì ba giới, không để cho thiếu mất. Đó gọi là tu hành mười thiện.

Vua hỏi:

–Như Thế Tôn dạy, trong ba thời gian hành giả giữ mười thiện thì công ấy rất nhỏ, làm sao sinh phước được?

Đức Phật nói:

–Người tu mười thiện thời gian tuy ngắn nhưng công đức tạo phước báo rất nhiều. Vì sao? Vì ba giới thuộc tâm, khó giữ gìn. Tuy giữ trong thời gian ngắn nhưng quả báo là vô lượng. Giống như có người cất chứa củi cỏ cả trăm năm rồi lấy lửa đốt đi, chỉ trong chốc lát thì củi đều cháy sạch. Thế nên biết, tuy tu mười thiện, trong khoảnh khắc có thể diệt trừ vô lượng tội nặng của nghiệp ác. Lại như dùi lửa, gia công siêng năng dụng lực thì chỉ trong chốc lát được lửa, năng lực của lửa có thể thiêu đốt cây cỏ, núi rừng trong thiên hạ, đến khi nào trụi sạch mới tắt. Đại vương nên biết! Người tu mười thiện cũng như vậy. Công đức trong chốc lát nhưng có thể tiêu diệt vô lượng tội nặng của nghiệp ác, có thể khiến cho hành giả sinh khởi mầm mống Bồ-đề. Vì mầm mống thành rồi phát triển dần dần, đến khi thành tựu quả Phật.

Nghe xong, vua liền đứng dậy làm lễ, rất vui vẻ hân hoan, chưa bao

giờ có. Vua bạch Thế Tôn:

–Hôm nay đệ tử được thiện lợi lớn. Vì sao? Vì nghe Thế Tôn thuyết giảng về nhân duyên công đức của việc tu tập đạo mười thiện, khiến cho chúng sinh phát khởi mầm mống Bồ-đề. Nay đệ tử lập chí vui thích Bồ-đề, đệ tử sẽ cố gắng tu hành tâm không thoái lui.

Khi Đức Phật giảng nói xong, vua và quần thần, quan viên, hậu cung, phu nhân, tùy tùng cùng bốn hàng đệ tử, trời, rồng, quỷ thần, người và không phải người, cùng hơn năm ngàn người đều phát tâm cầu đạt đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc cùng đại phu nhân khi ra, vào, lui, tới thường sai bốn người là Phiến-đề-la *(Phiến-đề-la: Hán dịch là Thạch nữ; vì không có nam căn, nữ căn nên gọi là Thạch nữ)* có sức mạnh hơn người khiêng kiệu hoàng hậu. Xe kiệu của hoàng hậu đi làm bằng bảy báu, lưu lại nghỉ bên ngoài tinh xá Kỳ hoàn, rồi ra lệnh các quan thái giám bảo vệ. Thái giám chuyển lệnh cho bốn Phiến-đề-la giữ kiệu của phu nhân. Hoàng hậu đích thân đến bên Đức Phật nghe pháp. Đám Phiến-đề-la đều ở dưới kiệu xe ngủ say không hay biết. Khi ấy, có tên hung ác ăn cắp ngọc báu ma-ni trong xe của phu nhân. Lúc này, quan thái giám ra xem xét kiệu, nhưng không thấy ngọc báu, liền hoảng kinh, sợ phu nhân quở trách. Thái giám hỏi thạch nữ:

–Sai các ngươi giữ kiệu, vì sao lấy trộm châu báu?

Thạch nữ trả lời:

–Chúng tôi thật không trộm cắp.

Thái giám nổi giận lấy roi đánh thạch nữ túi bụi, đau tận tới xương. Lúc này có một thạch nữ tự biết mình không trộm cắp mà lại bị đánh đập, liền chạy trốn, đột nhập vào tinh xá kêu oan. Chúng hội nghe vậy không ai biết vì sao.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy ra ngoài chỗ quan thái giám, bảo họ đừng đánh người vô tội. Vì sao? Vì bốn thạch nữ ấy chính là thầy đời trước của hoàng hậu, chính họ không có tội lỗi, vì sao lại đánh đập họ để tự tạo nhân duyên cho nghiệp ác đời sau.

Nghe vậy, hoàng hậu liền đứng dậy, cung kính chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói, bốn thạch nữ khiêng kiệu chính là thầy đời trước của hoàng hậu. Tâm còn mê muội không hiểu, cúi xin Thế Tôn hãy nói về nhân duyên ấy, để cho đại chúng được nghe biết.

Đức Phật bảo hoàng hậu:

–Hãy kêu thạch nữ đến trước chỗ Thế Tôn để nghiệm hư thật ra sao.

Hoàng hậu phụng mệnh, liền sai thái giám ra dẫn thạch nữ đến. Bốn thạch nữ tới nơi, thấy Đức Phật liền cúi đầu khóc lóc, quỳ xuống chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con thật tình không trộm cắp châu báu. Vì nhân duyên gì mà bị tội này, phải chịu đánh đập đau đớn khiến thân thể như tan nát?

Đức Thế Tôn bảo:

–Nhân duyên của nghiệp tội do tự thân tạo ra, không phải do cha mẹ làm, cũng chẳng phải từ trên trời rớt xuống. Người làm thiện, ác thì tự mình chịu quả báo khổ hay vui, giống như tiếng vang vọng lại. Hiện tại tham lợi dưỡng, tâm làm theo việc tà vạy, dua nịnh, không biết rằng phải chịu khổ muôn kiếp về sau. Ác từ tâm sinh ra, trở lại làm hại chính mình, giống như sắt sinh rỉ làm tiêu hủy hình thể của sắt.

Vua lại chắp tay bạch Phật:

–Thế Tôn nói pháp trước sau đều có nhân duyên. Bốn thạch nữ ngày nay đời trước vốn có nhân duyên gì? Xin Phật hãy nói để khai ngộ cho kẻ đui mù được nhiều lợi ích, mọi người được mong nhờ.

Đức Phật bảo vua:

–Các vị muốn nghe. Tốt lắm, hãy thâu giữ tâm, lắng nghe cho kỹ, Như Lai nay sẽ nói.

-oOo-

PHẬT THUYẾT
VỊ TẰNG HỮU NHÂN DUYÊN KINH

QUYỂN HẠ

Đức Phật lại tư duy: "Nay trong pháp của ta có các Tỳ-kheo lời nói không đi đôi với việc làm, tâm miệng trái ngược nhau, hoặc vì lợi dưỡng, tiền tài, ăn uống; hoặc vì danh tiếng, quyến thuộc được đông đảo; hoặc có người vì chán ghét phép vua phục dịch xuất gia học đạo đều không có hướng về ba môn giải thoát, vượt khổ trong ba cõi, đem tâm bất tịnh, tham lam thọ dụng đồ của tín thí, không biết đời sau nhiều kiếp phải chịu tai ương để trả nợ sau. Vì những hạng người ấy, lẽ nào ta lại không giảng nói."

Đức Phật nói với vua:

–Ta nhớ lại về thời quá khứ vô số kiếp xa xưa có một nước lớn tên là Bùi-phiến-xà. Nước ấy có một người con gái tên Đề-vi, dòng Bà-la-môn, chồng chết, ở một mình. Nhà cô ta rất giàu nhưng không có con cái, lại không cha mẹ, chỉ ở một mình, không chỗ nương tựa. Trong pháp Bà-la-môn, nếu không đúng như ý thì tự thiêu thân. Các Bà-la-môn luôn luôn đến chỗ Đề-vi giáo hóa, bảo:

–Thân khốn khổ ngày nay đều do tội của thân đời trước. Sao gọi là tội? Nghĩa là không tôn kính, phụng thờ các Bà-la-môn, lại không hiếu thuận cha mẹ, vợ chồng, không có lòng Từ với sự nuôi dưỡng con cái… Vì có những tội ấy mà ngày nay thân chịu cô đơn, khốn khổ. Hiện tại cô không tu phước để diệt trừ tội lỗi thì đời sau càng đau khổ hơn, bị đọa trong địa ngục, bấy giờ có hối hận cũng không kịp.

Đề-vi hỏi:

–Tôi phải làm phước gì để diệt tội lỗi?

Bà-la-môn trả lời:

–Có hai cách diệt tội: Nếu tội nhẹ, tự tay cắt tóc, lấy nước thơm tắm rửa, rồi vào miếu trời sám hối, cảm tạ trời Na-la-diên, thỉnh đủ một trăm vị Bà-la-môn bày biện cúng dường ăn uống. Sắp thức ăn uống xong, lấy sữa của một trăm con bò bố thí cho Bà-la-môn, sau đó tội sẽ tiêu diệt. Vì sao? Vì các Bà-la-môn tu hành phạm hạnh, không uống rượu, không ăn thịt cùng

năm loại cay nồng, chỉ lấy sữa bò để làm thức ăn uống khiến cho thí chủ tội diệt, phước sinh, đời đời sinh ra nguyện gì được nấy.

Ngày nay, tội của cô rất nặng, nên dùng tất cả châu báu trong nhà để bố thí cho năm trăm đại Bà-la-môn. Các Bà-la-môn được bố thí rồi phải chú nguyện cho cô, khiến cô đời sau thường được giàu có. Hai là, muốn diệt tội thì đến bên bờ sông Hằng, chất củi để tự thiêu. Các Bà-la-môn lại chú nguyện khiến tất cả tội lỗi nặng nhẹ mà đời trước cô đã tạo đều diệt sạch. Đời sau không còn tai ương nào khác. Cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái sống lâu vô lượng, an lạc vô cùng.

Thế rồi, Đề-vi liền đồng ý, quyết định được khai tâm thì sẽ tự đốt thân, bèn ra lệnh nô tỳ đem mười chiếc xe vào núi chặt củi chất đống lại để tự đốt thân.

Khi ấy, trong nước có một đạo nhân tên Bát-để-bà *(Hán dịch là Biện Tài)* tinh tấn trì giới, đa văn, trí tuệ, thường đem lòng từ để giáo hóa thiên hạ cải tà quy chánh, bỏ ác tu thiện. Ông ta nghe đồn Đề-vi muốn tự thiêu thân nên sinh tâm thương xót, đến chỗ Đề-vi, ông ta hỏi:

–Cô chất củi lửa định làm gì?

Đề-vi trả lời:

–Vì muốn tự thiêu thân để diệt trừ tội lỗi.

Biện Tài nói:

–Tội nghiệp của cô tùy theo tinh thần chứ không liên quan gì đến thân, nên chịu khổ đốt thân thì đâu có thể diệt tội được. Họa phước của con người do tâm sinh ra. Vì tâm nghĩ nhớ điều thiện nên thọ quả báo thiện. Vì tâm nghĩ nhớ điều ác nên thọ quả báo ác. Tâm nhớ nghĩ khổ vui nên thọ quả báo cũng như vậy. Giống như chết đói thì làm ngạ quỷ. Ai chết trong lúc khổ não thì thọ quả báo khổ não. Ai chết hoan hỷ thì thọ quả báo hoan hỷ. Ai chết trong cảnh an ổn, vui thích thì quả báo cũng như vậy. Nay cô vì sao ở trong khổ não cầu muốn diệt tội mong muốn quả báo thiện? Thật ra không cần như vậy, vì đối với lý không đúng.

Lại nữa, này Đề-vi! Giống như người bệnh nặng, bị khổ não bức bách. Nếu có người ác đến quở mắng người bệnh, dùng tay tát tai, ý người ấy thế nào? Bấy giờ người bệnh dù có tâm thiện, nhưng có tức giận, khổ não không?

Đề-vi trả lời:

–Khi chưa thấy người kia, người bệnh nặng ấy cũng hay tức giận, khổ não, huống chi còn bị tát tai mà lại không tức giận!

Biện Tài nói:

–Vì tội đời trước của cô như vậy nên nay phải chịu góa bụa, khốn khó, luôn sầu não, lại muốn đốt thân nhằm lìa sầu não có thể được sao? Như kẻ bệnh khổ bị người quở mắng còn tăng thêm khổ não gấp trăm ngàn vạn lần, huống chi là tự mình đốt thân? Khi lửa dữ bốc lên, thân thể cháy nát mà hơi thở không tắt vì tâm chưa hoại. Bấy giờ, thân tâm bị đốt, thần thức chưa đi nên càng chịu khổ não, phiền muộn, đau đớn. Do đó, khi qua đời bị đọa vào địa ngục, khổ não trong địa ngục càng tăng trưởng gấp trăm ngàn vạn lần, mong thoát khỏi nhưng rất khó huống chi là đốt thân thể để cầu hết khổ!

Lại nữa, Đề-vi! Giống như con bò kéo xe, vì con bò rất ghét chiếc xe, muốn cho xe bị hư hoại, nhưng nếu xe trước mà hư hoại thì tiếp tục kéo xe sau, ách đè trên cổ nó vì tội chưa hết. Người ta cũng như vậy, giả sử thiêu đốt tan hoại trăm ngàn vạn thân thì nhân duyên của tội nghiệp vẫn nối tiếp nhau không dứt. Như nơi địa ngục A-tỳ thiêu đốt các tội nhân trong một ngày hơn tám vạn lần sống chết. Qua một kiếp rồi, tội của họ mới hết, huống chi ngày nay cô thiêu đốt một thân này để muốn hết tội, sao có lý đó được?

Khi ấy, Biện Tài dùng vô số phương tiện giảng nói chánh pháp cho cô Đề-vi. Cô ta tâm khai ý mở, sửa đổi ý nguyện thô tháo, ý muốn tự thiêu đốt thân không còn nữa. Cô thưa với Đạo sĩ Biện Tài:

–Tôi phải làm thế nào để được hết tội?

Biện Tài trả lời:

–Tâm trước tạo ác, giống như mây che mặt trăng. Tâm sau làm thiện như đuốc tiêu trừ tăm tối. Nay cô có ý định muốn diệt trừ tội lỗi thì tự mình đã có cách. Cô không tốn một tiền nào, cho đến không một chút khổ nhỏ như phần sợi lông, nhưng có thể diệt trừ được tội lỗi, hiện tại được an ổn, đời sau muốn sinh nơi nào đều được như ý nguyện.

Nghe vậy, Đề-vi rất vui mừng, ưu buồn liền tan biến, giống như người bị tù, tội nặng mà được thả. Cô ta liền đứng dậy cung kính lễ bái, thăm hỏi và sai nô tỳ trải một tòa cao bằng gấm, tơ, lụa có hoa đan xen, đẹp đẽ bậc nhất, rải hoa, đốt hương, thỉnh Đạo sĩ Biện Tài lên tòa cao. Biện Tài nhận lời thỉnh, liền lên tòa cao. Đề-vi dẫn hơn năm trăm quyến thuộc, nô tỳ trong gia đình vây quanh Đạo sĩ Biện Tài, cúi đầu cung kính, đứng chắp tay. Đề-vi thưa Biện Tài:

–Vừa rồi Tôn giả đã nói về phương pháp để diệt tội. Tuy lòng tôi rất vui mừng nhưng còn có một nghi ngờ nhỏ, xin Tôn giả hãy nói cho

tôi rõ, cách thức trừ diệt tội phải làm theo pháp như thế nào?

Biện Tài nói:

–Nguyên do sinh tội xuất phát từ thân, miệng, ý. Thân nghiệp không thiện là sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Khẩu nghiệp không thiện là nói dối, nói lời ly gián, nói lời ác, nói lời thêu dệt. Ý nghiệp không thiện là ganh ghét, sân giận, kiêu mạn tà kiến. Đó là mười nghiệp ác, phải chịu quả báo ác. Nay phải nhất tâm chí thành sám hối. Nếu ở quá khứ hoặc đời hiện tại có tội như vậy thì nay đều phải sám hối. Muốn hết tội, diệt tội thì tự mình phải lập thệ nguyện: "Từ nay trở đi con không dám tái phạm nữa và con vì cha mẹ, vợ chồng, anh em đời trước có tội lỗi, con xin thay thế họ nhất tâm sám hối. Con, đệ tử Đề-vi đem sự sám hối hôm nay để sửa ác tu thiện, đem phước đức để bố thí cho tất cả chúng sinh thọ khổ, khiến họ được an lạc. Chúng sinh có tội, con sẽ thay họ."

Lại lập thề rằng: "Nay con cải tà quy chánh, sám hối tội lỗi, tu phước. Nhờ nhân duyên này được xả thân, thọ thân cho đến khi thành tựu Phật đạo, thường gặp minh sư, tri thức thiện, sống lâu vô lượng, luôn cùng cha mẹ, vợ chồng, con cái, sáu thân quyến thuộc bảo hộ nhau, không nếm chút đau khổ, không như ngày nay."

Biện Tài lại nói với Đề-vi:

–Phương pháp sám hối tội lỗi đều như vậy.

Lúc đó, Đề-vi cùng quyến thuộc đến trước Biện Tài quỳ chắp tay thưa:

–Đệ tử chúng con cung kính vâng theo lời Tôn giả dạy, như pháp sám hối rồi, cúi xin Tôn giả ban cho chúng con giáo pháp lành khác. Chúng con sẽ tinh tấn phụng hành để tăng trưởng công đức.

Biện Tài nói:

–Con nay thành tâm quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng *(nói như vậy ba lần)*. Con trọn đời thọ đạo mười thiện. Đệ tử chúng con từ nay trọn đời không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm. Đó là nghiệp thiện của thân. Không ganh ghét, sân si, kiêu mạn, tà kiến. Đó là nghiệp thiện của ý. Không nói dối, nói lời ly gián, nói lời ác, nói lời thêu dệt. Đó là nghiệp thiện của khẩu. Tất cả đấy là giới pháp mười thiện.

Bấy giờ, Biện Tài trao cho Đề-vi pháp mười thiện rồi, quyến thuộc Đề-vi sung sướng vui mừng, hết lòng phụng trì. Đề-vi sửa soạn năm trăm món ăn uống và nhiều thứ châu báu, quỳ chắp tay thưa:

–Cúi xin Tôn giả lưu lại đây, rủ lòng thương giáo hóa. Chúng con xin

xây dựng cung thất đầy đủ tiện nghi, trọn đời phụng sự Tôn giả.

Biện Tài đáp:

–Nay cô có thể bỏ tà quy chánh, tịnh tu mười thiện, làm con của chánh pháp. Lại lấy mười thiện để giáo hóa thiên hạ. Như vậy là đã báo ân sâu nặng của thầy rồi. Cô đã được độ rồi, ta không nên ở lại đây vì phải còn đi giáo hóa các nơi khác nữa.

Đề-vi biết thầy không ở lại, liền đóng xe chở đồ châu báu cất trong kho dâng lên cúng dường thầy để biểu lộ sự thành tâm của mình. Biện Tài không nhận, liền từ biệt đi. Đề-vi tự nghĩ: "Lợi ích ngày nay không phải do ta. Đó là nhờ ân Tôn sư Hòa thượng đã khai ngộ nên ta được thành tựu. Ta đã năn nỉ mời thỉnh mà thầy không lưu lại, lại còn không nhận châu báu, như vậy thì làm sao?" Nghĩ như vậy rồi, cô ta buồn bã ưu phiền, nước mắt đầm đìa, cúi đầu từ tạ rồi đi.

Sau khi Biện Tài ra đi, Đề-vi cùng với năm trăm quyến thuộc thường lấy pháp mười thiện lần lượt giáo hóa nhau. Trải qua thời gian khá lâu, trong nước lúa gạo bỗng nhiên hiếm quý, dân chúng đói khát. Khi ấy, có năm Tỳ-kheo lười biếng, buông lung, không chịu tu học theo nghĩa lý trong kinh sách, lại không chuyên tâm tinh tấn, hành trì giới pháp, bị người đời khinh chê, không cúng dường nên bần cùng khốn khổ, không biết cách nào sống. Năm người bàn với nhau: "Sinh kế của con người hình thức tùy thời. Mạng người rất quý trọng, không nên để chết". Bàn vậy xong, năm người cùng nhau đi xin. Sửa soạn đầy đủ giường dây rồi đi đến giữa vùng đồng trống quét dọn sạch sẽ, treo hoa, dựng cờ thật trang nghiêm, lại theo thứ tự ngồi. Bên ngoài, hình tướng giống như thiền tư nhưng bên trong nhớ nghĩ các điều tà vạy, ô trược. Người đời thấy vậy liền cho là Thánh nhân. Thế rồi, họ chở đồ đến cúng dường cả trăm món thức ăn, năm người kia được no bụng rồi cũng còn dư. Nghe việc ấy, Đề-vi sai người dò xét, tin trở về báo rằng: Có năm Thánh nhân ngồi một mình trong vùng đồng vắng, mọi người tụ tập lại đông đảo giống như thờ kính Thiên thần. Đề-vi vui mừng tự nghĩ: "Nguyện ta đã thành tựu rồi!" Sáng sớm, Đề-vi liền ra lệnh sửa soạn xe báu cùng hương hoa, kỹ nhạc đến chỗ năm Tỳ-kheo. Đến nơi, Đề-vi lễ bái thăm hỏi, sắp đặt cúng dường. Năm người ăn uống xong, Đề-vi cùng quyến thuộc cung kính chắp tay, thưa:

Đức thầy đáng kính
Ruộng phước vô thượng
Chúng sinh được nhờ
Không nên xem thường!

Đệ tử ngu muội
Muốn thỉnh Tôn linh
Bước đến nhà nghèo
Lòng thành nhỏ nhoi,
Xin thầy thương xót
Cứu vớt quần sinh
Đệ tử cũng có
Vườn cây thanh tịnh
Suối chảy, ao tắm
Trong lành tươi sáng.

Quyến thuộc và Đề-vi lạy ba lạy. Khi ấy, năm Tỳ-kheo biết mình đã đạt được ý nguyện nên liền chấp thuận. Đề-vi vui mừng cáo từ trở về sai người sửa soạn xe báu đón năm Tỳ-kheo về chỗ ở của mình để cúng dường. Cách nhà không xa, Đề-vi có khu vườn rất đẹp, ngang dọc gồm đủ mười khoảnh, có hoa trái nhiều thứ, chim chóc nhiều loại, thanh tịnh hết mực. Trong vườn dựng một ngôi nhà trang hoàng bằng các thứ vật báu quý giá, lại trải bày giường chiếu với các đồ nằm đẹp đẽ, tinh khiết rồi mời năm Tỳ-kheo an trú trong đó. Đề-vi đêm ngày phụng thờ, cần lúc nào có lúc đó, ăn uống, thuốc thang luôn cung cấp không khi nào thiếu.

Còn năm Tỳ-kheo được chủ nhân cúng dường một cách ân hậu, an ổn, vui thích quá đỗi tự nói: "Vì sao bỗng dưng có được như vậy? Người sống ở đời dùng đủ phương cách tìm kiếm danh lợi để cứu sự nghèo khổ. Tuy họ được như ý nhưng không bằng chúng ta, không nhọc thân mà còn được hưởng phước lộc. Đây lẽ nào không phải nhờ sức của trí tuệ sao?" Năm Tỳ-kheo ấy quan sát thấy chủ nhân tiếp đãi ân cần, nên cùng bàn với nhau:

–Tuy chúng ta được chủ nhân tùy thời cung cấp một ngày giàu có của mình bằng người nghèo chi dụng cả năm. Còn những thời gian lạnh rét thì làm sao giàu vui? Nay chúng ta nêu bày ra cách để tìm kiếm nhiều của cải, tiền bạc nhằm sau này hưởng năm dục lạc.

Bàn luận như vậy xong liền thay đổi nhau, sai một người trong số họ đi vào các xóm làng, xướng lên như vầy:

–Bốn Tỳ-kheo kia ở chỗ thanh vắng, tịch tĩnh, giữ gìn giới cấm, không uống rượu, không ăn thịt và các thứ cay nồng, xứng đáng với người tu phạm hạnh, tạo nghiệp vô lậu, tu hành không bao lâu tất chứng quả A-la-hán. Đó là ruộng phước vô thượng trong thiên hạ.

Nghe nói vậy, mọi người càng đem đến nhiều của cải, tiền bạc và

thức ăn uống, để liên tục cung kính cúng dường nhiều năm như vậy.

Đề-vi thực tâm kính tin, tùy nghi cúng dường và vui mừng khôn xiết, nên khi qua đời, cô được sinh vào cõi trời Hóa lạc. Năm Tỳ-kheo đó chuyên làm việc xảo quyệt, giả dối, vì tâm tà vạy, ô uế nên khi qua đời bị đọa vào địa ngục, chịu đại khổ qua tám ngàn ức kiếp, tội địa ngục hết, lại làm thân ngạ quỷ yêu mị gớm ghiếc, cũng trải qua tám ngàn ức kiếp, tội ngạ quỷ hết, bị làm thân súc sinh để trả nợ cho chủ nhân đời trước từng cúng dường. Vì nghiệp báo này mà phải thọ thân lừa, lạc đà, trâu, ngựa theo phước báo của người chủ được thọ hưởng luôn phải đem gân sức để trả cho người chủ. Như vậy, trải qua tám ngàn đời, tội súc sinh hết, tuy được làm thân người nhưng các căn bị ám độn, không có nam căn, nữ căn, gọi là Thạch nữ. Từ đó đến nay trải qua tám ngàn đời luôn dùng sức lực nơi thân để trả nợ cho người chủ, đến nay vẫn chưa dứt.

Đức Phật bảo nhà vua:

–Đề-vi lúc đó chính là hoàng hậu bây giờ. Đạo sĩ Biện Tài nay chính là Tôn giả Đại Mục-liên. Năm vị Tỳ-kheo dối gạt kia tức là năm người Phiến-đà-la theo khiêng kiệu cho hoàng hậu.

Vua bạch Phật:

–Thế Tôn đã nói năm người tạo nhân mà nay chỉ có bốn người khiêng kiệu, còn một người nữa ở đâu?

Đức Phật bảo:

–Còn một người ở trong cung giữ việc lau chùi nhà xí và hốt dọn phân nhơ.

Nghe Đức Phật nói vậy, hoàng hậu bỗng nhiên hoảng sợ, liền đứng dậy lạy Phật, chắp tay đứng qua một bên, thưa:

–Như Thế Tôn đã nói, những người Phiến-đà-la ấy có nhân duyên nơi đời trước với con, đã làm thầy con nên con rất lo sợ phạm tội nghịch. Vì sao? Vì làm thầy nên phải tôn kính hết mực, lễ lạy, đó là nghi lễ với người thầy. Ngược lại, sai khiêng kiệu thì không khác gì trâu ngựa, do đó mà con rất lo sợ, xin Phật vui lòng thương xót cho phép con sám hối.

Đức Phật bảo:

–Hoàng hậu có phước đức, tự mình không có tội lỗi, cớ gì mà nghi sợ? Vì chúng sinh căn tánh khác nhau nên hành nghiệp không giống nhau. Thiện thì hưởng phước, ác thì tự chuốc lấy tai ương. Hoàng hậu xưa tâm ngay thẳng thanh tịnh, tin thích tu phước. Nhờ phước đức ấy nên từ đó đến nay đời đời sinh ra luôn gặp minh sư, tin thọ lời dạy bảo, từ thiện vào thiện,

từ lộc vào lộc, đến nay hưởng phước tự nhiên, gặp Phật ra đời. Phước đức của thân mạng đời trước là nhờ sức mạnh từ các nhân duyên, lại được nghe chánh pháp, theo đúng như lời nói để tu hành, do nhân duyên đó mà không có tội lỗi. Năm người Phiến-đà-la do nhân duyên nơi kiếp trước là tà vạy, ô uế, dua nịnh, không có lòng từ mà thọ sự cúng dường của hoàng hậu. Vì nhân duyên của nghiệp tạo tội lỗi nên phải luôn trả nợ xưa.

Hoàng hậu bạch Phật:

–Nay con nghe Thế Tôn nói về nhân duyên của nghiệp cũ, sự nghi ngờ của đệ tử đã được giải bày nên không còn lo sợ nữa. Những người Phiến-đà-la này chịu quả báo của nghiệp tạo tội lỗi đến khi nào sẽ hết? Đệ tử nay xin thả các Phiến-đà-la được tự do, không dám sai khiến nữa, đi đâu tùy ý. Cúi xin Thế Tôn thuyết pháp khai ngộ để tâm họ được mở bày sửa ác tu thiện, mau được thoát khổ.

Đức Phật bảo:

–Muốn Ta mở bày giáo hóa thì hãy kêu người giữ việc quét dọn phân nhơ ở trong cung đến đây.

Tức thời, hoàng hậu sai người đi kêu Phiến-đà-la kia. Sứ giả vâng lệnh, chốc lát đã dẫn đến. Năm người Phiến-đà-la đã có mặt đủ và đứng trước Đức Phật. Đức Thế Tôn đại Từ bi trước tiên dùng lời nói nhẹ nhàng, an ủi họ.

–Các con thân thể và khí lực rất khỏe mạnh, an ổn, vui thích, chắc là không có khổ não chứ?

Năm người nổi giận nói:

–Phật không biết chi cả. Vì sao? Vì đêm ngày khổ sở, bị đánh đập, sai khiến không chút nào được rảnh, có gì là vui? Phật lẽ nào không biết những việc như vậy chăng sao còn hỏi như thế?

Đức Phật bảo năm người:

–Cái khổ của thân ấy nơi ngày nay đều do đời trước tạo tác những việc tà vạy, ô uế và dua nịnh, luôn có tâm bất thiện nhận sự cúng dường của người. Vì nghiệp tạo tội lỗi nên lần lượt sinh ra đến thân hôm nay phải thường trả nợ từ nhân của nghiệp đã tạo mà vẫn chưa hết. Các ngươi muốn mong thoát khỏi quả báo ác thì bây giờ hãy chí tâm sám hối tội lỗi đã tạo, sửa ác tu thiện thì mới có thể thoát được khổ.

Nghe Phật nói như vậy, Phiến-đà-la lại nổi giận đùng đùng, quay lưng không muốn nghe. Đức Phật liền dùng thần lực tạo một hóa Phật đứng trước mặt họ, dùng phương tiện an ủi, khuyến dụ để họ sám hối. Những

người Phiến-đà-la bèn quay mặt về phía Đông, lại có một hóa Phật đứng trước mặt. Họ quay mặt về phía Tây, lại có một Hóa Phật nữa. Bốn góc, trên dưới đều có hóa Phật đứng đối diện. Thấy Phật có mặt khắp xung quanh mình, những người Phiến-đà-la tức thời la lối om sòm:

–Ngày nay chúng tôi là hạng người tội lỗi xấu ác, vì sao Phật cứ bức bách nhìn chúng tôi?

Lúc ấy, Đức Thế Tôn thâu các Hóa Phật trở lại làm một thân Phật. Đức Phật bảo đại chúng:

–Quốc vương, hoàng hậu, các Tỳ-kheo, các vị có thấy những người Phiến-đà-la này không?

Tất cả đều nói:

–Dạ thưa có thấy.

Đức Phật nói:

–Các vị nên biết! Nghiệp tạo tội của chúng sinh có hai chướng ngại: Một là nghiệp chướng, hai là phiền não chướng. Nếu người tội nhẹ là bị phiền não chướng, tội nặng là do nghiệp chướng. Những người Phiến-đà-la này có cả hai chướng. Vì chướng của nghiệp tạo tội nặng nên không thể thọ lãnh lời giáo huấn, không làm gì được!

Bấy giờ, hoàng hậu thấy những người Phiến-đà-la không nghe nhận lời Phật khuyến hóa, nên xót thương họ, mà nói:

–Từ nay trở đi, nhân duyên đã giải mở hoàn toàn. Các ngươi đi đâu tùy ý, không còn ưu phiền nữa.

Những người Phiến-đà-la quỳ dài khóc lóc, thưa hoàng hậu:

–Năm người chúng con phụng thờ đại gia có những tội lỗi nghịch ý gì mà nay bị đuổi đi? Nếu có gì không xứng hợp, cúi xin đại gia tha thứ, cho được làm việc như trước.

Hoàng hậu nói đến lần thứ ba rồi mà những người Phiến-đà-la vẫn không muốn đi. Hoàng hậu bạch Phật:

–Đệ tử dốc lòng thả những người Phiến-đà-la này nhưng họ không chịu đi. Như vậy thì phải làm sao?

Phật nói:

–Những Phiến-đà-la ấy trả nợ chưa hết, bị nhân duyên cũ trói buộc, không thể đi được thì hãy thuận theo ý của họ, cho họ tiếp tục làm việc như trước, khi nào nhân duyên hết thì tự động họ sẽ ra đi.

Đức Phật bảo nhà vua:

–Người tu phước nên khiêm cung kính trọng, tâm chánh trực luôn

thanh tịnh, hành trì đạo nghiệp thì công đức vô lượng, lửa không thể thiêu đốt, nước không thể cuốn trôi, giặc cướp không thể hại, sức mạnh của quốc vương cũng không thể làm cho chuyển động, như hoàng hậu ngày nay được thọ hưởng phước báo vậy. Người có tâm ác, tham lam lợi dưỡng, hiện tiền giống như những người Phiến-đà-la kia, nhiều đời chịu khổ não, đến nay vẫn chưa dứt. Tuy gặp Phật giáo hóa cũng giống như gió thổi qua tai mà thôi. Vì nghiệp lực của tội, trở lại sinh oán ghét, thù hằn, càng rơi vào chỗ mù mịt, tối tăm, khi nào mới được thoát khỏi!

Bấy giờ vì lòng Từ bi, Đức Phật nói với các Tỳ-kheo:

–Như ta đã nói trước đây: thân người khó được, gặp Phật ra đời rất khó, pháp khó được nghe, thọ mạng trọn vẹn cũng khó. Các vị nhờ đời trước làm chút việc thiện mà được sinh làm người, lại gặp Phật ra đời, nghe pháp tin theo, cắt bỏ ân ái, từ biệt cha mẹ, anh em, vợ con, sáu thân quyến thuộc, xuất gia học đạo, giống như người tù thoát ngục nên bỏ ác quy thiện, lời nói đi đôi với việc làm, thiểu dục tri túc, không tham cầu vinh hoa ở đời, nhẫn nại với đói khát, lập chí hướng đến Niết-bàn, nghiên cứu chuyên cần học hỏi, dứt bỏ các điều ác, trang nghiêm bằng trí tuệ, tu nghiệp vô lậu để ra khỏi biển sinh tử. Lại dùng trí tuệ để giáo hóa thiên hạ khiến họ tu hành mười thiện. Đó gọi là tự độ mình và độ người khác, ứng với nghiệp hạnh của Bồ-tát.

Lúc đó, trong hội có các Tỳ-kheo nghe Phật nói vậy tự xét những hành động của mình từ thân nghiệp, khẩu nghiệp không xứng đáng với đạo pháp, hơn năm trăm người liền đứng dậy cung kính cúi đầu sám hối rồi quỳ chắp tay, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn dạy về ba nghiệp bất thiện, chúng con đều có. Nay ở trước Phật chúng con xin phát lồ sám hối. Cúi xin Thế Tôn soi xét lòng thành của chúng con. Từ nay trở về sau thề không làm điều sai trái, chúng con sẽ tu hành như pháp, nguyện Phật chứng tri. Đức Phật dẫn dạy chúng con là bậc Thánh trong ba cõi, là cha mẹ của chúng sinh. Chúng con nay sửa ác tu thiện là điều rất vui mừng nên tùy hỷ như vậy.

Lại có năm trăm Tỳ-kheo hạnh xấu, nghe nói vậy liền đứng dậy, cung kính cúi đầu hướng về Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con không thể tu tập theo hạnh xuất gia được. Vì sao? Vì từ xưa đến nay ham lợi dưỡng, làm những việc tà vạy, ô uế, hư dối, không thật, nhận đồ cúng dường của người, nợ nần tràn đầy, vì thế mà luôn luôn lo sợ. Nay chúng con muốn bỏ đạo về tục, xin Phật rủ lòng thương

xót cho phép.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo ấy:

–Hay lắm! Hay lắm! Ta sẽ giúp cho các vị được như ý. Vì sao? Vì người vào đạo giống như cầm dao nhọn, mang chất độc, mà không thể chịu nổi. Nếu không chịu nổi thì chi bằng đừng hành đạo. Vì sao? Vì nếu cầm nắm không chắc chắn thì nó trở lại hại mình. Nay các vị tin vào nghiệp báo, có tâm hổ thẹn, vì biết thẹn, hổ để diệt trừ các tội lỗi, làm tăng trưởng căn lành. Bồ-tát Di-lặc sau khi thành Phật thuyết pháp thì các vị là người được độ đầu tiên.

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

–Thà cắt thịt của thân để ăn chứ không đem tâm tà mà thọ đồ cúng dường của người. Rất khó, rất khó, các vị hãy luôn cẩn thận dè dặt.

Bấy giờ, La-hầu-la, con của Phật, cùng năm mươi Sa-di nghe Phật nói về gốc ngọn nơi nhân duyên của họa do những người Phiến-đà-la tạo ra, ai nấy đều kinh sợ, liền đứng dậy cung kính đem đầu mặt làm lễ Phật, rồi chắp tay bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con nghe Thế Tôn nói về những người Phiến-đà-la ấy do nghiệp của đời trước mà thọ quả báo khổ, khiến chúng con rất sợ hãi. Vì sao? Vì Hòa thượng Xá-lợi-phất là bậc Đại trí, đại phước đức, được các hào tộc trong nước nghe biết, nên nhiều người tranh nhau đến để cúng dường đủ các món ngon vật lạ. Còn chúng con thì nhỏ, ngu si, không có phước đức mà thọ nhận những món ngon vật lạ như vậy thì đời sau sẽ phải thường trả cho họ, phải bị quả báo khổ giống như những người Phiến-đà-la ấy, vì vậy chúng con thật lo sợ. Năm trăm Tỳ-kheo kia đức nhiều còn không kham nổi, phải bỏ đạo về tục, huống chi chúng con còn nhỏ, không có trí tuệ, xin Phật rủ lòng thương xót cho phép chúng con bỏ đạo về nhà, mong tránh khỏi tội, không bị khổ ách.

Đức Phật bảo La-hầu-la:

–Con sợ tội, muốn được về nhà để mong khỏi khổ, việc đó không đúng. Vì sao? Như có hai người thiếu ăn, đói khát, bỗng nhiên gặp được người chủ đãi các món ăn ngon đặc biệt. Hai kẻ đói ấy vì ham nên ăn quá no. Nhưng trong hai người này một người có trí, còn người kia thì ngu si. Người có trí tự biết: Nếu ăn quá no thì làm cho thân nặng nề, mặt mày nhăn nhó khó chịu, sợ đưa đến hoạn khổ, liền tìm tới thầy thuốc giỏi, khiêm tốn hạ mình xin cầu cứu để trừ khổ hoạn. Lương y liền đưa thuốc Ma-chiên-đề bảo người ấy uống, sau đấy thức ăn được mửa tháo ra, dùng lửa sưởi ấm cho khỏe dần, nhờ đó mà người này thoát được họa hoạn, cuối cùng giữ

được thọ mạng ổn định, an lạc. Còn người ngu si không biết lỗi lầm của việc ăn uống quá độ, cho là quỷ mị quấy phá, tốn nhiều tài sản, giết nhiều sinh mạng, để cúng tế quỷ thần mong muốn cứu được mạng sống, hao phí công sức, thức ăn cũ trong bụng biến thành gió độc, làm cho sinh khí chuyển động tạo nên đau đớn, do đó mà chết bị đọa vào địa ngục muôn kiếp chịu khổ. Đó là do không có trí.

Đức Phật bảo:

–La-hầu-la! Con sợ tội mà trở về nhà thì con giống như kẻ ngu si vô trí kia. Người cầu phước muốn khỏi tội thì phải khiêm nhường, tinh tấn, gần gũi minh sư để tu tập trí tuệ, sám hối những nghiệp ác, đổi xưa tu nay, do sự hổ thẹn ấy mà trí tuệ được thành tựu. Nhờ trí tuệ thành tựu nên tiêu diệt hết các tội. Như ta đã nói ở trước, oai lực của ánh sáng mặt trời có thể trừ diệt mọi tối tăm. Người tu trí tuệ cũng như vậy, nhờ kiếp trước có căn lành mà gặp được ta. Xá-lợi-phất giống như thầy thuốc hay kia, có thể cứu khổ hoạn để được khỏi chết. Con vì sao nay lại bỏ sáng để đi vào chỗ tối tăm?

Sa-di La-hầu-la bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trí tuệ của chư Phật giống như biển lớn, tâm của La-hầu-la chúng con giống như đầu sợi lông, đâu có thể thọ trì trí tuệ của Như Lai?

Đức Phật nói:

–Giống như trời mưa, giọt sau không kịp giọt trước, tuy không bắt kịp nhau nhưng có thể làm đầy bình lớn. Tu học trí tuệ cũng như vậy, tuy ban đầu có rất ít nhưng lâu sau chứa thành bình lớn. Bình này đầy rồi sang qua bình khác, lần lần như vậy đầy cả vô số bình. Đó gọi là tự lợi và lợi tha. Tự lợi và lợi tha gọi là Đại sĩ, như ta ngày nay.

Nghe Phật giảng nói vậy, La-hầu-la tâm mở ý thông, không còn lo sợ. Như lời Thế Tôn dạy, đều gắng phụng hành đầy đủ, không dám nghi ngờ.

Bấy giờ, trong chúng hội có thái tử của quốc vương tên Kỳ-đà, nghe Đức Phật nói về nhân duyên quả báo của pháp mười thiện đạo không có hạn lượng, nên quỳ dài, chắp tay thưa Đức Thế Tôn:

–Trước Phật dạy con thọ trì năm giới, nay muốn bỏ để thọ pháp mười thiện. Vì sao? Vì trong pháp của năm giới, giới uống rượu rất khó giữ, sợ mắc tội.

Đức Thế Tôn bảo:

–Khi thái tử uống rượu đã làm những điều xấu ác gì chăng?

Kỳ-đà thưa:

–Các vị hào phú trong nước thường bắt nhau đem thức ăn để uống rượu, rồi cùng vui chơi rất hoan lạc, tự cho là không có điều ác. Vì sao? Vì uống rượu mà vẫn nghĩ đến giới, không buông lung, cho nên uống rượu không làm điều ác.

Đức Phật nói:

–Hay lắm! Hay lắm! Này Kỳ-đà! Thái tử nay đã được trí tuệ phương tiện. Nếu người trong thế gian biết được như thái tử, trọn đời uống rượu đâu có gì xấu ác. Hành giả như vậy mới đáng sinh phước, không có tội. Người làm thiện có hai hạng: Một là hữu lậu; hai là vô lậu. Thiện hữu lậu thường hưởng quả báo diệu lạc ở cõi trời, người. Thiện vô lậu thì được quả báo Niết-bàn, vượt qua khổ sinh tử. Nếu người uống rượu không tạo nghiệp ác, tâm hoan hỷ, không khởi phiền não, nhờ tâm thiện mà được thọ nhận quả báo thiện. Thái tử giữ năm giới đâu có bị mất? Uống rượu mà nghĩ đến giới thì càng tăng phước đức. Trước tiên thọ năm giới, nay thọ mười thiện, công đức ấy vượt gấp bội quả báo của mười thiện.

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

–Thế Tôn đã nói khi tâm hoan hỷ thì không khởi nghiệp ác, gọi là thiện hữu lậu, việc đó không phải vậy. Vì sao? Vì lúc người uống rượu thì tâm hoan hỷ, vì tâm hoan hỷ không sinh phiền não, vì không sinh phiền não nên không hành động não hại, vì không não hại nên ba nghiệp được thanh tịnh. Đạo thanh tịnh tức là nghiệp vô lậu. Xin Thế Tôn nhớ lại: "Ngày trước con đi săn nhưng quên dẫn theo người đầu bếp, ở trong núi sâu bỗng nhiên thấy đói. Tùy tùng tâu: Khi vua đi không ra lệnh dẫn theo người đầu bếp nên bây giờ không có ăn!" Nghe vậy, con cỡi ngựa quay về cung, bảo người đầu bếp làm thức ăn. Người đầu bếp tên Tu-ca-la, nói: "Thức ăn không có sẵn, bây giờ đang làm." Trong lúc đói bức bách, con tức giận không suy nghĩ, nổi trận lôi đình, ra lệnh quan đứng bên xử trảm tên đầu bếp. Bị vua ra lệnh, quan liền bàn với nhau: "Tìm kiếm trong cả nước chỉ được một người này trung thành, biết làm việc. Nếu nay giết ông ta đi thì không có ai nấu ăn xứng với ý vua." Khi đó, phu nhân Mạt-lợi nghe vua ra lệnh giết Tu-ca-la nên lòng rất thương tiếc. Biết vua đói, bà liền ra lệnh làm đầy đủ những món thịt ngon, rượu tốt, rồi tắm rửa, thoa hương thơm trang sức lộng lẫy, dẫn các kỹ nữ đến chỗ của con. Thấy phu nhân trang sức lộng lẫy, dẫn theo các kỹ nữ và sắp đặt rượu thịt ra, làm cho tâm sân của con tiêu tan. Vì sao? Vì phu nhân Mạt-lợi giữ năm giới của Phật, dứt bỏ rượu

không uống, làm con luôn giận, hôm nay bỗng nhiên đem rượu thịt đến cùng nhau vui chơi, tỏ bày tình cảm, con liền với phu nhân ăn thịt, uống rượu, bày các kỹ nhạc thích thú, vui vẻ, khiến tâm sân giận của con tiêu diệt. Phu nhân biết con quên mất lòng sân giận, liền sai quan thái giám truyền lệnh của con nói với ngoại thần đừng giết người đầu bếp. Ngoại thân liền phụng lệnh. Sáng mai, con tự hối hận, âu sầu không vui đến nỗi dung mạo tiều tụy. Phu nhân hỏi con:

–Vì sao mà ưu sầu? Bị lo sợ gì chăng?

Con nói:

–Hôm qua vì trẫm bị lửa đói hành hạ, nổi giận đã ra lệnh giết Tu-ca-la. Trẫm nghĩ: "Trong nước sẽ không người có khả năng trông coi việc bếp núc nơi hoàng cung như Tu-ca-la. Vì thế mà trẫm hối hận, âu sầu."

Phu nhân cười, nói:

–Người đó vẫn còn sống, xin bệ hạ đừng buồn khổ nữa.

Con lại hỏi:

–Có thật như vậy không? Hay nói đùa?

Phu nhân trả lời:

–Thật vậy, ông ta vẫn còn sống, không phải là hư dối.

Thế rồi, con ra lệnh cho tùy tùng kêu người đầu bếp đến. Sứ giả vâng lệnh, trong chốc lát đã dẫn ông ta tới. Con rất vui mừng, tất cả ưu buồn, hối hận không còn nữa.

Vua bạch Đức Phật:

–Phu nhân Mạt-lợi giữ năm giới của Phật, một tháng hành trì sáu ngày trai giới, nhưng trong một ngày năm giới đã thọ cả đời phạm tới hai giới: uống rượu và nói dối. Trong tám giới phạm hết sáu giới. Việc này như thế nào? Tội phạm giới nặng hay nhẹ?

Thế Tôn đáp:

–Phạm giới như vậy thì được đại công đức, không có tội lỗi. Vì sao? Vì đã tạo lợi ích. Như trước ta đã nói, phu nhân tu thiện mà thiện có hai loại: Một là thiện hữu lậu; hai là thiện vô lậu. Phu nhân Mạt-lợi đã phạm giới, thuộc về thiện hữu lậu. Không phạm giới ấy gọi là thiện vô lậu. Dựa vào ngữ nghĩa thì phá giới, tu thiện gọi là thiện hữu lậu. Căn cứ vào ngữ nghĩa, hễ tâm khởi tạo việc thiện thì đều gọi là thiện vô lậu.

Vua bạch Đức Phật:

–Như Thế Tôn đã nói, phu nhân Mạt-lợi uống rượu phá giới, không khởi tâm ác mà còn có công đức, không có tội báo, thì tất cả mọi người

cũng lại như vậy. Vì sao? Con nhớ gần đây, trong thành Vương xá có các hào tộc, vương công, Sát-lợi, vì một tranh cãi nhỏ mà đưa đến oán thù, lập mưu khởi binh đánh nhau. Hai nhà đều là hào quý, ở chung một nước, lại là thân thích mà không chịu nhường nhịn, không theo lời khuyên phải trái, khiến con lấy làm lo lắng. Khi xưa còn là thái tử, đại thần của tiên vương là Đề-vi-la, cậy mình là tông môn phú hào nên hay khinh mạn, ăn chơi buông thả, tàn ác hơn súc sinh. Khi đó, con tức giận, tình thật không phân biệt, muốn giết chết ông ta cho rồi, nhưng vì không đủ sức bèn trình thưa phụ vương. Phụ vương không nghe nên con còn tức hận trong lòng, không thể như thế được, vì nhân duyên đó, con ăn uống thất thường, buồn bã tiều tụy. Thấy con sầu khổ, thái hậu dùng mọi cách khuyên giải nhưng vẫn không hết buồn. Vì thương yêu con, thái hậu sai người tìm kiếm rượu ngon khuyên con uống. Con thưa mẹ:

–Tiên tổ tương thừa thờ trời Na-la-diên, kính đấng Bà-la-môn. Nếu nay uống rượu, con sợ trời nổi giận, bị Bà-la-môn trừng phạt.

Khi đó, thái hậu sợ con bỏ mạng nên vào đêm thanh vắng đóng kín cửa cung, không cho nô tỳ, thái giám và mọi người biết. Thái hậu xướng:

–Thiên thần có lòng Từ bi cứu tất cả khổ, đấng Bà-la-môn đều ứng như vậy. Con nay buồn khổ, tự mình bỏ mạng, thiên thần đâu có thể cứu con được. Con hãy uống thuốc để tiêu trừ ưu hoạn, thân trạng toàn vẹn. Các Bà-la-môn chưa chứng Thiên nhãn thì sao biết được việc ẩn kín của con?

Thái hậu bức bách ba lần, con gật đầu nghe theo. Sau khi uống rượu, con quên mất tất cả sầu hận. Thái hậu thấy con thân sắc bình phục trở lại, trong lòng rất vui mừng bèn triệu tập các cung nữ, trỗi các kỹ nhạc, hưởng năm thứ dục lạc trong hai mươi mốt ngày, khiến những tức giận đã qua đều dứt sạch. Thái hậu ra lệnh cho trung thần chuẩn bị rượu ngon và các thức ăn đặc biệt, lại sai người ban lệnh cho dân chúng, quần thần, hào tộc trong nước tập hợp lại, bàn luận việc đại sự. Các quan tranh chấp nên đám quyến thuộc chia làm hai phe, mỗi phe năm trăm người được mời đến họp. Nơi cung điện, vua cho người trang hoàng rất đẹp, lại ra lệnh trung thần sắp chén lưu ly chứa ba thăng, đựng đầy rượu ngon. Ở trước mọi người, con uống trước một chén. Vua nói:

–Hôm nay bàn về đại sự cho quốc gia, ngồi trong hội này các vị đừng tưởng nhớ gì khác. Bây giờ mọi người sẽ uống một chén cam lồ lương dược ấy, sau đó mới bàn chuyện.

Mọi người đều tâu:

–Xin tuân lệnh, phụng mạng đại vương.

Rồi vua lệnh cho đám kỹ nhạc xướng hát rất vui. Mọi người được uống rượu và nghe âm nhạc, trong lòng thỏa thích, quên tất cả thù hận, không còn lo âu. Vua lại nâng chén nói với quần thần:

–Sĩ phu tu đức, nối tiếp nhau đã nhiều đời, tuân phụng thờ Thánh giáo không dám sai trái. Vì sao chỉ một việc nhỏ như vậy mà các quan giận dữ, tranh chấp đủ thứ? Nếu các vị không nhường nhịn, e sẽ mất đi sự kế thừa của đất nước. Cho nên ta khuyên lần nữa, hãy chấm dứt mọi việc tranh chấp.

Quần thần tâu:

–Chúng thần xin phụng mạng, không dám trái lời.

Nhân đó mà được hòa khí.

Vua bạch Phật:

–Các người nổi lên tranh chấp, không do nơi rượu, nhưng do được rượu mà chấm dứt tranh chấp, đạt được hòa thuận, đây há không phải là do công đức của rượu sao?

Lại nữa, kính bạch Thế Tôn! Quan sát những kẻ tiểu nhân, bần cùng, nô tỳ, tôi tớ, mọi rợ trong thế gian, nhân ngày Tết mà tụ tập lại quán rượu để uống rượu với tâm thích thú, không cần ai bảo, họ đều ca múa. Khi chưa được rượu đều không có việc ấy, cho nên biết rằng con người nhờ uống rượu mà có được thích thú, vui sướng. Khi tâm hoan lạc thì không khởi niệm ác. Không khởi niệm ác thì đó là tâm thiện. Nhờ tâm thiện nên thọ quả thiện.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Loài khỉ vượn được rượu còn múa hát, huống chi là người đời.

Như Đức Thế Tôn đã nói: Làm thiện được quả báo thiện, làm ác đưa đến quả báo ác. Như người thế gian nhờ phước đức bố thí của đời trước mà nay đại phú. Còn như có người nghèo đến xin mà keo kiệt không cho, do đó bị quả báo làm ngạ quỷ. Hoặc người thế gian, nam hay nữ có thân tướng đẹp đẽ, người nam mà đẹp thì được người nữ yêu, người nữ đẹp thì được người nam yêu. Những gì người nam thích, giống như có sức mạnh. Ngăn chận nam nữ không cho họp hội, vì không được họp hội nên đưa đến sầu khổ, tội lỗi này nên quy về đâu? Phu nhân Mạt-lợi vì do đời trước ưa thích bố thí cho người nên nay được phước báo tốt đẹp. Thế nào, bạch Đức Thế Tôn! Vì sao dạy giữ năm giới, một tháng thực hành trai giới sáu ngày: không được trang điểm, thoa hương thơm, trang sức, không được nghe hát, âm nhạc, không được gần gũi với vợ hoặc chồng, rốt cuộc chỗ hành trì làm thế nào để không mất công phu tu tập, há không khổ

sao?

Đức Phật bảo vua:

–Những điều đại vương nêu hỏi chẳng phải là không như thế. Phu nhân Mạt-lợi khi còn trẻ, nếu Ta không chỉ dạy trao truyền giới pháp, tu tập trí tuệ thì làm sao hôm nay có phước đức để độ mình và độ thân vua. Công đức như vậy thì quy về ai? Phu nhân Mạt-lợi thọ nhận giáo pháp của ta, lời nói và việc làm tương xứng nên khiến ngày nay thành tựu trí tuệ, phương tiện giải thoát.

Lại nữa, này đại vương! Ví như gia đình có một đứa con luôn muốn nó được nên người. Khi còn nhỏ hãy dẫn nó đến học đường để được dạy dỗ về văn chương, kỹ thuật, sách vở, lễ nghĩa. Pháp của học đường đều có phép tắc quở trách, trừng phạt, tiết chế ăn uống, không được ngủ nghỉ tùy tiện, ra vào, lui tới phải có lễ độ. Người nào phạm lỗi thì tùy theo tội nặng nhẹ mà la rầy hoặc phạt. Vì đứa con sợ roi nên học hành chăm chỉ, đến khi tuổi lớn mới có tài cao, nghe rộng, không có điều gì là không biết. Lại đem sự hiểu biết đó chuyển dạy cho người khác. Phu nhân Mạt-lợi giữ trai trì giới cũng lại như vậy.

Lại nữa, này đại vương! Cũng như Phú-lâu-na vì tâm ganh ghét mà cắt đứt ân ái, từ biệt mẹ cha, dứt bỏ vợ con để vào núi học đạo, mặc áo bằng cỏ, chịu lạnh chịu nóng, tự lập thệ nguyện: "Cần phải đọc tụng chín mươi sáu loại kinh luận cho thông đạt. Nếu không được như vậy thì không trở về gặp cha mẹ." Đủ hai mươi năm, Phú-lâu-na thông đạt tất cả và trở về thành Vương xá, đầu đội bó đuốc, lấy lá đồng quấn nơi bụng, đi trên đường mà xướng lớn: "Ta là bậc Nhất thiết trí!" Ông ấy đến chỗ Như Lai, nói với Ta rằng: "Sa-môn Cù-đàm không biết gì cả." Ta bảo: Người ngu si kia và nói:

Người ít nhiều trí tuệ
Tự đại, khinh mạn người
Như người mù cầm đuốc
Soi người, không sáng mình.

Khi ấy, Phú-lâu-na nghe như vậy bỗng nhiên tâm tỏ ngộ, liền bỏ bó đuốc xuống, tháo lá đồng trên bụng ra, năm vóc sát đất, xấu hổ ăn năn tội lỗi đã qua. Tất cả lỗi lầm ấy đều từ đa văn, trí tuệ, các căn lanh lợi. Trong thời gian chưa khởi thì đoạn trừ lậu hoặc nơi ba cõi đắc quả A-la-hán, là nhờ sức mạnh của trí tuệ. Ví như điều phục voi khiến voi phải theo móc sắt để di chuyển. Đại vương nên biết! Người tu học đều do sự cấm chế, thâu giữ năm căn, sau đó thông đạt, không có gì trở ngại, nên gọi là trí vô ngại.

Người đạt trí vô ngại có đủ bốn biện tài, nay Phú-lâu-na đầy đủ bốn biện tài đều do chuyên tâm siêng năng khổ nhọc học tập mà được. Cho nên ta nói phàm là trí tuệ thông tỏ có bảy đức tài:

1. Tín tài.
2. Tinh tấn tài.
3. Giới tài.
4. Tàm quý tài.
5. Văn tài.
6. Xả tài.
7. Định tuệ tài.

Phu nhân Mạt-lợi có đầy đủ bảy tài ấy. Đại vương nên biết! Mặc dù là thân nữ nhưng phu nhân Mạt-lợi có tài cao trí rộng, khác với người thường. Đó đều do từ nhỏ đến nay luôn thận trọng về thân, khẩu, ý, một lòng chuyên niệm tu tập trí tuệ. Nhờ diệu lực của trí tuệ mà được giải thoát. Lại dùng trí tuệ giác ngộ cho mọi người.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhân trường hợp Sa-di La-hầu-la, vì đại chúng mà nói kệ:

Nghe là chim cánh vàng
Có oai lực mạnh mẽ
Nghe là kho của báu
Để tạo lợi ích nhau.
Nghe là cầu cống lớn
Giúp người vượt các khổ
Nghe là lái thuyền lớn
Đưa người qua biển khổ.
Nghe nhiều được sáng suốt
Nhờ sáng, trí tuệ tăng
Trí thì hiểu rõ nghĩa
Thấy, nghe hành pháp vui.
Nghe nhiều trừ khổ não
Thường lấy định làm vui
Hiểu rõ pháp cam lồ
Nhờ đó chứng Niết-bàn.
Nghe là biết pháp luật
Giải nghi được chánh kiến
Nhờ nghe bỏ phi pháp
Đi đến chốn không chết.

Tiên nhân kính thờ nghe
Chư Thiên cũng như vậy
Ngăn tâm không buông lung
Nghe nhiều thành Thánh trí.
Trí tuệ phá ưu sầu
Cũng trừ hết tà suy
Muốn cầu vui an ổn
Nên phụng thờ minh sư.
Nhờ đó mù được thấy
Như trong tối được đèn
Hướng dẫn người thế gian
Như sáng đến người tối.
Cho nên phải bỏ si
Lìa vui, giàu sang, mạn
Gắng học, thờ minh sư
Đó là tích tụ đức.

Nói kệ xong, Đức Phật lại bảo nhà vua:

–Nay vua được phước đức, thông minh, hiểu rộng đều do kiếp trước vua gần gũi minh sư, siêng năng phụng sự, tinh tấn học tập, nhờ đó mà được phước báo làm vua, có trí tuệ sáng suốt, giàu sang nhiều quyền uy, an ổn, thế gian không ai bằng. Cho nên ta nói: Trí tuệ Bát-nhã có bốn nghĩa. Nên biết rằng người cầu pháp nơi ba thừa phải học Bát-nhã. Người nào muốn lìa khổ hoạn, ba ác, tám nạn, muốn hưởng quả báo diệu lạc nơi cõi trời, người, nói chung là muốn cầu tất cả phước đức đều phải tu học phương tiện trí tuệ. Như ta đã nói ở trước, vua A-dật-đa siêng năng tu học mà có trí tuệ. Nhờ diệu lực của trí tuệ nên dù bị mất hạnh, sinh trong đường ác mà vẫn biết được túc mạng. Nhờ biết túc mạng nên sửa ác tu thiện, mau được giải thoát, cảm ứng đến chư Thiên tới cứu giúp, cúng dường. Do năng lực của trí tuệ mà được làm thầy chư Thiên. Vì nhân duyên đó ta nói Bát-nhã có bốn nghĩa.

Nghe Phật giảng nói nhân duyên của công đức nơi phương tiện trí tuệ, vua Ba-tư-nặc rất hoan hỷ. Thái tử Kỳ-đà, phu nhân, thái hậu, quần thần, dân chúng… tất cả đại chúng đều thông hiểu tỏ ngộ. Hết thảy mọi người đều cung kính đứng dậy lễ Phật rồi ngồi lại chỗ cũ.

Vua chắp tay bạch Phật:

–Như lời Phật nói, người đời tu thiện có hai hạng là thiện hữu lậu và thiện vô lậu. Hữu lậu và vô lậu hai nghĩa đều quy về một. Bạch Thế Tôn!

Như vậy sao Thế Tôn nói là có sai khác?

Đức Phật nói:

–Con người có hai hạng: Một là căn lanh lợi; hai là căn trì độn. Vì người căn trì độn mà nói hai loại thiện. Còn đối với người căn lanh lợi thì không nói có hai loại. Vì sao? Như các dòng sông, suối đều chảy về một biển, người căn trì độn do các căn tối tăm, chậm lụt nên vì họ mà phân biệt giảng nói như vậy.

Bấy giờ, thái tử Kỳ-đà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giới pháp của mười thiện có sai khác không hay đồng một nghĩa? Nghĩa của giới vọng ngữ là một hay nhiều? Nếu một nghĩa thì con không thể giữ được, còn như sai khác thì xin Ngài hãy giảng nói rõ.

Đức Phật bảo:

–Vọng ngữ có hai: Một là nặng; hai là nhẹ. Sao gọi là nặng? Nếu người thọ giới mà không tu trí tuệ, ngu si vô trí nên không thể giáo hóa, làm hưng thịnh Phật pháp, do thế mà bị mọi người khinh chê, không cúng dường, nên bần cùng khốn khó. Vì muốn được cúng dường nên bên ngoài hiện ra vẻ tinh tấn mà bên trong thì làm những việc tà vạy, ô uế, thay phiên nhau nói với mọi người: "Tỳ-kheo đó tu khổ hạnh tinh tấn, chứng được cảnh giới thiền." Hoặc nói: "Thấy Phật, thấy rồng, thấy quỷ." Người như vậy gọi là đại vọng ngữ. Ai phạm tội ấy thì bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Lại nữa, vọng ngữ mà đưa đến giết người, phá hoại nhà cửa của người, đó là vọng ngữ loại nặng. Trường hợp có người vọng ngữ làm trái mất lời hẹn ước, khiến cho người khác phải sân hận, như vậy gọi là vọng ngữ bậc thấp. Người nào làm như vậy gọi là phạm giới và bị đọa vào địa ngục nhỏ. Ngoài ra, nói đùa giỡn cùng các việc riêng tư, những việc cần phải che giấu nên hoặc có nói không, không nói có thì không phạm giới.

Thái tử Kỳ-đà nghe vậy, liền đến trước Phật xin thọ pháp mười thiện đạo, rồi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ngày nay nghi ngờ của đệ tử đã được diệt trừ, con phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nguyện Phật chứng tri.

Đức Phật nói:

–Lành thay! Ta rất tùy hỷ, thật là đúng lúc.

Vua bạch Phật:

–Đức Phật đã giảng nói, mười phương Hiền thánh sáng suốt, thông đạt về nhân duyên quả báo của chúng sinh. Phụ vương của con phụng thờ

ngoại đạo, tu trì giới cấm, không bao giờ uống rượu, ăn thịt và năm món cay nồng, cúng dường Phạm thiên và mặt trời, mặt trăng, nước, lửa, luôn thực hành hạnh bố thí. Vì cầu phước nơi Phạm thiên nên hàng năm thường lấy sữa của một ngàn con bò để cúng dường các Bà-la-môn. Tính ra trong bốn mươi năm thì có bốn vạn con bò. Các Bà-la-môn luôn được ăn uống đủ các vị sữa, bơ, sữa tươi, sữa chín, đề hồ… Công đức như vậy thì sinh vào cõi trời nào? Cúi xin Phật rủ lòng thương xót phân biệt chỉ dạy để cho các hành giả đều nghe biết.

Đức Phật nói:

–Quả báo của tiên vương nay ở trong địa ngục. Vì sao? Vì không gặp thời cơ tốt, không gặp bạn lành, không có phương tiện hay. Mặc dù tu tập tạo công đức nhưng không thoát khỏi tội. Công đức của bố thí không mất, nên sau khi tội hết rồi mới được hưởng phước. Đại vương nên biết! Người tu phước không đổi được tội. Vì không đổi được nên cần phải có phương tiện để có thể diệt tội. Sao gọi là phương tiện? Là tri thức thiện. Sao gọi là bạn lành? Nghĩa là người có chánh kiến. Là bạn lành, tức luôn dùng chánh giáo để điều phục tâm. Chánh giáo nghĩa là gì? Nghĩa là quán vô thường, khổ, không, vô ngã và mười hai nhân duyên trói buộc trong sinh tử, tu tập bốn chân Đế: Thấy Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt và tu Đạo, thực hành sáu pháp Ba-la-mật, bốn Tâm vô lượng. Đó là phương tiện để điều phục các căn. Nhờ các căn được điều phục nên thành tựu được định tuệ. Nhờ định tuệ thành tựu nên tâm được chánh trực. Tâm chánh trực thì luôn tinh tấn. Tâm tinh tấn nên có thể giữ giới cấm. Giới cấm giữ rốt ráo thì được định tuệ sáng suốt, thông tỏ. Nhờ trí tuệ thông tỏ mà đối với vạn hạnh đều thông đạt, không bị chướng ngại. Do hành không bị chướng ngại nên gọi là giải thoát. Tâm giải thoát tức là Niết-bàn. Đó gọi là tri thức thiện. Đại vương nên biết! Minh sư dẫn đường giỏi, đó là nhân duyên lớn không thể xem thường. Đại vương nay gặp được Hiền thánh là đều nhờ quả báo từ nhân duyên kiếp trước, nghe pháp tin hiểu, lại có thể làm cho người khác tin hiểu. Cho nên ta nói: Người trí sáng khó gặp, không ai sánh bằng, sinh ra chỗ nào thân tộc đều được nhờ ơn nên phải tu trí tuệ Bát-nhã.

Vua bạch Phật:

–Nghe Đức Thế Tôn nói về phương tiện trí tuệ, con đã thấu triệt. Như Thế Tôn nói, họa phước bất động, tiên đế đại vương của con tạo nghiệp ác gì mà bị khổ báo như vậy?

Đức Phật bảo vua:

–Tiên đế đại vương có sáu tội:

1. Kiêu mạn và xét việc không rõ ràng, bất cứ việc nặng hay nhẹ liền đánh phạt, không nhẫn nại được.

2. Tham lam của cải, xử việc không công bằng làm cho thiên hạ oán hận.

3. Đi săn bắn, vui chơi để cho dân chúng khốn khổ, làm tổn hại chúng sinh chỉ dốc yêu mến thân mạng của mình.

4. Giam giữ cung nữ, không cho họ tự do nên họ luôn phải chịu khổ.

5. Đắm chìm trong nữ sắc, được mới chán cũ, đối xử không công bằng, làm cho họ oán hận.

6. Sợ các Bà-la-môn nên trộm ăn thịt, uống rượu và ăn năm thứ cay nồng, sợ bị quở trách nên làm điều dối trá.

Đó là sáu việc đưa đến nghiệp tạo tội, bị đọa nơi địa ngục.

Vua bạch Phật:

–Nếu như vậy thì khi Phật chưa xuất thế, đệ tử cũng có tội như vậy thì làm sao tu hạnh mười thiện để được thành tựu mà không bị chướng ngại?

Đức Phật bảo vua:

–Trước ta đã nói: Khi ánh sáng mặt trời xuất hiện làm cho các tối tăm đều bị tiêu diệt, có chỗ nào không sáng chăng?

Vua nói:

–Ánh sáng của lửa, đèn vẫn còn diệt được bóng tối huống chi là oai thế của ánh sáng mặt trời.

Phật hỏi:

–Vua nay được phước đức, nghe Phật thuyết pháp, thành tựu trí tuệ giống như ánh sáng mặt trời tiêu diệt mọi sự tối tăm, nên không còn tội nào nữa.

Vua bạch Phật:

–Cha của trẫm thờ thầy Bà-la-môn, trí tuệ tinh tấn, tu tập khổ hạnh, vì cầu phước mà không tiếc thân mạng, làm những việc khổ hạnh như: lao xuống vực, dùng lửa đốt thân hoặc tuyệt thực để cầu sinh lên cõi Phạm thiên, hoặc chất củi để tự đốt thân, hoặc giơ chân lên, hả miệng hướng lên mặt trời, hoặc dùng dây buộc vào chân rồi tự treo ngược trên cây cao, hoặc nằm trên gai gốc, ôm đá đè lên ngực… Những công phu khổ hạnh đó, phước đức quy về đâu?

Đức Phật đáp:

–Như trước ta đã nói: Làm khổ mắc quả báo khổ, làm vui được quả báo vui, vua không nghe chăng?

Vua thưa:

–Thế Tôn dạy các đệ tử nên giữ giới cấm không phải là khổ sao? Phàm con người khi đói mà không được ăn thì phiền não nổi lên hoành hành, tức giận đùng đùng, không tự biết rõ, như con đã nổi cơn giận dữ, ra lệnh giết Tu-ca-la. Việc như vậy chịu khổ nhiều đời, lẽ nào không là ác sao?

Phật nói:

–Trước đây sở dĩ ta chế pháp không ăn trước giờ ngọ vì các Tỳ-kheo vốn từ bỏ pháp ngoại đạo, ở trong pháp của Ta mà xuất gia tu học. Trước hết phải tập khổ hạnh, vì đói khát nên các đệ tử thấy thức ăn ngon thì tham mà ăn quá no, do ăn như thế nên khó tiêu, đưa đến nhiều bệnh hoạn, vì vậy mà ngăn chế chứ không phải chịu khổ, nhịn đói để cầu phước đức. Lại tiết chế ăn uống vì thấy các Tỳ-kheo đi khất thực không kể ngày đêm, ăn không có chừng mực nên bị các ngoại đạo giàu chê nói rằng: "Sa-môn Cù-đàm tự cho là đạo trong sạch, thật ra có khác gì với pháp của ngoại đạo", nên tiết chế ăn uống, chẳng phải vì đói khổ, mà để cầu phước. Nói tóm lại, chế giới cấm chính là vì người si không có trí tuệ phương tiện, chứ không phải vì người trí biết cách ứng hợp thời. Như trước ta đã nói, trí tuệ Bát-nhã tức là giải thoát, những gì mà người trí thọ trì là điều mà bậc Thánh tu hành.

Nghe như vậy, vua càng vui mừng, đứng dậy cung kính lễ Phật. Tất cả đại chúng cũng như vậy.

Vua Ba-tư-nặc lại chắp tay, bạch Đức Thế Tôn:

–Đại chúng hôm nay nghe Phật giảng nói làm cho lưới nghi đều được phá vỡ, giống như ánh sáng mặt trời xua đuổi tất cả sự tối tăm, được thấy thông suốt. Công ơn này khó báo đền, đệ tử phải cúng dường như thế nào để báo ân sâu nặng của Thế Tôn?

Đức Phật nói:

–Giáo pháp cam lồ ấy khó báo đền. Giả sử có người trải qua hằng hà sa kiếp hết lòng phụng sự Phật, Pháp, Tăng với tất cả những vật cần dùng như: y phục, ăn uống, đồ nằm, thuốc thang. Ý vua thế nào? Phước ấy có nhiều không?

Vua bạch:

–Rất nhiều, không thể tính được.

Phật nói:

–Pháp cam lồ sâu xa vi diệu khó lường, cứu giúp không kể lớn nhỏ, không phải sức nơi phước đức của hàng trời, người có thể báo đáp được. Duy chỉ một điều là có thể báo đáp ân Phật, đó là thường dùng tâm Từ bi, đem tất cả pháp lành mà mình thông hiểu, lần lượt mở bày dẫn dắt, dù chỉ cho một người, để họ có tín tâm mà thành tựu trí tuệ, lần lượt giáo hóa hết thảy mọi người. Ví như một ngọn đèn lần lượt mồi đốt cho vô số đèn. Hành trì như vậy mới gọi là báo đáp ân sâu nặng của thầy. Đại vương nên biết! Muốn báo đáp ân giải thoát của thầy thì phải dùng trí tuệ để độ thoát chúng sinh. Làm như vậy tức là cúng dường ba đời chư Phật, chứ chẳng phải cúng dường để báo đáp ân một thầy.

Vua chắp tay bạch Phật:

–Truyền bá Thánh giáo, khai ngộ cho chúng sinh, khiến họ tu tập đạt chánh kiến, hành trì Thánh đạo, phước ấy thế nào? Cúi xin Phật rủ lòng thương, khai mở, hướng dẫn cho chúng sinh.

Đức Phật bảo:

–Nếu thiện nam, thiện nữ nào nghe thầy, nghe pháp, dù chỉ một nghĩa, rồi đem nghĩa đó lần lượt chuyển dạy, cho đến một người, làm cho người chưa tin được tin, chưa hiểu khiến cho hiểu. Công đức ấy là vô lượng vô biên, không phải những điều mà hàng phàm phu biết được. Đại vương! Giả sử có người suốt cả ngàn năm đem thức ăn uống, thuốc thang, y phục thượng hạng cung kính cúng dường Phật, Pháp, Tăng, phước ấy có nhiều không?

Vua thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều, không thể tính lường.

Đức Phật bảo:

–Nếu thiện nam, thiện nữ nào theo thầy nghe chánh pháp của chư Phật, lần lượt chuyển dạy dù chỉ là một người, khiến họ tin hiểu, người này được phước đức hơn kia cả ngàn vạn lần. Vì sao? Vì công đức của việc giáo hóa pháp là vô lượng.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Giáo pháp này mà tinh tấn nêu dạy, giáo hóa cho tất cả muôn dân thì phước ấy là vô lượng. Này Tôn giả A-nan! Ta nay đem pháp mầu nhiệm vi diệu vô thượng này phó chúc cho ông để nêu giảng, lưu hành, giáo hóa, cứu độ chúng sinh, đó là cúng dường tất cả chư Phật.

Tôn giả A-nan chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn phó chúc kinh này, vậy tên kinh là gì?

Đức Phật nói:

–Này Tôn giả A-nan! Kinh giáo này tên là Vị Tằng Hữu Thuyết Nhân Duyên Kinh, phải siêng năng tu hành.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, thái tử Kỳ-đà, phu nhân, hậu cung, bốn hàng đệ tử, Thích, Phạm, chư Thiên, tám bộ chúng rồng, thần, tám mươi vạn người nghe Phật giảng nói đều rất hoan hỷ. Tất cả đều phát tâm hướng đến ba môn giải thoát, rồi lạy Phật lui ra, như pháp phụng hành.

-oOo-

SỐ 755

PHẬT THUYẾT
TỊNH Ý ƯU-BÀ-TẮC SỞ VẤN KINH

Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng Thi Hộ,
người xứ Tây Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật cùng đại chúng ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trong thành có một Tộc tánh tử con của Đâu-nê-da tên là Tịnh Ý đến chỗ Đức Phật, thấy tướng tốt của Đức Phật nên Tịnh Ý rất hoan hỷ, khen ngợi, chắp tay cung kính lạy sát chân rồi lui qua một bên.

Bấy giờ Tịnh Ý bạch trước Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Con có một việc nhỏ muốn xin được hỏi, kính xin Thế Tôn cho phép con nói.

Đức Phật bảo:

–Này Tịnh Ý! Ông có nghi ngờ điều gì cứ hỏi, ta sẽ giải nghi cho.

Tịnh Ý thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con thấy tất cả chúng sinh trên thế gian mỗi mỗi hành tướng đều khác nhau. Có người sống lâu, có người chết yểu, có người nhiều bệnh, có người ít bệnh, có người đẹp đẽ, có người xấu xí, có người như ý, có người không như ý, có người sinh trong dòng họ thấp hèn, có người sinh trong dòng họ cao quý, có người giàu sang, có người nghèo khổ, có người ngu si, có người trí tuệ. Những hạng người như thế mỗi mỗi đều khác biệt nhau, vì nhân duyên gì mà có những báo ứng như vậy, kính xin Thế Tôn giảng nói cho con được biết.

Đức Phật bảo:

–Này Tịnh Ý! Ông nên biết chúng sinh trên thế gian do tạo nhân có sai biệt nên thọ nhận quả báo cũng đều sai khác.

Tịnh Ý lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói về nhân quả sai biệt, cúi xin

Thế Tôn nói tóm lược nhằm mở bày cho con được rõ. Nếu nói rộng thì đối với nghĩa ấy con không thể hiểu nỗi.

Đức Phật bảo:

–Này Tịnh Ý! Ông nên nghe rõ, suy nghĩ kỹ, ta sẽ vì ông mà giảng nói.

Tịnh Ý vâng lời.

Đức Phật bảo:

–Này Tịnh Ý! Ông nên biết. Có kẻ nam, người nữ nào trong thế gian, tâm luôn ác độc, cầm dao gậy rình tìm đủ cách để giết hại chúng sinh không chút Từ bi, không có tâm xấu hổ. Hoặc tự tay giết, hoặc bảo người khác giết. Do nhân duyên này, sau khi qua đời bị đọa vào đường ác, chịu khổ báo trong địa ngục. Quả báo địa ngục hết, dù được làm người nhưng sinh ra chỗ nào cũng bị chết yểu. Tịnh Ý nên biết! Do nhân sát sinh mà nhận lấy quả báo chết yểu.

Này Tịnh Ý! Kẻ nam, người nữ nào trong thế gian với tâm không độc ác, không cầm dao gậy, không giết hại chúng sinh, luôn có lòng Từ bi, có xấu hổ lớn. Do nhân duyên này, sau khi qua đời được sinh vào đường lành trong cõi trời. Hết quả báo nơi cõi trời được làm người, sinh ra nơi nào cũng được sống lâu. Tịnh Ý nên biết! Nhờ không sát sinh mà được quả báo sống lâu.

Này Tịnh Ý! Kẻ nam, người nữ nào cầm dao, gậy gộc, ngói đá đánh ném loài hữu tình, hoặc tự tay xúc não chúng sinh. Do nhân duyên này, sau khi qua đời bị đọa vào đường ác chịu khổ nơi địa ngục. Hết quả báo nơi địa ngục, dù được làm người nhưng sinh ra nơi nào cũng nhiều tật bệnh. Tịnh Ý nên biết! Do tạo nhân não hại mà nhận lấy quả báo nhiều tật bệnh.

Này Tịnh Ý! Kẻ nam, người nữ nào không cầm dao, gậy gộc, ngói đá đánh ném loài hữu tình, không tự tay xúc não chúng sinh. Nhờ nhân duyên này, sau khi qua đời sinh vào đường lành nơi cõi trời. Hết quả báo nơi cõi trời được sinh làm người, sinh ra chỗ nào cũng ít bệnh tật. Tịnh Ý nên biết! Do không gây nhân não hại nên được quả báo ít bệnh tật.

Này Tịnh Ý! Có kẻ nam, người nữ nào thường nổi sân hận, bực tức tạo ra nhiều tội lỗi. Do nhân duyên này, sau khi qua đời bị đọa trong đường ác chịu khổ nơi địa ngục. Quả báo nơi địa ngục hết, dù được làm người, nhưng sinh ra nơi nào cũng bị tướng mạo xấu xí. Tịnh Ý nên biết! Do nhân duyên giận dữ mà chịu lấy quả báo thân tướng xấu xí.

Này Tịnh Ý! Có kẻ nam, người nữ nào không giận dữ, sân hận, không tạo các tội lỗi. Nhờ nhân duyên này, sau khi qua đời được sinh

vào đường lành trong cõi trời. Hết quả báo trong cõi trời được làm người, sinh ra nơi nào cũng có tướng mạo đẹp đẽ. Tịnh Ý nên biết! Do không gây nhân sân hận nên được quả báo thân tướng đẹp đẽ.

Này Tịnh Ý! Có kẻ nam, người nữ nào thấy người khác được lợi dưỡng cho đến được tiếng khen, hoặc được các việc như ý thì liền dùng đủ cách để cản trở khiến họ không thành tựu. Do nhân duyên này, sau khi qua đời sinh vào đường ác chịu khổ nơi địa ngục. Hết quả báo nơi địa ngục, dù được làm người nhưng sinh ra nơi nào, hễ làm điều gì cũng không bao giờ như ý. Tịnh Ý nên biết! Do nhân duyên làm cản trở việc như ý mà nhận lấy quả báo không như ý.

Này Tịnh Ý! Có kẻ nam, người nữ nào thấy người khác được lợi dưỡng, cho đến được tiếng khen và được các việc như ý không dùng cách để cản trở, lại muốn họ được thành tựu. Do nhân duyên này, sau khi qua đời được sinh vào đường lành trong cõi trời. Hết quả báo nơi cõi trời, được sinh làm người, sinh ra nơi nào hễ làm điều gì cũng đều được như ý. Tịnh Ý nên biết! Do không làm cản trở việc như ý nơi người khác nên được quả báo như ý.

Này Tịnh Ý! Có kẻ nam, người nữ nào đối với người đáng tôn trọng thì không tôn trọng, người đáng cung kính thì không cung kính, đáng cúng dường lại không cúng dường, luôn có tâm ngã mạn, tự cao, tự đại. Do nhân duyên này sau khi qua đời bị đọa vào đường ác chịu khổ trong địa ngục. Hết quả báo nơi địa ngục, dù được làm người nhưng sinh ra nơi nào cũng sinh trong dòng họ thấp hèn. Tịnh Ý nên biết! Do tạo nhân với tâm ngã mạn, tự cao, tự đại mà chịu lấy quả báo sinh vào dòng họ thấp hèn.

Này Tịnh Ý! Có kẻ nam, người nữ nào đối với người đáng tôn trọng thì tôn trọng, người đáng cung kính thì cung kính, người đáng cúng dường thì cúng dường, không có tâm ngã mạn, tự cao. Do nhân duyên này sau khi qua đời sinh vào đường lành trong cõi trời. Hết quả báo nơi cõi trời được làm người, sinh ra nơi nào cũng ở trong dòng họ cao quý. Tịnh Ý nên biết! Do nhân không có tâm ngã mạn, tự cao mà được quả báo sinh trong dòng họ cao quý.

Này Tịnh Ý! Có kẻ nam, người nữ nào keo kiệt, không đem thức ăn uống, áo quần, đồ nằm, thuốc thang, phòng xá, giường chiếu cho đến hương xoa, hương bột để cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn… Do nhân duyên này, sau khi qua đời bị đọa vào đường ác chịu khổ trong địa ngục. Hết quả báo nơi địa ngục dù được sinh làm người, nhưng sinh ra nơi nào cũng bần cùng thiếu thốn. Tịnh Ý nên biết! Do nhân keo kiệt mà nhận lấy quả báo bần

cùng.

Này Tịnh Ý! Có kẻ nam, người nữ nào không keo kiệt, thường đem thức ăn uống, quần áo, đồ nằm, thuốc thang, phòng xá, giường chiếu cho đến hương xoa, hương bột cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn… Do nhân duyên này, sau khi qua đời, được sinh vào đường lành trong cõi trời. Hết quả báo nơi cõi trời, được sinh làm người, sinh ra nơi nào cũng được giàu sang và có quyền lực. Tịnh Ý nên biết! Do nhân không keo kiệt mà được quả báo giàu sang.

Này Tịnh Ý! Kẻ nam, người nữ nào tâm không ưa thích kinh điển chánh pháp, lại không thưa thỉnh những vị Sa-môn, Bà-la-môn để học hỏi các nghĩa lý: "Điều gì là thiện? Điều gì là ác? Điều gì nên phát khởi? Điều gì không nên phát khởi? Điều gì nên làm và điều gì không nên làm?" Không chịu thỉnh hỏi để các vị kia giải nghi những điều ấy. Do nhân duyên này mà sau khi qua đời bị đọa vào đường ác, chịu khổ trong địa ngục. Hết quả báo nơi địa ngục, dù được sinh làm người nhưng sinh ra nơi nào cũng bị ngu si, không có trí. Tịnh Ý nên biết! Do nhân không ưa thích chánh pháp, không thỉnh hỏi chánh pháp mà nhận lấy quả báo ngu si.

Này Tịnh Ý! Kẻ nam, người nữ nào tâm luôn ưa thích kinh điển, chánh pháp, hay thỉnh hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn về những nghĩa lý: "Điều gì thiện? Điều gì ác? Điều gì nên phát khởi? Điều gì không nên phát khởi? Điều gì nên làm? Điều gì không nên làm?" Thường hay thỉnh hỏi để giải nghi. Do nhân duyên này, sau khi qua đời, được sinh vào đường lành trong cõi trời. Hết quả báo nơi cõi trời được sinh làm người, sinh ra nơi nào cũng đầy đủ đại trí tuệ. Tịnh Ý nên biết! Do nhân ưa thích chánh pháp, thỉnh hỏi chánh pháp mà được quả báo có nhiều trí tuệ.

Này Tịnh Ý! Như trên ta đã giảng nói về quả báo, mỗi mỗi đều sai khác. Cho nên biết rằng nhân chết yểu thì bị quả chết yểu, nhân sống lâu thì quả sống lâu, nhân nhiều bệnh đưa đến quả báo nhiều bệnh, nhân ít bệnh thì quả báo ít bệnh, nhân xấu xí đưa đến quả báo xấu xí, nhân xinh đẹp được quả báo xinh đẹp, nhân không như ý đưa đến quả báo không như ý, nhân như ý được quả báo như ý, nhân dòng họ thấp hèn đưa đến quả báo dòng họ thấp hèn, nhân dòng họ cao quý được quả báo dòng họ cao quý, nhân giàu sang được quả báo giàu sang, nhân bần cùng mắc quả báo bần cùng, nhân ngu si bị quả báo ngu si, nhân trí tuệ được quả báo trí tuệ. Này Tịnh Ý! Cho nên nay ông hãy thấu tỏ đúng như thật về nhân quả chết yểu, nhân quả sống lâu, nhân quả nhiều bệnh, nhân quả ít bệnh, nhân quả xấu xí, nhân quả xinh đẹp, nhân quả không như ý, nhân quả như ý, nhân quả

dòng họ thấp hèn, nhân quả dòng họ cao quý, nhân quả bần cùng, nhân quả giàu sang, nhân quả ngu si, nhân quả trí tuệ đều là điều Phật giảng nói. Vì thế người trí nên y theo lời giảng dạy mà sống *(hành)*.

Tịnh Ý nên biết! Đức Phật nói sống lâu là quả báo tốt đẹp, ít bệnh là quả báo tốt đẹp, xinh đẹp là quả báo tốt đẹp, như ý là quả báo tốt đẹp, dòng họ cao quý là quả báo tốt đẹp, giàu sang là quả báo tốt đẹp, trí tuệ là quả báo tốt đẹp. Tịnh Ý nên biết! Các pháp này đều do Phật nói, ông nên tu học.

Bấy giờ, Tịnh Ý con ông Đâu-nê-da được nghe pháp như thế lòng rất vui mừng, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giống như những chỗ tối tăm trong thế gian không thể thông suốt. Cũng vậy, người hành đạo tuy có mắt nhưng không thể quán chiếu. Nếu người có trí thì cầm đuốc đi ắt được thông suốt. Thế Tôn cũng vậy, khéo giảng nói chánh pháp trừ diệt mọi ngu si cho muôn người và phân biệt rõ các pháp: điều này thiện, điều này ác, điều này nên phát khởi, điều này không nên phát khởi, điều này nên làm, điều này không nên làm. Các pháp như vậy, chỉ có Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện trong thế gian mới có thể khéo thuyết giảng rõ. Nay con đã được lợi ích hoàn toàn, con xin quy y Phật, Pháp, Tăng giữ các giới không sát sinh… làm Ưu-bà-tắc, cúi xin Đức Thế Tôn chấp nhận.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Ta nay thu nhận ông.

Bấy giờ, Ưu-bà-tắc Tịnh Ý bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Tộc tánh tử trong thành Xá-vệ này nếu nghe được sự việc này đều nghĩ rằng: "Con ông Đâu-nê-da đang ở trong đêm dài tăm tối mà khéo vì chúng sinh đã mở bày lợi ích."

Nói vậy xong, Ưu-bà-tắc Tịnh Ý lạy Phật rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 756

PHẬT THUYẾT BÁT VÔ HẠ HỮU HẠ KINH

Hán dịch: Đời Đại Đường, Tam tạng
Pháp sư Nghĩa Tịnh.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn cùng chúng đại Bí-sô và hàng trời, người ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc, trong thành Thất-la-phiệt. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Bí-sô:

–Các ông nên biết! Ở thế gian này có kẻ phàm phu ít nghe, không có trí tuệ, thường nói không nhàn hạ và có nhàn hạ, nhưng họ không hiểu rõ thế nào là không nhàn hạ, thế nào là nhàn hạ. Nay ta sẽ phân biệt chỉ rõ cho các ông được biết. Các ông hãy lắng nghe, suy nghĩ, ghi nhớ thật kỹ. Có các hữu tình muốn sống theo hạnh của bậc Thánh thì khi tu pháp lành có tám sự việc không nhàn hạ để tu tập. Những gì là tám?

Các ông nên biết!

1. Ở thế gian này có Đại Sư ra đời, đó là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, tuyên thuyết pháp vi diệu mà chư Phật đã chứng, diệt trừ tất cả phiền não, có thể hướng đến Bồ-đề, cứu cánh Niết-bàn, diệt sạch các khổ. Trong khi giảng nói pháp ấy, có người đang bị đọa trong địa ngục, chịu đại khổ não. Đây là trường hợp thứ nhất, muốn trụ trong hạnh của bậc Thánh nhưng bị nạn *(vô hạ)* không thể tu tập được.

2. Này các Bí-sô! Ở thế gian này có Đại Sư ra đời, đầy đủ mười hiệu, tuyên thuyết pháp vi diệu mà chư Phật đã chứng, diệt trừ tất cả phiền não, có thể hướng đến Bồ-đề, cứu cánh Niết-bàn, trừ sạch các khổ. Khi giảng nói pháp ấy, có người đang bị đọa trong loài ngạ quỷ, chịu đại khổ não. Đây là trường hợp thứ hai muốn trụ trong hạnh của bậc Thánh nhưng bị nạn *(vô hạ)* không tu tập được.

3. Này các Bí-sô! Ở thế gian này có Đại Sư ra đời đầy đủ mười tôn hiệu, tuyên thuyết pháp vi diệu mà chư Phật đã chứng, diệt trừ tất cả phiền

não, có thể hướng đến Bồ-đề, cứu cánh Niết-bàn, trừ sạch các khổ. Khi giảng nói pháp này, có người đang bị đọa trong loài bàng sinh, chịu các khổ não. Đây là trường hợp thứ ba muốn trụ trong hạnh của bậc Thánh nhưng bị nạn *(vô hạ)* không tu tập được.

4. Này các Bí-sô! Ở thế gian này có Đại Sư ra đời, đầy đủ mười hiệu, tuyên thuyết pháp vi diệu mà chư Phật đã chứng, diệt trừ tất cả phiền não, có thể hướng đến Bồ-đề, cứu cánh Niết-bàn, trừ sạch các khổ. Khi giảng nói pháp này, có người sống nơi cõi trời Trường Thọ, không hiểu biết gì cả. Đây là trường hợp thứ tư muốn trụ trong hạnh của bậc Thánh mà bị nạn *(vô hạ)* không tu tập được.

5. Này các Bí-sô! Ở thế gian này có Đại Sư ra đời đầy đủ mười hiệu, tuyên thuyết pháp vi diệu mà chư Phật đã chứng, diệt trừ tất cả phiền não, có thể hướng đến Bồ-đề, cứu cánh Niết-bàn, tận trừ các khổ. Khi giảng nói pháp này, có người sống nơi biên địa ban khai không biết thiện ác, với bốn chúng của Ta không hay không thấy. Đây là trường hợp thứ năm, muốn trụ trong hạnh của bậc Thánh nhưng bị nạn *(vô hạ)* không tu tập được.

6. Này các Bí-sô! Ở thế gian này có Đại Sư ra đời đầy đủ mười hiệu, tuyên thuyết pháp vi diệu mà chư Phật đã chứng, phá trừ tất cả phiền não, có thể hướng đến Bồ-đề, cứu cánh Niết-bàn, diệt trừ các khổ. Khi giảng nói pháp này, có người tuy sinh trong đô thị nhưng bị các quả báo ác đui, điếc, câm, ngọng, dùng tay để thay lời nói, với thiện ác không thể phân biệt được. Đây là trường hợp thứ sáu muốn trụ trong hạnh của bậc Thánh nhưng bị nạn *(vô hạ)* không tu tập được.

7. Này các Bí-sô! Ở thế gian này có Đại Sư ra đời, đầy đủ mười hiệu, tuyên thuyết pháp vi diệu mà chư Phật đã chứng, diệt trừ tất cả phiền não, có thể hướng đến Bồ-đề, cứu cánh Niết-bàn, diệt sạch các khổ. Khi giảng nói pháp này, có người tuy sinh ở đô thị không bị đui, điếc, câm, ngọng, không dùng tay để thay lời nói, hiểu rõ thiện ác, nhưng lại tin theo tà kiến cho rằng: "Không có bố thí và không có người nhận, không có cúng tế, không có nghiệp duyên thiện ác, không có quả báo dị thục, không có đời này đời sau, không có bà con cha mẹ, không có hữu tình hóa sinh, ở thế gian này không có A-la-hán chánh thú chánh hạnh, đời này đời khác đối với hiện pháp đã tự giác ngộ, chánh chứng viên mãn, thảy đều thấu tỏ, sự sinh khởi của ta đã tận, phạm hạnh đã lập, không còn tái sinh, không có những việc như vậy." Vì họ sinh chấp tà kiến. Đây là trường hợp thứ bảy muốn trụ trong hạnh của bậc Thánh nhưng bị nạn *(vô hạ)* không tu tập được.

8. Này các Bí-sô! Ở thế gian này không có Đại Sư ra đời, không có mười danh hiệu, không nghe pháp vi diệu mà chư Phật đã chứng, không trừ phiền não, không hướng tới Bồ-đề, không đến Niết-bàn, không có khổ não. Có người tuy sinh trong đô thị không bị đui, điếc, câm, ngọng, không dùng tay để thay lời nói, hiểu rõ thiện ác, không sinh tà kiến và nói như vầy: "Có bố thí có thọ nhận, có cúng tế, có nghiệp duyên thiện ác, có quả báo dị thục, có đời này đời sau, có bà con cha mẹ, có hữu tình hóa sinh. Ở thế gian này có bậc A-la-hán chánh thú chánh hạnh, đời này đời khác trong hiện pháp đạt được giác ngộ, chứng được quả viên mãn, tất cả đều hiểu rõ, sự sinh khởi của ta đã chấm dứt, phạm hạnh đã lập, không còn tái sinh, các pháp này đều có." Tuy họ sinh chánh kiến nhưng không có phương pháp để hướng dẫn, khai ngộ, đưa đến giải thoát. Đây là trường hợp thứ tám muốn trụ trong hạnh của bậc Thánh nhưng bị nạn *(vô hạ)* không tu tập được.

Này các Bí-sô! Ở thế gian này có Đại sư ra đời, đầy đủ mười tôn hiệu, tuyên thuyết pháp vi diệu mà chư Phật đã chứng, khéo trừ tất cả phiền não, có thể hướng đến Bồ-đề, cứu cánh Niết-bàn, diệt sạch các khổ. Khi giảng nói pháp ấy, có người sinh trong đô thị, các căn đầy đủ, hiểu rõ thiện ác, cho đến sinh chánh kiến. Các ông nên biết! Người đó tu tập không bị nạn. Các ông đã được sinh trong đô thị, gặp Ta ra đời, được nghe giáo pháp, các căn đầy đủ, hãy nên tinh tấn dũng mãnh, siêng năng tu các điều thiện. Đối với pháp thiện, luật thì phải như lời giảng dạy mà hành trì, lần lượt dạy bảo nhau, lần lượt sám hối với nhau, thường giữ ba nghiệp thanh tịnh, luôn tu mười thiện, đừng làm những việc vô ích mà phải hối hận về sau.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lập lại nghĩa trên mà nói kệ:

Ta đã nói xong tám loại nạn
Nguyện chúng sinh, sinh nơi không nạn
Nếu sinh chỗ nạn không nghe kinh
Các vị nhất tâm nghe cho kỹ.
Các khổ não cột đồng núi sắt
Lửa cháy, phân nhơ, rừng đao kiếm
Trong địa ngục phải chịu khổ ấy
Ở đó làm sao nghe chánh pháp?
Cổ như kim, đói khát bức thân
Mưa rơi sông suối thành lửa dữ
Trong ngạ quỷ phải chịu khổ ấy
Ở đó làm sao nghe chánh pháp?
Luôn luôn lo sợ bị giết hại
Cứ muốn lần lượt ăn nuốt nhau

Trong bàng sinh phải chịu khổ ấy
Ở đó làm sao nghe chánh pháp?
Được sinh vào cõi trời Hữu đảnh
Là nhờ phước đức từ đời trước
Sống lâu, hiểu biết không rõ ràng
Ở đó làm sao nghe chánh pháp?
Sinh nơi biên địa không văn minh
Tai không từng nghe tiếng nói pháp
Quê mùa, không biết vùng mọi rợ
Ở đó làm sao nghe chánh pháp?
Do đời trước thân tạo nghiệp ác
Đui, điếc, ngọng, câm các căn thiếu
Đần độn làm người giống như bò
Người ấy làm sao nghe chánh pháp?
Người nào không tin nơi Tam bảo
Nói không nhân quả, không tôn trưởng
Do tà kiến này phá tâm họ
Người đó đâu thể nghe chánh pháp?
Chư Phật Đại Sư không xuất hiện
Không đem pháp diệu truyền thế gian
Luôn sống trong đời đầy u ám
Là thời đâu thể nghe chánh pháp?
Người nào sống nơi không bị nạn
Không còn tám nạn nói ở trên
Giống như người bệnh gặp lương y
Nên hãy chí tâm nghe chánh pháp!
Ngươi đã được thân người
Lại được nghe chánh pháp
Không chứng được quả Thánh
Thường sinh chỗ có nạn.
Ta nói tám chốn nạn
Là chỗ nạn chúng sinh
Ai sinh chỗ không nạn
Trong đời thật hiếm có.
Ngươi được làm thân người
Lại được nghe chánh pháp
Hãy yêu mến chính mình
Nên trừ mạn, phiền não.

Ai được nghe chánh pháp
Mà không làm theo pháp
Luân hồi trong tám nạn
Chịu đủ các khổ não.
Đã xa lìa chỗ nạn
Thường cầu nghe chánh pháp
Ở trong sinh già chết
Không bao lâu thoát khỏi.
Đã được làm thân người
Nghe pháp mà buông lung
Sau này sẽ khổ não
Như người buôn mất của.
Người nào nghe ta nói
Biết nạn và không nạn
Cho nên hãy tinh tấn
Chánh tu nơi phạm hạnh.
Ta nói người mắt sáng
Biết tránh xa điều ác
Chánh niệm luôn phòng hộ
Không theo các hữu lậu.
Đoạn tất cả thùy miên
Chiến thắng ma oán lớn
Vượt qua biển sinh tử
Được lên bờ Niết-bàn.

Đức Thế Tôn nói kệ xong, đại chúng Tỳ-kheo, trời, người nghe Phật giảng nói đều hoan hỷ, lãnh thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 757

PHẬT THUYẾT THÂN MAO HỶ THỤ KINH

Hán dịch: Đời Tống, Sa-môn Duy Tịnh.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật cùng với chúng Tỳ-kheo tụ hội nơi rừng Tối thắng, thuộc thành Tối thắng nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, trong thành ấy có người con của một trưởng giả tên là Thiện Tinh, lìa bỏ Phật pháp, chưa bao lâu ông ta dùng nhiều cách để phỉ báng Phật, Pháp, Tăng, nói: "Sa-môn Cù-đàm hãy còn không có pháp tối thượng trong loài người, huống chi là chứng đắc tri kiến thù thắng của bậc Thánh! Đây là đi vào chỗ luận nạn, ông ta chỉ vì hàng Thanh văn giảng nói các pháp. Những điều ông ta tìm cầu và tu tập là do biện tài của chính mình, cùng chỗ hiểu biết không đúng mà cho là đã chứng đắc. Pháp của ông ta giảng nói lẽ đâu có thể dẫn đến giải thoát, dứt hết mọi biên vực của khổ?" Bây giờ, đã đến lúc thọ thực, Tôn giả Xá-lợi-tử liền đắp y ôm bát vào đại thành Tỳ-xá-ly, theo thứ tự khất thực, Tôn giả đã nghe Thiện Tinh dùng đủ cách để phỉ báng Phật, Pháp, Tăng. Sau khi khất thực xong, Tôn giả Xá-lợi Tử trở về chỗ cũ, ngọ trai, thu dọn y bát, rửa chân rồi đi đến lạy sát chân Đức Phật và lui qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay vào đại thành Tỳ-xá-ly khất thực, con nghe Thiện Tinh dùng đủ mọi cách phỉ báng Phật, Pháp, Tăng với lời lẽ: "Sa-môn Cù-đàm đối với loài người hãy còn không có pháp tối thượng, huống chi là chứng được tri kiến thù thắng của bậc Thánh! Đây là đi vào chỗ luận nạn, ông ta chỉ vì hàng Thanh văn giảng nói các pháp. Những điều ông ta tìm cầu và tu tập là do nơi biện tài và sự hiểu biết không đúng của mình mà cho là đã được chứng đắc. Pháp của ông ta giảng nói lẽ nào có thể dẫn đến giải thoát, dứt hết mọi biên vực của khổ?" Bạch Thế Tôn! Thiện Tinh kia xả bỏ Phật pháp, đến nay chưa bao lâu mà đã nói ra những lời như vậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Này Xá-lợi Tử! Ông nay nên biết, Thiện Tinh con nhà trưởng giả kia là người rất xấu ác, tự che giấu tội lỗi của mình. Do che giấu, phỉ

báng Phật, Pháp, Tăng nên mới phát ngôn như vậy. Này Xá-lợi Tử! Ông nghe Thiện Tinh nói ra những lời phi nghĩa để phỉ báng với lời lẽ cho rằng: "Sa-môn Cù-đàm chỉ vì hàng Thanh văn mà giảng nói các pháp, lẽ nào có thể dẫn đến giải thoát, dứt hết mọi biên vực của khổ!" Ông hãy nghe cho kỹ! Ta sẽ lược nói về việc này.

Này Xá-lợi tử! Con nhà trưởng giả kia ở trong pháp của Ta không có lòng tin đầy đủ là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, đầy đủ mười tôn hiệu. Đối với sự việc như thế, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết nhưng vì không có lòng tin mới phát ngôn: "Sa-môn Cù-đàm đối với pháp tối thượng trong loài người hãy còn không có, huống chi là chứng đắc tri kiến thù thắng của bậc Thánh! Đi vào chỗ luận nạn, ông ta chỉ vì hàng Thanh văn giảng nói các pháp. Những điều ông ta tìm cầu và tu tập là do biện tài và trí hiểu biết không đúng của mình mà cho là đã chứng đắc." Do sự nhận thức sai lầm ấy mà phỉ báng liên tục, nên mau đọa nơi địa ngục như gánh nặng bị rớt. Như các Bí-sô Thanh văn đều học đầy đủ về giới, định, tuệ, nhưng ít chuyên cần gắng sức, đạt được trí, chứng quả không cho đó là khó, thì hạng người này bị đọa vào đường ác cũng như vậy.

Này Xá-lợi Tử! Con nhà trưởng giả kia ở trong pháp của ta không có đầy đủ lòng tin là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở nơi thanh vắng, đi, đứng, nằm, ngồi luôn xa lìa chỗ ồn náo, tất cả những vật được cúng dường như phòng xá, đồ nằm… đều không để ý đến. Đối với những việc ấy, con nhà trưởng giả kia chỉ biết, chỉ thấy, do không tin nên mới phát ngôn phỉ báng. Vì nhận thức sai lầm, nên ông ta phỉ báng liên tục mà mau bị đọa vào địa ngục.

Này Xá-lợi Tử! Con nhà trưởng giả kia ở trong pháp của ta không có đầy đủ lòng tin là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, lìa dục dứt tội, lìa bỏ các pháp bất thiện, có tầm có tứ lìa sinh hỷ lạc, chứng Sơ thiền. Đối với việc này, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết, vì không có lòng tin nên mới phát ngôn phỉ báng như vậy. Do nhận thức không đúng, nên ông ta phỉ báng liên tục mà mau bị đọa vào địa ngục.

Này Xá-lợi Tử! Con nhà trưởng giả kia ở trong pháp của ta không có đầy đủ lòng tin là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đã chấm dứt tầm tứ, trong và ngoài đều thanh tịnh, tâm cảnh nhất như, khiến tầm không tứ định sinh hỷ lạc chứng được Thiền thứ hai. Đối với việc này, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết, vì không tin nên ông ta mới phát ngôn

phỉ báng như thế. Do nhận thức này mà phỉ báng liên tục, nên mau bị đọa vào địa ngục.

Này Xá-lợi Tử! Con nhà trưởng giả kia ở trong pháp của ta không có đầy đủ lòng tin là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đã lìa bỏ hỷ tham, chánh tri đúng như thật, tu tập xả niệm thân thọ diệu lạc, lìa bỏ tưởng tham, như bậc Thánh đã quán hành xả niệm, lìa hỷ diệu lạc chứng được Thiền thứ ba. Đối với việc này, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết, vì không tin nên ông ta mới phát ngôn phỉ báng như thế. Do nhận thức như thế mà ông ta phỉ báng liên tục, nên mau bị đọa vào địa ngục.

Này Xá-lợi Tử! Con nhà trưởng giả kia ở trong pháp của ta không có đầy đủ lòng tin là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đều đoạn trừ khổ lạc, xa lìa tất cả hai pháp duyệt hỷ, trừ bỏ tưởng về khổ lạc, đạt xả niệm thanh tịnh chứng được Thiền thứ tư. Đối với sự việc này, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết như vậy, vì không tin, ông ta mới phát ngôn phỉ báng. Do nhận thức ấy mà ông ta phỉ báng liên tục nên mau bị đọa vào địa ngục.

Này Xá-lợi Tử! Con nhà trưởng giả kia ở trong pháp của ta không có đầy đủ lòng tin là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, vượt qua các sắc tưởng, lìa tưởng đối ngại. Với tất cả tưởng không khởi tác ý, duyên vào vô biên không cho là hành tưởng, chứng định Không vô biên xứ. Đối với sự việc này, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết. Vì không tin nên ông ta mới phát ngôn phỉ báng. Do nhận thức ấy, ông ta phỉ báng liên tục nên mau bị đọa vào địa ngục.

Ngoài ra, chỗ chứng đắc về chín định thứ lớp cũng lại như vậy.

Này Xá-lợi Tử! Con nhà trưởng giả kia ở trong pháp của ta không có đầy đủ lòng tin là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đối với xứ phi xứ đều nhờ trí lực của mình, tất cả đều nhận biết đúng như thật, nên Như Lai đã thành tựu trí lực như vậy. Đối với sự việc này, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết, vì không tin nên ông ta mới phát ngôn phỉ báng. Do nhận thức này, ông ta phỉ báng liên tục nên mau bị đọa vào địa ngục.

Này Xá-lợi Tử! Con nhà trưởng giả kia ở trong pháp của ta không có đầy đủ lòng tin là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đối với tất cả đạo đã hành trì và đạt được đều bằng chánh trí thấu tỏ đúng như thật. Như Lai đã thành tựu trí lực như vậy. Đối với sự việc này, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết, vì không tin nên ông ta mới phát ngôn phỉ báng. Do nhận thức ấy, ông ta phỉ báng liên tục nên mau bị đọa vào địa ngục.

Này Xá-lợi Tử! Con nhà trưởng giả kia ở trong pháp của ta không có

đầy đủ lòng tin là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với tất cả cảnh giới, vô số thế giới đều dùng chánh trí thấu đạt đúng như thật. Như Lai đã thành tựu trí lực như vậy. Đối với việc này, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết, vì không tin, ông ta mới phát ngôn phỉ báng. Do nhận thức ấy, ông ta phỉ báng liên tục nên mau bị đọa vào địa ngục.

Này Xá-lợi Tử! Con nhà trưởng giả kia ở trong pháp của ta không có đầy đủ lòng tin là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với các hữu tình có lòng tin khác nhau, đều dùng chánh trí nhận biết rõ đúng như thật tất cả. Như Lai đã thành tựu trí lực như vậy. Đối với việc này, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết, vì không tin nên ông ta mới phát ngôn phỉ báng. Do nhận thức này, ông ta phỉ báng liên tục nên mau bị đọa vào địa ngục.

Này Xá-lợi Tử! Con nhà trưởng giả kia ở trong pháp của ta không có đầy đủ lòng tin là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với các căn sai khác của tất cả hữu tình đều dùng chánh trí đều thấu tỏ đúng như thật tất cả. Như Lai đã thành tựu trí lực như vậy. Đối với sự việc này, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết như vậy, vì không tin nên ông ta mới phát ngôn phỉ báng. Do nhận thức này, ông ta phỉ báng liên tục nên mau bị đọa vào địa ngục.

Này Xá-lợi Tử! Con nhà trưởng giả kia ở trong pháp của ta không có đầy đủ lòng tin là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với các nghiệp và tuổi thọ mà tất cả hữu tình đã tích tập, đều dùng chánh trí nhận biết rõ đúng như thật. Như Lai đã thành tựu trí lực như vậy. Đối với việc ấy, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết, vì không tin nên ông ta mới phát ngôn phỉ báng. Do nhận thức này, ông ta phỉ báng liên tục nên mau bị đọa vào địa ngục.

Này Xá-lợi Tử! Con nhà trưởng giả kia ở trong pháp của ta không có đầy đủ lòng tin là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với tất cả thiền định, Tam-ma-địa giải thoát, Tam-ma-bát-để, khi khởi nhiễm hay tịnh, đều dùng chánh trí thấu tỏ đúng như thật. Như Lai đã thành tựu trí lực như vậy. Đối với việc này, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết, vì không tin, ông ta mới phát ngôn phỉ báng. Do nhận thức ấy, ông ta phỉ báng liên tục nên mau bị đọa vào địa ngục.

Này Xá-lợi Tử! Con nhà trưởng giả kia ở trong pháp của ta không có đầy đủ lòng tin là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, với Thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt mọi người, nên có thể quan sát tất cả các thứ xấu đẹp, sinh diệt của chúng sinh trên thế gian, giàu hay nghèo đều tùy theo

nghiệp của họ mà nhận lấy. Nếu có hữu tình nào với thân, khẩu, ý tạo ra nghiệp bất thiện, mắng nhục bậc Hiền thánh, làm những việc tà kiến, nhân đấy mà chứa nhóm những nghiệp tà kiến, sau khi qua đời sinh vào đường ác bị đọa vào địa ngục. Nếu các hữu tình, với thân, khẩu, ý tạo nhiều nghiệp thiện, không hủy nhục bậc Hiền thánh, làm việc đúng theo chánh kiến, nhân đấy mà chứa nhóm các nghiệp chánh kiến, sau khi qua đời sinh vào đường lành nơi cõi trời. Với Thiên nhãn, Như Lai dùng chánh trí thấy biết tất cả. Như Lai đã thành tựu trí lực như vậy. Đối với việc này, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết, vì không tin, ông ta mới phát ngôn phỉ báng. Do nhận thức ấy, ông ta phỉ báng liên tục nên mau bị đọa vào địa ngục.

Này Xá-lợi Tử! Con nhà trưởng giả kia ở trong pháp của ta không có đầy đủ lòng tin là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, với tất cả đời trước, nhờ năng lực của trí nên đều nhớ rõ. Nghĩa là có thể biết một, hai, ba, bốn, năm đời, hoặc mười, hai mươi đời, cho đến một trăm đời, một ngàn đời, trăm ngàn đời, vô số trăm ngàn đời. Những sự việc trong các đời này thành hoặc bại, xưa họ như vậy, tên như vậy, dòng tộc như vậy, hình tướng như vậy, ăn uống như vậy, tuổi thọ như vậy, khổ vui như vậy, chết đây sinh kia, diệt kia sinh đây, tất cả sự việc như vậy Như Lai đều dùng chánh trí nhớ nghĩ đúng như thật, đều thấu rõ tất cả. Như Lai đã thành tựu trí lực như vậy. Đối với việc này, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết, vì không tin, ông ta mới phát ngôn phỉ báng. Do nhận thức ấy, ông ta phỉ báng liên tục nên mau bị đọa vào địa ngục.

Này Xá-lợi Tử! Con nhà trưởng giả kia ở trong pháp của ta không có đầy đủ lòng tin là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, đã diệt sạch các lậu, vô lậu được tăng trưởng, tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát. Với pháp như vậy là nhờ trí lực thông suốt chứng đắc thành tựu.

Này Xá-lợi Tử! Như Lai đầy đủ mười Lực như vậy. Đối với việc này, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết, vì không tin, ông ta mới phát ngôn phỉ báng. Do nhận thức ấy, ông ta phỉ báng liên tục nên mau bị đọa vào địa ngục.

Này Xá-lợi Tử! Con nhà trưởng giả kia ở trong pháp của ta không có đầy đủ lòng tin là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, thành tựu bốn Vô sở úy, biết rõ cảnh giới của bậc Thánh, ở giữa đại chúng gầm lên tiếng sư tử, chuyển đại pháp luân, còn các Sa-môn, Bà-la-môn khác đều không thể chuyển được.

Thế nào là bốn Vô sở úy?

1. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác chứng đắc Nhất thiết trí, không một pháp nào mà không nhận biết, ở trong đại chúng nói như vầy: "Ta được an lạc, không còn lo sợ, thấu tỏ đúng như thật về cảnh giới của bậc Thánh, gầm vang tiếng sư tử, chuyển đại pháp luân. Ngoài ta ra không ai có thể chuyển được, ta không thấy Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người, Ma, Phạm nào sánh bằng."

2. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đã diệt sạch các lậu. Ở trong đại chúng nói rằng: "Ta được an lạc, không còn lo sợ gì cả, thấu tỏ đúng như thật về cảnh giới của bậc Thánh, gầm vang tiếng sư tử chuyển đại pháp luân. Ngoài ta ra, không ai có thể chuyển được, ta không thấy Sa-môn, Bà-la-môn, trời, người, ma, phạm nào sánh bằng."

3. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác vì các Thanh văn tùy pháp hành mà giảng nói rõ về nẻo tu tập, hành hóa, như đã nói rộng ở trước về chỗ chứng đắc tối thượng. Ở trong đại chúng nói rằng: "Ta nói tham dục là pháp làm chướng ngại đạo, ta được an lạc, không lo sợ gì cả, thấu tỏ đúng như thật về cảnh giới của bậc Thánh, gầm vang tiếng sư tử chuyển đại pháp luân. Ngoài ta ra không ai có thể chuyển được, ta không thấy Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người, Ma, Phạm nào sánh bằng."

4. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác giảng nói pháp chánh đạo cho các Thanh văn, chủ yếu là diệt tận các khổ não. Ở trong đại chúng nói rằng: "Ta được an lạc, không lo sợ gì cả, thấu tỏ đúng như thật về cảnh giới của bậc Thánh, gầm vang tiếng sư tử chuyển đại pháp luân. Ngoài ta ra không ai có thể chuyển được, ta không thấy Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người, Ma, Phạm nào sánh bằng."

Này Xá-lợi Tử! Như Lai có đầy đủ bốn Vô sở úy như vậy. Đối với việc này, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết, vì không tin, ông ta mới phát ngôn phỉ báng. Do nhận thức ấy, ông ta phỉ báng liên tục nên mau bị đọa vào địa ngục.

Này Xá-lợi Tử! Ở thế gian có tám chúng:

1. Chúng Sát-đế-lợi.
2. Chúng Bà-la-môn.
3. Chúng Trưởng giả.
4. Chúng Sa-môn.
5. Chúng trời Tứ Đại vương.
6. Chúng trời Đao-lợi.

7. Chúng ma.

8. Chúng Phạm thiên.

Này Xá-lợi Tử! Xưa kia ta từng đến trong vô số trăm ngàn hội Sát-đế-lợi, hình tướng của chúng hội đó như thế nào thì ta cũng hiện lên hình tướng giống như họ. Ánh sáng của chúng hội ấy như thế nào thì ta cũng hiện đầy đủ tướng ánh sáng như họ. Chúng hội ấy đem giáo pháp của mình ra nói thì ban đầu ta cũng nói pháp như họ, nhưng sau đó thì giảng nói pháp tối thắng hơn họ. Mặc dù ta giảng nói như vậy, nhưng chúng ấy không thể nào hiểu biết được. Vì nhân duyên đó mà chúng ấy nghi ngờ cho rằng: "Người vừa nói pháp là Sa-môn hay Bà-la-môn, hay Trời, Người, Ma, Phạm nói?" Sau đó, ta nói pháp tối thắng cho họ, rồi chỉ dạy những điều lợi hỷ để ứng hợp với họ. Sau khi chỉ dạy những điều lợi hỷ, ta liền ẩn thân không hiện ra nữa. Tuy ta ẩn thân tướng như vậy mà chúng ấy không ai hay biết. Chúng lại nghi rằng: "Người vừa ẩn thân đó là Sa-môn hay Bà-la-môn, hay Trời, Người, Ma, Phạm?" Này Xá-lợi Tử! Lúc ta hiện thân tướng giống như họ mà họ vẫn không thể thấy ta, thì làm sao hơn ta được. Pháp tối thượng được nói khi ấy là Tri kiến thần thông tối thắng.

Này Xá-lợi Tử! Xưa kia ta từng đến trong hội Bà-la-môn vô số trăm ngàn lần. Hình tướng của chúng ấy như thế nào thì ta cũng hiện hình tướng giống như họ. Ánh sáng của chúng hội ấy như thế nào thì ta cũng hiện đầy đủ tướng ánh sáng như họ. Chúng ấy lấy giáo pháp của mình ra nói thì ban đầu ta cũng nói pháp giống như họ, rồi sau đó ta nói pháp thắng diệu hơn họ. Tuy ta nói như vậy nhưng chúng ấy không ai hiểu biết được. Vì nhân duyên đó mà chúng ấy nghi ngờ cho rằng: "Người vừa nói pháp là Sa-môn, hay Bà-la-môn? Là Trời, Người, hay Ma, Phạm?" Sau đó ta lại nói pháp tối thượng cho họ và chỉ dạy những điều lợi hỷ để thích ứng với họ. Chỉ dạy lợi hỷ rồi, ngay lúc đó ta liền biến mất. Tuy ta ẩn thân tướng như vậy, nhưng chúng ấy cũng không ai hay biết, nên họ nghi ngờ rằng: "Người vừa ẩn thân đó là Sa-môn, hay Bà-la-môn? Là Trời, Người, hay Ma, Phạm?" Này Xá-lợi Tử! Lúc ta hiện thân tướng giống như họ mà họ còn không thấy ta thì làm sao hơn ta. Pháp tối thượng được nói khi ấy là Tri kiến thần thông tối thắng. Ngoài ra các chúng Trưởng giả, Sa-môn, chúng trời Tứ Đại vương, chúng trời Đao-lợi, chúng ma cũng đều như vậy.

Này Xá-lợi Tử! Xưa kia ta đã từng đến trong chúng hội Phạm thiên vô số trăm ngàn lần. Hình tướng của chúng hội ấy như thế nào thì ta cũng hiện hình tướng giống như họ. Ánh sáng của chúng ấy ra sao thì ta cũng hiện đầy đủ tướng ánh sáng như họ. Chúng ấy đem giáo pháp của mình ra

nói, thì ban đầu ta cũng nói pháp giống như họ, nhưng sau đó thì ta nói pháp thắng diệu hơn họ. Tuy ta nói như vậy nhưng họ không ai hiểu biết được. Vì thế chúng nghi ngờ cho rằng: "Người vừa nói pháp là Sa-môn, Bà-la-môn, hay là Trời, Người, hay Ma, Phạm?" Sau đó ta nói pháp tối thượng cho họ, chỉ dạy những điều lợi hỷ để ứng hợp với họ. Chỉ dạy lợi hỷ rồi ta liền biến mất. Tuy ta ẩn thân tướng như vậy, nhưng chúng ấy cũng không ai hay biết nên họ nghi ngờ: "Người vừa nói pháp là Sa-môn, Bà-la-môn, là Trời, Người, hay Ma, Phạm?" Này Xá-lợi Tử! Lúc ta hiện thân tướng giống như họ mà họ vẫn còn không thấy thì làm sao hơn ta. Pháp tối thượng được nói khi ấy là Tri kiến thần thông tối thắng.

Này Xá-lợi Tử! Đối với việc này, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết như vậy, vì không tin mà ông ta phát ngôn phỉ báng. Do nhận thức ấy, ông ta phỉ báng liên tục nên mau bị đọa vào địa ngục.

Này Xá-lợi Tử! Con đường đưa đến địa ngục, nghiệp nhân đưa đến cảnh giới địa ngục ấy cho đến quả báo mà các hữu tình kia phải chịu Ta đều biết rõ. Lại nữa, con đường đưa đến súc sinh, nghiệp nhân đưa đến cảnh giới ấy, cho đến quả báo mà hữu tình kia phải chịu ta đều biết rõ. Con đường đưa đến ngạ quỷ, nghiệp nhân đưa đến cảnh giới ấy cho đến quả báo mà hữu tình kia phải chịu ta đều biết rõ. Tất cả con đường đưa đến cõi A-tu-la, Trời, Người… tất cả nghiệp nhân đưa đến các cảnh giới ấy, cho đến tất cả quả báo mà chúng hữu tình kia phải thọ nhận ta đều biết rõ.

Này Xá-lợi Tử! Thánh đạo đưa đến Niết-bàn và pháp Niết-bàn, cho đến hữu tình chứng đắc quả Niết-bàn ta đều thấu rõ đúng như thật. Này Xá-lợi Tử! Đối với việc này, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết, vì không tin, ông ta mới phát ngôn phỉ báng. Do nhận thức ấy, ông ta phỉ báng liên tục nên mau bị đọa vào địa ngục.

-oOo-

PHẬT THUYẾT THÂN MAO HỶ THỤ KINH

QUYỂN TRUNG

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Con đường đưa tới địa ngục, nghiệp nhân đưa đến cảnh giới ấy cho đến quả báo mà hữu tình đó phải chịu ta đều biết rõ. Nay ta đem ví dụ nhỏ này để nói sơ qua về nghĩa ấy.

Xá-lợi Tử! Ví như thế gian có đống lửa lớn cao bằng hay hơn người, lửa ấy cháy hừng hực rồi sau đó tắt, lửa ngọn và hơi nóng đều không còn. Vào tháng nóng nhất của mùa hè, nóng rất khủng khiếp, có một người từ xa đi đến, vừa mỏi mệt lại bị đói khát hành hạ, lần theo con đường tới chỗ lửa tắt kia để nghỉ ngơi. Có người mắt sáng ở bên cạnh, từng thấy đống lửa kia cháy gây bao khốn khổ, nên liền chạy tránh sang đường khác tìm chỗ nghỉ ngơi và thầm nghĩ: "Đống lửa kia cao bằng hay hơn người, vừa mới tắt chứ không phải là nơi mát mẻ, nếu người kia đến đó hoặc nằm hoặc ngồi thì sẽ càng nóng nảy thêm lên, chắc chắn phải bị khổ não." Ông ta vừa nghĩ như vậy, thì sự thật diễn ra không sai với điều đã nghĩ, người kia đến đó thọ nhận rất nhiều khổ não.

Này Xá-lợi Tử! Có một hạng người bị đọa nơi địa ngục cũng lại như vậy. Tâm ý của người kia như thế nào ta đều biết. Do họ không biết đi theo con đường chánh, nên sau khi qua đời bị đọa vào đường ác sinh trong địa ngục rất không vừa ý, phải chịu đại khổ não. Như Lai dùng mắt trời thanh tịnh hơn mắt người nhận thấy rõ về việc ấy.

Xá-lợi Tử! Do vậy, con đường đưa đến địa ngục, nghiệp nhân đưa đến cảnh giới ấy, cho đến quả báo mà hữu tình nơi cõi ấy phải thọ nhận Như Lai đều biết tất cả.

Xá-lợi Tử! Con đường đưa đến súc sinh, nghiệp nhân đưa đến cảnh giới ấy, cho đến quả báo mà hữu tình nơi cõi ấy phải chịu ta đều biết cả.

Xá-lợi Tử! Ví như thế gian có vùng ô uế cao bằng hoặc hơn người, vào tháng nóng bức của mùa hè, cảnh vật đều bị thiêu đốt, nóng thật đáng sợ, có một người từ xa đi lại, vừa mỏi mệt lại bị đói khát hành hạ, lần theo con đường đến chỗ ô uế để nghỉ ngơi. Có người mắt sáng ở bên cạnh thấy rõ chỗ ô uế kia, nên tìm sang đường khác kiếm chỗ nghỉ ngơi. Khi ấy người mắt sáng thầm nghĩ: "Vùng ô uế ấy cao bằng hoặc hơn người, là chỗ không

an ổn mà người kia đến sẽ càng nóng bức hơn, đã không được an ổn, không thể ưa thích nên chắc chắn phải chịu cực khổ. Quả thật như những điều ông nghĩ, người kia đến đó, hoặc nằm, hoặc ngồi đều không được an ổn, không thể ưa thích."

Này Xá-lợi Tử! Có một hạng người bị đọa vào cõi súc sinh cũng lại như vậy. Tâm ý của người kia như thế nào ta đều biết tất cả. Do người ấy không đi theo con đường chánh, nên sau khi qua đời bị đọa vào đường ác sinh trong loài súc sinh, không được an ổn, không thể ưa thích, lại không vừa ý, phải chịu cực khổ. Như Lai dùng mắt trời thanh tịnh hơn mắt người quan sát việc này rất rõ ràng.

Xá-lợi Tử! Do vậy, đối với con đường đưa đến cõi súc sinh, nghiệp nhân đưa đến cảnh giới ấy, cho đến quả báo mà hữu tình nơi cõi ấy phải thọ nhận Như Lai đều biết rõ tất cả.

Này Xá-lợi Tử! Con đường đưa đến cõi ngạ quỷ, nghiệp nhân đưa đến cảnh giới ấy, cho đến quả báo mà hữu tình nơi cõi ấy phải thọ Ta đều biết rõ.

Xá-lợi Tử! Ví như có cây cao bằng hay hơn người khô héo cằn cỗi, cành lá đều rụng sạch. Vào tháng nóng nhất của mùa hè, cảnh vật đều cháy rụi, nóng khủng khiếp, có một người từ xa đến vừa mỏi mệt lại bị đói khát hành hạ, lần theo con đến dưới gốc cây khô ấy để nghỉ ngơi. Bên cạnh, có người mắt sáng thấy vậy liền thầm nghĩ: "Chỗ gốc cây ấy không phải là chốn mát mẻ, nếu người kia đến đó sẽ bị cực khổ." Đúng như những điều ông ta vừa nghĩ, người kia đến đó nằm hoặc ngồi đều bị cực khổ.

Này Xá-lợi Tử! Có một hạng người bị đọa vào cõi ngạ quỷ cũng lại như vậy. Tâm ý của họ như thế nào ta đều biết rõ. Do người kia không đi theo con đường chánh, nên sau khi qua đời bị đọa vào đường ác, sinh trong loài ngạ quỷ chịu đại khổ não. Như Lai dùng mắt trời thanh tịnh hơn mắt người quan sát việc này rất rõ.

Này Xá-lợi Tử! Vì vậy, đối với con đường đưa đến ngạ quỷ, nghiệp nhân đưa đến cảnh giới ấy, cho đến những quả báo mà hữu tình nơi cõi ấy phải chịu ta đều biết tất cả.

Này Xá-lợi Tử! Con đường đưa đến A-tu-la, nghiệp nhân đưa đến cảnh giới ấy, cho đến các quả báo mà hữu tình của cõi ấy phải nhận lấy, ta đều biết cả.

Này Xá-lợi Tử! Ví như cây có ổ kiến phía dưới, cao bằng hoặc hơn người, vào tháng nóng bức của mùa hè, cảnh vật đều bị thiêu đốt, nóng khủng khiếp. Có một người từ xa đi lại vừa mỏi mệt lại bị đói khát hành

hạ, bèn theo con đường đến bên gốc cây ấy nhằm nghỉ ngơi. Có người mắt sáng ở bên cạnh thấy người kia đến bên gốc cây có kiến để nghỉ ngơi liền thầm nghĩ: "Chỗ ấy không an ổn, người kia đến đó sẽ bị khổ sở!" Đúng với những điều ông ta nghĩ, người kia đến chỗ đó hoặc nằm, hoặc ngồi, liền bị khổ não.

Này Xá-lợi Tử! Có một hạng người bị đọa vào cõi A-tu-la cũng lại như vậy. Tâm ý của người đó như thế nào ta đều biết tất cả. Do họ không đi theo con đường chánh, nên sau khi qua đời bị đọa vào đường ác, làm A-tu-la chịu nhiều khổ não. Như Lai dùng mắt trời thanh tịnh hơn mắt người quan sát rất rõ về việc này. Xá-lợi Tử! Vì thế, đối với con đường đưa đến A-tu-la, nghiệp nhân đưa đến cảnh giới ấy, cho đến quả báo mà hữu tình ở cảnh giới ấy phải chịu, ta đều biết tất cả.

Này Xá-lợi Tử! Con đường đưa đến cõi người, nghiệp nhân đưa đến cõi người, cho đến các quả báo mà hữu tình nơi cõi ấy phải chịu ta đều biết cả.

Xá-lợi Tử! Ví như có cây cổ thụ thân gốc to lớn, nhưng cành lá không bằng nhau, chỗ thì thưa thớt, chỗ thì rậm rạp dày kín nên bóng mát ở dưới cũng khác nhau. Vào tháng nóng nhất của mùa hè, cảnh vật đều bị thiêu đốt, nóng khủng khiếp, có một người từ xa đi lại vừa mỏi mệt, lại bị đói khát hành hạ, bèn theo con đường dẫn tới bên gốc cây ấy để nghỉ ngơi. Cạnh đấy, có người mắt sáng thấy ông ta đến bên gốc cây đó để nghỉ ngơi bèn thầm nghĩ: "Người kia đến bên gốc cây đó để nghỉ ngơi chắc bị khổ vui xen lẫn." Thật đúng như những điều ông ta vừa nghĩ, người kia đến đó hoặc nằm, hoặc ngồi, thì vừa bị khổ, vừa cảm thấy vui.

Này Xá-lợi Tử! Có một hạng hữu tình sinh vào loài người cũng lại như vậy. Tâm ý của họ như thế nào ta đều biết rõ. Do họ không đi theo con đường chánh, nên sau khi qua đời, sinh làm người bị khổ vui lẫn lộn. Như Lai dùng mắt trời thanh tịnh hơn mắt người quan sát rất kỹ về việc này.

Này Xá-lợi Tử! Vì thế đối với con đường đưa đến cõi người, nghiệp nhân đưa đến cõi người, cho đến những quả báo của hữu tình nơi cõi ấy thọ nhận ta đều biết tất cả.

Này Xá-lợi Tử! Tất cả con đường đưa đến cõi trời, nghiệp nhận đưa đến cõi trời, cho đến các quả báo mà hữu tình nơi cõi ấy thọ nhận ta đều biết cả.

Này Xá-lợi Tử! Ví như có một lầu gác cao lớn, xung quanh quét vôi, lại xây dựng kiên cố, kín đáo, bên trong không có khe hổng, cửa sổ cửa lớn đều được che mát, khiến cho gió và ánh sáng mặt trời không thể

xâm nhập. Bên trong lại sắp xếp những chỗ ngồi, dùng lụa đỏ làm nệm, lót chồng lên dày mười sáu lớp, rồi phủ lụa trắng. Vào tháng nóng bức của mùa hè, cảnh vật đều bị thiêu đốt, nóng kinh khủng, có một người từ xa đến, vừa mệt mỏi lại bị đói khát hành hạ, bèn theo con đường đi đến lầu ấy nhằm nghỉ ngơi. Có một người mắt sáng ở bên cạnh, thấy ông ta muốn lên gác cao để nghỉ ngơi, bèn thầm nghĩ: "Lầu gác kia, cửa sổ, cửa lớn đều được che mát, với nệm dày rất vừa ý, thích thú, người kia đến đó nghỉ ngơi chắc chắn sẽ vui thích." Đúng như những điều ông vừa nghĩ, người kia lên lầu nằm hoặc ngồi, hưởng mọi an lạc, thích thú.

Này Xá-lợi Tử! Có một hạng người được sinh vào cõi trời cũng lại như vậy. Tâm ý của họ như thế nào ta đều biết rõ. Do họ tạo nhân lành nhưng không nhận biết nẻo hành đạo của bậc Thánh nên sau khi qua đời, sinh vào đường lành trong cõi trời, hưởng nhiều an lạc. Như Lai dùng mắt trời thanh tịnh hơn mắt người quan sát rất rõ về việc này.

Này Xá-lợi Tử! Vì vậy đối với con đường đưa đến cõi trời, nghiệp nhân đưa đế cõi trời, cho đến quả báo mà hữu tình nơi cõi ấy thọ nhận ta đều biết tất cả.

Này Xá-lợi Tử! Tất cả con đường Thánh Niết-bàn, nghiệp nhân đưa đến Niết-bàn, cho đến pháp mà hữu tình đó chứng quả Niết-bàn, ta đều biết tất cả.

Này Xá-lợi Tử! Ví như ở thế gian cách xóm làng không xa, có một ao trời, bốn bên vuông vức bằng nhau, nước trong ao trong sạch, mát mẻ rất là thú vị. Xung quanh ao đều có cây A-ma-la, cây Thiệm-bộ, cây Phả-noa-bà, cây Bà-dương-la, cây Câu-phược-bá-nê-phược-đa, cây Long-tu, che khắp bốn phía và chạm tới mặt nước ao, thân nhánh đều rất tốt. Vào tháng nóng nhất của mùa hè, cảnh vật đều tự thiêu đốt, nóng khủng khiếp, có một người từ xa đi lại vừa mệt mỏi lại bị đói khát hành hạ, bèn theo con đường đi đến ao kia để uống nước và tắm rửa cho khỏe. Có người mắt sáng ở bên cạnh thấy người này đến chỗ ao, liền thầm nghĩ: "Người này từ xa đến bị mỏi mệt, đói khát, nếu ông ta tới nơi ao ấy uống và tắm rửa sẽ không còn nóng bức, mệt mỏi, sau đó, ông ta đến giữa bóng cây mà nằm hoặc ngồi tùy theo sở thích thì sẽ được an lạc." Quả thật đúng như những điều ông ta nghĩ, người kia đến đó luôn được an vui.

Này Xá-lợi Tử! Có một hạng người chứng đắc Niết-bàn cũng lại như vậy. Tâm ý của họ như thế nào ta biết tất cả. Do người ấy đi theo con đường của bậc Thánh, tu nhân Niết-bàn, nên chứng quả Niết-bàn, các lậu đều đã dứt sạch, do đó vô lậu được tăng trưởng, tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ hoàn

toàn giải thoát, nhờ vào uy lực của mình mà chứng pháp như vậy. Như Lai quan sát việc này rất rõ, thấy hữu tình ấy các lậu đã diệt sạch được giải thoát, chứng pháp đạt được an lạc, kiếp sống của ta đã chấm dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm ta đã làm xong, không còn tái sinh!

Này Xá-lợi Tử! Do vậy đối với đạo Niết-bàn, nhân Niết-bàn, cho đến quả Niết-bàn mà hữu tình chứng đắc Như Lai đều biết tất cả.

Xá-lợi Tử! Đối với các sự việc ấy, con nhà trưởng giả kia chỉ thấy, chỉ biết như vậy. Vì không tin, ông ta mới phát ngôn phỉ báng: "Sa-môn Cù-đàm đối với pháp tối thượng của loài người hãy còn không thể có được huống chi là chứng đắc Tri kiến thù thắng của bậc Thánh. Đi vào chỗ luận nạn, ông ta chỉ vì hàng Thanh văn mà giảng nói các pháp, những điều tìm cầu và tu tập đều nhờ vào biện tài và sự hiểu biết không đúng của mình mà cho là chứng đắc, pháp của ông ta giảng nói đâu có thể dẫn tới giải thoát vượt qua các khổ."

Xá-lợi Tử! Do nhận thức ấy, ông ta phỉ báng liên tục nên mau bị đọa vào địa ngục, như gánh nặng bị rớt. Lại như Tỳ-kheo Thanh văn học đầy đủ giới, định, tuệ, nhưng ít siêng năng nên được trí chứng quả không cho đó là khó. Hạng người kia bị đọa vào đường ác cũng lại như vậy.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Thế gian có một hạng Bà-la-môn thờ lửa cho là thanh tịnh. Họ nói với nhau: "Ai thờ lửa thì được thanh tịnh." Này Xá-lợi Tử! Pháp thờ lửa ấy thật không thanh tịnh, vì đều là những pháp mà trước đây ta đã tu tập qua. Mặc dù ta đã trải qua thời gian tu tập, nhưng cuối cùng thấy rõ là không có lợi ích: từ vô thỉ đến nay cứ ở mãi trong thế gian không ra khỏi sinh tử. Các hàng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, hành động theo những điều hiểu biết để cầu chút phần pháp hơn hết trong cõi người hãy còn không thể được, huống chi là chứng đắc Tri kiến thù thắng của bậc Thánh. Vì sao? Vì những điều mà họ suy nghĩ đối với Thánh tuệ không thể thấu tỏ lại không giác ngộ. Nếu không giác ngộ và thấu đạt về Thánh tuệ thì làm sao có thể giải thoát hết các khổ? Xá-lợi Tử! Nếu với Thánh tuệ mà thấu tỏ đúng như thật, thì đóng cửa ba cõi, chấm dứt đường sinh tử, không còn tái sinh.

Này Xá-lợi Tử! Thế gian có hạng Bà-la-môn tổ chức hội bố thí cho là thanh tịnh. Họ nói với nhau: "Ai tổ chức hội bố thí thì được thanh tịnh." Xá-lợi Tử! Hội bố thí của họ không thanh tịnh, vì đều là những hội mà xưa kia ta từng tu tập. Mặc dù từng tu tập nhưng cuối cùng ta thấy rõ là không có lợi ích: Từ vô thỉ đến nay cứ ở mãi trong thế gian không thoát khỏi sinh tử. Các đại tộc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả hành động theo những

điều hiểu biết như giết ngựa để tế trời, giết người để cúng tế trời, giết voi, dê để tế trời, tổ chức phép ăn uống, tạo hội vô già, dùng các hoa sen nhiều màu làm việc sạch sẽ, lấy hoa sen trắng làm việc sạch sẽ, quăng ném những con vật vào lửa để làm pháp cúng tế trời, làm pháp của trời Đế Thích, làm pháp của Nguyệt thiên, hoặc xuất vàng bạc châu báu để tổ chức hội bố thí. Họ hành động như vậy cầu chút phần pháp tối thượng trong cõi người hãy còn không được, huống chi là chứng đắc Tri kiến thù thắng của bậc Thánh. Vì sao? Vì đối với Thánh tuệ họ không thể thấu đạt, lại không giác ngộ. Nếu không giác ngộ, thấu đạt về Thánh tuệ thì làm sao giải thoát khỏi các khổ? Xá-lợi Tử! Nếu với Thánh tuệ mà thấu tỏ đúng như thật và giác ngộ tức là đóng cửa ba cõi, chấm dứt đường sinh tử, không còn tái sinh.

Này Xá-lợi Tử! Thế gian có hạng Bà-la-môn cho tất cả giáo lý của mình là thanh tịnh. Họ nói rằng: "Người nào dùng chú pháp ấy thì được thanh tịnh." Xá-lợi Tử! Chú pháp ấy không thanh tịnh vì đều là chú pháp mà xưa kia ta đã từng tu tập. Mặc dù ta đã từng tu tập, nhưng cuối cùng thấy rõ không có lợi ích, từ vô thỉ đến nay cứ ở mãi trong thế gian không ra khỏi sinh tử. Đại tộc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả làm theo hành động của mình để cầu chút phần pháp tối thượng nơi loài người hãy còn không được, huống chi là chứng đắc Tri kiến tối thắng của bậc Thánh. Vì sao? Vì đối với Thánh tuệ, họ không thấu tỏ lại không giác ngộ. Nếu không thấu tỏ và giác ngộ Thánh tuệ thì làm sao giải thoát ra khỏi các khổ? Này Xá-lợi Tử! Nếu với Thánh tuệ mà thấu tỏ đúng như thật và giác ngộ tức là đóng cửa ba cõi, chấm dứt sinh tử, không còn tái sinh.

Này Xá-lợi Tử! Thế gian có hạng Bà-la-môn bị luân hồi sinh tử mà cho là thanh tịnh. Họ nói với nhau rằng: "Người bị luân hồi sinh tử thì được thanh tịnh." Này Xá-lợi Tử! Luân hồi sinh tử là không thanh tịnh, vì xưa kia ta đã từng trải qua sinh tử. Từ vô thỉ đến nay cứ ở mãi trong thế gian không thoát ra khỏi, ngoại trừ cõi trời Tịnh cư. Xá-lợi Tử! Trong cõi trời Tịnh cư chỉ sinh một lần ở đó nữa, không còn trở lại nhân gian, tức là từ cõi trời này tiến đến Niết-bàn. Xá-lợi Tử! Dù chưa ra khỏi sinh tử mà có cầu chút phần pháp tối thượng của loài người hãy còn không được, huống chi là chứng đắc Tri kiến thù thắng của bậc Thánh. Vì sao? Vì những điều họ nghĩ đối với Thánh tuệ đã không thể thấu đạt lại không giác ngộ. Nếu không thấu đạt, giác ngộ về Thánh tuệ thì làm sao giải thoát hết các khổ? Xá-lợi Tử! Nếu với Thánh tuệ mà thấu tỏ đúng như thật và giác ngộ tức là đóng cửa ba cõi, chấm dứt đường sinh tử, không còn tái sinh.

Này Xá-lợi Tử! Thế gian có hạng Bà-la-môn cho sáu cảnh giới là

thanh tịnh. Họ nói với nhau: "Người đi trong sáu cảnh giới thì được thanh tịnh." Xá-lợi Tử! Sáu cảnh giới ấy là không thanh tịnh, vì đó là những cảnh giới mà xưa kia ta đã từng đi qua. Từ vô thỉ đến nay vẫn ở mãi nơi thế gian, luân hồi trong sáu cõi, trừ cõi trời Ngũ tịnh cư. Này Xá-lợi Tử! Vì nơi cõi trời Ngũ tịnh cư sinh một lần ở cõi này nữa thôi, không còn trở lại nhân gian, tức là từ cõi trời ấy tiến đến chứng đắc Niết-bàn.

Xá-lợi Tử! Nếu chưa lìa khỏi các cảnh giới ấy mà cầu chút phần pháp tối thượng trong loài người hãy còn không có được, huống chi là chứng đắc Tri kiến tối thắng của bậc Thánh. Vì sao? Vì đối với Thánh tuệ họ không thấu đạt, không giác ngộ. Nếu không thấu đạt, không giác ngộ về Thánh tuệ thì làm sao giải thoát, dứt sạch các khổ? Xá-lợi Tử! Nếu thấu đạt đúng như thật và giác ngộ về Thánh tuệ tức là đóng cửa ba cõi, chấm dứt đường sinh tử, không còn tái sinh.

Này Xá-lợi Tử! Thế gian có hạng Bà-la-môn cho chỗ sinh sống là thanh tịnh. Họ nói với nhau: "Người nào sinh sống chỗ ấy thì được thanh tịnh." Xá-lợi Tử! Chỗ họ sinh sống là không thanh tịnh, vì là những chỗ mà xưa kia ta đã từng sinh sống. Từ vô thỉ đến nay cứ ở mãi trong thế gian, không thoát khỏi sinh tử, chỉ trừ cõi trời Ngũ tịnh cư, vì nơi cõi trời ấy chỉ sinh một lần nữa thôi, không còn trở lại nhân gian, tức là từ cõi trời này tiến đến chứng đắc Niết-bàn. Xá-lợi Tử! Nếu chưa lìa khỏi chỗ sinh sống mà cầu chút phần pháp tối thượng trong loài người hãy còn không thể được, huống chi là chứng đắc Tri kiến thù thắng của bậc Thánh. Vì sao? Vì những điều mà họ suy nghĩ với Thánh tuệ, họ không thấu tỏ, không giác ngộ. Nếu không thấu tỏ, không giác ngộ về Thánh tuệ thì làm sao giải thoát dứt hết các khổ? Xá-lợi Tử! Nếu với Thánh tuệ mà thấu tỏ đúng như thật và giác ngộ, tức là đóng cửa ba cõi, chấm dứt đường sinh tử, không còn tái sinh.

Này Xá-lợi Tử! Thế gian có hạng Bà-la-môn cho chủng tử của mình là thanh tịnh. Họ nói với nhau: "Người nào nương vào chủng tử chính mình thì được thanh tịnh." Xá-lợi Tử! Chủng tử ấy là không thanh tịnh, vì đều là chủng tử mà xưa kia ta từng nương vào. Từ vô thỉ đến nay, cứ ở mãi trong thế gian, không thoát khỏi sinh tử, chỉ trừ cõi trời Ngũ tịnh cư. Này Xá-lợi Tử! Vì nơi cõi trời Ngũ tịnh cư chỉ sinh một lần nữa thôi, không còn sinh trở lại nhân gian, tức là từ cõi trời này tiến đến chứng đắc Niết-bàn. Xá-lợi Tử! Nếu ai chưa ra khỏi sinh tử mà cầu chút phần pháp tối thượng trong loài người hãy còn không thể được, huống chi là chứng đắc Tri kiến thù thắng của bậc Thánh. Vì sao? Vì những điều mà họ suy nghĩ đối với Thánh tuệ họ không thấu đạt, không

giác ngộ. Nếu không thấu đạt, không giác ngộ về Thánh tuệ thì làm sao giải thoát, chấm dứt các khổ? Xá-lợi Tử! Nếu với Thánh tuệ mà thấu đạt đúng như thật, giác ngộ tức là đóng cửa ba cõi, chấm dứt đường sinh tử, không còn tái sinh.

Này Xá-lợi Tử! Thế gian có hạng Bà-la-môn nói như vầy: "Người nào tu đầy đủ bốn loại pháp thì đó là phạm hạnh thanh tịnh." Xá-lợi Tử! Tu bốn pháp ấy cho là thanh tịnh nhưng ai được thanh tịnh ta đều biết rõ. Đối với bốn pháp ấy ta đều đạt tới chỗ tối thượng hơn họ.

Bốn pháp là:

1. Họ tu hành pháp gì, ta cũng tu hành hơn họ.

2. Họ nhàm chán pháp gì, ta cũng nhàm chán hơn họ.

3. Họ chịu đựng hành hạ thân như thế nào, ta cũng chịu đựng hành hạ thân hơn họ.

4. Họ tịch tĩnh, ta cũng tịch tĩnh hơn họ.

Xá-lợi Tử! Thế nào là ta tu hành hơn họ? Nghĩa là ngoại đạo kia thường giơ một tay lên trời, ta cũng làm giống như họ. Họ không nằm giường chiếu, hoặc họ ngồi xổm, hoặc ăn khí dơ, thức ăn dở, hoặc ở một chỗ nhất định, hoặc di chuyển tùy ý, hoặc cạo tóc để lại một chỏm, hoặc nằm trên gai gốc, hoặc nằm trên ván, hoặc ở trong nhà trống, hoặc ở một chỗ nhất định, hoặc một ngày tắm ba lần, cho đến những hạnh khổ hành hạ bức bách thân thể, trong mỗi cách ấy Ta cũng đã làm giống như họ. Đây gọi là ta tu hành hơn họ.

Thế nào là ta nhàm chán hơn họ? Này Xá-lợi Tử! Nghĩa là ngoại đạo kia lõa thân, không mặc quần áo, đưa tay nhận thức ăn, ta cũng làm như họ. Hoặc không nhận thức ăn nơi người mặt mày xấu xí, không nhận thức ăn nơi người có khuôn mặt buồn bực, không nhận thức ăn ở giữa hai cái cối, không nhận thức ăn ở giữa hai cái chày, không nhận thức ăn ở giữa hai cây gậy, không nhận thức ăn ở giữa hai bức tường, không nhận thức ăn nơi người đang mang thai, không nhận thức ăn nơi người cầm chất nổ, không đứng nơi chỗ hai người cùng chung một đồ đựng mà ăn. Hoặc có người đang ăn xin ngoài cổng không được đứng ăn nơi chỗ ấy. Hoặc có con chó đang ở ngoài cổng cũng không được đứng ăn nơi chỗ đó. Không được đứng ăn chỗ có trùng, ruồi bu quanh. Không được nhận thức ăn của người không nói, cũng không nhận thức ăn của người nói nhiều. Nếu người nói rồi bỏ đi cũng không nhận thức ăn đó, hoặc người nói là đến cũng không nhận thức ăn ấy. Không được ăn thức ăn do tranh cãi mà được. Hoặc chỉ nhận thức ăn một nhà, hoặc thức ăn hai, ba, đến bảy nhà. Hoặc một miếng, hoặc hai,

ba, đến bảy miếng. Hoặc một ngày ăn một bữa, hoặc hai, hoặc ba, hoặc lại bảy ngày, hoặc nửa tháng, đến một tháng mới ăn một bữa. Trong bữa ăn không ăn mì, không ăn cơm, không ăn đậu, không uống rượu chế tạo từ gạo, không ăn thịt, không ăn sữa, không ăn bơ và dầu, không ăn mật và mật chế tạo từ trái cây, không uống nước trái cây, không ăn những thức ăn rang nướng, chỉ uống nước vo gạo để sống, hoặc ăn lúa mạ, ăn gạo sống, ăn phân bò, hoặc ăn rễ, cành, lá, trái cây, hoặc thường đến trong đồng hoang hái nhặt hạt, trái, cành, lá, rễ cây để ăn. Người kia làm như vậy ta cũng làm như vậy. Đó gọi là ta nhàm chán hơn họ.

-oOo-

PHẬT THUYẾT
THÂN MAO HỶ THỤ KINH

QUYỂN HẠ

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Thế nào là ta cũng chịu khổ não hành hạ thân hơn họ? Nghĩa là ban đầu bụi đất dính trên thân ta rất ít, sau đó càng ngày càng nhiều. Ví như cành lá của cây Đỉnh-nột-ca đất bụi phủ càng ngày càng nhiều, dày lên, thân thể của ta cũng như vậy. Xá-lợi Tử! Mặc dù thân thể của ta bị bụi đất dính đầy nhưng không bao giờ Ta nghĩ: "Than ôi, vì sao thân thể của ta bị bụi đất dính đầy? Ai là người phủi sạch cho ta?" Đấy là ta cũng chịu khổ não hành hạ thân hơn họ.

Này Xá-lợi Tử! Thế nào là ta tịch tĩnh hơn họ? Nghĩa là ở chỗ đồng trống tịch tĩnh, đi, đứng, nằm, ngồi xa lìa mọi sự ồn ào huyên náo, không để ý đến những vật thọ dụng, ở một mình nơi vắng lặng. Xá-lợi Tử! Khi ấy ta cùng họ làm như vậy. Nếu có người chăn bò, người chăn nuôi gia súc, người hái cúi, người làm vườn, khi đi đường… Ta thấy những người này thì lánh vào chỗ sâu kín không cho họ thấy. Ví như nai hoang thấy các người chăn bò… trên liền ẩn núp vào chỗ kín đáo để tránh vì sợ họ thấy. Ta ở nơi đồng trống xa lìa sự ồn náo cũng lại như vậy. Đây là ta tịch tĩnh hơn họ.

Xá-lợi Tử! Tuy làm như vậy để cầu chút phần pháp tối thượng trong loài người hãy còn không được, huống chi là chứng đắc Tri kiến thù thắng của bậc Thánh. Vì sao? Vì đối với Thánh tuệ họ không thấu đạt, không giác ngộ. Nếu không thấu đạt và giác ngộ về Thánh tuệ thì làm sao giải thoát hết thảy các khổ?

Xá-lợi Tử! Nếu với Thánh tuệ mà thấu tỏ đúng như thật và giác ngộ tức là đóng cửa ba cõi, chấm dứt đường sinh tử, không còn tái sinh.

Này Xá-lợi Tử! Thế gian có hạng Bà-la-môn nói rằng: "Vào đêm mùng tám tháng mùa đông, khi gặp tuyết rơi thì lõa thân đứng một mình nơi đồng trống hoặc gần bờ sông, nằm sâu trong tuyết suốt đêm, làm như vậy là thanh tịnh." Xá-lợi Tử! Ta biết như vậy và cũng làm như họ. Vào tối mùng tám tháng mùa đông, khi gặp tuyết rơi, ta lõa thân đứng một mình nơi nơi đồng trống hoặc gần bờ sông, nằm sâu trong tuyết suốt đêm. Xá-lợi

Tử! Tuy làm như vậy, để cầu chút phần pháp tối thượng trong loài người hãy còn không có, huống chi là chứng đắc Tri kiến thù thắng của bậc Thánh. Vì sao? Vì đối với Thánh tuệ, họ không thấu đạt, không giác ngộ. Nếu không thấu đạt, không giác ngộ về Thánh tuệ, thì làm sao giải thoát vượt qua các khổ? Xá-lợi Tử! Nếu với Thánh tuệ mà thấu tỏ đúng như thật và giác ngộ, tức là đóng cửa ba cõi, chấm dứt đường sinh tử, không có tái sinh.

Này Xá-lợi Tử! Thế gian có hạng Bà-la-môn nói như vầy: "Vào đêm mùng tám tháng mùa đông, khi gặp tuyết rơi hãy lội xuống nước sâu quá cổ, đứng trong ấy suốt đêm, làm như vậy là thanh tịnh." Xá-lợi Tử! Ta biết việc ấy và cũng làm như họ. Vào đêm mùng tám tháng mùa đông, khi gặp tuyết rơi, ta lội xuống nước sâu quá cổ và ở trong ấy suốt đêm. Xá-lợi Tử! Dù làm như vậy để cầu chút phần pháp tối thượng trong loài người hãy còn không được, huống chi là chứng đắc Tri kiến thù thắng của bậc Thánh. Nói rộng cho đến… chấm dứt đường sinh tử, không còn tái sinh.

Này Xá-lợi Tử! Thế gian có hạng Bà-la-môn nói như vầy: "Vào tháng nóng nhất của mùa hè, lúc giữa trưa, lõa thân đứng một chân trong cát lún tới đầu gối, ngẩng đầu lên và di chuyển theo mặt trời, làm như vậy là thanh tịnh." Này Xá-lợi Tử! Ta biết như vậy và cũng làm như họ. Vào tháng nóng nhất của mùa hè, lúc giữa trưa, ta lõa thân đứng một chân trong cát lún tới đầu gối, ngẩng đầu lên và di chuyển theo mặt trời. Xá-lợi Tử! Biết việc này nên mọi người, kẻ nam, người nữ đều chạy nối đuôi nhau đến xem. Chúng bàn luận: "Nếu biết điều chế tâm thì được an lạc, không còn nhớ nghĩ đến sự nóng bức, không có tâm biếng trễ." Xá-lợi Tử! Tuy làm như vậy để cầu chút phần pháp tối thượng trong loài người hãy còn không được, huống chi là chứng đắc Tri kiến thù thắng của bậc Thánh. Nói rộng cho đến… chấm dứt đường sinh tử, không còn tái sinh.

Này Xá-lợi Tử! Thế gian có hạng Bà-la-môn nói như vầy: "Nhờ gian khổ kiếm thức ăn khó kiếm là thanh tịnh." Xá-lợi Tử! Lúc đó ta biết việc ấy và cũng làm giống như họ. Những thức ăn tìm khó được là gì? Nghĩa là ta thường đến nơi trâu bò tụ tập ở đồng trống để xin sữa bò. Đây là thức ăn khó tìm. Xá-lợi Tử! Dù làm như vậy để cầu chút phần pháp tối thượng trong loài người hãy còn chưa có, huống chi là chứng đắc Tri kiến thù thắng của bậc Thánh. Nói rộng cho đến… chấm dứt đường sinh tử, không còn tái sinh.

Này Xá-lợi Tử! Thế gian có hạng Bà-la-môn chỉ ăn lúa mì cho là thanh tịnh. Họ nói với nhau: "Chỉ ăn lúa mì mà tu hành thì được thanh tịnh." Họ lấy lúa mì nghiền nát vụn, hoặc vo lấy nước, hoặc dùng nhiều

cách để ăn mà nuôi mạng. Xá-lợi Tử! Ta biết việc ấy và cũng làm giống như họ. Ta lấy lúa mì làm thức ăn như thế nào? Nghĩa là ta chỉ ăn một hạt, không ăn thêm hạt thứ hai. Thời gian sau, do ăn lúa mì như vậy nên thân thể bị phù, dù vậy ta cũng không bao giờ khởi tâm ăn nhiều hơn lượng đó, ta chỉ ăn một hạt, không thêm hạt thứ hai. Xá-lợi Tử! Vì ta ăn một hạt lúa mì nên gầy ốm, trên dưới thân thể giống như chim Ca-la-ca và chim A-bà-đa. Còn chân thì rút khô nhỏ lại, không ai dám nhìn, giống như lạc đà, như dê không khác. Sau bã vai thì lồi lõm như đá chồng lên nhau, chỗ cao chỗ thấp không bằng. Lại giống như nhà lá ở nơi chỗ trống vắng vẻ, hai bên trống trải, then chốt rơi rớt, bên trong mở toát, có thể nhìn xuyên qua. Hai hông ta lồi từng đốt xương, bên trong lõm vào, có thể nhìn thấy rõ. Lại như tháng nắng có chỗ nước còn đọng lại, đến tối có người nhìn thấy trong nước có ánh sáng của các vì sao hiện ra lập lòe. Hai mắt ta sâu lõm thấy lờ mờ cũng như cái thấy ở trên vậy. Lại như trái mướp đắng khi còn non chưa già, bị người cắt đứt dây thì cành lá liền tàn héo rồi từ từ khô, cuối cùng thành khô ran. Thân thể của ta từ đầu đến chân cũng như vậy. Ban đầu tiều tụy, dần dần gầy yếu, cuối cùng thì gầy mòn, xương da dính sát với nhau. Xá-lợi Tử! Thân thể ban đầu của ta, ta cố gắng giữ gìn, vịn vào gai gốc như chống gậy, nhưng sức lực đã yếu lần không chịu nổi, cứ muốn đứng dậy thì lại ngồi xuống, thân thể rã rời, đầu cổ gục thấp, cổ họng yếu ớt, nói không ra hơi giống như dê câm. Mặc dù như vậy, ta vẫn duy trì, bên trong thâu giữ tâm, bên ngoài ráng giữ thân thể khéo điều hòa hơi thở. Muốn cử động thân thì lại bị bụi đất dơ nhớp dính đầy. Vì bụi đất dính đầy nên không thấy lông trên thân nữa. Xá-lợi Tử! Lúc đó, mọi người nam, nữ ở trong xóm làng, thành ấp kéo nhau chạy đến xem. Họ nói: "Khổ thay! Đau đớn thay! Thân thể của Sa-môn Cù-đàm bị tiêu mòn, lại thêm nám đen, xưa kia dung mạo đẹp đẽ rực rỡ, nay biến mất đi đâu? Do tu luyện khổ cực, hành hạ thân thể nên thân tướng ra như vậy." Xá-lợi Tử! Mặc dù làm như thế để cầu chút phần pháp tối thượng của loài người hãy còn không được, huống chi là chứng đắc Tri kiến thù thắng của bậc Thánh. Nói rộng cho đến… chấm dứt đường sinh tử, không còn tái sinh.

Này Xá-lợi Tử! Thế gian có hạng Bà-la-môn chỉ ăn gạo cho là thanh tịnh. Họ nói: "Chỉ ăn gạo mà tu hành thì được thanh tịnh." Họ lấy gạo nghiền nát, hoặc vo lấy nước, hoặc dùng đủ cách để ăn. Xá-lợi Tử! Ta biết việc đó và cũng làm như họ. Ta lấy gạo làm thức ăn như thế nào? Ta chỉ ăn một hạt, không ăn thêm hạt thứ hai. Thời gian sau do ăn gạo mà bị phù, nhưng không bao giờ ta khởi tâm lấy gạo thêm để ăn, ta chỉ ăn một hạt thôi. Xá-lợi Tử! Ta đã tu khổ hạnh như vậy. Bấy giờ có một người đến nói:

"Ngày xưa dung mạo đẹp đẽ rực rỡ, nay biến đi đâu? Do tu luyện khổ hạnh mà thân tướng phải đến nông nỗi này." Xá-lợi Tử! Tuy tu hành như vậy để cầu chút phần pháp tối thượng của loài người hãy còn không được, huống chi là chứng đắc Tri kiến thù thắng của bậc Thánh. Nói rộng cho đến… chấm dứt đường sinh tử, không còn tái sinh.

Này Xá-lợi Tử! Thế gian có hạng Bà-la-môn chỉ ăn mè cho là thanh tịnh. Họ nói rằng: "Nếu ăn mè mà tu hành thì được thanh tịnh." Họ lấy mè rồi nghiền nát vụn, hoặc vò lấy nước, hoặc dùng đủ cách để ăn. Xá-lợi Tử! Ta biết việc ấy và cũng làm giống như họ. Ta lấy mè làm thức ăn như thế nào? Xá-lợi Tử! Ta chỉ ăn một hạt mè mà không thêm hạt thứ hai. Thời gian sau, do ăn mè nên thân thể Ta bị phù, dù vậy nhưng không bao giờ ta nghĩ đến để lấy ăn thêm. Ta chỉ ăn một hạt, không thêm hạt thứ hai. Ta đã tu khổ hạnh như vậy. Bấy giờ có người dân đến nói: "Ngày xưa dung mạo đẹp đẽ rực rỡ, nay ẩn mất đi đâu? Do tu luyện khổ hạnh nên đến nông nỗi này." Xá-lợi Tử! Tuy làm như vậy để cầu chút phần pháp tối thượng của loài người hãy còn không được, huống chi là chứng đắc Tri kiến thù thắng của bậc Thánh. Nói rộng cho đến… chấm dứt đường sinh tử, không còn tái sinh.

Này Xá-lợi Tử! Thế gian có hạng Bà-la-môn không ăn thứ gì cả cho là thanh tịnh. Họ nói với nhau: "Nếu không ăn bất cứ những vật gì, tu hành như vậy thì được thanh tịnh." Xá-lợi Tử! Ta biết việc ấy và cũng làm giống như họ. Ta không ăn một thứ gì cả. Do không ăn nên thân thể Ta gầy ốm. Như vậy nói rộng cho đến tu hành khổ hạnh… mọi người nói: "Khổ thay! Đau đớn thay! Sa-môn Cù-đàm thân thể gầy ốm, giống như chim Mãng ngu. Lúc trước dung mạo đẹp đẽ rực rỡ, nay biến đi đâu? Do tu luyện khổ hạnh nên mới ra nông nỗi như vầy." Xá-lợi Tử! Lúc ấy, ta thầm nghĩ: "Các Sa-môn, Bà-la-môn trên thế gian đã trải qua sự cực khổ, lại còn hủy hoại hành hạ thân thể là để cầu thanh tịnh. Trong số những người đó ta cũng đã làm giống như vậy, khiến cho thân nát tan như bụi, nhưng đều không có lợi ích. Cho đến các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời quá khứ, vị lai và hiện tại này đều trải qua sự cực khổ, lại còn hủy hoại, hành hạ thân thể. Tất cả việc làm này là vì cầu thanh tịnh, trong đó ta cũng đã làm như vậy, khiến cho thân nát tan như bụi, nhưng cuối cùng không có lợi ích tối thắng. Bây giờ ta không tu hành khổ hạnh như thế nữa. Vì hành hạ thân thể để cầu chút phần pháp tối thượng trong cõi người hãy còn không được, huống chi là chứng đắc Tri kiến thù thắng của bậc Thánh. Cho nên biết rằng đạo này không phải là đạo Chánh giác vì thế ta không tu tập nữa.

Xá-lợi Tử! Lúc đó ta nghĩ: "Khi mới ra khỏi nhà lần đầu tiên, ta đến dưới cây Diêm-phù trong khu vườn rừng của dòng họ Thích ngồi một cách thư thái. Do bóng mặt trời không di chuyển nên bóng cây che rất mát. Khi đó ta lìa các pháp dục nhiễm bất thiện có tầm có tứ lìa sinh hỷ lạc và đã chứng được Thiền thứ nhất. Ta đã thấu tỏ đúng như thật đây là chánh đạo. Ta đã đi khắp mọi nơi và đã học qua các đạo, ta đã nhận ra sự chân thật rằng: "Ngoài chánh đạo trên, không còn đạo chân thật nào khác nữa. Nay ta vì sao lại dựa vào pháp tuyệt thực làm cho thân thể gầy ốm lại thêm mỏi mệt, tự hủy hoại thân thể thì làm sao giữ đạo? Những gì đáng ăn ta nay nên ăn." Ta nghĩ như vậy thì có một ngoại đạo phụng thờ Tiên thánh khổ hạnh, biết ý ta, ông nói: "Thánh giả Cù-đàm, ông đừng thoái lui nơi lối tu khổ hạnh đó. Trong lỗ chân lông của tôi sẽ phát ra ánh sáng để giúp ông, làm cho thân thể ông đầy đặn trở lại." Này Xá-lợi Tử! Lúc này ta lại suy nghĩ: Nếu không ăn thứ gì thì mọi người trong xóm làng đều nghe biết Sa-môn Cù-đàm tu hành khổ hạnh, không ăn gì cả, nên thân thể gầy ốm. Bấy giờ họ sẽ nói là nhờ có Tiên nhân khổ hạnh phát ra ánh sáng để giúp đỡ nên mập trở lại. Những người ấy nói như thế lẽ nào chẳng phải do ta mà nói dối hay sao? Cho nên ta sợ họ vọng ngữ, chê bai, nên từ chối không nhận lời của Tiên thánh. Xá-lợi Tử! Nghĩ như vậy rồi ta liền từ từ uống nước đậu xanh, nước đậu vàng, nước đậu đỏ để sống. Sau đó, sức lực của ta dần dần bình phục trở lại. Khi sức lực được bình phục, đầu tiên ta đến sông Rồng, rồi đến sông Ni-liên, từ từ xuống tắm rửa cho sạch sẽ mát mẻ. Sau đó ta lần vào một ngôi làng, có người con gái tên Thiện Sinh dâng sữa cho ta, ăn sữa xong ta liền đến chỗ của Tiên nhân Phược-tất-ca để tìm cỏ kiết tường, rồi ta lần đến cây Bồ-đề và đi nhiễu ba vòng. Ở bên gốc cây ta trải cỏ cát tường xung quanh cả trong lẫn ngoài để làm chỗ ngồi. Xá-lợi Tử! Bấy giờ ta ngồi kiết già, giữ thân ngay thẳng, giữ chánh niệm, lìa các pháp dục nhiễm bất thiện có tầm có tứ, lìa dục, sinh hỷ lạc, chứng Thiền thứ nhất. Kế đến, ta dứt tầm tứ, nội tâm thanh tịnh, tâm cảnh nhất như, không còn tầm tứ, định sinh hỷ lạc, ta chứng Thiền thứ hai. Tiếp theo ta lìa hỷ tham mà trụ vào xả niệm, chánh tri đúng như thật thân thọ diệu lạc như bậc Thánh đã quán hạnh xả niệm, lìa hỷ diệu lạc, ta chứng Thiền thứ ba. Tiếp theo, đối với khổ lạc ta đều đoạn trừ như trước, ý khởi lên vui hay buồn đều dập tắt ngay, không còn khổ lạc, xả niệm được thanh tịnh ta chứng Thiền thứ tư.

Xá-lợi Tử! Khi ấy Ta tuần tự trụ tâm vào chánh định, hoàn toàn thanh tịnh, lìa tùy phiền não với nghiệp hòa dịu an trú bất động. Vào đầu đêm Ta chứng đắc đích thực về Thiên nhãn trí minh tâm hoàn toàn thông suốt.

Xá-lợi Tử! Ta chứng đắc Thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người, quán

xét thấy tất cả hữu tình trong thế gian sinh diệt, đẹp xấu, sang hèn đều tùy theo nghiệp mà chịu. Tất cả nghiệp của họ ta đều thấu tỏ đúng như thật hết thảy. Nếu các hữu tình với thân, khẩu, ý tạo nghiệp bất thiện, hủy báng Thánh hiền mà sinh tà kiến, vì họ chất chứa nghiệp tà kiến, nên sau khi qua đời bị đọa vào đường ác nơi địa ngục. Còn các hữu tình nào với thân, khẩu, ý tạo các nghiệp thiện, không hủy báng Thánh hiền có chánh kiến, do họ chất chứa chánh kiến nên sau khi qua đời sinh vào đường lành nơi cõi trời. Những việc như vậy Ta đã dùng Thiên nhãn thanh tịnh thấy biết tất cả.

Này Xá-lợi Tử! Tiếp đến ta trụ tâm trong chánh định, hoàn toàn thanh tịnh, lìa tùy phiền não với nghiệp nhu hòa, an trú bất động. Vào nửa đêm, ta chứng đắc đích thật về Túc mạng trí minh, tâm hoàn toàn thông suốt. Xá-lợi Tử! Ta chứng đắc được trí túc mạng nên có thể biết tất cả việc trong đời quá khứ, nghĩa là một, hai, ba, bốn, năm đời. Hoặc mười, hai mươi đời, cho đến một trăm, một ngàn đời, trăm ngàn đời, vô số trăm ngàn đời. Trong vô số đời như vậy, đối với tất cả việc của kiếp thành, hoại; thành hoại, xưa như vậy, tên như vậy, họ như vậy, dòng họ như vậy, hình dáng như vậy, ăn uống như vậy, sống ít như vậy, sống lâu như vậy, các việc vui khổ, diệt đây sinh kia, chết kia sinh đây, vô số những việc như thế, ta dùng năng lực của trí túc mạng mà nhớ nghĩ đúng như thật.

Này Xá-lợi Tử! Thứ đến, ta trụ tâm vào chánh định, hoàn toàn thanh tịnh, lìa các tùy phiền não với nghiệp nhu hòa an trú bất động. Vào cuối đêm, ta chứng đắc đích thật về Lậu tận trí minh, tâm hoàn toàn thông suốt. Kế đến, khi sao mai vừa mọc, ta an lành, hoan hỷ, là Rồng lớn trong cõi người, là Sư tử trong cõi người, là Đại tiên trong cõi người, là bậc Dũng mãnh trong cõi người, là hoa sen nhiều màu trong cõi người, là hoa sen trắng trong cõi người, là bậc Vô thượng khéo điều ngự trong cõi người, là Điều ngự sĩ trong cõi người, với tất cả những điều biết cần biết, điều đắc cần đắc, điều giác ngộ cần giác ngộ, điều chứng cần chứng. Tất cả như vậy chỉ trong một sát-na mà tâm thấu suốt hết thảy. Với trí như thật ấy nên ta thành tựu đạo quả chánh giác.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Ta biết thế gian có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vầy: Nếu người còn trẻ thì dung mạo đẹp đẽ, tóc đen nhánh, chí khí cường mạnh, tâm lực song toàn, tuổi hai mươi, hoặc hơn hai mươi, với chánh tuệ, người ấy có thể tùy chuyển hành. Xá-lợi Tử! Nay ta đã già, tuổi tám mươi, gần đến thời kỳ lìa đời. Giống như chiếc xe cũ kỹ buộc đủ thứ dây bắt nó cố gắng vận chuyển, ta cũng như vậy. Này Xá-lợi Tử! Ông hãy đi nước này đến nước khác, xóm này qua xóm nọ, quan sát các đệ tử Thanh

văn, đối với thân Như Lai cùng diệu lực thần thông, thắng tuệ, biện tài, năm điều này thảy đều giảm sút chăng? Xá-lợi Tử! Ví như có người đầu đội chậu lửa đi từ nước này sang nước khác, từ làng này qua làng nọ, đi khắp như vậy chưa đủ gọi là khó. Nếu làm sao để thắng tuệ, biện tài không giảm thì đó mới là khó.

Xá-lợi Tử! Hoặc có người tuy gặp Đại sư Như Lai ra đời, đối với các pháp khổ, vui, không khổ, không vui, đều dùng tâm thanh tịnh thuyết giảng với chánh ngữ, nhưng người nghe lại cho là pháp hư vọng.

Xá-lợi Tử! Không nên đem chánh ngữ của Phật làm pháp hư dối. Vì sao? Vì Đại sư Như Lai xuất hiện trong thế gian đối với pháp khổ, vui, không khổ, không vui, đều dùng tâm thanh tịnh thuyết giảng với chánh ngữ, không phải là pháp hư vọng.

Xá-lợi Tử! Như trong Hiền kiếp có bốn Đức Phật xuất hiện nơi thế gian, đệ tử Thanh văn của bốn vị Phật ấy tuần tự nối tiếp đến nay tuổi thọ còn một trăm năm, thảy đều đầy đủ về niệm, hạnh, tuệ, thọ mạng. Ví như lực sĩ cầm cung nhắm thẳng mà bắn thì đều trúng đích.

Xá-lợi Tử! Đệ tử Thanh văn của ba Đức Phật trước cũng lại như vậy, đều đầy đủ niệm, hạnh, tuệ, thọ mạng. Hằng ngày các vị ấy đều có thể gần gũi thưa hỏi các vị về nghĩa lý của các pháp.

Xá-lợi Tử! Nay trong pháp của ta, đệ tử Thanh văn một khi thưa hỏi điều gì thì không ghi nhớ, lại nếu hết lòng nghe ta giảng nói, thì trong pháp ấy cũng không thể hiểu rõ về câu chương nghĩa lý, huống chi là các đệ tử trong thời mạt pháp cứ tham đắm vào những mùi vị ngon ngọt, ham ngủ nghỉ, phóng túng, các việc lớn nhỏ thuận hợp, các việc cần làm đều phế bỏ.

Xá-lợi Tử! Đệ tử Thanh văn của ba Đức Phật trước thọ mạng lâu dài, nhưng nay thì chỉ còn một trăm tuổi, rất là mau chóng. Xá-lợi Tử! Khi chỉ còn sống trăm tuổi thì thắng tuệ, biện tài đều bị giảm sút. Xá-lợi Tử! Khi ấy đệ tử lấy chánh ngữ của Đại sư Như Lai ra đời giảng nói cho là pháp hư vọng. Xá-lợi Tử! họ không nên làm như vậy. Vì sao? Vì Đại sư Như Lai xuất hiện nơi đời, đối với các pháp khổ, vui, không khổ, không vui đều dùng chánh ngữ với tâm thanh tịnh nói ra, nên đó không phải là pháp hư vọng.

Bấy giờ, trong chúng hội có Tôn giả tên Long Hộ đứng cách Phật không xa, cầm quạt lông công hầu bên Phật, ông ta bèn đặt quạt xuống, đến trước Đức Phật, chắp tay đảnh lễ bạch Phật:

–Nay con được nghe chánh pháp này, rất là vui mừng đến nỗi lông trên thân đều dựng đứng. Bạch Thế Tôn! Kinh này đặt tên là gì? Chúng con

phụng trì như thế nào?

Đức Phật bảo Tôn giả Long Hộ:

–Nay chánh pháp này đặt tên là Thân Mao Hỷ Thụ, tên kinh như vậy các ông nên hết lòng thọ trì.

Đức Phật giảng nói kinh ấy rồi, các chúng Tỳ-kheo trong rừng Tối thắng, thuộc đại thành Tối thắng, nước Tỳ-xá-ly đều rất hoan hỷ, tin thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 758

PHẬT THUYẾT CHƯ HÀNH HỮU VI KINH

Hán dịch: Đời Tống, Sa-môn Pháp Thiên,
ở chùa Na-lan-dà, nước Ma-già-đà,
thuộc Trung Ấn Độ.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Bí-sô:

–Này các Bí-sô! Tất cả các hành biến đổi như huyễn, không thật, không lâu dài, không có tướng nhất định, là pháp điên đảo. Này các Bí-sô! Cho đến tất cả hành diệt sạch cấu bẩn, không còn uế nhiễm, lìa mọi uế nhiễm; tất cả chúng sinh, cho đến loài côn trùng cựa quậy và loài hóa sinh, khi đến hết tuổi thọ nhất định phải bị chết. Nếu chúng không sinh thì không diệt. Dù là Trưởng giả, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, giàu sang tột bực, quyền quý trong tay của cải vàng bạc châu báu rất nhiều và thọ hưởng không thiếu thứ gì, dù có đầy đủ cha mẹ quyến thuộc, thân nhân bạn bè, quan dân tôi tớ, nhưng đến khi hết tuổi thọ thì phải chết. Như Sát-đế-lợi được nhập quán đảnh làm vua trong một nước lớn, có quyền lực lớn, thế lực lớn, với vô số dân chúng cùng đất đai rộng lớn, dù vua có chiến thắng tất cả nhưng đến khi tuổi thọ hết thì cũng phải chết. Các vị tu hành trong rừng Tiên nhân, không tham nơi mùi vị, chỉ ăn trái cây, hoặc lìa bỏ trái cây, tu khổ hạnh nhưng đến lúc tuổi thọ hết cũng phải chết. Còn những vị tu mười thiện, được sinh lên các cõi trời Tứ Đại vương, Đao-lợi, Dạ-ma, Đỗ-sử-đa, Lạc biến hóa, Tha hóa tự tại.

Lại nữa, các vị tu hành thiền định chứng đắc các cõi trời Phạn thân, Phạm phụ, Đại phạm, Thiểu quang, Vô lượng quang, Cực quang tịnh, Thiểu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, Vô vân, Phước sinh, Quảng quả, Vô tưởng hữu tình. Lại, các vị chứng A-na-hàm, được sinh nơi các cõi trời Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiện, Sắc cứu cánh. Các vị nhàm chán sắc thân, tu Tam-muội vô biên hư không được sinh nơi Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Chư Thiên

ấy, tuy rất thù thắng chẳng phải là bất sinh nhưng cũng phải bị chết. Các vị ấy đã dứt sạch các lậu nơi ba cõi, làm xong những việc cần làm, xa lìa gánh nặng đạt được lợi mình, tận trừ các kết sử, chứng A-la-hán, mặc dù được thân như vậy nhưng cũng xả bỏ. Lại những vị gặp kiếp đao binh, tự tu một mình, ở nơi vắng vẻ, giác ngộ các nhân duyên, chứng được thừa bậc trung, gọi là Bích-chi-phật. Mặc dù được thân ấy cũng sẽ từ bỏ. Cho đến Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác với mười Lực rộng lớn, bốn Trí tròn sáng, thuyết pháp không sợ hãi, như sư tử gầm, đã trải qua vô số kiếp chịu gian khổ, chứng thân Na-la-diên nhưng cũng phải từ bỏ.

Này các Bí-sô! Giống như thợ gốm làm các loại chén, bát, bồn, chậu, mặc dù được thành đồ vật nhưng chắc chắn đến thời kỳ phải bể. Lại giống như quả chín thì tự rụng. Pháp sinh diệt cũng lại như vậy.

Này các Bí-sô! Tất cả hữu tình cho đến loài hóa sinh, hết thảy loài hàm thức đến lúc tuổi thọ hết đều bị chết. Nếu không có sinh thì không có chết.

Bấy giờ, Đức Phật nói kệ:

Như Lai trời trong trời
Nói pháp vô thường ấy
Như chén bát không bền
Cuối cùng bị bể hư.
Như quả chín tự rụng
Mạng hữu tình cũng vậy
Bí-sô nay nên biết
Phải lo sợ sinh diệt.

Đức Phật giảng nói kinh này xong, chúng Tỳ-kheo nhất tâm tín thọ, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 759

PHẬT THUYẾT GIẢO LƯỢNG THỌ MẠNG KINH

Hán dịch: Đời Tống,
Sa-môn Thiên Tức Tai.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Bí-sô:

–Tuổi thọ của chúng sinh dài ngắn khác nhau, các ông hãy lắng nghe cho kỹ.

Các Bí-sô thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con muốn được nghe.

Bấy giờ, Đức Phật vì các Bí-sô so sánh về tuổi thọ của chúng sinh.

Các Bí-sô nghe rồi hoan hỷ vui mừng, thưa Đức Thế Tôn lần nữa:

–Cúi xin Thế Tôn hãy diễn nói rộng cho chúng con được rõ.

Đức Thế Tôn bảo các Bí-sô:

–Lành thay! Lành thay! Các ông nên nghe cho kỹ. Bây giờ ta nói đây:

Tuổi thọ trong địa ngục Vô gián hơn một trung kiếp. Bảy địa ngục trên tuổi thọ dài ngắn không giống nhau. Các Bí-sô nên biết! Đây là so sánh về tuổi thọ trong địa ngục. Khi hết số kiếp ấy rồi, sau đó mới chết. Các ông nên biết! Ba mươi ngày đêm trong cõi người là một ngày đêm trong cõi ngạ quỷ. Lấy ba mươi ngày đêm thành một tháng, lấy mười hai tháng thành một năm. Lấy số năm dài lâu tính thành năm trăm thì tuổi thọ ở ngạ quỷ mới hết. Nếu tính theo bốn đại châu, thì Bắc châu sống một ngàn tuổi, hai châu Đông và Tây theo thứ tự giảm đi một nửa. Nam châu không nhất định. Kiếp sơ tuổi thọ vô biên nhưng đến cuối cùng thì chỉ còn mười tuổi, khoảng giữa thì không nhất định.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhằm lập lại nghĩa trên nên nói kệ:

Địa ngục luôn khổ não
Nghiệp báo khó môi cổ

Lông thân đều dựng đứng
Bụng to lớn như núi.
Tóc tai phủ cả thân
Miệng nhỏ như lỗ kim
Mặt mày đều rách nát
Ốm gầy lồi hình hài.
Tóc đỏ che cả thân
Các đốt xương lồi ra
Xấu xí đầu khô héo
Thường kêu khóc chạy mãi.
Chúng bị khổ đói khát
Bị hành hạ khốn cùng
Khóc lóc, chạy kêu than
Tự làm thì tự chịu.
Sống tham sân, thuận nghịch
Tự tạo nhân nghiệp ác
Khi tội chướng này chín
Bị đọa trong ngạ quỷ.
Người ở châu Đông thắng
Hai trăm năm mươi tuổi
Châu Tây Câu-đà-ni
Tuổi thọ hai trăm năm.
Sinh Bắc Câu-lô châu
Tuổi thọ đúng ngàn năm
Châu Nam tuổi bất định
Đầu: vô số, cuối: mười.

Các Bí-sô bạch Đức Phật:

–Bắc Câu-lô châu tuổi thọ một ngàn năm, sau đấy thì qua đời chăng?

Đức Thế Tôn bảo:

–Các ông nên biết! Người Bắc Câu-lô châu không có ngã chấp, không có phân biệt. Nhờ hành mười thiện nên sống đúng một ngàn tuổi. Ở đây, qua đời thì sinh lên cõi trời. Bắc Câu-lô châu tuy sống một ngàn tuổi nhưng sau cũng phải qua đời.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Hữu tình khổ, bần cùng
Thích trộm tài sản người
Không tu tập điều lành

Ti tiện bị người sai.
Giàu sang nhiều của cải
Cuộc sống được đầy đủ
Vàng ngọc và tôi tớ
Người này làm việc thiện.
Tu nhân nghiệp mười thiện
Được quả giàu có lớn
Hiện đời sống Bắc châu
Thọ lạc, rồi sinh trời.
Người Bắc Câu-lô châu
Là vui nhất thế gian
Nhờ quá khứ bố thí
Quả cây kiếp, áo đẹp.
Không bị khổ lạnh, nóng
Cũng không có bệnh tật
Tướng mạo luôn đẹp đẽ
Nhờ quá khứ bố thí.
Phước nhiều, khó phá hoại
Lúa gạo tự nhiên sinh
Trong sạch, đẹp sáng sủa
Nhờ quá khứ bố thí.
Sống Bắc Câu-lô châu
Ngọc ma-ni chiếu sáng
Ăn uống đều tùy ý
Nhờ quá khứ bố thí.
Châu ấy rất an lạc
Có nhiều cây thuốc tốt
Sắc hương vị đầy đủ
Nhờ quá khứ bố thí.
Châu ấy không ăn rau
Luôn ăn lúa gạo thơm
Ăn không bao giờ hết
Nhờ quá khứ bố thí.
Cây trái A-lam-mai
Ăn không cần đứng dậy
Cành xòe quả chín đến
Nhờ quá khứ bố thí.
Có nước tám công đức

Uống vào hết bệnh não
An lạc không nguy hại
Nhờ quá khứ bố thí.
Vui chơi trong vườn cây
Thường nghe tiếng êm dịu
Vui thích vô cùng tận
Nhờ quá khứ bố thí.
Ai cũng thích cây Kiếp (Kiếp-ba)
Hương bột rơi nhè nhẹ
Theo gió thơm vô cùng
Nhờ quá khứ bố thí.
Âm nhạc, hoa hương đẹp
Y phục đồ trang sức
Nhớ nghĩ liền có ngay
Nhờ quá khứ bố thí.
Cỏ thơm và núi rừng
Mềm mại mọc đầy tràn
Luôn ưa thích dạo chơi
Nhờ quá khứ bố thí.
Luôn cùng nhau vui chơi
Không bao giờ nổi sân
Không ngã lại không tham
Nhờ quá khứ bố thí.
Khi trời bắt đầu tối
Mưa rơi nhỏ nhè nhẹ
Phủi sạch những bụi đất
Nhờ quá khứ bố thí.
Con lớn, mẹ không biết
Khi qua đời không buồn
Dứt hẳn tâm luyến ái
Nhờ quá khứ bố thí.
Mẹ hiền sinh con thơ
Để bên đường rồi đi
Có sữa uống tự nhiên
Nhờ quá khứ bố thí.
Khi qua đời đều bỏ
Không một chút buồn thương
Cầm thú đem đi chôn

Nhờ quá khứ bố thí.
Trang sức khắp cả thân
Ca nhạc để vui chơi
Thích ý lại hoan lạc
Nhờ quá khứ bố thí.
Thọ mạng người châu ấy
Tất cả đúng ngàn tuổi
Không ai bị chết yểu
Nhờ quá khứ bố thí.
Thọ hưởng phước tối thắng
Bình đẳng không giống nhau
Qua đời, sinh lên trời
Nhờ quá khứ bố thí.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Bí-sô:

–Tuổi thọ của người nơi cõi Diêm-phù-đề không nhất định. Ban đầu từ mười tuổi, cho đến trăm ngàn vạn tuổi, thọ mạng vô lượng. Các ông nên biết! Người cõi Diêm-phù-đề hiện nay tuy sống một trăm tuổi, nhưng bị chết yểu không nhất định. Các ông nên biết! Người cõi Diêm-phù-đề sống lâu một trăm năm, khổ nhiều vui ít. Lại nữa, châu ấy tuy thọ mạng một trăm năm nhưng có mười bậc:

1. Phược-lỗ: Nằm ngủ không biết.
2. Câu-ma-lỗ: Làm vui giải sầu.
3. Dữ-phược: Tham đắm vào cảnh dục.
4. Mạt-la-uất: Siêng năng tu sửa nghiệp của mình.
5. Bát-la-chỉ-nhưỡng: Trí tuệ, biện tài thù thắng.
6. Tất-mật-lật-đế: Ghi nhớ, hiểu rõ.
7. Tất-thể-đổ: Việc làm chân chánh.
8. Vĩ-lỗ: Làm vua có lòng thương xót.
9. Một-lật-thố: Sức khô, lực yếu.
10. Nghiệt-đa-du: Sống khoảng một trăm tuổi thì chết.

Này các Bí-sô! Chưa trọn một trăm năm thì có ba giai đoạn là lạnh, nóng và mưa, cũng gọi là ba mùa. Dù chưa tới một trăm năm, trong mười hai tháng của ba giai đoạn ấy có bốn tháng mùa lạnh, bốn tháng mùa nóng, bốn tháng mùa mưa. Lại nữa, chưa tới một trăm năm, trong mười hai tháng có hai mươi bốn lần nửa tháng. Trong một trăm năm cuối, có tám tháng mùa lạnh, tám tháng mùa nóng và tám tháng mùa mưa. Lại nữa, trong một

trăm năm, trong mười hai tháng có ba mươi sáu ngày đêm, trong tháng có mười hai lần lạnh, mười hai lần nóng, mười hai lần mưa. Thứ đến, trong một ngàn năm, nơi mười hai tháng, mỗi tháng có ba mươi sáu ngày đêm, trong tháng có bảy mươi hai lần ăn. Trong thời gian đó có lúc ăn uống, có lúc không ăn uống, đó là lúc sân giận, lúc khổ não, lúc đi đường, lúc cúng tế, lúc làm việc gấp, lúc ngủ nghỉ, lúc say rượu và bất tỉnh. Có khi được thức ăn mà không ăn, cũng như có khi không được thức ăn cũng không ăn. Như vậy ăn và không ăn, thì trong các lần ăn đó, nói tóm lược là được ăn, nên mới có bảy mươi hai lần ăn.

Này các Bí-sô! Cõi Diêm-phù-đề này như trên đã nói, ăn từ sữa mẹ, một tháng, nửa tháng, ngày đêm và một năm, có lúc ăn uống và lúc không ăn uống, căn cứ theo khoảng giữa mà nói.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Bí-sô:

–Ta nói trong cõi người sống năm mươi năm là một ngày đêm của cõi trời Tứ Đại vương, do một ngày đêm nơi cõi trời ấy thành một tháng nơi cõi này, mười hai tháng thành một năm. Lấy thọ mạng lâu xa là năm trăm năm, tính theo tuổi thọ ngày đêm trong nhân gian là chín mươi lạc-xoa, sau cùng thì qua đời. Tính theo thọ mạng ở cõi trời Tứ Đại vương là năm trăm năm, tức là một ngày đêm ở địa ngục Đẳng hoạt. Lấy ba mươi ngày đêm thành một tháng, mười hai tháng là một năm, lấy số năm lâu xa năm trăm làm tuổi thọ của hữu tình trong đại địa ngục Đẳng hoạt. Lấy năm trăm năm thành năm trăm bốn mươi lạc-xoa ở cõi trời Tứ Đại vương, tức là tính theo nhân gian là một vạn sáu ngàn hai trăm câu-chi năm, thì tuổi thọ trong đại địa ngục Đẳng hoạt mới hết.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Thân nghiệp có ba ác
Khẩu nghiệp có bốn ác
Ý nghiệp có ba ác
Tội hết, khổ mới hết.
Trong địa ngục Đẳng hoạt
Đồng nghiệp ác vào đó
Vạn sáu ngàn hai trăm
Câu-chi luôn chịu khổ.
Sinh trong địa ngục đó
Thù oán luôn giết nhau
Chết rồi sống trở lại
Nghiệp hết mới thoát khổ.

Bấy giờ, Đức Phật nói:

–Một trăm năm ở nhân gian là một ngày đêm ở cõi trời Đao-lợi, lấy ba mươi ngày đêm thành một tháng, mười hai tháng thành một năm. Trong cõi trời Đao-lợi ấy sống một ngàn tuổi. Một ngàn tuổi trong cõi trời đó tính trong nhân gian là một trăm mười tám câu-chi năm, sau đó thì qua đời.

Đức Phật lại nói:

–Cõi trời đó sống một ngàn tuổi là một ngày đêm trong đại địa ngục Hắc thằng. Lấy ba mươi ngày đêm thành một tháng, mười hai tháng thành một năm. Trong địa ngục đó sống một trăm tuổi, lấy một ngàn năm của địa ngục, tính theo nhân gian là ba vạn hai ngàn bốn trăm câu-chi năm, ở trong đại địa ngục Hắc thằng tuổi thọ hết sau đó thì qua đời.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Oán ghét thầy, cha, mẹ
Hủy báng Phật, Thanh văn
Phá hoại người hòa thuận
Bị đại khổ Hắc thằng.
Tự mình tạo nghiệp ác
Phải chịu khổ địa ngục
Không thể nào tránh khỏi
Nghiệp hết, mới thoát được.

Đức Phật nói:

–Hai trăm năm trong nhân gian là một ngày đêm ở cõi trời Dạ-ma. Lấy ba mươi ngày đêm thành một tháng, mười hai tháng thành một năm, tuổi thọ của cõi trời Dạ-ma là hai ngàn tuổi, tính so với nhân gian là ba mươi sáu câu-chi năm. Ở cõi trời ấy hết tuổi thọ rồi qua đời. Lại cõi trời đó sống hai ngàn tuổi là một ngày đêm trong đại địa ngục Chúng hợp, lấy ba mươi ngày đêm thành một tháng, mười hai tháng thành một năm. Trong đại địa ngục Chúng hợp sống hai ngàn tuổi, tính so với nhân gian là ba vạn hai ngàn bốn trăm câu-chi năm, ở trong địa ngục ấy tuổi thọ hết rồi qua đời.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ba loại nghiệp bất thiện
Sinh địa ngục Chúng hợp
Không tu ba nghiệp thiện
Bò, dê, nai tàn hại.
Heo, chó cùng phi nhân
Chúng hợp giết lẫn nhau
Nhân khổ sinh đường khổ

Nghiệp hết mới được thoát.

Đức Thế Tôn nói:

–Bốn trăm năm trong nhân gian là một ngày đêm trong nơi cõi trời Đổ sử đa, lấy ba mươi ngày đêm thành một tháng và mười hai tháng là một năm. Cõi trời Đổ sử đa đó sống bốn ngàn tuổi, tính so với nhân gian là bảy mươi hai câu-chi năm. Ở cõi đó tuổi thọ hết rồi thì qua đời. Cõi trời ấy sống bốn ngàn năm là một ngày đêm trong đại địa ngục Khiếu hoán, lấy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm. Trong đại địa ngục Khiếu hoán sống bốn ngàn năm là bốn ngàn ba trăm hai mươi câu-chi năm ở cõi trời Đổ sử đa, sẽ là một triệu hai mươi vạn chín ngàn sáu trăm câu-chi năm trong nhân gian. Trong đại địa ngục Khiếu hoán hết tuổi thọ rồi qua đời.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Tạo sát sinh rất ác
Chịu tội ngục Khiếu hoán
Tạo ác dối gạt người
Nghiệp hết mới được thoát.

Đức Phật nói:

–Tám trăm năm trong nhân gian là một ngày đêm ở cõi trời Lạc biến hóa, lấy ba mươi ngày đêm thành một tháng, mười hai tháng thành một năm. Cõi trời Lạc biến hóa sống tám ngàn tuổi là một trăm bốn mươi câu-chi năm trong nhân gian, cõi đó hết tuổi thọ rồi qua đời. Cõi trời ấy sống tám ngàn tuổi, tính so với đại địa ngục Đại khiếu hoán là một ngày đêm, lấy ba mươi ngày đêm thành một tháng, mười hai tháng thành một năm. Trong đại địa ngục Đại khiếu hoán ấy sống tám ngàn tuổi so với nhân gian là hai mươi lăm vạn chín ngàn câu-chi năm. Cõi đó hết tuổi thọ rồi qua đời.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ngã kiến cùng tham dục
Hủy pháp tội rất nặng
Tạo ác mà che giấu
Sinh trong Đại khiếu hoán.
Địa ngục Đại khiếu hoán
Lông thân đều dựng đứng
Ăn uống lửa cháy đỏ
Tránh đi nhưng khó thoát.
Hư dối ưa sát sinh

Vòng kiếm, chó, chim cú
Chim sắt ăn tủy não
Không khỏi tàn hại nhau.

Đức Thế Tôn nói:

–Một ngàn sáu trăm năm trong nhân gian là một ngày đêm ở cõi trời Tha hóa tự tại, lấy ba mươi ngày đêm thành một tháng, mười hai tháng thành một năm. Cõi trời Tha hóa tự tại sống một vạn sáu ngàn tuổi so với nhân gian là hai trăm tám mươi tám câu-chi năm. Ở cõi trời đó hết tuổi thọ rồi qua đời. Lại lấy một vạn sáu ngàn năm cõi trời ấy so với đại địa ngục Viêm nhiệt là một ngày đêm, lấy ba mươi ngày thành một tháng, mười hai tháng thành một năm. Trong đại địa ngục Viêm nhiệt sống một vạn sáu ngàn tuổi tính so với nhân gian là sáu mươi vạn tám ngàn bốn trăm câu-chi năm. Trong địa ngục đó hết tuổi thọ rồi qua đời.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ai tổn hại cha, mẹ
Sa-môn, Bà-la-môn
Không tu tập nghiệp thiện
Luôn chịu khổ Viêm nhiệt.
Dối mê loạn chúng sinh
Đọa địa ngục Viêm nhiệt
Nghiệp tạo ác không mất
Nghiệp hết mới được thoát.

Đức Thế Tôn nói:

–Các ông nên nghe cho kỹ về tuổi thọ của chúng sinh trong địa ngục Pháo.

Các Bí-sô thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con muốn nghe để nhớ và thọ trì. Xin t hãy diễn thuyết về tuổi thọ dài ngắn của hữu tình trong địa ngục Pháo.

Đức Thế Tôn nói:

–Lành thay! Lành thay! Nay ta sẽ giảng nói và phân biệt về tuổi thọ trong đại địa ngục Pháo cho các ông nghe. Tích chứa hạt mè đủ một bà-ha có thể dung chứa hai mươi khư-lê. Cứ một trăm năm ở cõi trời lấy ra một hạt, rồi lấy từng hạt hết hai mươi khư-lê thì tuổi thọ trong địa ngục Pháo mới hết.

Này các Bí-sô! Ta nói sự khác nhau về tuổi thọ của chúng sinh. Lại trong địa ngục Pháo liệt sống hai mươi bà-ha-ma *(hạt mè)* trong cõi A-sất-đạo là bốn mươi bà-ha-ma trong cõi Hạ hạ phàm là sáu mươi bà-ha-ma,

trong cõi Hộ hộ phàm là tám mươi bà-ha-ma, trong cõi Hoa sen xanh là một trăm bà-ha-ma, trong cõi Hoa sen hồng là một trăm hai mươi bà-ha-ma, trong cõi Hoa sen hồng lớn là một trăm bốn mươi bà-ha-ma. Đếm hết số hạt, trong đó cứ một trăm năm trừ một hạt, khi nào hạt mè hết thì tuổi thọ của các hữu tình nơi cõi Pháo liệt mới hết.

Như vậy, này các Bí-sô! Xá-lợi Tử, Đại Mục-kiền-liên, Thiện Thọ… cùng các quyến thuộc. Nếu lại có người với tâm làm những điều bạo ác bị đọa trong địa ngục lớn ấy. Cho nên các Bí-sô phải biết, nếu người nào thân thể gầy ốm mà không sân hận, không khinh mạn, đó gọi là Bí-sô. Người trí cần phải tu học và hiểu biết như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu người nói lời ác
Hủy nhục như dao búa
Kiếm bén chặt lấy thân
Đều do miệng mà ra.
Chê bai bậc Hiền thánh
Ca ngợi thích những việc
Tranh giành kết thù xưa
Chết mau đọa địa ngục.
Tất cả tài sản người
Lại tranh chấp ganh ghét
Phá người không cho yên
Đọa địa ngục Pháo liệt.
Ý vui và thích thú
Chê bai Bậc Thiện Thệ
Đọa vào ngục Pháo liệt
Chịu khổ trăm ngàn năm.
Thân, miệng, ý tạo ác
Hủy báng bậc Hiền thánh
Chịu khổ trong ngục Pháo
Năm trăm ba sáu kiếp.
Luôn luôn tạo nhiều nghiệp
Phạm tội mà che giấu
Ở mãi trong địa ngục
Nghiệp hết mới được thoát.

Đức Phật lại bảo các Bí-sô:

–Tuổi thọ của hữu tình trong đại địa ngục Cực viêm nhiệt này sống

nửa trung kiếp rồi qua đời.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Luôn tạo nhân nghiệp ác
Ưa thích quả an vui
Thì xa lìa trời, người
Đọa trong ngục Viêm nhiệt.
Đánh mắng thầy, cha, mẹ
Sa-môn, Bà-la-môn
Tà kiến dứt căn lành
Chịu đại khổ Viêm nhiệt.

Đức Phật bảo các Bí-sô:

–Trong đại địa ngục A-tỳ, tuổi thọ có sai khác, sau đó thì qua đời. Như Đề-bà-đạt-đa và tất cả người ngu, mê đối với trú xứ của Như Lai sinh tâm xấu ác, phá hoại chùa tháp, thiêu đốt kinh tượng, làm thân Phật chảy máu, giết A-la-hán, đuổi Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, khi qua đời những người ấy chắc chắn bị đọa trong đại địa ngục A-tỳ chịu khổ cùng cực.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Chê bai giáo ba thừa
Giết Thánh A-la-hán
Ngu si chê cầu pháp
Mắc tội báo vô gián.
Vót tre tự hại mình
Tạo ác sinh cõi ác
Như vậy tội buông lung
Đọa địa ngục A-tỳ.

Đức Phật bảo các Bí-sô:

–Trong cõi trời Phạm chúng, sống nửa kiếp rồi qua đời. Bí-sô nên biết! Trong cõi trời Phạm phụ, sống một kiếp rồi qua đời. Trong cõi trời Đại phạm, sống một kiếp rưỡi rồi qua đời. Trong cõi trời Thiểu quang, sống hai kiếp rồi qua đời. Trong cõi trời Vô lượng quang sống bốn kiếp rồi qua đời. Trong cõi trời Cực quang tịnh, sống tám kiếp rồi qua đời. Trong cõi trời Thiểu tịnh, sống mười sáu kiếp rồi qua đời. Trong cõi trời Vô lượng tịnh, sống ba mươi hai kiếp rồi qua đời. Trong cõi trời Biến tịnh, sống sáu mươi bốn kiếp rồi qua đời. Trời Vô vân sống một trăm hai mươi lăm kiếp rồi qua đời. Trời Phước sinh sống hai trăm năm mươi kiếp rồi qua đời. Trời Quảng quả sống năm trăm kiếp rồi qua đời. Trời Vô tưởng sống cũng như vậy.

Bí-sô nên biết! Trời Vô phiền sống một ngàn kiếp rồi qua đời. Trời Vô nhiệt sống hai ngàn kiếp rồi qua đời. Trời Thiện hiện sống bốn ngàn kiếp rồi qua đời. Trời Thiện kiến sống tám ngàn kiếp rồi qua đời. Trời Sắc cứu cánh sống mười sáu ngàn kiếp rồi qua đời. Này các Bí-sô! Nên biết hữu tình ở Không vô biên xứ sống hai vạn đại kiếp sau đó thì qua đời. Hữu tình ở Thức vô biên xứ sống bốn vạn đại kiếp, sau đó thì qua đời. Hữu tình ở Vô sở hữu xứ sống sáu vạn đại kiếp, sau đó thì qua đời. Hữu tình ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ sống tám vạn đại kiếp sau đó thì qua đời.

Đức Phật bảo các Bí-sô:

–Như vậy, từ đại địa ngục A-tỳ cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ đều phải bị luân hồi. Bí-sô nên biết! Hữu tình luân hồi trong năm đường, qua lại không dừng, hiện có ba tướng là sinh, dị, diệt. Bí-sô nên biết! Ba loại tánh luân hồi như thế đối với một phần nhỏ cũng không thể ưa thích, không đáng tham muốn vì chỉ có trong một sát-na không tồn tại lâu dài. Vì sao? Bí-sô nên biết! Đó là tánh khổ không đáng ưa thích. Trong một chút phần cấu uế như vậy huống chi là cấu uế nhiều. Chỉ chút cấu uế như vậy đã không đáng ưa thích, không đáng ham muốn. Nơi một sát-na kia chẳng phải là cứu cánh. Vì sao? Bí-sô nên biết! Khổ trong luân hồi là không đáng ưa thích. Như có chúng sinh ngu si thiếu trí, bị luân hồi trong năm đường, qua lại không dừng nghỉ, đi mãi trong nẻo ấy, không bao giờ xả bỏ, nên không thể thoát ra khỏi khổ nơi địa ngục, cũng như không thể thoát khỏi khổ nơi ngạ quỷ luôn bị đọa trong cõi ác. Do đó, Bí-sô nên học như vầy: Luân hồi rất khổ, không đáng ưa thích. Bí-sô nên siêng năng tinh tấn đoạn trừ luân hồi.

Đức Thế Tôn giảng nói như vậy rồi, các Bí-sô đều nhất tâm hoan hỷ tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 760

KINH DUY NHẬT TẠP NAN

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nguyệt Chi.

Ban đầu thọ đạo Giá-lợi. Bồ-tát Giá-lợi là thọ hành chuyển dần đến A-duy-việt-trí. A-duy-việt-trí là tâm không thoái chuyển. Thứ đến Bồ-tát Bồ-di, là Bồ-tát Phi-hành, tiếp theo là Bồ-tát tác Phật, còn gọi là Độ sĩ. Độ sĩ cũng gọi là Đạo nhân. Người sống hạnh Bồ-tát vượt khỏi mười hai môn, đoạn ba đường ác, sinh vào cõi Phật trong mười phương, không sinh trong cõi trời thứ mười. Người chứng quả Tu-đà-hoàn cũng vượt khỏi mười hai môn, đoạn ba đường ác nhưng sinh vào cõi trời thứ mười. Đều là người vượt khỏi mười hai môn nhưng nơi thọ sinh khác nhau, vì Tu-đà-hoàn tu tập mười sáu tâm, Bồ-tát tu tập ba mươi bốn tâm, vì thế chúng sinh không đồng với Bồ-tát hành ba mươi bốn tâm, là bốn Thánh với mười sáu tâm và mười tám hạnh bất cộng hợp thành ba mươi bốn tâm. Bồ-tát hạnh nhờ ba mươi bốn tâm nên có thể điều phục được tất cả, A-la-hán hạnh thì chỉ có mười sáu tâm, vì oai lực của Bồ-tát nhiều nên nói là điều phục. Còn Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán thì đoạn kiến và tu đạo. Nhờ có đủ ba mươi bốn ý nên Bồ-tát đạt được mười sáu ý của Phật. Từ ý thứ nhất đến ý thứ mười sáu đều có sở chứng riêng, bốn Thiền cũng vậy.

Bồ-tát tu hành tinh tấn thì qua hai mươi kiếp sẽ thành Phật. Vì có ba ý nên không thành Phật:

1. Phật ý.

2. Bích-chi-phật ý.

3. A-la-hán ý.

Chủ yếu là tùy theo mức độ đạt nhiều. Ở quả vị Phật thì có nhiều ý Phật, ở quả vị Bích-chi-phật thí có nhiều ý Bích-chi-phật, ở quả vị A-la-hán thì có ý A-la-hán. Ví như cân lường thì tùy theo trọng lượng của vật mà biết được. Tại gia cũng có người đạt quả A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, có người cũng đạt quả vị Bồ-tát A-duy-việt-trí.

Có bốn nguyên nhân để Bồ-tát rời nhà thế tục vào núi tu hành:

1. Sợ người đời cho rằng Bồ-tát còn dâm dục làm sao đắc đạo.

2. Kim luân vương cũng đều rời bỏ đất nước.

3. Sợ ma quấy nhiễu.

4. Vì cầu Phật đạo nên không ở nhà thế tục.

Sau khi được thọ ký, Bồ-tát mới vượt qua giai đoạn ban đầu, vừa được thọ ký mà tinh tấn tu hành thì khoảng một trăm kiếp sẽ thành Phật. Người không tinh tấn thì chẳng có thời hạn nhất định nào để thành hay không thành.

Bồ-tát được thọ ký không tạo nghiệp mới. Nghĩa là từ lúc thọ ký trở về sau thì đoạn trừ hết tội lỗi của lúc chưa thọ ký ở thời quá khứ, hiện tại và trong vô số kiếp.

Từ Bồ-tát được thọ ký xuống đến vị Tu-đà-hoàn đều có tội cũ, đến lúc nào đó sẽ lãnh chịu tội ấy nhưng nhớ đạt được đạo ý nên tội lỗi bớt đi.

Người nào nói được ý sâu xa của kinh điển là hiểu rõ tội phước. Khi hiển bày ý đạo thì tội không sinh, nghĩa là người không còn tạo tội nữa thì đạt rốt ráo hạnh Bồ-tát được thọ ký, khoảng một trăm kiếp sẽ thành Phật. Đức Phật Thích-ca Văn phải qua chín mươi mốt kiếp, nhờ tinh tấn nên vượt qua chín mươi kiếp. Ví như có người ngày mai phải đi một ngàn dặm, nhưng hôm nay đã đi trước chín trăm dặm, tính ra thì dặm đường bằng nhau. Tức là người phải qua một trăm kiếp mới thành Phật, nhưng từ kiếp chín mươi mốt là thành tựu tướng Bồ-tát A-duy-việt-trí. Đầy đủ nhân hạnh trong một trăm kiếp thì không quá một trăm kiếp là thành Phật. Nhưng nếu chưa thành tựu tướng Bồ-tát A-duy-việt-trí thì không thành Phật.

Người phát khởi một đạo ý thì phước đức đã hơn một tội ác trong mười vạn kiếp. Đạo ý là gì? Là đặt ý niệm lên trên bốn Thánh đế. Tội ác ví như bóng tối, đạo ý ví như ánh sáng. Giống như mặt trời mọc thì bóng tối mất. Các Bồ-tát nghe lời này đều niệm Nam-mô Phật, phát khởi một ý lành sẽ được phước đức trong trăm kiếp.

Bồ-tát đem thân cho hổ đói ăn thì không phải một trăm kiếp. Người mà chín mươi mốt kiếp thành Phật là vì không nghĩ đến sự khổ cực nên đã giảm chín kiếp. Bồ-tát đã phát tâm nhằm vì thân mình mà tự bày tỏ sự ngạc nhiên, cũng bày tỏ cho người khác. Lúc Đức Phật còn là Bồ-tát thì không làm phiền người khác. Vì sao gọi là bày tỏ…? Vì lúc nào nghĩ đến người khác thì tự tán loạn. Không thể lãnh chịu khổ đau thì tự bày tỏ…, vì gây tai họa, quên mất phước đức. Vì thế có thuyết nói: Tai họa lâu che mất căn lành. Đó là tự bày tỏ… Không hay biết đến bao giờ thì người khác tu đạo nên bày tỏ…, vì người khác chính là tự thân. Do vậy, mà có hai lần bày

tỏ… Hiện giờ không an ổn, người khác cũng như mình nên bày tỏ… Nói cho người khác biết chính vì tham độc nên bị chế phục trong sinh tử, chính vì tham độc lâu ngày che mất căn lành.

Bồ-tát thực hành năm pháp:

1. Dậy sớm.

2. Đợi thời cơ.

3. Không xâm phạm người khác.

4. Luôn chánh niệm.

5. Đền đáp.

Vì sao dậy sớm? Vì siêng năng tu đạo.

Thế nào là đợi thời cơ? Là đợi có người đến, đợi bậc Hiền thiện đến rồi cùng đi.

Thế nào là không xâm phạm người khác? Là tạo lợi ích cho mọi loài.

Thế nào là luôn chánh niệm? Vì muốn đem lại lợi ích cho mọi người, nên nếu có người bị quan bắt thì cứu họ thoát khỏi, người bị bệnh thì làm cho họ khỏe mạnh, người nghèo khổ thì bố thì cho họ.

Thế nào là đền đáp? Nhận vật của người đáng giá một tiền thì muốn đền đáp gấp trăm ngàn lần.

Bồ-tát sống trong sinh tử nhưng không có sự sinh tử, chỉ có ý sinh tử. A-la-hán khi bỏ thế gian thì không còn ý trở lại thế gian. Bồ-tát tuy bỏ thế gian nhưng không bỏ ý. Sở dĩ Bồ-tát không bỏ ý là mong đạt Phật đạo, độ thoát thế gian. Bồ-tát sợ sự sinh tử thế gian nên đoạn trừ. Bồ-tát đoạn trừ ý sinh tử mà không đoạn trừ sự sinh tử, là ở trong thế gian nhưng không làm ác.

Bồ-tát chỉ đoạn năm dục nhưng không đoạn ý. Vì sao? Vì ý của Bồ-tát hợp với sinh tử và vì muốn độ chúng sinh trong mười phương nên không đoạn ý.

Sở dĩ Bồ-tát bố thí, trì giới, xuất gia, tu tuệ, tinh tấn, nhẫn nhục… chí thành, mạnh mẽ, niệm thiện, hy vọng là vì thực hành mười việc này sẽ được trí tuệ của Phật. Bồ-tát sinh vào nhà nghèo thì giữ giới, ở nhà giàu thì bố thí, thuộc dòng quý tộc thì nhẫn nhục, ở trong núi thì thiền định.

Bồ-tát dùng bốn Ý chỉ, bảy Giác ý. Vì khi đạt bốn Ý chỉ thì liền được bảy Giác ý. Bồ-tát đi ra đường thấy rõ bốn sự việc:

1. Già.

2. Bệnh.

3. Chết.

4. Khổ.

Thấy rõ sự bức thiết ấy nên hành đạo. Con người càng ngày càng đi đến cõi chết, cớ sao không sợ lúc sắp chết! Vì sao? Vì sợ thời kỳ ấy sẽ đến.

Bồ-tát đã thành Phật liền giảng thuyết bốn Thánh đế. Vì sao? Có bốn nguyên nhân để thuyết giảng bốn Thánh đế:

1. Vì người đời chưa được nghe.

2. Để tu thiền.

3. Để được đạo nhãn.

4. Để đạt tuệ.

Vì già, bệnh, chết, ưu bi khổ não, không thoát khỏi ngục tù lớn nên giảng thuyết bốn Thánh đế.

Có bốn nguyên nhân Bồ-tát thuyết giảng kinh:

1. Tạo sự an vui cho quốc vương.

2. Tạo sự an vui cho mọi người.

3. Xứng ý với người thọ.

4. Đúng thời cơ.

Thế nào là thời cơ? Vì người đời thích hướng đến thời cơ.

Bồ-tát tự suy xét do nhân gì chịu khổ? Biết được từ sinh có khổ. Do nhân gì có sinh? Do hành có sinh. Do nhân gì có hành? Do si có hành. Do nhân gì có si? Do ái có si. Do nhân gì có ái? Do thọ có ái. Không thọ thì không ái.

Bồ-tát xem một trăm kiếp như một đêm. Vì sao? Vì người đời không chịu được bệnh khổ trong một ngày. Bồ-tát thì chịu đựng khổ đau trong một trăm kiếp. Ví như người bệnh một ngày thì khổ, Bồ-tát hành đạo một ngày thì được phước đức trăm kiếp không hết, nên nói xem trăm kiếp như một đêm. Có lúc Bồ-tát đi giảng thuyết ý kinh, không sống trong sinh tử nên xem trăm kiếp như một đêm.

Do ba việc, Bồ-tát chưa đạt quả Phật:

1. Không gặp bậc Hiền thiện.

2. Làm việc không nhân duyên.

3. Không xét phải trái.

Lại do ba việc, nên Bồ-tát không đạt Phật đạo:

1. Ở lâu trong thế gian mà không giác ngộ.

2. Không gặp Thiện tri thức.

3. Không diệt hết ý tán loạn.

Lại có ba việc, nên Bồ-tát không đạt đạo:

1. Không nghe *(đạo)*.

2. Không dứt ý niệm.

3. Không có bạn tốt.

Bồ-tát cũng sống trong tội lỗi, ra khỏi tội lỗi. Tâm ý tùy thuận thế gian là sống trong tội lỗi. Tâm ý ở thế gian là si, ra khỏi thế gian là tuệ.

Bồ-tát có hai tâm nguyện:

1. Nguyện mình nằm an ổn, tức là không nghĩ đến dâm dục.

2. Nguyện mình đi lại yên ổn, tức là không nghĩ đến sân si.

Bồ-tát sống trong phước đức thì ghét phước đức, sống trong tội lỗi thì giữ tội lỗi. Có cả tội, phước là vì không thể xa lìa, chỉ biết rõ được thôi.

Bồ-tát không biết được đời trước nên không thành Phật. Vì sao? Vì không biết tội ác đã phạm.

Bồ-tát không tạo tội nơi ba đường ác, trả xong tội nơi ba đường ác mới được A-duy-việt-trí. Bồ-tát tính biết tội lỗi nơi ba đường thì gần đủ một trăm kiếp mới được thành Phật.

Bồ-tát đã thọ ký thì trừ được chín mươi tám kết sử. Vì sao? Vì người sống hạnh Bồ-tát dùng bốn Đẳng tâm thương xót mười phương chúng sinh trong năm đường, muốn đưa chúng sinh đến chỗ giải thoát. Đem thân cho hổ đói, chim ưng ăn, tự bỏ mạng sống để thành tựu công đức. Nếu kết sử chưa đoạn hết thì khi thành Phật sẽ đoạn hết.

Do những ý gì Bồ-tát đem vợ con, đầu, óc cho người? Do hai nguyên nhân:

1. Tự nghĩ mình không muốn làm giận người khác.

2. Cho thì người ấy được yên định, không cho thì tán loạn.

Tham dâm tuy có tội nhưng tội sân hận nặng hơn. Vì sợ người ấy giận nên cho vợ con, đầu, óc.

Có ba nguyên nhân Bồ-tát đem thân cho hổ đói, chặt đầu cho người:

1. Biết thân sẽ bị hư hoại nên bố thí thân để tạo phước.

2. Ví như kẻ báo thù, khi kẻ thù chết thì vui vẻ. Bồ-tát biết tất cả tội ác đều từ thân sinh ra, bao nhiêu nỗi khổ đau đều từ thân mà có. Do biết như vậy nên không muốn thấy thân là kẻ thù, không tham ái thân.

3. Muốn siêng năng để thành tự công đức đạt được đạo quả.

Bồ-tát đem đầu, mắt, vợ con cho người là vì mắt không tham sắc nên

bỏ mắt. Đem đầu cho người là để ngăn chặn điều ác. Đem đầu cho người là để trừ tham dâm, sân hận, ngu si. Bồ-tát hành đạo có hai việc: Một là so sánh; hai là tính toán. So sánh nặng nhẹ, tính toán nhiều ít.

Bồ-tát được thọ ký trong một trăm kiếp chỉ làm Sa-môn một kiếp, chín mươi chín kiếp làm người thế tục. Lúc đem vợ con cho người mà bị đánh thì Bồ-tát chỉ nghĩ là xương thịt chứ không nghĩ đó là của mình nên đem cho.

Bồ-tát cầu quả Phật thì phải thực hành đúng pháp Phật, nên từ ba mươi hai vật của thân thể mà thực hành đúng pháp. Nếu không bỏ được tướng thì không thành Phật đạo. Bồ-tát có một tâm Từ bi mà vượt trăm lần thiền định.

Bồ-tát ở thế gian thì có phần trong ba đường mà không đọa vào ba đường. Vì sao? Vì nghiệp lực ở cõi người, cõi trời nhiều nên không có nghiệp nơi ba đường, không đọa trong ba đường. Ba nghiệp thân, khẩu, ý chấm dứt thì ba đường cũng mất. Bồ-tát bỏ năm đường thường có phước tuệ sáng. Con người khi chết nhất định phải sinh ra nơi trong năm đường.

Bồ-tát lại có một sự sáng suốt là biết gần xa. Bồ-tát biết họ được phần Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm mà không được phần A-na-hàm. Vì sao? Vì A-na-hàm không còn trở lại cõi người. Một cõi Phật có tam thiên đại thiên thế giới, con người sống chết ở trong đó, không ai thoát khỏi, làm đủ mọi việc. Chỉ trừ vị Tư-đà-hàm chưa thành tựu A-duy-việt-trí, ngoài ra là vô số chúng sinh.

Lúc Đức Phật hành hạnh Bồ-tát tự nghĩ: Thực hành những nghiệp nhân gì trong hiện tại để được phước lớn, dần được túc mạng ý? Đó là do ba việc bố thí, chế phục, tụ hợp. Bố thí có hai cách: Pháp thí và tài thí. Giữ gìn thân khẩu là chế phục. Giữ gìn ý là tụ hợp. Lại do bố thí trừ được tham, do chế phục đoạn được sân, loạn, do tụ hợp tự giữ nên bỏ được si. Từ bố thí được chánh ý, từ chế phục được chánh ngữ, từ tự hợp được ý hành an ổn. Từ bố thí được phước thí, từ chế phục được phước niệm, từ tụ hợp được phước ý.

Bồ-tát bố thí thường ở trong năm đường làm lợi ích, khác với kẻ phàm phu. Giả sử được làm vua thì có trí tuệ, lại có lòng từ, trừ hết tội lỗi không tạo tác nữa, tuy sống trong chốn tội lỗi mà không tạo tác nữa, tuy sống trong chốn tội lỗi mà không tạo tội, sống ở cõi người cũng vậy.

Bồ-tát sống chung với vợ con, năm hai mươi lăm tuổi thì sống chung ba mươi mốt tháng, năm ba mươi tuổi thì một trăm ngày, năm năm mươi tuổi thì một năm.

Đối với Bồ-tát chỉ ngăn cấm làm ác chứ không ngăn cấm lập gia đình. Loạn ý là tạo tội lỗi, không được an ổn, trừ bỏ loạn ý là được phước. Dù ở nhà hay ở trong ngục, chỉ cần hiểu rõ tội lỗi, không thích sống nơi vui, đó là Bồ-tát. Người cầu đạo mà không nhẫn nhục, không chịu đựng thì đạt đạo quả Tu-đà-hoàn. Đời trước khi làm Bồ-tát, Phật nói: Phật đạo khó đạt. Chỉ một lời nói đó đã giảm được bốn mươi kiếp. Đem thân cho hổ đói đã vượt các Bồ-tát khác chín kiếp. Làm Tu-đại-noa thọ ký siêng năng hành đạo thì đều thành Phật.

Người có vợ thì không thành Phật. Bồ-tát lúc ở nhà thì có vợ. Vì sao? Vì thành Phật là phải xa vợ con sáu năm. Bồ-tát xem vợ con là oan gia. Vì sao? Vì vợ con đem đến khổ đau, não loạn lòng người, tăng thêm tội lỗi, vì chạy theo tham ái nên không đắc đạo. Xem vợ con như oan gia là ý nói đừng chạy theo tham ái. Tâm tham ái vừa khởi là biết ngay, đó là giác ngộ về tâm ý. Xem tài vật, thân thể cũng vậy. Tất cả thế gian trong mười phương đều rực cháy. Vì sao? Vì lửa hữu *(sinh tử)* đã sẵn có.

Có bốn nguyên nhân Bồ-tát cưới vợ:

1. Đời trước cùng làm phước.

2. Hết tội.

3. Phải cùng nhau sinh con cái.

4. Người có trí cưới vợ mau thấy được đạo.

Nếu không có bốn nguyên nhân này thì không cưới vợ.

Người hành đạo Bồ-tát vì muốn đoạn trừ ba độc của chúng sinh nên đạt Phật đạo.

Người hành đạo Bồ-tát vì muốn đoạn trừ ba độc của chính mình thì đạt quả A-la-hán. Bồ-tát tự phá trừ si mê của mình đồng thời phá trừ si mê của chúng sinh trong mười phương. A-la-hán thì tự phá trừ si mê của chính mình chứ không phá trừ si mê của kẻ khác. Bồ-tát dạy dỗ giác ngộ nhiều người để họ hành đạo, đó là phá trừ si mê của người khác. Thương xót chúng sinh trong mười phương là hành đạo Bồ-tát. Người chỉ thương mình không nghĩ đến người khác là hành đạo A-la-hán. Bồ-tát trừ ác, A-la-hán không trừ ác. Bồ-tát đem giới kinh dạy người để họ sống theo đạo pháp, đó là trừ ác. A-la-hán tự giữ mình nên nói không trừ ác. Bồ-tát đoạn khổ của mình và chúng sinh trong mười phương nên đạt Phật đạo. A-la-hán chỉ đoạn khổ của mình mà không đoạn khổ của người khác nên đạt quả A-la-hán. Người hành đạo Bồ-tát mà chuyển thành A-la-hán là do tâm niệm về Phật đạo và sự sinh tử không sao đếm được, là việc rất khó. Lại nghĩ, A-la-hán không còn tạo tội, không còn sinh tử, chỉ mong vượt khỏi

cõi đời, vì thế chuyển thành A-la-hán. Nếu không có ý này, không chuyển đổi sự sinh tử, không tránh khổ thì thành tựu Phật đạo. Bồ-tát, A-la-hán đều bắt đầu thực hành ba mươi bảy phẩm kinh.

Do bốn ý mà Bồ-tát thường làm nên thành Phật:

1. Nghĩ mình may mắn được uy lực của Phật, gặp Phật, biết Phật, cần phải tu tập như Phật.

2. Đem hết sức bi nguyện đến với chúng sinh trong mười phương, không hề rời bỏ.

3. Nguyện không thay đổi Phật ý.

4. Nguyện ở thế gian cầu đạo, giữ giới, dạy người, tăng trưởng tâm bi, đợi thời cơ.

Nhớ bốn ý này nên thành Phật, không có bốn ý này thì thành A-la-hán. Do ý Phật bình đẳng nên không có hai đạo, nhờ hành theo ý đó nên thành tựu Phật đạo. Nếu chạy theo tham ái thì ở trong năm đường, không giải thoát, sống trong già, bệnh, chết, ưu bi khổ não. Tâm không chạy theo tham ái thì như lấy nước dập tắt lửa, còn chạy theo tham ái là thêm củi vào lửa. Phải suy xét kỹ, thực hành bốn Thánh đế sẽ đắc đạo.

Có bốn nguyên nhân Bồ-tát cưới vợ:

1. Sợ người cho rằng: vì không cưới được vợ nên học đạo.

2. Sợ người cho rằng: vì cô độc, không vợ con nên học đạo.

3. Căn nghiệp đời trước chưa hết.

4. Bạn xấu khuyến khích cưới vợ.

Bồ-tát có thể đoạn trừ, hoặc không đoạn trừ năm ấm. Thế nào là đoạn? Đoạn trừ mười hai nhân duyên của năm hạnh ấm. Không đoạn trừ là vì Bồ-tát tùy theo nhân duyên để hành đạo, Bồ-tát diệt trừ hết tội thì đạt đạo.

Bồ-tát có bốn việc không sợ:

1. Không lấy tiền của người.

2. Không xâm phạm vợ người.

3. Không nói hai lưỡi.

4. Không ganh ghét.

Bồ-tát đoạn trừ ba đường ác mà vẫn ở trong đó, nhưng không phải bị đọa trong đó. Bồ-tát chưa khởi ba độc nhưng khi đủ duyên thì có ba độc, đến lúc thành Phật thì không còn ba độc. Bồ-tát tu thiền sáu năm, lúc sắp đắc đạo thì ba độc dâm, nộ, si phát khởi, nhiễu loạn ý niệm:

1. Điều đạt sẽ cưới vợ ta chăng?

2. Vượt hơn ta chăng?

3. Sẽ được tài sản của ta chăng?

Ý vừa sinh khởi lập tức diệt ngay. Từ vô số kiếp đến nay ta đã đoạn trừ ba ác. Vì sao? Vì vừa có ý niệm là diệt trừ ngay nên đắc đạo.

Bồ-tát ngồi thiền sáu năm, ngày ăn một hạt gạo, một hạt mè là do bốn nguyên nhân:

1. Đoạn tham.

2. Hết tội lỗi.

3. Không thấy đói.

4. Ngăn chặn ý đói khát nên không ăn.

Cho rằng người đói đắc đạo, nhưng sợ người do đói mà chết nên phải ăn.

Bồ-tát ngồi thiền sáu năm, ngày ăn một hạt gạo, một hạt mè, lại xuống sông tắm rửa, quỵ cả hai chân không đứng dậy nổi. Nhờ chư Thiên kéo cành cây thấp xuống nên vịn vào đó để đứng dậy.

Bồ-tát ngồi thiền sáu năm mà trùng, mọt, muỗi, nhặng không quấy nhiễu là có bốn nguyên nhân:

1. Từ vô số kiếp đến nay không sát sinh.

2. Thực hành tâm bình đẳng.

3. Được chư Thiên, quỷ thần hộ vệ.

4. Đạo lực mạnh nên sống yên tịnh.

Bồ-tát thực hành bốn điều không dừng nghỉ:

1. Bố thí.

2. Nghe kinh.

3. Thanh tịnh.

4. Tạo công đức.

Lúc Bồ-tát mới xuất gia học đạo, các bậc Đại nhân hỏi:

–Bồ-tát hiện đang làm Thái tử, cớ sao bỏ nhà học đạo?

Thái tử đáp:

–Vì ba khổ già, bệnh, chết nên tôi học đạo.

Các vị Đại nhân nói:

–Già, bệnh, chết là việc thường tình cớ sao lại bỏ nhà học đạo?

Thái tử đáp:

–Khi bị bệnh mà không vui vẻ cớ sao cho là việc thường?

Lúc vừa sinh ra, Bồ-tát đi bảy bước rồi dừng lại, đưa tay bên phải lên nói: "Ta là thầy của trời, người."

Lúc làm Thái tử, Bồ-tát đến thầy học tập, thầy hỏi:

–Con muốn học gì?

Thái tử đáp:

–Con muốn học sáu mươi bộ sách.

Thầy hỏi:

–Sáu mươi bộ sách đó là gì?

Thái tử tuần tự nói cho thầy nghe.

Thầy nói:

–Thầy chỉ biết một bộ sách, ngoài ra không biết gì.

Thái tử nói:

–Điều gì thầy biết nên dạy cho con.

Sau khi học thầy rồi, Thái tử liền nói:

–Phần đó ít hơn hai chữ.

Thầy lại học được hai chữ nên nói:

–Sự hiểu biết của Thái tử đã như vậy, cần gì phải theo thầy học!

Thái tử nói:

–Tuy là như thế, nhưng phải có pháp của thầy.

Lúc mới xuất gia, Bồ-tát đi được trăm dặm thì cởi hết y phục, châu báu giao cho Xa-nặc đem về, con ngựa trắng Kiền-trắc rơi lệ, liếm chân Ngài. Xa-nặc nói:

–Mong rằng đừng ai có nguyện như Ngài.

Thái tử nói:

–Trên đời này không ai ngu si như các ngươi. Vì sao? Vì trong thế gian chỉ có già, bệnh, chết, ưu bi khổ não mà còn nguyện gì nữa, như người bị tù thì có ai vui đâu, khi chưa ra khỏi, lại còn mong chuyện khác, thì đến bao giờ mới được thoát! Lại như con thỏ đã thoát khỏi lưới thợ săn, lại mong trở vào không chịu ra. Như con thỏ thoát khỏi lưới thợ săn thì không trở lại. Lúc ở nhà, ta đã từng mong ước được ngày này và cũng từ vô số kiếp đến nay ta đều có ý này, chẳng phải chỉ hôm nay.

Bồ-tát sinh ra được bảy ngày thì thân mẫu qua đời, là có bốn nguyên nhân:

1. Nhờ mang thai Bồ-tát, được chư Thiên chăm sóc và cung cấp thức

ăn.

2. Theo pháp sinh tử thì Bồ-tát phải lễ lạy mẹ, nhưng vì tôn kính Bồ-tát nên bảy ngày sau thân mẫu qua đời.

3. Kiếp trước của thân mẫu là như vậy.

4. Ví như người có công sẽ được phong thưởng, nên thân mẫu được sinh lên cõi trời.

Lúc chưa đạt Phật đạo, Bồ-tát nằm mộng thấy năm điều:

1. Lấy núi Tu-di làm núi.

2. Lấy đất làm giường.

3. Lấy tay chặn nước biển.

4. Đi trên phân bùn mà không dơ chân.

5. Ngay nơi ngực mọc cây cao đến tầng trời hai mươi bảy.

Mộng gối núi Tu-di nghĩa là trên trời dưới đất không ai hơn Phật. Lấy đất làm giường nghĩa là thân Phật có thể cao đến hai mươi tám tầng trời. Lấy tay chặn nước biển là không ai giảng kinh hơn Phật. Đi trên phân bùn mà không dơ chân nghĩa là tất cả ái dục trong đời không làm nhiễm ô tâm Phật. Cây mọc nơi ngực nghĩa là giáo pháp Phật giảng vang đến hai mươi bảy tầng trời.

Có bốn nguyên nhân Bồ-tát gần gũi người nữ:

1. Khuyên người nữ tinh tấn.

2. Muốn người nữ thực hành theo mình.

3. Tùy theo những dư tội từ vô số kiếp ở quá khứ.

4. Đời trước nguyện độ người nữ.

Có ba nguyên nhân chư Thiên thử Bồ-tát:

1. Người sắp thành Phật thì không tham tiếc.

2. Nếu Bồ-tát khởi tâm tham liền nói: "Ngài sắp thành Phật đạo cớ sao làm ngược!" Nhờ đó Bồ-tát thêm tinh tấn.

3. Thành Phật sẽ độ thoát nhau nên đến thử thách.

Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, A-la-hán cũng thực hành sáu việc đó nhưng tướng không thành là vì A-la-hán chỉ có Đàn mà không có Ba-la-mật. "Đàn" là bố thí, "Ba-la" là vượt khỏi sinh tử, "mật" là không cùng cực. A-la-hán chỉ có bố thí cho chúng sinh, chứ không nguyện độ chúng sinh trong mười phương nên chỉ có bố thí. Bồ-tát nguyện độ nhân, phi nhân trong mười phương nên có Ba-la-mật. Sáu pháp đều như vậy.

Lúc làm Bồ-tát, nguyện cúng dường thức ăn cho Phật, nên đem năm

miếng đậu nhỏ đặt trong bình bát của Phật, có một miếng bị rơi xuống đất, nên về sau được làm Kim luân vương trong tám mươi kiếp, làm chủ bốn cõi. Do được bốn miếng đậu phước, còn miếng đậu không nằm trong bát, lại được sinh lên cõi trời tám tháng, vì thế có Đàn ba-la-mật.

Bồ-tát bố thí pháp, vật cho người là mong người thọ nhận được an ổn. Nếu có ý mong được phước thì liền nghĩ: "Vì những người đói lạnh, nghèo khổ mà cho, để họ được an ổn." Đó là bố thí đúng pháp. Bố thí vật giá trị một đồng tiền thì còn hơn là mười ngàn vạn mà không đem cho. Nên tuy ít mà hơn nhiều vì bằng đạo tâm mong họ được an ổn. Có người lúc sắp chết lại nghĩ đến vô thường, khổ, không, vô ngã thì thành A-duy-việt-trí, được thọ ký. Nếu vốn mong cầu thành A-la-hán thì được quả A-na-hàm. Có bốn ý phi thường khó được, nhưng nếu được là do đời trước tinh tấn tu hành.

Lúc Bồ-tát tọa thiền bên gốc cây có ba con quạ, bồ câu, rắn hổ mang hỏi nhau: Những gì khổ nhất? Quạ nói: Đói là khổ nhất. Vì sao biết đói là khổ? Vì đói không đi được và cũng không làm gì được, con người do đói khát mà chết nên biết đói là khổ. Bồ câu nói: Sắc là khổ. Vì sao biết sắc là khổ? Vì lòng người luôn tham sắc, con người do tham sắc mà chết nên biết sắc là khổ. Rắn nói: Sân là khổ. Vì sao biết sân là khổ? Con người sân hận thì không tránh một điều gì, muốn giết cả mình và người nên biết sân là khổ. Bồ-tát nói: Chúng ta đều kể một chuyện, giờ ta nói cho các ngươi nghe. Không sinh thì không khổ. *(Việc này được ví dụ trong kinh Một Trăm Lẻ Tám Ái Hành Của Bồ-tát).*

Lúc chưa đắc đạo, Bồ-tát có năm vị thầy:

1. Nê-kiền.
2. Mạc-kiền.
3. A-di.
4. La-kiền.
5. La-hòa-kiền.

Giảng kinh pháp không được nhận người lạy. Bồ-tát mua một bài kệ năm trăm vạn. Mua có ba hạng:

1. Mua theo thứ lớp.
2. Mua bằng đền bù.
3. Mua bằng ban tặng.

Bồ-tát nghĩ đến ân đức nên ban tặng, người nhận cũng không có tội.

Bồ-tát thực hành pháp phải chú nguyện cho chúng sinh khắp mười

phương nhưng phải định ý nhất tâm, nếu ý không định thì không có chú nguyện. Vì sao? Vì ý ở trong sinh tử, nếu ý mình không định thì không thể định ý người khác.

Đàm-ma là pháp, A-kiệt là đương lai, Tát là thường, Ba-luân là rơi lệ, A-vu-đà là mạng, không đếm được. Bồ-tát Tát-ba-luân thường thương xót khóc than là do bốn nguyên nhân:

1. Không hiểu được ý kinh.

2. Con người không biết từ nhân duyên mà đạt đạo.

3. Nghĩ đến chúng sinh trong mười phương.

4. Mong độ chúng sinh trong mười phương.

Nhưng đến bao giờ thành Phật?

Bồ-tát nói: Phải giữ trí sáng, biết ý sinh diệt. Thực hành đạo vô vi là chỉ cần giữ tâm thực hành ba mươi bảy phẩm kinh, nhưng lại bố thí, trì giới là vì Bồ-tát thương xót chúng sinh. Nếu sớm đoạn trừ sinh tử thì phước đức chưa đủ, nên bố thí để đời sau không sinh trong nhà nghèo. Sinh trong nhà nghèo thì không có tài vật gì, đó là nhân đọa đường ác. Sinh trong nhà giàu thì an ổn, không làm ác, vì vậy mà tu bố thí. Giữ giới là mong sống lâu để hành đạo, không sống lâu sẽ không hành đạo được. Vì sao? Vì nếu sống mười tuổi thì chưa biết gì mà tuổi thọ đã hết, cho nên giữ giới không sát sinh để được sống lâu. Không trộm là vì sợ người chủ biết được sẽ đánh đập, nếu có ý ác sẽ chịu tai ương. Vì sao không nói hai lưỡi? Vì Phật đạo chí thành, nếu nói hai lưỡi sẽ không hợp đạo, về sau mọi người không tin tưởng, hiện giờ biết rõ đó là điều ác. Vì sao không dâm? Ví như người nhìn về phía đông thì không thấy phía Tây, tâm dâm dục thì không hợp đạo. Vì sao không uống rượu? Vì khi say sẽ nói ác, nói hai lưỡi, là việc phi pháp, dù người tốt cũng vẫn bị loạn tâm.

Bồ-tát từ giã song thân là Sa-môn, cha mẹ nói:

–Con làm việc điên đảo. Người hành đạo Bồ-tát là mong chúng sinh trong mười phương được giải thoát, nay con cớ sao lại làm cho cha mẹ buồn lo?

Bồ-tát đáp:

–Con buồn lo nên cha mẹ buồn lo, con đắc đạo thì không buồn lo, nên cha mẹ cũng không buồn lo. Ví như bà con đau khổ thì bản thân cũng đau khổ. Lại ví như hai người cùng đi mà một người buồn khổ thì người kia cũng buồn khổ? Con buồn khổ không giải thoát, nên làm cha mẹ buồn khổ. Con đã đắc đạo thì cha mẹ sẽ thoát khỏi buồn khổ.

Cô Duy-ma-la-đạt-đạt hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Văn-thù-sư-lợi là người hiểu sâu sự tùy hành, là Bồ-tát đã thọ ký. Đó là nhân duyên sâu xa, không có người hành theo nhân duyên. Như vậy nhân duyên không đến, cũng không đi, không thể dùng mắt xem, cũng không dùng ý để quan sát, không thể biết cũng không thể thực hành. Nhân duyên sâu xa thì không có sở hữu cũng không có sở thuộc.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền đáp:

–Cái gốc chủ yếu là sâu xa thì sâu xa.

Duy-ma-la-đạt-đạt lại nói:

–Vì không có gốc nên không có chủ yếu. Như vậy Văn-thù-sư-lợi là sáng hay không sáng?

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Việc này nên nói như thế nào?

Duy-ma-la-đạt-đạt đáp:

–Có nói là thuộc về quá khứ.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như chưa giác ngộ thì không thấy sinh tử.

Văn-thù-sư-lợi liền ngăn lại, không nói với Bồ-tát Duy-ma-la-đạt-đạt nữa.

Có một người tên là Xuất-cấu hỏi Xá-lợi rằng:

–Vì thương xót mình chăng?

Xá-lợi nói:

–Trí sáng nhất của ông có không? Nếu có sẽ trống rỗng, là hư vọng, vì hư vọng nên nói không. Đã không có thì không sinh, đã không sinh thì không gặp.

Xuất-cấu hỏi:

–Nếu có?

Xá-lợi nói:

–Không có trí sáng.

Có Bồ-tát tên là Hòa-tu-mật hỏi kinh với một vị A-la-hán. A-la-hán không hiểu nên nhập định hỏi lên ngài Di-lặc. Hỏi xong bảo Hòa-tu-mật: Việc ông hỏi ta sẽ tuần tự giải rõ.

Hòa-tu-mật hiểu được liền hỏi A-la-hán:

–Ông vừa nhập định hỏi ngài Di-lặc phải không?

A-la-hán nói:

–Đúng vậy! Có ba nguyên nhân ta nhập định hỏi ngài Di-lặc:

1. Tâm tâm hiểu nhau.

2. Hóa thân để hỏi.

3. Đời trước đã từng nghe nên hiểu được.

Bồ-tát Hòa-tu-mật thờ thầy đã ba lần tụng bốn bộ A-hàm, rải hoa cúng dường thầy, thưa:

Con đã tụng bốn bộ A-hàm. Vì thầy không nhớ nên Hòa-tu-mật nghĩ: Ta muốn gom những lời cốt yếu của bộ A-hàm làm thành một quyển để có thể thuyết giảng cho bốn hàng đệ tử, những người nghe được sẽ hoan hỷ, đến học hỏi mà không được ngồi thiền.

Những người nghe kinh nói:

–Những kinh nghe được chúng tôi chỉ cần thực hành, bấy giờ chúng tôi đều hành đạo nên không cần nghe kinh.

Rồi họ bỏ đi.

Biết được tâm niệm của họ, Hòa-tu-mật đưa tay vào lửa nhưng không bị cháy, hỏi:

–Đây không phải là tinh tấn sao?

Những người nghe kinh nói:

–Ông hãy ngồi trên tòa đá này, nếu là người hành đạo thì tòa này sẽ thành tòa mềm.

Hòa-tu-mật nói:

–Trong khoảng thời gian tôi nâng hòn đá lên nhưng chưa rơi xuống thì đắc quả A-la-hán.

Ông liền nâng, nhưng hòn đá không lên, lúc đó chư Thiên ở trên nâng hòn đá lên và giữ lại, nói:

–Ông cầu đạo Bồ-tát, chúng tôi đã biết, sẽ theo ông học đạo giải thoát, sau hai mươi kiếp ông sẽ thành Phật, chớ bỏ ý lành này.

Bấy giờ trong chúng có một Sa-môn chưa đạt đạo, nói:

–Đây là kẻ ác không nên để ở trong nước, rồi viết thư rao truyền.

Hòa-tu-mật sai người tìm thư, rồi viết thư trả lời:

–Người tốt này giáo hóa, khai ngộ tâm người, chẳng phải muốn cao ngạo, chỉ sợ kẻ ác phải tội. Lại muốn hóa, độ chúng sinh trong mười phương nên hoặc lấy cát sông Hằng để ví dụ quốc độ của Phật, Đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Chánh Giác. Những gì ta giảng thuyết là vì các Bồ-tát trong mười phương, chứ không có ý vọng cầu đạt được, không ngoài những gì

Phật đạt được.

Bồ-tát thực hành bốn thứ để sớm được thanh tịnh:

1. Người thanh tịnh.

2. Pháp thanh tịnh.

3. Khả năng thanh tịnh.

4. Ý thanh tịnh.

Ở cõi Phật nên được thanh tịnh.

Bồ-tát có bốn pháp khả ái cần đạt được: Thân, khẩu, ý, ý chỉ cũng gọi là Tứ trì: Dạy người sớm được nhẫn nhục, dạy người sớm biết điều thiện, dạy người biết thực hành phước đức, dạy đệ tử làm lành.

Xá-lợi nói: Ý niệm, sự mong muốn xét hỏi của Phật không khác gì trí tuệ của Bồ-tát tịnh hạnh.

Ở phía Nam có thành rộng một vạn sáu ngàn dặm, trong thành có các Bồ-tát, trong số đó Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là bậc tối tôn, dạy dỗ cho người đã thành Phật thì không thể kể được, phước đức của Ngài gấp mười lần. Thành của Bồ-tát Đàm-ma-a-kệ đều bằng bảy báu, rộng một vạn sáu ngàn dặm, mặt đất bằng bảy báu.

Ở phía Bắc có các Bồ-tát, trong đó có Bồ-tát Hòa-lâu, phước đức của ngài kém hơn Bồ-tát Đàm-ma-a-kệ.

Đức Phật có mười tám pháp Bất cộng từ lúc mới thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi hóa độ thế gian, sau đó nhập Vô dư Niết-bàn.

1. Không có tội lỗi.

2. Không lậu hoặc.

3. Ý chánh niệm.

4. Ý không rời định

5. Không thay đổi.

6. Quán sát không ngại.

7. Thành tựu ý nguyện.

8. Tinh tấn không giảm.

9. Ý niệm không ngừng.

10. Định lực không giảm.

11. Trí tuệ không ai bằng.

12. Độ hết chúng sinh đạt giải thoát.

13. Biết pháp quá khứ.

14. Biết pháp vị lai.
15. biết pháp hiện tại.
16. Thân nghiệp hành theo trí tuệ.
17. Khẩu nghiệp hành theo trí tuệ.
18. Ý nghiệp hành theo trí tuệ.

Đó là mười tám pháp Bất cộng.

-oOo-

SỐ 761

PHẬT THUYẾT PHÁP TẬP KINH

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy,
Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi.

QUYỂN 1

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Bà-già-bà an tọa trên đài Diệu bảo nơi lầu gác thù thắng, thuộc pháp giới sai biệt trong hư không giới. Những nơi đó đều thanh tịnh, đẹp đẽ. Do phước trí trang nghiêm như ý của Phật hóa hiện, vượt ngoài sự tính toán, suy lường, ví dụ của pháp hữu vi trong ba cõi, do phước báo của chư Phật, Như Lai hóa hiện, cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo những vị chứng đắc A-la-hán, đạt bốn Vô ngại giải thoát; các Đại Bồ-tát, những người thanh tịnh, đạt cảnh giới của Tam-muội Thường vô thường, quán hành xứ của trí Nhất thiết trí, đạt pháp giới giải thoát vô trung, vô biên, đầy đủ các hạnh nguyện, sức tự tại của Bồ-tát, trang nghiêm bằng mười công đức cùng tận, đủ tất cả Tam-muội, Đà-la-ni của Bồ-tát, bốn Trí vô ngại và tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, A-tu-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la-già oai đức rộng lớn, các vị Thiên chủ Thích Đề-hoàn nhân, Phạm thiên, Tứ thiên vương cùng trăm ngàn quyến thuộc.

Khi ấy, Phật thuyết kinh Nhập Nhất Thiết Tu Hành Thứ Đệ Pháp Môn *(Thâm Nhập Thứ Tự Của Pháp Môn Tu Hành)*. Đó là người thấy các bậc Hiền thánh phát lòng tin, đạt lòng tin thì thành tựu ý nguyện. Người đạt pháp thiện như ý thì thành tựu tâm bất đoạn. Người đạt tâm bất đoạn thì thành tựu tâm nghĩa. Người đạt tâm nghĩa thì thành tựu tâm tăng thượng. Người Bố thí ba-la-mật thì được giàu có. Người tu Giới ba-la-mật thì thành tựu quả báo nơi cõi trời, người. Người tu Nhẫn nhục ba-la-mật thì được mọi sự thanh tịnh. Người tu Tinh tấn ba-la-mật thì được tất cả pháp Phật. Người tu Thiền ba-la-mật thì điều phục được tâm. Người tu Trí ba-la-mật thì vượt khỏi thế gian. Người tu Phương tiện ba-la-mật thì được phương tiện vô ngại. Người tu Nguyện ba-la-mật thì được mọi sự như ý. Người tu Lực ba-la-mật thì không gì có thể hủy hoại.

Người tu Trí ba-la-mật thì làm nơi nương tựa cho thế gian. Người xuất gia là mong thành tựu Thánh đạo. Mặc áo hoại sắc là xa lìa mọi việc thế gian. Khất thực là để trừ bỏ tâm kiêu mạn. Sống nơi vắng lặng thì được vô úy. Nhập định thì thành tựu vô lượng thần thông. Nghe pháp thực hành thì được bốn Vô ngại. Tu niệm phương tiện thì thành tựu Đà-la-ni. Tu ý phương tiện thì được pháp trí sai biệt. Tu hành kiên cố thì ở trong đại chúng không lo sợ. Tu thích giảng thuyết phương tiện thì nói năng không nhầm. Tu ấm phương tiện thì được trí sai biệt. Tu giới phương tiện thì được trí sai biệt vi tế. Tu nhập phương tiện thì trong ngoài tâm không mê hoặc. Tu đế phương tiện thì không dối gạt chúng sinh. Tu niệm xứ phương tiện thì thuận theo mọi ý Phật. Tu chỉ phương tiện thì được tâm tịch tĩnh. Tu quán phương tiện thì điều phục được tâm. Tu tâm không cao ngạo thì thành tựu hoàn toàn Nhất thiết trí. Tu tâm không kiêu mạn thì đạt được kính tín. Tu không đối chúng sinh thì được mọi người tin. Tu trí kiên cố thì đủ các hạnh trời, người. Thực hành pháp thì đầy đủ các pháp của Thiện tri thức. Tự suy xét thì tự nhiên giác ngộ, hàng phục tâm thì được thật nghĩa của Pháp vương. Không tiếc thân mạng để tu tập thì được thân Phật. Tâm luôn kính Tam bảo thì được trí lực vô ngại. Thực hành phương tiện thiện xảo thì được trí lực, nghiệp báo. Không hủy phạm trí người thì được trí lực hiểu các căn lợi, độn. Tu trí hiểu rõ nhân duyên vi tế thì được trí lực hiểu các loại. Dựa theo Tam bảo giáo hóa chúng sinh thì được trí lực tín dục, dù ở đâu cũng không mất uy nghi. Bình đẳng thuyết pháp cho chúng sinh thì được trí lực truyền đạo khắp mọi nơi. Giáo hóa chúng sinh tu thiền thì được trí lực Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, biết rõ nhơ, sạch. Thực hành chánh đạo và giảng thuyết cho chúng sinh tà kiến thì được trí lực Thiên nhãn. Làm cho chúng sinh được chánh niệm thì được trí lực túc mạng. Chúng sinh được pháp bạch tịnh thì được trí lực lậu tận. Nghe hiểu giáo pháp, chỉ dạy chúng sinh thì ở trong chúng có oai đức không lo sợ.

Lúc Phật thuyết giảng kinh Nhập Nhất Thiết Tu Hành Thứ Đệ Pháp Môn này, trong đại chúng có hai vị Bồ-tát tên Vô Sở Phát và Phấn Tấn Tuệ cùng quyến thuộc ngồi trên lầu báu khác. Hai vị tự nghĩ: "Chúng ta nên thuyết pháp rộng lớn cho các Đại Bồ-tát." Sau đó Bồ-tát Phấn Tấn Tuệ hỏi Đại Bồ-tát Vô Sở Phát:

–Thiện nam! Làm sao các Đại Bồ-tát biết được sự ra đời, thân chân thật, nhân duyên thành tựu quả Phật, sự thường trụ đích thực, sự nhập Niết-bàn, các hạnh của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri? Làm sao các Đại Bồ-tát biết được pháp thí dụ tương ưng, có bao nhiêu Đức Phật,

chư Phật. Như Lai dựa nơi ngôn từ để thuyết pháp, nghĩa không, sự rỗng lặng của đối pháp, giảng thuyết tánh không, thật nghĩa của Pháp sư, ví dụ tương ưng của Pháp sư, pháp bất cộng trú, sự ứng hóa, quả báo thắng diệu do căn lành? Thiện nam! Làm sao các Đại Bồ-tát biết do căn lành vô lậu đạt được quả báo thù thắng?

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Sở Phát đáp lời Bồ-tát Phấn Tấn Tuệ rằng:

–Thiện nam! Ông thật khéo nêu hỏi những pháp thâm diệu này. Thiện nam! Đây pháp môn tập hợp các pháp rất quảng đại thù thắng. Thiện nam! Ông hãy lắng nghe! Tôi sẽ nương nơi thần lực của Phật mà thuyết giảng. Thế nào là pháp môn tập hợp các pháp quảng đại?

Thiện nam! Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được sự ra đời của Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Do xa lìa tâm phân biệt nên sinh ra.

2. Chuyển hết thảy thân của tâm, ý, ý thức nên được tịch tĩnh.

3. Vì tất cả sự sinh diệt mà thị hiện sinh diệt.

4. Theo hạnh quá khứ mà thực hành quả báo.

5. Đạt chỗ vô chướng ngại nơi các tập nghiệp trong pháp giới mà tạo nghiệp.

6. Nhờ đặt mười đại nguyện lên trên nên đầy đủ sự trang nghiêm trong trăm vạn a-tăng-kỳ kiếp.

7. Được sự gia hộ của chư Phật, Như Lai nên nói là chư Phật gia hộ.

8. Vì giáo hóa tất cả chúng sinh có căn lành nên tạo các nghiệp.

9. Do sức Từ bi mà tạo phương tiện giáo hóa chúng sinh, luôn hộ trì, cổ động tâm tánh chúng sinh có căn lành nên được tâm sâu xa.

10. Tùy tâm hạnh sai khác của chúng sinh nên hiện các loại thân.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được sự hiện sinh của Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được thân chân thật của Như Lai. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Lấy chân thật làm thể vì nó thanh tịnh, không nhơ.

2. Lấy pháp giới làm thể vì không sai biệt.

3. Lấy thật tế làm thể vì nó là cùng khắp.

4. Lấy Không, Vô tướng, Vô nguyện làm thể vì chân thật, tịch tĩnh.

5. Lấy huyễn hóa, sóng nắng, tiếng vang, trăng trong nước, thành ảo, vòng lửa quay làm thể vì theo nhân duyên huyễn hóa mà có.

6. Lấy bất sinh diệt làm thể vì không có vật thật.

7. Lấy tự tánh của các pháp làm thể vì tự tánh trong suốt.

8. Quá khứ không đến vì không gián đoạn.

9. Vị lai không đi vì không hình dáng.

10. Hiện tại không dừng vì quá khứ, vị lai không có.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết thân chân thật của chư Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được nhân duyên vị tha mà thành đạo của Như Lai. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Do chủng tử không phóng dật nên thành tựu quả nơi pháp thiện.

2. Do có trí tuệ phương tiện nên không lỗi lầm.

3. Nhờ đầy đủ Giới ba-la-mật nên đi đứng tự tại.

4. Vì mạng căn bằng tâm Bồ-đề nên không chết.

5. Dùng chỉ, quán làm tay nên tạo nghiệp tốt đẹp.

6. Tin nghiệp quả làm mắt nên được trí tuệ hiện tiền.

7. Do tu hành thành tựu tất cả Ba-la-mật nên ở nơi vô thượng.

8. Nhờ hành bốn Nhiếp pháp nên tu tập kiên cố.

9. Nhờ tu không tuệ nên không phân biệt.

10. Do tu hành không mỏi mệt, không lo sợ nên không bỏ chúng sinh mà làm tất cả sự việc.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được nhân duyên vị tha mà thành đạo của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được sự thường trụ chân thật của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Vì không còn lỗi sân hận nên không nắm giữ ngã, ngã sở.

2. Thường là chỗ dựa cho chúng sinh làm pháp lành nên giống như lương y.

3. Do đầy đủ nguyện thiện của quá khứ nên đạt sự không lui sụt.

4. Do Từ bi với chúng sinh nên khéo tạo nghiệp.

5. Vì lòng vị tha nên đem lại lợi ích cho chúng sinh.

6. Quên lợi ích của mình nên chịu khổ thay cho chúng sinh.

7. Không có tâm phân biệt nên xem tướng Niết-bàn, thế gian giống nhau.

8. Làm việc không mệt mỏi nên thành tựu mọi sự.

9. Không còn tâm mong cầu nên không có thân xương thịt.

10. Không có tướng chướng ngại nên thị hiện Niết-bàn khắp mọi nơi.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được sự thường trụ chân thật của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được sự nhập diệt của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Mười pháp ấy là gì?

Đó là:

1. Xa lìa hết phiền não chướng, sở tri chướng.

2. Biết được ngã không, pháp không, tất cả đều vô ngã.

3. Được Pháp thân do chuyển ý sinh.

4. Đối với tất cả chúng sinh làm mọi Phật sự tự nhiên không dừng dứt, đầy đủ trí tuệ.

5. Được tất cả Pháp thân không sai biệt của chư Phật.

6. Không còn hai tâm thế gian, Niết-bàn.

7. Làm thanh tịnh các pháp căn bản.

8. Được trí bất sinh diệt do tu các pháp.

9. Được trí thật tế bình đẳng do các pháp chân thật.

10. Được trí bình đẳng về tánh của các pháp và tánh Niết-bàn.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được sự nhập diệt của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được chứng đắc Đại Niết-bàn của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Tất cả phiền não đều do nhân mong cầu mà có. Chư Phật không mong cầu nên xa lìa phiền não, do xa lìa phiền não nên chứng đắc Niết-bàn.

2. Vì không mong cầu nên nói Như Lai không giữ một pháp nào, không nắm giữ là không đi, không ở, vì không nắm giữ nên chứng đắc Niết-bàn.

3. Vì sao Như Lai không đi và không trụ? Vì bỏ hai pháp đó nên Pháp

thân không hoại diệt, vì không sinh diệt nên chứng đắc Niết-bàn.

4. Vì sao Như Lai không sinh diệt? Vì không thể nêu bày về chư Phật, Như Lai, vì không nêu bày được nên nói Như Lai chứng đắc Niết-bàn.

5. Không có ngã, chúng sinh, tất cả chỉ là pháp sinh diệt, không có pháp để nương tựa nên chứng đắc Niết-bàn.

6. Tất cả các phiền não, tùy phiền não đều là khách trần, pháp tánh thì tịch tĩnh không đến đi, vì vậy pháp tánh chẳng phải khách, chẳng phải chủ, pháp tánh bình đẳng nên Như Lai chứng đắc Niết-bàn.

7. Lấy chân như làm thật thể, nếu không phải giúp chân như thì đều là hư vọng, thật thể là chân như, chân như là Như Lai nên Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

8. Thật tế thì không hý luận, các pháp khác đều là hý luận, chư Phật Như Lai đạt được thật tế rốt ráo nên Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

9. Không sinh là thật, pháp sinh diệt khác là lời điên đảo hư vọng, dối gạt. Đức Phật không nói lời giả dối, từ bỏ hư vọng, lấy chân thật làm thể nên Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

10. Không có pháp thật nào có thể làm hay không làm, Như Lai là Pháp thân chân thật, thân là vô vi nên Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được sự chứng đắc Đại Bát-niết-bàn của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được sự nhập diệt của chư Phật, Như Lai. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Bố thí và quả báo của bố thí không có ngã, ngã sở; Như Lai khéo biết bố thí và quả báo của bố thí nên xa lìa tâm phân biệt, điên đảo, do đó Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

2. Trì giới và quả báo của trì giới không có ngã, ngã sở; Như Lai khéo biết trì giới và quả báo của trì giới nên xa lìa tâm phân biệt điên đảo, do đó Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

3. Nhẫn nhục và quả báo của nhẫn nhục không có ngã, ngã sở; Như Lai khéo biết nhẫn nhục và quả báo của nhẫn nhục nên xa lìa tâm phân biệt điên đảo, do đó Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

4. Tinh tấn và quả báo của tinh tấn không có ngã, ngã sở; Như Lai khéo biết tinh tấn và quả báo của tinh tấn, nên xa lìa tâm phân biệt điên

đảo, do đó Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

5. Thiền định và quả báo của thiền định không có ngã, ngã sở; Như Lai khéo biết thiền định và quả báo của thiền định nên xa lìa tâm phân biệt điên đảo, do đó Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

6. Trí tuệ và quả báo của trí tuệ không có ngã, ngã sở; Như Lai khéo biết trí tuệ và quả báo của trí tuệ nên xa lìa tâm phân biệt điên đảo, do đó Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

7. Tất cả chúng sinh không phải là chúng sinh, tất cả các pháp đều không có ngã; Như Lai xa lìa tất cả các tướng điên đảo và xa lìa tất cả pháp tướng điên đảo, nên Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

8. Có ngã tướng thì có mong cầu, có mong cầu thì có phiền não nhiễm ô, bỏ ngã tướng thì không mong cầu, không mong cầu thì không phiền não nhiễm ô, vì xa lìa phiền não nhiễm ô, nên Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

9. Pháp hữu vi thì suy lường được, pháp vô vi thì không thể suy lường; Như Lai đã xa lìa pháp hữu vi, vô vi, chỉ có Pháp thân vô vi không thể hạn lượng, nên Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

10. Nếu rời bỏ sự rỗng lặng thì Như Lai không thấy chúng sinh và pháp. Sự rỗng lặng tức là pháp, pháp tức là Pháp thân, Pháp thân tức là Như Lai, nên Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được sự Đại Bát-niết-bàn của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được các hạnh của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Giữ gìn pháp là giữ gìn pháp thiện thanh tịnh.

2. Giữ gìn chúng sinh là giữ gìn đầy đủ ý nguyện.

3. Không có hai tướng tự lợi, lợi tha, vì cùng hành sự.

4. Như ngọc ma-ni không có phân biệt. Vì không phân biệt pháp giới thanh tịnh nên được an ổn.

5. Chấm dứt mọi sự ràng buộc đau khổ nên được nơi không sợ hãi.

6. Vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não, oan gia nên ở trong đại chúng luôn có oai đức, không hề sợ sệt.

7. Không nghi ngờ chánh pháp nên hàng phục được chướng ma.

8. Đạt tâm bình đẳng với chúng sinh nên hiện vô số trăm ngàn vạn

ức hóa thân.

9. Được đầy đủ thần thông thanh tịnh nên khéo léo thị hiện các hình sắc.

10. Không gì ngăn ngại là vì được hoàn toàn thanh tịnh như hư không.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được hạnh của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được các hạnh của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Như Lai không nghĩ: Các pháp thế gian có nhiều tội lỗi, Niết-bàn tịch tĩnh thì vô lượng công đức. Như Lai đạt tâm bình đẳng về thế gian và Niết-bàn, không trụ ở thế gian và Niết-bàn vì luôn làm lợi ích cho chúng sinh.

2. Thiện nam! Như Lai không nghĩ: Ta có thể giáo hóa chúng sinh với trí tuệ điên đảo, đầy dẫy phiền não, tùy phiền não nhiễm ô. Như Lai nương hạng nguyện từ quá khứ, tùy theo căn tánh, tín tâm của chúng sinh, không phân biệt các hành nên tự nhiên thành tựu.

Thiện nam! Như Lai không nghĩ: Ta đã giảng thuyết về Tu-đa-la như thế, Kỳ-dạ như thế, Hòa-già-la-na như thế, Già-đà như thế, Ưu-đà-na như thế, Ni-đà-na như thế, Y-đế-việt-đa-già như thế, Xà-đà-già như thế, Tỳ-phật-lược như thế.

3. Thiện nam! Như Lai không nghĩ: Ta đã thuyết giảng A-phù-đà-đạt-ma, Như Lai không phân biệt, chúng sinh tùy theo pháp được nghe nên thành tựu.

4. Thiện nam! Như Lai không nghĩ: Ta vào thành ấp, xóm làng, đất nước lớn nhỏ khất thực, ta đến những nơi của dòng họ Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, quốc vương, vương tử, đại thần, muôn dân, Như Lai lấy trí tuệ làm gốc nên ba nghiệp về thân, khẩu, ý tự nhiên thành tựu.

5. Thiện nam! Như Lai không có đói khát, đại tiểu tiện, thân không bệnh khổ, ốm đau, nhưng vì chúng sinh nên thị hiện khất thực, chúng sinh lại cho rằng Như Lai ăn, kỳ thật Như Lai không ăn, thị hiện việc giáo hóa chúng sinh nhưng không phân biệt, nên tự nhiên thành tựu.

6. Thiện nam! Như Lai không nghĩ: Chúng sinh này có căn tánh thượng, trung, hạ, ta tùy thuận những chúng sinh ấy mà thuyết pháp có thượng, trung, hạ, vì không có tâm phân biệt, nên thuyết pháp tự nhiên thành tựu, không thêm bớt, tùy sự lãnh thọ của chúng sinh.

7. Thiện nam! Như Lai không nghĩ: Ta sẽ không giáo hóa các chúng sinh không cúng dường cung kính, hủy nhục ta; ta sẽ giáo hóa chúng sinh cúng dường cung kính, tán thán, cung phụng ta, vì Tam-muội thanh tịnh và lòng Từ bi che chở chúng sinh nên tự nhiên trụ trong pháp bình đẳng.

8. Thiện nam! Như Lai không có tâm cao thấp, kiêu mạn, ái, tham, hận, tùy tham, chấp trước, chướng ngại, tán loạn, phiền não, sân, si, tùy sân, tùy si. Như Lai tự tịch tĩnh, tịch tĩnh nơi cảnh giới, trụ trong cảnh giới, trụ trong cảnh giới được khen là tịch tĩnh.

9. Thiện nam! Không có một pháp nào mà Như Lai không biết, không hiểu, không giác ngộ, biết hết tất cả các cảnh giới hiện tiền. Như Lai thấy mọi việc đó, thấy chúng sinh tạo nghiệp nên tự nhiên thành tựu.

10. Thiện nam! Thấy chúng sinh tu hành thành tựu, Như Lai không vui và cũng chẳng buồn khi thấy chúng sinh không tu hành. Như Lai biết chúng sinh tu hành chân chánh không làm chướng ngại tâm đại Bi hiện tiền, chúng sinh tu hành tà hạnh cũng không làm chướng ngại tâm đại Bi hiện tiền.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được các hạnh của Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được ví dụ tương ưng của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Mười pháp ấy là gì?

1. Thiện nam! Ví như mặt trời mọc thì đối với chúng sinh bậc thượng, trung, hạ, tin không tin, cung kính, không cung kính, nó đều mọc lên và chiếu sáng một cách bình đẳng. Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cũng vậy, đối với chúng sinh bậc thượng, trung, hạ, tin không tin, cung kính, không cung kính, Ngài vẫn bình đẳng xuất hiện, dùng ánh sáng trí tuệ bình đẳng chiếu soi.

2. Thiện nam! Ví như hư không, không chướng ngại nơi chúng sinh, hư không chỉ chướng ngại do mây khói sương mù. Chư Phật Như Lai cũng vậy, không chướng ngại nơi chúng sinh, chúng sinh do bị khách trần phiền não, mây mù ngã kiến che lấp nên không thấy Như Lai, không được hưởng công đức của Như Lai.

3. Thiện nam! Ví như cây tuy có tánh nóng nhưng vì không có nhân duyên nên không thể hiện tác dụng. Chư Phật Như Lai cũng vậy, tuy có vô số thần lực tự tại, nhưng vì chúng sinh không có các duyên tinh tấn, tín… nên chư Phật không xuất hiện ở đời, không làm việc Phật.

4. Thiện nam! Ví như đem các thuốc màu đựng trong một bình để

nhuộm các loại áo thì tùy màu nhuộm mà có những cái áo khác màu, nhưng những màu sắc ấy không có tâm phân biệt si khác. Chư Phật Như Lai cũng vậy, trang nghiêm bằng các công đức lành, tùy theo lòng tin… của chúng sinh mà huân tập khác nhau, thấy chư Phật Như Lai thọ hưởng công đức khác nhau, nhưng chư Phật Như Lai không có ý tưởng sai khác.

5. Thiện nam! Ví như nước sông tràn đầy, dù người khen hay chê nó vẫn chảy xuôi dòng, không bao giờ chảy ngược dòng. Chư Phật Như Lai cũng vậy, dù người khen hay Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hành pháp trí tuệ, không bao giờ có tâm kiêu mạn.

6. Thiện nam! Ví như cây mía, dù có người có chặt hay không thì vị ngọt của nó không mất. Chư Phật Như Lai cũng vậy, dù người gần gũi cung kính, cúng dường hay không, thì hoàn toàn không mất vị giải thoát.

7. Thiện nam! Ví như tánh của đất là yên định, không phân biệt chúng sinh, nếu người muốn có trái cây ăn thì trồng trọt, tùy thời chăm sóc, nhổ cỏ, đến lúc nào đó sẽ được trái cây ăn, nếu không trồng trọt nhổ cỏ thì không bao giờ có trái. Chư Phật Như Lai cũng vậy, thường trụ tịch tĩnh như đất, không phân biệt chúng sinh, nếu chúng sinh nào mong cầu công đức của Phật thì phát lòng tin, cung kính cúng dường, sẽ thành tựu công đức nếu không phát lòng tin, cung kính cúng dường thì không được trái công đức.

8. Thiện nam! Ví như người có chê hương chiên-đàn, long não… sao lại thoa thân thì hương chiên-đàn, long não hoàn toàn không vì thế mà mất mùi thơm. Chư Phật Như Lai cũng vậy, dù người mạ nhục chê trách, rồi lại gần gũi cung kính cúng dường, tu hành đúng pháp thì Như Lai luôn ban bố đầy đủ công đức cho chúng sinh.

9. Thiện nam! Ví như cây cầu, con đường dù là chúng sinh bậc thượng, trung, hạ qua lại thì nó vẫn bình đẳng ở yên, đều đem đến sự an lạc, đi lại không chướng ngại. Chư Phật Như Lai cũng vậy, dù là chúng sinh bậc thượng, trung, hạ tu hành thì Ngài vẫn an trụ bình đẳng không cao thấp, đều đem đến sự an lạc tu hành không chướng ngại.

10. Thiện nam! Ví như trên núi tuyết có cây thuốc hay tên Thiện kiến, ai thấy được cây này sẽ trừ hết mọi bệnh khổ. Chư Phật Như Lai cũng vậy, chúng sinh được gặp Phật sẽ trừ hết mọi bệnh khổ phiền não.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được ví dụ tương ưng của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết

được chư Phật. Mười pháp ấy là gì? Đó là: Tập Phật, quả báo Phật, Tam-muội Phật, nguyện Phật, tâm Phật, sự chân thật nơi Phật, sự tương đồng của Phật, sự hóa hiện của Phật, cúng dường Phật, hình tượng của Phật.

Thiện nam! Thế nào là tập khí của Phật? Tập khí của Phật là quả báo được thành tựu, từ các Ba-la-mật, nương nơi các Ba-la-mật mà sinh. Đó gọi là Tập khí của Phật.

Thiện nam! Thế nào là quả báo của Phật? Quả báo của Phật là từ tập khí mà sinh ra quả báo Phật, từ quả báo thành tựu Báo thân của Phật, y theo chúng sinh mà trụ, nương vào pháp lực mà trì. Đó gọi là quả báo Phật.

Thiện nam! Thế nào là Tam-muội Phật? Tam-muội Phật là tùy theo Như Lai nhập Tam-muội gì thì nhờ sức của Tam-muội đó mà không có tâm khác, hóa hiện trăm ngàn vạn Phật, nhờ sức giữ gìn của Tam-muội mà thị hiện mọi việc. Đó gọi là Tam-muội Phật.

Thiện nam! Thế nào là nguyện Phật? Nguyện Phật là các vị Bồ-tát phát nguyện như vầy thị hiện đủ loại sắc thân, dùng đủ nhân duyên, giáo pháp để độ chúng sinh, có bao nhiêu loại chúng sinh thì thị hiện bấy nhiêu hình sắc, tướng mạo, oai nghi, qua lại. Nếu chúng sinh thích thân Phật thì thị hiện thân Phật để hóa độ. Đó gọi là nguyện Phật.

Thiện nam! Thế nào là tâm Phật? Tâm Phật là các vị Bồ-tát được tâm tự tại, từ tâm tự tại thành tựu các pháp. Với chúng sinh thích thân Phật, Bồ-tát hóa hiện thân Phật, để mà giáo hóa, tức nơi tâm tự tại, chính là thành tựu thân Phật. Đó gọi là tâm Phật. Lại nữa, này thiện nam! Còn ý nghĩa khác nữa: Chúng sinh nào tự tâm thanh tịnh, thấy, biết, tin Phật, đó gọi là tâm Phật.

Thiện nam! Thế nào là sự chân thật nơi Phật? Sự chân thật nơi Phật là trừ bỏ vô số phiền não nhiễm ô, không còn trần cấu, luôn được thanh tịnh, thành tựu rốt ráo ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại trượng phu, biểu hiện sắc thân vi diệu của Phật. Đó gọi là sự chân thật của Phật.

Thiện nam! Thế nào là sự tương đồng của Phật? Sự tương đồng của Phật là cùng nghiệp lực, thọ dụng, ăn uống, đi đứng, tới lui, oai nghi, tiến dừng như chúng sinh. Đó gọi là sự tương đồng của Phật.

Thiện nam! Thế nào là sự hóa hiện nơi Phật? Sự hóa hiện nơi Phật là chư Phật, Như Lai và các Bồ-tát thị hiện mọi sắc thân Tam-muội, thành tựu tự tại đại Từ bi, hóa hiện sắc thân Phật để độ chúng sinh. Đó gọi là sự hóa hiện nơi Phật.

Thiện nam! Thế nào là cúng dường Phật? Cúng dường Phật là người

tôn trọng, cúng dường cung phụng Thầy, Hòa thượng như Phật, Thế Tôn, học pháp nơi Thầy, Hòa thượng để thành tựu đầy đủ pháp Phật. Đó gọi là cúng dường Phật.

Thiện nam! Thế nào là hình tượng Phật? Hình tượng Phật là có người nhờ kẻ khác tạo tượng Phật, hoặc tự mình tạo rồi cung kính cúng dường, tôn trọng, tán thán, lễ lạy, gần gũi thì nhờ đó thành tựu đầy đủ pháp Phật. Đó gọi là hình tượng Phật.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được mười thứ của Phật.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được chư Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri chỉ nương vào ngôn từ để thuyết pháp. Mười pháp ấy là gì? Đó là nói về ấm chỉ là ngôn từ, nói về giới, về nhập, về chúng sinh, về nghiệp, về sinh, về già, về chết, về sự chết rồi lại sinh ra. Nói về Niết-bàn là do xa lánh những việc ấy mà được cũng chỉ là ngôn từ.

Thiện nam! Vì sao nói ấm chỉ là ngôn từ? Thiện nam! Trong Đệ nhất nghĩa không có sắc ấm. Nếu trong Đệ nhất nghĩa có sắc ấm thì khi bỏ sắc ấm ấy sẽ là đoạn diệt, bỏ pháp ấy sẽ là giải thoát. Như vậy thì trong Đệ nhất nghĩa có nơi để sắc ấm và giải thoát đi lại, nhưng thật nghĩa không như thế. Cho nên nói sắc ấm chỉ là ngôn từ. Thiện nam! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Thiện nam! Trong Đệ nhất nghĩa không có thức ấm. Nếu trong Đệ nhất nghĩa có thức ấm thì khi bỏ thức ấm sẽ là đoạn diệt, bỏ pháp ấy sẽ là giải thoát. Như vậy thì trong Đệ nhất nghĩa có nơi để thức ấm và giải thoát đi lại, nhưng thật nghĩa không như vậy. Cho nên nói thức ấm là ngôn từ.

Thiện nam! Nghĩa của giới, nhập cũng thế.

Thiện nam! Vì sao nói chúng sinh chỉ là ngôn từ? Thiện nam! Vì chỉ là hữu vi, không có chúng sinh. Nếu chúng sinh thật không có đoạn diệt với ấm, nếu đoạn diệt với ấm thì như hư không. Nếu không như vậy thì giống năm ấm, đều là hữu vi, nhưng thật ra thì nghĩa không như vậy. Thiện nam! Vì sao nói nghiệp chỉ là ngôn từ? Vì người tạo nghiệp không phải là có, không phải là không. Nếu sự tạo nghiệp là có thì người tạo nghiệp là không, người tạo nghiệp cũng vậy, như hư không. Lại như ấm, đều là hữu vi. Vì vậy không có người tạo nghiệp và nghiệp được tạo. Như hư không làm sao có người tạo? Vì thế không có người tạo nghiệp. Không có người tạo nghiệp thì làm gì có nghiệp, cho nên nói là ngôn từ.

Thiện nam! Vì sao nói sinh chỉ là ngôn từ? Thiện nam! Vì trong Đệ

nhất nghĩa không có sinh. Nếu trong Đệ nhất nghĩa có sinh thì sinh là thường còn, nếu thế thì sinh không phải là sinh. Lại nữa, nếu sinh có khả năng sinh thì sinh có khả năng não hại rốt cuộc là ai? Cho nên nói sinh chỉ là ngôn từ.

Thiện nam! Vì sao nói già chỉ là ngôn từ? Thiện nam! Vì trong Đệ nhất nghĩa không có già. Nếu trong Đệ nhất nghĩa không có già thì già không phải một người có. Lại nữa, nếu có già thì lúc trẻ đã có già. Nếu lúc trẻ có già thì không phải lớn mới già. Vì trẻ không già nên lúc trẻ không có già, nếu không có già thì lấy gì gọi là già? Như vậy thì lớn không có già, nếu nói lớn có già thì lúc trẻ đã có già, cho nên nói già chỉ là ngôn từ.

Thiện nam! Vì sao nói chết chỉ là ngôn từ? Thiện nam! Vì trong Đệ nhất nghĩa không có chết. Nếu trong Đệ nhất nghĩa có chết thì phải là pháp chết, nếu có thì chỉ một người có, còn người khác không chết, nhưng ai cũng chết, vì vậy trong Đệ nhất nghĩa không có pháp chết. Lại nữa, chết từ đâu đến và đi về đâu? Nhưng thể tánh của pháp chết là không vắng lặng, cho nên nói chết chỉ là ngôn từ.

Thiện nam! Vì sao nói chết rồi lại sinh ra chỉ là ngôn từ? Thiện nam! Vì trong Đệ nhất nghĩa, chết thì không sinh. Nếu trong Đệ nhất nghĩa chết rồi lại sinh ra thì chết chính là sinh, sinh chính là chết. Nếu vậy, chết sống chỉ là một. Lại nữa, nếu thế thì phải có hai thân: Chủ thể thác sinh, đã thọ sinh. Nếu có thọ sinh thì có năm ấm thọ sinh. Vì sao? Vì không có năm ấm thì không có thức sinh, vì thức tâm nương các pháp thọ, tưởng, hành sinh ra và tồn tại. Nếu không có chỗ nương thì thức tâm không tồn tại một giây nào, nhưng nó lại tồn tại trên đời rồi thọ sinh, ví như hạt giống sinh ra mầm, cho nên nói chết rồi lại sinh ra chỉ là ngôn từ.

Thiện nam! Vì sao nói Niết-bàn có được do trừ bỏ mọi việc trên, chỉ là ngôn từ? Thiện nam! Vì trong Đệ nhất nghĩa không có Niết-bàn. Niết-bàn là nhận biết sự vắng lặng của thế gian, mà chẳng phải chính thế gian gọi là Niết-bàn, cũng chẳng phải lìa thế gian mà có Niết-bàn. Thế gian là mộng huyễn, không phải có, không phải không, cũng không phải vừa có vừa không. Nhưng có pháp không phải có không phải không, cũng vừa có vừa không, đó là sinh, là diệt, dập tắt mọi tướng của thế gian gọi là Niết-bàn. Như vậy, tưởng giống như dợn nắng, thọ giống như bọt nước. Như dợn nắng và bọt nước kia sinh diệt không thật, thế gian, Niết-bàn cũng vậy. Vì vậy nói thế gian, Niết-bàn chỉ là ngôn từ. Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri chỉ nương vào ngôn từ mà thuyết

pháp.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì khéo biết về nghĩa không. Mười pháp ấy là gì? Đó là biết vô ngã, không chúng sinh, không mạng căn, không tuổi thọ, không tạo tác, không sinh diệt, không làm, không dạy dỗ, không tăng thượng… là không *(rỗng lặng)*.

Thiện nam! Vì sao Bồ-tát biết vô ngã là không? Thiện nam! Không tức là không phải là có, không phải là không. Nếu sự không ấy là có thì không chính là hữu vi. Nếu thật có thì là thường còn. Nếu không ấy không phải là không thì không chính là không phải không. Vì vậy, không ấy không phải là có, không phải là không, như thế gọi là biết vô ngã là không.

Thiện nam! Vì sao biết không chúng sinh là không? Thiện nam! Chúng sinh không phải là không, không phải là không không. Nếu chúng sinh là không thì nghiệp sát sinh không có tội. Nếu chúng sinh là không không thì là thường còn. Vì vậy, Như Lai nói chúng sinh không phải là thường, không phải là vô thường, không phải hữu vi cũng không phải vô vi, như thế gọi là biết chúng sinh là không.

Thiện nam! Vì sao biết không mạng căn là không? Thiện nam! Không là không sống không chết. Vì sao? Vì mắt là không, không có ngã, ngã sở. Vì sao mắt là không, không có ngã, ngã sở? Vì pháp ấy không sinh diệt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân đều là không, không có ngã, ngã sở. Vì sao tai, mũi… là không, không có ngã, ngã sở? Vì pháp ấy không sinh diệt, như thế gọi là biết chúng sinh là không.

Thiện nam! Vì sao biết không tuổi thọ là không? Thiện nam! Không thì không đếm vào tuổi thọ, mà ấm, giới, nhập đều là không, từ ấm, giới, nhập mà giả gọi là tuổi thọ. Vì giả danh nên tướng có, không ấy không thể nói được, như thế gọi là biết không tuổi thọ không.

Thiện nam! Vì sao Bồ-tát biết không tạo tác là không? Thiện nam! Nếu lìa sự không thì không có một pháp nào gọi là tạo tác và cũng không bao giờ có sự trống không lại có tạo tác, như thế gọi là biết không tạo tác là không.

Thiện nam! Vì sao biết không sinh là không? Thiện nam! Vì pháp không là không sinh, nếu pháp không ấy có sinh thì không phải là không. Như vậy, không ấy chính là không không. Nếu đã có không thì không có pháp không. Lại nữa, nếu sự không ấy vừa sinh thì đã không phải là không, như thế gọi là biết không sinh là không.

Thiện nam! Vì sao biết không diệt là không? Thiện nam! Nếu pháp có sinh thì có diệt, pháp không ấy đã không có sinh làm sao có diệt, như

thế gọi là biết không diệt là không?

Thiện nam! Vì sao biết không tạo tác là không? Thiện nam! Không tức không phải là người khác làm ra, cũng không phải mình làm ra. Ấm, giới, nhập đều là không, từ ấm, giới, nhập nên có pháp không, như thế gọi là biết không tạo tác là không.

Thiện nam! Vì sao biết không dạy dỗ là không? Thiện nam! Vì trong không không có người dạy dỗ, làm những việc như vậy, như thế gọi là biết không dạy dỗ là không.

Thiện nam! Vì sao biết không tăng thượng là không? Thiện nam! Vì trong không không có cảnh giới, xa lìa cảnh giới, không có tâm, ý, ý thức, như thế gọi là biết không tăng thượng là không.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành. khéo biết nghĩa không.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì có thể biết tánh không nơi đối pháp. Mười pháp ấy là gì? Đó là các pháp vô minh, ái, nghiệp, thức, thủ, kiến, nghi, tà thủ, mạn, trạo.

Thiện nam! Vô minh có hai công năng: phiền não chướng và sở tri chướng; có bốn nhân: tham cõi Dục, tham cõi Sắc, tham cõi Vô sắc, tham vô hữu.

Thiện nam! Ái có hai nhân: chi hữu căn bản, tư sinh căn bản; có bốn sự tham cầu: dục, sắc, vô sắc, vô hữu.

Thiện nam! Nghiệp có một nhân pháp khởi là tâm; có ba tướng: thân, khẩu, ý nghiệp; có ba quả báo: hắc, bạch, vừa hắc vừa bạch.

Thiện nam! Thức là gì? Là sáu thức: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Thức lại có ba loại: niệm điên đảo, niệm không điên đảo, vô niệm.

Thiện nam! Thế nào là niệm điên đảo? Niệm về cõi Dục, Sắc, Vô sắc. Thế nào là niệm không điên đảo? Niệm về Niết-bàn của Tiểu thừa. Thế nào là vô niệm? Lìa hai niệm kia là vô niệm. Thế nào là lìa hai niệm kia? Niệm về pháp vô thượng của chư Phật.

Thiện nam! Thủ có bốn nhân: dục, kiến, giới, ngã. Thế nào là kiến thủ? Kiến thủ có hai: tà trí, kiến trí. Tà trí là trí hiểu biết sai lầm. Kiến trí là A-la-hán vọng kiến về Niết-bàn, vọng cầu Niết-bàn. Như vậy, kiến trí là điều mà chư Phật chê trách.

Thiện nam! Thế nào là nghi? Nghi có hai: tạo chướng ngại Đại thừa và chướng ngại nơi chánh vị. Thế nào là nghi làm chướng ngại Đại thừa? Tâm của hàng Thanh văn yếu kém, kinh sợ, mong sớm chứng Niết-bàn theo

Tiểu thừa. Vì sao? Vì họ nghĩ: "Con đường giác ngộ dài xa, có vô số hạnh khó đạt nên cầu Thanh văn thừa sớm trừ khổ não." Do vậy, làm thoái chuyển pháp Đại thừa. Thế nào là nghi làm chướng ngại chánh vị? Vì nghi nên không chứng được chánh vị, không được quả vị trí Đại thừa của Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là tà thủ? Nghĩa là tu ác hạnh bố thí… để cầu quả báo, nghĩ rằng: "Ta tu các hạnh bố thí, trì giới để được quả báo an vui, thù thắng nơi cõi trời, người." Mọi sự mong cầu tà vậy đó đều là Tà thủ.

Thiện nam! Thế nào là mạn? Có tâm cao thấp là mạn, người kia thua ta, ta hơn người kia. Tất cả tâm cao thấp, hơn thua đều là mạn.

Thiện nam! Thế nào là trạo? Trạo có hai: sinh ra phiền não, loạn động. Sinh ra phiền não là phân biệt vọng tưởng, cho rằng sắc là thanh tịnh, vì vậy thân, khẩu, ý nghiệp điều điên đảo, nên bị các bậc Thánh chê trách. Thế nào là loạn động? Tâm không an trụ trong pháp Xuất thế gian. Như thế gọi là trạo.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết tánh không của đối pháp.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết giảng thuyết về tánh không. Mười pháp ấy là gì? Đó là không phá hoại; không nhiễu động; không yêu ghét; không tu hành, chẳng phải không tu hành; không tranh chấp; không thêm bớt; nghe nói tự tánh của các pháp hữu vi là vắng lặng thì nhẫn nhục được; nghe hàng phàm phu không sinh một pháp, chư Phật không diệt một pháp thì không kinh sợ; nghe tánh thế gian, Niết-bàn là bình đẳng thì không nghi ngờ; nghe Diệu thân thường lạc và Pháp thân vô tận của chư Phật thì chánh tín hội nhập sâu xa.

Thiện nam! Vì sao không phá hoại thì có thể giảng nói được tánh không? Thiện nam! Người giảng nói được tánh không là vì pháp của thế gian không thể phá hoại được. Vì sao? Vì tâm không nương tựa trong tám pháp của thế gian: Không lệ thuộc nơi các việc được, mất *(lợi, suy)*; không vui buồn trước lời khen tiếng chê; không mừng vui hay buồn rầu trước sự ca ngợi, trách cứ; tâm không cao thấp, không yêu, ghét đối với sự vui, khổ. Các pháp thế gian ấy không thể phá hoại được, như thế gọi là không phá hoại được nên có khả năng giảng nói tánh không.

Thiện nam! Vì sao biết người bị nhiễu động thì nói được tánh không? Thiện nam! Người thuyết giảng tánh không thì không chấp giữ và xả bỏ pháp nào, là thấy, biết pháp đó là không. Người không chấp giữ và xả bỏ pháp là người tâm không nhiễu động nên nói được tánh không. Người nói

được tánh không thì không có pháp nào để yêu ghét. Không yêu ghét pháp nào thì thấy biết pháp đó là không. Nếu yêu ghét pháp nào thì Bồ-tát đó không phải là người thấy biết pháp không.

Thiện nam! Vì sao không tu hành chẳng phải là không tu hành thì nói được tánh không? Thiện nam! Người nói tánh không thì không có pháp nào là không tu hành, chẳng phải là không tu hành, vì thấy, biết pháp không, tức không phải là không tu hành pháp Trợ Bồ-đề.

Thiện nam! Vì sao người không tranh chấp thì nói được tánh không. Thiện nam! Người nói tánh không mà tranh chấp với chúng sinh thì không phải là người thấy biết pháp không. Vì thế, đối với sự tranh chấp do Bồ-tát thấy biết tánh không nên không tranh chấp.

Thiện nam! Vì sao Bồ-tát biết pháp không thêm bớt thì nói được tánh không? Thiện nam! Người nói tánh không thấy biết không có pháp nào là tăng, giảm. Nếu còn thấy pháp tăng giảm thì Bồ-tát đó không thấy biết tánh không. Đã thấy biết tánh không thì không thấy pháp có tăng giảm.

Thiện nam! Vì sao nghe tự tánh của pháp hữu vi là vắng lặng mà tâm an ổn nhẫn chịu thì nói được tánh không? Thiện nam! Người nói tánh không thì không thấy pháp nào là sinh diệt.

Thiện nam! Vì sao nghe phàm phu không sinh một pháp, chư Phật không diệt một pháp mà không kinh sợ thì nói được tánh không?

Thiện nam! Người nói tánh không thì không có tâm niệm đây là phàm phu, đây là chư Phật, biết tướng của phàm phu và chư Phật là bình đẳng. Nếu thấy pháp thế gian thấp kém, pháp Phật thù thắng thì Bồ-tát đó không thấy biết tánh không. Nếu nghe phàm phu không sinh một pháp thì chính phàm phu là không, nếu nghe chư Phật không diệt một pháp thì chính chư Phật là không.

Thiện nam! Vì sao nghe tánh thế gian, Niết-bàn bình đẳng mà không nghi ngờ nói được tánh không? Thiện nam! Nếu thấy ngoài tánh thế gian có tánh Niết-bàn thì Bồ-tát đó không thấy tánh không. Biết tánh chân như của thế gian và Niết-bàn chỉ là một tướng, tức là tánh vô vi và biết tướng của nó bình đẳng, không cao thấp, nên không nghi ngờ, lo sợ.

Thiện nam! Vì sao nghe nói Diệu thân thường lạc và Pháp thân vô tận của chư Phật mà chánh tín, hội nhập sâu xa thì nói được tánh không?

Thiện nam! Nếu nghĩ thân chư Phật, Như Lai diệt mất thì Bồ-tát đó không thấy, biết tánh không. Vì sao? Vì thân chư Phật, Như Lai là thân Chân như rỗng lặng, chẳng phải thân đầy khách trần phiền não và tùy phiền não. Như vậy gọi là nghe nói về thân thường diệu của Như Lai

và Pháp thân vô tận để có thể nói về không.

Này thiện nam! Đây gọi là Bồ-tát biết và nghe nói về Diệu thân thường lạc, Pháp thân vô tận của chư Phật, Như Lai để chánh tín, thể nhập, có thể nói về không.

Thiện nam! Đây gọi là Đại Bồ-tát thể nhập mười tám pháp hành để biết rõ và có khả năng giảng nói về không.

-oOo-

PHẬT THUYẾT PHÁP TẬP KINH

QUYỂN 2

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được thật nghĩa của Pháp sư. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Thành tựu đa văn, Tổng trì, Biển văn tuệ, Tụ tạp tạng văn tuệ mà không được cao ngạo.

2. Đầy đủ bốn vô ngại: Nghĩa, pháp, từ, nhạo thuyết mà luôn siêng năng.

3. Biết thế, thời, thuyết pháp, chúng sinh mà luôn tôn kính sự tu hành của bậc Trưởng đức.

4. Biết luận, nghĩa, giáo hóa chúng sinh mà luôn học hỏi.

5. Thành tựu các hạnh thiểu dục, tri túc mà luôn cúng dường phụng sự các bậc Tôn túc.

6. Thành tựu diệu tịnh, tịch tĩnh, tâm nhu hòa không khiếp sợ mà luôn sống với hạnh tàm, quý.

7. Thành tựu đầy đủ công đức sâu xa mà tùy thuận chúng sinh, thị hiện những sự cấu uế, không giải thoát của thế gian.

8. Thành tựu tự tánh, trực tâm, tâm nhu hòa, tâm an lạc mà thị hiện làm những việc giống như phá giới.

9. Thành tựu Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ mà không tham đắm.

10. Phân biệt các cảnh giới, cắt đứt sự ràng buộc của phiền não tham sân mà luôn siêng năng đoạn trừ phiền não cho chúng sinh. Thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì có thể biết được thật nghĩa của Pháp sư.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được thật nghĩa của Pháp sư. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Đại Bồ-tát chấm dứt mọi sự tham cầu, nhưng luôn siêng năng tạo công đức của Đại Bồ-tát.

2. Hiểu rõ sự vắng lặng của các pháp nên không chứng Bồ-đề, nhưng luôn siêng năng tu bố thí.

3. Hiện biết các pháp vô cùng tận nhưng luôn sống nhẫn nhục, an lạc.

4. Thường sống trong cảnh giới thiền định sâu xa, nhưng vẫn tạo điều lành với chúng sinh.

5. Đầy đủ diệu tịnh tịch tĩnh nhưng vẫn thị hiện tâm tán loạn, điên đảo để giáo hóa chúng sinh.

6. Thành tựu Đà-la-ni và bốn Vô ngại nhưng luôn siêng năng học hỏi, hiểu biết.

7. Thành tựu tạng pháp bí mật nhưng vẫn siêng năng trải qua trăm ngàn do-tuần để học một bài kệ.

8. Biết các pháp không do người khác đem đến nhưng siêng năng gần gũi, cung kính sư trưởng.

9. Biết các pháp không sinh diệt, nhưng luôn siêng năng hộ trì chánh pháp.

10. Không thấy có chúng sinh và danh tự chúng sinh nhưng luôn siêng năng giáo hóa chúng sinh, đạt Đại Bồ-đề.

Thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì có thể biết được thật nghĩa của Pháp sư.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được thật nghĩa của Pháp sư. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Vì thành tựu Nhiếp thọ ngữ nên thực hành bố thí, ái ngữ, lợi ích, đồng sự.

2. Vì thành tựu Nhu nhuyến ngữ nên phát tâm đại Bi.

3. Vì thành tựu Tùy thuận ngữ nên tùy thuận tịch tĩnh, lìa phiền não, giải thoát.

4. Vì thành tựu Tùy thuận ngữ nên tùy thuận Chỉ, Quán và chân như.

5. Vì thành tựu Thiện xảo ngữ nên đầy đủ lời nói rõ ràng, không bị chê trách, không ai xâm đoạt.

6. Vì thành tựu Tự nghĩa ngữ nên bỏ lời ác, đủ lời thật nghĩa.

7. Vì bỏ lời dua nịnh nên phá trừ vô minh, lừa dối chúng sinh.

8. Vì không có lời nghi ngờ nên hiện thấy tướng các pháp.

9. Vì trừ bỏ lời nói phiền não kết sử, nên đoạn trừ nhân của phiền não và tùy thuận phiền não.

10. Không còn lời nói căn bản phiền não vì không còn ở nơi trần cấu phát khởi.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì có

thể biết được thật nghĩa của Pháp sư.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được thật nghĩa của pháp sư. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Đại Bồ-tát thuyết giảng giáo pháp đều y theo diệu pháp, không vì sự cung kính cúng dường mà thuyết pháp.

2. Nương nơi tất cả chư Phật, không nương theo tự tâm mà thuyết pháp.

3. Nương nơi gốc đại Từ bi, không nương gốc phiền não, tùy phiền não mà thuyết pháp.

4. Vì đoạn trừ phàm phu tùy thuận kết sử, không vì người đoạn tuyệt sự tùy thuận Phật, Pháp, Tăng như pháp tu hành mà thuyết pháp.

5. Vì lòng đại Từ bi tạo lợi ích cho chúng sinh, không vì an lạc tự lợi mà thuyết pháp.

6. Phàm người thuyết pháp nương vào pháp thâm diệu để thuyết giảng, do vì đã rốt ráo các pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện.

7. Người thuyết giảng y theo người thù thắng mà thuyết vì có thể tùy thuận chuyển bánh xe pháp lớn.

8. Người thuyết pháp do có khả năng hàng phục ma ngũ ấm, ma chết, ma phiền não, Thiên ma nên thuyết pháp để hàng phục tất cả ma oán.

9. Người thuyết pháp tùy thuận đạo tràng mà thuyết, vì đó là nơi thế gian đáng cúng dường.

10. Người thuyết pháp tùy thuận tất cả trí hiểu biết mà thuyết là vì đã đạt được mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì có thể biết được thật nghĩa của Pháp sư.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được thật nghĩa của Pháp sư. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Thích nghiệp sát sinh phạm hạnh không thích nghiệp sát sinh thế gian.

2. Thích pháp các bậc Thánh thực hành nhưng lại làm việc đáng trách để giáo hóa chúng sinh.

3. Thích thức ăn chánh pháp không tham thức ăn thế gian.

4. Thích nơi vắng lặng không tham đắm nơi thành ấp, xóm làng.

5. Thích sự giác ngộ của chư Phật, không mong cầu sự giác ngộ của Thanh văn, Bích-chi-phật.

6. Thích đoạn trừ sở tri chướng, không thích đoạn trừ phiền não chướng.

7. Thích thành tựu sắc thân với ba mươi hai tốt tướng, tám mươi vẻ đẹp, không thích chỉ chứng pháp thân.

8. Thích thành tựu mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng, không thích chỉ chứng pháp tứ đế.

9. Thích tùy thuận thiện căn của chúng sinh, không thích tu tập thiện căn chính mình.

10. Thích đoạn trừ phiền não và chủng tử phiền não, không thích chỉ đoạn trừ pháp thiền não chướng.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì có thể biết được thật nghĩa của Pháp sư.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được thí dụ tương đương của Pháp sư. Mười pháp ấy là gì?

1. Thiện nam! Ví như tánh của đất bình đẳng có thể nâng đỡ hết thảy chúng sinh nhưng không mong đền đáp, Bồ-tát pháp sư cũng vậy, tâm tánh bình đẳng, che chở chúng sinh mà không mong đền đáp.

2. Thiện nam! Ví như tánh của nước có thể làm tươi nhuận mọi vật, nhưng không mong đền đáp, Bồ-tát Pháp sư cũng vậy, đem công đức mình tạo lợi ích cho chúng sinh để họ được an ổn mà không mong đền đáp.

3. Thiện nam! Ví như tánh của lửa có thể làm chín mọi vật, nhưng không mong cầu, Bồ-tát Pháp sư cũng vậy, dùng công đức, trí tuệ của mình tạo sự thành tựu đầy đủ về quả báo của thiện căn cho chúng sinh mà không mong đền đáp.

Thiện nam! Ví như tánh của gió có thể nuôi lớn mọi cỏ cây, nhưng không phân biệt, không mong cầu, Bồ-tát Pháp sư cũng vậy, có khả năng làm tăng trưởng Sinh thân, Pháp thân của chúng sinh mà không mong đền đáp.

5. Thiện nam! Ví như hư không rộng lớn vô cùng, thể của nó không chướng ngại, dung nạp mọi thứ nhưng không phân biệt không tham vướng, Bồ-tát Pháp sư cũng vậy, thành tựu vô số công đức, thể tánh không chướng ngại, tạo lợi ích cho chúng sinh nhưng không phân biệt, không tham chấp.

6. Thiện nam! Ví như trăng sáng trong hư không thanh tịnh tròn đầy, ai thấy cũng thích, chiếu soi mọi hình tượng trong thế gian nhưng không bị nhơ uế, Bồ-tát Pháp sư cũng vậy, xuất hiện ở đời, đầy đủ công đức, chúng sinh ở bất cứ nơi nào thấy được đều yêu thích, cứu độ chúng sinh nhưng

không bị thế gian làm ô nhiễm.

7. Thiện nam! Ví như mặt trời mọc rọi khắp nơi, không còn tăm tối, không bị chướng ngại, chúng sinh làm việc đều được thành tựu, nhưng tánh không phân biệt, không mong báo ân, Bồ-tát Pháp sư cũng vậy, xuất hiện ở đời, phá trừ vô minh tăm tối của chúng sinh, dùng trí tuệ sáng soi làm căn lành của chúng sinh tăng trưởng, nhưng không phân biệt, không mong đền đáp.

8. Thiện nam! Ví như chiếc thuyền bền chắc không hư hoại, đưa chúng sinh qua biển nhưng không đòi hỏi đền đáp, Bồ-tát pháp sư cũng vậy, lấy trí tuệ làm sự bền chắc, lấy các Ba-la-mật làm sự vững chãi, lấy đại Từ bi làm dây khéo léo, đưa chúng sinh qua biển sinh tử mà không đòi hỏi đền đáp.

9. Thiện nam! Ví như chiếc cầu bắc ngang qua ghềnh thác, sông suối nguy hiểm đáng sợ, đem đến sự an lạc bình đẳng cho chúng sinh đi qua mà không có ý tưởng phân biệt, Bồ-tát Pháp sư cũng vậy, lá chiếc cầu trong dòng thác phiền não nguy hiểm đáng sợ, đem đến sự an lạc bình đẳng cho chúng sinh, mà không có tâm phân biệt độ thoát.

10. Thiện nam! Ví như đốt đèn sáng trong nhà tối, đối với chúng sinh thượng, trung, hạ ánh đèn vẫn bình đẳng chiếu soi mà không có ý tưởng về ngã, ngã sở, Bồ-tát Pháp sư cũng vậy, đốt đèn sáng trí tuệ trong nhà vô minh tăm tối, bình đẳng chiếu soi cho chúng sinh thượng trung, hạ mà không có tâm về ngã, ngã sở.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì có thể biết được thí dụ tương ưng của Pháp sư.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được pháp không nên chung sống. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Không ở chung với chúng sinh yếu kém, tâm thấp hèn hẹp hòi.

2. Không ở chung với chúng sinh không có tâm rộng lớn, hạnh rộng lớn, biếng nhác.

3. Không ở chung với chúng sinh có tâm kiêu mạn, tăng thượng mạn, ngã mạn giống như cờ phướn cao.

4. Không ở chung với chúng sinh keo kiệt, phá giới, sân hận, biếng nhác, loạn tâm, ngu si.

5. Không ở chung với chúng sinh luôn tham dục, sân hận, não hại, giác quán.

6. Không ở chung với chúng sinh phân biệt đủ thứ.

7. Không ở chung với chúng sinh bị triền cái, chướng ngại phiền não sai sử.

8. Không ở chung với hàng Thanh văn, Bích-chi-phật và tâm niệm thế gian.

9. Không sống với tâm niệm mong cầu cung kính khen ngợi, lễ bái.

10. Không sống với tâm ngã, ngã sở.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được pháp không nên chung sống.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát không sống với mười tâm xả bỏ. Những gì là mười? Đó là:

1. Không sống với tâm không giữ gìn diệu pháp.

2. Không sống với tâm không nghe diệu pháp.

3. Không sống với tâm không giáo hóa chúng sinh.

4. Không sống với tâm không bố thí pháp cho chúng sinh.

5. Không sống với tâm không tôn trọng cung kính cúng dường.

6. Không sống với tâm không hàng phục ma chướng.

7. Không sống với tâm không dẹp trừ ngoại đạo.

8. Không sống với tâm không hộ trì diệu pháp.

9. Không sống với tâm không tu các Ba-la-mật.

10. Không sống với tâm không hồi hướng về ba tụ.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát đối với mười loại tâm xả bỏ đều không chung sống.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được các sự việc nên hóa hiện. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Sự hóa hiện ra Chuyển luân vương.

2. Sự hóa hiện ra Đế Thích.

3. Sự hóa hiện ra Phạm Vương.

4. Sự hóa hiện ra Thanh văn.

5. Sự hóa hiện ra Bích-chi-phật.

6. Sự hóa hiện ra Bồ-tát.

7. Sự hóa hiện ra Phật.

8. Sự hóa hiện ra đất nước Phật.

9. Sự hóa hiện ra Đạo tràng.

10. Sự hóa hiện ra Đại chúng.

Thiện nam! những sự ứng hóa này đều do Bồ-tát tùy thuận lòng mong muốn của chúng sinh.

Thiện nam! Nếu chúng sinh có tâm tôn kính Chuyển luân vương, giữ giới, tu hành mười nghiệp lành, có oai nghi thì Bồ-tát thị hiện những sự trang nghiêm của Chuyển luân vương để tạo lợi ích cho họ. Thiện nam! Bánh xe báu ngàn căm trang nghiêm của Chuyển luân vương đều làm bằng vàng Diêm-phù-đàn, vượt hơn trời, người, phi nhân do công đức nơi ý nguyện sinh ra, ai thấy cũng thích, những Luân vương phàm không có được như vậy. Voi báu thì thân hình sáng đẹp, đầy đủ sáu ngà và các tướng, ai thấy cũng thích, đi trong hư không nhanh lẹ như voi Yên-la-bà-na, chim cánh vàng… do phước lực của căn lành thù thắng hóa sinh, những Luân vương phàm không có được. Ngựa báu thì sắc xanh biếc, tánh thuần thục hiền lành giống như ngựa chúa Bà-la-ha, đi trong hư không nhanh lẹ như gió, xứng ý nhà vua giống như ngọc Như ý, những Luân vương phàm không có. Ma-ni báu thì tự nhiên đầy đủ góc cạnh, không phải do thợ làm ra, sắc sáng rực che lấp ánh sáng mặt trời, mặt trăng, sao, lửa, muốn gì được nấy, những Luân vương phàm không có. Ngọc nữ thì da dẻ mịn màng, hình tướng xinh đẹp, không quá đen trắng, cao thấp mập ốm, oai nghi, cử chỉ đều rất ưa nhìn, lại thông đạt hết kỹ thuật thế gian và luận điểm của năm minh, giọng nói hòa nhã êm dịu, thành tựu biện tài, lời lẽ khéo léo, đầy đủ mọi việc thù thắng như ngọc Như ý, tâm luôn an lạc, thực hành pháp thiện, những Luân vương phàm không có. Chủ tàng báu thì thân cao lớn, tánh khí vững chải ví như lực sĩ Kim cang, vua Tỳ-sa-môn, khôi ngôi tuấn tú, nói năng lưu loát, ai thấy được nghe đều vui thích, thành tựu mắt thịt đầy đủ từ bi, muốn gì được nấy như ngọc Như ý, Chủ tàng báu này do thiện căn của Luân vương hóa sinh, những Luân vương phàm không có. Chủ binh báu thì do tất cả công đức của thiện căn hóa sinh, giống như ngọc ma-ni ảnh tượng trong gương, hoàn tất mọi mong muốn của vua, thấy hình tướng là biết được mọi việc, những vật cần dùng đều thù thắng không thể chê trách, đi trong hư không tự tại vô ngại, luôn dẫn đường theo ý vua, nơi nào đi qua đều được chinh phục, những Luân vương phàm không có. Bảy sự quý báu của Chuyển luân vương đó đều do thần lực tự tại của Bồ-tát tạo ra để làm an lạc cho chúng sinh. Vật báu và sự tạo nghiệp của vua đều thù thắng không thể chê trách, dùng những tâm chân thật nhu hòa, tùy thuận chánh pháp chuyển bánh xe pháp, giáo hóa chúng sinh thực hành mười nghiệp lành, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt.

Thiện nam! Nếu chúng sinh tôn kính Đao-lợi vương thì Bồ-tát hóa thân làm Đế Thích có một trăm mắt ở cõi trời Tam thập tam, nói: Mọi pháp

đều vô thường, các người nên bỏ phóng dật.

Thiện nam! Nếu chúng sinh tôn trọng Đại phạm vương, thì Bồ-tát hóa thân làm Phạm vương, oai nghi thù thắng, giảng thuyết bốn Thiền định cho đại chúng.

Thiện nam! Chúng sinh nào nên dùng thân Thanh văn để hóa độ, không dùng thân Bích-chi-phật và thân Phật thì Bồ-tát hóa thân Thanh văn, nói pháp chấm dứt các khổ, được vui vô vi cho chúng sinh ấy.

Thiện nam! Chúng sinh nào nên dùng thân Bích-chi-phật để hóa độ, không dùng thân Thanh văn, thân Phật thì Bồ-tát hóa thân Bích-chi-phật giảng thuyết pháp của Bích-chi-phật, nói rõ các pháp đều vô thường, thích chỗ vắng lặng, nói giải thoát, Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, bốn Như ý túc, Bích-chi-phật là ruộng phước lớn, giảng pháp vô vi, giáo hóa chúng sinh làm cho chúng sinh có chánh tín.

Thiện nam! Chúng sinh nào nên dùng thân Bồ-tát để hóa độ thì Bồ-tát dùng thân vi diệu thanh tịnh, thuyết giảng sáu pháp Ba-la-mật, bốn pháp tịch tĩnh, đại Từ, đại Bi, các sức nhẫn nhục tự tại.

Thiện nam! Chúng sinh nào đầy đủ căn lành nên dùng thân Phật để độ thoát thì Bồ-tát hóa thân Phật thuyết giảng mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, thị hiện thần thông thù thắng của chư Phật.

Thiện nam! Chúng sinh nào nên dùng cõi thanh tịnh trang nghiêm thù thắng của chư Phật để độ thoát thì Bồ-tát biến ra tam thiên đại thiên thế giới bằng phẳng như bàn tay không cao thấp, đất mềm mại như cỏ Ca-lân-đà, ai tiếp xúc cũng đều vui vẻ và màu sắc như lưu ly, thoảng hương Ưu-la-ca chiên-đàn, không có các đường ác, không có người nữ, kẻ huỳnh môn, hoặc tạo ra núi bằng bảy báu xinh đẹp, đủ các loại hoa trái thơm lạ, không có những núi tối tăm, hầm hố, gò đống, sạn sỏi, cỏ cây nhơ uế, gai góc, hiện ra những thắng sự để giáo hóa chúng sinh.

Thiện nam! Chúng sinh nào nên dùng đạo tràng thù thắng trang nghiêm để hóa độ thì Bồ-tát thị hiện cây đạo tràng trang nghiêm cao to hai mươi do-tuần, rễ cây chắc chắn không lay động được, thân cây bằng vàng Diêm-phù-đàn, nhánh lá bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, mã não và hiện ra vô số người nữ.

Thiện nam! Chúng sinh nào nên dùng đại chúng thù thắng để độ thoát thì Bồ-tát hóa hiện chư Thiên oai đức lớn, trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-đà, Thích Đề-hoàn nhân, Phạm thiên vương, Tứ thiên vương hoặc Thanh văn đạt bốn Vô ngại giải thoát, hoặc Bồ-tát trụ Địa thứ mười đạt Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được các sự việc nên hóa hiện.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được quả báo thù thắng của các căn lành. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Thiện nam! Ví như do có mặt trăng trong hư không mà thấy các hình tượng mặt trăng trong nước, nhưng mặt trăng trong hư không không xuống nước. Cũng vậy, do nhân duyên lành mà có quả thù thắng, thành tựu mọi ý thích. Như mặt trăng trong hư không không xuống nước, nhân duyên lành cũng không đi đến quả báo nhưng vẫn do đó mà quả báo thù diệu, sai khác.

2. Thiện nam! Ví như do nghiệp nhân nhìn vào vòng tròn trên lông chim công thì thấy các màu sắc. Cũng vậy, Đại Bồ-tát do nghiệp, nhân lành mà có vô số quả báo sai khác. Như nghiệp nhân không đi vào cái vòng tròn trên lông nhưng vẫn do lực của nó nên nhìn thì thấy các màu sắc. Cũng vậy, nghiệp, nhân lành không đi đến quả báo, nhưng vẫn do đó mà quả báo thù thắng, sai khác.

3. Thiện nam! Ví như nhờ thiện căn thù thắng mà trong hư không mưa hoa đủ sắc hương vị, tướng hoa, hư không khác với thiện căn, cũng vậy nghiệp nhân lành không đi đến quả báo, nhưng vẫn do đó mà có vô số quả báo thù thắng, sai khác.

4. Thiện nam! Ví như do nghiệp lành thù thắng nên trong hư không có tiếng nhạc hay, vui vẻ nhưng hạnh lành ấy không đi vào tiếng nhạc, vì tướng hạnh lành khác với tiếng nhạc. Tướng tuy khác nhưng do nghiệp lành mà trong hư không có tiếng nhạc. Cũng vậy, do nghiệp nhân lành mà có quả báo thù thắng dù nghiệp nhân lành không đi đến quả báo vẫn do nghiệp nhân lành mà có vô số quả báo sai khác.

5. Thiện nam! Ví như do bốn đại tăng thượng duyên mà trong hư không có cầu vòng đủ màu dù bốn đại không đi đến cầu vồng nhưng do lực của nó mà cầu vồng đủ màu sắc khác nhau. Do địa đại có màu vàng, do thủy đại có màu xanh, do hỏa đại có màu đỏ và các màu đẹp, do phong đại có tướng tròn của cầu vồng. Cũng vậy do nghiệp nhân lành tăng thượng mà có vô số quả báo.

6. Thiện nam! Ví như Luân vương, nhờ thọ trì mười nghiệp lành mà có bảy báu, lúa gạo tự nhiên không cần trồng trọt, dù mười nghiệp lành không đi đến lúa gạo và bảy báu, nhưng vẫn do đó mà có quả báo Luân vương thù thắng. Như vậy, do lực của thiện căn, thiện tâm hành động mà có quả báo Luân vương thù thắng, nhưng vì nghiệp nhân không

đi đến quả báo nên nói nhân quả khác nhau.

7. Thiện nam! Ví như nhờ nghiệp nhân thù thắng mà chư Thiên tự nhiên có hoa Mạn-đà-la, cung điện đẹp, các thức ngon, dù thiện căn không đi đến quả báo nhưng vẫn do đó mà có quả báo chư Thiên thù thắng.

8. Thiện nam! Ví như do lực thần thông như ý thù thắng nên vách đá không chướng ngại được, dù thần thông đi đến sự không chướng ngại, nhưng vẫn do đó mà có sự không chướng ngại. Cũng vậy, do thiện căn không phóng dật mà có quả báo thù thắng.

9. Thiện nam! Ví như do gió có lửa hừng, nếu không có gió thì chẳng có lửa hừng, lửa đã có thì nhờ sức lửa mà nấu chín, soi sáng, nhưng tánh lửa không do gió đưa đến, vì ánh sáng, sức nóng của lửa không có trong gió. Cũng vậy, mọi quả báo đều từ nhân duyên sinh.

10. Thiện nam nên biết, ví như Tỳ-kheo thực hành chánh pháp được công đức vô lậu, tùy ý tự tại, ở trong hư không, đất, nước, gió, lửa, xanh, vàng, đỏ, trắng, không chướng ngại, dù tâm không chướng ngại đó không đi vào hư không, nhưng vẫn thành tựu mọi sự không chướng ngại, vì thế từ tâm mà được mọi sự không chướng ngại. Cũng vậy, do nghiệp nhân nơi căn lành vô lậu mà có quả báo thù thắng.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì có thể biết được quả báo thù thắng của căn lành.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được quả báo thù thắng của thiện căn vô lậu. Mười pháp ấy là gì? Đó là: sáu Thông, ba Minh, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Nhất thiết nhập, mười Tự tại, mười Đế, chín Thứ đệ định Tam-ma-bạt-đề, mười Lực, mười trí.

Thiện nam! Sáu thông là gì? Đó là Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Như ý trí, Lậu tận trí.

Thiện nam! Đại Bồ-tát có Thiên nhãn thông thì thấy rõ đầy đủ mọi công đức lành, không chướng ngại, không đắm chấp, không dừng yên, không hành động, không sai lầm, không chê trách, không ở chung với Thanh văn, Bích-chi-phật, rời bỏ tất cả phiền não và chủng tử phiền não, không thấy sai, nhớ sai. Đại Bồ-tát có Thiên nhãn thì thấy chúng sinh đều do nghiệp nhân mà có sống chết, đẹp xấu, thô tế, biết như thật về nhân quả. Đại Bồ-tát có Thiên nhãn thì sẽ được Phật trí, thành tựu Phật trí.

Thiện nam! Đại Bồ-tát có Thiên nhĩ thông thì không gì chướng ngại được, đầy đủ mọi công đức lành hơn phàm phu, Thích Đề-hoàn nhân, Tứ thiên vương, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-

na-la, Ma-hầu-la-đà, Thanh văn, Bích-chi-phật. Nhờ Thiên nhĩ thanh tịnh, thù thắng, không chướng ngại này mà nghe mọi thứ tiếng của Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-đà, cho đến tiếng muỗi, ruồi, nhặng, kiến, tiếng Thánh nhân, phi Thánh nhân, không thích tiếng Thánh nhân, không ghét tiếng phi Thánh nhân, nghe tiếng phàm phu không cho là thấp kém, nghe tiếng Thanh văn, Bích-chi-phật không cho là hơn, không vui khi nghe tiếng Thánh nhân, không buồn khi nghe tiếng phi Thánh nhân, nghe mọi thứ tiếng mà không có ý hay dở xem như tiếng vang trong hư không, không có ngã, ngã sở, vắng yên lặng rỗng lặng, không có tai và tiếng tham đắm. Thiện nam! Đại Bồ-tát có Tha tâm trí thì biết như thật về tâm mình, nhờ vậy mà biết như thật về tâm chúng sinh tham, không tham hay Đại Bồ-tát biết như thật về tâm tham nhưng không giận, tâm không tham cũng chẳng vui, chỉ phát tâm Bi với chúng sinh có tâm tham, phát tâm Từ với chúng sinh không tham. Cũng vậy, Đại Bồ-tát biết như thật về tâm sân hay không sân; tâm si hay không si; tâm ái hay không ái; tâm thủ hay không thủ; tâm nhiễm ô hay không nhiễm ô; tâm suy xét hay không suy xét; tâm Tam-muội hay không Tam-muội; tâm như thật biết giải thoát hay không giải thoát. Như vậy, Đại Bồ-tát biết như thật về tâm chúng sinh, đối với chúng sinh chưa giải thoát thì không sinh tâm giận, cũng không vui đối với chúng sinh giải thoát, chỉ phát khởi tâm Bi đối với chúng sinh chưa giải thoát, phát khởi tâm Từ đối với chúng sinh giải thoát. Biết như thật tất cả các pháp đều từ nơi tâm, không tham chấp tâm này, tâm kia. Đại Bồ-tát có Tha tâm trí biết như thật về tâm chúng sinh. Các chúng sinh nếu không được Bồ-tát cho niệm lực thì không thể biết tâm Bồ-tát, cho đến dùng Thiên nhãn cũng không biết được, tất cả các Thanh văn, Bích-chi-phật cũng không biết được, huống gì là những kẻ phàm phu vô trí làm sao biết được. Đó gọi là Tha tâm trí của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Đại Bồ-tát có Túc mạng trí thì đầy đủ mọi căn lành, có thể biết được thân mạng trong vô số kiếp ở quá khứ của mình và chúng sinh, biết được một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn vạn đời cho đến vô số a-tăng-kỳ đời, vô số trăm ngàn ức na-do-tha đời, biết rõ sự thành hoại của một kiếp, vô số a-tăng-kỳ kiếp, vô số trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, biết rõ sự thành hoại của đại kiếp, biết rõ trăm kiếp, ngàn kiếp, trăm ngàn kiếp, trăm ngàn vạn kiếp, vô số trăm ngàn vạn kiếp của đại kiếp. Ngoài chư Phật và Bồ-tát trụ địa ra, Đại Bồ-tát có túc mạng trí biết rõ sự mê hoặc của tất cả thế gian trời, người, Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát biết mình sống ở nơi đó có họ tên, hình sắc, sự ăn uống, mạng sống, sự dừng ở, cao thấp,

mập ốm, đẹp xấu, khổ vui như vậy. Sau khi chết lại sinh đến nơi kia, có họ tên, hình sắc, sự ăn uống, mạng sống, sự dừng ở, cao thấp, mập ốm, đẹp xấu, khổ vui như vậy và cũng biết rõ như vậy về thân của chúng sinh như ruồi, muỗi, nhặng, kiến… Đại Bồ-tát có Túc mạng trí thì không chướng ngại, đình trệ, không tham chấp, luôn tương ưng với đại Từ bi, sâu xa không thể suy xét được, xa rời kết sử phiền não và chủng tử phiền não, trang nghiêm bằng công đức trí tuệ thanh tịnh.

Thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát có Như ý thông trí? Là Đại Bồ-tát có mọi trí tuệ phước đức không chướng ngại, tự nhiên không phân biệt, trải qua vô số a-tăng-kỳ trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp tu tập Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Do sức trí tuệ nơi tự thân tăng thượng và duyên tăng thượng của Như Lai tịnh thiên mà Bồ-tát thành tựu như ý nguyện, tự nhiên không chướng ngại, vượt tất cả thế gian để tạo lợi ích cho chúng sinh. Bồ-tát này muốn dừng ở đâu thì ở đó, muốn thị hiện cảnh giới gì thì thị hiện cảnh giới đó. Với trí tuệ tự tại như ý Bồ-tát thị hiện khắp mọi nơi không chướng ngại. Đối với chúng sinh đáng dùng thân chúng sinh để độ thoát thì Bồ-tát thị hiện thân hình chúng sinh, hiện ra tất cả các thân hình tùy theo căn cơ của chúng sinh, làm mọi việc nói năng có oai nghi, Bồ-tát muốn biến sắc thân chúng sinh thành sắc tượng Phật thì hiện ngay. Bồ-tát lại muốn biến sắc tượng Phật thành thân chúng sinh thì hiện ngay. Bồ-tát muốn cho kiếp thành thành kiếp hoại thì thị hiện cho chúng sinh thấy hay ngược lại biến kiếp hoại trở thành kiếp thành. Như thế tất cả sự thành hay hoại đều thị hiện ra. Bồ-tát lại muốn làm cho một kiếp trở thành một phần của ngày thì thị hiện cho chúng sinh thấy. Bồ-tát muốn cho một phần của ngày thành một kiếp thị hiện cho chúng sinh thấy như thế. Đó là Đại Bồ-tát hóa hiện Như ý thông. Đại Bồ-tát đạt hiện tiền Như ý thông là Đại Bồ-tát có công đức trí tuệ không thể nghĩ bàn tự nhiên vô tâm mà thành, thành tựu mọi việc hiện tiền không bị hư hoại. Thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát đạt Như ý thông tự nhiên? Chúng sinh nào có tín tâm như vậy, thích thấy các hình sắc oai nghi thì Bồ-tát không suy xét, không phân biệt mà tự nhiên hiện. Có bao nhiêu thế giới chúng sinh thích thấy Phật ra đời để độ thoát thì Bồ-tát thị hiện Đức Phật ra đời ở những nơi đó, từ cõi trời Đâu-suất hiện xuống, vào thai, ra thai, xuất gia tu khổ hạnh, đến đạo tràng, chiến thắng ma, thành Chánh giác, chuyển bánh xe pháp, thị hiện Niết-bàn để giáo hóa chúng sinh. Thiện nam! Đại Bồ-tát có Như ý thần thông trí thì có vô lượng cảnh giới thần thông như ý như thế.

Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát có Lậu tận trí thông? Bồ-tát xa lìa bốn

lậu: đó là dục lậu, hữu lậu, khiến lậu, vô minh lậu. Đại Bồ-tát xa lìa các lậu như thế không còn thọ sinh. Tuy không thọ sinh nhưng Bồ-tát tùy thuận thị hiện những nơi sinh để giáo hóa chúng sinh, đó là Bồ-tát an nhiên hành đạo Bồ-tát không dừng nghỉ.

Thiện nam! Ba Minh của Bồ-tát là gì? Đó là Thiên nhãn trí minh, Túc mạng trí minh, Lậu tận trí minh.

Thiện nam! Thế nào là trí có Thiên nhãn trí, Thiên nhãn minh? Thế nào là Thiên? Là Thiên nhãn trí của Thanh tịnh thiên và Thắng diệu thượng thiên, Bồ-tát đạt được Thiên nhãn trí đó. Thanh tịnh thiên là Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát, chư Phật. Thắng diệu thượng thiên là chư Phật, Như Lai, trên các hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Đại Bồ-tát được Thiên nhãn của chư Phật, Như Lai là Minh thứ nhất.

Thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát có Túc mạng trí minh? Chư Phật Như Lai thấy, hiểu hết các cảnh giới quá khứ, hiện tại, vị lai, Bồ-tát đạt được lãnh vực đó là Bồ-tát có Túc mạng trí minh. Minh này khác với Thanh văn, Bích-chi-phật, đó là Minh thứ hai.

Thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát có Lậu tận trí minh? Bồ-tát từ bỏ bốn lậu: dục, hữu, kiến, vô minh và chủng tử phiền não. Khi Bồ-tát chứng được kiến đạo thì đã đoạn trừ được phiền não và chủng tử phiền não đó, không phải chỉ đoạn trừ pháp phiền não chướng, lại khác với Thanh văn, Bích-chi-phật. Đã đạt lậu tận thì không còn chướng ngại trong việc thọ sinh và giáo hóa chúng sinh.

Thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát có tám Giải thoát?

Đó là:

1. Có sắc thấy sắc là giải thoát thứ nhất.

2. Bên trong có sắc tướng thấy sắc bên ngoài là giải thoát thư hai.

3. Tin vào sự thanh tịnh là giải thoát thứ ba.

4. Vượt qua các sắc tướng, chấm dứt các tướng đối đãi, không nghĩ đến các tướng khác, biết hư không vô biên, thể nhập Hư không vô biên là giải thoát thứ tư.

5. Bồ-tát vượt qua các tướng hư không vô biên, biết thức vô biên, thể nhập Thức vô biên là giải thoát thứ năm.

6. Bồ-tát vượt qua các tướng thức vô biên, biết vô sở hữu, thể nhập Vô sở hữu xứ là giải thoát thứ sáu.

7. Đại Bồ-tát vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, biết sự an ổn của phi hữu tưởng phi vô tưởng, thể nhập Phi hữu tưởng phi vô tưởng là giải thoát thứ

bảy.

8. Bồ-tát vượt qua Phi hữu tưởng phi vô tưởng, chấm dứt các thọ tưởng, thể nhập Diệt tận định là giải thoát thứ tám.

Thiện nam! Thế nào là có sắc thấy sắc? Những gì có sắc đều do nhân duyên sinh, biết chúng rỗng lặng, không có tuổi thọ, do đó thoát khỏi sự trói buộc, là giải thoát. Thế nào là bên trong có sắc tướng, thấy sắc bên ngoài? Thấy sự rỗng lặng không có tuổi thọ đều là nhân duyên sinh, do đó thoát khỏi sự trói buộc là giải thoát. Thế nào là tin vào sự thanh tịnh? Nếu phân biệt tướng tịnh, bất tịnh là tà kiến, vì tin vào sự thanh tịnh nên thoát khỏi sự trói buộc, là giải thoát. Vượt qua tất cả sắc tướng, chấm dứt mọi tướng đối đãi, không nghĩ đến tướng sai biệt, biết Hư không vô biên, thể nhập Hư không vô biên, biết vô số Hư không đều rỗng lặng thì thoát khỏi trói buộc, là giải thoát. Vượt qua Hư không vô biên biết thức vô biên, thể nhập thức vô biên, biết tất cả thức vô biên đó đều rỗng lặng thì thoát khỏi sự trói buộc, là giải thoát. Vượt qua Thức vô biên biết Vô sở hữu, thể nhập Vô sở hữu, sở hữu là phiền não tham, sân, si, thể nhập Vô sở hữu là diệt trừ phiền não ấy, do biết như vậy nên thoát khỏi sự trói buộc, là giải thoát. Vượt qua các Vô sở hữu, biết sự an ổn của Phi hữu tưởng phi vô tưởng, thể nhập Phi hữu tưởng phi vô tưởng. Phi hữu tưởng là tự tánh rỗng rộng, vắng lặng, phi vô tưởng là do nhân duyên mà có, nhờ biết như vậy nên thoát khỏi sự trói buộc, là giải thoát. Vượt qua Phi hữu tưởng phi vô tưởng, chấm dứt các thọ tưởng, thể nhập Diệt tận định. Bồ-tát thấy tưởng như dợn nắng, thọ như bọt nước, tưởng chính là thọ, thọ chính là tưởng, không hiểu biết, không thọ mạng, do biết như vậy nên thoát khỏi sự trói buộc, là giải thoát.

Thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát có tám Thắng xứ?

Đó là:

1. Có sắc thấy sắc tự tại thấy biết về sắc đó. Đó là Thắng xứ thứ nhất.

2. Trong thân có sắc tướng, thấy sắc đẹp xấu bên ngoài, tự tại thấy biết sắc đó. Đó là Thắng xứ thứ hai.

3. Trong thân có sắc tướng, thấy vô số sắc đẹp xấu bên ngoài, tự tại thấy biết về sắc đó. Đó là Thắng xứ thứ ba.

4. Trong thân có sắc tướng, thấy một ít sắc đẹp bên ngoài, tự tại thấy biết sắc đó. Đó là Thắng xứ thứ tư.

5. Trong thân có sắc tướng, thấy sắc bên ngoài có màu xanh ánh sáng xanh, ví như thấy màu xanh ánh sáng xanh của hoa Ưu-ma-ca. Cũng vậy, do bên trong có sắc tướng, Bồ-tát thấy sắc bên ngoài có màu xanh ánh sáng

xanh, tự tại thấy biết sắc đó. Đó là Thắng xứ thứ năm.

6. Bên trong có sắc tướng, thấy sắc bên ngoài có màu vàng, ánh sáng vàng, ví như thấy màu vàng ánh sáng vàng của hoa Da-ni-ca-la. Cũng vậy, do bên trong có sắc tướng, Bồ-tát thấy sắc bên ngoài có màu vàng ánh sáng vàng, tự tại thấy biết sắc ấy. Đó là Thắng xứ thứ sáu.

7. Bên trong có sắc tướng, thấy sắc bên ngoài có màu đỏ ánh sáng đỏ, ví như thấy màu đỏ ánh sáng đỏ của hoa Bát-đầu-thi-bà. Cũng vậy, do bên trong có sắc tướng, Bồ-tát thấy sắc bên ngoài có màu đỏ ánh sáng đỏ, tự tại thấy biết sắc đó. Đó là Thắng xứ thứ bảy.

8. Bên trong có sắc tướng, thấy sắc bên ngoài có màu trắng ánh sáng trắng, ví như thấy màu trắng ánh sáng trắng của hoa Ưu-sa-tư-đa-la. Cũng vậy, do bên trong có sắc tướng, Bồ-tát thấy sắc bên ngoài có màu trắng ánh sáng trắng, tự tại thấy biết sắc đó. Đó là Thắng xứ thứ tám.

-oOo-

PHẬT THUYẾT PHÁP TẬP KINH

QUYỂN 3

Thiện nam! Mười Nhất thiết nhập *(tất cả nhập)* của Đại Bồ-tát là gì? Đó là đất, nước, gió, lửa, hư không, xanh, vàng, đỏ, trắng và thức. Nếu Bồ-tát muốn đem tất cả các cảnh giới nhập thành một cảnh giới thì tất cả các các cảnh giới nhập thành một cảnh giới, đó là nhập đất, nước, gió, lửa, hư không. Nếu đem tất cả nhập thành một nhập thì liền nhập thành một nhập xanh, vàng, đỏ, trắng, thức. Nếu đem tất cả đất, nước, gió, lửa, hư không, xanh, vàng, đỏ, trắng và thức, nhập thành một nhập thì liền nhập thành một, cho nên gọi tất cả nhập thành một nhập, một nhập thành tất cả nhập.

Thiện nam! Mười sự tự tại của Đại Bồ-tát là gì? Đó là mạng, tâm, vật, nghiệp, sinh, như ý, tín, nguyện, trí, pháp tự tại. Được cam lồ bậc thượng là Mạng tự tại. Biết tất cả đều từ một tâm là Tâm tự tại. Trong tay có các thứ châu báu và xem hư không là kho tàng là Vật tự tại. Trừ hết phiền não, chủng tử phiền não, vô minh kết sử gọi là Nghiệp tự tại. Tùy ý lưu luyến trong thiền định, Tam-muội giải thoát, Tam-ma-bạt-đề gọi là Sinh tự tại. Tự nhiên thực hành mọi hạnh là Như ý tự tại. Đạt quán tự tại trong tất cả nhập là Tín tự tại. Vừa có ý nghĩa là thành tựu mọi việc là Nguyện tự tại. Các nghiệp thân, khẩu, ý đều sống trong trí tuệ gọi là Trí tự tại. Đạt thực tế, pháp giới chân như bình đẳng, trí tuệ vô cấu là Pháp tự tại.

Lại nữa, thiện nam! Do đạt Mạng tự tại nên đối trị được sự lo sợ thần chết của thế gian. Do đạt Tâm tự tại nên đối trị được sự lo sợ về phiền não của thế gian. Do đạt Vật tự tại nên đối trị được sự lo sợ nghèo khổ của thế gian. Do đạt Nghiệp tự tại nên đối trị được sự lo sợ việc ác của thế gian. Do đạt Sinh tự tại nên đối trị được sự lo sợ về đường ác của thế gian. Do đạt Như ý tự tại nên đối trị được sự lo sợ về tín cầu của thế gian. Do đạt Tín tự tại, nên đối trị được sự lo sợ tội hủy báng của thế gian. Do đạt Nguyện tự tại, nên đối trị được sự lo sợ về sự trói buộc tâm niệm của thế gian. Do đạt Trí tự tại, nên đối trị được sự lo sợ về chống trái, nghi ngờ đâu đâu của thế gian. Do đạt Pháp tự tại nên đối trị được sự lo sợ về đại chúng của thế gian.

Lại nữa, thiện nam! Trừ bỏ tội sát sinh, không có tâm giận dữ, não

hại chúng sinh là nhân của Mạng tự tại. Với chúng sinh thọ lạc không chướng ngại đại Từ, với chúng sinh chịu khổ, không chướng ngại đại Bi, đó là nhân của Tâm tự tại. Tâm bình đẳng không nắm giữ các việc, hồi hướng đến đại Bồ-đề là nhân của Vật tự tại. Thâm nhập các nghiệp tạo tác, nghĩa là thanh tịnh nghiệp thân, khẩu, ý là nhân của Nghiệp tự tại. Dùng tâm Bồ-đề làm gốc để giữ gìn tất cả căn lành và mười nghiệp đạo là nhân của Sinh tự tại. Đem những sự cúng dường, cung kính lễ bái, ca ngợi, voi ngựa xe cộ cho chúng sinh là nhân của Như ý tự tại. Giáo hóa chúng sinh sống trong Tam bảo là nhân của Tín tự tại. Làm thanh tịnh nghiệp thân, khẩu, ý của chúng sinh là nhân của Nguyện tự tại. Bỏ tâm tham ăn uống, cung kính cúng dường, đem Pháp thực cho chúng sinh là nhân của Trí tự tại. Bình đẳng giáo hóa chúng sinh, nói cho chúng sinh biết pháp giới bình đẳng, nói cho tất cả chúng sinh biết chư Phật, Như Lai là Pháp thân chứ không phải thân do ăn uống là nhân của Pháp tự tại gọi là Bồ-tát được mười tự tại.

Thiện nam! Mười đế của Đại Bồ-tát là gì? Đó là Thế đế, Đệ nhất nghĩa đế, Tướng đế, Sai biệt đế, Quán đế, Sự đế, Sinh đế, Tận vô sinh trí đế, Nhập đạo trí đế, Tập Như Lai trí đế.

Thiện nam! Thế đế là những danh số hữu hạn, nhỏ hẹp, không rộng lớn được nói cho chúng sinh.

Đệ nhất nghĩa đế là pháp Không thâm diệu tương ưng với pháp, không hạn lượng, không đoạn tuyệt, không do nhân duyên sinh, tướng bình đẳng không cao thấp, không loạn không tịnh, là tướng chân như của các pháp.

Tướng đế nghĩa là sự giày vò não hại là tướng Khổ, sinh là tướng Tập, tịnh là tướng Diệt, sự chuyên chở là tướng Đạo. Lại nữa, thiện nam! Biết tự tánh của các pháp không có tướng ngã, chứng đạo, chứng đạt là Tướng đế. Nhứt thế biết tự tánh của các pháp là tướng thanh tịnh, xa lìa, rỗng lặng, không sinh diệt, chứng đạo, chứng đạt là Tướng đế.

Sai biệt đế đó là các pháp đều cùng một tướng, do nhân duyên mà nói sai khác. Một tướng chính là tướng rỗng lặng. Rỗng lặng do những cái khác mà nói sai biệt. Lại nữa, các pháp là vô tướng, vô nguyện, vô hình, không sinh diệt, mọi sự sai khác đó đều là không, cho nên không có tướng trái nhau.

Quán đế là gì? Quán là quán triệt, suy xét, giác ngộ, chứng đạt về những sự thấy biết, trí hiểu biết không trái cảnh hiểu biết.

Sự đế là sự trí. Sự là ấm, giới, nhập, biết ấm, giới, nhập đều do duyên

sinh, không có sự, không thọ mạng, nhờ biết vậy mà đạt đạo.

Thế nào là Sinh đế? Nương vào trí, hạnh, đạo để đoạn trừ phiền não, đạt mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, chứng tất cả pháp, được pháp tự tại, thù thắng của Như Lai.

Tận sinh trí đế là chấm dứt các pháp hữu vi. Các pháp hữu vi đó chấm dứt nhưng không có sự chấm dứt, vì chấm dứt là không có chấm dứt. Nếu chấm dứt có chấm dứt thì có sự chấm dứt của chấm dứt. Vì vậy, chấm dứt nhưng không có sự chấm dứt, chấm dứt không có sinh diệt.

Thế nào là Nhập đạo trí đế? Đó là những trí gì, đạo gì, tu tập công đức gì, tu tập trí gì? Biết các pháp không sinh diệt, tự mình thâm nhập pháp đó, làm cho người khác thâm nhập.

Thế nào là Tập Như Lai trí đế? Chính là địa ở giữa địa Pháp vân và địa Như Lai. Tập Như Lai trí đế là đạt đạo tự nhiên, chứng Như Lai trí.

Thiện nam! Chín Định thứ đệ nhập Tam-ma-bạt-đề của Đại Bồ-tát là gì? Đó là Bồ-tát lìa các dục và các pháp ác, có giác có quán ly sinh hỷ lạc thể nhập Sơ thiền. Thiện nam! Lìa các dục, là người nhập Sơ thiền thì trừ bỏ các pháp ái nhiễm. Lìa các pháp ác là do tham sân si mà có sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói ác, nói thêu dệt, tham, sân, tà kiến. Đó là các pháp ác, trừ bỏ các pháp đó là nhập Sơ hiền. Hữu giác là giác ngộ chung. Thế nào là giác? Nương vào cảnh giới nào để tùy thuận Sơ thiền? Giác ấy có nhiều tên khác nhau: Trí giác, Tư duy quán, Tập định. Thế nào là quán? Là tùy thuận giác hạnh của Sơ thiền, tư duy quán sát đó thành vị Sơ thiền, tư duy quán sát, thọ tri giác dục định. Từ hạnh chán lìa có giác quán đó thành vị Sơ thiền, từ hạnh chán lìa có hỷ lạc đó thành vị Sơ thiền, đó là có thể nhập Sơ thiền có hỷ lạc hạnh: Thọ trì hộ niệm cái biết về hỷ lạc… Đại Bồ-tát trụ trong Sơ thiền thì đạt pháp Nhẫn vô sinh, vì dục tâm tăng thượng nên nhập thiền để cầu pháp Nhẫn vô sinh. Đại Bồ-tát đó dần được pháp Nhẫn vô sinh, vì tâm không bền chắc của Sơ thiền nên Bồ-tát bỏ Sơ thiền cầu Nhị thiền.

Bồ-tát bỏ tâm có giác quán của Sơ thiền, diệt trừ, lìa bỏ tâm ấy nên được thanh tịnh, tâm tịch tĩnh đó là nhập Nhị thiền, thành tựu hạnh tư duy của Nhị thiền. Bồ-tát bỏ giác quán, bên trong thanh tịnh, chú tâm một chỗ không còn giác quán, định sinh hỷ lạc, thể nhập Nhị thiền. Bên trong thanh tịnh nghĩa là đối trị chướng ngại ở pháp Nhị thiền, Bồ-tát đạt tịch tĩnh vô cấu nên gọi là bên trong thanh tịnh. Tâm chuyên một chỗ là diệt trừ giác quán của Sơ thiền, hoàn toàn tịch tĩnh giống như biển lớn. Thiện nam! Ví như tất cả các dòng sông chảy về biển đều có một vị mặn. Cũng vậy, Đại

Bồ-tát nhập Nhị thiền, diệt trừ giác quán của Sơ thiền, chỉ có một vị tịch tĩnh không giác quán, đó là đạt Tam-muội không giác quán. Từ Tam-muội đó Bồ-tát phát sinh hỷ, tức là tâm vui trong Phật, Pháp, Tăng, từ tâm vui đó các công đức làm tự nhiên đầy đủ. Pháp Nhẫn vô sinh nơi Bồ-tát đó càng thêm sáng tỏ, thù thắng, nhu hòa, đạt tâm thượng dục. Vì tâm thượng dục, Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh không trụ, không thích cảnh Nhị thiền nên cầu vào Tam thiền thù thắng.

Bồ-tát có tâm ấy, biết rằng tâm hỷ chướng ngại Tam thiền và pháp Nhẫn vô sinh nên Bồ-tát bỏ hỷ, thực hành xả về niệm tuệ, an lạc tuệ, thân thọ lạc, lạc này các bậc Thánh cũng bỏ, ly hỷ lạc thể nhập Tam thiền. Bồ-tát đạt lạc Tam-muội, bỏ tâm hỷ kia, nghĩ: Đây không có hỷ lạc vì lạc vô thường, là pháp tận diệt, không phải thường còn, không phải lạc chân thật, cứu cánh. Do biết vậy, Bồ-tát dần được pháp Nhẫn vô sinh, tăng tâm thượng dục. Từ đó, Bồ-tát xa lìa khổ vui. Bồ-tát xa lìa khổ vui thì trước phải diệt được ưu và hỷ, không khổ vui, xả niệm thanh tịnh, thể nhập Tứ thiền.

Bồ-tát đạt Tứ thiền Tam-ma-bạt-đề, tâm nhu hòa tự tại, tịch tĩnh, sáng suốt, chánh trực, đem tất cả lạc này cho chúng sinh. Khi Bồ-tát làm cho chúng sinh được an lạc hiện tiền, thì đạt pháp Nhẫn vô sinh quang minh hiện tiền. Do đó, làm cho các hành nhanh chóng, khi Bồ-tát không vui trong niềm vui thù thắng của Tứ thiền, trừ bỏ vui ấy, xả niệm thanh tịnh, chỉ thấy hư không hiện tiền.

Bồ-tát vượt qua các sắc tướng, trừ diệt tướng hữu đối, không nghĩ đến các tướng, biết Hư không vô biên, thể nhập Hư không vô biên. Bồ-tát quán sát sắc có hai: Một là tứ đại; hai là dựa nơi tứ đại. Tứ đại là đất nước gió lửa, dựa vào tứ đại là sắc, hương, vị, xúc. Như vậy rộng thì có tám loại sắc. Do diệt trừ các sắc tướng nên nói vượt qua các sắc tướng. Pháp sinh ra các sắc tướng đó chắc chắn có tướng chướng ngại. Vì vậy, vượt qua các sắc tướng, chấm dứt các tướng có đối ngại, không nghĩ, không tạo các tướng khác. Vì vượt qua các dị tướng, không nghĩ đến đó, chỉ thấy tướng hư không, nên Bồ-tát biết hư không không hạn lượng, nhập hạnh Hư không vô biên. Bồ-tát nhập Tam-muội hư không vô biên rồi suy nghĩ: Pháp không có biên vực đó thì không có bờ trước, giữa, sau. Cứ vậy, Bồ-tát quán xét các pháp không có bờ trước, giữa, sau. Bồ-tát nhập Tam-muội này sẽ phát tâm đại Từ với chúng sinh, đại Trí bình đẳng hiện tiền về các pháp. Lúc này, Bồ-tát đạt được thắng tấn quang minh hiện tiền trong pháp Nhẫn vô sinh.

Bồ-tát vượt qua tướng Hư không vô biên, hiện biết tướng Thức vô

biên, thể nhập Thức vô biên. Bồ-tát nghĩ: Tướng hư không vô biên này chỉ là phân biệt tưởng tượng của thức. Do đó biết các pháp đều là tướng của thức. Thức này không hạn lượng, không biên vực. Nhập Tam-muội này, Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh chẳng phải thành tựu rốt ráo pháp Nhẫn vô sinh.

Bồ-tát vượt qua tướng Thức vô biên hiện tiền biết Vô sở hữu xứ, thể nhập Vô sở hữu, Vô thiểu xứ. Vô sở hữu là không có sở hữu. Thế nào là sở hữu? Chính là phân biệt các loại tham, sân, si hư dối, tất cả pháp hữu vi đều sinh từ tâm phân biệt, hư dối. Vì không có tâm phân biệt đó nên nói là vô sở hữu. Vô thiểu: Những tướng vi tế nhỏ nhặt trong các pháp trên là tướng thiểu, vì không có tướng thiểu đó nên gọi là vô thiểu. Vượt qua các tướng thô tế đó gọi là Vô sở hữu vô thiểu. Bồ-tát nhập Tam-muội này, đạt quang minh hiện tiền thù thắng trong pháp Nhẫn vô sinh. Do đạt được pháp đó nên Bồ-tát không thích Tam-muội Vô sở hữu vô thiểu. Bồ-tát cầu Tam-muội tăng thượng nên có tâm thắng dục, do đó Bồ-tát nghĩ: Hành tướng Vô sở hữu vô thiểu này cũng là tướng vi tế, do phân biệt hư vọng, nên tiếp tục quán sát phi tướng phi phi tướng. Những pháp nào là phi tướng phi phi tướng? Phi tướng là không, phi phi tướng là do nhân duyên sinh. Lúc ấy Bồ-tát đạt Tam-muội phi tướng phi phi tướng hiện tiền. Bồ-tát vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ thiểu tướng thể nhập Tam-muội Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Ở đây, Bồ-tát nghĩ: Phi tưởng phi phi tưởng xứ chẳng có gì vui, Bồ-tát bỏ pháp này, ngay khi đó các pháp không sinh diệt hiện tiền, thấy tự tánh tịch diệt của tất cả các pháp, nên Bồ-tát không tiến hành, không dừng trụ. Khi đó Bồ-tát đạt thắng thượng thanh tịnh pháp Nhẫn vô sinh. Từ đây trở về sau, Bồ-tát đạt Bồ-tát đạo tự nhiên không dừng nghỉ.

Thiện nam! Mười Lực của Đại Bồ-tát là gì? Đó là Tín lực, Nội lực, Tu hành lực, Nhẫn nhục lực, Trí lực, Ly lực, Văn tuệ lực, Nhạo thuyết lực, Công đức lực, Như thật tu hành lực.

Thiện nam! Thế nào là Tín lực? Đại Bồ-tát tin những pháp gì thì tùy tâm thành tựu năng lực tin tưởng quyết định trong pháp đó. Bồ-tát sống trong Tín lực thì tất cả trời, người, ma trong đời không thể làm nhiễu động được. Đó gọi là Tín lực của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Nội lực của Đại Bồ-tát? Khi Bồ-tát có tâm tham thì tu quán bất tịnh diệt trừ tâm tham. Khi khởi tâm sân thì tu hạnh đại Từ để diệt tâm sân. Khi khởi tâm si thì tu hạnh nhân duyên để diệt tâm si. Nếu bị người đánh đập, trói buộc, chửi mắng, Bồ-tát nghĩ: Tiếng nói như

âm vang, sự chửi mắng như giấc mộng. Lúc đó, Bồ-tát đạt trí bình đẳng, tin biết trói buộc, đánh đập, chỉ là nghiệp của mình. Thấy như vậy thì các phiền não đó ngừng ngay. Bồ-tát biết trong thân này có những gì? Có những sự giày vò não hại, chúng như ánh trăng trong nước, lúc ấy Bồ-tát đạt trí bình đẳng, nhờ biết vậy nên chúng bị tiêu diệt ngay. Nói tóm lại, Bồ-tát biết được các phiền não đều là cửa thanh tịnh. Đó gọi là Nội lực của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Tu hành lực của Đại Bồ-tát? Đó là năng lực tin tưởng mà hành theo và năng lực trực nhận đạo pháp để đối trị pháp chướng ngại, nhưng pháp chướng ngại đó không thể làm chướng ngại được. Bồ-tát ở trong địa vị Tín hành và Kiến đạo thì Trời, Người, Ma, Phạm không thể nhiễu động được. Đó gọi là Tu hành lực của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Nhẫn nhục lực của Đại Bồ-tát? Bị người mắng chửi, mà Bồ-tát không báo oán là vì đạt Trí lực như hưởng bình đẳng *(Trí lực bình đẳng xem đó như tiếng vang)*. Bị người đánh mà không báo oán là vì đạt Cảnh tượng bình đẳng trí lực *(Trí lực bình đẳng xem đó như ảnh trong gương)*. Bị người não hại mà không báo oán là vì đạt Như huyễn bình đẳng trí lực *(Trí lực bình đẳng xem đó như huyễn mộng)*. Bị người chọc giận mà không báo oán là vì đạt được Nội thanh tịnh bình đẳng trí lực *(Trí lực bình đẳng do thanh tịnh bên trong)*. Không bị tám pháp thế gian làm ô nhiễm vì đạt được Thế pháp thanh tịnh bình đẳng trí lực. Các phiền não không thể nhiễm ô, không thắng được là vì đạt Tập nhân duyên bình đẳng trí lực *(Trí lực bình đẳng xem đó do nhân duyên sinh)*. Nói tóm lại, Bồ-tát thấy các món phiền não nhiễm ô đều là pháp môn thanh tịnh. Đó gọi là Nhẫn nhục lực của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Trí lực của Đại Bồ-tát? Bồ-tát biết ấm, giới, nhập là không, không sinh diệt, dùng trí đó để tu tập đại Bồ-đề. Bồ-tát trụ trong trí này thì không bị ma, ngoại đạo, tà kiến, hiện hình dáng Phật làm loạn động, nhiễu hại, cũng chẳng làm cho Bồ-tát nghi ngờ. Đó gọi là Trí lực của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Ly lực của Đại Bồ-tát? Đó là Bồ-tát ở nơi nào đấy, chúng sinh đến, dùng lời ác mắng chửi, hủy báng, còn hủy mạ Phật, Pháp, Tăng bảo, hoặc bắt Bồ-tát hoặc cắt, hoặc xẻ, lúc ấy, Bồ-tát không hề sinh tâm não hại và sân hận đối với chúng sinh, cũng không sinh phiền não, kết sử và tập khí phiền não. Nếu có chúng sinh đến bảo Bồ-tát làm ác thì Bồ-tát giáo hóa chúng theo mình, đạt tâm kiên cố trong Tam bảo. Đó gọi là Ly lực của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Văn tuệ lực của Đại Bồ-tát? Là Bồ-tát có đa văn, gồm đủ văn trì, văn tuệ hải tạng, văn tuệ tu tập. Với sự thành tựu Văn tuệ lực như vậy, nếu chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đến chỗ Bồ-tát hỏi những nghi ngờ khác nhau thì lúc đó tâm Bồ-tát không động, dùng một thứ tiếng để trả lời, chấm dứt tất cả sự nghi ngờ. Cùng lúc, Bồ-tát đã đáp được sự nghi ngờ trong trăm ngàn vạn kiếp. Đó gọi là Văn tuệ lực của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Nhạo thuyết lực của Đại Bồ-tát? Bồ-tát thuyết pháp cho trăm ngàn na-do-tha đại chúng, nhưng không suy xét, không phân biệt chúng sinh nào thích nghe pháp gì thì Bồ-tát tùy thuận để thuyết. Bồ-tát thuyết pháp không mất nghĩa văn tự, không nói trùng lập, không nói nhanh, chậm, không nói lời ác, nhiều ít. Đó gọi là Nhạo thuyết lực của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Công đức lực của Đại Bồ-tát? Khi Bồ-tát ở nơi gốc cây, trong thất hoặc chỗ trống bị các loại ma và quyến thuộc của ma đến phá hoại, nhiễu động, nhưng chúng không thể phá hoại được hạnh Bồ-tát, chúng kinh sợ rồi giải tán, hoặc bị diệt trừ mà không ai cứu được. Tất cả những khí cụ như đao, kiếm, mâu thuẫn, câu, móc, búa, bánh xe, lưới, dây cung, tên, giáo kích… nhiều như mưa của chúng ma đều do Công đức lực của Bồ-tát mà biến thành các loại hoa Mạn-đà-la, Ma-ha mạn-đà-la, Lô-giá, Ma-ha lô-giá, Đà-la, Ma-ha đà-la, Chiên-đàn, Tu-ma-na, Ưu-ba-la, Bát-đầu-ma, cúng dường Bồ-tát. Những tiếng la ó thô bạo của chúng ma ai nghe cũng kinh sợ, nhưng nhờ năng lực công đức của Bồ-tát mà biến thành những tiếng khen ngợi hay tuyệt. Nhờ năng lực công đức của Bồ-tát mà sáu cảnh trần của ma bị tiêu diệt lập tức, tùy tâm của Bồ-tát mà trong hư không hiện ra cảnh giới đẹp. Nhờ công đức tăng thượng của Bồ-tát mà hư không biến thành kho tàng, trong tay có đủ các loại châu báu cho tất cả chúng sinh tiêu dùng. Tất cả đều nhờ năng lực công đức mà thành tựu. Thiện nam! Dù trải qua một kiếp cũng không thể nói hết công đức của Bồ-tát. Đó gọi là Công đức lực của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Như thật tu hành lực của Đại Bồ-tát? Thiện nam! Đại Bồ-tát có mười lực Như thật tu hành. Những gì là mười?

1. Lực tu hành bố thí.
2. Lực tu hành trì giới.
3. Lực tu hành nhẫn nhục.
4. Lực tu hành tinh tấn.
5. Lực tu hành thiền định.

6. Lực tu hành trí tuệ.

7. Lực tu hành phương tiện.

8. Lực tu hành nguyện.

9. Lực tu hành lực.

10. Lực tu hành trí.

Đó là mười lực Như thật tu hành phải có trong tướng Ba-la-mật của Đại Bồ-tát. Thiện nam! Vô số lực Như thật tu hành khác đều thuộc về mười lực Như thật tu hành này.

Thiện nam! Thế nào là Lực tu hành bố thí của Đại Bồ-tát? Bồ-tát ban bố không tham tiếc một vật gì, chỉ trừ việc não hại chúng sinh, Bồ-tát bố thí theo sở nguyện của chúng sinh. Tâm bố thí đó ngoài chư Phật và Bồ-tát đạt Nhẫn vị ra không chúng sinh nào tin được, huống gì là hiểu biết! Đó gọi là Lực tu hành bố thí của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Lực tu hành trì giới của Đại Bồ-tát? Thiện nam! Lực tu hành trì giới của Bồ-tát có mười loại. Những gì là mười?

1. Tu hành trì giới Thanh văn.

2. Tu hành trì giới Bích-chi-phật.

3. Tu hành trì giới Bồ-tát.

4. Tu hành trì giới nhiếp thọ tất cả pháp lành.

5. Tu hành trì giới luôn tìm cầu Thiện tri thức.

6. Tu hành trì giới hộ trì giữ gìn diệu pháp.

7. Tu hành trì giới luôn làm lợi ích cho chúng sinh.

8. Tu hành trì giới hồi hướng lên Đại Bồ-đề.

9. Tu hành trì giới thường tịch tĩnh nhập Tam-muội.

10. Tu hành trì giới đoạn trừ phiền não và tập khí phiền não.

Thiện nam! Bồ-tát phân biệt hoàn toàn sự giữ giới vi tế, vì thế không phải là người đạt Nhất thiết chủng trí thì không thể biết được sự giữ giới của Bồ-tát. Đó gọi là Lực tu hành trì giới của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Lực tu hành nhẫn nhục của Đại Bồ-tát? Đại Bồ-tát có ba nhẫn: Nhẫn chịu các khổ; bị kẻ ác hại mà không báo oán; biết các pháp không sinh. Thiện nam! Nhẫn chịu các khổ vì biết đó là nghiệp của mình tạo; nhẫn nhục không báo oán vì xem chúng sinh như con một; nhẫn nhục về các pháp vì đạt trí vô sinh về các pháp. Thiện nam! Đó gọi là Lực tu hành nhẫn nhục của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Lực tu hành tinh tấn của Đại Bồ-tát? Thiện

nam! Bồ-tát ở bất cứ nơi đâu, tu hành pháp gì đều thành tựu năng lực tu hành pháp lành. Trong mỗi pháp kia sinh tâm như thế này: Ta thành tựu pháp thiện này là để làm cho tất cả chúng sinh đều được như ta. Đó gọi là Lực tu hành tinh tấn của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Lực tu hành thiền định của Đại Bồ-tát? Bồ-tát không thấy một pháp nào là không tịch tĩnh, biết tự tánh các pháp là vắng lặng, diệt trừ mọi hiểu biết, bỏ tâm, ý, ý thức, không sinh diệt, không loạn động, Bồ-tát không thấy tâm mình định, tâm chúng sinh loạn, không thấy ngoài thân mình và người lại có Tam-muội, nhưng luôn siêng năng tu tập các công đức không dừng nghỉ. Đó gọi là Lực tu hành thiền định của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Lực tu hành Bát-nhã của Đại Bồ-tát? Bồ-tát không thấy một pháp nào là không duyên sinh, không thấy pháp nào ngoài không, vô tướng, vô tác, giải thoát, không thấy có pháp nào ngoài sự rỗng lặng giải thoát, nhưng siêng năng tu tập pháp trợ Bồ-đề và giáo hóa chúng sinh không ngừng. Đó gọi là Lực tu hành Bát-nhã của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Lực tu hành phương tiện của Đại Bồ-tát? Bồ-tát không thấy tự thân nhưng luôn hộ trì một hạnh của mình, không thấy chúng sinh nhưng luôn giáo hóa chúng sinh, không thấy phiền não nhưng luôn hộ trì các tình căn. Bồ-tát thấy các sắc không ngoài Phật sắc, nhưng lại mong được thấy sắc Như Lai. Nghe các tiếng không ngoài tiếng pháp, nhưng luôn mong được nghe pháp không nhàm chán. Không thấy thế gian nhưng thường nhàm chán thế gian. Không thấy Niết-bàn nhưng vì đạt Niết-bàn mà xả bỏ mọi việc trong ngoài, không thấy Phật-Bồ-đề nhưng vì đắc quả Phật Bồ-đề mà phát trăm ngàn vạn nguyện, luôn tu tập. Đó gọi là Lực tu hành phương tiện của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Lực tu hành về nguyện của Đại Bồ-tát? Đại Bồ-tát không thấy một pháp nào tăng giảm, nhưng lại tùy hỷ với chúng sinh tạo căn lành, hồi hướng đến Vô thượng Bồ-đề, lại hồi hướng căn lành của mình cùng chúng sinh đến đạo Vô thượng Bồ-đề, nhờ căn lành này được thành tựu đạo Vô thượng Bồ-đề, được các cõi Phật, đại chúng như vậy, như vậy. Bồ-tát thành tựu đại nguyện đó không thể hủy hoại được. Bồ-tát tu trì tịnh giới không thể hủy phạm, không thất thoát, không ô nhiễm, được người trí khen ngợi. Nhờ sống trong giới tịnh nên Bồ-tát thành tựu mọi đại nguyện. Đó gọi là Lực tu hành về nguyện của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Lực tu hành về lực của Đại Bồ-tát? Nếu có chúng sinh hiện thân Phật, đến chỗ Bồ-tát, muốn lay chuyển tâm Bồ-đề của

Bồ-tát, nói: "Ở đâu mà có pháp Bồ-đề này?" Nói đủ các lời lẽ phá hoại, nhưng Bồ-tát không hề lay chuyển, không thể bị phá hoại, luôn nghĩ đến Bồ-đề đạo tràng, hàng phục ma, chuyển bánh xe pháp, đại Từ bi, không ác ý với chúng sinh phá hoại, tà giáo, lại dùng lòng Từ bi để giáo hóa chúng sinh sống trong pháp lành, nhưng Bồ-tát không mất lực tịnh tín, tinh tấn, chánh niệm, Tam-muội, trí tuệ. Nhờ lực không thoái chuyển đó, Bồ-tát làm cho vô số a-tăng-kỳ chúng sinh thâm nhập, đạt được quả Phật Bồ-đề. Đó gọi là Lực tu hành về lực của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Lực tu hành về trí của Đại Bồ-tát? Bồ-tát biết như thật về các pháp không có chúng sinh, không sinh, già, bệnh, chết, thấy pháp đó không có ngã, ngã sở. Nhờ trí lực biết như thật về các pháp, Bồ-tát làm cho vô số a-tăng-kỳ chúng sinh hội nhập trí đó, các ngoại đạo, ma chướng trong thế gian không thể lay chuyển tâm chân như Bồ-tát, huống gì đưa về pháp thế gian. Đó gọi là Lực tu hành về trí của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Mười trí của Đại Bồ-tát là gì? Đó là Khổ trí; Tập trí; Diệt trí; Đạo trí; trí trong các pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo; Ấm trí, Giới trí, Nhập trí, Quá khứ vị lai trí, Đạo quả trí.

Thiện nam! Thế nào là Khổ trí? Là trí về Khổ, Tập, Diệt, Đạo trong khổ, là trí Không, Vô tướng, Vô nguyện, nhân duyên sinh trong khổ. Lại nữa, thiện nam! Đó là biết trí vô minh, ái, thủ.

Thiện nam! Thế nào là Tập trí? Là tập trí trong trí biết pháp nào do huân tập thì tập ấy là khổ. Lại nữa, thiện nam! Biết ái là tập trí.

Thiện nam! Thế nào là Diệt trí? Là trí biết quá khứ không từ đâu đến, vị lai không sinh, hiện tại không dừng. Lại nữa, thiện nam! Đó là trí biết pháp quá khứ, vị lai, hiện tại không diệt.

Thiện nam! Thế nào là Đạo trí? Là trí cầu đạo, biết đạo trong trí Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Thiện nam! Thế nào là trí trong pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo? Bồ-tát nghĩ: Khổ, Tập, Diệt, Đạo chỉ là pháp, trí ấy chính là trí trong pháp khổ tập diệt đạo.

Thiện nam! Thế nào là Ấm trí? Là trí hiểu biết sự huyễn mộng trong năm ấm, trí năm ấm hợp nhất, trí tu tập hòa hợp. Lại nữa, biết sắc như chùm bọt, thọ như bong bóng nước, tưởng như dợn nắng, hành như cây chuối, thức như mộng huyễn.

Thiện nam! Thế nào là Giới trí? Đó là pháp giới của địa giới, nhưng pháp giới không phải là tướng cứng, pháp giới của thủy giới, nhưng pháp giới không phải là tướng ướt, pháp giới của hỏa giới, nhưng pháp giới

không phải là tướng nóng, pháp giới của phong giới nhưng pháp giới không phải là tướng động. Biết rõ như vậy gọi là Biết giới. Lại nữa, thiện nam! Trí hiểu biết vi tế là Tánh trí, biết nguồn gốc của pháp là Giới trí. Thiện nam! Giới có hai: hữu vi, vô vi, Trí trong hữu vi, vô vi là Giới trí. Lại nữa, thiện nam! Pháp giới của nhãn, sắc, nhãn thức giới nhưng pháp giới không phải là tướng thấy, cũng không phải là tướng có thể thấy, biết. Cũng vậy, pháp giới của nhĩ, thanh, nhĩ thức giới nhưng pháp giới không phải là tướng nghe, cũng không phải là tướng có thể nghe biết. Pháp giới của tỷ, hương, tỷ thức giới, nhưng pháp giới không phải là tướng ngửi, cũng không phải là tướng có thể ngửi biết. Pháp giới của thiệt, vị, thiệt thức giới, nhưng pháp giới không phải là tướng nếm, cũng không phải là tướng có thể nếm biết. Pháp giới của thân, xúc, thân thức giới, nhưng pháp giới không phải là tướng tụ tập, hòa hợp, không phải là tướng tiếp xúc, tướng dợn nắng. Pháp giới của ý, pháp, ý thức giới, nhưng pháp giới không phải là tướng sinh, trụ, diệt.

Thiện nam! Thế nào là Nhập trí của Đại Bồ-tát? Là Quảng trí, Thâm trí, Phổ trí, Phược trí, Thích trí, Bổ trí, Cuồng trí, Vô thường trí, Chướng ngại trí *(trí rộng, trí sâu, trí hiện khắp, trí trói buộc, trí thăm dò, trí sợ, trí cuồng, trí vô thường, trí chướng ngại)* trong Nhập. Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát biết Nhập như sự hợp tan, trống không. Song sự hợp tan rỗng lặng đó không biết là hợp tan, rỗng lặng. Cũng vậy, nhập không tự biết là rỗng lặng như sự hợp tan, rỗng lặng. Bồ-tát biết như vậy là Nhập trí. Thiện nam! Bồ-tát biết mười hai nhập: nhãn, sắc, thanh, tỷ, hương, thiệt, vị, thân, xúc, ý, pháp không có ngã, ngã sở là nhập trí.

Thiện nam! Thế nào là quá khứ vị lai Trí? Tức là Bồ-tát biết quá khứ vị lai. Biết vị lai không có người tạo tác, quá khứ không diệt mất. Thiện nam! Thế nào là trí trong đạo quả? Trí trong sáu pháp Ba-la-mật là đạo trí, trí trong mười địa và địa Như Lai là quả trí. Bồ-tát an trụ trong đạo trí và quả trí.

Lúc giảng nói pháp môn Pháp tập này thì có bảy vạn sáu ngàn Đại Bồ-tát đã tu tập các nghiệp trong quá khứ chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh.

Khi ấy, Bồ-tát Phần Tấn Tuệ nói với Bồ-tát Vô Sở Phát:

–Thiện nam! Xin hãy nói về Pháp tập tương ưng Ba-la-mật của Đại Bồ-tát. Vì sao? Vì đó là Pháp tập tối thắng được nói đến. Thế nào là Pháp tập ba-la-mật?

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Sở Phát nói với Bồ-tát Phấn Tấn Tuệ:

–Này thiện nam! Các Ba-la-mật đó là: Đàn ba-la-mật, Thi-la ba-la-

mật, Sằn-đề ba-la-mật, Tỳ-ly-da ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, Phương tiện ba-la-mật, Nguyện ba-la-mật, Lực ba-la-mật, Trí ba-la-mật.

Thế nào là Pháp tập ba-la-mật? Đó là không thấy bố thí là Đàn ba-la-mật, nhưng luôn cho các vật trong ngoài thân. Không thấy giữ giới là Thi-la ba-la-mật, nhưng luôn tu tập giữ gìn các tịnh giới, hạnh Đầu-đà công đức... Không thấy nhẫn nhục là Sằn-đề ba-la-mật, nhưng luôn tu hạnh nhẫn nhục an lạc. Không thấy tinh tấn là Tỳ-ly-da ba-la-mật, nhưng luôn tu tập không ngừng các căn lành. Không thấy thiền định là Thiền ba-la-mật, nhưng luôn tôn trọng tâm tịch tĩnh. Không thấy tuệ là Bát-nhã ba-la-mật nhưng luôn tu tập pháp văn tuệ. Không thấy phương tiện là Phương tiện ba-la-mật, nhưng luôn cùng làm việc với ngoại đạo và chúng sinh để phát khởi căn lành. Không thấy nguyện là Nguyện ba-la-mật, nhưng luôn mong cầu căn lành cùng chúng sinh hồi hướng đạo Vô thượng Bồ-đề. Không thấy lực là Lực ba-la-mật, nhưng luôn mong cầu thân Na-la-diên, lực sĩ Kim cang để giáo hóa, hàng phục tâm kiêu mạn của chúng sinh. Không thấy trí là Trí ba-la-mật, nhưng luôn tu hành các công nghệ, kỹ thuật năm minh v.v...

Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát không cầu các quả báo, nhưng luôn có tâm bố thí, bố thí mọi vật trong mọi lúc. Không phân biệt trì giới nhưng thà chịu mất mạng chứ không hủy tịnh giới. Không bị các pháp nhiễu động, nhưng luôn bỏ tâm giận dữ não hại. Không mong cầu các pháp, nhưng luôn nghĩ đến các căn lành. Không phân biệt tâm tịch tĩnh, nhưng thường tu hành thiền định, Tam-muội thần thông. Đối với các pháp không còn tâm nghi ngờ, nhưng luôn tu tập Văn, Tư, Tu tuệ. Không mong cầu các pháp, nhưng tâm luôn nghĩ đến pháp lành. Thường trụ trong tịch tĩnh, nhưng luôn tu tập các nguyện. Đoạn trừ tâm kiêu mạn, cao ngạo, nhưng luôn tu hành, thành tựu thân Kim cang vững chắc. Biết rõ các kinh luận, nhưng luôn tôn trọng, tìm cầu Thiện tri thức. Thiện nam! Đó gọi là Pháp tập tương ứng các Ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát luôn thích Đàn ba-la-mật, nhưng tùy thuận chúng sinh thị hiện keo kiệt. Thích tu trì tịnh giới, nhưng thị hiện tùy thuận chúng sinh phá giới. Thích nhẫn nhục, nhưng thị hiện tùy thuận chúng sinh không thể nhẫn nhục, điên đảo. Thích hạnh tinh tấn, nhưng thị hiện tùy thuận chúng sinh biếng nhác, điên đảo. Thích thiền định Tam-muội, nhưng thị hiện tùy thuận chúng sinh với nhiều chuyện tán loạn, điên đảo. Thích Bát-nhã diệu tuệ, nhưng thị hiện tùy thuận chúng sinh tin nơi

bất thiện, ngu si mê mờ. Thích phương tiện thiện xảo, nhưng thị hiện không thích làm việc. Thích thiện căn đại nguyện, nhưng thị hiện tùy thuận chúng sinh với các hạnh nhàm chán thế gian v.v... Thích có oai lực, nhưng thị hiện tùy thuận chúng sinh không oai lực. Thích thù thắng, nhưng thị hiện tùy thuận chúng sinh vô trí. Thiện nam! Đó gọi là Pháp tập tương ứng các Ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát tu hành Đàn ba-la-mật thì trong tay được ngọc như ý, lấy hư không làm kho tàng. Tu hành Thi-la ba-la-mật thì vượt qua các đường ác, đạt tự tại trong sinh tử, tâm nhu hòa và tùy thuận tự tại. Tu hành Sằn-đề ba-la-mật thì được sắc thân trang nghiêm của Phật, thành tựu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp ai thấy cũng thích. Tu hành Tỳ-ly-da ba-la-mật thì được bốn Vô úy, bốn Vô ngại. Tu hành Thiền ba-la-mật thì được tự tại trong các thứ tiếng và các sự tạo nghiệp. Tu hành Bát-nhã ba-la-mật thì được sự không chướng ngại trong các pháp, tức là các pháp bình đẳng trong sự giác ngộ. Tu hành Phương tiện ba-la-mật thì được tự tại trong việc tạo nghiệp, tức là ba nghiệp thân khẩu ý được tự tại. Tu hành Nguyện ba-la-mật thì được đời sống tự tại trong việc thọ sinh và tùy thuận làm việc. Tu hành Lực ba-la-mật thì không bị phiền não ma chướng, ngoại đạo nhiễu động, được thân to lớn tối thắng trong thế gian. Tu hành Trí ba-la-mật thì vượt qua ma ngũ ấm, ma chết, ma phiền não, Thiên ma. Thiện nam! Đó gọi là Pháp tập tương ứng các Ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát khen ngợi bố thí nhưng không xem bố thí đó là thanh tịnh. Khen ngợi Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát-nhã, Phương tiện, Nguyện, Lực, Trí, nhưng không xem những pháp đó là thanh tịnh. Vì sao? Vì tuy tu các pháp như vậy, nhưng lại xả bỏ được, các pháp đó đều do tâm phân biệt mà có, vì vậy xả bỏ hết tâm phân biệt và pháp bị tâm phân biệt, không cho đó là thanh tịnh, không trụ trong tâm phân biệt và pháp bị tâm phân biệt. Song Bồ-tát lại nghĩ: "Biết được không phân biệt, không cảnh giới hý luận thì chứng được tâm Vô thượng Bồ-đề."

Bồ-tát Phấn Tấn Tuệ hỏi:

–Thiện nam! Do pháp gì mà nói về Bồ-đề?

Bồ-tát Vô Sở Phát nói:

–Thiện nam! Do pháp không phân biệt, không hý luận mà nói về Bồ-đề. Thiện nam! Thấy có ngã là hý luận, không phải Bồ-đề. Bỏ ngã kiến, không còn hý luận là Bồ-đề, tham chấp ngã sở là hý luận, không phải Bồ-

đề. Bỏ ngã sở, không còn hý luận là Bồ-đề. Tùy thuận già, bệnh, chết là hý luận, không phải Bồ-đề. Không tùy thuận già, bệnh, chết, tịch tĩnh, không còn hý luận là Bồ-đề. Những hý luận keo kiệt, ganh ghét, pháp giới, sân hận, biếng nhác, tán loạn, ngu si không trí, không phải là Bồ-đề. Những pháp không hý luận: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ là Bồ-đề. Tà kiến, giác quán ác, nguyện ác là hý luận, không phải Bồ-đề. Những pháp không hý luận: Không, Vô tướng, Vô nguyện là Bồ-đề. Lại nữa, thiện nam! Cũng còn nói: Tất cả pháp là Bồ-đề, tất cả pháp không phải là Bồ-đề.

Hỏi:

–Do nghĩa gì mà tất cả pháp là Bồ-đề, tất cả pháp không phải là Bồ-đề?

Đáp:

–Đối với các pháp, nếu chấp có ngã sở thì không phải là Bồ-đề, hiểu biết tất cả pháp bình đẳng, chân như, là Bồ-đề. Lại nữa, thiện nam! Bồ-đề là tịch tĩnh, tịch tĩnh nghĩa là: Chân như của các pháp.

Hỏi:

–Thiện nam! Dựa vào pháp nào mà nói là chân như.

Đáp:

–Chân như là không, không là không sinh, không diệt.

Hỏi:

–Nếu thế thì các pháp là không, nên các pháp không sinh diệt?

Bồ-tát Vô Sở Phát nói:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Thiện nam! Như lời ông nói, các pháp là không sinh diệt.

Hỏi:

–Nếu thế, vì sao Như Lai nói: "Các pháp hữu vi đều là sinh diệt." Câu đó có nghĩa gì?

Bồ-tát Vô Sở Phát nói:

–Thiện nam! Vì phàm ngu si tham đắm pháp sinh diệt, chư Phật, Như Lai dùng lòng Từ bi bảo hộ kẻ kinh sợ, tùy thuận Thế đế, nên nói các pháp sinh diệt, nhưng các pháp thì không sinh diệt. Vì vậy, thiện nam! Đại Bồ-tát nên biết về Phật, Pháp, chúng sinh, tự thân, Pháp thân.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Sở Phát muốn nhắc lại ý nghĩa ở trên nên nói kệ:

Phật và Phật ra đời
Thế pháp của chư Phật

Bồ-tát không phóng dật
Nên biết như pháp đó.
Đủ các thiện, vô lậu
Phật Bậc Trí tối cao
Tùy tâm thành chúng sinh
Tu thiện, tạo nhân duyên.
Có khả năng biết được
Tất cả các pháp đó
Người này tu các hạnh
Nếu biết được chư Phật
Bồ-đề không người cho
Cũng không có người nhận
Biết đúng pháp tự thân
Là bậc giác, giác ngộ.
Nếu biết được thân mình
Là tướng không chân thật
Là biết đúng như Phật
Và biết pháp Bồ-đề.
Chỉ là tướng hư vọng
Phân biệt cho chúng sinh
Bồ-tát biết như thật
Là các tướng mộng huyễn.
Hiểu sai hay biết đúng
Không ai tỏ hạnh này
Ai điều phục ngựa căn
Nương vào định để biết.
Người ấy không oán thân
Làm và không có làm
Cũng không pháp bỏ giữ
Đó là chân pháp tập.
Vì hiểu sai các pháp
Nên nói về pháp ác
Pháp tham và lìa tham
Thấy thanh tịnh, bình đẳng.
Hiểu sân, si cũng vậy
Đó là chân Pháp tập
Vì lợi ích chúng sinh
Phát tâm Từ bi lớn.

Mà không thấy chúng sinh
Nếu tách rời chân không
Bết các pháp như vậy
Bình đẳng, không nhơ uế.
Được đảo báu, chốn giác
Sáng suốt thành Chánh giác
Như thầy huyễn thế gian
Phát tâm độ người huyễn.
Huyễn không đắm chấp huyễn
Vì chưa bao giờ có
Biết ba cõi như huyễn
Phát tâm Bồ-đề lớn.
Để độ thoát chúng sinh
Biết đúng về chúng sinh
Thân mình như hư không
Tự tánh chúng sinh không.
Ở đâu cũng thấy pháp
Kham sống với thù thắng
Không thực hành các pháp
Cũng chẳng bỏ pháp ấy.
Vì không hành, không bỏ
Được ở nơi tịnh hạnh
Nếu sống đúng như thật
Tâm pháp giới bình đẳng.
Được chư Phật nghĩ nhớ
Sẽ thành Bậc Đại Giác
Thân mình cũng như Phật
Và được Phật thọ ký.
Thấy pháp đó bình đẳng
Được chư Phật nghĩ tới
Được nơi không chướng ngại
Chứng diệt vào thế gian.
Mọi chốn không lỗi lầm
Lấy đại Bi làm thân
Bồ-tát nào có trí
Mong muốn đạt Pháp tập
Tu tập pháp hành này
Sẽ đạt được Pháp tập.

Lúc Bồ-tát Vô Sở Phát nói kệ này, có sáu vạn hai ngàn Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh, tám ngàn Thiên tử xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh. Bồ-tát Vô Sở Phát lại nói với Bồ-tát Phấn Tấn Tuệ:

–Thiện nam! Bồ-tát nên tu hành Pháp tập về Thật đế. Vì sao? Vì các Bồ-tát lấy trí Thật đế làm Pháp tập. Thiện nam! Thế nào là Thật đế? Thiện nam! Bồ-tát phát tâm Vô thượng Bồ-đề, đến lúc chết vẫn không bỏ tâm ấy và không bỏ chúng sinh, đó là Thật đế của Đại Bồ-tát. Nếu Bồ-tát phát tâm Vô thượng Bồ-đề mà đến lúc nào đó bỏ tâm ấy và bỏ chúng sinh, thì Bồ-tát đáng bị chê trách, là người nói dối nhất.

Hỏi:

–Thế nào là Bồ-tát phát tâm Vô thượng Bồ-đề, lại không bỏ tâm ấy và không bỏ chúng sinh?

Đáp:

–Bồ-tát biết về Khổ, Tập, Diệt, Đạo đế là Bồ-tát không bỏ tâm Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì Bồ-tát biết Thật đế, nên tâm Bồ-đề không thoái chuyển.

Hỏi:

–Thế nào là Khổ? Làm sao biết Khổ?

Đáp:

–Thân ngũ ấm bị ái bắt, ái dằn vặt là khổ. Bồ-tát biết Khổ đó là không, không thọ mạng, không ngã, ngã sở, chỉ do nhân duyên hòa hợp sinh ra, đó là biết Khổ. Bồ-tát thấy Khổ là do Tập, giả dối, không bền chắc, không thọ mạng, đó là biết Tập. Bồ-tát biết Khổ đó không đến từ quá khứ, không đi về vị lai, không dừng ở hiện tại, vô thỉ vô chung, tự thể xưa nay vắng yên, rỗng lặng, đó là biết Diệt.

Hỏi:

–Diệt pháp là gì?

Đáp:

–Thiện nam! Diệt thì không thể nói được.

Hỏi:

–Nếu Diệt đã không thể nói được thì cớ sao gọi là Diệt?

Đáp:

–Thiện nam! Diệt chính là pháp của khách trần: phiền não, chướng ngại, không thật, giả dối phân biệt. Bồ-tát không phân biệt các pháp không thật đó thì gọi là Diệt. Diệt, nhưng pháp hư vọng xưa nay vốn không có pháp để diệt, vì thế Như Lai nói: “Các pháp xưa nay vốn vắng lặng.”

Hỏi:

–Thiện nam! Cớ sao Như Lai nói Bồ-tát không chứng diệt, nếu Bồ-tát chứng diệt là Bồ-tát rơi vào quả vị của Thanh văn, Bích-chi-phật?

Đáp:

–Thiện nam! Chứng tức là thấy trong thực tại, những pháp diệt thì không thể thấy trong thực tại. Vì thế, Như Lai nói pháp Diệt thì không thể thấy được, nếu không thấy được thì không chứng được, do đó Như Lai nói Bồ-tát không thể thấy và chứng diệt. Vì ý nghĩa ấy Như Lai nói: "Bồ-tát không chứng diệt, Thanh văn nắm bắt pháp tướng nên chứng diệt."

Niệm những gì, quán những gì, hành những gì thì thấy biết, quyết định như vậy, đó là biết Đạo. Thiện nam! nếu cho khổ là ngã thì ngã đó có tướng, đó là biết Tập. Bồ-tát thấy Tập nhưng không thấy pháp nào có khả năng Tập, đó là biết Diệt. Quán sát, tìm tòi như vậy là biết Đạo.

Lại nữa, thiện nam! Tâm đắm vướng nơi bất cứ pháp nào đều gọi là Khổ. Vì sao? Thiện nam! Như Lai thường nói tâm tham đắm là Khổ, tâm đắm chấp đó không thật, do tâm đắm chấp có Tập, đó là Tập, nếu không có khổ bị đắm chấp là Diệt, không đắm chấp nơi trí nào là biết Đạo. Thiện nam! Nay tôi dựa vào trí Thật đế để nói về các Bồ-tát, dù trong một kiếp hay vô số kiếp cũng không thể nói hết.

Lúc nói về trí Thật đế, có sáu vạn Bồ-tát nương nơi Thật đế tu tập trí, đạt địa vị không thoái chuyển, trong hư không có vô số Thiên nữ nghe pháp, xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh.

-oOo-

PHẬT THUYẾT PHÁP TẬP KINH

QUYỂN 4

Bấy giờ, Bồ-tát Phấn Tấn Tuệ hỏi Bồ-tát Vô Sở Phát:

–Thiện nam! Thế nào là Trí nơi tâm niệm xứ của Đại Bồ-tát? Gì là niệm? Thế nào là Tâm niệm xứ?

Đại Bồ-tát Vô Sở Phát đáp lời Bồ-tát Phấn Tấn Tuệ:

–Thiện nam! Đại Bồ-tát lấy trí vô sinh trong các pháp làm trí Tâm niệm xứ, vì trí Tâm niệm xứ trí vô sinh làm tối thắng. Các Bồ-tát đạt Trí vô sinh, nhờ nghiệp nơi Trí vô sinh nên gọi là Nhất thiết xứ bất loạn, Nhất thiết xứ trực, Nhất thiết xứ bất động. Ví như nước biển không thể lường được, Thanh văn, Bích-chi-phật cũng không thể biết được, do tâm niệm gì mà nghe nhớ đúng giáo pháp của Như Lai thuyết giảng? Tâm niệm của Bồ-tát chỉ Như Lai biết được. Tâm niệm xứ của Bồ-tát có mười: Thân niệm xứ, Thọ niệm xứ, Tâm niệm xứ, Pháp niệm xứ, Niệm Phật niệm xứ, Niệm Pháp niệm xứ, Niệm Tăng niệm xứ, Niệm giới niệm xứ, Niệm xả niệm xứ, Niệm Thiên niệm xứ.

Thiện nam! Thế nào là Thân niệm xứ của Bồ-tát?

Bồ-tát suy niệm như vầy: Thân này không từ đâu đến, không đi về đâu, không dừng ở hiện tại, vị lai, chỉ do tâm phân biệt hư vọng sinh ra, không người tạo, không thọ mạng, không có trước giữa sau, không dừng yên, không nguồn gốc, không giáo hóa, không thâu giữ, chỉ căn cứ trên ngôn ngữ khách trần mà nói, hoặc trên thân thể, hình trạng, tính chất, các nhập, hoặc quán sát thân này không bền chắc, chỉ do tinh cha huyết mẹ bất tinh hòa hợp sinh ra. Thân thể là sự nhơ uế, tham, sân, si, lo sợ, là giặc loạn, bị hư hại không dừng, lấy vô số trăm ngàn bệnh làm nhà.

Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát nghĩ: Thân này từ đầu đến chân do các thành phần tụ tập: chân, ngón chân, gót chân, mắt cá, cẳng chân, đùi vế, đầu gối, xương bánh chè, eo, xương sống, ngực, hông, bụng, gân, tay, ngón tay, khuỷu tay, vai, cánh tay, má, cổ, đầu, mắt, tai; nghiệp là người tạo tác, vô số trăm ngàn vạn ức phiền não, tùy phiền não hư vọng phân biệt làm nhà. Thân này có nhiều thứ bất tịnh: tóc, lông, răng, móng, máu, thịt, da, xương, gan, mật, ruột, dạ dày, bao tử, lá lách, nước mũi, dãi, nước mắt, đại

tiểu tiện nhơ uế đáng nhờm. Như vậy, trong vô số vật bất tịnh đó, cái gì là thân? Đại Bồ-tát quán sát thân, suy xét thân này là không thật, giống như hư không, đó là Niệm xứ như hư không của Bồ-tát. Cứ thế suy xét thấy các pháp đều như hư không. Bồ-tát biết thân này như vậy nên không động tâm, không trụ tâm trong các pháp, đó là trụ Niệm xứ của Bồ-tát. Do trụ niệm, Bồ-tát biết thân Bồ-đề cũng như vậy, nó không thể nắm bắt được, nên sinh tâm nhàm chán. Vì sao? Vì tất cả đều là tà niệm chẳng phải chánh niệm, nhàm chán tất cả các pháp. Đó gọi là Thân niệm xứ của Đại Bồ-tát

Lại nữa, thiện nam! Thế nào là Thọ niệm xứ của Bồ-tát?

Bồ-tát khởi tâm như vầy: Thọ là cảm giác, cảm giác đó có ba: điên đảo, không điên đảo, không phải cả hai. Thọ điên đảo là tâm tán loạn của phàm phu, xem vô thường là thường, khổ là vui, vô ngã là ngã, bất tịnh là tịnh. Thọ không điên đảo là biết thọ vô thường là vô thường, thọ khổ là khổ, thọ vô ngã là vô ngã, thọ bất tịnh là bất tịnh. Đó là sự hiểu biết về thọ của Thanh văn, Bích-chi-phật, nên gọi là thọ không điên đảo. Bỏ hai thọ trên, là biết thọ vô thường không phải là thường, không phải là vô thường. Biết thọ khổ không phải là khổ, không phải là không khổ. Biết thọ vô ngã không phải là ngã không phải là vô ngã. Biết thọ bất tịnh không phải tịnh không phải bất tịnh đó gọi là Thọ niệm xứ của Bồ-tát. Bồ-tát biết thọ như vậy nhưng không thấy có chủ thể thọ, đối tượng được thọ. Bồ-tát xét: Như Lai thường nói tất cả pháp hữu vi là thọ. Nếu xem tất cả pháp là thọ thì trong đó pháp nào là thọ. Không xem đối tượng được thọ là chủ thể thọ vì đối tượng được thọ không phải là chủ thể thọ, không phải pháp vô vi là chủ thể thọ của pháp hữu vi, ngoài pháp vô vi, hữu vi không có người thọ, Bồ-tát cảm thọ không thấy chủ thể thọ, đối tượng được thọ, giáo hóa người cảm thọ, Bồ-tát thấy chủ thể, đối tượng thọ của Bồ-đề cũng vậy. Đó gọi là Thọ niệm xứ của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, thiện nam! Thế nào là là Tâm niệm xứ của Bồ-tát?

Thiện nam! Bồ-tát suy xét thọ ấy chỉ do tâm, nhưng tâm vô hình không dừng trụ, không nắm bắt được. Những pháp nào vô hình không thể nắm bắt được thì pháp nơi đối tượng được thọ đó ra sao? Không phải tâm, không phải sự thấy biết của tâm. Lại xét tâm do duyên gì sinh? Thấy các tâm đều do cái khác mà có, Bồ-tát không thấy ngoài tâm mà có Bồ-đề, biết tâm pháp này chính là Bồ-đề, lúc đó, Bồ-tát đạt tâm tự tại trong Đại thừa, tâm bình đẳng với chúng sinh. Lúc ấy, Bồ-tát trụ trong Đại thừa, không nương nhờ lực khác. Đó gọi là Tâm niệm xứ của Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Pháp niệm xứ của Bồ-tát? Thiện nam! Bồ-tát

sinh chánh niệm với pháp gì? Pháp thiện, bất thiện, đáng chê, không đáng chê, hữu lậu, vô lậu, thế gian, xuất thế gian, Thanh văn, Bích-chi-phật, phàm phu, chẳng phải phàm phu, Bồ-tát sinh chánh niệm đối với những pháp đó, khéo léo biết được nghiệp thiện nhu hòa, khéo tu tập và tu tập rốt ráo, tu tập tự lực, tự tại, biết pháp bình đẳng, không sinh diệt, không thấy pháp nào ngoài Không, Vô tướng, Vô nguyện. Bồ-tát suy nghĩ các pháp không có thọ mạng vì tự tánh tịch tĩnh, các pháp không có ngã vì tự tánh không hai, không chướng ngại vì tự tánh như hư không, không phân biệt vì không còn tâm, ý, thức, các pháp vắng lặng vì tự tánh không phiền não, không ngôn ngữ vì tự tánh không thể nói được, không chấm dứt vì tánh vô vi thanh tịnh, không thể đếm vì vượt ngoài số lượng, ngay thật vì vượt qua sự hý luận, không có nguồn gốc vì không có nhân, không lỗi lầm vì nguồn gốc thanh tịnh, không đến vì không có hình tướng, không đi vì không dừng, sáng suốt vì tự tánh vốn rỗng lặng, không vì do duyên sinh, không tranh cãi vì không phân biệt, nương vào trí lực vì tùy ý niệm mà biết, là Bồ-đề vì là cảnh giới của trí, chỉ là danh tự vì không có vật chân thật, lìa sự thấy vì không thể thấy được, không trói buộc vì không hình tướng, không đi vì thể của nó là chân như, có một lãnh vực vì trong pháp giới chân thật nó không sai khác, không sai khác vì thật đế bình đẳng. Bồ-tát quán xét các pháp như vậy, tu hành tất cả pháp, không thấy sự sai khác của chúng sinh, pháp, diệu pháp, không thấy trói mở, thế gian Niết-bàn, không xả bỏ, không nắm giữ, không hành, không trụ, không thâu nhận, không rời bỏ, trụ trong vắng lặng, bất động. Chư Phật, Như Lai thấy được sự vắng lặng giải thoát đó, Bồ-tát ở trong cõi Phật được Phật truyền trao quả Vô thượng Bồ-đề. Đó là Pháp niệm xứ của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, thiện nam! Thế nào là Bồ-tát niệm Phật? Bồ-tát tu hành niệm Phật, nghĩ đến tất cả chúng sinh, vì chúng sinh mà thành tựu quả Vô thượng Bồ-đề. Bồ-tát an trụ nơi Niệm xứ như vậy. Niệm chư Phật, Như Lai có mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng, Bồ-tát nghĩ mình phải thành tựu các pháp của Phật. Lại nghĩ: Chư Phật Như Lai có những niệm như thế không thể nghĩ bàn, rộng lớn, thanh tịnh không nhơ, sáng suốt, đoạn trừ hết phiền não kết sử và phiền não tập khí, xem trí tuệ là hàng đầu, trí tuệ là sự tăng thượng vì vô vi của chư Phật tăng thượng cho đến tất cả pháp được chứng đắc tăng thượng, xa lìa tất cả phiền não trí chướng; tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật không thể suy lường được, dùng không phân biệt làm thể, dùng tự nhiên không chướng ngại làm vô hành vô ngại, vô trụ, soi tâm chúng sinh như hư không, không phân biệt. Chư Phật Như Lai có niệm như thế. Bồ-tát niệm như thế là niệm kho tàng tài bảo của chư Phật Như

Lai. Niệm tất cả các pháp như thế gọi là niệm Phật. Thiện nam! Chư Phật không niệm cũng không phải là không niệm, đối với tất cả nơi chốn không phân biệt. Chư Phật Như Lai đều có niệm như thế. Bồ-tát nghĩ đến niệm kia cho nên gọi là niệm Phật. Với chư Phật, với tất cả chúng sinh, với tất cả các pháp không có tướng sai khác. Niệm như thế gọi là niệm Phật. Chư Phật không phân biệt cũng không phải không phân biệt, không thủ cũng không phải không thủ, không đi cũng không phải không đi, không sinh không diệt. Niệm như thế nên gọi là niệm Phật.

Lại nữa, thiện nam! Chư Phật, Như Lai trang nghiêm bằng công đức trí tuệ, thực hành bằng tâm đại Từ bi, cứu thoát bằng việc độ chúng sinh, là thầy thuốc giỏi chặt bỏ dây phiền não trói buộc, bình đẳng với chúng sinh, thường ở trong cảnh giới Tam-muội tịch tĩnh, không trụ Niết-bàn ngoài thế gian, qua khỏi bờ phiền não chướng sở tri chướng, nương sống trên chúng sinh, diệt các Sinh thân đắc Pháp thân, trụ trong cảnh giới pháp, ở đâu tâm cũng không chướng ngại, luôn tạo lợi ích cho chúng sinh, thân khẩu không lỗi lầm, không thọ ký giả dối, làm mọi việc không thể chê trách, thân, khẩu, ý nghiệp xa lìa phiền não tham, sân, si, hàng phục với ma chướng, ngoại đạo, không tranh tụng với thế gian, sâu xa như biển lớn thế gian, nặng như núi Tu-di, vững chắc như đất, mềm mại như nước, sáng tỏ như lửa, không vướng mắc như gió, không nhơ uế như hư không, đi nhanh như ý niệm, đi lại tự do như ngọc ma-ni, đạt Nhất thiết chủng trí bình đẳng không hai, không đắm chấp nơi chúng sinh, siêng năng độ thoát chúng sinh, đủ vô số sắc thân, âm thanh công đức, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, được Pháp thân rốt ráo không thể suy xét, vượt qua cảnh giới tâm ý thức, dùng tâm minh hành đoạn trừ pháp ác trong ba đường, do đại Bi tăng thượng nên đem công đức cho chúng sinh, như cha mẹ của chúng sinh, bình đẳng trước oán thân, không yêu ghét hương thơm của chúng sinh, ở đâu cũng có ánh sáng lớn không thể hạn lượng được, đạt giải thoát rốt ráo, có tâm rộng lớn, đem báo chánh pháp cho chúng sinh, thành tựu minh hành lớn, là Pháp sư thuyết giảng đại pháp, là đấng Trượng phu thành tựu tướng trượng phu, không ai có thể khuất phục được, soi sáng thế gian, đủ phương tiện đi trong cảnh giới lành, khéo léo giải thoát rốt ráo, thân lớn lao, xem chúng sinh là quyến thuộc, chúng sinh vây quanh thân, học hỏi cúng dường thân cận nhưng không chướng ngại, quên niềm vui chính mình, thích đoạn trừ khổ cho chúng sinh, thích chánh pháp, xem pháp là của báu, là thức ăn, y phục, là cội gốc, là sự tự tại, làm bậc đại pháp sư, thí chủ của pháp nhưng không thấy pháp, không phóng dật, thích vắng lặng, là cây cầu của chúng sinh đi qua như đi trên đường lớn không chướng ngại, như ánh sáng mặt trời xua

tan bóng tối, như Đại Phạm vương đại trí Kim cang, là mũi tên pháp lớn, sắc thân thanh tịnh ai thấy cũng thích. Chư Phật Như Lai có những công đức vô lượng như vậy. Niệm những công đức đó xong, Bồ-tát tu hành để thành tựu những công đức ấy, do thành tựu những công đức ấy nên được chánh niệm. Đó gọi là niệm Phật của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là niệm Pháp của Đại Bồ-tát?

Thiện nam! Bồ-tát nghĩ: Tất cả công đức, tướng tốt, mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng, diệu lạc thế gian, xuất thế gian, của chư Phật đều do pháp sinh ra, do pháp có được, thành tựu và tăng trưởng. Vì thế, để cầu quả Phật Bồ-đề ta phải tôn trọng pháp, nương vào cảnh giới pháp để tu tập rốt ráo bền chắc. Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát lại nghĩ: Các pháp trụ trong bình đẳng, đối với chúng sinh không thấy có sự cao thấp, sai khác, ta cũng phải như pháp, tâm không phân biệt, bình đẳng không sai khác. Khi đối diện cảnh tượng của pháp không tạo nghiệp, vì pháp không bạn bè, ta cũng như pháp, tâm bình đẳng. Khi đối diện với thời gian pháp không tạo nghiệp, vì pháp không có thời gian đến, nhưng bên trong tự giải thoát, ta cũng như vậy, tâm bình đẳng. Đối với chúng sinh cao thấp, pháp không có việc tạo nghiệp, không tạo nghiệp vì pháp không cao thấp, ta cũng như vậy, tâm bình đẳng không phân biệt. Pháp không có việc làm lợi ích cho chúng sinh thanh tịnh, không làm lợi ích cho chúng sinh không thanh tịnh, vì pháp không có tâm cao thấp, ta cũng như vậy, tâm bình đẳng không phân biệt. Pháp không có việc làm lợi ích cho Thánh nhân, không làm lợi ích cho Phi thánh nhân, vì pháp không có tâm phân biệt ruộng phước hay không ruộng phước, ta cũng như vậy, tâm bình đẳng không phân biệt. Không phải ban ngày pháp làm lợi ích, ban đêm không làm lợi ích, không phải ban ngày không làm lợi ích, ban đêm làm lợi ích, vì pháp luôn làm lợi ích, ta cũng vậy, tâm bình đẳng không phân biệt. Pháp không giáo hóa chúng sinh phi thời, ta cũng vậy, tâm bình đẳng không phân biệt. Pháp không làm lợi ích cho chúng sinh không sân, không tổn hại chúng sinh có sân, vì pháp không đắm chấp, ta cũng như vậy, tâm bình đẳng không phân biệt. Pháp không thêm bớt, pháp rộng lớn vô số a-tăng-kỳ như hư không không cùng tận, không tăng thêm, ta cũng vậy, tâm bình đẳng không phân biệt. Chúng sinh không hộ pháp, pháp không hộ chúng sinh, ta cũng vậy, tâm bình đẳng không phân biệt. Pháp làm chỗ nương tựa cho chúng sinh, ta cũng vậy, tâm bình đẳng không phân biệt. Pháp không có tâm sân hận, não hại, vì không có tướng não hại, ta cũng vậy, tâm bình đẳng không phân biệt. Pháp không trụ trong kết sử phiền não vì đã xa lìa, ta cũng vậy, tâm bình đẳng không sai khác. Pháp không sợ thế gian, cầu Niết-bàn vì pháp

không phân biệt, ta cũng vậy, tâm bình đẳng không phân biệt. Bồ-tát chánh niệm về pháp như vậy. Này thiện nam! Đó gọi là niệm Pháp của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là niệm Tăng của Đại Bồ-tát?

Thiện nam! Bồ-tát suy nghĩ: Tăng là người nói lời như pháp, hành pháp, suy nghĩ pháp, ruộng phước của pháp, giữ gìn pháp, nương tựa pháp, cúng dường pháp, làm đúng pháp, sống đúng cảnh giới pháp, tu hành thành tựu pháp, thật pháp, trực pháp, thật thanh tịnh pháp, cứu độ chúng sinh, đại Từ bi, cảnh giới thường tịch tĩnh, luôn quy y pháp, tự tịnh hành pháp. Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát suy nghĩ: Đức Như Lai nói: Tăng không phải chỉ có một hạng, mà có nhiều hạng: Thế đế, Đệ nhất nghĩa đế, Tàm quý, Không tàm quý, Thánh nhân, Điều phục, Bất thoái chuyển. Lại nữa, thiện nam! Đối với Thế đế tăng thì Bồ-tát tu hành bằng cách bảo hộ, với Đệ nhất nghĩa đế tăng thì cúng dường, với Tàm quý tăng thì làm cho họ giải thoát, với Không tàm quý tăng thì chê trách, với Thánh nhân tăng thì cúng dường, cung kính, gần gũi, với Điều phục tăng thì tu hành như Phật, với Bất thoái chuyển tăng thì thuyết pháp.

Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát lại nghĩ: Tăng là người không đoạn trừ hạt giống Phật vì là đệ tử Phật, là người đem đến quả báo vui vì là ruộng phước, là người trừ bỏ phiền não vì không lo sợ, là người không chấp trước vì đã giải thoát, là người tịch tĩnh vì đã điều phục tâm, người không tạp nhiễm vì không còn phiền não, người trừ bỏ pháp ác vì có hổ thẹn, người nói tùy thuận vì hóa độ được, người tự biết mình vì không kiêu mạn, người tịch tĩnh vì không tâm cao ngạo, người tri túc thì không tâm điên đảo, người đoạn trừ phân biệt vì không bệnh, đến chỗ vi diệu vì không còn lo sợ, biết như thật vì không phóng dật, giải thoát vì đã đến bờ bên kia, không ác vì sống hạnh thanh tịnh, an lạc vì rốt ráo là đạt đến đạo tràng, biết ba học vì tu hạnh đệ tử, thực hành bốn Niệm xứ vì tu hành vượt các vọng niệm, tu bốn Chánh cần vì siêng năng tu tập, tu bốn Như ý túc vì không mỏi mệt, tu năm Căn vì không phá hoại, tu năm Lực vì chế phục các phiền não trói buộc, tu bảy Giác chi vì không chướng ngại, tu tám Chánh đạo vì hiểu đúng, tu Thật đế vì đạt được chỗ quy về, tu Thiền định vì tâm định, tu tập nhân duyên vì chuyển được bánh xe pháp, đại Từ bi vì đạt quả vị không thoái chuyển, đủ các công đức vì trong một đời đạt được đại Bồ-đề. Thiện nam! Niệm Tăng như vậy rồi, Bồ-tát lại nghĩ: Tăng có vô lượng công đức như thế, ta mong muốn đạt được và làm cho chúng sinh thành tựu rốt ráo. Này thiện nam! Đó gọi là niệm Tăng của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát niệm Giới?

Thiện nam! Bồ-tát nghĩ: Tất cả những quả báo thù thắng của thế gian, xuất thế gian đều do trì giới mà có. Vì sao? Vì nhờ nguồn lực của giới tịnh. Thiện nam! Ví như đất là gốc của cỏ cây, cũng vậy, giới là cội rễ của hết thảy quả báo thù thắng ở thế gian. Đại Bồ-tát sống trong giới sẽ là ruộng phước cho trời, người, vì đem lại đầy đủ công đức cho người bố thí. Thiện nam! Bồ-tát trụ trong giới thì hoan hỷ, vì hoan hỷ nên không buồn lo, vì không buồn lo nên tâm thư thái, vì thư thái nên thân tâm vui vẻ, vì vui vẻ được tâm vui và đạt Tam-muội, vì đạt Tam-muội nên biết như thật, Bồ-tát từ bi với chúng sinh. Bồ-tát nghĩ: Ta nên làm cho chúng sinh thành tựu Tam-muội, với trí như thật, Bồ-tát huân tập bằng tâm đại Từ bi, nương đại Từ bi tu tập giới định tuệ, tăng thượng viên mãn, đạt quả Vô thượng Bồ-đề. Vì vậy, ta nên tu trì giới vi diệu, không lay động, không phóng dật, ta nghĩ đến chúng sinh mà giữ giới. Vì sao? Vì Bồ-tát không nghĩ đến chúng sinh mà giữ giới thì không phải là giới Bồ-tát, Bồ-tát vì sự an ổn vui vẻ của chúng sinh mà giữ giới tịnh. Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát nghĩ: Bồ-tát xuất gia giữ giới tịnh thì lánh xa mọi việc thế gian, mặc áo hoại sắc thì bỏ hết mọi việc yêu quý, giữ giới tịnh để thân khẩu ý thanh tịnh, thích giữ giới thì đầy đủ sáu thông, sống yên trong giới tịnh thì đầy đủ pháp Bồ-đề phần, nghe diệu pháp thì đầy đủ bốn trí vô ngại, học hỏi nhiều, tu trí tuệ thì không có tâm cao ngạo, gần gũi bạn tốt thì đầy đủ công đức, tu Trí ba-la-mật thì đủ Nhất thiết trí, nghe pháp nói đúng pháp thì làm bậc Đại pháp sư, nghe pháp suy xét thì đạt Đà-la-ni, niệm tâm Bồ-đề thì vượt qua các pháp ác, đầy đủ giới, không có tâm tổn hại thì không mất tâm Bồ-đề, không mất tâm Bồ-đề thì không mất tâm Tam bảo. Bồ-tát lại nghĩ những ai tu trì giới cấm đáng được bảo hộ thì bảo hộ. Đó gọi là Đại Bồ-tát niệm Giới.

Thiện nam! Thế nào là niệm Xứ của Đại Bồ-tát?

Thiện nam! Bồ-tát nghĩ: Tất cả những pháp đáng xả bỏ đều thuộc hai loại xả: pháp, tài. Thiện nam! Bồ-tát bố thí vật thì đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, làm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh, thí pháp thì đầy đủ mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng, đoạn trừ phiền não và tập khí phiền não. Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát thí vật thì đoạn tâm keo kiệt, thí pháp thì vượt qua quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật, thí vật thì làm thanh tịnh thân, thí pháp thì làm thanh tịnh Pháp thân. Thí vật thì cho được thân cha mẹ sinh ra, ai có lực thí này? Ngoài Bồ-tát Sơ địa ra, không ai có được. Thí pháp thì thành tựu ý thông lực, ai có lực này? Ngoài chư Phật, Như Lai và Bồ-tát trụ địa ra không ai có được. Thí vật thì giáo hóa

được chúng sinh, thí pháp thì làm chúng sinh giải thoát. Thí vật thì được các công đức, thí pháp thì đến được bờ bên kia. Thí vật thì chỉ là bố thí một nửa, thí pháp thì bố thí tất cả, thí vật thì đoạn trừ phiền não chướng, thí pháp thì đoạn sở tri chướng. Lại nữa, xả chính là bỏ hư vọng phân biệt. Vì sao? Vì Bồ-tát xả hư vọng phân biệt nên được thanh tịnh.

Bồ-tát hỏi:

–Hư vọng là pháp gì?

Đáp:

–Thiện nam! Hư vọng là pháp hý luận không thật.

Hỏi:

–Thế nào là pháp hý luận không thật?

Đáp:

–Người nào suy nghĩ: Ta tham, sân, si, nhiễm, tịnh, bất tịnh, sống trong thế gian, nhập Niết-bàn, đó là pháp hý luận, không thật, do hư vọng phân biệt. Vì sao? Vì tất cả chỉ là nhân duyên, không có ngã, ngã sở, chúng sinh, thọ mạng, người tạo tác, người dạy dỗ. Tự tánh của nhân duyên là không, vắng lặng, vượt tâm, ý, thức. Nhân duyên đó không thể suy nghĩ phân biệt, không thể làm nhiễm ô, thanh tịnh, không sống trong thế gian, không nhập Niết-bàn. Bồ-tát biết pháp hư vọng không được nghĩ là có thật, bỏ hết tâm đó nên gọi là xả. Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát có ba loại xả: Xả, Đại xả, Tăng thượng xả. Thế nào là Bồ-tát xả? Những thứ thức ăn, gạo lúa, kho lẫm, y phục, ngựa xe, đèn, hương hoa, hương xoa, hương bột, cờ phướn lọng báu, anh lạc, mũ, vàng bạc, châu báu không phải là những vật não hại chúng sinh, chỉ trừ việc hại chúng sinh ra, không có vật gì là không xả. Thế nào là Đại xả của Bồ-tát? Thiện nam! Khi thành tựu pháp xả rồi, Bồ-tát còn cho cả những vật yêu quý như vợ con, trai gái, nô bộc lớn nhỏ, sứ thần quan lại, nhà cửa ruộng vườn, đất nước, ngôi vua. Thế nào là Tăng thượng xả của Đại Bồ-tát? Thiện nam! Vì Bồ-tát thành tựu xả và Đại xả nên thành tựu Tăng thượng xả, tức là cho cả tay, chân, tai, mũi, đầu, mắt, tủy, não, máu, thịt, gân, cốt, môi, lưỡi, răng, tóc, da, móng. Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát Niệm xả, Đại xả, Tăng thượng xả như thế và quyết phải thành tựu rốt ráo, bấy giờ mới được gọi là Bồ-tát niệm Xả. Này thiện nam! Đó gọi là niệm Xả của Đại Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là niệm Thiên của Đại Bồ-tát?

Thiện nam! Bồ-tát niệm thanh tịnh thiên, tức là niệm Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát, chư Phật, Như Lai. Thế nào là niệm? Tức là niệm sự tu hành công đức, sự bất sinh, cảnh giới thọ hưởng hành khởi đầu sự

thành tựu của những bậc đó. Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát niệm chư Thiên. Thế nào là niệm chư Thiên? Là nghĩ đến sự tu hành nghiệp thiện được quả báo thù thắng. Tu nghiệp thiện gì? Tu mười việc lành, xa lánh việc ác, nhờ nhân lành này mà được quả báo thù thắng, các căn thanh tịnh, an lạc, xinh đẹp. Bồ-tát phát tâm đại Bi, tùy hỷ với quả báo thù thắng ấy, cùng chúng sinh hồi hướng quả báo thù thắng đó lên đạo Vô thượng Bồ-đề. Bồ-tát lại nghĩ: Ta làm cho chúng sinh được an lạc thù diệu, lại vì thành tựu căn lành ấy nên luôn siêng năng, phát tâm đại Bi với chúng sinh ở đường ác. Bồ-tát nghĩ: Ta nên dạy chúng sinh tu hành nghiệp thiện, sinh lên cõi trời, rồi ở đó đạt quả Vô thượng Bồ-đề. Nghĩ thế, Bồ-tát dạy chúng sinh tu hành nghiệp thiện sinh lên cõi trời, không mất quả báo thù diệu của cõi trời, từ an lạc đó mà hướng diệu lạc vô thượng, đó là an lạc tịch tĩnh vi diệu của Như Lai. Đó gọi là Bồ-tát niệm Thiên.

Này thiện nam! Đó gọi là mười loại niệm xứ của Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Vô Sở Phát muốn lặp lại ý nghĩa trên, nên nói kệ rằng:

Không thấy pháp là khổ
Vì khổ đó là không
Nếu không bỏ pháp Khổ
Chẳng đạt được pháp Không.
Ai muốn thấy pháp không
Hãy xem thật nghĩa khổ
Vì khổ là nghĩa không
Không là pháp Vô vi.
Khổ không có người làm
Khổ không phải pháp làm
Ngoài khổ ai tạo tác?
Cũng chẳng có trước sau.
Không có Tập chân thật
Nếu thật có Tập khổ
Thì Tập đó ở đâu?
Vì khổ không người làm.
Khổ không từ đâu đến
Cũng chẳng đi về đâu
Hòa hợp với pháp gì?
Ngoài khổ chỗ nào có?
Ái chính là pháp Tập
Nếu từ Tập có khổ

Ái thật chẳng có ái
Ngoài ái, Tập là gì?
Khổ không từ đâu đến
Làm sao có vị lai?
Diệt chính là pháp định
Vượt ngoài pháp đến đi.
Tự tánh pháp vắng lặng
Nguồn gốc sáng thanh tịnh
Các pháp đều thanh tịnh
Vì vượt ngoài trước sau.
Nếu trước có pháp sinh
Sau ắt sẽ diệt mất
Ngoài diệt cái gì sinh
Không sinh chẳng có diệt.
Như vậy người tu trí
Gọi là đạo vô lậu
Đạo ví như chiếc bè
Nên phải bỏ bè đi.
Nếu tích tụ pháp xả
Pháp đó có gì vui
Bỏ đạo ở nơi tịnh
Là người được giải thoát.
Người được tướng giải thoát
Không tranh với các pháp
Không ở trong các pháp
Đã chứng đạo chân như.
Tóc, lông và răng, móng
Mỡ, da, máu, thịt, xương
Đàm dãi, đại tiểu tiện
Gan, mật và não, màng.
Tim, phổi, ruột già non
Nhóm họp gọi là thân
Nhà hư vọng phân biệt
Người trí quán sát vậy.
Không có người tạo tác
Và chẳng có người thọ
Như làng xóm trống vắng
Như là thân hư vọng.

Nếu xem thọ là thọ
Ai là người năng thọ
Năng thọ ngoài sở thọ
Sai khác không có được.
Người trí nghĩ như vậy
Là người quán sát thọ
Tướng đó như Bồ-tát
Tịch diệt, sáng thanh tịnh.
Trong thân không thấy tâm
Trong tâm không thấy tâm
Người này thoát phiền não
Tuy thoát nhưng không vui.
Xem pháp đều do tâm
Xa lìa sự phân biệt
Không bỏ hạnh Chân như
Vì đạt nơi không ngại.
Các pháp không tự sinh
Không do cái khác sinh
Vượt hết các tướng, số
Bình đẳng như hư không.
Người trí biết như thật
Pháp ấy không tướng đi
Và không có tướng trụ
Vì trụ trong bình đẳng.
Nếu suy nghĩ như vậy
Đối pháp không lay động
Người này được giải thoát
Ruộng phước như chư Phật.
Biết các pháp là thật
Không hề có nhơ uế
Tu tập pháp thanh bạch
An ổn các chúng sinh.
Niệm diệu sắc tịch tĩnh
Và nghĩ đến công đức
Bồ-tát đủ các pháp
Sẽ được đạo Vô thượng.
Bồ-tát này cúng dường
Các Đức Phật ba đời

Sống trong pháp không động
Vì luôn ở cảnh định.
Khéo mặt giáp kiên cố
Nghĩ cảnh giới diệu pháp
Đạt Vô thượng Bồ-đề
Hạnh kiên cố Bồ-tát.
Ta cũng được như pháp
Ai nghĩ được như vậy
Nên biết niệm pháp này
Nghĩa là các Bồ-tát.
Không còn ngã, ngã sở
Ta cũng đạt như pháp
Ai niệm được như vậy
Là tu niệm diệu pháp.
Chư Tăng đệ tử Phật
Là ruộng phước vô thượng
Sẽ được được Bồ-đề
Thường niệm về chư Tăng.
Như biển không lường được
Ta niệm về chư Tăng
Hồi hướng công đức ấy
Mong tất cả thành Phật.
Giữ giới không thoái chuyển
Ta niệm giới hạnh ấy
Mong muốn cùng chúng sinh
Hồi hướng các công đức.
Lên đạo Vô thượng này
Để an lạc rốt ráo
Đó chính là niệm giới
Đem vui đến chúng sinh.
Thí tài vật và pháp
Lại bỏ các phiền não
Vì chúng sinh hồi hướng
Phước lên đạo Vô thượng.
Là thành tựu niệm xả
Không trụ trong Nhị thừa
Lìa tướng, tự nhiên hành
Như mặt trời sáng soi.

Tất cả các phàm, Thánh
Đều là nhờ nghiệp thiện
Đem những nhân quả ấy
Thương yêu cho chúng sinh.
Các diệu hạnh như vậy
Để được lạc tăng thượng
Sẽ ở trong cõi trời
Thành Vô thượng Chánh giác.

Bấy giờ, hai Đại Bồ-tát Vô Sở Phát, Phấn Tấn Tuệ và quyến thuộc đều đến chỗ Phật. Đến nơi, họ cúi đầu lạy sát chân Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng, vâng lời Phật ngồi qua một bên. Hai vị Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Đức Phật, Như Lai đều biết rõ các pháp không chướng ngại, lúc hai con ở đài Diệu bảo trong lầu gác đẹp nói Pháp tập, có tùy thuận Phật ý không?

Phật bảo:

–Thiện nam! Đúng như lời hai ông nói, chư Phật Như Lai biết rõ các pháp không chướng ngại. Thiện nam! Pháp tập mà hai ông giảng thuyết rất thuận ý ta. Thiện nam! Các Bồ-tát thuyết pháp được đều do thần lực của Như Lai. Hay thay! Hay thay! Thiện nam! Các ông vui thích giảng thuyết Pháp tập. Các Bồ-tát nào muốn thuyết Pháp tập nên thuyết giảng như các ông. Các ông giảng thuyết Pháp tập là đã làm việc làm của Như Lai. Thiện nam! Ta rất vui với việc các ông giảng thuyết Pháp tập.

Lúc ấy, Tuệ mạng Xá-lợi-phất hỏi Đại Bồ-tát Vô Sở Phát:

–Thiện nam! Vì sao Bồ-tát có tên Vô Sở Phát?

Bồ-tát Vô Sở Phát đáp:

–Đại đức Xá-lợi-phất! Bồ-tát nào đình chỉ thân, khẩu, ý nghiệp, không tham đắm việc làm, không mong cầu pháp nào, không lìa phiền não, không mong cầu đắc pháp, thấy các pháp quá khứ, vị lai đều là chân như bình đẳng, không thấy pháp có thượng, trung, hạ, vì thế gọi là Vô Sở Phát. Lại nữa, Đại đức Xá-lợi-phất! Tất cả pháp đều là Vô Sở Phát, vì nó vốn không. Xá-lợi-phất! Nếu pháp có sự bắt đầu thì có nơi phát sinh. Các pháp vốn không có sự bắt đầu thì cớ sao lại nói có nơi phát sinh!

Tuệ mạng Xá-lợi-phất hỏi:

–Pháp nếu như vậy thì làm sao nói là Pháp tập?

Bồ-tát Vô Sở Phát đáp:

–Đại đức Xá-lợi-phất! Tôi là Vô Sở Phát nhưng lại thuyết giảng Pháp

tập. Xá-lợi-phất! Tôn giả nghĩ sao? Lời hỏi có chỗ phát khởi để hỏi hay không? Nếu nói có thì do đâu mà có? Song không ngoài pháp mà có chỗ phát khởi và sự hỏi. Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu không thì đã hòa nhập với Pháp tập mà tôi giảng thuyết.

Tuệ mạng Xá-lợi-phất! Tôi có hỏi, Bồ-tát cũng có nói cớ sao nói là Vô Sở Phát?

Bồ-tát Vô Sở Phát đáp:

–Đại đức Xá-lợi-phất! Lời Tôn giả hỏi và lời tôi nói đều là giả nói, nên biết các Bồ-tát an trụ trong pháp giới chân như mà thuyết giảng. Đại đức Xá-lợi-phất! Người huyễn thì không có tâm, không có tâm sở, chúng sinh cũng đều như vậy. Nếu là như vậy thì làm sao có sự phát khởi! Đại đức Xá-lợi-phất! Do huyễn sư mà có huyễn nên Bồ-tát dựa nơi pháp giới của chân như mà thuyết giảng.

Tuệ mạng Xá-lợi-phất hỏi:

–Thiện nam! Ví như huyễn sư làm việc huyễn không phải thật, không phải không thật. Nếu vậy thì Bồ-tát cũng không phải thật, không phải không thật.

Bồ-tát Vô Sở Phát nói:

–Đại đức Xá-lợi-phất! Chư Phật, Như Lai đều biết các pháp đều là tướng huyễn, nên nói các pháp là hư vọng, huyễn giả.

Xá-lợi-phất nói:

–Đúng vậy, thiện nam! Chư Phật, Như Lai biết các pháp như huyễn.

Bồ-tát Vô Sở Phát nói:

–Đại đức Xá-lợi-phất! Nên biết, như huyễn là không phải thật, không phải không thật, các pháp đều vậy tức không phải thật, không phải không thật.

Xá-lợi-phất! Nếu các pháp là thật, là không thật thì không được nói các pháp đều như tướng huyễn.

Tuệ mạng Xá-lợi-phất hỏi:

–Thiện nam! Vì sao Đại sĩ hành hạnh Bồ-tát?

Bồ-tát Vô Sở Phát nói:

–Đại đức Xá-lợi-phất! Tôi hành hạnh Bồ-tát không phải vì thật nghĩa, không phải vì không thật nghĩa. Vì sao? Nếu Bồ-tát vì thật nghĩa hành sự thì Bồ-tát ấy thấy có đối tượng để hành sự. Nếu hành sự có đối tướng thì không tùy thuận chư Phật Như Lai. Vì sao? Vì như vậy thì ngay pháp Nhẫn vô sinh còn không tùy thuận được, huống gì là nhập pháp Nhẫn vô sinh.

Nếu lìa pháp Nhẫn vô sinh thì không tùy thuận chư Phật Như Lai. Người không vì thật nghĩa để hành sự là hành tà đạo, hành tà đạo là không thật nghĩa.

Tuệ mạng Xá-lợi-phất hỏi:

–Nếu không vì thật nghĩa và không vì không thật nghĩa thì Bồ-tát hành sự ở đâu?

Bồ-tát Vô Sở Phát nói:

–Đại đức Xá-lợi-phất! Nơi nào tất cả phàm phu hành sự thì Bồ-tát hành sự ở đó.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Phàm phu hành sự ở đâu?

Bồ-tát Vô Sở Phát nói:

–Đại đức Xá-lợi-phất! Nơi nào chư Như Lai hành sự thì phàm phu hành sự ở đó. Nhưng phàm phu không biết hành sự của chư Phật, tôi cũng hành sự ở đó.

Tuệ mạng Xá-lợi-phất hỏi:

–Nếu phàm phu không biết cảnh giới của chư Phật hành sự, thì cớ sao lại nói phàm phu hành sự ở đâu, chư Phật Như Lai hành sự ở đó?

Bồ-tát Vô Sở Phát hỏi:

–Tuệ mạng Xá-lợi-phất! Tôn giả nay có thể nhận biết cảnh giới của Phật chăng? đáp:

–Tôi chỉ dựa trên văn tự ấy thì làm sao biết được cảnh giới của Phật! Thiện nam! Nhưng các Thanh văn, nghe lời nói của Như Lai mà phân biệt biết được. Thiện nam! Cảnh giới của chư Phật là vô lượng vô biên, nhưng không ngoài cảnh giới của phàm phu mà có cảnh giới chư Phật.

Bồ-tát Vô Sở Phát hỏi:

–Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu cảnh giới phàm phu không ngoài cảnh giới của Phật mà có thì vì sao lúc nảy Tôn giả nói phàm phu không biết cảnh giới Phật?

Tuệ mạng Xá-lợi-phất nói:

–Thiện nam! Chư Phật Như Lai vượt khỏi thế gian, phàm phu sống trong thế gian, vì vậy phàm phu không biết cảnh giới của Phật.

Bồ-tát Vô Sở Phát hỏi:

–Đại đức Xá-lợi-phất! Tôn giả nghĩ sao? Chư Phật Như Lai có chỗ chứng đắc, chỗ an trụ, chỗ tạo lợi ích không?

Xá-lợi-phất đáp:

–Thiện nam! Chư Phật, Như Lai không pháp nào là không biết, biết rõ các pháp, lại ở trong pháp hữu vi làm lợi ích cho chúng sinh.

Bồ-tát Vô Sở Phát hỏi:

–Nếu Tôn giả biết như thế thì sao lại nói chư Phật, Như Lai vượt khỏi thế gian? Đây là lời nói mà Tôn giả Xá-lợi-phất không xét kỹ. Xá-lợi-phất! Nếu Như Lai vượt khỏi thế gian thì Như Lai không có đối tượng được chứng đắc, an trụ và chỗ tạo lợi ích. Xá-lợi-phất! Lời nói của ông đã không hợp.

Khi ấy, Tuệ mạng Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Vô Sở Phát:

–Thiện nam! Không phải chỉ hôm nay tôi mới nêu bày không hợp, mà trong đời quá khứ tôi đã từng thoái thất căn lành và tâm của trí Nhất thiết trí. Thiện nam! Tôi rất vui với biện tài giảng thuyết của ông, nguyện cho chúng sinh đều được biện tài này.

Lúc giảng nói pháp tập này, có tám vạn Bồ-tát đắc pháp Nhẫn vô sinh, sáu vạn Thiên tử xa lìa trần cấu được Pháp nhãn thanh tịnh, năm ngàn Tỳ-kheo chuyển Tâm Thanh văn phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề, được Phật thọ ký thành tựu quả vị Chánh giác Vô thượng ở các cõi Phật.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Vô Sở Phát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Làm sao Đại Bồ-tát biết được pháp là có thể chọn lấy?

Đức Phật bảo:

–Thiện nam! Bồ-tát biết rõ các pháp thì Bồ-tát biết được pháp nào có thể chọn lấy.

Bồ-tát Vô Sở Phát thưa:

–Bạch Thế Tôn! Làm sao biết rõ các pháp?

Đức Phật bảo:

–Thấy các pháp như mộng huyễn, thành Càn-thát-bà, dợn nắng, vòng lửa, trăng dưới nước, ảnh trong gương.

Bồ-tát Vô Sở Phát thưa:

–Bạch Thế Tôn! Làm sao để thấy các pháp như mộng huyễn, thành Càn-thát-bà, dợn nắng, vòng lửa, trăng dưới nước, ảnh trong gương?

Đức Phật bảo:

–Thiện nam! Các pháp là mắt-sắc, tai-tiếng, mũi-lưỡi, hương-vị, lưỡi-vị, thân-xúc, ý-pháp. Thiện nam! Xem các pháp như mộng huyễn, thành

Càn-thát-bà, dợn nắng, vòng lửa, trăng dưới nước, ảnh trong gương. Chủ thể chọn lấy *(năng thủ)* là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, đối tượng có thể chọn lấy *(khả thủ)* là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Đại Bồ-tát thấy biết và giảng pháp năng thủ, khả thủ nên gọi là Nhất thiết trí. Người đạt Nhất thiết trí thì đoạn trừ mọi kết sử phiền não. Người lìa kết sử phiền não thì không còn ngã, ngã sở, như hư không không phân biệt, bình đẳng với chúng sinh. Nhờ có tâm bình đẳng nên ở đâu đều được tịch tĩnh. Do được tâm tịch tĩnh nên gọi là người tự nhiên hành pháp kiên cố, là người đứng đầu trong chúng sinh, người không bị chướng ngại trong các pháp, người có đại Từ bi, không thể lay động, đạt quả Phật Vô thượng.

Bồ-tát Vô Sở Phát thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát muốn được pháp như chư Phật, Như Lai thì tu hành như thế nào?

Đức Phật bảo:

–Bồ-tát muốn được pháp như chư Phật, Như Lai thì nên phát tâm bình đẳng như mặt đất vì nhẫn chịu được việc ác và lời nói ác của chúng sinh. Lại phát tâm bình đẳng như nước vì rửa sạch trần cấu, phiền não hư vọng phân biệt của mình và chúng sinh. Phát tâm bình đẳng như lửa vì dùng lửa trí tuệ đốt của phiền não của mình và của chúng sinh. Phát tâm bình đẳng như gió vì không còn tham đắm. Phát tâm bình đẳng như hư không vì không còn chướng ngại.

Thiện nam! Bồ-tát như sư tử chúa không kinh sợ, như voi quý điều phục tâm, gánh vác những việc năng nhọc của chúng sinh, như mưa lớn vì mưa những trận mưa tốt, như mặt trời dùng ánh sáng trí tuệ chiếu soi tất cả chúng sinh, như trăng sáng vì chúng sinh ở bất cứ nơi nào cũng thấy được điều yêu thích, như chủ buôn lớn vì dắt chúng sinh đến đảo Nhất thiết trí, như thầy thuốc giỏi vì chữa trị bệnh phiền não của chúng sinh, như sự nhổ mũi nhọn vì nhổ những nghi hoặc về các pháp của chúng sinh, như người hướng dẫn con thuyền vì biết rõ Nhất thiết trí, biết các phương hướng, như thuyền vì đưa hết chúng sinh qua biển lớn thế gian, như sông suối ao hồ vì tưới mát cho chúng sinh, như đường chính vì biết chúng sinh đi lại bình đẳng, như đảo báu vì đầy đủ pháp Bồ-đề phần, như ngọc Như ý vì đáp ứng mọi sự cần thiết, đem lợi ích theo sự mong muốn của chúng sinh, như ngựa hay vì chở được chúng sinh mỏi mệt, như biển lớn vì trí tuệ của Bồ-tát sâu xa khó lường, như núi Tu-di vì không bị lay động trong quả Phật Bồ-đề, như các cây báu vì đầy đủ sự trang nghiêm thù thắng, như vàng Diêm-phù-đàn vì khó có được, như vua Đế Thích vì được lực tự tại tăng thượng trong

các pháp, như Đại Phạm vương vì đầy đủ oai nghi tịch tĩnh, như Hộ thế tứ Thiên vương vì hộ trì pháp thắng diệu, như Chuyển luân vương vì tu hành mười nghiệp thiện, như đại thần vì giữ gìn pháp bí mật của chư Phật Như Lai. Bồ-tát nên phát tâm xuất gia vì khéo trụ trong pháp Sa-môn, trụ trong pháp Sa-môn vì làm thanh tịnh thân, khẩu, ý nghiệp, ở nơi vắng lặng vì thành tựu thiền định Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, thông minh, giải thoát, trụ trong thiền định vì đạt chân như rỗng lặng sâu xa, trụ trong vắng lặng vì giáo hóa Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, thành tựu pháp chú thuật vi diệu của Thánh nhân, an trụ minh trí vì đầy đủ ba minh, trụ trong sự vắng lặng thù thắng vì thành tựu sáu pháp thần thông tự tại, trụ đa văn tuệ vì biết được các pháp sai khác nơi ấm, giới, nhập, ở chỗ thầy vì biết rõ tất cả các luận, trụ quả vị Pháp sư vì thuyết giảng giáo hóa không vì ăn uống cúng dường, trụ trong pháp Tỳ-ni vì xa lìa phiền não tham, sân, si, trụ trong Luận tạng vì làm thanh tịnh mọi nơi chốn, trụ tâm nhu hòa vì trừ bỏ mọi vọng cầu, không trụ trong tâm trạo cử vì đoạn trừ phiền não tham, không trụ trong tâm cao ngạo vì đạo trừ phiền não sân, không trụ trong lời nói ác vì từ bỏ tâm si, không nói tạp loạn vì thành tựu sự giữ gìn lời nói, trụ nơi Đại sư vì tu hành pháp Đại thừa, gánh vác trách nhiệm nặng nề vì thành tựu tâm đại Bồ-đề, ví như biển lớn vì đầy đủ Nhất thiết trí, công đức, như nô bộc vì thay thế mọi việc khổ nhọc cho chúng sinh.

Lại nữa, thiện nam! Đối với chúng sinh xấu ác, Bồ-tát nhu hòa, với chúng sinh kiêu mạn, Bồ-tát cung kính, với chúng sinh dua nịnh Bồ-tát ngay thật, với chúng sinh sống nơi náo nhiệt, Bồ-tát không có tâm sống nơi náo nhiệt, với chúng sinh không tu hành, Bồ-tát có tâm cứu độ, với chúng sinh không hổ thẹn, Bồ-tát có tâm hổ thẹn, với chúng sinh bàn luận tà vạy, Bồ-tát không kiếp sợ, sống trong đại chúng mà không kinh hãi, không nhiễm pháp thế gian, ma chướng không phá hoại được, ngoại đạo, tà luận không chinh phục được, kính trọng nơi đáng trọng, luôn cúng dường sư trưởng, quý trọng người đa văn, tán thán người đạt thiền định, khâm phục người trí tuệ, kính trọng Pháp sư như Phật, nương tựa các Bồ-tát, hiếu rốt ráo các Đức Như Lai, bền chắc với người tu hành như thật, không sợ phiền não, không chứng Niết-bàn, phát tâm đại Bi sống trong thế gian, vì độ chúng sinh nên không thuyết pháp bằng tâm ô nhiễm, luôn lánh xa sự cung kính cúng dường, trừ bỏ tâm điên đảo vì biết như thật về vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, đầy đủ tâm giải thoát, xa lánh cảnh giới, sống như thật vì sinh trong nhà Thánh nhân, thành tựu trí tuệ như thật vì luôn có tâm xuất gia, thành tựu Thánh hạnh vì biết như thật về Khổ, Tập, Diệt, Đạo, thành tựu tướng Đại nhân vì đầy đủ sự giữ giới, đa văn, không phóng dật,

thành tựu tâm bình đẳng với chúng sinh vì biết rõ thế gian vô ngã, thành tựu pháp không điên đảo vì in sâu Thánh ấn, thành tựu đạo tràng vì in sâu ấn không thoái. Các Bồ-tát luôn thành tựu tâm thanh tịnh, hạnh nghi trang nghiêm, không thích nói về kỹ thuật thế gian, không gần gũi bạn xấu, không thích sự cung kính cúng dường, không nói lời tạp loạn của thế gian, không nói việc của quốc gia, vua chúa, giặc cướp, phụ nữ, việc tốt, việc chinh chiến, không thích kết bè đảng tranh tụng, không thích nơi hiểm nạn, xóm làng, thành ấp biên địa, không thích gần những người đàn hát.

Lại nữa, thiện nam! Bồ-tát không thích ở chung với người bỏn sẻn, ganh ghét, kẻ tà kiến, phá giới tạo nhiều việc ác, phóng dật, khinh chánh pháp, kẻ nhiều giận hờn, điên loạn, kẻ ngu si, câm điếc. Đại Bồ-tát luôn thích những hạnh vi diệu, bố thí tài, pháp, vô úy, đoạn trừ phiền não tham, sân, si, bỏ nơi ồn ào, thích nơi vắng lặng, thích sống một mình ở những núi cao, hang sâu, đồng cỏ, rừng cây, dòng suối, đầu đêm cuối đêm không ngủ nghỉ, siêng năng tu hành, phát vô số trăm ngàn vạn ức pháp môn văn, tư, tu tuệ thiền định, Tam-muội, Đà-la-ni, hiện thấy vô số trăm ngàn vạn ức Phật, đạt vô số trăm ngàn vạn ức Đà-la-ni, giáo hóa vô số chúng sinh. Bồ-tát thành tựu những tâm đó thì đạt diệu pháp của Như Lai.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Sở Phát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người tu hành như thật pháp Đại thừa này chính là người tu hành đúng pháp thuyết giảng theo thừa đã gắn bó, người không phóng dật là người như thật tu hành. Lại nữa, người tu hành như thật là người phát nguyện Bồ-đề, người không phóng dật là người đầy đủ nguyện Bồ-đề, người tu hành như thật là người tu bố thí, người không phóng dật là người không mong cầu báo ứng, người tu hành như thật là người thọ trì tịnh giới, người không phóng dật là người thành tựu giới không thoái, người tu hành là người mới tu hạnh nhẫn nhục, người không phóng dật là người đạt pháp Nhẫn vô sinh, người tu hành là người mong cầu các căn lành không mệt mỏi, người không phóng dật là người xả bỏ hết mọi việc đã làm, người tu hành là người bắt đầu tu thiền định, người không phóng dật là người không trụ trong thiền định, người tu hành đầy đủ trí tuệ, người không phóng dật không hý luận các pháp, người tu hành giữ gìn diệu pháp, người không phóng dật không thấy các pháp, người tu hành làm cho chúng sinh đạt đại Bồ-đề, người không phóng dật không thấy chúng sinh, người tu hành thì chứa nhóm các căn lành, người không phóng dật thì hồi hướng lên đại Bồ-đề, người tu hành xem Bồ-đề là pháp thật, người không phóng dật biết như thật các pháp đều là tướng Bồ-đề, người tu hành đạt pháp

Nhẫn vô sinh, người không phóng dật thì nguyện giữ hữu sinh, người tu hành đến đạo tràng thị hiện các việc thù thắng trang nghiêm, người không phóng dật đúng cả a-tăng-kỳ kiếp, người tu hành biết như thật về Bồ-đề, người không phóng dật tu tập tất cả các nghiệp trong quá khứ, người tu hành đạt đại Niết-bàn, người không phóng dật biết rõ tánh của pháp là vắng lặng.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát mà tu hành như thật và không phóng dật thì không xem việc đạt Bồ-đề là khó. Bạch Thế Tôn! Vì lý do đó, Đại Bồ-tát nên tu tập như thật và không phóng dật. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu.

Lúc này, Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Theo sự hiểu biết của con về pháp Phật đã giảng thì các Đại Bồ-tát phải tu hành Pháp tập mà chư Phật và Bồ-tát đã giảng, là Bồ-tát có Pháp tập vi diệu. Vì sao? Vì người không tin pháp thì không có Pháp tập, người không siêng năng thực hành thì cũng không có Pháp tập. Người tán thán biết đúng như thật về Pháp tập là người có Pháp tập vi diệu. Bạch Thế Tôn! Người không tự khen mình cũng không chê người khác là người có Pháp tập vi diệu. Người phát tâm Từ với bậc Thánh, phát tâm thâu nhận với hàng phi Thánh không thấy mình hơn người thua, phát tâm bình đẳng với các pháp bình đẳng, bất bình đẳng, phát tâm bình đẳng không phân biệt với sự bình đẳng, không bình đẳng là người có Pháp tập vi diệu. Người chỉ nghe một câu mà hiểu trăm ngàn câu là người có Pháp tập vi diệu. Người nghe pháp không động tịnh, không trói mở, không hành trụ, không tăng giảm, không yêu ghét, không trụ thế gian, không nhập Niết-bàn, người có khả năng thâm nhập Pháp tập đó là người có Pháp tập vi diệu. Bạch Thế Tôn! Pháp tập mà con thuyết giảng có tùy thuận Pháp tập mà Như Lai thuyết giảng không?

Đức Phật bảo:

–Đúng vậy, Xá-lợi-phất! Lời ông nói là tùy thuận ý Phật.

-oOo-

PHẬT THUYẾT PHÁP TẬP KINH

QUYỂN 5

Bấy giờ, Tuệ mạng Đại Mục-kiền-liên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát nghĩ: "Ta nói được Pháp tập" thì Bồ-tát đó không thể nói được. Vì sao? Vì có ngã kiến nên nghĩ ta thuyết pháp, người khác nghe pháp. Người xa lìa tướng ngã thì không thấy mình thuyết pháp, người khác nghe pháp. Không thấy hai tướng đó cũng không phải không thấy hai tướng đó. Bạch Thế Tôn! Tất cả pháp hữu vi đều không thật có mà sinh tâm phân biệt pháp gì? Nếu cho là thật có thì pháp đó hư vọng không thật. Các Bồ-tát không phân biệt pháp đó thật có. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát biết tất cả pháp hư vọng, không thật, ví như lời nói của người huyễn. Bạch Thế Tôn! Hư vọng là thật không nhưng lại giống như có. Pháp đó thuộc trong sự rỗng lặng, không trái nhân duyên, thuộc không sinh diệt, người này không trái với pháp không và nhân duyên, tùy thuận không sinh diệt, bỏ mọi thứ phân biệt, đoạn trừ ngã, ngã kiến, tà kiến. Các Đại Bồ-tát biết pháp hư vọng nhưng tùy thuận thế gian nói là có. Người nói pháp đó là hư vọng để cho người khác biết chính là người nói Pháp tập. Nói Pháp tập là nói những pháp gì? Nói tất cả pháp đều là một tướng, Pháp tập đó là Pháp tập vi diệu.

Bạch Thế Tôn! Pháp tập con nêu giảng có tùy thuận Pháp tập của Phật giảng thuyết không?

Đức Phật bảo:

–Đúng vậy, Mục-kiền-liên! Lời ông giảng thuyết tùy thuận ý ta.

Lúc này, Tuệ mạng Phú-lâu-na Di-đa-la-ni tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người vì cầu phước mà thuyết Pháp tập thì thật đáng chê trách. Vì sao? Vì là chấp ngã. Người chấp tướng ngã, ngã sở, tạo tội, phước, hành bất động bằng tà kiến thì không thể tự lợi, lợi tha.

Bạch Thế Tôn! Người không biết Pháp tập là người không tạo tội, phước, hành bất động. Người biết Pháp tập là người không tập cũng không phải không tập năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, không thủ cũng không phải không thủ pháp chúng sinh; không thủ thật hư, không thủ cũng không rời cảnh giới tham, sân, si, không thủ thế gian, Niết-bàn, tranh tụng,

im lặng, không, tà kiến, vô tướng, giác quán, không thủ cũng không phải không thủ vô nguyện, không thủ pháp Phật, pháp phàm phu, pháp phi pháp, Thánh tăng, ngoại đạo tăng.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát biết tất cả pháp không mong cầu nơi rốt ráo. Vì sao? Vì Bồ-tát biết các pháp đều là rốt ráo. Bồ-tát không cầu giải thoát vì bản tánh các pháp là vắng lặng, giải thoát, không yêu thích một pháp. Vì Bồ-tát biết các pháp Phật không phải tự pháp, tha pháp. Không nắm giữ hay xả bỏ một pháp nào, nếu có nắm giữ và xả bỏ thì đáng chê trách; không hành, không trụ vì nếu có hành trụ thì đáng chê trách; không vui buồn vì nếu có vui buồn thì đáng chê trách. Bạch Thế Tôn! Đó chính là Pháp tập.

Thế Tôn! Pháp tập con giảng thuyết có tùy thuận pháp tập Phật giảng thuyết không?

Đức Phật bảo:

–Này Phú-lâu-na! Lời ông giảng tùy thuận ý ta.

Khi đó, Tuệ mạng Ca-chiên-diên bạch Phật:

–Thế Tôn, người nào thuyết pháp dựa trên hai tướng pháp phi pháp thì chính là người trụ trong vô minh. Vì sao? Vì người nào biết như thật về phi pháp thì đó là pháp chân thật.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát biết như thật về phi pháp thì đó là chân như. Bạch Thế Tôn! Pháp chân thật không từ đâu đến, không đi về đâu, pháp không nương người, không gần xa người nơi chốn. Bạch Thế Tôn! Pháp không nghĩ: Với chúng sinh thượng căn ta thực hành, với chúng sinh hạ, trung căn ta không thực hành; với chúng sinh hạ, trung căn ta thực hành, với chúng sinh thượng, căn ta không thực hành.

Bạch Thế Tôn! Pháp không phải do tướng cũng không phải không do tướng mà có tên. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Thánh nhân thấy cái gì có tướng đều là trói buộc, cái gì không có tướng cũng đều là trói buộc.

Bạch Thế Tôn! Pháp không phải xa lìa cũng không phải tu hành. Bạch Thế Tôn! Người biết rõ pháp thì không cần tu hành.

Bạch Thế Tôn! Pháp không cho người cũng không tự giữ mà tùy theo lòng mong muốn nên có lợi ích khác nhau, vì không có người tạo tác.

Bạch Thế Tôn! Với chư Phật, pháp không có ý tưởng là người, thân cũng không có tâm oán ghét phàm phu, vì không có ý tưởng phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Pháp không gần Phật mà xa phàm phu, nhưng tùy theo sự thực hành mà đạt pháp khác nhau.

Bạch Thế Tôn! Pháp đó chính là Pháp tập.

Bạch Thế Tôn! Pháp tập con giảng thuyết có tùy thuận Pháp tập mà Phật giảng thuyết không?

Đức Phật bảo:

–Này Ma-ha Ca-chiên-diên! Lời ông giảng thuận ý ta.

Tuệ mạng Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người vì mong cầu sự vắng lặng mà thuyết Pháp tập thì không có Pháp tập.

Bạch Thế Tôn! Vì các pháp không ngoài sự vắng lặng, vì pháp không có hai. Pháp có hai là không biết hai vì vượt ngoài sự hiểu biết của tâm ý thức. Một pháp không mong cầu hai vì xả bỏ pháp mong cầu. Một pháp cũng không có hai vì không có tạo tác.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vắng lặng là pháp không hai, pháp không hai không ngoài các pháp. Bạch Thế Tôn! Các pháp không có hai tướng vì tự tánh là không, vô tướng, vô nguyện, vô hành, không sinh diệt, không có tướng thanh tịnh, bất tịnh; tham keo, bố thí; phá giới, giữ giới; sân hận, nhẫn nhục; biếng nhác, siêng năng; tán loạn, thiền định; ngu si, trí tuệ để đạt. Không thấy đắc các pháp là đạt được pháp chân thật, nếu thấy có đắc thì không đạt được, nếu có cảnh giới thực hành thì không đạt được. Tâm hành theo cảnh giới, hành hai pháp, thấy có pháp sở hữu, nương tựa pháp, cầu chứng pháp, lìa phiền não, cầu rốt ráo, thấy Phật, Pháp, Tăng, thế gian, Niết-bàn thì không thể đạt cảnh giới như vậy.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Người cầu pháp thì không mong cầu gì ở các pháp.

Bạch Thế Tôn! Người không mong cầu gì ở pháp chính là người cầu pháp chân thật.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát có chánh kiến thì không thấy pháp, phi pháp. Lại xét các pháp xa lìa tâm ngã sở, không đắm chấp, xa lìa hư vọng, không thật, xa lìa tất cả sự mong cầu hý luận là pháp chân thật. Bồ-tát thuyết giảng như thế là Pháp tập chân thật.

Bạch Thế Tôn! Pháp tập vi diệu mà con giảng thuyết có tùy thuận Pháp tập Phật giảng thuyết không?

Đức Phật bảo:

–Này Ca-diếp! Lời ông giảng tùy thuận ý ta.

Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp là vô tranh. Người không tranh cãi là người có

pháp.

Bạch Thế Tôn! Mắt và sắc không cạnh tranh, tai-tiếng, mũi-hương, lưỡi-vị, thân-xúc, ý-pháp cũng không cạnh tranh, đó là pháp. Vì sao? Vì nó không hòa hợp và không đến nhau. Pháp không hòa hợp không đến nhau là pháp không cạnh tranh.

Bạch Thế Tôn! Pháp không có hai nên pháp không cạnh tranh.

Bạch Thế Tôn! Các pháp không hai, không biết nhau, không biết, không phân biệt, vượt ngoài sự phân biệt, không sinh diệt, thêm bớt, yêu ghét, không trụ thế gian, Niết-bàn. Pháp chân thật thì không thể nói người được pháp, pháp bị người được.

Bạch Thế Tôn! Các pháp không yêu ghét, nhiễm tịnh.

Bạch Thế Tôn! Nếu nói tôi hiểu biết, giảng thuyết thì đều là hư vọng phân biệt pháp mười hai nhập.

Bạch Thế Tôn! Các nhập đó không có tâm phân biệt. Người nào biết pháp đó chính là người không cạnh tranh với vật, không cạnh tranh với vật là người tùy thuận pháp Sa-môn. Người tùy thuận hạnh Sa-môn là người không đến đi, hành trụ, tiến dừng, thấy các pháp là pháp hành, giải thoát hành, pháp giới, rốt ráo nhưng không thấy người đạt rốt ráo. Pháp được thấy chỉ là danh tự, hư dối, giả huyễn. Người thấy hư giả không thật là người thấy pháp.

Bạch Thế Tôn! Thấy pháp là thấy Phật, thấy phi pháp là thấy Phật, thấy Phật là thấy chúng sinh, thấy không có chúng sinh là thấy nhân duyên, thấy không có nhân duyên là thấy sự rỗng lặng, thấy không phải rỗng lặng là không thấy. Bạch Thế Tôn! Đó là thấy đúng các pháp. Người như vậy là người tùy thuận ý Phật, Pháp, Tăng.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đạt các pháp Nhẫn vô tranh như vậy còn không tranh tụng với ma, huống gì là tranh tụng với người đồng hạnh, không hề có việc tranh tụng. Vì sao? Vì Bồ-tát thấy tất cả ngôn ngữ đều có thể thành tựu hạnh của mình nên không tranh tụng, thế nên Bồ-tát được pháp vô tranh rốt ráo và vì đạt pháp vô tranh rốt ráo nên Bồ-tát được gọi là người đạt tất cả pháp rốt ráo, đạt sự bình đẳng trong các pháp, như thấy thân mình bình đẳng, các pháp cũng bình đẳng, trụ trong nhẫn bình đẳng, vì thế gọi là đạt rốt ráo. Các pháp bình đẳng không đến đi nên gọi là đạt rốt ráo.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đạt rốt ráo các pháp thì pháp giảng thuyết đều là Pháp tập, đem đến niềm vui an ổn cho chúng sinh.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp tập con giảng thuyết có tùy thuận với Pháp tập Phật giảng thuyết không?

Đức Phật bảo:

–Này Tu-bồ-đề! Lời ông giảng tùy thuận ý ta. Tu-bồ-đề! Lúc ông giảng thuyết pháp tập này, có năm ngàn Thiên tử xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh trong các pháp, năm ngàn Thiên tử phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào nghe pháp tập vi diệu của ông thì Bồ-tát ấy biết mình sẽ đến biển pháp lớn, biết thân này không có lỗi, rỗng lặng, sẽ đạt diệu lạc. Tu-bồ-đề! Đó là Pháp tập tối thượng của chư Phật Như Lai.

Tuệ mạng A-na-luật bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Văn tự của các pháp là Pháp tập. Vì sao? Vì tánh của văn tự không có tướng chấm dứt, không có tướng chấm dứt chính là văn tự.

Bạch Thế Tôn! Ngôn ngữ con nói đều chỉ là văn tự.

Bạch Thế Tôn! Văn tự không xuất phát từ mình, cũng không xuất phát từ người khác, văn tự không nghĩ mình phát ra tiếng.

Bạch Thế Tôn! Văn tự không thêm bớt.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát biết tánh của văn tự bình đẳng với các pháp.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát biết rốt ráo âm thanh của các pháp nên Bồ-tát không bị âm thanh làm chướng ngại. Tất cả âm thanh nghe được đều là âm thanh của Phật, là âm thanh của Không, Vô tướng, Vô nguyện, pháp giới, thật tế, không có một pháp nào làm chướng ngại Nhất thiết trí của Bồ-tát. Bồ-tát không thấy pháp nào ngoài Bồ-đề của Phật, thấy pháp không chướng ngại, không trái với Bồ-đề của Phật, không tiến không thoái. Bồ-tát không thấy pháp nhưng luôn tạo lợi ích cho chúng sinh. Bồ-tát ấy đạt nhẫn rốt ráo trong các pháp, do đó thành tựu Nhạo thuyết biện tài sâu xa. Nghĩa là biện tài của Bồ-tát, hàng Thanh văn, Bích-chi-phật không thể lường được. Bồ-tát đạt Biện tài nhạo thuyết an ổn là tùy theo biện tài làm cho chúng sinh được vui an ổn. Đạt Biện tài giảng thuyết ứng hợp là tùy theo sở thích nghe pháp và căn tánh của chúng sinh mà nói rộng hẹp. Đạt Biện tài nhanh chóng là tùy lời lẽ biện tài mà giáo hóa chúng sinh nhanh chóng. Đạt Biện tài thông lợi là thuyết pháp cho chúng sinh có căn trí lanh lợi, khiến họ chứng được lợi giải thoát. Đạt Biện tài cộng thượng nhạo thuyết là thuyết giảng giáo pháp hợp với chư Phật. Đạt Biện tài tăng trưởng là biện tài chỉ nói một câu, một chữ mà tăng lên cả trăm ngàn vạn ức. Đạt Biện tài khinh nhạo thuyết là biết

tướng mạo mà thuyết pháp. Đạt Biện tài ái lạc là biện tài làm cho người nghe pháp không chán. Đạt Biện tài điều thuận là biện tài không trái ý Phật. Đạt Biện tài nhu nhuyến là biện tài không kiêu mạn, tâm không phóng dật. Đạt Biện tài tịch tĩnh là biện tài làm cho mình và người đều tịch tĩnh. Đạt Biện tài tùy thuận âm thanh là biện tài giáo hóa chúng sinh nhập Thanh văn thừa. Đạt Biện tài viễn ly là biện tài giáo hóa chúng sinh đạt Bích-chi-phật thừa. Đạt Biện tài tối thắng là biện tài giáo hóa chúng sinh đạt Đại thừa. Đạt Biện tài bất cộng là biện tài giảng thuyết về mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng. Đạt Biện tài tịch diệt là biện tài giảng các pháp Bồ-đề phần. Đạt Biện tài vô cơ hiềm là biện tài làm cho chúng sinh vui vẻ tin tưởng. Đạt Biện tài chư lực là biện tài điều phục tất cả ma chướng, ngoại đạo, tà luận. Đạt Biện tài thiện thuyết là biện tài thuyết pháp cho bốn chúng nhưng không lo sợ. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu.

Bạch Thế Tôn! Pháp tập con giảng thuyết có tùy thuận Pháp tập Phật giảng thuyết không?

Đức Phật bảo:

–A-na-luật! Lời ông thuyết giảng tùy thuận ý ta.

Tuệ mạng La-hầu-la bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát muốn thuyết Pháp tập nên tìm cầu, thọ trì pháp. Vì sao? Vì nhờ thọ trì mà được pháp nên phải tìm cầu, chỉ có tâm tinh chuyên cầu pháp là tối thắng. Vì sao? Vì tôn trọng pháp nên được pháp, không vì tôn trọng thức ăn mà được lợi chánh pháp, biết bỏ thân này sẽ có quả về sau, không phải chỉ quán sát mà được quả báo, thích chỗ thanh tịnh không ồn ào, gần người an ổn không gần kẻ phá giới, gần người cung kính, không gần kẻ kiêu mạn, gần người an vui không gần kẻ hung dữ, gần người có tâm nhu hòa không gần kẻ ương ngạnh, gần người tâm tịch tĩnh không gần kẻ đắm chấp, gần người bày tỏ tội lỗi, không gần kẻ che giấu tội lỗi, gần người thích bố thí, không gần kẻ keo kiệt, gần người giữ giới không gần kẻ phá giới, gần người nhẫn nhục không gần kẻ sân hận, gần người tinh tấn không gần kẻ biếng nhác, gần người thiền định không gần kẻ tán loạn, gần người trí tuệ không gần kẻ ngu si, gần người hiểu nhiều không gần kẻ thiếu trí, gần người chánh niệm không gần kẻ tà niệm, gần người tạo nghiệp lành không gần kẻ ác, gần người thích Phật pháp không gần kẻ thích pháp thế gian, gần người thích sự rỗng lặng không gần kẻ tà kiến thoái đọa, gần người giữ giới không gần kẻ tự tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Người nào giữ giới người đó sẽ có pháp. Đó

là giữ giới gì? Bạch Thế Tôn! Tất cả các giới đều thuộc ba loại giới: Tăng thượng Giới, Định, Tuệ.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát học ba loại giới này là đã học các pháp Đại thừa.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là Tăng thượng giới của Bồ-tát.

Thế Tôn, Bồ-tát giữ Ba-la-đề-mộc-xoa nhưng không cho giới đó là thanh tịnh, chỉ vì tu tập theo giới Bồ-tát, thành tựu oai nghi nhưng không cho oai nghi, là thanh tịnh vì trụ trong oai nghi của Bồ-tát. Cho dù là tội nhỏ cũng luôn lo sợ vì nương trí của Bồ-tát. Thế nào là trí tuệ của Bồ-tát? Là Bồ-tát biết như thật về các pháp, vì không sợ phiền não, nghiệp chướng. Thế nào là cảnh giới của Bồ-tát? Cảnh giới phân biệt rỗng lặng, không phải thật. Biết giới bình đẳng mà học giới; biết sự rỗng lặng bình đẳng mà học giới nên nói biết sự rỗng lặng bình đẳng mà học giới. Biết sự bình đẳng của vô tướng, vô nguyện, vô hành, không sinh diệt mà học giới, nên nói biết sự bình đẳng mà học giới.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát nghĩ: "Ta hãy làm cho chúng sinh giữ Ba-la-đề-mộc-xoa", đó là Giới học tăng thượng của Bồ-tát.

Thế Tôn! Thế nào là Định học tăng thượng của Bồ-tát? Đó là tu tập bốn Thiền, bốn Không, Tam-ma-bạt-đề. Bồ-tát nghĩ: Ta hãy dùng Định học tăng thượng để thành tựu cho chúng sinh.

Thế nào là Tuệ học tăng thượng của Bồ-tát? Bồ-tát học mười tám pháp không. Bồ-tát nghĩ: "Ta hãy làm cho chúng sinh biết rõ mười tám pháp không này."

Bạch Thế Tôn! Ba pháp học này sẽ bao gồm tất cả học khác.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát nào bảo hộ chúng sinh chính là giữ gìn giới tịnh. Nếu giữ giới mà không đắm chấp vào giới thì Bồ-tát đó sẽ làm vừa lòng chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát xuất gia giữ giới không tham đắm vật gì. Bồ-tát giữ giới tịch tĩnh, không ưa thích ngôn ngữ, Bồ-tát an nhiên giữ giới, không ưa thích âm thanh. Bồ-tát thiền định giữ giới không ưa thích cảnh giới. Bồ-tát giải thoát giữ giới không ưa thích nơi thọ sinh. Bồ-tát nghe pháp giữ giới không ưa thích những học thuyết thế gian. Bồ-tát thuyết pháp giữ giới thì dù trải qua trăm ngàn vạn ức do-tuần để thuyết pháp cũng không mỏi mệt. Bồ-tát hộ trì chánh pháp giữ giới thì tu tập pháp gì để vì sự an lạc của chúng sinh, không vì tự thân. Bồ-tát thâm tâm giữ giới muốn cho chúng sinh đạt Bồ-đề trước, không mong chỉ mình chứng đạt. Bồ-tát tăng thượng thâm tâm giữ giới thích làm việc lợi người,

không thích lợi mình. Bồ-tát tu hành giữ giới trải qua vô số kiếp tu hành thành tựu các pháp Bồ-đề mà không mỏi mệt. Bồ-tát tu bố thí thì đem cả đầu mắt tủy não để tạo lợi ích cho chúng sinh. Bồ-tát giữ giới thì không bỏ chúng sinh phá giới. Bồ-tát nhẫn nhục thì không sợ các ma chướng nhiễu loạn. Bồ-tát siêng năng thì vì chúng sinh tu tập Bồ-đề không mệt mỏi. Bồ-tát tu thiền định thì không nhiễm đắm âm thanh và mọi việc. Bồ-tát tu trí tuệ thấy tánh của các pháp bình đẳng như tướng Bồ-đề. Bồ-tát tu hạnh không thì không làm việc thế gian. Bồ-tát tu đại Bi thì không nhập Niết-bàn.

Bạch Thế Tôn! Giữ giới như vậy là Pháp tập.

Bạch Thế Tôn! Pháp tập con giảng thuyết có tùy thuận Pháp tập Phật giảng thuyết không?

Đức Phật bảo:

–La-hầu-la! Lời ông giảng tùy thuận ý ta.

Tuệ mạng Ưu-ba-ly bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tự xa lìa phiền não và làm cho chúng sinh xa lìa phiền não. Với mọi thứ: Đối chúng sinh giới, pháp giới, tham sân si giới. Bồ-tát nghĩ: "Cho dù chúng sinh và pháp giới, tham, sân, si giới chấm dứt thì ta vẫn giáo hóa chúng sinh không mỏi mệt." Bồ-tát nghĩ: "Bản tánh của các pháp vắng lặng mà chúng sinh không hay biết. Vì sao? Vì các pháp là Không nên không hoạt động, nghĩa là tà kiến và tranh tụng đều không hoạt động. Các pháp diệt trong Vô tướng, nơi ấy tất cả các tâm giác quán, suy xét, không hoạt động. Các pháp diệt nơi Vô nguyện nên không còn mong cầu. Các pháp diệt trong vô ngã nên không tham đắm. Các pháp diệt trong không chúng sinh, nên không có bất cứ loài nào. Các pháp diệt trong không thọ mạng, nên không còn sinh tử. Các pháp diệt trong Thật đế, nên không còn hư vọng. Các pháp diệt trong nhân duyên tập, nên không cò thọ mạng. Các pháp diệt trong bốn Niệm xứ, nên không còn niệm khác. Các pháp diệt trong bốn Chánh cần, nên không còn nắm giữ hay xả bỏ. Các pháp diệt trong bốn Như ý túc, nên không còn đến đi. Các pháp diệt trong năm Căn, nên không còn cao thấp. Các pháp diệt trong năm Lực, nên không còn điều phục. Các pháp diệt trong bảy Giác phần, nên không còn sự u tối. Các pháp diệt trong tám Thánh đạo nên không còn nghiệp ác, suy nghĩ sai. Các pháp diệt trong mười Lực, nên không còn chủng tử. Các pháp diệt trong bốn Vô sở úy, nên không còn công dụng. Các pháp diệt trong trí tuệ, nên không còn vô minh. Các pháp không tạo tác, nên không còn các hành. Các pháp diệt trong vô niệm, nên không còn trí thức. Các pháp diệt trong giác, nên

không còn danh sắc. Các pháp diệt trong vô y, nên không còn sáu nhập. Các pháp diệt trong bất tận, nên không còn xúc. Các pháp diệt trong bất tri, nên không còn thọ. Các pháp diệt trong vô ngã, nên không còn ái. Các pháp diệt trong vô sở thủ, nên không còn thủ. Các pháp diệt trong vô thân, nên không còn hữu. Các pháp diệt trong bất diệt, nên không còn sinh. Các pháp diệt trong kiên cố, nên không còn già. Các pháp diệt trong bất tận, nên không còn chết.” Bạch Thế Tôn! Đó là trí vô chướng ngại của Bồ-tát. Bồ-tát trụ trong trí này thì ma chướng không hàng phục được, ngoại đạo luận sư không phá hoại được, phiền não không ô nhiễm được. Các Đức Phật thường khen ngợi, chư Thiên cung kính, nương tựa.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đạt đến trí rốt ráo là đạt tạng pháp lớn không nghèo thiếu, giữ gìn tạng bí mật của chư Phật Như Lai. Là người đáng tin cậy của chư Phật Như Lai, việc làm đã xong, đạt lợi mình, như biển lớn không thể lường được, như núi Tu-di không lay động được. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập thù thắng vi diệu.

Bạch Thế Tôn! Pháp tập con thuyết giảng có tùy thuận Pháp tập Phật thuyết giảng không?

Đức Phật bảo:

–Ưu-ba-ly! Lời ông giảng thuận ý ta. Ưu-ba-ly! Các Bồ-tát tu tập theo pháp tập này sẽ đạt Vô thượng Chánh đẳng giác.

Tuệ mạng A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát thọ trì diệu pháp là pháp thù thắng trong các nghiệp.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành, thọ trì diệu pháp là tùy thuận Bồ-đề và chư Phật Như Lai. Vì sao? Vì Phật Như Lai luôn tôn trọng pháp.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là hộ trì diệu pháp? Bồ-tát giảng được Khế kinh sâu xa của chư Phật Như Lai, thường đọc tụng, suy nghĩ, tu tập.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát giữ gìn, tu tập là người hộ trì diệu pháp.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát giữ gìn tu tập?

Bạch Thế Tôn! Các nghiệp thân, khẩu, ý của Bồ-tát đều vì tạo lợi ích cho chúng sinh, với đức đại Bi tăng thượng, gia hộ cho chúng sinh được vui an ổn. Bồ-tát hộ pháp suy xét kỹ: Làm việc gì để đem lại an ổn cho chúng sinh? Ta nên làm những việc như vầy, đó là thành tựu pháp quán năm ấm, tuy quán như vậy nhưng không mong tu hành bằng cách xả ly năm ấm. Quán cảnh giới như rắn độc, không mong tu hành bằng cách xả ly mười

tám giới. Quán nhập như xóm làng trống vắng, không mong cầu xả ly mười hai nhập. Quán sắc như bọt nước để tu các hạnh mà tâm không xả ly việc thành tựu sắc thân trang nghiêm của chư Phật, Như Lai. Quán thọ như bong bóng nước để tu các hạnh mà tâm không xả ly việc thành tựu an lạc vi diệu nơi thiền định, Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề của chư Phật, Như Lai. Quán tưởng như dợn nắng để tu các hành mà tâm không xả việc thành tựu trí tuệ của Như Lai. Quán hành như cây chuối để tu các hạnh mà tâm không xả ly việc thành tựu diệu pháp của chư Phật, Như Lai. Quán thức như ảo thuật để tu các hạnh mà tâm không xả ly việc thành tựu trí tuệ để làm thanh tịnh thân, khẩu, ý nghiệp. Bố thí không mong quả báo. Giữ giới để cứu chúng sinh phá giới. Nhẫn nhục để điều phục chúng sinh. Tinh tấn để thành tựu các pháp lành. Thiền định để thân tâm được nhu hòa. Tu trí để soi rõ tướng các pháp. Tu bốn Niệm xứ thì thâm tâm không nhơ. Tu bốn Chánh cần để đạt trí vô chướng ngại. Tu năm Căn thành tựu hạnh tiến triển. Tu năm Lực thì không thoái chuyển Bồ-đề. Tu bảy Giác phần thì không còn lưới nghi. Tu tám Chánh đạo thì không lầm lỗi. Tu bốn Phạm hạnh thì đạt như ý tự tại.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát biết rõ về không sẽ thọ trì được diệu pháp. Không chính là không hý luận.

Bạch Thế Tôn! Người hý luận thì không thọ trì được diệu pháp.

Bạch Thế Tôn! Người biết không, vô tướng là người thọ trì diệu pháp. Người chấp tướng sẽ không thọ trì được diệu pháp.

Bạch Thế Tôn! Vì các pháp là Không, Vô tướng nên Vô nguyện. Vô nguyện là thọ trì diệu pháp. Y chỉ vào nguyện thì không thọ trì được diệu pháp.

Bạch Thế Tôn! Người thấy có các pháp, chấp ngã, ngã sở, kiêu mạn, ganh ghét, keo kiệt, tham dục, não hại, sân hận thì không thọ trì được diệu pháp. Bồ-tát thọ trì diệu pháp thì không có tướng phân biệt giữa chúng sinh và pháp. Bạch Thế Tôn! Đó là Bồ-tát thọ trì diệu pháp.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thấy các pháp không sinh diệt, chúng sinh không đến đi, thân thể không sạch dơ, không thích pháp Phật, không ghét pháp ngoại đạo, thọ trì tám vạn bốn ngàn Pháp tạng mà không có tâm tưởng về pháp, không sống trong phiền não tùy phiền não và các pháp bất thiện, nhưng không có tâm tưởng về phi pháp. Đạt tâm giải thoát nhưng không nghĩ mình giải thoát. Tạo nghiệp đệ tử của chư Phật nhưng không thấy thân, khẩu, ý tu hành. Đạt tự tại trong các pháp nhưng không nghĩ pháp, phi pháp, không nắm giữ hay xả bỏ các pháp, không vì đạt và chứng các pháp, tâm

không đắm chấp nơi vật, tâm không dựa trên phi phàm phu, học nhân La-hán, nhưng đoạn kết sử tham, sân, si, đạt thọ ký trong Bồ-đề nhưng không cầu Bồ-đề của Phật, đến đâu Bồ-tát cũng thấy là đạo tràng, điều phục ma chướng nhưng không thấy có ma và quyến thuộc của ma, thành tựu Bồ-đề của Phật, nhưng không chứng pháp mà trước kia không có, chuyển bánh xe pháp lớn nhưng không có ý về chúng sinh thành hoại, điều phục ma chướng, ngoại đạo, nhưng không tranh chấp, thọ sinh mà không phải mới sinh hay đã sinh, chết nhưng không chấm dứt, vượt khỏi ba cõi, nhưng không có nơi đi, lìa các ngôn ngữ, âm thanh nhưng không thấy có ngôn ngữ, không yêu ghét các pháp, đó là Bồ-tát thọ trì diệu pháp. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập thắng diệu.

Bạch Thế Tôn! Pháp tập con giảng thuyết có tùy thuận Pháp tập Phật giảng thuyết không?

Đức Phật bảo:

–A-nan! Lời ông giảng tùy thuận ý ta.

Lúc Tôn giả A-nan nói Pháp tập này, có tám vạn Thiên tử phát tâm Vô thượng Chánh giác, ba vạn hai ngàn Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh, năm trăm Tỳ-kheo từ bỏ lậu hoặc, đạt tâm giải thoát.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như bóc vỏ trấu để lấy gạo; Bồ-tát cũng thế, bỏ phi pháp giữ chánh pháp, bỏ keo kiệt tham lam, giữ hạnh bố thí, bỏ phá giới, giữ gìn giới, bỏ sân hận, giữ nhẫn nhục, bỏ biếng nhác, luôn siêng năng, bỏ tán loạn, tu thiền định, bỏ ngu si, tu trí tuệ. Đó là Pháp tập thắng diệu.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Có mong cầu là phi pháp. Không mong cầu thì không chấp thủ. Không chấp thủ thì không bảo hộ. Không bảo hộ thì không nhiễm ô. Không nhiễm ô nên không tranh tụng. Không tranh tụng thì không tham tiếc. Không tham tiếc thì không tổn não. Không tổn não thì không thực hành. Không thực hành nên không thoái chuyển. Bồ-tát không thoái chuyển sẽ được chư Phật, Như Lai thọ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập thắng diệu.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát nghĩ: "Ta không thoái chuyển tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, thì không được chư Phật, Như Lai thọ ký. Vì sao? Vì tất cả phiền não đều bắt nguồn từ sự mong cầu. Bạch Thế Tôn! Trừ bỏ sự mong cầu là lìa phiền não, nên được chư Phật, Như Lai thọ ký.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát nghĩ: Thọ ký là lời nói hư dối của Thế Tôn. Vì sao? Vì người được thọ ký là không, người thọ ký cũng không.

Nếu cả hai đều không thì thọ ký ở đâu? Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Vì lòng đại bi, tùy thuận thế gian nên nói như vậy. Bồ-tát biết các pháp như vậy là được thọ ký.

Bạch Thế Tôn! Ví như huyễn sư thọ ký hư huyễn, nhưng sự huyễn hóa ấy thì không có tâm: Ta thọ ký cho ta thành Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát cũng như sự huyễn hóa kia, không có tâm phân biệt. Bồ-tát nghĩ: "Bồ-đề không phải là tướng chứng và bỏ được, không phải tướng sinh diệt, không phải do tâm thân chứng, không ở trong, ngoài, giữa, Bồ-đề không nghĩ ta là Bồ-đề, Bồ-tát chứng được ta." Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát ở địa Hoan hỷ không hổ thẹn, không buồn lo. Ở địa Ly cấu thì không tăng giảm. Ở địa Minh thì không tối sáng. Ở địa Diễm thì không nắm giữ hay xả bỏ. Ở địa Nan thắng thì không hơn thua. Ở địa Hiện tiền thì không tự mình giác cũng không do người khác giác. Ở địa Viễn hành thì không đi dừng. Ở địa Bất động thì không lay động phân biệt. Ở địa Thiện tuệ thì không thành, không mong thành. Ở địa Pháp vân thì không tự giác, giác tha. Ở Phật địa thì làm tất cả nhưng không làm gì, vì thế Như Lai tự nhiên không hý luận. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập thắng diệu của Đại Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát cứ thế đạt đến trí tùy thuận, đạt sự Thuyết pháp tự tại vì không đắm chấp nơi ngôn ngữ; đạt Thanh tịnh tự tại vì không nhiễm vướng bất cứ nơi nào; đạt Nhạo thuyết tự tại vì luôn dựa trên văn tự của một pháp mà giảng thuyết đến trăm ngàn vạn kiếp vẫn không hết; đạt Trí tự tại vì từ văn tự của một pháp mà giảng thuyết trăm ngàn vạn pháp môn; đạt Sinh tự tại vì đem lại lợi ích cho chúng sinh ở khắp mọi nơi nên thọ sinh ở đó; đạt Tam-muội tự tại vì bất cứ lúc nào muốn nhập Tam-muội thì nhập; đạt Trụ trì tự tại vì luôn gia hộ khắp nơi, nghĩa là thuyết giảng diệu pháp của chư Phật cho nai, cừu, chim thú, cỏ cây, vách đá; đạt Quyến thuộc tự tại vì có vô số bà con luôn thường còn; đạt Kiến tự tại vì thấy sắc đẹp; đạt Văn tự tại vì nghe tiếng hay; đạt Tỷ tự tại vì ngửi tất cả hương chỉ là hương diệu pháp; đạt Thiệt tự tại vì ăn pháp vị, không ăn các thức ăn; đạt Thân tự tại vì thành tựu Pháp thân, chẳng phải thân ăn uống. Đạt Tâm tự tại vì biết tâm hành mọi loài, ngay cả ruồi, muỗi, nhặng, kiến. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập thắng diệu.

Bấy giờ, Bồ-tát Kiến Giả Ái Lạc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thực hành như vậy, vì chúng sinh thấy được đều vui vẻ. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Bồ-tát chỉ có một việc là giáo hóa chúng

sinh, ngoài ra không làm gì. Bạch Thế Tôn! Đó là pháp tập thắng diệu căn bản của Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Vì vậy Bồ-tát nên thích pháp. Bạch Thế Tôn! Thế nào là thích pháp?

Bồ-tát có bốn pháp ưa thích: Bố thí mà không cầu quả báo. Bình đẳng với chúng sinh bằng Ái ngữ. Phòng hộ các hạnh của chúng sinh bằng Lợi hành. Yêu thương chúng sinh như thân mình bằng Đồng sự.

Lại có bốn pháp đa văn vì không có tâm kiêu mạn. Thuyết pháp lìa tướng vì bỏ tâm mong cầu cúng dường. Tôn trọng người đáng kính vì cầu trí tuệ. Tu hành tinh tấn vì giáo hóa chúng sinh.

Lại có bốn pháp: Thành tựu giới tịnh vì bố thí bằng pháp. Thành tựu biết đủ vì sống nơi tịch tĩnh. Sống nơi vắng lặng nên đạt thiền định. Sống trong thành ấp, xóm làng vì không phá bỏ các oai nghi.

Lại có bốn pháp: Thật ngữ vì thích giảng nói. Pháp ngữ vì nói về pháp không. Nhẫn nhục ngữ vì tâm bình đẳng. Tịch tĩnh ngữ vì hộ trì các căn.

Lại có bốn pháp: Biết trước ý hỏi vì có thiện ngữ. Tâm ý đầy đủ vì dù được ít nhưng vẫn biết đầy đủ. Thành tựu không dua nịnh vì việc làm hợp với lời nói. Đi trong chỗ đông đúc không dối trá vì không dối gạt chúng sinh.

Lại có bốn pháp: Không có tâm ác vì bên trong tịch tĩnh. Tâm không si vì bên ngoài không điên đảo. Không có tâm bỏn sẻn vì quán sát mọi pháp là vô thường. Không có tâm kiêu mạn vì biết như thật về các pháp.

Lại có bốn pháp: Đạt tâm sâu xa vì biết trước ý hỏi. Xa lìa ái nhiễm vì đạt ái ngữ. Xả bỏ các tâm nhưng không bỏ tâm Bồ-đề. Hiểu sâu Đệ nhất nghĩa nhưng tùy thuận Thế đế. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ-tát đạt đệ nhất không, được đại thông minh, được đại tự tại, khéo biết thuyết giảng pháp tập, thích pháp sâu xa, tùy thuận chúng sinh, rốt ráo đạt được pháp không thể nghĩ bàn, được pháp nhu hòa, đại thông, đại pháp sư, đại pháp vương, việc làm lớn, chỗ nương tựa của chúng sinh, đạt đại thông phấn tấn, vì giáo hóa chúng sinh không thoái chuyển nên sinh mà không sinh, chết mà không chết, mọi việc đã làm xong, nên thành tựu Bồ-đề, đạt tâm giải thoát rồi siêng năng, nhập Niết-bàn nhưng đầy đủ hạnh cầu, tu hành Nhất thiết trí nên còn học hỏi người khác.

Bạch Thế Tôn! Nước biển có thể lường biết được, nhưng không thể lường biết được biển trí Đại thừa của Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Hư không trong sạch có thể làm nhơ được nhưng tâm của Đại Bồ-tát thì không làm cho ô nhiễm được.

Bạch Thế Tôn! Gió tuy không hình tướng nhưng có thể nắm bắt được, tâm của Đại Bồ-tát không bị cảnh giới của sáu trần làm đắm nhiễm.

Bạch Thế Tôn! Ánh nắng mùa xuân có thể sờ nắm được, nhưng Bồ-tát không có tâm chấp ngã, ngã sở.

Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Thiện Mục bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu các pháp chỉ lấy tâm Bồ-đề làm gốc. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Các pháp đều là hư vọng, chỉ do tâm phân biệt, thể tánh không có vật, như ảo ảnh, không có cội gốc, theo sự mong muốn mà thành, không có người tạo tác, người thọ nhận, tánh nó không dừng trụ.

Bạch Thế Tôn! Các pháp không có đầu cuối, vì không có cả hai: Các pháp không có ngã, ngã sở vì không có chủ tể. Các pháp bình đẳng như pháp giới vì không phải là khách. Các pháp không phải là chủ vì không còn tham. Các pháp không có sự phân biệt vì không có tâm lấy bỏ. Các pháp không đến đi vì chỉ là cảnh giới của trí, không có sự hiểu biết, không có chủ tể.

Bạch Thế Tôn! Phàm phu chấp ngã trong pháp vô ngã. Chấp có chúng sinh trong pháp không chúng sinh. Bồ-tát nghĩ: Ta dùng diệu pháp này làm cho chúng sinh giác ngộ. Bạch Thế Tôn! Đó là tâm Bồ-đề. Phát tâm làm cho chúng sinh an ổn, thọ lạc, vô thượng, pháp giới, quang minh, chúng sinh được giữ vững, an trụ, đó là tâm Bồ-đề.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Tu Bố thí ba-la-mật là tâm tịch tĩnh, Giới ba-la-mật là tâm bất khuyết. Nhẫn nhục ba-la-mật là tâm không tổn hại. Tinh tấn ba-la-mật là tâm không thoái chuyển. Thiền ba-la-mật là tâm không loạn. Trí ba-la-mật là tâm không phân biệt hư vọng. Đại Từ là tâm nhu hòa. Đại Bi là tâm không thoái chuyển. Đại Hỷ là tâm không nhàm chán. Đại Xả là tâm không nhơ. Đại thí là tâm không keo kiệt. Ái hạnh là tâm không bị trói buộc. Lợi ích là tâm bình đẳng. Đồng sự là tâm tối thượng. Không tuệ là tâm không phân biệt. Trí vô tướng là tâm vô niệm. Vô nguyện là tâm không trụ. Hạnh Bồ-đề là tâm nơi ba mươi bảy phần Bồ-đề. Hạnh tiến thủ là tâm niệm Phật. Hạnh không phá hoại là tâm niệm Pháp. Tâm pháp giới là tâm niệm Tăng. Tâm vô lượng là tâm niệm Giới. Tâm không thủ là tâm niệm Xả. Tâm niệm thiên là niệm các căn lành vì được trang nghiêm bằng các căn lành. Lấy sự thọ sinh thù thắng mà phát tâm Bồ-đề vì để tu tập các căn.

Bạch Thế Tôn! Về sự phát tâm Bồ-đề, dù trải qua một kiếp hay vô số kiếp con cũng không thể nói hết. Cứ thế các Đại Bồ-tát tu tập vô số nhân duyên mà phát tâm Bồ-đề.

Vì vậy, bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát muốn cầu các pháp lành thì nên cầu trong sự phát tâm Bồ-đề. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu.

Bồ-tát Thiện Sinh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Từ cội gốc tinh tấn nên các pháp lành được sinh ra.

Bạch Thế Tôn! Những gì là cội gốc của các pháp?

Bạch Thế Tôn, Không, Vô tướng, Vô nguyện là cội gốc của các pháp, vì ở đó không có sự thấy biết, không có phiền não của ba cõi. Vô hành là nguồn gốc của các pháp vì ở đó không có người tạo tác. Vô ngã là cội gốc của các pháp vì ở đó không có ngã. Lìa chúng sinh là cội gốc của các pháp vì ở đó không thấy có chúng sinh. Vô mạng là cội gốc của các pháp vì ở đó không thấy thọ mạng. Các pháp không sinh vì không thấy vô thường. Các pháp không diệt vì không thấy đoạn. Các pháp không vật vì không thấy có. Các pháp bình đẳng như Niết-bàn vì ở đó không thấy sự hy hữu. Các pháp như Bồ-đề vì ở đó không thấy có Phật. Các pháp không tạo tác vì ở đó không thấy Pháp. Các pháp không hòa hợp vì ở đó không thấy Tăng. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu.

Khi ấy, Bồ-tát Đạo Đại Sư bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát muốn cho chúng sinh đạt đại Bồ-đề trước nên không vì mình mà chứng đại Bồ-đề. Đại Bồ-tát tạo nghiệp vì chúng sinh không vì mình, nhưng không thấy chúng sinh, không bỏ tâm đại Từ bi, đó là Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát có tâm đại Từ bi?

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không thấy chúng sinh, nhưng luôn tu các căn lành rồi hồi hướng lên đại Bồ-đề, đó là đại từ; Bồ-tát không bỏ việc làm của chúng sinh, đó là đại Bi. Bồ-tát thấy pháp thế gian là Niết-bàn, nhưng luôn siêng năng tu tập đạo là đại Từ; không bỏ chúng sinh là đại Bi. Tự thân phát tâm Bồ-đề là đại từ; giáo hóa chúng sinh là đại Bi. Bỏ các vật trong ngoài là đại Từ; bỏ các căn lành trong ngoài vì chúng sinh đạt Bồ-đề của Phật, hồi hướng lên đạo Vô thượng là đại Bi. Giữ gìn giới tịnh không hủy phạm là đại Từ; tự giữ giới tịnh, tăng trưởng giới tịnh của chúng sinh là đại Bi. Tự tu hành an ổn, nhẫn nhục, đạt an lạc là đại Từ; đem niềm vui an ổn cho chúng sinh là đại Bi. Tự tu các hạnh tinh tấn để đạt đạo của chư Phật, là đại Từ; làm cho chúng sinh đạt hạnh đại tinh tấn là đại Bi. Tự tu tịch tĩnh là đại từ; làm cho chúng sinh đạt hạnh tịch tĩnh là đại Bi. Tự tu trí

tuệ là đại từ; tăng trưởng trí tuệ chúng sinh bằng trí tuệ của mình là đại Bi. Không tu hành không phải không tu hành là đại từ; không tạo tác, không phải không tạo tác là đại Bi. Sinh nhưng không đi là đại từ; đi nhưng không động là đại Bi. Nói nhưng không nói là đại Từ; tham đắm nhưng không bị trói buộc là đại Bi. Trói nhưng không thủ đắc là đại Từ; nhập Niết-bàn nhưng không diệt là đại Bi. Tự thân xuất xá-lợi nhưng không có xương thịt, gân, máu là đại từ; tu quán thân xương không thêm bớt là đại bi. Bố thí nhưng không xả vật là đại từ; hộ các căn nhưng không thành tựu là đại Bi; tăng trưởng nhưng không tự cao là đại Bi. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập thắng diệu.

Bấy giờ, Bồ-tát Quang Minh Tràng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát dùng tâm định tịch tĩnh tạo nghiệp tối thượng. Vì sao? Vì Bồ-tát trụ trong tâm tịch tĩnh thì các pháp vi diệu của chư Phật tự nhiên hiển hiện.

Bạch Thế Tôn! Vì Bồ-tát tôn trọng tâm tịch tĩnh và niềm vui an ổn nên đạt Bồ-đề và các môn Đà-la-ni.

Bạch Thế Tôn! Những gì là Đà-la-ni của Bồ-tát? Bất cứ ở đâu, nghe pháp không quên, thọ trì, hiểu rõ và làm cho chúng sinh hiểu rõ. Nhờ không tăng trưởng, không phân biệt Đà-la-ni nào nên thọ trì tám vạn bốn ngàn pháp môn mà không quên sót. Nhờ Đà-la-ni nên biết tâm, tâm sở của chúng sinh vì biết tâm của chúng sinh nên thuyết pháp hợp cơ. Nhờ Đà-la-ni nên nghe hiểu lời nói của chúng sinh, nhờ nghe tiếng phàm phu đạt đại Bi, nghe tiếng Thánh nhân đạt đại Từ. Nhờ Đà-la-ni nên nghe nhớ một câu pháp mà thuyết giảng trong vô số kiếp, Bồ-tát đó có biện tài nhạo thuyết không dừng, không cùng tận giới mốc. Nhờ Đà-la-ni nên biết như thật về ngôn ngữ, biết tất cả ngôn ngữ đều là Phật ngữ. Nhờ Đà-la-ni nên ở trụ xứ của Bồ-tát, Phật trong mười phương thuyết pháp, ai nghe được cũng đều thọ trì. Bồ-tát nghe pháp ở vị Phật này rồi ở chỗ Phật khác thuyết giảng nhưng không chướng ngại. Bạch Thế Tôn! Đó là Bồ-tát thọ trì Đà-la-ni.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đạt Đà-la-ni, nhờ Đà-la-ni nên thuyết pháp dù chỉ một pháp, một chữ, một câu hay thuyết cả pháp giới mà Bồ-tát đó vẫn không có tâm kiêu mạn, không sống phóng dật, đạt Đà-la-ni tăng thượng. Nhờ Đà-la-ni nên nói được các pháp hiện thấy và các tập Đà-la-ni hiện có được trong thế gian. Nhờ Đà-la-ni nên đoạn trừ nghi hoặc và phiền não của chúng sinh, đạt tập Đà-la-ni tăng thượng. Nhờ Đà-la-ni nên tăng trưởng bạch pháp, chấm dứt các phiền não, đạt Đà-la-ni hành. Nhờ Đà-la-ni nên biết được pháp, ánh sáng pháp, Bồ-tát biết đúng về các pháp nhưng không

phân biệt, tu hành các pháp nhưng thân tâm thật không tu hành, nói pháp nhưng thật không nói một chữ, xả các pháp nhưng không mất, tăng trưởng pháp nhưng không có vật nào để tăng, tổn giảm các pháp nhưng không có pháp nào để giảm, nói pháp nhưng thật không có ngôn ngữ, làm cho nhập Niết-bàn nhưng ở thế gian không lay động, đạt địa Thánh nhân nhưng không rời địa phàm phu, điều phục ma nhưng không phải thân, khẩu, ý tạo nghiệp. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu của các Bồ-tát.

Bấy giờ, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tướng của các pháp là giải thoát.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không phân biệt đây là trói, mở. Vì sao? Vì giải thoát không phải là cái khác, cái khác không phải là giải thoát, giải thoát không thêm một pháp, cũng chẳng giảm một pháp. Giải thoát không từ đâu đến, sự trói buộc cũng không đi về đâu.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát giải thoát không nghĩ ta đã giải thoát, tâm của vị ấy chỉ biết là giải thoát, các pháp khác cũng vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát nghĩ: "Thế gian là pháp cấu nhiễm, Niết-bàn là pháp thanh tịnh", thì Bồ-tát đó không đạt giải thoát. Vì sao? Vì thấy có ta, nên nghĩ như vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu người nào nghĩ rằng: "Ta chán ghét ấm giới nhập, cầu nhập Niết-bàn", thì người ấy không đạt giải thoát. Vì sao? Vì thấy có ta, nên nghĩ như vậy.

Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo đạt tâm giải thoát suy xét: Các pháp như tướng giải thoát, chỉ vì phàm phu không hay biết nên nghĩ như vậy, con dùng pháp này làm cho họ biết được.

Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo đạt tâm giải thoát nghĩ rằng mình đạt giải thoát, phàm phu thường tìm cầu giải thoát trong các pháp giải thoát, Tỳ-kheo phát tâm đại bi với chúng. Vì sao? Vì người cầu giải thoát là người chưa đạt giải thoát. Vì vậy, bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo muốn đạt giải thoát nên quán sát rõ về chủ thể trói buộc, đối tượng bị trói buộc, không phân biệt giải thoát. Nếu không phân biệt sẽ đạt giải thoát. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập thắng diệu của Bồ-tát.

-oOo-

PHẬT THUYẾT PHÁP TẬP KINH

QUYỂN 6

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Hải Tuệ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không nên sợ phiền não. Vì sao? Vì có phiền não tùy theo. Ở đâu có phiền não ở đó có Bồ-đề, đoạn trừ phiền não thì không có Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn! Không và phiền não là một, không sai khác.

Bạch Thế Tôn! Bồ-đề, phiền não, chúng sinh cũng là một, không sai khác, chỉ do phàm phu có tâm điên đảo phân biệt ta là nhiễm, tịnh.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành chân chánh không đạo phiền não, không chấp giữ pháp tịnh. Bồ-tát quán các phiền não, đạt Tam-muội và các Đà-la-ni. Vì vậy Thế Tôn! Bồ-tát phải biết thể tánh của Phật pháp có từ phiền não. Có phiền não theo đuổi là vì chúng sinh có đủ tâm tán loạn, điên đảo, chúng sinh ấy sẽ đọa đường ác, chịu các khổ não. Bồ-tát quán đúng như vậy thì đạt Bồ-đề của Phật. Vì vậy, bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát nên tu tập tùy thuận dòng nghịch, không tùy thuận dòng thuận.

Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát được giải thoát ở trong Niết-bàn không phải ở trong thế gian. Vì Bồ-tát sợ Niết-bàn không sợ thế gian. Vì quán sát thế gian nên đạt đại Bi, chứng được Bồ-đề. Nếu phân biệt Niết-bàn, lo sợ thế gian và vì chán ghét thế gian nên Bồ-tát thoái thất quả vị Vô thượng Bồ-đề của Phật.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đối với chúng sinh ở thế gian thành tựu đại từ bi, chẳng phải ở Niết-bàn. Thế Tôn nói: "Niết-bàn là tâm tịch diệt, hư dối phân biệt không thật." Vì vậy, Bồ-tát nguyện thấy Niết-bàn nên quán trong tâm hư vọng phân biệt là tịch diệt, ở đó Bồ-tát đại Niết-bàn. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu.

Bấy giờ, Bồ-tát Quan Thế Âm bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không cần tu tập nhiều pháp.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát trì rõ một pháp thì nắm bắt được các pháp Phật khác.

Bạch Thế Tôn! Một pháp ấy là gì? Đó là đại Bi, hiểu rõ các pháp Phật

như xem vật trong tay.

Bạch Thế Tôn! Ví như xe báu của Chuyển luân vương đi đến đâu thì bốn binh đều theo đến đó.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát cũng thế nương tâm đại Bi, đi đến nơi nào thì pháp Phật tự nhiên đến đó.

Bạch Thế Tôn! Ví như mặt trời mọc chiếu soi mọi vật, giúp chúng sinh làm việc dễ dàng. Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát cũng thế, tùy tâm đại Từ bi chiếu soi thế gian thì chúng sinh dễ dành tu các pháp Bồ-đề phần.

Bạch Thế Tôn! Ví như ý là gốc của các căn, tùy ý nắm giữ cảnh giới, Đại Bồ-tát cũng vậy, nương nơi đại Bi mà lãnh thọ các pháp Bồ-đề phần, tùy từng phần và khả năng mà tự nhiên tu hành.

Bạch Thế Tôn! Ví như do mạng căn mà có các căn khác, Đại Bồ-tát cũng vậy, từ đại Bi mà có các pháp Bồ-đề phần khác. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu.

Bấy giờ, Bồ-tát Kiên Ý bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trực tâm, Thâm tâm, là tâm căn bản của các pháp.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không có Trực tâm, Thâm tâm thì xa rời pháp vi diệu của Phật.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thành tựu Trực tâm, Thâm tâm nếu không gặp Phật thuyết pháp thì tự nhiên trong hư không, rừng cây, vách đá phát ra tiếng pháp.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát có Trực tâm, Thâm tâm thì ý tự nhiên nghe pháp, tùy thuận diệu pháp của chư Phật. Vì vậy, bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát nên tu Trực tâm, Thâm tâm.

Bạch Thế Tôn! Ví như người có chân thì đi lại được, cũng thế Đại Bồ-tát có Trực tâm, Thâm tâm thì tự nhiên tu hành pháp vi diệu của Phật.

Bạch Thế Tôn! Ví như người có đủ các phần thì có thọ mạng, cũng thế Đại Bồ-tát có Trực tâm, Thâm tâm sẽ có Bồ-đề của chư Phật.

Bạch Thế Tôn! Ví người có mạng sống thì làm các việc, cũng thế, Đại Bồ-tát có Trực tâm, Thâm tâm sẽ thành tựu các pháp Phật.

Bạch Thế Tôn! Ví như có cái bị động thì có cái chủ động, nếu không có bị động thì không có chủ động, cũng thế, Đại Bồ-tát có Trực tâm, Thâm tâm sẽ soi rõ các pháp vi diệu của chư Phật, nếu không có Trực tâm, Thâm tâm thì không thể thực hiện công việc khó khăn ấy.

Bạch Thế Tôn! Ví như có mây sẽ có mưa, cũng thế, Đại Bồ-tát có Trực tâm, Thâm tâm sẽ được trận mưa pháp của chư Phật.

Bạch Thế Tôn! Ví như rễ cây mục nát thì không sinh cành lá hoa trái, Đại Bồ-tát cũng thế, nếu không có Trực tâm, Thâm tâm thì không sinh trưởng pháp thiện của chư Phật. Vì vậy, bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát muốn đạt Bồ-đề của Phật thì nên khéo giữ gìn, bảo hộ, làm thanh tịnh Trực tâm, Thâm tâm. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu.

Bấy giờ, Bồ-tát Thiện Hộ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không cần giữ gìn các pháp.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát chỉ khéo bảo hộ tâm mình thì sẽ thành tựu diệu pháp của chư Phật.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát thủ hộ các pháp thì sẽ không đạt pháp Nhẫn vô sinh. Nếu Bồ-tát không thủ hộ các pháp mà nhập thiền định thì không có lỗi lầm và không trái với chư Phật Bồ-tát, tự tâm biết pháp Phật nhưng không hộ tâm, thấy tâm do nhân duyên sinh, cũng thế, thấy các pháp đều do duyên sinh. Thấy tâm như huyễn, cũng thế, thấy các pháp như huyễn. Tâm không phải ở trong, ngoài, giữa, hai bên, cũng thế, thấy các pháp như tâm, không có sắc tướng, không thể biểu hiện và thấy được, không có hình chất dối ngại không thể nắm bắt, không soi rọi dừng trụ. Thấy tướng của các pháp như vậy thì Bồ-tát sẽ đạt tâm bình đẳng, vì tâm bình đẳng nên không nắm giữ các pháp. Bồ-tát không trụ, hành, giữ, bỏ và không mong cầu, vì không cầu nên không nắm giữ. Vì không nắm giữ nên không đắm vướng, vì không đắm vướng nên không nhiễm ô, nghĩa là Bồ-tát không nhiễm các pháp. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu.

Bấy giờ, Bồ-tát Hư Không bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không nói như thế này: Dùng những lời nói nào có thể khiến người ta sinh tâm sân hận.

Bồ-tát không nói như thế này: Dùng nhưng lời nói nào có thể khiến người ta sinh tâm phiền muộn.

Bồ-tát không nói như thế này: Dùng những lời nói nào có thể khiến người ta không hiểu biết.

Bồ-tát không nói như thế này: Dùng những lời nói nào thật vô nghĩa giả dối.

Bồ-tát không nói như thế này: Dùng những lời nói nào có thể khiến trí tuệ sáng suốt không sinh.

Bồ-tát không nói như thế này: Dùng những lời nói nào có thể khiến tâm họ không vui vẻ, không đầy đủ và không vui tai.

Bồ-tát không nói như thế này: Dùng những lời nói nào có thể khiến

phá hoại hai nơi.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không nói như thế này: Dùng những lời nói nào để làm cho họ không thể hiểu pháp không. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì trong các lời nói, lời nói đó bền chắc nhất. Dùng những lời nói nào có thể khiến người ta biết được pháp không?

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát biết được nghĩa không của các pháp là không có tâm, ngã, không có hai tướng, bỏ hai tướng nhưng luôn làm việc với chúng sinh, đó là đại bi vô chướng ngại của Đại Bồ-tát. Bồ-tát hành đại bi vô chướng ngại sẽ học được những gì của Phật học và do đó biết được các pháp như hư không, nhờ biết pháp như hư không nên đạt hư không tạng. Bồ-tát muốn bố thí thì bố thí tất cả, nhưng không có tâm phân biệt bố thí và tham tiếc; giữ giới, phá giới; nhẫn nhục, sân hận; siêng năng, biếng nhác; tán loạn, thiền định; ngu si, trí tuệ; Bồ-tát không còn cầu pháp của chư Phật, không bỏ pháp ác của phàm phu.

Bạch Thế Tôn! Ví như các dòng sông đều chảy về biển, đều có một vị mặn, cũng thế Bồ-tát vào biển lớn Đệ nhất nghĩa thì thấy các pháp đều là một vị giải thoát chân thật.

Bạch Thế Tôn! Ví như ánh sáng của mặt trời bình đẳng chiếu soi chúng sinh, cũng thế, ánh sáng trí tuệ của Bồ-tát bình đẳng chiếu soi các pháp.

Bạch Thế Tôn! Các pháp không trái với không, Bồ-tát biết như vậy là thấy được Bồ-đề chân thật trong các pháp. Bồ-tát thấy Bồ-đề chân thật trong các pháp là biết các lời nói đều là lời Phật, Bồ-tát thuyết pháp mà không đắm vướng, Bồ-tát đạt Biện tài nhạo thuyết không chướng ngại. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người đời điên đảo chấp giữ, nếu nói rằng: "Tên của Bồ-tát là y cứ từ Ba-la-mật" thì không đúng. Vì sao? Vì từ Bồ-tát mà có Ba-la-mật. Nếu từ Ba-la-mật mà có tên Bồ-tát thì từ chúng sinh cũng có tên Bồ-tát. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Bồ-tát sinh khởi Ba-la-mật, biết Ba-la-mật, thuyết giảng cho chúng sinh nên Như Lai thường nói Bồ-tát chưa từng sinh pháp nhưng lại sinh, chưa từng thành pháp nhưng lại thành, chưa từng thuyết pháp nhưng lại thuyết.

Bạch Thế Tôn! Ba-la-mật không bảo hộ được Bồ-tát, nhưng Bồ-tát bảo hộ được Ba-la-mật, vì vậy nên nói Bồ-tát bảo hộ được các pháp.

Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật không giữ gìn được Bồ-tát nhưng Bồ-tát giữ gìn được Ba-la-mật, vì thế nói Bồ-tát thọ trì các pháp.

Bạch Thế Tôn! Các pháp không bệnh, vì tự thể không nhỏ, không hai, vì vượt ngoài thân chấp ngã của chúng sinh, không có tâm vì xa lìa sự nắm giữ hay xả bỏ, không có ý thức vì có từ vô thỉ, không có tướng đến vì không gián đoạn, không đi vì bất động, không chết vì không thọ mạng, không sống vì xưa nay không ăn, không có vật vì không hòa hợp, không giảm vì pháp giới không sai khác, không chia chẻ được vì không có hình tướng, như Kim cang vì thật tế bình đẳng.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát biết như vậy là biết được thật thể của các pháp, nếu vậy thì Bồ-tát biết được Không. Biết được Không thì Bồ-tát không tranh luận, vì không tranh luận nên trụ trong pháp Sa-môn, trụ trong pháp Sa-môn là không trụ, không trụ nên không có lậu hoặc trong cảnh giới, do đó không có bệnh và được gọi là Như Lai. Bồ-tát đã được gọi là Như Lai thì không nói hai lời, do đó không bỏ thế gian, không thủ Niết-bàn, chỉ vì chúng sinh nên thuyết pháp để xa lìa hư vọng phân biệt. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập thắng diệu. Tập không điên đảo là tập Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô hành, không sinh diệt, pháp Nhẫn vô sinh, Đại thừa, chuyển đại pháp luân, đại Ba-la-mật, các đại địa, các pháp không điên đảo.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát dựa trên Đại pháp tập để tu hành, hoặc làm Chuyển luân vương của đất nước, thọ trì mười pháp lành, làm cho chúng sinh sống trong mười pháp lành, hoặc làm người tài giỏi nhất, giáo hóa chúng sinh đạt sự thù thắng của nẻo xuất thế, hoặc là đại trưởng giả khiến cho chúng sinh chán việc ác thế gian, hoặc làm Đế Thích khiến cho chư Thiên không sống phóng dật, hoặc làm Phạm vương, khiến chúng sinh trụ trong thiền định, bốn Vô lượng, hoặc làm Tứ thiên vương khiến cho chúng sinh không nhiễm các pháp, hoặc làm Sa-môn, giáo hóa chúng sinh không nghe pháp ác, hoặc làm Bà-la-môn giáo hóa chúng sinh biết nơi vắng lặng, tự tịch tĩnh làm cho bà con cũng sống tịch tĩnh, tự nhu hòa làm cho bà con cũng sống nhu hòa, sống ở đâu cũng đầy đủ tự tại, làm đại Pháp sư vì đoạn trừ nghi hoặc của chúng sinh, ở đâu cũng không sợ vì chấm dứt phiền não. Bạch Thế Tôn! Đó là Pháp tập vi diệu.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Chúng sinh nghe Pháp tập vi diệu của ông, các Thanh văn, các Bồ-tát mà tin hiểu được thí chúng sinh ấy đã trồng căn lành rất sâu, không phải cúng dường một vị Phật, không phải trồng căn lành ở một vị Phật, hai vị Phật. Vì sao? Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề sâu xa của chư Phật Như Lai là sự sáng suốt, biết được cảnh giới sâu xa của các pháp.

Văn-thù-sư-lợi! Đó là pháp môn vi diệu, chúng sinh ít căn lành không

nghe được, giả sử được nghe cũng không tin tưởng. Bồ-tát nào tự chứng được thì tin được, lại được bạn lành bảo hộ nên tin tưởng và thọ trì được, đạt pháp Nhẫn vô sinh.

Văn-thù-sư-lợi! Ngoài pháp này ra thì không ai thành Phật được.

Văn-thù-sư-lợi! Hằng sa như Phật thời quá khứ thành tựu Bồ-đề là do hành trì pháp này và đạt Vô thượng Chánh đẳng giác.

Văn-thù-sư-lợi! Người nào bỏ pháp hành này mà mong được Bồ-đề thì như người buộc hư không, không thể được, bỏ pháp hành này thì ngay tùy thuận pháp nhẫn còn không được huống gì là đạt pháp Nhẫn vô sinh, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng giác.

Văn-thù-sư-lợi! Các hàng Thanh văn đạt giải thoát trọn vẹn, tám Giải thoát, bốn Vô ngại thì cũng không bỏ được pháp hành này mà được.

Văn-thù-sư-lợi! Thà nghe pháp môn sâu xa này rồi hủy báng bị đọa vào đường ác, còn hơn nghe pháp môn thiển cận rồi tin thọ, sinh vào đường lành. Vì sao? Vì người hủy báng pháp môn này bị đọa trong địa ngục, nhưng nhờ nghe pháp ấy mà được giải thoát ngay trong hiện tại, không nghe pháp môn thiển cận khác để sinh vào đường lành.

Văn-thù-sư-lợi! Có bốn pháp khiến Đại Bồ-tát nghe pháp môn này tin được. Những gì là bốn?

1. Đời trước từng nghe pháp môn này.

2. Nghe rồi tùy hỷ nên có căn lành lớn.

3. Có căn lành lớn nên trang nghiêm bạn lành.

4. Khéo bảo hộ, thành tựu, thọ trì hạnh văn tuệ.

Lại nữa, Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát lại có bốn pháp, nên nghe pháp môn này có thể sinh tâm tin hiểu. Những gì là bốn?

1. Suy xét chánh niệm.

2. Sợ nghiệp bất thiện.

3. Thường phát nguyện đại Bồ-đề.

4. Tự tánh chất trực, nhu hòa an ổn, thích tu hạnh thù thắng.

Lại nữa, Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát thành tựu bốn pháp nên khi nghe pháp môn này không hủy báng. Những gì là bốn?

1. Thành tựu rốt ráo Bồ-đề nguyện.

2. Đạt pháp Nhẫn vô sinh.

3. Thành tựu chánh kiến.

4. Đạt tâm không thoái nơi Vô thượng Chánh đẳng giác.

Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát có bốn pháp khiến nghe pháp môn này tin thọ được. Những gì là bốn?

1. Thành tựu văn tuệ.

2. Thành tựu Bát-nhã.

3. Thành tựu pháp Không.

4. Dùng thiền định để đạt Đà-la-ni.

Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát lại có bốn pháp khiến nghe pháp môn này có thể biết rõ. Những gì là bốn?

1. Thành tựu công đức trang nghiêm.

2. Thành tựu văn tuệ trang nghiêm.

3. Thành tựu trí trang nghiêm.

4. Thành tựu thiền định tâm nhu nhuyến trang nghiêm.

Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát lại có bốn pháp khiến khi nghe pháp môn này được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng giác. Những gì là bốn?

1. Bồ-tát thấy các sắc là sắc Phật.

2. Nghe các pháp là pháp Phật.

3. Trừ bỏ mọi sự mong cầu cho đến không cầu Bồ-đề, Phật.

4. Không thoái tâm đại Bi.

Vì thế, Văn-thù-sư-lợi! Đại Bồ-tát nên thường tụng đọc kinh này.

Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát nguyện sớm đạt Bồ-đề, sớm được thọ ký, đoạn trừ nghiệp chướng, phiền não, đoạn trí chướng, được cúng dường cho Vô thượng chư Phật Như Lai, được hộ trì diệu pháp, thì nên đọc tụng kinh này.

Văn-thù-sư-lợi! Người nào nghe pháp môn này mà tin nhận được, không hủy báng thì ta sẽ thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Vô Sở Phát bèn cởi xâu chuỗi anh lạc giá trị tám ngàn vạn a-tăng-kỳ báu dâng cúng Như Lai và nói như thế này:

–Bạch Thế Tôn! Nhờ công đức này, chúng sinh sẽ thành tựu quả vị như chư Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri. Khi ấy, chuỗi anh lạc biến thành màn báu trang nghiêm đẹp đẽ che rợp khắp nơi trong hư không, đẹp hơn tướng trang nghiêm của trời, người mà các Thanh văn, Bồ-tát, Thích Đề-hoàn Nhân, Phạm thiên vương, Tứ thiên vương chưa từng thấy. Tấm màn đó bay theo sự đi dừng của Như Lai.

Lúc thị hiện việc vi diệu đó, có vô số trời, người đều phát tâm thán phục, cúi đầu chắp tay khen ngợi và chiêm ngưỡng Như Lai, Đại Bồ-tát Vô

Sở Phát vui vẻ, trịch áo vai phải, lạy sát chân Phật, chắp tay hướng về Phật, nói kệ khen ngợi:

Như Lai là người đủ công đức
Cứu độ chúng sinh cõi trời, người
Phật ở thế gian không ai thắng
Tịch tĩnh, bình đẳng cũng không hơn.
Tâm ý rộng lớn, không dua nịnh
Nhiếp tâm cứu đời bằng bi lực
Tâm như hư không, nào ô nhiễm
An lạc chúng sinh nên thuyết pháp.
Thế Tôn không có oán hay thân
Cũng chẳng buồn đau, chẳng sướng vui
Như thầy thuốc giỏi cứu chúng sinh
Sống bằng Bi lực không phân biệt.
Tu-la, Trời, Người, Rồng, Dạ-xoa
Quy y với Phật được tịch tĩnh
Phật Đấng Tối Thượng trong ba cõi
Vì vậy hôm nay con kính lễ.
Vượt qua hữu vi không lầm lẫn
Đầy đủ công đức, nơi tịch tĩnh
Bỏ cả hai đường không phân biệt
Sống đời thanh tịnh ở thế gian.
Cảnh giới tịch tĩnh không thể lường
Chỉ đủ mười Lực biết Như Lai
Hư không, trái đất chẳng lường được
Nên con cúi đầu chắp tay lễ.
Chẳng còn chìm nổi trong sóng nước
Là người vô thượng, chẳng trôi, dừng
Giải thoát bờ kia chỉ Phật đến
Con xin quy mạng biển trí lớn.
Như sen trong bùn không cấu nhiễm
Phật ở thế gian nhưng chẳng nhơ
Không ai có thể sánh đồng Phật
Vì thế con nay xin quy mạng.
Như Lai biết rõ tất cả pháp
Do có mười Lực vượt hết thảy
Là Đấng mạnh nhanh không ai sánh
Phật là người dũng đi một mình.

Thọ trì diệu pháp của chư Phật
Xa lìa tất cả những sợ lo
Vô Thượng Y Sư, Bậc Ứng Cúng
Con xin quy y Đấng Đại Bi.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Vô Sở Phát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chỉ Thế Tôn hiểu tâm con, con không thể đem thân cúng dường Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Con xin dâng anh lạc cúng dường và tán thán Như Lai, nguyện nhờ căn lành này, chúng sinh sẽ đạt được đạo quả Vô thượng Bồ-đề của Phật. Bạch Thế Tôn! Đó là ý nguyện của con.

Đức Phật vui vẻ mỉm cười. Chư Phật Như Lai khi vui vẻ mỉm cười thì không hư dối. Bấy giờ, từ khuôn mặt của Như Lai phóng vô số ánh sáng đủ màu: Xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tím, pha lê, vàng bạc, chiếu soi vô số thế giới, diệt trừ khổ não chúng sinh ở đường ác, sinh lên cõi trời, người, được vui an lạc. Sau đó, Phật thâu thần, ánh sáng xoay quanh Phật trăm ngàn vạn vòng rồi lên đỉnh đầu và mất. Thấy ánh sáng đó, đại chúng đều vui vẻ, an lạc, chắp tay hướng về Phật, ngồi qua một bên, nghĩ: "Vì sao Như Lai vui vẻ mỉm cười?"

Lúc này, Tôn giả A-nan liền rời chỗ ngồi, trịch áo bên vai phải, chắp tay hướng về Phật, dùng kệ hỏi nguyên nhân Phật mỉm cười:

Đấng Vô Thượng tối tôn
Chư Thiên và loài người
Đang chiêm ngưỡng Như Lai
Nghi ngờ việc mỉm cười.
Đại Sư lìa phiền não
Biết pháp và người giả
Vui vẻ ắt có nhân
Mong Phật giảng thuyết cho.
Từ mặt phóng hào quang
Thanh tịnh lại vui tươi
Trời người và đường ác
Nhờ ánh sáng được vui.
Ánh sáng của Thế Tôn
Từ gương mặt phóng ra
Ánh sánh này là gì?
Mong Đại Bi giảng thuyết.
Phóng ánh sáng lớn ấy

Tươi đẹp và sáng suốt
Hiển hiện rất thù thắng
Che lấp các ánh sáng.
Không còn chút tối tăm
Nên thế gian vui vẻ
Phật sắp làm việc gì?
Người nào có công đức.
Mong nói việc người làm
Dứt trừ nghi của con
Người xa lìa phiền não
Cười phải có nguyên nhân.
Ánh sáng chiếu từ mặt
Soi khắp mười phương cõi
Sau đó lại quay về
Nhập trên đỉnh Như Lai.
Ánh sáng hiện ý Phật
Biểu lộ tâm Thánh xuất
Như chớp điện hư không
Chiếu soi nhưng không dừng.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Này A-nan! Đó là việc Đại Bồ-tát Vô Sở Phát trải qua mười hai kiếp sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Bồ-đề. Đức Phật ấy hiệu là Đại Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Kiếp tên là Chư thiên tán thán, cõi nước tên Đại hoan hỷ.

Này A-nan! Đại Quang Minh Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri trụ một đại kiếp, chúng sinh ở đó sống mười hai tiểu kiếp.

Này A-nan! Chúng sinh ở cõi Phật đó thọ lạc như nơi cõi trời Tha hóa tự tại.

Bấy giờ, Tuệ mạng Tu-bồ-đề thưa Bồ-tát Vô Sở Phát:

–Thưa Đại sĩ! Chúc mừng Đại sĩ được lợi lớn, hôm nay Như Lai thọ ký cho Đại sĩ sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Bồ-tát Vô Sở Phát hỏi:

–Đại đức Tu-bồ-đề, ông thấy pháp gì gọi là thành Phật?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Thưa Thiện nam! Tôi không thấy có pháp nào thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Hỏi:

–Nếu Đại đức Tu-bồ-đề không thấy có pháp nào thành Phật thì cớ sao nói dối tôi được thọ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Thưa Thiện nam! Như Lai thọ ký cho Nhân giả sẽ thành Phật, nên tôi nói như vậy.

Bồ-tát Vô Sở Phát hỏi:

–Đại đức Tu-bồ-đề! Chư Phật Như Lai biết đúng như thật về các pháp nên nói sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng giác. Vì sao Như Lai biết như thật về các pháp?

Tu-bồ-đề! Bồ-tát nào cầu Bồ-đề thì chư Phật không thọ ký, Bồ-tát nào không cầu Bồ-đề thì chư Phật Như Lai sẽ thọ ký. Chư Phật biết như thật về các pháp là không có tướng thọ ký nhưng vì nhằm trồng căn lành cho chúng sinh nên thọ ký thành Phật.

Tu-bồ-đề! Ông thấy pháp gì mà nói rằng: Đại sĩ sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng giác?

Tu-bồ-đề đáp:

–Thưa Thiện nam! Chư Phật Như Lai theo văn tự của thế tục mà thọ ký Thanh văn chúng tôi theo chư Phật Thế Tôn mà nói như vậy.

Bồ-tát Vô Sở Phát nói:

–Đại đức Tu-bồ-đề! Văn tự là dựa theo thế tục mà gọi, đối với Thánh nhân thì không phải là văn tự. Vì sao? Vì những gì Thánh nhân nói đều là chân thật, ngôn ngữ của thế tục là hư vọng, vì vậy Tu-bồ-đề không nên dùng lời nói giả tạm của thế tục mà nói về Thánh pháp.

Đại đức Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát cứu hộ chúng sinh, nếu chúng nghe Đệ nhất nghĩa sâu xa thì lo sợ, không tin, cho nên Thánh nhân dùng tâm đại Bi, bỏ pháp chân thật mà nói lời hư vọng của thế gian, chỉ vì bảo hộ cho hàng phàm phu, hoàn toàn không vì Thánh nhân mà nói như vậy, nếu vì Thánh nhân thì nói pháp chân thật.

Đại đức Tu-bồ-đề! Thật pháp của Thánh nhân là pháp Bồ-đề, bản tánh luôn vắng lặng, là chân thật, bản tánh của tướng Bồ-đề là thanh tịnh, tướng các pháp cũng vậy nên gọi là thật pháp của Thánh nhân.

Tu-bồ-đề nói:

–Thiện nam! Có bốn Chân đế gọi là Thật đế. Những gì là bốn? Đó là: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế.

Bồ-tát Vô Sở Phát hỏi:

–Đại đức Tu-bồ-đề! Đại đức có nói khổ là pháp hữu vi chăng?

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, thưa Thiện nam! Tôi thường nói khổ là pháp hữu vi.

Bồ-tát Vô Sở Phát nói:

–Đại đức Tu-bồ-đề, Như Lai thường nói tất cả pháp hữu vi đều là hư vọng.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, thiện nam! Như Lai thường nói các pháp hữu vi đều là hư vọng.

Bồ-tát Vô Sở Phát nói:

–Nếu thế, sao Đại đức lại nói khổ là Thật đế? Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu nói khổ là pháp hữu vi thì nó là hư vọng.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thưa Thiện nam! Khổ là pháp hữu vi, hư vọng, không thật, tôi nói biết khổ là Thật đế.

Bồ-tát Vô Sở Phát nói:

–Tu-bồ-đề! Nếu khổ là pháp hữu vi, hư vọng, không thật thì Trí biết khổ ấy cũng là hư vọng, không thật.

Tu-bồ-đề đáp:

–Thưa Thiện nam! Đúng vậy, đúng vậy. Trí biết khổ cũng là hư vọng.

Bồ-tát Vô Sở Phát nói:

–Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu thế thì sao nói biết khổ là trí Thánh đế?

Tu-bồ-đề nói:

–Thưa Thiện nam! Diệt đế là pháp vô vi thì cớ sao lại không phải Thánh đế?

Bồ-tát Vô Sở Phát hỏi:

–Đại đức Tu-bồ-đề! Diệt pháp gì là Diệt đế, hay tự diệt là diệt, còn có diệt nào khác sao?

Tu-bồ-đề đáp:

–Thưa Thiện nam! Nói về hữu vi thì diệt hết các khổ là Diệt đế.

Bồ-tát Vô Sở Phát nói:

–Tu-bồ-đề! Đại đức không nói khổ là hư vọng không thật sao?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đúng vậy, thưa Thiện nam! Tôi vừa nói khổ là pháp hữu vi, hư vọng,

không thật.

Bồ-tát Vô Sở Phát hỏi:

–Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu là pháp hư vọng, không thật, thì pháp ấy không diệt, nếu vậy thì cớ sao Đại đức nói diệt hết các khổ là Diệt đế?

Lúc đó, Tuệ mạng Tu-bồ-đề thưa Bồ-tát Vô Sở Phát:

–Thưa Thiện nam! Tôi rất vui với biện tài giảng thuyết của Đại sĩ. Thưa Thiện nam! Nguyện cho chúng sinh đều được biện tài này.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

–Thưa Thiện nam! Thế nào là trí chứng Thật đế của Đại Bồ-tát?

Bồ-tát Vô Sở Phát đáp:

–Tu-bồ-đề! Các pháp và Thật đế không trái nhau, cho nên chứng đạt các pháp gọi là chứng Thật đế. Tu-bồ-đề! Các pháp do duyên sinh, biết đúng như thật về các pháp do duyên sinh gọi là chứng Thật đế. Các pháp là không, biết như thật về không là Thật đế, chứng đạt không là chứng Thật đế. Các pháp không sinh, chứng đạt các pháp không sinh là chứng Thật đế. Chứng đạt Thật đế về pháp nào thì ở trong pháp ấy không thủ, xả. Tu-bồ-đề! Đó là trí chứng Thật đế của Đại Bồ-tát.

Tu-bồ-đề! Thật đế chính là giảng thuyết pháp không phân biệt. Vì sao? Tu-bồ-đề! Những gì có phân biệt đều là pháp tà.

Tu-bồ-đề! Vừa rồi ông nói tôi sẽ được lợi lớn, được thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác sẽ thành Phật.

Tu-bồ-đề! Người tự cho mình sắp được thiện lợi, thì chư Phật sẽ không thọ ký. Người nào không cho mình chắc chắn được thiện lợi, thì chư Phật sẽ thọ ký. Người nào không vui khi được lợi dưỡng, không buồn khi mất lợi dưỡng, người ấy sẽ được thọ ký. Người nào không bỏ thế gian mà được Niết-bàn thì được thọ ký. Người không bỏ pháp phàm phu mà chứng Thánh đạo sẽ được thọ ký. Người không mừng khi nghe thọ ký sẽ được thọ ký.

Tu-bồ-đề nói:

–Thưa Thiện nam! Những gì Đại sĩ nhận biết thật là sâu xa.

Bồ-tát Vô Sở Phát nói:

–Tu-bồ-đề! Người không thấy có đến đi thì nhận biết được sâu xa.

Tu-bồ-đề nói:

–Pháp sâu xa này thật khó biết được.

Bồ-tát Vô Sở Phát nói:

–Tu-bồ-đề! Người nào muốn thấy pháp sâu xa này thì không thể thấy được.

Tu-bồ-đề nói:

–Sự hiểu biết đó thật là khó biết được.

Bồ-tát Vô Sở Phát nói:

–Tu-bồ-đề! Không tu hành cũng khó biết được.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Thưa Thiện nam! Chúng sinh nào có thể tin được pháp sâu xa?

Bồ-tát Vô Sở Phát đáp:

–Tu-bồ-đề! Người nào đã từng cúng dường vô số Phật ở đời quá khứ thì tin được. Tu-bồ-đề! Người nào không trồng căn lành, không tu hành, cúng dường chư Phật thì không bao giờ được nghe pháp môn này.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Thưa Thiện nam! Thế nào là cúng dường chư Phật?

Bồ-tát Vô Sở Phát đáp:

–Người tu hành như thật là người cúng dường chư Phật.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Thưa Thiện nam! Thế nào là tu hành như thật?

Bồ-tát Vô Sở Phát đáp:

–Người phát tâm tu hành vì chúng sinh.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Thế nào là phát tâm tu hành vì chúng sinh?

Bồ-tát Vô Sở Phát đáp:

–Là không bỏ tâm đại Từ bi.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Thế nào là đại Từ của Bồ-tát?

Bồ-tát Vô Sở Phát nói:

–Đem thân mạng và căn lành cho chúng sinh mà không cầu báo ân.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Thế nào là đại Bi của Bồ-tát?

Bồ-tát Vô Sở Phát đáp:

–Trước dạy chúng sinh đạo Vô thượng Bồ-đề, sau mới tự chứng đạt.

Lúc giảng nói pháp môn sâu xa này, có bảy vạn sáu ngàn chúng sinh phát tâm cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác, hai trăm Tỳ-kheo dứt bỏ

lậu hoặc, đạt tâm giải thoát.

Bấy giờ, trong chúng hội, có một Thiên tử tên Thiện Tư Duy, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát trụ trong hành xứ căn bản của Phật-Bồ-đề?

Phật bảo:

Này Thiên tử! Bồ-tát thành tựu Trực tâm, Thâm tâm, phát tâm vô thượng, đó là trụ xứ căn bản của Bồ-tát.

Thiên tử Thiện Tư Duy hỏi:

–Các Bồ-tát phát tâm lấy pháp gì làm cảnh giới?

Phật nói:

–Bồ-tát tu về những lãnh vực Bố thí mà không mong cầu báo ân; Trì giới mà không phân biệt giữ giới; Nhẫn nhục mà không thấy pháp chấm dứt; Tinh tấn mà không phát khởi tu hành; Thiền định nhưng thấy rõ các pháp môn; tu Trí tuệ nhưng không thấy, không hý luận; luôn tu văn tuệ nhưng không thấy ngôn ngữ; tu Chỉ nhưng thấy pháp xưa nay vốn thanh tịnh vắng lặng; tu Quán nhưng biết các pháp không thể thấy; tu bốn Niệm xứ nhưng không niệm, không tư duy; tu bốn Chánh cần nhưng không có gì để làm; tu năm Căn nhưng vượt qua các pháp môn khác; tu năm Lực nhưng không phá hoại; tu bảy Giác phần mà Bồ-đề Phật luôn hiện tiền; tu tám Chánh đạo để cứu chúng sinh hành tà đạo; giáo hóa chúng sinh nhưng không thấy có chúng sinh được độ thoát; đoạn trừ phiền não nhưng thấy rõ bản tánh các pháp là không phiền não; tu các Ba-la-mật nhưng không đắm chấp bờ này bờ kia; tu Hạnh thế gian nhưng Niết-bàn hiện tiền; tu hạnh Niết-bàn nhưng không hành các hạnh; tu Sinh nhưng không sinh diệt; tu Ấm nhưng không phiền não; tu Giới nhưng không sai khác; tu Nhập nhưng Thánh nhập luôn hiện tiền; nghe pháp nhưng luôn thiền định vắng lặng; thuyết pháp nhưng không có ngôn thuyết; tu thành tựu sắc tướng nhưng Pháp thân hiện hữu; Chuyển pháp luân nhưng không chuyển thuyết; tu hạnh Thanh văn nhưng pháp Phật luôn hiện bày; tu hạnh Bích-chi-phật nhưng hành thắng hạnh của Bồ-tát. Này Thiên tử! Đó là cảnh giới của Đại Bồ-tát.

Thiên tử Thiện Tư Duy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là hạnh của Bồ-tát?

Phật nói:

–Này Thiên tử! Đem niềm vui của mình cho chúng sinh, ở trong thế gian nhưng giữ giới, học nhiều, tâm không phóng dật, ở trong Niết-bàn

nhưng không bỏ đại Bi, Niết-bàn hiện tiền nhưng không mong chứng đạt, để hóa độ chúng sinh nên tùy thuận hạnh thế gian, cứu độ chúng sinh nên luôn có tâm bình đẳng, làm cho chúng sinh đạt tâm thanh tịnh, không có tâm sai biệt đối với chúng sinh, cho hết những gì mình có, thuyết pháp cho người mà không cầu ăn uống, chứa vật thanh tịnh nhưng luôn biết đủ, thích vắng lặng, chánh niệm tư duy, nhưng luôn siêng năng thuyết pháp cho đại chúng, vào thành ấp xóm làng bằng tâm đại Bi, không mong khen ngợi, cung kính, cúng dường, bỏ những lời xen tạp của thế gian, giảng thuyết không trái pháp luật, nói rộng hay hẹp đều bằng lời hòa ái nhu hòa, luôn lễ cúng Tam bảo, học hỏi, tâm luôn thích Đệ nhất nghĩa đế, không tham đắm các pháp, không nhiễm vướng nơi vật, luôn gần Thánh nhân, bỏ phi pháp, quý pháp như thân, trọng Phật như mạng, xem sự tu hành như thân đầu của mình, luôn biết đủ với những y phục, cơm cháo, thuốc men, tài vật, kính trọng bậc Sư trưởng như Phật, dù mất mạng cũng không bỏ tâm Bồ-đề, đầu đêm cuối đêm siêng năng tu hành, luôn sống trong thiền định, Tam-muội, suy xét quan sát đúng các pháp đã nghe, dùng tuệ vi diệu cầu giải thoát, tu hành thanh tịnh, tâm không nhơ uế, bỏ những vật sở hữu, quán sát nội thân không theo ngoại thân, bỏ sân hận, tham lam, keo kiệt, diệt ngu si, tăng trưởng trí tuệ, luôn giữ giới, tâm thường ôn hòa dịu dàng dù bất cứ nơi nào, luôn lấy trí tuệ làm việc cốt yếu tâm không điên đảo, trong sạch, sáng suốt, tu tập các Ba-la-mật, luôn siêng năng cầu căn lành, nghe pháp không quên, thuyết pháp cho người như pháp mình nghe, bỏ tâm mong cầu cúng dường ăn uống, luôn hộ trì các căn, tâm định tĩnh, tâm tùy thuận Niết-bàn nhưng không bỏ thế gian, những sự được mất, lợi tổn, khen chê, khổ vui, không lay động được tâm, luôn nghĩ: Bố thí được giàu có, giữ giới sinh trong cõi người, trời, nhẫn nhục được xinh đẹp, siêng năng bỏ phiền não, thiền định Tam-muội được tâm nhu hòa, tu trí biết được pháp thế xuất thế gian, tu bốn Nhiếp pháp thì không lầm lỗi, tu bốn Tâm vô lượng thì không cao ngạo, tu hành xả đích thực diệt tuệ được tịch tĩnh nhu thuận, tu thiền đạt tâm tự tại, tu Tam-muội được Thâm tâm, biết đúng như thật về các pháp, tu định thì trừ bỏ kiến chấp, tu vô tướng nên không phân biệt, tu vô nguyện thì không đắm chấp, tu các Ba-la-mật đạt tâm Đại thừa rốt ráo, tu phương tiện Ba-la-mật thì đạt xứ của trí Nhất thiết trí, tu các hạnh của Bồ-tát thập địa, gần gũi bạn lành được các công đức, kính thuận Hòa thượng, A-xà-lê thì được tùy thuận chư Phật, biết rõ về thân tâm mình thì đạt Nhất thiết chủng trí, không cao ngạo thì đạt oai lực lớn, cung kính lễ bái chúng sinh thì được nhục kế chúng sinh không thể thấy được, bố thí thì được thân đủ các tướng đẹp, tùy thuận chúng sinh nên được tám mươi vẻ đẹp, thuyết pháp Đại thừa thì được

địa tự tại, dạy chúng sinh phát tâm Bồ-đề thì đạt địa không thoái, nói rõ các pháp không, đoạn phiền não và tập khí phiền não, bố thí pháp thì được bốn vô ngại, niệm chúng sinh thì đạt Đà-la-ni, làm cho chúng sinh biết pháp thì đạt bốn vô ngại, nhờ thuyết pháp cho chúng sinh nên được sự ghi nhớ không nhầm, khởi tâm nhẫn nhục với chúng sinh yếu kém thì được thân Na-la-diên, khởi tâm nhẫn nhục với chúng sinh phá giới thì được chúng sinh thích nhìn và cung kính, diệt tâm sân hận của chúng sinh thì được tâm định, siêng năng tu tập thì mau chứng pháp, đem Tam-muội cho chúng sinh thì được tướng âm mã tàng, ban cho oai nghi thì được mọi sự trang nghiêm, làm cho chúng sinh gần bạn tốt thì được Bồ-đề Phật, Thanh văn, Bích-chi-phật luôn hiện tiền, bỏ tâm dục thì được người đời tin, bỏ tâm sân thì được mọi người yêu thích, bỏ tâm ganh ghét thì được lợi dưỡng, tiếng thơm, làm chỗ nương dựa của chúng sinh thì được mọi người quy y, bỏ những sự lợi dưỡng, cung kính, khen ngợi, thì được pháp hỷ thực và tiếng tốt, học hỏi thì được lời nói thanh tịnh, lời nói hòa ái thì được tiếng Phạm âm, lời nói êm dịu thì được tiếng Ca-lăng-tần-già, bỏ sân hận thì được thân xinh đẹp ở đời, không dối chúng sinh thì được người đời tin tưởng, không nói lỗi của người thì không vào thai, bỏ sát sinh thì được sống lâu, bỏ trộm cướp thì được kho tàng báu bằng hư không, bỏ ân ái thì được báu như ý trong tay, hồi hướng Bồ-đề thì được tài vật không hết, bỏ tà dâm thì được thân đại trượng phu, bỏ vọng ngữ thì được thân kín đáo, bỏ lưỡng thiệt thì không mất tâm Bồ-đề, bỏ lời ác thì được người đời khen ngợi, bỏ lời thêu dệt nên được bà con trường tồn, bỏ tâm tham nên được kho tàng vô giá, bỏ tâm sân thì làm cầu lành cho chúng sinh, bỏ tà kiến thì được chánh kiến giáo hóa chúng sinh, trụ trong Đại thừa thì được mười Lực của Phật, bố thí không cầu báo đáp thì được mười tám pháp Bất cộng, bỏ đắm chấp thì được bốn Vô úy.

Này Thiên tử! Ta đã nói rõ về vô số cảnh giới và sự tu hành của Bồ-tát, nhưng dù trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp cũng không thể nói hết.

Thiên tử! Bồ-tát thành tựu các cảnh giới tu hành như thế thì dễ dàng đạt đến Bồ-đề.

Thiên tử Thiện Tư Duy thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là sự an ổn của Bồ-tát?

Phật bảo:

–Này Thiên tử! Bồ-tát luôn ở trong Tam-muội, nhưng không dựa vào Tam-muội để thọ sinh, đạt Tam-muội rồi thì tùy nơi tạo lợi ích cho chúng sinh mà thọ sinh.

Thiên tử Tư Duy thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là sự tịch tĩnh của Bồ-tát?

Phật nói:

–Bạch Thiên tử! Bồ-tát thấy thật tế, pháp giới, chân như, ở trong chúng nhưng luôn tịch tĩnh, Bồ-tát không khởi hai tâm.

Thiên tử thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát thường ở trong định?

Phật nói:

–Này Thiên tử! Bồ-tát không mong cầu mọi việc, không thấy một pháp nào có thể nắm bắt, xả bỏ. Bồ-tát thấy pháp thì biết được sự vắng yên rỗng lặng, không chân thật.

Thiên tử Thiện Tư Duy thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát đi đến mọi nơi?

Phật bảo:

–Bạch Thiên tử! Bồ-tát thấy thân mình và chúng sinh đều là không bình đẳng, vắng lặng.

Thiên tử Thiện Tư Duy thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát điều phục?

Phật bảo:

–Này Thiên tử! Bồ-tát không bị sự phân biệt làm lay động là điều phục.

Thiên tử thưa:

–Thế nào là Bồ-tát đạt sự tịch diệt?

Phật bảo:

–Bồ-tát không thấy có nhiễm, tịnh là diệt.

Thiên tử thưa:

–Bạch Thế Tôn! Theo sự hiểu biết của con về lời Phật dạy thì mỗi người tự nương nơi tâm mình mà đạt Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát cũng vậy, lìa phiền não để giữ pháp Phật.

Bạch Thế Tôn! Pháp Phật không từ đâu đến, cũng không đi về đâu.

Bạch Thế Tôn! Trí thanh tịnh trong các pháp là Bồ-đề. Bồ-tát tùy thuận nhẫn nhục là Bồ-đề, biết như vậy là Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn! Nhập pháp giới bình đẳng là thành tựu Bố thí ba-la-mật. Biết sự đạt pháp giới bình đẳng là thành tựu Giới ba-la-mật. Biết pháp

giới là nhẫn bình đẳng tức thành tựu Nhẫn nhục ba-la-mật. Tu hành văn, tự, tu tuệ trong pháp môn này là thành tựu Tinh tấn ba-la-mật. Suy xét về pháp giới bình đẳng này là thành tựu Thiền ba-la-mật. Hiểu rõ pháp giới bình đẳng là thành tựu Trí ba-la-mật.

Bạch Thế Tôn! Người tin pháp môn này là thấy pháp, chứng pháp, chế ngự ma. Bạch Thế Tôn! Người giảng pháp môn này là người tùy thuận chuyển bánh xe pháp của Như Lai. Bạch Thế Tôn! Người đạt pháp môn này là đạt được pháp tối thượng.

Đức Phật khen ngợi những lời nói của Thiên tử Thiện Tư Duy:

–Hay thay! Hay thay! Này Thiên tử! Đúng thế, đúng thế, đúng như lời Thiên tử đã nói.

Này Thiên tử! Tạng pháp Vô thượng Chánh đẳng giác của chư Phật đều nằm trong pháp môn này.

Thiên tử! Những thật nghĩa của chư Phật đều nằm trong pháp môn ấy.

Thiên tử! Người nghe được pháp môn này là người sắp được thiện lợi.

Thiên tử, người giữ gìn pháp môn này là người đạt Tạng pháp lớn. Người lãnh thọ pháp môn này là người đáng tin tưởng, người thọ trì Tạng bí mật của Như Lai. Người nghe pháp này mà tin được là người báo ân Như Lai. Người tin pháp môn này là người không bị mười phương giới làm chướng ngại.

Đức Phật hỏi đại chúng:

–Ai có thể hộ trì pháp môn này ở đời vị lai?

Bồ-tát Vô Sở Phát đứng dậy, trịch áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con sẽ hộ trì pháp môn này ở đời vị lai.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát nào còn có chỗ phát khởi thì không thể hộ trì pháp môn này, vì vậy con không phát khởi, không thọ trì, tâm bình đẳng với chúng sinh, nên hộ trì được pháp môn pháp Nhẫn vô sinh sâu xa, con bỏ tâm ăn uống, không mong cầu cúng dường, cung kính, khen ngợi. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Nếu dựa vào sự cúng dường, cung kính, thì không thể hộ trì pháp môn này.

Bạch Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ, người nghe pháp môn này mà thọ trì được hoặc chép đọc, hoặc chép rồi thọ trì cả quyển thì đó là do uy lực của Vô Sở Phát.

Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Vô Sở Phát:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam! Người có tâm như vậy là người hộ trì được diệu pháp.

Bồ-tát Quan Thế Âm thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người không đoạn trừ đại Bi là người hộ trì được diệu pháp, nên con nương theo tâm đại Bi mà hộ trì pháp môn này.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người có tâm đại Từ là người hộ trì được diệu pháp. Vì sao? Vì người sân hận thì không thể thọ trì được diệu pháp, vì vậy con nương nơi tâm từ mà lưu truyền pháp môn này.

Bồ-tát Kiến Giả Ái Lạc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát nào được chúng sinh thích nhìn thì thọ trì được diệu pháp.

Bạch Thế Tôn! Vì vậy, con không bị chúng sinh sân hận nên hộ trì được pháp môn này.

Bồ-tát Đạo Sư thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phát tâm trừ tất cả khổ đau cho chúng sinh, nếu chúng sinh nhóm hợp muốn tụ tập Bồ-đề Phật, muốn độ chúng sinh, thì Bồ-tát đó hộ trì được pháp môn này. Vì vậy, bạch Thế Tôn! Con vì chúng sinh thành tựu Bồ-đề Phật. Bạch Thế Tôn! Con trước độ chúng sinh sau mới tự độ, nhưng không thấy chủ thể độ cùng đối tượng được độ và cũng không có thấy pháp độ chúng sinh. Vì vậy, bạch Thế Tôn! Con đã phát tâm rốt ráo như vậy, nên hộ trì được pháp môn này.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người đời điên đảo, người nghĩ ta hộ trì pháp môn này chính là người điên đảo. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Bồ-tát điều phục tịch tĩnh nơi tự thân đó là điều phục Pháp thân chân thật, là hộ trì diệu pháp này. Vì vậy, bạch Thế Tôn! Con tự điều phục tịch tĩnh và tự thân là Pháp thân nên hộ trì được diệu pháp này.

Đức Phật khen ngợi các Bồ-tát hộ trì diệu pháp:

–Hay thay, hay thay, thiện nam! Các vị thật là những Bồ-tát đem lại an lạc cho chúng sinh, hộ trì diệu pháp, Bồ-tát hộ pháp thì phải như vậy. Vì sao? Vì nghiệp tối thắng của các Bồ-tát là hộ trì diệu pháp.

Thiện nam! Các pháp tương ứng với pháp môn pháp tập, Bồ-tát thọ trì, đọc tụng, tu hành thì được ánh sáng hiển hiện của chư Phật, thân của chư Phật là không sinh diệt, được ánh sáng lớn của pháp, biết các pháp là

không tạo tác, không phải là hữu vi, được ánh sáng hiện tiền ở trong Tăng. Tăng chúng đệ tử của Như Lai không có ngã, ngã sở, được ánh sáng trong sự tu tập trì giới của Bồ-tát. Trong các pháp tu học của Bồ-tát đều lấy đại Bi làm gốc, được ánh sáng nhạo thuyết, thể của mọi lời nói là vô sinh.

Thiện nam! Pháp môn này được lưu hành rộng ở cảnh giới của Long vương Bà-già-la, Đế Thích, Long vương A-na-bà-đạt-đa, sau đó mới lưu hành trong cõi Diêm-phù-đề. Tuy lưu hành ở cõi Diêm-phù-đề nhưng thường lưu hành trong pháp Phật hộ trì cho chúng sinh có Trực tâm, tâm không dua nịnh, người có thể tin sâu pháp này và trong tâm tỏ ngộ của chúng sinh.

Lúc Như Lai giảng nói pháp này, Bồ-tát Vô Sở Phát, Bồ-tát Phấn Tấn Tuệ cùng các Đại Bồ-tát, Thanh văn, tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân, hết thảy đại chúng đều vui mừng, phụng hành.

-oOo-

SỐ 762

PHẬT THUYẾT QUYẾT ĐỊNH NGHĨA KINH

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo ở tại tinh xá Kỳ viên thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Như Lai sẽ giảng cho các vị nghe về nghĩa chính yếu của quyết định sâu xa, trước, giữa, sau, đều thiện, thuần nhất, không xen tạp, đầy đủ tướng thanh bạch, phạm hạnh, các vị hãy lắng nghe và suy xét kỹ.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Quý hóa thay! Bạch Thế Tôn! Những gì là pháp nghĩa chính yếu quyết định, chúng con rất muốn nghe, xin Phật giảng thuyết.

Đức Phật bảo:

–Này các Tỳ-kheo! Nghĩa chính yếu quyết định là các pháp năm uẩn, năm thủ uẩn, mười tám giới, mười hai xứ, mười hai duyên sinh, bốn Thánh đế, hai mươi hai căn, mười Lực của Như Lai, bốn Vô sở úy, bốn Thiền, bốn Định vô sắc, bốn Hạnh vô lượng, bốn Trí vô ngại, bốn Tam-ma-địa tưởng, bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Chánh đạo.

Năm uẩn: Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

Năm thủ uẩn: Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

Mười tám giới: Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới.

Mười hai xứ: Bên trong có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; bên ngoài có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Mười duyên sinh: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên

danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử ưu bi khổ não. Đó là một khối khổ não lớn. Do duyên này mà có pháp uẩn. Nếu không có duyên thì pháp uẩn diệt, tức là vô minh, diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử ưu bi khổ não diệt. Đó là khổ uẩn lớn diệt.

Các pháp này do vô minh làm duyên mới có như vậy sinh do duyên gì mà diệt? Đó là do không rõ các pháp đời trước, đời giữa, đời sau, không rõ các pháp trong, không rõ các pháp ngoài, không rõ các pháp trong ngoài, không rõ nghiệp thiện, không rõ nghiệp bất thiện, không rõ nghiệp thiện bất thiện, không rõ nhân, không rõ quả, không rõ nhân quả, không rõ các pháp đã sinh, không rõ các pháp chưa sinh, không rõ các pháp hiện tại, không rõ đối với Phật, không rõ đối với Pháp, không rõ đối với Tăng, không rõ các pháp Khổ, không rõ các pháp Tập, không rõ các pháp Diệt, không rõ các pháp Đạo, không rõ các pháp thiện, không rõ các pháp bất thiện, không rõ các pháp tội, không rõ các pháp phước, không rõ các pháp khả hành, không rõ các pháp bất khả hành, không rõ các pháp cao thấp, hữu vi, vô vi không thể hiểu được, không thể phát trí vô tướng với các pháp trắng đen. Chính vì vô minh, không hiểu biết nên có lỗi lầm rồi tạo chướng ngại nơi trí biết như thật, không chứng được Niết-bàn tịch tĩnh. Vô minh là pháp mà thể tánh mê mờ tăm tối, luôn gây chướng ngại. Ví như người mù luôn đi trong đường tối, nhiễm các bụi trần, tổn diệt trí tuệ, không ra khỏi pháp chướng ngại, vô minh làm chướng ngại minh. Vô minh là khổ đau, độc hại, trói buộc, gốc rễ của độc, cây độc, phiền não căn bản, gốc của tùy phiền não, chỗ điên đảo, nhà tối tăm, ngu si.

–Duyên vô minh có hành.

Hành có ba: Thân, ngữ, ý.

Thân hành: Hơi thở ra vào nương nơi thân, lệ thuộc thân, từ thân mà có hơi thở ra vào.

Ngữ hành: Luận nạn phân biệt, tức là phân biệt ngôn ngữ, vấn nạn.

Ý hành: Các pháp tâm sở như tham, sân, si, nương nơi tâm, lệ thuộc tâm.

Lại có ba hành: Phước, tội, bất động.

–Duyên hành có thức.

Thức có sáu: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

–Duyên thức có danh sắc.

Danh sắc: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức uẩn.

Sắc: Năm trần bên trong đều do bốn đại tạo thành.

Bốn đại là: Đất, nước, gió, lửa. Thể của đất là cứng nặng, tánh của nước lưu nhuận, ấm nóng là lửa, chuyển động là gió. Do bốn đại tạo thành năm trần là sắc uẩn. Nhưng trong pháp uẩn này có bốn uẩn là danh, một uẩn là sắc. Năm uẩn đó là danh sắc.

–Duyên danh sắc có sáu xứ.

Sáu xứ: Sáu xứ bên trong: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

–Duyên sáu xứ có xúc.

Xúc có sáu: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

–Duyên xúc có thọ.

Thọ có ba: Khổ, lạc, xả. Mắt…, ý xúc duyên nơi ba thọ này.

–Duyên thọ có ái.

Ái có sáu: Mắt xem sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý phân biệt. Do tham sáu pháp nên gọi là ái.

–Duyên ái có thủ.

Thủ có bốn: Dục, kiến, giới cấm, ngã ngữ. Do ái tăng trưởng nên có thủ.

–Duyên thủ có hữu.

Hữu có ba: Dục, Sắc, Vô sắc.

Dục hữu gồm có mười cõi ác và cõi trời, người. Mười cõi ác là tám địa ngục:

1. Đẳng hoạt.
2. Hắc thằng.
3. Chúng hợp.
4. Hiều khiếu.
5. Đại hiều khiếu.
6. Viêm nhiệt.
7. Cực viên nhiệt.
8. Vô gián.
9. Súc sinh.
10. Ngạ quỷ.

Cõi người gồm bốn chân lớn: Nam Thiệm bộ, Đông Thắng thần châu,

Tây Ngưu hóa châu, Bắc Câu-lô châu.

Nam Thiệm bộ châu rộng bảy ngàn do-tuần, hình tướng về phía Bắc rộng, phía Nam hẹp, giống như chiếc xe; Đông Thắng thần châu rộng tám ngàn do-tuần, hình tướng như nửa mặt trăng; Tây Ngưu hóa châu rộng chín ngàn do-tuần, hình tướng như mặt trăng tròn; Bắc Câu-lô châu rộng mười ngàn do-tuần, hình tướng bốn phương vuông vức như ao.

Cõi trời, người có sáu tầng thuộc cõi Dục: Tứ Thiên vương, Đao-lợi, Dạ-ma, Đâu-suất, Hóa lạc, Tha hóa.

Sắc giới có mười tám cõi trời: Phạm chúng, Phạm phụ, Đại phạm, Quang, Vô lượng quang, Quang âm, Tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, Vô vân, Phước sinh, Quảng quả, Vô tưởng, Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện hiện, Thiện kiến, Sắc cứu cánh.

Cõi Vô sắc có bốn tầng trời: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

–Duyên hữu có sinh. Tức là các hữu tình bỏ thân này rồi theo quả báo của mình lại sinh vào cõi khác, tướng uẩn lại xuất hiện.

–Duyên sinh có già, chết.

Già: Thân của hữu tình bị suy giảm, tâm thức mê loạn, quên nhiều, tóc bạc, mặt nhăn, thân lực yếu, đi đứng phải nhờ gậy, hơi thở khò khè, lực yếu dần, các căn hư hoại.

Chết: Các hữu tình tạo nghiệp theo tuổi thọ chấp dứt, Thức bỏ thọ, mạng căn mất, các uẩn tan rã. Già là tướng không định, là nói trạng thái gần kề chết. Hai pháp này là một nên nói chung là lão tử.

Bốn Thánh đế là gì? Đó là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Khổ đế: Sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, yêu thương xa lìa khổ, oán thù gặp gỡ khổ, cầu mong không toại ý khổ, năm ấm chống trái khổ.

Tập đế là tham ái. Do tham ái nên đắm vướng, do đắm vướng theo tạo nghiệp nên có sinh. Tập là nhân.

Diệt đế là đoạn trừ tham ái và các phiền não, chứng lý tịch diệt.

Đạo đế là tám Chánh đạo: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Dùng Thánh trí quán sát bốn Đế này nên gọi là bốn Thánh đế.

Hai mươi hai căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, nam, nữ, mạng, ý, lạc thọ, khổ thọ, hỷ thọ, ưu thọ, xả thọ, tín, tấn, niệm, định, tuệ, vị tri, đương tri, dĩ tri, cụ tri căn.

Mười Lực:

1. Xứ phi xứ trí lực: Trí lực của Như Lai biết như thật về pháp xứ, phi xứ của hữu tình.

2. Nghiệp báo trí lực: Như Lai dùng trí lực biết rõ nhân duyên quả báo nơi hành nghiệp, thọ sinh của chúng sinh trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai.

3. Định lực: Phật dùng trí lực biết như thật về thiền định giải thoát, Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-đề, pháp chấm dứt lậu hoặc.

4. Căn thắng liệt trí lực: Phật dùng trí lực biết như thật về căn tánh mạnh yếu của chúng sinh.

5. Tín giải trí lực: Phật dùng trí lực biết như thật về sự tin hiểu của chúng sinh.

6. Giới thú trí lực: Phật dùng trí lực biết về cảnh giới sai khác của chúng sinh.

7. Lạc dục trí lực: Phật dùng trí lực biết như thật về sự ham muốn của chúng sinh.

8. Túc mạng trí lực: Phật dùng trí lực biết rõ việc làm của chúng sinh trong một đời, mười đời, trăm, ngàn, trăm ngàn, vô số trăm ngàn vạn đời, vô số kiếp thành hoại, chúng sinh chết ở chỗ này, sinh ở chỗ khác, chết ở chỗ kia, sinh ở chỗ này, dòng họ, tên tuổi, ăn uống, khổ vui, tuổi thọ nhiều ít, các tướng như vậy, nhân duyên như vậy.

9. Thiên nhãn trí lực: Phật dùng Thiên nhãn quan sát thấy rõ chúng sinh sang hèn, cao thấp, đẹp xấu, sống chết, sinh đường lành, đọa cõi ác, tạo nghiệp bất thiện về thân như tà hạnh, về khẩu như hủy báng Hiền thánh, về ý như tà kiến, do đó sau khi chết bị đọa vào đường ác. Chúng sinh tạo nghiệp thiện về thân không tà hạnh, về khẩu không hủy báng Hiền thánh, về ý thì chánh kiến, do đó sau khi chết sinh vào cõi trời, người.

10. Lậu tận trí lực: Phật dùng trí lực biết rõ chúng sinh đã hết lậu hoặc, dùng thông lực của mình chứng vô lậu giải thoát, trí tuệ giải thoát, biết đời sống đã hết, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn thọ sinh nữa.

Do mười Lực này Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác gầm lên tiếng gầm lớn của sư tử trong đại chúng, chuyển bánh xe pháp.

Bốn Vô sở úy:

1. Đức Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, ở trong đại chúng nói: Ta dùng trí lực của mình đi trên con đường như thật nên thành Chánh giác, gầm tiếng gầm của sư tử, chuyển bánh xe pháp, không có Sa-môn,

Bà-la-môn, Trời, Người, Ma, Phạm nào sánh bằng, đó là Nhất thiết trí vô úy của Như Lai.

2. Như Lai đã đạt an lạc tịch tĩnh, nơi vô thượng thù thắng, đầy đủ công đức, chấm dứt lậu hoặc, hết các tập khí đó là Lậu tận vô úy của Như Lai.

3. Như Lai chỉ rõ con đường khổ, nói về việc lìa phiền não, chấm dứt các khổ cho Thanh văn, đó là Xuất khổ đạo vô úy của Như Lai.

4. Như Lai lại giảng về pháp chướng ngại đạo hiện có, để các Thanh văn ra khỏi, đó là Chướng đạo vô úy của Như Lai.

Bốn Thiền định:

1. Ly sinh hỷ lạc: Lìa các dục và pháp nhiễm, đoạn trừ tưởng nghi hoặc, phân biệt.

2. Định sinh hỷ lạc: chấm dứt hết các pháp bên ngoài, bên trong lại định tĩnh, thâu tóm các pháp trong ngoài thành một.

3. Ly hỷ diệu lạc: Bỏ hỷ lạc, tưởng niệm tư duy, thân vui vẻ nhưng không thọ.

4. Xả niệm thanh tịnh: Bỏ pháp khổ vui, không tưởng về ưu hỷ, các pháp được thanh tịnh.

Bốn định cõi Vô sắc:

1. Không vô biên xứ định: Người tu định này chán sắc tướng nơi cõi dưới, thích vô sắc cõi trên, do không có sắc nên chỉ có hư không, lại quán hư không không có biên vực.

2. Thức vô biên xứ định: Bỏ đối tượng được duyên hư không vô biên xứ, lại nghĩ đến thức là chủ thể duyên cũng vô biên.

3. Vô sở hữu xứ định: Bỏ thức là chủ thể duyên lại nghĩ đến chủ thể duyên đối tượng được duyên đều không.

4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ định: Bỏ vô sở hữu, lại nghĩ không có tưởng thô, tế.

Bốn Hạnh vô lượng: Từ, Bi, Hỷ, Xả.

1. Từ vô lượng: Tỳ-kheo đủ tâm Từ đối với chúng sinh không phân oán thân, bình đẳng an vui, luôn thực hành tâm Từ vô lượng, cho nên gọi là hạnh Từ vô lượng.

2. Bi vô lượng: Tỳ-kheo đủ tâm Bi đối với chúng sinh không phân oán thân, bình đẳng cứu khổ, luôn thực hành tâm Bi vô lượng, cho nên gọi là hạnh Bi vô lượng.

3. Hỷ vô lượng: Tỳ-kheo đủ tâm đại Hỷ đối với chúng sinh không

phân oán thân, bình đẳng đem đến sự vui vẻ, luôn thực hành tâm Hỷ vô lượng, cho nên gọi là hạnh Hỷ vô lượng.

4. Xả vô lượng: Tỳ-kheo đối với chúng sinh không phân biệt oán thân, luôn an trụ nơi bình đẳng, cho nên gọi là hạnh Xả vô lượng.

Bốn Trí vô ngại: Từ vô ngại trí, Biện tài vô ngại trí, Pháp vô ngại trí, Nghĩa vô ngại trí.

1. Từ vô ngại: Lấy tiếng nói làm đối tượng nói, thông thạo các ngôn ngữ.

2. Biện tài vô ngại gồm có bốn biện, bảy biện, tài trả lời các vấn nạn nhanh chóng, không chậm trễ.

3. Pháp vô ngại: Nương danh, văn, cú, thông hiểu tất cả giáo pháp.

4. Nghĩa vô ngại: Lấy nghĩa làm đối tượng, hiểu rõ tất cả thật nghĩa.

Bốn Tam-ma-địa tưởng:

1. Tỳ-kheo quán sát thân mình từ đầu đến chân, do những vật bất tịnh: Tóc, lông, răng, móng da thịt gân xương hợp thành. Ví như kho chứa lương thực, người vào kho phân biệt được đây là gạo, đây là lúa. Do cất chứa nên gọi là kho. Tỳ-kheo quán sát thân mình cũng như thế, nhờ đó đoạn trừ tham dục.

2. Tỳ-kheo quán sát thân xong, được khinh an trong định, lại quán sát định được vui này cũng không có tưởng. Ví như hoa sen mọc từ nước, nó không nghĩ: Ta mọc từ nước mát. Tỳ-kheo quán tưởng cũng thế, do đó được diệu lạc nơi khinh an, thấy pháp.

3. Tỳ-kheo ở trong định quán sát tướng sáng như mặt trời, không tối tăm, liên tục không ngừng, ngày đêm sáng tối đều không sai khác. Quán tướng sáng thanh tịnh không xen tạp. Ví như mùa thu mây đen che khuất, ánh sáng mặt trời không xuất hiện. Người sáng mắt quán tưởng ánh sáng mặt trời thanh tịnh không xen tạp. Tỳ-kheo quán sát cũng thế, do đó được trí sáng hiện tiền.

4. Tỳ-kheo ở trong định, quán sát đoạn trừ khổ, vui mừng, lo, chỉ có hai thứ xả niệm thanh tịnh. Ví như có người cỡi xe đi trên đường bằng phẳng không chướng ngại. Tỳ-kheo quán tưởng cũng thế, do đó được trí tuệ thù thắng hiện tiền.

Bốn Niệm xứ:

1. Thân niệm xứ: Tỳ-kheo quán thân bất tịnh đầy dẫy nhơ uế, không chân thật.

2. Thọ niệm xứ: Quán sát các thọ trong ngoài đều là khổ.

3. Tâm niệm xứ: Quán sát tâm, tâm sở đều là vô thường.

4. Pháp niệm xứ: Quán sát các pháp trong ngoài không có tướng ngã.

Bốn Chánh đoạn:

1. Siêng năng đoạn trừ hết các pháp ác đã sinh.

2. Siêng năng ngăn chận, không cho các pháp ác chưa sinh phát sinh.

3. Siêng năng làm phát khởi các pháp thiện chưa sinh.

4. Siêng năng làm tăng trưởng viên mãn các pháp thiện đã sinh.

Bốn Thần túc: Dục, Cần, Tâm, Quán.

1. Dục thần túc: Tỳ-kheo bỏ vọng niệm về pháp nhiễm, luôn mong muốn pháp lành.

2. Cần thần túc: Siêng năng tu hành pháp lành chánh hạnh, không thoái chuyển.

3. Tâm thần túc: Bỏ tư duy tà vạy về các pháp, tâm phân biệt đúng.

4. Quán thần túc: Dùng chánh trí quán sát nội thân không có ngã, quán sát ngoại cảnh không có pháp, thể của ngã pháp là không, chứng đạt nhị không.

Năm Căn: Tín, tấn, niệm, định, tuệ căn.

Năm Lực: Tín, tấn, niệm, định, tuệ lực.

Bảy Giác chi: Trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, xả, niệm, định.

Tán Thánh đạo: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

1. Chánh kiến: Tin có sự bố thí, cha mẹ, nghiệp thiện, bất thiện, nghiệp sẽ có quả báo, có đời này đời sau, trong đó có chúng sinh, có A-la-hán tu hành đúng lý, dùng thông lực của mình thấy các pháp, biết đời sống đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm, không còn thọ sinh nữa.

2. Chánh tư duy: Bỏ suy nghĩ sai lầm. Suy nghĩ sai lầm là không chánh kiến, phát khởi tham, sân, si.

3. Chánh ngữ: Bỏ nói dối, nói thêu dệt, nói ác, nói hai lưỡi.

4. Chánh nghiệp: Bỏ sát sinh, trộm cướp, tà dâm.

5. Chánh mạng: Đầy đủ pháp xuất gia chân chánh và chánh kiến, mặc pháp phục, bỏ tà hạnh, tinh chánh pháp.

6. Chánh tinh tấn: Bỏ việc siêng năng sai lầm, siêng năng tu pháp chân thật.

7. Chánh niệm: Bỏ tà niệm, luôn niệm chánh pháp, nhớ mãi không

quên.

8. Chánh định: Tâm, tâm sở không tán loạn, không duyên dựa quyết định chánh quán về Chỉ, Quán.

Nói xong Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông nên biết! Pháp Như Lai giảng thuyết trước, giữa, sau đều thiện, nghĩa lý sâu xa, thuần nhất không xen tạp, thanh tịnh viên mãn.

Nghe Phật giảng, các Tỳ-kheo đều vui vẻ tin thọ, phụng hành.

-oOo-

SỐ 763

PHẬT THUYẾT
PHÁP THỪA NGHĨA QUYẾT ĐỊNH KINH

Hán dịch: Pháp sư Kim Tổng Trì.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo ở tại tinh xá Kỳ viên thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên Thậm Thâm Dũng Mãnh, là người có giọng nói rất hay, khéo hỏi về pháp giải thoát, trước, giữa, sau đều thiện, lợi ích mình và người, tu phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, chắp tay lễ Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Lúc Phật ở trong vườn Nai giảng thuyết nghĩa quyết định của pháp thừa ra sao? Cúi mong Thế Tôn giảng dạy cho chúng sinh được tỏ ngộ hội nhập.

Đức Phật khen:

–Hay thay! Tỳ-kheo! Ông đã hỏi được pháp sâu xa như vậy, đó là lợi ích lớn nhất, không thể nghĩ bàn. Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Như Lai sẽ giảng rõ.

Lúc đó, Như Lai nói pháp Tứ đế, nghĩa lý sâu xa không cùng tận. Như Lai giảng năm uẩn, năm thủ uẩn, mười hai xứ, hai mươi tám giới, mười hai duyên sinh, bốn Thánh đế, hai mươi hai căn, năm Thiền, bốn Thiền, bốn Định vô sắc, bốn Tam-ma-địa, bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo, mười sáu cách Niệm tâm, bốn quả Thanh văn, mười Lực của Như Lai, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại biện, mười tám pháp Bất cộng, ba mươi hai tướng đại Trượng phu, tám mươi vẻ đẹp.

Phật bảo:

–Tỳ-kheo! Đó là nghĩa lý quyết định của pháp thừa.

Tỳ-kheo thưa:

–Bạch Thế Tôn! Năm uẩn là gì?

Phật bảo:

–Năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức uẩn.

Tỳ-kheo thưa:

–Năm thủ uẩn là gì?

Phật bảo:

–Năm thủ uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn.

Tỳ-kheo thưa:

–Mười hai xứ là gì?

Phật bảo:

–Mười hai xứ: Nội xứ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Ngoại xứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Tỳ-kheo thưa:

–Mười tám giới là gì?

Phật bảo:

–Mười tám giới: Mắt, sắc, nhãn thức giới; tai, tiếng, nhĩ thức giới; mũi, hương, tỷ thức giới; lưỡi, vị, thiệt thức giới; thân, xúc, thân thức giới; ý, pháp, ý thức giới.

Tỳ-kheo thưa:

–Mười hai duyên sinh là gì?

Phật bảo:

–Mười hai duyên sinh là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử ưu bi khổ não. Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử ưu bi khổ não diệt.

Tỳ-kheo thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là vô minh?

Phật bảo:

–Vô minh là ngu si tăm tối, không có trí tuệ sáng suốt, không biết trước, giữa, sau, trong, ngoài, không có trí về nghiệp, quả, nghiệp quả, không có trí về nghiệp thiện, ác, nhân, quả, pháp nhân quả, không có trí về duyên, duyên sinh, pháp duyên sinh, không có trí về Phật, Pháp, Tăng,

không có trí về Khổ, Tập, Diệt, Đạo, không có trí về hổ thẹn, không hổ thẹn, không có trí về thẹn, không thẹn, pháp thẹn không thẹn, cho đến pháp thẹn không thẹn của ái, không có trí về thế gian, xuất thế gian, pháp thế xuất thế, không có trí về y chỉ, phi y chỉ, pháp y chỉ phi y chỉ, không có trí về hữu vi, vô vi, pháp hữu vi vô vi, không có tri về quá khứ, hiện tại, vị lai và pháp quá khứ hiện tại vị lai.

Tỳ-kheo thưa:

–Vô minh duyên hành là gì?

Phật bảo:

–Đó là thân, khẩu, ý hành.

Thế nào là thân hành?

–Thân là chỗ nương dựa, giữ gìn các pháp, tạo tác, chuyển động.

Thế nào là ngữ hành:

–Đó là nói năng, hiển bày, phân biệt, so sánh về thật tánh các pháp.

Thế nào là ý hành?

–Đó là những sự yêu thích, suy xét, giữ gìn, nương tựa của tâm.

Hành duyên thức là gì?

Phật dạy:

–Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thức.

Thức duyên danh sắc là gì?

Phật bảo:

–Danh là bốn uẩn: Thọ, tưởng, hành, thức, không phải là sắc. Sắc là hình chất, thể của nó là bốn đại.

Bốn đại là gì?

Phật nói:

–Đó là đất, nước, gió, lửa.

Thể tướng sai biệt của bốn đại là gì?

–Tánh của đất là cứng, tánh của nước là ướt, tánh của lửa là nóng, tánh của gió là động.

Danh sắc duyên lục nhập là gì?

Phật nói:

–Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, nhập xứ.

Lục nhập duyên xúc là gì?

Phật nói:

–Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc.

Xúc duyên thọ là gì?

Phật nói:

–Đó là mắt tiếp xúc sinh ra thọ khổ, vui, không khổ vui. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng thế.

Thọ duyên ái là gì?

Phật nói:

–Đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ái.

Thế nào là sắc ái? Tâm tham đắm không chán tất cả các sắc đáng ưa thích; thanh, hương, vị, xúc, pháp ái cũng thế.

Ái duyên thủ là gì?

Phật nói:

–Đó là Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ.

Thủ duyên hữu là gì?

Phật nói:

–Đó là Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu.

Dục hữu là gì? Đó là năm đường thuộc cõi Dục và các cõi trời Tứ Thiên vương, Đao-lợi, Dạ-ma, Đâu-suất, Hóa lạc, Tha hóa tự tại.

Sắc hữu là gì? Đó là các cõi trời Phạm chúng, Phạm phụ, Đại phạm, Thiểu quang, Vô lượng quang, Cực quang, Thiểu tịnh, Vô lượng tịnh, Cực biến tịnh, Vô vân, Phước sinh, Quảng quả, Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện hiện, Thiện kiến, Sắc cứu cánh.

Vô sắc hữu là gì? Đó là Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Hữu duyên sinh là gì?

Phật nói:

–Chúng sinh do ái thủ làm duyên mà có năm uẩn, sống ở đời tạo tác, tùy thuận trôi nổi. Tất cả các sự sai biệt và thủ đều từ uẩn, mạng là từ gốc thọ thân.

Thế nào là sinh duyên lão đưa đến chết?

Phật nói:

–Đó là bốn đại thay đổi, các căn hư hoại, thân thể yếu kém, cử động mỏi mệt, sự học hiểu ngày một chậm lại. Khi thân thức chúng sinh sắp lìa, các căn sắp hoại thì tâm tánh mê mờ, không hiểu biết về cảnh giới.

Vị Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn pháp Thánh đế là gì?

Phật nói:

–Đó là pháp Khổ thánh đế, Tập thánh đế, Chân thánh đế, Đạo thánh đế.

Khổ thánh đế là gì? Đó là sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, hoại khổ, thương yêu xa lìa khổ, oán thù gặp gỡ khổ, cầu mong không toại khổ, năm ấm chống trái khổ.

Khổ Tập thánh đế là gì?

Phật nói:

–Chúng sinh ái đắm nơi thế gian hữu và những gì tạo ra hữu, tùy thuận tham dục.

Khổ chân Thánh đế là gì?

Phật nói:

–Dùng dao trí tuệ chặt đứt không còn chút tham ái thế gian hữu và những gì tạo ra hữu, tham dục, thâm nhập thắng nghĩa chân thật, chứng lý tịch diệt.

Khổ đạo Thánh đế là gì?

Phật nói:

–Đó là tám con đường Thánh: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Hai mươi căn là gì?

Phật nói:

–Đó là năm căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân; năm căn tín tấn, niệm, định, tuệ; năm thọ căn: khổ, vui, mừng, lo, xả; ba căn vô lậu: vị tri, đương tri, dĩ tri, cụ tri và ý, mạng, nam, nữ.

Năm Tam-ma-địa là gì?

–Vì tham đắm sâu xa thân năm vóc này, cho là đáng yêu thích, không hủy tổn nên chạy theo dục nhiễm, chấp trước mọi thứ, không hiểu nó là hư giả, vọng chấp cho là thật. Vì thế phải quán sát đúng như thật về thân năm vóc đó đều do bốn đại hòa hợp sinh ra, chuyên tâm suy xét, an trụ, ngộ nhập nơi diệu định, đó là Trí thân định. Ví như nước từ trên núi chảy xuống khắp nơi, do phân tán nên không còn nước, mặt đất lại khô cạn. Lúc ấy có vị trời từ hư không nói vọng: Nếu người cần nước thì ta có dòng nước lớn tự nhiên vọt ra, trong sạch, mát mẻ, rất thích ý, nước ấy tươi nhuận, không bao giờ hết. Lợi ích sinh từ Trí thân định cũng vô cùng như vậy.

Tỳ-kheo! Hãy quán sát suy xét kỹ thân này là không thật, đừng tham ái, ví như bốn loại hoa sen xanh vàng đỏ trắng xinh đẹp khả ái: Ưu-đàm-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-vật-đà, Bôn-trà-lợi-ca đều mọc từ nước, nhưng cũng từ nước mà hư hoại. Cũng thế, thân này thì biến đổi hư giả, không thật.

Tỳ-kheo! Hay làm thanh tịnh các nghiệp thân, ngữ, ý, hiểu rõ như thật, an trụ trong pháp định. Với tâm thanh tịnh, quán sát tất cả thân đều không bền chắc. Ví như trưởng giả và con trưởng giả trang sức đủ loại châu báu, y phục, tuy xinh đẹp nhưng thể chất không bền chắc. Người trang nghiêm bằng thân, ngữ, ý thanh tịnh mới là bền chắc.

Tỳ-kheo! Hãy quán sát, suy xét kỹ, thân năm vóc này là pháp hữu vi, vô thường, hãy luôn suy xét trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, thanh tịnh, định trí, giữ gìn vững chắc.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn thiền định địa là gì?

Phật nói:

–Đó là:

1. Ly sinh hỷ lạc: Bỏ tất cả phiền não, dục nhiễm.

2. Định sinh hỷ lạc: Bỏ tầm từ, điều phục chướng, nhiễm.

3. Ly hỷ diệu lạc: An trụ trong phương tiện, làm việc lợi ích.

4. Xả niệm thanh tịnh: Bỏ hết khổ vui, hàng phục tâm thiện ác, bỏ niệm khổ vui, tu tập phương tiện, viên mãn thanh tịnh.

Bốn Định vô sắc là gì?

Phật nói:

–Đó là:

1. Không vô biên xứ định: Xa lìa hết sắc tưởng, giữ tâm bình đẳng, an trụ như thật.

2. Thức vô biên xứ định: Các thức bên trong không biên vực, an trụ như thật.

3. Vô sở hữu xứ định: Không sở hữu một pháp nào.

4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ định: Không còn tưởng thô, tế.

Bấy giờ, Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn Tâm vô lượng là gì?

Phật nói:

–Đó là Từ vô lượng tâm, Bi vô lượng tâm, Hỷ vô lượng tâm, Xả vô

lượng tâm.

Từ vô lượng tâm là gì? Nghĩa là: Lúc nào, bất cứ nơi đâu đều luôn tùy thuận tâm Từ, tạo lợi ích cho chúng sinh, không não hại, không oán kết, chỉ dạy chúng sinh bằng tâm bình đẳng rộng lớn, thương yêu cứu giúp chúng sinh như con đẻ, không phân biệt oán thân, làm cho chúng sinh đoạn trừ phiền não trói buộc, được giải thoát. Tùy thuận tâm Bi, Hỷ, Xả cũng vậy. Lại biết rõ về bốn thứ khổ vui: Chúng khổ, hữu khổ, chúng lạc, hữu lạc.

Thế nào là biết rõ chúng khổ?

–Đó là quan sát, hiểu rõ chúng sinh đắm vướng nơi tham, sân, si, vì không sợ nhân tham, sân, si, nên có ưu bi khổ não, siêng năng tu tập năm căn lành xuất thế: Tín, tấn, niệm, định, tuệ, tuần tự được pháp Tam-ma-địa, đó gọi là Tỳ-kheo lậu được dứt sạch.

Thế nào là hiểu rõ hữu khổ?

–Đó là quán sát hiểu rõ chúng sinh ít tham, sân, si. Tuy ít có tham, sân, si, nhưng vì không sợ tội của tham, sân, si, nên có ưu bi khổ não, siêng năng tu tập năm căn lành xuất thế, tuần tự được pháp Tam-ma-địa, đó gọi là Tỳ-kheo lậu được dứt sạch.

Thế nào là hiểu rõ chúng lạc?

–Chúng sinh hiểu rõ ba bất thiện căn tham, sân, si là nguồn gốc của khổ nên dứt trừ hẳn, siêng năng tu tập năm căn lành xuất thế, tuần tự được pháp Tam-ma-địa, đó gọi là Tỳ-kheo lậu được dứt sạch.

Hiểu rõ về hữu lạc cũng thế, siêng năng tu tập, tuần tự được pháp Tam-ma-địa, như trên đã nói.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn Tam-ma-địa là gì?

Phật nói:

–Đó là:

1. Tin hiểu, thọ trì, tu hành đúng pháp, đoạn trừ tham dục.

2. Tin hiểu, thọ trì, tu hành đúng pháp, thông đạt các pháp môn vi diệu.

3. Tin hiểu, thọ trì, tu hành đúng pháp đạt trí hiểu biết xâu xa.

4. Tin hiểu, thọ trì, tu hành đúng pháp diệu tuệ thanh tịnh.

Thế nào là đoạn tham dục?

Phật nói:

–Tỳ-kheo! Lúc ở chỗ đông người, trong rừng bên gốc cây, chỗ vắng lặng hãy an trụ thiền định thường ngồi không nằm, phải quan sát thân này do ba mươi sáu thứ hợp thành, thể của nó là không thanh tịnh, hư giả, không thật, đừng tham ái đắm vướng. Nhờ suy xét như vậy nên nhàm chán. Này Tỳ-kheo! Đó gọi là có thể đoạn trừ tham dục.

Ba mươi sáu thứ là gì?

Phật nói:

–Đó là: Mười hai tướng bên ngoài: Tóc, lông, răng, móng, nước mắt, ráy tai, nước mũi, mồ hôi, đất, ước giải, đại tiện, tiểu tiện. Mười hai tướng ở giữa: Da, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, mỡ, mỡ miếng, não, da ngoài, màng. Mười hai tướng bên trong: Lá lách, thận, tim, phổi, gan, mật, dạ dày, đàm đỏ, đàm trắng, tạng, sinh tạng, thục tạng.

Lại nữa, những thứ lúa gạo trồng trọt trong đất cũng không thanh tịnh, không phải tự nhiên có, vì thế các ông hãy nhất tâm an trụ, dù ở đâu luôn suy xét như thật về thân này là bất tịnh, hư giả, phù phiếm. Tất cả tai, mắt… luôn tiết ra những thứ nhơ uế, không bền chắc, rất đáng nhờm gớm. Nhờ vậy, an trụ trong thiền định, tin hiểu thọ trì, tu hành đúng pháp, đoạn trừ hết tham dục.

Thế nào là thông đạt các pháp môn vi diệu?

Phật nói:

–Tỳ-kheo! Các ông hãy luôn thiền định, dù ở chỗ trống, bên gốc cây, hoặc ở chỗ vắng vẻ thường ngồi không nằm tu tập thiền định, hãy bảo hộ thương yêu chúng sinh, làm người chỉ đường cho chúng sinh thấu rõ các pháp hữu vi là hư giả, không thật. Ví như hoa Ưu-đàm-bát-la, sắc tuy đẹp nhưng khi nở rồi thì không tồn tại được. Cũng thế, thân này không bền chắc. Vì vậy các ông ở chỗ trống hoặc bên gốc cây nơi yên tĩnh hãy an trụ trong thiền định, luôn quán sát thân này là pháp hữu vi không thật, như mộng huyễn, hãy tìm phương tiện chỉ dạy chúng sinh, làm cho họ tin hiểu và thích tu thiền định.

Này Tỳ-kheo! Đó gọi là nơi Tam-ma-địa tin hiểu, thọ trì như pháp tu hành thông đạt các pháp môn vi diệu.

Thế nào là đạt trí hiểu biết sâu xa?

Phật day:

–Tỳ-kheo! An trụ trong thiền định, hiểu được pháp môn sâu xa rồi, luôn yêu thích, giữ gìn, ngày đêm buộc niệm, siêng năng không lười biếng, dùng ánh sáng trí soi rọi tất cả nơi vô minh tăm tối, ví như mặt trời trong

hư không bị mây che, khi mây tan thì được thấy ánh sáng mặt trời chiếu rọi khắp nơi không chướng ngại. Cũng thế, ánh sáng Nhất thiết trí của thiền định sẽ trừ hết phiền não vô minh tăm tối. Vì thế các ông hãy suy xét kỹ, an trụ như thật, ngày đêm không biếng nhác, hãy giữ gìn vững chắc Nhất thiết trí.

Này Tỳ-kheo! Đó gọi là nơi Tam-ma-địa tin hiểu, thọ trì, như pháp tu hành đạt trí hiểu biết sâu xa.

Thế nào là đạt diệu tuệ thanh tịnh?

Phật nói:

–Tỳ-kheo! Các ông hãy chánh niệm, an trụ, dù ở chỗ trống, chỗ vắng, bên gốc cây, thường ngồi không nằm, trừ bỏ hết những cảm thọ khổ, vui, mừng, lo, xả, luôn tu thắng định viên mãn thanh tịnh. Đó là an trụ trong bốn Tam-ma-địa, hiểu rõ bốn thứ, tin hiểu, thọ trì, thông đạt, làm bậc Đạo sư. Người thọ trì thông đạt là người an trụ hoàn toàn trong bình đẳng, quán xét, so lường về trí Nhất thiết trí như vậy, như vậy.

Tỳ-kheo! Khi ở chỗ trống, bề gốc cây hay chỗ vắng các thầy đã bỏ được khổ, vui, mừng, lo, xả đạt giải thoát thắng định, viên mãn thanh tịnh, an trụ như thật trong bốn Tam-ma-địa. Này Tỳ-kheo! Đó gọi là nơi Tam-ma-địa tin hiểu, thọ trì, như pháp tu hành đạt diệu tuệ thanh tịnh. Tỳ-kheo! Như thế gọi là bốn Tam-ma-địa.

-oOo-

PHẬT THUYẾT
PHÁP THỪA NGHĨA QUYẾT ĐỊNH KINH

QUYỂN TRUNG

Bấy giờ, Tỳ-kheo Thậm Thâm Dũng Mãnh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là trụ trong bốn Niệm xứ?

Phật nói:

–Tỳ-kheo! Đó là quán nội thân, ngoại thân, nội ngoại thân đều là sắc nhơ uế, chánh niệm biết rõ ưu bi khổ não của thế gian. Quán thọ bên trong, bên ngoài, cả trong ngoài đều là các khổ, chánh niệm biết rõ ưu bi khổ não của thế gian. Quán tâm bên trong, bên ngoài, cả trong ngoài đều là hư giả, vô thường, chánh niệm biết rõ ưu bi khổ não của thế gian. Quán pháp bên trong, bên ngoài, cả trong ngoài đều là vô ngã, chánh niệm biết rõ ưu bi khổ não của thế gian. Tỳ-kheo! Đó gọi là trụ bốn Niệm xứ.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn Chánh đoạn là gì?

Phật nói:

–Đó là:

1. Dùng sức tinh tấn đoạn trừ, điều phục, không để sinh khởi pháp ác chưa sinh.

2. Dùng sức tinh tấn đoạn trừ, điều phục tất cả pháp ác đã sinh.

3. Dùng sức tinh tấn chánh niệm thọ trì sinh khởi những pháp lành chưa sinh.

4. Dùng sức tinh tấn, an trụ vững chắc, chánh niệm thọ trì, tăng trưởng những pháp lành đã sinh.

Đó gọi là bốn Chánh đoạn.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn Thần túc là gì?

Phật nói:

–Đó là:

1. Dục định đoạn hành: Đạt được mong muốn dựa trên suy xét, lìa

dục, tịch diệt, thọ trì điều phục, đoạn trừ tranh luận.

2. Cần định đoạn hành: Đạt được siêng năng dựa trên suy xét, lìa dục, tịch diệt, thọ trì điều phục, đoạn trừ tranh luận.

3. Tâm định đoạn hành: Đạt tâm dựa trên suy xét, lìa dục, tịch diệt, thọ trì điều phục, đoạn trừ tranh luận.

4. Quán định đoạn hành: Đạt quán dựa trên suy xét lìa dục, tịch diệt, thọ trì điều phục, đoạn trừ tranh luận.

Tỳ-kheo! Đó gọi là bốn Thần túc.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Năm căn là gì?

Phật nói:

–Đó là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

Tín căn là gì? Nghĩa là tin nhân quả, luân hồi ở thế gian, tín hạnh chánh kiến, nghiệp báo sai khác, người tạo nghiệp thiện ác thì chịu quả tương xứng. Dùng tín căn của mình hiểu biết như thật.

Tấn căn là gì? Nghĩa là tin thích diệu pháp, siêng năng tu hành đúng pháp.

Niệm căn là gì? Nghĩa là dùng sức tinh tấn, tịnh tu hạnh lành, luôn tu tập không thoái chuyển.

Định căn là gì? Nghĩa là chuyển tâm vào một cảnh giới pháp, không tán loạn.

Tuệ căn là gì? Nghĩa là ở trong định quán chiếu tất cả, thông đạt vô ngại.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Năm Lực là gì?

Phật nói:

–Đó là tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

Tín lực là gì? Tín là nguồn gốc mà chúng sinh thọ trì pháp của Như Lai, an trụ hoàn toàn không thoái chuyển, tin hiểu, tùy thuận thọ trì tất cả pháp Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma, Phạm thế gian.

Tấn lực là gì? Nghĩa là dũng mãnh, siêng năng, vững chãi an trụ trong pháp lành không mỏi mệt, dù bị khổ đau vẫn chịu đựng được, không bỏ xe pháp, luôn cầu tiến.

Niệm lực là gì? Nghĩa là luôn an trụ chánh niệm, nhớ nghĩ vững chắc, không tán loạn, không quên.

Định lực là gì? Nghĩa là hàng phục được nghiệp quả dục nhiễm và các pháp bất thiện, cho đến an trụ trong bốn Thiền Tam-muội.

Tuệ lực là gì? Nghĩa là trụ trong thế gian có chánh tuệ, tu hành đầy đủ Thánh đạo, bỏ pháp bất thiện, trừ gốc khổ.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bảy Giác chi là gì?

Phật nói:

–Đó là trạch pháp giác chi, niệm giác chi, định giác chi, tinh tấn giác chi, khinh an giác chi, xả giác chi, hỷ giác chi.

Trạch pháp giác chi là gì? Nghĩa là phân biệt được các pháp bằng suy xét, lìa dục, tịch diệt, thâu phục tranh luận.

Niệm giác chi là gì? Nghĩ là chánh niệm, tu tập các pháp bằng suy xét, lìa dục, tịch diệt, thâu phục, tranh luận.

Tinh tấn giác chi là gì? Nghĩa là siêng năng tu tập hạnh lành bằng suy xét, lìa dục, tịch diệt, thâu phục, tranh luận.

Khinh an giác chi là gì? Nghĩa là đối với các pháp bỏ sự thô nặng, thân tâm nhẹ nhàng dựa trên suy xét, lìa dục, tịch diệt, thâu phục, tranh luận.

Xả giác chi là gì? Nghĩa là đối với các pháp, bỏ phóng dật, tâm tịch tĩnh, bằng suy xét, lìa dục, tịch diệt, thâu phục, tranh luận.

Hỷ giác chi là gì? Nghĩa là vui vẻ thọ trì các pháp bằng suy xét lìa dục, tịch diệt, thâu phục, tranh luận.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tám Thánh đạo là gì?

Phật nói:

–Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Chánh kiến là gì?

–Dùng chánh kiến thông đạt, hiểu rõ những cảnh giới thấy được có thủ, xả, nghiệp thiện ác, quả báo của nghiệp thiện ác, những nghiệp thế, xuất thế của chúng sinh, cho đến các quả báo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đời này đời sau, thiện hạnh vi diệu, tịnh tu phạm hạnh, đoạn trừ hẳn hoặc chướng, những gì cần làm, đã làm đạt bờ giải thoát.

Chánh tư duy là gì?

–Dùng trí tuệ phân biệt, lựa chọn để ba nghiệp thân, ngữ, ý không bị

lỗi lầm.

Chánh ngữ là gì?

–Đoạn trừ hết những lời nói dối, nói thêu dệt, nói lời ác, nói hai lưỡi.

Chánh nghiệp là gì?

–Chúng sinh đoạn trừ sát sinh, trộm cướp, dục nhiễm.

Chánh mạng là gì?

–Nhận những y phục, ngọa cụ, thức ăn, thuốc uống để nuôi mạng sống không bằng tà mạng.

Chánh tinh tấn là gì?

–Dũng mãnh phá dẹp ma phiền não, luôn siêng tu hạnh lành.

Chánh niệm là gì?

–Nhớ những pháp thiện đã tu trong quá khứ, luôn thọ trì không nhầm lẫn.

Chánh định là gì?

–Tâm an trụ trong Chỉ, Quán, tịch tĩnh không lay động.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Mười sáu tâm niệm là gì?

Phật nói:

–Đó là:

1. Niệm tâm hòa hợp, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tâm tương ưng, tương ưng bình đẳng, biết rõ như thật.

2. Niệm tự tánh của pháp, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tự tánh của pháp, tương ưng bình đẳng, biết rõ như thật.

3. Niệm pháp tăng trưởng, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm pháp tăng trưởng, tương ưng bình đẳng, biết rõ như thật.

4. Niệm thân chánh tri, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm thân chánh tri, tương ưng bình đẳng, biết rõ như thật.

5. Niệm thân hành chánh tri, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm thân hành chánh tri, tương ưng bình đẳng, biết rõ như thật.

6. Niệm tất cả thân chánh tri, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tất cả thân chánh tri, tương ưng bình đẳng, biết rõ như thật.

7. Niệm tất cả thân hành chánh tri, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tất cả thân hành chánh tri, tương ưng bình đẳng, biết rõ như

thật.

8. Niệm thân hành khinh an, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm thân hành khinh an, tương ưng bình đẳng, biết rõ như thật.

9. Niệm hỷ chánh tri, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm hỷ chánh tri, tương ưng bình đẳng, biết rõ như thật.

10. Niệm lạc chánh tri, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm lạc chánh tri, tương ưng bình đẳng, biết rõ như thật.

11. Niệm tâm chánh tri, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tâm chánh tri, tương ưng bình đẳng, biết rõ như thật.

12. Niệm tâm hành chánh tri, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tâm hành chánh tri, tương ưng bình đẳng, biết rõ như thật.

13. Niệm tâm hành khinh an, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tâm hành khinh an, tương ưng bình đẳng, biết rõ như thật.

14. Niệm tâm hỷ lạc, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tâm hỷ lạc, tương ưng bình đẳng, biết rõ như thật.

15. Niệm tâm thắng giải, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tâm thắng giải, tương ưng bình đẳng, biết rõ như thật.

16. Niệm tâm đẳng dẫn, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật.

Niệm tâm đẳng dẫn, tương ưng bình đẳng, biết rõ như thật.

Như thế cho đến quán vô thường, quán ly dục, quán tịch diệt, quán xuất ly, hòa hợp bình đẳng, biết rõ như thật, tương ưng bình đẳng, biết rõ như thật.

Tỳ-kheo! Đó gọi là mười sáu tâm niệm.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn quả Thanh văn là gì?

Phật nói:

–Đó là quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Những người chứng quả Thanh văn này tin hiểu mười hiệu của Như Lai, công đức viên mãn, hiểu rõ chánh pháp thanh tịnh, giảng thuyết cho mọi loài không cùng tận; hiểu rõ Tăng-già đầy đủ các việc thiện, công đức viên mãn, thấu tỏ lý vô ngã, tịnh tu phạm hạnh, đủ giới định tuệ, giải thoát vô ngại, giải thoát tri kiến, đủ công đức xuất thế, chuyển bánh xe chánh pháp, chứng quả Tu-đà-hoàn, công đức đầy đủ chứng quả Tư-đà-hàm, công đức đầy đủ chứng quả A-na-hàm, công đức đầy đủ chứng quả A-la-hán, đủ công đức nơi giới tinh viên mãn, Thánh trí hiển hiện, tự tại an ổn, không còn phiền

não, cho đến đời vị lai cũng không gián đoạn, không thoái chuyển, dùng trí phương tiện quán xét, thông đạt tất cả không ngại. Tỳ-kheo! Như thế gọi là bốn quả Thanh văn.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Mười Lực của Như Lai là gì?

Phật nói:

–Đó là:

1. Xứ phi xứ trí lực: Hiểu đúng về nhân quả tương ưng, bất tương ưng.

2. Tự nghiệp trí lực: Hiểu đúng về ba nghiệp của ba đời.

3. Tĩnh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí trí lực: Biết rõ tất cả.

4. Căn thắng liệt trí lực: Hiểu rõ về năm căn: tín… hoặc tâm nhu hòa trung, thượng.

5. Chủng chủng thắng giải trí lực: Quán sát tất cả pháp, thông đạt, hiểu rõ.

6. Chủng chủng giới trí lực: Hiểu rõ giới tánh của vô số thế giới.

7. Biến thú hành trí lực: Hiểu rõ mọi sự sai biệt của các cõi.

8. Túc trụ tùy niệm trí lực: Hiểu rõ về đời sống trong quá khứ.

9. Sinh diệt trí lực: Hiểu rõ về nhân duyên sinh diệt của các loài hữu tình.

10. Lậu tận trí lực: Đoạn trừ hết các hoặc nghiệp.

Tỳ-kheo! Đó gọi là mười Lực của Như Lai.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn Vô sở úy là gì?

Phật nói:

–Đó là:

1. Chánh đẳng giác vô úy: Phật ở quả vị Chánh đẳng giác biết hết các pháp, tâm không sợ sệt, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người, A-tu-la… đều cung kính.

2. Lậu tận trí vô úy: Như Lai chấm dứt hết các lậu hoặc dục nhiễm, phiền não, trụ nơi an ổn không lo sợ, gầm tiếng gầm của sư tử trong đại chúng, Phạm vương, Đế Thích, Chuyển luân thánh vương… tôn trọng khen ngợi.

3. Xuất chướng đạo vô úy: Như Lai hiểu rõ Thánh đạo của ba thừa, đối với các pháp không chướng ngại, tâm không lo sợ; chư Thiên, Ma,

Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn đều cung kính.

4. Xuất khổ đạo vô úy: Như Lai đã trải qua vô số kiếp tu tập pháp thiện, đủ năng lực quyết định, ra khỏi đường khổ; chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn đều cung kính.

Tỳ-kheo! Đó gọi là bốn Vô sở úy.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn Vô ngại biện là gì?

Phật nói:

–Đó là Pháp vô ngại biện, Nghĩa vô ngại biện, Từ vô ngại biện, Biện tài vô ngại biện.

1. Pháp vô ngại biện: Trí không thoái chuyển về pháp vô lậu.

2. Nghĩa vô ngại biện: Trí không thoái chuyển về tuyên thuyết về thật nghĩa.

3. Từ vô ngại biện: Giải thích được tất cả những vấn nạn của chúng sinh, làm cho chúng sinh vui vẻ.

4. Biện tài vô ngại biện: Trí không thoái chuyển, thông đạt được tất cả pháp xuất thế gian.

Tỳ-kheo! Đó gọi là bốn Vô ngại biện.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Mười tám pháp Bất cộng là gì?

Phật nói:

–Đó là:

1. Như Lai không lỗi lầm.

2. Không có lời nói thô.

3. Không vọng tưởng.

4. Không có tâm bất định.

5. Không quên niệm.

6. Không xả dục mà không quyết đoán.

7. Niệm không giảm.

8. Tinh tấn không giảm.

9. Định không giảm.

10. Tuệ không giảm.

11. Giải thoát không giảm.

12. (*)
13. Thân nghiệp luôn hành theo trí tuệ.
14. Ngữ nghiệp luôn hành theo trí tuệ.
15. Ý nghiệp luôn hành theo trí tuệ.
16. Biết rõ đời quá khứ không chấp trước, không chướng ngại.
17. Biết rõ vị lai không chấp trước, không chướng ngại.
18. Biết rõ hiện tại không chấp trước, không chướng ngại.

Tỳ-kheo! Như thế gọi là mười tám pháp Bất cộng.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ba mươi hai tướng của Phật là gì?

Phật nói:

–Đó là:

1. Bàn chân bằng phẳng đầy đặn.
2. Dưới bàn chân có hình bánh xe ngàn căm.
3. Tay chân mềm mại như Đâu-la-miên.
4. Giữa ngón tay chân có màng lưới vàng.
5. Ngón tay chân thon dài tròn trịa.
6. Gót chân tương xứng với mu bàn chân.
7. Mu bàn chân cao đầy tương xứng với gót chân.
8. Bắp chân tròn như chân nai chúa Ê-nê-gia.
9. Tay tròn dài quá gối như vòi voi.
10. Nam căn ẩn kín như tướng voi rồng.
11. Chân lông xanh xoay tròn về bên phải.
12. Tóc mềm xoăn cuộn về bên phải.
13. Da màu hoàng kim sáng bóng sạch đẹp.
14. Da trơn mịn không bụi đất.
15. Bảy chỗ: Lòng bàn tay, bàn chân, hai vai, cổ bằng phẳng tròn đầy.
16. Giữa vai và sau cổ tròn đầy đẹp.
17. Hai nách sạch đẹp.
18. Dung nghi tuấn tú.
19. Thân cao đẹp cân xứng.

(*) 12. Giải thoát tri kiến không giảm (Bản Hán thiếu)

20. Thể tướng cân đối.

21. Thân trên to lớn đỉnh đạt như sư tử chúa.

22. Thân luôn phóng hào quang một tầm.

23. Đủ bốn mươi chiếc răng ngay thẳng, sạch đẹp kín.

24. Bốn răng cửa bén trắng, trong như tuyết ngọc.

25. Được thức ăn tối thượng.

26. Lưỡi rộng dài che cả mặt.

27. Tiếng nói hay ai cũng thích nghe.

28. Lông mi suông đẹp như mắt trâu chúa.

29. Mắt xanh biết đen trắng rõ ràng.

30. Mặt như trăng tròn, lông mày sạch đẹp như cung Đế Thích.

31. Lông trắng giữa hai chặn mày xoay về bên phải sáng đẹp mềm như Đâu-la-miên.

32. Trên đầu có nhục kế như Thiên ái.

Tỳ-kheo! Như thế gọi là ba mươi hai tướng.

-oOo-

PHẬT THUYẾT
PHÁP THỪA NGHĨA QUYẾT ĐỊNH KINH

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, Phật bảo Tỳ-kheo Thậm Thâm Dũng Mãnh:

–Thân sắc vàng đủ ba mươi hai tướng của Như Lai là do những hạnh nghiệp tu tập ở đời quá khứ mà có, Như Lai sẽ phân biệt giảng thuyết cho các vị nghe.

Tỳ-kheo! Hãy lắng nghe kỹ! Chư Phật Thế Tôn trải qua vô số kiếp tu hạnh Bồ-tát, an trụ hoàn toàn và vững chãi trong Giới, Nhẫn, Thí nên được tướng bàn chân bằng phẳng.

Luôn tìm cách cứu giúp chúng sinh khổ não, hiếu thuận cha mẹ, trang sức bằng sự bố thí, chưa từng thoái chuyển nên được tướng hình bánh xe ngàn căm dưới bàn chân.

Cung phụng đầy đủ vật cần dùng thoa thân, tắm rửa, y phục cho các bậc tôn trưởng không thoái chuyển nên được tướng tay chân mềm mại. Tạo lợi ích cho hữu tình bằng bốn Nhiếp pháp, bình đẳng cứu giúp chúng sinh không sai khác nên được tướng màn lưới vàng giữa các ngón tay chân.

Cung kính, hòa thuận các bậc tôn trưởng, trừ bỏ tâm tổn hại và không trộm cướp, dùng pháp thiện ngầm giúp đỡ chúng sinh nên được tướng ngón tay chân tròn đầy.

Dùng trí phương tiện khuyên nhủ, chỉ dẫn, bảo hộ chúng sinh làm cho chúng tu hạnh lành không hề thoái chuyển nên được tướng gót chân tương xứng với mu bàn chân, mu bàn chân cao đầy mềm tương xứng với gót chân.

Thọ trì, hiểu đúng chánh pháp, giảng thuyết cho mọi người, cung cấp cho mọi loài nên được tướng bắp chân tròn như chân nai chúa.

Siêng năng tu hành hạnh lành, dần tăng trưởng pháp lành nên được tướng tay dài quá gối.

Dùng chánh pháp Từ bi thâu phục những chúng sinh bị xua đuổi không nơi nương tựa, làm cho chúng biết hổ thẹn, nên được tướng nam căn ẩn kín như Long tượng.

Khéo quán sát trí sáng, luôn thích gần gũi bậc Hiền thiện, nương từng phần mà hiểu sâu về nghĩa vi diệu, trừ bỏ các trần cấu nhơ uế nên được tướng chân lông xanh mềm xoay về bên phải, tóc cuộn xoăn về bên phải.

Bố thí pháp vui, thức ăn uống, xe cộ, y phục, đồ trang sức, các vật nuôi thân, dứt hẳn sân hận, nên được tướng sắc thân màu vàng ròng, da trơn mịn bụi không bám.

Bố thí thức ăn ngon cho chúng sinh để chúng no đủ, nên được tướng bảy chỗ trên thân bằng phẳng.

Tùy chúng sinh mà thọ sinh, làm đúng pháp, làm người đứng đầu, người giúp đỡ, không có tâm ngã mạn, hung dữ, làm lợi ích chúng sinh nên được tướng thân trên như sư tử chúa, dũng mãnh nhanh nhẹn trong mọi việc, vai cổ nách đều đặn, thân cao lớn đỉnh đạt.

Tự phòng hộ thân, ngữ, ý nghiệp, đem thuốc cho người bệnh, không đảm trách việc bất bình đẳng, giải hòa những sự tranh chấp, nên được tướng thân cân xứng, phóng ánh sáng một tầm.

Bỏ lời nói chia rẽ, phá hoại bạn bè, dùng lời hay hòa hợp sự chia rẽ nên được tướng đủ bốn mươi chiếc răng ngay khít, sạch.

Tu tâm Từ rộng lớn, suy xét thật nghĩa của pháp nên được tướng bốn răng cửa bén trắng như ngọc tuyết.

Thương nhớ chúng sinh như con một, luôn tìm cách cứu giúp, cho thuốc men nên được thức ăn tối thượng.

Trừ bỏ sát hại, tu tâm Từ, hành đúng chánh pháp rộng lớn nên được tướng nhục kế trên đỉnh đầu, lưỡi rộng dài che cả mặt.

Luôn tu những lời nói thật, hòa ái, đúng pháp, vui lòng nên được tiếng nói của Phạm thiên.

Dùng ngôn ngữ, biện tài hòa nhã làm vui lòng người, thực hành hạnh đại Từ bi ở đời, thương yêu tạo lợi ích cho chúng sinh nên được mắt xanh như trâu chúa.

Khen ngợi bậc có đức, ca tụng sự tốt đẹp của họ nên được tướng mặt như trăng tròn, lông mày như cung Đế Thích, lông trắng giữa chặng mày xoay về bên phải, sáng đẹp như Đâu-la-miên. Đó là nhân duyên đời trước của ba mươi hai tướng.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tám mươi vẻ đẹp của Phật là gì?

Phật nói:

–Đó là:

1. Móng tay nhỏ dài sạch đẹp.
2. Ngón tay tròn thon.
3. Khoảng cách giữa những ngón tay kín đều.
4. Xương gân ẩn kín không hiện.
5. Tay chân mềm mại như ý.
6. Gân mạch ẩn kín quanh co.
7. Hai mắt cá không lộ ra.
8. Đi lại an nhàn tự tại như Long tượng chúa.
9. Tới lui thanh nhã như thiên nga.
10. Quay nhìn thì toàn thân quay theo như Long tượng chúa.
11. Các đốt tròn đẹp, an ổn.
12. Dung mạo thông dong không lo sợ.
13. Thân phần ổn định không dao động.
14. Các đốt xương liên kết nhau không hở như rồng cuộn.
15. Đầu gối tròn đẹp.
16. Những tướng ẩn thì trong sạch không nhơ.
17. Các đốt kín chắc.
18. Thân tướng đoan nghiêm.
19. Thân thường phóng ánh sáng.
20. Rốn tròn sâu, khác lạ.
21. Rốn dày nhưng không lồi lõm.
22. Thân thể sáng sạch không nhơ.
23. Da không có nếp nhăn.
24. Lòng bàn tay đầy, bằng, tươi.
25. Bụng vuông vức mềm mại.
26. Vằn tay dài sâu thẳng, không dứt.
27. Môi đỏ như trái Tần-bà.
28. Mặt đẹp như trăng tròn.
29. Lưỡi dài rộng che cả mặt.
30. Tiếng nói như tiếng Phạm thiên, vang xa như trống trời.
31. Mũi cao thẳng, lỗ mũi không hiện ra.
32. Răng vuông bằng.
33. Bốn răng cửa trắng bén.

34. Mắt sạch rõ ràng.

35. Mắt như cánh sen xanh.

36. Lông mi trên dưới ngay khít.

37. Lông mày dài mềm không bạc.

38. Thân trên oai nghiêm như sư tử chúa.

39. Trán rộng dày bằng.

40. Tai dài, dày.

41. Hai tai bằng đẹp không khiếm khuyết.

42. Dung nghi làm cho người thấy đều cung kính không ghét, không đắm nhiễm.

43. Lông mày xanh thẳng đẹp.

44. Lông mày cao sáng như mặt trăng mới mọc.

45. Tóc xanh mượt không bạc.

46. Tóc thơm sạch mềm xoay về bên phải.

47. Tóc suông óng mượt.

48. Tóc không rụng.

49. Tóc không nhơ.

50. Thân phần đầy đủ bền chắc.

51. Thân tướng đẹp.

52. Các lỗ sạch sẽ.

53. Thân lực thù thắng không ai sánh kịp.

54. Thân đẹp ai cũng thích nhìn không chán.

55. Mặt tròn đẹp cân xứng như mặt trăng tròn mùa thu.

56. Dung mạo thư thái, đẹp, luôn mỉm cười, nhớ mãi lời đã nói.

57. Sắc mặt tươi đẹp không buồn, không có sắc tái đỏ.

58. Thân sạch không hôi dơ.

59. Chân lông luôn thoảng hương thơm như ý.

60. Trên mặt thường thoảng hương thơm thù thắng.

61. Đầu tròn đẹp như lọng cõi trời.

62. Lông xanh sạch sáng như lông chim công.

63. Tiếng nói hợp cơ hợp lý.

64. Nhục kế không ai thấy được.

65. Đốt tay chân rõ đẹp.

66. Khi đi cách đất bốn ngón tay nhưng vẫn in dấu.

67. Tự giữ mình không cần người bảo vệ.

68. Thân không lay động xiên xẹo.

69. Oai đức chấn động.

70. Kẻ sân thấy được vui, người sợ sệt thấy được an ổn.

71. Tiếng nói không to nhỏ luôn hợp căn cơ.

72. Quán sát thuyết pháp hợp căn cơ.

73. Dùng một âm thanh thuyết pháp nhưng mọi chúng sinh đều tin hiểu.

74. Thuyết pháp tuần tự theo nhân duyên, lời lẽ đúng.

75. Quán sát chúng sinh, khen việc thiện, chê việc ác, nhưng không yêu ghét.

76. Quán sát trước khi thực hành, làm đúng khuôn phép, khiến mọi người biết cái hay đẹp.

77. Tướng đẹp của Phật không ai thấy hết.

78. Nhục kế tròn chắc.

79. Dung nghi không già suy.

80. Tay chân và trước ngực có tướng cát tường (chữ 卐).

Tỳ-kheo! Như thế gọi là tám mươi vẻ đẹp.

Nói pháp xong, Đức Phật bảo Tỳ-kheo Thậm Thâm Dũng Mãnh:

–Ta đã thuyết giảng nghĩa vi diệu của các pháp. Pháp ấy trước giữa sau đều thiện, lợi ích, an lạc, các ông hãy khéo giữ gìn, giảng thuyết, phân biệt chỉ dạy cho chúng sinh, khiến tu phạm hạnh, ngày ăn một bữa, đủ ba y, ở chỗ trống hoặc nghĩa địa, nơi rừng cây, chỗ vắng lặng tu hạnh Đầu-đà, siêng năng không biếng nhác, dứt hết lậu hoặc, nhiễm ô, đạt giải thoát rốt ráo.

Nghe Phật dạy, Tỳ-kheo Thậm Thâm Dũng Mãnh cùng các Đại Tỳ-kheo khác, các chúng trời, người, A-tu-la… đều vui vẻ đảnh lễ chân Phật, tin nhận phụng hành.

-oOo-

SỐ 764

PHẬT THUYẾT PHÁP TẬP DANH SỐ KINH

Hán dịch: Đại sư Thi Hộ, đời Tống.

Cúi đầu đảnh lễ chư Phật, bậc đạt trí Nhất thiết trí, thầy của trời người, vô lượng vô biên pháp, các vị kết tập danh số chánh pháp.

Trước xin đảnh lễ Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng.

Ba Thừa là gì?

–Đó là: Đại thừa, Duyên giác thừa, Thanh văn thừa.

Bảy sự cúng dường tối thượng là gì?

–Đó là: Lễ bái, Cúng dường, Sám hối, Tùy hỷ, Khuyến thỉnh, Phát nguyện, Hồi hướng.

Ba pháp căn bản là gì?

–Đó là: Phát tâm Bồ-đề, Tâm thanh tịnh, Tự tánh không, đoạn trừ ngã kiến.

Mười Ba-la-mật là gì?

–Đó là: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, Phương tiện, Nguyện, Lực, Trí.

Mười tám không là gì?

–Đó là: Nội không, Ngoại không, Nội ngoại không, Không không, Đại không, Thắng nghĩa không, Hữu vi không, Vô vi không, Tất cánh không, Vô tế không, Tán không, Nhất thiết pháp không, Bản tánh không, Tự tướng không, Vô tướng không, Vô tánh không, Tự tánh không, Vô tánh tự tánh không.

Bốn Tâm vô lượng là gì?

–Đó là: Từ, Bi, Hỷ, Xả vô lượng.

Bốn Nhiếp pháp là gì?

–Đó là: Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự.

Năm thông là gì?

–Đó là: Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm, Túc mạng, Thần cảnh.

Bốn Thánh đế là gì?

–Đó là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo đế.

Năm uẩn là gì?

–Đó là: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức uẩn.

Năm uẩn xuất thế là gì?

–Đó là: Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến uẩn.

Mười hai nhân duyên sinh là gì?

–Đó là: Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử.

Ba mươi bảy pháp Bồ-đề là gì?

–Đó là: Bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần, tám Thánh đạo.

Bốn Niệm xứ là gì?

–Đó là: Quán thân thân niệm xứ, quán thọ thọ niệm xứ, quán tâm tâm niệm xứ, quán pháp niệm xứ.

Bốn Chánh đoạn là gì?

–Đó là: Không cho pháp ác chưa sinh được sinh; Đoạn trừ pháp ác đã sinh; phát sinh pháp lành chưa sinh; tăng trưởng pháp lành đã sinh chân thật không hư dối, phát tâm tinh tấn để đạt viên mãn.

Bốn Thần túc là gì?

–Đó là: Tập định đoạn hành cụ thần túc, Tâm định đoạn hành cụ thần túc, Tinh tấn định đoạn hành cụ thần túc, Ngã định đoạn hành cụ thần túc.

Năm Căn là gì?

–Đó là: Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn.

Năm Lực là gì?

–Đó là: Tín lực, Tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.

Bảy Bồ-đề phần là gì?

–Đó là: Niệm Bồ-đề phần, Trạch pháp Bồ-đề phần, Tinh tấn Bồ-đề phần, Hỷ Bồ-đề phần, Khinh an Bồ-đề phần, Định Bồ-đề phần, Xả Bồ-đề phần.

Tám Thánh đạo là gì?

–Đó là: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Như thế là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề.

Bốn pháp chủng là gì?

–Đó là: Chánh lợi, Chánh văn, Chánh trí, Chánh thức.

Sáu niệm là gì?

–Đó là: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên.

Bốn pháp ấn là gì?

–Đó là: Các hành vô thường, các hành đều khổ, các pháp vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh.

Mười nghiệp thiện là gì?

–Đó là: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói ác, không nói thêu dệt, không tham, không sân, không si.

Bốn phiền não căn bản là gì?

–Đó là: Tham, sân, si, ngã mạn.

Năm kiến là gì?

–Đó là: Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ kiến.

Bốn lậu là gì?

–Đó là: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, kiến lậu.

Ba giải thoát là gì?

–Đó là: Không giải thoát, Vô tướng giải thoát, Vô nguyện giải thoát.

Tám hữu sắc là gì?

–Đó là: Đất, nước, gió, lửa, hương, vị, xúc, pháp.

Hai vô sắc là gì?

–Đó là: Hư không, thức tánh.

Tám Giải thoát định là gì?

–Đó là: Bên trong có sắc quán sắc bên ngoài; bên trong không sắc quán sắc bên ngoài; quán tịnh; quán Không vô biên xứ; quán Thức vô biên xứ; quán Vô sở hữu xứ; quán Phi tưởng phi phi tưởng xứ; quán Tưởng thọ diệt.

Chín bộ pháp là gì?

–Đó là: Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ ký, Già-tha, Phúng tụng, Nhân duyên, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng.

Mười hai hạnh Đầu-đà là gì?

–Đó là: Thường khất thực; khất thực theo thứ lớp; ngày ăn một bữa;

trước quán sau mới ăn; thọ trì ba y; y chằm vá; y phấn tảo; thường ngồi trên tòa cỏ không nằm; ở ngoài trời; ở bên gốc cây; ở nghĩa địa; ở chỗ vắng vẻ.

Thế nào là mười Địa?

–Đó là: Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm tuệ địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện tuệ địa, Pháp vân địa.

Mười pháp hàng phục của Bồ-tát là gì?

–Đó là: Mạng hàng phục, tâm hàng phục, thọ dụng hàng phục, pháp hàng phục, sinh hàng phục, thần thông hàng phục, giải thoát hàng phục, nguyện hàng phục, nghiệp hàng phục, trí hàng phục.

Mười Lực của Bồ-tát là gì?

–Đó là: Giải thoát lực, Bạt khổ lực, Quán lực, Nhẫn lực, Trí lực, Đoạn lực, Văn lực, Nguyện lực, Viên mãn lực, Ái lực.

Mười Lực của Như Lai là gì?

–Đó là: Xứ phi xứ trí lực, Tự nghiệp trí lực, Tri chúng sinh tánh trí lực, Căn thắng liệt trí lực, Chủng chủng giới trí lực, Chủng chủng thắng giải trí lực, Biến thú hành trí lực, Tĩnh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí trí lực, Túc trụ tùy niệm trí lực, Lậu tận trí lực.

Bốn tri là gì?

–Đó là: Biết hạt giống của các pháp; biết thuyết pháp; biết chánh đạo Niết-bàn; biết trí đoạn lậu tận.

Năm tham đố là gì?

–Đó là: Pháp tham đố, Lợi dưỡng tham đố, Trụ tham đố, Vị thiện tham đố, Danh văn tham đố.

Mười tám pháp bất cộng là gì?

–Đó là: Thân không lỗi, Miệng không lỗi, Ý không lỗi, Không có tâm bất định, Không có tâm dị tưởng, Không có tâm không biết xả, Dục không giảm, Niệm không giảm, Tinh tấn không giảm, Trí tuệ không giảm, Giải thoát không giảm, Giải thoát tri kiến không giảm, Thân nghiệp hành theo trí tuệ, Khẩu nghiệp hành theo trí tuệ, Ý nghiệp hành theo trí tuệ, Biết quá khứ không ngại, Biết vị lai không ngại, Biết hiện tại không ngại.

Ba mươi hai tướng là gì?

–Đó là: Bàn chân bằng phẳng, dưới bàn chân có hình bánh xe ngàn căm; tay chân mềm mại; giữa ngón tay chân có màng lưới sắc vàng; ngón tay chân thon tròn; gót chân dài rộng hợp mu bàn chân; mu bàn chân dài rộng mềm mại tròn; bắp chân tròn như chân nai chúa, hai tay tròn dài quá

gối; âm tướng kín đáo như voi chúa; mỗi lỗ chân lông một sợi xanh biết xoay về bên phải; lông tóc uốn cong mềm mại; da trơn mịn không bám bụi nhơ; sắc thân vàng sáng đẹp, lòng bàn tay bàn chân, cổ, hai vai tròn đầy; hai vai đỉnh đầu tròn đẹp, hai nách tròn, dung nghi đoan nghiêm; thân hình cao lớn; thân cân đối, phần trên thân như sư tử chúa, thân phóng ánh sáng một tầm; bốn mươi chiếc răng trắng như tuyết bằng khít, bốn răng cửa bén sạch đẹp, được thức ăn tối thượng, lưỡi dài rộng che phủ lên đến đỉnh đầu; tiếng nói như Phạm thiên ai cũng thích nghe; lông mi đều đặn như lông mi trâu chúa, mí mắt xinh đẹp; mặt như trăng tròn; lông mày như trăng mới mọc; lông trắng giữa chặn mày mềm xoay về bên phải; trên đầu có nhục kế như lộng cõi trời.

Tám mươi vẻ đẹp là gì?

–Đó là: Móng tay dài thon sạch; ngón tay ngón chân tròn trịa xương gân không hiện lên; khoảng cách giữa ngón tay ngón chân kín đều; tay chân mềm mại vừa ý; gân mạch ẩn sâu không hiện ra; hai mắt cá không hiện ra; tới lui như voi rồng chúa; đi đứng khoan thai như sư tử chúa; đi đứng an bình như trâu chúa; tới lui thanh nhã như thiên nga; khi xoay nhìn thì toàn thân xoay theo chân tròn đẹp; đốt xương không hở như rồng cuộn; đầu gối chắc đẹp; những tướng ẩn thì viên mãn trong sạch; da mềm mịn sạch bóng; hình dung xinh đẹp không có những sự đáng sợ; các đốt xương khít đẹp; tay chân yên định không lay động; thân tướng sáng suốt đẹp; ánh sáng trên thân luôn soi rọi; bụng vuông vức mềm không hiện ra; rốn sâu tròn đẹp; rốn dày không lồi; da trơn mịn không nhơ; chân tay tròn trịa, vằn tay không đứt; môi đỏ như son; mặt cân đối đẹp; lưỡi rộng dài; tiếng rền vang xa; tiếng nói hay; mũi cao thẳng; răng ngay thẳng răng trắng; mắt sáng đẹp; mắt như cánh sen xanh; lông mi khít không bạc; lông mày dài mềm; lông mày màu lưu ly, lông mày dài óng mượt; tai dày cân xứng tròn; hai tai bằng phẳng; dung nghi đỉnh đạt ai cũng kính yêu; trán rộng vuông vức; thân đẹp không ai sánh bằng; tóc dài nhiều óng mượt; tóc thơm sạch; tóc không rối; tóc không rụng; tóc óng mượt bụi không bám; thân khỏe như thân Na-la-diên; thân cao lớn tuấn tú; các lỗ trên thân sạch; thân đẹp không ai sánh bằng; mọi người nhìn không chán; mặt như trăng tròn; chỉ nhìn thẳng không quay lại; nét mặt tươi; thân không nhơ; mặt luôn thoảng hương thơm; các lỗ chân lông thoảng hương thơm; đầu như Mạt-đạt-na; chân lông sạch óng như lông trên cổ chim công; âm thanh như Phạm thiên hợp lý; nhục kế trên đầu không ai thấy được; ngón tay ngón chân đỏ hồng; khi đi chân cách đất bốn ngón tay nhưng vẫn in dấu; tự bảo vệ mình không cần ai

hộ vệ; người ác thấy thì vui, người sợ thấy thì an ổn; âm thanh hào nhã làm vui lòng chúng sinh; lời nói hợp với mọi loài; dùng một ngôn ngữ thuyết pháp nhưng chúng sinh đều tỏ ngộ; thuyết pháp tuần tự có nhân duyên; quán sát chúng sinh nhưng không yêu ghét; làm việc gì trước quán sát sau mới làm; làm đúng khuôn pháp; không ai thấy được hết tướng tốt; nhục kế chắc chắn; không già; ngực có phước đức.

Bảy vật quý của Luân vương là gì?

–Đó là: Xe vàng báu, Voi báu, Ngựa báu, Ma-ni báu, Ngọc nữ báu, Chủ binh báu, Chủ tạng báu.

Tám pháp của thế gian là gì?

–Đó là: Lợi, suy, chê, khen, ca ngợi, chế riễu, khổ, vui.

Ba đời là gì?

–Đó là: Quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bốn kiếp số là gì?

–Đó là: Đạt kiếp, Mẫu-noa kiếp, Tán địa kiếp, Hiền kiếp.

Bốn đời là gì?

–Đó là: Thánh thế, Chánh thế, Tượng thế, Mạt thế.

Hai pháp là gì?

–Đó là: Pháp sinh, pháp diệt .

Bốn cách thọ sinh là gì?

–Đó là: Thai sinh, trứng sinh, ẩm thấp sinh, biến hóa sinh.

Năm trược là gì?

–Đó là: Kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sinh trược, mạng trược.

Bốn ma là gì?

–Đó là: Phiền não ma, Thiên ma, Uẩn ma, Tử ma.

Sáu thú là gì?

–Đó là: Trời, Người, A-tu-la, Súc sinh, Ngạ quỷ, Địa ngục.

Tám địa ngục lạnh là gì?

–Đó là: Pháo địa ngục, Pháo liệt địa ngục, Hổ hổ phàm địa ngục, Hách hách phàm địa ngục, A-trá-trá địa ngục, Thanh liên hoa địa ngục, Hồng liên hoa địa ngục, Đại hồng liên hoa địa ngục.

Tám địa ngục nóng là gì?

–Đó là: Đẳng hoạt địa ngục, Hắc thằng địa ngục, Chúng hợp địa ngục, Khiếu hoán địa ngục, Đại khiếu hoán địa ngục, Thiêu nhiên địa ngục, Cực

thiêu nhiên địa ngục, A-tỳ địa ngục.

Bốn đại châu là gì?

–Đó là: Nam thiệm-bộ, Tây câu-da-ni, Bắc câu-lô, Đông thắng thần.

Mỗi châu có năm trăm châu quyến thuộc lớn nhỏ quay quanh hai Thiết luân:

–Đó là: Tiểu thiết luân vi, Đại thiết luân vi.

Bảy núi vàng là gì?

–Đó là: Trì song, Trì trục, Diêm mộc, Thiện kiến, Mã nhĩ, Tượng tỷ, Ngư chủy.

Bảy biển là gì?

–Đó là: Diêm thủy, Thủ, Lạc, Tô, Mật thủy, Kiết tường, Thảo, Tửu.

Sáu từng trời cõi Dục là gì?

–Đó là: Tứ Thiên vương, Đao-lợi, Dạ-ma, Đâu-suất, Lạc biến hóa, Tha hóa tự tại.

Mười bảy cõi trời của Sắc giới là gì?

–Đó là: Phạm chúng, Phạm phụ, Đại phạm, Thiểu quang, Vô lượng quang, Cực quang tịnh, Thiểu tịnh, Biến tịnh, Vô lượng tịnh, Vô vân, Phước sinh, Quảng quả, Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiện, Sắc cứu cánh.

-oOo-

SỐ 765

KINH BẢN SỰ

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng
Pháp sư Huyền Trang

QUYỂN 1

Phẩm 1: MỘT PHÁP (PHẦN 1)

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ta quán sát thế gian thấy không có một pháp riêng nào ngăn che quần sinh khiến giong ruổi, trôi lăn mãi trong vòng sinh tử như sự che phủ của vô minh. Vì sao? Vì quần sinh ở thế gian do sự che phủ của vô minh nên giong ruổi, trôi lăn mãi trong vòng sinh tử. Thế nên các vị nên học như vầy: Ta phải tu tập như thế nào để phát sinh trí tuệ sáng suốt, phá tan màn tối vô minh, ra khỏi lưới tham ái? Bí-sô các vị nên học như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Không một pháp riêng nào
Như màn tối vô minh
Che ngăn các quần sinh
Trôi theo dòng sinh tử.
Vô minh tất ngu, ám
Do đấy trôi lăn mãi
Qua lại đây và kia
Lên xuống cõi cao, thấp.
Phá màn tối vô minh
Thoát khỏi lưới tham ái
Không ở dòng sinh tử
Đó không còn nhân kia.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ta quán xét thế gian, thấy không có một pháp riêng nào trói buộc nên khiến giong ruổi, trôi lăn mãi trong dòng sinh tử, như là tham ái nối kết. Vì sao? Vì quần sinh ở thế gian, do "tham ái nối kết" trói

buộc nên giong ruổi, trôi lăn mãi trong dòng sinh tử. Thế nên các vị nên học như vầy: Ta phải tu tập như thế nào để đạt được trí tuệ sáng suốt, nhằm đoạn trừ tham ái kết, phá tan khối tối tăm lớn. Bí-sô các vị nên học như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Không có một chút nào
Như tham ái nối kết
Trói buộc các quần sinh
Trôi theo dòng sinh tử.
Tham ái trói buộc mãi
Do đấy cứ trôi lăn
Qua lại đây và kia
Lên xuống cõi cao thấp.
Đoạn tham ái nối kết
Phá khối tối tăm lớn
Không ở dòng sinh tử
Do không còn nhân kia.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Nếu một hữu tình ở trong một kiếp, trôi lăn nơi sinh tử, thân xác của họ thọ nhận giả sử chất đống lại, không bị tiêu hoại thì đống xương đó cao rộng như núi Tỳ-bổ-la ở thành Vương xá, huống chi là hữu tình ấy từ vô thỉ đến giờ mãi lưu chuyển nơi sinh tử thì thân xác của họ thọ nhận làm sao có thể đo lường được? Vì sao? Bí-sô nên biết! Ta nói, đối với bốn Thánh đế, các hữu tình đó không hiểu biết, không soi thấy, không hiện quán, không thông đạt, không xét kỷ nên giong ruổi, trôi lăn mãi nơi dòng sinh tử, lãnh thọ các thân hình, vì thế các vị nên học như vầy: Ta phải tu tập như thế nào đối với bốn Thánh đế? Nghĩa là phải hiểu biết, soi thấy, hiện quán, thông đạt, xét kỷ một cách rốt ráo. Bí-sô các vị nên học như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Hữu tình trong một kiếp
Thọ thân tướng, không tiêu
Đống xương đó cao rộng
Như núi Tỳ-bổ-la.
Huống vô thỉ đến nay
Trôi lăn mãi sinh tử
Thân xác đã thọ nhận

Số đó không thể lường.
Nhận khối khổ lớn ấy
Do không thấy Thánh đế
Cần phải tu diệu trí
Chánh quán bốn chân thật.
Nghĩa là Khổ thánh đế
Nhân khổ và Diệt khổ
Diệt khổ và Nhân khổ
Đường tám nhánh chân chánh.
Bổ-đặc-già-la này
Còn bảy lần lưu chuyển
Nhất định đoạn sạch kết
Dứt hết cảnh giới khổ.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ta dùng Phật nhãn quán sát khắp thế gian, thấy các nghiệp quả, đều duyên nơi tâm và ý. Có loại hữu tình do tâm ý sai khiến nên hành động như vậy, đi theo con đường như vậy, thân hoại mạng chung, như vứt bỏ gánh nặng, đọa vào các nẻo ác, sinh trong địa ngục. Vì sao? Vì các hữu tình đó tâm ý cấu uế, do nhân này nên khi thân hoại mạng chung bị đọa vào các nẻo ác, sinh trong địa ngục.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa và nói kệ:

Một loại các hữu tình
Tâm ý sinh cấu nhiễm
Ta nay vì các vị
Ghi rõ chốn nó sinh.
Thân hư hoại mạng chung
Như vứt bỏ gánh nặng
Nhất định đọa nẻo ác
Sinh trong chốn địa ngục.
Nên biết kẻ ác tuệ
Do tâm ý cấu nhiễm
Vì nhân cấu nhiễm ấy
Nên sinh trong địa ngục.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ta dùng Phật nhãn quán xét khắp thế gian, có các nghiệp quả, đều duyên nơi tâm ý. Có loại hữu tình do tâm ý sai khiến, nên hành động như vậy, đi theo con đường như vậy. Khi thân hoại mạng chung,

như giảm bớt gánh nặng, thẳng đến các nẻo thiện, sinh trong cõi trời. Vì sao? Vì các hữu tình đó tâm ý thanh tịnh. Do nhân này, thân hoại mạng chung, thẳng đến các nẻo thiện, sinh trong cõi trời.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Một loại các hữu tình
Phát tâm ý thanh tịnh
Ta nay vì các vị
Ghi rõ chốn nó sinh.
Thân hư hoại mạng chung
Như giảm bớt gánh nặng
Nhất định thẳng nẻo thiện
Sinh ngay trong cõi trời.
Nên biết người trí tuệ
Do tâm ý thanh tịnh
Vì nhân thanh tịnh ấy
Nên sinh trong cõi trời.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Tất cả hữu tình đều do nghiệp của chính mình tạo ra. Nghiệp là bạn bè, nghiệp là chỗ phát sinh, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là chỗ dựa nương hướng đến. Nghiệp có thể phân định tất cả hữu tình thành loại: thượng, trung, hạ. Thế nên các vị cần phải biết rõ: Tự tánh của các nghiệp, nhân duyên của các nghiệp, phẩm loại nơi các nghiệp, dị thục của các nghiệp, tập diệt của các nghiệp và những điều kiện, nhân duyên hướng đến con đường diệt trừ nghiệp.

Này các Bí-sô! Như ta đã giảng nói: Các vị nên nhận biết đúng đắn.

Thế nào là nên nhận biết về tự tánh của các nghiệp? Tự tánh của các nghiệp là hoặc suy xét về nghiệp, hoặc suy xét về nghiệp đã tạo. Như vậy là nên nhận biết về tự tánh của các nghiệp. Đã nhận biết đúng đắn về tự tánh của các nghiệp rồi, làm thế nào để biết về nhân duyên của các nghiệp? Nhân duyên của các nghiệp là các thứ tham ái. Như vậy là nhận biết về nhân duyên các nghiệp. Đã nhận biết đúng tự tánh của các nghiệp, nhân duyên của các nghiệp rồi, làm thế nào để nhận biết về phẩm loại của các nghiệp? Phẩm loại của các nghiệp là phẩm loại riêng nơi nghiệp. Có phẩm loại riêng nơi nghiệp hướng đến thân địa ngục. Có phẩm loại riêng nơi nghiệp hướng đến thân bàng sinh. Có phẩm loại riêng nơi nghiệp hướng đến thân ngạ quỷ. Có phẩm loại riêng nơi nghiệp hướng đến thân nơi cõi A-tu-la. Có phẩm loại riêng nơi nghiệp hướng đến thân nơi cõi người, cõi

trời. Như vậy là nên nhận biết về phẩm loại của các nghiệp. Đã nhận biết đúng về tự tánh của các nghiệp, nhân duyên của các nghiệp, phẩm loại của các nghiệp rồi, làm thế nào để nhận biết về dị thục của các nghiệp? Dị thục *(quả báo)* của các nghiệp là các nghiệp đã tạo ra trong đời này, tức trong đời này có thể chiêu cảm nơi các cõi hoặc đã nhận hay chưa nhận. Như vậy là nên nhận biết về dị thục của các nghiệp. Đã nhận biết đúng về tự tánh của các nghiệp, nhân duyên của các nghiệp, phẩm loại của các nghiệp dị thục của các nghiệp rồi, làm thế nào để nhận biết về sự diệt tận của các nghiệp? Diệt tận của các nghiệp là diệt trừ ái nên các nghiệp đều diệt hết. Như vậy là nhận biết về sự diệt tận các nghiệp. Đã nhận biết đúng về tự tánh của các nghiệp, nhân duyên của các nghiệp, phẩm loại của các nghiệp, dị thục của các nghiệp, sự diệt tận các nghiệp rồi, làm thế nào để nhận biết về những điều kiện, nhân duyên hướng đến con đường diệt trừ nghiệp, những điều kiện, nhân duyên hướng đến con đường diệt trừ nghiệp là tám chi Thánh đạo, tức là: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Như vậy là nhận biết về những điều kiện, nhân duyên hướng đến con đường diệt trừ nghiệp.

Bí-sô nên biết! Các Sa-môn hay Bà-la-môn, ai nhận biết đúng đắn tự tánh của các nghiệp, nhân duyên của các nghiệp, phẩm loại nơi các nghiệp, dị thục của các nghiệp, sự diệt tận các nghiệp, cùng những điều kiện, nhân duyên hướng đến con đường diệt trừ nghiệp, thì có thể tin theo pháp, luật của ta. Ai có thể tin theo pháp, luật của ta thì có thể thâm nhập pháp, luật của ta. Ai có thể thâm nhập pháp, luật của ta thì có thể thông đạt pháp, luật của ta và tu hành phạm hạnh thì tức có thể đạt được cứu cánh là diệt hết tất cả các nghiệp? Vì sao? Vì các Sa-môn hay Bà-la-môn này đã nhận biết đúng đắn tự tánh của các nghiệp, nhân duyên các nghiệp, phẩm loại nơi các nghiệp, dị thục của các nghiệp, sự diệt tận các nghiệp, cùng những điều kiện, nhân duyên hướng đến con đường diệt trừ nghiệp, thì ngay nơi các nghiệp, có thể chán lìa và diệt hết, được giải thoát rốt ráo giải thoát hoàn toàn. Đã hoàn toàn giải thoát rồi thì có thể an lập, đã có thể an lập là khéo tu tập viên mãn. Đã khéo tu tập viên mãn, vị ấy khi bỏ thân này thì đúng như pháp không còn tạo nghiệp và không còn cảnh giới.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Thế gian các hữu tình
Ba đời: trước, giữa, sau
Thuộc nơi nghiệp của mình
Nghiệp là bè bạn họ.

Nghiệp là chỗ phát sinh
Nghiệp là quyến thuộc họ
Nghiệp là chốn dựa hướng
Nghiệp phân làm ba bậc.
Tùy nghiệp sinh khắp nơi
Luân chuyển không cố định
Hoặc ở trong trời, người
Hoặc nơi bốn nẻo ác.
Thế gian các hữu tình
Theo nghiệp lực xoay chuyển
Đất nước, của, vợ con
Không mang qua đời khác.
Người ấy khi mạng chung
Sở hữu đều bỏ hết
Riêng theo nghiệp mà đi
Do nghiệp của chính mình.
Các hữu tình đời sau
Dẫu thọ nghiệp như vậy
Nếu theo lời Phật dạy
Chánh tín và xuất gia.
Ở trong chốn ngu si
Không thầy dẫn đúng đường
Gọi siêng năng tu hành
Hiểu rõ được chánh pháp.
Thế nên các Bí-sô
Tinh tấn chớ buông lung
Nên biết rõ của các nghiệp
Tiếp tục tu chân chánh.
Đoạn hết bản chất nghiệp
Và nhân duyên của nghiệp
Tu tám chi Thánh đạo
Mau đạt được viên mãn.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Thế gian có các pháp ác, bất thiện, ngay khi phát sinh các thứ bất thiện, các loại bất thiện ấy, tất cả đều do ý dẫn đầu. Vì sao? Vì ý phát sinh xong thì các pháp ác, bất thiện liền theo đó sinh ra.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Các pháp bất thiện sinh
Là nhân để chịu khổ
Do ý dẫn đường trước
Cùng phiền não đồng sinh.
Ý là pháp dẫn đầu
Ý chủ, ý sai khiến
Do ý, có cấu nhiễm
Nói năng và hành động
Khổ theo đấy sinh ra
Như vòng xoay, do tay.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Trong thế gian có những pháp thiện trắng sạch, khi chúng phát sinh, các phẩm thiện, loại thiện, tất cả đều do ý dẫn đầu. Vì sao? Vì ý phát sinh xong thì những pháp thiện trắng sạch liền sinh theo.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Pháp thiện tịnh phát sinh
Là nhân được quả vui
Do ý dẫn đường trước
Cùng pháp thiện đồng sinh.
Ý là pháp dẫn đầu
Ý chủ ý sai khiến
Do ý có thanh tịnh
Nói năng và hành động
Vui theo đấy sinh ra
Như bóng di theo hình.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Thế gian có một pháp, ngay khi phát sinh, giúp cho nhiều chúng sinh làm việc không lợi ích, làm việc không an vui, dẫn đến các đại chúng như chư Thiên, người thế gian làm việc không nghĩa lợi, nhận lấy quả khổ lớn.

Thế nào là một pháp?

Đó là phá Tăng.

Vì sao? Bí-sô nên biết! Vì Tăng nếu bị phá thì tất cả đại chúng sẽ cùng nhau phát sinh sự tranh cãi, trách cứ nhau, khinh miệt, nhục mạ, hủy báng, oán thù nhau, gây phiền não cho nhau, phản nghịch, chê bai và rời bỏ nhau. Ngay khi ấy, nơi tất cả thế gian, người chưa kính tin sẽ không kính tin, người đã kính tin, trở lại không kính tin nữa.

Bí-sô nên biết! Như vậy gọi là thế gian có một pháp, ngay khi phát sinh đã giúp cho nhiều chúng sinh làm việc không lợi ích, làm việc không an vui, dẫn đến các đại chúng như chư Thiên, người thế gian làm việc không nghĩa lợi, nhận lấy quả báo khổ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Thế gian có một pháp
Tạo nên vô lượng ác
Đó là phá hoại Tăng
Người ngu si vui theo.
Phá hoại Tăng bị khổ
Phá hoại chúng cũng khổ
Tăng khiến hoại hòa hợp
Nhiều kiếp khổ không ngừng.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Thế gian có một pháp, ngay khi mới phát sinh, sẽ giúp cho nhiều chúng sinh làm việc nhiều lợi ích, làm việc nhiều an vui, đưa đến các đại chúng nơi thế gian và chư Thiên làm việc nghĩa lợi lớn, nhận lấy quả vui lớn.

Thế nào là một pháp?

Đó là Tăng hòa hợp. Vì sao? Bí-sô nên biết! Tăng nếu được hòa hợp thì tất cả đại chúng sẽ không tranh cãi nhau, không trách cứ, không khinh miệt, không nhục mạ, không chê bai, không oán thù, không gây phiền não cho nhau, không phản nghịch, không phỉ báng và không rời bỏ nhau. Ngay khi ấy tất cả thế gian, người chưa biết kính tin, liền sinh kính tin, người đã kính tin càng thêm kính tin hơn nữa.

Bí-sô nên biết! Như vậy gọi là thế gian khi có một pháp, khi phát sinh thì giúp cho nhiều chúng sinh được nhiều lợi ích, được nhiều an vui, đưa đến các đại chúng như chư Thiên và thế gian làm việc nghĩa lợi lớn, nhận lãnh quả vui lớn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Thế gian có một pháp
Phát sinh vô lượng phước
Gọi là Tăng hòa hợp
Người có trí vui theo.
Tăng hòa hợp an vui
Chúng hòa hợp cũng vui
Tăng bị phá khiến hòa

Luôn hưởng vui cõi trời.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Hữu tình ở thế gian, khi đoạn trừ một kết thì tất cả các kết khác cũng đều đoạn trừ theo.

Thế nào là một kết?

Đó là ngã mạn. Vì sao? Vì các kết hiện có, về bậc thô, bậc trung, bậc vi tế, tất cả đều lấy ngã mạn làm gốc, từ ngã mạn sinh ra, từ ngã mạn lớn lên, cho nên khi một kết ngã mạn đoạn trừ thì các kết khác đều đoạn theo. Ví như lầu đài trung tâm ở thế gian, đều là chỗ nương dựa của nhiều phần lầu đài khác. Trung tâm nếu bị sụp thì các bộ phận khác cũng sụp theo. Như vậy, ngã mạn là chỗ các kết nương tựa, ngã mạn nếu đoạn trừ thì các kết cũng theo đó đoạn hết. Nếu các Bí-sô đã đoạn trừ ngã mạn thì nên biết tức là đã đoạn hết các kết khác. Các Bí-sô nào đã đoạn các kết khác thì nên biết tức là đã đoạn hết cảnh giới khổ, đã tu chánh trí, tâm giải thoát hoàn toàn, tuệ giải thoát hoàn toàn, không còn thọ lại thân sau.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Như trung tâm lầu đài
Các bộ phận nương tựa
Trung tâm nếu sụp đổ
Các phần đều sụp theo.
Như vậy kết ngã mạn
Chỗ các kết nương tựa
Khi kết ngã mạn đoạn
Các kết đều diệt hết.
Bí-sô đoạn ngã mạn
Kết khác đều đoạn theo
Các kết đã đoạn xong
Dứt ngay cảnh giới khổ.
Đã dứt cảnh giới khổ
Là đã tu chánh trí
Tâm, tuệ đều giải thoát
Không thọ lại thân sau.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Thế gian có một pháp, nếu khéo tu tập hoàn tất, tu tập nhiều việc hoàn tất, thâu giữ hai lợi khiến đạt đến viên mãn. Nghĩa là đạt đến viên mãn pháp lợi ngay trong đời này và đạt đến viên mãn pháp lợi nơi đời sau. Có thể thành tựu pháp ngay trong đời này, được lợi ích an vui.

Có thể thành tựu pháp nơi đời sau, được lợi ích an vui. Có thể thành tựu pháp ngay trong đời này và đời sau được lợi ích an vui.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là ở trong chỗ tu tập các pháp thiện, tu tập tinh tấn không buông lung. Vì sao? Vì nếu ở trong chỗ tu tập các pháp thiện không xao lãng thì có thể tu tập một việc hoàn tất, tu tập nhiều việc hoàn tất, có thể giữ gìn hai thứ nghĩa lợi, đưa đến viên mãn. Nói rộng ra, cho đến có thể thành tựu lợi ích an vui ngay nơi đời này và đời sau. Đó gọi là một pháp. Ai tu tập một việc hoàn tất, nhiều việc hoàn tất, thâu giữ hai lợi, nói rộng ra cho đến có thể thành tựu lợi ích an vui ngay nơi đời này và đời sau.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Những người có trí tuệ
Bỏ của cải địa vị
Siêng tu, không buông lung
Chứng Niết-bàn thường lạc.
Người trí không phóng dật
Thâu giữ cả hai lợi
Pháp đời nay đời sau
Đều đạt đến viên mãn.
Người thành tựu đầy đủ
Nay, sau đều lợi lạc
Chúng Hiền thánh trước sau
Khen họ là ngươi trí.

Kệ tóm tắt lại phần kinh Bản Sự ở trước:

Cái kết, cướp, hai tâm
Hai nghiệp, ý dẫn đầu
Phá Tăng và hòa Tăng
Đoạn mạn, không phóng dật.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Nếu các hữu tình nào đoạn trừ hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là xả bỏ Tham. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do tham nhiễm nên thường qua lại, bị đọa trong các nẻo ác, chịu khổ nơi sinh tử. Ai có thể đoạn hẳn một pháp như vậy, ta chứng nhận người đó nhất định được quả Bất hoàn, không còn sinh trở lại nơi thế gian này. Thế nên Ta nói! Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất

hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do tham lam cấu nhiễm
Qua lại, đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ tham nhiễm ấy
Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là xả bỏ Sân. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do Sân cấu nhiễm nên thường qua lại, đọa trong các nẻo ác, chịu khổ nơi sinh tử. Ai có thể đoạn hẳn một pháp như vậy, ta chứng nhận người đó nhất định được quả Bất hoàn, không còn sinh trở lại nơi thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do Sân làm cấu nhiễm
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Sân ấy
Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là xả bỏ Si. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do Si cấu nhiễm thường qua lại đọa trong các đường ác, chịu khổ sinh tử. Ai có thể đoạn hẳn một pháp như vậy, ta chứng nhận người đó nhất định được quả Bất hoàn, không còn sinh trở lại nơi thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào đoạn hẳn

một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do Si làm cấu nhiễm
Qua lại đọa đường ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Si ấy
Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là xả Phú che lấp. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do Phú cấu nhiễm nên thường qua lại đọa trong các đường ác, chịu khổ sinh tử. Ai có thể đoạn hẳn một pháp như vậy, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn, không còn sinh trở lại nơi thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do Phú làm cấu nhiễm
Qua lại đọa cõi ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Phú ấy
Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là xả bỏ Não. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do Não cấu nhiễm nên thường qua lại đọa trong các đường ác, chịu khổ sinh tử. Ai có thể đoạn hẳn một pháp như vậy, ta chứng nhận người đó nhất định được quả Bất hoàn, không còn sinh trở lại nơi thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình

nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do Não làm cấu nhiễm
Qua lại đọa đường ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Não ấy
Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là xả bỏ Phẫn. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do Phẫn cấu nhiễm nên thường qua lại, đọa trong các đường ác, chịu khổ sinh tử. Ai có thể đoạn hẳn một pháp như vậy, ta chứng nhận người đó nhất định được quả Bất hoàn, không còn sinh trở lại trong thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do Phẫn làm cấu nhiễm
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Phẫn ấy
Nhất định được bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là xả bỏ Hận. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do Hận cấu nhiễm nên thường qua lại, đọa trong các nẻo ác, chịu khổ sinh tử. Ai có thể đoạn hẳn một pháp như vậy, ta chứng nhận người đó nhất định được quả Bất hoàn,

không còn sinh trở lại thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do Hận làm cấu nhiễm
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Hận ấy
Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là xả bỏ Tật *(ganh ghét)*. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do Tật cấu nhiễm nên thường qua lại, đọa trong các nẻo ác, chịu khổ sinh tử. Ai có thể đoạn hẳn mọt pháp như vậy, ta chứng nhận người đó nhất định được quả Bất hoàn, không còn sinh trở lại nơi thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do Tật làm cấu nhiễm
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Tật này
Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là xả bỏ Xan *(keo kiệt)*. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do Xan cấu nhiễm nên thường qua lại, đọa trong các nẻo ác, chịu khổ sinh tử. Ai có thể đoạn hẳn một pháp như vậy. ta chứng nhận người đó nhất định được quả

Bất hoàn, không còn sinh trở lại nơi thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, Ta chứng nhận hữu tình đó được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do Xan làm cấu nhiễm
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Xan ấy
Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là xả bỏ Đam *(mê đắm)*. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do Đam cấu nhiễm nên thường qua lại, đọa trong các nẻo ác, chịu khổ sinh tử. Ai có thể đoạn hẳn một pháp như vậy, ta chứng nhận người đó nhất định được quả Bất hoàn, không còn sinh trở lại nơi thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do Đam làm cấu nhiễm
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết chân chánh
Đoạn trừ hẳn Đam ấy
Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là xả bỏ Mạn *(kiêu mạn)*. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do Mạn cấu nhiễm nên thường qua lại, đọa trong nẻo ác, chịu khổ sinh tử. Ai có thể đoạn hẳn một pháp như vậy, ta chứng nhận người đó nhất định được quả

Bất hoàn, không còn sinh trở lại nơi thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do Mạn làm cấu nhiễm
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Mạn ấy
Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là xả bỏ Hại. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do Hại cấu nhiễm nên thường qua lại, đọa trong các nẻo ác, chịu khổ sinh tử. Ai có thể đoạn hẳn một pháp như vậy, ta chứng nhận người đó nhất định được quả Bất hoàn, không còn sinh trở lại nơi thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào đoạn hẳn một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do Hại làm cấu nhiễm
Qua lại, đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Hại ấy
Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Bài kệ tóm tắt lại phần kinh Bản Sự ở trước:

Tham dục, Sân, Nhuế, Si
Phú tàng, Não và Phẫn
Oán hận, Tật cùng Xan
Đam mê, Mạn, cùng Hại.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là niệm Phật. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do không niệm Phật nên thường qua lại đọa trong các đường ác, chịu khổ sinh tử. Ai thường niệm một pháp như vậy, ta chứng nhận người đó nhất định được quả Bất hoàn, không còn sinh trở lại thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do vì không niệm Phật
Qua lại, đọa đường ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Thường niệm đức của Phật
Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là niệm Pháp. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do không niệm Pháp nên thường qua lại, đọa trong các đường ác, chịu khổ sinh tử. Ai thường niệm một pháp như vậy, ta chứng nhận người đó nhất định được quả Bất hoàn, không còn sinh lại nơi thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do vì không niệm Pháp
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Thường niệm đến Chánh pháp
Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là niệm Thánh chúng. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do không niệm Thánh chúng nên thường qua lại đọa trong các nẻo ác, chịu khổ sinh tử. Ai thường niệm một pháp như vậy, ta chứng nhận người đó nhất định được quả Bất hoàn, không còn trở lại nơi thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do không niệm Thánh chúng
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Thường nhớ mãi Thánh chúng
Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là niệm Giới. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do không niệm giới nên thường qua lại, đọa trong các nẻo ác, chịu khổ sinh tử. Ai thường niệm một pháp như vậy, ta chứng nhận người đó nhất định được quả Bất hoàn, không còn sinh trở lại thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do vì không niệm Giới
Qua lại, đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Thường niệm luôn về Giới
Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là niệm Thí. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do không niệm Thí nên thường qua lại, đọa trong các nẻo ác, chịu khổ sinh tử. Ai thường niệm một pháp như vậy, ta chứng nhận người đó nhất định được quả Bất hoàn. Không còn sinh trở lại thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do vì không niệm Thí
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Thường niệm luôn về Thí
Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là niệm Thiên. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do không niệm Thiên nên thường qua lại, đọa trong các nẻo ác, chịu khổ sinh tử. Ai thường niệm một pháp như vậy, ta chứng nhận người đó nhất định được quả Bất hoàn. Không còn sinh trở lại nơi thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do vì không niệm Thiên
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Luôn luôn niệm về Thiên
Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là niệm về sự dừng nghỉ. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do không niệm về sự dừng nghỉ nên thường qua lại đọa trong nẻo ác, chịu khổ sinh tử. Ai thường niệm một pháp như vậy, ta chứng nhận người đó nhất định được quả Bất hoàn, không còn sinh trở lại thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do không niệm dừng nghỉ
Qua lại đọa đường ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Luôn niệm sự dừng nghỉ
Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là quán hơi thở ra, hơi thở vào. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do không quán hơi thở ra, hơi thở vào nên thường qua lại, đọa trong các nẻo ác, chịu khổ sinh tử. Ai thường niệm một pháp như vậy, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn, không còn sinh trở lại nơi thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do không quán hơi thở
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Thường quán về hơi thở
Nhất định được Bất hoàn

Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là niệm Thân. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do không niệm Thân nên thường qua lại đọa trong các nẻo ác, chịu khổ sinh tử. Ai thường niệm một pháp như vậy, ta chứng nhận người đó nhất định được quả Bất hoàn, không còn sinh trở lại nơi thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quán các hữu tình
Do không niệm về Thân
Qua lại, đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Luôn niệm đến thân thể
Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Thế nào là một pháp?

Nghĩa là niệm Tử *(chết)*. Vì sao? Vì tất cả hữu tình do không niệm Tử nên thường qua lại, đọa trong các nẻo ác, chịu khổ sinh tử. Ai thường niệm một pháp như vậy, ta chứng nhận người đó nhất định được quả Bất hoàn, không còn sinh trở lại nơi thế gian này. Thế nên ta nói: Các hữu tình nào thường niệm một pháp, ta chứng nhận hữu tình đó nhất định được quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta thấy các hữu tình
Do vì không niệm Tử
Qua lại, đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Luôn luôn niệm về Tử

Nhất định được Bất hoàn
Không sinh lại thế gian.

-oOo-

KINH BẢN SỰ

QUYỂN 2

Phẩm 1: MỘT PHÁP (PHẦN 2)

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ai đối với tham nhận biết đúng như thật, chưa nhận biết đúng khắp, chưa đoạn trừ hẳn, thì người đó ngay nơi tâm mình chưa lìa tham, nên không thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác không thể đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Ai đối với tham đã nhận biết đúng như thật, đã nhận biết đúng khắp, đã đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình đã lìa tham thì có thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Thế nên, các Bí-sô đối với tham nên nhận biết đúng như thật, nên nhận biết đúng khắp, nên tìm cách đoạn trừ hẳn, tức ở trong pháp Phật nên tu phạm hạnh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ai chưa biết rõ Tham
Họ cánh xa Niết-bàn
Ai đã biết rõ Tham
Cách Niết-bàn không xa.
Ta thấy các hữu tình
Do tham làm cấu nhiễm
Qua lại, đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn tham ấy
Được thượng quả Sa-môn
Không còn tái sinh nữa.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ai đối với Sân chưa nhận biết đúng như thật, chưa nhận biết đúng khắp, chưa đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình chưa lìa Sân, nên không thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Ai đối với Sân đã nhận biết đúng như thật, đã nhận biết đúng khắp, đã đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình đã lìa

Sân, thì có thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Thế nên Bí-sô! Đối với Sân nên nhận biết đúng như thật tri, nên nhận biết đúng khắp, nên tìm cách đoạn trừ hẳn, tức ở trong Phật pháp nên tu hành phạm hạnh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ai chưa biết rõ Sân
Người đó xa Niết-bàn
Ai đã biết rõ Sân
Cách Niết-bàn không xa.
Ta quán các hữu tình
Do Sân làm cấu nhiễm
Qua lại, đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Sân ấy
Được thượng quả Sa-môn
Không còn thọ sinh nữa.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ai đối với Si chưa nhận biết đúng như thật, chưa nhận biết đúng khắp, chưa đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình chưa lìa Si, nên không thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Ai đối với Si đã nhận biết đúng như thật, đã nhận biết đúng khắp, đã đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình đã lìa Si, thì có thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Thế nên Bí-sô! Đối với Si nên nhận biết đúng như thật, nên nhận biết đúng khắp, nên cầu mong đoạn trừ hẳn, tức ở trong pháp Phật nên tu hành phạm hạnh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ai chưa biết rõ Si
Người đó xa Niết-bàn
Ai đã biết rõ Si
Cách Niết-bàn không xa.
Ta thấy các hữu tình
Do Si làm cấu nhiễm
Qua lại, đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn

Đoạn trừ hẳn Si này
Được thượng quả Sa-môn
Không còn thọ sinh nữa.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ai đối với Phú chưa nhận biết đúng như thật, chưa nhận biết đúng khắp, chưa đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình chưa lìa Phú, thì không thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Ai đối với Phú đã nhận biết đúng như thật, đã nhận biết đúng khắp, đã đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình đã lìa Phú, nên có thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Thế nên Bí-sô! Đối với Phú nên nhận biết đúng như thật, nên nhận biết đúng khắp, nên tìm cách đoạn trừ hẳn, tức ở trong Phật pháp nên tu hành phạm hạnh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ai chưa biết rõ Phú
Người đó xa Niết-bàn
Ai đã biết rõ Phú
Cách Niết-bàn không xa.
Ta thấy các hữu tình
Do Phú làm cấu nhiễm
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Phú ấy
Được thượng quả Sa-môn
Không còn thọ sinh nữa.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ai đối với Não chưa nhận biết đúng như thật, chưa nhận biết đúng khắp, chưa đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình chưa lìa Não, nên không thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Ai đối với Não đã nhận biết đúng như thật, đã nhận biết đúng khắp, đã đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình đã lìa Não, thì có thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Thế nên Bí-sô! Đối với Não nên nhận biết đúng như thật, nên nhận biết đúng khắp, nên tìm cách đoạn trừ hẳn, tức ở trong Phật pháp nên tu hành phạm hạnh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ai chưa biết rõ Não
Người đó xa Niết-bàn
Ai đã biết rõ Não
Cách Niết-bàn không xa.
Ta quán các hữu tình
Do Não làm cấu nhiễm
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Não ấy
Được thượng quả Sa-môn
Không còn thọ sinh nữa.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ai đối với Phẫn chưa nhận biết đúng như thật, chưa nhận biết đúng khắp, chưa đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình chưa lìa Phẫn, nên không thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Ai đối với Phẫn đã nhận biết đúng như thật, đã nhận biết đúng khắp, đã đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình đã lìa Phẫn thì có thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Thế nên Bí-sô! Đối với Phẫn nên nhận biết đúng như thật, nên nhận biết đúng khắp, nên tìm cách đoạn trừ hẳn, tức ở trong pháp Phật nên tu hành phạm hạnh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ai chưa biết rõ Phẫn
Người đó xa Niết-bàn
Ai đã biết rõ Phẫn
Cách Niết-bàn không xa.
Ta quán các hữu tình
Do Phẫn làm cấu nhiễm
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Phẫn ấy
Được thượng quả Sa-môn
Không còn thọ sinh nữa.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ai đối với Hận chưa nhận biết đúng như thật, chưa

nhận biết đúng khắp, chưa đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình chưa lìa Hận, nên không thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Ai đối với Hận đã nhận biết đúng như thật, đã nhận biết đúng khắp, đã đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình đã lìa Hận, thì có thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Thế nên Bí-sô! Đối với Hận phải nhận biết đúng như thật, nên nhận biết đúng khắp, nên cầu mong đoạn trừ hẳn, tức ở trong pháp Phật nên tu hành phạm hạnh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ai chưa biết rõ Hận
Người đó xa Niết-bàn
Ai đã biết rõ Hận
Cách Niết-bàn không xa.
Ta quán các hữu tình
Do Hận làm cấu nhiễm
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Hận ấy
Được thượng quả Sa-môn
Không còn thọ sinh nữa.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ai đối với Tật chưa nhận biết đúng như thật, chưa nhận biết đúng khắp, chưa đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình chưa lìa Tật, nên không thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Ai đối với Tật đã nhận biết đúng như thật, đã nhận biết đúng khắp, đã đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình đã lìa Tật, thì có thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Thế nên Bí-sô! Đối với Tật phải nhận biết đúng như thật, nên nhận biết đúng khắp, nên tìm cách đoạn trừ hẳn, tức ở trong pháp Phật nên tu hành phạm hạnh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ai chưa biết rõ Tật
Người đó xa Niết-bàn
Ai đã biết rõ Tật
Cách Niết-bàn không xa.
Ta quán các hữu tình

Do Tật làm cấu nhiễm
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Tật ấy
Được thượng quả Sa-môn
Không còn thọ sinh nữa.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ai đối với Xan chưa nhận biết đúng như thật, chưa nhận biết đúng khắp, chưa đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình chưa lìa Xan, nên không thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Ai đối với Xan đã nhận biết đúng như thật, đã nhận biết đúng khắp, đã đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình đã lìa Xan, thì có thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Thế nên Bí-sô! Đối với Xan phải nhận biết đúng như thật, nên nhận biết đúng khắp, nên tìm cách đoạn trừ hẳn, tức ở trong pháp Phật nên tu hành phạm hạnh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ai chưa biết rõ Xan
Người đó xa Niết-bàn
Ai đã biết rõ Xan
Cách Niết-bàn không xa.
Ta quán các hữu tình
Do Xan làm cấu nhiễm
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Xan ấy
Được thượng quả Sa-môn
Không còn thọ sinh nữa.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ai đối với Đam chưa nhận biết đúng như thật, chưa nhận biết đúng khắp, chưa đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình chưa lìa Đam, nên không thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Ai đối với Đam đã nhận biết đúng như thật, đã nhận biết đúng khắp, đã đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình đã lìa Đam, thì có thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và

chứng đắc an lạc vô thượng. Thế nên Bí-sô! Đối với Đam nên nhận biết đúng như thật, nên nhận biết đúng khắp, nên tìm cách đoạn trừ hẳn, tức ở trong pháp Phật nên tu hành phạm hạnh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ai chưa biết rõ Đam
Người đó xa Niết-bàn
Ai đã biết rõ Đam
Cách Niết-bàn không xa.
Ta quán các hữu tình
Do Đam làm cấu nhiễm
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Đam ấy
Được thượng quả Sa-môn
Không còn thọ sinh nữa.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ai đối với Mạn chưa nhận biết đúng như thật, chưa nhận biết đúng khắp, chưa đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình chưa lìa Mạn, nên không thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Ai đối với Mạn đã nhận biết đúng như thật, đã nhận biết đúng khắp, đã đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình đã lìa Mạn, thì có thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Thế nên Bí-sô! Đối với Mạn phải nhận biết đúng như thật, nên nhận biết đúng khắp, nên tìm cách đoạn trừ hẳn, tức ở trong pháp Phật nên tu hành phạm hạnh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ai chưa biết rõ Mạn
Người đó xa Niết-bàn
Ai đã biết rõ Mạn
Cách Niết-bàn không xa.
Ta quán các hữu tình
Do Mạn làm cấu nhiễm
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Mạn ấy

Được thượng quả Sa-môn
Không còn thọ sinh nữa.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ai đối với Hại chưa nhận biết đúng như thật, chưa nhận biết đúng khắp, chưa đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình chưa lìa Hại, nên không thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Ai đối với Hại đã nhận biết đúng như thật, đã nhận biết đúng khắp, đã đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình đã lìa Hại, thì có thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Thế nên Bí-sô! Đối với Hại nên nhận biết đúng như thật, nên nhận biết đúng khắp, nên tìm cách đoạn trừ hẳn, tức ở trong pháp Phật nên tu hành phạm hạnh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ai chưa biết rõ Hại
Người đó xa Niết-bàn
Ai đã biết rõ Hại
Cách Niết-bàn không xa.
Ta quán các hữu tình
Do Hại làm cấu nhiễm
Qua lại đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.
Ai hiểu biết đúng đắn
Đoạn trừ hẳn Hại ấy
Được thượng quả Sa-môn
Không còn thọ sinh nữa.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ai đối với tất cả chưa nhận biết đúng như thật, chưa nhận biết đúng khắp, chưa đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình chưa lìa tất cả, nên không thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Ai đối với tất cả đã nhận biết đúng như thật, đã nhận biết đúng khắp, đã đoạn trừ hẳn, người đó ngay nơi tâm mình đã lìa tất cả, thì có thể thông đạt, biết khắp, đẳng giác, đạt đến Niết-bàn và chứng đắc an lạc vô thượng. Thế nên Bí-sô! Đối với tất cả phải nhận biết đúng như thật, nên nhận biết đúng khắp, nên tìm cách đoạn trừ hẳn, tức ở trong pháp Phật nên tu hành phạm hạnh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ai tất cả chưa rõ

Người đó xa Niết-bàn
Ai tất cả đã rõ
Cách Niết-bàn không xa.
Ta quán các hữu tình
Do tất cả cấu nhiễm
Qua lại, đọa nẻo ác
Chịu sinh tử luân hồi.

Bài kệ tóm tắt phần kinh Bản Sự trước:

Tham, Nhuế và Ngu si
Phú tàng, Não, Phẫn, Hận
Tật, Xan cùng Đam mê
Mạn, Hại cùng tất cả.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ở trong Phước, Nghiệp, Sự của tất cả sự tu tập, thì tâm Từ giải thoát là đứng đầu. Vì sao? Vì tâm Từ giải thoát có oai đức rất mạnh mẽ. Ánh sáng của nó che lấp tất cả các Phước, Nghiệp, Sự khác, vì oai đức của các Phước, Nghiệp, Sự khác, so với oai đức nơi sự tu tập của tâm Từ giải thoát thì không bằng một phần mười sáu.

Bí-sô nên biết! Ví như trong tất cả các quốc vương lớn nhỏ, thì Chuyển luân thánh vương là đứng đầu. Vì sao? Vì Chuyển luân thánh vương có oai đức rất lớn. Oai đức của Chuyển luân thánh vương che lấp tất cả các vua lớn, nhỏ, vì oai của các vua lớn nhỏ, so với oai đức của Chuyển luân thánh vương thì không bằng một phần mười sáu. Các Phước, Nghiệp, Sự khác cũng lại như vậy, so với sự tu tập của tâm Từ giải thoát thì không bằng một phần mười sáu.

Lại như trong các ngôi sao lớn nhỏ, thì mặt trăng tròn đầy là đứng đầu. Vì sao? Vì mặt trăng tròn đầy có oai quang rực rỡ. Ánh sáng của nó che lấp tất cả các ngôi sao lớn nhỏ khác. Vì oai quang của các ngôi sao lớn nhỏ kia so với mặt trăng tròn đầy thì không bằng một phần mười sáu. Các Phước, Nghiệp, Sự khác cũng lại như vậy, so với oai đức của sự tu tập tâm Từ giải thoát thì cũng không bằng một phần mười sáu.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Hết thảy Phước, Nghiệp, Sự
So tâm Từ giải thoát
Thì trong mười sáu phần
Không bằng được một phần.
Đối với một hữu tình

Thường tu tâm Từ, Thiện
Phước đó còn vô biên
Huống gì với tất cả.
Có các đại quốc vương
Hàng phục khắp đại địa
Hội bố thí trong đời
Cho khắp không thiếu gì.
Phước bố thí cũng vậy
Không bằng tu tâm Từ
So trong mười sáu phần
Cũng không bằng một phần.
Như Chuyển luân thánh vương
Oai đức che các vua
Cũng như mặt trăng tròn
Ánh sáng che các sao.
Sự tu hành như vậy
Tất cả Phước, Nghiệp, Sự
Đều bị oai đức của
Tâm Từ, Thiện che lấp.
Tu tâm Từ giải thoát
Với người hay phi nhân
Tất cả các hữu tình
Đều không thể làm hại.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ta quan sát thế gian, không có một pháp nào làm ngoại duyên mạnh mẽ cho những bậc hữu học tâm chưa chứng đắc khi mong cầu quả an lạc vô thượng, như là Thiện tri thức. Vì sao? Vì các hữu tình kia nhờ nơi tri thức thiện mà đạt được sự mong cầu, nghĩa là đoạn trừ các điều ác, tu tập các việc lành, được thân thanh tịnh chân thật, không tạp nhiễm.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quan sát thế gian
Không có một pháp nào
Hữu học chưa đắc tâm
Khi cầu quả Vô thượng.
Làm ngoại duyên mạnh mẽ
Như là Thiện tri thức

Gần gũi Thiện tri thức
Mong cầu đều thành tựu.
Kính vâng lời dạy bảo
Phụng hành, không buông lung
Mau chứng đắc Niết-bàn
Lìa sợ thường an vui.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ta quan sát thế gian, không có một pháp nào làm nội duyên mạnh mẽ cho nhưng bậc hữu học chưa chứng đắc tâm, khi mong cầu quả an lạc vô thượng như là tác ý đúng. Vì sao? Vì các hữu tình kia nhờ tác ý đúng mà những điều mong cầu được thỏa mãn. Nghĩa là đoạn các điều ác, tu tập các điều lành, được thân trong sạch chân thật, không tạp nhiễm.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ta quan sát thế gian
Không có một pháp nào
Hữu học chưa chứng đắc
Khi cầu quả Vô thượng.
Làm nội duyên mạnh mẽ
Như là tác ý đúng
Tu tập tác ý đúng
Mong cầu được thành tựu.
Như lý quán sát kỹ
Tu hành không buông lung
Mau chứng đắc Niết-bàn
Lìa sợ, thường an vui.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào thường biết bố thí, giúp đỡ người khác, quả báo đạt được rõ ràng ngay trước mắt. Như ta biết, thì họ không bị sự keo kiệt trói buộc, cấu nhiễm tâm. Dẫu người đó chỉ có một miếng ăn, chắc chắn người đó cũng sẽ đem phân chia cho người khác, rồi sau mới ăn. Các hữu tình vì không biết bố thí, giúp đỡ, bị sự keo kiệt trói buộc, làm cấu nhiễm tâm, tuy họ có thức ăn uống và của nhiều vô lượng, nhưng họ không chia cho người khác, chỉ thọ dụng một mình. Vì sao? Vì ban bố giúp đỡ thì sẽ được quả báo sinh lên cõi trời và trong loài người, qua lại vô lượng lần để nhận các sự an vui.

Khi ấy Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Thế gian các hữu tình

Ai biết rõ huệ thí
Thường nhận quả báo lớn
Thấy rõ như Như lai.
Tâm họ không hề bị
Keo kiệt làm cấu nhiễm
Dù chỉ một miếng ăn
Họ cũng đều phân chia.
Không biết quả bố thí
Thấy rõ như Như Lai
Tuy có nhiều của cải
Họ keo kiệt không cho.
Ai nơi ruộng phàm, Thánh
Ba thời hoan hỷ cúng
Qua lại vô số lần
Nhận quả báo trời, người.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào nhận biết về phạm giới sẽ nhận quả báo rõ ràng, ngay trước mắt. Như ta đã biết: Đi, đứng, nằm, ngồi đều không được an ổn; nói, cười, ăn, uống đều không suy nghĩ, người đó trong lòng sợ hãi, cuồng loạn bức bách, thân hình khô héo như cỏ lau bị cắt. Do vì không biết nên họ an nhiên không sợ. Vì sao? Vì các tội do phạm giới thường đưa đến nẻo ác, phát triển rất dữ cho các quả báo khổ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Thế gian các hữu tình
Ai biết rõ phạm giới
Thường chịu quả báo khổ
Thấy rõ như Như lai.
Bốn oai nghi không an
Nói, cười, ăn không nghĩ
Tâm sợ hãi, cuồng loạn
Héo như cỏ bị cắt.
Do không biết phạm giới
Thường nhận quả báo khổ
Thấy rõ như Như lai
An nhiên không khiếp sợ.
Những người phá hủy giới
Nhất định đọa nẻo ác

Lãnh chịu quả báo khổ
Càng thêm mạnh vô cùng.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào thường biết trì giới sẽ nhận quả báo rõ ràng ngay trước mắt. Như ta đã biết: Người đó đối với tự thân càng sinh nhàm chán thì an lạc tự đến, giữ vững giới cấm. Các hữu tình do không biết, ưa tham đắm thân mình, phá hủy giới cấm. Vì sao? Vì các phước về trì giới thường được nhận cảnh giới thiện, phát triển rất mạnh mẽ các quả báo vui.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Thế gian các hữu tình
Ai biết rõ trì giới
Thường được quả báo vui
Thấy rõ như Như lai.
Ngay nơi thân bất tịnh
Càng hay sinh nhàm chán
Cầu thắng quả vị lai
Giữ gìn giới trong sạch.
Do không biết trì giới
Thường được nẻo thiện vui
Thấy rõ như Như lai
Nên hủy phạm tịnh giới.
Những người hộ trì giới
Được sinh trong nẻo thiện
Nhận được cõi trời vui
Chứng Niết-bàn vô thượng.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào nhận biết, nhưng nói dối không xấu không hổ, không có tâm sửa đổi, ta nói các hữu tình đó đối với các nghiệp ác, bất thiện, không một việc gì mà họ không làm.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Biết nhưng cố nói dối
Không hổ thẹn, sửa đổi
Các hữu tình như vậy
Không ác nào không tạo.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các hữu tình nào nhận biết nhưng nói dối, càng sinh

lòng hổ thẹn, dốc tâm sửa đổi, ta nói: Hữu tình đó đối với pháp thiện, trắng sạch không điều gì là họ không làm.

Khi ấy Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Biết nhưng cố nói dối
Có tâm hổ thẹn sửa
Các hữu tình như vậy
Không thiện nào không tạo.
Siêng năng, không buông lung
Vâng lời, tu chân chánh
Được Niết-bàn vô thượng
Lìa hẳn các sợ hãi.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có một vị tối thắng, vị đó nếu không xuất hiện ở thế gian thì vô lượng hữu tình sẽ thoái thất Thánh tuệ.

Vị ấy là ai? Đó là Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao? Vì các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không xuất hiện ở thế gian thì không thể nêu giảng về pháp tu Thánh tuệ, nên các hữu tình sẽ thoái thất Thánh tuệ.

Bí-sô nên biết! Các sự thoái thất về thân thuộc, bạn bè, của cải, địa vị, đó là thoái thất nhỏ. Thoái thất về Thánh tuệ là thoái thất lớn. Vì sao? Vì các hữu tình thoái thất Thánh tuệ là ngay nơi pháp hiện tại có nhiều sự lo buồn, sống không an lạc, có tai họa, phiền não, nhiễu loạn. Đời sau luôn luôn chịu khổ và nhiều tai hại nặng nề, bức bách, thường đi trong đường sinh tử, luôn bị đọa nơi địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh, A-tu-la, luôn chịu sinh tử, buồn khổ trong hàng trời, người. Vì sao? Vì do hữu tình kia đối với Thánh tuệ chưa hiểu biết, chưa thông đạt nên luôn sinh tử luân hồi trong sáu đường. Các hữu tình nào chứng được Thánh tuệ thì có thể ra khỏi, ngay khi đó dứt hết cảnh giới khổ. Thế nên các Bí-sô phải học như vầy: Ta phải làm sao để tu tập Thánh tuệ khiến cho không thoái thất. Ta phải làm sao đối với các Thánh tuệ phải hiểu biết, thông đạt. Bí-sô các vị nên học như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Như Lai không xuất hiện
Thế gian các hữu tình
Không ai cứu, che chở
Sẽ thoái thất Thánh tuệ.
Mất bạn, tiền, địa vị

Gọi đó là mất nhỏ
Nếu mất chân Thánh tuệ
Đó gọi là mất lớn.
Ta quán sát thế gian
Mất Thánh tuệ vô thượng
Lưu chuyển trong sinh tử
Thọ những thân danh, sắc.
Ngay trong pháp hiện tại
Chịu khổ, không an vui
Trong vị lai luôn luôn
Bị sinh tử luân hồi.
Ai muốn cầu Thánh tuệ
Đoạn trừ cảnh giới khổ
Nên nguyện chư Như lai
Luôn xuất hiện ở đời.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có một vị Tối thắng, vị đó nếu xuất hiện ở thế gian thì vô lượng hữu tình sẽ tăng trưởng Thánh tuệ. Vị đó là ai? Đó là Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao? Vì nếu các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở thế gian thì có thể nêu giảng về pháp tu Thánh tuệ, làm cho các hữu tình tăng trưởng Thánh tuệ.

Bí-sô nên biết! Các hữu tình tăng trưởng về bà con, bạn bè, tiền của, địa vị, gọi đó là tăng trưởng nhỏ. Tăng trưởng về Thánh tuệ gọi là tăng trưởng lớn. Vì sao? Vì nếu các hữu tình tăng trưởng Thánh tuệ thì ngay trong pháp hiện tại được nhiều sự hỷ lạc, không sống buồn khổ, tai hoạn, phiền não, nhiễu hại, không ở đời sau luôn chịu khổ, chịu nhiều tai hại dữ dội, bức bách, không đi mãi nơi đường sinh tử, không bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la, không chịu sinh tử lo buồn trong hàng trời, người. Vì sao? Vì hữu tình kia ngay nơi Thánh tuệ đã hiểu biết, đã thông đạt, không còn sinh tử, luân hồi nơi sáu đường. Các hữu tình nào chưa tăng trưởng Thánh tuệ thì không thể xa lìa, đoạn trừ các cảnh giới khổ. Thế nên các Bí-sô phải học như vầy: Ta phải tu tập như thế nào để Thánh tuệ tăng trưởng. Ta phải làm sao để hiểu biết, thông đạt các Thánh tuệ? Bí-sô các vị nên học như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Như Lai nếu xuất hiện
Thế gian các hữu tình

Có cứu giúp, nương tựa
Thánh tuệ càng tăng trưởng.
Thêm bạn, của, địa vị
Gọi đó là thêm nhỏ
Thêm được chân Thánh tuệ
Gọi đó là thêm lớn.
Ta quán sát thế gian
Được Thánh tuệ vô thượng
Không trôi lăn sinh tử
Nhất định được Niết-bàn.
Ngay trong pháp hiện tại
Lìa khổ thường an vui
Đời vị lai luôn luôn
Thoát sinh tử luân hồi.
Ai muốn tăng Thánh tuệ
Đoạn ngay cảnh giới khổ
Nên nguyện Phật Thế Tôn
Thường trụ mãi nơi đời.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Thế gian có một pháp, ngay khi sinh trưởng, làm cho các hữu tình ngu si điên đảo dày chắc, cấu uế theo đó tăng lên, nẻo ác thêm dẫy đầy, khiến nhiều chúng sinh tạo những điều không lợi ích, làm những điều không an vui, khiến các đại chúng trời, người nơi thế gian không được nghĩa lợi, tăng thêm buồn khổ.

Một pháp là gì? Đó là tà kiến. Vì sao? Vì do tà kiến nên làm cho các hữu tình ngu si càng tăng thêm điên đảo dày chắc, cấu uế theo đó tăng lên, nẻo ác dẫy đầy, khiến nhiều chúng sinh tạo những điều không lợi ích, làm những điều không an vui, khiến các đại chúng trời, người nơi thế gian không được nghĩa lợi, tăng thêm buồn khổ. Như vậy gọi là thế gian có một pháp, ngay khi phát sinh, làm cho các hữu tình ngu si tăng thêm. Nói rộng ra, cho đến làm cho các đại chúng trời, người nơi thế gian không được nghĩa lợi, tăng thêm buồn khổ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Khi tà kiến phát sinh
Ngu si càng tăng thêm
Và điên đảo dày chắc
Cấu uế theo đó tăng.

Các nẻo ác tràn đầy
Không được những lợi lạc
Tà khiến hại kẻ ngu
Như lửa đốt các vật.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Thế gian có một pháp, ngay khi phát sinh, làm cho các hữu tình tổn giảm ngu si, diệt trừ điên đảo, pháp tịnh theo đó tăng lên, thoát khỏi các nẻo ác, nẻo thiện tràn đầy, giúp cho nhiều chúng sinh tạo được nhiều lợi ích, tăng thêm sự an vui.

Thế nào là một pháp? Đó là chánh kiến. Vì sao? Vì do Chánh kiến nên làm cho các hữu tình tổn giảm ngu si, diệt trừ điên đảo, pháp tịnh theo đó tăng lên, thoát khỏi các nẻo ác, nẻo thiện tràn đầy, giúp cho nhiều chúng sinh tạo được nhiều lợi ích, được nhiều an vui, khiến các đại chúng trời, người nơi thế gian được nhiều lợi ích, tăng thêm sự ưa thích. Như vậy gọi là thế gian có một pháp, ngay khi phát sinh, làm cho các hữu tình tổn giảm ngu si. Nói rộng ra cho đến làm cho các đại chúng trời, người nơi thế gian được lợi ích, tăng thêm an lạc.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Khi chánh kiến phát sinh
Ngu si bị tổn giảm
Và điên đảo trừ diệt
Các pháp tịnh tăng thêm.
Thoát ác, đầy nẻo thiện
Vì có những lợi lạc
Chánh kiến ngay hiện tiền
Mau được vui Niết-bàn.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ta quán sát thế gian, không có một pháp nào xoay chuyển mau chóng như tâm con người. Vì sao? Vì tâm con người đối với cảnh, xoay chuyển rất nhanh chóng. Thế gian, xuất thế gian, không gì có thể ví dụ. Các vị nên giữ tướng của tâm như vậy. Giữ được tướng ấy rồi nên khéo tư duy. Khéo tư duy rồi, nên khéo quán sát, quán sát rồi nên an trụ. An trụ rồi, nếu không biết rõ bên trong có tham dục ràng buộc, các vị lại phải quán sát thật kỹ: "Ta nay bị tham dục ràng buộc bên trong mà không biết ư?"; "Ta nay không bị tham dục ràng buộc bên trong mà không biết ư?" Quán sát thật kỹ rồi, lại nên tác ý tư duy theo một cảnh tướng đáng ưa thích. Tác ý như vậy, khi tư duy theo một cảnh tướng đáng ưa thích, tâm ai

tùy thuận hướng đến sẽ ưa thích cảnh ấy. Nên biết tâm như vậy là tùy thuận theo các dục, trái hẳn với sự xuất ly. Các vị khi ấy nên tự biết rõ: "Ta nay còn có tham dục ràng buộc bên trong, nên không thể biết rõ chứ không phải là không có"; "Ta nay chưa đoạn năm thứ tham dục trói buộc, chỗ chứng ngộ so với trước kia chưa có sai khác!"; "Ta nay vẫn chưa chứng được quả đã tu". Ví như có người chèo thuyền chở nặng đi ngược dòng nước, người ấy bấy giờ phải ra sức dụng công, nếu chỉ lơ là giây lát thì thuyền bè sẽ lập tức bị dòng nước cuốn trôi phăng xuống.

Như vậy, các vị khi tư duy theo một hướng đáng yêu thích. Nếu tâm tùy thuận hướng đến cảnh tướng hỷ lạc ấy, nên biết tâm này tùy thuận theo các dục, trái ngược với sự xuất ly. Khi ấy các vị nên tự biết rõ: "Ta nay còn có tham dục ràng buộc bên mà không thể biết, chứ không phải là không có. Ta nay chưa đoạn trừ năm thứ tham dục trói buộc, chỗ chứng ngộ so với trước kia chưa có sai khác. Ta nay vẫn chưa chứng được quả đã tu." Các vị tác ý, khi tư duy theo một tướng đáng yêu thích, nếu tâm tùy thuận hướng đến hỷ lạc, là tướng xuất ly, nên biết tâm này tùy thuận xuất ly, trái với các dục. Các vị khi ấy nên tự biết rõ: "Ta nay không tham dục trói buộc bên trong, chứ không phải có mà không biết. Ta nay đã đoạn năm thứ dục tham trói buộc, chỗ chứng hiện nay cùng với trước kia có sai khác. Ta nay đã có thể chứng được quả đã tu". Như đem cái lông chim quăng vào trong lửa, lông chim lập tức cháy queo, không có giãn bung ra.

Như vậy, các vị khi tư duy theo một tướng đáng yêu thích, nếu tâm tùy thuận hướng đến tướng hỷ lạc, xuất ly, nên biết tâm này tùy thuận xuất ly, trái ngược với các dục. Khi ấy các vị nên tự biết rõ: "Ta nay không có tham dục ràng buộc bên trong, chứ chẳng phải có mà không biết. Ta nay đã đoạn trừ năm thứ tham dục trói buộc, chỗ chứng hiện nay cùng với trước kia có sai khác. Ta nay đã có thể chứng được quả đã tu". Thế nên các vị nên học như vầy: "Ta nay phải khéo chuyển tâm mình như thế nào khiến nó được điều phục, trái hẳn với các dục, tùy thuận xuất ly". Bí-sô các vị nên học như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Không có một pháp nào
Tánh luôn động như tâm
Khó điều ngự, khó ngăn
Thế Tôn đã dạy rõ.
Ví như người có trí
Đem lửa và dụng cụ

Uốn mũi tên cho thẳng
Làm bắn trúng nơi xa.
Như vậy các Bí-sô
Nên khéo học phương tiện
Điều phục tâm tánh mình
Khiến mau chứng Niết-bàn.
Bài kệ tóm tắt phần kinh Bản Sự trước:
Tu từ, tu hai duyên
Thí, phạm giới, trì giới
Hai vọng, hai Thánh tuệ
Tâm tà kiến, chánh kiến.

-oOo-

KINH BẢN SỰ

QUYỂN 3

Phẩm 2: HAI PHÁP (PHẦN 1)

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Bí-sô nào có đủ hai pháp thì ngay nơi pháp hiện tại bị nhiều sự buồn khổ, sống không hỷ lạc, có tai ương, hoạn nạn, phiền não nhiễu loạn, có tội đáng trách, bị các bạn đồng phạm hạnh chê bỏ, sau khi qua đời sinh vào các nẻo ác.

Hai pháp đó là:

1. Đối với các căn môn không thể giữ gìn.

2. Đối với việc ăn uống không biết đủ.

Các Bí-sô nào gây tạo hai phần này thì ngay nơi pháp hiện tại bị nhiều sự buồn khổ, sống không hỷ lạc, có tai ương, hoạn nạn, phiền não, nhiễu loạn, có tội đáng trách, bị các bạn đồng phạm hạnh chê bỏ, sau khi qua đời sinh trong các nẻo ác.

Khi ấy Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ai không thể giữ gìn
Sáu căn môn như mắt…
Ăn uống không biết đủ
Thành bất tín, biếng trễ,
Người ấy ngay hiện tại
Thân tâm chịu nhiều khổ
Tai ương và hoạn nạn
Phiền não cùng nhiễu loạn.
Đi, đứng và ngồi, nằm
Đang thức hay trong mộng
Do hai nhân duyên kia
Thường có tội bị trách.
Nơi xóm làng đồng trống
Trong chúng và chỗ vắng
Người trí thường chê bỏ

Sẽ sinh trong nẻo ác.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Bí-sô nào thành tựu hai phần thì ngay nơi pháp hiện tại được nhiều sự hỷ lạc, sống không lo buồn, không tai ương, hoạn nạn, không phiền não, nhiễu hại, không tội, không bị quở trách, được các bạn đồng phạm hạnh có trí khen ngợi, sau khi qua đời được sinh trong các nẻo thiện. Hai phần đó là:

1. Đối với các căn môn thường tự giữ gìn.

2. Đối với việc ăn uống tự biết đủ.

Các Bí-sô nào thành tựu hai phần này thì ngay nơi pháp hiện tại được nhiều sự hỷ lạc, sống không lo buồn, không tai ương, hoạn nạn, không phiền não, nhiễu hại, không tội không bị quở trách, được các bạn đồng phạm hạnh có trí khen ngợi. Sau khi qua đời được sinh trong các nẻo thiện.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ai luôn tự giữ gìn
Sáu căn môn như mắt…
Uống ăn thường biết đủ
Thành tựu tín tinh tấn.
Ngay trong pháp hiện tại
Thân tâm thường an vui
Không tai ương, hoạn nạn
Không phiền não, nhiễu hại.
Đứng, đi và ngồi, nằm
Đang thức hay trong mộng
Do hai nhân duyên kia
Không tội, không bị trách.
Nơi xóm làng đồng trống
Trong chúng hay chỗ vắng
Người trí thường khen ngợi
Sẽ sinh trong nẻo thiện.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có hai loại pháp hay sinh lo buồn. Hai pháp đó là: Có một hạng người chỉ tạo điều ác, chỉ làm việc hung dữ, chỉ phát sinh những tạp uế, không tu các điều lành, không học tập hòa thuận, không cứu giúp người sợ hãi. Trong thời gian sau, thân người đó mắc bệnh nặng pháp sinh cùng khắp cơ thể, đau đớn vô cùng, tổn hại sắp chết, không thể chữa trị. Khi chịu khổ như vậy nên họ rên rỉ, than oán: "Ta từ xưa đến nay chỉ

tạo những điều ác, chỉ làm những việc hung dữ, chỉ phát sinh tạp uế, không tu những việc lành, không học tập hòa thuận, không cứu giúp người sợ hãi. Những người chỉ tạo các điều ác, chỉ làm những việc hung dữ, chỉ phát sinh tạp uế, không tu các điều lành, không học tập hòa thuận, không cứu giúp người sợ hãi thì chỗ người đó hướng tới, ta nhất định cũng sẽ đi đến". Người kia do chỉ tạo các điều ác… nên tâm lo buồn, khổ não và do không tu các điều lành… nên tâm lo buồn khổ não. Như vậy gọi là có hai loại pháp hay phát sinh lo buồn khổ não.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Có hai pháp phát sinh
Người ngu luôn lo buồn
Do chỉ tạo nghiệp ác
Không tu nhân phước đức.
Về sau gặp bệnh khổ
Rên rỉ và than oán
Hối bị tội không phước
Tâm lo buồn ăn năn.
Người có tội không phước
Sẽ sinh các nẻo ác
Ta cũng sinh đến đó
Nhất định không nghi ngờ.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có hai loại pháp khiến tâm không lo buồn. Hai pháp đó là:

Có một hạng người chỉ lo tu các điều lành, chỉ học tập hòa thuận, chỉ cứu giúp người sợ hãi, không tạo các điều ác, không làm việc hung dữ, không phát sinh các tạp uế. Vị đó trong thời gian sau, thân mắc bệnh nặng phát sinh cùng khắp cơ thể, đau đớn mãnh liệt, tổn hại sắp chết, không thể chữa trị. Khi chịu khổ như vậy, vị này tuy có rên rỉ nhưng không than oán và nghĩ: "Ta từ xưa đến nay chỉ tu các điều lành, chỉ học tập hòa thuận, chỉ cứu giúp người sợ hãi, không tạo các việc ác, không làm các điều hung dữ, không phát sinh các tạp uế. Các hữu tình nào chỉ tu các điều lành, chỉ học tập hòa thuận, chỉ cứu giúp người sợ hãi, không tạo các việc ác, không làm điều hung dữ, không phát sinh các tạp uế thì chỗ người kia sinh đến, ta nhất định cũng sẽ sinh tới đó". Người kia do chỉ tu các điều lành… nên tâm không lo buồn và do không tạo các điều ác… nên tâm không lo buồn. Như vậy gọi là có hai pháp tâm không lo buồn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Có hai pháp phát sinh
Người trí luôn hoan hỷ
Là chỉ tu phước đức
Và không tạo tội lỗi.
Về sau gặp bệnh khổ
Rên rỉ không than oán
Mừng có phước không tội
Không lo buồn ăn năn.
Người có phước không tội
Sinh trong các nẻo thiện
Ta cũng sinh đến đó
Nhất định không nghi ngờ.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ta vì các ông lược nêu hai hạnh mau chứng đắc. Hai hạnh đó là:

1. Hạnh lạc.

2. Hạnh khổ.

Nghĩa là do hạnh lạc mau chứng đắc và do hạnh khổ mau chứng đắc. Chỗ tu tập gia hạnh không bị trở ngại, các căn đều được lanh lợi, vì thế gọi đó là mau chứng đắc do hạnh lạc. Chỗ tu tập gia hạnh có trở ngại, nên các căn đều đạt được lanh lợi, nên gọi đó là mau chứng đắc do hạnh khổ. Đây gọi là lược nêu hai hạnh mau chứng đắc.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Vì các ông lược nêu
Hai hạnh mau chứng đắc
Là hạnh lạc, hạnh khổ
Do đó mau chứng đắc.
Gia hạnh không trở ngại
Các căn đều lanh lợi
Do đấy Đức Thế Tôn
Gọi lạc, mau chứng đắc.
Gia hạnh bị trở ngại
Các căn đều lanh lợi
Do đấy Đức Thế Tôn
Gọi khổ, mau chứng đắc.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ta vì các ông lược nêu hai hạnh lâu chứng đắc. Hai hạnh đó là:

1. Hạnh lạc.

2. Hạnh khổ.

Nghĩa là do hạnh lạc lâu chứng đắc và do hạnh khổ lâu chứng đắc. Chỗ tu tập gia hạnh không bị trở ngại, nên các căn đạt được đều chậm lụt, tức gọi đó là lâu chứng đắc do hạnh lạc. Chỗ tu tập gia hạnh bị trở ngại, nên các căn đạt được đều chậm lụt, tức gọi đó là lâu chứng đắc do hạnh khổ. Đây gọi là lược nêu hai hạnh lâu chứng đắc.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Vì các ông lược thuyết
Hai hạnh lâu chứng đắc
Là hạnh lạc, hạnh khổ
Do đấy lâu chứng đắc.
Gia hạnh không trở ngại
Các căn đều chậm lụt
Do đấy Đức Thế Tôn
Gọi lạc, lâu chứng đắc.
Gia hạnh có trở ngại
Các căn đều chậm lụt
Do đấy Đức Thế Tôn
Gọi khổ, lâu chứng đắc.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Người nào gây tạo hai pháp này thì không thể phát sinh pháp thiện trắng sạch. Giả sử đã phát sinh thì không thể bền chắc. Giả sử đã bền chắc thì không thể viên mãn. Người kia đối với pháp thiện trắng sạch như vậy thường bị trở ngại, thường bị suy tôn, thường sinh hối hận. Sau khi qua đời, như trút bỏ gánh nặng, đọa trong địa ngục, chịu các sự đau khổ dữ dội. Hai pháp đó là:

1. Giới ác.

2. Kiến ác.

Người nào gây tạo hai pháp như đã nói, người ấy nhất định không thể phát sinh pháp thiện trắng sạch. Giả sử đã phát sinh, không thể bền chắc. Nói rộng, cho đến sau khi qua đời như trút bỏ gánh nặng, đọa trong địa ngục, chịu các sự đau khổ dữ dội.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ai gây tạo hai pháp

Giới ác và kiến ác
Người đó không thể nào
Sinh pháp thiện trắng sạch.
Dẫu sinh nhưng không bền
Dẫu bền không viên mãn
Nơi pháp thiện trắng sạch
Bị suy tổn chướng ngại.
Người kia lúc lâm chung
Ăn năn và buồn khổ
Như trút bỏ gánh nặng
Nhất định sinh địa ngục.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Người nào thành tựu hai pháp này thì chắc chắn phát sinh pháp thiện trắng sạch; nếu trước đó phát sinh thì làm cho bền chắc; nếu đã bền chắc thì làm cho viên mãn. Người đó đối với pháp thiện trắng sạch không bị chướng ngại, không bị suy, không sinh lo buồn. Sau khi qua đời như trút bỏ gánh nặng, sinh lên cõi trời, nhận các sự an vui. Hai pháp đó là:

1. Giới thiện.

2. Kiến thiện.

Người nào thành tựu hai pháp như đã nói thì nhất định phát sinh pháp thiện trắng sạch, nếu trước đó phát sinh rồi thì làm cho bền chắc. Nói rộng cho đến sau khi qua đời trút bỏ gánh nặng, được sinh lên cõi trời, nhận các sự an vui.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ai thành tựu hai pháp
Giới thiện và kiến thiện
Người đó sẽ nhất định
Sinh pháp thiện trắng sạch.
Đã sinh sẽ bền chắc
Nhất định được viên mãn
Nơi pháp thiện trắng sạch
Không suy tổn chướng ngại.
Người kia khi lâm chung
Không lo buồn khổ não
Như vứt bỏ gánh nặng
Nhất định sinh cõi trời.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Người nào gây tạo hai pháp thì khi sắp lâm chung hay sinh lòng lo buồn, sau khi qua đời bị đọa nơi các nẻo ác, sinh trong địa ngục. Hai pháp đó là làm và không làm.

Thế nào là làm? Nghĩa là thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Đó là làm.

Thế nào là không làm? Nghĩa là thân không làm việc thiện, miệng không nói lời thiện, ý không nghĩ điều thiện. Đó gọi là không làm.

Người nào gây tạo hai pháp như đã nói thì khi lâm chung hay sinh lòng lo buồn, sau khi qua đời bị đọa nơi các nẻo ác, sinh trong địa ngục.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Có những người ngu si
Luôn tạo ba hạnh ác
Không tạo ba hạnh lành
Dẫn đến sinh nhiều lỗi.
Người kia khi lâm chung
Nhất định sẽ lo buồn
Chết đọa các nẻo ác
Sinh trong chốn địa ngục.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Người nào thành tựu hai pháp thì lúc lâm chung không sinh lo buồn, sau khi qua đời thẳng lên nẻo thiện, sinh lên cõi trời. Hai pháp đó là làm và không làm.

Thế nào là làm? Nghĩa là thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện. Đó là làm.

Thế nào là không làm? Nghĩa là thân không làm việc ác, miệng không nói lời ác, ý không nghĩ điều ác. Đó gọi là không làm.

Người nào thành tựu hai pháp như đã nói thì lúc lâm chung không sinh lòng lo buồn, sau khi qua đời thẳng lên nẻo thiện, sinh lên cõi trời.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Những người có trí tuệ
Thường làm ba hạnh thiện
Không tạo ba hạnh ác
Dẫn đến đức phát sinh.
Khi thọ mạng sắp hết
Nhất định không lo buồn

Qua đời, lên nẻo thiện
Sinh ngay trong cõi Trời.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có hai diệu trí nên tu tập và làm cho phát sinh, sẽ thường chứng đắc điều chưa chứng đắc, thông điều chưa thông, chứng điều chưa chứng, vượt khỏi ưu sầu, diệt hết khổ não, hội nhập chánh lý, đạt cam lồ, chứng đắc Niết-bàn. Hai pháp đó là:

1. Pháp trí.

2. Loại trí.

Khi Pháp trí phát sinh thì không còn điên đảo, biết khắp rõ các pháp hữu vi. Đối với pháp hữu vi đã biết rõ khắp rồi thì làm cho người kia đối với nhân của đời sau không thể phát sinh cùng tăng trưởng rộng lớn.

Khi Loại trí phát sinh thì có thể như đoạn diệt vô minh. Diệt vô minh nên không còn hý luận. Không còn hý luận nên không tầm, từ. Không tầm, từ nên không dục lạc. Không dục lạc nên không yêu ghét. Không yêu ghét nên không keo kiệt, ganh ghét. Không keo kiệt, ganh ghét nên không còn những việc cầm nắm dao gậy đánh đập, làm tổn hại và mắng nhiếc lẫn nhau. Không nói những lời không chân thật, những lời ly gián nhau, những lời nhơ nhớp cùng vô lượng pháp ác, bất thiện khác. Do không có những pháp ác, bất thiện khác nên nghiệp đưa đến đời sau không tăng trưởng. Khi nghiệp đưa đến đời sau không tăng trưởng thì các nghiệp diệt tận. Các khổ diệt tận nên chấm dứt đường sinh tử. Đường sinh tử đã chấm dứt thì tự thấu tỏ: Sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Như vậy gọi là có hai Diệu trí phải tu tập làm cho phát sinh, sẽ thường chứng đắc điều chưa chứng đắc, chứng điều chưa chứng, vượt khỏi ưu sầu, diệt hết khổ não, hội nhập chánh lý, đạt cam lồ, chứng đắc Niết-bàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Có hai loại Diệu trí
Tu tập cho phát sinh
Chứng được đều chưa chứng
Là Pháp trí, Loại trí.
Khi Pháp trí phát sinh
Biết khắp pháp hữu vi
Làm cho đời vị lai
Không tăng nhân tái sinh.
Khi Loại trí phát sinh

Vô minh liền đoạn diệt
Do đấy sẽ lần lượt
Dứt sinh tử luân hồi.
Tự biết sinh đã dứt
Và phạm hạnh đã lập
Việc đáng làm đã làm
Không còn tái sinh nữa.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có hai loại Diệu trí nên suy xét đúng đắn, nên lường tính kỹ, quán sát kỹ thì có thể đắc điều chưa đắc, thông điều chưa thông, chứng điều chưa chứng, vượt khỏi ưu sầu, diệt hết khổ não, hội nhập chánh, đạt cam lồ, chứng đắc Niết-bàn. Hai trí đó là Trí thế gian và Trí xuất thế gian.

Trí thế gian là đối với sắc uẩn có thể nhận biết đúng đắn đây là sắc uẩn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức uẩn cũng như vậy. Đối với địa giới có thể nhận biết đúng đắn đây là địa giới. Đối với thủy, hỏa, phong và không, thức giới cũng như vậy. Đối với nhãn giới có thể nhận biết đúng đắn đây là nhãn giới. Đối với sắc giới và nhãn thức giới cũng vậy. Đối với nhĩ giới có thể nhận biết đúng đắn đây là nhĩ giới. Đối với thanh giới và nhĩ thức giới cũng như vậy. Đối với tỷ giới có thể nhận biết đúng đắn đây là tỷ giới. Đối với hương giới và tỷ thức giới cũng như vậy. Đối với thiệt giới có thể nhận biết đúng đắn đây là thiệt giới. Đối với vị giới và thiệt thức giới cũng như vậy. Đối với thân giới có thể nhận biết đúng đắn đây là thân giới. Đối với xúc giới và thân thức giới cũng như vậy. Đối với ý giới có thể nhận biết đúng đắn đây là ý giới. Đối với pháp giới và ý thức giới cũng như vậy. Trong các thế tục như vậy cũng nhận biết đúng như thật là như vậy, như vậy… Với trí kiến nơi thông tuệ hiện quán và giác ngộ, tất cả chiếu soi cùng khắp thì gọi đó là Trí thế gian. Các Thánh đệ tử đối với Trí thế gian đã nói này, nên suy xét đúng đắn, nên lường tính kỹ, quán sát kỹ Trí thế gian này ngay trong khi tu tập thí có thể làm cho hữu tình bị pháp sinh kia thoát hẳn sinh không? Có thể làm cho hữu tình bị pháp lão kia thoát hẳn lão không? Pháp bệnh, tử, ưu sầu, khổ não, không an ổn cũng như vậy? Sau khi xét kỹ rồi thì có thể nhận biết đúng đắn Trí thế gian này ngay khi tu tập có thể làm cho hữu tình bị pháp sinh kia thoát hẳn sinh, không thể làm cho hữu tình bị pháp lão kia thoát hẳn lão. Pháp bệnh, tử, sầu ưu, khổ não, không an ổn cũng như vậy. Vì sao? Vì Trí thế gian này không phải là pháp của Hiền thánh, không thể thoát khỏi hẳn, không thể hướng đến Niết-bàn,

không thể nhàm chán hẳn, lìa bỏ hẳn, diệt trừ hẳn, không thể hoàn toàn vắng lặng, không thể thông tuệ đích thực, không phải Chánh đẳng giác, không thể chứng Niết-bàn. Vì đó là pháp đưa đến sinh, là pháp đưa đến lão, bệnh, tử, ưu sầu, khổ não không an ổn. Người kia đối với pháp như vậy nên suy xét, quán sát, lường tính kỹ, đối với pháp thế gian sinh ra tư tưởng sợ hãi. Đối với pháp xuất thế sinh ra tư tưởng an ổn. Do đối với pháp thế gian sinh tưởng sợ hãi nên hoàn toàn không chấp thọ. Do không chấp thọ nên không khát ái. Không khát ái nên tự chứng Niết-bàn cứu cánh tận cùng bên trong. Chứng Niết-bàn xong, tự nhận biết rõ: Sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Đó gọi là đối với Trí thế gian này nên suy xét đúng đắn, nên lường tính kỹ, quán sát kỹ.

Trí xuất thế gian nghĩa là đối với tất cả uẩn xứ giới có thể nhận biết đúng đắn các pháp này là tánh vô thường, tánh khổ, tánh bệnh, tánh ung nhọt, tánh như mũi tên, tánh phiền não, tánh độc hại, tánh sợ hãi, tánh nhiệt não, tánh phá hoại, tánh tiêu diệt, tánh tai nạn, tánh ngang ngạnh, tánh bệnh tật, tánh hư huyễn, tánh nguy tạo, tánh trống rỗng, tánh hư vọng, tánh không có thật ngã, tánh khó tin tưởng. Đối với tánh các pháp như vậy cũng nhận biết đúng như thật là như vậy, như vậy. Với trí kiến, thông tuệ, hiện quán và giác ngộ, tất cả chiếu soi cùng khắp, thì gọi đó là Trí xuất thế. Các Thánh đệ tử đối với Trí xuất thế đã nói này, nên suy xét đúng đắn, nên lường tính kỹ, quán sát kỹ về Trí xuất thế này ngay trong khi tu tập thì có thể làm cho hữu tình bị pháp sinh kia có thể thoát hẳn sinh không? Có thể làm cho hữu tình bị pháp lão kia có thể thoát hẳn lão không? Pháp bệnh, tử, ưu sầu, khổ não, không yên ổn, cũng như vậy? Sau khi xét kỹ rồi thì có thể nhận biết đúng đắn Trí xuất thế này ngay trong khi tu tập, nhất định có thể làm cho hữu tình bị pháp sinh kia thoát hẳn sinh. Nhất định làm cho hữu tình bị pháp lão kia thoát hẳn lão, pháp bệnh, tử, ưu sầu, khổ não, không an ổn cũng như vậy. Vì sao? Vì Trí xuất thế này là pháp của Hiền thánh, là có thể ra khỏi hẳn, là thẳng đến Niết-bàn, là nhàm chán hẳn, xa lìa hẳn, diệt trừ hẳn, hoàn toàn vắng lặng, là thông tuệ đích thực, là Chánh đẳng giác, có thể chứng Niết-bàn, không phải là pháp đưa đến sinh, lão, bệnh, tử, ưu sầu, khổ não không an ổn. Người kia đối với pháp như vậy khi suy xét, lường tính quán sát kỹ, đối với pháp xuất thế sinh tưởng tôn quý, đối với pháp thế gian sinh tưởng thấp kém. Đối với pháp xuất thế sinh tưởng tôn quý nên sinh hoan hỷ. Do hoan hỷ nên tâm người đó an vui. Tâm an vui nên thân được nhẹ nhàng. Thân nhẹ nhàng nên cảm thọ sự hỷ lạc. Cảm thọ hỷ lạc nên tâm được tịch định. Tâm tịch định nên tri kiến đúng đắn. Tri kiến đúng

đắn nên càng nhàm chán chối từ. Càng nhàm chán, chối từ nên ngay khi ấy lìa tham dục. Lìa tham dục nên được giải thoát. Được giải thoát nên tự nhận biết rõ: Sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không con tái sinh nữa. Đó gọi là đối với Trí xuất thế này nên suy nghĩ đúng đắn, nên lường tính kỹ, quán sát kỹ.

Như vậy gọi là có hai loại Diệu trí nên suy xét đúng đắn, nên lường tính kỹ, quán sát kỹ thì có thể đắc điều chưa đắc, thông điều chưa thông, chứng điều chưa chứng điều chưa chứng. Có thể vượt khỏi ưu sầu, diệt hết khổ não, hội nhập chánh lý, đạt cam lồ, chứng đắc Niết-bàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Có hai loại Diệu trí
Người trí nên suy xét
Là thế và xuất thế
Diệt trừ ngay các khổ.
Quán sát Trí thế gian
Phát sinh tưởng sợ hãi
Hoàn toàn không chấp giữ
Lần lượt chứng Niết-bàn.
Quán sát Trí xuất thế
Phát sinh tưởng tôn quý
Do đấy sinh hoan hỷ
Liền được thân khinh an.
Khinh an nên hỷ lạc
Hỷ lạc nên tâm định
Do tâm được tịch định
Liền phát sinh giác chi.
Giác chi quán Thánh đế
Lược nghi được trừ diệt
Không nghi, không chấp giữ
Thoát hẳn cảnh giới khổ.

Bài kệ tóm tắt phần kinh Bản Sự ở trước:

Hai căn, hai tiêu não
Hai hạnh, hai giới, kiến
Hai làm và chẳng làm
Hai trí có hai loại.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Bí-sô nào vì muốn dối gạt các chúng sinh vì cầu danh

tiếng, phóng đại chỗ hiểu biết của mình, cầu lợi dưỡng và sự cung kính mà xuất gia thì Bí-sô ấy không được gọi là xuất gia chân thật, ở trong giáo pháp của Như Lai tu hành phạm hạnh. Bí-sô nào mà thông đạt, vì biết khắp mà xuất gia thì gọi đó là xuất gia chân thật, ở trong giáo pháp của Như Lai tu hành phạm hạnh. Vì sao? Vì các Bí-sô này do thông đạt, biết khắp nếu sau khi xuất gia tức có thể thông tỏ đúng như thật về chỗ thông đạt, nhận biết về chỗ biết khắp. Đã có thể thông tỏ đúng như thật về chỗ thông đạt, nhận biết về chỗ biết khắp thì có thể đoạn trừ đúng như thật về chỗ nên đoạn trừ, tu chỗ nên tu, chứng pháp nên chứng. Đã có thể đoạn, tu và chứng đúng như thật rồi thì tự thấu rõ: Sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Thế nên người nào đã thông đạt, biết khắp mà xuất gia chân thật, ở trong giáo pháp của Như Lai mà tu hành phạm hạnh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Vì danh tiếng dối gạt
Lợi dưỡng và cung kính
Chẳng phải chân phạm hạnh
Là xuất gia giả dối.
Vì thông đạt, biết khắp
Mau chứng đắc tối thượng
Tu phạm hạnh chân thật
Là xuất gia chân thật.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Bí-sô nào vì muốn dối gạt các chúng sinh, vì cầu danh tiếng, phóng đại chỗ hiểu biết của mình, vì cầu lợi dưỡng mà cung kính xuất gia, thì Bí-sô đó không được gọi là xuất gia chân thật, ở trong giáo pháp của Như Lai tu hanh phạm hạnh. Bí-sô nào vì luật nghi, vì chánh đoạn mà xuất gia, thì gọi đó là xuất gia chân thật, ở trong giáo pháp của Như Lai tu hành phạm hạnh. Vì sao? Vì các Bí-sô này do luật nghi, do chánh đoạn mà xuất gia, nên sau khi xuất gia xong, có thể giữ gìn đúng như thật về sáu căn, không phá hủy giới cấm mau chóng chứng đắc chánh đoạn tối thượng. Đã có thể giữ gìn đúng như thật về sáu căn, phá hủy giới cấm và mau chứng đắc chánh đoạn vô thượng thì lập tức có thể đoạn trừ đúng như thật điều nên đoạn trừ, tu điều nên tu, chứng điều nên chứng. Đã có thể đoạn, tu, chứng rồi thì tự thấu rõ: Sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Thế nên, Bí-sô nào vì luật nghi, vì chánh đoạn mà xuất gia thì gọi đó là xuất gia chân thật, ở trong

giáo pháp của Như Lai tu hành phạm hạnh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Vì danh tiếng dối trá
Lợi dưỡng và cung kính
Chẳng phải chân phạm hạnh
Là xuất gia giả dối
Vì luật nghi, chánh đoạn
Mau chứng đắc tối thượng
Tu phạm hạnh chân thật
Là xuất gia chân thật.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Bí-sô vì muốn lừa gạt chúng sinh, vì cầu danh tiếng phóng đại chỗ hiểu biết của mình, vì cầu lợi dưỡng và sự cung kính mà xuất gia, thì Bí-sô ấy không được gọi là xuất gia chân thật, ở trong giáo pháp của Như Lai tu hành phạm hạnh. Bí-sô nào vì nhàm chán, vì lìa dục mà xuất gia thì gọi đó là xuất gia chân thật, ở trong giáo pháp Như Lai tu hành phạm hạnh. Vì sao? Vì các Bí-sô này, do nhàm chán, do lìa dục mà xuất gia nên sau khi xuất gia xong, có thể nhàm chán đúng như thật, ly dục. Ly dục xong, liền được giải thoát. Giải thoát xong, tự nhận biết sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Thế nên Bí-sô nào vì nhàm chán, vì ly dục mà xuất gia thì gọi đó là xuất gia chân thật, ở trong giáo pháp của Như Lai tu hành phạm hạnh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Vì danh tiếng dối trá
Lợi dưỡng và cung kính
Chẳng phải chân phạm hạnh
Là xuất gia giả dối.
Là nhàm chán, ly dục
Mau chứng nghĩa tối thượng
Chân thật tu phạm hạnh
Là xuất gia chân thật.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Tất cả pháp môn do các Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác thuyết giảng, lược có hai loại. Đó là:

1. Đối với điều ác phải biết rõ, đúng.

2. Đối với điều ác càng phải nhàm chán.

Tất cả pháp môn do các Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác

thuyết giảng lược có hai loại như vậy. Vì sao? Vì những người tu hành đối với các pháp ác phải nhận biết đúng đắn. Đối với các pháp ác đã nhận biết đúng đắn rồi thì nhàm chán, đã nhàm chán thì ly dục. Đã ly dục thì giải thoát. Đã giải thoát thì tự thấu rõ: Sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Người tu hành như vậy, đoạn hẳn các ái dục và các thứ trói buộc, hiện quán một cách đúng đắn, chấm dứt cảnh khổ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Nên biết chư Như Lai
Bậc Ứng Chánh Đẳng Giác
Thương xót khắp quần sinh
Thuyết giảng hai pháp môn.
Biết rõ các điều ác
Nhàm chán và ly dục
Được giải thoát tự tại
Chấm dứt cảnh giới khổ.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có hai loại pháp, ai tu tập, tu tập thường xuyên thì có thể đoạn trừ được hai pháp.

Hai pháp gì mà tu tập, tu tập thường xuyên thì có thể đoạn trừ hai pháp? Đó là quán Bất tịnh và quán Từ bi, có thể đoạn trừ tham dục và sân hận. Vì sao? Vì tất cả việc đã tham, đang tham, sẽ tham đều do tác y tư duy về tướng tịnh. Tất cả việc đã sân, đang sân, sẽ sân đều do tác ý tư duy về tướng oán. Tất cả tham dục hiện có đã đoạn, đang đoạn, sẽ đoạn đều do tác ý tu quán Bất tịnh. Tất cả sân hận hiện có, đã đoạn, đang đoạn, sẽ đoạn đều do tác ý tu Từ bi quán. Đối với quán Bất tịnh, ai tu tập, tu tập thường xuyên thì nhất định đoạn được tất cả tham dục. Đối với quán Từ bi, ai tu tập, tu tập thường xuyên thì nhất định đoạn được tất cả sân hận. Ai muốn quyết định đoạn trừ tham dục thì phải siêng năng tu tập quán Bất tịnh. Ai muốn quyết định đoạn trừ sân hận thì phải siêng năng tinh tấn tu quán Từ bi. Tu quán Bất tịnh thì không có tham dục nào là không thể đoạn được. Tu quán Từ bi thì không có sân hận nào là không thể đoạn được.

Như vậy gọi là có hai loại pháp, ai tu tập, tu tập thường xuyên thì có thể đoạn được hai pháp.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Tu tập, siêng tu tập
Hai pháp đoạn hai pháp

Bất tịnh đoạn tham dục
Từ bi đoạn sân hận.
Thế nên người có trí
Quán sát để tự lợi
Tu Bất tịnh, Từ bi
Đoạn tham dục, sân hận.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Cảnh giới Niết-bàn lược có hai loại, đó là:

1. Cảnh giới Niết-bàn Hữu dư y.

2. Cảnh giới Niết-bàn Vô dư y.

Thế nào là cảnh giới Niết-bàn Hữu dư y? Nghĩa là các Bí-sô đắc quả A-la-hán, các lậu đã sạch, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, đã xả bỏ gánh nặng, đã tự đạt mục đích, đã sạch các kết sử, đã nhận biết đúng đắn, tâm giải thoát hoàn toàn, đã được biết khắp. Do nghiệp đời trước làm duyên đưa đến các căn nên còn tiếp tục sống. Tuy các căn hoạt động đang tiếp xúc với vô số cảnh giới tốt, xấu nhưng luôn luôn nhàm chán, xả bỏ, không chấp trước gì cả, không bị sự trói buộc của yêu, ghét vì đã đoạn hẳn tất cả yêu, ghét… Cho nên người đó, đối với các sắc khi muốn thấy, tuy dùng sắc quán sát chúng nên không pháp sinh tham, sân, si… Tuy có mắt và có tốt xấu, nhưng không tham dục cũng không sân hận. Vì sao? Vì đã đoạn hẳn sự trói buộc của yêu, ghét. Người kia đối với các âm thanh khi muốn nghe, tuy dùng tai để nghe chúng nhưng không phát sinh tham, sân, si… Tuy có tai và âm thanh hay dở, nhưng không tham dục, cũng không sân hận. Vì sao? Vì đã đoạn trừ trói buộc của yêu ghét… Người kia đối với các hương không muốn ngửi, tuy dùng mũi ngửi chúng, nhưng không phát sinh tham, sân, si… Tuy có mũi và có hương thơm, mùi hôi, nhưng không tham dục, cũng không sân giận. Vì sao? Vì đã đoạn trừ hẳn sự trói buộc của yêu, ghét… Người kia đối với các vị khi muốn nếm, tuy dùng lưỡi để nếm chúng nhưng không sinh tham, sân, si… Tuy có lưỡi và vị ngon, dở, nhưng không tham dục, cũng không sân hận. Vì sao? Vì đã đoạn trừ hẳn sự trói buộc của yêu, ghét. Người kia đối với các xúc, khi muốn va chạm, tuy dùng thân để tiếp xúc chúng nhưng không phát sinh tham, sân, si… Tuy có thân và có xúc vừa ý, không vừa ý, nhưng không tham dục, cũng không sân hận. Vì sao? Vì đã đoạn trừ hẳn sự trói buộc của yêu, ghét. Người kia khi muốn đối với các pháp, khi muốn biết, tuy dùng ý để biết các pháp, nhưng không phát sinh tham, sân, si… Lìa các tham dục, chứng đắc Niết-bàn, hoàn toàn vắng lặng, nên nghĩ thế này: "Đức Thế Tôn vì những chúng sinh

có sự sợ hãi kia, vì những người thường bị đoạn kiến trói buộc kia khiến họ nhận biết nghiệp quả không hư mất. Chánh pháp được thuyết giảng, giải thoát ngay nơi hiện tại, đúng lúc và có thể chứng đắc được, có lợi ích, người trí tự chứng, là pháp chân thật để đối trị với thế gian, có thể diệt trừ được tâm kiêu mạn, khát ái, tổn hại cho chúng sinh, chấm dứt các đường luân hồi, chứng tánh chân không, lìa các tham dục, chứng đắc Niết-bàn tịch diệt rốt ráo". Như vậy gọi là người có Tuệ nhãn, có thể quán sát đúng đắn. Như vậy gọi là hai thứ trói buộc nên làm cho các hàng trời, người, một loại thì khiếp nhược, một loại lại dũng mãnh. Người có Tuệ nhãn có thể quán xét đúng đắn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Do hai thứ trói buộc
Khiến các chúng trời, người
Một loại sinh khiếp nhược
Một loại lại dũng mãnh.
Thanh văn có Tuệ nhãn
Luôn quán sát như thật
Chán lìa trừ được mạn
Chứng Niết-bàn viên mãn.
Lại nhận biết như thật
Chánh pháp Phật giảng dạy
Diệt đoạn kiến, thường kiến
Hai ái không còn gì.
Long vương có Tuệ nhãn
Rưới mưa pháp cùng khắp
Diệt các lửa phiền não
Được mát mẻ hoàn toàn.

Tuy có ý và pháp tốt xấu nhưng không tham dục, cũng không sân hận. Vì sao? Vì đã đoạn trừ hẳn sự trói buộc của ái, sân, cho đến người đó vẫn tiếp tục sống ở thế gian chưa Bát-niết-bàn, thường được hàng trời, người chiêm ngưỡng, lễ bái, cung kính, cúng dường. Đó gọi là cảnh giới Niết-bàn Hữu dư y.

Thế nào là cảnh giới Niết-bàn Vô dư y? Nghĩa là các Bí-sô đắc quả A-la-hán, các lậu đã sạch, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, đã trút bỏ gánh nặng, đã đạt đến mục đích, đã hết hữu kết, đã nhận biết đúng đắn, đã giải thoát hoàn toàn, đã được biết khắp. Người đó ngay khi ấy tất cả những gì đã cảm thọ không làm nhân để đưa đến ái, nên không

còn mong cầu, diệt hẳn tất cả, nên hoàn toàn vắng lặng, hoàn toàn mát mẻ, nên ẩn mất không còn hiện nữa. Chỉ do thanh tịnh, thể của nó là không hý luận. Sự thanh tịnh này, thể của nó hoàn toàn vượt khỏi hý luận, nên không thể gọi đó là có, không thể gọi là không, không thể gọi là cũng vừa có, cũng vừa không, không thể gọi là cũng không có, cũng không không. Chỉ có thể nói rằng: Niết-bàn cứu cánh là không thể nêu bày. Đó gọi là cảnh giới Niết-bàn Vô dư y.

Bí-sô nên biết! Như vậy gọi là lược nêu về Niết-bàn có hai loại.

Khi ấy Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Lậu hết tâm giải thoát
Duy trì thân sau cùng
Gọi Niết-bàn hữu dư
Các hành còn tiếp nối.
Các thọ đã diệt xong
Như nước trong mát mẻ
Gọi Niết-bàn vô dư
Ở ngoài sự bàn luận.
Hai thứ Niết-bàn này
Tối thượng, không đâu bằng
Là pháp nay và sau
Vắng lặng thường an vui.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Do hai thứ trói buộc nên làm cho hàng trời, người một loại thì khiếp nhược, một loại lại dũng mãnh. Người có Tuệ nhãn nên quán sát đúng đắn.

Hai triền là gì? Đó là có kiến trói buộc và không có kiến trói buộc.

Thế nào là một hạng trời, người khiếp nhược?

Nghĩa là có hạng trời, người khát ái, yêu thích hữu, say đắm về hữu. Vì để diệt hữu nên khi nghe thuyết pháp không chịu cung kính lắng tai nghe nhận, cũng không chịu vâng theo lời dạy bảo, không chịu tùy thuận tu tập theo đúng chỗ thật, đúng, chỉ sinh khiếp nhược, sợ hãi thoái lui: "Bấy giờ chúng ta phải làm sao đối với hữu? Bấy giờ chúng ta phải như thế nào đối với hữu? Như vậy gọi là một hạng trời, người khiếp nhược.

Thế nào là một hạng trời, người dũng mãnh?

Nghĩa là có hạng trời, người sợ hữu, nhàm chán hữu, mong cầu không có hữu và vô số pháp khổ bức bách nên thâu nhận, chấp trước những việc như vậy. Đối với các ác kiến, họ nghĩ thế này: Ta nên đoạn trừ và làm cho

chúng diệt mất, không còn xuất hiện nữa. Bấy giờ, mới gọi là tịch tĩnh vi diệu. Như vậy gọi là một hạng trời, người dũng mãnh.

Thế nào gọi là có Tuệ nhãn có thể quán sát đúng đắn?

Nghĩa là hàng Thánh Thanh văn quán sát đúng như thật, sau khi quán sát xong, không đối với việc như thật đó mà sinh lòng kiêu mạn, không nương vào việc như thật đó mà sinh lòng kiêu mạn, không nhận nơi việc như thật đó mà sinh lòng kiêu mạn, không ỷ vào việc như thật đó mà sinh lòng kiêu mạn. Sau khi thấy đúng như thật rồi liền sinh nhàm chán. Sau khi nhàm chán liền lìa dục, lìa dục xong, được giải thoát. Giải thoát xong tự thấu rõ: sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa và nghĩ thế này: "Đức Thế Tôn vì các hữu tình yêu thích hữu kia, vì các hữu tình thường bị thường kiến trói buộc kia khiến diệt trừ hữu, nên đã thuyết giảng chánh pháp vi diệu sâu xa, khó thấy, khó ngộ, tịch tĩnh thắng, không phải là các cảnh giới của suy nghĩ, tư duy, đó là chỗ chứng đắc chắc chắn của những bậc có trí tuệ. Về pháp đối trị chân thật cho tất cả thế gian, nghĩa là có thể diệt trừ tâm kiêu mạn, khát ái, tổn hại cho chúng sinh, đoạn các đường luân hồi, chứng tánh chân không.

-oOo-

KINH BẢN SỰ

QUYỂN 4

Phẩm 2: HAI PHÁP (PHẦN 2)

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Bí-sô nào giảm bớt sự ngủ nghỉ, luôn chánh niêm, tỉnh giấc, thường sống trong sự thanh tịnh, hoan hỷ, đối với các pháp thiện quán sát đúng lúc, thích nghi để tu tập đúng đắn. Bí-sô nào giảm bớt sự ngủ nghỉ, luôn chánh niệm, tỉnh giác, thường sống trong sự thanh tịnh, hoan hỷ, đối với các pháp thiện quán sát đúng lúc, thích nghi để tu tập đúng đắn như vậy, thì ngay trong hai quả, tuy theo chứng được một quả, nghĩa là ngay trong đời này, chứng Niết-bàn Hữu dư y, hoặc quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Người nghe pháp giác ngộ
Tu hành được thắng quả
Người tham đắm ngủ nghỉ
Không thể nào chứng đắc.
Người ít sự ngủ nghỉ
Luôn chánh niệm, tỉnh giác
Giữ tâm được an trụ
Thường thanh tịnh hoan hỷ.
Đối với các pháp thiện
Biết thời nghi tu tập
Vượt qua được tất cả
Khổ, sinh, già, bệnh, chết.
Thế nên phải siêng tu
Giảm bớt sự ngủ nghỉ
Thường quán sát tịch tĩnh
Được hai quả vô ngại.
Hoặc đoạn kết hạ phần
Chứng được quả Bất hoàn
Hoặc đoạn kết thượng phần
Thoát sinh, già, bệnh, chết.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Bí-sô nào ở chỗ hoàn toàn thanh tịnh, thường ưa thiền tọa, nội tâm siêng năng tinh tấn, tu tập chỉ quán, không lìa tĩnh lự, thành tựu thiền quán thanh tịnh, sáng suốt, giữ gìn tâm mình không cho tán loạn, đối với các pháp thiện, tu tập không nhàm chán. Như vậy Bí-sô này ta nói rằng: vị ấy ngay trong hai quả, chắc chắn chứng được một quả. Nghĩa là ngay trong đời này chứng quả Niết-bàn Hữu dư y, hoặc quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ưa ngồi thiền chỗ vắng
Luôn chánh niệm tỉnh giác
Giữ tâm được an trụ
Lìa phân biệt hư vọng.
Khéo phòng hộ tâm mình
Mau đoạn trừ vô minh
Và các dục, phiền não
Chân thật không ưu sầu.
Tâm tư thường vắng lặng
Được chánh niệm hoàn toàn
Giải thoát không chấp trước
Đoạn trừ hẳn tham dục.
Thường lạc, không phóng dật
Sợ hãi việc buông lung
Đoạn trừ hẳn các kiến
Mau chứng Bát-niết-bàn.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Bí-sô nào không hổ, không thẹn, người đó nhất định không thể thông đạt, không thể biết khắp, không thể chứng Đẳng giác, Niết-bàn, không thể chứng đắc Vô thượng an lạc. Bí-sô nào có hổ, có thẹn, người đó nhất định thông đạt, biết khắp, chứng Đẳng giác Niết-bàn và chứng đắc Vô thượng an lạc rốt ráo.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Người không hổ, không thẹn
Biếng trễ, không tinh tấn
Luôn hôn trầm thùy miên
Thật khó bỏ sạch kết.
Người có hổ, có thẹn
Luôn luôn không phóng dật

Ưa thiền định vắng lặng
Cách Niết-bàn không xa.
Người đoạn trừ các kết
Cùng sinh, già, bệnh, chết
Mau chứng được Chánh giác
Được Vô thượng an lạc.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Những người xuất gia lược có hai loại, việc cần phải làm, đều có thể làm đúng đắn, tức đắc điều chưa đắc, thông điều chưa thông, chứng điều chưa chứng, vượt khỏi ưu sầu, diệt hết khổ não, hiểu biết chân chánh đạt cam lồ, chứng đắc Niết-bàn. Hai pháp đó là:

1. Tĩnh lự *(Thiền định)*.

2. Nghe pháp.

Thế nào là Tĩnh lự? Nghĩa là các Bí-sô xa lìa các pháp dục, ác, bất thiện, có tầm có từ, đạt đến sinh ly hỷ lạc, an trụ đầy đủ là tĩnh lự thứ nhất. Không còn tầm từ, trong tâm hoàn toàn thanh tịnh, không tầm không từ, định sinh hỷ lạc, an trụ đầy đủ là tĩnh lự thứ hai. Ly hỷ, trụ xả, chánh niệm tỉnh giác, thân thọ diệu lạc như lời dạy của các bậc Thánh. Có xả, có niệm, an trụ nơi diệu lạc, an trụ đầy đủ là tĩnh lự thứ ba. Đoạn khổ, đoạn lạc, diệt ưu và khổ các thiền trước, không khổ không lạc, an trụ đầy đủ, xả niệm thanh tịnh, đó là tĩnh lự thứ tư.

Thế nào là nghe pháp? Tức là các Bí-sô đối với lời Phật dạy, đầu, giữa, cuối hoàn toàn thiện, văn, nghĩa vi diệu hoàn toàn là pháp thanh bạch, phạm hạnh, đó là các pháp nơi Khế kinh, Ứng dụng, Ký biệt, Già-tha, Tự thuyết, Bản sinh, Bản sự, cùng với Phương quảng và Vị tằng hữu, đối với các pháp như vậy, thọ trì, đọc tụng, nghe giảng, tu tập thông suốt, giải thích rõ ràng. Đó gọi là nghe pháp.

Như vậy gọi là người xuất gia lược có hai việc phải làm. Ai làm đúng như vậy sẽ đắc điều chưa đắc, thông điều chưa thông, chứng điều chưa chứng, vượt khỏi ưu sầu, diệt hết khổ não, hiểu biết đúng đắn, đạt cam lồ, chứng đắc Niết-bàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Xuất gia có hai việc
Làm đúng việc phải làm
Tĩnh lự và nghe pháp
Mau chứng đắc Niết-bàn.
Tĩnh lự, nhân sinh tuệ

Đắc tuệ do tĩnh lự
Có thiền, có trí tuệ
Mau chứng đức Niết-bàn.
Trăm ngàn Tăng dê câm
Không tuệ, không tu thiền
Dầu trải trăm ngàn năm
Không ai chứng Niết-bàn.
Người siêng tu trí tuệ
Ưa nghe pháp, thuyết pháp
Giữ niệm trong giây lát
Mau chứng đắc Niết-bàn.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Tầm cầu có hai loại, hoàn toàn không có loại thứ ba. Thế nào là hai? Sự tầm cầu của bậc Thánh và sự tầm cầu của phi Thánh.

Thế nào là sự tầm cầu phi Thánh? Nghĩa là có hạng người đã có pháp lão, đã có pháp bệnh, tầm cầu pháp bệnh, đã có pháp tử, pháp sầu, pháp nhiễm, tầm cầu pháp tử, pháp sầu, pháp nhiễm.

Thế nào là pháp lão? Nghĩa là vợ con, nô tỳ, tôi tớ, voi ngựa, trâu dê, heo gà, vườn ruộng, vàng bạc, của cải, thóc lúa, đó là pháp lão. Pháp lão này là nguồn gốc sinh tử khổ nơi hữu tình. Phàm phu, ngu tối gìn giữ những thứ này, nhiễm ái, đắm chấp, do đấy không thể thoát khỏi sinh tử nên gọi là pháp lão.

Thế nào là pháp bệnh? Nghĩa là vợ con, nô tỳ, tôi tớ. Nói rộng ra cho đến… do đây không thể thoát khỏi sinh tử nên gọi là pháp bệnh.

Thế nào là pháp tử? Nghĩa là vợ con, nô tỳ, tôi tớ. Nói rộng ra cho đến… do đấy không thể thoát khỏi sinh tử nên gọi là pháp tử.

Thế nào là pháp sầu? Nghĩa là vợ con, nô tỳ, tôi tớ. Nói rộng ra cho đến… do đấy không thể thoát khỏi sinh tử nên gọi là pháp sầu.

Thế nào là pháp nhiễm? Nghĩa là vợ con, nô tỳ, tôi tớ, voi ngựa, trâu dê, heo gà, vườn ruộng, vàng bạc, của cải, thóc lúa, đó là pháp nhiễm. Pháp nhiễm này là nguồn gốc của sinh tử khổ nơi các hữu tình. Phàm phu ngu tối giữ gìn những thứ này, nhiễm ái đắm chấp, do đấy không thể thoát khỏi sinh tử, nên gọi là pháp nhiễm. Ai đối với những thứ này ưa thích, tầm cầu, nên biết đó là sự tầm cầu phi Thánh. Người tầm cầu như vậy, Như Lai hoàn toàn không khen ngợi, tán thán, chỉ khuyên bảo, dắt dìu, làm cho người đó biết để xả bỏ. Vì sao? Vì sự tầm câu phi Thánh như vậy, Như Lai hoàn toàn không khen ngợi, tán thán, chỉ khuyên nhủ, dắt dìu, làm cho biết để xả bỏ.

Vì do việc tìm cầu ấy chẳng phải là pháp của Hiền thánh, không thể xuất ly, không thể hướng đến Niết-bàn, không nhàm lìa, không tịch diệt, không đắc thông tuệ, không thành tựu Chánh giác, không chứng Niết-bàn. Do việc tầm cầu này đưa đến tất cả các pháp sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khổ não, bức bách. Đó là sự tầm cầu phi Thánh, nên Đức Như Lai hoàn toàn không khen ngợi, tán thán, chỉ khuyên nhủ, dắt dìu làm cho hiểu biết để xả bỏ.

Thế nào là sự tầm cầu của bậc Thánh? Nghĩa là có hạng người đã có pháp lão, có thể tự thấu tỏ: Ta có pháp lão, có thể nhận biết đúng như thật về lỗi lầm của pháp lão, tìm cầu Niết-bàn an lạc vô thượng, hoàn toàn không có pháp lão. Hạng người đã có pháp bệnh, tự thấu tỏ: Ta có pháp bệnh, có thể nhận biết đúng như thật về lỗi lầm của pháp bệnh, tìm cầu Niết-bàn an lạc vô thượng, hoàn toàn không có pháp bệnh. Hạng người đã có pháp tử, tự thấu tỏ: Ta có pháp tử. Có thể nhận biết đúng như thật về lỗi lầm của pháp tử, tìm cầu Niết-bàn an lạc vô thượng, hoàn toàn không có pháp tử. Người đã có pháp sầu, tự thấu tỏ: Ta có pháp sầu. Có thể nhận biết đúng như thật về lỗi lầm của pháp sầu, tìm cầu Niết-bàn an lạc vô thượng, hoàn toàn không có pháp sầu. Người đã có pháp nhiễm, tự thấu tỏ: Ta có pháp nhiễm, có thể nhận biết đúng như thật về lỗi lầm của pháp nhiễm, tìm cầu Niết-bàn an lạc vô thượng, hoàn toàn không có pháp nhiễm.

Như vậy gọi là sự tầm cầu bậc Thánh. Sự tầm cầu như vậy được tất cả các Đức Như Lai khen, ngợi tán thán.

Vì duyên gì mà tìm cầu của bậc Thánh này được tất cả các Đức Như Lai khen ngợi, tán thán? Do việc tầm cầu ấy là pháp của Hiền thánh, có thể xuất ly hẳn, có thể hướng đến Niết-bàn, có thể chán lìa, tịch diệt, đắc thông tuệ, thành tựu Đẳng chánh giác, chứng Niết-bàn. Do việc tìm cầu này có thể vượt khỏi tất cả pháp sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khổ não thiêu đốt, vì thế gọi là tầm cầu của bậc Thánh, được tất cả các Đức Như Lai khen ngợi, tán thán nên gọi là tầm cầu có hai cách, hoàn toàn không có cách thứ ba. Các ông nên học như vầy: Ta nên làm sao xa lìa sự tầm cầu phi Thánh như vậy. Ta nên làm sao để tu hành đúng như sự tầm cầu theo bậc Thánh như vậy. Bí-sô các ông nên học như thế.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Tất cả loài hữu tình
Có hai cách tầm cầu
Hoàn toàn không có ba
Là Thánh và phi Thánh.
Không biết lão, bệnh, tử

Pháp sầu, nhiễm, lỗi lầm
Càng mong cầu ái, chấp
Gọi tầm cầu phi Thánh.
Các khổ này tăng trưởng
Không có ngày ra khỏi
Từ sinh lại đến sinh
Nơi nẻo cao và thấp.
Biết rõ lão, bệnh, tử
Pháp sầu, nhiễm, lỗi lầm
Mong cầu Niết-bàn giới
Gọi tầm cầu chân Thánh.
Các khổ được giảm bớt
Mau chứng đắc Niết-bàn
Luôn an lạc mát mẻ
Thường vô lậu không sợ.
Kẻ tầm cầu phi Thánh
Chư Phật thường quở trách
Là cội gốc sinh tử
Người trí nên xa lìa.
Người tầm cầu chân Thánh
Chư Phật thường khen ngợi
Là đường đến Niết-bàn
Người có trí nên tu.

Tóm tắt nơi bài kệ phần kinh Bản Sự ở trước:

Vì thông đạt luật nghi
Chán tri cõi bất tịnh
Học kinh, giác tu thiền
Thẹn, hành động, tầm cầu.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Pháp thiện trắng sạch, lược có hai loại, có thể hộ trì thế gian. Hai pháp đó là hổ và thẹn. Nếu không có hai pháp thiện trắng sạch này thì tất cả hữu tình trong thế gian đều thành tạp loạn, giống như trâu, dê, heo, gà, chó… không biết cha mẹ, anh em, chị em, không biết thầy hướng dẫn, Bổn sư và các vị thầy khác. Do đó hai pháp thiện trắng sạch này mà hữu tình ở thế gian lìa các tạp uế, không giống như các loài súc sinh… Biết rõ cha mẹ, anh em, chị em. Biết rõ vị thầy hướng dẫn, Bổn sư và các vị thầy khác. Thế nên, các thầy nên học như vầy: "Ta phải làm sao để thành tựu

hai loại pháp thiện bạch tịnh là hổ, thẹn tối thắng này?" Bí-sô các ông nên học như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Hai pháp thiện trắng sạch
Hộ trì cho thế gian
Không mất nẻo trời, người
Đó là hổ và thẹn.
Không có hai pháp này
Không biết được tôn ty
Hỗn tạp giống trâu, dê
Cùng như gà, heo, chó.
Do đó hai pháp ấy
Phân biệt, biết tôn ty
Không phải như trâu, dê
Làm các việc uế tạp.
Những ngươi có trí tuệ
Thành tựu hai bạch pháp
Luôn giữ nẻo trời, người
Không đọa ba đường dữ.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ta là Bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, khi chưa thành Phật, còn ở quả vị Bồ-tát, phần nhiều an trụ nơi hai loại tầm, tư. Hai loại đó là:

1. Như Lai khi còn ở quả vị Bồ-tát, thường sống trong suy nghĩ bất hại, hoan hỷ vui vẻ như vậy, gọi đó là thường suy nghĩ, vui vẻ thứ nhất. Do sống trong sự tu tập đúng như vậy nên đối với các loại hữu tình, hoàn toàn không làm tổn hại. Do suy nghĩ này chứng được vô lượng Phạm trụ một cách viên mãn.

2. Như Lai khi còn ở quả vị Bồ-tát, thường sống trong suy nghĩ, đoạn trừ, vĩnh viễn hoan hỷ, vui vẻ. Sống trong suy nghĩ đoạn trừ, vĩnh viễn, hoan hỷ vui vẻ như vậy, gọi đó là thường suy nghĩ, vui vẻ thứ hai.

Sống trong sự tu tập đúng như vậy, nên đối với pháp bất thiện có thể đoạn trừ hẳn. Do suy nghĩ này nên chứng được đạo thù thắng, thiện căn viên mãn. Ta ngay khi ấy sống trong hai loại suy nghĩ này, nên tinh tấn dũng mãnh, cho đến tất cả máu thịt nơi thân đều khô diệt, thân thể chỉ còn gân da bọc xương, cũng không phóng dật. Cho đến phải thấy, phải biết, phải hiểu, phải đắc, phải chứng đối với pháp chưa biết, chưa thấy, chưa

đắc, chưa hiểu, chưa chứng. Trong khoảng giữa thời gian đó, sống không phóng dật, tinh tấn, dũng mãnh, chưa từng từ bỏ. Do không có phóng dật, tinh tấn dũng mãnh không lìa bỏ nên mau chứng Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng, mau chứng Niết-bàn vô thượng mát mẻ, mau chứng Nhất thiết tri kiến vô thượng. Thế nên các ông nên học như vầy: Ta phải làm thế nào để thường sống trong suy nghĩ bất hại, hoan hỷ vui vẻ và làm thế nào để thường sống trong suy nghĩ đoạn trừ vĩnh viễn, hoan hỷ, vui vẻ. Bí-sô các ông nên học như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Khi Phật làm Bồ-tát
Thường sống trong hai pháp
Là bất hại, vĩnh đoạn
Nghĩ hoan hỷ, vui vẻ.
Không hại các hữu tình
Tu Từ, Bi, Hỷ, Xả
Chứng vô lượng Phạm trụ
Viên mãn và thông suốt.
Vĩnh đoạn pháp bất thiện
Và các dây phiền não
Chứng đắc các căn lành
Viên mãn đạo thù thắng.
Thường dũng mãnh, tinh tấn
An trụ không phóng dật
Chứng Bồ-đề vô thượng
Cùng Niết-bàn an lạc.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, Sát-đế-lợi… phần nhiều làm các việc bố thí cho các ông y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược, phòng xá, đồ dùng đúng như pháp. Còn Bí-sô các ông có nhiều việc phải làm, đó là: Các ông giảng thuyết chánh pháp, đầu đuôi giữa đều thiện, văn nghĩa hoàn hảo, đầy đủ pháp phạm hạnh cho họ. Do đó, được giải thoát khỏi pháp sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khổ não, nóng bức. Bánh xe pháp của các ông và bánh xe tài của họ nương tựa nhau để vận chuyển, ở trong giáo pháp của Như Lai siêng tu phạm hạnh, mau đến thành Niết-bàn vô thượng.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Xuất gia và tại gia

Nương tựa, hỗ trợ nhau
Hai bánh xe tài, pháp
Mau đến thành Niết-bàn.
Xuất gia nương tại gia
Được của cải như pháp
Tại gia nương xuất gia
Được chánh pháp vi diệu.
Hai chúng nương tựa nhau
Nhận an lạc trời, người
Vượt sinh, già, bệnh, chết
Đạt Niết-bàn thanh lương.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Nương vào giới luật, có thể tu hai pháp. Hai pháp đó là: Thiền chỉ là Thiền quán. Nghĩa là người tu hành nương vào giới luật để tu Thiền chỉ. Đã tu thiền chỉ rồi, làm cho tâm tu tập được viên mãn. Vì việc gì mà tu tập tâm ấy? Tu tập tâm ấy là để đoạn tham. Những người tu hành nương vào giới luật, tinh tấn tu tập Thiền quán rồi làm cho tu tuệ viên mãn. Tu tập tu tuệ ấy để làm gì? Người tu tập tuệ là để đoạn si. Tâm bị tham cấu nhiễm, khiến không được giải thoát. Tuệ bị si làm cấu nhiễm, khiến không được chiếu sáng. Ai xa lìa hẳn tham thì được tâm giải thoát hoàn toàn. Ai lìa hẳn si thì được tuệ giải thoát hoàn toàn. Ai đối với hai loại giải thoát này dùng chánh tri kiến để tự chứng đắc, ta nói người đó được tuệ giải thoát hoàn toàn, là bậc Trượng phu tối thượng, tự mình tu tập. Các Thánh đệ tử, ngay khi chứng đắc tâm giải thoát như vậy, nếu bị người khác mắng nhiếc, quở trách, khinh lờn, hủy nhục… họ không vì duyên này phát sinh vô số tâm bất nhẫn, bất tín, hại, hận...Vì sao? Vì do họ có thể soi thấy rõ những việc mắng nhiếc của người khác là người đó có tội, nơi họ không tổn hại.

Các Thánh đệ tử ngay khi chứng đắc tâm giải thoát như vậy, nếu được người khác khen ngợi, tán thán, cung kính lễ bái, cúng dường…, họ không duyên nơi việc này phát sinh vô số tâm hoan hỷ, vui thích, hớn hở... Vì sao? Vì họ có thể soi thấy rõ được những sự khen ngợi tốt đẹp… của người kia là người kia được phước, họ không có lợi. Ai có thể làm được như vậy, gọi đó là người đối với pháp thế gian được tâm bình đẳng, không buồn, không vui, an ổn, tự tại. Thế nên, các ông phải làm như vầy: "Ta nên nương vào giới luật tu Thiền chỉ, Thiền quán như thế nào?" Bí-sô các ông nên học như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Nương vào giới thanh tịnh
Tu Chỉ, Quán, không tội
Giữ kín căn và ý
Chứng Niết-bàn cam lồ.
Tu Chỉ điều phục tâm
Điều tâm lìa tham dục
Lìa dục chứng giải thoát
Chứng giải thoát, tâm bình.
Tu Quán, trí tuệ sáng
Tuệ sáng diệt si ám
Diệt ám, chứng giải thoát
Chứng giải thoát, tâm bình.
Nên Bí-sô các ông
Tinh tấn, chớ buông lung
Luôn nương vào giới luật
Tu Chỉ, Quán không tội.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Người tu học thắng lợi, ở trong giáo pháp của Như Lai tu hành phạm hạnh thì trí tuệ là đứng đầu, chắc chắn được giải thoát, đạt được tối thượng về niệm. Người nào thành tựu việc tu học thắng lợi, ở trong giáo pháp của Như Lai tu hành phạm hạnh thì tuệ là đứng đầu, chắc chắn được giải thoát, đạt được tối thượng về niệm. Người ấy hoàn toàn không bị tham do vị ngọt của sắc trói buộc, quấy nhiễu tâm mình. Người cũng lại không bị sự tham đắm về vị ngọt của thanh, hương, vị, xúc, pháp trói buộc, quấy nhiễu tâm mình. Tâm người đó nhờ không bị tham trói buộc nên không chạy theo, tham đắm sự nhận thức đối với tướng mạo của sắc, không chạy theo vị ngọt do sự phân biệt tướng mạo của thanh, hương, vị, xúc, pháp, thì ngay trong hai sẽ chứng được một quả, nghĩa là ngay trong đời nay chứng được quả Niết-bàn Hữu dư y hoặc quả Bất hoàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Người tu học thù thắng
Nương Phật tu phạm hạnh
Trí tuệ đứng hàng đầu
Chắc chắn được giải thoát.
Niệm tôn quý hơn hết
Chứng một trong hai quả

Pháp Niết-bàn hiện tại
Và vĩnh viễn Bất hoàn.
Do tuệ đứng hàng đầu
Tham không quấy động tâm
Không duyên theo các sắc
Tướng mạo do thức sinh.
Viên mãn giới thù thắng
Sinh định tuệ, thắng thượng
Dứt cảnh sinh, lão, tử
Chứng Niết-bàn hữu dư.
Nên Bí-sô các ông
Siêng năng tu giới, định
Sinh thắng tuệ vi diệu
Dứt sinh, già, bệnh, chết.
Trong pháp luật của ta
Người không hề phóng dật
Định lực phá quân ma
Dứt hẳn cảnh giới khổ.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Tất cả các pháp ác, bất thiện ở thế gian đều do vô minh dẫn đầu nên sinh trưởng. Do không có hổ thẹn hỗ trợ ở sau nên không bị tổn giảm. Vì sao? Vì tất cả các nẻo sinh ra pháp sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khổ não, nóng bức… đều lấy vô minh làm gốc để sinh trưởng. Sinh trưởng xong lại nương vào đó phát sinh ra tất cả pháp ác bất thiện. Pháp ác bất thiện sinh ra là do không có sự hổ thẹn, không hối tiếc. Không hối tiếc nên không giảm bớt. Tất cả pháp thiện thanh tịnh ở thế gian đều do trí tuệ dẫn đầu nên sinh trưởng. Do hổ và thẹn hỗ trợ ở sau nên không tổn giảm. Vì sao? Vì trí tuệ đứng trước và hổ thẹn đứng sau nên có thể đoạn hết các nẻo phát sinh ra pháp sinh, già, bệnh, chết, có thể vượt tất cả pháp ưu sầu khổ não thiêu đốt. Có thể đạt hiểu biết đứng đắn, được cam lồ, chứng đắc Niết-bàn.

Thế nên các ông nên học như vầy: "Ta phải tu tập như thế nào để đoạn hẳn vô minh và phát sinh trí tuệ sáng suốt, đoạn hẳn tất cả các nẻo sinh ra pháp sinh, già, bệnh, chết, vượt khỏi tất cả pháp ưu sầu, khổ não… đạt hiểu biết đúng đắn, được cam lồ, chứng đắc Niết-bàn". Bí-sô các ông nên học như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Đời này và đời sau
Sinh, già cùng bệnh, chết
Tham ái, các phiền não
Do vô minh làm gốc.
Vô minh rất ưu tối
Khiến đọa mãi sinh tử
Đời này và đời sau
Luân hồi trong các nẻo.
Do vô minh đứng đầu
Không hổ thẹn ở sau
Sinh trưởng các pháp ác
Đọa nơi các nẻo ác.
Thế nên phải tinh tấn
Lìa tham ái, ngu si
Phát sinh trí tuệ sáng
Đoạn gốc khổ sinh tử.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! tất cả các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vì thương xót thế gian nên xuất hiện ở đời. Các Đức Như Lai muốn đoạn trừ, xả bỏ hẳn hai pháp nên Chuyển pháp luân vô thượng của Thánh hiền. Tất cả các Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm trong thế gian, chưa ai có khả năng chuyển được pháp luân này. Hai pháp đó là:

1. Vô minh.

2. Hữu ái.

Tất cả các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời là vì thương xót thế gian, vì muốn đoạn trừ, xả bỏ hẳn hai pháp này, nên Chuyển pháp luân vô thượng của Hiền thánh. Nói rộng ra cho đến chưa ai có thể chuyển pháp luân như vậy. Ai có thể đoạn trừ, xả bỏ hẳn tất cả vô minh và các hữu ái đã có thì khiến cho người đó dứt hẳn hết không còn sót. Người đó có thể đoạn hẳn tất cả phiền não và các pháp tạp nhiễm, đó gọi là người ra khỏi các hầm hố, vượt các tường thành, phá sự đóng bít, bẻ gãy các pháp thuật của đám ngoại đạo, là Hiền thánh đích thực, là ngọn cờ của Chánh pháp, là đại Sa-môn, Bà-la-môn, là thông tuệ chân chánh, là sự thanh tịnh viên mãn, là chân trí tuệ, là sự điều thuận đúng đắn. Người đó là ruộng phước ở thế gian.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Vô Thượng Chánh Đẳng Giác

Bậc Thượng Thủ trong đời
Đại hùng, đại trượng phu
Bậc nhổ các tên độc.
Thương xót khắp thế gian
Vì đoạn trừ hai pháp
Vô minh và hữu ái
Chuyển pháp luân vô thượng.
Là khổ và nhân khổ
Diệt trừ hết các khổ
Tu tám chi Thánh đạo
Diệt khổ, đắc Niết-bàn.
Người trí nghe pháp này
Tin hiểu thật vững chắc
Đạt các pháp chân chánh
Đoạn vô minh, hữu ái.
Vô minh, hữu ái trừ
Các tạp nhiễm đều diệt
Bậc điều thuận chí thiện
Gọi ruộng phước ở đời.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có hai việc khổ rất khó chịu đựng:

1. Cạo bỏ râu tóc.

2. Thường đi khất thực.

Vì sao? Vì người đời thù oán nhau, nên tạo ra những chú thuật để trù yếm, mong cho những người kia nghèo cùng, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cũ rách, tay cầm bát đất, lang thang từ nhà này đến nhà khác xin ăn để sống.

Những thiện nam có lòng tin thanh tịnh, thọ trì pháp này mà xuất gia, không phải vì sự áp bức của nhà vua, giặc, chủ nợ. Cũng không phải vì sợ chết mà bỏ gia đình, mà chỉ muốn vượt khỏi pháp sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khổ não thiêu đốt. Chỉ vì diệt trừ toàn bộ khối khổ lớn, các đệ tử của ta vì cầu đạt những việc như vậy mà chánh tín xuất gia, vì lợi mình, lợi người mà thọ trì pháp này. Hoặc giả có người xuất gia như vậy rồi, trải qua thời gian không bao lâu lại kiêu mạn, buông lung, biếng trễ, siêng làm việc hèn kém, quên mất chánh niệm, không có tỉnh giác, tâm loạn không định, các căn phóng túng, nhiều tham dục, đắm chấp, lòng đầy sân giận, ngu không hiểu biết, tham nhiễm các dục, tư duy hư vọng, hủy các giới cấm, chẳng phải thật Sa-môn, tự xưng là Sa-môn, chẳng

phải thật phạm hạnh, tự xưng là phạm hạnh, bên trong thì hủ bại, nhưng biểu hiện ra bên ngoài thì tốt đẹp. Như con ốc sên hôi hám, hành động thì xấu xa nhưng giọng điệu lại dịu dàng, che đậy cái xấu, dối bày cái tốt, tạo thành vô số pháp ác bất thiện. Ví như người từ chỗ tối đi vào chỗ tối, từ hầm hố rơi vào hầm hố, từ oán đến oán. Ta nói: Người xuất gia ngu si như vậy cũng sẽ đi đến chỗ như thế. Lại như có khúc cây hai đầu bị cháy, khoảng giữa dính đầy phẩn uế. Cây đó hoặc bỏ ở xóm làng hay nơi đồng trống, không ai sử dụng. Ta nói người xuất gia ngu si như vậy, cũng sẽ như thế. Mất pháp của hàng tại gia, lại cũng chẳng phải là Sa-môn, ở thế gian và xuất thế gian đều không được phần thù thắng.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Xuất gia mà phá giới
Cả hai đều không thành
Mất phép tắc tại gia
Mất luôn pháp Sa-môn.
Thà nuốt hòn sắt nóng
Và uống nước đồng sôi
Không nhận của cúng dường
Mà phá hủy giới cấm.
Những người phá giới cấm
Không hổ thẹn, ăn năn
Nhận nhiều của tín thí
Nhất định đọa địa ngục.
Những người có trí tuệ
Nên giữ vững tịnh giới
Chớ nhận người cúng dường
Mà hủy phạm giới cấm.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ở đời, có hai hạng người bảo vệ, làm phát triển các nẻo địa ngục và pháp ác, bất thiện. Hai hạng đó là:

1. Có hạng người hủy phạm tịnh giới, chẳng phải thật Sa-môn, tự xưng là Sa-môn, chẳng phải là phạm hạnh, tự xưng là phạm hạnh, bên trong xấu xa hủ bại nhưng biểu hiện ra bên ngoài thì tốt đẹp. Như con ốc sên hôi hám, hành động thì xấu xa nhưng âm điệu lại dịu dàng, hay ho. Che đậy cái xấu, dối bày cái tốt, giống như chiếc cầu thang mục nát, không thể dùng, chỉ tăng thêm nẻo ác.

2. Có hạng người đối với giới pháp hoàn toàn thanh tịnh không hề

hủy phạm, tinh tấn tu phạm hạnh, thanh bạch, chính thật là Bí-sô có đức nhưng lại dùng các pháp phi phạm hạnh, không căn cứ để hủy báng, mạ nhục, làm cho kẻ khác mất uy đức.

Hai hạng người như vậy là bảo vệ, làm phát triển các nẻo địa ngục và pháp ác, bất thiện.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Đời có hai hạng người
Sinh trưởng nghiệp cõi ác
Là hủy phạm tịnh giới
Và hủy báng hiền lương.
Hai hạng người như vậy
Đều gọi là hạ tiện
Hiện tại người khinh bỉ
Đời sau bị báo khổ.
Thế nên các Bí-sô
Phải luôn không phóng dật
Giữ gìn giới thanh tịnh
Chớ hủy báng người khác.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ở đời có hai hạng người khó đáp đền ân sâu của họ. Hai hạng đó là cha và mẹ.

Giả sử có người, một vai cõng cha, một vai cõng mẹ, suốt đời chưa từng tạm nghỉ, cung cấp cơm ăn, áo mặc, thuốc thang chữa bệnh và bao nhiêu thứ cần dùng, cũng chưa có thể đền đáp được ân sâu của cha mẹ. Vì sao? Vì công ơn của cha mẹ đối với con rất là sâu nặng. Đó là ơn sinh đẻ, lòng từ cho bú mớm, tắm rửa, giặc giũ, nuôi dưỡng khôn lớn, cung cấp bao nhiêu thứ đồ dùng, của cải, vốn liếng, ơn chỉ dạy về phép tắc ở đời. Lòng cha mẹ luôn muốn cho con lìa khổ được vui, chưa từng có lúc nào tạm ngưng, như bóng theo hình. Cha mẹ đối với con những công ơn sâu nặng như đã nói thì làm sao có thể đáp đền? Nếu cha mẹ của người kia đối với Phật, Pháp, Tăng không có lòng tin thanh tịnh, thì người con phải dùng phương tiện chỉ rõ, khuyên nhủ, dắt dìu, khen ngợi, khích lệ cho cha mẹ phát sinh tịnh, tín. Nếu cha mẹ của người kia không có giới thanh tịnh, thì người con nên theo phương tiện chỉ rõ, khuyên nhủ, dắt dìu, khen ngợi, khích lệ cho cha mẹ yên vui, làm cho cha mẹ thọ trì giới cấm thanh tịnh. Nếu cha mẹ của người kia không được học hỏi thì người con phải dùng phương tiện chỉ rõ, khuyên nhủ, dắt dìu, khen ngợi, khích lệ cho cha mẹ

yên vui, làm cho cha mẹ được nghe chánh pháp của chư Phật. Nếu cha mẹ của người kia có tánh tham lam keo kiệt, không ưa bố thí thì người con phải tạo phương tiện chỉ rõ, khuyên nhủ, dắt dìu, khen ngợi, khích lệ cho cha mẹ được yên vui, khiến cha mẹ thực hành bố thí. Nếu cha mẹ của người kia tánh tình ám độn, không có thắng tuệ thì người con phải tạo phương tiện chỉ rõ, khuyên nhủ, dắt dìu, khen ngợi, khích lệ cho cha mẹ được yên vui, làm cho cha mẹ tu tập Thánh tuệ…

Người con nào làm được như vậy thì gọi đó là người con đáp đền ơn sâu của cha mẹ một cách chân thật.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Đời có hai hạng người
Ơn sâu khó đáp đền
Đó là cha và mẹ
Làm sinh trưởng thế gian.
Giả sử dùng hai vai
Công cha mẹ trọn đời
Luôn cung kính cúng dường
Cũng chưa báo được ơn.
Cha mẹ ở thế gian
Sinh đẻ và nuôi dạy
Lòng từ mong lợi lạc
Như bóng đi theo hình.
Cha mẹ ai vốn không
Tín, giới, văn, thí, tuệ
Khuyên cha mẹ tu hành
Gọi chân thật báo ân.
Cung kính dâng vật dùng
Chỉ an vui đời này
Khuyên tu tập tín, giới
Cuối cùng chứng Niết-bàn.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ở đời có hai loại pháp không lừa dối. Hai loại đó là nghiệp và trí.

Các nghiệp nào mà các hữu tình nơi quả dị thục của nó nếu chưa hiện tiền cũng chắc chắn không mất hết? Những trí tuệ nào hữu tình đã có, nơi tất cả phiền não nếu chưa đoạn hẳn, cũng chắc chắn mất hết?

Như vậy gọi là ở thế gian có hai loại pháp không lừa dối.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Hai loại pháp không dối
Chư Phật cùng đàm luận
Là các nghiệp, các trí
Đã làm và đã có.
Quả dị thục chưa sinh
Các nghiệp vẫn không mất
Phiền não tuy chưa dứt
Trí cũng không mất hết.
Nghiệp là nhân sinh tử
Trí là gốc diệt hoặc
Thế nên phải tu trí
Đoạn hẳn cảnh giới khổ.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ở đời có hai hạng người rất đáng tôn trọng lễ bái cúng dường và đem tâm kính yêu gần gũi một bên. Hai hạng người đó là cha và mẹ.

Các hữu tình nào hết sức tôn trọng lễ bái cúng dường, tôn trọng cha mẹ của mình, đem lòng kính yêu và ở gần một bên thì hữu tình đó sẽ được sinh vô lượng phước, được những người có trí cùng nhau khen ngợi, tiếng tốt đồn khắp, ở trong các chúng không sợ hãi, sau đấy không phiền não, ăn năn. Khi thân hoại mạng chung thẳng lên các nẻo thiện, sinh trong cõi trời.

Hữu tình vì lẽ gì đối với cha mẹ phải hết sức tôn trọng, lễ bái, cúng dường, đem lòng kính yêu và ở gần một bên? Vì cha mẹ đối với con có công rất sâu nặng. Đó là ơn sinh đẻ, lòng từ cho bú mớm, tắm rửa, giặc giũ, nuôi dưỡng cho khôn lớn, cung cấp bao nhiêu thứ đồ dùng, của cải, vốn liếng, ơn chỉ dạy về phép tắc ở đời, lòng cha mẹ luôn mong muốn cho con lìa khổ, được vui, chưa từng có lúc nào tạm ngưng, như bóng với hình. Thế nên, con đối với cha mẹ phải hết sức tôn trọng, lễ bái, cúng dường, đem lòng kính yêu và ở gần một bên.

Các hữu tình nào kính yêu cha mẹ và ở gần một bên thì cha mẹ đối với người con đó rất yêu thương, trừ bỏ những việc không lợi ích, dạy bảo cho những điều lợi ích, ngăn chặn các điều ác, khuyến tu các hạnh lành, cưới cho vợ đẹp, thê thất trinh thuận, giúp cho châu báu, bạc tiền, lúa thóc, hàng trời, người nơi thế gian cùng nhau khen ngợi, cung kính cúng dường, gần gũi gia hộ, làm cho người con đó không bị suy tổn.

Thế nên hữu tình đối với cha mẹ phải hết sức tôn trọng, lễ bái, cúng

dường, đem lòng kính yêu và ở gần một bên.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Những người có phước đức
Nên tôn trọng cha mẹ
Lễ bái và cúng dường
Yêu thương và gần gũi.
Người thông minh ở đời
Rất cung kính cha mẹ
Luôn cung kính cúng dường
Thường có lòng hoan hỷ.
Cha mẹ ở thế gian
Ân sâu khó đáp đền
Ngăn ác trừ bất lợi
Dạy lợi, khuyên tu thiện.
Cưới vợ cho của cải
Lòng từ luôn che chở
Thế nên phải cúng dường
Sinh vô lượng phước đức.
Hiện đời được tiếng tốt
Được cung kính cúng dường
Qua đời sinh cõi trời
Hưởng sung sướng vô cùng.
Muốn được sinh trời, người
Hưởng diệu lạc năm dục
Giống như trời Đế Thích
Đã cúng dường cha mẹ.

-oOo-

Bài kệ tóm tắt kinh phần Bản Sự ở trước:

Thiện, tầm, luân, giới học
Vô minh, tuệ đoạn trừ
Khổ, hủy báng báo ân
Không lừa dối cha mẹ.

-oOo-

KINH BẢN SỰ

QUYỂN 5

Phẩm 2: HAI PHÁP (PHẦN 3)

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có hai loại bố thí, đó là:

1. Tài thí.

2. Pháp thí.

Tài thí có hạng người hay bố thí vô số thức ăn uống ngon bổ, hương liệu, vòng hoa, y phục, xe cộ, phòng xá, đồ nằm, của cải, đèn đuốc, thuốc men chữa bệnh, xả hết tất cả những thứ như vậy để bố thí cho người khác. Gọi đó là bố thí tài vật.

Pháp thí có hạng người vì tất cả những người khác giảng thuyết chánh pháp đầu, giữa, cuối đều thiện, văn nghĩa hoàn hảo, đầy đủ pháp thanh bạch, phạm hạnh, khiến các hữu tình nghe xong, thoát khỏi pháp sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khổ não, nóng bức. Đó gọi là pháp bố thí giáo pháp.

Đối với hai loại tài thí và pháp thí này là vi diệu tối thượng bậc nhất. Ví như ở thế gian, sữa từ bò mà ra, lạc từ sữa mà ra, sinh tô từ lạc mà ra. Từ sinh tô cho ra thục tô, từ thục tô cho ra đề hồ và đối với tất cả các vị sữa bò này thì đề hồ là tối thượng thắng diệu hơn hết.

Cũng vậy, trong hai loại tài thí và pháp thí là tối thượng thắng diệu bậc nhất. Đối với pháp thí, ai là người thực hành pháp thí đúng đắn? Chỉ có Đức Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Trong hai loại bố thí
Pháp thí đứng hàng đầu
Người thực hành Pháp thí
Thiện Thệ là trên hết.
Trong ruộng thọ tài thí
Như Lai đứng hàng đầu

Thí tài không bền chắc
Chúng sinh nhận pháp thí.
Tài thí giúp chúng sinh
Được đời sống an lạc
Pháp thí khiến người nhận
Cuối cùng đạt Niết-bàn.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có hai loại cúng tế, hai loại đó là:

1. Cúng tế tài vật.

2. Cúng tế pháp.

Cúng tế tài vật đó là có hạng người cúng tế vô số thức ăn uống ngon bổ, hương liệu, vòng hoa, y phục, xe cộ, phòng xá, đồ nằm, của cải, đèn đuốc… cúng tế những loại như vậy gọi là cúng tế tài vật.

Cúng tế pháp là có người cúng tế pháp nơi Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Già-tha, Tự thuyết, Bản sinh, Phương quảng, Vị tằng hữu, dùng vô lượng pháp môn, đúng như lý tuyên thuyết, trình bày, xây dựng, phân tích, chỉ dạy, đó gọi là pháp. Đối với hai loại cúng tế tài vật và cúng tế pháp này, thì cúng tế pháp là tối thượng thắng diệu bậc nhất. Ví như ở thế gian, sữa từ bò mà ra, lạc từ sữa ra, sinh tô từ lạc mà ra. Từ sinh tô cho ra thục tô, từ thục tô cho đề hồ là đối với tất cả các vị nơi sữa bò này thì đề hồ; và tối thượng thắng diệu hơn hết. Cũng vậy, trong hai loại cúng tế tài vật và cúng tế pháp, thì cúng tế pháp là tối thượng thắng diệu bậc nhất.

Trong việc cúng tế pháp, ai là người thực hành cúng tế pháp một cách đứng đắn? Chỉ có Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Bạc-già-phạm.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Trong hai loại cúng tế
Cúng tế pháp đứng đầu
Người hành cúng tế pháp
Thiện Thệ là trên hết.
Trong ruộng cúng tế tài
Như Lai đứng hàng đầu
Cúng tài không bền chắc
Chúng sinh cúng tế pháp.
Chúng sinh cúng tài vật
Được đời sống an lạc

Người cúng tế chánh pháp
Cuối cùng đạt Niết-bàn.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

Bí-sô nên biết! Những người tu hành khi tập hợp nhau có hai việc làm:

1. Nói đúng pháp.

2. Im lặng.

Do nói đúng pháp nên xét biết người đó có đức, xét biết người đó có đức nên càng kính tin, càng kính tin nên đi đến chỗ của người đó để gần gũi, hầu hạ, cầu nghe chánh pháp. Cầu nghe chánh pháp nên chăm chú nghe không tán loạn. Chăm nghe không tán loạn nên nghe pháp được thông suốt và ghi nhớ, thọ trì pháp, quán sát mục đích ý nghĩa của pháp. Khi quán sát mục đích ý nghĩa của pháp nên có thể chấp nhận pháp. Suy nghĩ chấp nhận pháp. Khi suy nghĩ kỹ, sinh ưa thích. Sinh ưa thích xong, có được năng lực. Có được năng lực xong, có thể cân nhắc, đo lường. Do cân nhắc, đo lường nên lựa chọn. Do lựa chọn nên giác ngộ ngay sự thật, liền tự thấu rõ: Sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã xong, không còn tái sinh nữa.

Do im lặng nên tâm được yên tịnh. Thanh tịnh trong sáng, không có tỳ vết, lìa tùy phiền não, chánh biết khắp, có thể luyện cho thân tâm an trụ bất động, có thể phát sinh, khai triển. Phát sinh khai triển nên nhận biết đúng như thật. Nhận biết đúng như thật nên nhàm chán, chối từ. Nhàm chán, chối từ nên lìa dục. Lìa dục xong liền được giải thoát. Giải thoát xong tự thấu rõ: Ta đã giải thoát, sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, còn tái sinh nữa.

Bí-sô các ông nên giảng nói rõ pháp như trên, nên nhận biết rõ pháp như trên. Ai có thể làm được như vậy thì mới gọi là đích thật nhận lấy ngọn cờ của chư Phật. Ngược lại, không phải là mọi người tập họp lại để cùng nói năng, hý luận, mới có thể nhận biết đúng đắn về thật tướng của các pháp, có thể đoạn trừ các lậu, chứng đắc Niết-bàn. Ta thường nêu bày biết rõ các pháp như trên, nên được gọi là người đứng đầu, nhận lấy ngọn cờ của chư Phật.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Hành giả khi tập họp
Cần phải làm hai việc
Là im lặng yên tịnh
Và nói đúng chánh pháp.

Do nói đúng chánh pháp
Và yên lặng thanh tịnh
Biết thật tướng các pháp
Cuối cùng chứng Niết-bàn.
Nên Bí-sô các ông
Ai nói rõ pháp trên
Mới là người chân thật
Nhận ngọn cờ của Phật.
Ta thường ở trong chúng
Giảng thuyết pháp rõ ràng
Thế nên gọi bậc nhất
Gương cao ngọn cờ Phật.
Ai nương cờ chánh pháp
Giảng thuyết và tu hành
Mau thoát sinh tử
Đạt Niết-bàn cứu cánh.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Khi nói năng những Bí-sô nào suy nghĩ trái với giáo pháp, theo ý tưởng tham dục, sân giận, tàn hại, Bí-sô như vậy gọi là người ác, người thực hành sơ suất, cẩu thả, người có những hành động tương ứng với nhiều ác làm phương tiện, nên đối với sự đoạn trừ, với sự lìa bỏ, không còn được thiện hữu gần gũi bảo hộ. Phóng dật, biếng trễ, tinh tấn thấp kém, quên mất chánh niệm, tỉnh giác, tâm loạn không định, buông thả các căn, không có nhận thức xuất ly, không biết xuất ly, không có chánh tuệ như thật. Là người đến ma ác, pháp ác, bất thiện, bị hàng phục do ma ác, pháp ác, bất thiện, làm tăng trưởng tất cả các pháp ác, bất thiện.

Khi im lặng các Bí-sô nào suy nghĩ, trái với giáo pháp, nói rộng ra cho đến làm tăng trưởng tất cả pháp ác, bất thiện, Bí-sô như vậy các người đồng phạm hạnh có ý chê bai, quở trách. Đối với người đó ta cũng không khen ngợi. Bí-sô như vậy tuy được xuất gia thọ giới cụ túc, nhưng gọi đó là người ngu si, có ác tuệ, ưa thích nơi Hữu. Thế nên các ông phải học như vầy: Ta phải dùng phương tiện gì để đoạn trừ suy nghĩ trái với giáo pháp và dùng phương tiện gì để tu tập suy nghĩ đúng với giáo pháp. Bí-sô các ông nên học như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Khi nói năng, im lặng
Căn buông lung, tạo ác

Không vâng lời ta dạy
Là người si tối tăm.
Nên Bí-sô các ông
Siêng tu, không phóng dật
Lìa suy nghĩ trái pháp
Nên tư duy đúng pháp.
Các ông ai siêng năng
Nói, im, không phóng dật
Không lâu vượt sinh tử
Chứng Niết-bàn vô thượng.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Khi nói năng, các Bí-sô nào suy nghĩ đúng với giáo pháp, với ý tưởng xuất ly, không sân hận, không tàn hại. Bí-sô như vậy gọi là người nhiều thiện, người không thực hành sơ suất, cẩu thả. Người có những hành động tương ứng nhiều với thiện làm phương tiện, nên đối với sự đoạn trừ, lìa bỏ, luôn luôn được thiện hữu thân cận, bảo hộ bằng pháp thiện, phóng dật, tinh tấn dũng mãnh, chánh niệm, tỉnh giác, tâm định không loạn, giữ kín các căn, có nhận thức xuất ly, hiểu biết xuất ly, đạt chánh tuệ như thật, là người xả bỏ pháp ác, bất thiện của ma ác, hàng phục pháp ác, bất thiện của ma ác, làm tổn hại tất cả pháp ác, bất thiện.

Khi im lặng, các Bí-sô nào suy nghĩ đúng với giáo pháp, nói rộng ra cho đến làm tổn giảm tất cả các pháp ác, bất thiện, Bí-sô như vậy được các đồng phạm có trí khen ngợi. Bí-sô như vậy gọi là người xuất gia chân thật, thọ giới Cụ túc, người có nhiều trí tuệ, người không ưa các hữu. Gọi là người không si. Thế nên các ông nên học như vậy: "Ta phải tu tập theo phương tiện nào để đoạn trừ suy nghĩ trái với giáo pháp." Bí-sô các ông nên học như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Khi nói năng, im lặng
Các căn không tạo ác
Vâng theo lời ta dạy
Là người trí thông tuệ.
Tư duy tu xuất ly
Và không giận, không hại
Có chánh kiến xuất ly
Hiểu biết đúng như thật.
Hàng phục các ma ác

Và pháp ác, bất thiện
Đoạn hẳn các phiền não
Chứng cứu cánh Niết-bàn.
Nên Bí-sô các ông
Siêng tu, không buông lung
Nên tư duy đúng pháp
Tránh suy nghĩ trái pháp.
Các ông ai siêng tu
Nói, im, không phóng dật
Mau vượt khỏi sinh tử
Chứng Niết-bàn Vô thượng.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Bí-sô hữu học có hai loại năng lực. Hai loại đó là:

1. Năng lực lựa chọn.

2. Năng lực tu tập.

Thế nào là Bí-sô có năng lực lựa chọn? Nghĩa là có hạng Bí-sô hữu học, khi thọ dụng các thứ y phục, ẩm thực, phòng xá, đồ nằm, thuốc men chữa bệnh, của cải… đều lựa chọn một cách rõ ràng, không phải không chọn lựa mà liền thọ dụng. Đối với y phục, ẩm thực, phòng xá, đồ nằm, thuốc men chữa bệnh và của cải chưa có được thì không quá mong cầu. Đối với y phục, ẩm thực, phòng xá, thuốc men chữa bệnh và của cải đã được rồi thì không quá đắm chấp. Chấp nhận, chịu đựng những sự đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, rắn rít… xúc phạm chịu đựng những lời hủy báng, mắng nhiếc của người khác. Cố gắng chịu đựng những sự đau đớn, cay đắng dữ dội, khó chịu đựng từ trong cơ thể phát sinh ra cướp đoạt mạng sống, chịu đau khổ khó chữa trị. Nhẫn nhục chịu đựng tất cả những việc rất khó nhẫn ở thế gian. Lựa chọn rõ ràng ba loại hành ác thuộc thân, ngữ, ý để quán chiếu về quả khổ dị thục không thể ưa thích của pháp quá khứ, hiện tại, vị lai, cho nên suy nghĩ thế này: "Ta nay quyết định phải đoạn trừ ba loại ác hạnh thuộc thân, ngữ, ý. Ta nay quyết định phải tu ba loại thiện hạnh thuộc thân, ngữ, ý. Có thể nhận biết đúng đắn về lỗi lầm có ba loại ác hạnh. Lại nhận biết đúng đắn về công đức của ba loại thiện hạnh. Đã nhận biết đúng đắn rồi thì siêng đoạn ác hạnh, siêng tu thiện hạnh để sửa đổi bản thân, làm cho bản thân được thanh tịnh, lìa các tội lỗi. Đó gọi là năng lực lựa chọn ban đầu của Bí-sô hữu học.

Thế nào là Bí-sô có năng lực tu tập? Nghĩa là có hạng Bí-sô hữu học, những điều đã ghi nhớ, tất cả đều thuận với Giác chi không trái. Những

Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả đã được, tất cả đều thuận với giác chi không trái. Tu niệm Giác chi điều y chỉ nơi sự chán bỏ, xa lìa y chỉ nơi diệt trừ và hồi hướng về xả. Tu tập Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả giác chi đều y chỉ nơi sự chán bỏ, xa lìa y chỉ diệt trừ và hồi hướng nơi xả. Như vậy gọi là năng lực tu tập của loại Bí-sô hữu học. Đó gọi là hai năng lực của Bí-sô hữu học.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Các Bí-sô hữu học
Lược có ba năng lực
Lựa chọn và tu tập
Dẹp trừ quân ma ác.
Thấy lỗi xấu nên đoạn
Biết diệu đức nên tu
Nhẫn nhục và tư duy
Gọi năng lực lựa chọn.
Y chỉ, chán, lìa, diệt
Và hồi hướng về xả
Để tu bảy Giác chi
Gọi năng lực tu tập.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Do hai loại pháp diệt hết, nên chết. Hai pháp đó là:

1. Nghiệp hiện tại.

2. Tuổi thọ.

Do nghiệp hiện tại chấm dứt và do tuổi thọ chấm dứt nên quyết định chết.

Khi nào nghiệp hiện tại còn, khi ấy tuổi thọ còn. Khi nào tuổi thọ còn, khi ấy nghiệp còn. Vì sao? Vì hai pháp này luôn luôn hòa hợp nhau, không lúc nào là không hòa hợp. Hai pháp này không thể sắp đặt, phân tích, tách rời cho rằng: Hiện tại có nghiệp, lúc khác có thọ, hiện tại có thọ, lúc khác có nghiệp. Nếu nghiệp thì có thọ, nếu thọ thì có nghiệp. Nếu không có nghiệp thì không có thọ, nếu không có thọ thì không có nghiệp. Giống như đốt đèn thì có ngọn lửa và phát ra ánh sáng. Nếu có ngọn lửa thì có ánh sáng, nếu có ánh sáng thì có ngọn lửa. Nếu không có ngọn lửa thì không có ánh sáng, nếu không có ánh sáng thì không có ngọn lửa. Nghiệp và thọ cũng như vậy, nếu có tuổi thọ thì có nghiệp. Nếu không có nghiệp thì không có tuổi thọ. Nếu không có tuổi thọ thì không có nghiệp. Hai pháp này diệt hết thì liền chết.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Hai phát thường theo nhau
Là nghiệp cùng với thọ
Nghiệp có, thọ cũng có
Nghiệp không thọ cũng không.
Nghiệp thọ chưa tiêu mất
Hữu tình chưa thể chết
Nghiệp, thọ nếu diệt tận
Hàm thức sẽ chết ngay.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

Bí-sô nên biết! Có hai loại hành, chúng sinh ở thế gian cùng nhau tạo tác. Hai hành đó là:

1. Hành đưa đến chết yểu.

2. Hành đưa đến trường thọ.

Thế nào là hành đưa đến chết yểu? Nghĩa là có hạng người vì tánh hung bạo, thường ưa sát sinh, sát hại mạng sống các loài vật, thường làm việc sát hại các chúng sinh, không xót thương, hổ thẹn, thường làm việc giết hại các chúng sinh, cho đến giẫm đạp, sát hại các loài trùng kiến. Đó gọi là hành đưa đến chết yểu.

Thế nào là hành đưa đến trường thọ? Nghĩa là có hạng người xa lìa việc sát sinh, vứt bỏ dụng cụ sát sinh, thương xót, hổ thẹn, thường làm việc giết hại chúng sinh, cho đến giẫm đạp, sát hại các loài trùng kiến. Đó gọi là hành đưa đến trường thọ.

Như vậy gọi là có hai loại hành chúng sinh trong thế gian cùng nhau tạo tác.

Khi ấy Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Hữu tình trong thế gian
Lược có hai loại hành
Do hai hành sai biệt
Mạng sống có dài ngắn.
Thường ưa việc sát sinh
Hung bạo tay vấy máu
Không xót thương, hổ thẹn
Chắc chắn bị chết yểu.
Thường ưa lìa sát sinh
Vứt bỏ các sát cụ
Hổ thẹn và thương xót

Nhất định được trường thọ.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Do hai hành tướng, nên tâm mới chấp giữ tướng. Hai hành tướng đó là:

1. Hành tướng của đối tượng được duyên.

2. Hành tướng tác ý.

Tất cả những tướng gì mà tâm đã chấp thủ, đang chấp thủ, sẽ chấp thủ, đều do hai loại hành tướng này.

Bí-sô các ông do hai hành tướng này nên cần phải chánh tinh tấn để nắm rõ được hoàn toàn tướng của tâm. Nắm rõ được hoàn toàn tướng của tâm rồi, nên tác ý đúng tướng của tâm. Tác ý đúng tướng của tâm rồi nên quán sát trọn vẹn. Quán sát trọn vẹn rồi nên an trụ hoàn toàn. An trụ hoàn toàn rồi nên giống như địa giới, chánh tinh tấn tu tập cùng khắp, không thiếu xót. Nên giống như thủy giới, hỏa giới, phong giới, chánh tinh tấn tu tập cùng khắp, không thiếu sót.

Bí-sô nên biết! Ví như địa giới, nếu trong đó vứt bỏ đầy các loại phẩn uế, mũi dãi, máu mủ. Các vậy tịnh và bất tịnh tuy vứt đầy trong đó như vậy, nhưng địa giới chưa từng tỏ ra vui buồn, thuận nghịch, cao hay thấp. Nên giống như địa giới an tâm như vậy, chánh tinh tấn tu tập cùng khắp, không thiếu sót. Đã giống như địa giới chánh tinh tấn tu tập cùng khắp, không thiếu sót, tuy gặp vô số các duyên thuận nghịch nhưng tâm không phân biệt, tính toán, so đo. Hoàn toàn không do nhân duyên sai biệt ấy mà tâm thành cao hay thấp.

Lại như thủy giới, hỏa giới, phong giới nếu trong đó vứt bỏ đầy các loại phẩn uế, mũi dãi, máu mủ, các vậy tịnh và bất tịnh tuy vứt đầy trong đó như vậy nhưng thủy giới, hỏa giới, phong giới chưa từng tỏ ra vui buồn, thuận nghịch cao hay thấp. An tâm như thì đồng như nơi thủy giới, hỏa giới, phong giới, chánh tinh tấn tu tập cùng khắp không thiếu sót, tuy gặp vô số các duyên thuận nghịch nhưng tâm hoàn toàn không phân biệt, tính toán, so đo. Tâm hoàn toàn không do nhân duyên sai biệt này mà trở thành cao hay thấp. Do định này mà đối với thân thể có nhận thức này và trong tất cả những tướng của đối tượng được duyên bên ngoài chấp lấy ngã, ngã sở. Kiến chấp về mạn, phiền não, được điều phục và trừ diệt hoàn toàn. Đối với hai loại kia, tâm vượt khỏi hẳn, lìa tất cả tướng tịch tĩnh, an ổn, hoàn toàn giải thoát. Đối với sở đắc, danh vang, tiếng khen, sự vui thích, tâm không vui mừng hơn. Đối với cái khổ bị suy kém, hủy nhục, chê bai, tâm người đó cũng không buồn rầu. Đó gọi là vượt qua tám pháp của thế gian.

Tâm người đó bình đẳng, giống như đất, nước, lửa, gió ở thế gian, tám pháp thế gian không thể làm cho cấu nhiễm.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Tâm thô động khó điều
Mau lẹ không gì bằng
Chánh tinh tấn, giữ tướng
Là sáng suốt ở đời.
Khéo giữ tướng tâm rồi
Lại tác ý quán sát
Chánh niệm, trụ nơi tâm
Siêng tu, đồng bốn giới.
An trụ đúng như vậy
Vứt bỏ hết các dục
Đối tám pháp thế gian
Hoàn toàn không cấu nhiễm.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có hai loại pháp, tuy chống trái nhau, chưa từng hòa hợp, nhưng trong đó không hề thiếu sót, gián đoạn. Hai pháp đó là sinh và tử.

Ví như bóng tối và ánh sáng ở thế gian, tuy trái ngược nhau, chưa từng hòa hợp, nhưng ngay trong đó không thiếu, không gián đoạn. Khi ánh sáng phát sinh thì bóng tối ẩn mất. Khi bóng tối xuất hiện thì ánh sáng liền lui. Sinh và tử cũng như vậy, chúng thường trái chống nhau chưa từng hòa hợp, nhưng ngay trong đó không thiếu sót, gián đoạn. Khi pháp sinh xuất hiện thì pháp tử ẩn mất. Khi pháp tử xuất hiện thì pháp sinh ẩn mất.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Như ánh sáng, bóng tối
Luôn luôn trái nghịch nhau
Nhưng giữa hai pháp ấy
Chưa từng có gián đoạn.
Sinh tử cũng như vậy
Tuy thường cùng trái nhau
Nhưng giữa hai pháp ấy
Chưa từng có gián đoạn.
Sinh tử gốc vô minh
Thấm ướt do nước ái
Nên sinh tử tiếp nối

Không lúc nào gián đoạn.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có hai trường hợp chết. Đó là:

1. Chết không điều phục.

2. Chết có điều phục.

Thế nào là chết không điều phục? Nghĩa là các hạng phàm phu ngu tối, không hiểu biết, chưa được gần gũi các bậc Thiện sĩ chánh kiến, chưa nhận biết rõ pháp của các bậc Thiện sĩ, đối với pháp ấy chưa tự điều thuận. Người đó tùy theo nhận thức, cho rằng: Sắc tức là ngã, sắc thuộc về ngã, sắc ở trong ngã, ngã ở trong sắc. Người đó tùy theo nhận thức, cho rằng: Thọ tức là ngã, thọ thuộc về ngã, thọ ở trong ngã, ngã ở trong thọ. Người đó tùy theo nhận thức, cho rằng: Tưởng tức là ngã, tưởng thuộc về ngã, tưởng ở trong ngã, ngã ở trong tưởng. Người đó tùy theo nhận thức, cho rằng: Hành tức là ngã, hành thuộc về ngã, hành ở trong ngã, ngã ở trong hành. Người đó tùy theo nhận thức, cho rằng: Thức tức là ngã, thức thuộc về ngã, thức ở trong ngã, ngã ở trong thức. Mắt thấy sắc xong, chấp thủ tướng đó, chấp thủ theo cái đẹp, do nhân duyên ấy, ngay nơi nhãn căn của người đó không thể chánh niệm, phòng giữ, tự chủ được, nên khởi lên sự tham ưu, nên có vô lượng pháp ác bất thiện theo tâm tuôn ra, không thể ngăn chận. Ngay nơi nhãn căn của người đó không thể phòng giữ, buông thả nhãn căn đi đến các cảnh giới. Tham đắm vị ngọt của sắc, tâm họ bị trói buộc quấy nhiễu. Vì sự tham đắm này nên họ chịu khổ lâu dài, chịu khổ mãnh liệt, chịu khổ vô bờ bến, tăng thêm nhiều thân bị đâm chảy máu, tăng thêm nẻo đường mênh mông, quạnh quẽ, qua lại vô lượng lần trong các nẻo địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ, trong các nẻo Trời, Người, A-tu-la, chịu khổ dữ dội, đều do nhãn căn không được điều phục. Hoặc khi tai nghe tiếng xong, mũi ngửi hương xong, lưỡi nếm vị xong, thân xúc giác xong, ý biết pháp xong, chấp giữ nơi tướng đó, chấp giữ cái đẹp; do nhân này, ý căn của người đó không thể chánh niệm, phòng hộ, tự chủ, nên phát sinh tham ưu, liền có vô lượng pháp ác bất thiện theo tâm tuôn ra không thể ngăn chận. Ngay nơi ý căn của người đó không thể phòng giữ, buông thả ý căn đến các cảnh giới. Tham đắm vị ngọt của pháp, tâm người đó bị trói buộc quấy nhiễu. Do tham này nên chịu khổ lâu dài, chịu khổ mãnh liệt, chịu khổ vô bờ, tăng thêm nhiều thân bị đâm chảy máu, tăng thêm nẻo đường mênh mông hiu quạnh. Qua lại vô lượng lần sinh trong cõi địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ, trong các nẻo Trời, Người, A-tu-la, chịu các khổ kịch liệt… đều do

ý căn không được điều phục, nên gọi đó là cái chết chưa được điều phục.

Thế nào là cái chết đã được điều phục? Nghĩa là các đệ tử đa văn của Hiền thánh đã gần gũi các bậc Thiện sĩ chánh kiến, đã nhận biết pháp của bậc Thiện sĩ, đối với pháp của bậc ấy đã tự điều thuận, không tùy thuận theo nhận thức: Sắc tức là ngã, sắc thuộc về ngã, sắc ở trong ngã, ngã ở trong sắc. Không tùy thuận theo nhận thức: Thọ tức là ngã, thọ thuộc về ngã, thọ ở trong ngã, ngã ở trong thọ. Không tùy thuận theo nhận thức: Tưởng tức là ngã, tưởng thuộc về ngã, tưởng ở trong ngã, ngã ở trong tưởng. Không tùy thuận theo nhận thức: Hành tức là ngã, hành thuộc về ngã, hành ở trong ngã, ngã ở trong hành. Không tùy thuận theo nhận thức: Thức tức là ngã, thức thuộc về ngã, thức ở trong ngã, ngã ở trong thức. Mắt thấy sắc xong, không chắp giữ tướng đó, không chạy theo cái đẹp, do nhân duyên ấy, ngay nơi nhãn căn của người đó chánh niệm hoàn toàn, phòng hộ tự chủ nên không sinh tham ưu Vô lượng các pháp ác, bất thiện theo tâm tuôn chảy đều có thể ngăn chận không cho theo tâm hiện bày. Nhãn căn của người đó được phòng giữ hoàn toàn, không buông thả đi đến các cảnh giới, không tham vị ngọt của sắc trói buộc, quấy nhiễu tâm. Không do sự tham này mà chịu khổ lâu dài, chịu khổ mãnh liệt, chịu khổ vô bờ, tăng thêm thân bị đâm chảy máu, tăng thêm nẻo đường mênh mông, hiu quạnh, không còn qua lại sinh trong cõi địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh, trong các nẻo Trời, Người, A-tu-la, chịu khổ kịch liệt… đều do nhãn căn đã được điều phục hoàn toàn. Lúc như vậy, tai nghe tiếng xong, mũi ngửi hương xong, lưỡi nếm vị xong, thân xúc chạm xong, ý biết pháp xong, không chấp chặt tướng đó, không chạy theo cái đẹp đó. Do nhân duyên này, ngay nơi ý căn của người đó, chánh niệm hoàn toàn, phòng hộ tự chủ, nên không sinh tham ưu. Có vô lượng pháp ác, bất thiện theo tâm chảy ra đều bị ngăn chận, ngay nơi ý căn của người đó chánh niệm được phòng giữ hoàn toàn, không buông thả ý căn đi đến các cảnh giới, không tham vị ngọt của pháp, trói buộc, quấy nhiễu tâm họ, không do việc tham này mà chịu khổ lâu dài, chịu khổ mãnh liệt, chịu khổ vô bờ, tăng thêm thân bị đâm chảy máu, tăng thêm nẻo đường mênh mông quạnh quẽ, không còn qua lại sinh trong cõi địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh, trong các nẻo Trời, Người, A-tu-la, chịu các khổ kịch liệt… đều do ý căn được điều phục hoàn toàn. Như vậy gọi là cái chết có điều phục.

Bí-sô nên biết! Người chết không được điều phục, chìm đắm trong vô lượng biển khổ sinh tử. Còn người chết có điều phục sẽ vượt qua vô lượng biển khổ sinh tử. Đó gọi là hai cái chết.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này và nói kệ:

Lược nêu các hữu tình
Có hai loại pháp chết
Điều phục, không điều phục
Hoàn toàn không có ba.
Chết mà không điều phục
Quyết định vào các nẻo
Chịu các khổ luân hồi
Qua lại vô lượng lần.
Người chết đã điều phục
Không đọa trong nẻo ác
Ngay trong cõi trời, người
Dứt sạch hết các khổ.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Tất cả các pháp lược có hai loại. Đó là:

1. Tạp nhiễm.

2. Thanh tịnh.

Nên quán sát đúng đắn chỉ do một pháp sinh ra. Vì sao? Vì ai ngay nơi một pháp có thể giữ gìn hoàn toàn thì đối với tất cả pháp có thể giữ gìn hoàn toàn. Ai đối với một pháp không thể giữ gìn hoàn toàn thì đối với tất cả pháp không thể giữ gìn hoàn toàn.

Một pháp là gì? Đó là tâm của chúng sinh. Ai đối với tâm không thể giữ gìn thì không thể giữ gìn thân, ngữ, ý nghiệp. Ai không thể giữ gìn thân, ngữ, ý nghiệp, thì người như vậy tức là người thân, ngữ, ý nghiệp đều bị bại hoại. Thân, ngữ, ý nghiệp đều bại hoại nên tâm của người đó có sự vẩn đục, cấu uế. Người có tâm vẩn đục, cấu uế mà có thể nhận biết đúng đắn việc lợi lạc cho mình, việc lợi lạc cho người, việc lợi lạc cho cả hai, thì không có lẽ đó. Có thể nhận biết đúng đắn ý nghĩa của lời nói tốt, ý nghĩa của lời nói ác thì không có lẽ đó. Có thể chứng được tất cả pháp của bậc Thượng nhân thù thắng, trí, kiến của bậc Thánh đích thực thì không thể có lẽ đó. Vì sao? Vì tâm của người đó vẩn đục, cấu uế. Ví như các tòa lâu đài hiện có ở thế gian, nếu ngay nơi trung tâm không được che lợp thật kín thì xà, vách, đòn tay đều bị thấm ướt. Do xà, vách, đòn tay bị thấm ướt nên tất cả đều bị hư hại hết. Lại như các ao hồ nơi thế gian do gần xóm làng, thôn ấp nên bị vẩn đục, nhơ nhớp. Người có mắt sáng đứng trên bờ ao chú ý quán sát các loại cá, rùa, bò, hến, đá, sỏi hiện có trong ao, dù đã đi đứng quanh khắp bờ ao, nhưng rất khó có thể thấy

rõ được. Vì sao? Vì nước trong ao hồ bị vẩn đục, nhơ nhớp. Cũng vậy, ai đối với tâm không thể giữ gìn thì không thể giữ gìn thân, ngữ, ý nghiệp. Ai không thể giữ gìn thân, ngữ, ý nghiệp thì thân, ngữ, ý nghiệp của người đó đều bị bại hoại. Thân, ngữ, ý nghiệp bại hoại nên tâm người đó có sự vẩn đục, cấu uế. Tâm người đó có sự vẩn đục, cấu uế mà có thể nhận biết đúng đắn việc lợi lạc cho mình, việc lợi lạc cho người, việc lợi lạc cho cả hai, thì không có việc ấy; có thể nhận biết đúng đắn nghĩa của lời nói tốt, nghĩa của lời nói ác, thì không có lẽ đó. Có thể chứng được tất cả pháp của bậc Thượng nhân thù thắng, trí, kiến của bậc Thánh đích thực thì không có lẽ đó. Vì sao? Vì tâm người đó có sự vẩn đục, cấu uế.

Ai có thể khéo giữ gìn được tâm thì có thể khéo giữ gìn thân, ngữ, ý nghiệp. Ai có thể giữ gìn hoàn toàn thân, ngữ, ý nghiệp thì có như vậy tức là người thân, ngữ, ý nghiệp hoàn toàn không bại hoại. Thân, ngữ, ý nghiệp không bại hoại nên tâm người đó không vẩn đục, cấu uế. Người tâm không vẩn đục, cấu uế thì có thể nhận biết đúng đắn việc lợi lạc cho mình, việc lợi lạc cho người, việc lợi lạc cho cả hai, điều đó có thể được. Có thể nhận biết đúng đắn nghĩa của lời nói tốt, nghĩa của lời nói ác, điều đó có thể được. Có thể chứng được tất cả pháp bậc Thượng nhân thù thắng, trí, kiến của bậc Thánh đích thực, điều có thể được. Vì sao? Vì tâm người đó không bị vẩn đục, cấu uế. Ví như các tòa lâu đài hiện có ở thế gian, nếu như ở ngay nơi trung tâm được che lợp kín đáo đầy đủ thì xà, vách, đòn tay hoàn toàn không bị thấm ướt. Do xà vách và đòn tay không bị thấm ướt nên tất cả không bị hư hoại. Lại như ao, hồ nơi thế gian đều cách xa xóm làng, thôn ấp đều không vẩn đục, nhơ nhớp. Người có mắt sáng đứng trên bờ chú ý quán sát các loại cá, rùa, sò, hến, sỏi, đá hiện có trong ao do đi đứng quanh khắp bờ ao nên rất dễ nhìn thấy. Vì sao? Vì nước trong ao không bị vẩn đục, nhơ nhớp. Cũng vậy, chúng sinh ai giữ gìn được tâm thì có thể giữ gìn hoàn toàn thân, ngữ, ý nghiệp. Ai có thể giữ gìn hoàn toàn thân, ngữ, ý nghiệp thì người như vậy tức là có thân, ngữ, ý nghiệp hoàn toàn không bại hoại. Thân, ngữ, ý nghiệp không bại hoại nên tâm người đó không vẩn đục, cấu uế. Người tâm không vẩn đục, cấu uế thì có thể nhận biết đúng đắn việc lợi lạc cho mình, việc lợi lạc cho người, việc lợi lạc cho cả hai, điều đó có thể được. Có thể nhận biết đúng đắn nghĩa của lời nói tốt, nghĩa của lời nói ác, điều đó có thể được. Có thể chứng được tất cả pháp bậc Thượng nhân thù thắng, trí, kiến của bậc Thánh đích thực chân chánh, điều đó có thể được. Vì sao? Vì tâm người đó không bị vẩn đục, cấu uế.

Bí-sô nên biết! Tâm tạp nhiễm nên hữu tình tạp nhiễm. Tâm thanh tịnh nên hữu tình thanh tịnh. Thế nên hai pháp thanh tịnh và tạp nhiễm đều

nương tựa nơi tâm, từ tâm sinh ra.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ai không giữ gìn tâm
Tùy thuận theo các dục
Thường giong ruổi, phóng dật
Không việc gì không làm.
Ai khéo giữ gìn tâm
Không tùy thuận các dục
Không giong ruổi, phóng dật
Phòng hộ được tất cả.
Người thông minh ở đời
Phòng hộ thân, ngữ, ý
Không tạo các điều ác
Gọi Trượng phu trí dũng.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có hai loại tri kiến làm cho các hữu tình lần lượt gây oán hại, chống trái nhau. Hai loại đó là hữu kiến và vô kiến.

Có những Sa-môn hay Bà-la-môn chấp nhận hữu kiến, thường làm theo hữu kiến, đam mê hữu kiến thì cùng với những người yêu thích vô hữu kiến trái chống, oán hại nhau, đề cao hữu kiến, cho là hơn hết.

Có những Sa-môn hay Bà-la-môn chấp nhận vô hữu kiến, làm theo vô hữu kiến, đắm chấp vô hữu kiến, cùng với những người ưa thích hữu kiến lần lượt trái chống, oán hại nhau, đề cao vô hữu kiến, cho là bậc nhất.

Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn đối với sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự lỗi lầm nguy hiểm, sự xuất ly của hai kiến này, mà không dùng trí tuệ chân chánh để nhận biết đúng như thật. Ta nói người ấy là hạnh không có trí, kiến, là người có tham, sân, si, có sai trái, có hại, không có tuệ, không sáng suốt, không thể thoát khỏi pháp sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu khổ não thiêu đốt, không thể giải thoát khỏi các khổ nơi sinh tử.

Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đối với sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự lỗi lầm nguy hiểm, sự xuất ly của hai thứ kiến chấp này, có thể dùng trí tuệ chân chánh để nhận biết đúng như thật, ta nói người ấy là hạng người có trí, kiến, là người không tham, sân, si, không sai trái, không hại, có tuệ, có sáng suốt, quyết định có thể thoát khỏi các pháp sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khổ não thiêu đốt, quyết định có thể giải thoát khỏi khổ lớn nơi sinh tử.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Thế gian do hai kiến
Lần lượt chống trái nhau
Đây kia gây oán thù
Hữu kiến, vô hữu kiến.
Đối với các kiến này
Ưa thích không thể lìa
Đó là kẻ ngu si
Luôn khen mình, chê người.
Ai không biết tập, diệt
Vị, hoạn, xuất, kiến này
Bị thương tên độc kiến
Bị vô minh che lấp.
Đầy đủ tham, sân, si
Không trí tuệ soi sáng
Quyết không thể giải thoát
Khổ sinh, già, bệnh, chết.
Ai thấy tập, diệt, vị
Hoạn, xuất của kiến này
Tên độc kiến không hại được
Phá vô minh đen tối.
Xa lìa tham, sân, si
Đầy đủ trí tuệ sáng
Quyết định được giải thoát
Hết sinh, già, bệnh, chết.

Lại nữa, tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có hai chánh kiến, nên suy xét, lường tính quán sát kỹ càng. Ai lường tính quán sát kỹ thì có thể đắc điều chưa đắc, thông điều chưa thông, chứng điều chưa chứng, vượt khỏi ưu sầu, diệt hết khổ não, hội nhập chánh lý, đạt cam lồ, chứng Niết-bàn. Thế nào là hai? Nghĩa là tất cả chánh kiến ở thế gian này và chánh kiến xuất thế gian.

Thế nào là chánh kiến thế gian? Nghĩa là có một hạng người phát sinh nhận thức như vậy, lập luận như vậy, quyết định có bố thí, có lãnh thọ, có cúng tế, có nghiệp thiện ác, có quả dị thục, có thế gian ở đây, có thế gian ở kia, có cha, có mẹ, có các chủng loại hữu tình hóa sinh ở nơi thế gian. Có các hàng Sa-môn, Bà-la-môn… chánh chí, chánh hạnh nơi thế gian này và thế gian kia, tự nhiên thông đạt, tác chứng lãnh thọ. Như vậy gọi là chánh kiến thế gian. Các Thánh đệ tử đối với chánh kiến thế gian đã nói này nên

suy xét, lường tính quán sát nương vào chánh kiến thế gian đã nói ấy để có thể làm cho chúng sinh giải thoát hoàn toàn những pháp sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khổ não thiêu đốt không? Quán sát kỹ xong, liền nhận biết đúng đắn, nương vào chánh kiến thế gian đã nói ấy không làm cho chúng sinh được giải thoát hoàn toàn khỏi các pháp sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu khổ não thiêu đốt. Vì sao? Vì chánh kiến thế gian đã nói ấy không phải là chánh kiến của bậc chân Thánh, không phải là chánh kiến xuất ly, không phải là chánh kiến đưa đến cứu cánh là chứng đắc Niết-bàn, không đưa đến nhàm chán, không đưa đến từ bỏ, không đưa đến an tịnh, không đưa đến tịch diệt, không chứng thông tuệ, không thành tựu Đẳng giác, không đạt tới Niết-bàn, mà còn đưa đến các pháp sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu khổ não thiêu đốt. Biết như vậy rồi, đối với pháp thế gian sinh tưởng sợ hãi, đối với pháp xuất thế, sinh tưởng an tĩnh. Do đối với pháp thế gian sinh tưởng sợ hãi nên hoàn toàn không chấp thủ. Do không chấp thủ nên không mong cầu, không mong cầu nên bên trong chứng được cứu cánh Niết-bàn. Chứng như vậy xong, liền tự thấu tỏ: Sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Cũng vậy, các ông đối với chánh kiến thế gian đã nói ấy nên suy xét kỹ, lường tính kỹ, quán sát kỹ.

Thế nào là chánh kiến xuất thế gian? Nghĩa là trí nhận biết khổ, trí nhận biết nguyên nhân của khổ, trí nhận biết khổ diệt, trí nhận biết con đường có thể hướng đến diệt khổ. Như vậy gọi là chánh kiến xuất thế gian. Các Thánh đệ tử đối với chánh kiến xuất thế gian đã nói này nên suy nghĩ kỹ, lường tính kỹ, quán sát kỹ, nương vào chánh kiến xuất thế đã nói ấy để có thể làm cho chúng sinh hoàn toàn thoát khỏi những pháp sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu khổ não thiêu đốt không? Quán sát kỹ xong, liền nhận biết đúng đắn, nương vào chánh kiến xuất thế đã nói ấy, có thể làm cho chúng sinh hoàn toàn thoát khỏi những pháp sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu khổ não thiêu đốt không? Quán sát kỹ xong, liền nhận biết đúng đắn, nương vào chánh kiến xuất thế đã nói ấy, có thể làm cho chúng sinh hoàn toàn thoát khỏi những pháp sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu khổ não thiêu đốt. Vì sao? Vì như chánh kiến xuất thế đã nói, là chánh kiến của bậc chân Thánh, là chánh kiến xuất ly, là chánh kiến đưa đến cứu cánh là chứng Niết-bàn, đưa đến nhàm chán, đưa đến từ bỏ, đưa đến an tĩnh, đưa đến tịch diệt, chứng thông tuệ, thành tựu Đẳng giác, đắc Niết-bàn, vượt qua tất cả những pháp sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu khổ não thiêu đốt. Biết như vậy rồi, đối với pháp xuất thế gian sinh tưởng tôn quý, đối với pháp thế gian sinh tưởng thấp kém. Đối với pháp xuất thế sinh tưởng tôn quý nên liền sinh hoan hỷ. Do sinh hoan hỷ nên tâm an vui. Tâm an vui nên tâm được khinh an. Thân

khinh an nên cảm thọ sự hỷ lạc, cảm thọ sự hỷ lạc nên tâm được tịch định. Tâm được tịch định nên tri kiến đúng đắn. Tri kiến đúng như thật nên nhàm chán, từ bỏ. Càng nhàm chán từ bỏ nên ngay khi ấy lìa tham dục, lìa tham dục nên được giải thoát, được giải thoát nên tự thấu tỏ: Sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Cũng vậy, các ông đối với chánh kiến xuất thế gian đã nói ấy nên suy xét đúng đắn, nên lường tính kỹ, quán sát kỹ.

Như vậy gọi là hai loại chánh kiến nên suy xét đúng đắn, nên lường tính kỹ, quán sát kỹ, thì có thể đắc điều chưa đắc, thông điều chưa thông, chứng điều chưa chứng, có thể vượt khỏi ưu sầu, diệt hết khổ não, hội nhập chánh lý, đạt cam lồ, chứng đắc Niết-bàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Có hai loại chánh kiến
Thế và xuất thế gian
Người trí suy xét đúng
Có thể dứt các khổ.
Suy xét kỹ thế gian
Liền sinh tưởng tôn quý
Tâm hoan hỷ an vui
Do đây được khinh an.
Khinh an nên an lạc
An lạc tâm tịch định
Tâm định sinh giác chi
Tri kiến bốn lẽ thật.
Thấy thật, đoạn các nghi
Hết nghi, không chấp thủ
Thoát khỏi tất cả khổ
Chứng Niết-bàn vô thượng.

-oOo-

Bài kệ tóm tắt kinh phần Bản Sự ở trước:

Thí, Từ cùng tập hội
Như, bất như, học chung
Hành tướng tương vi, tử
Nhiễm, tịnh, cùng hai kiến.

-oOo-

KINH BẢN SỰ

QUYỂN 6

Phẩm 3: BA PHÁP (PHẦN 1)

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Cảnh giới của các loài hữu tình thân cận với nhau, không chống trái nhau. Những loài hữu tình có sự hiểu biết thấp kém cùng với các loài hữu tình có sự hiểu biết thấp kém thân cận nhau, ảnh hưởng, hỗ trợ nhau. Các loài hữu tình có sự hiểu biết thù thắng cùng với các loài hữu tình có sự hiểu biết thù thắng thân cận nhau, ảnh hưởng, hỗ trợ nhau.

Cảnh giới của các loài hữu tình nơi đời quá khứ đã thân ái nhau, không chống trái nhau. Các loài hữu tình có sự hiểu biết thấp kém cùng với các loài hữu tình có sự hiểu biết thấp kém đã thân cận nhau, ảnh hưởng, hỗ trợ nhau. Các loài hữu tình có sự hiểu biết thù thắng cùng với các loài hữu tình có sự hiểu biết thù thắng thân cận nhau, ảnh hưởng, hỗ trợ nhau.

Cảnh giới của các loài hữu tình nơi đời vị lai sẽ thân ái nhau, không chống trái nhau. Các loài hữu tình có sự hiểu biết thấp kém cùng với các loài hữu tình có sự hiểu biết thấp kém đã thân cận nhau, ảnh hưởng hỗ trợ nhau. Các loài hữu tình có sự hiểu biết thù thắng cùng với các loài hữu tình có sự hiểu biết thù thắng thân cận nhau, ảnh hưởng, hỗ trợ nhau.

Các loài hữu tình ngay đời hiện tại đang thân ái nhau, không chống trái nhau. Các loài hữu tình có sự hiểu biết thấp kém cùng với các loài hữu tình có sự hiểu biết thấp kém đã thân cận nhau, ảnh hưởng, hỗ trợ nhau. Các loài hữu tình có sự hiểu biết thù thắng cùng với các loài hữu tình có sự hiểu biết thù thắng thân cận nhau, ảnh hưởng, hỗ trợ nhau.

Thế nên Tôn giả Giải Kiều-trần-như cùng với đồng bạn của mình gồm sáu mươi người, thường nhóm họp, cùng tu phạm hạnh A-lan-nhã.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp cùng với đồng bạn của mình gồm vô lượng người, thường cùng nhóm họp, tu tập diệu hạnh Đầu-đà.

Tôn giả Xá-lợi-phất cũng với đồng bạn của mình có vô lượng người, thường cùng nhóm họp tu tập hạnh Đại trí tuệ.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng với đồng bạn của mình có vô lượng

người, thường cùng nhóm họp đồng tu tập hạnh Đại thần thông.

Tôn giả Câu-sắc-chỉ-la cùng với đồng bạn của mình có vô lượng người, thường nhóm họp, đồng tu tạp hạnh Vô ngại giải.

Tôn giả Mãn Từ Tử cùng với đồng bạn của mình có vô lượng người, thường nhóm họp, đồng tu tập hạnh Giảng thuyết chánh pháp.

Tôn giả Ca-đa-diễn-na cùng với đồng bạn của mình có vô lượng người, thường nhóm họp, đồng tu tập hạnh Giải thích kinh điển.

Tôn giả Thiện Hiện cùng với đồng bạn của mình có vô lượng người, thường nhóm họp, đồng tu tập phạm hạnh Trụ vô tránh.

Tôn giả Hiệt-lệ-phạt-đa cùng với đồng bạn của mình có vô lượng người, thường nhóm họp, đồng tu các hạnh Tĩnh lự.

Tôn giả Ưu-ba-ly cùng với đồng bạn của mình có vô lượng người, thường nhóm họp, đồng tu hạnh Trì luật.

Tôn giả Vật Lực Sĩ Tử cùng với đồng bạn của mình có vô lượng người, thường nhóm họp, đồng tu hạnh Trải tọa cụ… cho chúng Tăng.

Tôn giả Bất Diệt cùng với đồng bạn của mình có vô lượng người, thường nhóm họp, đồng tu tập hạnh Thiên nhãn thanh tịnh.

Tôn giả A-nan cùng với đồng bạn của mình có vô lượng người, thường nhóm họp, đồng tu tập hạnh Ưa chuộng đa văn.

Tôn giả La-hỗ-la cùng với đồng bạn của mình có vô lượng người, thường nhóm họp, đồng tu tập hạnh Vui thích trì giới.

Đồng tử Ca-diếp cùng với đồng bạn của mình có vô lượng người, thường nhóm họp, đồng tu tập hạnh Giỏi biện thuyết.

Tôn giả Kiếp-tỷ-noa cùng với đồng bạn của mình có vô lượng người, thường nhóm họp, đồng tu tập hạnh giáo giới giáo thọ đại Bí-sô.

Tôn giả Nan-đà cùng với đồng bạn với mình có vô lượng người, thường nhóm hợp đồng tu tập hạnh Giáo giới giáo thọ Bí-sô-ni.

Tôn giả Ưu-ba-tây-na cùng với đồng bạn của mình có vô lượng người, thường nhóm họp, đồng tu tập hạnh Đầy đủ oai nghi.

Tôn giả Nghiên-mỹ-nan-đà cùng với đồng bạn của mình gồm sáu mươi người, thường nhóm họp, đồng tu tập hạnh Đoan nghiêm.

Kẻ ngu si Thiện Thọ cùng với đồng bạn của mình gồm sáu mươi người, thường nhóm họp, đồng thực hành hạnh bạo ngược, ác độc.

Vì thế, nên biết các loài hữu tình thân cận với nhau, không chống trái nhau. Các loài hữu tình có sự hiểu biết thấp kém cùng với các loài hữu tình có sự hiểu biết thấp kém đã thân cận nhau, ảnh hưởng, hỗ trợ nhau. Các

loài hữu tình có sự hiểu biết thù thắng cùng với các loài hữu tình có sự hiểu biết thù thắng thân cận nhau, ảnh hưởng, hỗ trợ nhau.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Như cỏ cây rừng rậm
Cũng như gió và lửa
Mỗi vật do nhóm loại
Loài hữu tình cũng vậy.
Người ngu quen với ngu
Người trí thân với trí
Bạn bè riêng nhóm loại
Nên gần người có trí.
Gần gũi người biếng nhác
Nhất định mất trí tuệ
Như phá rách phao nổi
Nhất định chìm biển sâu.
Nên phải lìa biếng nhác
Ưa ở chỗ vắng vẻ
Gần gũi người có trí
Có thể mau hết khổ.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Do ba nhân, ba duyên có thể đưa đến đời sau. Ba nhân duyên đó là vô minh chưa vĩnh viễn đoạn trừ, ái chưa trừ bỏ và nghiệp chưa dứt trừ. Do những nhân duyên này nên đưa đến đời sau. Vì sao? Vì nghiệp là ruộng tốt, thức là hạt giống, ái là nước tưới, được bảo vệ do vô minh, vô trí, không thấu tỏ, không nhận biết, thức liền an trụ.

Đối với ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc, thì cõi Dục là thấp nhất. Cõi Sắc ở bậc trung. Cõi Vô sắc là hơn hết.

Thuận theo nghiệp của Dục giới, đưa đến quả dị thục, không hiện tiền, không thể nêu bày được kết quả, đây là cõi Dục. Do nghiệp nơi cõi Dục đưa đến quả Dị thục, chính thức hiện tiền nên hiện bày được kết quả, đây là cõi Dục. Nên ngay khi ấy, nghiệp là ruộng tốt, thức là hạt giống, ái là nước tưới, được bảo vệ do vô minh, vô trí, không thấu tỏ, không nhận biết, nên thức liền an trụ, đưa xuống chốn thấp kém của Dục giới.

Thuận theo nghiệp của Sắc giới, đưa đến quả dị thục, nếu nghiệp không hiện tiền thì không thể nêu bày được kết quả; đây là cõi Sắc. Do nghiệp nơi cõi Sắc, đưa đến quả dị thục, chính thức hiện tiền nên nêu bày được kết quả đây là cõi Sắc. Nên ngay khi ấy, nghiệp là ruộng tốt, thức là

hạt giống, ái là nước tưới, được bảo vệ do vô minh, vô trí, không thấu tỏ, không nhận biết, thức liền an trụ, đưa đến chốn bậc trung của cõi Sắc.

Thuận theo nghiệp của cõi Vô sắc, đưa đến quả dị thục, không hiện tiền, không thể nêu bày được kết quả, đây là cõi Vô sắc. Do nghiệp của cõi Vô sắc, đưa đến quả dị thục, chính thức hiện tiền, nên có thể nêu bày được kết quả, đây là cõi Vô sắc. Nên ngay khi ấy, nghiệp là ruộng tốt, thức là hạt giống, ái là nước tưới, được bảo vệ do vô minh, vô trí, không thấu tỏ, không nhận biết, thức liền an trụ vào cõi Vô sắc tốt đẹp.

Bí-sô nên biết! Do xa lìa nên xuất ly cõi Dục. Do Vô sắc nên xuất ly cõi Sắc. Do diệt trừ hẳn nên xuất ly tất cả. Tư lự làm duyên nên phát sinh các hữu.

Bí-sô các ông nên dùng chánh tuệ quán sát đúng như thật, xuất ly khỏi cõi Dục, nên dùng chánh tuệ quán sát đúng như thật để xuất ly cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Thế nào là các ông nên dùng chánh tuệ quán sát đúng như thật quán sát, xuất ly cõi Dục? Nghĩa là lìa các pháp ác, bất thiện nơi cõi Dục, có tầm, có từ, ly sinh hỷ lạc, an trụ hoàn toàn vào tĩnh lự thứ nhất. Dùng chánh tuệ quán sát đúng như thật trong đó có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, tánh của pháp này đều là vô thường, đều là khổ, như bệnh, như ung nhọt, như trúng tên độc, có phiền não, có độc hại, có sợ hãi, nghi ngờ, có hiềm oán, có thù địch, mau chóng hư hoại, nhiều các tật dịch, nhiều các tai ương, hư giả không thật, ly tán, không có ngã, không thể tin tưởng. Vậy nên các ông phải dùng chánh tuệ quán sát đúng như thật để xuất ly cõi Dục.

Thế nào là các ông nên dùng chánh tuệ quán sát đúng như thật để xuất ly cõi Sắc? Nghĩa là chính thức vượt qua tất cả tưởng về sắc, diệt tưởng hữu đối, không còn tư duy vào tưởng gì khác nữa. Hoàn toàn an trụ nơi hư không vô biên, xứ không vô biên. Dùng chánh tuệ quán sát đúng như thật về thọ, tưởng, hành, thức, trong đó tánh của pháp này đều là vô thường, đều là khổ, như bệnh, như ung nhọt, như trúng tên độc, có phiền não, có độc hại, có sợ hãi, có nghi ngờ, có oán hận, có thù địch, nhiều các tật dịch, nhanh chóng hư hoại, nhiều các tai ương, hư giả không thật, ly tán, không có ngã, không thể tin tưởng. Thế nên các ông phải dùng chánh tuệ quán sát đúng như thật để xuất ly cõi Sắc.

Các ông vì sao nên dùng chánh tuệ quán sát đúng như thật để xuất ly cõi Vô sắc? Nghĩa là nhận biết đúng đắn đây là tịch tĩnh, đây là vi diệu, nghĩa là lìa kiêu mạn, dứt các thứ khát ái, diệt các A-lại-da, đoạn trừ các con đường lưu chuyển tắt, hoàn toàn không sở đắc, dứt ái, ly dục, Niết-bàn

tịch diệt. Vậy nên các ông phải dùng chánh tuệ quán sát đúng như thật để xuất ly cõi Vô sắc. Ai làm được như vậy, nghĩa là dùng chánh tuệ quán sát đúng như thật để ra khỏi ba cõi, ngay nơi ba cõi Dục, Sắc và Vô sắc càng thêm nhàm chán, từ bỏ. Càng nhàm chán, từ bỏ nên chinh thức lìa dục. Chinh thức lìa dục nên được giải thoát. Được giải thoát xong tự thấu tỏ: Sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Dùng chánh tuệ quán sát
Tướng xuất ly ba cõi
Chấm dứt hết các hành
Đắc Niết-bàn tối thượng.
Đã thoát khỏi các lậu
Khéo tu tập Du-già
Ngay nơi thân tối hậu
Hàng phục hết các ma.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có ba nhân ba duyên làm cho các hữu tình mong cầu lợi dưỡng, sinh nhiều lỗi lầm. Ba nhân duyên đó là:

1. Tham dục làm nhân làm duyên, khiến các hữu tình mong cầu lợi dưỡng, sinh các lỗi lầm.

2. Sự đắm chấp làm nhân làm duyên, khiến các hữu tình mong cầu lợi dưỡng, sinh các lỗi lầm.

3. Thọ dụng không thấy lỗi lầm làm nhân làm duyên, khiến các hữu tình mong cầu lợi dưỡng, sinh nhiều lỗi lầm.

Bí-sô các ông không nên phát sinh ba nhân ba duyên cầu lợi dưỡng, sinh nhiều lỗi lầm này.

Bí-sô nào đầy đủ ba nhân ba duyên như đã nói này, đi đến nhà thí chủ cầu xin lợi dưỡng tốt. Hoặc giả, gặp lúc nhà đó bỗng nhiên bị sa sút, khi thấy Bí-sô đến sinh lòng buồn rầu, lo lắng, lặng thinh không cung kính chào hỏi, không đứng dậy tiếp rước, không nhắc ghế mời ngồi, không nói chuyện. Bí-sô thấy tướng ấy liền nghĩ: "Nhà thí chủ này thường cung kính tiếp đãi. Ai đã gièm siểm đến nỗi như vậy?" Do nhân duyên này làm cho Bí-sô không vui vẻ, không nhẫn nhục, lòng sân giận, độc hại phát sinh, hoặc phát sinh nghiệp ác bất thiện thuộc thân, ngữ. Do đây, bị đọa trong các nẻo ác, chịu quả báo không ưa thích.

Bí-sô nên biết! Ta quán xét các loại hữu tình khắp thế gian do lợi

dưỡng quấy nhiễu tâm họ, sau khi qua đời bị đọa trong các nẻo ác, sinh nơi địa ngục, chịu qua báo không ưa thích. Ta quán sát các loại hữu tình khắp thế gian do suy tổn làm rối loạn tâm họ, sau khi qua đời bị đọa trong các nẻo ác, sinh nơi địa ngục, chịu qua báo không ưa thích. Ta quán sát các loại hữu tình khắp thế gian do lợi dưỡng và suy tổn làm rối loạn tâm, sau khi qua đời bị đọa trong các nẻo ác, sinh nơi địa ngục, chịu qua báo không ưa thích. Vì sao? Vì phàm phu ngu si bị các lợi dưỡng trước hết phá hết lớp màng mỏng của họ. Phá lớp màng mỏng xong, phá đến da. Phá da xong, phá đến thịt. Phá thịt xong lại cắt đứt gân mạch. Cắt đứt gân mạch xong lại phá xương cốt. Phá xương cốt xong, lại tổn thương tủy não, sau đó mới dừng, thế nên các ông phải học như vầy: "Ta phải tu tập như thế nào để không bị lợi dưỡng quấy nhiễu tâm? Ta phải tu tập như thế nào để không bị suy tổn quấy nhiễu tâm? Ta phải tu tập như thế nào để không bị lợi dưỡng và suy tổn quấy nhiễu tâm? Một mình ở chỗ vắng vẻ, siêng tu tập hạnh Thánh, mau chứng Niết-bàn thường lạc vô thượng." Bí-sô các ông nên học như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Do ba loại nhân duyên
Mong cầu các lợi dưỡng
Phá vô số công đức
Và thối thất nhân thiên.
Những người có trí tuệ
Được chút ít lợi dưỡng
Tâm họ khéo an định
Bất định như núi lớn.
Thường tĩnh lự an nhiên
Quán đúng nghĩa các pháp
Tu tri kiến sâu xa
Chứng Niết-bàn thường lạc.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Sinh vào chỗ tốt đẹp trong Dục giới lược có ba loại; ở đó, tuy họ được nhiều phước lớn nhưng phải chịu luân hồi sinh tử theo các Dục, không thể xuất ly. Vì sao? Vì cõi sống tốt đẹp ấy cũng thuộc về cảnh giới hoạt động của Dục. Thế nào là ba?

1. Chỗ sinh thù thắng là cõi trời Dục trụ nơi Dục giới.

2. Chỗ sinh thù thắng là cõi trời Lạc hóa nơi Dục giới.

3. Chỗ sinh thù thắng là cõi trời Tha hóa nơi Dục giới.

Đó là ba chỗ sinh thù thắng nơi cõi Dục. Đối với người đó tuy được phước rất lớn nhưng vẫn chịu luân hồi sinh tử trong các Dục, không thể xuất ly. Vì sao? Vì chốn sinh thù thắng ấy cũng đều thuộc về cảnh giới hoạt động của Dục. Thánh đệ tử của ta, đối với ba chỗ sinh thù thắng nơi cõi Dục ấy quán sát đúng như thật có các hoạn nạn, nên đối với cõi Dục này càng sinh nhàm chán, từ bỏ. Sinh nhàm chán, từ bỏ nên có thể chinh thức lìa dục. Chinh thức lìa dục nên đắc giải thoát. Đắc giải thoát xong, liền tự thấu tỏ: Sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ba thắng sinh cõi Dục
Thường nhận các dục lạc
Là Dục trụ, Lạc hóa
Tha hóa tự tại thiên.
Sinh ba chỗ như vậy
Tuy thọ hưởng phước lớn
Nhưng luân hồi sinh tử
Không thể sinh cõi trên.
Ngay trong các Dục này
Ai biết được lỗi lầm
Bỏ các nẻo trời, người
Chứng Niết-bàn vô thượng.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ở thế gian có một loại các Bí-sô ác, tạo tác ba pháp, nhưng giống như con lừa chỉ biết kêu. Ba pháp đó là: Có một loại các Bí-sô ác không cung kính, không vâng lời; không hổ, không thẹn, biếng nhác, quên chánh niệm. Một loại các Bí-sô ác như vậy, tạo tác đầy đủ ba pháp như vậy, nhưng giống như con lừa chỉ biết kêu. Nghĩa là thật có đức, nhưng đi theo chúng Tăng nói thế này: "Cụ thọ biết cho, tôi cũng là Sa-môn Thích tử chân chánh."

Nhưng một loại các Bí-sô ác này không có giới, định, tuệ, học tăng thượng như các Bí-sô tăng chân thật, thanh tịnh khác, mà theo tăng chúng nói thế này: "Cụ thọ biết cho, tôi cũng là Sa-môn Thích tử chân chánh."

Như ở thế gian có bầy lừa đi theo sau bầy bò, lớn tiếng nói: "Tôi cũng là bò đích thực, nên đoái tưởng, tiếp đãi nhau", nhưng thân lừa đầu, tai, móng, mõm, màu lông, tiếng kêu đều khác hẳn với bò mà cứ đi theo sau, lớn tiếng bảo: "Tôi cũng là bò đích thực, nên đoái tưởng, tiếp đãi nhau."

Một loại các Bí-sô ác như vậy, thật không có đức nhưng đi theo tăng chúng xướng lên thế này: "Cụ thọ biết cho, tôi cũng là Sa-môn Thích tử chân chánh."

Nhưng một loại các Bí-sô ác này nương vào xóm làng, thôn ấp để ở. Vào buổi sáng, sửa soạn y phục, đắp y, mang bình bát đi vào những nơi kia để khất thực. Không thể hộ trì, thân, ngữ, ý nghiệp, không trụ chánh niệm, không giữ gìn các căn, đi đến nhà thí chủ có tâm tịnh tín. Vì lợi dưỡng nên ngồi ở chỗ thấp thuyết pháp, cho bạch y ngồi chỗ cao nghe. Ta bảo các loại Bí-sô ác này có giảng nói điều gì đều giống như lừa chỉ biết kêu.

Khi ấy Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Cạo tóc, mặc áo nhuộm
Tay nắm cầm bình bát
Thật không giới, định, tuệ
Nhưng tự xưng Sa-môn.
Như lừa ở thế gian
Hình tướng khác với bò
Nhưng theo sau bầy bò
Tự xưng chính là bò.
Bí-sô ác như vậy
Thành các pháp không kính
Tuy xen chúng thanh tịnh
Nhưng không chứng Bồ-đề.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có ba loại học, ai ở trong đó lìa các phóng dật, ngày đêm siêng năng, dứt các sự duyên, một mình ở chỗ vắng vẻ, không tu học điên đảo thì các lậu chưa sinh, làm cho vĩnh viễn không sinh, các lậu đã sinh làm cho dứt sạch hẳn. Ba pháp đó là:

1. Giới học tăng thượng.

2. Tâm học tăng thượng.

3. Tuệ học tăng thượng.

Thế nào là Giới học tăng thượng? Nghĩa là các Bí-sô đầy đủ giới thanh tịnh, an trụ, giữ gìn giới biệt giải thoát, thực hành theo phép tắc hoàn toàn viên mãn. Đối với tội nhỏ, vi tế, thấy rất sợ hãi. Có thể học tập tất cả điều đáng học tập. Thành tựu hai nghiệp thân, ngữ thanh tịnh. Thành tựu mạng thanh tịnh. Thành tựu kiến thanh tịnh. Như vậy gọi là Giới học tăng thượng.

Tâm học tăng thượng là gì? Nghĩa là các Bí-sô có thể chinh thức lìa

pháp dục ác, bất thiện, có tầm, có từ, ly sinh hỷ lạc, an trụ hoàn toàn vào Tĩnh lự thứ nhất. Nói rộng ra cho đến an trụ hoàn toàn nơi Tĩnh lự thứ tư. Như vậy gọi là Tâm học tăng thượng.

Tuệ học tăng thượng là thế nào? Nghĩa là các Bí-sô nhận biết đúng như thật: Đây là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về sự diệt trừ khổ và Thánh đế về con đường tu tập để diệt trừ khổ. Như vậy gọi là Tuệ học tăng thượng.

Ba pháp học này, ai ngay trong đó lìa các phóng dật, ngày đêm siêng năng, dứt hẳn các sự duyên, mình ở chỗ vắng vẻ, không tu học điên đảo thì các lậu sinh làm cho vĩnh viễn không sinh, các lậu đã sinh làm cho diệt trừ hẳn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Giới, tâm, tuệ ba học
Người trí nên tu tập
Tinh tấn thường an ổn
Giữ các căn nghiêm mật.
Thường ở chỗ vắng vẻ
Dứt các duyên ở đời
Siêng tu giới, tâm, tuệ
Như cứu lửa cháy đầu.
Là học Thánh học xứ
Học đạt đến tận cùng
Thoát, chốn thoát trọn vẹn
Thành tựu trí thanh tịnh.
Được giải thoát bất động
Đoạn hẳn các lậu xong
Dứt nẻo khổ sinh tử
Không còn tái sinh nữa.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có ba pháp học, người nào siêng tu tập, chắc chắn được kết quả, đến cứu cánh, được cam lồ chứng đắc Niết-bàn, ba pháp học đó là:

1. Giới học tăng thượng.

2. Tâm học tăng thượng.

3. Tuệ học tăng thượng.

Thế nào là Giới học tăng thượng? Nghĩa là các Bí-sô tôn trọng giới Thi-la làm tăng thượng, không tôn trọng định Đẳng trì chẳng tăng thượng,

không tôn trọn tuệ Bát-nhã chẳng tăng thượng. Vị ấy đối với những giới nhỏ nhặt đã học, hộ trì hoàn toàn, không cho hủy phạm. Vì sao? Ta nói vị đó hoàn toàn không hủy phạm học xứ đã chế, không bị hổ thẹn, nhất định tùy thuận phạm hạnh thanh tịnh, nhất định thành tựu đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh. Đối với các học xứ, có thể trụ vào Thi-la, có thể trụ vào chỗ đã học, vị đó nhất định dứt hẳn ba kết, chứng quả Dự lưu, đắc pháp không đọa, nhất định hướng đến Bồ-đề, cùng lắm là bảy lần qua lại trong cõi trời, người, dứt các cảnh giới khổ. Như vậy gọi là Giới học tăng thượng.

Thế nào là Tâm học tăng thượng? Nghĩa là các Bí-sô tôn trọng giới Thi-la làm tăng thượng, tôn trọng định Đẳng trì làm tăng thượng, không tôn trọng tuệ Bát-nhã chẳng tăng thượng. Vị ấy đối với những giới nhỏ nhặt đã học, hộ trì hoàn toàn không cho hủy phạm. Vì sao? Ta nói vị đó hoàn toàn không hủy phạm học xứ đã chế, không bị hổ thẹn, nhất định tùy thuận phạm hạnh thanh tịnh, nhất định thành tựu đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh. Đối với các học xứ, có thể trụ vào Đẳng trì, có thể trụ vào chỗ đã học. Vị ấy nhất định dứt năm kết hạ phần, chứng quả Bất hoàn, đắc pháp Bất hoàn, sẽ nhận hóa sinh vào nơi thế gian khác và sẽ Bát-niết-bàn. Như vậy gọi là Tâm học tăng thượng.

Thế nào là Tuệ học tăng thượng? Nghĩa là các Bí-sô tôn trọng giới Thi-la làm tăng thượng, tôn trọng định Đẳng trì làm tăng thượng, tôn trọng tuệ Bát-nhã làm tăng thượng. Vị ấy đối với những giới nhỏ nhặt đã học, hộ trì hoàn toàn, không cho hủy phạm. Vì sao? Ta nói người đó hoàn toàn không hủy phạm học xứ đã chế, không bị hổ thẹn, nhất định tùy thuận phạm hạnh thanh tịnh, nhất định thành tựu đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh. Đối với các học xứ, có thể trụ nơi Bát-nhã, có thể trụ vào chỗ đã học. Vị ấy nhất định dứt hẳn các lậu, đắc chân vô lậu. Tâm giải thoát hoàn toàn, tuệ giải thoát hoàn toàn. Hiện tại an trụ hoàn toàn. Tự chứng thông tuệ, tự nhận biết rõ: Sự sinh của ta đã dứt phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Như vậy gọi là Tuệ học tăng thượng.

Ai đối với ba pháp học đã nói trên đây, siêng năng tu tập ta nói người đó nhất định không có quả nào là không chứng. Chắc chắn đạt đến cứu cánh, có thể được pháp cam lồ, chứng đắc Niết-bàn. Như vậy gọi là có ba loại học. Ai siêng năng tu tập, không có quả nào là không chứng nhất định đạt đến cứu cánh, có thể được pháp cam lồ, chứng đắc Niết-bàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Siêng tu Giới tăng thượng
Trụ giới, trụ sở học

Dứt sạch hết ba kết
Quyết chứng quả Dự lưu.
Siêng tu Tâm tăng thượng
Trụ định, trụ sở học
Dứt năm kết hạ phần
Quyết chứng quả Bất hoàn.
Siêng tu Tuệ tăng thượng
Trụ tuệ, trụ sở học
Dứt hết tất cả kết
Quyết chứng quả vô sinh.
Tam học không bỏ phế
Quyết chứng quả tối thượng
Nên tôn trọng Tam học
Quyết định học pháp tánh.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có ba loại học, ai tu tập phần nhỏ được quả phần nhỏ. Ai tu tập viên mãn được quả viên mãn. Ba loại đó là:

1. Giới học tăng thượng.

2. Tâm học tăng thượng.

3. Tuệ học tăng thượng.

Giới học tăng thượng là sao? Nghĩa là các Bí-sô tôn trọng giới Thi-la làm tăng thượng, không tôn trọng định Đẳng trì chẳng tăng thượng, không tôn trọng Bát-nhã-tuệ chẳng tăng thượng, vị ấy đối với những giới nhỏ nhặt đã học, hộ trì hoàn toàn, không cho hủy phạm, có trái phạm liền từ bỏ ngay. Vì sao? Ta nói người đó hoàn toàn không hủy phạm học xứ đã chế, không bị hổ thẹn, nhất định tùy thuận phạm hạnh thanh tịnh, nhất định thành tựu đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh. Đối với các học xứ đã chế, có thể trụ nơi Thi-la, có thể trụ vào chỗ đã học. Vị ấy nhất định dứt sạch ba kết, chứng quả Dự lưu, đắc pháp không đọa, nhất định hướng đến Bồ-đề, cùng lắm là bảy lần qua lại trong cõi trời, người, dứt hết cảnh giới khổ. Hoặc lại có người có thể làm cho tham, sân, si cõi Dục mỏng bớt, chứng quả Nhất lai, còn trở lại thế gian này một lần nữa, sẽ dứt hết cảnh giới khổ. Như vậy gọi là Giới học tăng thượng.

Thế nào là Tâm học tăng thượng? Nghĩa là các Bí-sô tôn trọng giới Thi-la làm tăng thượng, tôn trọng định Đẳng trì làm tăng thượng, không tôn trọng tuệ Bát-nhã chẳng tăng thượng. Vị ấy đối với những giới nhỏ nhặt đã học, hộ trì hoàn toàn không cho hủy phạm. Có trái phạm liền từ bỏ ngay.

Vì sao? Ta nói người đó hoàn toàn không phá hủy học xứ đã chế, không bị hổ thẹn, nhất định tùy thuận phạm hạnh thanh tịnh, nhất định thành tựu đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh. Đối với các học xứ, có thể trụ định Đẳng trì, có thể trụ vào chỗ đã học. Người đó nhất định dứt hết năm kết hạ phần, chứng quả Bất hoàn, đắc pháp Bất hoàn, sẽ nhận hóa sinh nơi cõi khác, sẽ Bát-niết-bàn. Như vậy gọi là Tâm học tăng thượng.

Thế nào là Tuệ học tăng thượng? Nghĩa là các Bí-sô tôn trọng giới Thi-la làm tăng thượng, tôn trọng định Đẳng trì làm tăng thượng, tôn trọng tuệ Bát-nhã làm tăng thượng. Vị ấy đối với những giới nhỏ nhặt đã học, hộ trì hoàn toàn không cho hủy phạm. Có trái phạm, liền từ bỏ ngay. Vì sao? Ta nói người đó hoàn toàn không hủy phạm học xứ đã chế, không bị hổ thẹn, nhất định tùy thuận phạm hạnh thanh tịnh, nhất định thành tựu đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh. Đối với các học xứ, có thể trụ nơi Bát-nhã, có thể trụ vào chỗ đã học, người đó nhất định dứt sạch các lậu, đắc nhân vô lậu. Tâm giải thoát hoàn toàn, tuệ giải thoát hoàn toàn. Ngay nơi pháp hiện tại này, an trụ hoàn toàn, tự chứng thông tuệ. Có thể tự thấu tỏ: Sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Như vậy gọi là Tuệ học tăng thượng.

Như vậy, gọi là có ba loại học. Nếu ai tu tập chút ít phần, được quả chút ít phần. Nếu ai tu tập viên mãn sẽ được quả viên mãn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Luôn trụ tôn trọng Giới
Là tu tập thiểu phần
Thường tinh tấn mạnh mẽ
Liền được quả thiểu phần.
Luôn trụ tôn trọng Định
Gọi tu tập thiểu phần
Thường tinh tấn mạnh mẽ
Cũng được quả thiểu phần.
Luôn trụ tôn trọng Tuệ
Gọi tu tập mãn phần
Thường tinh tấn mạnh mẽ
Luôn được quả viên mãn.
Tu ít và viên mãn
Đều được quả theo loại
Biết hơn kém như vậy
Nên bỏ ít tu nhiều.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có ba loại học. Ai tu tập đúng đắn, làm cho các hữu tình thành Hiền thánh, bậc thượng, trung, hạ sai biệt. Ba loại đó là:

1. Giới học tăng thượng.

2. Tâm học tăng thượng.

3. Tuệ học tăng thượng.

Thế nào là giới học tăng thượng? Nghĩa là các Bí-sô tôn trọng giới Thi-la làm tăng thượng, không tôn trọng định Đẳng trì chẳng tăng thượng, không tôn trọng Bát-nhã chẳng tăng thượng. Vị ấy đối với những giới nhỏ nhặt đã học, hộ trì hoàn toàn, không cho hủy phạm. Có trái phạm giới nhỏ, liền từ bỏ ngay. Vì sao? Ta nói vị đó hoàn toàn không hủy phạm học xứ đã chế, không bị hổ thẹn, nhất định tùy thuận phạm hạnh thanh tịnh, nhất định thành tựu phạm hạnh thanh tịnh. Đối với các học xứ có thể trụ vào Thi-la, có thể trụ vào chỗ đã học. Người đó nhất định dứt hết ba kết, chứng quả Dự lưu, đắc pháp không đọa, nhất định hướng đến Bồ-đề, cùng lắm là bảy lần qua lại trong cõi trời, người, hoặc thành bậc Gia gia, hoặc quả Nhất lai, hoặc thành bậc Nhất giác. Như vậy gọi là Giới học tăng thượng.

Thế nào là Tâm học tăng thượng? Nghĩa là Bí-sô tôn trọng giới Thi-la làm tăng thượng, tôn trọng định Đẳng trì làm tăng thượng, không tôn trọng tuệ Bát-nhã chẳng tăng thượng. Người kia đối với những giới nhỏ nhặt đã học, hộ trì hoàn toàn không cho hủy phạm. Có trái phạm liền từ bỏ ngay. Vì sao? Ta nói người đó hoàn toàn không hủy phạm học xứ đã chế, không bị hổ thẹn, nhất định tùy thuận phạm hạnh thanh tịnh, nhất định thành tựu phạm hạnh thanh tịnh. Đối với các học xứ, có thể trụ nơi Đẳng trì, có thể trụ vào chỗ đã học. Vị ấy nhất định dứt năm kết hạ phần, chứng quả Bất hoàn, đắc pháp Bất hoàn, sẽ được hóa sinh ở cảnh giới khác, rồi sẽ Bát-niết-bàn. Hoặc thành bậc Trung ban, hoặc thành bậc Sinh ban, hoặc thành bậc Hữu hành ban, hoặc bậc Vô hành ban, hoặc thành bậc Thượng lưu, hướng đến Sắc cứu cánh, hoặc thẳng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ để Bát-niết-bàn. Như vậy gọi là Tâm học tăng thượng.

Thế nào là Tuệ học tăng thượng? Nghĩa là Bí-sô tôn trọng giới Thi-la làm tăng thượng, tôn trọng định Đẳng trì làm tăng thượng, tôn trọng tuệ Bát-nhã làm tăng thượng. Người kia đối với những giới nhỏ nhặt đã học, hộ trì hoàn toàn, không cho hủy phạm. Có trái phạm liền từ bỏ ngay. Vì sao? Ta nói người đó hoàn toàn không hủy phạm học xứ đã chế, không bị hổ thẹn, nhất định tùy thuận phạm hạnh thanh tịnh, nhất định thành tựu phạm hạnh thanh tịnh, ngay nơi các học xứ, có thể trụ vào Bát-nhã, có thể

trụ vào chỗ đã học. Vị ấy nhất định dứt hẳn các lậu, đắc chân vô lậu. Tâm giải thoát hoàn toàn, tuệ giải thoát hoàn toàn, ngay trong pháp hiện tại an trụ đầy đủ, tự chứng thông tuệ. Có thể tự thấu tỏ: Sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Như vậy gọi là Tuệ học tăng thượng.

Như vậy gọi là có ba loại học, nếu tu tập đúng đắn làm cho các hữu tình thành Thánh hiền, bậc thượng, bậc trung, bậc hạ sai biệt.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Do năng lực tu tập
Thường tinh tấn mạnh mẽ
Tu bậc thượng, trung, hạ
Đạt được quả sai biệt.
Tu tinh tấn bậc hạ
Thành tựu quả bậc hạ
Tu trung đắc quả trung
Tu thượng đắc quả thượng.
Đã biết tu ba phẩm
Đạt được quả sai biệt
Nên phải xả hạ, trung
Tu học theo thượng phẩm.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các Bí-sô nào đầy đủ giới hoàn toàn, đầy đủ tuệ hoàn toàn, vị ấy ngay trong pháp luật của ta đã tu hành đầy đủ, gọi là Tối thượng sĩ.

Này các Bí-sô! Thế nào là đầy đủ Giới hoàn toàn? Nghĩa là các Bí-sô đầy đủ Thi-la, an trụ, giữ gìn giới Biệt giải thoát, tu hành mẫu mực, không giới nào là không viên mãn, thấy rất sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt. Chấp nhận học tập điều đáng học tập, thành tựu hai nghiệp thân, ngữ thanh tịnh, thành tựu mạng thanh tịnh, thành tựu kiến thanh tịnh. Như vậy gọi là Bí-sô đầy đủ Giới hoàn toàn. Đầy đủ như thế chính là Giới hoàn toàn.

Này các Bí-sô! Thế nào là đầy đủ Pháp hoàn toàn? Nghĩa là Bí-sô siêng tu bảy pháp Bồ-đề phần, an trụ hoàn toàn. Đó gọi là Bí-sô đầy đủ Pháp hoàn toàn. Đầy đủ như thế chính là Giới hoàn toàn, Pháp hoàn toàn.

Này các Bí-sô! Thế nào là đầy đủ Tuệ hoàn toàn? Nghĩa là các Bí-sô dứt hẳn các lậu, đắc chân vô lậu, tâm giải thoát hoàn toàn, tuệ giải thoát hoàn toàn. Ngay trong hiện tại an trụ hoàn toàn, tự chứng thông tuệ, tự biết rõ: Sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong,

không còn tái sinh nữa. Như vậy gọi là Bí-sô đầy đủ Tuệ hoàn toàn.

Như vậy gọi là nếu có Bí-sô nào đầy đủ Giới hoàn toàn, đầy đủ Pháp hoàn toàn, đầy đủ Tuệ hoàn toàn, vị ấy ngay trong pháp luật của ta, đã tu hành đầy đủ, gọi là Tối thượng sĩ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Ai thân, ngữ, ý nghĩ
Lìa các ác, bất thiện
Gọi đủ Giới hoàn toàn
Là Bí-sô hổ thẹn.
Ai tu hành đầy đủ
Bảy pháp Bồ-đề phần
Gọi đủ Pháp hoàn toàn
Bí-sô có diệu định.
Ai nhận biết đúng đắn
Dứt trừ hết các lậu
Gọi đủ Tuệ hoàn toàn
Chân vô lậu Bí-sô.
Ai đầy đủ hoàn toàn
Uy đức khó nghĩ nghì
Ai tu hành đầy đủ
Là thông minh tối thượng.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các Bí-sô nào thành tựu ba phần, nên biết người như vậy đối với tịnh Thi-la đã được viên mãn, đối với quả vị cứu cánh đã được viên mãn, đối với việc tu phạm hạnh đã được viên mãn, đạt đến nơi tận cùng của phạm hạnh. Ba pháp đó là: Có Bí-sô nào thành tựu giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, đó gọi là Bí-sô thành tựu ba uẩn vô học. Nên biết, người này đối với tịnh Thi-la đã được viên mãn, đối với quả vị cứu cánh đã được viên mãn, đối với việc tu phạm hạnh đã được viên mãn, đạt đến nơi tận cùng của phạm hạnh. Các Bí-sô nào đối với tịnh Thi-la đã được viên mãn, đối với quả vị cứu cánh đã được viên mãn, đối với việc tu phạm hạnh đã được viên mãn, đạt đến nơi tận cùng của phạm hạnh, nên biết người này chắc chắn không thích ở xóm làng, thành ấp, phòng xá, đồ nằm; cũng không thích cùng với các chúng Bí-sô, chúng Bí-sô ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca, Cần sách nam… đồng ở chung một trú xứ ồn ào. Nên biết người này thành tựu pháp tâm tịch tĩnh bậc nhất, riêng ở chốn vắng vẻ, nương vào pháp tứ y mà sống, lìa các cấu uế, bên trong giữ gìn chân thật, vứt bỏ chỗ mong

cầu, không nhiễm theo phân biệt, không bị pháp thế gian làm cho cấu nhiễm. Ví như hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng ở thế gian đều nương vào nước mà sinh, nương vào nước mà lớn lên. Tuy từ nước sinh ra nhưng không bị nước làm ô nhiễm. Người này cũng vậy, nương vào thế gian mà sinh, nương vào thế gian mà trưởng thành, tuy ở ngay trong thế gian, nhưng không bị các pháp thế gian làm cấu nhiễm.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Thành ba phần vô học
Quả vị giới cứu cánh
Tu phạm hạnh viên mãn
Đến tận cùng phạm hạnh.
Chúng Bí-sô như vậy
Đắc Du-già tối thượng
Dứt hết cảnh giới khổ
Chứng Vô thượng an lạc.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ai mong cầu ba việc vui nên đối với tịnh giới không khuyết, không hỏng, không uế, không tạp. Đối với tịnh giới nên hướng đến chỗ cao thượng, siêng năng tinh tấn, hoàn toàn không lười bỏ. Ba pháp đó là:

1. Mong cầu việc vui của danh dự, nên đối với tịnh giới không khuyết, không hỏng, không tạp, không uế. Đối với tịnh Thi-la nên hướng thượng. Tinh tấn hoàn toàn, không lười bỏ.

2. Mong cầu việc vui của lợi dưỡng đối với tịnh giới nên không khuyết, không hỏng, không tạp, không uế. Đối với tịnh giới nên hướng thượng. Tinh tấn hoàn toàn không lười bỏ.

3. Mong cầu việc vui sinh Thiên, nên đối với tịnh giới không khuyết, không hỏng, không tạp, không uế. Đối với tịnh giới nên hướng thượng. Tinh tấn hoàn toàn không lười bỏ.

Đó gọi là mong cầu ba loại việc vui, nên đối với tịnh giới không khuyết, không hỏng, không tạp, không uế. Đối với tịnh Thi-la nên hướng thượng. Tinh tấn hoàn toàn không lười bỏ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Vì cầu ba việc vui
Người trí giữ gìn Giới
Vì đời chuộng danh dự
Ưa lợi dưỡng sinh Thiên.

Quán thắng lạc như vậy
Người trí giữ gìn Giới
Nên xa ác, gần trí
Như tránh con đường hiểm.
Tuy không tạo tội ác
Nhưng gần gũi người ác
Như dùng cỏ cát tường
Nhúng vào cá thịt hôi.
Thân chỗ không nên thân
Quen chỗ không nên quen
Như đem vật trong sạch
Quăng hầm phẩn uế sâu.
Người ưa sạch trong đời
Luôn sợ vấy nhơ nhớp
Người có trí cũng vậy
Rất sợ gần bạn ác.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có ba loại hương thơm chỉ bay thuận chiều gió, không thể bay ngược chiều gió. Ba loại đó là:

1. Hương thơm của gốc rễ.

2. Hương thơm của cành lá.

3. Hương thơm của hoa.

Ba loại hương thơm này chỉ bay thuận theo chiều gió, không thể bay ngược chiều gió.

Bí-sô các ông nghĩ rằng, ngoài ba loại hương này ra, không còn loại hương nào bay thuận gió, bay ngược gió, hay cả thuận nghịch gió, đều bay tỏa hương thơm cùng khắp cùng khắp. Vì sao? Vì trong Phật pháp của ta, có một loại hương thơm vi diệu có thể bay tỏa thuận gió, nghịch gió, thuận nghịch gió, trên trời, trong nhân gian đều do hương thơm ngào ngạt, Hiền thánh ở thế gian đều rất tôn quý, yêu mến.

Thế nào là trong Phật pháp của ta có một loại diệu hương có thể bay thuận gió, nghịch gió, thuận nghịch gió, trên trời, trong nhân gian đều do hương thơm ngào ngạt, Hiền thánh ở thế gian đều yêu mến? Đó là hương thơm giữ giới. Hương thơm do giữ giới này có thể bay thuận gió, nghịch gió, thuận nghịch gió, trên trời, trong nhân gian đều nghe, nhận sự ngào ngạt, Hiền thánh ở thế gian đều rất trân quý, yêu mến. Như vậy gọi là trong nghịch gió, thuận nghịch gió, trên trời, trong nhân gian đều rất yêu mến.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Thế gian có các thứ
Hương của gốc, cành hoa
Không bay ngược chiều gió
Do uy lực nó yếu.
Trong Phật pháp của ta
Có một loại diệu hương
Nghịch, thuận gió đều bay
Lan tỏa khắp các nơi.
Trên trời và cõi người
Hiền thánh ở thế gian
Tất cả đều yêu mến
Đó là hương giới tịnh.
Ai đối với hương này
An trụ, không phóng dật
Sinh định, tuệ vững vàng
Dứt hẳn các cảnh khổ.

-oOo-

Tóm tắt nơi bài kệ kinh phần Bản Sự ở trước:

Đồng giới cảm hậu hữu
Cầu lợi và dục sinh
Ác thuyết giống lừa kêu
Bốn học cùng bốn giới.

-oOo-

KINH BẢN SỰ

QUYỂN 7

Phẩm 3: BA PHÁP (PHẦN 2)

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ở thế gian này có ba hạng con. Đó là:

1. Hạng con ngang bằng.

2. Hạng con trội hơn.

3. Hạng con kém thua.

Thế nào là hạng con ngang bằng? Nghĩa là có một hạng cha mẹ đầy đủ giới, sống theo pháp thiện, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, không sống chỗ phóng dật. Người con cũng đầy đủ giới, sống với pháp thiện, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, không sống chỗ phóng dật. Đó là người con ngang bằng.

Thế nào là hạng con trội hơn? Nghĩa là có một hạng cha mẹ phạm giới, sống theo các pháp ác, ưa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, sống chỗ phóng dật. Nhưng người con thì trì giới, sống theo pháp thiện, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, không sống chỗ phóng dật. Đó gọi là hạng con trội hơn.

Thế nào là hạng con thua kém? Nghĩa là có một hạng cha mẹ đầy đủ giới, sống theo pháp thiện, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, không sống chỗ phóng dật. Nhưng người con thì phạm giới, sống theo các pháp ác, sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, sống chỗ phóng dật. Đó gọi là hạng con thấp kém.

Như vậy, ở thế gian này có ba hạng con.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Người thông minh ở đời
Ưa thích con bằng, hơn
Không ưa thích con kém
Chỗ tổn hại gia môn.
Nên biết ba loại con

Một kém, hai là hơn
Phật Chánh giác thuyết ra
Các Hiền thánh cũng vậy.
Hai đều tin Thi-la
Thông tuệ, không keo kiệt
Như trăng tròn đêm tạnh
Ánh sáng chiếu khắp nơi.
Nên thân cận cúng dường
Được chư Phật xưng dương
Xa lìa các trần cấu
Việc làm không sợ hãi.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Bí-sô nào tôn trọng chánh pháp, yêu mến chánh pháp, ưa thích pháp lạc, tinh thần tu hành, ưa thích thực hành pháp, Bí-sô như vậy, tùy niệm chánh pháp thường ưa thích đoạn trừ hẳn căn bất thiện về tham, làm cho thiện căn không tham viên mãn. thường ưa thích đoạn trừ hẳn căn bất thiện về sân, làm cho thiện căn không sân viên mãn. thường ưa thích đoạn trừ hẳn căn bất thiện về si, làm cho thiện căn không si viên mãn. Tu ba Thiện căn được viên mãn rồi, tu bốn Niệm trụ làm cho viên mãn. Tu bốn Niệm trụ được viên mãn rồi, tu bốn Chánh đoạn làm cho viên mãn. Tu bốn Chánh đoạn được viên mãn rồi, tu bốn Thần túc làm cho viên mãn. Tu bốn Thần túc được viên mãn rồi, tu tập năm Căn làm cho viên mãn. Tu tập năm Căn được viên mãn rồi, tu tập năm Lực làm cho viên mãn. Tu tập năm Lực được viên mãn rồi, tu bảy Giác chi làm cho viên mãn. Tu bảy Giác chi được viên mãn rồi, tu tám chi Thánh đạo làm cho viên mãn. Tu tám chi Thánh đạo được viên mãn rồi, minh và giải thoát đều được viên mãn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Người ưa pháp trọng pháp
Thích pháp, ưa hành pháp
Thường buộc niệm nơi pháp
Tinh tấn theo chánh pháp.
Niệm pháp tu nghiệp thiện
Không niệm, hành hạnh ác
Hành pháp quyết đạt được
Vui đời này, đời khác.
Người hành pháp, hộ pháp
Như dù lớn che mưa

Hành pháp được pháp lợi
Quyết không đọa ba đường.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! thế gian lược có ba loại suy nghĩ, Bí-sô hữu học chưa đắc tâm định, khi thích cầu pháp an lạc vô thượng có thể khiến bị thoái thất. Ba loại đó là:

1. Suy nghĩ tương ưng theo chỗ thân cận.

2. Suy nghĩ tương ưng theo lợi dưỡng.

3. Suy nghĩ tương ưng theo ganh ghét.

Đó là lược nêu ba loại suy nghĩ, Bí-sô hữu học chưa đắc tâm định, khi thích cầu pháp an lạc vô thượng có thể khiến bị thoái thất. Thế nên các ông nên học như vầy: "Ta phải làm như thế nào để không khởi lên suy nghĩ tương ứng với chỗ thân cận, không khởi lên suy nghĩ tương ứng với lợi dưỡng, không khởi lên suy nghĩ tương ứng với ganh ghét."

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Nương suy nghĩ đắm chấp
Lược ra có ba loại
Hữu học cầu vui lớn
Chắc chắn bị chướng ngại.
Tương ứng với thân cận
Lợi dưỡng và đối kỵ
Bỏ vui lớn, tịnh lớn
Dứt hết thật là xa.
Bỏ suy nghĩ thân cận
Lợi dưỡng và ganh ghét
Nhiếp chỉ, quán siêng tu
Mau dứt hết các khổ.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Lược có ba loại pháp, Bí-sô hữu học chưa đắc tâm định, khi thích cầu pháp an lạc vô thượng có thể khiến bị thoái thất. Ba pháp đó là:

1. Bí-sô ưa thích thế sự, tham ái thế sự, say mê thế sự.

2. Bí-sô ưa thích nói chuyện, tham ái nói chuyện, say mê nói chuyện.

3. Bí-sô ưa thích ngủ nghỉ, tham ái ngủ nghỉ, say mê ngủ nghỉ.

Với ba pháp này, Bí-sô hữu học chưa đắc tâm, khi ưa cầu pháp an lạc vô thượng làm cho thoái thất. Thế nên các ông nên học như vầy: "Ta phải

làm thế nào để không ưa thích thế sự, không yêu mến thế sự, không say đắm thế sự. Ta phải làm thế nào để không ưa thích nói chuyện, không yêu mến nói chuyện, không say đắm nói chuyện. Ta phải làm thế nào để không ưa thích ngủ nghỉ, không yêu mến ngủ nghỉ, không say đắm ngủ nghỉ.” Bí-sô các ông nên học như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Khi cầu quả Vô thượng
Có ba pháp làm lui
Ưa thích, đắm thế sự
Nói chuyện và ngủ nghỉ.
Các Bí-sô hữu học
Ai đủ ba pháp này
Hoàn toàn không chứng đắc
Tam-bồ-đề tối thắng.
Ai muốn cầu mau chứng
Tam Bồ-đề tối thắng
Nên ít việc nói, ngủ
Siêng năng tu Chỉ, Quán.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có ba loại pháp hiện tiền hòa hợp làm cho các thiện nam tịnh tín sinh vô lượng phước. Ba pháp đó là:

1. Tịnh tín, hiện tiền hòa hợp, có thể khiến cho thiện nam tịnh tín sinh vô lượng phước.

2. Bố thí vật dụng, hiện tiền hòa hợp, có thể khiến cho thiện nam tịnh tín sinh vô lượng phước.

3. Phước điền, hiện tiền hòa hợp, có thể khiến cho thiện nam tịnh tín sinh vô lượng phước.

Đó là ba pháp hiện tiền hòa hợp, làm cho thiện nam tịnh tín sinh vô lượng phước.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Hiện tiền hòa hợp ba pháp
Sinh trưởng vô lượng phước
Là tịnh tín, thí vật
Và phước điền chân tịnh.
Đủ tuệ, đủ Thi-la
Khéo điều phục ba độc
Tu phạm hạnh Sa-môn

Gọi phước điền chân tịnh.
Đủ tuệ đủ tịnh tín
Cầu tài sản như pháp
Dâng cúng dường điền tốt
Nhất định được quả lớn.
Bốn oai nghi trong thân
Đối Tam bảo, Tứ đế
Tùy thuận, không khiếm khuyết
Gọi là tâm tịnh tín.
Đối với các tuệ thí
Pháp thí là hơn hết
Tâm tịnh diễn chánh pháp
Chư Phật đã khen ngợi.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Những người có trí nên đem ba loại pháp không bền đổi lấy ba loại bền. Ba loại đó là:

1. Nên dùng của cải không bền chắc đổi lấy của cải bền chắc.

2. Nên đem thân không bền chắc đổi lấy thân bền chắc.

3. Nên đem mạng không bền chắc đổi lấy mạng bền chắc.

Thế nào là đem của cải không bền đổi lấy của cải bền? Nghĩa là có các thiện nam, thiện nữ tịnh tín siêng năng như pháp, lao động bằng tay chân, đổ mồ hôi kiệt lực, thu được của cải châu báu, tự cung cấp cho bản thân, dâng lên cha mẹ, cung cấp cho vợ con, nô tỳ, tôi tớ, bạn bè, quyến thuộc, nhóm họp ngày đêm vui chơi, thọ lạc và gặp Sa-môn, hoặc Bà-la-môn đầy đủ giới, sống theo pháp thành tựu, siêng năng phạm hạnh, trừ bỏ kiêu mạn, phóng dật, nhu hòa nhẫn nhục, noi theo con đường chánh pháp, bỏ các đường tà, hướng đến thành Niết-bàn. Với tâm tịnh tín, hoan hỷ cung kính, đúng thời, đúng lúc đem bố thí, xa thì cầu Niết-bàn vô thượng, gần thì cầu quả vui nơi cõi trời, người vào đời sau. Đó gọi là nên đem của cải không bền chắc, đổi lấy của cải bền chắc.

Thế nào là đem thân không bền chắc, đổi thân bền chắc? Nghĩa là có các thiện nam, thiện nữ tịnh tín chánh kiến thành tựu, lìa sát sinh, thanh tịnh không phạm, hoàn toàn viên mãn, lìa trộm cắp, thanh tịnh, không phạm, hoàn toàn viên mãn. Lìa tà dục, thanh tịnh không phạm, hoàn toàn viên mãn. Lìa nói dối, thanh tịnh không phạm, hoàn toàn viên mãn. Lìa uống rượu, không phóng dật, thanh tịnh không phạm, hoàn toàn viên mãn. Các loại như vậy gọi là dùng thân không bền chắc.

Thế nào là dùng mạng không bền chắc đổi mạng bền chắc? Nghĩa là các Thánh đệ tử trong chánh pháp của ta, nhận biết đúng như thật: Đây là sự thật về Khổ, đây là sự thật về Nguyên nhân của khổ, đây là sự thật về Diệt khổ đế, đây là sự thật về Con đường tu tập đưa đến diệt khổ. Đấy gọi là nên dùng mạng không bền chắc đổi mạng bền chắc.

Như vậy gọi là những người có trí nên dùng ba loại pháp không bền chắc đổi ba loại pháp bền chắc.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Như người trí ở đời
Dùng hèn để mua quý
Người chánh kiến cũng vậy
Dùng không bền đổi bền.
Biết của, thân mạng này
Bất tịnh không bền chắc
Cầu thanh tịnh kiên cố
An vui thế, xuất thế.
Tài, thân mạng cõi Trời
Là thế tịnh bền chắc
Chứng Niết-bàn thường lạc
Là pháp chân tịnh, bền.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có ba loại căn, tánh của nó rất sâu xa, tận cùng sâu xa, tánh của nó rất khó thấy, khó thấy được rõ ràng. Ba loại đó là:

1. Căn chưa biết được biết.

2. Căn chưa biết.

3. Căn nhận biết đầy đủ.

Thế nào là Căn chưa biết được biết? Nghĩa là các Thánh đệ tử trong pháp của ta, chưa thấy biết các Thánh đế về Khổ, giờ được thấy được biết nên phát sinh ưa muốn, siêng năng, tinh tấn, thâu giữ tâm. Đối với Thánh đế về Nguyên nhân của khổ chưa thấy, chưa biết, nay được thấy, được biết nên phát sinh ưa muốn, siêng năng, tinh tấn thâu giữ tâm. Đối với Thánh đế về diệt trừ khổ chưa thấy, chưa biết, nay được thấy, được biết nên phát sinh ưa muốn, siêng năng, tinh tấn thâu giữ tâm. Đối với Thánh đế về Con đường tu tập chân chánh để diệt trừ khổ chưa thấy, chưa biết, nay được thấy, được biết, phát sinh ưa muốn, siêng năng, tinh tấn thâu giữ tâm. Đây gọi là Căn chưa biết được biết.

Thế nào là Căn nhận biết? Nghĩa là các Thánh đệ tử trong pháp của

ta nhận biết đúng như thật: Đây là Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Tập, Thánh đế về Diệt và Thánh đế về Đạo. Đó gọi là Căn nhận biết.

Thế nào gọi là Căn nhận biết đầy đủ? Nghĩa là các Thánh đệ tử trong pháp của ta các lậu đã diệt hết, đắc chân vô lậu, tâm giải thoát hoàn toàn, tuệ giải thoát hoàn toàn, nhận biết đúng đắn: Sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Đó gọi là Căn nhận biết đầy đủ.

Như vậy gọi là có ba loại căn, tánh của nó sâu xa, tận cùng sâu xa, tánh của nó rất khó thấy, khó thấy rõ ràng.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Thánh đệ tử hữu học
Trong chánh pháp của ta
Tu thuận theo chánh đạo
Gọi là căn thứ nhất.
Biết đúng Thánh đế khổ
Và khổ tập, khổ diệt
Hướng đến đường khổ diệt
Gọi là căn thứ hai.
Nên biết căn thứ ba
Các lậu đều diệt hết
Chứng đắc chân vô lậu
Tâm, tuệ đều giải thoát.
Biết ta sinh đã dứt
Và phạm hạnh đã lập
Việc đáng, đã làm xong
Không còn tái sinh nữa.
Thân tâm thường vắng lặng
Khéo thâu giữ các căn
Ngay nơi thân tối hậu
Hàng phục hết các ma.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Lược có ba hạng người, vì lợi ích nên phải thân cận. Ba hạng đó là:

1. Có một hạng người, thành tựu giới, định, tuệ kém cỏi.

2. Có một hạng người, thành tựu giới, định, tuệ trung bình.

3. Có một hạng người, thành tựu giới, định, tuệ trội hơn.

Hạng người thành tựu giới, định, tuệ kém cỏi, vì lợi ích gì mà thân

cận họ? Nghĩa là đối với hạng người này không mong cầu, chỉ rất thương xót, khuyên giúp cho họ tinh tấn hơn. Vì lợi ích này nên phải gần gũi.

Hạng người thành tựu giới, định, tuệ trung bình, vì lợi ích gì mà thân cận họ? Nghĩa là đối với hạng người này, nên suy nghĩ: "Người ấy sẽ thuyết giới cho ta, ta cũng sẽ thuyết giới cho người ấy, cùng nhau nghe, khiến được tiếp nối liên tục." Có làm việc gì cũng nên suy nghĩ: "Người kia thuyết định cho ta, ta cũng thuyết định cho người kia, cùng nhau nghe, khiến được tiếp nối." Ra làm việc gì cũng nên suy nghĩ: "Người kia thuyết tuệ cho ta, ta cũng sẽ thuyết tuệ cho người kia, cùng nhau nghe, khiến được tiếp nối, làm được nhiều việc." Vì sự lợi ích này nên sẽ thân cận.

Có một hạng người thành tựu giới, định, tuệ trội hơn, vì lợi ích gì nên phải thân cận họ? Nghĩa là đối với hạng người này, nên suy nghĩ: "Ta sẽ nương vào giới uẩn của người kia, nếu chưa viên mãn, tu tập làm cho viên mãn. Nếu đã viên mãn, thâu giữ chánh niệm, bên trong duy trì vững chắc." Suy nghĩ: "Ta sẽ nương vào định uẩn của người kia, nếu chưa viên mãn, tu tập làm cho viên mãn. Nếu đã viên mãn, thâu giữ chánh niệm bên trong, duy trì vững chắc." Suy nghĩ: "Ta sẽ nương vào tuệ uẩn người kia, nếu chưa viên mãn, tu tập làm cho viên mãn. Nếu đã viên mãn, thâu nhiếp chánh niệm bên trong, duy trì vững chắc." Vì sự lợi ích này nên sẽ thân cận.

Như vậy, gọi là lược có ba hạng người nên thân cận.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Từ bi gần kẻ kém
Lợi ích cho kẻ vừa
Vì đức gần người hơn
Kiên trì hay viên mãn.
Gần hạ sĩ đức kém
Gần trung sĩ đức trung
Gần thượng sĩ đức trội
Nên phải gần thượng sĩ.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Phải quán bất tịnh đối với thân này, nên niệm hơi thở đối với hơi thở, nên quán vô thường, khổ, vô ngã đối với các hành. Ai tu quán bất tịnh trên thân này thì sẽ đoạn trừ tham dục đối với cảnh giới sạch đẹp. Ai niệm hơi thở trên hơi thở, đoạn những chướng ngại do tầm tư theo ngoài. Ai quán vô thường, quán khổ, vô ngã trên các hành, đối với các hữu đoạn được hữu ái, đoạn hữu ái nên ngay nơi thế gian không chấp thọ, không chấp thọ nên không sợ hãi, nên bên trong tự chứng Niết-

bàn cứu cánh. Chứng Niết-bàn rồi, tự thấu tỏ: Sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Quán bất tịnh nơi thân
Theo niệm trụ hơi thở
Quán các hành vô thường
Cùng với khổ, vô ngã.
Hiểu các hành tánh không
Được tịch tĩnh tối thắng
Ái dứt, không chấp thọ
Chứng Niết-bàn cứu cánh.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Thân của các loài hữu tình thường bị ba thứ oán tặc mạnh mẽ đuổi theo làm hại. Ba loại đó là:

1. Oán tặc mạnh mẽ: Già yếu.

2. Oán tặc mạnh mẽ: Bệnh tật.

3. Oán tặc mạnh mẽ: Vô thường.

Ba loại oán tặc mạnh mẽ này thường theo làm hại thân của các hữu tình. Trong thân các hữu tình lược có ba pháp:

1. Tuổi thọ.

2. Hơi nóng.

3. Tâm thức.

Ba pháp này khi xa lìa thân gọi là chết. Thi hài hôi hám vứt tại gò mả, thật vô dụng. Vì sao? Vì thân này hư giả, do các pháp hiện thành, phần tốt nhất trong đó là tuổi thọ, hơi ấm và thần thức. Nhưng các pháp này nương vào nhân duyên mà sinh ra, vô thường không vững, không bền, không có khả năng, hư diệt nhanh chóng, giặc già, bệnh, chết luôn theo sát không rời. Nhưng các ngu phu bị vô minh che lấp nên tham ái, đắm chấp, không có tâm nhàm chán xả bỏ. Thánh đệ tử của ta, đối với thân giả hợp thành này luôn nhận biết đúng như thật: Nhiều các lỗi lầm, đối với tất cả phần nội, ngoại trong thân càng nhàm chán, từ bỏ.” Càng nhàm chán, từ bỏ, nên lìa tham dục, lìa tham dục nên đắc giải thoát, đắc giải thoát nên liền tự thấu tỏ: Sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Thân tất cả hữu tình

Ba giặc oán theo hại
Đó là già, bệnh, chết
Chưa có lúc nào rời.
Các pháp hợp thành thân
Hư ngụy không chắc thật
Xả thọ, thức, hơi ấm
Vứt ở ngoài gò mả.
Người ngu không hiểu biết
Thường tham ái đắm chấp
Hiền thánh có trí kiến
Ghét hơn là hầm phẩn.
Tu Thánh đạo vô lậu
Đoạn nhân duyên ba giặc
Chứng Niết-bàn thường lạc
Thoát hẳn ba loại giặc.
Người có trí ở đời
Càng nhàm chán thân mình
Cầu Niết-bàn thường lạc
Siêng năng chớ phóng dật.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Các sự phước nghiệp, lược có ba loại nên tu tập, nên tu tập nhiều. Ba loại đó là:

1. Thí.

2. Giới.

3. Tu.

Thế nào là sự phước nghiệp về Thí? Nghĩa là có các thiện nam, thiện nữ, với tịnh tín thường bố thí các loại thức ăn ngon bổ, hương liệu, y phục, xe cộ, đồ nằm, nhà cửa, phòng ốc, đèn lớn… tức các thứ cần thiết trong đời sống. Như vậy gọi là sự phước nghiệp về Thí.

Thế nào là sự phước nghiệp về Giới? Nghĩa là có các thiện nam, thiện nữ với tịnh tín không sát sinh, thanh tịnh không phạm, hoàn toàn viên mãn. Không trộm cắp, thanh tịnh không phạm, hoàn toàn viên mãn. Không tà hạnh, thanh tịnh không phạm, hoàn toàn viên mãn. Không nói dối, thanh tịnh không phạm, hoàn toàn viên mãn. Không uống rượu, không sống chỗ phóng dật, thanh tịnh không phạm, hoàn toàn viên mãn. Như vậy gọi là sự phước nghiệp về Giới.

Thế nào là sự phước nghiệp về Tu? Nghĩa là có các thiện nam, thiện

nữ tịnh tín, tu đủ tâm Từ khắp một phương, an trụ hoàn toàn nơi hai phương, ba phương, bốn phương, cho đến phương trên, phương dưới bốn hướng, tất cả thế giới đều được đủ khắp, an trụ trọn vẹn, làm cho tâm Từ quảng đại vô lượng, không oán, không hại, an trụ trọn vẹn. Tu đủ tâm Bi khắp cả một phương, an trụ hoàn toàn nơi hai phương, ba phương, bốn phương cho đến phương trên, phương dưới bốn hướng, tất cả thế giới đều được đủ khắp, an trụ trọn vẹn, làm cho tâm Bi quảng đại vô lượng, không oán, không hại, an trụ trọn vẹn. Tu đủ tâm Hỷ khắp cả một phương, an trụ hoàn toàn hai phương, ba phương, bốn phương, trên dưới, bốn hướng, tất cả thế giới đều được đủ khắp, an trụ trọn vẹn, làm cho tâm Hỷ quảng đại vô lượng, không oán, không hại, an trụ trọn vẹn. Tu đủ tâm Xả khắp cả một phương, an trụ hoàn toàn nơi hai phương, ba phương, bốn phương, trên dưới, bốn hướng, tất cả thế giới đều được đủ khắp, an trụ trọn vẹn, làm cho tâm Xả quảng đại vô lượng, không oán, không hại, an trụ viên mãn. Như vậy gọi là sự phước nghiệp Tu.

Đối với ba sự phước nghiệp này nên tu, nên tập, nên tu tập nhiều.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Có ba pháp nên tu
Tu tập, tu tập nhiều
Đạt được ba pháp vui
Đó là Thí, Giới, Tu.
Tu phước được nhiều của
Tu giới được trường thọ
Tu Từ, Bi, Hỷ, Xả
Sẽ sinh Trời thanh tịnh.
Người có trí ở đời
Muốn cầu vui thù thắng
Nên tu ba phước này
Quyết chắc sẽ đạt được.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Ở đời lược có ba hạng tối thắng. Ba hạng đó là:

1. Đối với tất cả các hữu tình không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng và phi tưởng phi phi tưởng thì Phật là tối thắng. Đó là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật Bạc-già-phạm. Ai đối với Phật phát tâm tịnh tín là tối thắng đối với các tín. Tịnh tín như vậy, nhận được quả báo trong cõi

trời, người là tối thắng.

2. Đối với tất cả pháp môn đã có: Thế gian, xuất thế gian, hữu vi, vô vi… trong các pháp môn Niết-bàn là tối thắng, nghĩa là lìa kiêu mạn, dứt khát ái, diệt A-lại-da, đoạn các con đường luân hồi, dứt ái, ly dục đạt Niết-bàn tịch tĩnh. Ai đối với pháp Niết-bàn như vậy phát tâm tịnh tín là tối thắng đối với các tín. Tịnh tín như vậy nhận được quả báo trong cõi trời, người là tối thắng.

3. Đối với tất cả đồ chúng, bạn bè ở trong ấp, trong các hội chúng, thì Thánh đệ tử của Phật tức Tăng là tối thắng. Đó là bốn hướng, bốn quả, tám Bổ-đặc-già-la, ở trong các hữu tình là chân, là diệu, là tối thắng, nên cung kính mời thỉnh, cung kính cúng dường, khen ngợi, tán thán không tiếc thân mạng, tài sản là phước điền vô thượng của chúng trời, người trong thế gian. Ai đối với Hiền thánh tăng như vậy, phát tâm tịnh tín, đối với các sự tịnh tín đây là tối thắng. Tịnh tín như vậy, nhận được quả báo ở trong cõi trời, người là tối thắng.

Như vậy gọi là ba hạng tối thắng.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Có ba hạng tối thắng
Đó là Phật, Pháp, Tăng
Tâm tịnh tín quy y
Thấy được pháp tối thắng.
Nương Phật sinh tịnh tín
Biết Lưỡng Túc Trung Tôn
Chứng Bồ-đề vô thượng
Trời, người đồng cúng dường.
Nương pháp sinh tịnh tín
Biết Ly Dục Trung Tôn
Chứng Niết-bàn vô thượng
Tịch tĩnh thường an lạc.
Nương Tăng sinh tịnh tín
Biết các Chúng Trung Tôn
Chứng Phước điền vô thượng
Trời, người đồng cúng dường.
Gieo ruộng tốt tối thắng
Sinh công đức tối thắng
Được an lạc tối thắng
Trong nhân gian, thiên thượng.

Thí Tam bảo phước điền
Gọi là Thí tối thắng
Hiện tại thường an lạc
Đời sau chứng Niết-bàn.

Tóm tắt lại nơi bài kệ phần kinh Bản Sự ở trước:

Tử, Tôn, Trọng, nhị học
Phước, kiến, văn, Bổn la
Bất tịnh đẳng cấp oán
Phước nghiệp, sự tối thắng.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có ba bậc Đại sư xuất hiện ở thế gian, làm lợi ích, an lạc cho vô lượng chúng sinh, thương xót đại chúng trời, người nơi thế gian làm cho họ được lợi ích an lạc vô lượng. Ba bậc Đại sư đó là:

1. Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật Bạc-già-phạm, xuất hiện nơi thế gian, vì các chúng sinh mà mở bày, xiển dương chánh pháp đầu, giữa, cuối đều thiện, văn nghĩa hoàn hảo, chỉ dạy phạm hạnh thuần nhất viên mãn. Nghĩa là: Đây là sự thật về Khổ, sự thật về Nguyên nhân của khổ, sự thật về Diệt trừ khổ và sự thật về Con đường tu tập để diệt khổ. Đó gọi là bậc Đại sư thứ nhất, xuất hiện ở thế gian, tạo lợi ích, an lạc cho vô lượng chúng sinh, thương xót đại chúng trời, người nơi thế gian làm cho họ được lợi ích, an lạc vô lượng.

2. Lại có đệ tử Vô học của Bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, là A-la-hán các lậu đã hết, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, đã vứt bỏ gánh nặng, tự đạt lợi ích, dứt các hữu kết, đã chân chánh phụng hành Thánh giáo của Như Lai, đã được giải thoát, đã chứng biết khắp, xuất hiện ở thế gian, vì các chúng sinh giảng dạy chánh pháp đầu, giữa, cuối đều thiện, văn nghĩa hoàn hảo, chỉ dạy phạm hạnh thuần nhất viên mãn. Nghĩa là: Đây là sự thật về Khổ, sự thật về Nguyên nhân của khổ, sự thật về diệt trừ Khổ và sự thật về con đường tu tập để diệt Khổ. Như vậy gọi là bậc Đại sư thứ hai xuất hiện ở thế gian, tạo lợi ích an lạc cho vô lượng chúng sinh, thương xót đại chúng trời, người ở thế gian làm cho họ được lợi ích, an lạc vô lượng.

3. Lại có bậc đệ tử Hữu học của Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, tu phạm hạnh đầy đủ, được học tập chân chánh đầy đủ; nghĩa là được học chân chánh về Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Già-tha, Vô vấn tự thuyết, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng, Hy pháp, hiểu rõ về ý nghĩa, xuất hiện ở

đời vì các chúng sinh chỉ dạy chánh pháp đầu, giữa, cuối đều thiện, văn nghĩa hoàn hảo, chỉ dạy phạm hạnh thuần nhất, viên mãn. Nghĩa là: Đây là sự thật về Khổ, sự thật về Nguyên nhân của khổ, sự thật về Diệt trừ khổ và sự thật về Con đường tu tập để diệt khổ. Như vậy gọi là bậc Đại sư thứ ba xuất hiện ở thế gian, tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh, thương xót đại chúng trời, người ở thế gian làm cho họ được lợi ích, an lạc vô lượng.

Như vậy gọi là có ba bậc Đại sư xuất hiện ở thế gian tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh, thương xót đại chúng trời, người ở thế gian làm cho họ được lợi ích, an lạc vô lượng.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Có ba bậc Đại sư
Nếu xuất hiện ở đời
Làm lợi ích an vui
Trời, người khắp thế gian.
Một là Bậc Như Lai
Hai, đệ tử Vô học
Ba, đệ tử Hữu học
Đủ tịnh giới đa văn.
Ba bậc Đại sư này
Trời, người đều cúng dường
Giảng thuyết pháp chân chánh
Rộng mở cửa cam lồ.
Làm vô lượng chúng sinh
Dứt hẳn các hữu kết
Thoát khỏi khổ sinh tử
Chứng Niết-bàn thường lạc.
Ví như Đạo sư giỏi
Chỉ đường tốt cho người
Người chân chánh đi theo
Chắc chắn được an vui.
Ba Đại sư như vậy
Dạy chúng sinh bốn Đế
Tu hành không phóng dật
Quyết vượt cảnh sinh tử.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Có chư Thiên nhóm họp trong ba thời, hoan hỷ bàn luận rõ ràng, khuyến khích nhau đi đến nhân gian. Thế nào là ba? Đó là:

1. Đệ tử của ta, hoặc ít của cải, ít quyến thuộc, nhiều quyến thuộc, dòng họ tôn quý, hoặc dòng họ thấp kém, mới phát tâm tịnh tín, nhàm chán pháp tại gia, ưa thích pháp xuất gia, khi ấy chư Thiên hoan hỷ nhóm họp cùng bàn với nhau: "Thiên tiên nên biết! Nay đệ tử của Phật, cùng quân ma ác sắp chiến đấu, chúng ta phải thống suất chúng chư Thiên đi đến nhân gian, âm thầm gia hộ, hỗ trợ thêm tín tâm cho người kia, làm cho chư vị không bị chướng nạn." Nghĩ xong, đi đến nhân gian làm việc nên làm. Như vậy gọi là chư Thiên nhóm họp, trong lần thứ nhất, hoan hỷ bàn luận, cùng khuyến khích nhau đi đến nhân gian.

2. Đệ tử của ta, khi cạo bỏ râu tóc đắp mặc ca-sa với tâm chánh tín, từ bỏ pháp tại gia, hướng đến chỗ không nhà, cùng các Bí-sô đồng tu hòa kính, an trụ giữ gìn giới Biệt giải thoát, tu hành mẫu mực, đều được viên mãn, đối với lỗi nhỏ cũng thấy rất sợ hãi. Học tập tất cả học xứ, thành tựu thân, ngữ, ý nghiệp thanh tịnh, thành tựu mạng thanh tịnh, thành tựu kiến thanh tịnh. Bấy giờ chư Thiên hoan hỷ nhóm họp, cùng bảo với nhau: "Thiên tiên nên biết! Nay đệ tử của Phật, cùng quân ma ác đang chiến đấu, chúng ta phải thống suất chúng chư Thiên đi đến nhân gian, âm thầm gia hộ, hỗ trợ thêm oai lực cho người kia, làm cho chư vị thắng quân ma." Nghĩ như vậy, đi đến nhân gian làm điều nên làm. Như vậy gọi là chư Thiên nhóm họp trong lần thứ hai hoan hỷ bàn luận, khuyến khích nhau đi đến nhân gian.

3. Đệ tử của ta, các lậu đã dứt, chứng nhân vô lậu, tâm giải thoát hoàn toàn, tuệ giải thoát hoàn toàn, ngay nơi hiện tại tự chứng thông tuệ, hoàn toàn an trụ, tự biết rõ: Sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Khi ấy chư Thiên hoan hỷ, nhóm họp cùng bàn với nhau: "Thiên tiên nên biết! Nay đệ tử của Phật, cùng quân ma ác đã chiến đấu xong rồi, đã diệt trừ quân ma, đã đập tan quân ma, tự nói: Sự sinh của ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc đáng làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa". Chúng ta phải nên thống suất chúng chư Thiên, cầm hương hoa đẹp đi đến nhân gian lễ bái cúng dường, khen ngợi tán thán, thỉnh thuyết giảng chánh pháp độ thoát sinh, già, bệnh, chết của mình." Nói như vậy xong, đi đến nhân gian, làm việc nên làm. Như vậy gọi là chư Thiên nhóm họp trong lần thứ ba hoan hỷ bàn luận, khuyến khích nhau đi đến nhân gian.

Bí-sô nên biết! Nếu có quốc độ, thành ấp, xóm làng có người có tâm tịnh, tín cầu xuất gia, có người đang cạo bỏ râu tóc xuất gia, có người xuất gia rồi, các lậu đã dứt, thì ngay trong quốc độ, thành ấp đó, các đại Thiên

tiên và các Thiện thần đều đi đến, siêng năng gia trì bảo vệ, làm cho nơi đó vui vẻ, được mùa, mưa thuận gió hòa, không có các bệnh tật, chúng sinh trong đó, tâm Từ hướng đến với nhau đồng tu nghiệp thiện, đời này đời sau, ngày đêm an ổn, mau chứng Niết-bàn thường lạc vô thượng. Như vậy gọi là trong ba lần chư Thiên nhóm họp, hoan hỷ luận bàn, khuyến khích nhau đi đến nhân gian.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Chư Thiên trong ba đời
Hoan hỷ cùng nhóm họp
Bàn luận khuyên xuất binh
Đi đem cõi nhân gian.
Lần đầu cầu xuất gia
Thứ hai cạo râu tóc
Thứ ba lậu đã dứt
Hàng phục các quân ma.
Chư Thiên thấy xuất gia
Dứt sạch hẳn các lậu
Cùng cung kính cúng dường
Như vậy khen ngợi rằng.
Quy mạng bậc Thù thắng
Quy mạng Tối thượng sĩ
Quy mạng dẹp chúng ma
Nhận được tiếng khen lớn.
Chư Thiên tâm hoan hỷ
Thầm giúp ta cúng dường
Cầu mong cạo râu tóc
Dứt lậu, chứng vô sinh.
Thế nên, phải siêng năng
Hệ niệm ưa tĩnh lự
Dũng mãnh, không phóng dật
Hàng phục các ma quân.
Ngay trong pháp luật Phật
Người chánh tín xuất gia
Giải thoát được các lậu
Dứt hẳn mọi cảnh khổ.

Tôi từng nghe Đức Thế Tôn bảo:

–Bí-sô nên biết! Trời hơn người lược có ba việc. Đó là:

1. Sống lâu.

2. Xinh đẹp.

3. Hoan lạc.

Như vậy gọi là ba việc trời hơn người gấp trăm ngàn vạn lần không thể tính kể. Vì sao? Vì cứ năm mươi năm ở cõi nhân gian thì bằng một ngày một đêm ở cõi trời Tứ thiên vương. Một ngày một đêm cho đến ba mươi ngày đêm như vậy là một tháng, mười hai tháng là một năm. Thọ mạng nơi cõi trời Tứ thiên vương là năm trăm năm. Với số năm ấy sẽ bằng chín trăm vạn năm ở nhân gian. Một trăm năm ở nhân gian sẽ bằng một ngày ở cõi trời Tam thập tam. Một ngày một đêm cho đến ba mươi ngày đêm như vậy là một tháng, mười hai tháng là một năm. Thọ mạng nơi cõi trời Tam thập tam là một ngàn năm, với số năm ấy sẽ bằng ba ngàn sáu trăm vạn năm ở nhân gian. Hai trăm năm ở nhân gian sẽ bằng một ngày một đêm ở cõi trời Dạ-ma. Một ngày một đêm cho đến ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm. Trời Dạ-ma thọ mạng là hai ngàn năm, với số năm ấy sẽ bằng một ức bốn ngàn bốn trăm vạn năm ở gian. Bốn trăm vạn năm ở nhân gian sẽ bằng một ngày một đêm ở cõi trời Đổ-sử-đa. Một ngày một đêm cho đến ba mươi ngày đêm như vậy là một tháng, mười hai tháng là một năm. Trời Đổ-sử-đa thọ mạng là bốn ngàn năm, với số năm ấy sẽ bằng năm ức bảy ngàn sáu trăm vạn năm ở nhân gian. Tám trăm năm ở nhân gian sẽ bằng một ngày một đêm ở cõi trời Lạc biến hóa. Một ngày một đêm cho đến ba mươi ngày đêm như vậy là một tháng, mười hai tháng là một năm. Trời Lạc biến hóa thọ mạng là tám ngàn năm, với số năm ấy sẽ bằng hai mươi ba ức bốn trăm vạn ở nhân gian. Một ngàn sáu trăm năm ở nhân gian sẽ bằng một ngày một đêm ở cõi trời Tha hóa tự tại. Một ngày một đêm cho đến ba mươi ngày đêm như vậy là một tháng, mười hai tháng là một năm. Trời Tha hóa tự tại thọ mạng là một vạn sáu ngàn năm, với số năm ấy sẽ bằng chín mươi hai ức một ngàn sáu trăm vạn năm ở nhân gian.

Ở cách tính này thì vạn vạn là ức. Như vậy gọi là tuổi lâu dài của chư Thiên. Xinh đẹp của chư Thiên, hoan lạc của chư Thiên, tất cả những gì ở thế gian đều không thể thí dụ. Như vậy gọi là chư Thiên có ba việc thù thắng.

Nhưng tất cả đều là vô thường không bền chắc, không bảo đảm, là pháp biến đổi, hư hoại, bị sức mạnh của thần chết thâu nuốt, hệ thuộc vào sự chết. Chúng chư Thiên kia khi lâm chung thì có chúng chư Thiên khác đến chỗ của họ nêu truyền chỉ dẫn:

–Các Thiên tiên xin nguyện cho các ông sinh đến nẻo thiện. Sinh nẻo

thiện rồi, đạt lợi ích tốt. Được lợi ích tốt có sự hoàn thành.

Chư Thiên ấy đi đến nẻo thiện nào? Được lợi ích gì? Thành tựu việc gì? Nghĩa là chư Thiên kia sau khi qua đời, sinh vào cõi người, được làm người, gọi là đi đến nẻo lành. Đến nẻo người xong, đối với pháp luật của Phật đã thuyết giảng có được chánh tín, nên gọi là đạt lợi ích tốt. Chánh tín như vậy được tăng trưởng rộng lớn, vững chắc, sâu xa. Sa-môn và Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm ở thế gian không pháp nào có thể làm cho thoái chuyển, nên gọi là thành tựu đầy đủ. Do thành tựu hoàn toàn nên đối với Phật pháp làm được nhiều việc, nghĩa là phát tâm tịnh tín, xuất gia, thọ giới tu Thiền chỉ, Thiền quán, quán xét bốn Thánh đế, đoạn hẳn các lậu, chứng đắc Niết-bàn, dứt hết cảnh khổ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tóm tắt lại nghĩa này và nói kệ:

Trời có ba việc hơn
Sống lâu, vui xinh đẹp
Đem so với người đời
Tính toán rất khó kịp.
Ba việc hơn như vậy
Không thường, không bền chắc
Pháp biến hoại khó giữ
Bị ma chết trói buộc.
Trời khi sắp ra đời
Trời khác đến một bên
Khéo nêu trao chỉ dẫn
Khiến sinh tâm hoan hỷ.
Xin nguyện cho Thiên tiên
Vãng sinh đến nẻo thiện
Được sinh làm loài người
Sinh giữa nước, thông minh.
Ở trong pháp luật Phật
Đạt được tâm chánh tín
Tăng trưởng tâm kiên cố
Tà giáo không thể chuyển.
Dùng phương tiện xả bỏ
Hạnh ác thân, ngữ, ý
Những lỗi lầm đã sinh
Cũng phương tiện trừ diệt.
Thân, ngữ, ý thường tu
Ba nghiệp là thù thắng

Như lý, chánh tư duy
Làm rộng lớn vô lượng.
Tu các sự phước nghiệp
Là thí, giới, đa văn
Ngay trong chánh pháp Phật
Xuất gia tu phạm hạnh.
Chánh tín tu phạm hạnh
Thường nhẫn nhục, nhu hòa
Hoặc sinh trong trời, người
Hoặc chứng Niết-bàn lạc.
Như vậy các Thiên tiên
Đến nêu truyền, chỉ dẫn
Chư Thiên khi lâm chung
Như mẹ thương xót con.
Chư Thiên thường phát nguyện
Được tăng ích cõi thiện
Làm cho chúng Tu-la
Tan rã, không tăng trưởng.

-oOo-

SỐ 766

PHẬT THUYẾT PHÁP THÂN KINH

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Đại sư Pháp Hiền.

Khi ấy, Đức Thế Tôn ở giữa đại chúng, dùng âm thanh vi diệu bảo rằng:

–Chư Phật Như Lai có hai thân, đều đầy đủ hằng hà sa số công đức. Hai thân đó là Hóa thân và Pháp thân.

Hóa thân là thân từ cha mẹ sinh ra, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm. Dùng mắt trí tuệ quán sát khắp tất cả chúng sinh, người trí chiêm ngưỡng sinh lòng vui vẻ. Ba nghiệp thanh tịnh, mỗi một tướng đẹp có đầy đủ trăm phước. Như vậy nhóm họp cả trăm ngàn phước làm trang nghiêm tướng Đại trượng phu đều thâu gồm vào sắc uẩn. Lại đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, ba pháp Bất không, ba pháp Niệm trụ, ba pháp Bất hộ, bốn pháp Vô lượng; là bậc Trượng phu đầy đủ tất cả sức Na-la-diên tối thắng. Như vậy gọi là lược nói về công đức trang nghiêm viên mãn hoàn toàn của Bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Đó gọi là Hóa thân.

Pháp thân của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác là không thể nghĩ bàn, không thể lường tính, không người nào có thể rộng nêu bày. Giả sử các bậc Duyên giác và các bậc Thanh văn lợi căn tối thượng như Tôn giả Xá-lợi-phất… hiểu rõ pháp sâu xa, đại trí, minh đạt, hiểu rõ về vô số nghĩa lý, nhưng cũng không thể thuyết giảng đầy đủ về công đức của Pháp thân.

Chư Phật Như Lai là Thầy trong ba cõi, là bậc Đại bi tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, bình đẳng hộ niệm không phân biệt. Chư Phật trụ nơi Thiền chỉ, Thiền quán, nhưng lại hiểu rõ ba pháp điều phục, khéo vượt qua bốn nạn, đầy đủ bốn Thần túc, ngày đêm thực hành pháp bốn Nhiếp, lìa năm dục, vượt khỏi các khổ nơi năm nẻo, đủ sáu phần pháp, sáu pháp Ba-la-mật, mở bày hoa bảy Giác chi, diễn giảng tám Con đường chân chánh, hiểu rõ chín loại Thiền định, đủ mười Trí lực, do trí lực này, tiếng tốt vang

khắp mười phương, thế nên gọi là Đệ nhất nghĩa thiên.

Vào lúc nào và ở đâu, suốt ngày lẫn đêm quán sát pháp công đức bên trong của chư Phật, như vậy thì cũng không thể nói hết được. Thế nên ta nay lược nêu về pháp ấy. Đó là Pháp thân thuần nhất vô nhị, vô lậu, vô vi, cần phải tu chứng các pháp hữu vi từ vô vi sinh ra. Như vậy, pháp ấy là chân thật, không tịnh, không nhiễm, không niệm, không dựa, lìa các phương tiện mà lại làm chỗ nương tựa vững chắc cho chúng sinh. Chỗ tạo pháp hành cho tất cả chúng sinh là không có các lỗi lầm, là pháp hoàn toàn chân thật, lìa các sự ghi nhớ. Đối với vô biên pháp môn Tam-ma-địa, không động không lay mà được giải thoát. Do hai loại thiền chỉ và thiền quán ở nơi dục, lìa dục, được giải thoát. Dùng tuệ để giải thoát khỏi pháp vô minh, dục. Dùng niệm để biết rõ về pháp học, vô học. Dùng minh giải thoát để khéo thông đạt về tự tánh. Ở nơi các pháp có thể buộc niệm sâu xa. Khéo dùng hơi thở để sinh pháp quán hơi thở. Khéo dùng pháp chánh định để sinh pháp chánh định. Đối với tất cả các pháp không cầu, không chứng. Lìa hai pháp này thì không còn đối tượng được duyên dựa, không còn đối tượng tu tập, nhưng dùng Tận trí và Vô sinh trí để thành tựu trọn vẹn ba pháp cứu cánh, ba pháp thiện căn, ba môn phương tiện, lìa các vọng tưởng, đạt được sự sống chân thật, rõ ba loại tuệ, đó là Văn, Tư, Tu. Lìa ba tạp nhiễm là phiền não, nghiệp, khổ.

Có ba loại Chánh định là Không, Vô tướng, Vô nguyện, lại gọi là ba môn giải thoát, tức môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện.

Ba loại pháp uẩn là Giới uẩn, Định uẩn, Tuệ uẩn.

Ba loại học pháp là Giới học, Định học, Tuệ học.

Có ba loại tu là tu Giới, tu Định, tu Tuệ hữu học, vô học, chẳng phải hữu học, chẳng phải vô học.

Có ba loại đạo là Kiến đạo, Tu đạo, Vô học đạo.

Có ba loại căn là Căn chưa nhận biết, Căn đã nhận biết và Căn nhận biết đầy đủ.

Có ba loại pháp hành, đó là Thánh hạnh, Thiên hạnh, Phạm hạnh.

Có ba loại phân biệt là Uẩn, Xứ, Giới.

Rõ ba pháp rồi được phước lợi lớn, chứng đắc giải thoát Niết-bàn tịch tĩnh. Ba niệm trụ chẳng không, Như Lai bình đẳng che chở, bảo hộ cho tất cả chúng sinh với ba loại pháp uẩn *(giới, định, tuệ)*.

Có ba hạng chúng sinh là thượng, trung, hạ. Chư Phật, Như Lai gồm đủ ba pháp đại Bi, đó là Đại bi không duyên dựa, Đại bi vi diệu và Đại bi

vì tất cả chúng sinh.

Có ba loại tự tại, đó là Thân tự tại, Thế gian tự tại và Pháp tự tại.

Có ba pháp Bất hộ là Thân nghiệp của các Đức Như Lai thanh tịnh, lìa pháp bất tịnh; Khẩu nghiệp thanh tịnh, lìa pháp bất tịnh; Ý nghiệp thanh tịnh, lìa pháp bất tịnh.

Có ba loại gươm bén đó là gươm bén của Văn, gươm bén của Tư, gươm bén của Tu.

Có ba loại tối thượng, đó là Định tối thượng, Tuệ tối thượng, Giải thoát tối thượng.

Có ba loại giới pháp, đó là Chánh đoạn, Lìa dục, Tịch diệt.

Có ba cõi là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Có ba loại minh vô học, đó là Quá khứ Túc mạng minh, Vị lai Thiên nhãn minh, Hiện tại Lậu tận minh.

Có ba loại pháp Vô vi, đó là Chư hành vô thường, Chư pháp vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh.

Có ba loại Bồ-đề là Bồ-đề của Thanh văn, Bồ-đề của Duyên giác và Bồ-đề Vô thượng.

Có ba loại trí vô học, đó là Tận trí, Vô sinh trí, Chánh kiến trí.

Ba ngôi báu *(Tam bảo)*, ba quy y, ba trí tối thượng

Bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, bốn Tín tâm, bốn Cú giải thoát.

Có bốn loại pháp thiện, đó là Thiện đệ nhất nghĩa, Thiện tự tánh, Thiện phát khởi và Thiện tương ưng.

Bốn loại pháp Tu, bốn loại pháp Trí, bốn pháp Thánh đế, bốn Thiền định, bốn Luân tạng, bốn Pháp, bốn Y chỉ, nghĩa là thân cận thiện hữu, lắng nghe chánh pháp, buộc niệm tư duy, tu hành đúng như giáo pháp.

Lại có bốn duyên, đó là Nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Tăng thượng duyên, Sở duyên duyên.

Bốn gia vị hạnh, đó là Noãn vị, Đảnh vị, Nhẫn vị, Thế đệ nhất vị.

Có bốn loại đạo, đó là Phương tiện đạo, Vô gián đạo, Giải thoát đạo, Tối thắng đạo.

Có bốn quả Sa-môn, bốn thứ Thánh tộc.

Có bốn Tâm vô lượng: Từ, Bi, Hỷ, Xả.

Lại có bốn sinh, bốn Thánh trụ, bốn ký niệm, bốn oai nghi.

Có bốn môn xuất sinh, đó là Xuất, Nhập, Tịch tĩnh, Chánh giác.

Lại có bốn chứng vị: Năm uẩn hữu học, năm xứ giải thoát, pháp năm độ sinh, năm tưởng Thánh trí.

Có năm phần thiền định, đó là: Phần chánh đoạn, phần điều phục, phần ly quá, phần ly tướng, phần ly tánh.

Lại có năm loại phần tối thượng, năm hiện hành, phép tu thiền định, năm uẩn, năm giới.

Lại có năm thủ uẩn, sáu pháp công đức, sáu thông, sáu niệm, sáu thứ pháp, năm thứ ly dục, năm thứ pháp tu, sáu vị kiến đạo, sáu hạnh tương tục, sáu tưởng chứng minh.

Bảy Bổ-đặc-già-la *(chúng sinh)*, bảy hạnh Đại trượng phu, bảy thức trụ, bảy Giác chi, bảy pháp không lỗi lầm, bảy pháp thiền định thọ dụng, bảy loại diệu pháp, bảy loại giới phần, bảy xứ thiện giải, bảy loại tu đạo, tám phần Chánh đạo, tám hạng người, tám loại giới biệt giải thoát.

Lại có tám giải thoát, tám xứ, tám trí, tám đạo, tám giới, tám hội và tám loại pháp thế gian.

Đức Như Lai chân thường tương tục, tinh tấn, thanh tịnh, không bị nhiễm vướng.

Lại có chín loại pháp tu định quá khứ, chín pháp tín tâm, chín pháp chứng đắc, chín diệt danh sắc, chín trụ chúng sinh, chín pháp thứ y, chín địa vô lậu, chín địa tu đạo.

Mười loại Bổ-đặc-già-la, đó là: Bốn hướng, bốn quả, chín là Duyên giác, mười là Đẳng Chánh Giác. Mười đại địa pháp thiện, mười loại pháp hữu học, mười Lực của Như Lai, mười đạo nghiệp thiện, mười đạo nghiệp ác, mười loại Thánh trụ. Mười tác pháp như lý.

Mười một pháp công đức tướng hảo tư niệm, mười một loại pháp khởi trí thiện giải đầy đủ, mười một loại pháp cụ túc giới.

Mười hai loại ngôn từ xuất sinh, mười hai xứ, mười hai duyên, mười hai sát-na hội chứng đắc Thánh pháp.

Mười ba pháp hỷ, mười ba địa tác nghiệp.

Mười bốn loại hóa tâm.

Mười lăm tâm kiến đạo.

Mười sáu tâm chánh niệm.

Mười bảy loại tướng hữu học.

Mười bảy tướng lạc dục.

Mười tám giới, mười tám pháp bất cộng.

Mười chín địa phân biệt, hai mươi hai căn, ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề. Đó là: bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Chánh đạo, bốn mươi bốn pháp trí. Lại có bảy mươi bảy pháp trí, một trăm sáu mươi hai đạo, gọi là tu địa.

Như vậy… vô lượng, vô biên pháp tương tục chân thường lìa các phiền não, sâu xa, rộng lớn, vi diệu khó suy xét. Bậc Đại trí tuệ nhận biết rõ đúng như thật. Nhưng pháp Phật này chính là pháp thù diệu của hằng hà sa số các Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Đối với pháp bình đẳng ấy người nào cầu chứng trí Chánh đẳng giác như các Bí-sô, Bí-sô ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và các ngoại đạo Ni-kiền Tử… người nào đầy đủ trí tuệ nhận biết đúng như thật, lại thuyết giảng rộng rãi cho tất cả chúng sinh, cũng như Phật đã dạy khiến cho vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ chúng sinh đều chứng đắc được Niết-bàn cứu cánh tịch tĩnh, vô úy.

-oOo-

SỐ 767

PHẬT THUYẾT
TAM PHẨM ĐỆ TỬ KINH

Hán dịch: Đời Đông Ngô,
Cư sĩ Chi Khiêm.

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo đồng nhóm họp nghe Phật giảng kinh:

Hiền giả A-nan đứng dậy bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Con có điều nghi vấn muốn xin thưa hỏi. Cúi xin Thiên Trung Thiên chỉ dạy cho con.

Phật bảo:

–Lành thay! Tùy ý ông thưa hỏi. Như Lai sẽ giảng giải cho ông.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di học đạo có bậc thượng, trung, hạ. Cúi xin Thế Tôn giải thích điều đó cho con.

Phật bảo:

–A-nan! Ông chính vì hàng hậu học mà thưa hỏi điều này. Như Lai sẽ giảng giải việc đó cho ông. Hãy lắng nghe, lãnh thọ và ghi nhớ.

Tôn giả A-nan thưa:

–Dạ con xin kính vâng theo lời Thế Tôn dạy.

Phật nói:

–Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di bậc thượng thọ trì năm giới không trái phạm mảy may mà còn dạy bảo làm cho người hiểu khiến họ phát tâm Bồ-tát.

Thế nào là tâm Bồ-tát? Đó là tâm nhớ nghĩ đến tất cả mọi người trong mười phương như con đỏ, độ người vào đạo làm hạnh Đại thừa. Chỉ dạy đầy đủ, làm cho họ dứt mọi sự mong cầu không cầu được cúng dường y phục, thức ăn uống, tiền tài, châu báu. Không vì đạo nhỏ mà vì mục đích độ người làm chủ yếu.

Thế nào là đạo nhỏ?

Phật nói:

–Vì vào pháp lớn nên phát hạnh Đại thừa. Còn người cầu quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, đó là Tiểu thừa, chẳng phải là pháp của Bồ-tát. Pháp của Bồ-tát chỉ dạy cho tất cả chúng sinh, làm cho tất cả nhập vào trí tuệ Bát-nhã, hiểu rõ phương tiện thiện xảo, đạt được Nhất thiết trí. Nên biết người như vậy là tu hạnh lâu dài về sau. Người này vào thời Phật quá khứ đã từng cúng dường Sư trưởng như Phật không khác. Người tu hành như vậy gọi là Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di bậc thượng.

Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di bậc trung cũng thọ năm giới không trái phạm mảy may. Cũng là người đã từng học đạo ở thời Đức Phật quá khứ, nhưng không được gặp minh sư, không được nghe Bát-nhã ba-la-mật, không hiểu rõ phương tiện thiện xảo, chỉ tu một Ba-la-mật như: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, không có trí tuệ ở trong kinh pháp, chỉ nhờ vào công đức đã làm trước đây nên được sinh làm người. Lại có sự hiểu biết ở đời trước nên được sống trong giáo pháp của Phật, giữ giới đầy đủ, thấy Sư trưởng như thấy Phật không khác. Hoàn toàn không hủy phạm giới cấm. Tu hành như vậy gọi là Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di bậc trung.

Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di bậc hạ tuy cũng thọ năm giới nhưng lại vi phạm. Nếu gặp minh sư hoặc bậc Hiền giả hiểu biết pháp liền theo thưa hỏi, lãnh thọ pháp yếu. Ngay khi ấy hoan hỷ hướng đến vị đó cầu xin sám hối những tội lỗi đã gây tạo. Tinh tấn giữ gìn năm giới không trái phạm. Nhưng sau đó vì tâm ý tham dục nên hủy bỏ giới cấm của Phật, cao ngạo, khinh chê, oán ghét minh sư và bạn lành, chê bai chỗ hay dở của họ, cho rằng: "Ta đã gặp được minh sư có giới, định, tuệ sâu xa, sẽ giúp phương tiện cho ta", nhưng không biết đó là hạng thầy chỉ biết nhận của cúng dường, lại tin theo lời dạy của họ. Không tinh chuyên giới, kinh. Hạng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di này là hạng gánh hạt giống của người chết, không nên cho họ cùng nhóm họp, cùng ngồi, cùng đứng. Đây là hạng phá hoại tâm hạnh tốt của nhiều người, chỉ dạy cho mọi người lãnh thọ giáo pháp mong cầu sự cúng dường, muốn được tiền tài, thóc lúa, lụa là để cung cấp nuôi dưỡng vợ con; giả mạo oai thần của Phật, nhưng không nhớ nghĩ đến chúng sinh nơi mười phương trong năm đường để độ thoát họ, ngược lại, bị sự thọ nhận các phẩm vật, nên luôn phát khởi vọng tưởng, không giảng dạy trí tuệ về Đại thừa cho họ, đó là người không tinh thông pháp chân chánh của Phật. Phải giảng nói với người thọ học kinh: "Nên tránh xa người thế tục và những điều kiện có quan hệ về sự uống rượu, vì Đức Phật có thức ăn cả trăm vị.

Đối với những người uống rượu, bán rượu không trì giới, người làm thuê, tôi tớ mà bảo họ sát sinh hay tự tay làm, đều không phải là Phật tử, còn tạo chướng ngại nơi công đức của Phật".

Thế nào là tạo chướng ngại nơi công đức của Phật?

Phật nói:

–Đã làm việc chỉ dạy mọi người mà không khiến cho cả bốn hạng đều được hiểu biết.

Tôn giả A-nan quỳ thẳng, thưa Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Thế nào là không muốn cho bốn hạng người hiểu biết?

Phật nói:

–Đó là Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di ngu si không hiểu biết, lại tự cho là thông tuệ, chẳng hiểu rõ về nghĩa lý thâm diệu trong kinh, không biết hổ thẹn, trở lại làm chướng ngại cho bạn lành mới tu học, không muốn cho họ gặp được bậc minh sư hiểu biết đúng đắn. Vì lẽ gì? Vì những người này muốn chỉ riêng mình được nhận của cúng dường, trở lại ngăn che đạo lớn. Những Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di ấy tuy là độ người nhưng không nhận ra Trí tuệ ba-la-mật, không hiểu rõ phương tiện quyền xảo. Đây là hạng người tối tăm, chuyên thực hành đạo nhỏ.

Hoặc có người dạy người khác làm phước nhưng không có tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả cũng không biết bố thí rộng khắp, lại dạy họ làm những việc mà đạo pháp không bảo làm.

Bấy giờ sứ giả của thái tử Tứ thiên vương và thần hộ trì Phật đạo, mỗi vị đều ghi chép sự việc đó, dần dần bỏ rơi người ấy, bảo những vị quan ghi hết tội lỗi của họ để trình lên vua Trời. Tuổi thọ chưa dứt, liền sai thần dã nhân trong lúc họ phạm giới liền cắt đứt mạng sống còn lại, tự nhiên bị đọa trong địa ngục, sẽ chịu tội khổ nơi mười tám ngục, cho đến khi trời đất cháy rụi mới được ra khỏi, hoặc bị đọa trong loài cầm thú, hoặc sinh vào loài người. Nếu sinh trong loài người sẽ ở chỗ ngu si, không được sống trong nhà Phật pháp.

Phật bảo:

–Này A-nan! Các ông nên thường tụ họp giảng nói pháp. Nếu không ngăn chặn sự ngu si nơi con người thì bị tội đoạn diệt pháp Phật.

Các đệ tử nghe Phật thuyết giảng kinh này, tất cả đều sợ hãi, đều nhất tâm lãnh thọ lời dạy và đảnh lễ Phật.

-oOo-

SỐ 768

KINH TAM TUỆ

Hán dịch: Mất tên người dịch, nay dựa vào sao lục của nhà Lương.

Phật muốn có ba hạng người:

1. Tin.

2. Thưa hỏi.

3. Thực hành.

Hoặc có người chỉ tin mà không thích việc đã làm. Chỉ tin nhưng không muốn làm ba việc:

1. Bố thí.

2. Giữ giới.

3. Hành thiền.

Phải diệt vọng tưởng mới đắc đạo. Điều cần yếu ở chỗ không nghĩ đến mình, diệt vọng tưởng, sắc cũng diệt, thức cũng diệt. Tâm có chỗ nhớ nghĩ, đó là bốn đối tượng. Tưởng này là sẽ có tưởng hay là không có tưởng.

–Chẳng lìa tưởng hay sẽ lìa tưởng.

–Chẳng xuất tưởng hay sẽ xuất tưởng.

Lại cho rằng sẽ có tưởng, nghĩa là tưởng đến đạo.

Sẽ không tưởng, nghĩa là tưởng vô sắc.

Chẳng lìa tưởng nghĩa là không xa rời hoạt động của tưởng.

Sẽ lìa tưởng nghĩa là sẽ rời tưởng sinh tử.

Chẳng xuất tưởng nghĩa là tưởng không có đường xuất ly nên không ra khỏi mười hai xứ. Lại cho đó là sinh tử của con người, nên không được giải thoát.

Thân con người ví như đất, ý thiện như lúa, ý ác như cỏ rác. Nếu không dọn sạch cỏ rác thì hạt lúa không có được. Người không trừ bỏ ác ý, cũng không thể đắc đạo. Người có sân giận đó là đất có cỏ gai. Ý tốt như điện lóe lên thì sáng, tắt thì tối. Tà niệm như khi mây che mặt trời thì không thấy gì cả. Cũng vậy, ý ác đã khởi lên thì không thể thấy đạo.

Học nên khổ, không học thì không có khổ.

Học có khổ, ví như người làm ruộng, trước phải dọn sạch cỏ rác, sau mới thâu hoạch được nhiều lúa. Đó là trước khổ.

Không học, không có khổ, ví như đất không tiếp tục cày bừa, tự phát sinh cỏ gai và các vật nhơ. Đó là không học không có khổ.

Hành đạo, thứ nhất là có thể ngăn khổ, thứ hai là có thể ngăn vui, ba là không thể ngăn khổ, bốn là không thể ngăn vui. Muốn vui được vui, cho đó là hành đạo. Muốn khổ bị khổ, cho đó là hành đạo. Có người hành đạo bị khổ liền sợ sinh tử. Hành đạo như vậy thì không được an vui.

Có người được an vui cho đó là hành đạo, ý không bị khổ, như vậy không cho là khổ. Có người được an vui cho đó là hành đạo. Bị khổ cũng cho là hành đạo. Như vậy có thể được vui, không bị khổ.

Có người bị khổ, không thể hành đạo, được vui cũng không thể hành đạo, như vậy sẽ bị khổ, không được vui.

Tất cả có bốn cách cầu:

1. Vì thân nên cầu.

2. Vì nguyện nên cầu.

3. Vì si nên cầu.

4. Vì hành nên cầu.

Người muốn giữ thân được trường thọ, đó là vì thân nên cầu.

Muốn được giàu sang phú quý, vợ con, châu báu, đó là vì nguyện nên cầu.

Cúng tế, trấn yếm, muốn từ nơi việc làm đó mà được phước. Đó là vì si nên cầu.

Việc làm thì phi pháp mà muốn nhà cửa được yên ổn, được đắc đạo. Đó là vì hành nên cầu.

Con người có ba việc không thể bảo đảm:

1. Sự vui vẻ.

2. Tiền tài của báu.

3. Mạng sống.

Thân cũng đáng nhớ nghĩ, cũng không đáng nhớ nghĩ. Nhớ nghĩ sự bất tịnh của thân, đó là đáng nhớ nghĩ. Ý rơi chìm vào năm dục, đó là không đáng nhớ nghĩ. Điều thiện cũng nên đáng nghĩ, cũng không đáng nghĩ, đó là ý đắc đạo, là điều nên nghĩ. Điều không nên nghĩ, đó là dựa vào sự đắc đạo sẽ tăng dần theo ác. Cũng có điều đáng nhớ, cũng có điều không đáng

nhớ là có lỗi tự sám hối là đáng nghĩ. Phát sinh ý rơi vào việc ác là không đáng nhớ nghĩ. Xả bỏ chánh, nhớ tà, đó là hoặc. Không phân biệt thị phi đó là si.

Sẽ có hai việc:

1. Gốc.

2. Ngọn.

Hành động là gốc, hưởng phước là ngọn. Trừ được hai việc đó thì đắc đạo.

Tham hộ nghĩa là đã được rồi lại còn tham. Nghĩ đến sắc là tham thượng vì không phải một ý mà diệt được. Hộ tham là đắc đạo. Tham hộ là đọa sinh tử. Đã được lại còn tham lam bảo hộ cho nên gọi là tham hộ.

Món ăn vui sướng là hoan hỷ, ăn bằng niệm no đủ tức là ba mươi bảy phẩm Trợ đạo. Ăn bằng thức ăn no đủ gọi là pháp lạc. Đã theo thọ đó là xúc, ý niệm mong cầu theo đó là thức.

Tất cả việc thế tục đều thuộc về thân. Tất cả danh tự đều thuộc về ý. Tất cả không phạm đều thuộc giới. Ngoài ba việc này ra không có gì là đạo.

Có một pháp phá hoại đạo hạnh, đó là không tinh tấn. Có một pháp phá hoại người, đó là xan tham. Ngoài ra, nhân duyên xấu bên ngoài đến không chấp nhận, đó là nhẫn. Tự thân làm ác, gây hại cho mình, không hoài niệm quá khứ, không mong cầu tương lai, phải chấm dứt ngay hiện tại, vì đó không phải là sở hữu của mình, không bị lo buồn, tất cả bị trói buộc đều do ý.

Có ý thiện cũng quên, ý ác cũng quên, lại nhờ ba nhân duyên:

1. Không nghĩ theo thói quen.

2. Không luôn nghĩ đến.

3. Không vướng vào ý điên đảo.

Phải luôn luôn nhớ ba điều ấy. Từ hữu có thể đắc vô, hữu không thể đắc hữu. Đó gọi là ý của ba mươi bảy phẩm Trợ đạo. Ý sinh tử đưa đến sinh tử vô cùng, thế nên người giác ngộ nuôi dưỡng sự xả ly, có ý muốn ngồi hành đạo mười ngày không thể xong, do mười ngày đời trước phước mỏng. Người có nhiều phước muốn mười ngày ngồi hành đạo liền được. Thân không muốn làm viện cớ là mệt mỏi. Ý không muốn làm đạo nên không niệm vô thường, khổ, không.

Trí tuệ có bốn tướng:

1. Nghe lời nói đúng không quen.

2. Nghe xong, tâm lãnh thọ.

3. Đã quên, ngay lúc đó suy nghĩ để nhớ lại.

4. Đã suy nghĩ, nhớ, lại hỏi thăm thêm muốn biết rõ ý của người đó.

Ngược lại là người ít trí tuệ.

Có năm trăm người hành đạo đắc định ý, sợ bị mất, nhân đó nhờ người bảo giết giùm. Người kia nói:

–Giết người tu làm cho tôi bị tội nạng.

Đạo nhân nói:

–Như người có oan gia muốn giết kẻ đó. Đây chẳng phải là thân mà là oan gia của ta. Ngươi hãy vì ta mà giết giùm.

Phật nói:

–Nên giết cái ý của ngươi chớ chẳng nên giết cái thân.

Có đạo nhân đắc định ý, bấy giờ, lửa cháy thiêu rụi cả vùng rộng ấy, nhưng y của đạo nhân không cháy. Mọi người thấy vậy cho là quỷ, liền chém đạo nhân, nhưng chém không được. Do dụng tâm một chỗ nên y không cháy, do mềm mại nên chém không được.

Có đạo nhân đắc định ý, đệ tử mời dùng cơm, bất giác giơ cánh tay, cánh tay duỗi ra dài hơn một trượng. Đệ tử rất sợ, nhân đó cột gút cánh tay, ý muốn chặt gãy nhưng không được. Vị thầy trong thiền định biết cánh tay đau, hỏi, đệ tử bạch đã làm như vậy.

Thầy dạy:

–Ngươi không biết nên lầm bẻ gãy cánh tay của ta. Người đắc định ý mềm mại như tơ. Khi ở trong thai mẹ cũng mềm như vậy.

Có ba nhân duyên biết người không hiểu biết:

1. Được hỏi, không thể trả lời.

2. Không thể đặt câu hỏi.

3. Không thể nói thành câu.

Rút một ý chính yếu trong kinh Thí Dụ: Người vào biển chỉ lấy châu báu rồi đi. Dụ cho người ở thế gian nên lấy ý thiện mà đi.

Không có chỗ ghi nhớ thì không thể đắc đạo. Vì sao? Vì do không nhớ nghĩ đến đạo. Do có nghĩ đến đạo mới có thể đắc đạo. Đó là sáu pháp Ba-la-mật, niệm hơi thở ra vào, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo là nhân duyên của đạo.

Có năm nhân duyên có thể tin:

1. Tin Phật.

2. Tin Pháp.

3. Tin Giới.

4. Tin Kinh.

5. Tin Thiện tri thức.

Tin năm việc đó là đắc đạo.

Lời nói có bốn cách:

1. Lời nói thẳng.

2. Lời nói phân biệt.

3. Lời hỏi.

4. Lời nói chấm dứt.

Lời nói thẳng là người có trí tuệ, duyên theo chánh đạo nên duyên theo lời nói thẳng.

Lời nói phân biệt là vì người lãnh thọ không hiểu rõ nên phải lập lại lời nói để phân biệt gốc, ngọn.

Lời hỏi là tự ý người cho là đúng, tùy theo lời hỏi của họ mà hỏi lại thì họ liền tự biết.

Lời nói ngừng lại là những điều Phật không thuyết giảng mình cũng không nói.

Có bốn cách thưa hỏi:

1. Hỏi tất cả.

2. Hỏi riêng biệt.

3. Hỏi lại câu hỏi.

4. Hỏi để chấm dứt.

Tất cả thế gian là vô thường, khổ, không, hành đạo được an ổn rồi nói, là nên nói. Đó là hỏi tất cả.

Nếu người đến hỏi về việc của mắt thì chớ nên đem việc của tai mà trả lời họ. Đó là phân biệt hỏi.

Nếu người đem vật trắng đến nói đây là vật đen, nhân đấy đem vật đến hỏi người đó: "Ông thấy vật này như thế nào?" Đó là hỏi lại người hỏi.

Nếu người đến hỏi đạo thuộc loại gì? Nhân đó bảo với họ: "Rét thuộc loại gì?"

Nếu người hỏi ý thuộc loại gì? Nhân đó bảo với họ: "Gió thuộc loại gì?"

Nếu có người hỏi vô vi thuộc loại gì? Nhân đó bảo với họ: "Hư không thuộc loại gì?"

Đó là lời hỏi để chấm dứt.

Có bốn điên đảo, đó là:

1. Đối với vô thường lại cho là thường.

2. Khổ, con người lại cho là vui.

3. Vạn vật đều không, cho là thật có.

4. Chẳng phải thân, tham cho là có thân.

Con người rơi vào điên đảo như vậy. Chẳng phải thường cho là thường. Lấy khổ làm vui. Lấy không làm thật. Chẳng phải thân làm thân. Người có ý như vậy liền đắc đạo. Ý của con người rơi vào bốn điên đảo nên cho đó là thân của ta. Suy xét kỹ, trong thân chẳng có gì là sở hữu. Đã không sở hữu liền rơi vào không. Rơi vào không thì không có thân. Không có thân thì rơi vào vô vi.

Con người có bốn điều si, thường chấp vướng vào bốn điên đảo:

1. Vạn vật vô thường, tự cho là thường.

2. Thiên hạ đều khổ, con người dựa vào đó cho là vui.

3. Thiên hạ đều không, con người cho là có.

4. Thân này chẳng phải là thân, không thể bảo đảm, con người cho là thân.

5. Khi trăng non mới mọc nên lễ lạy.

6. Ngày mười lăm trăng tròn đầy, trong sáng, trở lại ngồi xổm mà nhìn.

7. Con gái lúc còn nhỏ phải nhờ người chăm sóc, bảo vệ.

8. Con gái lúc lớn thì mọi người không thể được gặp.

Có bốn điều cao quý, cũng có bốn điều hạ tiện:

1. Đạo là cao quý, người là hạ tiện.

2. Châu báu là quý, người là hạ tiện.

3. Quan vị là quý, người là hạ tiện.

4. Thông minh là quý, người si mê là hạ tiện.

Tôn giả A-nan thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Người gặp Thiện tri thức là gặp được một nửa đạo giác ngộ phải không?

Phật bảo:

–Người được gặp Thiện tri thức là được gặp toàn phần đạo giác ngộ. Vì Thiện tri thức rất khó được gặp.

Thế nào là đạo đức?

Tin là đạo, ngăn chận thân, khẩu, ý là đức.

Người phải có ba loại tri thức:

1. Nhà giàu có.

2. Việc làm cao quý.

3. Cao thượng.

Bố thí là nhà giàu. Trì giới là việc làm cao quý. Giữ ý nghĩ nhớ đến đạo là cao thượng.

Có cách nuôi sống bên trong và nuôi sống bên ngoài:

- Xin tài vật, châu báu, đó là nuôi sống bên ngoài.

- Giữ ý nghĩ nhớ đến đạo, đó là nuôi sống bên trong.

Người không thể tự hàng phục ý của mình, trở lại muốn hàng phục ý của người khác. Người có thể tự hàng phục ý của mình thì có thể hàng phục được tất cả ý của người khác.

Có nội lực, có ngoại lực.

Có nội sắc, có ngoại sắc.

Có nội thức, có ngoại thức.

Ngăn được ý xấu, đó là nội lực. Có hành động nặng, nhẹ; đưa đến sân hận, đó là ngoại lực.

Thọ, tưởng, hành, thức là nội sắc. Đất, nước, lửa, gió, không khí là ngoại sắc.

Ý nghĩ là nội thức, mắt thấy là ngoại thức.

Có bốn việc rất khó được:

1. Được cùng ở chung với người đắc đạo rất khó, nghĩa là mười hai Hiền giả.

2. Nghe giảng kinh thâm nhập vào tâm rất khó, nghĩa là ở chỗ tám nạn.

3. Thấy đúng như sự thật rất khó, nghĩa là rơi vào bốn điên đảo.

4. Tu hành đúng như pháp rất khó, nghĩa là không thể trì giới.

Có năm việc rất khó cầu đạo.

1. Tuổi già.

2. Bệnh tật.

3. Quan quyền.

4. Đạo tặc.

5. Đói khát.

Đó là năm việc rất khó cầu đạo.

Có năm việc khó:

1. Gặp Phật ra đời là khó.

2. Được nghe kinh là khó.

3. Được gặp minh sư là khó.

4. Được gặp người thiện là khó.

5. Được làm người là khó.

Có năm việc khó:

1. Nghèo khổ, bố thí là khó.

2. Giàu sang quyền quý, nhẫn nhục là khó.

3. Gặp việc phải đối đầu mà không khinh thường là khó.

4. Cùng với người nữ xinh đẹp ngồi chung một chỗ, ý không động là khó.

5. Nắm giữ mạng người không gây tổn hại rất khó.

Có bảy việc khó:

1. Học kinh hay thưa hỏi là khó.

2. Nghe kinh, hiểu ý kinh là khó.

3. Cùng nói chuyện với người có nhiều trí tuệ, hiểu được ý của họ là khó.

4. Tự răn mình, dạy người là khó.

5. Tự mình an ổn, làm cho người cũng được an ổn, là khó.

6. Ý mình đã định, cũng làm cho người khác được định là khó.

7. Luôn luôn không lìa pháp cho đến khi đắc Phật đạo là khó.

Có mười tám việc rất khó đối với người ở thế gian:

1. Gặp Phật ở đời là khó.

2. Giả sử thành tựu việc gặp Phật, được làm thân người là khó.

3. Giả sử thành tựu thân người, được sinh ở kinh đô là khó.

4. Giả sử sinh ở kinh đô, được sinh nơi nhà giàu sang, quyền quý là khó.

5. Giả sử sinh trong nhà quyền quý, được toàn vẹn thân tướng và tinh thần đầy đủ là khó.

6. Giả sử thân tướng đầy đủ, có tài sản là khó.

7. Giả sử được tài sản, gặp được Thiện tri thức là khó.

8. Giả sử được Thiện tri thức, có trí tuệ là khó.

9. Giả sử có trí tuệ, có tâm cẩn thận là khó.

10. Giả sử có tâm cẩn thận, thường làm việc bố thí là khó.

11. Giả sử thường bố thí, muốn được gặp người hiền thiện có đức, là khó.

12. Giả sử gặp người hiền thiện, có đức, đi đến chỗ của người đó là khó.

13. Giả sử đi đến chỗ được gặp người vừa ý mình là khó.

14. Giả sử được gặp người vừa ý, thưa hỏi là khó.

15. Giả sử chịu thưa hỏi, nói đúng là khó.

16. Giả sử nói đúng, được trí tuệ thông suốt là khó.

17. Giả sử được trí tuệ thông suốt, lãnh thọ kinh điển vi diệu là khó.

18. Giả sử hiểu rõ kinh điển vi diệu, hỏi ngược lại là khó.

Đó là mười tám việc rất khó đối với người thế gian.

Có tám hạng người Phật khó độ:

1. Người câm.

2. Người điếc.

3. Người trong địa ngục.

4. Người trong ngạ quỷ.

5. Người trong súc sinh.

6. Người ở biên địa không biết ý nghĩa pháp.

7. Người ở cõi trời thứ hai mươi tám: Trường sinh.

8. Thọ hạnh không tinh tấn.

Đó là tám hạng người mà Phật cũng khó độ.

Có năm trăm người cho mình là người toàn thiện. Phật dạy:

–Nếu ông toàn thiện thì nên theo ta.

Mọi người dạ. Phật liền đi vào trong lửa, năm trăm người đứng lại, không ai dám theo và thưa:

–Thật khó làm người toàn thiện.

Có người hỏi Phật:

–Phật dạy người làm lành để được lợi ích gì?

Phật dạy:

–Mọi người khổ nên ta giáo hóa họ hết khổ.

Họ lại hỏi:

–Người có tâm nên buông lung.

Phật dạy:

–Người khắp thiên hạ có tội vì tâm buông lung. Ta dừng tâm buông lung đến một trăm kiếp mới đạt được Phật đạo. Đạo có bảy việc:

1. Tâm ưa bố thí, không muốn gì khác.

2. Chỉ muốn nghe pháp.

3. Chỉ tin pháp.

4. Chỉ giữ giới.

5. Chỉ muốn tu hành.

6. Chỉ muốn học trí tuệ.

7. Chỉ muốn giải thoát.

Hiện tại Đức Phật được giải thoát vì do nhiều đời chỉ học trí tuệ, vì do nhiều đời chỉ tinh tấn, vì do nhiều đời chỉ trì giới, vì do nhiều đời chỉ chánh tín, vì do nhiều đời chỉ muốn đa văn, vì do nhiều đời chỉ muốn bố thí. Không những nhiều đời bố thí lại còn đa văn. Không những nhiều đời đa văn lại còn chánh tín. Không những nhiều đời chánh tín lại còn trì giới. Không những nhiều đời trì giới lại còn tu hành. Không những nhiều đời tu hành lại còn trí tuệ. Không những nhiều đời trí tuệ lại còn giải thoát. Bảy việc này đều nên đi đôi với nhau.

Có năm việc suy thoái:

1. Thời trước người trường thọ, thời nay đoản thọ.

2. Thời trước người đẹp như hoa đào, thời nay xấu xí.

3. Thời trước nhiều người đắc đạo, thời nay người khó đắc đạo.

4. Thời trước người thông hiểu rộng rãi về kinh điển, thời nay không thể hiểu được.

5. Thời trước người an ổn, thời nay nhiều bệnh tật.

Đó là năm việc suy thoái ở đời.

Có đạo nhân trường thọ, rất giàu có, tài sản vô số, ưa làm việc bố thí. Có người nói ông làm việc bố thí nhiều, nhiều lắm. Đạo nhân nói:

–Tôi từng nghe Phật dạy: người ở thế gian qua lại trong sinh tử, số ngày đó quá nhiều không thể tính. Sự bố thí của tôi hiện nay so ra một ngày không được một đồng thì có gì là nhiều.

Phật nói:

–Người được tất cả châu báu trong thiên hạ không bằng người nghe được một lời Phật dạy. Vì sao? Vì lệ thuộc nhiều tài sản thì không thể lìa thế gian.

Chim yết trong núi, đuôi nó có lông dài, lông bị vướng mắc nên nó sợ đứt không dám đi. Nó rất yêu thích cái đuôi, sợ thợ săn bắt được nhổ đi. Thân bị tan rã không sợ mà chỉ lo sợ bị mất lông đuôi. Con người bị trói chặt vào ý niệm ân ái, tài sản, nên không được thoát khổ. Vì tham dâm, con người nuôi sống thân mình, ví như con ong làm mật siêng năng chịu khổ, hút lấy các mật hoa, chứa nhóm nhiều ngày mới thành, con người phá lấy đem đi, nó không được ăn, chỉ bị sự khổ nhọc. Con người chạy Đông, chạy Tây cầu những việc như vậy, làm những việc như vậy, gom góp tài sản quý giá, khổ nhọc không thể nói hết, nhưng sau khi qua đời, của cải đó thuộc về người khác, bản thân mình lại mắc tội nặng, chịu khổ không thể lường.

Người thế gian ví như đi thuyền đất qua sông, thuyền vừa nổi trên mặt nước thì đã bị rã ra. Thân người như chiếc thuyền đất không thể lâu bền, phải mau hành đạo.

Có bốn cách thử vàng:

1. Đốt.
2. Chà xát.
3. Gọt dũa.
4. Tôi luyện.

Thí dụ như con người cũng có bốn cách thử:

1. Dùng sắc đẹp.
2. Cùng làm việc.
3. Dùng vật chất.
4. Khống chế, ngăn không cho làm.

Muốn biết được tướng của người có bốn nhân duyên:

1. Cùng ở chung.
2. Phải cùng ở chung lâu ngày.
3. Cùng nói chuyện với nhau.
4. Cùng làm việc.

Do đấy có thể biết được người đó.

Có bốn nhân duyên biết đó là người hành đạo.

1. Nghe đến việc ác làm loạn tâm trí thì không ghi nhận.
2. Không nói lỗi xấu của người.
3. Tự mình không bàn luận thị phi.
4. Tự giữ mình.

Như vậy biết là người hành đạo tự bảo hộ mình.

Người đời nay đủ bốn nhân duyên mới được hưởng phước.

1. Có đúng chỗ.

2. Có đúng lúc.

3. Có nghề nghiệp.

4. Có thầy.

Người có chỗ dừng lại được yên ổn như ý mình. Đó là đúng chỗ. Như người ba mươi tuổi mới được giàu có, khi mười lăm tuổi tìm không thể được, phải đợi đến ba mươi tuổi mới được. Đó là đúng lúc. Nếu người buôn bán hạt châu cũng như các vật khác, từ đó được lợi tức. Đó là có nghề nghiệp. Gặp được người hiểu biết, giảng giải kinh điển, được hiểu rõ. Đó là có thầy.

Có ba anh em tự cho mình tài giỏi không ai bằng, thay nhau thức để canh suốt đêm. Hai người anh ngủ trước, người em út ngồi canh một mình. Có một con trùng tên Bất cát đến cắn bắp vế của người em. Người em liền đưa tay chận con trùng, con trùng trương lớn, chặn đập chừng nào lớn chừng nấy. Người em giận dữ bắt con trùng và đạp lên, đến nỗi quá sức mệt nhọc, con trùng trương lớn không dừng, người em út mới thôi. Qua khỏi canh một, liền gọi người anh giữa dậy, trùng lại cắn người anh giữa. Lại giống như người em út, càng chiến đấu với trùng, trùng lại trương lớn cho đến như cái nhà. Chiến đấu như vậy quá mệt nhọc mới dừng. Qua khỏi canh hai, lại kêu người anh cả dậy, trùng lại đến cắn. Người anh cả liền đưa tay chỉ, con trùng đứng dậy, người anh nhanh ý lấy cái vò đất chụp con trùng lại, chỉ thời gian rất ngắn, con trùng liền chui ra khỏi vò bay đi mất. Đến sáng ngày, hai người em quá sức mệt nhọc không dậy nổi. Người anh biết hai người em cùng chiến đấu với con trùng, liền hỏi:

–Vì sao không dậy?

Hai người em hổ thẹn không dám nói. Người anh bảo:

–Sau này giả như có gặp trùng Bất cát đến, hai chú chỉ nên lấy cái vò chụp nó lại là xong, không nên chống cự. Ví dụ như người si bị đối chất, liền nổi sân, do đó mắc tội. Như hai người em cùng chiến đấu với trùng, tự bản thân mình hết sức mệt nhọc. Người thông minh thấy người đối chất đến, liền tránh là được phước. Ví như người anh cả dùng cái vò chụp trùng Bất cát.

Xưa có đạo nhân thuyết kinh cho vua nghe. Vua hỏi:

–Khi Phật còn tại thế có nhiều người đắc đạo. Nay cũng đồng giảng

kinh của Phật mà không có người đắc đạo. Phật đã mang đạo pháp đi mất rồi ư?

Đạo nhân đáp:

–Ví như trong thiên hạ không có rượu nào ngon bằng rượu nho, uống một thăng liền có thể say. Nhưng đem một thăng nước hòa vào một thăng rượu để uống thì không bị say. Khi Phật còn tại thế, thuyết giảng kinh, biết ý tứ, thái độ của con người giống như người uống một thăng rượu nguyên chất liền bị say. Ngày nay, chúng tôi không biết được như vậy, Đức Phật thuyết giảng kinh biết rõ tâm ý và thái độ của người, đúng bệnh cho thuốc, nên người mau đắc đạo.

Có quốc vương cúng bữa ăn cho các Tỳ-kheo. Chư Thiên đến, chỉ quốc vương, bảo: "Người này đắc A-la-hán, người này đắc Bồ-tát, người này đắc Đạo tích, người này không trì giới …". Vua biết rõ tất cả và đều giữ tâm bình đẳng đối với các vị ấy. Chư Thiên rất hoan hỷ.

Có quốc vương cùng với người tranh chấp giá cao để được tắm Phật, vua luôn nêu giá thật cao không dừng, người kia nói: "Nay tôi xin đem tất cả tài vật hiện có, vợ con và thân mạng làm tôi tớ để được tắm Phật". Vua liền thua.

Vua A-dục xây tám vạn ngôi tháp. Khi lâm chung, có năm trăm vị Bồ-tát, A-la-hán cùng hộ trì và thuyết kinh cho vua, không để các phu nhân được ở gần nhìn thấy nhau, vì muốn làm cho vua lên thẳng cõi trời.

Có vua nước nhỏ thường đem binh đi chinh phạt. Vua nước lớn suy nghĩ: "Mất thân mạng, bị tội ác đều từ tham ái mà ra. Cho nên ta quyết không như vậy", bèn đem nước cho vua đó. Vua nước lớn bỏ nước đi làm thường dân, bạch y, ở một nước khác. Sau một thời gian lâu trở về nước cũ, có người tâu, vua liền sai tả hữu đi đến bắt đem giết. Ngay khi sắp chết, vua nước lớn gọi người con đến dặn dò: "Con cẩn thận, chớ có quên, chớ nên nghĩ đến oan gia, cần phải có tâm Từ".

Có quốc vương trị nước không công bằng, xâm phạm dân chúng, nhận của phi pháp, trời mưa gió trái mùa. Có một nữ nhân nói: "Trời mưa không đúng thời tiết, vì vua trị nước không công bằng, cho nên mới như vậy". Vua nghe, liền gọi nữ nhân đến bảo: "Hãy cầu cho trời mưa". Vua đem ba cái bình để giữa đất, nữ nhân nguyện làm cho mưa rơi thẳng vào trong giữa bình, đúng như nguyện. Vua hỏi: "Do nhân duyên gì mà được như vậy?" Nữ nhân tâu: "Do lòng chí thành của tôi."

Phật nói:

–Có đất mới có vạn vật. Người có chí thành mới có đạo.

Có quốc vương xuất hành thấy một người con gái xinh đẹp vô cùng. Ý của vua muốn giết ông chồng để chiếm cô gái này. Cận thần tâu: "Vua không nên giết người chồng mà nên ban tặng". Quốc vương bèn ban thưởng cho người chồng, đem nhẫn vàng cho ông ta và bảo: "Nếu ngươi làm mất chiếc nhẫn này, ta sẽ giết ngươi." Và vua gọi riêng vợ của ông ta đến bảo: "Hay lén lấy chiếc nhẫn!"

Sau đó, vua gọi ông chồng đến hỏi nhẫn đâu? Ông chồng tìm, không biết ở chỗ nào. Vua liền ra lệnh đem giết ông chồng, bảo đãi cho ông một bữa ăn ngon trước khi đem giết. Ông chồng sợ hãi không dám ăn. Có người nói ông sắp chết, vì sao không ăn. Người chồng thích ăn cá, nhân đó được chiếc nhẫn ở trong bụng con cá. Đó là do lòng chí thành mà được.

Có một đạo nhân nghèo, đem mười vạn tiền để sinh sống. Trước hết, ông lấy ba vạn bố thí, số còn lại đem mua bán, giữa đường bị giặc cướp lấy sạch. Vua đem các vật châu báu bố thí cho tất cả. Có đãy lớn, đãy nhỏ đủ loại, mọi người đều lấy đãy lớn mang đi. Đạo nhân tự nghĩ: "Ta ít tiền, không nên lấy đãy lớn, nên lấy túi nhỏ mà đi". Nào ngờ trong túi nhỏ đó lại đựng toàn ngọc trắng. Đạo nhân bán được sáu ngàn vạn. Do lòng chí thành không tham nên được châu báu như vậy.

Xưa có một quốc vương bảo đem những người mù trong nước đi đến chuồng voi để xem voi. Trong số bọn họ có người sờ chân voi, người sờ mũi voi, người sờ tai voi, người sờ đuôi voi. Sau đó vua cho gọi họ đến hỏi: "Con voi giống cái gì?" Người sờ chân thì bảo voi lớn như cái cột. Người sờ mũi thì nói voi lớn như dây thừng. Người sờ tai thì nói voi giống như cái nia. Người sờ đuôi thì nói voi giống như cây gậy… và họ cùng nhau tranh cãi. Người mù tự tin theo ý của mình. Ví như người hiểu được chút ít trong kinh dạy nhưng không hiểu rõ toàn bộ pháp đó, mà tự cho rằng mình hiểu tất cả, cũng như vậy.

Có quốc vương tổ chức đại nhạc hội vui chơi ngoài thành, nhân dân cả nước đều đi đến xem. Trong thành, một gia đình có người cha bị tật nên không thể đi được. Con cái và thân quyến cùng nhau dìu dắt đưa đi. Ra khỏi thành, người cha bảo dừng lại nơi gốc cây chứ không thể đi được nữa, nên bảo với mọi người trong gia đình:

–Các con hãy đến đó xem xong rồi trở lại đây đưa ta trở về.

Bấy giờ, trời Đế Thích hóa, làm một đạo nhân, đi ngang qua chỗ người đó, liền bảo người bệnh:

–Ngươi hãy đi theo ta, ta sẽ làm cho ngươi lành bệnh.

Người cha nghe, rất vui mừng, liền đứng dậy đi theo. Đế Thích đem

ông lên đến cung trời. Thấy vàng bạc và đồ vật tốt đẹp rất nhiều, ông muốn xin. Có người nói:

–Không được đâu, nên xin cái bình.

Người bệnh đến trước Đế Thích thưa:

–Tôi muốn trở về nhà, xin nhân giả cho tôi cái bình.

Đế Thích đưa cho người bệnh cái bình và nói:

–Trong đó có vật tùy theo ý muốn của ngươi.

Người bệnh mang bình trở về nhà, đem ra xem và lần lượt được vàng bạc, châu báu như ý, liền nhóm họp bà con, dòng họ, nội ngoại, cùng nhau vui chơi ăn uống no say. Sau đó, nhân ôm cái bình nhảy nhót, nói:

–Ta nhờ ơn của ngươi làm cho ta được giàu có.

Ông ta nhảy nhót không dừng nên rớt cái bình xuống đất bể tan và cầu không được nữa.

Thế gian có rất nhiều người thông tuệ, nhưng chưa có người nào như Bồ-tát Di-lặc. Bồ-tát Di-lặc còn phải học hành không nhàm chán, huống là những người khác!

Phật đắc đạo xong, ngồi niệm hơi thở ra vào.

Phật nói:

–Ta từ vô số đời kiếp đến nay, học không nhàm mỏi, mới được thành Phật. Người đời sau phải học thế nào mới được thành Phật đạo?

Đã giữ giới không còn trở lại làm ác. Người có ý bất tín cho nên trở lại phạm giới liền bị đọa vào địa ngục, Diêm vương hỏi, liền nói:

–Tôi không làm ác.

Diêm vương bảo:

–Ngươi không làm ác sao lại trở vào đây?

Có Tôn giả bị kẻ giặc làm nhục. Có người nói:

–Vì sao không hại nó đi?

Tôn giả nói:

–Tôi không có đủ người hộ vệ.

Người kia nói:

–Tôi xin cung cấp người hộ vệ cho.

Tôn giả nói:

–Không nên làm như vậy. Binh lính của tôi tự đầy đủ. Hơn hai mươi năm tôi giết giặc già, bệnh, chết.

Người kia lại thưa:

–Tôn giả không giết nó thì tự hại mình.

Tôn giả nói:

–Binh mã của tôi đã đủ. Vì sao lại đi làm người si để phải vào địa ngục, gọi đó là đầy đủ binh mã?

Có người hỏi:

–Thế nào là có thể biết hết vạn sự, vạn vật?

Đáp:

–Biết hết vạn sự, vạn vật, đó là vô ý, vô niệm, thì vạn sự tự hoàn tất. Ý nhớ nghĩ trăm điều thì vạn sự, vạn vật đều hỏng.

Ban đêm có một đạo nhân đi phía trước, người chưa đắc đạo đi theo phía sau. Người đi sau có điều nghi ngờ, người đi trước giơ tay lên trên đầu, năm ngón tay phát ra ánh sáng, lại dùng làm chìa khóa mở cửa, người đi sau bèn tỏ ngộ, biết chính đó là đạo nhân.

Kinh thuyết giảng: Có sáu điều suy. Có người nói có bảy điều suy. Phòng nhà suy không phải là một suy hay sao?

Phật bảo với người kia:

–Ta biết hơn ngươi một điều suy nữa: ngu si là đại suy. Vì sao? Vì người ta nói việc của thân, ngươi trở lại nói việc phòng nhà, đó là si.

Có người rớt xuống biển. Có người khác bảo:

–Uống hết nước biển thì có thể lên được.

Người kia nói:

–Tôi đã uống, sau đó nước lại tràn ra.

Thế gian cũng như vậy, trước sau nối tiếp mãi không dừng.

Có bốn nhân duyên làm cho người ta ưa gặp nhau:

1. Người đó xinh đẹp.

2. Đời trước thân mến nhau.

3. Có tiếng khen.

4. Muốn nghe kinh điển sâu xa.

Nhưng làm sao biết được khi họ cố che giấu? Người cố che giấu thì không thấy được thói xấu của họ.

Thế gian có một ngàn không trăm lẻ tám đạo. Phật biết hết tất cả. Đời trước Phật đã học hết nhưng không đắc đạo, cho nên mới hiểu tất cả.

Hỏi:

–Khi người nói, âm thanh sinh ra trước, hay ý sinh ra trước?

Đáp:

–Ý sinh ra trước. Vì sao? Vì ý biết âm thanh, chứ âm thanh không thể biết ý.

Có người mang ngọc qua biển, ngọc rớt xuống biển, người đó liền lấy cái đấu gỗ múc nước biển đổ lên bờ. Thần biển thấy vậy, nói:

–Ngươi phải tát đến khi nào mới hết nước biển?

Người mất ngọc nói:

–Vứt bỏ sinh tử nhưng không vứt bỏ ngọc.

Thần biển biết ý chí của người đó rất lớn, đem ngọc trả lại cho người ấy.

-oOo-

SỐ 769

PHẬT THUYẾT TỨ BỐI KINH

Hán dịch: Đời Tây Tống, Tam tạng Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có bốn chúng đệ tử và Phạm thiên, Đế Thích, Rồng, Quỷ thần, thần Chất lượng đều đến khu vườn rừng này, cúi đầu lễ nơi chân Phật, rồi lui ra an tọa nơi chỗ thường ngồi.

Phật bảo các đệ tử:

–Hiện nay những kinh pháp ta đã nêu giảng, chỉ dạy đều nhằm để tự thu giữ ý niệm của mình. Đời mạt pháp độc hại như thế này, bốn loại đệ tử xuất gia, hoặc tại gia tu đạo đều dễ bị cuốn theo sắc dục, lại không vâng theo kinh pháp của Phật, chỉ theo sự tối tăm của mình, khiến cho đạo của Ta mờ nhạt, khiến người đời phỉ báng, chê bai. Ta tin rằng hàng đệ tử như vậy sẽ đưa đến ngạo mạn.

Tôn giả Thu Lộ Tử sửa lại y phục, chắp tay, nhất tâm nghe Phật giảng nói kinh Bốn Hạng Đệ Tử như vầy:

Phật nói:

–Nếu vào đời mạt pháp, có người nam vì đạo xuất gia, cạo bỏ râu tóc, nhất quyết lìa bỏ ái dục, chí giữ Đại thừa, thường lấy việc Từ, Bi, Hỷ, Hộ *(xả)* làm chính; bỏ tưởng hành, rộng nhớ nghĩ đến tất cả chúng sinh cho đến loài bò bay máy cựa, xem như thân thể của mình không khác, không vọng tưởng khởi lên tức giận; thâm nhập vào trí Bát-nhã ba-la-mật, luôn dùng trí Bát-nhã ba-la-mật làm phương tiện quyền biến, khuyên dụ kẻ mông muội nhập vào cảnh Niết-bàn; dùng giới đức trừ cấu uế của tâm, không được làm nghề thế gian. Người hay thực hành như vậy mới đáng xuất gia, gọi là đạo sĩ.

Còn những người không thể nương tựa nơi giáo pháp của Như Lai, tự cho là xuất gia vì lòng tin, không chuyên niệm về đạo. Hoặc có người hạ

tiện, dựa vào đạo để nuôi mạng sống, không tạo lợi ích gì cho ai, chỉ nói theo ý mình, làm thầy làm chủ người khác mà xem thường, đùa cợt, không tự kiểm xét lấy mình, khiến cho giáo pháp tôn quý không được phát triển, người đời không tin, chẳng phải là đệ tử xuất gia trong giáo pháp của ta.

Phật nói:

–Nếu có người nữ vì đạo xuất gia, cạo bỏ tóc, từ ái dục, chuyên cần tinh tấn, ở nơi vắng lặng, thì không được cùng ở một chỗ với người xuất gia nam. Nếu đi đến thầy thọ giáo thì phải đi với người cùng giới, không được đến thọ giáo một mình; thường nên chiều về, sáng tới, không được không có lý do ra khỏi chỗ ở nghỉ lại, chỉ được giáo thọ cho người nữ, không được giáo thọ cho người nam; mặc y phục không được thêu dệt gấm lụa màu sắc sặc sỡ, không được buông thả nói cười đùa cợt, không được tham của cải vật báu. Người giữ giới hạnh thanh tịnh như vậy gọi là đạo nhân xuất gia. Nếu ý tứ buông thả, đùa cợt, chưa nói đã cười, tâm niệm không định, hay nghĩ điều tà vạy, ác khẩu, mắng nhiếc, tranh cãi, không tự kiềm chế; không thể ở chỗ vắng lặng, kiêu mạn, tự đại, tuy là xuất gia nhưng đó là thấp hèn, chẳng phải là đệ tử xuất gia của Như Lai.

Phật nói:

–Nếu có người nam tâm chí gắn bó nơi đạo mà không thể xuất gia được, ở trong ái dục, nên thọ năm giới, mỗi tháng sáu ngày trai, rất mực hiếu thảo với cha mẹ, chỉnh đốn việc nhà, nuôi dạy con cái, sớm tối thắp hương đèn lễ bái Tam bảo, sám hối khắp mười phương, cung kính bốn hạng đệ tử; không được ngã mạn, khinh người, tự đại, lìa bỏ tham lam bỏn sẻn, luôn luôn thành thật; không được xem thường người đời, không được đứng ngồi cùng chiếu với thê phụ người khác, hoặc cùng nhau đi đứng chung nhà nhưng khác giường; trừ bỏ bốn việc, lấy bốn tâm bình đẳng, rộng xem tất cả người già như cha mẹ, người nhỏ như em, như con; luôn lấy thuốc pháp Bát-nhã ba-la-mật tẩy trừ các bệnh; không được vọng tưởng nổi lên sân hận, mắng nhiếc, luôn dùng vô số phương tiện khuyên dắt, giảng giải cho người đời, khiến họ đến với pháp Đại thừa, không được nói nghĩa kinh sâu xa cho người mới học, nên vì người trừ bỏ tưởng thức, khiến không bị ngăn ngại; không được thêu dệt, trang sức y phục; không được cùng với phụ nữ thế gian chuyện trò, đùa giỡn, đối đáp qua lại để đưa đến sự liên hệ. Người như vậy gọi là đạo nhân thanh tịnh.

Nếu làm việc bất tịnh, tham lợi, tài, sắc hoặc đối với thế tục, thêu dệt, trang sức y phục, cùng nhau tranh đua, chỉ kết thêm những điều ham muốn, nhìn ngắm, chê ghét, nói năng bỏ khuôn phép, đùa giỡn, chưa nói đã cười,

mượn miệng kẻ đồng pháp nói những lời khéo léo về mình; bên ngoài giống như người trong sạch, tĩnh lặng nhưng bên trong thì tham lam mê hoặc. Tâm luôn nghĩ về tiền tài, gấm lụa để tự cung cấp cho đời sống bản thân, cho vợ con, xem thường Phật, kinh, không chịu tu học, trở lại học tập tà thuật của ngoại đạo, như các nghề nơi thế gian, đoán điềm giải mộng, phù chú, yếm trấn để trị các loại bệnh, dựa vào đấy để bắt buộc bao kẻ trên dưới dâng nạp tài sản, gấm lụa. Tâm ý của hạng người đó muốn được pháp thuật theo ngoại đạo mà không chịu hành trì pháp của Ta. Vào đời vị lai giáo pháp suy kém đều do đám người này… Đó chẳng phải là đệ tử tu học giáo pháp của ta.

Phật nói:

–Nếu có người nữ không thể xuất gia, ở trong ái dục mà tâm ưa thích đạo, nên thọ trì năm giới, mỗi tháng sáu ngày trai, hiếu thuận với cha mẹ, anh em, chú bác; không được đánh mắng trẻ con, nô tỳ; không được xem thường, đi đến ngủ đêm nhà người khác; không được cùng với người nam thế gian nói chuyện, cười cợt, không được vọng tưởng nổi lên sân giận, mắng nhiếc, ác khẩu, không được làm chứng nói việc xấu người khác, không được làm chuyện tội lỗi, như hãm hại người, trẻ con, thê thiếp, nô tỳ. Nên chuyên cần, tinh tấn, nhớ nghĩ về đạo là trên hết; không được cùng với phàm nhân ở đời nói về dung mạo tốt xấu, không được cùng với người nam dò ý với nhau, không được dạy người nam khác, cũng không được nói bàn tướng tốt xấu, thiện ác, tai biến nơi thế gian, không được kiêu mạn, tự đại. Ngày đêm ba thời đốt hương lễ bái Tam bảo, sám hối khắp mười phương, thực hành theo lời kinh, luôn luôn nói lời tự khuyên, không được mong cầu sự cúng dường, tham lợi tài sản, gấm lụa; không được ganh ghét chồng con, nên xem mình là thân nữ thấp kém, nguyện chuyển sẽ làm thân nam thọ phước, có thể được sinh nơi cung trời, xem xét an nhiên. Đó gọi là người tín nữ thanh tịnh tu học đạo pháp của ta.

Nếu không hiếu thuận với cha mẹ, lại ganh ghét chồng con, đánh mắng nô tỳ, tạo ác, do đó oán hận, giận dữ, ý độc hướng đến người, người làm như vậy, chẳng phải là đệ tử nữ tu học đạo pháp của ta.

Phật bảo các đệ tử:

–Các ông nên giữ gìn cẩn thận thân, khẩu, ý của mình luôn trong sạch, thường dùng bốn pháp bình đẳng cứu độ chúng sinh, đem trí tuệ quý báu phân phát cho mọi loài; làm như Phật đã nêu dạy, chắc chắn được giải thoát.

Đệ tử và những người đến dự hội này, nghe Phật giảng nói kinh xong,

đều vui vẻ phụng hành, làm lễ rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 770

PHẬT THUYẾT TỨ BẤT KHẢ ĐẮC KINH

(BỐN ĐIỀU KHÔNG THỂ ĐƯỢC)

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và các Bồ-tát hội đủ.

Vào buổi sáng, Phật đắp y, mang bình bát vào thành khất thực, bốn chúng đệ tử theo sau, chư Thiên, Long, Thần ứng hầu trên hư không, cúng dường hoa hương, kỹ nhạc. Phật dùng đạo nhãn, xem thấy bốn người anh em ruột rời bỏ gia đình, sự nghiệp, vào ở nơi chốn núi rừng vắng vẻ, thanh nhàn, đắc năm thần thông, được gọi là Tiên nhân. Nghiệp đời trước đến, tự biết sắp chết, tất cả muốn trốn tránh cái chết, mỗi người tự nghĩ: "Chúng ta có thần túc bay lên hư không, đến đâu cũng được. Nay nếu để vô thường bắt được sẽ bị mất mạng, nên tìm cách thoát khỏi nạn này, không còn cách nào hơn". Ngay khi ấy, một người dùng phép thần túc bay lên hư không, tự tàng hình, cho rằng: "Vô thường đến, nào biết ta ở đâu". Một người đi vào giữa chợ đông người để lánh nạn, cho rằng: "Vô thường đến, chỉ bắt được một người, làm sao bắt được ta". Một người lặn xuống biển sâu ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, dưới không tới đáy, trên không lộ ra mặt nước, cho rằng: "Ở đây vô thường đến thì biết chỗ nào mà tìm". Một người thì lén tới ngọn núi lớn, chỗ không có người ở, chẻ núi ra làm hai, chui vào chính giữa rồi nhập núi lại, cho rằng: "Vô thường đến, đâu biết được chỗ của ta".

Bấy giờ, bốn người ai nấy tự lo lánh mạng nhưng hoàn toàn không thể thoát khỏi. Người tàng hình nơi không trung bị rớt xuống đất giống như trái cây chín rơi rụng. Người ở trong núi bị núi nghiền tan mạng. Người trốn nơi biển sâu bị chết ngay, cá rùa ăn thịt. Người vào giữa chợ, tại chỗ đông người nhưng cũng tự chết.

Khi ấy, thấy việc như vậy, Đức Thế Tôn bảo:

–Bốn người này ngu tối không hiểu, nên muốn bỏ nghiệp cũ mà không trừ ba độc, không thấu suốt ba đạt là Trí tuệ ba-la-mật, vì từ xưa đến nay cho mãi về sau, chưa ai có thể thoát khỏi nạn này.

Phật liền đọc kệ:

Tuy muốn núp trên không
Hoặc ở trong biển lớn
Hay vào giữa lòng núi
Để tự che giấu mình.
Mong cầu khỏi bị chết
Nhưng chưa ai đạt được
Thế nên phải siêng tu
Vô ngã mới an ổn.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ở đời có bốn việc không thể đạt đến. Bốn việc đó là:

1. Tuổi trẻ sắc diện hồng hào, tóc đen, răng trắng, dung mạo tươi tắn, khí lực mạnh mẽ, đi đứng nhanh lẹ, ra vào tự tại, lên xe, cỡi ngựa, mọi người chiêm ngưỡng, không ai là không yêu thích. Nhưng rồi một ngày bỗng già, răng rụng, mặt nhăn, da dùn, thân phải chống gậy, hơi thở phì phò. Muốn trẻ mãi không già, nhưng hoàn toàn không thể được.

2. Thân thể tráng kiện, xương cốt chắc chắn, bước đi nhanh nhẹn, ăn uống tự do, trang sức đẹp đẽ cho là không ai sánh bằng. Dương cung, uốn tên, nắm cầm đao, gậy, gặp việc nguy hại, không chịu xét rõ, nói năng mắng nhiếc gọi là giàu mạnh, tự cho thân mình không có suy hao. Khi tật bệnh ập đến, nằm liệt trên giường, không cử động nổi, thân thể đau đớn như bị đánh đòn. Tai, mắt, mũi, họng không thể nghe, thấy, nếm, ngửi tiếng hay, sắc đẹp, vị ngon, hương thơm và sự xúc chạm mịn màng, trơn láng. Ngồi đứng phải chờ người dìu đỡ. Chất nhơ bẩn trong thân tuôn ra lại nằm ngay trên đó. Các bệnh khổ thật khó ví dụ. Giả sử muốn tránh khỏi luôn an vui không bệnh là hoàn toàn không thể được.

3. Muốn cầu được trường thọ ở mãi nơi đời, nhưng mắc bệnh chết, mạng sống vốn rất ngắn, mong được vạn năm nhưng ai đạt tới? Mạng sống ít, lo buồn nhiều, không xét nghĩ đến vô thường, buông lung theo năm dục, phóng dật, tâm ý sát sinh, trộm cắp, dâm loạn, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói dối, nói lời thêu dệt, tham lam, ganh ghét, tà kiến, bất hiếu với cha mẹ, không kính thuận thầy bạn, khinh dễ bậc tôn trưởng, phản nghịch, vô đạo, mong mỏi giàu sang, cho rằng vĩnh viễn tồn tại, hủy báng Thánh đạo cho là tà đạo, xem coi thiên văn, tính ngày giờ để mong cầu sự phồn vinh ở đời,

không chịu nghe theo lời hướng dẫn, không biết sinh từ đâu đến và chết đi về đâu. Tâm để nơi chỗ viển vong, cho đó là theo ý mình. Vô thường đến như gió thổi mây, muốn nghĩ về trường sinh, mạng bỗng nhiên chấm dứt, không được tự tại. Muốn không như vậy, cũng chẳng thể được.

4. Cha mẹ, anh em, nhà cửa, thân tộc, bạn bè trí thức, thương yêu vui vẻ, quan quyền chức tước, bổng lộc cùng vợ con, cháu chắt, tiền của giàu sang, cỡi xe dạo khắp, ăn uống khoái ý, tự do, kiêu căng, kẻ hầu người hạ rong chơi, ỷ thị chỉ theo bề ngoài, khinh miệt mọi người, cho mình là hơn hết, mắng chửi nô tỳ, tôi tớ, kẻ làm thuê mướn là loài cầm thú, súc sinh. Ra vào buông thả không có chừng độ, không xem xét trước sau, cho rằng những quyến thuộc những kẻ hầu cận đều phải theo ý mình. Nghiệp báo đời trước bỗng đến, như nước nóng làm tan băng tuyết, tâm mới lo sợ cầu xin cứu nạn, đâu được như nguyện. Hơi thở chấm dứt mạng sống, thần hồn đi một mình, cha mẹ, anh em, vợ con, họ hàng, bạn bè quen biết, thân yêu đều ở lại. Quan quyền, chức tước, tài vật, tôi tớ đều tan rã như sao xẹt. Muốn cầu khỏi bất tử là không thể được.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Xưa, từ khi có trời đất thì không ai thoát khỏi bốn khổ nạn này. Do bốn khổ ấy nên Đức Phật mới xuất hiện ở đời. Nếu như không có bốn nạn này thì Đức Phật không thị hiện thân tướng để giáo hóa quần sinh. Giống như bốn phía có núi đá to lớn và cao, trên núi mọc cỏ cây và các hoa, trái, cây thuốc, tất cả đều tươi tốt, bỗng nhiên lửa bùng lên cháy khắp bốn núi, nhanh nhẹn từng ngày. Có người cầu vua, làm sao tránh được hoạn này? Vua đáp: "Không thể được, chỉ Đức Thế Tôn có đủ thần thông mới có thể cứu được."

Phật nói:

–Người có tâm ý thức nhưng không hiểu được giáo pháp, không có trí tuệ, tâm gắn vào ngã, bị năm ấm trói buộc, sáu trần mê hoặc, muốn không bị già, bệnh. Nhổ sạch ác ấy hoạn mới xa lìa. Chỉ chấp nẻo thường còn là hoàn toàn không thể có. Thành tựu Pháp thân mới trừ bỏ được năm ấm. Không còn trong ngoài, tới lui tự tại mới có thể thoát khỏi bốn nạn này. Như mùa xuân trồng lúa, đến mùa thu không chín là điều không có. Sinh, già, bệnh, chết vốn trái chống nhau. Muốn cho không chết, không thể như ý. Giống như cây sinh hoa trái, muốn cho không rụng là không thể có. Giống như người uống rượu, muốn không hề bị say, ai có thể đạt? Làm gãy gốc rễ, muốn cho cây không chết là không thể có. Như người uống thuốc độc, lại muốn không chết, ai có thể làm được? Trồng gốc rễ lìa nhau, muốn

cho không cách biệt, hoàn toàn là không thể. Như người vào nhà xí, muốn không nghe mùi hôi, sao có thể được? Muốn khỏi nạn sinh, già, bệnh, chết này, chưa ai có thể như nguyện. Người không biết bốn khổ ấy, phóng tâm buông ý, chìm đắm trong năm đường, giống như bánh xe không thể rời đất. Buồn rầu, than thở, lần lượt luyến tiếc, không có thể xong. Giống như kẻ cuồng khỏa thân đi dạo, nói dối bừa bãi cho là chân thật. Đau đớn thay! Ai có thể hiểu được nghĩa này? Chỉ có người hiểu đạo mới có thể biết rõ.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Nhân duyên nào có thể cứu giúp khỏi nạn khổ ấy?

Đức Thế Tôn bảo:

–Phải cầu giải thoát?

–Thế nào là giải thoát?

Phật nói:

–Giữ gìn thân, khẩu, ý, đầu giữa cuối đều thiện. Không tu hạnh Thanh văn, thân không phạm ba tội, khẩu không phạm bốn lỗi, ý không nghĩ ba ái, đầu giữa cuối đều thiện. Lại thân, khẩu, ý hòa hợp đều quay về Tam bảo, trừ sạch ba độc, nhập vào pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, hướng đến ba môn giải thoát, đó là đức toàn thiện của đầu, giữa, cuối. Ba cõi đều khổ. Sinh, già, bệnh, chết, thấy thân như oan gia, hành bốn Đẳng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Ai không thực hành theo đạo Từ bi mà chỉ muốn thân mình giải thoát đến Niết-bàn, không nghĩ đến tất cả chúng sinh, đắc A-la-hán, không cứu độ khắp mười phương thì chỉ thoát khỏi bốn nạn nhưng có giới hạn.

Phật nói:

–Phát tâm Bồ-tát, làm cho tất cả chúng sinh thường tu tập theo sáu Độ, cùng đến bờ kia, đầu giữa cuối đều thiện. Đó là phát tâm Bồ-tát. Đầu cũng thiện là thấy tất cả mọi người như cha mẹ, như bản thân mình, giống nhau không khác. Giữa cũng thiện là không sợ hãi, siêng năng chịu khổ, ở trong sinh tử vô số kiếp không lấy đó làm mệt nhọc. Cuối cùng cũng thiện là nhận thức bằng trí tuệ không có ngã.

Lại đầu cũng thiện: Vốn phát tâm rộng lớn, nguyện cứu giúp tất cả, không nghĩ đến mình.

Giữa cũng thiện: Hành bốn Đẳng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả.

Cuối cùng cũng thiện: Lòng từ rộng lớn vô lượng, muốn dẫn dắt quần sinh dứt các khổ não.

Đầu cũng thiện: Thấy thân bốn đại hòa hợp vốn không, duyên nơi không duyên dựa.

Giữa cũng thiện: Không ngã, không nhân, không thọ, không mạng. Có đủ bốn việc này thì thọ nhân, không duyên, không vin từ đâu được nhân. Giống như làm nhà có gỗ, có đất, có nước, có cỏ, bốn thứ riêng biệt ở mỗi chỗ khác nhau, người hòa hợp lại làm nhà, nhân đó được gọi là nhà.

Xét bốn việc của thân cũng như vậy, mỗi cái ở một vị trí, tâm đắm chấp có ra ngã, nhân, thọ, mạng. Bốn đại hợp lại thành, nhân đó gọi là người.

Cuối cũng thiện: biết rõ không có thân, nên không bị trói buộc trong ba cõi. Tất cả đều không.

Đầu cũng thiện: Hướng dẫn Bố trí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ.

Giữa cũng thiện: Hiểu biết về pháp của sáu thông, hội nhập nơi pháp nhẫn nhu thuận.

Cuối cũng thiện: Biết thân tự nhiên, các pháp tự nhiên, người vật tự nhiên. Tất cả đều như huyễn hóa. Xét tất cả vốn không.

Đầu cũng thiện: Nghĩa là phát tâm cầu đạo quả Vô thượng chánh chân.

Giữa cũng thiện: Hiểu rõ âm hưởng nơi trí tuệ đắc pháp Nhẫn vô sinh.

Cuối cũng thiện: Đạt đến bậc Nhất sinh bổ xứ với thái độ mạnh mẽ, đi đến khắp chúng sinh, xem xét tất cả, cứu độ hết thảy như mặt trời chiếu khắp, không sót chỗ nào.

Đó là Bồ-tát đầu cũng thiện, giữa cũng thiện, cuối cũng thiện.

Phật nói:

–Hành đạo Bồ-tát phần nhiều được độ thoát, cũng như trong các ngôi sao, mặt trăng riêng sáng rực rỡ. Sáng rực rỡ như mặt trời mới mọc, cùng một lúc chiếu tỏa khắp tất cả. Giống như ngọn đuốc lớn chiếu sáng chỗ nó chiếu. Như lương y chữa trị các bệnh, như chèo thuyền đưa mọi người qua sông. Giống như vị quốc chúa làm an ổn ba cõi. Như Sư tử hàng phục ngoại đạo, tâm đạo trùm khắp như hư không. Tâm như đất, bình đẳng đối với tất cả. Như nước rửa sạch mọi cấu uế. Như lửa thiêu rụi các tội lỗi. Như gió thổi không trở ngại. Bồ-tát với đầu, giữa, cuối đều thiện như vậy thì đạt đến cứu cánh.

Phật thuyết giảng như vậy, các Bồ-tát và chúng Tỳ-kheo, chư Thiên, Long, Thần, A-tu-la nghe kinh không ai là không hoan hỷ.

-oOo-

SỐ 771

KINH TỨ PHẨM HỌC PHÁP

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Tam tạng Cầu-na-bạt-đà-la, người xứ Thiên Trúc.

Nếu có ba đức mà học đạo thì gọi là chân chánh học đạo. Đó là bậc trên.

Nếu giữ giới đầy đủ mà học đạo thì gọi là vâng theo pháp mà học đạo. Đó là bậc giữa.

Nếu giữ giới thấp mà học đạo thì gọi là nương theo phước mà học đạo. Đó là bậc dưới.

Nếu thực hành ba việc thì gọi là Tán thị. Tức là ngoài ba bậc kia.

Lại nữa, ba đức của người chân chánh học đạo là:

1. Giới hạnh đầy đủ.

2. Hiểu biết nhiều kinh pháp.

3. Có khả năng hóa độ người.

Đây gọi là ba đức của người chân chánh học đạo.

Lại nữa, vâng theo pháp giữ giới đầy đủ là chuyên giữ năm giới, hiểu rõ tội phước và vâng theo giáo pháp. Còn nương theo phước và giữ giới thấp tức là chỉ giữ bốn giới trên, không giữ giới cấm rượu, tùy theo tập tục thế gian mà không thay đổi. Đó là nương theo phước mà học đạo.

Lại nữa, ba việc của Tán thị không phải là giới. Ba việc đó là gì?

1. Thân quy y.

2. Cúng dường.

3. Theo phép học đạo.

Tự có sự phân biệt rằng không có thầy thì không có chỗ vâng theo, tâm tự nhiên yêu thích chứ không bị trói buộc nên gọi là pháp Tán thị.

Công đức của việc chân chánh học đạo hơn gấp trăm lần công đức của việc vâng theo pháp mà học đạo. Công đức của việc vâng theo pháp mà học đạo hơn gấp trăm lần công đức nương theo phước mà học đạo. Công đức nương theo phước mà học đạo hơn gấp trăm lần công đức theo

pháp Tán thị. Công đức theo pháp Tán thị hơn gấp trăm lần phàm tục. Người phàm tục có khi không bằng súc sinh. Súc sinh có khi còn hơn con người. Vì sao? Vì con người luôn tạo tội phải đọa địa ngục. Tội địa ngục hết làm ngạ quỷ, tội ngạ quỷ hết chuyển làm súc sinh, tội súc sinh hết mới trở lại làm người. Còn trong loài súc sinh thì hết tội liền được làm người. Thế nên người phải làm lành, phụng hành theo sự dạy bảo của Tam tôn, học theo pháp của bốn bậc trên, vĩnh viễn xa lìa ba đường dữ, lần lần sinh lên cõi trời hay sinh làm người trong nhà hào tộc đời đời hưởng phước sau sẽ được giải thoát.

Kinh Tứ Phẩm Học Pháp

-oOo-

Nếu phạm một việc là mất oai nghi, phải như pháp tự học, đúng thời tự phát lồ ăn năn liền hết. Nếu người biếng nhác, không siêng năng thì nên lui ngồi xuống hàng dưới, sau đó có công đức mới trở lại.

Nếu người được dạy bảo, không vâng lời, phạm giới thì nên đuổi ngay, chớ cho ở trong chúng, sợ làm hư người khác.

Nếu người mới thọ pháp chưa đầy ba tháng, có phạm điều gì thì không nên hỏi, vì họ chưa được học. Những người đã học rồi thì áp dụng theo luật thượng hạ, kiểm xét lẫn nhau mới có thể mau thành nguyện lớn.

Pháp Tán thị.

Hỏi:

–Nếu có thiện nam muốn vào chánh đạo, muốn nương theo đạo lớn mà không vâng giữ giới, nên tu hạnh gì để cầu phước lành?

Thầy dạy:

–Cũng có ba việc gọi là pháp Tán thị tốt đẹp, có thể phụng thờ, đó là: Ủng hộ pháp, cúng dường pháp, học tập pháp. Làm ba việc này vượt hơn khi làm phàm phu gấp trăm lần.

Thế nào là hay thực hành pháp Tán thị? Nghĩa là tuy không giữ giới nhưng cũng phải khác phàm phu chút ít, thường nương chỗ có chỉ dạy kinh điển để ở. Nếu thấy người thế tục làm việc thiện hay làm việc ác, chớ nên dùng lời tốt để phân biệt và lời xấu để chỉ trích. Đó là pháp Tán thị thứ nhất.

Lại nữa, pháp Tán thị cúng dường là nên sớm chiều phụng thờ Tam bảo, chẳng nên biếng nhác. Tâm luôn hướng về Tam bảo và tu bổ kinh sách. Nếu nghèo khổ không có của cải để cúng dường thì phải hết sức siêng

năng. Thấy người làm phước thì cung kính, gần gũi giúp đỡ, vui theo việc làm của họ. Đó là pháp Tán thị thứ hai.

Lại nữa, pháp Tán thị đối với những người đồng học là phải kính ái họ, không được kiêu mạn. Ngồi, đứng đều nghĩ đến nhau, ra vào chiêm nghiệm như được thấy nhau. Nếu khi đi đường, đi gần thì hỏi han nhau, cách xa thì chờ đợi nhau. Cẩn thận chớ trái ngược. Đó là pháp Tán thị thứ ba.

Thầy dạy:

–Làm ba việc như vậy, tuy chưa vượt qua, giống như đất có nhiều đá và cỏ, giống trồng lại không tốt cho nên thu hoạch được ít. Dùng thời gian đó tiếp tục trồng, còn hơn là bỏ không. Giống nghiệp không hư, gặp được đất tốt, việc trồng trọt thành tựu, thu hoạch mới được nhiều. Đây cũng như vậy, không ngưng việc tu hành, giữ gìn phước đức, gọi là nhóm họp, lãnh thọ giới chân chánh.

-oOo-

SỐ 772

KINH ĐẠI THỪA TỨ PHÁP

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Địa-bà-ha-la, người xứ Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Bạc-già-phạm ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc nơi thành Thất-la-phiệt, cùng với chúng đại Bí-sô một ngàn hai trăm năm mươi vị và vô lượng chúng Đại Bồ-tát.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo các Bí-sô:

–Có bốn pháp, Đại Bồ-tát trọn đời phải luôn thực hành, cho đến tuy gặp lúc phải chết, cũng không bỏ.

Bốn pháp đó là:

1. Các Bí-sô, Bồ-tát, trọn đời cho đến bỏ thân mạng cũng nhất định không bỏ tâm Bồ-đề.

2. Các Bí-sô, Bồ-tát trọn đời cho đến bỏ thân mạng, nhất định không bỏ Thiện tri thức.

3. Các Bí-sô, Bồ-tát trọn đời cho đến bỏ thân mạng, không được xả bỏ sự ưa thích hành nhẫn nhục.

4. Các Bí-sô, Bồ-tát trọn đời cho đến bỏ thân mạng, nhất định không xả bỏ hạnh A-lan-nhã.

Các Bí-sô! Bốn pháp như vậy, Bồ-tát trọn đời thường luôn giữ vững, thà chết quyết không xả bỏ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tuyên lại nghĩa này và nói kệ:

Người thông minh trí tuệ
Nên phát tâm Bồ-tát
Thường nghĩ Nhất thiết trí
Luôn gần Thiện tri thức.
Ưa thích hạnh nhẫn nhục
Ở nơi chốn lan-nhã
Giống như sư tử chúa
Lìa các sự sợ hãi.

Những người có trí tuệ sáng suốt, tu hành pháp này nhanh chóng vượt khỏi lưới của ma ác, mau chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Bạc-già-phạm thuyết giảng kinh này xong, các Bí-sô… đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 773

PHẬT THUYẾT
BỒ-TÁT TU HÀNH TỨ PHÁP KINH

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Địa-bà-ha-la, người xứ Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với đông đủ chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông đã được vô lượng lợi ích, nên cầu Đại Bồ-đề vô thượng của Phật. Vì sao? Vì Đại Bồ-đề của Phật là thế gian và xuất thế gian không ai bằng. Nếu các chúng sinh đời vị lai phát tâm muốn cầu Đại Bồ-đề của Phật phải tu bốn pháp, đó là:

1. Phải phát tâm đại Bồ-đề, thà mất thân mạng cũng không thoái lui.

2. Phải gần gũi bạn lành, thà mất thân mạng cũng không xa lìa.

3. Phải tu tập nhu hòa, nhẫn nhục, thà mất thân mạng cũng không sân giận.

4. Phải ở chỗ yên tịnh, thà mất thân mạng cũng không nghĩ đến chỗ ồn ào.

Thiện nam, Đại Bồ-tát phải tu học bốn pháp như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Muốn cầu các thắng quả
Phải phát tâm Bồ-đề
Siêng năng tu tinh tấn
Phải gần Thiện tri thức.
Nhẫn nhục Phật khen ngợi
Là người có sức mạnh
Nơi chỗ vắng, Thánh tục
Giống sư tử, không sợ.

Đức Thế Tôn nói kệ xong, lại bảo:

–Những người có trí tuệ và đại Từ bi luôn tu bốn pháp như trên. Người như vậy, chắc chắn có thể thoát khỏi sinh tử, lìa khỏi lưới ma, thành tựu Đẳng chánh giác, đắc đại Niết-bàn.

Khi Đức Thế Tôn thuyết giảng kinh này xong, các Tỳ-kheo, các Bồ-tát nghe Phật giảng nói đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành, làm lễ và lui ra.

-oOo-

SỐ 774

KINH ĐẠI THỪA TỨ PHÁP

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng
Pháp sư Thật-xoa-nan-đà,
người nước Vu Điền.

Quy mạng biển trí lớn
Phật Tỳ-nô-giá-na.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ngự tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người và tám ngàn Đại Bồ-tát hội đủ, tất cả đều đã mặc áo giáp thệ nguyện lớn bền chắc, cùng với vô lượng trăm ngàn các Thiên tử nơi Dục giới, Sắc giới… cung kính vây quanh Đức Như Lai để nghe và lãnh thọ giáo pháp.

Bấy giờ, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi, cầm một cái lọng báu rộng mười do-tuần, che bên trên Đức Như Lai. Lúc này có vị trời ở cõi Đâu-suất-đà tên là Thiện Thắng, đã đạt pháp không thoái chuyển nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cùng với quyến thuộc hiện có mặt trong pháp hội này, bạch Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Tôn giả! Tôn giả cúng dường Như Lai như vậy là đủ chăng?

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Ý ông thế nào? Biển dung nạp tất cả các dòng sông có chán đủ không?

Vị trời thưa:

–Thưa không.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thiên tử! Biển lớn sâu rộng vô cùng tận. Muôn vạn dòng nước tuôn về biển đều được thâu nạp, không có đầy và bị từ chối. Đại Bồ-tát cầu Nhất thiết trí, cúng dường Như Lai, cũng như vậy, chưa từng nhàm chán.

Vị trời lại thưa:

–Khi cúng dường Phật nên làm thế nào?

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nên dùng bốn việc:

1. Cầu Nhất thiết trí.

2. Độ tất cả chúng sinh.

3. Không đoạn hạt giống Tam bảo.

4. Trang nghiêm các cõi Phật bằng công đức.

Đó là Bồ-tát dùng bốn việc để cúng dường Như Lai.

Vị trời lại thưa:

–Lành thay, Tôn giả! Bồ-tát luôn không lẫn tiếc pháp. Như xưa Tôn giả đã làm Phạm vương Thi-khí cùng với quyến thuộc, diễn thuyết bốn pháp môn của Bồ-tát đạo. Xin Bồ-tát hãy vì chúng tôi cùng tất cả pháp hội nêu giảng lại ý nghĩa ấy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Xin hãy lắng nghe! Lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Tôi sẽ giảng nói cho ông. Thiên tử! Đại Bồ-tát nên phát bốn loại tâm ý hoan hỷ tăng thượng! Đó là:

1. Tâm thâu giữ tất cả chúng sinh.

2. Tâm thành tựu đầy đủ cho tất cả chúng sinh.

3. Tâm tích tập tất cả căn lành.

4. Tâm giác ngộ tất cả pháp Phật.

Lại nữa, Bồ-tát nên phát bốn loại tâm như núi. Đó là:

1. Tâm không giận ghét đối với người đến xin.

2. Có tâm Từ bi hướng đến cõi ác.

3. Tâm không xả bỏ Trí tuệ ba-la-mật.

4. Tâm tu tập các hạnh đạt đến cứu cánh.

Lại nữa, Bồ-tát nên phát bốn loại tâm tu hành chuyển vượt hơn. Đó là:

1. Trì giới chuyển vượt hơn.

2. Đa văn chuyển vượt hơn.

3. Đại từ chuyển vượt hơn.

4. Đại bi chuyển vượt hơn.

Lại nữa, Bồ-tát nên phát bốn loại tâm như Kim cang không hư hoại. Đó là:

1. Tin ưa không hoại.

2. Nương tri thức thiện không hoại.
3. Tu hành không hoại.
4. Cầu Đại thừa không hoại.

Lại nữa, Bồ-tát nên phát bốn loại tâm không thể nhiễm. Đó là:
1. Phiền não không thể nhiễm.
2. Danh lợi không thể nhiễm.
3. Thừa thấp không thể nhiễm.
4. Các chúng sinh xấu ác không thể nhiễm.

Lại nữa, Bồ-tát nên phát bốn loại Tâm vô thượng. Đó là:
1. Tâm xả bỏ khát ái.
2. Tâm bố thí rồi không hối tiếc.
3. Tâm không mong cầu quả báo.
4. Tâm hồi hướng đến quả Bồ-đề.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn thứ có thể đạt đến Đảnh pháp. Đó là:
1. Trí tuệ.
2. Phương tiện.
3. Hành trì chánh pháp.
4. Giáo hóa chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại trợ đạo Bồ-đề. Đó là:
1. Siêng tu các pháp Ba-la-mật.
2. Thuận bốn Nhiếp pháp.
3. Trụ bốn Phạm trụ.
4. An trú nơi thần thông.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại thắng pháp bậc nhất. Đó là:
1. Tâm không tổn hại đối với các chúng sinh.
2. Tâm không nhớ nghĩ về người não hại mình.
3. Không buông lung trong cảnh năm dục.
4. Gặp bần cùng, khổ nạn không bỏ pháp hành.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại tâm an ổn. Đó là:
1. Khi ở tại gia tự biết đủ với của cải của mình.
2. Không tham của cải của người khác.
3. Khi xuất gia nương nơi bốn Thánh chủng.
4. Hành pháp Đầu-đà.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn cách bố thí. Đó là:
1. Bố thí tiền của.
2. Bố thí pháp.
3. Bố thí giấy bút.
4. Bố thí dùng tâm thiện khen ngợi Pháp sư.
Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại pháp vững chắc. Đó là:
1. Thực hành điều đã nghe.
2. Giàu có đem bố thí.
3. Cúng dường các bậc Tôn giả.
4. Trong đời luôn trồng các căn lành.
Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại không xả bỏ. Đó là:
1. Không xả bỏ tâm Bồ-đề.
2. Không xả bỏ chánh pháp.
3. Không xả bỏ chúng sinh.
4. Luôn luôn cầu các pháp thiện.
Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại vườn. Đó là:
1. Ưa ở A-lan-nhã.
2. Ưa ngồi một mình giữa đất trống.
3. Ưa cầu pháp thiện.
4. Ưa dùng phương tiện hóa độ các chúng sinh.
Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại cung điện. Đó là:
1. Ưa nương Phạm trụ.
2. Ưa nghe pháp thiện.
3. Ưa quán tánh Không.
4. Ưa cùng ở chung với người tu tập.
Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại của vô tận. Đó là:
1. Của cải về đa văn.
2. Của cải về thuyết pháp.
3. Của cải về sự giúp đỡ mọi sự nghèo thiếu.
4. Của cải về hồi hướng đến Bồ-đề.
Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại kho tàng. Đó là:
1. Kho tàng Đà-la-ni.
2. Kho tàng biện tài.

3. Kho tàng giáo pháp.

4. Kho tàng hồi hướng đến tài sản vô tận.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại xa lìa. Đó là:

1. Xa lìa các sự nói năng.

2. Xa lìa cảnh của dục.

3. Xa lìa tâm phi Thánh.

4. Xa lìa ba cõi.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại vui. Đó là:

1. Vui vì xa lìa ngã, ngã sở, không tham đắm.

2. Vui vì xa lìa, tất cả đều không luyến tiếc.

3. Vui vì lìa tất cả cảnh giới, đạt được tịch tĩnh.

4. Vui vì không xả bỏ tất cả chúng sinh, đạt Niết-bàn, không còn phiền não.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại hoan hỷ. Đó là:

1. Hoan hỷ được thấy Phật.

2. Hoan hỷ được nghe pháp.

3. Hoan hỷ vì bố thí không hối tiếc.

4. Hoan hỷ vì đem an lạc cho chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại chân thật. Đó là:

1. Không xả bỏ tâm Bồ-đề.

2. Không xả nguyện rộng lớn.

3. Không bỏ người đến quy y.

4. Không bỏ tất cả những lời nói thiện, giúp.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại pháp thiện. Đó là:

1. Ưa tu tất cả pháp thiện.

2. Không khinh người chưa học.

3. Đối với các chúng sinh, xem oán thân đều bình đẳng.

4. Người không cầu mình, nhưng vẫn làm lợi ích cho họ, không nghĩ tới việc báo ân.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn thứ thanh tịnh. Đó là:

1. Không có ngã nên Giới thanh tịnh.

2. Không có chúng sinh nên Định thanh tịnh.

3. Không có thọ mạng nên Tuệ thanh tịnh.

4. Không sinh đến các nẻo, nên giải thoát thanh tịnh.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại chân. Đó là:

1. Chân thiện.

2. Chân pháp.

3. Chân thực hành công đức Đầu-đà.

4. Chân tích tập hành trang của Bồ-đề.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại tay. Đó là:

1. Tay tín.

2. Tay giới.

3. Tay văn.

4. Tay tuệ.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại mắt. Đó là:

1. Nhục nhãn tạo nghiệp thiện.

2. Thiên nhãn thần thông không lui sụt.

3. Tuệ nhãn học tập không nhàm chán.

4. Pháp nhãn quán sát đúng các pháp, nên đạt được pháp nhẫn.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại không nhàm chán. Đó là:

1. Bố thí không chán.

2. Ở chốn A-lan-nhã không chán.

3. Nghe pháp không chán.

4. Tu thiện không chán.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại khó làm. Đó là:

1. Nhẫn chịu tất cả những sự lăng nhục thấp hèn.

2. Tự chịu nghèo khổ, có tài vật đều bố thí.

3. Thấy có người đến xin đầu, mắt, thân thể, đều tưởng như bạn lành, không trái nghịch.

4. Hiện thọ sinh nhưng quán không, vô ngã.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại không bệnh. Đó là:

1. Không có bệnh về cảnh giới chẳng bình đẳng.

2. Không có bệnh phiền não bức bách.

3. Không có bệnh không làm lợi ích chúng sinh.

4. Không có bệnh nghi ngờ các pháp.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại pháp tự phân biệt. Đó là:

1. Các Ba-la-mật.

2. Pháp Bồ-đề phần.
3. Thiện tri thức chân chánh.
4. Không tạo tất cả nghiệp ác.
Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại bất động. Đó là:
1. Tâm Bồ-đề.
2. Hành đúng nguyện.
3. Làm như lời nói.
4. Siêng tu hạng chân chánh.
Lại nữa, Bồ-tát có bốn hành trang. Đó là:
1. Thiền chỉ.
2. Thiền quán.
3. Trồng tất cả căn lành.
4. Học tất cả căn lành.
Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại hạnh ngay thẳng. Đó là:
1. Hạnh phát khởi tâm.
2. Bố thí hồi hướng.
3. Đại Từ, đại Bi.
4. Phương tiện của trí tuệ.
Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại pháp mộng vì chướng ngại. Đó là:
1. Mộng thấy mặt trăng rơi trong giếng, nơi đất bằng.
2. Mộng thấy mặt trăng hiện ở trong ao, suối cấu uế.
3. Mộng thấy mặt trăng ở giữa hư không bị áng mây lớn che lấp.
4. Mộng thấy mặt trăng ở trên không bị bụi khói che lấp.
Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại mọng về nghiệp chướng. Đó là:
1. Mộng thấy bị rớt trong chỗ rất nguy hiểm.
2. Mộng thấy con đường cao thấp.
3. Mộng thấy đường đá lởm chởm, quanh co.
4. Mộng thấy bị lạc hướng, sợ hãi.
Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại mộng về phiền não chướng. Đó là:
1. Mộng thấy rắn độc nhiễu loạn.
2. Mộng thấy tiếng kêu hung dữ của bầy thú.
3. Mộng thấy lưu lạc vào chỗ nạn giặc.
4. Mộng thấy chân bị bụi bặm che lấp.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại mộng đạt được Đà-la-ni. Đó là:

1. Mộng thấy kho lớn chứa đầy của báu.

2. Mộng thấy các hoa phô bày đầy khắp nơi ao trong sạch.

3. Mộng thấy được hai tấm thảm dày trắng.

4. Mộng thấy chư Thiên cầm lọng che ở trên.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại mộng đạt được Tam-muội. Đó là:

1. Mộng thấy đồng nữ xinh đẹp trang sức các báu cầm hoa trao cho.

2. Mộng thấy từng đàn ngỗng trắng bay lượn quanh không trung.

3. Mộng thấy Đức Như Lai đưa tay sờ lên đỉnh đầu.

4. Mộng thấy Đức Như Lai ngồi trên tòa liên hoa nhập thiền định.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại mộng thấy Như Lai. Đó là:

1. Mộng thấy mặt trăng xuất hiện.

2. Mộng thấy mặt trời xuất hiện.

3. Mộng thấy hoa sen nở.

4. Mộng thấy Đại Phạm vương oai nghi vắng lặng.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại mộng được tướng Đại nhân. Đó là:

1. Mộng thấy rừng cây Sa-la đầy hoa trái tươi đẹp.

2. Mộng thấy bình đồng lớn đựng đầy các vật báu.

3. Mộng thấy cờ lọng trang nghiêm giữa hư không.

4. Mộng thấy Chuyển luân thánh vương dùng chánh pháp trị đời.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại mộng thấy tướng không lui sụt. Đó là:

1. Mộng thấy lụa trắng vấn quanh đỉnh đầu.

2. Mộng thấy tự bày hội bố thí vô ngại.

3. Mộng thấy thân mình ở trên pháp tòa.

4. Mộng thấy Đức Phật ngồi nơi đạo tràng thuyết pháp cho mọi người.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại mộng hàng phục ma oán. Đó là:

1. Mộng thấy đại lực sĩ xô tiểu lực sĩ, giật cờ chiến thắng đi.

2. Mộng thấy tướng dũng mãnh chiến thắng mà đi.

3. Mộng thấy nhận ngôi vị vua quán đảnh.

4. Mộng thấy ngồi nơi gốc cây Bồ-đề hàng phục các ma.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn loại mộng ngồi Bồ-đề tràng. Đó là:

1. Mộng thấy đầy bình cát tường.

2. Mộng thấy mọi người đi nhiễu vòng bên phải thân mình.

3. Mộng thấy những chỗ đi đến cây cối đều sà nhánh xuống.

4. Mộng thấy ánh sáng vàng rực rỡ chiếu khắp.

Khi Đồng tử Văn-thù-sư-lợi thuyết giảng pháp này, Thiên tử Thiện Thắng cùng với quyến thuộc đều hết sức vui mừng, bèn đem hoa sen trời xanh, vàng, đỏ, trắng cúng dường Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và tung rải trên tất cả chúng hội. Do thần lực của Phật, các hoa tung rải đó bay thẳng lên hư không, kết thành một đài hoa sen lớn như bánh xe, tỏa hương thơm vi diệu, làm vui lòng tất cả đại chúng. Trên đài hoa, có các vị Bồ-tát an tọa với ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm thân.

Bấy giờ, Thiên tử Thiện Thắng bạch với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Các Bồ-tát này từ phương nào đến?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Như chỗ các hoa đến, các Bồ-tát cũng từ đó đến.

Vị trời thưa:

–Hoa này là hóa sinh, tất không từ đâu đến.

Bồ-tát Văn-thù đáp:

–Nên biết, các Bồ-tát cũng như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền mỉm cười, từ trong miệng phóng ra vô số ánh sáng sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê… chiếu khắp vô lượng cõi trong mười phương trên đến cõi Phạm thế che lấp ánh sáng mặt trời, mặt trăng, rồi trở lại nhập vào nơi đỉnh đầu.

Thiên tử Thiện Thắng bèn đứng dậy, bày vai bên phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng Phật, dùng kệ khen ngợi:

Sắc vàng sáng thanh tịnh
Ba mươi hai tướng tốt
Đủ ức na-do-tha
Công đức không ai hơn.
Bậc cứu khổ thế gian
Cớ sao hiện mỉm cười?
Phạm âm rất sâu xa
Tiếng trong suốt vi diệu.
Thường chứa bảy Thánh tài
Phóng trí tuệ sáng lớn
Tiếng Ca-lăng-tần-già
Nguyện nói nghĩa mỉm cười.

Thế Hùng Đại Trượng Phu
Hàng phục ma, ngoại đạo
Thường được các trời, người
A-tu-la cúng dường.
Bậc đầy đủ mười Lực
Cớ sao hiện mỉm cười?
Tất cả tham, sân, si
Phiền não ngăn trí tuệ.
Đoạn hẳn, nghiệp không còn
Mặt như trăng tròn đầy
Bậc bố thí an lạc
Nguyện nêu nghĩa mỉm cười.
Thiện Thệ, Thiên Nhân Sư
Khối vô lượng công đức
Tâm Phật luôn bình đẳng
Hành các thiện đầy đủ.
Bậc chỉ dạy tất cả
Cớ sao hiện mỉm cười?
Thường đem đèn tuệ lớn
Phá rừng tối dày đặc.
Dạo đi như trâu chúa
Không sợ, như sư tử
Bậc lợi ích chúng sinh
Nguyện nói nghĩ mỉm cười.
Tối tôn trong loài người
Khó thấy, khó thể lường
Vô ngã, không dối trá
Vượt hẳn các biển hữu.
Bậc trí lực tự tại
Cớ sao hiện mỉm cười?
Chân có thiên bức luân
Ba cõi không ai bằng.
Khô kiệt dòng sinh tử
Đoạn tuyệt lưới ngu tối
Lành thay, Bậc Đại Trí!
Nguyện nói nghĩa mỉm cười.

Đức Thế Tôn bảo Thiên tử Thiện Thắng:

–Ông có thấy các vị Bồ-tát nơi tòa hoa sen trên hư không không?

Thiên tử bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Con thấy.

Phật nói:

–Các Bồ-tát này đều do Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hóa độ, vì nghe bốn pháp môn này nên từ mười phương đến đây, đều đã trụ vào Nhất sinh bổ xứ, sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nơi các cõi trong mười phương, danh hiệu các vị đều khác nhau.

Vị trời thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Có thể dùng toán số để biết được số Bồ-tát này là bao nhiêu không?

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ông có thể biết được chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Trong khoảnh khắc một niệm con có thể biết tất cả tinh tú trong tam thiên đại thiên thế giới, nhưng trong một trăm năm con cũng không thể tính biết được số lượng các Bồ-tát này.

Phật nói:

–Tôn giả Xá-lợi-phất! Giả sử số vi trần trong khắp cõi Diêm-phù-đề còn có thể tính đếm được, nhưng không thể biết được số Bồ-tát này.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch:

–Các vị Bồ-tát ấy có thể thành bậc Chánh giác thì ở những quốc độ nào chứa cho hết?

Phật nói:

–Thôi, đừng nói điều đó. Các thế giới không có Phật thì nhiều vô lượng vô biên. Xá-lợi-phất! Giả sử Như Lai ở mãi nơi đời, số kiếp nhiều như cát sông Hằng, mỗi ngày giảng nói pháp nhiều như cát sông Hằng, cứ mỗi pháp thuyết ra đều thọ ký cho Bồ-tát thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nhiều như cát sông Hằng. Vậy mà đi về phương Đông, vượt qua hằng hà sa số cõi Phật, mới có một Bồ-tát thành Phật ở trong đó. Như vậy, ở phương Đông, những thế giới không có Phật là nhiều vô số, huống là tất cả thế giới không có Phật trong khắp mười phương. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Vô lượng thế giới như vậy, dùng nhục nhãn, Như Lai thấy rõ tất cả chúng sinh nơi đó, Như Lai đều biết về tâm của họ.

Khi ấy, các đại Thanh văn và tất cả chúng hội sinh lòng thán phục thưa:

–Ngày nay chúng con được lợi ích hoàn toàn, được gặp bậc Thầy

thành tựu phước đức, trí tuệ rộng lớn.

Lúc này, nơi hư không có các Bồ-tát đi đến, đều từ không trung hạ xuống, đảnh lễ Đức Như Lai và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cung kính đi nhiễu bên phải và đều trở về quốc độ của mình.

Bấy giờ, Thiên tử Thiện Thắng thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay, Tôn giả! Bồ-tát đã thực hiện Phật sự này, đã hóa độ vô lượng Bồ-tát an trụ nơi Đại Bồ-đề. Nguyện xin Tôn giả hãy vì tôi thuyết giảng pháp thành tựu các trụ Bồ-đề ấy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Thiên tử:

–Có ba mươi lăm pháp giúp cho Bồ-tát thành tựu sự an trụ nơi Bồ-đề. Đó là: phải luôn đúng thời, không để mất thời, nên cảnh tỉnh nơi các căn, nên thâu giữ tâm không động, nên tu các Ba-la-mật, nên tùy thuận phương tiện tốt, nên phát tâm vui vẻ, nên kiến lập đại từ, nên phát khởi đại Bi, nên không bỏ Đại thừa, nên xa lìa đạo nhỏ, nên thường chắc thật, nên như thật mà làm, nên hộ trì chánh pháp, làm đúng như đã học, nên rõ tánh nơi chúng sinh bình đẳng không hai, nên xem kẻ phá giới, trì giới đều là tướng phước điền, nên biết các nghiệp ma, nên thành tựu viên mãn nguyện lớn, đối với sinh tử không nhàm chán, nên hàng phục các ma, nên tri ân, báo ân, nên vào pháp, chấm dứt nhân, nên đối với cửa giải thoát không sợ hãi, nên cúng dường chư Phật, nên tùy thuận chúng sinh cần gì đều làm, nên không nhiễm pháp thế gian, nên ưa thích chốn A-lan-nhã, nên sống thiểu dục, nên niệm tri túc, nên độ người chưa được độ, nên chỉ dạy cho người chưa được chỉ dạy, nên làm an ổn cho người chưa được an ổn, nên làm cho người chưa Niết-bàn được Niết-bàn, nên không đoạn hạt giống Tam bảo, nên trang nghiêm cõi Phật bằng công đức. Đó là ba mươi lăm pháp giúp cho Bồ-tát thành tựu sự an trụ nơi Bồ-đề, nên học như vậy.

Lại nữa, Thiên tử, Bồ-tát nên xa lìa mười thứ tâm kiêu mạn, đó là: Mạn về ngã, mạn về đa văn, mạn về biện tài, mạn về lợi dưỡng danh xưng, mạn do trụ A-lan-nhã, mạn về công đức Đầu-đà, mạn về quyến thuộc phú quý, mạn về được Thích, Phạm, Hộ thế phục vụ, mạn về thần thông thiền định, mạn do đối với Phật, Pháp, Tăng được tín bất hoại, được các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già… cung kính tán thán. Bồ-tát lìa mười loại kiêu mạn này liền không thoái lui nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không bị tất cả ngoại đạo, ma oán làm hại.

Khi ấy, Thiên tử Thiện Thắng bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Tùy theo trụ xứ của Tôn giả, nên biết là đã có pháp môn này, tức là

Như Lai ở trong đó chuyển Chánh pháp luân xuất thế.

Phật nói:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Như ông đã nói, ở quốc độ nào, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết giảng pháp môn này thì coi như có Pháp vương an trụ ở đấy. Nếu chúng sinh thực hành pháp này, đó là Phật tử chân chánh. Ai tin hiểu và thọ trì pháp này, gọi là tu hành chân thật. Người đó đã được Phật điều phục, không thoái chuyển nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Di-lặc, Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả A-nan:

–Thiện nam! Ta nay đem pháp môn này phó chúc cho các ông, các ông nên thọ trì, đọc tụng, đúng như lời dạy mà tu hành cùng giảng dạy rộng rãi cho mọi người. Sau khi ta Niết-bàn nên đem pháp lớn này làm Phật sự, khiến cho tất cả chúng sinh đều được an vui.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Chúng con xin kính vâng theo lời Thế Tôn dạy. Kính bạch Thế Tôn! Nên đặt tên kinh này là gì và phụng trì như thế nào?

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Kinh này tên là Thuyết Giảng Bốn Pháp Môn cũng gọi là Thành Tựu Bồ-đề Đạo Pháp. Các ông phải cùng nhau thọ trì.

Phật thuyết giảng kinh này xong, Đại Bồ-tát Di-lặc, Trưởng lão Đại Ca-diếp, Trưởng lão A-nan và tất cả chúng Trời, Người, A-tu-la… ở thế gian nghe Phật thuyết pháp đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 775

PHẬT THUYẾT TỨ VÔ SỞ ÚY KINH

Hán dịch: Đại sư Thi Hộ,
người xứ Tây Thiên.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Kỳ thọ Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông hãy lắng nghe, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, thành tựu bốn pháp không sợ nên ở trong đại chúng chuyển đại pháp luân như sư tử rống, tự tại không sợ hãi.

Các Tỳ-kheo nghe lời này rồi, năm vóc gieo xuống đất, đảnh lễ dưới chân Phật, chắp tay thưa:

–Làm sao, Như Lai thành tựu bốn pháp không sợ?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Xưa kia, ở trong đại chúng ta nói rằng: "Như Lai thành tựu Chánh đẳng Chánh giác". Khi nói lời này, Sa-môn, Bà-la-môn, chúng Ma, Phạm thiên, Trời, Người đều nói: "Sự tuyên thuyết này chẳng nương theo giáo pháp, chưa từng nghe thấy có sự việc này".

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở trong chúng hội ấy, không sợ, không hãi, tâm được an lạc, trụ ở nơi pháp không sợ.

Đức Phật lại nói:

–Thân ta thanh tịnh, các lậu hoặc đã diệt tận.

Khi nói lời này, Sa-môn, Bà-la-môn, chúng Ma, Phạm thiên, Trời, Người đều nói:

–Sự tuyên thuyết này chẳng nương theo giáo pháp, chưa từng nghe thấy có sự việc này.

Lúc ấy, ở trong chúng hội kia, Như Lai không sợ, không hãi, tâm được an lạc, trụ ở nơi pháp không sợ.

Đức Phật lại nói:

–Có một loại chướng tạp nhiễm có khả năng ngăn ngại đạo quả. Nếu

diệt trừ chướng này thì Thánh đạo tự hiện.

Khi nói lời này, Sa-môn, Bà-la-môn, chúng Ma, Phạm thiên, Trời, Người đều nói:

–Sự việc này được tuyên thuyết chẳng nương theo giáo pháp, chưa từng nghe thấy có sự việc như thế.

Lúc ấy, ở trong chúng hội kia, Như Lai không sợ, không hãi, tâm được an lạc, trụ ở nơi pháp không sợ.

Đức Phật lại nói:

–Tu giới, định, tuệ có thể thoát khỏi sinh tử, diệt tận các khổ báo.

Khi Phật nói lời này, Sa-môn, Bà-la-môn, chúng Ma, Phạm thiên, Trời, Người đều nói:

–Sự việc này được tuyên thuyết chẳng nương theo giáo pháp, chưa từng nghe thấy có sự việc như thế.

Lúc ấy, ở trong chúng hội kia, Như Lai không sợ, không hãi, tâm được an lạc, trụ ở nơi pháp không sợ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Đó gọi là Như Lai chuyển vận bánh xe pháp về bốn điều không sợ.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Ở trong tám bộ đại chúng, Như Lai thành tựu đầy đủ bốn pháp không sợ. Đó là:

Xưa kia, ở một trú xứ nọ có vô số Sa-môn hoặc ở, hoặc đứng, hoặc đi, hoặc ngồi rồi cùng nhau nói:

–Thuở xưa, Phật nói pháp tướng như thế, thâm sâu khó hiểu, chưa từng thấy nghe. Như vậy là đúng hay sai, là thật hay giả?

Lúc ấy Như Lai nghe họ nói rồi, tâm không khiếp sợ, lông tóc không dựng, tự tại không sợ hãi, như núi không lay động.

Lại nữa, có vô số chúng Bà-la-môn, vô số chúng Sát-đế-lợi, vô số chúng Cư sĩ, vô số chúng Tứ thiên vương, vô số chúng Đao-lợi thiên, vô số chúng m/a vương, vô số chúng Phạm thiên, tám chúng như thế hoặc ở, hoặc đứng, hoặc đi, hoặc ngồi rồi cùng nhau nói:

–Thuở xưa, Phật nói pháp tướng như thế, thâm sâu khó hiểu, chưa từng thấy nghe. Như vậy là đúng hay sai, là thật hay giả?

Lúc ấy Như Lai nghe họ nói rồi, tâm không khiếp sợ, lông tóc không dựng, tự tại không sợ hãi, như núi không lay động.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Đó là ở trong tám bộ đại chúng, Như Lai đều không sợ hãi.

Phật nói kệ:

Như Lai tự tại Chuyển pháp luân
Xưa đã thành tựu bốn Vô úy
Trời, Người, Ma, Phạm và Sa-môn
Nghe Tôn sư nói lòng do dự
Thân, tâm chẳng động, được vô úy
Lợi ích tất cả các hữu tình
Khiến phát tâm Vô thượng Bồ-đề
Cung kính tu hành được giải thoát.

Lúc nghe lời Phật thuyết giảng, các đại Tỳ-kheo đều tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 776

PHẬT THUYẾT
TỨ PHẨM PHÁP MÔN KINH

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Tam tạng Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với đại chúng hội đủ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan ngồi một mình nơi tịnh thất phát sinh ý nghĩ: "Hữu tình ở thế gian có sự sợ hãi, cho đến tại họa, chướng nạn, bệnh tật, lỗi lầm, đã sinh, sẽ sinh, đều là người ngu mắc phải, người trí thì không". Tôn giả A-nan suy nghĩ xong, bèn đi đến chỗ Phật, đầu mặt lạy nơi chân Phật, xong rồi đứng qua một bên, bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Con một mình ngồi nơi tịnh thất thanh vắng, phát sinh ý nghĩ thế này: Thế gian có các việc sợ hãi… đều là người ngu mắc phải, người trí thì không. Cúi xin Thế Tôn vì con chỉ dạy.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy lắng nghe, ta sẽ giảng rõ cho ông.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Con xin vui thích được nghe.

Phật nói:

–Tôn giả A-nan! Thế gian có các việc sợ hãi, đã sinh, sẽ sinh, đó là tai họa, chướng nạn, bệnh tật, lỗi lầm, đều là người ngu mắc phải, người trí thì không.

A-nan! Ví như có người chất đống cỏ lau khô, bị lửa đốt cháy, các việc người ngu sợ hãi… cũng lại như vậy.

A-nan! Như vậy trong đời quá khứ, vị lai, hiện tại người ngu có tai họa, người trí thì không. Người ngu có chướng nạn, người trí thì không. Người ngu có bệnh tật, người trí thì không.

A-nan nên biết! Đây là pháp của người ngu, đây là pháp của người trí. Biết pháp người ngu rồi nên xa lìa để hành pháp người trí. A-nan! Ông

cần phải học như vậy.

Tôn giả A-nan bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Sao gọi là người ngu?

Phật nói:

–A-nan! Nói người ngu là vì ngu tối không rõ. Người ngu ở thế gian đối với chánh pháp không hiểu rõ, cho nên gọi là ngu.

Thế nào là không hiểu rõ? Không rõ cảnh của pháp có bốn phẩm loại. Đó là: không rõ pháp giới, không rõ pháp xứ, không rõ pháp duyên khởi, không rõ pháp của xứ phi xứ.

A-nan! Đối với pháp như vậy không thể thấu tỏ, cho nên gọi là người ngu.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Đúng như vậy! Không rõ bốn pháp nên bị gọi là người ngu.

Lại nữa, thế nào được gọi là người trí?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nói người trí là đối với pháp biết lựa chọn, hiểu rõ đúng sai nên gọi là người trí. Thế nào là hiểu rõ? Hiểu rõ cảnh của pháp cùng bốn phẩm loại, đó là hiểu rõ pháp giới, hiểu rõ pháp xứ, hiểu rõ pháp duyên sinh, hiểu rõ pháp của xứ phi xứ. Hiểu biết hoàn toàn về các pháp như vậy, cho nên được gọi là người trí.

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Hiểu rõ pháp này được gọi là người trí, vậy người trí này rõ được pháp giới gì?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hỏi rất hay, Ta sẽ vì ông chỉ dạy rõ: Nói pháp giới nhưng có nhiều loại, đó là: Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới. Nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới. Thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới. Thân giới, xúc giới, thân thức giới. Ý giới, pháp giới, ý thức giới. Mười tám giới như vậy, người có trí tuệ đều thấu đạt đúng như thật.

Lại có sáu giới, đó là: Địa giới, hỏa giới, thủy giới, phong giới, không giới, thức giới. Sáu giới như vậy người có trí tuệ thấu đạt đúng như thật.

Lại có sáu giới, đó là: Hỷ giới, lạc giới, khổ giới, xả giới, phiền não giới, vô minh giới. Sáu giới như vậy người có trí tuệ đều thấu đạt đúng như thật.

Lại có sáu giới, đó là: Tham dục giới, sân nhuế giới, bất sân giới, sát hại giới, bất sát giới, xuất ly giới. Sáu giới như vậy người có trí tuệ đều thấu đạt đúng như thật.

Lại có bốn giới, đó là: Thọ giới, tưởng giới, hành giới, thức giới. Bốn giới như vậy, người có trí tuệ đều thấu đạt đúng như thật.

Lại có ba giới, đó là: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Ba giới như vậy, người có trí tuệ đều thấu đạt đúng như thật.

Lại có ba giới, đó là: Hạ giới, trung giới, thượng giới. Ba giới như vậy, người có trí tuệ đều thấu đạt đúng như thật.

Lại có ba giới, đó là: Thiện giới, bất thiện giới, vô ký giới. Ba giới như vậy, người có trí tuệ đều thấu đạt đúng như thật.

Lại có ba giới, đó là: Hữu học giới, Vô học giới, Học vô học giới. Ba giới như vậy, người có trí tuệ đều thấu đạt đúng như thật.

Lại có hai giới, đó là: Hữu lậu giới, Vô lậu giới. Hai giới như vậy người có trí tuệ đều thấu đạt đúng như thật.

Lại có hai giới, đó là: Hữu vi giới, Vô vi giới. Hai giới như vậy người có trí tuệ đều thấu đạt đúng như thật.

Này Tôn giả A-nan! Những giới như vậy người có trí đều hiểu rõ hoàn toàn.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Người có trí tuệ thấu đạt các pháp giới như vậy rồi, lại thế nào là thấu đạt về pháp xứ?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nói pháp xứ đó là mười hai xứ: Nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ; tỷ xứ, hương xứ; thiệt xứ, vị xứ; thân xứ, xúc xứ; ý xứ, pháp xứ. Mười hai xứ này, người có trí tuệ đều thấu đạt đúng như thật.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Người trí thấu đạt đúng như thật mười hai xứ rồi, lại thế nào là hiểu rõ về pháp duyên sinh?

Phật bảo:

–Người trí nên biết mười hai pháp duyên sinh từ nhân duyên khởi lên, do nhân duyên nên có các pháp. Nhân duyên thế nào? Đó là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu bi khổ não. như vậy tạo thành một tập hợp khổ lớn. Nếu thấy rõ pháp duyên sinh như trên, tánh của nhân duyên

là không, nên duyên tụ thì có, duyên tan thì không. Pháp của duyên là không nên không có các pháp. Đó là vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục xứ diệt, lục xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão, tử, ưu bi khổ não diệt. Như vậy tức là diệt một khối khổ lớn. Pháp sinh diệt như vậy, người trí phải nên thấu đạt đúng như thật.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Người trí tuệ đối với pháp duyên sinh nhận biết đúng như thật rồi, lại thế nào là rõ về pháp xứ và phi xứ?

Phật nói:

–Pháp phi xứ là không có sự việc thân, khẩu, ý tạo nghiệp bất thiện nhưng đạt được quả báo thiện. Hay sự việc thân, khẩu, ý tạo nghiệp thiện nhưng lại bị quả báo bất thiện.

Nói thị xứ là có sự việc thân, khẩu, ý tạo các nghiệp thiện và được quả báo vui sướng tốt đẹp, hoặc thân, khẩu, ý tạo các nghiệp bất thiện sẽ bị quả báo bất thiện.

Lại nữa, A-nan! Nói phi xứ là không có sự việc thân, khẩu, ý tạo nghiệp bất thiện, vì mong cầu quả thù thắng, do nhân duyên ấy, sau khi qua đời được sinh trong cõi trời, người. Hoặc thân, khẩu, ý tạo nghiệp thiện, sau khi qua đời lại bị đọa nơi nẻo ác.

Nói thị xứ là có sự việc thân, khẩu, ý tạo các nghiệp thiện được sinh trong cõi trời, người, hoặc tạo nghiệp ác bị đọa vào cõi ác, cũng như vậy.

Lại nữa, A-nan! Không có sự việc trong một thế gian có hai Đức Phật xuất hiện. Có sự việc chỉ có một Đức Phật xuất hiện ở thế gian.

Lại nữa, không có sự việc có hai Luân vương xuất hiện trong một thế gian. Có sự việc chỉ có một Luân vương xuất hiện ở thế gian. Như vậy, nếu có người nữ làm vua Chuyển luân trị vì thế gian, cho đến người ấy làm chủ Tứ thiên vương, chủ Đao-lợi thiên, chủ Đại phạm thiên và thành tựu quả vị Duyên giác, Vô thượng Chánh giác, các việc như vậy không thể có. Nếu có thiện nam đủ tướng Đại nhân, phước tuệ trang nghiêm, làm vua Chuyển luân xuất hiện ở thế gian, cho đến thành tựu bậc Bồ-đề Vô thượng, điều đó đúng như vậy.

Lại nữa, A-nan! Không có sự việc người chánh kiến mà giết cha hại mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng hòa hợp, làm thân Phật chảy máu, tạo nghiệp ngũ nghịch. Có sự việc phàm phu ngu si, tà kiến, tạo tội ngũ nghịch.

Lại nữa, A-nan! Nếu là người chánh kiến thì không có sự việc thọ giới phẩm đầy đủ trở lại phạm giới, hủy báng vị A-xà-lê, nói thế này: "A-xà-lê đây giới pháp bất thiện, cũng không thể thọ trì giới cấm, ta sẽ lựa chọn A-xà-lê khác để thọ học giới pháp". Nói như vậy xong, đến chỗ Sa-môn, Bà-la-môn khác lựa chọn thầy, nhận người kia làm thầy. Hoặc thấy Sa-môn, Bà-la-môn làm các việc hý luận, chẳng phải luật nghi, nương theo người kia làm A-xà-lê để cầu tịch tĩnh, ra khỏi ba cõi. Những việc như vậy nếu là người ngu si, tà kiến, làm để mong cầu thì đúng.

Lại nữa, A-nan! Hoặc người không đoạn trừ căn bản phiền não và tùy phiền não. Do phiền não nên căn lành bị tổn giảm, chướng ngại nơi trí tuệ, che lấp Niết-bàn, pháp chân tịch tĩnh. Người kia nếu rõ về bốn Niệm xứ thì không có lẽ đó. Nếu người đoạn trừ căn bản phiền não và tùy phiền não, hiểu rõ hoàn toàn bốn pháp Niệm xứ, cầu Niết-bàn, thì có điều đó.

Lại nữa, A-nan! Nếu người không đoạn trừ phiền não, mà hiểu rõ bốn Niệm xứ, chứng bảy Giác chi, hướng đến Niết-bàn thì không có điều đó. Nếu người đoạn trừ pháp phiền não xong, mà hiểu rõ bốn Niệm xứ, chứng bảy Giác chi, hướng đến Niết-bàn thì có việc ấy.

Lại nữa, A-nan! Không có sự việc người không đoạn trừ phiền não nhưng hiểu rõ tận cùng về bốn Niệm xứ, chứng bảy Giác chi, chấm dứt tận cùng bờ khổ, hướng đến Niết-bàn, thành tựu Bồ-đề Duyên giác, cho đến đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Có sự việc người đoạn trừ phiền não xong, hiểu rõ về bốn Niệm xứ, chứng bảy Giác chi, chấm dứt tận cùng bờ khổ, hướng đến Niết-bàn, thành tựu Bồ-đề Duyên giác, cho đến thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Người trí thấu đạt đúng như thật pháp xứ, phi xứ như vậy, các ông phải nên đúng như lý mà tu học.

Khi ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Con được nghe pháp chưa từng có như vậy, đạt vị cam lồ nên hết sức vui mừng. Kính bạch Thế Tôn! Kinh này gọi tên là gì, chúng con phải phụng hành như thế nào?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Kinh này tên là Tứ Phẩm Pháp Môn. Cũng gọi là Gương Pháp, cũng gọi là Trống Cam Lồ, cũng gọi là Đa Giới. Tên gọi như vậy, ông nên theo đấy mà thọ trì.

Tôn giả và đại chúng nghe Phật giảng thuyết đều rất hoan hỷ, tín thọ, phụng hành.

-oOo-

SỐ 777

PHẬT THUYẾT
HIỀN GIẢ NGŨ PHƯỚC ĐỨC KINH

Hán dịch: Đời Tây Tấn,
Sa-môn Bạch Pháp Tổ.

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Khi Hiền giả thuyết pháp có năm phước đức:

1. Người đó sinh ra được trường thọ, đó là phước đức thứ nhất.

2. Người đó sinh ra được giàu có, rất nhiều châu báu, của cải. Đó là phước đức thứ hai.

3. Người đó sinh ra được đẹp đẽ, không ai sánh bằng, đó là phước đức thứ ba.

4. Người đó sinh ra được tiếng tốt vang xa. Đó là phước đức thứ tư.

5. Người đó sinh ra thông minh, đại trí. Đó là phước đức thứ năm.

Do nhân gì ở đời sau, người thuyết pháp được trường thọ? Do đời trước, khi thuyết pháp lời nói đầu, giữa, cuối đều thiện, văn nghĩa hoàn hảo, hướng về vô vi. Người ưa sát sinh nghe pháp liền từ bỏ không sát sinh. Nhờ đấy nên được trường thọ.

Do nhân gì ở đời sau người thuyết pháp được giàu có, nhiều của cải, châu báu? Do đời trước, khi thuyết pháp lời nói đầu, giữa, cuối đều thiện, văn nghĩa hoàn bị, hướng về vô vi. Người trộm cắp nghe kinh thì từ bỏ, không trộm cắp, lại hay bố thí. Nhờ đấy nên được giàu có lớn.

Do nhân gì ở đời sau, người thuyết pháp được đẹp đẽ, không ai sánh bằng? Do đời trước, khi thuyết pháp, lời nói đầu, giữa, cuối đều thiện, văn nghĩa hoàn hảo, hướng về vô vi, làm cho người nghe pháp được hòa khí an vui, dung mạo tươi tắn, phát sinh trong sáng, nhờ đấy nên được đẹp đẽ.

Do nhân gì ở đời sau, người thuyết pháp được tiếng tốt vang xa? Do đời trước, khi thuyết pháp, lời nói đầu, giữa, cuối đều thiện, văn nghĩa hoàn

hảo, hướng về vô vi, làm cho người nghe pháp kính Phật, kính Pháp, kính Tỳ-kheo Tăng. Do đấy nên được tiếng tốt.

Do nhân gì ở đời sau, người thuyết pháp được thông minh, đại trí? Do nhờ đời trước, khi thuyết pháp, lời nói đầu, giữa, cuối đều thiện, văn nghĩa hoàn hảo, hướng về vô vi, làm cho người nghe pháp hiểu rõ về diệu tuệ, nhờ đấy nên được thông minh, đại trí.

Đây là năm pháp người thuyết kinh được phước đức.

Các Tỳ-kheo nghe kinh, đều hoan hỷ, đến trước Phật đảnh lễ.

-oOo-

SỐ 778

PHẬT THUYẾT
BỒ-TÁT NỘI TẬP LỤC BA-LA-MẬT KINH

Hán dịch: Đời Hậu Hán,
Sa-môn Nghiêm Phật Điều.

Phật nói:

–Người muốn học đạo Bồ-tát phải bắt đầu từ đây. Đó là:

1. Sổ.

2. Tùy.

3. Chỉ.

4. Quán.

5. Hoàn.

6. Tịnh.

Phật nói:

Thứ nhất, Sổ là Bố thí ba-la-mật. Người tu Sổ tức, tinh thần hướng lên cõi trời. Bố thí tinh thần trong tự thân nên đạt được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Phật. Đây là Bố thí ba-la-mật bên trong, nhờ bố thí nên được vượt qua.

Phật nói:

Thứ hai, Tùy tướng là Trì giới ba-la-mật. Ý và tâm ra vào đều theo nhau, ý không tà niệm, không trái phạm điều cấm của đạo. Đó là Trì giới ba-la-mật bên trong, vì không phạm điều cấm giới, nên được vượt qua.

Phật nói:

Thứ ba, Chỉ là Nhẫn nhục ba-la-mật. Ý muốn về dâm, nộ, si luôn nhẫn không làm. Miệng muốn ăn vị ngon ngọt, béo bổ, thân muốn được xúc chạm mịn màng, trơn láng, phải tự chế ngự ý, kham nhẫn, không thọ hưởng. Đó là Nhẫn nhục ba-la-mật bên trong, nhờ nhẫn nhục nên được vượt qua.

Phật nói:

Thứ tư, Quán là nên rõ về Tinh tấn ba-la-mật, bên trong quán thể của

ba thân, bên ngoài quán vạn vật đều sẽ hư hoại không thường tồn, tâm không còn tham, hướng đến đạo, nghĩ về vô vi, thường nhận thức rõ, không biếng nhác. Đó là bên trong hành Tinh tấn ba-la-mật, do tinh tấn nên được vượt qua.

Phật nói:

Thứ năm, Hoàn là Thiền định ba-la-mật, đoạn sáu nhập, đi ngược lại năm ấm. Sao gọi là sáu nhập? Sắc trần nhập vào mắt làm suy. Thanh trần nhập vào tai làm suy. Hương trần nhập vào mũi làm suy. Vị trần nhập vào miệng làm suy. Xúc chạm mềm mại nhập vào thân làm suy. Nhiều ý niệm khiến tâm hoạt động làm suy. Đó là sáu nhập, cũng là sáu suy, cũng là năm ấm.

Sao gọi là năm ấm? Sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm. Đó là năm ấm. Quán xét trở lại thân, giữ sự thanh tịnh, đoạn mong cầu, nghĩ đến pháp không. Đó là Thiền ba-la-mật bên trong, do giữ gìn nên được vượt qua.

Phật nói:

Thứ sáu, Tịnh là Bát-nhã ba-la-mật. Biết người và vật đều sẽ tiêu diệt, đoạn trừ ý bất tịnh hướng đến sinh tử ái dục, tâm thanh tịnh thành tựu trí tuệ. Đó là đại Bát-nhã ba-la-mật bên trong, nhờ trí tuệ nên được giải thoát.

Hỏi:

–Đàn, Thi, Sằn-đề, Duy-đãi, Thiền, Bát-nhã, Ba-la-mật là gì?

Phật nói:

–Đàn là Bố thí. Thi là Trì giới. Sằn-đề là Nhẫn nhục. Duy-đãi là Tinh tấn. Thiền là bỏ ác. Bát-nhã là trí tuệ. Ba-la là thoát khỏi sinh tử. Mật là vô cùng. Đó là sáu pháp Ba-la-mật.

Hỏi:

–Vì lẽ gì chỉ có sáu pháp Ba-la-mật?

Phật nói:

–Do người có dâm, nộ, sân nhuế, ngu si; làm việc bố thí để trừ tham ác, trì giới trừ dâm nộ, nhẫn nhục trừ sân giận, tinh tấn trừ biếng trễ, nhất tâm trừ loạn ý. Trí tuệ trừ ngu si. Do muốn bỏ sáu việc nên thực hiện sáu pháp Ba-la-mật.

Phật nói:

–Trong mỗi người có sáu tên giặc. Để đoạn trừ các thứ xấu đó, nên tự chủ, chế ngự thân mình, nên Bố thí ba-la-mật. Tự chủ, chế ngự mắt nên Trì giới ba-la-mật. Tự chủ, chế ngự tai nên Nhẫn nhục ba-la-mật. Tự chủ,

chế ngự mũi nên Tinh tấn ba-la-mật. Tự chủ, chế ngự miệng nên Thiền định ba-la-mật. Tự chủ, chế ngự ý nên Trí tuệ ba-la-mật.

Hỏi:

–Thân Bố thí ba-la-mật như thế nào?

Phật nói:

–Người đến xin đầu cho đầu, xin mắt cho mắt, xin thịt cho thịt, gieo mình cho hổ đói ăn… Bố thí như vậy là Bố thí ba-la-mật.

Hỏi:

–Mắt Trì giới ba-la-mật như thế nào?

Phật nói:

–Mắt không chạy theo sắc thì ý không loạn niệm. Trì giới như vậy là Trì giới ba-la-mật.

Hỏi:

–Tai Nhẫn nhục ba-la-mật như thế nào?

Phật nói:

–Tai nghe tiếng xấu không sân giận. Đó là Nhẫn nhục ba-la-mật.

Hỏi:

–Mũi Tinh tấn ba-la-mật như thế nào?

Phật nói:

–Mũi biết hơi thở ra vào, luôn theo dõi, tinh tấn như vậy là Tinh tấn ba-la-mật.

Hỏi:

–Miệng Thiền ba-la-mật như thế nào?

Phật nói:

–Miệng không mắng nhiếc, không nói hai lưỡi, không nói dối, không nói lời thêu dệt, yên tịnh như vậy là Thiền ba-la-mật.

Hỏi:

–Ý Trí tuệ ba-la-mật như thế nào?

Phật nói:

–Này A-nan! Các ông hành đạo thường hiểu rõ, biết dẹp yên các cấu uế, ô trược, thanh tịnh tự nhiên và diệt hết các căn, không cho chúng hoạt động nữa. Đoạn các căn xong, không còn sinh trở lại. Người hành đạo nên phát tâm bình đẳng rộng độ khắp hết thảy, xây dựng cầu pháp, phải khiến cho tất cả được vào cửa pháp, làm người nêu dẫn hướng đạo cho tất cả, không đầu, không cuối, không hình tướng, không nói năng, không biên

giới, bờ mé, không trên, không dưới, xây dựng giáo pháp được như thế, ở trong cái vốn không mới hành trì pháp, mới là sứ giả cầu đạo của Như Lai. Ngay trong tâm, nếu tâm ý không chánh thì đạo cũng không phát sinh hành động. Nên ở trong cái vốn không trừ bỏ cấu trược. Trong ngoài thanh tịnh, nhờ tịnh nên nhận thức rõ ràng, đạt đến an nhiên, mới thấy được cái tịnh của không. Tịnh mà lại tịnh, không mà lại không, không cũng chẳng sở hữu, như vậy mới là đạo. Gốc của đạo là không, không chỗ nương tựa. Trên không có chỗ vin, dưới không có chỗ nương, bên trái không bị kéo, bên phải không chỗ giữ, đứng một cách an nhiên ở trên nền móng thanh tịnh.

Không của không không nên gọi là Niết-bàn. Ngay nơi có mà không thật có, nên gọi là có. Ngay nơi không mà chẳng không, nên gọi là không. Ngay nơi chứng đắc mà không chỗ chứng đắc, đó gọi là chứng đắc.

Thứ nhất: Bồ-tát Phát Ý.

Thứ hai: Bồ-tát Trì Địa.

Thứ ba: Bồ-tát Ứng Hạnh.

Thứ tư: Bồ-tát Sinh Quý.

Thứ năm: Bồ-tát Tu Thành.

Thứ sáu: Bồ-tát Hạnh Đăng.

Thứ bảy: Bồ-tát Bất Thoái chuyển.

Thứ tám: Bồ-tát Đồng Chân.

Thứ chín: Bồ-tát Liễu Sinh.

Thứ mười: Bồ-tát Bổ Xứ.

-oOo-

SỐ 779

PHẬT THUYẾT
BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC KINH

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng An Thế Cao, người nước An Tức.

Là đệ tử của Phật, nên ngày đêm phải luôn chí tâm tụng niệm về tám điều giác ngộ của bậc Đại nhân.

Thứ nhất, giác ngộ về thế gian là vô thường, cõi nước luôn bất ổn, bốn đại là khổ không, năm ấm là vô ngã, sinh diệt biến đổi, hư giả, không chủ. Tâm là nguồn ác, hình là khối tội. Quán xét như vậy thì dần lìa khỏi sinh tử.

Thứ hai, giác ngộ: Nhiều dục là khổ, hệ lụy nơi sinh tử đều từ tham dục phát khởi, ít dục, vô vi, thân tâm tự tại.

Thứ ba, giác ngộ: Tâm không biết chán đủ, nhiều tham cầu chỉ tăng thêm tội ác. Bồ-tát thì không thế, luôn niệm về biết đủ, an vui nơi cái nghèo mà giữ đạo, lấy trí tuệ làm sự nghiệp.

Thứ tư, giác ngộ: Biếng nhác dẫn tới đọa lạc, nên luôn hành tinh tấn phá trừ phiền não xấu ác, hàng phục bốn ma, rời khỏi ngục tù, ấm, giới.

Thứ năm, giác ngộ: Ngu si gắn liền với sinh tử, Bồ-tát luôn niệm về sự học rộng, nghe nhiều, làm tăng trưởng trí tuệ, thành tựu biện tài, giáo hóa tất cả chúng sinh, đạt được an lạc lớn.

Thứ sáu, giác ngộ: Nghèo khổ nhiều oán, kết chặt duyên ác. Bồ-tát bố thí, oán thân bình đẳng, chẳng nhớ ác cũ, chẳng ghét kẻ ác.

Thứ bảy, giác ngộ: Lỗi lầm của năm dục. Tuy là người tục nhưng không nhiễm nơi dục lạc của thế gian, luôn nhớ nghĩ đến ba y, bình bát và pháp khí, chí nguyện xuất gia, thanh bạch giữ đạo, phạm hạnh cao xa, Từ bi đối với muôn loài.

Thứ tám, giác ngộ: Sinh tử bùng cháy, khổ não vô cùng, phải phát tâm Đại thừa, cứu độ khắp thảy, nguyện thay chúng sinh chịu vô lượng khổ, khiến cho muôn loài đều được an lạc trọn vẹn.

Tám sự việc như thế, chính là chỗ giác ngộ của chư Phật, Bồ-tát, các

bậc Đại nhân. Từ đây, tinh tấn hành đạo, Từ bi, tu tuệ, nương theo thuyền Pháp thân, đến bờ Niết-bàn, rồi trở lại cõi sinh tử, độ thoát chúng sinh, dùng năm sự nêu trước để mở bày, dẫn dắt tất cả, khiến các chúng sinh biết rõ về khổ của sinh tử, lìa bỏ năm dục, tâm tu Thánh đạo.

Nếu là đệ tử của Phật, tụng đọc tám sự việc này, trong từng niệm diệt trừ vô số tội lỗi, tiến đến Bồ-đề, mau chứng Chánh giác, vĩnh viễn đoạn bỏ sinh tử, thường tục nơi diệu lạc.

-oOo-

SỐ 780

PHẬT THUYẾT THẬP LỰC KINH

Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Vật-đề-đề-tê-ngư, chùa An tây Liên hoa.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ngụ tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Phật bảo các Bí-sô:

–Các ông nên biết, chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác có đầy đủ mười Lực. Do đủ mười Lực nên được gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, tôn quý thù thắng, dũng mãnh tự tại, chuyển bánh xe pháp vô thượng thanh tịnh, gầm lên tiếng gầm của sư tử giữa đại chúng. Mười Lực nghĩa là:

Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác nhận biết đúng như thật về xứ, nhận biết đúng như thật về phi xứ cả hai đều nhận biết đúng như thật. Chư Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đối với xứ nhận biết đúng như thật là xứ, đối với phi xứ nhận biết đúng như thật là phi xứ. Nhận biết đúng như thật về xứ phi xứ nên gọi là "Trí lực xứ-phi xứ thứ nhất". Do đầy đủ lực này nên gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác tôn quý thù thắng dũng mãnh tự tại, chuyển bánh xe pháp vô thượng thanh tịnh, gầm lên tiếng gầm của sư tử giữa đại chúng.

Lại nữa, đối với các nghiệp của hữu tình trong quá khứ, hiện tại và vị lai; các pháp hỗ tương nhau đưa đến quả Dị thục, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đều nhận biết đúng như thật. Chư Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác nhận biết đúng như thật các nghiệp của hữu tình trong quá khứ, hiện tại, vị lai và các pháp hỗ tương nhau đưa đến quả Dị thục, nên được gọi là "Trí lực nghiệp Dị thục thứ hai". Do đầy đủ lực này nên được gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác tôn quý, thù thắng dũng mãnh tự tại, chuyển bánh xe pháp vô thượng thanh tịnh, gầm lên tiếng gầm của sư tử giữa đại chúng.

Lại nữa, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đối với sự tạp nhiễm, thanh tịnh của Tĩnh lự, Đẳng trì Giải thoát đưa đến các cảnh giới khác nhau

đều nhận biết đúng như thật. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác nhận biết đúng như thật sự tạp nhiễm thanh tịnh của Tĩnh lự, Giải thoát, Đẳng trì đưa đến các cảnh giới khác nhau nên được gọi là trí lực "Tĩnh lự, Giải thoát, Đẳng trì thứ ba". Do đầy đủ lực này nên được gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác tôn quý thù thắng dũng mãnh tự tại, chuyển bánh xe pháp vô thượng thanh tịnh, gầm lên tiếng gầm của sư tử giữa đại chúng.

Lại nữa, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác nhận biết đúng như thật các căn tánh hơn kém của các hữu tình. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác nhận biết đúng như thật về những căn tánh hơn kém của các hữu tình nên được gọi là "Trí lực căn thượng hạ thứ tư". Do đầy đủ lực này, nên gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác tôn quý thù thắng dũng mãnh tự tại, chuyển bánh xe pháp vô thượng thanh tịnh, gầm lên tiếng gầm của sư tử giữa đại chúng.

Lại nữa, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác nhận biết đúng như thật về mọi loại thắng giải ưa thích khác nhau của các hữu tình. Chư Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác nhận biết đúng như thật về mọi loại thắng giải ưa thích khác nhau của các hữu tình nên được gọi là "Trí lực chủng chủng lạc dục thắng giải sát biệt thứ năm". Do đầy đủ lực này, nên gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, tôn quý thù thắng dũng mãnh tự tại, chuyển bánh xe pháp vô thượng thanh tịnh, gầm lên tiếng gầm của sư tử giữa đại chúng.

Lại nữa, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đối với các loại cảnh giới khác nhau của các hữu tình trên thế gian đều nhận biết đúng như thật. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác nhận biết đúng như thật các loại cảnh giới khác nhau của các hữu tình trên thế gian, nên được gọi là "Trí lực chủng chủng chư giới trí lực thứ sáu". Do đầy đủ lực này nên được gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác tôn quý thù thắng dũng mãnh tự tại, chuyển bánh xe pháp vô thượng thanh tịnh, gầm lên tiếng gầm của sư tử giữa đại chúng.

Lại nữa, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác nhận biết đúng như thật về hành động đưa đến các cõi của các hữu tình. Chư Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác nhận biết đúng như thật về hành động đưa đến các cõi của các hữu tình nên được gọi là "Trí lực biến thú hành thứ bảy". Do đầy đủ lực này, nên được gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác tôn quý thù thắng dũng mãnh tự tại chuyển bánh xe pháp vô thượng thanh tịnh, gầm lên tiếng gầm của sư tử giữa đại chúng.

Lại nữa, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đối với tất cả sự việc

trong vô lượng đời trước của các hữu tình, giả sử một đời cho đến mười đời, hoặc hai mươi đời, cho đến trăm ngàn đời, hoặc vô lượng đời, hoặc một kiếp tăng giảm, cho đến vô lượng trăm ngàn các kiếp tăng giảm đều nhận biết đúng như thật. Các loài hữu tình với bao nhiêu tên gọi, chỗ ở như vậy, chủng tánh như vậy, ăn uống như vậy, khổ vui như vậy, đời sống có thời gian dài ngắn như vậy. Mạng sống ở nơi kia hết thì sinh đến nơi này, mạng sống ở nơi này hết thì sinh sang chỗ khác. Mạng sống ở nơi kia gồm có các hành, các tưởng, các thức, đều nhận biết đúng như thật. Như thế gọi là "Trí lực túc trụ thứ tám". Do đầy đủ lực này, nên được gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác tôn quý thù thắng dũng mãnh tự tại chuyển bánh xe pháp vô thượng thanh tịnh, gầm lên tiếng gầm của sư tử giữa đại chúng.

Lại nữa, đối với các loài hữu tình, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác dùng Thiên nhãn thanh tịnh siêu vượt hơn người thấy được khi sống lúc chết, dung mạo hoàn hảo hay không hoàn hảo, các hành hơn, kém của các loài hữu tình, đều nhận biết đúng như thật kể cả các việc thiện hay bất thiện, đưa đến quả báo thiện hay bất thiện. Lại thấy các hữu tình có các hành động ác về thân, miệng, ý nghiệp, chê bai Hiền thánh, có các tà kiến lớn, tạo các tà kiến. Do đầy đủ các nghiệp duyên này, nên sau khi chết bị đọa vào ba đường ác. Lại thấy các loài hữu tình phát sinh các hành động thiện về thân, miệng, ý nghiệp, tôn sùng Hiền thánh, không hủy báng chánh tín, tâm chánh kiến, nên có các nghiệp chánh kiến. Do đầy đủ các nghiệp duyên này, nên sau khi chết được sinh lên cõi trời. Tất cả, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đều nhận biết đúng như thật. Như thế gọi là "Trí lực tử sinh thứ chín". Do đầy đủ lực này, cho nên gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác tôn quý thù thắng dũng mãnh tự tại chuyển bánh xe pháp vô thượng thanh tịnh, gầm lên tiếng gầm của sư tử giữa đại chúng.

Lại nữa, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng đối với các Tĩnh lự vô lậu đạt tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự chứng và an trụ trong thông tuệ nhận biết đúng như thật.

Sự sống ta đã hết
Phạm hạnh đã lập rồi
Việc cần làm làm xong
Không sinh lại đời sau.

Chư Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đối với các Tĩnh lự vô lậu đạt tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự chứng và an trụ trong thần thông và trí tuệ, nhận biết đúng như thật.

Sự sống ta đã lập rồi
Phạm hạnh đã lập rồi
Việc cần làm làm xong
Không sinh lại đời sau.

Đấy gọi là "Trí lực lậu tận thứ mười". Do đầy đủ lực này nên được gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác tôn quý thù thắng dũng mãnh tự tại chuyển bánh xe pháp vô thượng thanh tịnh, gầm lên tiếng gầm của sư tử giữa đại chúng.

Khi Thế Tôn thuyết giảng kinh ấy xong, các chúng Bí-sô, các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tố-lạc… đều rất vui mừng, tin nhận vâng làm.

-oOo-

SỐ 781

PHẬT THUYẾT PHẬT THẬP LỰC KINH

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Sa-môn Thi Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ngụ tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với các Bí-sô hội đủ.

Khi ấy, Phật bảo các Bí-sô:

–Các ông nên biết! Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác là bậc gồm đủ mười Lực, nên có năng lực thấu tỏ về thắng xứ lớn lao, gầm lên tiếng sư tử, chuyển bánh xe pháp mầu nhiệm giữa đại chúng. Mười Lực nghĩa là:

Như Lai nhận biết đúng như thật tất cả xứ cũng như phi xứ. Do nhận biết đúng như thật nên được gọi là "Trí lực về xứ phi xứ thứ nhất" của Như Lai. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đầy đủ lực này nên thấu tỏ được thắng xứ lớn lao, gầm lên tiếng sư tử, chuyển bánh xe pháp mầu nhiệm giữa đại chúng.

Lại nữa, Như Lai đối với các nghiệp của tất cả hữu tình đã tạo hoặc là sự việc, hoặc là nơi chốn, hoặc là nhân hay quả báo trong đời quá khứ, hiện tại và vị lai đều nhận biết đúng như thật. Do nhận biết đúng như thật cho nên gọi là "Trí lực về nghiệp thứ hai" của Như Lai. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đầy đủ lực này nên thấu tỏ được thắng xứ rộng lớn, gầm lên tiếng sư tử, chuyển bánh xe pháp mầu nhiệm giữa đại chúng.

Lại nữa, Như Lai nhận biết đúng như thật sự nhiễm ô hay thanh tịnh của các thiền định giải thoát, Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-để, sự phân chia các quả vị thiền định. Do nhận biết đúng như thật nên gọi là "Trí lực về định thứ ba" của Như Lai. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đầy đủ lực này nên thấu tỏ được thắng xứ rộng lớn, gầm lên tiếng sư tử, chuyển bánh xe pháp mầu nhiệm giữa đại chúng.

Lại nữa, Như Lai nhận biết đúng như thật mọi loại căn tánh khác nhau của các loài hữu tình. Do nhận biết đúng như thật cho nên gọi là "Trí lực căn tánh thứ tư" của Như Lai. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đầy

đủ lực này, nên thấu tỏ thắng xứ rộng lớn, gầm lên tiếng sư tử, chuyển bánh xe pháp mầu nhiệm giữa đại chúng.

Lại nữa, Như Lai đối với mọi loại tín giải của các hữu tình đều nhận biết đúng như thật. Do nhận biết đúng như thật cho nên gọi là "Trí lực tín giải thứ năm" của Như Lai. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đầy đủ lực này, nên thấu tỏ được thắng xứ rộng lớn, gầm lên tiếng sư tử, chuyển bánh xe pháp mầu nhiệm giữa đại chúng.

Lại nữa, Như Lai nhận biết đúng như thật mọi tính chất khác nhau của vô số thế giới. Do nhận biết đúng như thật cho nên gọi là "Trí lực giới tính thứ sáu" của Như Lai. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đầy đủ lực này, nên thấu tỏ được thắng xứ rộng lớn, gầm lên tiếng sư tử, chuyển bánh xe pháp mầu nhiệm giữa đại chúng.

Lại nữa, Như Lai nhận biết đúng như thật tất cả những con đường đưa đến các cảnh giới. Do nhận biết đúng như thật nên gọi là "Trí lực chí xứ đạo thứ bảy" của Như Lai. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đầy đủ lực này, nên thấu tỏ được thắng xứ rộng lớn, gầm lên tiếng sư tử, chuyển bánh xe pháp mầu nhiệm giữa đại chúng.

Lại nữa, Như Lai nhớ lại vô số đời sống nơi quá khứ: Đó là một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời hoặc mười đời, hai mươi đời cho đến trăm trời, ngàn đời trong vô số trăm ngàn đời, trăm ngàn kiếp thành, trăm ngàn kiếp hoại, các việc hình thành, hoại diệt... ta sống giữa những hữu tình kia, tùy theo chỗ sinh ra, tên gọi như vậy, chủng tánh như vậy, dòng họ như vậy, ăn uống, khổ vui, như vậy, mạng sống phân hạn dài ngắn như vậy. Khi mạng sống hết thì sinh ở chỗ khác, chết ở nơi đây thì sinh đến nơi kia, chết ở nơi kia thì sinh sang nơi này. Những sự tướng ấy làm duyên với các pháp ở phương hướng nào, chỗ ở nào, vô số chủng loại, nhớ lại đời sống quá khứ đều nhận biết đúng như thật. Do nhận biết đúng như thật nên gọi là "Trí lực túc trụ tùy niệm thứ tám" của Như Lai. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đầy đủ lực này, nên thấu tỏ được thắng xứ rộng lớn, gầm lên tiếng sư tử, chuyển bánh xe pháp mầu nhiệm giữa đại chúng.

Lại nữa, Như Lai với Thiên nhãn thanh tịnh, siêu vượt hơn người thấy được khi sống, lúc chết của tất cả hữu tình trên thế gian, hoặc đẹp hoặc xấu, giàu sang hay bần tiện, sinh đến cõi lành hay sinh đến cõi ác, tùy theo các nghiệp đã làm đều nhận biết đúng như thật. Các loài hữu tình với thân, ngữ, ý, nghiệp làm các việc bất thiện, chê bai Hiền thánh, có các tà kiến các nghiệp tà kiến tập hợp làm nhân, do nhân duyên ấy nên sau khi chết bị đọa vào ba đường ác. Còn các hữu tình với thân, ngữ, ý nghiệp làm

các việc thiện, tôn sùng Hiền thánh, có chánh kiến, nghiệp chánh kiến tập hợp làm nhân, do nhân duyên này nên sau khi chết, được sinh đến đường lành, nơi cõi trời. Tất cả các việc như trên Như Lai đều nhận biết đúng như thật. Do nhận biết đúng như thật cho nên gọi là "Trí lực Thiên nhãn thứ chín" của Như Lai. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đầy đủ lực này, nên thấu tỏ được thắng xứ rộng lớn, gầm lên tiếng sư tử, chuyển bánh xe pháp mầu nhiệm giữa đại chúng.

Lại nữa, Như Lai đã tận diệt các lậu hoặc vốn có, tăng trưởng vô lậu, tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ giải thoát thấy được pháp đúng như thật, trí tự biết mình chứng quả.

Sự sống ta đã hết
Phạm hạnh đã lập rồi
Việc cần làm đã xong
Không sinh lại đời sau.

Đều nhận biết đúng như thật. Do nhận biết đúng như thật nên gọi là "Trí lực lậu tận thứ mười" của Như Lai, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đầy đủ lực này, nên thấu tỏ được thắng xứ rộng lớn, gầm lên tiếng sư tử, chuyển bánh xe pháp mầu nhiệm giữa đại chúng.

Phật thuyết giảng kinh này xong, các chúng Bí-sô nghe những lời dạy ấy đều rất vui mừng, tin theo và vâng làm.

-oOo-

SỐ 782

PHẬT THUYẾT THẬP HIỆU KINH

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Đại sư Thiên Tức Tai

A-nan bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Trong mười hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, thì thế nào là Như Lai?

Phật nói:

–Này Bí-sô! Ta xưa kia khi còn ở quả vị Bồ-tát, vì cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đã từng tu tập tất cả các hạnh, nên nay được Bồ-đề Niết-bàn chân thật hoàn toàn. Do chứng được cả tám Thánh đạo bằng Chánh kiến nên gọi là Như Lai. Như các Bậc Chánh Đẳng Giác trong quá khứ đã điều phục được tâm, đạt đến Niết-bàn, nên gọi là Như Lai.

Thế nào là Ứng Cúng?

Phật nói:

–Xưa ở quả vị Bồ-tát, tu hành những pháp thiện, làm tăng trưởng uy nghi, giới phẩm, mười thiện, căn, lực… Tu tập những pháp này viên mãn, đạt đến cứu cánh, khi chứng Niết-bàn, đoạn sạch tất cả phiền não, khiến thân, khẩu, ý thanh tịnh, không còn cấu nhiễm, cắt đứt phiền não như chặt đầu cây Đa-la, vĩnh viễn không còn có thể nảy mầm.

Lại nữa, ta dứt sạch các thứ phiền não như tham, sân, si…, vĩnh viễn không còn kết sinh nơi các cõi, vượt qua bốn nạn sinh, già, bệnh, chết, các pháp của quả khổ, hoặc và khổ đều dứt hết, nên gọi là Ứng Cúng.

Lại nữa, khiến cho tất cả những thứ hiện có nơi thế gian như: y phục, đồ nằm, thức ăn uống, thuốc men, cờ phướn, lọng báu, hương hoa, dầu đèn, bông trái…, cùng những vật tối thượng nơi cõi trời, người, tất cả đều đem cúng dường Phật thì sẽ được phước đức giàu sang, an lành cùng tột, nên gọi là Ứng Cúng.

Thế nào là Chánh Đẳng Giác?

Phật nói:

–Như Lai đầy đủ Nhất thiết trí, hiểu rõ tất cả xứ, đem các pháp bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Chánh đạo, mười hai Nhân duyên, bốn Đế… chỉ dạy bình đẳng cho tất cả chúng sinh, khiến họ phát sinh trí tuệ, đoạn trừ các hoặc, chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đầy đủ ba Minh, sáu Thông, đối với pháp Đại thừa phát sinh ý nghĩ mong cầu tu tập tất cả các địa, dứt sạch mọi kết tập, thành tựu đạo quả Vô thượng giác nên gọi là Chánh đẳng Chánh giác.

Thế nào là Minh Hạnh Túc?

Phật nói:

–Minh là Thiên nhãn minh, Túc mạng minh, Lậu tận minh. Hạnh Túc là thân, khẩu, ý nghiệp của Như Lai tu tập đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, chân chánh. Như có rất nhiều y bát, quán chiếu, tự tại nhưng không ái nhiễm. Ngay nơi nguyện lực tu học luôn làm cho đầy đủ tất cả, nên hiệu là Minh Hạnh Túc.

Thế nào là Thiện Thệ?

Phật nói:

–Nghĩa là đi qua một cách khéo léo. Như tham, sân, si… dẫn dắt các hữu tình đến các nẻo ác, do đó không thể gọi là Thiện Thệ *(khéo đi qua)*. Chánh trí của Như Lai có thể đoạn trừ các hoặc, ra khỏi thế gian một cách hoàn hảo, đạt đến quả Phật, nên gọi là Thiện Thệ.

Thế nào là Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ?

Phật nói:

–Thế gian là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Các loài trong địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh… mỗi loại đều có đủ sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn và sáu thức, duyên với các cảnh của tất cả các pháp, nên gọi là thế gian. Bậc hiểu biết đúng đắn về thế gian nên gọi là Thế Gian Giải.

Lại nữa, ở thế gian có các loài hai chân, bốn chân, nhiều chân, không chân, chư Thiên nơi cõi Dục, cõi Sắc, loài có tưởng, không tưởng, không phải có tưởng, không phải không có tưởng, trong tất cả các loài hữu tình phàm hay Thánh đó, chỉ có Phật là tối thượng bậc nhất, không ai bằng nên gọi là Vô Thượng Sĩ.

Thế nào là Điều Ngự Trượng Phu?

Phật nói:

–Phật là Bậc Đại Trượng Phu vì hay điều ngự hai loại thiện và ác. Ác phát sinh thì ba nghiệp chẳng lành, làm các điều ác thì bị đọa địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh cùng quả báo ác. Thiện phát sinh thì ngay nơi thân, khẩu, ý tu các điều thiện, được quả phước của hàng trời, người. Thiện và ác đều do tâm tạo. Phật đem pháp của Niết-bàn "Đệ nhất nghĩa thiện" chỉ dạy, làm cho chúng sinh lìa bỏ cấu nhiễm, đạt được Niết-bàn tịch diệt, tối thượng, cho nên gọi là Điều Ngự Trượng Phu.

Thế nào là Thiên Nhân Sư?

Phật nói:

–Chẳng phải chỉ làm thầy một mình Bí-sô A-nan mà làm thầy cho tất cả các Bí-sô, Bí-sô ni, Ô-bà-tắc, Ô-bà-di cùng trên trời, trong nhân gian, các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, Ma vương, ngoại đạo, Thích, Phạm, Long vương đều đảnh lễ, y giáo phụng hành, xin làm con của Phật, nên gọi là Thiên Nhân Sư.

Sao gọi là Phật?

–Bậc đầy đủ trí tuệ, ba thứ giác ngộ viên minh, nên gọi là Phật.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Xưa kia, một lần nọ ta đang kinh hành, có Bà-la-môn đến hỏi: "Vì lẽ gì cha mẹ đặt tên cho Ngài là Phật?"

Phật đáp:

–Những điều người đời biết, ta biết rất rõ. Những điều người đời thấy, ta thấy rất rõ. Người đời được diệt độ, ta cũng chứng đắc diệt độ. Ta đầy đủ Nhất thiết trí biết rõ tất cả. Ta từ vô số kiếp luôn tu tập xa lìa mọi trần cấu, nay đạt được Bồ-đề vô thượng nên gọi là Phật.

Thế nào là Thế Tôn?

Phật nói:

–Ta ngay nơi quả vị Bồ-tát, tự quán sát kỹ về những pháp thiện như giới, định, tuệ, lại quán các pháp bất thiện như tham, sân… luôn lấy các thứ khổ sinh diệt… nơi các cõi. Ta dùng trí vô lậu phá trừ phiền não, đắc đạo quả Vô thượng giác nên các hàng trời, người, phàm, Thánh, thế gian, xuất thế gian đều tôn trọng. Do đó gọi là Thế Tôn.

-oOo-

SỐ 783

PHẬT THUYẾT THẬP NHỊ ĐẦU-ĐÀ KINH

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Tam tạng
Cầu-na-bạt-đà-la, người nước Vu Điền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với tám ngàn Tỳ-kheo Tăng và một vạn Bồ-tát, tất cả đều cùng đắp y, mang bát, tuần tự khất thực. Sau khi ăn xong, đến chỗ A-lan-nhã trải tòa ngồi an tọa. Bấy giờ, Đức Thế Tôn an nhiên mỉm cười. Trưởng lão Đại Ca-diếp liền đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ thẳng, chắp tay bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Con từ xưa đến nay chưa từng thấy Đức Thế Tôn vô cớ mỉm cười. Cúi xin Thế Tôn thương xót dạy bảo.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Ta thấy chốn A-lan-nhã này, chư Phật trong mười phương đều khen ngợi, vô lượng công đức đều từ đây phát sinh. Người cầu Thanh văn, đắc Thanh văn thừa, người cầu Duyên giác, đắc Duyên giác thừa, người cầu Đại thừa, mau đắc đạo quả Vô thượng chánh chân. Ta nay ở tại nơi đây, cho nên vui vẻ.

Tôn giả Đại Ca-diếp nghe Phật dạy như vậy thì vui mừng hết mực khen là chưa từng có, nên bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Chốn A-lan-nhã này lợi ích rất sâu rộng, có thể làm cho chúng sinh nương vào đấy để tu học, thành tựu đạo nơi ba thừa. Vậy cúi xin Thế Tôn chỉ dạy cho chúng con về pháp A-lan-nhã này.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Hãy lắng nghe, suy nghĩ và ghi nhớ! Ta sẽ vì ông giảng nói tóm tắt việc đó.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật;

–Kính bạch Thế Tôn! Con xin vâng theo lời Thế Tôn dạy.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Tỳ-kheo ở A-lan-nhã xa lìa hai việc đắm chấp. Thân và tâm thanh tịnh, thực hành pháp Đầu-đà. Người hành pháp này có mười hai việc.

1. Ở chỗ A-lan-nhã.

2. Thường đi khất thực.

3. Thứ lớp khất thực.

4. Thọ pháp ăn một bữa.

5. Ăn có chừng mực.

6. Sau giờ ngọ không uống nước trái cây.

7. Mặc y chằm vá.

8. Chỉ giữ ba y.

9. Ở nơi gò mả.

10. Ở bên gốc cây.

11. Ngồi chỗ đất trống.

12. Thường ngồi, không nằm.

1. Tỳ-kheo khi ở chốn A-lan-nhã, hành pháp Đầu-đà nên nghĩ: "Ta nay ở chỗ thanh vắng, vì đạo Vô thượng, xả bỏ thân mạng, tiền của, vững chãi tu ba pháp. Nhàm chán, nghĩ đến sự chết, nên khi chết đến không còn tham luyến một điều gì." Khi bệnh hoạn phải nhờ người khác giúp đỡ, nên nghĩ: "Ta nay ở một mình, trọn đời vì pháp xuất gia, pháp là bạn của ta." Ai siêng năng thực hành pháp như vậy tức là tự cứu hộ mình. Đó là người thực hành pháp A-lan-nhã. Xưa ở tại gia, bị nhiều phiền não nên từ bỏ cha mẹ, vợ con, xuất gia hành đạo để cùng thầy bạn đồng tu học, đâu còn trở lại sinh tâm đắm chấp, tạo nhiều nhiễu loạn, cho nên thọ pháp A-lan-nhã, xa lìa mọi sự náo nhiệt, sống chốn thanh vắng. Viễn ly là xa lìa những tiếng ồn ào, hoặc chỗ chăn nuôi, gần nhất là cách xa ba dặm, xa hơn nữa càng tốt. Nếu thân được xa lìa rồi thì cũng phải làm cho tâm xa lìa năm dục, năm thứ ngăn che. Pháp của Tỳ-kheo ở A-lan-nhã là phải như vậy.

2. Khi muốn vào xóm làng khất thực phải thâu giữ sáu căn, không cho đắm chấp nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Không phân biệt các tướng nam hay nữ, được hay không được đều bình đẳng như nhau. Được thức ăn ngon hay dở không sinh lòng mong cầu thêm bớt. Khi không được thức ăn, nên nghĩ: "Đức Thích-ca Như Lai xả bỏ ngôi vị vua Chuyển luân, xuất gia thành đạo, vào làng khất thực, Ngài còn có lúc không được thức ăn, huống chi ta là người phước đức kém cỏi mà có được hay sao". Đó là pháp đi khất thực.

Nếu nhận lời người mời ăn, hay là ăn với chúng Tăng thì dễ phát sinh các nhân duyên hữu lậu. Vì sao? Vì nhận lời người mời ăn, nếu được ăn thì liền nghĩ: "Ta là người có phước đức tốt nên được thí chủ mời ăn." Nếu không được ăn thì trở lại hiềm hận người mời, bảo: "Người kia không biết phân biệt, nên người không đáng mời lại mời, còn người đáng mời thì lại không mời!". Hoặc do bản thân mình thua kém nên không được mời thì buồn rầu, tự trách, sầu khổ. Pháp tham ái này luôn làm trở ngại đạo.

Pháp ăn của chúng Tăng là vào trong chúng phải theo đúng pháp. Người tri sự lo liệu công việc của Tăng, phải cắt cử người làm việc thì chắc chắn tâm bị tán loạn, bỏ phế việc hành đạo. Do có những việc não loạn như vậy, nên phải thọ pháp thường đi khất thực.

3. Tỳ-kheo Đầu-đà không tham đắm sắc, không khinh thường chúng sinh, bình đẳng, thương xót khắp tất cả, không lựa chọn giàu nghèo, thọ pháp luôn theo thứ lớp khất thực.

4. Nên nghĩ: "Ta nay tìm xin một bữa ăn còn nhiều trở ngại, huống là xin nhiều bữa ăn sáng, trưa, tối. Nếu không tổn hại bản thân thì cũng phải mất công nửa ngày, không thể nhất tâm để hành đạo. Vì Phật pháp, vì hành đạo, không vì thân mạng như nuôi ngựa, nuôi heo, cho nên dứt trừ việc ăn uống nhiều lần, chỉ thọ pháp ăn một bữa.

5. Khi được một bữa ăn nên suy nghĩ: "Nay ta nếu gặp các chúng sinh đói khát nên đem một phần bố thí cho họ. Ta làm thí chủ, chúng sinh làm người nhận". Cho xong, phát nguyện: "Nguyện cho tất cả chúng sinh được nhiều phước, được cứu độ, chớ để họ bị đọa vào nẻo tham lam.

Đem thức ăn đến chỗ thanh vắng, lấy bớt một phần để ở trên đá sạch, bố thí cho các loài cầm thú, cũng phát nguyện như trên. Khi ăn phải trải ni-sư-đàn, rửa tay sạch sẽ và nghĩ: "Trong thân thể ta có tám vạn loại trùng. Trùng ăn thức ăn này sẽ được an ổn. Ta nay đem thức ăn này bố thí cho các loài trùng ấy. Sau khi đắc đạo, ta sẽ dùng pháp bố thí cho chúng!". Như vậy là không bỏ chúng sinh. Nếu không gặp người nghèo khốn, cũng chỉ ăn hai phần ba để nuôi thân mạng thôi. Vì người tu hành, nếu có tâm tham, ăn quá nhiều làm cho đầy bụng, khó thở, trở ngại việc hành đạo. Nếu để lại một phần thì thân nhẹ nhàng, an ổn, dễ tiêu, không bị bệnh. Thân không bị tổn hại vì việc hành đạo không bị bỏ phế. Thế nên phải thọ pháp ăn có chừng mực.

6. Hạn chế lượng sau khi ăn: quá ngọ, uống nước trái cây thì sinh lòng ưa đắm, tìm đủ các thứ nước trái cây và nước mật, tìm không nhàm chán, nên không thể nhất tâm tu tập pháp thiện. Như con ngựa không buộc

dàm, cương thì ăn cỏ hai bên lề đường, không thể chạy thẳng trên đường. Nếu được buộc dàm, cương thì sẽ không còn ý định ăn cỏ, sẽ chạy thẳng tới, theo như ý của người điều khiển, cho nên thọ pháp sau giờ ngọ không được uống nước trái cây.

7. Nên vào trong xóm làng, lượm những thứ vải cũ, xấu, người ta vứt bỏ, đem về giặt sạch, chằm vá, may thành y để che thân, trừ giá rét. Vì nguyên nhân có được y tốt thì phải đi bốn phương tìm cầu, sẽ đọa trong tà mạng. Vì nếu được người cúng cho y tốt thì sinh tâm gần gũi, kết buộc với họ. Nếu không gần gũi, qua lại thì Đàn-việt giận.

Hoặc ở trong chúng Tăng nhận được y như trên, lại đi nói lỗi của chúng Tăng: "Người có y đẹp là người chưa đắc đạo, là người tham đắm y phục!" Nên biết, có được y tốt là nguyên nhân đưa đến giặc cướp, hoặc có khi mất mạng. Vì những tai nạn như vậy nên phải thọ y chằm vá.

8. Nên ít ham muốn, biết đủ, y phục là để che thân hình, không nhiều, không ít. Bạch y vì ưa đẹp nên cất chứa rất nhiều y phục. Hoặc có phái ngoại đạo tu khổ hạnh, lõa hình, không biết xấu hổ. Thế nên đệ tử Phật phải xả bỏ hai cực đoan đó và theo trung đạo, thọ pháp chỉ dùng ba y.

9. Hoặc lúc Phật còn ở đời hay sau khi diệt độ, nên tu theo hai pháp Chỉ và Quán. Quán vô thường, quán không. Đó là cửa Phật pháp ban đầu làm cho nhàm chán ba cõi. Ở nơi gò mả thường có tiếng than khóc bi thương, lại tử thi bừa bãi, mắt nhìn thấy rõ sự vô thường, lửa thiêu đốt, chim thú đến ăn, không bao lâu hết sạch. Nhân quán tử thi như vậy nên đối với tất cả pháp dễ đắc tưởng vô thường. Lại ở nơi gò mả thấy tử thi bất tịnh, hôi thối dễ đắc quán chín thứ tưởng. Đây là cửa ngõ ban đầu để ly dục. Vì thế nên thọ pháp ở gò mả.

10. Hành giả quán bất tịnh, quán vô thường xong, liền đắc đạo. Nếu ai chưa đắc đạo thì tâm họ chắc chắn cũng rất nhàm chán. Thế nên, xả bỏ để đi đến bên gốc cây tư duy cầu đạo. Lại như cuộc đời của Đức Phật, từ khi Đản sinh, Thành đạo, Chuyển pháp luân, cho đến Niết-bàn, tất cả đều ở nơi gốc cây. Người tu hành y theo các pháp như vậy nên thường ở bên gốc cây. Có những nguyên nhân như thế nên thọ pháp ngồi bên gốc cây.

11. Ở dưới tàng cây giống như nửa mái nhà không khác, bóng che mát mẻ, lại sinh ưa đắm, cho rằng chỗ ta ở tốt, gốc cây kia không tốt, phát sinh tâm hữu lậu, cho nên nên đến chỗ đất trống, suy nghĩ: "Tàng gốc cây có nhiều lỗi: Mưa thấm lạnh; chim phóng uế nhớp thân và là chỗ ở của trùng độc. Còn chỗ đất trống thì không có những cái họa như vậy. Chỗ đất trống cởi, mặc xiêm y thoải mái, trăng sáng chiếu soi cùng

khắp, làm cho tâm trí sáng suốt, lanh lợi, dễ nhập định không.” Thế nên nên thọ pháp ở chỗ đất trống.

12. Thân có bốn oai nghi, ngồi ngay thẳng là oai nghi hàng đầu. Vì ăn dễ tiêu, hơi thở điều hòa. Người cầu đạo đại sự chưa hoàn thành, các giặc phiền não thường rình tìm cơ hội thuận tiện, không nên nằm mãi. Đi hoặc đứng thì tâm chao động khó thâu giữ, cũng không thể kéo dài được lâu. Thế nên nên thọ pháp thường ngồi. Khi muốn ngủ, hông không dính chiếu.

Đó là mười hai pháp Đầu-đà.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông nhớ buộc tâm lại một chỗ, đừng cho tán loạn. Công đức thiền định từ đó được phát sinh. Tất cả hàng phàm phu do điên đảo nên chấp cho là có ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, chạy theo giả danh, phát sinh các kiến chấp sai lầm. Từ xưa đến nay, năm ấm thanh tịnh, không hề có ngã, ngã sở, không sinh, không diệt, không ra, không vào, không phải phàm phu, không phải không phàm phu, không phải Thánh nhân, không phải không Thánh nhân, lìa các danh số, tuyệt đường ngôn ngữ. Chư Phật không đến, không đi. Các ông ngày nay mỗi người nên duyên vào sự thanh tịnh để quán sát kỹ tướng của thân.

Khi ấy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều rất vui mừng, liền quán sát thân này từ lớp da bên ngoài cho đến máu, thịt, mủ thối uế tạp, gân, xương, mạch, tủy, mỡ, mỡ nước, não, mô, nước mắt, nước mũi, nước miếng, gan, mật, lá lách, thận, tim, phổi, đờm, sinh tạng, thục tạng, ruột non, ruột già, đại tiểu tiện, lông, tóc, móng tay, răng, bào thai nhơ nhớp… Ba mươi sáu vật và chín lỗ bất tịnh, từ ngoài đến trong, từ trong đến ngoài, tìm kiếm tướng của ngã hoàn toàn không có. Tinh tấn không dừng, bèn thấy được sắc tâm niệm niệm sinh diệt như dòng nước chảy, như ánh đèn chao. Sinh không từ đâu đến, diệt không đi về đâu. Hiện tại không chỗ trụ, biết năm ấm này từ xưa đến nay là không, không có gì, diệt sạch các tướng, chứng trí như thật, thành A-la-hán. Các Bồ-tát… suy nghĩ pháp xong, đắc Nhẫn vô sinh, đầy đủ mười Địa.

Phật bảo đại chúng:

–Ai có thể ở trong thời gian cuối sau thời kỳ Tượng pháp hộ trì kinh này, tuyên dương, lưu hành rộng rãi, làm cho người cầu Phật đạo biết được chỗ thiết yếu, nhiệm mầu của kinh?

Khi ấy, trời Đế Thích cùng tám bộ chúng Rồng, Thần,… nghe Phật tuyên cáo, từ trên hư không xuống, đảnh lễ nơi chân Phật và bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Nếu trong thời kỳ Tượng pháp có người tu ba thừa, ở chỗ thanh vắng dốc cầu Phật đạo, chúng con sẽ làm người hộ vệ, không để cho quỷ thần ác độc được phép nhiễu loạn người đó.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Con sẽ nương nơi oai thần của Phật, vào đời vị lai hộ trì kinh này khiến không đoạn tuyệt. Người nào muốn tu học, con sẽ vì họ làm người dẫn đường.

Bấy giờ Tôn giả A-nan ở trước Phật, bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Sẽ đặt tên cho kinh này là gì? Và phụng trì như thế nào?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Kinh này tên là Hạnh Khổ Đầu-đà, cũng gọi là Xa Lìa Những Tham Chấp Và Tập Hợp Các Gốc Thiện. Ông nên theo đấy mà phụng trì.

Khi ấy, tám bộ chúng Thiên, Long,… cùng tất cả đại chúng nghe Phật thuyết giảng đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 784

KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Sa-môn Ca-diếp Ma-đằng và Pháp-lan.

(1) Phật nói: Từ biệt cha mẹ, xuất gia hành đạo, nên gọi là Sa-môn. Thường giữ hai trăm năm mươi giới, làm theo bốn Đế, bước tới thanh tịnh, thành A-la-hán. A-la-hán là bậc có thể phi hành, biến hóa, sinh mạng an trụ làm chấn động thế giới. Kế đó là A-na-hàm; A-na-hàm là mạng chung thì sinh trên tầng trời mười chín, ở đó thành A-la-hán. Kế đó nữa là Tư-đà-hàm; Tư-đà-hàm là một lần lên xuống thì thành A-la-hán. Sau hết là Tu-đà-hoàn; Tu-đà-hoàn là bảy lần lên xuống thì thành A-la-hán. Ái dục (mà các bậc Thánh giả này) cắt đứt thì như tay chân đứt rồi không dùng được nữa.

(2) Phật nói: Cạo bỏ râu tóc, làm bậc Sa-môn, tiếp nhận lấy đạo, thì hãy rời bỏ tài sản thế gian, khất thực vừa đủ. Mỗi ngày đứng bóng ăn một bữa, mỗi đêm dưới tàng cây ngủ một lần, thận trọng đừng thêm. Làm cho người u mê tối tệ chính là ái dục.

(3) Phật nói: Chúng sinh do mười sự mà lành, cũng do mười sự mà ác. Đó là thân có ba, miệng có bốn, ý có ba. Thân có ba là sát sinh, trộm cướp, dâm dục. Miệng có bốn là ly gián, mắng chửi, dối trá, thêu dệt. Ý có ba là ganh ghét, tức giận, u mê. (Mười sự này là ác, bỏ mười sự này là lành). Không tín ngưỡng ba ngôi tôn quý, lấy tà làm chánh (nên mới làm người ác). Tại gia giữ năm giới, không biếng nhác, không lùi bước, giữ đến mười sự thì chắc chắn đắc đạo.

(4) Phật nói: Người có lỗi mà không tự hối, ngưng liền, thì lỗi dồn lại nơi thân mình như nước đổ về biển cả, thành ra càng sâu càng rộng. Có lỗi mà biết là trái, đổi ác làm lành, thì mỗi ngày lỗi hết dần đi, sau đó thế nào cũng đắc đạo.

(5) Phật nói: Có người không hiểu Như Lai, đem điều ác đến cho Như Lai. Như Lai đem lòng từ trong bốn Tâm vô lượng mà nâng đỡ, cứu độ cho họ. Họ đem điều ác đến lại, Như Lai lại đáp bằng điều lành. Bởi vì khí lực

phước đức là ở chỗ ấy, còn khí lực tội ác thì tự hại mình. Có người nghe phong cách của Như Lai là giữ đại nhân từ, ác đến thì trả lành, nên đến mắng Như Lai. Như Lai yên lặng, không trả lời, thương họ làm thế là vì si cuồng. Mắng rồi, Như Lai hỏi, ông đem lễ vật biếu người, người không nhận thì lễ vật ấy đem về đâu? Đem về cho tôi. Vậy ông mắng Như Lai, Như Lai không nhận thì ông cũng tự nhận lại, gây họa cho mình. Vang ứng theo tiếng, bóng tùy theo hình, không thể tránh khỏi. Hãy thận trọng, đừng làm ác.

(6) Phật nói: Người ác hại người hiền thì như ngửa mặt lên trời mà nhổ nước dãi, nước dãi không bẩn trời mà lại bẩn mình; như ngược gió tung bụi, bụi không làm bẩn người mà lại làm bẩn bản thân. Người hiền không thể hại được mà bản thân tất bị tai hại vì lỗi lầm của mình.

(7) Phật nói: Hành đạo thì phải chăm lo bác ái. Mà bác ái bố đức thì không gì hơn bố thí. Bền chí mà thờ đạo như vậy thì phước rất lớn.

(8) Phật nói: Thấy người bố thí, hãy giúp một cách vui vẻ, thì cũng được phước báo. Hỏi, phước ấy có giảm bớt đi không? Phật nói, như lửa nơi một cây đuốc, hàng ngàn hàng trăm người đem đuốc đến lấy lửa ấy mà nấu ăn, soi sáng, lửa ấy vẫn như cũ. Phước kia cũng như vậy.

(9) Phật nói: Đãi cơm một trăm người thường không bằng một người tốt. Đãi cơm một ngàn người tốt không bằng một người giữ năm giới. Đãi cơm một vạn người giữ năm giới không bằng một vị Tu-đà-hoàn. Hiến cơm trăm vạn Tu-đà-hoàn không bằng một vị Tư-đà-hàm. Hiến cơm ngàn vạn Tư-đà-hàm không bằng một vị A-na-hàm. Hiến cơm một ức A-na-hàm không bằng một vị A-la-hán. Hiến cơm mười ức A-la-hán không bằng một vị Phật Bích-chi. Hiến cơm trăm ức Phật Bích-chi không bằng đem giáo huấn của Tam bảo mà hóa độ song thân một đời. Hóa độ song thân ngàn ức đời không bằng hiến cơm một người học tập theo Phật, nguyện được như Phật để cứu vớt chúng sinh. Hiến cơm người như vậy thì phước đức sâu dày nhất. Còn phụng thờ trời đất quỷ thần thì không bằng hiếu thảo cha mẹ: cha mẹ là thần linh bậc nhất.

(10) Phật nói: Người có năm sự khó: nghèo nàn mà bố thí là khó, giàu sang mà học đạo là khó, liều mình mà biết chắc chết là khó, được nhìn thấy kinh Phật là khó, sinh ra gặp đời Phật là khó.

(11) Có vị Sa-môn hỏi Phật: Nhờ gì mà đắc đạo? Làm sao biết đời trước?

Phật nói: Đạo siêu việt tất cả sắc thái. Đòi biết đạo là vô ích. Chính yếu là phải cố giữ vững chí nguyện mà tu hành. Rồi như lau kính, dơ hết

thì sáng lộ, thấy được hình ảnh: hủy diệt ái dục, giữ sự thanh tịnh, thì thấy đạo, thì biết đời trước.

(12) Phật nói: Lành là gì? Là chỉ hành đạo. Lớn là gì? Là chí nguyện phù hợp với đạo. Mạnh nhiều là gì? Là nhẫn nhục; nhẫn nhục thì không thù oán, tất được người trọng. Sáng nhất là gì? Là dơ bẩn của tâm trí được trừ hết, hành vi của tội ác được diệt sạch, ngay từ bên trong mà sáng không tì vết, thì vô thỉ đến giờ. Vũ trụ có gì? Dầu chưa manh nha, cũng biết, thấy và nghe cả: được tuệ giác biết toàn bộ mới là sáng nhất.

(13) Phật nói: Có ái dục thì không thấy đạo. Như nước đã đục mà còn bỏ vào năm màu, ra sức quấy lên, thì ai đến trên nước ấy cũng không thấy hình ảnh. Ái dục giao xen, làm bẩn tâm trí nên không thấy đạo: nước lóng, dơ hết, trong lắng không bẩn thì tự thấy hình ảnh. Lại nữa, dưới chảo là lửa dữ, trong chảo nước sôi lên và đậy trên là vải, thì ai đến soi vào cũng không thấy hình bóng: tâm trí vốn có ba độc sôi sục bên trong, năm cái che đậy ở ngoài, thì không bao giờ thấy đạo. Phải hết cả dơ bẩn của tâm trí thì biết xuất xứ của nghiệp thức, biết sống chết về đâu, biết thế giới của chư Phật ở đâu.

(14) Phật nói: Học đạo thì như cầm đuốc vào trong nhà tối, tối hết mà sáng còn: học đạo mà thấy thánh đế thì ngu si diệt hết, được sự thấy toàn thể.

(15) Phật nói: Như Lai nhớ gì? Nhớ đạo. Như Lai làm gì? Làm đạo. Như Lai nói gì? Nói đạo. Như Lai nhớ đến Thánh đế thì không bỏ qua phút chốc nào cả.

(16) Phật nói: Nhìn trời đất hãy nhớ vô thường, nhìn núi sông hãy nhớ vô thường, nhìn vạn hữu hình thái phong phú hãy nhớ vô thường. Giữ tâm trí như vậy thì đắc đạo mau chóng.

(17) Phật nói: Việc làm mỗi ngày là thường nhớ đạo, hành đạo, thì thành đạt đức tin, phước được vô lượng.

(18) Phật nói: Một cách chín chắn và thuần thục, hãy tự nghĩ nhớ, trong cơ thể, bốn đại đều có tên riêng, không có cái ngã ký sinh ở đó. Ký sinh ở đó đi nữa thì cũng không vĩnh cửu, sự việc chỉ như ảo thuật mà thôi.

(19) Phật nói: Vì ái dục mà cầu danh tiếng thì cũng như đốt hương, hơi thơm nghe được thì hương đã cháy hết rồi. Người thiếu trí tuệ mới ham danh tiếng tầm thường, không cố giữ vững sự chân thật của đạo hạnh. Danh tiếng tai họa cho bản thân, sự hối hận theo liền sau nó.

(20) Phật nói: Con người đối với tiền tài và sắc đẹp thì y như trẻ con ham một chút mật ngọt nơi lưỡi dao, liếm vào, không đủ mỹ vị một bữa ăn

mà có cái họa đứt lưỡi.

(21) Phật nói: Con người ràng buộc vào vợ con, vật báu và nhà cửa thì còn hơn gông cùm xích khóa của lao ngục. Lao ngục còn có ngày được phóng thích, vợ con ái dục thì nhảy vào miệng cọp cũng cam tâm, đâu có cái ngày phóng thích.

(22) Phật nói: Ái dục không gì hơn sắc đẹp. Sắc đẹp tạo ra ái dục thì không gì lớn bằng. Nhờ chỉ có một cái như vậy, giả sử có cái thứ hai thì thiên hạ không còn ai hành đạo được nữa.

(23) Phật nói: Con người đối với ái dục thì cũng như cầm đuốc lửa mà đi ngược gió, ngu mà không bỏ đuốc xuống thì tất bị cháy tay. Cái độc hại của dâm, nộ, si ở ngay trong thân tâm, không đem đạo mà trừ cái họa ấy cho sớm thì tất phải có tai ương, in như người ngu tự đốt tay vì ham cầm đuốc lửa.

(24) Thiên thần hiến ngọc nữ cho Phật để thử nghiệm ý Phật, quan sát đạo Phật. Phật nói, cái đãy da chứa đầy nhơ bẩn kia, đến đây làm gì? Có thể vừa ý thế tục, nhưng không kích động được bậc Lục thông. Hãy đi đi, Như Lai không cần dùng. Thiên thần rất kính trọng, nhân đó hỏi Phật về ý đạo. Phật giảng giải cho, liền thành đạt đạo quả Tu-đà-hoàn.

(25) Phật nói: Hành đạo thì như cái cây ở trong dòng nước, hãy theo dòng nước mà trôi đi, không mắc nơi bờ bên kia, không vướng nơi bờ bên này, không bị người vớt lấy, không bị quỷ thần ngăn chận, không bị nước xoáy làm đứng lại, không bị thối rã, thì Như Lai bảo đảm cây ấy vào được biển cả. Hành đạo cũng vậy, không vị ái dục mê hoặc, không bị tà ngụy quấy phá, tinh tiến mà không do dự, thì Như Lai bảo đảm người ấy đắc đạo.

(26) Phật bảo các Sa-môn, thận trọng, đừng tin ý của các người, ý của các người không bao giờ tin được. Thận trọng, đừng tiếp xúc sắc đẹp, tiếp xúc thì tai họa có liền. Được tuệ giác La-hán rồi mới nên tin ý của các người.

(27) Phật bảo các Sa-môn, thận trọng, đừng nhìn phụ nữ. Phải nhìn thì thận trọng, đừng nói chuyện. Phải nói chuyện thì sắc lệnh cho tâm trí đi theo nẻo chánh, rằng ta là Sa-môn, ở trong cuộc đời uế tạp này ta phải như đóa sen không dính bùn lầy. Già thì coi như mẹ, lớn thì coi như chị, trẻ thì coi như em, nhỏ thì coi như con. Cẩn trọng mà giữ uy nghi, ý thức càng phải đúng Thánh đế. Phải xét từ đầu đến chân, thấy trong đó không có gì là thân thể, mà chỉ chứa toàn đồ dơ bẩn gớm ghiếc: phải xét như vậy mà (sinh tâm độ thoát), giải tỏa ý thức.

(28) Phật nói: Hành đạo thì phải từ bỏ tình dục. Hãy như cỏ gặp lửa,

lửa đến thì phải tránh: người hành đạo gặp ái dục thì phải tránh cho xa.

(29) Có người bực vì tình dục không ngừng, dùng dao búa mà đoạn âm. Phật nói, đoạn âm đâu bằng đoạn tâm. Tâm như pháp quan, pháp quan không có thì cũng không có công sai. Tâm tà không ngừng thì đoạn âm ích gì, chỉ đem lại cái chết mà thôi. Thế nhân nhận thức đảo ngược là như người khờ trên đây.

(30) Có một dâm nữ hẹn với nam nhân. Đến hẹn nam nhân không đến. Dâm nữ tự hối, rằng:

Dục tình, ta biết ngươi,
Gốc của ngươi là ý,
Ý sinh vì tư tưởng.
Ngày nay ta không còn,
Tư tưởng nữa đến ngươi,
Thì ngươi hết sinh ra.

Phật đang đi, nghe vậy, bảo các Sa-môn, nhớ lấy, đấy là bài chỉnh cú (kệ) của Đức Phật Ca-diếp, được lưu hành trong dân gian.

(31) Phật nói: Con người do ái dục mà lo buồn, do lo buồn mà sợ hãi. Không ái dục thì không lo buồn, không lo buồn thì không sợ hãi.

(32) Phật nói: Hành đạo là như một người chiến đấu với muôn người. Mặc áo giáp, cầm vũ khí, tiến ra chiến trường. Nhưng rồi có kẻ khiếp đảm, tự lui mà chạy; có kẻ nửa đường bỏ về; có kẻ quyết chiến mà chết; có kẻ đại thắng mà về, thiên chuyển lên cao. Ấy vậy, những ai kiên trì tâm chí, tinh nhuệ bước tới, không mê hoặc vì lời tiếng tầm thường, cuồng dại, thì chiến thắng ái dục, đánh bại xấu ác, chắc chắn đắc đạo.

(33) Có vị Sa-môn ban đêm tụng kinh tiếng nghe rất buồn, có vẻ hối tiếc, lưỡng lự, muốn trở về thế tục. Phật gọi mà hỏi, khi ông còn ở nhà ông đã làm gì? Thưa, thường đánh đàn. Dây đàn chùng thì thế nào? Thưa, không kêu. Dây đàn căng thì thế nào? Thưa, mất tiếng. Căng chùng vừa phải thì thế nào? Thưa, âm điệu phát ra đủ cả. Phật nói: Học đạo cũng phải như vậy, giữ cho tâm trí chừng mực thì đạo phải được.

(34) Phật nói: Hành đạo cũng như luyện sắt, tuần tự mà luyện, càng luyện càng loại hết quặng đi, thì làm đồ rất tốt. Học đạo mà từ từ, trừ khử một cách sâu xa dơ bẩn trong tâm thì tinh tấn đắc đạo. Thái quá thì cơ thể mệt mỏi, cơ thể mệt mỏi thì tâm ý bực bội, tâm ý bực bội thì tu hành lùi bước, tu hành lùi bước thì tội lỗi xuất hiện.

(35) Phật nói: Hành đạo cũng thấy khổ, không hành đạo cũng thấy khổ. Nhưng con người từ sinh đến già, từ già đến bệnh, từ bệnh đến chết,

khổ biết bao nhiêu. Tâm ý bực bội, tích lũy tội lỗi, thì sinh tử không ngừng, cái khổ này mới khó nói cho hết.

(36) Phật nói: Thoát đường ác mà được làm người là khó, được làm người mà làm đàn ông là khó, làm đàn ông mà đủ giác quan là khó, đủ giác quan mà sinh xứ trung tâm là khó, sinh xứ trung tâm mà được thờ Phật pháp là khó, được thờ Phật pháp mà gặp quân vương đạo đức là khó, gặp quân vương đạo đức mà sống trong gia đình Bồ-tát là khó, sống trong gia đình Bồ-tát mà tín ngưỡng Tam bảo, gặp nhằm đời Phật là khó.

(37) Phật hỏi một vị Sa-môn: Sinh mạng con người tồn tại trong bao lâu. Thưa: Trong vài ngày. Phật nói: Ông chưa hành đạo. Phật hỏi một vị Sa-môn khác: Sinh mạng con người tồn tại trong bao lâu. Thưa: Trong một bữa ăn. Phật nói: Ông cũng chưa hành đạo. Phật hỏi một vị Sa-môn khác nữa: Sinh mạng con người tồn tại trong bao lâu. Thưa: Trong hơi thở ra hay vào. Phật nói: Hay thay, ông đáng được gọi là người hành đạo.

(38) Phật nói: Đệ tử của Như Lai sống cách Như Lai mấy ngàn dặm mà lòng nhớ giới luật của Như Lai thì đắc đạo chắc chắn; còn sống bên cạnh Như Lai mà lòng mang tà ý, thì không bao giờ đắc đạo. Sự thật là ở nơi sự hành đạo, gần mà không hành đạo thì đâu có được muôn một trong sự lợi ích.

(39) Phật nói: Như ăn mật thì ở giữa hay hai bên đều ngọt, người hành đạo hãy ý thức kinh pháp của Như Lai cũng vậy, mọi ý nghĩa đều thích thú, làm theo là đắc đạo.

(40) Phật nói: Người hành đạo có năng lực nhổ trốc gốc rễ ái dục. Hái lấy chuỗi ngọc đang treo thì hái từng hạt cũng có lúc lấy hết và xấu ác mà hết thì là đắc đạo.

(41) Phật nói: Sa-môn hành đạo là như con bò mang nặng, đi trong bùn sâu, mệt nhọc đến mấy cũng không dám ngoái nhìn hai bên, mà phải đi cho mau, rời khỏi bùn sâu, mới được nghỉ ngơi. Sa-môn coi ái dục còn hơn bùn sâu, nên thẳng tắp một mạch mà hành đạo, mới có thể thoát khỏi mọi sự khổ lụy.

(42) Phật nói: Như Lai coi cái ngôi vương hầu như khách trọ, coi cái quý vàng ngọc như sỏi đá, coi cái đẹp tơ lụa như giẻ rách.

-oOo-

SỐ 785

KINH ĐẮC ĐẠO THÊ ĐĂNG TÍCH TRƯỢNG

Hán dịch: Mất tên người dịch, nay dựa vào bản sao lục đời Đông Tấn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông nên thọ trì tích trượng. Vì sao? Vì chư Phật trong quá khứ dùng tích trượng, chư Phật đời vị lai dùng tích trượng, chư Phật nơi hiện tại cũng dùng tích trượng. Như ta ngày nay thành Phật Thế Tôn cũng dùng, cho nên các ông cũng nên dùng. Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, cũng dạy các đệ tử dùng tích trượng, nên ta ngày nay thành Phật Thế Tôn, cũng y theo pháp của chư Phật mà dạy lại các ông. Các ông nay nên dùng tích trượng, vì tích trượng còn được gọi là Trí trượng, cũng gọi là Đức trượng. Hiển bày trí của bậc Thánh nên gọi là Trí trượng. Hành trì từ gốc của công đức nên gọi là Đức trượng. Như vậy, trượng là biểu thức của Thánh nhân, ký hiệu sáng tỏ của Hiền sĩ, là ngọn cờ chánh pháp hướng đến đạo, là tạo dựng ý chí nghĩ đến nghĩa lợi. Thế nên các ông phải như pháp dùng.

Khi ấy, Tôn giả Ca-diếp đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai hữu, chắp tay quỳ thẳng, bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Vì sao gọi là Tích trượng? Và sử dụng như thế nào? Cúi xin Thế Tôn chỉ dạy, chúng con xin phụng hành.

Phật nói:

–Này Ca-diếp! Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, ta sẽ chỉ dạy cho các ông.

Gọi là Tích trượng vì: Tích nghĩa là nhẹ. Nương dựa nơi trượng ấy thì có thể trừ sạch phiền não, ra khỏi ba cõi, nên gọi là nhẹ. Tích là minh, người cầm trượng được trí tuệ sáng suốt nên gọi là minh. Tích là không quay lui. Người cầm trượng có thể ra khỏi ba cõi, không còn nhiễm chấp nên nói là không quay lui. Tích là tỉnh, người cầm trượng này tỏ ngộ về khổ, không, nhận biết về mọi kết sử của ba cõi, hiểu rõ về bốn Đế, mười hai Nhân duyên nên gọi là tỉnh.

Tích là Bất mạn, người cầm trượng ấy đoạn trừ nghiệp kiêu mạn nên gọi là Bất mạn. Tích là Sơ, người cầm trượng ấy đối với năm dục tỏ ra xa cách, đoạn trừ tham ái trói buộc, phá tan các ấm, xa lìa năm thứ che lấp, hướng đến Niết-bàn, giảm nhẹ nghiệp hữu vi nên gọi là Sơ.

Tích là chọn lấy, người cầm trượng ấy là chọn lấy của báu Giới Định Tuệ của chư Phật, đạt được sự giải thoát, nên gọi là chọn lấy. Tích là thành, người cầm trượng này thì thành tựu tạng pháp của chư Phật, y theo lời dạy để tu hành, không hề thiếu giảm, thành tựu hoàn toàn, nên gọi là thành.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Chữ Tích là như vậy, nghĩa của nó rất nhiều, không thể trình bày hết. Nay ông nên thọ trì như vậy.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Tích trượng này, nghĩa của nó như vậy, còn thế nào là Trí trượng? Cho đến lập trí nhớ đến đạo. Cúi xin Thế Tôn vì chúng con mà chỉ dạy.

Phật nói:

–Nói Trí trượng là chỉ cho người tu trí tuệ, học rộng, nghe nhiều, hiểu rõ thế gian và xuất thế gian, phân biệt về thiện ác, hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu, rõ trí vô ngại, thành tựu trí tuệ nên nói là trí trượng. Vì giữ gìn giới cấm, nhẫn nhục, thiền định, nhất tâm bất loạn, thường tu phước nghiệp, không có lúc nào biếng trễ, như cứu lửa đang cháy đầu mình, nên gọi là Đức trượng. Người trì trượng ấy bên trong đầy đủ mười sáu hạnh, đó là:

- Bốn Thánh: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

- Bốn Đẳng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả.

- Bốn Thiền định: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền.

- Bốn định Vô sắc: Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Lại đủ ba mươi bảy hạnh là ba mươi bảy pháp Trợ đạo. Ngay nơi pháp này phân biệt rõ ràng, tự thân chứng đắc được, không theo âm thanh, ở trong pháp đó tự tại đi vào ba môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, tự tại vô ngại, gọi đó là bậc Thánh. Bên trong đầy đủ giới đức, bên ngoài cầm tích trượng, biểu thị người này có chắc chắn Thánh đức, có đủ tất cả Giới, Định, Nhẫn, Tuệ, ba Minh, sáu Thông, tám Giải thoát, để ghi nhận người ấy, vừa trong thấy bề ngoài đã sinh lòng cung kính, nên gọi là "Biểu thức của Thánh nhân", "ký hiệu sáng tỏ của Hiền sĩ". Bên trong có trí tánh nên gọi là ký hiệu sáng tỏ của Hiền sĩ. Người này bên trong có trí

tánh, tu tập gốc của công đức, tinh tấn với pháp, thành tựu tâm thiện nên gọi là ký hiệu sáng tỏ của Hiền sĩ. Người này không lâu sẽ thành tựu trí tuệ, nhập nẻo vô vi, yên tịnh, tịch nhiên, Niết-bàn an lạc, đệ nhất nghĩa đạo, nên gọi là ngọn cờ pháp hướng đến đạo, là tạo nên ý chí nghĩ đến nghĩa lợi.

Trượng có ba ngấn. Thấy ba ngấn chồng lên nhau, là nhớ đến khổ não nơi ba đường dữ, tức dốc tu tập giới định tuệ. Nhớ đến ba tai họa là già, bệnh, chết nên trừ được ba độc: tham, sân, si. Nhớ đến sự vô thường của ba cõi thì càng tin nơi Tam bảo, trừ ba ác, đoạn ba lậu, sạch ba nghiệp, nhằm đầy đủ ba Minh, nhập ba Giải thoát, đắc ba Niệm xứ, thông ba Đạt trí, nên lập ba ngấn chồng lên nhau.

Lại có bốn cạnh để đoạn bốn sinh, niệm bốn Đế, tu bốn Đẳng tâm, nhập bốn Thiền, làm thanh tịnh bốn Không, rõ bốn Niệm xứ, vững bốn Chánh cần, đắc bốn Thần túc, nên tạo thành bốn cạnh. Trong bọng có năm khoảng cách biểu thị đoạn trừ luân hồi khổ não trong năm đường, tu năm Căn, đủ năm Lực, trừ năm che lấp, tan năm ấm, đắc năm phần Pháp thân, nên lập số năm.

Mười hai vòng là để nhớ mười hai Nhân duyên. Thông đạt vô ngại, tu tập mười hai Thiền định, làm cho tâm không lo buồn. Ba ngấn, bốn cạnh, cộng lại thành bảy để nhớ pháp bảy Giác ý của Như Lai, thành tựu bảy Thánh tài. Thông tám mối dính để nhớ tám Thánh đạo, đắc tám Giải thoát, diệt trừ tám nạn, nên dùng số tám.

Lược thuyết về nghĩa của tích trượng là như vậy, ông nên khéo léo sử dụng.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Chúng con sẽ kính vâng theo pháp Phật chỉ dạy.

Khi ấy, Tôn giả Ca-diếp lại bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Có phải pháp của chư Phật trong ba đời đều giống như vậy?

Phật nói:

–Có trường hợp giống, có trường hợp không giống. Hoặc có bốn cạnh, hai cạnh. Số vòng thì không khác. Nhưng ta ngày nay chỉ dạy dùng trượng bốn cạnh, mười hai vòng. Phật Ca-diếp thì dùng trượng hai cạnh để cho chúng sinh nhớ đến hai đế là: Thế tục đế và Đệ nhất nghĩa đế.

Lúc Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp này xong, Tôn giả Ca-diếp cùng với một ngàn hai trăm chúng đệ tử và tất cả đại hội đều rất hoan hỷ, vâng

lãnh, phụng hành.

Thể của pháp đài gồm: Trên pháp đài là trời, dưới pháp đài là đất. Bốn bên là Tứ thiên vương. Mười hai vòng là mười hai nhân duyên bao gồm trời, người, trên, dưới cùng khắp. Khi tâm Từ và vạn hạnh rộng lớn cùng nền móng của thiện phát sinh thì đều bắt nguồn từ đây. Cầm trượng pháp này là để chống trời, đỡ đất, nên để ở dưới hông bên trái, dùng ngón tay út ấn lên cho hai đầu bằng thẳng, không cho cao thấp, rung liên tục không gián đoạn, làm cho âm thanh điều hòa, êm dịu như lúc đầu. Nếu trước đây không cần dùng âm thanh thì trong khoảng đi này không làm cho có tiếng. Ngược lại, trước đây đã dùng âm thanh thì trong khoảng đi này phải làm cho có tiếng, cũng giữ cho âm thanh đều nhau, không lớn quá hay nhỏ quá. Tăng thì để ở bên chân trái, Ni thì để ở bên chân phải, không được bỏ dưới đất. Nếu Đàn-việt không ra thì đi đến, gần là ba nhà, xa là bảy nhà, trong khoảng đó, nếu không được thức ăn thì không được phép đi xa hơn. Nếu đi quá mức quy định này thì chẳng phải là pháp của hành giả khất thực. Nếu đi trong khoảng giới hạn mà được thức ăn thì đem trượng treo lên cây, không được để nằm trên đất, gặp chỗ không có cây thì được để nằm trên đất. Để chỗ đất bằng phẳng, không để chỗ chông chênh. Khi ngủ, nên để trượng xuôi theo thân mình, để ở dưới sàn nằm, ngang bằng với thân, không để ra phía trước.

Cầm trượng đi đường, khi dừng nghỉ, đầu trượng luôn hướng lên trời, không được để ngược trở lại. Pháp cầm trượng tức là thọ trì thân Phật. Muôn hạnh đều ở hết trong đó, nghĩa là chống trời, đỡ đất, quán mười hai Nhân duyên để hộ thân. Nếu để cho trượng nghiêng ngả tức là tất cả vạn vật cũng đều nghiêng ngã, trượng ngay thẳng thì tất cả hàm sinh đều được an ổn, vô vi.

Khi xuống đài mà để nằm trên đất, thì làm cho ba đường chúng sinh đau khổ kịch liệt. Nếu không để xuống đất thì chấm dứt được nhân khổ cho tất cả chúng sinh trong ba đường. Nếu như trượng nghiêng ngã thì thế giới sẽ đảo nghịch, tâm của hành giả sẽ bị mê loạn. Nếu cầm thuận chiều, mình và người đều được lợi ích. Cầm ngay thẳng thì hiện tại ra vào giữ gìn đầy đủ uy nghi, đời sau được quả báo mau thành Chánh giác.

Pháp oai nghi cầm tích trượng có hai mươi lăm việc. Mười pháp về việc cầm tích trượng:

1. Đất có trùng.
2. Tuổi già yếu.
3. Để đi khất thực.

4. Không được cầm trượng kéo lê theo ở phía sau.

5. Không được vác trên vai.

6. Không được để ngang trên vai, vắt tay buông thỏng ở hai bên đầu trượng.

7. Khi ra vào thấy Phật tượng, không được khua có tiếng.

8. Không được cầm trượng đi vào trong chúng.

9. Không được đem trượng ra nhà sau.

10. Sau giờ ngọ không được đem trượng ra.

Lại có năm việc:

1. Mời đi xa ban đêm sau giờ ngọ, được lấy tích trượng ra.

2. Đến nhà người để thăm bệnh quá giờ ngọ, được đem tích trượng ra.

3. Đưa tiễn người qua đời, sau giờ ngọ, được đem tích trượng ra.

4. Ngoại đạo mời, quá giờ ngọ, được đem tích trượng ra.

5. Không được cầm trượng chỉ người và viết trên đất.

Lại có năm việc:

1. Ba người cùng ra đi, không được cầm trượng đi theo sau.

2. Bốn người cùng đi, trừ Thượng tọa, những người còn lại không được cầm trượng.

3. Đến cửa ngõ nhà Đàn-việt, giữ oai nghi nghiêm chỉnh.

4. Vào cửa ngõ Đàn-việt rung lên ba lần. Rung ba lần mà không có người ra thì tuần tự đi đến nhà kế tiếp.

5. Đàn-việt ra, nên cầm trượng để ở chính giữa khuỷu tay trái.

Lại có năm việc:

1. Thường để trượng ngay trong phòng của mình, không được lìa bỏ chỗ khác.

2. Không để cho trượng chúc đầu chấm đất.

3. Không được để cho trượng rỉ sét.

4. Mỗi ngày phải lau chùi trượng sạch sẽ.

5. Khi muốn cầm trượng ra đi thì phải nhận từ Sa-di, nếu không có Sa-di thì bạch y cũng được.

Trượng bốn cạnh hợp bốn Đế,
Vòng hợp mười hai Nhân duyên.
Trụ giữa rõ nghĩ Trung đạo.
Trên đầu giống đảnh Tu-Di.

Thứ hai như núi Tu-di.
Ngay giữa biểu thị cho không.
Chân trượng như chân Tu-Di.

Pháp của Sa-môn là đắc đạo, rõ không, cầm tích trượng là để tỉnh ngộ cho tất cả chúng sinh ở thế gian.

Các Tỳ-kheo … nên chí tâm phụng hành.

-oOo-

PHÁP TRÌ TÍCH TRƯỢNG

Pháp trì tích trượng này dựa vào Tạng kinh bên Thiên Trúc mà rút ra cho người sau xem để biết được nguồn gốc của nó.

Oai nghi cầm tích trượng có hai mươi lăm việc:

1. Vì sợ rắn rít.

2. Vì tuổi già yếu.

3. Đi khất thực.

4. Khi ra vào thấy tượng Phật không được khua đầu trượng có tiếng.

5. Không được cầm tích trượng đi vào trong chúng.

6. Sau giờ ngọ, không được lấy tích trượng ra.

7. Không được vác tích trượng trên vai, quàng tay buông thỏng hai bên đầu trượng.

8. Không được để tích trượng ngang trên đầu gối và treo vật ở hai bên đầu trượng.

9. Không được đổi tay ra trước sau

10. Không được đem trượng ra nhà sau.

11. Không được cầm trượng đứng trước hay sau ba vị. Đã lấy trượng ra rồi cũng không được mang theo.

12. Bốn người cùng đi, nếu có một người cầm trượng rồi thì ba người kia không được mang theo.

13. Đến nhà Đàn-việt, không được để trượng lìa thân.

14. Khi vào trong cửa ngõ, phải rung ba lần, không có người ra thì đi đến nhà khác.

15. Khi chủ nhân ra, phải để trượng dưới khuỷu tay trái.

16. Vào trong nhà người, không được để trượng dưới đất.

17. Phải để trượng gần bên chỗ nằm của mình.

18. Phải luôn lau chùi cho sạch sẽ.

19. Không được để cho đầu trượng nảy mầm.

20. Muốn đi phải nhận trượng từ Sa-Di hoặc bạch y.

21. Ban đêm đi thăm bệnh nhân thì buổi chiều được phép lấy tích trượng ra.

22. Muốn tiễn người đi xa nên được phép vào buổi chiều lấy tích trượng ra.

23. Có người mời đi xa ban đêm, nên được lấy tích trượng ra trong

buổi chiều.

24. Đi đón người ở xa đến, nên được lấy tích trượng ra buổi chiều.

25. Phải luôn để tích trượng bên mình, không được giơ tích trượng chỉ người hoặc viết chữ trên đất.

-oOo-

SỐ 786

PHẬT THUYẾT MỘC HOẠN TỬ KINH

Hán dịch: Mất tên người dịch, nay dựa vào bản sao lục đời của Đông Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành La-duyệt-kỳ, cùng với đông đủ chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và vô số Bồ-tát, tiếng tốt vang khắp nơi, trời, người đều cung kính.

Bấy giờ, vua nước Nan, tên là Ba-lưu-ly, sai sứ giả đến chỗ Phật, cúi đầu lạy nơi chân Phật và bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Nước con nhỏ bé, lại ở chốn biên địa, hằng năm luôn bị giặc giã, giá cả các thứ lúa thóc, hoa màu đều nhảy vọt, tật bệnh lan tràn, muôn dân khốn khổ, con thường xuyên không được yên ổn. Tạng pháp của Như Lai rất sâu rộng, con vì bận việc nên không được tu tập. Cúi xin Thế Tôn rủ lòng thương xót, đặc biệt ban cho con pháp yếu, ngày đêm con gắng tu tập, để trong đời sau được xa lìa các khổ.

Phật bảo sứ giả của vua:

–Nhà vua muốn diệt trừ phiền não chướng, báo chướng phải xâu chuỗi gồm một trăm lẻ tám hạt, thường mang theo bên mình để những lúc đi, đứng, nằm, ngồi, giữ tâm ý chí thành, không phân tán. Niệm xong danh hiệu Phật, Pháp, Tăng mới lần qua một hạt. Như vậy, mỗi lần niệm thì lần qua một hạt, hoặc mười, hai mươi, một trăm, một ngàn, cho đến trăm ngàn vạn lần. Ai có thể thâu giữ tâm niệm đủ hai mươi vạn biến không tán loạn, không có các việc dối trá, thì sau khi chết được sinh lên cõi trời thứ ba là Diệm thiên, được y phục, thức ăn uống tự nhiên, hạnh thường an lạc. Ai niệm đủ một trăm vạn biến sẽ đoạn trừ được một trăm lẻ tám nghiệp trói buộc, mới gọi là quay lưng nơi dòng sinh tử, hướng đến Niết-bàn, đoạn hẳn gốc rễ của phiền não, đạt được quả vị Vô thượng.

Sứ giả trở về tâu vua. Vua rất vui mừng, vọng hướng về Thế Tôn, đầu mặt lạy Phật, thưa:

–Thật lành thay! Con sẽ phụng hành.

Liền sai sứ giả làm xâu chuỗi hạt. Do làm cả ngàn xâu nên sáu thân và hàng quốc thích, mỗi người đều được cho một xâu. Vua thường tụng niệm; tuy ở chỗ quân đội nhưng cũng không phế bỏ. Vua lại nghĩ: "Đức Thế Tôn đại từ đối với tất cả. Nếu ta nhờ căn lành này, được khỏi trôi lăn trong biển khổ thì Đức Như Lai sẽ hiện thân vì ta thuyết pháp."

Với niệm tâm tha thiết như vậy, ba ngày vua không ăn, Phật liền ứng thân cùng các đệ tử đi đến cung vua, bảo vua:

–Tỳ-kheo Sa-đầu tụng niệm danh hiệu Tam bảo, trải qua mười năm được thành quả Tư-đà-hàm, thứ lớp tu tập, nay làm Bích-chi-phật ở thế giới Phổ hương.

Vua nghe xong, lại càng tu tập tinh tấn.

Phật dạy Tôn giả A-nan:

–Huống là người luôn luôn trì tụng danh hiệu Tam bảo vạn lần. Chỉ cần khi nghe tên của người này, phát sinh một niệm tùy hỷ thì đời vị lai sinh ra ở chỗ nào cũng được nghe mười điều lành.

Khi Phật thuyết giảng pháp này xong, đại chúng đều hoan hỷ, phát nguyện phụng hành.

-oOo-

SỐ 787

KINH MẠN-THÙ-THẤT-LỢI CHÚ TẠNG TRUNG GIẢO LƯỢNG SỔ CHÂU CÔNG ĐỨC

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng
Sa-môn Thích Nghĩa Tịnh

Bấy giờ, Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi Pháp vương tử, ở giữa đại chúng, đứng dậy sửa lại y phục, bày vai hữu, chắp tay cung kính, bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Con vì muốn tạo lợi ích cho các hữu tình, nên nói về công đức và phước báo khác nhau của việc thọ trì chuỗi hạt. Cúi xin Thế Tôn thương xót cho phép con được trình bày.

Phật bảo Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi:

–Lành thay! Lành thay! Cho phép ông nói.

Đại Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi bảo:

–Thiện nam, thiện tử nào hay tụng niệm các Đà-la-ni và danh hiệu Phật, vì muốn tạo lợi ích cho bản thân mình và giúp cho người khác mau thành tựu các pháp, đạt được kết quả tốt đẹp thì người đó đối với pháp lần chuỗi hạt nên phát tâm thọ trì. Nhưng chuỗi hạt có rất nhiều loại.

Nếu dùng sắt để làm chuỗi, tụng niệm một biến, phước gấp năm lần.

Nếu dùng đồng có làm chuỗi, tụng niệm một biến, phước gấp mười lần.

Nếu dùng trân châu, san hô và các loại báu làm chuỗi, tụng một biến được phước gấp trăm lần.

Nếu dùng hạt cây hoạn làm chuỗi, tụng một biến được phước gấp ngàn lần.

Nếu dùng hạt sen làm chuỗi, tụng một biến, được phước gấp vạn lần.

Nếu dùng hạt Nhân-đà-la khư xoa làm chuỗi, tụng một biến, được phước trăm vạn lần.

Nếu dùng hạt Ô-lư-đà-la-khư-xoa làm chuỗi, tụng một biến được phước gấp trăm ức lần.

Nếu dùng thủy tinh làm chuỗi, tụng một biến được phước gấp ngàn

ức lần.

Nếu dùng hạt Bồ-đề làm chuỗi, hoặc để tụng niệm, hoặc chỉ cầm nơi tay, tụng niệm một biến được phước vô lượng, khó có thể so lường, không thể dùng toán số để tính đếm.

Nếu muốn nguyện được sinh về cõi Tịnh của chư Phật, thì phải theo pháp môn thọ trì chuỗi hạt này.

Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi bảo:

–Chuỗi hạt Bồ-đề, người nào cầm nơi tay chuỗi hạt này, mà không thể y theo pháp tụng niệm danh hiệu Phật cùng Đà-la-ni, chỉ có thể cầm theo bên mình, thì đi, đứng, nằm, ngồi và nói ra lời gì, dù tốt hay xấu (thiện hay ác), do người đó có cầm chuỗi hạt Bồ-đề, nên được công đức giống như niệm danh hiệu chư Phật và tụng Đà-la-ni không khác, tức được vô lượng phước. Xâu chuỗi phải đủ một trăm lẻ tám hạt. Nếu khó được thì hoặc năm mươi bốn hạt, hoặc hai mươi bảy hạt, hay chỉ mười bốn hạt. Đây chính là công đức sai biệt nơi số lượng hạt chuỗi.

Do nhân duyên gì, ta nay riêng khen ngợi dùng chuỗi hạt Bồ-đề được lợi ích hơn hết?

Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi bảo:

–Chính là trong quá khứ, có Phật xuất thế, ở nơi gốc cây ấy thành tựu Bậc Đẳng Chánh Giác. Khi ấy, có một ngoại đạo tà kiến, hủy báng Tam bảo. Ông ấy có một đứa con trai bỗng nhiên bị phi nhân đánh chết. Ngoại đạo nghĩ: "Ta nay vì tà kiến nên chưa hiểu rõ chư Phật có những thần lực gì. Đức Như Lai nay đã thành Đẳng chánh giác, ở nơi gốc cây này. Nếu như cây đó thật là cây Thánh thì phải có cảm ứng". Liền đem đứa con đã chết đến đặt nằm bên gốc cây Bồ-đề, nói thế này: "Cây Bồ-đề nếu là cây Thánh thì con của tôi sẽ sống trở lại". Trải qua bảy ngày đêm tụng niệm danh hiệu Phật, đứa con bèn sống lại. Ngoại đạo rất vui mừng khen ngợi chư Phật có đại thần lực: "Ta chưa từng thấy cây Phật thành đạo hiện điềm hy hữu đặc biệt này, oai đức rất lớn, thật khó có thể nghĩ bàn!".

Khi ấy, các ngoại đạo nghe việc này xong liền phát tâm Bồ-đề, bỏ tà quy chánh, tin thần lực chẳng thể nghĩ bàn của Phật. Do nhân duyên ấy, người đời gọi là "cây sống lâu" và cây Bồ-đề này có hai tên:

1. Cây Bồ-đề.

2. Cây sống lâu.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi giảng nói việc này xong, Phật bảo:

–Lành thay! Lành thay! Này Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi, đúng như Bồ-tát đã nói.

Khi ấy, đại chúng nghe thuyết giảng kinh Công Đức Lần Chuỗi xong, đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 788

PHẬT THUYẾT GIẢO LƯỢNG SỔ CHÂU CÔNG ĐỨC KINH

Hán dịch: Đời Đường,
Đại sư Bảo Tư Duy.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử vì nhằm đem lại hữu ích cho các loài hữu tình, nên dùng tâm đại Bi nói với các vị trong đại chúng:

–Các vị hãy dốc lắng nghe. Ta sẽ diễn nói về mức độ của công đức thọ trì chuỗi hạt thì những lợi ích đạt được có sự sai khác. Như có người tụng niệm các pháp Đà-la-ni cùng danh hiệu chư Phật, vì muốn đạt được ích lợi ích cho chính mình cùng giúp đỡ cho người khác thì các pháp mong cầu sẽ mau chóng được thành tựu, hiệu nghiệm và phương pháp niệm chuỗi hạt đã đem đến hiệu nghiệm như vậy nên cần phải thọ trì.

Nếu dùng sắt để làm chuỗi hạt, lần tụng đủ một lượt thì phước đức đạt được gấp năm lần nhiều hơn.

Hoặc dùng đồng đỏ để làm chuỗi hạt, lần tụng đủ một lượt thì phước đức đạt được gấp mười lần.

Như dùng ngọc trai, san hô... để làm chuỗi hạt, lần tụng đủ một lượt thì phước đức có được gấp hàng trăm lần.

Nếu dùng hạt trái cây Mộc hoạn làm chuỗi hạt, lần tụng đủ một lượt thì phước đức đạt được gấp hàng ngàn lần hơn. Như cầu vãng sinh đến các quốc độ thanh tịnh của chư Phật hoặc cầu vãng sinh nơi cõi trời thì phải nên thọ trì pháp lần tụng chuỗi hạt này.

Nếu dùng hạt sen để làm chuỗi hạt, lần tụng đủ một lượt thì phước đức có được gấp hàng vạn lần hơn.

Như dùng Nhân-đà-la-khư-xoa để làm chuỗi hạt, lần tụng đủ một lượt thì phước đức có được gấp hàng trăm vạn lần hơn.

Nếu dùng Ô-lô-đà-la-khư-xoa làm chuỗi hạt, lần tụng đủ một lượt thì phước đức có được gấp hàng ngàn vạn lần hơn.

Như dùng thủy tinh để làm chuỗi hạt, lần tụng đủ một lượt thì phước

đức đạt được gấp hàng vạn vạn lần hơn nữa.

Còn nếu dùng hạt Bồ-đề để làm chuỗi hạt, hoặc lần niệm liên tục, hoặc chỉ mang theo nơi tay, thỉnh thoảng lần tụng khắp một lượt thì phước đức đạt được là vô lượng, không thể dùng số lượng để tính toán, mà cũng khó có thể ước lượng đối chiếu được.

Này các thiện nam! Về việc dùng hạt Bồ-đề để làm chuỗi hạt ấy, nếu lại có người nơi tay luôn mang theo thứ tràng hạt đó, cho dù không thể nương nơi pháp mà tụng niệm danh hiệu chư Phật cùng các pháp Đà-la-ni, các thiện nam ấy chỉ có thể mang thứ tràng hạt đó nơi tay, luôn theo bên mình, trong mọi động tác đi, đứng, nằm, ngồi cùng mọi ngôn ngữ được nói ra hoặc thiện, hoặc ác, thì người ấy do từ việc luôn mang giữ tràng hạt làm bằng hạt Bồ-đề, nên đạt được phước đức, cũng ngang với việc niệm danh hiệu chư Phật, tụng thần chú không khác, tức là đạt được phước đức vô lượng.

Đối với công việc làm nên các loại chuỗi hạt, điều quan trọng là nên tìm đủ một trăm lẻ tám hạt. Trong trường hợp khó kiếm được cho đủ thì hoặc chọn năm mươi bốn hạt, hai mươi bảy hạt hay mười bốn hạt cũng đều dùng được cả. Như thế tức là hình tướng của pháp lần chuỗi hạt có sự sai biệt.

Này các thiện nam! Do nhân duyên gì mà hôm nay ta riêng tán dương việc dùng hạt Bồ-đề làm chuỗi hạt để lần tụng niệm, đạt được lợi ích tối thắng? Các vị hãy khéo lắng nghe. Ta sẽ vì các vị mà nói rõ nhân duyên từ trước.

Về thời quá khứ có Đức Phật xuất hiện ở thế gian, tại nơi gốc cây ấy tọa thiền và thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác. Bấy giờ, có một kẻ ngoại đạo vốn tin theo nẻo tà kiến, điên đảo, lại hủy báng Tam bảo. Kẻ ngoại đạo đó có một người con trai bỗng dưng bị phi nhân đánh giết. Ông ngoại đạo suy nghĩ, cho rằng: "Bên ta hiện nay đang phát huy nẻo tà, vì chưa biết rõ chư Phật có những thần lực gì. Lúc trước Đức Như Lai đã ở nơi gốc cây ấy mà thành Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu Phật là bậc Thánh thì nơi cây đó tất có sự cảm ứng." Thế là ông ngoại đạo bèn mang thây đứa con chết của mình đem đặt nằm nơi gốc cây Bồ-đề và nói:

–Cây Phật này nếu là Thánh thì con trai ta tất sẽ được sống lại!

Thế rồi trải qua bảy ngày, ông ta tụng niệm danh hiệu Phật và người con trai ông đã được sống trở lại. Ông ngoại đạo hết lời khen ngợi:

–Thần lực của Phật, ta chưa từng được thấy, biết. Phật thành đạo nơi cây ấy và đã hiện rõ điều kỳ diệu ít có. Uy đức của Phật thật vô cùng lớn

lao, khó có thể suy nghĩ, luận bàn!

Đông đảo chúng ngoại đạo thảy đều lìa bỏ nẻo tà, quy ngưỡng chánh pháp và phát tâm Bồ-đề, tin tưởng cùng nhận biết thần lực của Phật là chẳng thể nghĩ bàn được. Mọi người cùng gọi cây ấy là "cây kéo dài mạng sống". Do từ nhân duyên đó mà cây ấy có hai tên gọi, phải nên biết rõ. Ta vì các vị mà chỉ rõ về chỗ quan trọng này.

Nói xong lời ấy, thì Đức Phật khen:

–Lành thay! Lành thay! Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử! Như chỗ Đại Bồ-tát đã nêu giảng là hợp nhất, không có gì khác.

Tất cả các vị trong đại chúng được nghe nói về mức độ công đức của việc thọ trì chuỗi hạt, thảy đều hoan hỷ hết mực, tín thọ và phụng hành.

-oOo-

SỐ 789

KINH KIM CANG ĐẢNH DU-GIÀ NIỆM CHÂU

(Lược rút ra từ trong mười vạn bài kệ tụng rộng lớn)

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Sa-môn Bất Không.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na bảo Kim Cang Thủ:

–Lành thay! Lành thay! Ông vì các Bồ-tát tu hạnh chân ngôn, nói về các nghi quỹ, vì thương xót các hữu tình đời vị lai nên thuyết giảng về công đức thù thắng của việc lần chuỗi hạt. Do nghe được ý nghĩa sâu xa như vậy, nên họ mau lên Tất địa.

Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Tát-đỏa bạch Phật:

–Cúi xin Thế Tôn, hôm nay con sẽ xin nói về việc đó.

Và Bồ-tát Kim Cang Tát-đỏa nói kệ:

Chuỗi nêu thắng quả của Bồ-tát
Lỗ xuyên qua diệt trừ các lậu
Sợi dây xâu tiêu biểu Quán Âm
Hạt cái tiêu biểu Vô Lượng Thọ.
Không được lần quá, tội vượt pháp
Đều do chứa công đức niệm chuỗi
Niệm chuỗi xa cừ phước gấp một
Niệm chuỗi Mộc hoạn phước gấp hai.
Niệm chuỗi bằng sắt phước gấp ba
Niệm chuỗi đồng đỏ phước gấp bốn
Thủy tinh, trân châu và các báu
Niệm những chuỗi này phước gấp trăm.
Hạt Đế Thích công đức gấp ngàn
Chuỗi hạt Kim cang phước câu-chi
Chuỗi hạt sen phước ngàn câu-chi
Chuỗi hạt Bồ-đề vô số phước.
Phật bộ niệm chuỗi hạt Bồ-đề

Kim cang bộ niệm hạt Kim cang
Bảo bộ niệm bằng các hạt báu
Liên hoa bộ dùng chuỗi hạt sen.
Trong Yết-ma bộ thì niệm chuỗi
Xâu xen, tạp tất cả các hạt
Niệm chuỗi phân biệt có bốn loại:
Thượng phẩm, Tối thắng và Trung, Hạ.
Một ngàn tám mươi là bậc Thượng
Một trăm lẻ tám là Tối thắng
Năm mươi bốn hạt là bậc Trung
Hai mươi bảy thuộc về bậc Hạ.
Hai tay cầm chuỗi để ngang ngực
Thiền quán, lìa niệm tâm chuyên chú
Bổn tôn Du-già hiện trong tâm
Thành tựu dung thâu sự và lý.
Để trên búi tóc hoặc bên mình
Đeo ở cổ hay nơi cổ tay
Nói năng, luận bàn, thành tụng niệm
Đem việc tụng niệm tịnh ba nghiệp.
Trên búi tóc sạch tội Vô gián
Mang nơi cổ sạch tội Tứ trọng
Đeo ở cổ tay trừ các tội
Người nào hành trì mau thanh tịnh.
Ai tu Đà-la-ni chân ngôn
Niệm tên Như Lai và Bồ-tát
Sẽ được vô lượng công đức tốt
Thắng nguyện nay cầu được thành tựu.

Pháp niệm chuỗi gia trì thông suốt như kinh Tô-tất-địa thuyết giảng, kinh Du-già này chỉ nói nghĩa lý sâu xa, công năng của nó, không nói sự nhận biết tương ưng.

-oOo-

SỐ 790

PHẬT THUYẾT BỘT KINH SAO

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Vị thái tử của vua nước ấy tên là Kỳ, có một khu vườn rộng đến tám mươi khoảnh, cách kinh thành không xa. Đất ở khu vườn này bằng phẳng, lại có nhiều loại cây ăn quả, khắp mọi chốn đều có dòng suối chảy, ao tắm, nước ở các ao đó luôn trong sạch. Cả khu vườn cũng không có các thứ ruồi, muỗi, sâu bọ, ong nhặng...

Cư sĩ Tu-đạt, bản thân dốc tin thờ Phật, thọ trì năm giới, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không dối trá và không uống rượu. Cư sĩ hiểu đạo, tôn kính các bậc tu hành, thường hay bố thí, cứu giúp những kẻ bần cùng, vì vậy dân chúng đã gọi ông là vị luôn giúp đỡ chu cấp cho kẻ cô độc, nghèo khổ. Lúc này cư sĩ Tu-đạt muốn vì Đức Phật mà xây dựng một khu tinh xá, nên đi khắp nơi để tìm mảnh đất thích hợp, thấy khoảnh vườn rộng của thái tử Kỳ là vừa ý nhất, nhân đấy đến để xin mua. Thái tử Kỳ nói:

–Ông có thể đem vàng ròng trải lên đất nơi khu vườn ấy khiến không còn một chỗ nào trống cả, thì tôi sẽ bán cho ông.

Cư sĩ Tu-đạt đáp:

–Xin vâng! Xin theo đúng số lượng ấy để mua.

Thái tử Kỳ bảo:

–Tôi chỉ nói đùa thôi mà!

Cư sĩ Tu-đạt không chịu, xảy ra tranh cãi và sự việc chưa biết phải giải quyết ra sao. Vị quốc lão trong triều đứng ra khuyên can, bảo:

–Đã hứa giá quyết định như thế thì không nên hối. Hãy thuận mà bán đi.

Tu-đạt im lặng, suy nghĩ phải xem lấy vàng từ kho chứa nào cho đủ số.

Thái tử Kỳ thấy vậy cho là cư sĩ cảm thấy đắt quá nên dừng lại không mua.

Tu-đạt nói:

–Không đắt đâu! Tôi suy nghĩ là nên xuất vàng từ kho nào để cho đủ số lượng đấy thôi.

Tức thì sai người, voi cùng mang chở vàng đem tới khu vườn chất theo từng đống rồi lần lượt trải ra khắp mặt đất, chẳng mấy chốc đã trải kín được bốn mươi khoảnh. Thái tử Kỳ cảm động, nghĩ rằng Đức Phật quyết là bậc Đại Sư, đạo ấy là lớn, chân chánh, nên mới khiến cho vị cư sĩ này xem nhẹ của báu đến như thế.

Bèn nói với trưởng giả Tu-đạt:

–Thôi hãy dừng lại đấy, đừng xuất vàng nữa! Thế này nhé: Phần đất trong khu vườn này là thuộc của ông, còn tôi thì xin đem phần cây cối còn lại hiến cúng Phật.

Hai bên đều ưng thuận và công việc xây dựng tinh xá được tiến hành, xong thì trình thưa lên Phật. Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Sa-môn đã đến an trụ nơi tinh xá đó. Vì thế mà cả khu tinh xá này được manh tên là khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc.

Vua nước ấy tên là Ty-tiên-nặc luôn khiến mọi người trong hoàng cung và dân chúng tin kính Phật, phụng sự các Sa-môn, cúng dường đầy đủ các thứ y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh. Lúc Phật chưa xuất hiện ở đời, các đám ngoại đạo đều hưng thịnh, ví như trong đêm tối thì đèn đuốc được cho là sáng. Đến khi trong thiên hạ đã có Phật rồi thì đám tà thuyết kia bị đẩy lùi, tiêu diệt, cũng như mặt trời hiện lên thì ánh lửa coi như không đáng kể.

Trong nước đó vốn tin thờ năm trăm người dị đạo, lúc này hầu như không còn mấy ai tin theo nữa, nên đám ngoại đạo ấy ganh ghét tức tối, mưu tìm cách hủy báng Phật để mong được nhiều người tôn kính như trước. Có một đệ tử nữ của nhóm ngoại đạo kia tên là Toan-đà-lợi *(Tôn-đà-lợi)* thưa với thầy mình:

–Thầy chớ nên lo buồn! Con có thể làm cho mọi người chẳng còn kính thờ Phật nữa, mà trở lại tin theo thầy như cũ. Kể từ hôm nay, ngày ngày con sẽ trang điểm, ăn mặc đàng hoàng, lui tới chỗ Phật và các vị Sa-môn. Cho đến khoảng một tháng sau, thì sẽ lén giết con đi, đem chôn nơi khu vườn cây ấy, rồi giả vờ tìm kiếm. Nhiều người sẽ nói: "Thường thấy cô ấy lai vãng nơi tinh xá". Thế là cho người đến tâu vua, xin cho quan quân đi tìm, tra xét. Khi lấy được xác chết thì kêu khóc, truyền nhau nói

xấu Phật và các Sa-môn: "Đạo ấy chẳng ra gì! Dâm loạn, không chút giới hạnh!". Dân chúng khắp nước nghe được tất rời bỏ Phật, trở lại tin kính các thầy.

Đám sư ngoại đạo khen:

–Mưu kế như vậy là hay lắm!

Cô gái Toan-đà-lợi theo đúng như lời mình nói, lai vãng tới tinh xá, được một tháng thì đám sư ngoại đạo kia sai bốn người lén giết cô ta, đem chôn nơi khu vườn đó. Lại cho người tìm khắp, rồi đến cửa vua tâu là có cô gái mới đây mà bị chết, ai cũng thấy cô ta ngày ngày lui tới chỗ tu hành cửa các vị Sa-môn, xin vua cho quan đi điều tra. Vua bèn ra lệnh cho quan ngoại bộ cùng với các sư ngoại đạo lo việc tìm kiếm. Lúc này, họ vờ quanh quẩn qua lại nơi chôn xác cô gái tới ba lần, lôi ra được xác rồi bỏ lên xe chở đi cùng khắp, gào khóc inh ỏi:

–Pháp của các hàng Sa-môn là phải giữ giới hạnh thanh tịnh, vậy mà lại làm chuyện dâm ô với phụ nữ, sợ chuyện đổ bể ra nên giết đi để che giấu. Có thứ đạo như thế sao!

Người trong nước nghe sự việc ấy, phần lớn tin theo, chỉ những người hiểu đạo, đắc đạo thì biết đấy là trò dối trá. Lúc này, Phật bảo các vị Sa-môn:

–Chớ nên vào thành. Sau bảy ngày thì sự tình sẽ rõ.

Sáng sớm thứ tám, Phật sai Tôn giả A-nan đi tới những ngã đường đông người qua lại nói rằng:

–Những kẻ nói dối, tâu xằng, trời khiến mồm miệng luôn hôi thối. Dối trá, vu cáo những người lương thiện trong sạch thì khi chết bị đọa vào địa ngục, ngu tối, hung bạo luôn đeo đuổi lấy mình, suốt đời suốt kiếp phải nhận lấy bao nỗi khổ!

Dân chúng khắp thành khắp nước nghe những lời nói của Tôn giả A-nan, đều cùng nhau cho rằng:

–Các vị Sa-môn rõ ràng là thanh tịnh, nên Phật mới nêu bày như thế.

Nhà vua thấy vậy bèn cho người bí mật đi dò xét, thấy nơi nhà kẻ dị đạo cùng nhau tổ chức ăn mừng tưởng thưởng công lao cho bốn người. Kẻ dị đạo ấy theo đúng pháp của họ, ai biết kinh nhiều thì được chia phần nhiều hơn. Có một kẻ trong bốn người đó thuộc loại ngu tối, nên nhận phần chia ít nhất. Anh ta nổi giận la hét:

–Tôi sẽ đi tố cáo ông về việc này! Cùng chung làm công việc giết người để vu oan cho Phật, sao lại chia tôi phần ít?

Người vâng lệnh vua đi dò xét, biết được sự việc, nên tóm lấy anh ta dẫn tới quan trên xét hỏi, anh ta cứ sự thật khai ra, thế là bắt được kẻ chủ mưu.

Nhà vua cùng với quần thần đi tới chỗ Đức Phật. Trưởng giả Cấp cô độc, các vị Thanh tín sĩ, cũng như vô số dân chúng trong nước, đều đi đến chỗ Phật. Tới nơi, cung kính đảnh lễ bái xong, thảy an tọa qua một bên. Nhà vua chắp tay thưa với Phật:

–Mọi người nghe sự việc phỉ báng ấy, không ai là không nhận thấy một sự vu khống lố bịch, càng làm rõ Phật là bậc Chí chân, thanh tịnh vô lượng. Không biết cớ sự như thế là do từ nhân duyên gì.

Đức Phật nói với nhà vua:

–Dấy sinh sự phỉ báng đều do từ tham lam ganh ghét. Mà việc ấy vốn có từ lâu, đâu phải chỉ mới xảy ra hôm nay.

Nhà vua thưa:

–Xin được nghe về chuyện đó.

Đức Phật nói:

–Về thân mạng đời trước của ta trong vô số kiếp, thời gian còn tu tập đạo Bồ-tát, luôn thể hiện tâm Từ bi nhằm độ thoát muôn loài. Bấy giờ, nước Bồ-lân-nại, rộng lớn, trang nghiêm, dân chúng đông đúc, giàu có, trong nước này có một Phạm chí thuộc giòng Cù-đàm, thông minh tài ba, thấy xa hiểu rộng vào hàng nhất nước. Ông ta sinh được ba người con, đứa nhỏ nhất hết mực đoan nghiêm khiến người cha cho là điều kỳ lạ, nên bày ra hội lớn, mời các vị Đạo nhân cùng họ hàng trong ngoài đến nhà mình, rồi cho bồng đứa bé để mọi người xem. Các vị đều cho rằng đứa bé có tướng Thánh nhân, là hạng ưa thích đạo pháp, ắt làm đến bậc quốc sư, nhân đấy đặt đứa bé tên là Bột.

Bột lớn lên tỏ ra là một đứa trẻ ham học, tài nghệ đều hơn người, các kinh thảy đều thông tỏ, cùng chín mươi sáu thứ học thuật tư tưởng trong thiên hạ, cả những lãnh vực diễn biến về sinh tử của con người, các hiện tượng núi lở đất rung, phước họa, tai biến, y thuật, bùa chú... không gì là không thạo. Lại hay dứt bỏ tâm tham dâm, hàng phục xua trừ bao nẻo độc hại xấu ác, võ nghệ cũng rất tinh thông nhưng tánh tình nhân từ hiền hậu. Sau khi ông Cù-đàm qua đời, hai người anh của Bột tỏ ra ganh ghét đối với em, nhiều lần đề nghị chia gia tài, ăn riêng, bảo rằng Bột lúc trẻ ham học, tốn phí về tiền thầy rất nhiều, nên phần chia phải nhận ít hơn hai anh. Bà mẹ thương đứa con nhỏ nên thường khuyên hai người anh, nhưng họ không nghe. Bột thấy ý anh ngày một lấn lướt, tự suy nghĩ về đời sống con người

đều vì tham mà khổ, nếu mình không bỏ đi thì hai anh chắc không nương tay. Nhân đấy thưa với mẹ là mình muốn lên đường cầu học đạo, mẹ thuận theo ý con. Thế là Bột dứt bỏ mọi ràng buộc với gia đình, tìm đến minh sư, làm Sa-môn, ở nơi núi sâu dốc tu tập tự đạt được pháp bốn Ý chỉ:

1. Là thương xót đến chúng sinh như mẹ yêu con.

2. Là thương xót cả mọi loài trong thế gian nhằm khiến họ được giải thoát.

3. Là thông tỏ ý đạo, tâm thường hoan hỷ.

4. Là có thể giúp đỡ, che chở tất cả không hề sai phạm.

Lại đạt được bốn ý, là chỗ được chư Phật khen ngợi:

1. Là chế ngự tham dâm.

2. Là dứt trừ giận dữ.

3. Là xua đoạn những tâm niệm si mê.

4. Là khi gặp vui không mừng, bị khổ không lo.

Lại dứt hẳn năm thứ dục: Mắt không đắm sắc, tai không chuộng tiếng, mũi chẳng vướng mùi, lưỡi không tham vị, thân không ham sự êm dịu mịn màng. Từ đấy có thể sử dụng các phương tiện của trí tuệ đạo pháp, tùy thuận giáo hóa khắp thiên hạ, khiến họ thực hiện mười điều thiện, hiếu thảo với cha mẹ, kính trọng các bậc sư trưởng. Đối với những người còn nghi hoặc thì khiến họ tin tưởng vào đạo đức, biết rõ sự vật có chết là do có sinh, làm thiện được phước, làm ác mang họa, hành đạo thì đạt đạo. Thấy những kẻ sầu khổ, nguy khốn thì giải cứu cho họ thoát khỏi hoàn cảnh ấy; còn những người tật bệnh thì giúp đỡ thuốc men. Những ai tin phục theo lời dạy của Bột, khi mạng chung đều được sinh lên cõi trời. Nếu ở các vùng quận huyện trong nước gặp phải tai biến, hoặc nắng hạn, lụt lội, Bột đến là được bình yên, mọi thứ độc hại thảy đều dứt trừ.

Bấy giờ, có một nước lớn, dân chúng đông đúc, an lạc. Vua tên là Lam-đạt. Bốn vị quan lớn giữa trọng trách trong triều chuyên làm việc tà nịnh, tham dâm, gian dối, xâm chiếm cướp đoạt không chút nương tay, dân chúng phải gánh chịu bao nỗi khổ độc, nhưng nhà vua không hề hay biết. Bột thương xót hoàn cảnh ấy nên thân đến ngoài thành theo đạo nhân Sa-đà, ở nhờ tại đấy bảy ngày rồi mới vào thành khất thực. Nhà vua ở trên lầu cao, trông thấy Bột tuổi còn trẻ mà dung mạo, uy nghi hết mực, dáng đi đứng khác lạ, nên lòng vua rất yêu thích, kính mộ, liền ra gặp Bột, thăm hỏi.

Vua nói:

–Mong đạo nhân lưu tâm đến lời ta nói. Ta có tinh xá ở gần phía ngoài thành, đạo sĩ có thể ngụ ở đấy để tu tập, ta sẽ xin chu cấp mọi thứ cần thiết.

Bột thưa:

–Xin vâng.

Vua vui mừng nói:

–Ý ta muốn, xin đạo sĩ hãy nhận lời, sáng ngày mai mới đến hoàng cung, hàng ngày ở đấy mà thọ trai.

Bột đáp:

–Tốt lắm.

Vua trở về cung, nói với phu nhân:

–Bột không phải là người thường, sáng mai khanh sẽ thấy rõ điều ấy.

Phu nhân nghe vua nói thế, lòng rất vui. Dưới giường nằm có một con chó, tên là Tân Kỳ, nghe chuyện vua kể cũng tỏ ra mừng rỡ.

Sáng hôm sau, Bột đến cung vua, nhà vua cùng phu nhân ra đón, thi lễ, mời Bột ngồi lên giường vàng trải chiếu lộng sạch sẽ quý giá, Bột vừa ngồi lên thì con chó chạy tới liếm chân mình. Nhà vua thân hành bưng nước rửa tay, hết sức cung kính trong việc cúng dường trai phạm cho Bột. Xong xuôi, cả hai cùng ra khỏi cung, đi đến Tinh xá ngoài thành, ở đấy Bột vì nhà vua mà nói về pháp trị nước. Vua nghe, vô cùng hoan hỷ, nhân đó thỉnh Bột ở lại cùng với bốn vị đại thần bàn về công việc trị nước. Bốn vị đại thần ấy ngu si, khiếp nhược, không am hiểu về chiến trận, tự biết mình vốn tham lam ô trọc, nên luôn sợ vua hay được sự tình. Một ông thì cho rằng con người chết rồi, thần thức diệt, không còn việc sinh trở lại. Một ông khác cho là trong đời sống mọi sự giàu nghèo khổ vui thảy đều do trời sắp đặt. Một ông khác thì bảo làm thiện không được phước gì, làm ác chẳng mang họa. Một ông nữa thì hay cậy mình biết xem thiên văn, thông rõ mọi sự vận hành của tinh tú, nhưng tất cả đều gian nịnh, không trung chính. Bột tánh vốn thông minh, tài cao, ý chí dũng mãnh, ham chuộng nhân nghĩa, lời nói luôn thận trọng, thể hiện sự tin, thuận, lúc nói hay mỉm cười, không hề làm Phật ý người nghe. Tâm ý Bột luôn thanh tịnh dứt mọi ham muốn, kiềm chế về thanh sắc, các pháp nêu ra không gây phiền hà, biết trước những trường hợp tai biến, có thể sai khiến quỷ thần, làm cho người chết sống dậy, yêu thương dân như con, đem đạo pháp để giáo hóa, khiến họ lìa bỏ nẻo hung ác xấu xa; các công việc như săn bắt, đánh cá, bắn giết chim muông, sát sinh, trộm cắp, dâm dật, lừa dối, tâu bậy, chửi mắng, nịnh hót, ganh ghét, tranh tụng, giận dữ, yêu mị, nghi hoặc... Bột đều giáo hóa họ trở

nên hiền lành, tốt đẹp. Chính vì thế mà sau khi Bột tham dự việc nước, cả cõi đều được an ninh, mưa gió thuận hợp, năm thứ lúa gạo hoa màu đều dồi dào, các quan đều tuân theo phép nước không còn nhiễu hại dân chúng. Lại rất tôn quý phụng thờ Phật để cầu giải thoát, bốn đạo Sa-môn sớm tối đều đọc tụng, tu tập. Cả đến đám chị em con cháu cũng dốc lòng cầu hiền chuộng, phải luôn kính ngưỡng thờ Bột làm thầy, các bậc hiếu học trong nước, hầu hết đều nhờ cậy Bột. Nhà vua chẳng còn lo lắng gì, tất cả thảy đều ủy thác cho Bột.

Bốn vị đại thần sợ sệt, ganh ghét Bột, vì không còn được thao túng như trước nên dấy ý đố kỵ, mưu tìm cách để hại Bột, mới cùng nhau chung góp của báu, mỗi người hàng vạn hàng ức châu báu như thế, chờ dịp nhà vua đi ra ngoài, liền đem số châu báu ấy dâng lên phu nhân, thưa rõ:

–Chúng thần tâm ý chí thành, xin đem hết mọi thứ hiện có trong gia đình, cả đến thân mạng của đám vợ con, sẽ xin làm nô tỳ, để tâu với phu nhân một việc, cúi mong phu nhân chấp thuận.

Phu nhân động lòng tham vì được nhận số lượng châu báu quý giá như vậy nên cảm tạ bốn vị đại thần, hứa là sẽ sẵn sàng nghe theo lời tâu. Bốn đại thần thưa:

–Nhà vua chỉ lo kính phụng Bột, vốn là kẻ ăn mặc thô lậu khác nào gã hành khất mà thấy chỗ đứng của mình quá lớn lao, nên không còn nhớ nghĩ đến ơn nước, hàng ngày chỉ toàn nói xấu phu nhân, khiến nhà vua rời xa hậu cung chẳng còn ngó ngàng đến phu nhân nữa. Chúng thần trộm nghĩ, phu nhân đang lúc trẻ trung xuân sắc, cần phải có hoàng tử nối giòng, nghĩ lại nếu thời ấy mất đi thì đất nước lấy ai kế vị. Vậy xin phu nhân hãy suy nghĩ kỹ càng, nếu không trừ bỏ Bột thì e rằng sau này hối không kịp.

Phu nhân nghe nói thế, giận dữ bảo:

–Vua tin dùng kẻ ấy, không biết hắn là người xấu ác, mọi việc đều giao phó hết cho hắn, nay tự mình ta lo liệu việc này, chỉ nội trong sáng mai sẽ không còn thấy Bột nữa.

Phu nhân đưa bốn vị đại thần ra về rồi, liền dùng hạt quả Chi tử bôi vàng cả mặt mày, đầu tóc rối tung, nằm dài trên giường. Lát sau, nhà vua trở về cung, kẻ hầu thưa với vua là phu nhân không vui. Vua vốn rất yêu quý phu nhân, nên vào tận giường hỏi tới ba lần, phu nhân vẫn không hở môi. Vua giận lắm bảo:

–Kẻ nào gây ra tội này thật đáng tru diệt! Khanh muốn khiến ta trị tội kẻ ấy chăng?

Phu nhân rơi lệ nói:

–Vua đâu có chịu nghe lời thiếp tâu bày.

Nhà vua nói:

–Khanh cứ nói đi! Ta sẽ không trái với ý khanh đâu.

Phu nhân liền thưa:

–Sáng sớm nay, vua vừa ra khỏi cung thì Bột tới nói với thiếp là hiện tại vua quá già yếu, không thể dự việc triều chính, mà dân chúng cũng như quan lại trong nước thảy đều quy phục theo hắn, vậy có thể mưu đồ việc lớn để cùng hắn chung hưởng hạnh phúc. Tất nhiên là thiếp đã chống lại cái âm mưu xấu xa của gã hành khất kia, vì vậy mà thiếp mới ra nông nỗi này.

Vua nghe lời tâu ấy, khác nào như người đang ăn bị mắc nghẹn, không thể nuốt vào cũng không thể nôn ra được, không theo ý phu nhân thì sợ hối, mà trừng trị Bột thì sợ đất nước rối loạn. Vua nghĩ Bột đã hết lòng trợ giúp mình, đến nay hơn mười hai năm, luôn thể hiện lòng trung chính, lo lắng cho quốc gia, dứt trừ mọi hoạn nạn, xa gần đều trong cậy, đúng là vật báu của đất nước này, chẳng có thể xử trị được.

Vua nói:

–Nay nếu trừng trị Bột, về sau sẽ hoạn lớn. Vì sự an lành của muôn dân, mình nên nhẫn nhục bỏ qua thôi.

Phu nhân nghe vua nói bèn gieo mình xuống khỏi giường cất tiếng khóc than lớn, nói:

–Nếu bệ hạ không trừng trị Bột thì thiếp sẽ dùng dao bén tự kết liễu, hoặc nhảy từ lầu cao xuống đất, không còn mặt mũi nào trông thấy bệ hạ nữa.

Nhà vua lại khuyên giải, bảo:

–Khanh cũng biết về phép nước, đây không phải là việc nhỏ, phải cùng bàn luận cho kỹ.

Phu nhân ngồi lại chỗ cũ.

Vua nói:

–Pháp luật đối với đạo sĩ, không thể dùng dao gậy để gia hình, chỉ sử dụng sự khiển trách dần dần, giảm thiểu sự cúng dường, như sáng mai ông ta đến đây thì chớ có làm lễ như trước, chỉ giơ tay chào mà thôi, lại cấp cho giường gỗ ở nơi dưới điện để ngồi, nấu cơm dùng thứ gạo nát, xấu, bới vào đầy cả bình bát bằng sành. Như thế ông ta sẽ cảm thấy xấu hổ, cảm thấy hết sức khổ sở mà tự bỏ đi.

Lúc nhà vua nói với phu nhân như vậy, con chó Tân Kỳ không chút

vui mừng. Sáng sớm hôm sau, phu nhân theo như lời chỉ dẫn của nhà vua, ra lệnh đầy đủ cho mọi người trong khu vực bếp núc những gì phải làm. Bột đi tới, vào cung, con chó Tân Kỳ nằm ở dưới gầm giường thấy Bột thì gầm gừ nhe răng như muốn cắn. Bột nhìn xem dáng khác lạ của chó, thấy phu nhân chỉ giơ tay chào và bày biện các vật dụng như đã tính trước, liền biết ngay là có âm mưu gì, tự nghĩ mình không hề có ý hại người, trái lại, người khác thì muốn hãm hại mình, như thế thì nên xa lánh, đi vào chốn rừng sâu vắng mà thôi, vì việc oán nhỏ sẽ vỡ ra thành lớn, chẳng thể xem thường, họ đến có âm mưu thì mình phải nên thận trọng. Hễ thân con người đã suy yếu, thay đổi, thì đi theo nẻo chính phải miễn cưỡng, gắng gượng. Ta nay chỉ có mấy thứ vật dụng gần gũi bên mình: Bát thọ trai, bình đựng nước uống, đôi dép da, tấm vải che mưa nắng và cái túi để lọc nước, chỉ từng ấy thứ thôi. Bột ăn xong, thu dọn các vật dụng, chuẩn bị lui gót. Vua kinh hãi, vội hỏi:

–Sao lại vội vàng thế? Rồi quay sang nhìn phu nhân bảo:

–Sao lại khiến ta phải làm trái với ý của Thánh nhân thế này?

Liền đi trước dẫn đường cho Bột, hỏi Bột giờ định đi đâu. Bột đáp:

–Tôi hết lòng vì vua giúp nước, đã mười hai năm rồi chưa từng thấy con chó Tân Kỳ nhe răng gầm gừ như hôm nay, như thế tất có mưu hiểm chẳng lành, nên muốn lánh đi đấy thôi.

Vua nói:

–Thật sự là có việc ấy! Nay thấy ý của đạo nhân mới biết rõ là người rất sáng suốt. Xin tự răn mình phải gắng sức, sẽ trừng trị kẻ xấu ác, vậy đạo nhân chẳng nên bỏ đi.

Bột đáp:

–Vua tâm ý ngày trước thì hậu hĩ mà nay thì bạc bẽo, mà thần chẳng có lỗi lầm gì, vậy xét đúng là lúc nên đi. Phàm có thịnh có suy, có hợp tất có lìa, lành dữ vô thường, phước họa tự đeo đuổi. Kết bạn không bền thì chẳng có thể cùng thân, thân mà không biết hạn chế thì lâu tất sinh ra khinh nhờn, như múc lấy nước suối nếu quậy càng sâu thì nước ắt đục. Gần gũi bậc hiền thì nên trí, học theo kẻ ngu thì chỉ tăng sự mê lầm. Thường thấy sinh kiêu mạn, chỉ sơ xuất xao lãng là thành oán. Bạn lành đón tiếp, lui tới phải đúng lúc, thân tình mà tương kính thì càng lâu dài càng gắn bó đậm đà. Bạn chẳng lành thì giả cầu mong mà không xứng, không thực lòng, ngôn từ đưa đẩy chỉ cốt bùi tai, tạm bợ, không tin nhau. Tiếp ta đúng lễ thì xin đem sự quý kính báo đáp. Đãi ta theo kiểu khinh mạn thì xin sớm chọn nẻo xa lánh. Có lúc cùng thân ái thì có lúc trở lại ghét nhau. Lúc thân ái

còn có thể nương cậy, còn ghét nhau thì chẳng thể gần. Kính là để gần thiện, giới là nhằm xa ác, thiện ác nếu không rõ thì đó là con đường chẳng an lành. Người không lầm lỗi thì không thể dối bức. Kẻ ác việc đã rõ thì không thể dung nạp. Trước, người muốn qua loa thì chẳng thể thân một cách gượng ép. Ân ái đã lìa thì không nên cứ mãi nhớ nghĩ dai dẳng. Chim ngủ đêm nơi cành gãy còn biết thay đổi để tìm chỗ đậu an toàn. Đi, đến luôn đúng phép, hà tất phải giữ lấy nẻo thường. Cành cây mục thì không nên vịn. Ý loạn thì chẳng nên phạm. Người đã muốn ghét nhau, thì cùng thấy nhau nào có vui thú gì. Xướng mà không họa thì có thể biết đấy là bạc bẽo. Người đã dốc đối xử tốt với nhau thì thong thả hay gấp gáp cũng tìm tới nhau. Lời lấy lòng trung bày tỏ, thì có thể biết đấy là tình nghĩa sâu dày. Kẻ tốt không gần, kẻ xấu không lánh, trước kính sau khinh, hiền ngu không phân biệt. Chẳng bỏ đi thì còn đợi lúc nào? Phu nhân lúc đầu thì cung kính lễ bái, nay thì chỉ giơ tay vẫy chào. Nếu thần không đi thì sẽ thấy sự mạ lỵ xua đuổi. Lúc mới đến thì cấp tòa ngồi bằng vàng, nay thì chỉ bày giường gỗ. Buổi đầu thì toàn vật dụng quý giá, còn nay thì chỉ dùng đồ đất, đồ sành. Lúc trước thì cơm là lúa gạo thơm dẻo, nay thì lúa mục gạo nát. Thần mà không đi, thì có thể vừa ăn xong ngã ngay nơi đất. Tri thức cùng gặp gỡ, bậc chủ tất thấy rõ. Một đêm nghỉ lại thì như vàng, đêm thứ hai thì như bạc, đến đêm thứ ba thì chỉ còn như đồng. Chứng cớ đã hiện rõ như thế, không bỏ đi còn đợi đến lúc nào?

Nhà vua nói:

–Nước giàu, dân yên, là do sức đóng góp của đạo nhân, nay đạo nhân dứt bỏ đi thì sau này đất nước sẽ dở dang, bại hoại.

Bột thưa:

–Trong thiên hạ có bốn sự việc tự hủy hoại: Cây đang lúc sum suê hoa trái thì lại chặt bẻ cành nhánh của nói. Rắn hổ mang ngậm nọc độc, chính lại là giặc hại thân mình. Quan phụ tướng chẳng hiền tài, hại đến có đất nước. Người làm điều bất thiện, chết bị đọa vào địa ngục. Đó là bốn đều tự hủy hoại. Kinh nói:

Ác từ tâm sinh
Lại chính là giặc
Như sắt sinh rỉ
Tiêu hủy chính mình.

Vua nói:

–Nước không có người giúp việc tài giỏi, thực sự là mong được nhờ cậy nơi đạo nhân. Nếu muốn vứt bỏ thì đấy tất là sự nguy khốn.

Bột thưa:

–Con người thường có bốn điều tự tạo cái nguy cho mình: Gánh vác giúp việc gia đình kẻ khác; vì người mà làm chứng giúp; môi giới cho việc cưới vợ gả chồng và nghe, dùng lời gian tà. Đó là bốn điều tự rước lấy nguy khốn vào mình. Kinh nói:

Người ngu tạo tác
Vì thân rước họa
Tâm ý buông lung
Khó lường tai vạ.

Vua bảo:

–Đạo nhân là thầy, là bạn của ta. Ta luôn coi trọng điều ấy, không chút xem thường. Xin gánh chịu hết thảy sự bất cập của mình, mong đạo nhân chớ bỏ đi.

Bột nói:

–Bạn có bốn bậc không thể không biết. Có bạn như hoa, có bạn như cân, có bạn như núi, có bạn như đất. Sao gọi là như hoa? Lúc tươi tốt thì cắt lấy đầu cành, khi khô héo thì chẳng ngó ngàng tới. Thấy giàu sang thì quý trọng cầu cạnh, còn gặp nghèo hèn thì rời bỏ. Đó là bạn như hoa. Sao gọi là bạn như cân? Vật nặng thì đầu cúi thấp, vật nhẹ thì đầu ngẩng lên, có cho thì kính, không cho thì coi thường. Đấy gọi là bạn như cân. Còn thế nào là bạn như núi? Ví như ngọn núi vàng, chim thú tụ tập về đấy, lông cánh hình dáng được phủ thêm màu sáng chói, sang quý có thể làm người cùng vinh, giàu sướng cùng vui, đó là bạn như núi. Thế nào là bạn như đất? Trăm thứ lúa thóc, của cải quý giá, tất cả đều trông nhờ vào đấy, ban cho, chu cấp, nuôi dưỡng, bảo vệ, ân dày, sâu chứ không bạc, mỏng. Đó gọi là bạn như đất.

Vua bày tỏ:

–Nay trẫm đã rõ, tâm trí suy nghĩ thật cạn cợt, mỏng manh, đã nghe dùng lời tà nịnh khiến đạo nhân phải bỏ đi!

Bột thưa:

–Người sáng suốt có bốn điều không nên nghe dùng. Đó là bạn bè tà ngụy, quan lại dua nịnh, thê thiếp yêu nghiệt và con cái bất hiếu. Bốn điều ấy thật chẳng nên tin dùng. Kinh nói:

Bạn tà người hỏng
Quan nịnh triều loạn
Vợ nghiệt nhà tan
Con hư, thân lụy.

Nhà vua nói:

–Đã từ yêu kính hậu đãi, nên nhớ lại những ngày tháng tốt đẹp cũ mà đừng rời bỏ trẫm!

Bột thưa:

–Có mười sự việc để nhận biết lòng yêu kính sâu dày: Xa cách không hề quên, gặp nhau thì mừng vui, có món ngon vật lạ cùng gọi, lỡ lời quá đáng thì nhẫn nhịn, nghe điều thiện thì thêm mừng, thấy ác thì hết lòng can gián, việc khó làm có thể làm được, không nhiều lời về chuyện riêng tư, việc gấp thì gắng giải quyết, nghèo hèn không bỏ nhau. Đó là mười trường hợp thể hiện lòng yêu kính sâu dày. Kinh nói:

Chuyển ác theo thiện
Thiết tha vì pháp
Trung chính gắng dạy
Hợp nghĩa đúng đạo.

Vua nói:

–Sự xấu ác của bốn quan phụ chính đã khiến cho đạo nhân quá giận dữ, đến nỗi không thể hỷ xả cho trẫm.

Bột thưa:

–Có tám sự việc để biết là không cùng vui với nhau.

1. Cùng thấy nhau thì sắc diện thay đổi.
2. Những cái liếc cái nhìn lệnh lạc, gian tà.
3. Lời nói bày tỏ không thích hợp.
4. Nói phải thì cho là trái.
5. Nghe bạn suy kém thì thích thú.
6. Nghe bạn hưng thịnh thì không vui.
7. Chế giễu mỉa mai cái thiện của người.
8. Khen ngợi cái ác của người.

Đó là tám sự việc để nhận biết là không cùng vui với nhau. Kinh nói:

Cùng đánh giết người
Còn rõ nguyên nhân
Âm mưu sâu độc
Lòng ấy khó gần.

Vua nói:

–Chính vì trẫm quá đổi ngu dốt, không phân biệt được ánh sáng và bóng tối, lầm lạc theo kẻ ác nên mới làm trái ý Thánh nhân.

Bột đáp:

–Có mười sự việc để biết đó là người sáng suốt.

1. Phân biệt hiền, ngu.

2. Nhận biết sang, hèn.

3. Rõ giàu, nghèo.

4. Tường tận việc khó, dễ.

5. Tỏ suy, thịnh.

6. Xét kỹ chỗ gánh vác.

7. Vào nước thì rõ tập tục.

8. Biết đến nơi đến chốn chỗ quay về.

9. Phải nghe rộng, biết nhiều.

10. Thông đạt thọ mạng đời trước. Đó là mười sự việc để nhận biết người sáng suốt.

Kinh nói:

Hoãn, gấp rõ bạn
Chiến đấu rõ tài
Luận bàn biết sáng
Gạo đắt biết lòng.

Vua than thở:

–Từ khi trẫm gặp được đạo nhân, trong ngoài đều được yên ổn, an lạc. Ngày hôm nay đạo nhân bỏ đi, trẫm hoàn toàn không biết dựa cậy vào đâu!

Bột thưa:

–Có tám sự việc có thể đem lại sự yên ổn.

1. Có được người cha tài năng.

2. Có được nghề nghiệp thành thạo.

3. Sở học thành đạt.

4. Bạn bè hiền lành.

5. Vợ trinh tiết, giỏi giang.

6. Con hiếu thảo, biết thương người.

7. Kẻ nô tỳ thuận hợp.

8. Có thể xa lánh điều ác.

Đó là tám việc đem lại sự yên ổn.

Kinh nói:

Sống mà có tài
Được bạn hiền thích
Các ác không phạm
Có phước thần giúp.

Vua bảo:

–Lời của Thánh nhân chân thành, người nghe không ai là không thích thú.

Bột nói:

–Có tám việc đem lại sự thích thú:

1. Cùng được làm việc với người hiền.
2. Được hầu chuyện với bậc Thánh nhân.
3. Thể hiện bản tánh nhân từ, nhu hòa.
4. Sự nghiệp ngày một đổi mới.
5. Khi giận dữ liền có thể tự ngăn chận được.
6. Luôn lo toan nên ngăn ngừa được hoạn nạn.
7. Được gần gũi với đạo pháp.
8. Bạn bè không hề lừa dối nhau.

Đó là tám việc đem lại sự thích thú. Kinh nói:

Gặp Phật hiện, thích
Diễn kinh đạo, thích
Làng xóm hòa, thích
Hòa thì luôn an.

Vua nói:

–Đạo nhân thường tỏ ra dễ tánh khi được can ngăn, hôm nay sao khó khăn trong việc lưu giữ lại?

Bột tâu:

–Có mười trường hợp: Tham lam keo kiệt, hiếu sắc, lờ mờ không biết phân biệt, nóng nảy hung bạo, chống trả xung đột, mệt nhọc cực khổ, kiêu mạn phóng túng, ưa thích đấu đá, quá đổi ngu si, tiểu nhân hẹp hoài. Đó là mười trường hợp chẳng thể can ngăn. Kinh nói:

Pháp dạy kẻ ngu
Như cùng điếc nói
Người khó giáo hóa
Chẳng thể can, tỏ.

Vua bảo:

–Như trẫm là kẻ kiêu mạn phóng túng, chẳng thể xa lìa thanh sắc; còn đạo nhân đã đạt nẻo vô vi giải thoát, sao lại không dốc lòng giáo hóa trẫm?

Bột đáp:

–Người chẳng thể dùng lời để giáo hóa được, có mười loại: Ngạo mạn, ngu độn, lo sợ, quá vui, tham ăn, thù hận, đói lạnh, bận việc, đang nhập định tư duy. Đó là mười trường hợp không thể dùng lời để giáo hóa. Kinh nói:

Nên nói và cùng làm
Chẳng nên chỉ nói suông
Dối trá, không thành, tín
Bậc cao minh không màng.

Vua hỏi:

–Người đàn bà độc ác nhưng nhan sắc xinh đẹp, lời nói khôn khéo, chải chuốt, như có thể hiện ra bên ngoài tính chất phóng đãng, làm sao nhận biết được?

Bột đáp:

–Có mười sự việc, qua đó có thể nhận biết được:

1. Đầu tóc rối loạn nghiêng lệch.
2. Sắc diện biến đổi, ra nhiều mồ hôi.
3. Lớn tiếng nói cười.
4. Dòm ngó không đoan chánh.
5. Nhận lấy của báu vật trang sức của kẻ khác.
6. Hay ngó trộm nhìn lén qua tường vách.
7. Chỗ ngồi không ổn định.
8. Thường qua lại, lui tới nơi xóm làng.
9. Ưa thích đi ra đạo chơi các chốn hoang vắng.
10. Giao tiếp vui đùa với đám dâm nữ.

Đó là mười sự việc qua đấy có thể nhận biết tính chất phóng đãng của người đàn bà. Kinh nói:

Phụ nữ khó tin
Miệng lưỡi dụ người
Nên bậc cao minh
Phải xa lánh thôi.

Vua nói:

–Chỗ gần trong tình người, hầu hết đều gần gũi, tin tưởng nơi người đàn bà, người vợ, đâu biết được kẻ xấu ác.

Bột đáp:

–Con người có mười sự việc, trường chẳng có thể gần gũi, tin tưởng.

1. Ở chỗ hậu đãi của vua chúa.

2. Ở chốn thân tình của người đàn bà.

3. Ỷ cậy thân khỏe mạnh.

4. Cậy mình có nhiều tài sản.

5. Ở chốn có dòng nước ngâm, thấm lâu.

6. Ở nơi nhà cũ, tường hư mục.

7. Nơi chốn sinh sống của loài thuồng luồng.

8. Mắc tội chút ít mà bị bắt giải lên quan.

9. Đối với người có thọ mạng đời trước xấu ác.

10. Ở những nơi có loài động vật độc hại.

Kinh nói:

Gọi rượu không say
Bảo say không loạn
Vua, nữ, trọng yêu
Đều khó giữ tín.

Vua nói:

–Như lời của đạo nhân chỉ dạy, sự yêu thương là gốc sinh ra điều ác, thật là đáng ghét.

Bột đáp:

–Đáng ghét có năm sự biểu hiện:

1. Miệng nói lời thô bỉ, xúc phạm người.

2. Gièm pha hại người, vui thích khi thấy họ đấu đá.

3. Nhăn nhó cằn nhằn, không tươi vui.

4. Ganh ghét nguyền rủa.

5. Mặt lộ vẻ khinh khi, miệng nói hai chiều.

Đó là năm cách biểu hiện của sự ghét bỏ. Kinh nói:

Giúp, khuyên với người
Mà muốn đội ơn
Họa tới ngay thân
Tự gặp oán lớn.

Vua hỏi:

–Chỗ nào được xem là thích hợp để thực hiện sự yêu kính của con người?

Bột đáp:

–Yêu kính có năm cách thể hiện:

1. Dịu dàng, hòa nhã, hay nhẫn nhịn.

2. Luôn cẩn trọng nhưng tin tưởng.

3. Nhanh nhẹn sáng suốt nhưng ít lời.

4. Lời nói và hành động tương xứng.

5. Giao tiếp càng lâu càng gắn bó sâu đậm.

Đó là năm cách thể hiện sự yêu kính hết lòng. Kinh nói:

Người biết yêu thân
Thận trọng giữ gìn
Chỉ chuộng cao xa
Nẻo học luôn sáng.

Vua hỏi:

–Thế nào gọi là người khinh mạn?

Bột đáp:

–Nhận ra khinh mạn có năm trường hợp:

1. Tóc tai bù xù mà phóng túng.

2. Quần áo nhớp nhúa.

3. Tâm ý nghĩ ngợi đâu đâu.

4. Luôn có thái độ dâm dục không theo lễ.

5. Cười đùa không biết hạn chế.

Đó là năm trường hợp để nhận biết con người khinh mạn. Kinh nói:

Giữ ý theo chánh
Như ngựa đã thuần
Dứt nẻo kiêu mạn
Trời người đều kính.

Vua nói:

–Xin Đạo nhân bằng lòng ở lại, cùng trẫm trở về tinh xá.

Bột thưa:

–Có mười sự việc: Không nên kéo dài thời gian ở nơi chốn có thầy ác, bạn tà. Khinh miệt các bậc Thánh, biểu hiện chống đối họ. Dâm dật, ưa thích rượu chè. Nóng nảy, vội vã xét đoán các bậc trưởng thượng. Người không biết suy xét, báo đáp. Đàn bà không tiết hạnh. Tỳ thiếp ăn mặc chải

chuốt, trang điểm. Đó là mười sự việc, mười trường hợp không nên lưu lại. Kinh nói:

Xa lánh kẻ ác
Hoang dâm chớ gần
Dốc theo bậc Hiền
Đức sáng thành tựu.

Vua bày tỏ:

–Có đạo nhân giúp sức, trẫm luôn an vui, bốn phương vô sự. Hôm nay đạo nhân bỏ đi, trong nước tất không còn cảnh ấy.

Bột nói:

–Có tám sự việc sẽ đem lại an lạc.

1. Thuận thờ sư trưởng.

2. Dẫn dắt dân theo nẻo hiếu thảo.

3. Luôn khiêm tốn, nhún nhường.

4. Thường biểu lộ tính nhân từ, hòa nhã.

5. Sốt sắng cứu giúp các trường hợp nguy cấp.

6. Bản thân nên rộng lượng, yêu người.

7. Giảm nhẹ thuế má, hạn chế việc tiêu dùng.

8. Nhớ nghĩ đến tình cũ, xa mọi oán hận.

Đó là tám sự việc đem lại an lạc. Kinh nói:

Tu gốc các đức
Nghĩ kỹ mới làm
Dốc cứu mạng người
Trọn đời an lạc.

Vua nói:

–Trẫm luôn nhớ nghĩ đến đạo nhân, há có lúc nào quên!

Bột thưa:

–Kẻ trí có mười hai trường hợp nên nhớ nghĩ vào lúc bắt đầu ngày mới.

1. Nhớ nghĩ về việc sám hối những lỗi lầm để dậy sớm làm phước.

2. Nhớ nghĩ về việc lễ bái cha mẹ, các bậc tôn trưởng cho kịp lúc.

3. Nhớ nghĩ về những trường hợp vui thích đã đầy đủ, nên biết dừng lại.

4. Nhớ nghĩ nên kiêng, tránh những lời nói gây nguy hại.

5. Nhớ nghĩ phải nên hết sức thành thật để thấy được lỗi lầm của

mình.

6. Nhớ nghĩ về việc đem lòng trung thực để nói với đám người nghèo khổ.

7. Nhớ nghĩ về việc thương xót để chu cấp, giúp đỡ kẻ nghèo khốn có được của cải.

8. Nhớ nghĩ đến việc cần thực hiện bố thí đồ ăn thức uống.

9. Nhớ nghĩ đến trường hợp theo đúng hoàn cảnh giờ giấc để cùng người ăn uống.

10. Nhớ nghĩ luôn áp dụng sự phân chia đồng đều để lãnh đạo dân chúng.

11. Nhớ nghĩ tới việc dùng ân huệ để ban cho quân lính phải đầy đủ.

12. Nhớ nghĩ đến lúc thích hợp cho việc tu sửa đường lối trị nước.

Đó là mười hai sự việc cần nên nhớ nghĩ. Kinh nói:

Sửa trị công việc
Lo vui đã đủ
Sự nghiệp luôn mới
Trọn không mất thời.

Vua nói:

–Làm sao có được bậc đại hiền, khiến giữ lại được đạo nhân.

Bột thưa:

–Bậc đại hiền có mười hạnh:

1. Học hỏi, lãnh hội những điều cao xa.

2. Không phạm giới luật của kinh pháp.

3. Kính Phật, Tam bảo.

4. Thọ trì điều lành không hề quên.

5. Luôn chế ngự tham dục, giận dữ, si mê.

6. Tu tập thể hiện bốn Tâm vô lượng.

7. Ưa thích thi hành ân đức.

8. Không nhiễu hại muôn loài.

9. Có thể giáo hóa hạng bất nghĩa.

10. Thiện ác không hề lẫn lộn, mập mờ.

Đó là mười hạnh của bậc đại hiền. Kinh nói:

Bậc Hiền khó gặp
Không gì sánh bằng
Nơi chốn sinh ấy

Phúc cả cha ông.

Vua bày tỏ:

–Lỗi lầm của trẫm quá nặng, đã nuôi dưỡng kẻ xấu ác, khiến đạo nhân giận dữ bỏ đi!

Bột thưa:

–Ác lớn có mười lăm loại: Ưa giết hại, cướp đoạt, trộm cắp, dâm dật, dối trá, dua nịnh, khoe khoang tô điểm hão huyền gièm pha ton hót, vu cáo người lành, tham lam ô trọc, phóng túng buông lung, nát rượu nói càn, ganh ghét người hiền, hủy hoại đạo pháp, mưu hại bậc Thánh, không biết tính xét đối với tội lỗi tai vạ. Đó là mười lăm trường hợp của sự xấu ác lớn. Kinh nói:

Gian độc tham ăn
Oán gièm người tốt
Làm điều bất chánh
Chết đọa đường ác.

Vua than thở:

–Không thuyết phục được đạo nhân bỏ ý ra đi, trẫm cảm thấy hổ thẹn lắm.

Bột nói:

–Có mười sự việc đáng xấu hổ:

1. Làm vua mà không thông việc nước.

2. Bề tôi mà không biết giữ lễ.

3. Chịu ơn mà không biết báo đáp.

4. Phạm lỗi mà không dốc hối cải.

5. Hai chồng mà một vợ.

6. Chưa có chồng mà đã mang thai.

7. Học hỏi lâu ngày mà không thành tựu được gì.

8. Như người sử dụng binh khí nhưng khi lâm trận thì không thể chiến đấu nổi.

9. Kẻ tham lam keo kiệt mà xem xét công việc bố thí.

10. Đối với hàng nô tỳ không thể sai khiến được.

Đó là mười trường hợp đáng hổ thẹn. Kinh nói:

Đời cũng lắm người
Luôn biết hổ thẹn
Nên dễ tiến dẫn

Như cỡi ngựa hiền.

Vua bày tỏ:

–Trẫm ngay lúc đầu đã nghĩ, biết là có kẻ tâu bày nhưng khó chế ngự được.

Bột thưa:

–Có mười hai trường hợp gọi là khó:

1. Nhận lãnh việc sai khiến kẻ ngu si.
2. Người khiếp nhược mà chống chọi với kẻ mạnh mẽ.
3. Thù hận cùng gặp nhau.
4. Người học thứ ít ỏi mà nghe chuyện nghị luận.
5. Nghèo khốn mà xin vay nợ.
6. Binh lính mà không có tướng chỉ huy.
7. Thờ vua đến trọn đời.
8. Học đạo mà không tin.
9. Làm ác mà mong được sinh lên cõi trời.
10. Sinh ra gặp thời có Phật.
11. Được nghe pháp Phật.
12. Nghe pháp Phật, thọ trì thực hiện đạt được thành tựu.

Đó là mười hai trường hợp gọi là khó. Kinh nói:

Mạng người khó được
Đời gặp Phật khó
Pháp khó được nghe
Nghe pháp, hành khó.

Vua nói:

–Hôm nay, cùng được đạo nhân chuyện trò, bàn bạc, khiến cho sự hiểu biết của trẫm tăng thêm rất nhiều.

Bột thưa:

–Xin lược nêu ra những điều quan trọng về chỗ con người cần nên nhận thức, lãnh hội là có bốn mươi lăm sự việc: Tu tập, sửa đổi ngay nơi gia đình. Hòa thuận với mọi người trong nhà. Gần gũi, thân thiện với họ hàng bà con xa gần. Tin tưởng đối với bạn bè. Theo học nơi các bậc thầy sáng suốt. Làm việc phải dốc đạt thành tựu tốt đẹp. Chuộng bậc tài cao trí rộng. Phải nên giữ vững nẻo thiện. Giàu sang thì nên thực hiện việc thi ân. Xử lý của cải phải luôn thận trọng. Có tài sản, phải nên mở rộng nghề nghiệp có lợi cho đạo đức. Con còn nhỏ tuổi chớ nên giao phó của cải. Nên

kết giao với người tốt, lành, chớ nên tin tưởng ở hạng người thiếu lễ nghĩa, không liêm sỉ. Tài sản còn nằm ở nơi quan quyền thì phải sớm lo liệu lấy ra. Mua bán giao dịch phải nên thành thật, đừng gian dối. Phàm những nơi chốn cần giao phó, ủy thác, ắt phải đi tới trước để xem xét, tìm hiểu. Chỗ lui tới nên biết đấy là hạng sang hay hèn, vào nước nào phải nên gần gũi, kết thân với kẻ thiện. Làm khách nên nương dựa vào kẻ sáng suốt, hào hiệp, không nên tranh cãi quyết liệt với họ. Giàu có lâu đời thì có thể lại tìm tới, còn vốn dĩ đã bần cùng thì chớ nên mong chờ gì. Có vật báu chớ nên chỉ cho người xem, chuyện cần giấu kín không nên nhỏ to với vợ. Làm vua nên kính trọng kẻ hiền, hậu đãi kẻ dũng lược phải giữ lấy sự trung tín. Hạng người trong sạch có thể trị nước, việc hứng thú nên dốc lập công. Giềng mối của sự giáo hóa, phải lấy hiếu thuận làm gốc. Tình nghĩa thầy trò, luôn lấy sự tôn kính để quý trọng, hòa hợp. Muốn có nhiều đệ tử, phải dốc đem điều nghĩa mà dạy bảo. Làm nghề thuốc phải có kinh nghiệm tạo được hiệu quả, phương thuật tay nghề còn cạn cợt thì chẳng nên thi thố. Đau ốm phải theo sự chỉ giáo của thầy thuốc. Ăn uống phải biết hạn chế đúng mức, phải nhận biết rõ có lợi cho thân thì mới nên dùng các món ngon vật lạ. Vui đùa với cờ bạc thì không thể có của cải, phải khiến chống lại chỗ bày đặt ấy. Ví như cho vay mượn thì tự tay trao cho, có chứng cớ giúp vào. Theo nẻo chánh chớ nên hạ mình. Không lỗi lầm thì mới nên can ngăn những trường hợp giận dữ. Lấy sự thuận hợp mà xa lánh điều ác. Đem sự nhẫn nhục đối với người không kể sang hèn. Tánh hòa thuận, nhã nhặn là tốt. Tu đạo giữ giới, thanh tịnh là trên hết. Đạo lớn trong thiên hạ không gì hơn là đạo tịch diệt giải thoát. Đạo giải thoát ấy không còn sinh, già, bệnh, chết, dứt cảnh đói khát, nóng lạnh, chẳng còn sợ về nước lửa, thù oán, trộm cắp, giặc cướp, cũng dứt mọi ràng buộc của ân ái. Mọi thứ xấu ác của tham dục, mọi nẻo sầu lo khổ não đều diệt hết, nên gọi là Diệt độ. Nhà vua phải nên tự bảo trọng, Bột xin cáo từ.

Vua nói:

–Đạo nhân đã quyết ra đi, có nên nêu bày thêm lời khuyên dạy nào khác nữa chăng?

Bột thưa:

–Ví như ở chỗ đã từng có dòng nước lớn đột nhiên dâng cao lênh láng, dù hàng trăm năm sau, cũng không nên ở trong ấy mà xây dựng thành quách, vì dòng nước đó ắt sẽ tràn xuống trở lại. Người đã từng làm việc xấu ác, dù muốn làm điều lành cũng chẳng nên tin tưởng, vì gốc của tâm xấu kia chưa diệt hết, nên có thể sẽ trở lại làm điều sai trái

không thể đề phòng. Chỗ con người dốc làm, ví như đào ao, cứ đào mãi không ngừng, ắt sẽ gặp được mạch nước. Sự việc đều có tính chất dần dần. Kẻ trí phải thấy được điều tinh tế ấy thì mới có thể giữ lấy mạng mình. Như người bơi lội khỏe mạnh có thể cắt ngang dòng nước để vượt qua.

Vua nói:

–Những lời nêu bày trước sau, trẫm đều ghi khắc trong lòng. Kẻ sĩ, người nữ nói chung là mọi người trong nước không ai là không vui mừng. Kẻ xấu ác trước đây sẽ cúi đầu quy phục không dám hó hé nữa. Xin được nghe lời chỉ dẫn, thảng hoặc gặp người khác lạ, làm sao biết đó là hàng sáng suốt?

Bột đáp:

–Bậc sáng suốt khi hỏi đáp mỗi mỗi đều rõ rệt phân minh, ngôn từ luôn thể hiện điều lành, điềm hay, luôn dựa theo gốc chân chánh. Dự theo đấy để nhận biết. Tánh của người sáng suốt luôn hiền hòa, dịu dàng, cẩn trọng, thuần lành, trí thức sâu rộng nhưng không cao ngạo, là chỗ quy ngưỡng của những cái tốt đẹp không còn nghi ngờ gì nữa. Xem nơi ngôn ngữ, hành động, lòng miệng luôn tương ứng. Xét chỗ ngồi xuống đứng lên, mọi động tĩnh không chút càn quấy; quán sát nẻo xuất xứ, cũng như cách ăn mặc phô bày... nhờ đấy có thể đủ biết được. Cùng với bậc cao minh luận đàm, nên gắng đạt được thâm ý. Đạt được điều ấy rất khó, như tay cầm nắm vật nhọn sắc, nguy hiểm, nên không thể không thận trọng.

Vua hỏi:

–Muốn phụng sự bậc cao minh, tất không thể làm mất cái diệu ý kia. Vậy phải làm thế nào?

Bột đáp:

–Kính trọng chớ khinh thường, nghe, lãnh hội thì phải thi hành. Bậc cao minh luôn nhận biết nẻo chân lý, rõ bản thể của đạo là vô vi tịch diệt, thấu đạt mọi pháp qua lại xưa nay thảy đều quy về không vô, muôn vật cũng như con người chỉ là huyễn hóa, trẻ trung rồi phải già yếu, khỏe mạnh rồi cũng suy ốm, có sinh ắt có tử, giàu sang đều vô thường. Vì vậy, lúc an phải nên nghĩ tới khi nguy, lúc hưng thịnh phải xét tới khi không còn gì cả. Người lành thì nên tăng lòng yêu mến, kẻ bất thiện thì phải đuổi đi xa, dù có thù oán cũng không thực hiện được việc ác xấu. Mềm mỏng mà khó có thể xâm phạm, tưởng như yếu đuối mà thật khó hơn khó thắng. Bậc sáng suốt là như thế đấy, chẳng nên xem thường.

Vua nói:

–Hết lòng yêu kính để phụng sự bậc trí thức cao minh thế thì được phước đức gì?

Bột đáp:

–Bậc trí đem các pháp của Thánh nhân thực hiện nhân ái, vui thích, khai mở sự ngu tối cho mọi người, giúp họ có được sự hiểu biết. Bậc có trí tuệ, trị nước thì luôn dùng nẻo thi ân giúp đỡ làm điều thiện. Tu tập đạo pháp thì theo vị dẫn đường làm chính, nước nhà gặp khó khăn cấp bách thì có thể phân giải, tiến lui luôn biết thời không chút than oán, ân rộng đức lớn, không hề mong cầu đáp trả. Vì thế mà phụng sự bậc ấy thì được phước, trọn đời dứt mọi hoạn nạn. Vua chớ nên nghi ngờ về họ. Phép trị nước không thể để mất đạo. Khuyến khích dân học tập điều thiện, ích lợi ấy đối với nước thật hết mực sâu dày.

Vua than thở:

–Ai có thể giữ đạo nhân ở lại được! Lòng trẫm sầu thảm vật vờ như ngây như dại, hướng về đạo nhân như sắp khóc mà xin xám hối, giải trừ mọi lỗi lầm.

Bột nói:

–Như người không thể bơi lội được thì không nên đi vào chỗ nước sâu. Muốn báo hận thù thì chẳng nên do dự, yếu đuối. Thân thiện, hậu đãi giữa chừng thì xích mích tranh cãi, về sau trở lại tạ lỗi, tuy biết hòa giải, nhưng sự gắng sức ấy sao bằng từ gốc không để xảy ra mâu thuẫn! Điều thiện chẳng được khen thưởng mà trái lại đi nghe lời gièm pha. Thân nay như chim bay, dừng nghỉ ở chốn vô thường, đạo quý ở chỗ thanh tịnh tịch diệt, thì chẳng thích hợp với cõi đời ô trọc như đồng lửa đang lúc cháy lan, cây đứng bên cạnh cũng bị thiêu rụi. Quậy nước phá thuyền khác nào thả rắn độc hại người. Cùng với bậc trí làm việc không nên nhiễu loạn. Cây cỏ tính chất đều khác, chim thú mỗi loài phân biệt. Chim Hạc trắng tự trắng, chim Lô-tư tự đen. Thần với những kẻ ấy khác nhau. Ở đời, dứt mọi tham dục, như ông già làm ruộng quen sống nơi chốn núi đầm, tặng cho ông ta y phục tốt đẹp thì có ích gì. Trong thiên hạ có loại cây tên là Phản liệt, người chủ tự trồng cây nhưng chẳng được ăn quả. Kẻ khác trộm lấy thì quả liền hiện ra. Vua nay cũng như thế. Người khéo đem lại an ổn cho xã tắc thì bày tỏ sự xua đuổi. Kẻ dua nịnh dối trá làm hư hỏng triều chính thì trái lại được lưu giữ để ăn lộc nước. Khách khứa giữ lại lâu ngày chủ nhân ắt chán. Thần nên ra đi thôi.

Vua nói:

–Mạng người hết sức quý trọng, mong đạo nhân rủ lòng nhớ nghĩ lại, nay trẫm muốn dốc hết sức mình phụng sự đạo nhân còn hơn cả trước đây.

Bột thưa:

–Vua tuy nói như thế nhưng cũng không nên bày tỏ ý xấu ác của phu nhân. Thần chẳng nên ở lại. Nhà nhà trong thiên hạ đều có người lo chuyện bếp núc. Hàng Sa-môn sở dĩ mang bình bát đi khất thực là tự vui với việc dứt trừ tham lam, giữ vẹn giới luật tịch diệt, xa lìa mọi tội lỗi.

Vua nói:

–Nay đạo nhân đã bỏ đi, chớ nên hoàn toàn dứt tuyệt mối quan hệ, mong lúc nào đấy sẽ trở lại, khiến trẫm khỏi phải ân hận.

Bột thưa:

–Như cùng khỏe mạnh cả thì hãy còn gặp lại nhau. Huống chi thần lại muốn vào núi để tu tập theo chí nguyện của mình thì việc gặp lại khó xảy ra. Phàm gần nhau mà cùng nghĩ về điều ác thì không bằng xa cách mà cùng nghĩ về điều thiện. Người trí, chỉ qua thí dụ là tự thông tỏ. Xin nói một chuyện. Ví như có người lấy mật bôi lên dao bén, con chó trông thấy mật nên liếm, do thế mà bị dao cắt vào lưỡi, chỉ vì tham chút vị ngọt ấy mà không biết tới sự thống khổ của vết thương phải chịu. Bốn vị quan lớn trong triều cũng như vậy. Chỉ đẹp đẽ nơi lời nói, còn tâm địa thì như dao bén, bệ hạ phải hết sức đề phòng. Từ nay về sau, như có các trường hợp kinh sợ, thì luôn nhớ nghĩ, niệm tên của thần mọi thứ sợ hãi tất sẽ tiêu trừ.

Bột lại nói tiếp:

–Loài chim Kiêu, chim Cú vọ thì chỉ thích kiếm ăn nơi các gò nổng, bầy chuột cống thì chui rúc nơi những đống phân dơ, trăm loài chim thường đậu nơi rừng cây, đàn chim hạc thì ở nơi có ao nước đục, mỗi loài vật đều có những đặc tính khác nhau, sự ham muốn cũng không đồng. Thần thì ưa thích đạo giải thoát. Như nhà vua thì thích trị nước. Vật dùng tuy thô xấu, nhưng chẳng thể vứt bỏ vì mỗi thứ đều có chỗ tích chứa. Ngu hèn hư đốn cũng không thể bỏ vì đều có chỗ dùng. Vua nên biết điều ấy. Thần cũng biết người ở chỗ hướng tới của lời nói, tâm ý. Như chim đậu trên cây, trước sau đều đáp xuống cành, nhánh, chỗ nào kín đáo thì bay tới đậu lên. Thấy con chó Tân Kỳ gầm gừ, là biết ngay trong ngoài đã có âm mưu. Ý muốn chán cái cũ để lại nhận lấy cái mới.

Lúc này thì Bột xin lui, liền đi ra khỏi thành. Vua và phu nhân sụt sùi đưa tiễn. Dân chúng lớn nhỏ không ai là không kêu gào, oán trách. Nhà vua đi theo hỏi tiếp Bột:

–Ai là người có thể tin được?

Bột đáp:

–Con của người chị thần cũng là đạo nhân hiền đức, chuộng thiện có thể cùng hỏi han bàn bạc. Thường thường cùng đi ra khỏi hoàng cung, tuần hành khắp trong nước xem xét các tập tục, lắng nghe những câu hò hát của dân chúng, thì có thể biết được tin tức cùng những sự diễn biến.

Vua nói:

–Xin ghi nhận lời chỉ dạy.

Rồi vua cùng với quan hầu cận và dân chúng, vì Bột mà làm lễ từ biệt.

Sau khi Bột ra đi, bốn vị đại thần kia mặc sức tung hoành ở bên ngoài, dùng những biện luận gian nịnh để xử trị việc nước. Phu nhân thì ở trong cung sử dụng đủ cách yêu mị để chiều chuộng nhà vua, khiến tâm ý vua hầu như mê hoặc, không còn thiết lo nghĩ đến việc nước, chỉ xa xỉ hoang dâm theo sự ưa thích, ngày đêm chìm trong đam mê phóng túng. Các quan trong triều bày ra thuế khóa rồi tự thu lấy, không còn đạo lý gì. Quân lính đủ loại, đi tới các chợ búa mua hàng chẳng cần tiền bạc gì cả. Kẻ mạnh lấn áp kẻ yếu, chuyển sang cướp đoạt, cho tới việc sát hại lẫn nhau, chẳng hề sợ pháp luật, con cái của dân lành bị cướp lấy bắt làm nô tỳ, khiến họ hàng bà con xa gần bị thất lạc, tản tác, dắt dìu nhau chạy trốn sống tạm bợ qua ngày. Bao nhiêu tai biến liên tiếp xảy ra nhưng nhà vua không thể hay biết. Mưa gió không đúng thời, mọi sự trồng trọt đều thất thu, nước nghèo dân khốn, kẻ đói khát lang thang đầy đường, than oán đủ lời, cảm động đến quỷ thần. Dân chúng sầu khổ, kinh sợ, bỏ trốn đến khắp cõi, gào khóc trên đường đi, không ai là không nhớ nghĩ đến Bột. Bột như chim Thương, chim Ưng, luôn đứng đầu các loài chim, ngăn chặn đè bẹp lũ người gian tà, đem lòng Từ bi nuôi dưỡng muôn dân vạn vật khác nào trời Đế Thích.

Vị đạo nhân con người chị của Bột, sau này đã đến một quận khác, thấy đất nước hoang tàn loạn lạc, làng xóm tiêu điều, dân chúng lẻ loi, tan tác, nên trở về hoàng cung tâu với vua:

–Các vị đại thần trong triều đều bất chính, phóng túng, trộm cướp, luôn bắt bớ giết hại người, tàn bạo, độc ác vô đạo, dân oán thần giận, trời thường giáng tai họa, xa gần đều hay mà vua không hề biết. Nay không sớm lo liệu thì dân hẳn không còn biết đâu là nước là vua nữa!

Vua nghe tâu, cả kinh, nói:

–Đúng như Bột đã khuyên răn! Chỗ ta tin dùng như chó sói giữa bầy dê. Đã biết dân ly tán, tình cảnh như xe tuột dốc, như ngựa sổng chuồng, đạo nhân đã nêu bày như thế, vậy xin có lời chỉ dạy.

Đạo nhân thưa:

–Bột ra đi là nước loạn, đều do đám gian thần thao túng, nhà vua nên tính lại, thì đất nước hãy còn cơ hội phục hồi. Xin một chuyến đi tuần dù để mắt thấy tai nghe, sẽ rõ sự thật.

Vua bèn cùng với đạo nhân riêng làm một cuộc xuất cung để đi xem xét tình hình trong nước. Trông thấy chừng vài chục người đàn bà đã lớn, đầu cạo trọc, đều ở tuổi năm sáu mươi, áo quần rách rưới, bẩn thỉu, vừa đi vừa kêu la hò hét.

Đạo nhân hỏi họ:

–Các người tuổi đã lớn, sao chẳng thấy có chồng con gì?

Đáp:

–Phải khiến cho nhà vua cùng khốn cũng như bọn tôi đây thì mới thật là hả dạ.

Đạo nhân bảo:

–Các người nói sai rồi! Vua là bậc ở ngôi vị tôn quý sao lại có thể gây sầu khổ cho bà được?

Người đàn bà đáp:

–Chẳng phải thế! Vua trị nước không đúng pháp, khiến cho đất nước hoang tàn nghèo đói, ban đêm thì khốn đốn với lũ trộm, ban ngày thì cực khổ với đám quan lại sâu mọt. Cơm không đủ bỏ bụng, quần áo không đủ che thân, ai đâu đi cưới hỏi chúng tôi?

Vua lại đi tiếp lên phía trước, thấy nhiều bà già cả, quần áo tả tơi nhớp nhúa, dáng người tiều tụy, mắt lờ đờ, vừa đi vừa gào khóc. Đạo nhân hỏi:

–Thảy đều sầu khổ là do đâu?

Đáp:

–Đáng khiến cho quốc vương phải bị cùng khổ, mù tối cũng như chúng tôi đây thì mới thật là hả hê đó!

Đạo nhân bảo:

–Nói như thế là không đúng. Các người già cả rồi, mắt tự mờ tối, chứ vua có lỗi lầm gì?

Mấy bà già đáp:

–Chúng tôi ban đêm thì bị trộm cướp, ban ngày thì bị quan lại xâm đoạt, cùng khốn phải đi kiếm củi sống qua ngày, gặp phải ong độc chích, rắn rít cắn nên mới ra nông nổi này, chẳng phải là do nhà vua độc ác sao?

Vua và đạo nhân lại đi dần tới trước nữa, nhìn thấy một người đàn bà đang quỳ khom người để vắt sữa, bị con bò giẫm lên hất lăn ra đất, giận mắng con vật:

–Mày phải giẫm lên vợ nhà vua cũng bị té nhào như tao thì mới hả.

Đạo nhân hỏi:

–Bò tự đạp vào người bà còn vương gia có tội lỗi gì?

Đáp:

–Vua cai trị bất chính khiến cho đất nước hoang tàn rối loạn, giặc cướp, trộm cắp, không ai ngăn cấm, nên con bò tốt của tôi bị đoạt mất, nay mới bị con bò chết tiệt này đá đạp. Chẳng phải là do vua độc ác sao?

Đạo nhân nói:

–Bà do không có đức nên chẳng thể làm được việc vắt sữa đấy thôi.

Người đàn bà nói:

–Chẳng phải thế! Nếu vương gia tốt, thì đạo nhân Bột sẽ tự lưu lại, đất nước đâu có loạn lạc như vầy.

Vua và đạo nhân cùng tiến lên đàng trước, trông thấy con quạ đang mổ gắp con ễnh ương. Ễnh ương mắng:

–Phải khiến cho nhà vua ác độc cũng bị mổ ăn như ta đây thì mới thích chí!

Đạo nhân hỏi:

–Ngươi tự mình bị quạ mổ ăn, nhà vua sẽ giúp đỡ cho ngươi được gì?

Ễnh ương đáp:

–Chả cần chuyện giúp ấy! Vua không ban bố ân trạch, việc nước rối loạn, mọi sự tế lễ đều bỏ phế, trời làm hạn hán, nước nôi khô kiệt, nên khiến thân tôi không chốn nhờ vả mới ra tình cảnh này.

Ễnh ương nói tiếp:

–Người biết việc trị nước, thì bỏ đi một tên gian ác để đem lại an vui cho một nhà, trừ bỏ một tên gian ác để đem lại an vui cho cả một làng, một xã. Còn kẻ không biết trị nước thì dân chúng, muôn vật mất hết chỗ ở, thiên hạ oán than, nguyền rủa.

Đạo nhân nói với vua:

–Trăm họ vô tội, lời than oán động đến trời nên thần khiến loài ễnh ương mới phát ra những lời lẽ như thế. Bệ hạ đã tự nghe thấy đủ, phải nên trừ đuổi kẻ xấu ác, đổi xưa sửa nay, tạo cho dân chúng làm lại từ đầu, như

gieo trồng trên đất tốt, mưa nắng đúng thời thì lo gì mà không thu hoạch được?

Vua hỏi:

–Hiện nay nên giao phó công việc ấy cho ai?

Đạo nhân tâu:

–Phải gấp thỉnh Bột trở lại. Bột là bậc Thánh đầy lòng nhân, thông tỏ thời cơ, trở lại là nước ắt an ổn.

Vua trở về cung, liền sai sứ giả vào núi tìm thỉnh Bột, dặn kỹ:

–Như Bột không chịu trở lại hoàng cung, thì phải hướng về Bột, cung kính, khấu đầu thưa: "Nhà vua đã tự biết bao nỗi oán hờn đang chồng chất trên lưng muôn dân, nên ưu sầu chẳng ăn uống được, đang từng giờ từng phút trông đợi Bột. Bột vốn dĩ từ bi, nhân ái, luôn nhớ nghĩ đến muôn loài trong mười phương, biết đất nước ta đang hoang tàn, chắc là sẽ trở lại".

Sứ giả vâng lệnh vua, tìm tới chỗ Bột, dập đầu thưa bẩm:

–Đại vương ân cần bày tỏ lòng quý kính vô lượng, tự biết tội lỗi quá sâu nặng, đã từng làm trái ý Thánh, khiến đất nước xơ xác loạn lạc, trăm họ khốn cùng, lúc này thì luôn rơi nước mắt nhớ nghĩ tới đạo nhân, chẳng thiết gì ăn uống, mong bậc Thánh rủ lòng từ thương tưởng, một lần trở lại hoàng cung để nhà vua cùng gặp mặt.

Bột vì thương xót muôn dân nên đã theo sứ giả trở lại cung vua, trên đường đi gặp một con khỉ lớn bị chết đã nhờ người lột da, tính dùng làm tấm trải ngồi cho nhiều người. Người trong nước nghe tin Bột trở về đều ra khỏi biên giới để nghênh đón. Bột về tới ngoài thành, dừng nghỉ ở tinh xá cũ. Nhà vua thân hành ra đấy gặp Bột, làm lễ, hỏi thăm sức khỏe xong thì ngồi qua một bên, chắp tay cung kính tạ lỗi Bột và nói:

–Trẫm ngu bướng chẳng ra gì, không thấu hiểu sự việc, gây ra bao tai họa cho muôn dân, xin tự gắng sức hối lỗi, cầu cho được toại nguyện.

Bột khen:

–Rất tốt!

Bốn đại thần cho rằng lỗi lầm là do mình.

Bột nói:

–Các vị không có lỗi lầm, sao chẳng bàn nói về chuyện nước?

Bốn đại thần giận, bảo:

–Phàm là Sa-môn đều nhằm cầu mong ở phước trời, người đều xưng tụng đức thiện, thế thì chẳng nên giết chết loài khỉ để lột lấy tấm da nó.

Bột đáp:

–Các vị tự mình theo nẻo lầm lạc, không phân biệt rõ chân, ngụy, đấy thôi. Phải trái tốt xấu, trời thảy đều biết hết. Khổ vui đều có căn do không thể lấy sức mạnh mà giành được. Làm ác tội đuổi theo, tuy lâu vẫn không hề buông tha. Làm thiện phước tới, trọn không hề mất đi. Họa phước do nơi bản thân mình, kẻ ngu cho đó là chuyện xa xôi. Các vị cho rằng ta có tấm da lột này là đã giết chết con khỉ lớn, sự bắt bẻ ấy chỉ dựa dẫm mà nói thôi. Các vị thì cứ im ỉm làm chuyện gian tà, không hề dừng để cùng nhau hỏi han công việc mình làm! Nói rằng mạng người đều tại trời, cho là làm thiện không ích gì. Làm ác không gặp tai họa, sự báo ứng của họa phước chỉ tự nhiên như âm vang. Tiếng vang là ứng theo âm thanh, chẳng phải từ trên trời rơi xuống, các vị làm ác há không tự biết? Dù muốn vu cáo nhưng rõ ràng là không thể được. Đấy không phải là can ngăn ta mà là tự nói đúng về chính mình. Các vị một người thì cho là con người ta chết, thần thức mất hẳn, không còn sinh trở lại nữa. Đó là lời dạy của bậc Thánh chăng? Hay chỉ là theo ý mình nói ra thôi? Tự mình muốn làm ác, thì phản lại nói rằng làm thiện là không có phước, làm ác là không mang họa! Phàm các hình tượng soi sáng trên trời như mặt trời, mặt trăng, tinh tú, đều có vị trí riêng trên kia, thế thì ai làm công việc sắp đặt ấy?

Bốn vị đại thần đều im lặng, Bột lại nói tiếp:

–Mọi sinh hoạt trong khoảng trời đất, thảy đều do từ tội phước. Con người tạo tác thiện ác, như bóng theo hình, khi chết đi, bỏ thân xác, nhưng cái tạo tác kia thì không mất. Ví như gieo hạt lúa thóc, hạt giống ấy bị hủy hoại trong lòng đất, nhưng từ gốc sinh ra cây lá, rồi đơm hoa kết trái trên cành, sự tạo tác đó không bị dứt đoạn. Ví như đèn đuốc được thắp sáng lần lượt thì cái bấc đèn dần dà bị tiêu mất đi, nhưng lửa không hề bị mất, vẫn tiếp tục cháy. Mọi tạo tác đều có tội phước, như người ngày đêm đốt lửa, lửa cháy rồi tắt đi, lại tiếp tục tồn tại. Thần hồn của con người theo sự tạo tác mà lần lượt sinh ra chứ không bị dứt hẳn. Các ông là những người có ý chí, tự cho mình là hơn người, vậy thì như có kẻ giết người thân của mình, có thể cho là vô tội chăng?

Bốn đại thần đáp:

–Ôi, bóng mát của cành cây đã không thể vứt bỏ những lá ấy, huống chi là giết hại người thân mà gọi là vô tội được.

Bột nói:

–Rõ ràng là các ông vấn nạn ta cũng tương tự như thế! Ta chỉ lấy tấm da của con vật đã chết, mà các ông hãy còn đặt điều như vậy được, thế khi

các ông nắm pháp luật trong tay thì sự việc sẽ ra sao? Một người trong các ông bảo là người chết thì thần thức diệt, không còn trở lại sinh ra nữa; một ông lại cho rằng khổ vui đều tại trời; một ông thì nói làm thiện không phước, làm ác không họa; còn một ông thì cậy mình biết xem thiên văn, chỉ là bày ra vẻ bề ngoài là thiện, còn bên trong thì ngầm làm điều gian trá. Ví như vàng giả, thực chất bên trong chỉ là đồng. Trang điểm dáng vẻ bên ngoài với ngôn từ hay ho nhưng tâm thì làm điều dối trá mưu hại, khác nào chó sói ở giữa bầy dê, người chủ không thể biết được. Kẻ ác trong thiên hạ cũng xưng là đạo, trùm tóc, nằm nơi đất, giảng nói kinh sách, giới luật, mà chuyên làm chuyện gian xảo lừa dối, tham lam lợi dưỡng thế tục, chỉ được đám người ngu tin phục theo. Như mưa chỉ làm tung thêm bụi bặm, đám yêu quái cùng tỏ ra ưng bụng. Như nước chảy tràn lan, không biết lúc nào đổ vào biển cả, toàn là gây hư hoại, đau khổ. Chỉ có bậc Thánh nhân là có thể cứu độ khắp thiên hạ, hóa cải điều ác, trao cho điều thiện, không ai là không đội ơn tế độ. Nếu như làm thiện không phước, làm ác không họa thì các bậc Thánh xưa do đâu mà phải tạo ra kinh điển, trao cho bậc vua chiếc gươm bén. Phàm tạo tác là có báo ứng, pháp ấy là tự nhiên. Kẻ làm thiện được phước, kẻ làm ác chịu họa, chỗ ứng báo mau chóng ấy của lẽ trời khiến phước đến không hề chậm trễ, âm đức tuy ẩn giấu, nhưng về sau thì không gì có thể ngăn chận được. Vì vậy mà nước lập vua, vua thực thi pháp của trời, sử dụng bậc Hiền, sai khiến kẻ tài năng, khen thưởng người thiện, trừng trị kẻ gian, thảy đều theo sự tạo tác của mỗi người. Như tiếng vang từ âm thanh. Người chết thần thức ra đi, tùy theo sự tạo tác mà sinh trở lại, như bánh xe lăn không hề rời mặt đất. Tội phước là điều đáng tin thảy không hề là chuyện vu khoác. Người hành động chí thành thì được quỷ thần hỗ trợ, kẻ ác tuy không biết, nhưng chung cuộc tất phải nhận lấy tai họa. Vì vậy mà phải dè dặt, thận trọng, xa lánh điều ác, biết hổ thẹn. Như đều làm thiện, thì khí chất thọ bẩm sẽ đồng. Còn kẻ làm điều bất thiện thì nhiều. Hoặc có trường hợp không bằng nhau, hoặc thọ hay yểu, nhiều bệnh, ít bệnh, xấu thô hay xinh đẹp, nghèo giàu, sang hèn, hiền ngu không đều, đến cả loại mù điếc câm ngọng, què quặt, thịnh suy trăm bệnh đều do thọ mạng kiếp trước tạo tác điều ác dẫn đến. Như được thọ nhận trăm phước, đem lại sự an lạc cho con người, đều là do từ đời cũ đã tạo điều thiện mà có, từ sự tích chứa phước đức, trung thành chánh trực mà được. Nên mới có mặt trời, mặt trăng, trăm sao, mới có trời, người, vua chúa, phú hào, tôn quý... là những chứng cớ rõ ràng, sao có thể cho là không có. Phải nên suy nghĩ thật chín chắn, chớ cho là không phải.

Lúc Bột thuyết giảng như vậy, nhà vua cùng với quan, dân, không ai

là không thông tỏ vui thích, Bột lại nói:

–Ngày xưa có một vị vua tên là Cẩu Liệp, trong ao nơi cung vua có nuôi nhiều cá ngon ngọt, đã ngon mà xương ít, vua sai một người làm công việc trông coi giữ gìn, khiến mỗi ngày dâng lên vua tám con cá ấy. Người trông coi việc đó hàng ngày cũng ăn trộm tám con cá như vua. Vua biết được là đàn cá giảm dần, nên mới lập ra tám người cùng lo việc giữ gìn ao cá. Tám người ấy cũng lại mỗi ngày ăn trộm tám con cá, số cá bị mất vì đám coi giữ này càng nhiều nên đàn cá coi như hết sạch. Vua hiện nay cũng thế. Công việc thì không ít mà kẻ làm loạn thì nhiều quá lắm! Cũng như người vội hái quả non, đã làm mất giống của nó mà ăn thì chẳng mùi vị gì. Vua muốn thực hiện việc trị nước, nếu không dùng bậc hiền tài, thì đã mất hết dân mà về sau cũng không có phước đức. Trị nước mà bất chính thì sẽ khiến thiên hạ dấy tâm tranh giành, cướp đoạt. Như người cai quản tài sản, nếu không dốc tâm chuyên ý thì của cải ngày một hao hụt mất mát. Nước có tướng dũng lược lo việc luyện tập chiến trận, nếu không phát huy đầy đủ ý chí ấy thì đất nước sẽ yếu kém. Làm vua mà không tôn kính đạo đức, chẳng thờ bậc cao minh, còn sống thì những hiền không quy phục, khi chết thì thần thức không được sinh lên cõi trời. Cướp của giết người vô tội khiến muôn dân oán trách, thì trời sẽ giáng tai họa, thân danh đều mất hết. Dùng pháp trị nước, theo nẻo chánh được lòng trung, kính lớn yêu nhỏ, hiếu thuận dốc làm thiện, thì đời hiện tại được an lành, khi chết được sinh lên cõi trời. Ví như con bò đi trên đường, con đi trước đi theo lối ngay thẳng thì những con khác đều đi theo nẻo ấy. Bậc tôn quý có đạo đức thì sẽ làm đích cho kẻ dưới theo đường chính, xa gần đều quy phục sự giáo hóa đó đất nước tất đạt được thái bình. Làm vua phải sáng suốt thấu xưa đạt nay, biết rõ mọi thời cơ động tĩnh, đạt được lẽ cương nhu, cứu giúp kẻ thấp đem lợi ích cho dân, bố thí bình đẳng đều khắp, như thế thì đời đời được giàu sang hơn người, về sau có thể đạt được đạo quả giải thoát.

Nghe Bột nêu giảng như vậy, mọi người ngồi nghe đều vui mừng, hết mực tán thán sự tốt đẹp ấy. Vua liền rời chỗ ngồi đứng dậy, cung kính lễ bái và thưa:

–Những lời đạo nhân nói hôm nay khác nào luồng gió mạnh thổi tan đi bao lớp mây mù, mong được mau chóng thể hiện lòng thương tưởng, dốc lòng giáo hóa như trước.

Bột liền khởi hành, theo nhà vua vào hoàng cung. Bốn đại thần ngu muội mê si tức thì bị phế bỏ. Bột lại lo việc trị nước, thi ân nhuần thấm khắp nơi, mưa thuận gió hòa, năm thứ lúa thóc hoa màu luôn được mùa,

dồi dào, muôn dân vui thích ủng hộ, bốn phương đều quy thuận lui tới đông đúc như mây, trên dưới vui hòa nên xã tắc được thái bình.

Đức Phật nói:

–Đạo nhân Bột thời đó là tiền thân của ta, đạo nhân con của người chị Bột nay là Tôn giả A-nan, vua Lam-đạt ngày ấy nay là vua Ty-tiên-nặc, phu nhân của vua lúc bấy giờ nay là Hảo Thủ *(Toan-đà-lợi),* con chó Tân Kỳ nay là Xa-nặc, bốn vị đại thần nay là bốn đạo nhân đã giết Hảo Thủ chôn xác nơi khu tinh xá Kỳ hoàn, con vật ễnh ương đã bày tỏ những nhận xét về thời cuộc, nay là Tôn giả Âu-đà-da đã đắc quả A-la-hán.

Ta lúc còn là Bồ-tát, đời đời đi theo nẻo thiện, lao khổ vun chứa công đức trải qua hàng vô số kiếp luôn vì muôn dân, cho đến nay đã đạt được quả vị Phật mọi sở nguyện đã thành tựu. Các vị đã được gặp ta, nghe thuyết giảng kinh pháp, đều phải nên tinh tấn làm thiện chớ có biếng trễ.

Đức Phật thuyết giảng xong kinh này, có ba ức người lãnh hội và liền đạt được quả Đạo tích *(Tu-đà-hoàn)*, đều thọ trì năm giới để tu tập.

-oOo-

SỐ 791

PHẬT THUYẾT XUẤT GIA DUYÊN KINH

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng An Thế Cao, người nước An Tức.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Bà-già-bà ở trên núi Kỳ-xà-quật thuộc nước Xá-vệ cùng với đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi đại Tỳ-kheo tăng.

Bấy giờ, Ưu-bà-tắc Nan-đề cùng năm trăm Ưu-bà-tắc, ra khỏi thành Vương xá đến núi Kỳ-xà-quật. Đến nơi, cúi đầu đảnh lễ nơi chân Đức Phật, quỳ gối chắp tay hỏi Phật:

–Bạch Đại Đức! Xin được nghe năm giới Ưu-bà-tắc, những việc làm ác nào là phạm vào giới chính?

Đức Phật đáp:

–Này Ưu-bà-tắc Nan-đề! Có mười việc ác sẽ gây thiệt hại đến mạng sống. Những gì là mười?

1. Đời hiện tại luôn ôm lòng giết hại.

2. Đời sau tâm độc tăng lớn thêm.

3. Thường bị thống khổ giết hại, oán nhau không dứt.

4. Người thấy không vui.

5. Suy nghĩ nhiều việc ác, thấy người sợ hãi.

6. Ngủ không an giấc.

7. Nằm mộng thì sợ hãi, thức dậy thời run sợ hãi hùng.

8. Khi chết thì cuồng loạn mê man.

9. Sau khi chết thân hoại, sinh vào trong địa ngục.

10. Dù được làm người phần nhiều đau bệnh mạng sống yếu ớt.

Đó là mười việc ác.

Trộm cắp tài vật của người khác, có mười việc ác. Những gì là mười?

1. Tham lam sâu nặng.

2. Thường bị mọi người nghi ngờ.

3. Có thể phát sinh tội nặng.

4. Hành thì phi thời, động thì phi pháp.

5. Ác nghịch với bạn bè, xa tránh bậc hiền lương.

6. Phá giới thì quả báo cảm ứng.

7. Thường bị vua tra xét, đền của thường mạng; gieo nghiệp xấu xa, vứt bỏ vật báu.

8. Thân hoại mạng chung, sinh vào địa ngục.

9. Dù được làm người, đói lạnh khổ sở, thậm chí tiền của có nhiều cũng khó được hưởng.

10. Dù thu nhập được một ít tiền của, nhưng bị cộng vào năm việc như: Vua, giặc cướp, nước, lửa và vợ con xấu ác, nay vừa cất giấu, mai biết được sẽ lấy mất.

Đó là mười việc ác.

Tàm dâm có mười việc ác. Những gì là mười?

1. Người chồng thường bị vợ mình tra xét thêm nhiều ác độc.

2. Nhà cửa tan nát.

3. Pháp thiện tiêu diệt, pháp ác tăng thêm.

4. Nguy ách hại đến thân.

5. Không quản thúc được vợ mình.

6. Không nắm giữ được của cải.

7. Thường bị người nghi ngờ.

8. Dòng họ bà con không tin cậy.

9. Gieo nghiệp như vậy, nha môn không trong sạch lương thiện.

10. Thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục, giả sử được làm thân nữ không riêng một vị; nếu được làm thân nam giong ruổi theo tà dâm, bỏ rơi vợ mình.

Đó là mười việc ác.

Nói dối có mười việc ác. Những gì là mười?

1. Miệng thường hôi thối.

2. Thiện thần tránh xa.

3. Ác quỷ dễ xâm nhập.

4. Lời nói thật lưu truyền ở đời, khắp nơi đều không tin.

5. Ở đời bị làm việc nặng.

6. Lời nói không có ý nghĩa.

7. Sự việc chưa rõ ràng tiếng xấu nghe vang đi xa.

8. Bị người xem thường, không được cung kính.

9. Tuy có nói thật nhưng người không làm theo.

10. Phần nhiều ôm sự lo buồn sợ hãi, gieo nghiệp chê bai, khi thân qua đời sinh vào trong địa ngục, dù được làm người thường bị chê bai.

Đó là mười việc ác.

Uống rượu có ba mươi lăm việc ác. Thế nào là ba mươi lăm?

1. Của cải tiêu tan.

2. Các khổ hoạn đưa đến.

3. Oán thù, tranh cãi tăng thêm nặng.

4. Để lộ thân thể.

5. Tiếng xấu lan khắp xa gần.

6. Thông minh trí tuệ ngày càng giảm bớt.

7. Đáng được thì không đạt được.

8. Đã đạt được thì lại mất đi.

9. Việc xấu càng thăm thêm rõ ràng.

10. Không lo nghĩ về việc chánh yếu.

11. Mê mang ẩn hiện.

12. Dung nhan tiều tụy.

13. Khinh mạn tôn trưởng.

14. Không biết cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn.

15. Đối với nhà mình không phân biệt lớn nhỏ.

16. Không tôn kính Phật.

17. Không trọng đại Pháp.

18. Chẳng kính việc Tăng.

19. Gần gũi người ác.

20. Xa rời người trí.

21. Rơi vào đường tà.

22. Tâm không hổ thẹn.

23. Không giữ gìn sáu căn.

24. Hôn mê dâm dục.

25. Khắp nơi đều ghét.

26. Người thấy không thích.

27. Các bậc Tôn túc đều đến quở trách.

28. Chiêu tập, tạo tác việc ác.

29. Cậy dùng thế lực.

30. Không biết trách nhiệm.

31. Bậc trí đức ẩn tránh.

32. Không khác loài voi.

33. Cách xa Niết-bàn.

34. Gieo nghiệp cuồng loạn mê hoặc.

35. Thân chết mạng tiêu, sinh vào trong địa ngục, dù được làm người ngu si tối tăm.

Bấy giờ, Ưu-bà-tắc Nan-đề và năm trăm Thanh tín sĩ, chư Thiên, người đời, bốn chúng đệ tử, nghe Đức Phật nói đều vâng mạng thọ trì, cúi đầu nhiễu quanh xong, vui mừng lui ra.

-oOo-

SỐ 792

PHẬT THUYẾT PHÁP THỌ TRẦN KINH

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng An Thế Cao, người nước An Tức.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật đi du hóa ở khu vườn của Kỳ thọ Cấp-cô-độc thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe thọ nhận lời dạy từ nơi Phật.

Đức Phật bảo:

–Này các Tỳ-kheo! Phàm làm người đều là một pháp, thọ trần tự ô nhiễm, mê hoặc lo buồn, chìm đắm không có đường lối. Ta thấy họ không đạt được đạo Vô thượng cát tường. Ví như người ham muốn nhìn sắc người nữ, vì kẻ sĩ ấy ưa thích sắc nên bị ô nhiễm, bị say đắm, bị tham mê, bị dơ bẩn, bị mê hoặc, đắm trước, bị lưu luyến, bị thọ nhận; chạy theo tiếng nói của dâm nữ, qua lại lâu dài nên thọ sự khổ đau, vì tai muốn nghe âm thanh của dâm nữ; mũi muốn ngửi mùi hương của người nữ; lưỡi muốn được vị xúc ấy; thân lại càng muốn sự trơn láng, qua lại lâu dài nên thọ nhận sự khổ đau, do đó phải biết rõ không nên bị mê hoặc bởi sắc, thanh, hương, vị, xúc của người nữ.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Phàm là người vì một pháp thọ trần tự làm ô uế, mê hoặc lo buồn, chìm mãi không thoát khỏi. Như Lai thấy họ không đạt được đạo Vô thượng cát tường, giống như dâm nữ ưa muốn nhìn sắc của người nam, cho nên người nữ bị tiêm nhiễm, bị say đắm, bị tham mê, bị nhơ bẩn, bị mê hoặc, đắm trước, bị lưu luyến, bị thọ nhận bởi sắc của người nam, thọ sắc qua lại lâu dài nên nhận chịu sự khổ đau; tai muốn nghe giọng nói của người nam, mũi muốn ngửi mùi hương người nam; lưỡi muốn được mùi vị người nam; thân lại muốn sự trơn láng người nam, qua lại lâu dài nên nhận chịu sự khổ đau, vì thế phải biết rõ không nên bị đắm nhiễm bởi thanh, hương, vị, xúc của người nam.

Đức Phật nói như vậy rồi, các đệ tử đều vui mừng thọ trì.

-oOo-

SỐ 793

PHẬT THUYẾT PHẬT Y KINH

Hán dịch: Đời Ngô, Sa-môn Trúc Luật Viêm Cộng Chi Việt.

Thân người vốn có bốn bệnh:

1. Đất.

2. Nước.

3. Lửa.

4. Gió.

Gió tăng thì khí khởi lên, lửa tăng thì nhiệt khởi lên, nước tăng thì lạnh khởi lên, đất tăng thì lực mạnh lên. Vốn từ nơi bốn bệnh này, mà sinh ra bốn trăm bốn bệnh, đất thuộc về thân, nước thuộc về miệng, lửa thuộc về mắt, gió thuộc về tai, lửa ít lạnh nhiều thì mắt mờ. Mùa xuân từ tháng giêng, tháng hai, tháng ba lạnh nhiều; mùa hè từ tháng tư, tháng năm, tháng sáu gió nhiều; mùa thu từ tháng bảy, tháng tám, tháng chín nóng; mùa đông từ tháng mười, tháng mười một, tháng mười hai có gió có lạnh.

Vì sao mùa xuân lạnh nhiều? Vì vạn vật đều sinh ra, nhờ lạnh mà đâm chồi gọi là lạnh nhiều.

Vì sao mùa hè gió nhiều? Vì vạn vật hoa quả tươi tốt âm dương tụ họp gọi là gió nhiều.

Vì sao mùa thu nóng nhiều? Vì vạn vật bị khô héo gọi là nóng nhiều.

Vì sao mùa đông có gió và có lạnh? Vì vạn vật hoàn toàn đã mất hết nhiệt gọi là có gió có lạnh.

Từ tháng ba, tháng tư, tháng năm, tháng sáu, tháng bảy được nằm. Vì sao? Vì gió nhiều cho nên thân thể tỏa ra. Từ tháng tám, tháng chín, tháng mười, tháng mười một, tháng mười hai, tháng giêng, tháng hai không được nằm. Vì sao? Vì lạnh nhiều cho nên thân co lại.

Ba tháng mùa Xuân có lạnh, nên không được ăn mì đậu, nên ăn gạo tẻ, sữa đặc và những vật được nấu chín. Ba tháng mùa hè có gió, không được ăn khoai, đậu, lúa mì, nên ăn gạo tẻ, uống sữa. Ba tháng mùa thu có

nóng, không được ăn gạo tẻ, sữa đặc, nên ăn gạo tấm, bột gạo rang, lúa mì. Ba tháng mùa đông có gió lạnh và âm dương hòa hợp, nên ăn gạo tẻ, canh đậu phụ, sữa đặc.

Khi nằm có lúc gió khởi có lúc diệt, có lúc lửa khởi có lúc diệt, lạnh có lúc khởi lúc diệt. Người bị bệnh có mười nguyên nhân:

1. Người ngồi lâu không ăn cơm.
2. Ăn không tiêu.
3. Lo buồn.
4. Lao lực.
5. Dâm dục.
6. Giận dữ.
7. Nhịn đại tiện.
8. Nín tiểu tiện.
9. Ngăn chặn thượng phong.
10. Bít hạ phong.

Đó là mười nguyên nhân sinh bệnh.

Đức Phật nói:

Có chín nguyên nhân, mạng sống chưa diệt tận mà bị chết bất ngờ:

1. Không nên ăn cơm mà ăn cơm.
2. Ăn cơm không chừng mực.
3. Không tập cách ăn.
4. Không xuất ra.
5. Làm cho dừng lại.
6. Không giữ giới.
7. Gần gũi với ác tri thức.
8. Vào trong nhà không đúng thời, không hành đúng như pháp.
9. Có thể tránh mà không tránh.

Chín nguyên nhân như vậy làm cho mạng người chết bất ngờ.

Không nên ăn cơm mà ăn cơm: Nghĩa là ý không nên ăn cho thỏa ý, cũng không ăn theo bốn thời, vì đã ăn rồi lại ăn nữa, đó là không nên ăn mà ăn.

Ăn cơm không chừng mực: Nghĩa là không biết chừng mực ăn quá nhiều, đó là ăn không có chừng mực.

Không tập cách ăn: Nghĩa là ăn không đúng giờ, nếu đến nước khác,

không biết tục lệ nên ăn cơm không tập theo, không ăn từ từ, đó là không tập theo cách ăn.

Không xuất ra: Nghĩa là ăn thức ăn chưa tiêu hết lại tiếp tục ăn vô, hoặc uống thuốc sổ ra chưa hết lại ăn vào, đó là không xuất ra.

Làm cho dừng lại: Nghĩa là đại tiểu tiện, tiện đi đúng giờ, mà không đi đúng giờ, đến lúc trôn ra thì chận lại, đó là làm cho dừng lại.

Không giữ giới: Nghĩa là phạm năm giới, hiện là kẻ trộm cắp ở thế gian, xâm phạm vợ của người khác, hoặc đưa vào quan huyện, hoặc ở tù, hoặc là chết, hoặc đánh đạp ghê tởm mà chết, hoặc đói chết, hoặc được thoát ra ngoài theo đám oan gia mà chết, hoặc sợ hãi lo buồn chết, đó là không giữ giới.

Gần gũi với tri thức ác: Nghĩa là thấy người ác lại đến giúp cho kẻ đó. Vì sao? Vì không xa được ác tri thức, người ác chịu ngồi ở đó, đó là gần gũi với tri thức ác.

Vào nhà không biết thời, không thực hành đúng pháp: Nghĩa là sáng chiều đi lại, còn tranh đấu với yêu quái, hoặc có trưởng sứ đuổi bắt mà không tránh né, hoặc vào nhà người khác, thấy sai không được nhìn mà nhìn, sai không nên nghe mà nghe, sai không nên phạm mà phạm, sai không nên suy nghĩ mà suy nghĩ, đó là vào nhà không biết thời, không thực hành đúng pháp.

Đáng tránh mà không tránh: Nghĩa là trâu ác, chó điên, rắn độc trùng dữ, lửa, nước, hầm hố, cạm bẫy, xe chạy, ngựa đuổi, dao kéo, người say rượu, người hung ác, ngoài những ngần ấy ra, đó là đáng tránh mà không tránh.

Chín nguyên nhân này làm cho mạng người chưa chết mà chết. Vậy người trí phải biết rõ, việc đáng tránh thì phải tránh sẽ được hai phước là sống lâu và được nghe lời hay về đạo, cũng được hành đạo lâu dài.

Đức Phật nói:

Ăn có bốn cách:

1. Tử phạn.

2. Tam bách mâu chước phạn.

3. Bì cách trùng sinh xuất phạn.

4. Tai phạn.

Tử phạn: Nghĩa là người ham thích mùi vị nên ăn thịt, vì vậy liền tự nghĩ, thịt này chính là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc đời trước của ta, cũng vì không thoát khỏi được sinh tử, suy nghĩ như vậy liền ngăn chặn

sự ham thích đó, gọi là tử phạn.

Tam bách mâu chước phạn: Nghĩa là dù ăn mùi vị đó luôn suy nghĩ có là tai họa cho mình, vô số kiếp không nghĩ đến mùi ấy sẽ được giải thoát; lại nữa, búa rìu chặt mất thân người, vì sinh ra bao nhiêu niệm thì thọ ngần ấy khổ, đó là tam bách mâu chước phạn.

Bì cách trùng sinh xuất phạn: Nghĩa là người nghĩ đến mùi vị, cũng như nghĩ đến tất cả vạn vật, lo lắng việc trong nhà, lại nghĩ đến tâm người khác, ý làm ra vạn thứ bị bỏ đi, đó là ăn da thuộc trùng sinh.

Tai phạn: Nghĩa là làm chết đi một đời đều là tai phạn, giống như ngọn lửa thiêu đốt vạn vật, mọi việc của con người làm đều sẽ mang họa đến thân, lửa mạnh thiêu đốt hết vạn vật cho nên nói là tai họa, sở dĩ nói người ăn, nghĩa là người nghĩ đến người một cách vừa ý nên nói ăn. Người ăn thịt ví như ăn con mình, các loài súc sinh đều bị ta giết như giết cha mẹ, anh em, vợ con, không không tính kể.

Cũng có sáu nguyên nhân không được ăn thịt:

1. Tự mình không giết hại.

2. Không dạy người giết hại.

3. Không cùng đồng tâm giết hại.

4. Thấy giết.

5. Nghe giết.

6. Nghi vì ta cho nên giết.

Không có sáu ý nghĩ này thì được ăn thịt, người không ăn có sáu nghi ngờ, người có thể không ăn thịt, được phước không có sợ hãi.

Đức Phật dạy:

Người ăn nhiều có năm tội:

1. Ngủ nhiều.

2. Nhiều bệnh.

3. Nhiều dâm.

4. Không đọc tụng kinh.

5. Đắm nhiễm nhiều nơi thế gian.

Vì sao? Vì người tham dâm là người say mê vị sắc, người sân nhuế chỉ biết đến mùi vị, người ngu si tham ăn mùi vị. Kinh luật dạy: Người tham mùi vị, thì mùi vị này chồng lên mùi vị nọ, không được vị ngon.

Đức Phật nói:

Ăn là để đoạn trừ sinh tử nhưng lại rơi vào sự tham đắm thì không

thể hành đạo. Vì đạt được Thiên nhãn, tự biết từ đâu đến và sinh đi về đâu, người không nghĩ về sự chết thì phần nhiều tham ăn thường nghĩ vợ người, đều rơi vào một trăm bốn mươi điều ác. Trung thiên đều dùng cách ăn này, cho nên phạm mười điều ác, đời sau bị mất thân người đọa vào trong súc sinh, nếu được làm người, đói khát máu chảy, bàng sinh sân nhuế nơi ái bên trong sinh ra tham đắm.

Đức Phật nói có phước lớn là:

Mình đói mà ăn với người, khiến người được sống, đó là phước lớn. Đời sau ăn uống thiếu thốn, sân nhuế, không có đối tượng bố thí cũng không được bố thí; tâm ý chỉ phóng túng tham dâm; cũng không có đối tượng bố thí; nếu được thỏa ý thì chẳng phải là sở hữu của ta, một đồng tiền trở lên, không được lấy, tạo tác tham dục không những tự khổ đau mà còn tạo tội. Đạo nhân không còn lo buồn, vì lo sẽ lệ thuộc theo buồn và tham đắm. Đời trước chúng ta có năm chết, tháng chết, ngày chết, giờ chết, cũng chẳng biết, chẳng sợ, cũng không hành đạo, chẳng trì giới, đi Đông chạy Tây, lo đồng lo sắt, lo ruộng đất, nhà cửa, nô tỳ, tuy có ích cho người, nhưng tăng thêm khổ não cho người, vì trồng tập khí súc sinh.

Đức Phật nói:

Người mới sinh ra, ví như loài ong lấy mật, chỉ hút lấy các thứ hoa, cần mẫn khổ cực tích chứa hằng ngày để thành được mật, nhưng bị người lấy mất, chúng rất khổ sở, không tự nuôi dưỡng mình được. Người mong cầu niệm này, lo lắng này là lo lắng không có đói khát khổ cực, góp nhặt của cải vật chất, lúc sống thì lo lắng về năm phần trong gia đình, hoặc về nước, lửa, trộm cắp giặc cướp, quan huyện, nghèo khổ, phần nhiều không được như ý. Mình chết rồi thì người khác hưởng, nhưng thân lại mang tội ấy, đau đớn cùng không thể nói được.

Năm phần:

Một là lửa, hai là nước, ba là giặc cướp, bốn là quan huyện, năm là anh em nghèo khổ. Vì sao không lo lắng về sở hữu? Vì người không lo lắng tính toán năm phần trên, thì rất khổ sở không được thọ nhận, lo khổ này có vạn thứ, xiết chặt trong lòng lìa đạo xa pháp. Đời sống nhân pháp là buôn bán tạo tác, nhưng được lợi không nên vui, không được lợi cũng chẳng nên buồn, đây chỉ là do mạng sống đời trước đã gây tạo. Người có tham đắm, tham thì chẳng được lợi lạc gì, giả sử được một ít tiền của vật chất ở trong thiên hạ, cũng không thể tự mình tiêu dùng, cũng không tùy thuộc vào người, nhưng lợi ích con người đã thu nhặt chỉ là khổ đau, chỉ gieo trồng nhân duyên cho đời sau, nhân duyên về lửa, như lửa không có chỗ nào mà

không thiêu đốt. Chúng ta không biết rõ, nên phải xem xét không ôm chấp hư vọng, biết là sẽ tăng thêm khổ đau gieo trồng tội lỗi.

-oOo-

SỐ 794 (A)

PHẬT THUYẾT THỜI PHI THỜI KINH

Hán dịch: Tam tạng Nhược-la-nghiêm, người xứ Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu vườn Thước phong trúc thuộc thành Vương xá, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Hôm nay Như Lai sẽ nói rõ cho các ông về thời và phi thời, hãy ghi nhớ kỹ.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xin vâng, chúng con ghi nhận lời Thế Tôn dạy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế nào là thời, thế nào là phi thời, các Tỳ-kheo phải biết rõ.

Mùa đông:

Từ ngày mười sáu tháng tám đến cuối ngày ba mươi, tháng bảy là thời, nửa ngày cuối tháng năm là phi thời.

Từ ngày một tháng chín đến cuối ngày mười lăm tháng chín là thời, tám ngày cuối tháng sáu chỉ cho là phi thời.

Từ ngày mười sáu tháng chín đến cuối ngày ba mươi tháng chín là thời, sáu ngày cuối tháng bảy là phi thời.

Từ ngày một tháng mười một đến cuối ngày mười lăm tháng mười là thời, ba ngày cuối tháng tám là phi thời.

Từ ngày mười sáu tháng mười đến cuối ngày ba mươi tháng mười một là thời, ba ngày cuối tháng chín là phi thời.

Từ ngày một tháng mười một đến cuối ngày mười lăm tháng mười hai là thời, sáu ngày cuối tháng mười là phi thời.

Từ ngày mười sáu tháng mười một đến cuối nửa ngày ba mươi tháng mười một là thời, ba ngày cuối tháng mười là phi thời.

Từ ngày một tháng mười hai đến cuối ngày mười lăm tháng mười một là thời, bốn ngày cuối tháng chín là phi thời.

Mùa xuân:

Từ ngày mười sáu tháng mười hai đến cuối ngày ba mươi tháng mười là thời, thiếu một ngày cuối tháng tám là phi thời.

Từ ngày một tháng giêng đến cuối nửa ngày mười lăm tháng chín là thời, thiếu ba ngày cuối tháng bảy là phi thời.

Từ ngày mười sáu tháng giêng đến cuối ngày ba mươi tháng chín là thời, thiếu ba ngày cuối của tháng sáu là phi thời.

Từ ngày một tháng hai đến cuối ngày mười lăm tháng tám là thời, cuối của tháng năm là phi thời.

Từ ngày mười sáu tháng hai đến cuối ngày ba mươi tháng bảy là thời, thiếu ba ngày cuối của tháng tư là phi thời.

Từ ngày một tháng ba đến cuối ngày mười lăm tháng sáu là thời, thiếu bốn ngày cuối của tháng ba là phi thời.

Từ ngày mười sáu tháng ba đến cuối ngày ba mươi tháng năm là thời, thiếu sáu ngày cuối của tháng hai là phi thời.

Mùa hạ:

Từ ngày mười sáu tháng tư đến cuối ngày ba mươi tháng ba là thời, thiếu bốn ngày cuối của tháng hai là phi thời.

Từ ngày một tháng năm đến cuối ngày mười lăm tháng hai là thời, thiếu ba ngày là phi thời.

Từ ngày mười sáu tháng năm đến cuối nửa ngày ba mươi tháng hai là thời, thiếu nửa ngày cuối tháng một là phi thời.

Từ ngày một tháng sáu đến cuối ngày mười lăm tháng tư là thời, thiếu hai ngày cuối tháng hai là phi thời.

Từ ngày mười sáu tháng sáu đến cuối nửa ngày ba mươi tháng tư là thời, nửa ngày cuối tháng hai là phi thời.

Từ ngày một tháng bảy đến cuối ngày mười lăm tháng năm là thời, cuối tháng ba thiếu là phi thời.

Từ ngày mười sáu tháng bảy đến nửa ngày ba mươi cuối tháng năm là thời, cuối tháng ba thiếu là phi thời.

Từ ngày một tháng tám đến cuối ngày mười lăm tháng sáu là thời, cuối tháng tư thiếu là phi thời.

Từ ngày mười sáu tháng tám đến nửa ngày ba mươi tháng sáu là thời, thiếu nửa ngày cuối tháng tư là phi thời.

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Ta đã nói thời và phi thời của mười hai

tháng là việc nên làm của các hàng Thanh văn, Như Lai thương xót và lợi ích cho nên giảng nói, việc cần làm ta đã làm xong, như vậy các ông nên thực hành. Nếu ở dưới gốc cây hoặc chỗ trống, ngồi bên đường luôn nhiếp niệm, các Tỳ-kheo chớ buông lung sau này sẽ hối hận, ta đã dạy bảo.

Lúc ấy, Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo hết sức vui mừng, siêng năng thọ trì.

Vì nhân duyên khinh mạn
Chết đọa vào đường ác
Người tu tập duyên lành
Ở đây sinh lên trời.
Duyên tu nghiệp thiện ấy
Lìa ác được giải thoát
Quán nhân duyên bất thiện
Thân hoại vào đường ác.

Pháp sư Nhã-la-nghiêm nước ngoài, tay cầm Hồ bổn, miệng tự tuyên dịch, đạo nhân Lương châu ghi chép xong trong thành Vu điền, mặc áo vải thô ôm viên ngọc thâm thúy, bậc trí mà giả làm người ngu bên ngoài giống như người man di bên trong thì cất giữ viên ngọc sáng, ngàn ức vạn kiếp cùng một thể với đạo.

-oOo-

SỐ 794 (B)

PHẬT THUYẾT THỜI PHI THỜI KINH

Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nhã-la-nghiêm,
người xứ Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật trú ngụ nơi tinh xá tại khu vườn cây của Ca-lan-đà thuộc thành Vương xá. Lúc ấy, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Hôm nay, Như Lai sẽ giảng nói kinh thời và phi thời cho các ông, hãy ghi nhớ kỹ.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con vâng theo lời dạy và lắng nghe.

Thế rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế nào gọi là thời? Thế nào gọi là phi thời? Các Tỳ-kheo phải hiểu rõ.

Mùa đông:

Từ ngày mười lăm tháng bảy là thời, nửa cuối tháng tư là phi thời, từ ngày mười sáu tháng tám đến ngày ba mươi.

Từ ngày mười lăm đến cuối tháng tám là thời, ngày tám cuối tháng sáu là phi thời, từ ngày một tháng chín đến ngày mười lăm.

Từ ngày mười lăm đến cuối tháng chín là thời, từ ngày sáu cuối tháng bảy là phi thời, từ ngày mười sáu tháng chín đến ngày ba mươi.

Từ ngày mười lăm đến cuối tháng mười là thời, từ ngày ba cuối tháng tám là phi thời, từ ngày một tháng mười đến ngày mười lăm.

Từ ngày mười lăm đến cuối tháng mười một là thời, từ ngày bốn cuối tháng chín là phi thời, từ ngày mười sáu tháng mười đến ngày ba mươi.

Từ ngày mười lăm đến cuối tháng mười hai là thời, ngày sáu cuối tháng mười một là phi thời, từ ngày một tháng mười một đến ngày mười lăm.

Từ ngày mười lăm đến cuối nửa tháng mười một là thời, ngày ba cuối tháng mười là phi thời, từ ngày mười sáu tháng mười một đến ngày ba

mươi.

Từ ngày mười lăm đến cuối tháng mười một là thời, ngày bốn cuối tháng chín là phi thời, từ ngày một tháng mười hai đến ngày mười lăm.

Mùa xuân:

Từ ngày mười sáu đến cuối tháng mười là thời, ngày ba cuối tháng tám là phi thời, từ ngày mười sáu tháng mười hai đến ngày ba mươi.

Từ ngày mười lăm đến cuối nửa tháng chín là thời, ngày ba cuối tháng bảy là phi thời, từ ngày một tháng giêng đến ngày mười lăm.

Từ ngày mười lăm đến cuối tháng chín là thời, ngày ba cuối tháng sáu là phi thời, từ ngày mười sáu tháng giêng đến ngày ba mươi.

Từ ngày mười lăm đến tháng tám là thời, cuối tháng năm là phi thời, từ ngày một tháng hai đến ngày mười lăm.

Từ ngày mười lăm đến cuối tháng bảy là thời, nửa cuối tháng tư là phi thời, từ ngày mười sáu tháng hai đến ngày ba mươi.

Từ ngày mười lăm đến cuối tháng sáu là thời, cuối tháng ba là phi thời, từ ngày một tháng ba đến ngày mười lăm.

Từ ngày mười lăm đến cuối tháng năm là thời, cuối tháng ba là phi thời, từ ngày mười sáu tháng ba đến ngày ba mươi.

Từ ngày mười lăm đến cuối tháng tư là thời, cuối tháng hai là phi thời, từ ngày một tháng tư đến ngày mười lăm.

Mùa hạ:

Từ ngày mười lăm đến cuối tháng ba là thời, cuối tháng hai là phi thời, từ ngày mười sáu tháng tư đến ngày ba mươi.

Từ ngày mười lăm đến cuối tháng hai là thời, cuối tháng một là phi thời, từ ngày một tháng năm đến ngày mười lăm.

Từ ngày mười lăm đến cuối nửa tháng hai là thời, cuối tháng một là phi thời, từ ngày mười sáu tháng năm đến ngày ba mươi.

Từ ngày mười lăm đến cuối nửa tháng ba là thời, cuối tháng hai là phi thời, từ ngày một tháng sáu đến ngày mười lăm.

Từ ngày mười lăm đến cuối nửa tháng tư là thời, cuối nửa tháng hai là phi thời, từ ngày mười sáu tháng sáu đến ngày ba mươi.

Từ ngày mười sáu đến cuối tháng năm là thời, cuối tháng ba là phi thời, từ ngày một tháng bảy đến ngày mười lăm.

Từ ngày mười lăm đến cuối nửa tháng năm là thời, cuối nửa tháng ba là phi thời, từ ngày mười sáu tháng bảy đến ngày ba mươi.

Từ ngày mười lăm đến cuối tháng sáu là thời, cuối nửa tháng tư là phi thời, từ ngày một tháng tám đến ngày mười lăm.

Này các Tỳ-kheo! Ta đã giảng nói về mười hai tháng thời và phi thời như vậy, vì các hàng Thanh văn đã làm, với lòng thương xót và lợi ích cho nên giảng nói, Như Lai đã làm xong, các ông phải thực hành, nếu ở dưới gốc cây hoặc chỗ vắng vẻ, ngồi bên đường đều phải suy nghĩ, các Tỳ-kheo đừng để buông lung đời sau sẽ hối hận, ta đã chỉ dạy giới này. Đức Phật nói pháp này xong. Khi ấy, các Tỳ-kheo đều rất vui mừng, siêng năng thọ trì.

Vì nhân duyên khinh mạn
Mạng chung đọa địa ngục
Người tụ tập duyên lành
Đời này sinh lên trời.
Nhờ duyên tu nghiệp lành
Lìa ác được giải thoát
Quán nhân duyên bất thiện
Thân hoại vào đường ác.

Tam tạng Pháp sư Nhã-la-nghiêm tay cầm bản tiếng Phạm, chính miệng phiên dịch, đạo nhân Lương Châu ghi chép xong tại thành Can điền.

Áo thô đậy ngọc
Trí giả làm ngu
Ngoài giống người (mọi) rợ
Trong giữ mình châu (ngọc báu)
Ngàn ức vạn kiếp
Cùng đạo lễ lạy

-oOo-

SỐ 795

PHẬT TRỊ THÂN KINH

Hán dịch: Mất tên người dịch,
nay ghi chép theo bản đời Tây Tấn.

Đức Phật nói:

Phải học công ngữ, không phải pháp hành Sa-môn, ngồi riêng một mình, nên phải chánh tâm, một chỗ ở, một chỗ nằm, một chỗ làm, không ở chính giữa, chăm chú hiểu rõ thân thọ trì kinh, cũng như ở một mình chỉ dẫn ngàn người, một người chiến thắng một ngàn người trong quân lính. Người có thể thắng được, là một người có thể chiến thắng được thân mình, đó gọi là chiến thắng được thân mình, đó gọi là chiến thắng trong quân lính, chiến thắng của sự chiến thắng. Người thắng không phải là chiến thắng, ngoài chiến thắng, đã chiến thắng với thân mình gọi là chiến thắng, không có năng lực thì không thể chiến thắng với ma phiền não, cũng không thể chiến thắng mình, vì không thể tạo tác nên không thể thắng. Tỳ-kheo chiến thắng nhưng không thắng được thì trước hết tự mình phải định vào chánh giáo, sau đó chỉ dạy mọi người cũng giống như mình, tự thân đã tùy thuận vào pháp hành, rồi dạy lại cho người khác. Dễ dạy như vậy thì thân mình cũng thế, nếu như dạy người khác đạt được ý thân giáo, thì không còn khó khăn dạy người khác. Muốn dạy người khác trước phải sửa mình, đã sửa mình rồi, thì từ thân giáo đạt được thông tuệ, đích thân dạy người khác, cho đến dạy nhiều người không còn sai phạm. Tự thân không còn sai phạm, là tự mình nghĩ không còn sai phạm, tự quay về thân không còn lỗi lầm, tự quay về không như tự quay về lẽ thật, dạy thân đạt được sáng tỏ rồi, thì được quay về sáng tỏ, liền đạt được pháp thông sáng và đạt được giới thông sáng, ở trong phiền não mà không còn lo buồn, vì đã thấu rõ nên được an vui, vì đã hiểu biết nên tự thân không còn lo buồn, tự thân quy y, cũng làm cho người khác quy y, thân mình không còn sai phạm thì chỉ dạy mọi người đều từ sự khổ mà được thoát khỏi.

Hỏi: Thế nào gọi là công ngữ?

Đáp: Nói ba mươi bảy phẩm kinh là công ngữ, giảng nói không làm loạn ý người, cũng gọi là công ngữ.

Thế nào gọi là pháp hành?

Đó là không rời bỏ hai trăm năm mươi giới, gọi là pháp hành.

Thế nào gọi là nhất vị hiểu thân?

Nghĩa là biết phân biệt mọi việc trong thân.

Người trong quân lính có thể chiến thắng như thế nào?

Nghĩa là người không thể chiến thắng điều ác.

Thế nào gọi là người hay chiến thắng thân mình?

Đó là ý nghĩ xấu có thể ngăn chận dứt trừ, chính là chiến thắng thân mình.

Thế nào gọi là thân ý giáo?

Nghĩa là thân thọ trì bảy giới, ý thọ ba giới.

Thế nào gọi là nhiều người cũng không sai phạm?

Nghĩa là tâm bình đẳng làm cho mọi người không rơi vào kết sử.

-oOo-

SỐ 796

PHẬT THUYẾT KIẾN CHÁNH KINH

Hán dịch: Đời Đông Tấn,
Tam tạng Trúc Đàm-vô-lan.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại tịnh xá Kỳ-hoàn thuộc nước La-duyệt, sắp đến giờ ăn, các Tỳ-kheo năm trăm người, Bồ-tát và Ưu-bà-tắc một ngàn người, đều đem đồ cúng dường. Ra khỏi tịnh xá Kỳ hoàn thuộc thành La-duyệt, có một cây lớn, tên là Cam hương, rễ sâu gốc lớn, cành lá sum suê, hoa trái chín đỏ, mùi vị ngọt ngào, dưới cây rộng rãi bằng phẳng, lấy đá làm chỗ ngồi. Đức Phật muốn dừng ở đó, các Ưu-bà-tắc liền trải tòa ngồi, Đức Phật ngồi xong, đệ tử Bồ-tát cũng đều ngồi. Lúc đó, có một Tỳ-kheo, tên là Chánh Kiến, mới vào trong giáo pháp, tâm còn nghi ngờ, tự nói thầm, Đức Phật nói còn sinh ở đời sau, cho đến đối với người chết, đều không trở lại được, làm sao biết được? Nhân lúc này hỏi Phật, nhưng chưa kịp nói, Đức Phật đã biết rõ, nhân đó Đức Phật nói trước.

Này các đệ tử! Gốc cây này nhờ một hạt giống, bốn đại nuôi dưỡng, tự nó lớn mạnh, che mát mọi người, vốn là hạt quả ấy, gốc, rễ, lá, quả chưa có chưa thấy, nhờ có bốn đại, nhân duyên giúp nhau, nên mới đâm chồi, trổ lá, nở nhụy, kết hoa, sinh quả, tăng thêm gốc rễ, tự lớn thành cây, tàng lá rộng lớn. Ban đầu gọi là hạt, hạt lại đâm chồi, chồi lại sinh nhụy, nhụy lại mọc lá, lá lại nở hoa, hoa lại kết trái, biến đổi xoay vần, không phải như cũ mà chẳng lìa cái cũ, tên gọi chỉ là tạm gọi, bèn thành cây lớn. Cây lại sinh ra quả, quả lại mọc ra cây, năm tháng lớn lên, vô số như vậy. Đức Phật bảo các đệ tử: Muốn thu nhập được hoa, quả, nhụy, cành, gốc, rễ, thì phải gieo hạt mới có thể được. Các đệ tử đều thưa: Không thể được, nó đã biến đổi, không thể trở lại như cũ, đến ngày khô hư, hạt ấy lại mọc lên, vô cùng như vậy, chuyển sinh chuyển đổi, hoàn toàn đều trở về với sự khô héo, không thể phục hồi mà có thể trở về hạt cũ.

Đức Phật bảo các đệ tử:

–Sống, chết cũng như vậy, thần thức là pháp sinh khởi, pháp sinh

khởi là si mê, si mê thì tham ái, si mê giống như hạt của gốc cây kia, hạt nhỏ mà lớn thành cây to, một chút mê lầm mà sinh ra nhiều nhân duyên, nhiều nhân duyên, vốn do si mê mà sinh ra, ngu si sinh ra hành, hành sinh ra thức, thức sinh ra danh sắc, danh sắc sinh ra sáu nhập, sáu nhập sinh ra xúc, xúc sinh ra thọ, thọ sinh ra ái, ái sinh ra thủ, thủ sinh ra hữu, hữu cho đến sinh, sinh đến già chết, hòa hợp mười hai nhân duyên, mà thành ra thân này. Vì có thân thì sẽ có già chết, thần thức biến đổi, tùy thuộc vào hành động mà sinh đến, liền có cha mẹ, liền thọ hình hài, lại nhờ sáu tình, lại có tập quán, có khổ, vui, có phong tục, đây kia đều không phải như xưa, không được trở lại, không còn nhận biết, hướng đến chỗ thấy mới, cho là có, là thường, tham chấp vào lời khen cho là sự thật, cho là không có đời trước đời sau, thần thức chuyển đổi, tùy thuộc sở hành mà có. Thần thức đã đến chỗ khác, liền có cha mẹ, bèn thọ thân mới, lại có sáu tình, có tập quán, có khổ vui, có phong tục, nên không còn biết rõ, không được trở lại thân cũ, tập quán cũ, chỗ cũ, như cây này không còn trở lại hạt nữa.

Lúc đó, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy quỳ gối bạch Phật:

–Tâm con chưa trừ, chưa hiểu chánh pháp, hôm nay mới phát ra câu hỏi ngu si như vậy, xin Phật thương xót chúng con, làm cho hiểu rõ điều ấy. Con từ khi sinh ra đến nay thấy người chết rất nhiều, hoặc cha con, anh em, vợ chồng trong ngoài, hoặc bạn bè thương yêu nhau, hoặc có oán thù ghét nhau, sau khi chết thần thức biết không còn trở lại, gặp mặt nhau báo trả thiện ác. Vì sao? Thần thức chướng ngại chỗ nào mà không được trở về gặp mặt báo đáp cho người? Xin nguyện Thế Tôn phân biệt giảng nói làm cho chúng con giải trừ tật bệnh được thấy rõ ràng.

Phật bảo:

–Này các Tỳ-kheo! Các thần thức ấy không còn hình tướng, thậm chí chuyển đến chỗ khác, tùy thuộc vào hành động mà có, nếu thân làm phước, thì phước thức chuyển sinh, cũng không được trở lại gặp mặt người khác để báo trả. Vì sao? Ví như xây nhà nấu đá làm sắt, đã thành sắt rồi mới đúc làm dụng cụ, đã thành dụng cụ rồi thì có thể làm lại thành đá ư? Thấy đúng nói thật không chịu, đá làm thành sắt, hoàn toàn không thể trở lại thành đá được.

Đức Phật trả lời:

–Thần thức chuyển biết đến chỗ khác, trụ vào trung ấm, giống như đá nấu thành sắt, từ trung ấm chuyển biến thọ thân hình khác, giống như sắt đun làm thành dụng cụ, hình tiêu thể biến, không còn trở lại thần thức

cũ. Vì sao? Vì hành động thiện hay ác, cho nên thần thức đến thọ nhận việc ấy, thay hình đổi dạng, giống như đá làm thành sắt. Tu hành năm thiện, thọ nhận thân người, thì có cha mẹ, đã có cha mẹ, liền có sáu sự trói buộc:

1. Trụ ở trung ấm, không được trở lại.

2. Tùy chỗ thọ thân trong bào thai.

3. Mới sinh ra phải bị đè ép khổ sở nên quên thức tưởng cũ.

4. Rơi ra đất cho nên thức niệm diệt, liền khởi lên kiến tưởng tạp loạn.

5. Đã sinh ra liền chấp vào bú mớm, vì tham niệm cho nên thức niệm đoạn dứt.

6. Từ ngày sinh ra đến khi lớn lên, quen thấy nhìn chỗ mới, thần thức diệt đi không còn trở lại thức đời trước.

Này các đệ tử! Ví như khách buôn đi khắp bốn phương đất nước, đầy đủ khổ vui, tâm liền nghĩ đến phương Đông thuộc sở hữu của một nước, đã khởi lên niệm ấy thì ba phương kia đã diệt, sinh tử cũng như vậy, từ đời này làm đến đời sau thọ nhận, tức sinh ra tưởng niệm mới, cho nên thức tưởng cũ liền diệt, giống như người khách buôn chỉ nghĩ một phương, còn thức tưởng ba phương kia diệt đi. Dùng sáu việc này thì bị trói buộc ngăn ngại, không còn trở lại thức cũ nữa, giống như hạt mọc thành cây lớn, đá làm thành sắt, biến gốc đổi tên, không còn gặp mặt trở lại để báo đáp.

Đức Phật nói:

–Ví như người thợ gốm lấy đất làm vật dụng, dùng lửa nấu nó thì chuyển thành ngói, lẽ nào làm cho ngói trở lại thành đất ư?

Các để tử thưa:

–Không thể được vì đất đã nung nấu, biến hình thành ngói không thể nào trở lại làm đất.

Đức Phật nói:

–Này các đệ tử! Thần thức chuyển biến chỗ khác, tùy thuộc vào hành động mà thọ thân, như đất thành ngói. Người không thực hành đạo, không trở lại thần thức, cho nên không thể trở lại gặp nhau để báo trả. Này Tỳ-kheo! Ví như một cây có đường kính rất lớn, người thợ mộc giỏi liền chặt cây ấy, điêu khắc thành trăm thức rất đẹp, nếu người muốn tập hợp những thứ đã điêu khắc trở lại thành cây được chăng?

Các đệ tử thưa:

–Hoàn toàn không thể được, vì cây đã chặt đứt, từng khúc điêu khắc hết, cành lá khô héo, không thể gom lại làm thành cây.

Đức Phật nói:

–Này các đệ tử! Thần thức ở đời này, hành động tạo tác thiện ác, đến lúc chết thần thức đổi đến chỗ khác, tùy thuộc nơi hành động mà thọ thân, tập khí và tri kiến không phải của thân cũ, không thể trở lại được, không trở lại thức cũ để gặp nhau báo trả, giống như cây đã chặt đi không thể làm cho sống lại.

Đức Phật nói:

–Ví như thầy giỏi, đun nấu cát vàng tạo thành màu đỏ, lại chuyển thành hình màu trắng, biến hóa như nước. Này các đệ tử! Muốn làm màu đỏ trở lại thành cát vàng, có thể làm thành chăng?

Các đệ tử thưa:

–Thật không thể được. Đun nấu cát vàng đã biến đổi, nên không thể làm lại được.

Đức Phật nói:

–Sinh tử cũng như vậy, người chưa có đạo ý, thì không có con mắt sáng suốt, thân chết thức đi, tùy thuộc vào hành động mà biến đổi, chuyển thọ thân khác và trải qua đời khác, liền thọ bào thai, tập khí và sự thấy biết đều khác không còn thức cũ, cũng như cát vàng làm thành màu đỏ, không thể làm lại màu vàng.

Đức Phật nói:

–Này các đệ tử! Ví như nước ở trong bình tròn thì hình thể của nó cũng tròn, đổi đến chỗ khác thuộc vào đồ vuông, thì hình thể lại vuông, lớn nhỏ, cong thẳng, đều tùy vào chỗ chứa nó.

Này các đệ tử! Sinh tử cũng vậy, thần thức vốn không, không có hình thể thường hằng, tùy vào hành động thiện hay ác, liền đến chỗ thọ thân, trắng đen, dài ngắn, khổ vui, thiện ác, sự thọ nhận chuyển biến tùy thuộc vào sở hành, như hình thể của nước tùy thuộc vào đồ đựng nước; hoặc tùy theo việc làm phi pháp của con người, khi chết đọa vào súc sinh, đều thọ thân xấu, thần thức không trở lại để gặp mặt báo trả.

Này các đệ tử! Ví như loài trùng bọ sinh ở trong đất, không tiếng, không lông, gặp được thời tiết khí hậu, biến đổi thành con ve sầu, bay đâu trên cây, tiếng kêu không dứt.

Đức Phật hỏi các đệ tử:

–Có thể có ve sầu trở lại trong đất biến thành con sâu bọ chăng?

Các đệ tử thưa:

–Thật không thể được. Vì con sâu trùng đã biến đổi, ra khỏi bóng tối ở nơi ánh sáng, thân hình đổi khác cho đến ngày chết, hoặc bị loài chim ăn

thịt, không thể trở lại làm sâu trùng.

Đức Phật nói:

–Này các đệ tử! Sinh tử cũng thế, mạng sống chết đi, thần thức biến đổi đến chỗ khác, liền thọ thân mới, năm ấm ngăn che, sự thấy biết và tập khí khác nhau, ở chỗ kia cũng sẽ già chết, không còn trở lại, thần thức không về gặp mặt báo trả, như con ve sầu ở trên cây không thể xuống đất làm sâu trùng. Đức Phật dạy các đệ tử:

–Ví như cắt thịt sống mà quá giờ không ăn, thì hôi thối sinh trùng giòi, muốn làm thành thịt tươi lại có được không?

Các đệ tử thưa:

–Hoàn toàn không thể được, thịt đã thối hư, không thể làm thành thịt tươi sống được.

Đức Phật nói:

–Sinh tử cũng như thế, người ở thế gian, tâm nghĩ ác, miệng nói ác, thân làm ác, khi chết thần thức chuyển đến chỗ khác, thân đọa vào địa ngục, hoặc làm thân súc sinh hoặc làm thân con giòi trong cá, sự thấy biết hiện tại không giống như trước, lưới tội che phủ, không còn biết rõ, nên không trở lại gặp mặt báo trả, giống như thịt ương kia không thể làm thành thịt tươi được.

Đức Phật nói:

–Này các đệ tử! Ví như đêm tối cuối tháng, dùng vật năm màu thắp trong đêm tối, làm cho ngàn người, vạn người ban đêm nhìn thấy được sắc vật, lại có một người, làm sao phân biệt nó màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng ư?

Các đệ tử thưa:

–Giả sử đến ức vạn người hoặc vô số người nhìn vào ban đêm không thể thấy được, làm sao có thể phân biệt được năm màu.

Đức Phật dạy:

–Nếu như có người, cầm đuốc chiếu sáng, khiến mọi người nhìn thấy thì có thể thấy được không?

Các đệ tử thưa:

–Người dựa vào cây đuốc sáng mà nhìn thấy, đều có thể phân biệt được năm màu.

Đức Phật nói:

–Nếu người ngu cầm ngược ngọn đuốc đi vào chỗ tối, nhưng dừng từ xa, mà muốn nhìn thấy năm màu, có thể thấy chăng?

Các đệ tử thưa:

–Người ngu cầm ngược ánh sáng đi vào chỗ tối, hoàn toàn không thể thấy rõ màu sắc.

Đức Phật nói:

–Này các đệ tử! Sinh tử cũng như thế, tất cả mọi người, cho đến loài bò bay máy động, đều thọ thân hình, ngu si tăm tối ngăn che, không có hành đạo, không học việc của thân, việc của ý, chưa đạt được con mắt tuệ, vì muốn biết nẻo về của sinh tử thần thức đến đi gặp mặt báo trả, ví như đêm tối cuối tháng muốn thấy năm màu, thì không thể thấy được. Nếu tu hành Kinh, Luật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, thu nhiếp tâm mình, được hạnh thanh tịnh, như người cầm đuốc thấy rõ năm màu. Người thuận theo giáo pháp Phật, thì có thể biết rõ sinh tử, thấy rõ năm đường thần thức đi đến, chỗ đọa vào chỗ thiện hay ác, như ngọn đuốc chiếu sáng màu sắc, đều có thể thấy rõ. Người ban đầu không học việc của thân, việc của tâm, làm trái Kinh luật, thuận theo ba dòng đời, khoái lạc phóng túng, đoạn dứt giáo pháp chân thật, không tin không thích, chẳng chịu phụng hành, như cầm đuốc ngược đi vào chỗ tối, trói buộc lâu ngày, nên không thấy biết rõ ràng.

Đức Phật nói:

–Này các đệ tử! Đừng xuôi theo tâm của những người ngu si tối tăm, mà không tin đạo thanh tịnh chánh chân, tự sa vào địa ngục, thân chịu khổ đau, cho nên ta đã chỉ dẫn những ví dụ để các ông lấy đó mà hiểu rõ, thường siêng năng nỗ lực phụng hành Kinh luật, giữ chặt trong tâm.

Đức Phật nói:

–Này các đệ tử! Người sống ở đời này thọ nhận thân hình, bằng mắt thịt nhìn thấy mọi việc ở hiện tại, quán sát rõ ràng cha mẹ bà con, nhưng không thể thấy biết đời trước từ đâu đến, ở đây già chết, sinh đến đời sau, thọ nhận hình hài, thì không thể biết rõ việc đời này. Vì sao? Vì một đời sống, một đời chết, thần thức biến đổi, theo mười hai nhân duyên, ngu si làm chủ, tối tăm mịt mờ, chuyển đổi không biết.

Này các đệ tử! Ví như dệt tấm lụa trắng nhuộm thành màu khác, xanh, vàng, đỏ, đen, thay đổi rất dễ, nhưng không thể đổi trở lại như cũ, sinh tử chuyển nhanh, như tấm lụa nhuộm màu, thần thức vô thường, hình thể tùy thuộc vào sự đắm nhiễm của sở hành, không có mắt sáng, không biết nguồn gốc nên tâm ý bị sở niệm các pháp tạo thành. Người sống một đời, tâm nghĩ vạn nẻo, thiện ác báo ứng, thọ mới diệt cũ theo pháp sinh tử, thường vị ngu tối, muốn biết sinh tử đến đi, thì học rộng mọi việc làm của thân ý, thanh tịnh sâu xa, suy nghĩ gốc ngọn, như vậy

thì tỉnh giấc, giống như nằm ngủ.

Đức Phật nói:

–Này các đệ tử! Thần thức bị pháp ngu si tối tăm mà sinh ra việc làm thiện ác, chết đi, đầu thai, tùy thuộc vào hành động thiện hay ác mà thọ thân hình, như củi cháy, thấy củi hết thì lửa tắt, ý thức không tạo thiện ác thì cũng diệt, vô sở hữu. Người chưa đắc đạo, chìm đắm trong sinh tử, thay đổi không biết, ví như tấm gương bị bụi nhơ phủ lên, cầm ra soi mặt, không thể thấy rõ, ý thức che mờ, sinh tử đổi dời, thảm sầu phủ đầy, dẫn đến tai họa, không còn biết được, như nhìn gương bụi. Lại nữa, ví như nước đục, dẫu có cá, trùng, còn không thấy rõ, sinh tử rối loạn, lo sợ ngăn cách, sinh tử biến đổi, quên mất chốn xưa cũng như nước đục. Ví như đêm tối nhắm mắt mà đi, cho nên không thấy, sinh tử tối tăm, theo dòng tai họa, hoặc vui hoặc buồn, ngăn che thọ nhận, không còn biết rõ, như ban đêm nhắm mắt đi.

Đức Phật nói:

–Này các đệ tử! Hôm nay ta thành Phật, đều nhờ con mắt tuệ thanh tịnh, tất cả sinh tử qua lại nơi ba cõi, Phật đều rõ biết. Ví như dây chuỗi ngọc trân châu lưu ly trong nước sạch, xanh vàng đều thấy, Đức Phật thấy sinh tử, như xem dây chuỗi ngọc. Ví như nước trong, lặng yên thấy đáy, cá trùng ở chỗ đó, đều thấy hết thảy, Phật thấy sinh tử, như thấy cá ở chỗ nước trong. Ví như cây cầu lớn, mọi người đều đi qua lại không ngớt, Phật thấy sinh tử, đi lại năm đường, như thấy người trên cây cầu. Ví như núi cao, nhìn xa đều thấy, ý Phật cao sâu, đều biết sinh tử, phân minh rõ ràng.

Đức Phật nói:

–Này các đệ tử! Các ông hãy thuận theo giáo pháp của ta, có thể biết được việc sinh tử trong ngàn ức kiếp, phải thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Chánh đạo, nhờ đó tâm trừ hết cấu uế, tiêu diệt ba độc, nghi hoặc, kết sử tiêu tan, nhìn thấy thanh tịnh, tâm đạt được tuệ Phật, biết việc đến đi, như nhìn gương sáng, thấy rõ tất cả.

Đức Phật nói:

–Này các đệ tử! Người đời đã tạo thiện ác, chết sang đời sau, đều báo oán nhau, nhưng người chưa đạt được ba con mắt tịnh, do đó nên không thấy không biết, không biết nguồn gốc của mình, bị sáu thứ trói buộc vây quanh, vì bằng mắt thịt, nên không biết nguồn gốc để báo trả, cho như vậy là không thể có vậy. Vì họ chưa đạt đạo, làm mọi việc xấu, đắm chìm theo ngu si, sinh tử biến đổi, nên thọ thân hình, mắt thịt bị mê

hoặc, lìa chỗ cũ thì ràng buộc vào chỗ mới, bốn thứ khổ nhiễu loạn, thức tùy theo sở hành mà chiêu cảm quả báo, không thể rõ biết được, làm cho người hiện tại, hoặc hưởng phước, hoặc bị tai nạn, hoặc thương nhau, hoặc ghét nhau, đó là sự báo trả của việc làm đời trước. Vì không có ba con mắt thanh tịnh, cho nên không thấy không biết, liền bị trói buộc nơi nghi ngờ, tất cả mọi người sinh ra đời này, vốn cùng ngu si, không có tâm hành đạo thanh tịnh, mà muốn mong biết được việc đời trước, thần thức trở lại báo hiệu. Ví như cụt tay mà muốn viết, không mắt mà muốn thấy, thì hoàn toàn không thể được. Cho nên Đức Phật xuất hiện ở đời, chỉ rõ con đường hiện đi qua, để rõ tâm người, dục tri kiến họ, thần thức qua lại, sinh tử đã thọ nhận, thì phải thuận theo lời dạy của Phật thực hành ba mươi bảy phẩm, trí tuệ Bát-nhã, giữ tâm răn ý, điều ý, chánh ý, nhập vào thiền định Tam-muội vi diệu, mới có thể biết được, chỗ đọa của thần thức, và việc quá khứ, vị lai.

Này các đệ tử! Phải siêng năng học biết các việc của thân, của ý, biết rõ đầy đủ pháp đối trị, để diệt trừ vọng nghiệp, không còn loạn động sai lầm, giữ vững chánh pháp. Vì vậy, các ông chớ còn nghi vấn thì có thể thấu rõ.

Đức Phật nói:

–Này các đệ tử! Thần thức có tên gọi không có hình bóng, tùy theo việc làm thiện hay ác, nương vào bốn đại mà làm hình thể, ban đầu sinh ra thân còn nhỏ, các căn chưa đủ, thấy biết còn non kém, đối tượng nhận thức chưa đầy đủ. Đến khi lớn lên, sáu căn đầy đủ, thấy biết thuộc về hình thể, các tập khí ái dục ngày càng lớn mạnh, đến già yếu, bốn đại gầy gò, thấy biết không rõ, sáu căn giảm dần, hiện ở một đời, biến đổi vô thường, không còn như trước, trẻ thì nhớ biết, đến già lại quên mất, huống chi chuyển sang đời khác, thai trung ấm che khuất, chưa có đạo ý, ngu si tạo nghiệp xấu ác, muốn biết ý thức rong ruổi ở quá khứ, gặp mặt báo trả, thì không thể được. Người không hành đạo, mà mong cầu biết được việc đời trước, ví như đêm tối xỏ kim, tìm lửa trong nước, hoàn toàn không thể được.

Này các đệ tử! Hãy siêng năng hành trì kinh luật, nghĩ sâu về sinh tử, vốn từ đâu đến, chết đi về đâu, nhân gì mà luân chuyển, những duyên là gì? Hãy suy nghĩ kỹ, giáo pháp thâm sâu, thanh tịnh dứt trừ nghi hoặc, tự được thấu tỏ.

Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Kiến Chánh cùng năm trăm người và các Ưu-bà-tắc đều chứng được Tu-đà-hoàn, các Bồ-tát đều đạt

được Tam-muội Bất khuynh hồi, đều đứng dậy đi quanh Đức Phật ba vòng, cúi đầu xuống đất làm lễ xong, cùng theo Phật trở về tinh xá.

-oOo-

SỐ 797 (A)

PHẬT THUYẾT BẦN CÙNG LÃO CÔNG KINH

Hán dịch: Đời Tống,
Sa-môn Thích Huệ Giản.

Tôi nghe vầy:

Một thời, Đức Phật ngồi trong tinh xá ở khu vườn Kỳ-đà Cấp-cô-độc thuộc nước Xá-vệ, cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Sa-môn, Bồ-tát một vạn người. Lúc ấy, trời, rồng, quỷ, thần, vô số đại chúng đều cung kính vây quanh, nghe Đức Phật thuyết pháp hết sức vui mừng. Khi đó, có một ông già nghèo khổ, sống hai trăm tuổi, lông mày mọc dài, tai mọc trên đầu, răng thì so le, tay dài quá đầu gối, nhìn diện mạo giống như có tướng, nghèo cùng khổ sở, không áo che thân, năm thể lộ ra, bụng luôn đói khát, bước đi run rẩy, hơi thở yếu ớt. Nghe Phật tại thế tâm lão ta rất vui mừng, ngày đêm phát nguyện chờ đến mười năm, nay mới được kết quả, chống gậy đi đến mong muốn gặp Phật. Đế Thích Phạm thiên giữ cửa ngăn không cho vào, ông già nhân đó kêu lớn:

–Ta sinh đời này bất hạnh, nghèo cùng khổ sở, đói khát lạnh rét, cầu chết không được sống không chỗ cậy nhờ, ta nghe Đức Thế Tôn nhân từ khắp nơi, vạn vật mong nhờ được thọ ân đức, lòng ta vui mừng ngày đêm phát nguyện chờ đến mười năm, hôm nay được gặp. Vì từ xa đến xin được gặp Phật một lần, cầu xa lìa các khổ, các ông ngăn ta, tức làm trái với nguyện của ta, lại sai với Thánh ý, đâu cần phải vậy ư?

Đức Phật đã biết điều đó liền nhìn và nói với Tôn giả A-nan:

–Ông có thấy ông già có tướng sống thọ nhiều năm mà lo tội chưa hết chăng?

A-nan quỳ gối chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lão này có phước an ổn sống lâu mà còn nhiều tội, người nhiều tội đâu được hữu tướng, sống chưa gặp được, nay ở chỗ nào?

Đức Phật nói:

–Ở gần ngoài cửa, Phạm thiên, Đế Thích ngăn cản nên gọi ông ra trước xem sao.

Lúc ấy, ông già chống tay bò lết đến, gặp Phật vui mừng bi cảm nước mắt tuôn rơi, thấy Phật liền làm lễ quỳ gối chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con sinh ra ở đời này bất hạnh, nghèo cùng khốn khổ đói khát lạnh rét, cầu chết không được, sống không chỗ cậy nhờ. Con nghe Đức Phật nhân từ khắp nơi, vạn vật nương nhờ đều thọ ân đức, tâm thầm vui mừng, ngày đêm phát nguyện một lòng gặp Phật, chờ đến mười năm hôm nay mới được kết quả. Vừa rồi ở ngoài cửa đợi lâu không được, tính muốn trở về, khí lực không còn, hết cách tiến, lui, chỉ sợ mạng sống chấm dứt, làm ô uế nơi Thánh môn, tăng thêm tội nặng, không rõ Đấng Thiên Tôn đã xót thương, cho được bước tới, không đạt bản nguyện nhưng được thế này chết cũng không hối hận, chỉ muốn nhanh chóng chấm dứt tội đời sau, xin nguyện xót thương ban cho ân huệ trí tuệ Vô thượng.

Đức Phật nói:

–Thọ sinh của con người là nhân duyên sinh tử, vì nhiều nhân duyên mới có nguồn gốc của tội, hôm nay ta sẽ nói rõ nguồn gốc cho ông.

Lúc ở đời trước ông sinh vào nhà vua Minh Tuệ thuộc nước lớn mạnh. Lúc còn làm thái tử Kiều Quý phi phàm, trên là ngọc báu đối với cha mẹ, dưới thì thần dân phụng thờ, dùng tâm buông lung, khinh miệt mọi người, mục hạ vô nhân, tài sản rất nhiều đều là tài vật của dân, trăm họ nghèo đói, ngồi không đóng thuế, chỉ biết tích chứa, không biết bố thí. Khi ấy, có một Sa-môn nghèo khổ, tên là Tĩnh Chí, từ một đất nước xa đến chỗ thái tử, không mong cầu gì nhiều chỉ xin pháp y, ông ta biết mà không tiếp nhận. Gặp được lại thiết đãi rất ác, đã không cho áo lại còn không cho ăn, không để ngồi trước, đi lại không cho, qua bảy ngày bảy đêm, dứt tuyệt nước cháo, còn chút hơi thở, mạng sống sắp hết, mà ông ta thấy vậy hết sức vui mừng tụ tập mọi người lại xem, lấy làm vui thích. Có vị cận thần hầu bên đã can gián:

–Thái tử chớ như vậy, Sa-môn từ bi cung kính giữ gìn đạo đức, rét không sợ, khát không màn, sở dĩ đến xin nhằm muốn tạo phước, không làm phước chớ tạo tội.

Thái tử đáp rằng:

–Đó là hạng người nào mà giả xưng đạo đức, chỉ thử khổ nhỏ, vừa rồi chưa chết, lúc đó thả đi không còn lo ngại.

Tức liền đuổi đi ra khỏi nước, chưa ra khỏi nước còn hơn mười dặm, lại gặp giặc đói muốn giết để ăn. Sa-môn nghèo khổ nói:

–Ta là Sa-môn nghèo khổ, gầy ốm xương thịt tanh hôi không thể ăn được, không lẽ thấy giết mà không ngăn can.

Giặc đói nói:

–Ta đói khát khổ lụy, hằng ngày chỉ ăn có đất, ngươi tuy ốm gầy đều là thịt, nếu như thả đi ắt sẽ phải chết.

Đôi co như thế rất lâu, thái tử biết được, liền đến cứu nói:

–Ta đã không cho Sa-môn áo mặc, thức ăn, lẽ nào để cho giặc đói giết ư?

Giặc thấy thái tử, đều đến cúi đầu tạ tội rồi thả Sa-môn đi. Vị Sa-môn lúc ấy, nay chính là Bồ-tát Di-lặc, thái tử Kiều Quý nay chính là ông, ông hôm nay nhận tội nghèo cùng này, kiếp trước keo kiệt tham lam, sở dĩ được sống lâu vì cứu mạng sống của Sa-môn, tội phước báo ứng, như hình theo bóng, như âm vang theo tiếng.

Ông già bạch Phật:

–Việc quá khứ đã vậy nguyện xin trả hết hôm nay, nguyện xin được thương xót mạng sống tàn tạ này, được làm Sa-môn, kiếp sau đời đời luôn hầu bên Phật.

Đức Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Lúc đó, ông già râu tóc rụng xuống đất mặc pháp y, tự nhiên khí lực thân thể mạnh mẽ, tai mắt thông sáng, liền đạt được trí tuệ vô thượng, nhập vào pháp môn Tam-muội. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Xưa con làm thái tử
Không biết rõ nhân nghĩa
Kiều Quý tự buông lung
Cậy làm vua nước lớn.
Cho là không tội phước
Tưởng duy trì hoài mãi
Đâu biết rõ sinh tử
Đời này thọ tai ương.
Bị tội lại mong cầu
Gặp được Thiên Trung Thiên
Dứt hết tội đời trước
Thương cho vào pháp môn.
Tâm dứt lìa tham lam
Được nhận gốc tuệ mãi
Đời đời hầu bên Phật
Giữ gìn sống vạn kiếp.

Lúc đó, vị Tỳ-kheo già kia nghe kinh rồi vui mừng đảnh lễ Đức Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo A-nan:

–Nếu có người nào đọc tụng kinh này, sẽ gặp được ngàn Đức Phật ở Hiền kiếp, nếu người thực hành kinh này, đời sau được tuyên truyền, sẽ được Đức Phật Di-lặc thọ ký, lưỡi của Như Lai dài rộng nói ra không sai khác, tất cả đại chúng nghe Phật nói xong, đều vui mừng thọ trì đảnh lễ Phật lui ra.

-oOo-

SỐ 797 (B)

PHẬT THUYẾT BẦN CÙNG LÃO CÔNG KINH

Hán dịch: Đời Tống, Sa-môn
Thích Huệ Giản.

Tôi nghe vầy:

Một thời, Đức Phật ngồi ở tinh xá thuộc nước Xá-vệ, cùng với đông đủ hai ngàn Tỳ-kheo. Lúc ấy, có một ông lão nghèo khổ, sống hai trăm tuổi, lông mày mọc dài, tai mọc trên đầu, răng thì so le, tay dài quá đầu gối, nhìn diện mạo rất là có hữu tướng, nhưng lại nghèo cùng khổ sở, không áo che thân, năm thể lộ ra, bụng luôn đói khát, bước đi run rẩy, hơi thở yếu ớt, chống gậy mà đi, cầu mong gặp Phật, Đế Thích, Phạm thiên giữ cửa, chặn không cho vào. Ông già nhân đó kêu to:

–Ta tuy là dân nghèo khổ thấp hèn, trải qua ngàn thứ khổ, hôm nay gặp được Phật, muốn hỏi rõ tội phước, cầu lìa các khổ. Ta nghe Đức Thế Tôn nhân từ khắp nơi, vạn vật nương nhờ, thọ nhận ân đức, cho nên từ xa đến, xin một lần được gặp, mà ông chặn ta, tức là trái với nguyện ta, làm sai Thánh ý, đâu có thể vậy ư?

Đức Phật đã biết, nhìn A-nan và nói:

–Ông có thấy ông già có tướng sống lâu năm, mà tội chưa hết chăng?

Tôn giả A-nan chắp tay thưa Phật:

–Người được phước tướng sống lâu mà còn chịu tội, người mắc tội đâu thể có tướng, người như thế trước nay con chưa từng gặp.

Đức Phật nói:

–Ở gần ngoài cửa, Phạm thiên, Đế Thích ngăn cản lại, nên ta kêu ông ra trước xem sao.

Lúc ấy, ông lão chống tay bò lết đến, đảnh lễ Đức Phật, buồn vui lẫn lộn, thưa Đức Phật rằng:

–Con sinh ở đời bất hạnh nghèo khổ đói khát rét lạnh, cầu chết không được, sống không chỗ cậy nhờ, mạng người rất nặng, không thể dứt bỏ, nghe Phật ở đời, tâm rất vui mừng, ngày đêm phát tâm, nguyện một lần gặp mặt, chờ đến mười năm, hôm nay được kết quả, vừa rồi ở ngoài cửa, đợi

lâu không đến được, tính muốn lui về, khí lực không còn, tiến lui chưa đi, vì sợ mạng sống chấm dứt, làm ô uế nơi Thánh môn, tăng thêm tội nặng, không ngờ Đấng Thiên Tôn thương xót cho được bước vào, không đạt được bản nguyện, nhưng được như vậy dẫu chết cũng không hối hận, chỉ muốn nhanh chóng chấm dứt đời sau hết tội, xin được thương xót ban cho ân huệ Vô thượng.

Đức Phật nói:

–Thọ sinh của con người là nhân duyên sinh tử, vì nhiều nhân duyên nên có nguồn gốc của tội, hôm nay ta sẽ nói rõ nguồn gốc cho ông. Ông ở đời trước, sinh vào nhà vua Minh Tuệ thuộc nước lớn mạnh. Lúc đó làm Thái tử Kiều Quý phi phàm, trên được cha mẹ thương yêu, dưới thì thần dân cung kính, dùng tâm buông lung, kHinh miệt mọi người, trợn mắt nhìn ngó, tỏ vẻ xem thường, của báu vạn ức đều là vật của dân, trăm họ nghèo đói, ngồi không đóng thuế, chỉ biết tích chứa vật của, không chịu bố thí. Lúc ấy, có Sa-môn đói khát, tên là Tĩnh Chí, từ nước xa đến, mới đến chỗ ông, không mong cầu nhiều, chỉ xin pháp y, ông biết mà không cho, đối đãi rất ác, đã không cho áo, lại chẳng cho ăn, không để ngồi trước, đi cũng không cho, qua bảy ngày bảy đêm, tuyệt dứt nước cháo, chỉ còn hơi thở, mạng sống sắp hết, ông thấy thế hết sức vui mừng tụ tập mọi người lại xem, cho là vui thích, vị thần hầu cận, liền can ngươi rằng:

–Thái tử đừng như vậy, Sa-môn từ bi đáng kính, bên trong tích chứa đạo đức, rét không lạnh, khát không đói, sở dĩ đến xin, vì muốn tạo phước, đã không bố thí, mà còn ép đến cùng, dịp may đã bỏ, chớ tạo tội ấy.

Thái tử đáp:

–Đây là người nào, giả xưng đạo đức, chỉ thử khổ nhỏ, vừa rồi chưa chết. Lúc đó thả đi không còn lo nữa, tức liền đuổi ra khỏi nước, nhưng chưa ra khỏi nước, còn khoảng mười dặm, bỗng gặp giặc đói, muốn giết để ăn. Sa-môn nói rằng:

–Ta là Sa-môn đói rét, gầy ốm lồi xương, thịt thì hôi tanh không nên ăn thế, không nên thấy giết mà không ngăn cản.

Giặc đói lại nói:

–Ta đói, khổ nhiều ngày, chỉ ăn có đất, ngươi tuy ốm gầy, nhưng cũng là thịt, nếu như phải thả người đi ắt sẽ phải chết.

Đôi co như thế rất lâu, thái tử biết được liền đến cứu nói:

–Vì ta không cho vị ấy thức ăn, áo mặc, lẽ nào lại để cho giặc giết ư?

Giặc thấy thái tử, liền cúi đầu tạ tội, liền thả Sa-môn đi. Vị Sa-môn

lúc ấy, nay chính là Bồ-tát Di-lặc, còn thái tử Kiều Quý, nay chính là ông, cho nên ông ngày hôm nay phải nhận chịu tội đói nghèo này, vì kiếp trước keo kiệt tham lam, sở dĩ được sống lâu là cứu mạng sống của Sa-môn, tội phước báo ứng, như hình với bóng.

Ông lão bạch Phật:

–Việc quá khứ còn lại, con nguyện dứt hết hôm nay, xin rủ lòng thương cứu mạng sống xấu này được làm Sa-môn, nguyện kiếp sau đời đời luôn hầu bên Phật.

Đức Phật khen:

–Lành thay, lành thay! Lúc ấy, ông lão râu tóc rụng xuống, thân mặc pháp y, thể khí khỏe mạnh, tai thông mắt sáng, đạt được trí tuệ Vô thượng, nhập vào pháp môn Tam-muội, bằng kệ khen Phật.

Xưa con làm thái tử
Không biết rõ nhân nghĩa
Kiều Quý tự buông lung
Cậy làm vua nước lớn.
Cho rằng không tội phước
Do vậy thường giữ gìn
Đâu biết rõ sinh tử
Đời này thọ tai ương.
Bị tội lại mong phước
Gặp được Thiên Trung Thiên
Dứt hết tội đời trước
Thương cho vào pháp môn.
Tâm dứt hẳn tham lam
Sống lâu trí tuệ lớn
Đời đời hầu bên Phật
Giữ gìn sống vạn kiếp.

Khi ấy, vị Tỳ-kheo già kia nói kệ xong, đảnh lễ Đức Phật lui ra.

-oOo-

SỐ 798

PHẬT THUYẾT TẤN HỌC KINH

Hán dịch: Đời Tống, Cư sĩ
Tự Cừ Lương Thanh.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở tinh xá Tu-đạt, vườn cây của Kỳ-đà Thọ thuộc nước Xá-vệ, cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi người. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn nhã hành, bậc Trí giả phải tuân theo, chỗ tu tập của bậc Trượng phu, bậc Đại sĩ luôn phụng hành, những kẻ ngu phu bất tài thì không thích. Thế nào là bốn?

1. Hiếu thảo cha mẹ vui vẻ nuôi dưỡng.

2. Giữ gìn hạnh nhân từ trước sau không sát sinh.

3. Bố thí giúp người nghèo thiếu không luyến tiếc.

4. Gặp bậc Thánh ở đời bỏ vinh hoa mà cầu đạo.

Đó là bốn nhã hành. Bậc Trí giả đều tuân theo, bậc Trượng phu tu tập, bậc Đại sĩ phụng hành, kẻ ngu phu lại không thích. Khi ấy, Đức Phật nói kệ:

Trí giả xưng hiếu
Thương xót mạng sống
Bố thí khắp nơi
Vượt tục thích tịnh.
Chánh nghiệp như vậy
Minh sĩ tu tập
Thánh kiến đầy đủ
Định trời vô vi.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Lại nữa, có hai pháp: Hoặc ở nơi thanh vắng; hoặc ở chỗ đại chúng. Tâm luôn thực hành chớ có biếng nhác:

1. Im lặng như Hiền thánh.

2. Học rộng giảng luận nghĩa lý sâu xa.

Lại có hai việc bố thí: Ăn uống vị ngon để nuôi mạng sống, mở bày kinh điển hiểu rõ giáo lý nhiệm mầu. Cho nên Tỳ-kheo, luôn suy nghĩ tuyên dương trí tuệ, diễn giảng giáo pháp vi diệu chớ có nghi ngờ, tự mình tẩy sạch và dứt hết nhiễm trần. Đạo pháp như vậy mãi mãi rốt ráo, mới gọi là người xuất gia giác liễu đầy đủ.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo vui mừng đảnh lễ ghi nhận lời Phật dạy.

-oOo-

SỐ 799

PHẬT THUYẾT LƯỢC GIÁO GIỚI KINH

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng
Pháp sư Nghĩa Tịnh.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Thất-la-phiệt, cùng với vô lượng chúng Bí-sô hội đủ. Đức Phật bảo các vị Bí-sô:

–Các ông nên biết! Ở trong pháp của ta có cách nuôi sống chân chánh, ít ham muốn, biết đủ, nghĩa là đệ tử của ta cạo tóc, nhuộm y, bưng bát đi từng nhà khất thực, tự nuôi sống. Đó là việc mà kẻ ngu trong thế gian hay khinh thường. Nếu có thiện nam tịnh tín lìa tục xuất gia, tu hành những việc ấy, không vì nạn vua bức bách, không vì giặc cướp hay sợ mắc nợ, lo sợ không giữ mạng sống; chỉ vì phát tâm nhàm chán đối với sinh, già, bệnh chết, lo buồn khổ não, nhằm đoạn trừ các khổ tích tụ, sự trói buộc của phiền não, cho đến tận cùng không còn gì nữa để cầu giải thoát, các ông há chẳng phải vì việc ấy mà cầu xuất gia sao?

Các Bí-sô bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy! Chúng con vì giải thoát nên cầu xuất gia.

Phật bảo:

–Này các Bí-sô! Như có một hạng Bí-sô gây tạo tội ác, tuy có xuất gia nhưng tánh tình nhiều tham nhiễm, đối với năm dục họ rất tham đắm, hoặc khởi sân hận, sinh ý nghĩ xấu, tâm thường buông lung, không siêng năng, phần nhiều thường thất niệm, không tu tập thiền định, chạy theo các cảnh, ưa thích những việc thấp kém, không mong cầu những hạnh cao thượng, rốt cuộc không được gì cả. Hạng người ác ấy như thế nào?

Này các Bí-sô! Hãy nghe ta nói thí dụ: Như ở trong vùng đồng trống vắng dùng củi thiêu đốt tử thi, hai đầu cây củi đã cháy, ở giữa thì lam nham nhơ nhớp nên khúc củi này không được người trong xóm làng và người ở đồng trống sử dụng. Do đó, nay ta lấy việc này làm thí dụ cho một hạng

người xuất gia mà biếng trễ ngu si, xả bỏ các việc dục lạc nơi cuộc đời thế tục, mong đạt được lợi ích của hàng Sa-môn, nhưng không chịu tu tập, thường có ba loại suy nghĩ về bất thiện, đó là: Suy nghĩ về năm dục, suy nghĩ sân hận, suy nghĩ lừa dối. Ba loại suy nghĩ bất thiện này phát sinh từ đâu?

Nên biết, chúng từ vô minh làm nhân mà sinh khởi ra, khi thân hoại mạng chung bị đọa vào ba đường ác. Do đó, các ông nên siêng năng tu tập dốc đoạn trừ vô minh. Ta là bậc Đại Sư, các ông là đệ tử, nay ta đem việc cốt yếu trong giáo pháp để giảng nói cho các ông, do vì lòng đại Bi, do thương xót, vì để tạo lợi ích và vì sự an lạc thù thắng. Như chỗ ta đã giảng nói, các ông nên tu tập, hoặc ở nơi núi rừng, chốn A-lan-nhã, bên gốc cây hoặc khoảng đất trống, các ông hãy khéo suy nghĩ kỹ, không nên phóng dật, đừng để sau này sinh tâm hối hận. Ai tu hành đúng như lời giảng nói sẽ được giải thoát.

Khi Đức Thế Tôn giảng nói lời ấy xong, các Bí-sô đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 800

PHẬT THUYẾT VÔ THƯỢNG XỨ KINH

Hán dịch: Mất tên người dịch, dựa vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba bậc Vô thượng, các ông hãy lắng nghe, Như Lai sẽ giảng nói cho các ông.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Xin vâng được nghe!

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ba bậc Vô thượng là:

1. Phật là bậc Vô thượng.

2. Pháp là bậc Vô thượng.

3. Tăng là bậc Vô thượng.

Như các chúng sinh hoặc hai chân, bốn chân, không chân hay nhiều chân, hoặc có sắc, hoặc không sắc, hoặc có tưởng hoặc không tưởng, hoặc phi tưởng hoặc phi vô tưởng, trong các loài ấy, Như Lai được gọi là bậc Vô thượng.

Này các Tỳ-kheo! Nếu chúng sinh nào đối với bậc Phật Vô thượng ấy, phát khởi lòng tin, tâm hướng đến Phật, thì ở trong hàng trời, người được quả báo vô thượng.

Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là bậc Vô thượng thứ nhất.

Lại nữa, các Tỳ-kheo! Đối với các pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp sắc, pháp vô sắc, thì pháp lìa dục là vô thượng. Này các Tỳ-kheo! Nếu chúng sinh nào đối với Pháp vô thượng ấy phát khởi lòng tin, tâm hướng đến, thì ở trong hàng trời, người đạt được quả báo vô thượng.

Này các Tỳ-kheo! Đó là bậc Vô thượng thứ hai.

Lại nữa, các Tỳ-kheo! Tăng là bậc Vô thượng tức ở trong hoặc Tăng

chúng hoặc nơi đám đông, hoặc ở đoàn thể, hoặc trong đồ chúng, chư Tăng đệ tử của Đức Như Lai là bậc Vô thượng. Này các Tỳ-kheo! Nếu có chúng sinh đối với bậc Tăng vô thượng ấy phát khởi lòng tin, hướng tâm đến, thì ở trong cõi Trời, người đạt được quả báo vô thượng. Đó là bậc Vô thượng thứ ba.

Khi ấy, các Tỳ-kheo nghe Đức Phật thuyết giảng xong, đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 801

PHẬT THUYẾT VÔ THƯỜNG KINH

(KINH TAM KHẢI)

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng
Pháp sư Nghĩa Tịnh.

Cúi đầu quy y Đấng Vô Thượng
Thường khởi hoằng thệ, tâm đại bi
Cứu độ hữu tình thoát sinh tử
Khiến đến Niết-bàn, nơi an ổn.
Đại xả ngăn ác không mệt mỏi
Thiền định phương tiện, lực chánh tuệ
Tự lợi, lợi tha đều viên mãn
Nên hiệu Điều Ngự, Thiên Nhân Sư.
Cúi đầu quy y Pháp tạng diệu
Ba, bốn, hai, năm lý tròn sáng
Bảy, tám mở bày cửa bốn Đế
Tu tập cùng đến bờ vô vi.
Mây pháp, mưa pháp thấm quần sinh
Trừ được phiền não và các bệnh
Điều phục những kẻ khó hóa độ
Tùy cơ dẫn dắt không ép buộc.
Cúi đầu quy y chân Thánh chúng
Tám bậc Thượng nhân lìa cấu nhiễm
Chày trí Kim cang phá núi tà
Đoạn hết buộc trói từ vô thỉ.
Đầu từ Lộc uyển đến Song lâm
Theo Phật một đời hoằng chân giáo
Tùy nơi bản duyên hành hóa xong
Xả báo thân, trí chứng vô sinh.
Cúi đầu đảnh lễ Tam bảo tôn
Đó là Chánh nhân năng cứu độ
Sinh tử ngu mê bị chìm đắm

Đều khiến giải thoát đạt Bồ-đề.

Có sống đều phải chết
Hình sắc suy tàn dần
Bệnh hao mòn sức lực
Không ai tránh khỏi được.
Ví như núi Diệu cao
Kiếp tập cũng tan hoại
Biển sâu rộng không đáy
Đều phải bị khô cạn.
Đất, mặt trời, mặt trăng
Đến lúc, cũng tiêu diệt
Chưa từng có một pháp
Không bị vô thường phá.
Trên đến cõi Phi tưởng
Dưới đến Chuyển luân vương
Bảy báu luôn tùy thân
Ngàn con thường vây quanh.
Như thế thọ mạng hết
Chốc lát không tạm dừng
Trôi trong biển sinh tử
Tùy duyên thọ các khổ.
Luân hồi nơi ba cõi
Như bánh xe lấy nước
Cũng như tằm làm kén
Nhả tơ tự trói mình.
Chư Thế Tôn Vô Thượng
Chúng Thanh văn, Độc giác
Còn xả thân vô thường
Huống gì các phàm phu.
Cha mẹ và vợ con
Anh em cùng quyến thuộc
Thấy sống chết xa lìa
Sao lại không buồn rầu!
Vì thế khuyên các người
Lắng nghe pháp chân thật
Cùng bỏ nơi vô thường
Thực hành nẻo bất tử.

Pháp Phật như cam lồ
Trừ nóng, được mát mẻ
Một lòng hãy lắng nghe
Diệt được các phiền não.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Thất-la-phiệt. Khi ấy, Đức Phật bảo các Bí-sô:

–Có ba loại pháp, ở nơi các thế gian, thật không đáng ưa, thật không tươi sáng, thật không đáng nhớ, thật không vừa ý. Những gì là ba? Ấy là: già, bệnh, chết.

Này các Bí-sô! Già, bệnh, chết ấy ở trong các thế gian, thật không đáng ưa, thật không tươi sáng, thật không đáng nhớ, thật không vừa ý. Nếu già, bệnh, chết không có ở thế gian thì Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác không xuất hiện ở đời để giảng thuyết pháp đã chứng ngộ và phương thức điều phục cho các chúng sinh. Vì thế nên biết già, bệnh, chết ấy ở các thế gian là thật không đáng ưa, thật không tươi sáng, thật không đáng nhớ, thật không vừa ý. Do ba việc này, nên Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời vì các chúng sinh, giảng nói pháp đã chứng đắc và phương thức nhằm điều phục.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói lại bằng bài tụng:

Trang sức bên ngoài đều hủy hoại
Trong thân suy biến cũng như vậy
Chỉ có thắng pháp không diệt mất
Những người có trí nên xét kỹ.
Tất cả đều ghét già, bệnh, chết
Hình dáng xấu xí, rất đáng chán
Tuổi trẻ dung mạo trụ tạm thời
Không lâu đều phải bị khô gầy.
Giả như thọ mạng đủ trăm năm
Đều không khỏi vô thường bức bách
Già, bệnh, chết khổ luôn theo đuổi
Thường gây bất lợi cho chúng sinh.

Lúc Đức Thế Tôn thuyết giảng kinh này xong, các Bí-sô, tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la… đều rất vui vẻ, tín thọ phụng hành.

Thường mong các cảnh dục
Không làm các việc thiện

Làm sao giữ mạng sống
Không bị chết xâm hại?
Mạng, hơi thở muốn hết
Tay chân đều phân ly
Các khổ cùng chết đến
Hối hận nào ích gì!
Hai mắt đều trợn ngược
Dao chết, chém theo nghiệp
Ý tưởng rất hoảng hốt
Không ai cứu giúp được.
Thở khò khè gấp gáp
Hơi ngắn, họng khô khan
Sống chết tranh giành nhau
Thân thuộc cùng nắm giữ.
Các thức đều hôn mê
Đi vào trong thành hiểm
Thân quyến đều xa lìa
Bị nghiệp trói dắt đi.
Đưa đến vua Diêm-la
Tùy nghiệp mà thọ báo.
Nhân tốt sinh cõi thiện
Nghiệp xấu đọa địa ngục.
Trí tuệ hơn mắt sáng
Ngu si hơn bóng tối
Oan gia không bằng bệnh
Sợ hãi không bằng chết.
Có sống ắt có chết
Làm tội khổ hại thân
Nên sách tấn ba nghiệp
Thường tu các phước tuệ.
Quyến thuộc đều xa lìa
Của cải trao người khác
Chỉ giữ thiện căn mình
Lương thực qua đường hiểm.
Giống như cây bên đường
Tạm nghỉ chẳng dừng mãi
Xe ngựa và vợ con
Không lâu đều như vậy.

Giống như bầy chim ngủ
Đêm tụ, sáng bay đi
Chết biệt ly thân thích
Xa lìa cũng như thế.
Chỉ có Phật Bồ-đề
Nơi nương tựa chân thật
Y kinh, Ta lược nêu
Người trí hãy tư duy.

Trời, Rồng, A-tu-la, Dạ-xoa
Đến nghe giáo pháp hãy hết lòng
Hộ trì Phật pháp khiến trường tồn
Thường tinh tấn hành lời Phật dạy.
Những người đến nghe pháp Phật này
Ở nơi mặt đất hoặc hư không
Thường với thế gian khởi tâm Từ
Bản thân ngày đêm sống đúng pháp.
Nguyện các thế giới thường an ổn
Vô biên phước trí lợi quần sinh
Tất cả tội nghiệp đều tiêu trừ
Xa lìa các khổ, về Niết-bàn.
Thường dùng giới hương thoa khắp thân
Mặc áo thiền định che cơ thể
Trang sức bằng hoa đẹp Bồ-đề
Sống ở nơi nào cũng an lạc.

-oOo-

PHẬT THUYẾT VÔ THƯỜNG KINH

Các Bí-sô, Bí-sô-ni, hoặc Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nếu thấy có người sắp mạng chung, thân tâm đau khổ, nên phát khởi tâm Từ cứu giúp, tạo nhiều lợi ích. Dạy họ dùng nước hoa thơm tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục mới, ngồi ổn định, chánh niệm tư duy. Nếu người bệnh tự mình không thể ngồi thì người khác nâng đỡ ngồi. Lại không thể ngồi được thì bảo người bệnh nằm nghiêng bên phải, chắp tay, chí tâm quay mặt về phương Tây. Trước mặt người bệnh, chọn một khoảng không gian sạch sẽ, dùng phân bò trộn hương thơm, bùn trét nơi mặt đất, lớn nhỏ tùy ý, làm đàn vuông góc, dùng hoa rải trên đất, đốt các hương thơm, đốt đèn nơi bốn góc. Ở trong đàn ấy treo một

bức tượng Phật ngũ sắc, khiến người bệnh tâm niệm liên tục, quán sát tướng hảo của bức tượng rõ ràng, phân minh để phát tâm Bồ-đề. Lại vì người bệnh nói rộng về sự bất an trong ba cõi, khổ nạn trong ba đường, chẳng phải chỗ để sinh đến, chỉ có sự giác ngộ của Phật là chốn quy y chân chánh. Do quy y ắt sinh về cõi Phật trong mười phương, sống chung với Bồ-tát, thọ pháp lạc vi diệu.

Hỏi người bệnh:

–Người thích sinh về cõi Phật nào?

Người bệnh đáp:

–Ý của tôi thích sinh về cõi Phật.

Khi thuyết pháp, phải theo ý muốn của người bệnh mà bày tỏ, nói rõ nhân duyên của mười sáu pháp quán… về cõi Phật ấy. Ví như Đức Như Lai Vô Lượng Thọ ở cõi nước Tây phương, mỗi mỗi nên giảng nói đầy đủ, khiến người bệnh tâm vui thích sinh về cõi Phật.

Vì người bệnh thuyết pháp rồi, lại dạy quán sát rõ tùy theo cõi nước phương nào mà quán tướng hảo Phật ấy. Quán sát tướng hảo rồi lại dạy thỉnh Đức Phật và các Bồ-tát, thưa thế này:

–Cúi đầu lạy Đấng Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác và các Đại Bồ-tát. Nguyện xin thương xót cứu giúp tạo nhiều lợi ích cho con. Nay con phụng thỉnh vì diệt trừ các tội. Xin đem đệ tử đi theo Phật, Bồ-tát, sinh về cõi Phật.

(Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Đã dạy thỉnh xong, lại bảo người bệnh xưng danh hiệu Đức Phật ấy. Mười niệm được thành tựu, cho thọ ba quy y, phát đại sám hối. Sám hối xong rồi lại cho người bệnh thọ giới Bồ-tát. Nếu người bệnh mệt nhọc, không thể nói được thì người khác thay thế để thọ và sám hối… các tội đều tiêu diệt, đắc Bồ-tát giới, ngoại trừ không chí tâm.

Đã thọ giới xong, đỡ người bệnh quay đầu về phương Bắc mà nằm, mặt hướng phương Tây, mở mắt, nhắm mắt, tưởng rõ đến ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Phật, cho đến mười phương chư Phật cũng đều như vậy.

Lại vì người bệnh thuyết giảng về bốn Đế, Nhân quả, mười hai Nhân duyên, vô minh, lão, tử; quán khổ, không… Nếu họ sắp mạng chung, những người nuôi bệnh khác chỉ niệm Phật, mỗi tiếng liên tục không ngừng, nhưng niệm danh hiệu Phật tùy theo sở thích của người bệnh, đừng niệm danh hiệu Phật khác, sợ người bệnh sinh tâm nghi hoặc.

Người bệnh mạng sống dần dần muốn hết, liền thấy Phật và Bồ-tát đem hương hoa tốt đẹp đến đón hành giả. Khi hành giả trông thấy, liền sinh tâm hoan hỷ, thân không đau khổ, tâm không tán loạn, tâm sinh chánh kiến như nhập thiền định, tức liền mạng chung, chắc chắn không bị đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nương nhờ giáo pháp dạy trước, giống như khoảng thời gian tráng sĩ co duỗi cánh tay, liền sinh về cõi Phật.

Hoặc tại gia Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di... sau khi mạng chung nên lấy y phục mới, đẹp của người chết và những vật thường dùng, có thể phân làm ba phần, vì người chết ấy đem cúng dường Phật, Pháp, Tăng. Do đấy mà nghiệp chướng người chết chuyển hết, được phước báo lợi ích, công đức thù thắng. Không nên mặc y phục tốt đẹp … cho tử thi để mai táng. Vì sao? Vì không có lợi ích.

Người xuất gia Bí-sô, Bí-sô-ni và Sa-di… có những y vậy không phải y vật của họ, nên phân xử như Phật dạy trong các bộ Luật. Những điều khác giống như bạch y. Nếu đưa người chết đến chỗ chôn, nên để dưới gió, khiến nằm nghiêng bên phải, mặt hướng về ánh sáng mặt trời. Ở trên đầu gió nên đặt tòa cao, bố trí các vật đều trang nghiêm. Thỉnh một vị Bí-sô biết tụng kinh, lên pháp tòa vì người chết ấy đọc kinh Vô thường. Hiếu tử không nên bi lụy, không được khóc than và tất cả người khác đều phải chí tâm, vì người chết đốt hương, rải hoa cúng dường tòa cao, kinh điển vi diệu và rải trên Bí-sô. Sau đó an tọa, chắp tay cung kính, nhất tâm nghe kinh.

Bí-sô từ từ đọc một lượt, nếu người nghe kinh đều tự thấy thân mình vô thường, không lâu bị tiêu diệt, chánh niệm lìa thế gian, hội nhập Tam-ma-địa. Đọc kinh ấy xong, lại rải hoa, đốt hương cúng dường, lại thỉnh Bí-sô tùy theo đó chú nguyện vào nước không có trùng đủ hai mươi mốt biến, rảy trên thân người chết. Lại nữa, chú nguyện vào đất sạch, đủ hai mươi mốt biến, rải lên người chết, rồi sau mới tùy ý hoặc nhập tháp, hoặc thiêu đốt, hoặc để trong rừng sâu thẳm, hay là chôn dưới đất. Do sức lực của nhân duyên công đức này, khiến người chết ấy một lúc tiêu diệt được mười điều ác, bốn trọng tội, năm tội đại nghịch, hủy báng kinh Đại thừa, trừ diệt tất cả nghiệp chướng, báo chướng… trong trăm ngàn vạn ức vô số kiếp, sinh về Cực lạc, được công đức lớn, phát khởi trí tuệ, đoạn trừ mê hoặc, được sáu thần thông và ba minh trí, chứng đắc Sơ địa, đi khắp mười phương cúng dường chư Phật, nghe nhận chánh pháp, dần dần tu tập vô biên phước tuệ, đều chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, chuyển chánh pháp luân, độ vô số chúng sinh đến Niết-bàn, thành tựu Chánh giác tối thượng.

-oOo-

SỐ 802

PHẬT THUYẾT TÍN GIẢI TRÍ LỰC KINH

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Kỳ thọ Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ cùng với đông đủ chúng đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo! Các ông nên biết có pháp tín giải trí lực. Pháp này có khả năng chứng lý thật tướng tức là pháp vô sở úy của Như Lai, chỉ có Phật mới biết được.

Nếu có Tỳ-kheo hoặc Thanh văn nào nói đúng như vầy: "Con đối với pháp tín giải trí lực này, hiểu rõ như thật, tinh tấn không hư vọng, lìa các trần cấu".

Lại nói: Con có thể khéo thuyết giảng. Con khéo điều phục. Con sẽ thuyết pháp. Nay đã đúng lúc. Đây là pháp tối thắng làm cho người khác nương tựa, chân thật như thế nên phải tu học, nên phải siêng thực hành".

Lại nói: "Nên biết như vậy! Pháp này tối thượng tối tôn không có pháp nào sánh bằng. Nên thấy như vậy, nghe như vậy, hiểu như vậy, biết như vậy."

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông nên biết! Nếu có Thanh văn nói lời như vậy tức là hư vọng, chẳng thấy như vậy, chẳng nghe như vậy, chẳng hiểu như vậy, chẳng biết như vậy. Vì sao? Vì pháp này là chân lý của chư Phật, chỉ có Phật mới hiểu thấu, không đồng với pháp Thanh văn.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Pháp tín giải ấy là năm Lực, mười Lực của Như Lai.

Những gì là năm? Đó là Tín lực, Tấn lực, Niệm lực, Định lực và Tuệ lực. Pháp tín giải đầy đủ năm Lực này.

Lại nữa, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác có đầy đủ mười Lực vi diệu có thể hiểu rõ vô thượng xứ của Phật, ở trong đại chúng rống

tiếng rống sư tử, khéo chuyển pháp luân cho chúng sinh.

Thế nào gọi là mười Lực của Như Lai?

Nghĩa là đối với xứ hay chẳng phải xứ đều hiểu biết như thật.

Vậy đối với xứ hay chẳng phải xứ nếu như thật biết, đó là trí lực thứ nhất của Như Lai. Nhưng đối với trí lực này, nếu Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đầy đủ trí lực thì có thể biết được cõi vô thượng của Phật, ở trong đại chúng rống tiếng rống sư tử khéo vận chuyển bánh xe diệu pháp cho chúng sinh.

Lại nữa, trí lực của Như Lai đối với quả báo, nhân duyên, hành nghiệp các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai đều biết như thật. Như vậy, Như Lai đối với nhân duyên, quả báo, hành nghiệp các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai đều như thật biết rồi. Đây là trí lực thứ hai của Như Lai.

Vậy, trí lực này, nếu Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đầy đủ trí lực, có thể biết được cõi vô thượng của Phật, ở trong đại chúng rống tiếng rống sư tử khéo chuyển diệu pháp luân cho chúng sinh.

Lại nữa, Như Lai đối với thiền định, giải thoát Tam-muội cho đến nghiệp khổ phiền não đều được thanh tịnh, hiểu biết như thật. Như vậy, Như Lai đối với thiền định, giải thoát Tam-muội cho đến nghiệp khổ phiền não đều đã được thanh tịnh, đã hiểu biết rõ như thật rồi. Đây là trí lực thứ ba của Như Lai.

Vậy, đối với trí lực này, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh giác đầy đủ trí lực này có thể biết được chỗ vô thượng của Phật, ở trong đại chúng rống tiếng rống sư tử khéo chuyển diệu pháp luân cho chúng sinh.

Lại nữa, Như Lai đối với tất cả căn hành của chúng sinh đều biết đúng như thật. Do vậy, Như Lai đối với các loại căn hành của chúng sinh đều đã biết như thật. Đây là trí lực thứ tư của Như Lai.

Vậy, đối với trí lực này, nếu Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đầy đủ trí lực này thì mới có thể hiểu biết cõi vô thượng của Phật, ở trong đại chúng rống tiếng rống sư tử khéo chuyển diệu pháp luân cho chúng sinh.

Lại nữa, Như Lai đối với các sự tin hiểu của chúng sinh đều biết như thật. Như vậy, Như Lai đối với các loại hiểu biết của chúng sinh đều biết như thật rồi. Đây là trí lực thứ năm của Như Lai.

Vậy, đối với trí lực này, nếu Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đầy đủ trí lực này thì mới có thể biết rõ cõi vô thượng của Phật, ở trong đại chúng rống tiếng rống sư tử khéo chuyển diệu pháp luân cho

chúng sinh.

Lại nữa, Như Lai đối với các loại cảnh giới đã biết rõ như thật. Đây là trí lực thứ sáu của Như Lai.

Vậy, đối với trí lực này, nếu Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đầy đủ trí lực này thì mới có thể hiểu biết cõi vô thượng của Phật, ở trong đại chúng rống tiếng rống sư tử khéo chuyển diệu pháp luân cho chúng sinh.

Lại nữa, Như Lai đối với tánh dục lạc của chúng sinh đều biết như thật. Như vậy, Như Lai đối với tánh dục lạc của chúng sinh đã biết rõ như thật. Đây là trí lực thứ bảy của Như Lai.

Vậy, đối với trí lực này, nếu Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đầy đủ trí lực này thì mới có thể biết rõ cõi vô thượng của Phật, ở trong đại chúng rống tiếng rống sư tư khéo chuyển diệu pháp luân cho chúng sinh.

Lại nữa, Như Lai nhớ nghĩ vô biên pháp hành trong quá khứ nghĩa là một đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời và trăm ngàn đời cho đến vô lượng, vô biên kiếp tăng, kiếp giảm. Trong số đời, số kiếp như vậy chúng sinh có tên gọi, dòng họ, ăn, uống, khổ, vui, mạng sống dài, ngắn hoặc lại sống lâu dài, chết đây sinh kia, chết kia sinh đây. Như vậy, thể tướng nghiệp dụng, vô lượng vô biên các việc quá khứ Như Lai đều nhớ nghĩ. Như vậy Như Lai đối với vô biên hành pháp trong quá khứ ấy nghĩa là một đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời và trăm ngàn đời cho đến vô lượng, vô biên kiếp tăng, kiếp giảm, số đời, số kiếp như vậy, chúng sinh có tên gọi, dòng họ, ăn, uống, khổ, vui, mạng sống dài, ngắn hoặc lại sống lâu, chết đây sinh kia, chết kia sinh đây. Như vậy, thể tướng nghiệp dụng, vô lượng vô biên các việc quá khứ đều biết rõ như thật. Đây là trí lực thứ tám của Như Lai.

Vậy, đối với trí lực này, do Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đầy đủ trí lực này nên mới có thể biết rõ cõi vô thượng của Phật, ở trong đại chúng rống tiếng rống sư tử khéo chuyển diệu pháp luân cho chúng sinh.

Lại nữa, Như Lai dùng Thiên nhãn thanh tịnh vượt xa Nhục nhãn xem thế gian thấy tất cả chúng sinh, sinh, diệt, xấu, đẹp, giàu, nghèo, sang, hèn, các nghiệp đã tạo, ở cõi ác, cõi thiện cho đến chúng sinh tạo đủ nghiệp bất thiện từ thân, miệng, ý, hủy báng Thánh hiền, tà kiến, tạo nghiệp bất thiện, hành pháp bất thiện đều từ tà nhân sinh khởi. Do nhân duyên tà này nên sau khi qua đời, đọa vào cõi ác, chịu khổ ở địa ngục.

Lại nữa, chúng sinh nhờ thân, miệng, ý hành mười nghiệp thiện,

không chê Hiền thánh, phát khởi chánh kiến, tạo các nghiệp thiện, hành các pháp thiện đều từ chánh nhân sinh khởi. Do nhân duyên chánh kiến này nên sau khi qua đời, sinh lên cõi trời, được làm Thiên tử. Các pháp như vậy, Như Lai đều biết rõ như thật. Cũng vậy, Như Lai dùng Thiên nhãn thanh tịnh vượt xa Nhục nhãn xem khắp thế gian thấy tất cả chúng sinh, sinh, diệt, đẹp, xấu, giàu, nghèo, sang, hèn, tạo tác các nghiệp, ở cõi lành, cõi ác, cho đến chúng sinh tạo các nghiệp bất thiện từ thân, miệng, ý, hủy báng Hiền thánh, phát khởi tà kiến, tạo nghiệp bất thiện, hành pháp bất thiện đều từ tà nhân sinh khởi. Do nhân duyên tà kiến này nên sau khi qua đời, đọa vào cõi ác, thọ khổ địa ngục.

Lại nữa, có chúng sinh nhờ thân, miệng, ý hành mười nghiệp thiện, không chê Hiền thánh, phát khởi chánh kiến, tạo các nghiệp thiện, hành các pháp thiện. Do nhân duyên chánh kiến này nên sau khi qua đời, sinh lên cõi trời, được làm Thiên tử.

Các việc như vậy, Như Lai đều biết rõ như thật. Đây là trí lực thứ chín của Như Lai.

Vậy, đối với trí lực này, các Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đầy đủ trí lực này nên có thể biết rõ cõi vô thượng của Phật, ở trong đại chúng rống tiếng rống sư tử, khéo chuyển diệu pháp luân cho chúng sinh.

Lại nữa, Như Lai đoạn tận các pháp lậu, được vô lậu giải thoát, trí tuệ giải thoát, tự dùng thần thông, rõ biết các pháp, sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau nữa. Các việc như vậy, Như Lai đều biết rõ như thật. Cũng vậy, Như Lai đoạn tận các lậu hoặc, được vô lậu giải thoát, trí tuệ giải thoát, tự dùng thần thông, rõ biết các pháp, sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau nữa. Các việc như vậy Như Lai biết rõ như thật rồi. Đây là trí lực thứ mười của Như Lai.

Vậy, đối với trí lực này, do các Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đầy đủ trí lực này nên có thể biết rõ cõi vô thượng của Phật, ở trong đại chúng rống tiếng rống sư tử khéo chuyển diệu pháp luân cho chúng sinh.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Đối với thần lực thị hiện ở xứ và chẳng phải xứ của Như Lai kia, nếu có người hỏi: "Tại sao ở trong xứ, chẳng phải xứ Như Lai có trí lực để thấy, nghe, hiểu, biết, cho đến thành Đẳng chánh giác? Các ông nên trả lời đúng như thật.

Lại nữa, có trí lực tự nghiệp của chúng sinh. Tại sao Như Lai dùng trí lực nghiệp để thấy, nghe, hiểu, biết cho đến thành Đẳng chánh giác? Nếu có người hỏi thì phải trả lời đúng như vậy.

Lại nữa, có thiền định giải thoát Tam-muội. Tại sao Như Lai dùng trí lực thiền định để thấy, nghe, hiểu, biết cho đến thành Đẳng Chánh giác? Nếu có người hỏi thì nên trả lời đúng như vậy.

Lại nữa, có trí lực các loại căn tánh của chúng sinh. Tại sao Như Lai dùng trí lực căn tánh để thấy, nghe, hiểu, biết cho đến thành Đẳng chánh giác? Nếu có người hỏi thì nên như thật đáp.

Lại nữa, có trí lực các loại tin hiểu của chúng sinh. Tại sao Như Lai dùng trí lực tín giải để thấy, nghe, hiểu, biết cho đến thành Đẳng chánh giác? Nếu có người hỏi thì nên trả lời đúng như thật.

Lại nữa, có trí lực các cảnh giới của chúng sinh. Tại sao Như Lai dùng trí lực giới để thấy, nghe, hiểu, biết cho đến thành Đẳng Chánh giác? Nếu có người hỏi thì nên trả lời đúng như sự thật.

Lại nữa, có trí lực dục lạc của chúng sinh. Tại sao Như Lai dùng trí lực dục lạc để thấy, nghe, hiểu, biết cho đến thành Đẳng Chánh giác? Nếu có người hỏi thì nên trả lời đúng như sự thật.

Lại nữa, có trí lực nhớ nghĩ về quá khứ. Tại sao Như Lai dùng trí lực nhớ nghĩ để thấy, nghe, hiểu, biết cho đến thành Đẳng chánh giác? Nếu có người hỏi thì nên trả lời đúng như thật.

Lại nữa, có các pháp sinh diệt của chúng sinh. Tại sao Như Lai dùng trí lực Thiên nhãn để thấy, nghe, hiểu, biết cho đến thành Đẳng chánh giác? Nếu có người hỏi thì nên trả lời đúng như thật.

Lại nữa, có trí lực diệt hết lậu hoặc. Tại sao Như Lai dùng trí lực lậu tận để thấy, nghe, hiểu, biết cho đến thành Đẳng chánh giác? Nếu có người hỏi thì nên trả lời đúng như thật.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Trí lực ở xứ chẳng phải xứ này, ta chỉ giảng nói cho người khéo tu thiền định mà không giảng nói cho người không khéo tu thiền định.

Trí lực nghiệp này, ta chỉ giảng nói cho người khéo tu thiền định mà không giảng nói cho người chẳng khéo tu thiền định.

Trí lực thiền định giải thoát Tam-muội, ta chỉ giảng nói cho người khéo tu thiền định mà không giảng nói cho người chẳng khéo tu thiền định.

Trí lực các căn của chúng sinh, ta chỉ giảng nói cho người khéo tu thiền định mà không giảng nói cho người chẳng khéo tu thiền định.

Trí lực các loại tín giải của chúng sinh, ta chỉ giảng nói cho người khéo tu thiền định mà không giảng nói cho người chẳng khéo tu thiền định.

Trí lực cảnh giới của tất cả chúng sinh, ta chỉ giảng nói cho người khéo tu thiền định mà không giảng nói cho người chẳng khéo tu thiền định.

Trí lực dục lạc của chúng sinh, ta chỉ giảng nói cho người khéo tu thiền định mà không giảng nói cho người chẳng khéo tu thiền định.

Trí lực túc mạng này, ta chỉ giảng nói cho người khéo tu thiền định mà không giảng nói cho người chẳng khéo tu thiền định.

Trí lực Thiên nhãn này, ta chỉ giảng nói cho người khéo tu thiền định mà không giảng nói cho người chẳng khéo tu thiền định.

Trí lực lậu tận này, ta chỉ giảng nói cho người khéo tu thiền định mà không giảng nói cho người chẳng khéo tu thiền định.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Người khéo tu thiền định là chánh đạo. Người chẳng khéo tu thiền định là tà đạo. Vì vậy, các người phải nên biết rõ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 803

PHẬT THUYẾT THANH TỊNH TÂM KINH

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.

Một thời, Đức Phật cùng đại chúng Tỳ-kheo trú tại vườn Kỳ thọ Cấp cô độc ở nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông hãy lắng nghe! Thanh văn nào tu tập chánh hạnh mong được tâm thanh tịnh thì phải đoạn trừ năm pháp chướng ngại, tu tập bảy pháp mới đạt được viên mãn.

Năm pháp ấy là gì? Đó là sân hận, tham dục, thùy miên, trạo cử và nghi hoặc.

Các ông phải tinh tấn đoạn trừ năm chướng ngại này mới được tâm thanh tịnh.

Lại nữa, sao gọi là bảy pháp? Đó là: Trạch pháp, niệm, tinh tấn, hỷ, khinh an định và xả.

Các ông phải siêng năng tu tập bảy pháp này thì tâm mới được thanh tịnh.

Này các Tỳ-kheo! Tâm thanh tịnh là tâm hiểu biết hay tâm giải thoát tăng trưởng, tuệ giải thoát tăng trưởng. Do tham làm nhiễm ô, khiến cho tâm trở nên bất tịnh. Do vô minh ràng buộc, khiến cho trí tuệ trở nên bất tịnh.

Tỳ-kheo nào đoạn trừ tham thì đạt được tâm giải thoát; đoạn trừ vô minh thì đạt được trí tuệ giải thoát.

Tỳ-kheo lìa tham nhiễm ô đạt được tâm giải thoát. Đây gọi là thân tác chứng: Đoạn trừ vô minh đạt được trí tuệ giải thoát đây gọi là vô học. Xa lìa tham ái, biết rõ chánh trí chân thật, hiện tại chứng được đạo quả, đoạn tận vô số khổ.

Này các Tỳ-kheo! Ta đã giảng nói như thế, các ông nên nhẫn nại tu tập.

-oOo-

SỐ 804

PHẬT THUYẾT GIẢI ƯU KINH

Hán dịch: Đời Tống,
Đại sư Pháp Thiên.

Cúi đầu quy y Chánh Đẳng Giác
Hay độ vô biên biển khổ não
Thường rưới cam lồ cho chúng sinh
Đạt đến Niết-bàn, con đảnh lễ
Cúi đầu quy y tạng chánh pháp
Ngăn ngừa vô biên nhân khổ não
Chỉ dạy lỗi lầm, giúp chúng sinh
Đạt đến tịch tĩnh, con đảnh lễ
Cúi đầu quy y Tỳ-kheo Tăng
Hay làm ruộng phước cho thế gian
Phát nguyện siêng tu nhân an lạc
Khéo đoạn luân hồi, con đảnh lễ
Thương mà xa là khổ
Lửa sầu, sân thiêu đốt
Nếu muốn tự an tâm
Ngồi thiền để quán tưởng
Như bầy chim, bầy thú
Tạm gặp rồi ra đi
Người sống, chết cũng vậy
Tại sao ôm sầu khổ?
Chỉ có một mình chết
Mọi người đều sống lâu
Cách biệt rất đau đớn
Thân nhân đều khóc than
Ba cõi luân hồi lớn
Không có miễn cho ai
Bình đẳng chịu vô thường
Tại sao ôm sầu khổ?

Nếu người sinh tham ái
Sao biết lửa tham đốt
Như trâu mao mến đuôi
Nên bị người giết chết.
Người đời nhiều mê say
Muốn vào đường hiểm ác
Dùng đủ mọi phương cách
Không thể lìa thoát khổ.
Như hươu, nai ở rừng
Thường bị sư tử rượt
Cuối cùng không trốn thoát
Tại sao ôm sầu khổ?
Mặt đất và trên trời
Ba cõi cùng bốn loài
Chưa từng được nghe thấy
Ai không chịu vô thường
Cũng như lửa rừng núi
Lúc thiêu cháy cỏ cây
Không lựa rừng hoa quả
Đều thiêu đốt cháy rụi.
Các chúng sinh ngu si
Điên đảo sinh vọng tưởng
Bị vô thường trói buộc
Không ai được giải thoát
Cõi sắc, cõi Phạm thế
An vui trong thiền vị
Cũng như cây ven sông
Gió, nước dễ làm hoại
Trăm ức, Chuyển luân vương.
Ngàn vạn trời Đế Thích
Niệm niệm đều vô thường
Như gió thổi tắt đèn
Quá khứ đại thần tiên
Năm thần thông tự tại.
Chim bay giữa hư không
Còn bị vô thường bắt
Thân Kim cang kiên cố
Còn thị hiện tịch diệt.

Người phàm như cây chuối
Tại sao mong sống lâu?
Mặt đất núi Diệu cao
Và cả bốn biển lớn
Kiếp hoại trở về không
Huống chi cõi chúng sinh
Rồng ở trong biển sâu
Quyến thuộc thường vây quanh
Bị chim cánh vàng ăn
Cách biệt cũng khổ vậy
Hoặc người qua cõi khác
Muốn tránh khỏi vô thường
Như vào miệng Ma-kiệt
Ở đó cầu an ổn.
Cõi Dục và cõi Sắc
Cùng cõi Phi phi tưởng
Chưa có một vật nào
Không bị vô thường nuốt
Chỉ có Chánh Đẳng Giác
Nơi chân thật nương tựa
Người lắng nghe tin thọ
Có thể thoát sầu não.

-oOo-

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Kỳ thọ Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Chúng sinh vô số, luân hồi vô biên, như kiến đi vòng quanh, không bao giờ kết thúc. Chúng sinh bị tham ái, vô minh che lấp giống như núi bị chìm đắm trong bùn không thể thoát ra được. Hữu tình quá khứ luân hồi qua lại vô số kiếp không thể biết được.

Này các Tỳ-kheo! Tất cả đất trên mặt đất đều nhóm lại một chỗ, ngồi lại thành viên tròn nhỏ như hạt đậu. Nếu tính chúng sinh từ vô thỉ đến nay đã sinh làm cha, mẹ, con, cháu, cứ mỗi một người thả xuống một viên đất, như vậy thì số viên đất đã hết mà số cha, mẹ, con, cháu vẫn còn.

Này các Tỳ-kheo! Như vậy chúng sinh luân hồi vô lượng vô biên bị tham ái vô minh làm điên đảo, chìm đắm trong bùn ái dục, luân hồi sinh tử không có kỳ hạn. Do đó, ta chỉ dạy cho các ông tự biết cách đoạn trừ luân

hồi.

Như vậy, chúng sinh luân hồi, đem xương chất lại như núi Diệu-cao, không hoại, không rã. Bậc Thanh văn vô học chứng bốn Thánh đế, hiểu biết khổ này chân thật là khổ. Khổ diệt thì chứng khổ Thánh đế. Các chúng sinh kia thấy đống xương khô không biết là khổ, cũng không thể diệt trừ phiền não trong ba cõi. Nếu diệt phiền não trong ba cõi thì chứng Tu-đà-hoàn chân thật pháp, chắc chắn được đạo quả Bồ đề. Do bảy lần sinh trong cõi trời, người, đoạn diệt luân hồi, trừ sạch phiền não. Bảy lần sinh đã hoàn tất, Thánh đế hiện bày, chánh kiến, trí tuệ, tận diệt các lậu hoặc còn sót lại, đạt đến Niết-bàn tịch tĩnh, chúng sinh kia mới được thoát khổ luân hồi.

Đức Phật nói:

–Này các Tỳ-kheo! Quyến thuộc loài người yêu thương lẫn nhau, do vì tham ái nên tạo nhiều nghiệp và rồi bị luân hồi sinh tử trói buộc. Giống như voi rừng sa vào hố bùn lầy, không thể thoát ra được.

Lại nữa, quyến thuộc kia nhiều như cát sông Hằng. Cha mẹ nuôi dưỡng đều như con ruột cho đến đời sau tùy theo quả báo mà không đồng nhau, hoặc làm đày tớ, hoặc làm oan gia, sân hận, đánh đập, nhục mạ lẫn nhau, hoặc cùng ăn uống với người hàng xóm, hoặc bị giết hại.

Các việc như vậy làm luân hồi các cõi như bảy chúng Tiên tụ họp hoặc tan rã, cũng như trời mưa tạo thành bọt nước lúc còn, lúc mất. Như vậy, chúng sinh do quá ngu si, mê hoặc điên đảo không biết luân hồi, đối với quyến thuộc, vọng sinh, tưởng lạc, tạo vô số nghiệp, chưa có khoảnh khắc nào được thanh tịnh.

Lại nữa, hữu tình kia đã luân hồi từ vô thỉ, vào trong địa ngục uống nước đồng sôi nhiều hơn nước biển cả. Chẳng khác nào loài heo, chó ăn vật bất tịnh chất đống như núi Diệu cao.

Lại nữa, hữu tình kia, sống chết chia lìa, nước mắt luyến ái, cũng nhiều như nước biển.

Lại nữa, hữu tình kia, giết hại lẫn nhau, đem đầu chất lại cao hơn cõi Phạm thiên, máu mủ trùng ăn cũng nhiều như nước biển.

Ở loài ngạ quỷ do đời trước, keo kiệt tham lam nên chịu khổ đói khát. Nếu có được thức ăn, uống liền biến thành than lửa. Hết quả báo ở ngạ quỷ được sinh trong loài người thì nghèo cùng khốn khổ, chịu nhiều khổ não, nói không hết được.

Lại nữa, hữu tình kia do tu phước nghiệp được sinh ở cõi trời Đao-lợi... ở các cảnh giới thù thắng, thường được vui sướng, do tham ái hừng hẫy như lửa thiêu cỏ khô nên khi tuổi thọ đã hết liền đọa vào cõi ác. Giống

như loài chim bị bẻ gãy đôi cánh, trong khoảng khắc liền rơi xuống đất chịu nhiều đau khổ. Vì vậy, các ông phải tu tập đoạn diệt luân hồi, chóng cầu giải thoát.

Đức Phật nói:

–Này các Tỳ-kheo! Ví như sông, ngòi, mặt đất, mặt trăng, mặt trời, các vì sao, núi Tu-di và các xóm làng và thế giới chưa hoại mà được tồn tại lâu dài, thường còn ở thế gian. Nay kinh điển này cũng như vậy. Thế giới chưa hoại, pháp cũng tồn tại lâu dài.

Ý các ông nghĩ sao? Các ông có thể khiến cho tất cả chúng sinh chấm dứt sự luân hồi!

Các Tỳ-kheo nghe rồi, tín thọ phụng hành.

-oOo-